

SƠN VƯƠNG

NHÀ VĂN,
NGƯỜI TÙ THỂ KỈ



*Máu hòa
nước mắt*

NGUYỄN Q. THẮNG

sưu tầm, nghiên cứu

N H À X U Á T B Á N V ã N H Ọ C

SƠN VƯƠNG - NHÀ VĂN, NGƯỜI TÙ THẾ KỈ...

SƠN VƯƠNG NHÀ VĂN - NGƯỜI TÙ THỂ KỈ

Nguyễn Q, Thắng

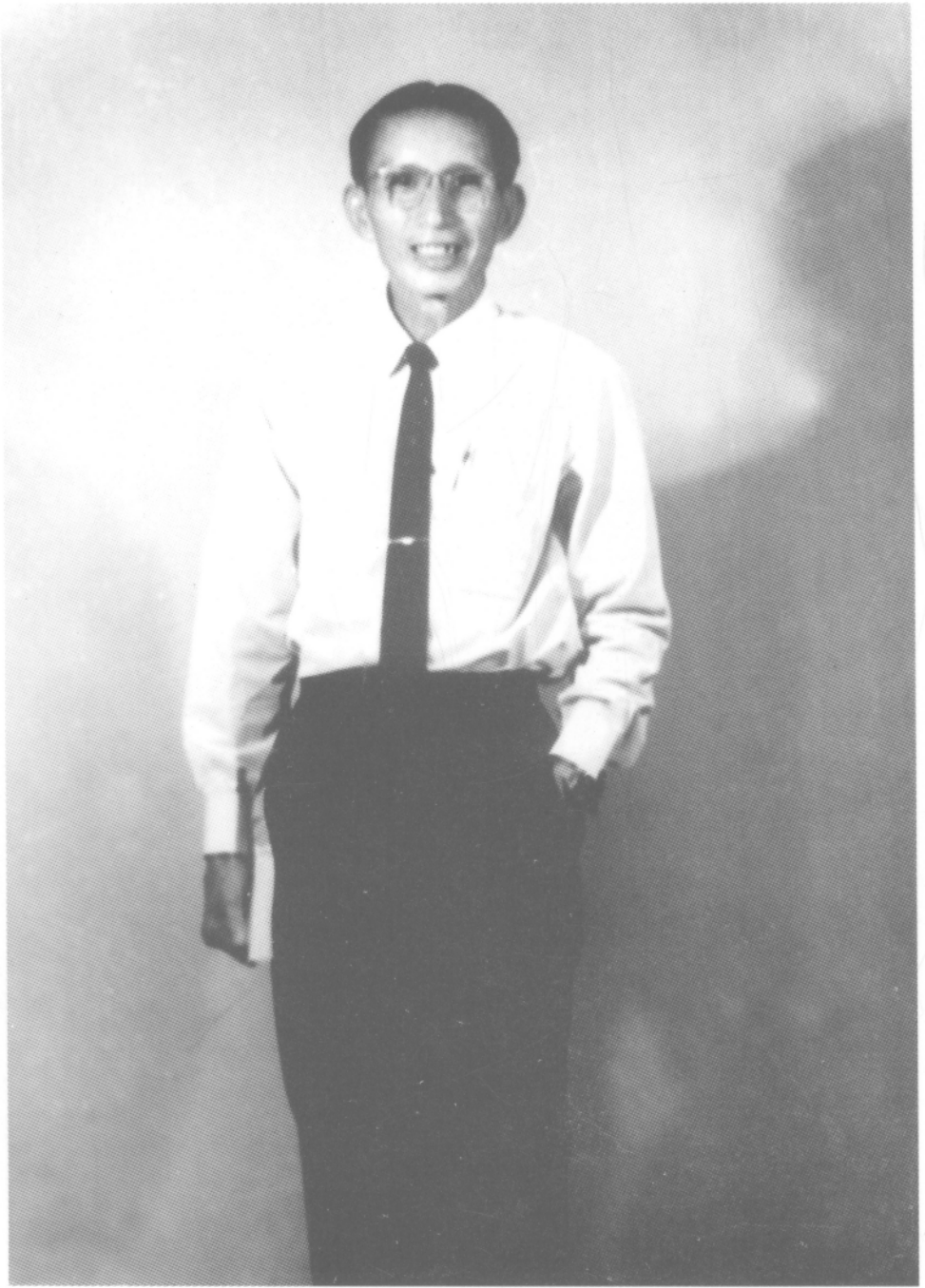
(Cám trích dịch và in trùng)

Nguyễn Q. Thắng
(Sưu tầm, nghiên cứu)

SƠN VƯƠNG

NHÀ VĂN - NGƯỜI TÙ THẾ KỈ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



Chân dung Sơn Vương Trương Văn Thoại



– Ông Cả (Trương Văn Kinh)

ông Năm (Son Vương)

Ông Năm và bà Hoa với các cô nhi tại Trại Trồng
(ảnh chụp năm 1971)



Sơn Vương với bà Phạm Thị Hoa
tại làng cô nhi Long Thành, Đồng Nai

Sơn Vương hình chụp năm 1971



Ông Năm và bà Hoa với các cô nhi tại Long Thành
(hình chụp năm 1971)

(Sơn Vương năm 1971)



Anh em Sơn Vương vào buổi văn niên
(Từ trái sang phải: Trương Văn Bền (Ô. Tám) Sơn Vương (ông Năm),
Trương Văn Kính (ông Cả), bà Trương Thị Mười (bà Út)

LỜI THƯA TRƯỚC

*Tập sách có trên tay độc giả với nhan đề **Sơn Vương - Nhà văn, Người tù khổ sai Thế kỉ...** là một thiên thảo luận ngắn về nhà văn vốn là tướng cướp Sơn Vương hồi đầu thế kỉ XX ở đất Nam Kỳ xưa. Nhà văn này hiện diện giữa làng văn Việt Nam như một ánh sao băng vượt qua màn đêm rồi biến mất gần 40 năm (1930-1968) đối với sinh hoạt văn học nước nhà.*

Với tập sách này, chúng tôi có tham vọng tìm hiểu, giới thiệu cuộc đời của một nhà văn mà cũng là một tướng cướp, một người tù khổ sai, một nhà điều hành việc nước với chức danh Chủ tịch ủy ban hành chánh Côn Sơn (tên chính thức là Giám đốc An Ninh quần đảo) sau cách mạng tháng 8 năm 1945. Một con người với nhiều danh xưng độc đáo, từ: «Cậu thực tình đồng bào», «người đi vận động cứu trợ», «tướng cướp», «du đảng», «hiệp khách đề lao», «Giám đốc An Ninh quần đảo», «tù chung thân khổ sai»... quả thật đa dạng. Ông sinh ra và lớn lên tại miền đất có bề dày truyền thống ở Gò Công, rồi có mặt tại Hòn ngọc Viễn Đông (Sài Gòn) để làm văn và làm công tác xã hội, đi ăn cướp vang vọng một thời.

Những việc làm chân tay (đi hát) cùng các công trình não tủy (văn chương) của ông hiện hữu tại đất Sài Gòn tứ chiếng

giang hồ đã là những hiện tượng táo bạo, độc đáo, có một không hai. Ông chính là người từng cầm bút hơn cầm dao... găm, súng... giả đi cướp của của bọn nhà giàu bạc ác để rồi lãnh các bản án: «cướp của», «du đảng». Với các tội danh ấy, ông bị đày ra chốn biên tái và hải đảo xa xôi. Tại các nhà tù cấm cố, nơi “địa ngục trần gian”, chốn thiên nhai hải giác ông lại làm một nhà báo, một nhà điều hành việc nước lo việc an sinh xã hội và cũng trở thành kẻ sát nhân phải mang hai án chung thân vì can tội giết người, cả oan lẫn ưng. Tuy vậy, bên những việc làm thiết thực mà phi nhân^(*) ấy, ông vẫn là một người cầm bút, một kĩ sư tâm hồn, một nhà xã hội, một người điều hành chính quyền có nhiều cơ mưu, sáng kiến ở... Côn Đảo. Chưa nói về đạo đức trong việc hành xử đạo làm người, nhưng cái đạo nhân về cách hành xử công quyền, ông - Sơn Vương - có thể là một mẫu người trong nhiều nhà cầm quyền trị nước quyền biến, lắm cơ mưu. Nếu không sợ quá lời chúng tôi có thể xem ông là một nhà yêu nước, một hiệp khách đề lao, một tướng cướp, một du đảng, một cậu thúc tình đồng bào, một giang hồ hảo hớn hơn như nhiều người đã nói mà nổi trội nhất nơi con người Sơn Vương là một nhà văn có trách nhiệm với môi trường, xã hội nhà văn đang hiện hữu.

Qua các tác phẩm của mình, nhà văn đã thể hiện được nhân sinh cũng như thế giới quan... của nhà văn đối với cộng đồng xã hội.

Những tác phẩm (30 cuốn) của ông ngày nay có thể bị bỏ qua hoặc rơi vào quên lãng trong tâm thức độc giả hôm nay. Nhưng với hôm qua thì số tác phẩm của ông đến với độc giả hồi ấy có thể

(*) Chúng tôi gọi ông “phi nhân” vì cách ông trị tội Cò Út: ông đánh Út đến độ mà xác nạn nhân thành “một đồng thịt vụn hốt thành một bao bố” và bộ quần áo bà ba trắng mới, thành một màu đỏ, da thịt Út dính đầy mặt ông! Kể cũng khủng khiếp và “phi nhân” thật!

là những thao thức, dằn vặt, hoặc bức tranh xã hội với những đường nét phong phú, độc đáo (tuy đây màu đen)... khi xã hội đang dần chìm trong các ảo giác của một không khí ảo tưởng! Đó là cái nhìn tinh táo, đầy trách nhiệm của nhà văn kiêm tướng cướp Sơn Vương, đối với con người và xã hội hôm qua.

Đã từ lâu, chúng tôi có ước vọng giới thiệu khuôn mặt Sơn Vương đến với độc giả xa gần, nhưng việc sưu tầm tài liệu về nhà văn này quả có nhiều khó khăn mà cái nan giải nhất là đa số tác phẩm của ông đã mai một; vì tác giả của nó đã phải trải qua 35 năm lao tù nơi “địa ngục trần gian” Côn Đảo. Và lại thời gian cầm bút của ông không dài - chưa đầy 3 năm: 1929, 1930, 1931 - cho nên ông chưa có tiếng vang lớn, dư luận tốt xấu cũng chưa ổn. Do vậy, công việc biên soạn này quả thật khó khăn và không ít thiếu sót, tuy được bấy nhiêu cũng là niềm an ủi cho chúng tôi. Thế cho nên, có thể xem đây như một Tuyển tập về văn sĩ Sơn Vương đối với văn học sử Việt Nam.

Lẽ ra, đề tài này chúng tôi phải viết đến mấy trăm trang về cuộc đời và tác phẩm Sơn Vương mới có thể giới thiệu đầy đủ chân diện mục họ Trương. Tuy nhiên do sức khỏe chúng tôi không cho phép (tác giả bị bệnh nặng mới hồi phục) nên đây chỉ những đường nét đơn sơ về một nhà văn, một tướng cướp, một người tù khổ sai thế kỉ (XX)... của văn học sử và vong quốc sử Việt Nam hiện đại.

Nhân sách này ra đời, chúng tôi xin ngỏ lời cảm ơn trân trọng đến các bậc đàn anh trong văn giới, ông Lê Ngô Châu (1922-2006), cựu chủ nhiệm, chủ bút tạp chí Bách Khoa Sài Gòn, vợ chồng ông bà Nguyễn Sơn, Nguyễn Thị Minh: nghĩa tế, quý nữ nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, bạn Huỳnh Văn Khánh - Ba Khoa - cựu tù Côn Đảo đã cung cấp cho chúng tôi một ít tư liệu trong việc biên soạn tập sách này. Nhất là ông Trương Văn Thanh - cháu gọi Sơn Vương bằng ông nội chú - cho phép chúng tôi công

Sơn Vương

*bố các tác phẩm cuối đời của nhà văn, người tù thế kỉ Sơn Vương.
Xin quý vị nhận nơi đây lòng biết ơn thành thật của biên giả.*

*Ngoài ra, các khiếm khuyết trong sách nếu có là trách nhiệm
thuộc về chúng tôi.*

*Chúng tôi mong độc giả xa gần sau khi đọc cuốn này, nếu
thấy có sai sót xin quý vị vui lòng chỉ giáo cho.*

*Trân trọng
Gia Định, Quý đông Bình Tuất (2006)
NQT*

SƠN VƯƠNG - NHÀ VĂN, NGƯỜI TÙ THẾ KỈ, NHÀ ĐIỀU HÀNH VIỆC NƯỚC Ở AN NINH QUẦN ĐẢO (CÔN ĐẢO)

I. CON NGƯỜI.

1. Cuộc đời:

Sơn Vương Trương Văn Thoại là nhà văn mà cũng là một tướng cướp, nhà lãnh đạo của «*An Ninh quần đảo*» (Quần đảo Nguyễn An Ninh (1900 – 1943)⁽¹⁾ từ các năm 1945-1946.

Ông là một nhà văn sáng tác truyện trong ý hướng hiện thực xã hội. Nhà văn muốn dùng ngòi bút để lên án cái xã hội mà dân ta phải gò lưng chịu đựng dưới chính sách khắc nghiệt của những kẻ đem chiêu bài “*Cần lao, Bác ái...*” làm một thứ huyền thoại để cai trị dân ta. Thế nhưng hoài vọng đó của nhà văn không cải tạo được xã hội hắc ám đó. Cuối cùng nhà văn phải làm một “tướng cướp” trong thế “chẳng đặng đừng” của một tất yếu xã hội; do đó, nhà văn phải vào sống nơi “trường học thiên nhiên” để chiêm nghiệm lẽ đời và lẽ sống! Thế cho nên, khi còn ở Côn Đảo⁽¹⁾, ông có ghi ước nguyện của mình là ở lại đảo để viết được quyển tự truyện về đời tư như lời tự bạch của ông: “*Quyển sách này phải chăng, là kết tinh của một đời tù trường kì gian khổ? Ngày ra đi, trước nhà tôi có những đám đất chưa trồng, ngày tôi trở về làng cũ thì trên các mảnh đất trống xưa kia đã có nhiều cội*

(1) Đồng bào Nam Kỳ trước năm 1945 gọi Côn Lôn, Côn Đảo là *Côn Nôn*, sau năm 1955 gọi là *Côn Sơn*, nay trong toàn quốc đều gọi là *Côn Đảo*. Trong tác phẩm của mình, Sơn Vương viết: *Quần đảo Côn Sơn...*

cây cần cỗi: Quả là những chuỗi ngày dài lê thê gần như vô tận khiến nên mỗi lúc tôi:

*Trông về cố quận phương trời thăm,
mà Cười lệ khôn ngăn; khóc nghẹn lời”⁽¹⁾.*

Về đời tư (lúc ở đảo) có rất nhiều sự việc thực tế, giai thoại li kì về ông. Và chính các sự thật, giai thoại ấy nói lên cái ngang tàng, khẩu khí, bất cần đời, “mục hạ vô nhân” mà lại hay “lạt lòng” của ông như lúc ông nói về mình cũng như với nhiều người cùng cảnh ngộ ở *An Ninh quần đảo*, nơi ông điều hành việc nước tại hải đảo đầy máu và nước mắt này.

Từ bản chất con người cá nhân mình, nên từ khi được chính quyền Nam Bộ (Ủy ban Hành chánh Nam Bộ) cho phép, ông cùng với các cộng sự, chính thức đổi tên Quần đảo Côn Lôn thành *Quần đảo An Ninh* (nơi nhà yêu nước Nguyễn An Ninh (1900-1943), hi sinh năm 1943) như lời tự bạch của ông trong hồi kí *«Máu hòa nước mắt»*.

Trong hồi kí này, Sơn Vương đã rất thành thật, trung thực đến mức tối đa, trình bày lại các sự việc từ khi phái đoàn đại diện Ủy ban Nhân dân Nam Bộ ra đảo lần thứ nhất và lần thứ hai giải quyết các việc lớn ở Côn Đảo. Nhất là việc phái đoàn (do ông Văn Cừ làm trưởng đoàn) tổ chức bầu cử người đứng đầu điều hành chính quyền Côn Đảo. Tác giả viết: *«Nhưng định mệnh khắt khe một khi đã giáng vào tôi mối nợ Côn Nôn, tôi còn chạy trời đâu khỏi nắng? Vì vậy mà cuộc bầu cử hôm sau, bao nhiêu người để tên ứng cử trước tôi đều bị dân chúng Côn Nôn cho rút lọt đợt hết. Tất cả đều dồn vào tôi bằng một số thăm đa số tuyệt đối, để rồi bao gánh nặng ở Côn Nôn giữa thời kì li loạn đều đổ trút lên đầu lên cổ tôi một cách trắng trợn, mà người ta cứ nghĩ đó là điều vinh hạnh cho tôi.*

(1) Sơn Vương, *Máu hòa nước mắt*, bản thảo.

“Tôi phải gánh mối nợ Côn Nôn bằng cách ấy, thử hỏi tôi là người ĐƯỢC đắc cử, hay BỊ đắc cử?” (...) vì không thể từ chối được với phái đoàn Việt Minh, và cũng vì không có quyền trốn tránh nhiệm vụ công dân trong lúc nước nhà hữu sự, buộc lòng tôi phải đảm nhiệm mối nợ Côn Đảo tạm một thời gian, để rồi tìm cách thoắt thoát chứ không phải tự tôi cướp lấy chính quyền hay tham quyền cố vị như người ta đã tưởng”⁽¹⁾.

Đó là sự thật và cũng là tâm sự thốn tâm của nhà văn, tướng cướp, kiêm người cầm quyền nước (!) ở Côn Đảo hồi năm 1945 – 1946 trong lịch sử hiện đại Việt Nam ở Nam Bộ.

Hầu hết tác phẩm (trước năm 1931) Sơn Vương, từ nhan đề đến nội dung chủ đề đều toát lên ý hướng hiện thực xã hội mà đời sống con người tạo dựng nên. Cái hoài vọng cải tạo xã hội của Sơn Vương đã thấm vào từng nhân vật của các chuyện mà tác giả kinh qua và mô tả qua từng trang viết, như những nhan đề từng cuốn: *Chén cơm lạt của người thất nghiệp, Bạc trắng lòng đen, Ai bạc tình, Luật rừng xanh, Nào ai bẻ thước, Phán bạn vì tình, Bát cơm chan máu...* ⁽²⁾

Bộ hồi kí *Quần đảo Côn Sơn - Máu hoà nước mắt* hay còn

(1) Sơn Vương, *Bản thảo đã dẫn*.

(2) Thư mục dẫn ở sau là do chúng tôi (NQT) sưu tầm có đủ số tác phẩm trong tay. Theo Bằng Giang (*sđd*) thì số tác phẩm Sơn Vương như sau:

- 1930
1. *Bạc trắng lòng đen*
 2. *Lối hẹn quên thẻ*
 3. *Ngọc lăm với đá*
 4. *May nhờ rui chịu*
 5. *Làm ơn mắc oán*
 6. *Kẻ thù dân tộc*
 7. *Thà được làm chó hơn được làm người*
 8. *Làm nhơn được vợ*
 9. *Phán bạn vì tình*
 10. *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*
 11. *Sáu bộ nổi lên làm người*

gọi là *Máu hòa nước mắt 1933-1968* (bản thảo) hai tập, tập I dài 190 trang viết tay, tập II đến hơn 600 trang đánh máy. Tập hồi kí này theo Bằng Giang thì “như một tiếng kêu than về số phận cay đắng của một cá nhân nên thiếu cái tráng khí của một chiến sĩ”.

Sơn Vương là một nhà văn nặng lòng với tổ quốc từ hồi còn niên thiếu, lại có một tinh thần hiệp sĩ, máu giang hồ kiểu *Thủy Hử* nên ông chính là mẫu người hoạt động, nhưng từ khi bị vào tù hồi còn rất trẻ (mới khoảng ngoài 20 tuổi) thì chẳng khác gì chúa sơn lâm bị nhốt trong chuồng Sở Thú nên chỉ biết “gậm một khối căm hờn trong cũi sắt”. Nỗi căm hờn và sầu tủi của Sơn Vương với nỗi căm hờn của tổ quốc *hòa quyện thành một*,

-
- 1931| 12. *Ai bạc tình*
13. *Ép đầu ép mớ*
14. *Lỗi về tôi*
15. *Lạy Phật cầu chồng*
16. *Lỡ một lần hai*
17. *Nợ duyên gì?*
18. *Ai kén chồng*
19. *Ăn năn đã muộn*
20. *Anh bạc tình.*

Số tác phẩm trên, ông Bằng Giang (1922 - 2000) không ghi tên NXB, năm xuất bản. Theo chúng tôi biết thì chỉ có hai Nhà xuất bản in sách (mua tác quyền) ông là nhà in Nguyễn Văn Viết 85, 87 rue d'Ormay Sài Gòn (3 cuốn) và Đức Lưu Phương, 158 đường d'Espagne, Sài Gòn (15 cuốn) in khoảng 16 cuốn của ông. Còn các cuốn khác chúng tôi chưa tìm được sách, nên không rõ năm xuất bản và Nhà xuất bản.

Về thư mục Sơn Vương, gần đây ông T.S Đào Ngọc Chương ở Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn in trên *Văn học Quốc ngữ Nam Bộ, cuối thế kỉ XIX – 1945* (tập Tham luận Hội nghị Khoa học, tháng 5-2006, TPHCM) trách chúng tôi viết Sơn Vương bắt đầu viết văn trước năm 1930 là sai. Sự thật chúng tôi (NQT) tham khảo các tài liệu liên hệ đến Sơn Vương trong đó có bản thảo *Máu hòa nước mắt* của chính tác giả thì Sơn Vương bắt đầu viết văn từ năm 1928. Ông viết: “*Lúc tôi viết tiểu thuyết (vào khoảng 1928 – 1930)*”.

được nhà văn thể hiện qua tác phẩm như một thứ “máu hòa nước mắt” để viết ra thành chữ trải dài hơn 800 trang viết và đánh máy.

Tác phẩm là bản cáo trạng lên án chế độ lao tù thực dân mà những người yêu nước phải nếm trải, trong đó có “người tù khổ sai nửa thế kỉ” (Sơn Vương) như các chí sĩ, nhà văn đàn anh: Huỳnh Thúc Kháng, Lê Văn Hiến, Trần Huy Liệu, Phan Văn Hùm, Thiên Giang, Lê Văn Thử, Hồ Chí Minh⁽¹⁾.

Trong *Hồi kí*, ông có ghi lại số lần bị kết án đều là thường phạm, với số năm phải thực thụ nhận án là bảy mươi chín (79) năm ngồi tù như sau:

- lần I : 5 năm
 - lần II : 10 năm
- } cướp tiền do bạn phản bội; phản đối
viên chức Pháp ở Phú Quốc, Hà Tiên

Vụ thứ nhất:

1- *Vụ ông Kiệt ở Phú Nhuận*: là một chủ nợ cho vay nặng lãi và tay sai Tây (thật sự là bọn chỉ điểm báo cáo sai). Lần này có cựu tướng Nguyễn Bình dứt điểm cuộc sống tên chỉ điểm. Vụ này ông bị toà xử 5 năm tù giam ở Khám Lớn và Hà Tiên.

2- *Vụ Lý Tư*: một người trong đám giang hồ ở Chợ Lớn có liên quan đến Sáu Ngọ (vua cờ bạc ở Sài Gòn - Chợ Lớn).

3- *Vụ Cọp lừa tù bị ở Chợ Lớn*: Hai vụ sau, cộng chung bị kết án 10 năm tù giam ở Phú Quốc, Hà Tiên rồi vượt ngục sang đào tị ở Thái Lan. Sau bị Pháp bắt lại, đày ra Côn Đảo, đến năm 1945 đắc cử *chủ tịch uỷ ban Nhân dân Quần đảo An Ninh* (Côn Đảo).

- lần III : chung thân 32 năm (bị vu cáo giết người: Già Quít ở Côn Đảo năm 1946)

(1) Các tác giả dẫn trên có tác phẩm nói về chế độ lao tù của Pháp ở Việt Nam.

- lần IV : chung thân 32 năm (giết người thực thụ; giết Nguyễn Thành Út năm 1953 ở Côn Đảo)

Hai lần đầu bị bắt lúc đang còn tự do. Hai lần sau là khi đang ở trong tù, án chồng lên án nên cộng chung là $5 + 10 + 32 + 32 = 79$ năm. Đến năm 1968 các nhóm tranh đấu ở Sài Gòn (*Ủy ban cải thiện chế độ lao tù*) lên án chế độ lao tù, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu mới hủy bản án 79 năm của ông chỉ còn lại 35 năm tù giam, nên được trả tự do vào ngày 18 tháng 11 năm 1968. Từ đó ông chiêm nghiệm trong một bài thơ trường thiên có đoạn:

«Khóc để nói những lời chưa nói...

Cười để khuấy những nỗi chưa khuấy.

Lửa hồng máu thấm còn đây,

Oan kia chưa dứt, hận nầy chưa tan...!

Cầm tù giang san hồn nước Việt,

Anh hùng dân tộc giống nhà Nam

Xưa nay oanh liệt mà ham

Nay sao đòi truy thêm nhàm chán thôi!

Nhìn thế nước buồn thôi lại tủi,

Nát gan thù xã hội bất công!

Giống nòi chung một non sông,

Bời ai tham vọng chia lòng riêng tây!

Ách lệ thuộc trâu cày ngựa cỡi,

Cảnh tang thương như gởi lòng ta.

Khắp trong bốn bể sơn hà,

Bắc Nam đâu chẳng con nhà Lạc Long

(...)

Kia đất nước tôi bời rách nát,

Nọ muôn dân hồn lạc phách xiêu!

Tại trời ách nước từng gieo,

Lửa binh tang tóc quá nhiều khổ đau...

*Trong khi đó kẻ giàu giàu sự,
Người tro xương, nghèo cứ nghèo thêm!
Mạnh thì ăn trước ngồi trên,
Yếu thì đói lạnh ngoài thềm nắng mưa!
Vơ vét mãi vẫn chưa đầy túi,
Còn móc thêm cho ói ruột ra⁽¹⁾.*

2. Tiểu sử:

Sơn Vương (1908-1987)⁽²⁾ là *Nhà văn*, mà cũng là *tướng cướp*, tự là Vạn Năng, hiệu Sơn Vương, tên thật là Trương Văn Thoại quê làng Bình Nghị, (Tân Duân Đông), huyện Tân Hoà, tỉnh Gò Công cũ, (nay thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Thân phụ là cụ Trương Đình Cung Anh là một gia đình khá giả ở địa phương, anh cả là Trương Văn Kinh (1892-1984) (Biện Thối, thứ hai), thứ ba Trương Thị Ba, thứ tư không rõ, thứ năm là Trương Văn Thoại (SV), thứ tám là Trương Văn Tám (Văn Bèn: 1913-2001) và thứ mười (Út) là bà Trương Thị Mười (xem ảnh).

Xuất thân trong gia đình điền chủ. Thuở nhỏ học ở Gò Công, trình độ Tiểu học Pháp Việt, sau lên học tiếp tại Sài Gòn rồi gia nhập làng báo, viết văn.

Năm 1925 (16) tuổi từ quê nhà ông lên ở Sài Gòn một thời gian, rồi xuống Long Hải (tỉnh Bà Rịa) tầm sư học đạo, học võ

(1) Sơn Vương, *Máu hòa nước mắt*, Bản thảo đã dẫn. Chính vì bài thơ này mà đầu năm 1975 (đăng trên số xuân báo *Đại dân tộc* của cựu dân biểu đối lập Võ Long Triều), ông bị bộ trưởng Dân Vận chiêu hồi Hoàng Đức Nhà dọa sẽ chở máy bay trực xuất tác giả ra miền Bắc. Hoàng Đức Nhà chưa kịp giở thủ đoạn thì ngày 30-4-1975 tới, cả cậu cháu Thiệu Nhã phải cao chạy xa bay! (Xem toàn bài ở sau).

(2) Đúng năm sinh của ông là tuổi Mùi (tức năm Đinh Mùi, Dương lịch: 1907), tuổi trên là theo giấy khai sinh.

với thầy Ba Châu tại chùa Cây Khế trên đỉnh núi Văn Sơn một thời gian.

Đầu năm 1926 (17 tuổi) khi mới lên Sài Gòn lúc còn nhỏ, ông có mặt trong cuộc diễn thuyết ở xóm Lách – Sài Gòn – bị Pháp bắt giam tại bót Catinat cùng một lần với Nguyễn An Ninh, Cao Triều Phát, Võ Công Tồn, Hòa thượng Nguyễn Văn Đồng, Trương Văn Kinh (anh ruột ông) cô Ngọc Dung nữ sinh *Trường Áo Tim* (sau là vợ ông)⁽¹⁾... bị giam mấy tháng sau mới được thả ra.

Khoảng giữa năm 1927 (18 tuổi) ông bị bắt thêm một lần nữa nhân lễ truy điệu chí sĩ Lương Văn Can⁽¹⁾ ở chùa Tập Phước gần Ngã Năm Bình Hòa (nay thuộc quận Bình Thạnh TP.HCM).

Theo Bằng Giang trong *Sài Gòn cổ sự*⁽²⁾ (NXB Văn học, 1999) thì Trương Văn Thoại hồi ấy được biết có chân trong *Ban Tổ chức* lễ truy điệu. Các vị trong *Ban Tổ chức* gọi ông là “*cậu Thúc tình đồng bào*” của *Đông Pháp thời báo* lúc ấy (1926) do Nguyễn Kim Định điều hành.

Hằng năm cứ đến trước ngày 24-3, ông cùng Nguyễn Phương Thảo đi khắp vùng *Bà Điểm, Hóc Môn, Mười tám thôn vườn trầu* thuộc tỉnh Gia Định vận động đồng bào về Sài Gòn dự lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh tại Tân Sơn Nhất.

Trước năm 1928-1929 ông sáng tác một số tiểu thuyết (3 bộ) và các “đoản thiên tiểu thuyết” (truyện ngắn) được độc giả hoan nghênh. Nhưng máu giang hồ trong ông mạnh hơn máu

(1) Tham khảo, Nguyễn Q. Thắng, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*. NXB TP.HCM, 2006 có tiểu truyện các nhân vật trên.

(2) Bằng Giang *Sđd* viết:

“Nguyễn Phương Thảo không sống bằng một nghề chuyên nào, trong lúc cần phải có thu nhập để tồn tại. Tiền từ gia đình và Mạnh Thường Quân thì ít, từ kinh tế mạo hiểm thì nhiều (mười hai lần) (...)”

văn chương, rồi nổi danh trong đám “anh chị”, nhất là giới yêu nước Sài Gòn thuở đó.

Khi viết báo, làm văn ông tự đi bán tác phẩm của mình với ý đồ chuẩn bị kế hoạch “đi hát” (cướp) lấy tiền giúp các nhà hoạt động cách mạng, người nghèo khổ... Điển hình là trong một vụ cướp tiền của chủ đồn điền Pháp René Gaillard⁽¹⁾, ông cùng “đi hát” - mà ông ví von là “*làm kinh tế mạo hiểm*” - với Nguyễn Phương Thảo - tức Trung tướng Nguyễn Bình - hồi năm 1929 lúc ông Bình mới về Sài Gòn. Tại đây Nguyễn Phương Thảo kết nghĩa “anh em” với ông, ông bị bắt một lần nữa kết án 5 năm với vụ cướp *nhà ông Kiệt* ở Phú Nhuận năm 1930, rồi 10 năm (cướp nhà vua cờ bạc Ba Nhỏ, vì có tiền án) để có tiền giúp Nguyễn

Trong quá trình hoạt động, có lần Sơn Vương mang một ít tiền của nhóm đi mua gạo để phát chẩn cho đồng bào bị lũ lụt ở miền Trung. Được biết mục đích của việc mua gạo này, ông chủ nhà máy xay lúa Nguyễn Thanh Liêm ở đường Tôn Thất Thuyết (Khánh Hội), đồng thời là cố đồng của *Việt Nam ngân hàng* mới cho thêm 300 bao (ba trăm bao) và cho mượn luôn phương tiện chuyên chở bằng đường biển. Ông còn dặn dò Sơn Vương khi cần thì cứ đến gặp ông ta tại trụ sở Việt Nam ngân hàng lúc đó ở đường Pellerin (nay là đường Pasteur).

Một lần có người trong nhóm ngờ ý muốn đi xa cần đến một số tiền lớn, Sơn Vương đến gặp ông Liêm, ông này sốt sắng và lịch sự trao đủ số tiền cần thiết cho Sơn Vương. Chỉ có một lần này thôi vì Sơn Vương ngại mang tiếng lạm dụng, nhưng cũng còn lại một cách “thu nhập” khác được tiến hành, nhiều lần là kinh tế mạo hiểm, lúc sống chung với Nguyễn Phương Thảo cũng như sau khi Thảo đã xa cách Sơn Vương. Ăn cắp quen tay, ăn cướp cũng quen tay. Động cơ của hành động cướp bóc có nhiều. Vì nghĩa cả trong một tổ chức là làm kinh tế mạo hiểm, còn đơn thuần vì cá nhân chỉ là ăn cướp”. (Sđd tr 98) và hồi kí *Máu hoà nước mắt*.

Thực tế trên phù hợp với những gì Sơn Vương sau này viết trong lời mở đầu có tên “*Tại sao tôi đi ăn cướp?...*” tức đi ăn cướp giúp người hoạt động CM trong Hồi kí “*Máu hòa nước mắt*” mà chúng tôi vừa trích dẫn ở trên.

- (1) Sau vụ cướp tiền của René Gaillard, Sơn Vương trở nên bạn thân (*mon cher*) của Gaillard vì cá tính và việc làm của hai người ở *Khám lớn Sài Gòn*. (Xem *Máu hoà nước mắt II*).

Phương Thảo đi Pháp - cùng với số bạc của ông Giám đốc *ngân hàng Việt Nam* (Nguyễn Thanh Liêm). Nhờ số tiền này (12.000đ) tiền Đông Dương). Ông Thảo đủ chi tiêu, trên đường sang Pháp liên lạc với các nhà yêu nước. Năm 1931 - ông Thảo từ Pháp về lên Long Hải tìm thăm ông. Sau đó cả hai người đều bị đày ra Côn Đảo (khác án). Ngày 16-8-1933 ông bị lưu đày ra Côn Đảo với bản án trên.

Trước đó ông bị giam tại Khám Lớn Sài Gòn, Sơn Vương được Gaillard thăm nuôi hậu hỉ vì hẳn ta bị khuất phục bởi thái độ của bậc trượng phu và khí phách anh hùng, giang hồ hào hớn của ông, nên bỏ qua (René Gaillard bãi nại) việc cướp tiền của Sơn Vương. Từ đó hai người thành bạn thân.

Năm 1936 ông bị đưa về thi hành án tại nhà lao Hà Tiên. Tại đây, ông hô hào tù nhân chống hành động tàn ác của chủ quận Hà Tiên nên bị đày ra Phú Quốc (thuộc tỉnh Rạch Giá cũ).

Tháng hai năm 1938, ông bị đưa trở lại Hà Tiên mấy tháng thì đến ngày 16 tháng 8 năm 1938, ông được trả tự do vì đã thi hành xong bản án 5 năm.

Về Sài Gòn thì đúng một năm sau (1939), ông bị bắt lại, vì vô tình đánh ngã một tên mật thám ở Chợ Lớn, bị tòa kết tội là “du đảng” đày đi Pursat (Bù Sặt) ở Campuchia. Tại Pursat ông vượt ngục trốn sang Thái Lan, năm 1942 ông bị bắt tại Băng Cốc (Thái Lan) đưa về giam tại Khám Lớn⁽¹⁾ Sài Gòn rồi đày ra Côn Đảo. Tại đảo, ông gặp lại thân tượng cũ của mình thời niên thiếu:

(1) Khi bị giam tại Khám Lớn Sài Gòn, Sơn Vương nhiều lần từng trừng trị các tên cặp rằn (bây giờ gọi là Đại bàng) ăn hớt đồ thăm nuôi của thân nhân người bị giam giữ, như có lần ông trị tên cặp rằn Ba Nhỏ. (Nguyễn Văn Thiện) Một hôm Gaillard gởi đồ thăm nuôi Sơn Vương hai giỏ đồ ăn lớn và ngon. Sơn Vương định dùng 2 giỏ đồ ăn ấy chung vui với anh em đồng cảnh. Ba Nhỏ bảo để y làm điều đó cho, nhưng thật sự chỉ dành cho y và cặp rằn khác. Sơn Vương hỏi, liền bị Ba Nhỏ chưởi ngay. →

Nguyễn An Ninh (hoạt động nơi chùa Tập Phước) trước khi nhà cách mạng từ trần vì sự khùng bố và chế độ lao tù tàn ác của thực dân Pháp.

Những năm bị đày Côn Đảo, ông gây được uy tín trong giới thường phạm và viên chức chính quyền ở đảo. Theo một vài nhân chứng ở đảo, đối với chính trị phạm rất kính trọng mà vẫn “viễn chi”; nhưng đặc biệt ông rất ngưỡng mộ cụ Tôn Đức Thắng, Lê Hồng Phong, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu... nhất là nhà cách mạng Nguyễn An Ninh mà sau năm 1945 khi làm chủ tịch Côn Đảo, điều hành việc an dân tại đảo ông đã thay tên Côn Đảo thành danh *Quần đảo An Ninh* (Nguyễn An Ninh hi sinh tại Côn Đảo năm 1943) và sau đó ông là người lo cải táng và “hương khói” mộ phần nhà cách mạng này suốt thời gian ông ở đảo (1933-1964). Và cũng tại đây ông từng đem một tên tội phạm ác ôn (Nguyễn Văn Sô) ra tế trước mộ phần Nguyễn An Ninh (tên này là một trong sáu người trọng tội bị phái đoàn Văn Cừ yêu cầu ông giết!).

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tất cả tù chính trị được về đất liền, Côn Đảo đặt dưới quyền quản lí của một viên chức chính quyền cũ (Lê Văn Trà). Cuối năm 1945 Ủy ban Hành chánh lâm thời Nam Bộ cử cán bộ, đứng đầu là ông Văn Cừ và ông Hồ Bửu Đăng và một số cán bộ khác ra Côn Đảo tổ chức nhân sự quản lí hành chánh tại đây.

Ngày 15-12-1945 phái đoàn tổ chức bầu cử người đứng đầu Côn Đảo, Sơn Vương đắc cử Chủ tịch *Ủy ban Nhân dân* Côn Đảo trực

→ Ba Nhỏ đang cầm một con dao định ra tay như xưa nay thì “nhanh như chớp”, Sơn Vương khóa chặt tay Ba Nhỏ, đoạt lấy dao bỏ túi, tức khắc Ba Nhỏ trở thành *thằng nhỏ* dưới tay Sơn Vương. Từ ngày đó phòng giam này không còn chế độ *cặp răn*. Anh em tù từng bị ức hiếp lâu nay tặng Sơn Vương cái biệt danh “*Đề lao hiệp khách*” (theo Bằng Giang: bài *Sơn Vương trường kì gian khổ trong tù ngục 1933-1968*), in trong *Sài Gòn cổ sự* NXB Văn học, 1999 và hồi kí *Máu hoà nước mắt* (bản thảo).

tiếp cai quản toàn bộ lãnh thổ đảo này⁽¹⁾. Tuy trước đó (14-12) có cuộc họp chuẩn bị cuộc bầu cử thì Sơn Vương lẩn tránh, sửa soạn lên ghe về đất liền, nhưng Phái đoàn cho người lùng sục tìm, lúc ông đang khóa cửa lách ở một căn nhà. Buộc lòng ông mới chịu ứng cử. Quả nhiên cuộc bầu cử, ngày 15-12-45 ông đắc cử với số thăm áp đảo.

Sau khi cầm quyền ông cùng các viên chức cũ tại đây tổ chức chính quyền trên đảo theo tinh thần “tứ hải giai huynh đệ”, gọi Côn Đảo là *An Ninh quần đảo* như một bộ phận của *nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*.

Nhưng đến ngày 18 tháng 4 năm 1946, quân Pháp đổ bộ tái chiếm Côn Đảo, ông và các viên chức dưới quyền bị Pháp bắt đưa trở lại nhà giam, tiếp tục thụ án 15 năm (5 + 10) trước. Năm 1946 sau khi tái chiếm Côn Đảo, Pháp và tay sai (cò Út và đồng bọn) vu cáo ông cướp chính quyền Côn Đảo và giết một cộng sự cũ (Già Quít) nên bị thêm một án chung thân mới: 32 năm nữa (già Quít bị giết ngày 14-4-1946). Đến ngày 18-4-1946 Pháp tái chiếm Côn Đảo như đã nói ở trên, nhà cầm quyền Pháp cho ông là người ám sát già Quít trong khi ông đang nằm trong lao cấm cố. Vậy là *án chống lên án* lần thứ nhất, (15 + 32) = 47 năm. Đến ngày 8 tháng 8 năm 1953 ông lại thực thụ giết tên tù ác ôn tay sai khét tiếng tại Côn Đảo là Nguyễn Thành Út (tục gọi là Cò Út vì y làm cảnh sát nhà lao cho Pháp). Do vậy, ông bị đưa về Sài Gòn ra tòa Đại hình vào ngày 22-6-1954 với bản án tử hình. Tại tòa ông được luật sư Lâm Quang Trọng biện hộ không nhận thù lao. Kết cuộc, ông bị tòa đại hình Sài Gòn kết án «*khổ sai chung thân*» và được giảm khinh là «*dùng khí giới kẻ thù giết lại kẻ thù*» vì hôm giết cò Út ông vẫn có chiếc búa bén ngót dắt sẵn

(1) Danh xưng trong cuộc bầu cử ngày 15-12-1946 dưới sự chủ tọa của Trưởng Phái đoàn Văn Cử giao cho Sơn Vương chính thức là *Giám đốc An Ninh quần đảo*, tham khảo *Máu hòa nước mắt*.

sau lưng (ông) mà không dùng hung khí ấy giết Út. Ông chỉ dùng gậy của Út để đánh Út cho đến chết trước sự chứng kiến của mấy trăm tù nhân trên đảo kèm với bản án Út. Thế là án chồng lên án lần nữa, lần 1: 5 năm + lần 2 : 10 năm + lần 3: 32 năm, lần 4: 32 năm, vị chi: 79 năm mãi đến ngày 18-11-1968 ông được giảm án tù trở về quê nhà.

Thật ra, khi ở Côn Đảo (1962-1963) ông yêu sách Ban Quản đốc hạ công tác đồn củi xuống, được tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sáu chấp thuận, thuộc hạ là Phó tỉnh trưởng phụ trách nội an là tên Đại uý Khỏe tìm cách hãm hại ông. Do đó, Thiếu tá Sáu giúp Sơn Vương bằng cách cho ông về giam tại Chí Hoà Sài Gòn với sự giúp đỡ tận tình của Thiếu tá Sáu và bác sĩ Phạm Văn Minh: Kể từ đó 1964, Sơn Vương vẫn nằm tại Khám Chí Hoà cho đến ngày được phóng thích (18-11-1968). Tuy rằng khi vụ ông trừng trị Cò Út tại Côn Đảo trong năm 1953 thì viên Cò hiến binh Von Peter và chủ chánh Dauplay đã nhiều lần có ý lấy cung làm nhẹ tội Sơn Vương là từ tội cố sát (homicide volontaire) ra ngộ sát (homicide involontaire). Nếu ông chịu cho họ lấy lời khai có ý là ngộ sát thì tội ngộ sát này khi ra tòa có thể trắng án, cùng lắm là 5 năm tù tron (prison-simple). Điều đó Sơn Vương không chịu, vì ông cho rằng mình cố ý giết Cò Út để thi hành bản án mà Út đã tự chọn bằng giấy cam kết của Út từ trước đó mà ông hoan hỉ tha chết cho Út. Đúng là con người ngay thẳng và can trường Sơn Vương.

Theo Hồi kí *Máu hòa nước mắt* về việc ông giết Nguyễn Thành Út mà ông cho đây là một bản án Ủng, còn vụ án ông bị Út vu giết già Quít là một bản án Oan, vì “kết cuộc buổi xử, tôi (SV) bị ông Tòa Liễu kết án chung thân khổ sai. Nghĩa là: người ta chỉ biết có cái tội tôi đập chết tên Út mà không cần nghị đến cái tội Nguyễn Thành Út là kẻ gây sự đã gieo oan cho tôi cái án chung thân thứ nhứt và còn làm khổ tôi bao nhiêu năm nữa.

Thế là cái án chung thân trước chưa ở tới đâu đã thêm cái án chung thân thứ hai. Nhưng nếu không có cái án Oan trước thì làm gì có cái án Ung sau này.

Án chung thân trước đã được Tây ân giảm lần hồi, hiện còn đâu chừng hơn một năm nữa. Án chung thân sau mới ân giảm xuống còn 20 năm theo sắc lệnh 19.Q.T kí ngày 23-1-1965. Theo đó tôi phải ở đến năm 1987 mới được mãn án?"⁽¹⁾ (Máu hòa nước mắt I), nhưng thực tế như các năm ngồi tù vừa qua thì đến năm 2012 ông mới mãn hạn (theo Máu hoà nước mắt II).

Các năm 1967-1968 các hội đoàn xã hội chính trị, báo chí... ở Sài Gòn, nhất là Ủy ban cải thiện chế độ lao tù tranh đấu đòi chính quyền Nguyễn Văn Thiệu "cải thiện chế độ lao tù ở miền Nam" nhất là tù Côn Đảo, ông được xét giảm bản án còn lại 35 năm (cả 4 vụ) nên được trả tự do ngày 18-11-1968.

Về đất liền, ông tiếp tục nghề văn, cộng tác với một số nhật báo tại Sài Gòn; nhất là tờ Đại dân tộc của Võ Long Triều. Cùng lúc, ông tham gia cổ động công ti giấy Cogiba, (Công ti giấy Blao) Lâm Đồng cho đến ngày thống nhất đất nước. Sau đó ông về sống ở huyện Gò Công Đông (làng Bình Nghi), tỉnh Tiền Giang.

Về đời tư, ông có hai đời vợ, người thứ nhất là cô Ngọc Dung nữ sinh Trường Áo tím bạn chiến đấu của ông hồi các năm 1927-1930, nhưng bà cùng hai con (1 trai, 1 gái) và bà Ngọc Dung đều mất ở Sài Gòn trong các năm 1940-1942. Và người tình thứ ba là bà Phạm Thị Hoa quê ở Trà Vinh sống với ông vào buổi văn niên vì nghĩa tình, đạo đức...

Cuộc tình giữa ông và bà Ngọc Dung là một mối tình đầy tình chiến đấu mà cũng mang màu lãng mạn của tuổi xuân tình thuở đôi mươi.

Thế cho nên, những ngày lao dịch khổ sai, hay nằm trong

(1) Sđd.

hầm kín cấm cố nơi địa ngục trần gian. Giờ đây nơi hầm kín, hồi tưởng về cá nhân và vợ con, ông bồi hồi viết:

“Tôi bị Tây đày ra đảo lần thứ hai với cái án thứ nhì năm 1942.

Tại Sài Gòn hai con tôi chết, rồi vợ tôi cũng chết. Hoàn cảnh của nàng Ngọc Dung thật là bi đát, từ ngày về với tôi, nàng gặp toàn những việc không may. Chồng ra đi chẳng hẹn ngày, nhờ có hai con làm nguồn an ủi, thế mà hai con rủ nhau qua đời hết, nàng biết dựa vào đâu mà sống? Vì đó mà nàng chết dần chết mòn trong đau thương buồn tủi (...).

Đau lòng vì nỗi nhớ niềm thương, nào tình nhà, nào nỗi nước, trăm mối ngổn ngang, xúc cảnh sanh tình tôi làm bài thơ *Tự thán* để diễn tả tâm trạng trong cuộc đời phiêu lưu bất hạnh của tôi.

Tự thán

*Tháng đợi ngày mong rũ ruột tằm,
Đường xa ngao ngán: nợ trăm năm.
Cơm tanh cá nhót: vui cười gương...
Rệp dút còng đeo: hận khóc thầm!
Mây trắng mịt mờ: phương cổ quán,
Đá vàng lọt lọt: bóng tri âm!
Sầu đông tát mãi bao giờ cạn?
Máu đã thấm xương, lệ đã bầm...*

(Côn Đảo mùa thu năm 1944).

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, lúc đang làm chủ tịch UBND Côn Đảo ông tục huyền với cô Kim Hoa (con gái ông Võ Văn Liên), nhưng đến tháng 4-1946 Pháp tái chiếm Côn Đảo ông bị Pháp tống vào hầm kín cấm cố vì tội “phiến loạn”.

Năm 1947 bà Kim Hoa cùng gia đình cha mẹ vượt biển về đất liền, khoảng năm 1954 sau nhiều năm chờ đợi, bà hứa sẽ thủ tiết chờ Sơn Vương mãn hạn tù. Tại Chí Hoà, ông khuyên bà tái giá làm lại cuộc đời vì với ông bản án 79 năm khó đến ngày ông mãn hạn được. Từ đó, bà Kim Hoa mới “bước thêm bước nữa”, nhưng vẫn thỉnh thoảng cùng chồng [mới] thăm nuôi ông tại Chí Hoà. Chính bà là người nhờ luật sư Lâm Quang Trọng biện hộ cho Sơn Vương khỏi tội tử hình như trên đã nói. Cho đến ngày ông được trả tự do (1968) mà vẫn “tương kính như tân” của “thuở ban đầu...”

Theo ông, cuộc hôn nhân giữa ông và bà Kim Hoa tuy trắc trở, gian lao, nhọc nhằn... mà vẫn hạnh phúc; tuy rằng kẻ trong song sắt người ngoài đời mà vẫn gần gũi nhất. Một cuộc tình bất hạnh lại là đẹp đẽ.

Trước khi về sống tại nơi nhau rún Gò Công, ông ngụ tại số 137/52 đường Nguyễn Cư Trinh Sài Gòn (nay là số 137/52 đường Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM) tức *xóm Trể* ngày xưa nơi ông viết văn... Tại đây ông viết hồi kí *Máu hòa nước mắt* (2 tập) và hoàn thành trước ngày trở lại cố hương trong những năm 80.

Trước khi về quê ông đã kí tặng chính quyền cách mạng một tập bản thảo đánh máy dày khoảng 600 trang. Tập hồi kí (bản rút gọn) này hiện trân tàng tại Bảo tàng Côn Đảo, một tập tặng cho nhà văn Vũ Hạnh (tập II, chi tiết, đã thất lạc và một tập ông giữ làm tài liệu mà chúng tôi sẽ giới thiệu ở sau).

Dưới đây là những nơi Sơn Vương bị cầm tù:

- Đầu tiên là bót mật thám Catinat : 1926
- Kế đó là Khám lớn Sài Gòn : 1933
- Ra đảo lần đầu với án tù 5 năm : 1934
- Từ Côn Đảo đưa về Hà Tiên (do phong trào Đông Dương Đại hội) : 1936

- Từ Hà Tiên đưa ra Phú Quốc : 1937
- Mãn hạn tù, về đời được một năm : 1939
- Bị cò Bazin bắt lại do tên Vinh mật báo : 1939
- Khoá II: 10 năm tù đầy lên Campuchia (Pursat) : 1940
- Cưa còng vượt ngục Pursat trốn sang Thái Lan : 1940
- Bị bắt ở Băng Cốc giải về Sài Gòn : 1941
- Ra Côn Đảo lần thứ hai : 1942
- Cách mạng tháng tám, đắc cử chức Chủ tịch
UBND Côn Đảo : 1945
- Pháp tái chiếm Côn Đảo, bị Gimbert tổng ngục : 1946
- Bị vu cáo giết già Quít, bị đưa về Sài Gòn ra toà : 1947
- Bị xử *án chung thân*, án thứ ba, trở ra đảo : 1947
- Giết Cò Út, về Sài Gòn lãnh án chung thân lần 2 : 1953
- Bị giam tại Khám Chi Hoà chờ ngày đầy ra đảo : 1954
- Ra đảo lần thứ tư với án chung thân giết Út : 1957
- Đánh cai ngục (Paul Hiền) bị nhốt Chuồng Cọp : 1958
- Về giam tại Chí Hoà (nhờ Thiếu tá Sáu giúp đỡ) : 1964
- Ở Chí Hoà được “báo chí phe dân chủ kêu gào
ráo riết” được trả tự do : 1968

(Theo *Máu hoà nước mắt II*).

Ông mất năm 1987 nhằm ngày 4 tháng 7 năm Đinh Mão tại quê nhà, thọ 80 tuổi đời, có đến 35 tuổi tù⁽¹⁾. (tổng cộng 4 lần nhận án là 79 năm tù)

3- Thư mục Sơn Vương:

Các tác phẩm của ông gồm: (số tác phẩm này chúng tôi đã

(1) Trước đây trong *Từ điển văn học* (bộ mới) và *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* (bộ mới, 2005) chúng tôi viết năm mất của ông là 1994, nay khảo chứng lại thấy không đúng. Vậy nay xin rút lại năm mất trên và đúng là 1987. (NQT)

giới thiệu trong *Tự điển văn học*, Bộ mới, 2004, NXB Thế giới và *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, Bộ mới, 2006, NXB TP. HCM) nay (2007) bổ sung thêm:

- 1- *Nào ai bẻ thước*, Đức Lưu Phương, 1929, Sài Gòn
- 2- *Bát cơm chan máu*, Đức Lưu Phương, 1929, Sài Gòn
- 3- *Phân bạn vì tình*, Đức Lưu Phương, 1930, Sài Gòn
- 4- *Ngọc lâm giá kí truyện*, Đức Lưu Phương, 1930, Sài Gòn
- 5- *Luật rừng xanh* Đức Lưu Phương, 1930 Sài Gòn
- 6- *Bạc trắng lòng đen*, Đức Lưu Phương, 1931, Sài Gòn
- 7- *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*, Đức Lưu Phương, 1931, Sài Gòn
- 8- *Ai bạc tình*, Đức Lưu Phương, 1931, Sài Gòn
- 9- *Tướng cướp hào hoa* (nt, 1931)
- 10- *Ai kén chồng*, Đức Lưu Phương, Sài Gòn, 1931
- 11- *Ăn năn đã muộn - Lửa gần rơm* 1931
- 12- *Anh bạc tình*, 1931 (nt)
- 13- *Ăn tết cưới vợ* (nt)
- 14- *Cưới vợ ăn tết*, 1931 (nt)
- 15- *Ép dầu ép mỡ*, 1931 (nt)
- 16- *Lạy Phật cầu chồng*, J.Viết, 1931, Sài Gòn
- 17- *Nợ duyên gì*, J.Viết, 1931, Sài Gòn
- 18- *Lỡ một lần hai* J.Viết, 1931, (nt)
- 19- *Lỗi hẹn quên thề*, Đức Lưu Phương 1931, Sài Gòn
- 20- *Lỗi về ai*, Đức Lưu Phương, không ghi năm xuất bản
- 21- *Lỗi về tôi – Muốn bạn thử vợ*, Đức Lưu Phương, Sài Gòn, không ghi năm xuất bản

- 22- *Phân bạn vì tình*, Đức Lưu Phương, 1930, Sài Gòn
- 23- *Ngọc lằm với đá*, Đức Lưu Phương, 1931
- 24- *Trúng thuyết thơ của ai* (1930) trường giang tiểu thuyết
- 25- *Bồi lằm nên mới...* (1930) trường giang tiểu thuyết
- 26- *May nhờ rủi chịu* (1930) trường giang tiểu thuyết
- 27- *Bán buồn mua vui...* (Bản thảo)

Và bộ trường thiên tiểu thuyết thứ 28 *Vì sắc vì tiền* (3 cuốn) đang quảng cáo trong năm 1931 sau cuốn *Anh bạc tình*.

Sau khi từ Côn Đảo về Sài Gòn ông có tập hồi kí đăng một số kì trên một nhật báo ở Sài Gòn trước năm 1975 có tựa *Sơn Vương người tù nửa thế kỉ* (1973) hay *Quần đảo Côn Sơn, Máu hòa nước mắt 1933-1968* đã dẫn.

II. TÁC PHẨM:

A- TÓM LƯỢC CÁC TÁC PHẨM LỚN NHỎ:

Theo *thư mục Sơn Vương* của tác giả *Sài Côn cố sự* thì số tác phẩm của ông Trương có 20 cuốn được xuất bản trong hai năm 1930, 1931 tại Sài Gòn.

Tuy nhiên, trong việc sưu tầm của chúng tôi (NQT) thì số tác phẩm Sơn Vương có đến 30 cuốn trong đó bộ hồi kí «*Máu hòa nước mắt I'*» được ông viết khi về đất liền sau ngày 18-11-1968 (theo bút tích ông ghi ở tập I: 190 trang và bộ *Quần đảo Côn Sơn, Máu hòa nước mắt II*).

Vậy số tác phẩm của Sơn Vương có đến 30 cuốn; nếu kể cả 3 cuốn của bộ *Vì sắc vì tiền* rao ở cuối cuốn *Anh bạc tình* xuất bản trong năm 1931.

Trong số 30 cuốn vừa dẫn, hiện chúng tôi có được trong tay tất cả là 15 cuốn, gồm: 12 *đoản thiên tiểu thuyết* một tập tạp bút (*Bán buồn mua vui*) - có tính tự truyện, hài biếm về nhân thân

Sơn Vương. Tập này ông khởi thảo từ năm 1933 và mãi đến năm 1987 mới xong. Tác phẩm còn ở dạng bản thảo được tác giả chép lại rất cẩn thận, hiện còn trân tàng tại gia đình và bộ Hồi kí *Máu hòa nước mắt I, Quần đảo Côn Sơn - Máu hòa nước mắt II* vừa dẫn trên.

Sau đây, chúng tôi xin tóm lược nội dung các «*đoàn thiên tiểu thuyết*» có tên trong thư mục Sơn Vương do chúng tôi sưu tầm và nghiên cứu (Phần này có thể dành riêng cho các độc giả không muốn đọc từng truyện của ông, có in ở phần *Văn trích*) để giới thiệu đến bạn đọc xa gần.

Số tác phẩm của ông hiện nay rất khó tìm; vì chúng tôi đã bỏ công trong nhiều năm nay để hoàn tất bộ sách có tên *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới* - trong đó có Sơn Vương - chắc có lẽ còn khoảng 10 cuốn đã tuyệt bản! Chúng tôi ước mong độc giả, nhà nghiên cứu nào... còn có số tác phẩm Sơn Vương xin quý vị vì tiền đồ văn học Việt Nam vui lòng mách hộ.

Trước đây chúng tôi đã lặn lội về thị xã Gò Công (làng Bình Nghi) đến quê và nhà cũ nơi ông chào đời để viếng cố hương tác giả và sưu tầm thêm tư liệu mà vẫn không tìm được gì. Hiện nay (2003) nơi nhau rún của nhà văn chỉ còn vợ chồng người cháu ruột gọi ông bằng chú đã hơn 80 mà trí nhớ không còn khả năng kỉ tính. Nơi bàn thờ gia đình, tổ tiên chỉ còn tro vơ chân dung thân sinh nhà văn và ông thôi. Do vậy, chúng tôi xin phép gia đình cố văn sĩ đốt một nén hương trước bài vị và bàn thờ tổ tiên ông trước khi từ giã.

Theo sự hiểu biết của chúng tôi thì khi ông về Sài Gòn, nghỉ dưỡng sức một thời gian, sau đó ông tham gia cổ động công ti giấy Blao (Bảo Lộc) ở tỉnh Lâm Đồng, và vài tờ nhật báo ở Sài Gòn. Trong thời gian này ông viết bộ hồi kí có tên *Máu hòa nước mắt - Hơn 30 năm dưới thời Pháp thuộc*, tập I này ông viết tại nhà lao Chí Hòa, Sài Gòn, tập II sau khi ra tù, viết tại nhà riêng.

a- tập I: *Máu hòa nước mắt*. (Hồi kí rút ngắn) tóm lược các sự việc xảy ra ở Côn Đảo, từ ngày 12-12-1945 đến 18-4-1946, cùng các sở tù Côn Đảo và sinh hoạt của tù nhân ở Chí Hòa, Sài Gòn.

b- tập II: *Quần đảo Côn Sơn, Máu hòa nước mắt* kể lại rành rọt từ khi ông lên “Hòn ngọc Viễn Đông” rồi bị đày xuống Hà Tiên, Phú Quốc, Thái Lan, Sài Gòn, Côn Đảo cho đến ngày được trả tự do (18-11-1968). Đây là tác phẩm quan trọng và tiêu biểu nhất của ông (xem sau) cho đến ngày về lại *Xóm Trể* (Phường Nguyễn Cư Trinh Quận I, TP.HCM bây giờ).

Sau đây là phần sơ lược nội dung các tác phẩm văn chương (trước 1931) mà chúng tôi hiện có:

1) *Lỗi về ai?* Nhà in Đức Lưu Phương, 158 rue d’Espagne, Sài Gòn, không ghi năm xuất bản.

Tóm tắt nội dung:

Cô Hai Quyên là con gái riêng của nhà triệu phú Nguyễn Đại Thành. Cô bị tình nghi là thủ phạm giết mẹ kế bằng cách cắt cổ bà, nên bị sở mật thám giam giữ và tra khảo tàn bạo.

Cô Quyên xinh đẹp thùy mị, đoan trang lại nhân từ. Cô có người yêu là Võ Kim Toàn; cô vì tình yêu, cố gượng sống trong ngục mà chịu hàm oan.

Lúc đầu ông Thanh nghi cô giết vợ kế của mình. Nhưng về sau ông hồi tâm và treo giải thưởng cho ai giải oan được cho con gái mình.

Sau nhiều tháng bị giam cầm và tra tấn, một ngày kia có cựu nhân viên sở mật thám là Hoàng Đức Long tìm gặp ông Thanh và tình nguyện giải oan cho cô Quyên.

Nhờ óc thẩm xét và tài biện minh của Hoàng Đức Long, cô Quyên được trắng án. Nhưng cô đau khổ vô cùng vì người yêu cũ là Võ Kim Toàn ra mặt phụ tình. Cô phải kết duyên với Đức Long để giữ vẹn lời hẹn của

cha. Nhưng vài năm sau, Kim Toàn cũng không cưới vợ. Chừng ấy Cô mới rõ Kim Toàn giả cách bạc tình để cô được vẹn chữ hiếu, nghĩa. Quá hối hận, cô Quyên tự sát.

Kim Toàn đau khổ và giải quyết bằng cách hạ sát kẻ thù. Nhưng kẻ thù đây không phải là Hoàng Đức Long; mà kẻ ấy từng hãm hại đồng bào ruột thịt.

2) Lỗi về tôi! Mượn bạn thù vợ, Nhà in Đức Lưu Phương, 158 rue d'Espagne, Sài Gòn, không ghi năm xuất bản.

Tóm tắt nội dung:

Nguyễn Kim Lang và đốc tờ Khuê Nhân là bạn cũ. Vợ Kim Lang là Lê Chung Tình bệnh nặng. Sẵn dịp nhờ đốc tờ Khuê Nhân chữa bệnh cho vợ, nhân tiện Kim Lang lại nhờ Khuê Nhân thử lòng thủy chung của vợ mình nữa.

Lòng Lê Chung Tình rất chung thủy cùng chồng. Còn Khuê Nhân lại là người vô nghị, quên tình bạn và cả y đức của một bác sĩ, Khuê Nhân dùng tà thuật xâm hại danh tiết của Lê Chung Tình.

Kim Lang bắt quả tang; vì hận vợ và bạn, mà trở thành người thất chí. Kim Lang phát tán hết gia sản cho người nghèo và lang thang qua các đường phố Sài Gòn như người mất trí. Rồi nên bị hãm oan vì chưa nộp thuế thân và có nhiều truyền đơn cộng sản trong người (chàng lượm truyền đơn cộng sản rồi cất vào túi).

Khi Lê Chung Tình biết mình bị Khuê Nhân hãm hiếp và Kim Lang làm tiêu tan cả sản nghiệp, cô cùng đường, muốn tự tử, nhưng nghĩ rằng cần phải sống để giải oan cùng chồng.

Lê Chung Tình phải sống cơ cực, vất vả đến mang trọng bệnh. Nàng những tưởng không thể sống nổi để gặp lại chồng – vì Kim Lang bị giam do bị phát hiện có

truyền đơn Cộng sản – để giải oan và rõ hoàn cảnh bí ẩn của chồng. Nhưng đến ngày lục tận, nàng than thở trước khi tự sát, bỗng được đoàn tụ cùng chồng, Kim Lang vừa được ra khỏi tù vì mọi người hiểu được nỗi hàm oan của chồng.

Hai vợ chồng cùng giải bày nỗi oan khuất đã qua, Kim Lang nhận mọi lỗi lầm về mình và khuyên vợ hãy chọn lấy con đường sống, chết. Đó mới là sống vì lí tưởng và biết hi sinh vì nước vì dân.

3) *Phân bạn vì tình*, Nhà in Đức Lưu Phương, 158 Rue d'Espagne Sài Gòn, 1930.

Tóm tắt nội dung:

Võ Bá và Vương Lang là hai bạn đồng môn thuở trước, tình cờ gặp lại nhau ở Sài Gòn. Trong lúc cùng dạo phố, họ gặp Hoàng Hoa là con gái một gia đình Công giáo ở Tân Định. Vương Lang là một trang thanh niên tuấn tú, xuất thân trong một gia đình bán hàn ở Đất Hộ, còn Võ Bá là một trai trác táng, trước đây từng chòng ghẹo Hoàng Hoa mà luôn bị cự tuyệt.

Hai người bạn trai bày tỏ niềm luyến ái của mình cho nhau nghe. Võ Bá đã có vợ nhà mà thấy phụ nữ thì không dùng được dục tình, luôn tìm cách chiếm đoạt bằng bất cứ thủ đoạn nào. Còn Vương Lang thì trân trọng tình yêu đôi lứa.

Chàng gặp mặt Hoàng Hoa một lần rồi tương tư, trần trố với mối tình si. Chàng nghĩ cách tiếp cận với cha mẹ Hoàng Hoa rồi gửi thư cầu hôn nàng. Nhưng Võ Bá đã dùng thói đê hèn ăn cắp thơ, rồi giả mạo là cha của Hoàng Hoa viết thơ từ chối bằng cách mắng nhiếc Vương Lang thậm tệ.

Vương Lang nghi ngờ Võ Bá là tác giả bức thơ hớ đồ kia nên lập kế phỉnh phui hành động xấu xa của Võ Bá, sau đó chàng gửi thơ cầu hôn đến gia đình Hoàng

Hoa. Trong khi chờ đợi thơ hồi âm, tình cờ Vương Lang giải cứu được Hoàng Hoa khỏi phát súng của Võ Bá. Từ đó tình yêu của Hoàng Hoa nảy nở thâm lặng với người cứu sống mình. Nhưng Vương Lang không vì sự thi ơn mà chấp nhận tình yêu của Hoàng Hoa không qua lễ nghi của đấng sinh thành, còn Võ Bá thì bị bắt giam vì thói gian manh.

Sau đó Vương Lang nhận được thơ hồi âm của gia đình Hoàng Hoa. Trong thơ cho biết Hoàng Hoa từ chối lời cầu hôn của Vương Lang vì đã trót yêu người khác. Thất vọng, Vương Lang toan tự tử. Trước khi chết, chàng gởi thơ tuyệt mạng đến gia đình Hoàng Hoa, tỏ nỗi thất vọng sâu sắc và ân hận không có duyên nợ cùng nàng, dù được hân hạnh cứu nàng thoát tay cường bạo của Võ Bá.

Đọc thơ, gia đình Hoàng Hoa sững sốt, vội vàng đi cứu được Vương Lang thoát khỏi dòng nước cuốn trên rạch Nhiều Lọc - Thị Nghè.

4) *Lỡ một lần hai*, Nhà in Đức Lưu Phương, 158 rue d'Espagne, Sài Gòn, 1931.

Tóm tắt nội dung:

Cô Sảnh là con gái ở đất Vinh, được cha mẹ cho học ở nhà thầy "Thuốc bãng". Thầy giáo có tính trăng hoa, khiến cô Sảnh và vài cô học trò khác bị mất trinh tiết. Vì có một cô tố cáo thái độ sàm sỡ của thầy giáo bằng cách khờ thước lên đầu thầy, nên có danh là thầy "Thuốc bãng" và vụ việc từ đó vỡ lở.

Cô Sảnh lấy chồng là Võ Văn Đệ người Sa Đéc, là cháu nội ông bà Cả Ngưu. Đệ và Xuân là hai anh em ruột, mồ côi cha mẹ, được ông bà nội nuôi nấng và lập gia thất cho. Ông Cả Ngưu biết chữ Nho mà mê tín. Bất cứ làm việc gì ông Cả đều dựa vào sách Tàu. Ngược lại bà Cả (vợ Cả Ngưu) có tư tưởng phóng khoáng hơn ông.

Sau đêm động phòng, Đệ biết vợ mình đã mất trinh nên từ đó cẩn đấng với vợ luôn luôn. Đệ cưới vợ mới sáu tháng thì cô Sánh sinh một con trai! Đệ biết đứa con đó không phải con mình nên càng đối xử tệ bạc với vợ hơn. Ông bà Cả Ngưu chịu không nổi cảnh hai vợ chồng Đệ cơm không lành canh không ngọt nên ông bà Cả cho vợ chồng Đệ “ra riêng”, bèn cất cho vợ chồng Đệ một căn nhà mới gần nhà mình - để khỏi xào xáo trong đại gia đình.

Sau khi ra riêng, Đệ càng hắt hủi vợ ngày một gay gắt hơn! Một buổi tối Đệ muốn đọc sách mà đèn không có dầu, Đệ nhieếc vợ thậm tệ. Cô Sánh vội châm dầu vào đèn vừa phân bua với chồng thì Đệ đập cô té ngửa... Dầu đổ, lửa bắt, làm nổ thùng dầu bên cạnh, bắt lửa làm lửa loang thiêu rụi cả nhà, và cả cô Sánh cũng chết cháy trong lửa đỏ.

Thấy vợ chết thảm, Đệ ân hận thì đã muộn. Gia đình cô Sánh xin đem cháu ngoại về nuôi mong nó nên người.

Lúc vợ chồng Đệ còn chung sống trong đại gia đình Cả Ngưu, cô Xuân là em gái kế của Đệ, cô được ông bà giáo Cường xin phép Cả Ngưu ở Sa Đéc được đến “coi mắt”, xin cưới cô cho con trai là Thạnh. Ông Cả vì ghét Thạnh sống theo tân thời và ghét ông giáo Cường chỉ trích ông việc ông tin sách Tàu, nên không bằng lòng gả cô Xuân cho Thạnh.

Cha mẹ Cường thương con trai tương tự cô Xuân, nên vợ chồng ông giáo Cường dẹp tự ái vẫn cố liên hệ với bà Cả, mong bà giúp gia đình họ cưới được cô Xuân cho con trai mình. Lúc đầu ông Cả chống đối quyết liệt. Nhưng từ ngày nhà của cả Đệ bị “bà hỏa” thăm viếng và cô Sánh bị chết thiêu, ông Cả tỉnh ngộ rồi đốt hết sách Tàu, bỏ thói mê tín nhảm nhí và đồng ý gả cô Xuân cho Thạnh.

Ông Cả đã thấy được cái hại của việc tin dị đoan, vì

từ khi cưới vợ cho Đệ và cất nhà cho vợ chồng Đệ – Sảnh, ông hoàn toàn tin vào sách Tàu, mà kết cục của đôi vợ chồng ấy bị thảm dường nào!

5) *Ai kén chồng?* Nhà in Đức Lưu Phương, 158 rue d'Espagne, Sài Gòn, 1931.

Tóm tắt nội dung:

Xác một thiếu phụ trôi trên sông Nhà Bè, khiến mọi người tìm hiểu sự việc:

Cô Hồng Hoa ở Bãi Xàu, tuy xinh đẹp nhưng chỉ là con nhà thường dân. Vậy mà cô nằng nặc đòi phải lấy chồng là người nước ngoài mới vừa ý. Đến khi đã lỡ thì, cô mới kết hôn với một khách Triều Châu là Thái Lũ, chủ tiệm tạp hóa, giàu có ở Sóc Trăng.

Cô được giàu có đã vừa ý, đến khi chồng lên chức Bang Trưởng thì cô tự xem mình là Bà lớn. Từ đó Bà Bang xem thường mọi người dưới mình, nhất là Thị Lành – người giúp việc nhà để trừ nợ cho mẹ Lành – thì Bà Bang khó dễ, hành hạ Lành mọi điều.

Một hôm Thái Lũ toan cưỡng hiếp Lành, nhưng hấn ta không toại ý. Bà Bang vừa sợ mất chồng vừa ghét Lành nên kiếm cách đuổi nàng ra khỏi nhà. Bà vu cáo Lành ăn cắp của bà đòi cả rá hột xoàn, và đánh đập Lành tàn nhẫn. Túng thế Lành phải bỏ nhà ấy ra đi. Vì mẹ nàng đã chết, nàng tứ cố vô thân nàng toan thắt cổ tự tử cho xong một đời cơ cực, tủi nhục! Vì bản tính bà Bang vốn kiêu ngạo, Hồng Hoa (bà Bang) cùng chồng buôn bán ngày càng lụn bại, vỡ nợ, thiếu nợ lớn của nhà băng. Thái Lũ quyệt nợ, bỏ vợ trốn về Tàu.

Tại Sóc Trăng Hồng Hoa bị nhà băng đưa ra tòa, bị tịch thu tài sản, nhà cửa. Nàng bỏ xứ lên Sài Gòn, định tìm một nhà giàu gá duyên kết nghĩa mong nương thân.

Nàng vào ở khách sạn Chợ Lớn, rồi bị bọn bất lương lừa gạt đến nỗi phải làm gái điếm bán trôn nuôi miệng qua ngày. Một hôm nàng được một nhà buôn tên Lân cảm sắc đẹp mà giúp nàng thoát khỏi tay bọn bất lương rơi vào tội lỗi.

Nàng đang định dụ dỗ người đàn ông này bỏ vợ để ăn ở với mình, thì bất ngờ nàng bị vợ của người ấy bắt quả tang.

Người đàn bà này chính là Thị Lành. Lành đã được Lân cứu thoát chết lúc thất cổ tự tử rồi hai người kết làm vợ chồng thủy chung; Lân hứa sẽ giúp vợ trả mối thù bị vu oan năm xưa của chủ cũ. Hôm nay bất ngờ chủ và tớ giáp mặt nhau trong hoàn cảnh éo le.

Lành vạch trần những xấu xa của Hồng Hoa. Quá nhục nhã, Hồng Hoa tự trầm mình dưới dòng nước sông Nhà Bè.

6) *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*, Nhà in Đức Lưu Phương, 158 rue d'Espagne, Sài Gòn, 1931, bản in lần đầu 3000 cuốn, bản in lần thứ nhì chỉ sau một tuần. Lần in này ông cho in 10.000 bản, nhưng sách đang in trong nhà in thì có nghị định của Thống đốc Nam Kỳ cấm không được đọc và tàng trữ sách này của Sơn Vương do ông Tân Dân Tử Nguyễn Hữu Ngời (1875 - 1955) Kinh lịch ở Sở Kiểm duyệt báo cho ông hay. Nhưng không cứu vãn được, tác giả và nhà in Đức Lưu Phương (Trương Văn Tuấn) bị lỗ lớn và bị Thống đốc Nam Kỳ, hăm dọa đủ điều. Nhưng theo Sơn Vương thì ông có tiếng vì có công sản sinh ra nó.

Tóm tắt nội dung:

Thầy Thông Linh Chi vừa thất nghiệp. Vợ thầy là Cô Hạnh đang mang thai đứa con thứ ba đang chờ ngày sanh nở. Cả nhà thầy Linh Chi bỗng chốc rơi vào cảnh khốn cùng, quần bách.

Vợ chàng từ nhỏ mồ côi cha mẹ. Còn thầy Linh

Chi cũng không còn người thân. Sau nhiều tháng tìm việc không được, vợ chồng chàng nghĩ đến việc nhờ vài người bà con ở quê, nhưng họ cũng không giúp đỡ được gì!

Chàng về quê một ngày, hôm sau trở về nhà thì vợ nhà đã sanh thêm một đứa con nhỏ. Vợ chồng kể lễ nổi khốn khó cùng nhau và Linh Chi dẫn con về nhà vét vài nắm gạo cuối cùng nấu cho hai con ăn. Còn chén cơm cuối cùng chàng định ăn, nhưng nén con đói, chàng giành lại cho con. Đói lả, chàng ngất đi. Một con chó ở đầu lên vào ăn mất phần cơm để giành.

Phần chí, Linh Chi định tự tử, nhưng dây thắt cổ mong manh, chàng đứt dây nên không chết. Chàng bỏ ý định quyên sinh, đem con gởi hàng xóm để đi ăn cướp.

Chưa cướp được của thì Linh Chi bị bắt vì thiếu giấy thuế thân. Ở trong tù, Linh Chi đập đầu vào tường cho chết, may được bạn tù cứu, được minh oan rồi được trả tự do. Được tự do chàng có ý đồ, dự định xem nhà nào giàu để cướp của. Linh Chi đột nhập vào một nhà nọ có vẻ giàu lớn, định cướp... của mà thấy chủ và tớ đều ân cần lịch sự. Chàng không nỡ cướp mà ngỏ lời xin cứu giúp.

Bà chủ nhà hỏi thăm gia cảnh chàng và nghi Hạnh chính là con gái bà đã bị lạc lúc lên ba, là vợ Linh Chi.

Công tử Hào Hoa vốn say mê cô Hạnh từ lâu, nhưng không thỏa được dục tình của mình. Trong lúc cô Hạnh quần bách nên hẳn ta toan cưỡng bức tiết trinh nàng, khi đó Hào Hoa định vung tiền ra mua tấm trinh của nàng và bảo đảm tương lai giàu sang, sung sướng cho gia đình và các con của cô. Cô Hạnh khàng khái từ chối và không quên sỉ vả Hào Hoa vì quá ham mê dục tình mà quên mất nhân tính, thế thái nhân tình, quên mất nghĩa vụ làm trai đối với đất nước. Đường cùng, Hào Hoa lập kế ám muội làm cho cô Hạnh mê man thần

xác để cường đoạt thể xác nàng. Vừa lúc đó Linh Chi cùng mẹ cô đã đến kịp lúc ngăn chặn được hành vi đồi tiện của hắn ta (Hào Hoa).

Quá xấu hổ vì hành động của mình và lời sỉ vả của người đồng loại, công tử Hào Hoa tự bắn vào đầu mình để chấm dứt cuộc đời xấu xa của mình.

7) *Ép dầu ép mỡ*, Nhà in Đức Lưu Phương, 158 rue d'Espagne, Sài Gòn, 1931.

Tóm tắt nội dung:

Cô Mai mồ côi cha mẹ, cùng em trai nương tựa nơi dì ruột là bà Phạm Thị Tân.

Bà Tân ham giàu ép gả cô cho một người Pháp tên Armand, dù cô Mai đã có người yêu là Nguyễn Tấn Dương. Hai người đã hẹn thề sẽ chung sống đến bạc đầu, răng long!

Cô Mai vì không còn đường nào khác là phải tuân lời di. Đã có lúc cô Mai tuyệt vọng toan bước vào cõi chết, nhưng vì thương em trai còn nhỏ dại phải bơ vơ trên đời, mà cô phải níu lại sự sống. Trong lúc đó Tấn Dương cũng bị cha mẹ ép cưới con gái nhà giàu. Chàng cũng không thể cự tuyệt, vì không muốn làm người con bất hiếu trong một nhà có gia giáo.

Sau ngày cưới, cô Mai tuy sống với người mình đầu ấp tay gối nhưng lại là kẻ thù của đồng bào mình. Và lại nếp sinh hoạt, tư tưởng, tình cảm... của đôi vợ chồng họ quá khác biệt. Đến nỗi một hôm xảy ra tai nạn xe hơi là do thói quen suông sẻ của Armand. Từ tai nạn đó cô Mai bị thương ở mặt nên không còn xinh đẹp như trước. Armand còn bắn Tấn Dương trọng thương vì can thiệp vào cuộc xô xát giữa Armand và vợ chàng lúc tai nạn xe hơi xảy ra.

Cô Mai không còn xinh đẹp như xưa nữa nên Armand bèn đuổi nàng về cho bà dì. Lúc này, Dì cô thấy

cái sai trái của mình là vọng ngoại, hám của, ham tiền mới ân hận đã hại cháu mình qua một đời chồng.

Vợ chồng Tấn Dương cũng không thuận thảo vì cô vợ xấu xược, rồi lằng loàn, theo trai... Từ đó, Tấn Dương có lí do tố cáo được việc ngoại tình của vợ cùng cha mẹ mình và cha mẹ vợ. Nhờ đó chàng dứt khoát được cuộc tình đơn phương do cha mẹ ép uống.

Tấn Dương vui sướng sắp được cùng cô Mai nối lại duyên xưa, thì tình cờ gặp lại Thầy giáo cũ, cũng là người mang ơn chàng giúp từ trước. Để đền cái ơn sâu nặng, người thầy cũ quyết định gả con gái yêu xinh đẹp của mình cho Tấn Dương, dù chỉ đứng vào hàng thứ thất (!) Còn cô Mai vẫn là chánh thất của chàng như ngày nào.

8) *Lỗi hên quên thề*, Nhà in Đức Lưu Phương, in lần thứ nhì, 158 rue d'Espagne, Sài Gòn, 1931.

Tóm tắt nội dung:

Cô Minh Nguyệt là nữ sinh, mới mười bảy, mười tám tuổi. Cô xinh đẹp rất mực, nên vừa gặp cô, Thái Sanh đã đem lòng mê mẩn.

Thái Sanh là em ruột cô Mỹ Ngọc. Cô Ngọc có gia thất sống tại Sài Gòn. Còn cha mẹ cô là một điền chủ lớn ruộng cò bay thẳng cánh ở Vĩnh Long. Thái Sanh lúc ấy đang chuẩn bị sang Pháp du học.

Gặp Minh Nguyệt, cảm vì sắc đẹp của nàng, Thái Sanh nhờ chị tạo cơ hội cho chàng gặp riêng nàng mấy ngày sau đó.

Thái Sanh dùng lời ong bướm dỗ dành Minh Nguyệt để kết làm bạn tình với mình. Họ còn trao nhau vật kỷ niệm để làm tin, hẹn mai này, khi “đậu bằng Tiến sĩ” sẽ về cưới nàng, đoàn tụ trong một gia đình hạnh phúc! Sau đó, Thái Sanh về Vĩnh Long chuẩn bị hành trang du học. Khi chỉ còn một ngày trước khi lên tàu, Thái

Sanh nhờ chị là Mỹ Ngọc tìm cách hẹn với Minh Nguyệt cho chàng được gặp mặt riêng một lần trước lúc chia tay.

Thái Sanh đã dùng lời ong tiếng ve dỗ dành lẫn lời đánh thép của mình để hăm dọa Minh Nguyệt. Ban đầu Minh Nguyệt cố một lòng giữ chữ trinh của mình, nhưng sau đó nàng phải xiêu lòng và để mất trinh cùng Thái Sanh trước giờ anh ta xuống tàu du học Pháp quốc.

Thái Sanh sang Pháp mấy tháng, không hề thư từ cho Minh Nguyệt. Trong khi đó Minh Nguyệt đã có thai mà cha mẹ nàng chưa hay biết gì.

Bất ngờ cha Thái Sanh qua đời, chàng phải về thọ tang, lại có đất về một cô đầm.

Minh Nguyệt và Mỹ Ngọc đều bất ngờ khi ra bến tàu đón Thái Sanh trở về. Mỹ Ngọc bất đồng với hành vi của Thái Sanh và lớn tiếng đã kích. Nhưng Thái Sanh vẫn điềm nhiên tự tại mà cho rằng sự phản bội của mình là tự nhiên. Bao nhiêu tội lỗi hần đều đổ cho Minh Nguyệt là gái mà không biết giữ chữ trinh.

Minh Nguyệt chỉ còn một con đường chết. Nàng viết thư để lại cho cha mẹ và gọi cho toàn thể chị em bạn gái cả nước, để cảnh giác họ khỏi lầm lạc vào nẻo sai lầm như chính cô mà thiệt thân.

Qua báo chí, cô Đầm biết được lẽ phải và Thái Sanh chỉ là kẻ phụ tình để đến nỗi thiếu nữ kia phải tự vẫn. Hai người cãi vã, và kết cuộc là Thái Sanh ăn đạn của vợ Đầm.

9) *Ăn năn đã muộn, (Lửa gần rơm)* Nhà in Đức Lưu Phương, 158 rue d'Espagne, Sài Gòn, 1931.

Tóm tắt nội dung:

Thầy Thông Hoàng Hữu Đức làm việc tại hãng buôn

ở Đa Kao, chàng có vợ là Kim Duyên. Vợ chàng xinh đẹp. Vì yêu vợ, chàng thuê người giúp việc nhà để vợ được rảnh rang thông thả. Một hôm chàng nhận được một bức thư ký tên là: "*Một người biết chuyên*" cho hay rằng vợ chàng không chung thủy và khuyên thầy tìm hiểu ngọn nguồn.

Theo dõi vợ, Hữu Đức bàng hoàng vì vợ chàng giao du thân mật với một người đàn ông khác tại nhà một người chuyên nghề môi giới mại dâm là cô Ba.

Kim Duyên được cuộc sống nhàn hạ bèn giao du với cô Ba để tâm tình và bài bạc cho đỡ buồn. Trong các tay bài tứ sắc có chàng Triệu Phi Tiên cảm sắc đẹp của Kim Duyên từ lâu mà không có cách gì cận kề nàng được. Phi Tiên nhờ cô Ba lập mưu để thỏa mãn dục tình của mình. Bọn họ bày mưu làm cho Kim Duyên thua bạc thật lắm, cầm cố nữ trang và vét sạch tiền chi dụng của gia đình mà vẫn không gỡ nổi. Đến phải mang nợ cô Ba một số tiền mà vẫn thua sạch sành sanh đến cháy túi.

Nàng thất vọng và sợ hãi, nghĩ không còn cách nào giấu giếm chồng được, chỉ còn cách quỳ sinh. Cô Ba bèn ra tay cứu vớt, giúp nàng một số tiền để chuộc nữ trang và bảo nếu Kim Duyên muốn qua cơn sóng gió này thì phải liều kết thân với Phi Tiên sẽ có bạc vạn trang trả nợ nần.

Kim Duyên không muốn thất tiết với chồng, chỉ muốn liều mình để kết liễu cuộc đời bi đát của mình, nhưng thương vì đứa con trong bụng mới ba tháng, không nỡ chết.

Kim Duyên không còn con đường nào khác, đành phải nghe theo lời đường mật khuyên giải (!) của cô Ba mà lừa dối chồng, phải dan díu ái ân với Phi Tiên để kiếm mấy trăm đồng trả nợ.

Hữu Đức khi nhận được thư nặc danh, tức giận định

đem dao phay phanh thây đôi gian phu dâm phụ. Nhưng chàng nghĩ lại: thân làm trai là rường cột của đất nước, sá gì một con đàn bà hư mà gây án mạng, hại đời mình. Nghĩ vậy Hữu Đức đuổi vợ ra khỏi nhà cho khỏi áy náy.

Kim Duyên nghĩ thân mình ra nông nổi này là do Phi Tiên, nên lập mưu rủ Phi Tiên hẹn nơi nhà cô Ba để giết cho hả giận. Nhưng đến lúc định hạ thủ thì tay nàng chùng lại. Cơ sự không thành!

Giờ đây Phi Tiên hiểu ra tội lỗi tày trời của mình là làm tan nát gia đình Hữu Đức, nên xin chịu tội cùng Hữu Đức rồi để tự chàng định đoạt lấy vận mệnh của vợ chàng và tùy ý trừng trị Phi Tiên thế nào cũng được.

Sau khi nghe Phi Tiên kể rõ mưu đồ của mình sắp đặt với cô Ba làm cho Kim Duyên thua bạc trắng tay phải bán rế chữ tiết để trả nợ cho Hữu Đức nghe. Ngay lúc ấy Kim Duyên cũng thổ lộ vì nàng quá thương con còn nằm trong bụng mẹ nên không đành chết.

Lúc ấy Hữu Đức hiểu rằng mọi tội lỗi ác độc đều do cô Ba (Phi Tiên một phần), chàng tha thứ cho vợ và Phi Tiên. Tuy vậy chàng vẫn còn rất bất bình vì những con sâu, con mọt của xã hội như vậy mà chúng vẫn ngấm nhiên tồn tại không bị pháp luật trừng trị.

10) ***Ai bạc tình***, Nhà in Đức Lưu Phương, rue d'Espagne, Sài Gòn 1931.

Tóm tắt nội dung:

Đức Minh làm thư ký cho một hãng buôn. Do công việc hằng ngày chàng thường xuyên liên hệ với nhà buôn của M. Nhân Toàn. Nhân Toàn có người em gái chú bác vì gia cảnh éo le phải đến sống nhờ nhà vợ chồng ông.

Cô Tư, em M. Toàn thường gặp Đức Minh nên có

lòng yêu chàng, nhưng vì Đức Minh vốn vô tình nên chàng không hay biết gì. Đến khi nghe một nhân viên của M. Toàn nhắc khéo chuyện tình cảm ấy, thì Đức Minh mới bỗng sức chú ý đến Cô Tư và cảm thấy nếu kết duyên với cô cũng được. Vừa giúp cô khỏi phải nhờ vả vào nhà họ hàng, vừa giúp cô tránh cái khó là phải ngỏ lời với chàng. Và rồi dù có vợ, chàng cũng có thể theo đuổi hoài bão riêng. Thế là Đức Minh viết thư gửi cô Tư, cho cô biết rằng chàng đã hiểu niềm riêng của cô. Nếu cô không ngại phải kết duyên với một người hay thay lòng đổi dạ có cuộc sống phong trần như chàng và không cần mai mối thì chàng sẽ chấp nhận cuộc sống hôn nhân giữa hai người.

Nhận được thư (cô Tư phải đón Đức Minh để lấy thư) cô Tư mừng khắp khởi vì kể từ nay không còn cô đơn nữa. Cô chuẩn bị giấy thật tốt để phúc đáp thư cho Đức Minh nhưng còn bận việc chưa kịp viết thư, thì bà Toàn giới thiệu cho cô một công tử nhà giàu có nhà lầu, xe hơi. Thế là cô Tư trả lời thư cho Đức Minh rằng cô xin cáo lỗi không thể nên duyên chồng vợ với chàng được, bởi vì cô đã có người giai ngẫu từ trước khi gặp Đức Minh!

Đang buồn bực, Đức Minh vào tiệm ăn của khách trú dùng bữa, chàng bực tức vì bọn Chệt thô lỗ, thiếu văn hóa, tức khí Đức Minh ấu đả với chúng. Kết cuộc chàng bị tù. Ngày Đức Minh vào tù cũng là ngày thành thân của cô Tư với công tử nhà giàu nọ.

Giờ Đức Minh trầm nghĩ lại, anh lấy làm may mắn vì không cưới được cô Tư là việc tốt vận may, vì chàng cho rằng những người nông nổi, “tốt mã rã đám”, chỉ vì bề ngoài thôi.

Trong lúc Đức Minh bị tù, người giúp việc của chàng là Trần Thị Nhữ đã giúp chàng giải quyết mọi việc nhà, lại còn lo buôn bán nuôi chàng và trả tiền thuê căn phố. Cô Nhữ không phiền hà vì nổi vất vả của mình.

Ngày Đức Minh về, đồ đạc của chàng vẫn còn nguyên. Chàng nhớ đến cái đẹp của cô Tư mà ngán ngẫm việc đời.

Nhưng chỉ mấy tháng sau, cô Tư tìm gặp lại chàng và xin nối lại duyên cũ, vì chàng công tử kia đã chán cô và đã lấy vợ khác. Nhất là ngày nay cô đã về với ông thân giàu có, chứ không vất vả nữa.

Tác giả cho chúng ta – độc giả – quyền định đoạt mối tơ duyên của Đức Minh: với cô Tư xinh đẹp giàu có hoặc với cô Như đen đúa nghèo nàn.

11) *Anh bạc tình*, Nhà in Đức Lưu Phương, rue d'Espagne, Sài Gòn, 1931.

Tóm tắt nội dung:

Kim Sơn gia đình khá giả, có căn phố trệt hẻm Aviateur Garros. Chàng cho bà Khanh thuê nửa căn nhà trên vì thấy bà có cô con gái – tên là Chín Mi – đẹp mặn mà và có duyên thầm.

Bà Khanh buôn bán ở chợ gần nhà. Cô Chín Mi ở nhà trông nom nhà cửa. Cô là người có nữ công nữ hạnh và rất kén chồng. Chính công tử Kim Sơn ngỏ ý cầu hôn mà cô cũng không khứng!

Kim Sơn có người bạn là Phi Tâm đang thất nghiệp, ở đậu lại nhà mình. Phi Tâm hàng ngày đi kiếm việc. Chàng có cử chỉ đoan trang nên cô Chín Mi nảy lòng thương thầm trộm nhớ, Phi Tâm hiểu ý cô nhưng không đáp lại vì biết bạn mình là Kim Sơn đang thầm yêu cô Mi, hơn nữa chàng lại đang thất nghiệp.

Cô Chín Mi chờ mãi không được Phi Tâm ngỏ ý, sốt ruột cô viết thư ngỏ tình với Phi Tâm. Kim Sơn bắt được thư này, đem đọc cho bà Khanh nghe. Bà Khanh giận sao cô Mi lại đi yêu một người thất nghiệp trong khi bao nhiêu người giàu có dám hỏi cô lại không ưng.

Bà Khanh đánh cô một trận đòn nên thân, bởi lí do này Kim Sơn buộc Phi Tâm ra khỏi nhà mình.

Phi Tâm nghĩ mình không làm gì sai, nhưng Kim Sơn và bà Khanh hồ đồ như vậy thì chàng cũng không muốn ở lại thêm ngày nào nữa.

Phi Tâm đi rồi, cô Mi nhớ thương chàng da diết và thương hại Phi Tâm vì khi ra đi chàng không một đồng dính túi nên cô bỏ nhà tìm theo. Gặp được chàng hai người kết vợ chồng, cô Mi có ít vốn nên buôn bán kiếm lời mua sắm quần áo cho Phi Tâm để có cái mặc lúc ra vào với bạn bè và người thân.

Ít lâu Phi Tâm tìm được việc làm, lúc này cô Mi đã có thai. Vợ chồng cô dắt nhau về thú tội cùng bà Khanh, nhưng bà không nhìn cả con lẫn rể. Từ đó vợ chồng cùng sống với đồng lương tư chức nơi Sài Gòn hoa lệ.

Một thời gian sau, công ty nơi Phi Tâm làm, chuyển chàng ra Hà Nội làm việc với đồng lương gấp đôi. Phi Tâm không muốn xa vợ, nhưng cô Mi khuyên chồng đi trước lo nơi ăn chốn ở xong rồi, chàng đón vợ con ra sau.

Phi Tâm nghe lời vợ đi Hà Nội làm việc. Chàng chỉ gởi về duy nhất một lá thư bảo cô Mi yên tâm đợi chàng sắp xếp mọi việc xong sẽ đón nàng ra. Nhưng từ đó chàng không gởi một lá thư nào nữa! Cô Mi buồn rầu, nóng ruột muốn ra Bắc tìm chồng, nhưng bụng chưa đã gần ngày sanh. Đến khi cô sanh con được cứng cáp. Cô bồng con ra Hà Nội tìm chồng ở chi nhánh của công ty phố Hàng Bông, nhưng Phi Tâm đã thôi làm việc ở đó từ hai tháng trước.

Người ta chỉ cho nàng, nhà của chàng giờ đây là căn phố 3 tầng lầu ở phố Hàng Da. Cô Mi bồng con tìm đến những mong gặp mặt chồng. Ngay lúc đó Phi Tâm lái một chiếc ô tô nhà bóng lộn có người yêu ngồi cạnh vừa

trở đến. Cô Mi nhìn chàng không chớp mắt. Lại thấy kẻ bên chồng mình một thiếu nữ lộng lẫy, sang trọng thì lòng nàng ngổn ngang trăm mối tơ vò. Cô chưa kịp phản ứng gì thì Phi Tâm nhấn ga cho xe vọt nhanh mất hút chỉ để lại một đám bụi làm mẹ con nàng ngỡ ngàng!

Chiếc xe vọt qua ngã tư, tức khắc đâm phải một chiếc khác làm xe Phi Tâm lật nhào. Tai nạn xảy ra làm người yêu của Phi Tâm chết bẹp trong xe, còn Phi Tâm thì bị thương nặng. Cô Mi bỗng con chen vào đám đông, Phi Tâm gặp hai mẹ con thì ăn năn, nhận lỗi bất nghĩ của mình “có trăng quên đèn”, rồi đập đầu tự tử vì mình đúng là “anh bạc tình” chính hiệu.

12) *Bạc trắng lòng đen*, Nhà in Đức Lưu Phương, rue d'Espagne Sài Gòn, in lần thứ nhì, 1931.

Tóm tắt nội dung:

Lê Văn Dao được hưởng gia tài của cha mẹ hơn mười ngàn đồng, mà vì vợ là Đào Hoa tiêu xài lớn thành phá sản. Chàng lại thất nghiệp, không cung ứng đủ cho vợ, phải vay của Kỳ Sanh hai ngàn đồng, nhưng chẳng bao lâu cũng xài hết nhẵn.

Trong khi Dao chưa tìm được việc làm, thì vợ đã nhanh chân bỏ chàng mà lấy Kỳ Sanh. Đào Hoa và Kỳ Sanh bàn kế thừa ra tòa bắt giam giữ Dao vì chàng không tiền trả nợ, để hai người thông dong dan díu tư tình cùng nhau.

Dao ở tù, Đào Hoa chỉ thăm chồng một lần rồi mất tăm. Kỳ Sanh và Đào Hoa ăn ở, ân ái mê mết nhau và không cần giấu giếm gì ai cả.

Một hôm Kỳ Sanh phải về thăm nhà, hứa chắc sẽ trở lên với Đào Hoa ngay hôm sau, nhưng đến mười ngày vẫn chưa về. Đào Hoa nóng ruột, thuê xe về quê Kỳ Sanh ở Cần Thơ để tìm hiểu lí do. Đào Hoa gặp Kỳ Sanh, nàng kêu hấn, nhưng hấn giả vờ không nghe, lánh mặt nàng.

Còn chàng Dao ở tù mà vẫn nhớ thương vợ khôn nguôi, chàng gửi thơ cho vợ, nhưng chỉ nhận được lời dứt tình phũ phàng!... Sau mấy tháng ở tù, bỗng nhiên chàng Dao được trả tự do. Ấy là do Kỳ Sanh đã chán chường nhân tình thế thái: (vợ hắn cũng ngoại tình) muốn bãi nại, giải oan cho chàng, nên không đóng tiền cơm tù nữa. Chàng Dao bán nhà lấy vốn xuống Vĩnh Long làm ăn. Chàng được nhận chân thư toán trong một nhà buôn lớn, nhờ chăm chỉ mà chàng được ông chủ gả con gái là Minh cho chàng. Chẳng bao lâu, ông chủ nhà buôn qua đời, chàng trở thành chủ nhà buôn.

Một hôm Dao ra yết thị cần tuyển một nhân viên “thơ toán” cho nhà buôn thì có người đến xin việc ngay. Đó là Dương Vĩnh Tấn, trước làm thơ toán trong một hãng buôn lớn ở Sài Gòn, y đã hách dịch làm nhục Dao khi chàng thất nghiệp đến đó xin việc làm. Bây giờ Vĩnh Tấn gặp lại chàng trong cảnh thất nghiệp và xin cầu việc làm, Dao không nỡ đối xử tệ như hắn đối với chàng.

Sở dĩ Vĩnh Tấn phải nghèo xơ vì thất nghiệp phải trôi dạt đến Vĩnh Long là vì hắn vừa bị đuổi việc lại gặp Đào Hoa định bòn chài. Mê nàng, hắn bỏ vợ con, dắt Đào Hoa xuống Vĩnh Long kiếm việc làm để xây tổ ấm mới, thì gặp lại Dao đang làm chủ hãng. Hắn hết đường, phải dắt Đào Hoa bỏ đất Vĩnh để qua Mỹ Tho tìm được chỗ làm với đồng lương rất thấp. Không đủ chi dùng (Đào Hoa đã quen tay tiêu xài phóng túng) Đào Hoa phải tiếp khách làng chơi cho một khách sạn. Rồi tình cờ Dao và Kỳ Sanh vào khách sạn (Kỳ Sanh hối lỗi nên xin Dao tha tội). Họ nhờ bồi dẫn mỗi một nàng cho thật đẹp. Bồi đưa mỗi, một người đến trước mặt Dao và Kỳ Sanh: đó là Đào Hoa.

Quá xấu hổ nàng tự vận trước mặt mọi người vì quá nhục nhã!

Sau đây là phần *Hồi kí* (Tự truyện) của ông.

13) Máu hòa nước mắt - Hơn 30 năm dưới thời Pháp thuộc.

a- tập I *Máu hòa nước mắt* (Hồi kí rút ngắn, 190 trang viết tay) có nhan đề như trên.

Tập I được dàn trải như sau:

I. An Ninh quần đảo từ 12-12-1945 đến 18-4-1946

- 1) Vài lời thưa trước
- 2) Tại sao tôi đi ăn cướp, giết người?
- 3) Cái tên làm hại cái đời
- 4) Tôi nắm chánh quyền Côn Đảo trong trường hợp nào?
- 5) Một cuộc đối lý giữa tôi và nữ cán bộ Việt Minh
- 6) Người ta để lại cho tôi những gì?
- 7) Tôi trả thù bằng cách nào?
- 8) Sáu người có tên trong sổ bìa đen là ai?
- 9) Kẻ cho đi người gàn lại để...
- 10) Ai cấm tù về? Ai cho tù về?
- 11) Cùng đi gặt lúa để dùng chung phải chăng là một điều sỉ nhục?
- 12) Ai ép duyên ai?
- 13) Tại sao tôi phải kéo cờ hàng?
- 14) Ai giết già Quít?
- 15) Tại sao 28 Số bị tế mở chiến sĩ trước mộ ông N.A.N.?
- 16) Tại sao có 3 hồi trống lúc xử Đoàn Công Thành?
- 17) Tại sao tôi giết Nguyễn Thành Út?
- II. Tù Côn Nôn dưới thời Pháp**
- 18) Thổ mộ Hàng Keo và Hàng Dương
- 19) Bữa ăn của tù Côn Nôn dưới thời Pháp
- 20) Sở đục đá làm đường
- 21) Sở kéo cây
- 22) Sở củi chuồng bò

- 23) Hầm cấm cố xay lúa
- 24) Sở cạy đá san hô
- 25) Sở Rờ-set bắt tù trốn
- 26) Quần áo phát cho tù
- 27) Thơ từ và bưu kiện (thời Pháp và hiện nay)
- 28) Tại Chí Hòa thì khác hẳn

III. Khám lớn Sài Gòn thuở trước... và Trung tâm cải huấn Chí Hòa ngày nay

- 29) Chế độ Cặp rằn Khám lớn
- 30) Chế độ dân cử (bầu đại diện) tại Chí Hòa
- 31) Cách lục xét lại Khám lớn Sài Gòn thuở trước
- 32) Cách lục xét lại Chí Hòa ngày nay
- 33) Việc ăn uống tại Khám lớn
- 34) Việc ăn uống tại Chí Hòa
- 35) Các cuộc giải trí (trước và nay)
- 36) Về việc học hành (trước và nay)
- 37) Lịch sử phòng điện ảnh

Kết luận

b- tập II *Quần đảo Côn Sơn, Máu hòa nước mắt*: chi tiết về đời tư tác giả cũng sinh hoạt hơn 35 năm tại các khám đường Sài Gòn, Hà Tiên, Phú Quốc, Côn Đảo, Chí Hoà cho đến ngày ông về lại nơi nhau rùn (làng Bình Nghị - Tân Duân Đông - tỉnh Gò Công cũ).

Đây là một “tập đại thành” của ông về toàn bộ tác phẩm mình. Có thể nói *Quần đảo Côn Sơn - Máu hoà nước mắt* là một tác phẩm lớn của lịch sử văn học Việt Nam và vong quốc sử nước nhà.

Kể từ ngày đất nước ta rơi vào tay thực dân Pháp (1862) và cũng thời điểm đó Côn Lôn (Côn Đảo) trở thành một vùng đất đầy máu và nước mắt của những chiến sĩ Cần vương, các nhà yêu nước, cách mạng... cùng một số thường phạm khác. Trong đó các nhà yêu nước: Lã Xuân Oai (1838 - ...) Phan Châu Trinh

(1872 - 1926), Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Đặng Nguyên Cẩn (1867 - 1923) và các nhà cách mạng hiện đại Lê Hồng Phong (1902 - 1942), Nguyễn An Ninh (1900 - 1943)... đã tiêu hao sinh lực của mình nơi “*địa ngục trần gian*” mà cũng là “*trường học thiên nhiên*”.

Với các chiến sĩ yêu nước cận, hiện đại Việt Nam phải quần quai nơi xà lim, hầm tối khổ sai cực hình quả thật ghê rợn; các sự kiện ấy đã được các chiến sĩ Côn Đảo ghi lại bằng kí ức mình qua những vần thơ, câu văn thấm đẫm mồ hôi, không ít nước mắt và cả xương máu nữa. Trong những tiếng than, giọng cười ấy, Côn Đảo là chất liệu sống động nhất được thấy rõ qua hai tác phẩm tiêu biểu: *Thi tù từng thoại* của Huỳnh Thúc Kháng, *Bất khuất* của Nguyễn Đức Thuận và *Quần đảo Côn Sơn - Máu hoà nước mắt* của Sơn Vương.

Thi tù từng thoại (xuất bản năm 1939)⁽¹⁾ là một quyển thi thoại ở Côn Đảo mà cũng là một cuốn sách đầu tiên lên án chế độ nhà tù hà khắc của thực dân giam cầm, nhằm lung lạc các chiến sĩ yêu nước. Nhưng đối với cụ Huỳnh Thúc Kháng vì ông là một nhà nho được uốn nắn trong cái học của thánh hiền (Nho giáo) rất dồi mực thước, kín đáo, dè dặt, thâm trầm. Các sự kiện trong đời và nhà tù Côn Đảo nói riêng có mười thì cụ chỉ cần nói một, nói một để nói lên cái mười. Cái thâm trầm ấy chỉ mới nói lên được phần thanh cao của tâm thức con người mà chưa nói được cái yếu hèn của thế giới ô trọc, cái yếu hèn của con người. Thế cho nên đọc *Thi tù từng thoại* của Huỳnh Thúc Kháng, đọc *Ngục trung thư* của Phan Bội Châu, đọc *Ngục trung kí sự* của Trần Huy Liệu, *Ngục Kon tum* của Lê Văn Hiến, *Ngôi tù Khám lớn* của Phan Văn Hùm, *Lao tù* của Thiên Giang, *Tôi đây Bà Rá* của Lê Văn Thừ, *Ngục trung nhật kí* (Nhật kí trong tù) của Hồ

(1) Tham khảo, Nguyễn Q. Thắng, *Huỳnh Thúc Kháng Con người và thơ văn*, tiết *Thi tù từng thoại* khá chi tiết NXB Văn học tái bản 2001.

Chí Minh... độc giả nào cũng thấy được tình cảm và lí trí của các nhà yêu nước Việt Nam trước nạn vong quốc. Phần lớn các tác phẩm về thế giới tù tội trên đều là của các nhà cách mạng, yêu nước đều kinh qua cho nên rất trung thực và sinh động.

Ở đây chúng ta bắt gặp một tác phẩm cũng viết về thế giới lao tù của một *nhà văn* mà cũng là *một tướng cướp* - thường phạm mang một (ba) bản án khổ sai nơi thiên nhai hải giác “địa ngục trần gian” Côn Đảo hơn 35 năm thừa (chính thức là 79 năm) tức bộ hồi kí *Máu hoà nước mắt* của Sơn Vương mà chúng tôi giới thiệu đây.

Khác hẳn *Thi tù từng thoại* và các tác giả tù nhân khác, *Máu hoà nước mắt* là một tiếng kêu than dài gần nửa thế kỉ với những giọt máu đào thấm đẫm nước mắt của hàng vạn sinh linh khác. Đây quả là một mối căm hờn còn hơn trong củi sắt của những con hổ ở các sở thú! Cái khối căm hờn của tác giả *Máu hoà nước mắt* gấp vạn lần hơn của những ai khác khi quyền sống của mình bị cướp đoạt bởi lũ người mà lòng dạ còn hơn súc vật. Nếu tính kể từ ngày bị tổng giam, tức ngày 16-8-1933 cho đến ngày được tự do với đời, tổng cộng là 35 năm, 3 tháng, 3 ngày và tính bằng ngày là 12.725 ngày (mười hai ngàn bảy trăm hai mươi lăm ngày) ông phải hít thở không khí nơi ngục tù cấm cố, khổ sai. Theo ông số ngày ngồi tù trên chưa kể 180 ngày (6 tháng) tù bị giam chung với các ông Trần Huy Liệu (1901-1969), Nguyễn Khánh Toàn (1905 - 1993), Nguyễn Phương Thảo - Nguyễn Bình (1908 - 1951) về tội(!) tham gia lễ truy điệu chí sĩ Lương Văn Can (1854 - 1927) hồi các năm 1926 - 1927. Một tù nhân khổ sai dài đằng đặc ấy quả thật khủng khiếp của lịch sử tù thế giới nói chung, Việt Nam - nói riêng - thật hãn hữu. Thế cho nên đọc *Thi tù từng thoại*, *Ngục trung kí sự*, *Ngồi tù Khám lớn...* và các cuốn khác, dù sao đi nữa độc giả còn có tiếng cười thoải mái hoặc chua chát. Còn đọc *Máu hoà nước mắt* của Sơn Vương chỉ có *nước mắt* mà

thứ nước mắt có mùi tanh mặn của *máu tù* khổ sai thiếu ăn, thiếu mặc mà phải lao dịch khổ sai nơi địa ngục trần gian. Vậy đọc các tác phẩm khác, chúng ta ngưỡng mộ những con người (tù nhân) vượt trội mà chúng ta không theo kịp, nhưng đọc *Máu hoà nước mắt* để hiểu những con người bình thường - rất đời bình thường - nhưng chính trong cái bình thường ấy lại là những bài học phi thường trong tư cách làm người để giáo hoá chúng ta.

Sách trải dài gần cả ngàn trang được cấu tạo như sau:

Phần đầu:

- Địa dư và diện tích Quần đảo Côn Sơn
- Tên của chòm đảo
- Những ai đã đặt chơn lên hòn đảo này trước nhất?
- Côn Nôn hồi xưa ở đâu lập được hai làng: An Hải, Cỏ Ống?
- Danh sách các tên Quần đốc Pháp từ 1862 cho đến thời Việt Nam 1975
- Giống sinh vật nào đáng bị mang danh ác thú?
- Đây! Mới đúng là loài ác thú chánh hiệu!
- Những ông Phật sống...
- Về mặt hành chánh và quân sự dưới thời thực dân
- Tại đảo dưới thời Pháp có mấy trại giam lớn và mấy sắc tù?
- Tại đảo dưới thời Pháp, tù nhân chia làm mấy hạng?
- Tên các Sở...
- Sở Rờ-set hay Lò sát sinh của thực dân Pháp?
- Tên các Bãi...
- Vượt đảo thất bại bị bắt về Sở Rờ-set sẽ gặp những gì?
- Hàm Xay lúa...
- Sức chứa của Hàm Xay lúa và người trong đó phải thờ bằng gì?

- Cối Xay lúa hay là một thứ gông cùm?
- Phe đảng Cặp Rắn và một tiếng *cạch* là một mạng người!
- Mâm cơm Quý phái trong cảnh tù đầy ở Côn Sơn
- Nhà ngủ của anh em trong Hầm Xay lúa
- Có công mài sắt có ngày nên kim
- Khả năng tự tín giữa Người và Vật

Phần hai:

- Tại sao người tù Côn Nôn luôn luôn nghĩ tới việc vượt đảo?
- Bằng những phương tiện nào để được thoát ly?
- Phải hội đủ điều kiện trước ngày khởi sự
- Những chương ngại gì có thể vấp phải?
- Đây, các phương tiện vượt đảo
- Một cuộc đẫm máu kinh hồn giữa anh *Tám Tề Thiên* và bạn Rờ-sết

- Hai bài thơ của vợ chồng anh Tám Tề Thiên
- Vụ Thomas Phước nổi loạn bên Hòn Cau
- Vụ 200 tù binh Việt Minh bên Bãi Nhứt nổi cuộc bạo hành
- Vụ anh Sáu Kỳ trao đổi ông kia bà nọ
- Vụ Đại tá Thế đoạt ghe công xưởng
- Vụ cậu *Hoà áo thun* giả làm thuỷ thủ trốn tàu
- Tôi bị hai tên côn đồ mưu toan làm hại, nhưng...
- Khi một người *HÙNG* đã có quyết tâm
- Bây giờ mới đến lượt tôi thả bè bằng trái nổi
- Vụ ba người lính sẵn đá thả bè về Cáp
- Vụ thầy thông dây thép thụt kết trốn tàu bằng thùng bơu kiện.

- Những gì có thể xảy ra ở giữa biển khơi
- Ông Bà Lai Du vượt đảo ba lần thất bại cả ba

Phản ba:

- Sản vật Côn Nôn gồm có những gì?
- Tại sao có tên Hòn Trứng

Phản tư:

- Phong độ của nhà chí sĩ Nguyễn An Ninh
- Một cuộc tranh luận sôi nổi giữa hai nhà đối lập
- Bài Sọ Người hay là nắm mỏ của những chiến sĩ vô danh?
- Một vài trang sử khắc nghiệt
- Sự tích Bà - Cậu Côn Nôn
- Tình phụ tử với chiếc ngai vàng
- Sự có nghĩa của hai con vật
- Nhờ đâu ngày nay Sở An Hải có được ngôi chùa An Sơn Tự
- Hòn Đá Ông Triệu và Sở Bông Hường hay ấp Cô Hường?
- Sự tích Hòn Cau và Bãi Đầm Trầu
- Sự tích Bãi Ông Đụng và cây Cỏ Nàng Hai
- Sự tích Hòn Trác hòn Tài và nàng Tiên An Hội
- Chuyện cô đào Đào Ngọc Bảy

Phản hồi kí:

- Những con số gì đây?
- Tôi đã làm gì nên tội?
- Bởi lí do nào tôi phải đi đến nước làm kinh tế mạo hiểm?

- Vụ Ông Kiệt người đạo Cao Đài
- Anh Lý Tử: một người Hùng trong đám giang hồ
- Cọp Lửa Từ bi, ông là ai?
- René Gaillard là ai? Súng giả chơi súng thật
- Tai trời ách nước xui nên nợ
- Ông chủ Nhà máy Nguyễn Thanh Liêm: một Mạnh thường quân
- Vô tình hay thiếu thận trọng đều có thể xảy ra tai nạn
- Vị Đại lão sư ấy là ai?
- Anh Nguyễn Phương Thảo sang Pháp... - Võ gia Phục quốc là ai?
- Bốn người tìm mộ anh Đình không gặp, một mình tôi, tôi lại tìm ra
- Tên Đường phân bội, bán tôi cho René Gaillard để lãnh thưởng
- René Gaillard là mẫu người cởi mở, có tinh thần tự giác
- Nhưng Bazin là một con cáo già mật thám của chế độ thực dân
- Tại sao Chương Lý Lafrique kỳ thị riêng đối với tôi?
- Tôi lại gặp tên Nguyễn Văn Thiện tức Ba Nhỏ du côn Cầu Muối
- Cuộc đời của René Gaillard có gì bí ẩn? Màn bí mật bắt đầu
- Tại sao tôi có cái danh hiệu "*Đề Lao Hiệp Khách*"?
- Trường hợp nào anh Nguyễn Phương Thảo trở thành Nguyễn Bình?
- Tại sao tôi không để tên ứng cử lại bị đắc cử Chủ tịch UBND?
- Bác sĩ Nguyễn Kim Cúc là ai? Một lối mạo danh bịp bợm

- Trường hợp nào tôi với cô giáo Hoa có dịp xích lại gần nhau?
- Người đẹp ấy còn khích lệ tôi nên đem nhau về đất để...
- Kèn xuôi trống ngược, lỗi này tại ai?
- Về chuyện bình thiên hạ
- Phải làm việc như thế nào cho được đúng nghĩa là một công bộc?
- Nguyễn Thành Út đã phá rối tôi bằng cách nào nữa?
- Hội Phụ nữ Cứu quốc bắt tay vào việc
- Phái bộ Văn Cù muốn nghe tôi nói chuyện bình thiên hạ
- Nguyễn Thành Út còn phá rối tôi bằng cách nào nữa?
- Hội Phụ nữ Cứu quốc bắt tay vào việc
- Hội đồng dân biểu đã được thành lập
- Vấn đề Y tế, thuốc men và việc phân phối cá biển
- Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân
- Chờ người trong đất liền ra thay
- Những tướng đào thơ là liễu yếu, ai hay nương tử cũng anh hùng?
- Tình thân trách nhiệm buộc tôi phải làm gì trước khi ra đi?
- Việc ra đi, tôi phải chuẩn bị và dàn cảnh như thế nào?
- Khi một tên đẩy tứ cửa Quyền làm Oai với Dân
- Tôi phải đối phó cách nào?
- Núi có lở mới tường sức đá, lửa không nung sao biết tuổi vàng?
- Định mệnh hay rủi ro?
- Hội đồng dân biểu làm việc về các vụ bê bối của Cò Út
- Tờ cam kết của Nguyễn Thành Út: sẽ bị tử hình nếu còn tái phạm

- Nhưng Nguyễn Thành Út có ăn năn thật sự theo lời cam kết không
- Ông già Quít bị ám sát, ai là thủ phạm?
- Lòng dân và bạo lực bên nào mạnh hơn?
- Gậy ông trở đập lưng ông!
- Nguyễn Thành Út hết đường chối cãi
- Công chúng toàn đảo rất hài lòng về cách làm việc của Hội đồng dân biểu
- Cú kêu ba tiếng là điểm chỉ vậy?
- Một lần nữa, lần thứ tư, việc ra đi của tôi lại gặp cảnh không may
- Ngày 18 tháng 4 năm 1946 là ngày tủi nhục nhất trong đời tôi
- Trăm Dâu cứ đổ đầu Tằm!
- Can trường của một cô gái trước mặt tử thần
- Cò Pháp gặp Cò Việt Minh
- Anh Tống Ngọc Lân xứng đáng là một người "Hùng"
- Nàng Hoa hoạt động để hạ tên tân Giám đốc ác ôn Gimbert
- Kho vàng chúa Nguyễn còn không?
- Tên Hội lưu manh bị phản phé
- Người ngay mắc nạn, nhưng ông Hornecker vẫn đứng vững
- Rời bỏ nhà trường từ 12 tuổi, nhờ đâu mà được trở thành
- Một nữ độc giả trở thành ân nhân
- Nguyễn Thành Út lại đến thăm tôi với mưu định gì đây?
- Tình hay nghĩa phải được phân minh

- Sự sinh hoạt của Sở Rầy Chuồng Bò
- Chưa hết, con quỷ báo đời vẫn còn đeo đuổi theo tôi
- Một khi hung thần đến đâu là sẽ có tai hoạ cùng theo đến đó
- Ai nhỏ trộm lê ghim trong Sở, để tôi phải chịu hàm oan
- Lại một vụ hành tội Cò Út, tôi muốn có một lần cảnh cáo sau cùng
- Một khi thời khắc đã điểm
- Để binh vực Nguyễn Thành Út, Obénans móc súng bắn tôi, nhưng...
- Gan mật của một đám anh hùng rơm
- Thái độ khác thường của viên Cò Hiến binh mới tới Côn Nôn
- Lai lịch khúc đầu vương và tử thi của Nguyễn Thành Út...
- Tôi được Cò Peter huỷ bỏ hết tang chứng, nhưng tôi không đồng ý
- Toà án biến thành Hí viện
- Sao lại không cho báo chí được tường thuật buổi xử tôi?
- Nàng Hoa vào Chí Hoà thăm tôi, lại gặp tôi có bỏ

Phản thi thơ:

- Những lời chưa nói
- Tổng Thiệu chúc Tết
- Một cuộc chơi chữ vô cùng hào hứng giữa cụ Phan Văn Trị và...
- Dân tộc nào đáng được mang danh anh hùng nhứt thế giới?
- Bài thơ ngày thăm Khám lớn riêng cho tù thường án

- Bài thơ: Sanh mạng người Việt dưới mắt của một tên thực dân
- Săng-chê Suối-lớn phải chăng Tổng hành dinh của một nhóm tù?
- Sống dậy đất bằng
- Một tờ bố cáo thanh minh về vụ tên Ba Đào
- Tài sản thiên nhiên của Săng-chê Suối lớn
- Một buổi tiệc cộng đồng để trả lời câu: *ăn ở dơ như tù!*
- Cô gái rừng Sim, hay giấc mơ của một cô gái đang tuổi dậy thì?
- Bài thơ để tặng nàng Xuân nữ gặp tôi giữa cánh rừng Sim
- Lại một lần nữa: đất bằng nổi sóng
- Vì đâu nên nổi?
- Trở về làng cũ
- Tại sao làng tôi bị đốt?

*Sóng bao nhiêu Nước, bao nhiêu Lệ,
Núi mấy tầng Mây, mấy đoạn Lòng...!
Tình người hẹn với Núi sông...
Bốn phương hỏi bạn Tâm Đồng... là ai?*

Trước khi tìm hiểu nội dung hồi kí này tưởng chúng ta cần biết qua *Các sở tù và các chúa ngục Côn Đảo* từ khi Pháp xây dựng và cai quản tù ở “địa ngục trần gian” này.

B- CÁC CHÚA NGỤC VÀ CÁC SỞ TÙ CÔN ĐẢO

Theo các tài liệu còn tại các thư viện công thì tính đến khoảng năm 1930, ở Côn Đảo có các sở tù sau:

1. Sở Lưới
2. Sở Ruộng
3. Sở Đục đá
4. Sở Kéo cây
5. Sở củi Chuồng bò
6. Sở Lò gạch
7. Sở Lò vôi
8. Sở Muối
9. Sở Bản chế
10. Sở Tiêu
11. Sở Rẫy An Hải
12. Sở Cỏ Ống
13. Sở Hòa ni (vanilliers)
14. Sở Bông Hồng
15. Sở Rẫy Ống Lớn
16. Sở Ống Đụng
17. Sở Vệ sinh
18. Sở Đất dốc

* *Sở Lưới*: chuyên đánh bắt hải sản, quản lý ghe xuống khi cần thì truy bắt tù vượt ngục trên biển.

* *Sở Ruộng*: chuyên đóng cày bừa, sản xuất dụng cụ canh tác.

* *Sở Đục đá*: ở dưới chân núi Chúa. Chuyên khai thác đá bằng cốt mìn và các dụng cụ thủ công và đập thành đá học, đá dăm để làm đường.

* *Sở Kéo cây*: sở này còn gọi là sở Ống Cầu, chuyên khai thác gỗ lớn, thả theo sườn núi cho lăn xuống biển rồi kết thành bè chờ xà lúp kéo về.

* *Sở Chuồng Bò*: có 2 công việc:

- Chăn nuôi bò, heo.

- Kiểm 4 loại củi khác nhau: củi dùng cho nhà máy nhiệt điện, củi đốt than, củi nung vôi và củi nấu bếp ở các banh. Đây là một trong những sở nặng nề lao lực đáng sợ nhất.

* *Sở Lò gạch*: sản xuất gạch xây dựng các nhà ở và trại giam.

* *Sở Lò vôi*: sở này do kíp tù ở khám chỉ tồn phụ trách 2 khâu: đi lấy san hô ngoài biển đem về - nung san hô thành vôi bột.

* *Sở Muối*: làm ruộng muối ở làng An Hội.

* *Sở Bàn chế* (Bagne des Charpentier): là xưởng tiểu thủ công, khai thác tay nghề của tù để làm các nghề mây, cần ố, đôi mồi, mộc, cơ khí...

* *Sở Tiêu*: là một nông trường rộng lớn, đầy lam sơn chương khí. Người Pháp cho trồng cây mít rồi sau đó trồng tiêu cho tiêu leo lên cây mít. Tiêu và mít ở sở ấy đến nay vẫn còn thu hoạch khá tốt.

* *Sở Rẫy An Hải*: là nông trường lớn ở làng An Hải. Trồng nhiều loại cây ăn trái và cung cấp giống cây trồng cho toàn đảo.

* *Sở Cỏ Ống*: nông trường lớn hơn ở An Hải, thuộc làng Cỏ Ống. Cây trồng cũng phong phú đa dạng hơn nhưng chủ yếu là lúa. Sở này ở cách khu trung tâm 12km nên việc chuyên chở đi lại rất khó khăn vất vả.

* *Sở Hòa ni* (vanilliers): trồng cây va ni để đưa về Saigon bán.

* *Sở Bông Hồng*: lúc đầu trồng hoa hồng, sau chuyển sang trồng rau quả.

* *Sở Rẫy Ống Lớn*: là khu vườn rộng của viên quản đốc nhà tù, trồng cây ăn trái và nuôi vich, đôi mồi.

* *Sở Ông Đụng*: trồng cây màu như khoai, sắn, bầu bí. Sở này ở xa nhất, bên sườn phía Tây núi Chúa.

* *Sở Vệ sinh*: trung dụng tù ở các trại để lo các việc quét đường, hốt rác, đổ phân... Đứng ra đây chỉ là khâu tạp dịch hằng ngày.

* *Sở Đất dốc*: trồng cây ăn trái và chăn nuôi gia cầm gia súc⁽¹⁾.

Các Sở tù này được tác giả mô tả tuy giản lược mà sâu sát vì ông là một trong các chứng nhân đích thực nơi “địa ngục trần gian”.

Theo tài liệu hiện trân tàng tại Bảo tàng Côn Đảo còn ghi đủ danh sách các viên cai quản quần đảo Côn Lôn (Côn Đảo) kiêm chúa ngục Côn Lôn từ khi Pháp chiếm nước ta từ năm 1862 đến đầu thế kỉ XX. Số này tổng cộng là 53 người (không kể hai người; một do Nhật cử và một người (Trương Văn Thoại) do dân Côn Đảo bầu cử. Trong số đó có 4 người đáng chú ý (2 nhiệm kì) gồm:

1. Pasquet de la Broue: (1876-1877) và (1878-1882)
2. Bouvier: (1927-1934) và (1935-1942)
3. Bạch Văn Bốn: 1955 và (1957-1960)
4. Nguyễn Văn Vệ: (1965-1971) và (1973-1974)

Theo *Máu hoà nước mắt II* (Sdd) và sách *Côn Đảo kí sự và tư liệu* (NXB Trẻ, 1996) thì từ khi Pháp chiếm Việt Nam (Nam Kỳ) thực dân xây dựng Côn Đảo thành một trung tâm hành chính mà cũng là một nhà tù khổng lồ giam giữ các tù nhân Việt Nam.

(1) Theo Sơn Vương, *Quần đảo Côn Sơn - Máu hoà nước mắt* (Hồi kí) Bản thảo này đã được một vài công trình nghiên cứu, luận án Tiến sĩ trích dẫn mà không ghi xuất xứ và tác giả!

Chưa đầy ba tháng sau khi chiếm Côn Đảo, thiếu tướng Bonard, Thống đốc đầu tiên của xứ Nam Kỳ thuộc địa đã kí một Nghị định vào ngày 1-2-1862, quyết định thành lập tại Poulo Condore (Côn Đảo) một trại giam để lưu đày các phạm nhân và tù binh chiến tranh. Nghị định tiếp theo vào ngày 1-3-1862 đã quy định đề lao P.C (viết tắt Poulo Condore) được cai quản bởi một Thanh tra bản xứ vụ (Inspecteur des affaires indigènes) Trung úy Félix Roussel, phó Hạm trưởng Hải quân Pháp được cử giữ chức Quản đốc đầu tiên của nhà ngục với quyền hành pháp và tư pháp trên toàn quần đảo, tương xứng chức danh Thanh tra bản xứ vụ cai quản tại các tỉnh. Chức vụ này lại đặt dưới quyền của viên Chỉ huy trưởng Đồn quân trú trên đảo⁽¹⁾.

Kể từ đó đến năm 1975 tại đảo có 53 chúa ngục. Riêng trong thời thuộc Pháp có đến 39 tên, thời chính quyền Sài Gòn có 14 người.

Sau đây là danh sách và chức vụ các tên chúa ngục Côn Đảo từ năm 1862 đến 1975. Riêng thời điểm từ tháng 8 năm 1945 đến tháng 4 năm 1946 có hai người trong thời kì quá độ trên là Lê Văn Trà và đáng chú ý nhất là Sơn Vương như trong hồi kí *Máu hòa nước mắt* của ông.

C- DANH SÁCH 53 ĐỜI CHÚA NGỤC CÔN LÔN TỪ 1862 ĐẾN 5-1975⁽¹⁾

1. Roussel: 1862-1863

Lieutenant de Vaisseau (Trung úy hải quân, phó hạm trưởng)

2. Bizot: 1863-1864

Lieutenant de Vaisseau (Trung úy hải quân, phó hạm trưởng)

(1) Theo Sơn Vương, *Bản thảo đã dẫn*.

3. **Benoit:** 1864-1866
Enseigne de Vaisseau (Trung úy hải quân)
4. **Boube:** 1866-1869
CPT. Inf. de Vaisseau (Đại úy hải lục quân)
5. **Stiedel:** 1869-1870
L.T. de Vaisseau (Trung úy phó hàm trưởng)
6. **Claudot:** 1870-1871
L.T. de Vaisseau (Trung úy phó hàm trưởng)
7. **Gaudot:** 1871-1872
L.T. de Vaisseau (Trung úy phó hàm trưởng)
8. **Chevillet:** 1872-1874
CPT. Inf. de Marine (Đại úy hải lục quân)
9. **Symphoz:** 1874-1875
CPT. Inf. de Marine (Đại úy hải lục quân)
10. **Morin:** 1875-1876
Administrateur (Tham biện)
11. **Pasquet de la Broue:** 1876-1877
Colonel Inf. de Marine (Đại tá hải lục quân)
12. **Disnematine Dorat:** 1877-1878
Chef de Bataillon Inf de Marine (Tiểu đoàn trưởng hải lục quân)
13. **Pasquet de la Broue:** 1878-1882 (Đại tá về hưu)
14. **Bocquet:** 1882-1884
Administrateur (Quan cai trị)
15. **Caffort:** 1884-1887 (Quan cai trị)
16. **Sellier:** 1887-1890 (Quan cai trị)

17. René: 1890-1892

Chef de Bureau Secrétariat général (Chánh văn phòng thư kí tổng vụ)

18. Jacquet: 1892-1896

Agent administrateur (Nhân viên hành chính)

19. De Colbert Turgis: 1896-1898

Chef de Bataillon Inf. de Marine en retraite
(Tiểu đoàn trưởng hải lục quân về hưu)

20. Morizet: 1898-1908

Licencié en Droit (Cử nhân luật khoa)

21. Malaye: 1908-1909

Administrateur (Tham biện)

22. Cudenet: 1909-1913

Administrateur (Tham biện)

23. De Gaillard: 1913-1914

Administrateur (Tham biện)

24. O'Connel: 1914-1916

Administrateur (Tham biện)

25. Royer: 1916-1917

Administrateur (Tham biện)

26. Andouard: 1917

L.T de reserve P.C. (Trung úy phó hạm trưởng dự bị)

27. Lambert: 1919

CPT. Inf. Colonial (Đại úy bộ binh thuộc địa)

28. Bouvier: 1927

Administrateur (Tham biện)

29. Crémazy: 1934

Commissaire de Police (Cảnh sát trưởng)

- 30. **Bouvier:** 1935
Administrateur (Tham biện)
- 31. **Brouillonnet:** 1942
LT. de Gendarmerie (Trung úy Hiến binh)
- 32. **Tisseyre:** 1943
Chef de bataillon Inf. Colonial
(Thiếu tá tiểu đoàn trưởng bộ binh thuộc địa)
- 33. **Hilaire:** 1945
Gardien chef (Giám thị trưởng)
- 34. **Gimbert:** 1946
CPT. de Vaisseau (Đại úy hải quân)
- 35. **Hornecker:** 1946-1947
CPT. Légion étrangère (Đại úy Lê dương)
- 36. **Brulé:** 1947-1948
CPT. Légion étrangère (Đại úy Lê dương)
- 37. **Lafosse:** 1948-1951
Chef de Bureau Inf. Colonial
- 38. **Jarty:** 1951-1953
Chef de bataillon Inf Colonail
(Thiếu tá tiểu đoàn trưởng bộ binh thuộc địa)
- 39. **Blanck:** 1953-1955
Chef de bataillon Inf. métropolitaine
(Thiếu tá tiểu đoàn trưởng)
- 40. **Bạch Văn Bôn:** 1955 (Thiếu tá quân đội Sài Gòn)
- 41. **Trần Văn Thiều:** 1955-1956 (Cán bộ hành chánh)
- 42. **Hồ Chí Thiển:** 1956-1957 (Đại úy bảo an QĐSG)

43. Bạch Văn Bốn: 1957-1960 (Thiếu tá QĐSG)
44. Lê Văn Thế: 1960-1963 (Thiếu tá QĐSG)
45. Nguyễn Văn Sáu: 1963-1964 (Thiếu tá QĐSG)
46. Tăng Tư Tự Sao: 1964-1965 (Trung tá QĐSG)
47. Nguyễn Thế Ty: 1965 (Thiếu tá QĐSG)
48. Nguyễn Phát Đạt: 1965 (Thiếu tá QĐSG)
49. Nguyễn Văn Vệ: 1965-1971 (Thiếu tá QĐSG)
50. Cao Minh Tiếp: 1971-1972 (Trung tá QĐSG)
51. Đào Văn Phô: 1972-1973 (Trung tá QĐSG)
52. Nguyễn Văn Vệ: 1973-1974 (Trung tá QĐSG)
53. Lâm Hữu Phương: 1974-1975 (Trung tá QĐSG)⁽¹⁾

Riêng tù nhân Sơn Vương bị giam tại Côn Đảo từ năm 1935 là thời điểm của chúa ngục Bouvier (nhiệm kì thứ nhất) cai quản cho đến nhiệm kì của Nguyễn Văn Vệ (1965-1976) ông mới được giảm án và trả tự do trong năm 1968 như đã viết trong phần tiểu sử.

Với hồi kí rút gọn *Máu hòa nước mắt*, ông kể lại tường tận các sự việc xảy ra tại Côn Đảo từ ngày 12-12-1945 đến ngày 18-4-1946, ngày Pháp tái chiếm Côn Đảo là ngày ông bị nhốt vào xà lim. Phần tóm tắt này tác giả viết xong ngày 27-2-1968 (?) (*) tại khám Chí Hòa, Sài Gòn.

Phần hai, theo tác giả *Sài Côn cổ sự* (Bằng Giang) “tác giả hoàn thành sau ngày thống nhất đất nước với tên Hồi kí *Máu*

(1) Theo Sơn Vương, *Bản thảo đã dẫn*, xem lại chú thích tiết *Các chúa ngục và các sở tù Côn Đảo* ở trên.

(*) Chúng tôi đoán là năm 1968 vì bản chép tay mất 2 con số cuối, còn bản thảo *Quần đảo Côn Sơn* ghi ngày cáo hoàn thành là ngày 12-8-1969.

hòa nước mắt 1933-1968⁽¹⁾ được đánh số từ trang 189 đến trang 501⁽¹⁾. Trong bản thảo đánh máy, tác giả không ghi thời điểm cao thành. Chỉ biết rằng theo bản tôi (BG) được đọc, ở phần đầu bản thảo có kèm một bản sao chụp bức thư của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo đề ngày 12-01-1983 cảm ơn Sơn Vương về việc ông đã gửi tặng cho bản hồi kí *Máu hòa nước mắt*⁽¹⁾.

Cùng trong một tập hồi ức có tên *Một chặng đường bút mực* (bản thảo)⁽²⁾ của mình, nhà văn Vũ Hạnh (1926 -) tổng kết cuộc đời cầm bút và hoạt động đơn tuyến tại nội thành Sài Gòn từ năm 1955-1975, ông Vũ Hạnh có nhắc đến việc ông quen với nhà văn Sơn Vương và tập hồi kí *Máu hòa nước mắt* (tập 2) như sau:

“(...) Người tán thưởng sách *Con người Sài Gòn* của tôi là ông Sơn Vương. Ông tên là Trương Văn Thoại, khét tiếng một thời là một tướng cướp gan dạ nhưng cũng từng được ca ngợi là người hào hiệp. Ông bị thực dân Pháp bắt, kết án trên 70 năm tù đưa ra Côn Đảo giam cầm và khi cách mạng tháng Tám thành công ông được lên làm chúa đảo một thời gian ngắn cho đến khi Pháp quay lại để mong tái chiếm Việt Nam thì ông trở lại ngục tù. Dưới chế độ Nguyễn Văn Thiệu, nhiều người và nhiều đoàn thể đã xin cho ông được hưởng tự do. Ông về cư ngụ trong một ngôi nhà nhỏ, nằm sâu trong hẻm đường Nguyễn Cư Trinh, quận I, thành phố Sài Gòn (...)

Sau ngày giải phòng ít lâu, tôi được thư ông mời đến nhà nhận tập hồi kí của ông. Tập này ghi lại toàn bộ cuộc đời ngang dọc và cả tù đầy của ông, được đánh máy làm 4 bản, một bản

(1) Bằng Giang, *Sdd*, trang 104, NXB Văn học, 1999. Chi tiết này có lẽ không đúng vì bản thảo tôi hiện có ghi từ trang 1-612.

(2) Vũ Hạnh, *Một chặng đường bút mực*, nhà văn Vũ Hạnh tặng chúng tôi (NQT).

ông nộp vào cho Thư viện Quốc gia, một bản ông lưu lại cho gia đình, còn lại hai bản, ông dành tặng riêng cho hai văn nghệ sĩ miền Nam mà ông đặc biệt cảm tình, đó là nhạc sĩ LHP^(*) và tôi (VH). Hôm được thư ông, nhân dịp anh LNC^(**) từ Hà Nội vào, tôi mời cùng đến thăm ông. Và trước bàn thờ đã được đốt nến, thắp nhang, tôi đã đứng lên nhận lãnh từ tay Sơn Vương một tập hồi kí khá dày.

Độ vài năm sau, ông cho người đến mượn lại tập hồi kí này để mà đánh máy, vì tập của ông bị người mượn xem làm thất lạc. Rồi tôi nghe ông bị tai nạn xe và ông trở về quê nhà, dưới Gò Công Đông. Nhiều lần tôi muốn xuống thăm^(***), song sau Giải phóng thì giờ quá ít nên chưa đi được thì nghe ông đã qua đời. Tôi vẫn nhớ mãi con người cao niên, gầy gò, nhưng đôi mắt sáng quắc và giọng nói đầy uy lực, với những cử chỉ ngang tàng, tạo một ấn tượng khó lòng phai nhạt cho những ai đã một lần gặp ông⁽¹⁾.

(*) tức Lưu Hữu Phước (1921-1989).

(**) tức Lê Ngọc Cầu.

(***) Từ năm 1991 chúng tôi (NTQ) từng rủ nhà văn Vũ Hạnh xuống Gò Công thăm ông, nhưng lần lựa mãi đến năm 1994 thì nghe tin ông mất dưới quê. Mãi đến năm 2003 chúng tôi cùng vài người thân (cả ông Vũ Hạnh) đi Gò Công thăm quê ông và để sưu tầm thêm tư liệu về Sơn Vương. Đến Gò Công chúng tôi hỏi thăm nhiều người kể cả văn phòng Thị ủy thị xã Gò Công nhưng vị nào cũng không biết! Thất vọng hoàn toàn, chúng tôi đành ra về, nhưng bất ngờ, trên đường về Sài Gòn chúng tôi tìm được nhà thân phụ Sơn Vương. Tại bàn thờ gia đình còn bài vị các vị quá cố, trong đó còn thờ ảnh ông (SV). Chúng tôi hỏi thăm nhiều việc và tư liệu thì gia đình bảo là *không còn gì cả* chỉ còn một chân dung duy nhất trên thờ tại nhà. Nói chuyện ít lâu chúng tôi xin phép gia đình thắp một nén nhang rồi từ giã. Tại buổi nói chuyện, chúng tôi xin số điện thoại gia đình, nhưng nay đã lạc mất, nên chuyến thăm lần thứ hai (2006) vừa rồi không tìm được nhà. Nhưng trong chuyến thứ ba (2007) tôi (NQT) tìm được địa chỉ tác giả. Thân nhân gia đình cụ Sơn Vương cho chúng tôi mượn được một ít tư liệu quý mà gia đình còn trân tàng. Thế cho nên, chúng tôi nghĩ đây có lẽ là tập tư liệu đầy đủ nhất về Sơn Vương mà từ trước đến nay chưa ai công bố.

(1) Vũ Hạnh, *Bđd*.

Gần đây, chúng tôi liên lạc được với Bảo tàng Côn Đảo thì biết ở Bảo tàng này chỉ có tập I: Hồi kí rút ngắn *Máu hòa nước mắt* chứ không có tập II *Máu hòa nước mắt 1933-1968* như ông Bằng Giang đã ghi ở trên. Như vậy thì tập II nay đã thất lạc chẳng? Hay vẫn còn nằm ở thư viện nào đó ở Sài Gòn, Vũng Tàu hoặc Côn Đảo. Chúng tôi vẫn nuôi hi vọng một ngày nào đó tập II bộ hồi kí *Máu hòa nước mắt* sẽ đến với độc giả xa gần. Và điều hi vọng trên đã đến với chúng tôi là hiện nay tôi có đủ trên tay: một tác phẩm cuối cùng (*Bán buồn mua vui*) và tập II Bộ *Hồi kí* của Sơn Vương.

Bán buồn mua vui (bản thảo chép tay rất cẩn thận, mỹ thuật) là một tập *tập bút* gồm nhiều thể loại: *lịch sử, chuyện vui, truyện cổ tích, nhân thân tác giả, nguồn gốc dân tộc Việt Nam, đạo đức làm người, câu đố...* Tất cả đều mang tính giáo dục rất cao, tuy tác giả vận dụng nhiều thể loại đã làm cho tác phẩm có một giá trị lớn. Đây là tác phẩm ông viết trong những ngày xế bóng tại nơi nhau rún dù cho tác giả đã vào tuổi bát thập nhưng vẫn còn rất minh mẫn (1987) (xem văn trích)

Trong sách này chúng tôi chỉ giới thiệu các đoạn thiên tiểu thuyết (12 cuốn), cuốn *Bán buồn mua vui* và Bộ *Máu hòa nước mắt I, II* trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông.

D- NỘI DUNG CHỦ ĐỀ TÁC PHẨM

Như những gì tác giả dàn trải trong các tác phẩm (đoạn thiên tiểu thuyết) của mình chúng ta thấy những trang văn của ông đã giải bày được tư tưởng, tình cảm và cả hành vi đạo đức, cách sống của tác giả (Sơn Vương).

Điều đáng chú ý là thời gian cầm bút của ông rất ngắn (khoảng 2 - 3 năm, từ năm 1929 đến năm 1931), sau đó ông phải nhận hai bản án chung thân (32 + 32 = 64 năm và 15 năm trước năm 1932 ở Sài Gòn = 79 năm).

Trong 4 lần tù với các bản án trên thì chỉ có hai lần tù đầu là thực thọ vì chính đương sự gây án mà chỉ là án thường phạm, (cướp, xô xát). Còn hai lần sau là do thời cuộc và tư thù cá nhân cùng với sự tàn ác của chính sách thực dân; nghĩa là hoàn toàn khách quan và vì thời cuộc mà ông phải nhận các bản án thảm khốc, tổng cộng là 79 năm.

Theo tự truyện của ông, thì Sơn Vương bắt đầu cầm bút từ năm 1928-1933⁽¹⁾; nghĩa là năm ông vừa tròn đôi mươi. Với tuổi hai mươi ấy ông đã từng nhìn đời bằng đôi mắt với một nhân quan sắc sảo về đời người cũng như người đời.

Theo tác giả tự bạch khi viết văn, làm sách ông luôn nhắm vào *năm mục tiêu* sau:

- 1- *Cốt truyện lấy đề tài thường xảy ra trong tầng lớp bình dân.*
- 2- *Giải trí và giáo dục, răn đời, làm ác gặp ác, làm lành gặp lành.*
- 3- *Đả phá chính sách thực dân, gọi lòng yêu nước.*
- 4- *Tả chân bình dị, bình vực kẻ cô thế, bài xích quan liêu, phong kiến.*

5- *Đất nước Việt Nam là của người Việt Nam*⁽²⁾.

Đó là *năm chủ đề* và cũng là *năm mục tiêu* mà tác phẩm ông mong đạt được.

Khi cầm bút Trương Văn Thoại bắt đầu từ cách *đặt bút hiệu, xưng tên nhân vật, chọn nhan đề*... cho đến việc *xây dựng chủ đề tu*

(1) Phần lớn các tác phẩm của ông đều xuất bản trong vòng 3 năm từ 1929-1930-1931 và đến năm ông bị Pháp bắt giam từ Khám Lớn đến Côn Đảo ông gác bút luôn – trừ thời điểm làm báo ở Côn Đảo. Đến năm 1968 ông mới cầm bút lại.

(2) Năm chủ đề và cũng là năm mục tiêu trên chắc phải trình bày trong một chuyên đề khác (NBS)

tưởng tác phẩm đều có một sự nhất quán giữa tác giả và tác phẩm. Những điều đó có một sợi chỉ xuyên suốt qua tâm thức nhà văn cũng như đứa con tinh thần của mình.

Ngay trong phần mở đầu tác phẩm *Máu hòa nước mắt*, (bản thảo) có một tiết với nhan đề **«Tại sao tôi đi ăn cướp và tại sao tôi phạm tội giết người»** khai mào cho tác phẩm, ông viết:

“Ăn cướp để làm gì? Điều này tôi không cần nói rõ chi tiết vì đã có vong linh ông NAN⁽¹⁾ và một số nhà cách mạng đàn anh quá cố, và một số gia đình lao động ở Bàn Cờ và Xóm Trẽ^(*) bị cháy nhà từ ba mươi mấy năm về trước (hiện nay còn sống) chứng kiến cho tôi” (...)

«Một điều tôi có thể hãnh diện và tự an ủi lấy tôi là hai lần bị bắt về tội cướp, người ta tra tấn tôi đủ thứ cực hình để sát hạch tôi: Ăn cướp lấy tiền để làm gì và trao cho những ai? Thì trước sau tôi vẫn một mực khai rằng: chơi đĩ và thua cờ bạc mà hết; chứ không hề khai một lời nào có thể can danh phạm nghĩa đến các bậc đàn anh, vì hành động mạo hiểm đó đều do tôi tự động, chứ không ai xúi bẩy; nghĩa là các nhà cách mạng đàn anh không hề hay biết những món tiền tôi đưa ra là tiền ăn cướp”.

“Nhà chức trách Pháp hồi ấy không tin, họ khảo tôi là tôi cứ rần chịu đòn. Vì tôi tự xét: các anh ấy mà được tự do hay còn sống là xã hội được nhờ. Trái lại tôi bất quá là một kẻ vô danh tiểu tốt, có chết đi cũng không liên quan gì đến việc đời hay việc nước.

«Vậy tôi đi ăn cướp lấy tiền là để chơi đĩ và thua cờ bạc; mặc dù tôi không bao giờ bước đến ngưỡng cửa lầu xanh, cũng như

(1) Ông NAN: Tức nhà yêu nước Nguyễn An Ninh (1900-1943) tác giả cổ ý viết tắt.

(*) Xóm Trẽ: Tức khu vực mã Lạng (nay thuộc phường Cầu Kho và phường Nguyễn Cư Trinh Quận I TP.HCM).

không cầm được bộ bài Cào hay bộ bài Tứ sắc mà chia cho các tay con để chung tiền hay hốt bạc"⁽¹⁾.

Ngày nay độc giả chỉ cần đọc qua đoạn văn *tư bạch* trên của ông chắc cũng hiểu khá tường tận về việc đi ăn cướp của nhà văn Sơn Vương cũng như những điều sâu thẳm nhất trong con người bằng xương bằng thịt Trương Văn Thoại. Chính điều đó chứng tỏ nếu không muốn nói ông là một thành phần của quần chúng Việt Nam yêu nước hồi đầu thế kỉ XX trước nạn nước tình nhà (vợ ông bị chúa ngục Gimbert (Đại úy Hải quân) cưỡng đoạt ở Côn Đảo - nhưng không thành -, rồi nhạc gia ông bị mất tích trong những năm kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) và vợ trước - bà Ngọc Dung - và hai con mòn mỏi đợi chồng, cha rồi chết ở đất liền (Sài Gòn - Trà Vinh).

Trong việc làm của ông từ các năm 1926 – 1932 hoặc các tác phẩm viết trước khi vào tù ở Khám Lớn, Chí Hòa ở Sài Gòn (1933). Ở đây chưa nói tới nội dung chủ đề tác phẩm mà chỉ với tên các nhan sách cũng đã một phần nào nói lên được nhân sinh quan tác giả đối với xã hội mà nhà văn hiện hữu. Các tên nhan đề ấy có thể là *Bạc trắng lòng đen*, *Lỗi hẹn quên thề*, *Ngọc lằm với đá*, *May nhờ rủi chịu*, *Làm ơn mắc oán*, *Kẻ thù dân tộc*, *Thà được làm chó hơn được làm người*, *Phân bạn vì tình*, *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*, *Sâu bọ nổi lên làm người*, *Lỗi về tôi*, *Ăn năn đã muộn*, *Anh bạc tình*, *Bát cơm chan máu*... Thậm chí khi xây dựng tên nhân vật ông cũng có một cách gọi tên độc đáo, độc giả khi mới đọc qua đã biết *chân diện mục* nhân vật ấy, nào *Thị Lành*, *Lê Chung Tình*, *Đặng Hào Hoa*, *Hữu Đức*, *Đức Minh*, *Nhân Toàn*...

Độc giả ngày nay có thể – một số ít người xem khinh tiểu thuyết Nam Bộ trong buổi sơ khai – xem thường, đến nỗi có

(1) Sơn Vương: *Máu hòa nước mắt*.

người bấu môi, cho rằng các nhan sách ấy chỉ là một kiểu “thùng rỗng kêu to”, hoặc “cải lương”, “phương chèo” hạng “người phiêu lưu” hay “máu liều lĩnh”... Nhưng thực chất các tác phẩm; nếu không muốn nói là *hầu hết* của Sơn Vương, từ nhan sách, hình thức cùng nội hàm chủ đề tác phẩm có một sự hòa quyện chặt chẽ dẫn người đọc từ khi mới bắt đầu cầm sách cho đến lúc đọc xong dòng cuối đều có một sự cộng hưởng từ chủ đề tư tưởng tác phẩm toát ra. Điều này có thể cho dù những người đọc ấy không cùng một nhân sinh quan, thế giới quan với tác giả cũng có thể đồng tình với những gì Sơn Vương viết nên. Đó là cái đặc thù, độc đáo của nhà văn Sơn Vương qua tác phẩm mình trong khi cầm bút dù cho khi viết tiểu thuyết hay viết hồi kí, tự truyện...

Trong số các cuốn kể trên thì riêng các cuốn: *Bát com chan máu, Chén com lạt của người thất nghiệp, Ai bạc tình, Anh bạc tình, Một lần hai lỗ*... được độc giả tiếp đón nồng nhiệt và tiêu thụ rất mạnh; nhất là các cuốn vừa dẫn trong vòng *một tháng* đã tái bản, nhưng sách in lần sau thì bị tịch thu thiêu hủy. Và cũng từ đó bút danh Sơn Vương phải tuyệt tích giang hồ, vì ông là kẻ chủ động vụ cướp tiền của chủ đồn điền cao su René Gaillard, Phó giám đốc sở cao su Mimot ở Campuchia – giáp với tỉnh Tây Ninh (VN) – đồng thời là Quản trị viên công ty Caffort đường Catinat (Sài Gòn). (René Gaillard vốn người đảo Corse – Pháp cũng là một tên cướp hoàn lương, sang Đông Dương làm lại cuộc đời).

Vụ cướp tiền của René Gaillard được trót lọt, nhưng sau đó do tài xế Năm Đường phản bội, nên Sơn Vương bị bắt. Từ ấy (1932) ông nghỉ viết cho đến sau năm 1968 mới cầm bút lại với tác phẩm *Máu hòa nước mắt* như đã dẫn ở trên. Thế cho nên, chúng tôi không ngại mà cho rằng Sơn Vương cùng với tác phẩm của mình (con tinh thần) là *một cặp song sinh đúng ngày tháng*

cả diện mạo cùng máu tủy và gen di truyền. Ấy vậy mà ngày nay kẻ sinh sau đẻ muộn bịa chuyện cho rằng:

“Khi phái đoàn Việt Minh của Văn Cừ về đất liền, còn lại một mình một cõi, máu giang hồ lại nổi dậy, Trương Văn Thoại tự xưng là Sơn Vương gọi Côn Đảo là Côn Lôn quốc, biến Ủy ban hành chính thành chánh phủ, đặt Quốc ca bắt trẻ con hát. Đường lối «trị nước» của Sơn Vương lấy câu «Tứ hải giai huynh đệ» làm phương châm. Hai chữ Sơn Vương vừa là ngoại hiệu giang hồ vừa là «đế hiệu vậy»⁽¹⁾.

Về việc lập gia đình của ông cũng là điều kì thú, tất cả đều do thời cuộc mà thành. Ông cưới cô Kim Hoa – con gái ông Vệ Liễn (Võ Văn Liễn) nguyên giám thị đề lao Côn Lôn thời ấy (1943 – 1945).

Đám cưới ông có đủ thành phần: gia đình, xã hội: mai dong, ông bà nhạc gia, cô dâu, chú rể, chủ hôn, đồ sính lễ... và già Quít^(*) lúc ấy ân nhân của ông – người thân của ông Vệ Liễn – chứ không phải như tác giả Ngọc Phan viết một cách tùy hứng trong một cuốn sách nghiên cứu có tên như chú thích dưới. Về việc ông cưới vợ, tác giả vừa dẫn còn bồi thêm:

«(...) Sơn Vương muốn hỏi Huỳnh Hoa làm vợ, nhưng Vệ Liễn không đồng ý, bèn đem Vệ Liễn ra trời ngoài pháp trường, dọa rằng: đánh đứt ba hồi trống mà không chịu gả con gái thì sẽ bị chém. Một công dân của đảo là Quít^() bất bình lên tiếng phản*

(1) Ngọc Phan, trong *Côn Đảo Kỉ sự và Tư liệu*, NXB Trẻ, TP. HCM, 1996.

– Theo từ nhân Trương Văn Thoại, thì Sơn Vương là bút danh ông chứ không phải «đế hiệu» của “triều đình Trương Văn Thoại”, vì từ (chữ) *Sơn Vương* là chiết tự từ chữ *Thoại*: (王_{thoại}) Từ (chữ) *Thoại* gồm 3 chữ: *vuong*: *son* và *nhi* rồi bỏ bớt chữ *nhi* này thành ra *Sơn Vương* (山王); Đây là phép chiết tự của chữ *Thoại* mà ra. Vậy biệt danh, bút hiệu *Sơn Vương* là do ông kí từ năm 1928 - 1929 trên các sách của ông ở Sài Gòn. Thế cho nên bảo Sơn Vương là đế hiệu của Trương Văn Thoại là sai!

(*) Già Quít là tù thường phạm sau trở thành kẻ thân tín của ông Vệ Liễn. Năm 1946 ông Trương điều hành Côn Đảo thì già Quít là nhân viên dưới quyền Sơn Vương.

đối liên bị Son Vương ra lệnh cho thủ hạ giết chết. Huỳnh Hoa sợ quá bèn tự nguyện làm vợ Son Vương để cứu cha. (...)

Chắc hẳn Son Vương còn nhiều dự định độc đáo khác để biến Côn Lôn thành một vương quốc riêng của mình.

Nhưng giấc mộng chưa kịp thực hiện thì tháng 4-1946, quân Pháp đã đổ bộ tái chiếm Côn Đảo”.

Son Vương và triều đình của ông cùng hơn 500 công dân bị Pháp đưa trở lại phòng giam⁽¹⁾. (xin xem thêm hồi kí *Máu hòa nước mắt* sẽ rõ).

Có lẽ tác giả trên không đọc cuốn hồi kí *Máu hòa nước mắt* (tuy ông có dẫn lại với nhan đề *Son Vương người tù nửa thế kỉ*

(1) Ngọc Phan, «*Khi Côn Đảo nằm trong tay những người thương phạm*» in trong cuốn *Côn Đảo Kỉ sự và Tư liệu*, (sdd), trang 134, 135. Về cách viết của tác giả này xin độc giả đọc *Máu hòa nước mắt* để thấy sự thật. Thực tế là ông bà Vệ Liên đánh tiếng gả ái nữ của mình (Kim Hoa) cho Son Vương, lúc đầu ông từ chối. Sau đó người mai mối cố thuyết phục ông mới khứng chứ không phải “đánh dứt ba hồi trống mà không chịu gả con gái thì sẽ bị chém”; nhất là “Huỳnh Hoa sợ quá bèn tự nguyện làm vợ Son Vương để cứu cha!” như *Bdd* mà câu nói có nội dung trên là do chính Son Vương bảo vợ mình (Kim Hoa) sẽ trả lời với Pháp khi Pháp tái chiếm Côn Đảo. “*bắt buộc phải gả con, không gả là bắn*” là câu của Son Vương bảo ông bà Vệ Liên nói với Pháp.

Nếu quả thật cô Kim Hoa bị Son Vương cưỡng bức cô làm vợ mình thì tại sao sau khi chiếm lại Côn Đảo Giám đốc Gimbert “*muốn o bế nàng thì bị nàng mắng cho một câu: «Bắt chồng hạ ngục để đoạt vợ; đó là tư cách của một người Đại diện cho nước Pháp phải không?»*”

(...) Nếu cô giáo Hoa có bị tôi cưỡng bách thì cứ để cho cô lên tiếng, tại sao cô không nói gì, mà một số người ngoại cuộc không biết lối nào về tình hình nội bộ trong gia đình chúng tôi mà lại rêu rao dư luận nọ kia?

Miệng đời ăn mắm ăn muối nói sao thì nói, nói trong khi tôi không có quyền ăn nói, vì tôi còn đang ở tù làm sao có thể viết một bài báo để có trả lời?

Hiện nay bà 15 Linh hãy còn sống nhăn đó, người có công tâm, muốn biết sự thật như thế nào, thì hỏi ngay bà 15 thì biết mớ đồ sánh lẽ do tay bà trao lại cho tôi đó là của ai?”

(*Máu hòa nước mắt*, bản thảo, trang 115).

hoặc có đọc - chắc là *có đọc* - mà cố tình bỏ qua, lại còn cố ý hư cấu ra các việc không có về đời tư, nhất là việc ông cưới cô *Kim Hoa* - chứ không phải Huỳnh Hoa) và các tác phẩm văn chương của Sơn Vương nên mới có sự phóng bút tự do (!) để chứng tỏ mình có một cách nhìn quảng bác về chế độ tù tội - nói chung - và Sơn Vương - nói riêng. Tuy rằng *Sách đã dẫn*, là một công trình nghiên cứu nghiêm cẩn của một tập thể tác giả với nhiều tư liệu xác thực...

Đã vậy tác giả còn viết với một giọng trích thượng, kênh kiệu đối với một nhà văn tâm huyết, một người tù thế kỉ, một người nặng lòng với nước với dân vì chính sách thâm độc, gian ác của thực dân Pháp. Theo chúng tôi, có lẽ tác giả trên chỉ đọc các tài liệu của Pháp thực dân, một vài tác giả Việt Nam nào đó có vấn đề, hoặc các thể lực hắc ám nào khác⁽¹⁾, hoặc cũng để chứng tỏ rằng dưới mắt mình mọi người đều là “mục hạ vô nhân”! Vì cả hai cuốn *Máu hoà nước mắt* (I, II) ông viết rất rõ⁽²⁾.

Trong các tác phẩm (trước năm 1931) Sơn Vương viết theo nhiều khuynh hướng thể loại về nội dung (*Trình thám, ái tình, xã hội, hiện thực, phê phán, đạo lí, thời sự...*) tất cả đều toát lên một nội dung lành mạnh, một bức tranh xã hội hiện thực... của

(1) Về chi tiết này, chúng tôi (NQT) có một cuốn tiểu thuyết xuất bản đầu hồi 1947-1954 ở Sài Gòn có nhan đề (tôi nhớ mãi mãi) là *Sơn Vương tướng cướp* hay gì gì đó? Tôi quên bằng tên. Cuốn sách này tôi rất quý nó, tôi cất giữ trong hồ sơ thư mục Sơn Vương, nhưng nay tìm lại thì đâu mất trong số mấy ngàn cuốn của tủ sách gia đình (vì sách mỏng khoảng 5-70 trang khổ 15 x 19cm). Nội dung sách chỉ nói về việc Sơn Vương trước sau chỉ là tướng cướp (NQT).

(2) Trong sách *Côn Đảo tư liệu và kí sự* (Sdd) có một số chương rất giống với một số tiết trong *Quần đảo Côn Sơn - Máu hoà nước mắt* (tác giả viết từ năm 1968 - 1974 ở Sài Gòn) mà không ghi xuất xứ.

đời sống công tư chức – không có viên chức chính quyền – làm thuê ở các xí nghiệp, nhà buôn tư ở thị thành, nông dân nghèo, các cô gái nông thôn, các thiếu nữ ít học vì hoàn cảnh xã hội phải sa vào chốn lầu xanh trụy lạc, cờ bạc đàng điếm... Tất cả các nhân vật – nạn nhân của xã hội – cuối cùng đều được ngoại cảnh cứu vớt, hoặc cá nhân họ tự giác rồi giác tha mà vươn dậy không tự ti mặc cảm và dư luận đang bủa vây họ. Những hiện tượng đó được nhà văn nhắc đến với bao ray rút về cuộc sống hiện hữu: Trong cuốn *Lỡ một lần hai*, ông viết:

«Khi đi hứa gả cô cho chàng Armand... thì cô lấy làm bất bình hết sức, bất bình vì sao, việc hôn nhân là việc quan hệ cả đời người mà đi cô chẳng thèm hỏi lại cô một tiếng nào, coi cô có ưng cùng không ưng, rồi sẽ liệu định, lại đi hứa càng hứa bướng nhu vậy. Đã thế rồi bây giờ Phạm thị còn gọi cô ra ngoài mà nhấc nũa»⁽¹⁾.

Hoặc khảng khái mà kiên cường, bà Cả Ngưu bảo: *«Ăn ở theo Tây mà lòng dạ họ đường Tây thì thôi chứ!»⁽²⁾*

Lời khẳng định ấy quả họ đã có lòng dạ kiên trinh từ... lâu lắm mới nói ra thành lời được.

Còn thăm trạng của nông dân thì:

“Năm vừa rồi từ Nam chí Bắc, nhơn dân xứ nào cũng muốn nổi lên dấy động binh đao... song sức yếu tay không làm sao mà cự nổi với trái phá súng đồng của chánh phủ, kết cuộc đành ôm cái thất bại về mình, mà gây ra không biết bao nhiêu là cảnh tiêu điều ảo não, thật là đáng buồn không sao kể xiết. Nền kinh tế vì đó mà khủng hoảng, dây dưa cho đến ngày nay, nhà buôn đóng cửa rất nhiều. Lại còn cái tăng thuế xuất cảng lúa gạo lên bốn

(1) Sơn Vương, *Lỡ một lần hai*, nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn 1931.

(2) Sơn Vương, *Lỡ một lần hai*, nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn 1931.

mười lăm phần trăm (45%)! Nay tuy đã bãi đi rồi, song hết thầy nông dân cũng vì nó mà nghiêng nghèo điều đáng...”⁽¹⁾.

Hình ảnh và thực trạng của dân nghèo – nói chung – và dân thất nghiệp – nói riêng – vào thời điểm ấy (1930) tại Nam Kỳ quả là một thế giới ảm đạm. Bữa cơm của mấy cha con Linh Chi trong *Chén cơm lạt của người thất nghiệp* quả là thực chất của chế độ Nam Kỳ dưới ánh sáng văn minh Đại Pháp với cái khẩu hiệu: «*Bác ái*» «*Bình đẳng*» «*Tự do*»; hoặc «*cần lao, gia đình và tổ quốc*» mà họ thường rêu rao!

«Bữa cơm của hai đứa nhỏ hôm nay: thầy Linh Chi chỉ chan nước mắt cho chúng nó ăn, chớ chẳng có dưa muối tương rau gì cả! Thế mà chúng nó đói bụng rồi ăn coi cũng ngon lành quá!

Hai đứa nhỏ ăn xong, thầy vét nổi cạo cơm cháy còn được đầu một sét chén! Chén cơm ấy là là phần của thầy, thầy bung lên toan ăn, chẳng rõ thầy nghĩ sao mà rung rung nước mắt rồi nhẹ nhẹ để chén cơm xuống, thầy ngồi khoanh tay mà ngó chén cơm (...).

Thầy thì vẫn ngồi khoanh tay mà nhìn chén cơm, cho đến chén cơm khô queo, ngụi ngất mà thầy cũng chưa chịu ăn! Tại sao vậy? Không phải không có cá thịt mà thầy ăn không được! Không! Không! Đứng vào cảnh ngộ của thầy, bây giờ cầu có cơm lạt mà ăn, thầy dám đầu đầu bồng bồng những món ngon vật quý nữa. Thầy thèm chén cơm lạt ấy lắm, thầy thèm nhều nước miếng đi lặn! Nhưng thầy lo lắng, nếu thầy ăn đi, lát nữa hai đứa nhỏ kêu đói thì thầy biết lấy chi mà chạy cho chúng nó? Vì vậy mà thầy nuốt không vô, thầy ăn không đành!”

«Thầy đói quá nên ngất đi, rồi gục đầu xuống đất mà ngủ. Thầy vừa thiu thiu ngủ, bỗng nghe có tiếng tấp xộc xộc, thầy giật

(1) Sơn Vương, *Ai kén chồng*, nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn 1931.

mình thức đây thì hơi ôi! Một con chó ở đâu lên tới mà ăn chén cơm quý hóa của thầy! (...).

Tục ngữ có câu «chó treo mèo đây», mình hơ hông thì nó ăn, nó có biết phải quấy gì mà hồng chùa cho mình? Chính loài người là loài khôn hơn muôn vật đây, có lẽ nghi phong hóa đây, có khi chỉ vì miếng ăn mà còn sát phạt lẫn nhau thay! Huống hồ gì cái thứ chó! Nếu mình giận nó thì chẳng là mình ngu hèn lắm sao”.⁽¹⁾

Chính vì vậy khi tự đánh giá về cuốn này, tác giả cho rằng: “*Chén cơm lạt của người thất nghiệp* có hay ho đặc sắc gì đâu mà được đa số đồng bào hồi ấy mến mộ! Xin thưa: hết sức tầm thường thôi, nhưng cốt chuyện được lồng trong khung cảnh đau thương của nạn kinh tế khủng hoảng trong thập niên 1930 - 1940 dưới thời thực dân với sưu cao thuế nặng. Trong khi người Việt ta bị bóc lột tận xương và bị đè bẹp dưới một chế độ hà khắc đủ điều thậm tệ” (*Máu hoà nước mắt*, Bản thảo, trang 485). Nếu không là một chiến sĩ xã hội thì làm sao có con mắt quan sát và một con tim, bộ óc cảm và nghĩ xác đáng giàu tình người như vậy.

Còn đối với người gọi là có học (trí thức) mà tâm địa hắc ám, đời sống thể xác và đạo đức bẩn thỉu, không biết nổi nhục mất nước, dân chúng đang làm nô lệ cho ngoại bang, thì các nhân vật tiểu thuyết của Sơn Vương cũng lớn tiếng mắng nhiếc, sỉ vả và không tiếc lời.

«Tôi tưởng ông là người có học thức rộng, biết phân biệt phải quấy, chẳng dè ông có bằng cấp đốc tờ mà tâm địa của ông không sánh bằng một kẻ hạ lưu kia, cha mẹ ông cho ông đi Tây học để làm sự gì về vang cho nước chó có phải cho ông đi học lấy bằng cấp đốc tờ về lập dương đường để mà ve vãn nữ bịnh nhon đâu! Ông làm

(1) Sơn Vương, *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn, 1931, xem toàn văn nơi phần Tác phẩm ở sau.

như vậy thì từ đây còn ai dám đem vợ con đến đây cho ông chữa bệnh nữa? Ông hãy đi ra khỏi phòng này cho mau mau, rồi kêu chồng tôi đến đây đem tôi về, không thì tôi làm nhục ông bây giờ!”⁽¹⁾
(Lỗi về tôi)

Hoặc trong *Bạc trắng lòng đen* một nhân vật của giới bình dân đã phải phân nộ mà buông lời:

“Này bạn ôi! Tôi nghe nói cô thông nào đó phải đi làm đĩ (!) như vậy mới đủ sống thì tôi cảm xúc vô cùng. Những kẻ ở xa lại đây ăn gỏi nằm nhờ thì chúng nó ở nhà lười, đi xe hơi, còn đồng bào ta sinh trường trong tổ quốc mà lại lâm than vất vả đủ điều.

“Ôi! Cái hạng thầy thông mà còn có người thiếu ăn thiếu mặc đến nỗi phải chia sớt mỗi chung tình mới đủ sống, rồi tình cảnh của bọn lao động mới khát khe khốn nạn đến bực nào? Trong lúc nước nhà chìm đắm, trăm họ lâm than, bạn có đồng tâm nhứt trí với tôi mà hi sinh tài sản để làm việc... chăng?”⁽²⁾

Hoặc, khi nói về tư cách, nhân phẩm của người làm việc gọi là thay mặt dân hoặc luật pháp nơi nghị trường. Hãy nghe tác giả kể lại cuộc đối thoại của những người bàng quang:

«*Cô Hạnh cần nhận:*

– Tê ra pháp luật đặt ra để mà trừng trị những kẻ ăn cắp vặt, trộm xằng; chứ không làm gì được đứa đại gian đại ác?

– Đứa đại gian đại ác mà có tiền nhiều thì pháp luật cũng phải kiêng nó chứ sao!

– Máy cái vậy mà sao máy ông Đại biểu mình không kêu ca giùm cho dân nhờ. Vậy nói thay mặt cho dân là thay mặt cái gì đâu?

(1) Sơn Vương, *Lỗi về tôi*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn, không ghi năm xuất bản.

(2) Sơn Vương, *Bạc trắng lòng đen*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn, 1931, bản in lần thứ nhì.

– Xì! Thay mặt cho dân để lấy tiền bỏ túi chứ làm gì... Mình nghĩ thử coi: cái ghế nghị viên ở xứ ta bây giờ công chúng coi rẻ hơn cá sinh ngoài chợ! Mà các ông dám mua bạc muôn, mỗi khi đến kì tuyển cử, thì mấy ông vãi bạc ra như vãi trấu, để mua lòng cử tri tranh ghế nghị viên cho được. Nếu không có lợi ích gì... gì... thì họ đại gì mà dám mua mắc đến thế? Cho nên, trong số mười ông đại biểu ở xứ ta, phần nhiều là kẻ buôn dân bán nước; chỉ có một vài ông là chơn tâm ái quốc mà thôi!”⁽¹⁾.

Thế cho nên, đời sống nhân dân Việt Nam lúc ấy thật vô cùng khốn khổ, nhất là tầng lớp nông dân ở nông thôn càng thêm điêu đứng với cảnh một cổ nhiều trùng năm nào:

“Năm nay thất mùa, mười mẫu ruộng gặt không được sáu thiên lúa, giá lúa chỉ có năm sáu cất một giạ, đã vậy rồi bán chẳng ai mua...

– Vậy rồi họ làm sao?

– Phải bán vợ đợ con, cầm vườn thế đất mà đóng cho đủ chớ sao!

– Rồi những người không có vườn đất?

– Thì người bảo lãnh phải chịu bồi thường, rồi người bảo lãnh xâu xé lại người mượn ruộng mà trừ (...).

– Năm nay ai vô phúc vương phải ruộng công điền thì phải còng lưng mà đóng luôn cho đủ ba năm như vậy!...

– Trời ôi! Họ chịu sao thấu? Nhà nước không châm chế cho họ sao?

– Tôi thấy có châm chế gì đâu (...) Nếu có đi đến trong chốn thôn quê, tiếp xúc với bọn nhà nghèo thì chắc là mình còn thấy nhiều sự đau đớn hơn nữa. Cũng vì cái nạn nghèo đói đó cho nên

(1) Sơn Vương, *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*, 1931, Sài Gòn.

chủ nghĩa cộng sản mới dễ dâm chửi nấy mộng ở xứ ta. Nhon cùng tắc biển, đói rách quá rồi việc gì mà chẳng dám làm, không làm... thì cũng vì cái nạn đói mà chết! Cho nên chỗ này nổi lên biểu tình, chỗ khác làm cách mạng, trộm cướp lung tung. Bọn có quyền thế thừa lúc rối rắm này mà húng hiếp dân lành để bóc lột cho đầy túi mình... Tình cảnh của bọn bình dân năm nay thiệt là đồ khổ, nói ra khôn cùng! (...)

Họ biết sức yếu tay không khó mà cự nổi với súng đồng trái phá, họ biết lắm chứ. Song vì họ gặp tình cảnh cùng khổ quá, sống mà không cơm ăn no, không áo mặc thì sống làm gì! Họ muốn chết, song không lẽ họ cầm dao mà tự sát, nên chẳng thà họ gây nên việc lớn... mà chết, cái chết ấy có ý nghĩa, cái chết ấy đáng chết hơn..."⁽¹⁾.

Thực trạng trên không riêng gì ở Nam Kỳ nơi ruộng "cò bay thẳng cánh" đồng lúa ngút ngàn, mà còn như vậy hướng nữa là ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, thực trạng ấy sẽ như thế nào!

Thế cho nên, phải chăng tác phẩm Sơn Vương là bản cáo trạng nhằm lên án chế độ thực dân, hay là tờ hịch kêu gọi nhân dân đứng lên lật đổ chế độ hà khắc của ngoại bang và tay sai! như nội dung của bài ca *Tám mươi năm* mà có người xuyên tạc là một bài "Quốc ca" của triều đình Trương Văn Thoại. Theo Sơn Vương thì bài thơ trên ông soạn cho các cháu thiếu niên, nhi đồng hát trong trường học chứ không phải là *Quốc ca*.

Chúng ta nên nhớ, Quốc ca Việt Nam hồi ấy chưa có, mãi đến sau cuộc họp Quốc hội năm 1946 ở Hà Nội mới biểu quyết lấy bài *Tiến quân ca* của Văn Cao làm bản Quốc ca của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Hồi đó (1945) ở Côn Đảo, Sơn Vương là người đầu tiên tạm dùng bài *Sinh viên hành khúc* của Lưu Hữu Phước (1921 - 1989). Làm bài hát chào cờ trong các

(1) Sơn Vương, *Chén cơm lạt của người thất nghiệp* (Sđd).

cuộc họp của Ủy ban Nhân dân An Ninh quần đảo. Bài thơ *Tám mươi năm* dài 32 câu, đến năm 1969 ông còn nhớ 12 câu như sau:

Tám mươi năm

– *Tám mươi năm nằm gai nệm mát*
Nhục nào hơn nước mát nhà tan?
Đoái nhìn trăm họ lâm than,
Máu sôi vì lũ tham tàn thực dân!
Đạo đức giả, ai cần bảo hộ?
Tự nghĩ mình chẳng hổ mình sao?
Cũng thì nhân loại cùng nhau
Đoạt quyền cướp nước dạ nào cho ưng?
(.....)
Khuấy máu giặc nhuộm cờ Độc Lập
Tan xương thù xây đắp Tự Do
Nhà nhà Hạnh Phúc ấm no,
Khải hoàn chinh bị cơ đồ Việt Nam

Từ ý hướng trên ta có thể xem Sơn Vương là *nhà văn cách mạng* khoác áo “*tướng cướp*” như ông đã tự nhận chứ không phải ông có một “*vương quốc riêng của mình*” và “*triều đình của ông*” (SV) như tác giả trên đã “*chụp mũ*” ông trong sách đã dẫn.

★

Gần đây trong công tác nghiên cứu sử học, văn học Nam Bộ đã có những thành quả nhất định, trong đó có hai vị khi viết về Sơn Vương Trương Văn Thoại trái ngược nhau. Nhà phê bình khi đánh giá và nhận xét con người có thể trong xã hội hôm qua, và cũng là con người hôm trước để phân tích văn

chương hay đưa con tinh thần của nhà văn rồi phê phán này nọ. Một vị báo Trương Văn Thoại khi cầm quyền ở Côn Đảo tự xưng là «Sơn Vương» có «đế hiệu» trị vì xứ «Côn Lôn quốc». Thậm chí, tác giả trên có lẽ không thèm đọc tác phẩm của đương sự, nhất là không hiểu cách đặt *bút hiệu*, *bút danh* của nhà văn rồi phóng bút theo ý chủ quan của mình để đánh giá nhà văn, cho Sơn Vương đã *tức vị làm vua Côn Lôn quốc* có cả “*triều đình*” và “*đế vị*”.

Trong khi đó thì nhà văn Bằng Giang đứng trên khía cạnh văn học để nhận xét con người văn chương Sơn Vương mà chúng tôi vừa nhắc trên. Như chúng ta đã biết (xem lại tiểu sử) trước khi cầm bút Sơn Vương là một chiến sĩ có hoài bão muốn tham gia vào các hội đoàn xã hội mong “thức tỉnh đồng bào”. Hoài bão ấy được Bằng Giang ghi lại trong tác phẩm «*Sài Côn cố sự*»⁽¹⁾ của ông như sau:

«Người bị bắt trước nhất là Trương Văn Thoại (về sau khi cầm bút mới có bút danh Sơn Vương), hồi được biết trong Ban Tổ chức là cậu Thoại hay cậu «Thức tỉnh đồng bào». Theo lời kể của nhà báo Ngọa Long:

«Cậu Thoại từ quê quán ở Gò Công lên thẳng nhà báo Đông Pháp thời báo và tình nguyện ở lại làm việc, bất cứ là việc gì và có lương hay không có lương không thành vấn đề, miễn là được tham gia với Đông Pháp thời báo» để «thức tỉnh đồng bào»⁽¹⁾.

“Đến khi Nam Kiều thành lập Ủy ban Tổ chức lễ truy điệu thấy cậu Thoại là thanh niên nhiệt huyết nên cho ghi tên vào sổ... Phong thần 14 người và hôm ấy giao cho Thoại phân phát truyền đơn và treo «băng-đô-rôn» (biểu ngữ); chính ngay lúc Thoại leo lên cây sao để trưng biểu ngữ qua đường thì mật thám theo vào chùa Tập Phước và Thoại đã bị mời... lên «xe cây» trước hơn ai hết”⁽²⁾.

(1) Bằng Giang, *Sách đã dẫn* trích lại của Ngọa Long «*Từ 1927 đến 1937 – Mười năm lang báo Sài Gòn với những kỉ niệm kỉ giả dân anh bị thực dân đàn áp*, Báo Đuốc Nhà Nam ngày 27-9-1969.

(2) Bằng Giang, *Bđd*, NXB Văn học, 1999.

Giáo sư, viện trưởng viện Sử học Việt Nam Trần Huy Liệu (1901-1969) người bị bắt một lần với Sơn Vương và cũng là tác giả *Ngục trung kí sự*, (Gia Định, 1928), viết: *Trương Văn Thoại cũng bị bắt một lần vô đó, ngày 26-Juin tức là ngày hôm qua cậu đã thân hành đến chùa Tập Phước ở Gia Định để làm lễ truy điệu Lương chí sĩ (...), cậu trèo lên cây để treo câu đối thì bị lính bắt ngay (...) cậu Trương Văn Thoại bị bắt về bót, ngày hôm sau dẫn lên Bồi thẩm (Juge Instruction) rồi tống vô khám*⁽¹⁾.

Theo đây, chúng ta thấy trước khi làm văn sĩ, tướng cướp thì Sơn Vương đã là một người đi “*thức tỉnh đồng bào*”, “*hiệp khách dề lao*”, “*tù vượt ngục*”... Nói theo ngôn ngữ hôm nay thì “cậu Thoại đã là một nhà hoạt động xã hội, nhà yêu nước! Chứ không phải ông là “Tiếng nói phản kháng, nếu có, trong các đoàn thiên tiểu thuyết của Sơn Vương lại thường là tiếng nói từ kiểu nhân vật nam giới có máu phiêu lưu hay máu liêu lĩnh”⁽²⁾ như cách đánh giá của một Tiến sĩ văn học giảng dạy văn chương Quốc ngữ Nam Kỳ cuối thế kỉ đến năm 1945 ở Đại học Quốc gia TP.HCM.

Nói tắt, Sơn Vương là một nhà văn có khuynh hướng xã hội từng nặng lòng với nợ nước tình nhà, ông đã khoác áo một nhà văn, một tướng cướp lâm thời. Hoài vọng đó ông mong đạt cứu cánh của mình: độc lập cho tổ quốc, xã hội thanh bình và công bằng để ai ai cũng được thẳng lưng nhìn ánh sáng mặt trời giữa đất nước thân yêu! Cứu cánh đó nhà văn chưa đạt được trọn vẹn! Giờ đây nơi thế giới thăm thẳm bên kia ắt hẳn ông vẫn còn ray rứt khôn nguôi!

Gia Định cuối tháng 12-2006
(tiết Đông Chí)

(1) Nam Kiều Trần Huy Liệu, *Ngục trung kí sự*, Gia Định 1928

(2) Đào Ngọc Chương, *Sơn Vương – Khảo luận tác phẩm*, in trong *Văn học Quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỉ XIX – 1945*, (Tập Tham luận Hội Nghị Khoa học) do Khoa Ngữ văn Báo chí Trường Đại học KHXH và Nhân văn TP.HCM, 2006.

BÀI ĐỌC THÊM

(....)

2

*Thích giang hồ, trọng người hảo hớn
Chợ Bến Thành kết bạn Sơn Vương*

Bạn cùng nhà trọ với Thảo có một thanh niên học nghề máy nổ, rất mê tiểu thuyết. Hễ về tới nhà là lật ghế bố đọc say mê. Có lúc Thảo bắt gặp anh ta cười một mình, rung rinh cả ghế bố. Thấy Thảo tò mò nhìn mình, anh ta đưa quyển sách cho Thảo, nói:

– Anh phải đọc nó mới được. Hay lắm!

Thảo nhìn quyển sách nhàu nát: đó là cuốn “Kim thời dị sử” của nhà văn Ngũ Biên Nhi, xuất bản vào tháng 8-1921. Trong năm năm, qua không biết bao tay người đọc sách, lem luốc bẩn thỉu nhưng còn đọc được. Thảo liếc sơ qua lời giới thiệu của Nguyễn Kim Định, tổng lý Công Luận Báo: “chuyện đạo tặc mà không hại cho phong hóa”. Tò mò Thảo mượn đọc và thật bất ngờ, anh bị lôi cuốn ngay tức khắc. Câu chuyện thật hấp dẫn: Ba Lâu làm nghề đạo tặc, lấy của nhà giàu chia nhà nghèo. Anh ta cứu một người có máu mê cờ bạc tự vẫn vì thua cháy túi, rồi cho tiền khuyến y làm lại cuộc đời. Sau đó Ba Lâu dùng kế đánh chà “Sét-ty” đoạt sáu muôn⁽¹⁾ đồng. Trận đánh xảy ra ở Takeo rất ly kỳ. Xe chà Sét ty chở tiền đi Takeo để cho vay bị Ba Lâu tráo

(1) Muôn: Tiếng trong Nam đồng nghĩa với vạn.

tài xế, tới chỗ phục kích, tài xế ngừng xe để Ba Lâu tấn công giết cặp da đưng tiền...

Thảo đọc say mê đến hết tập một, hỏi mượn tập hai. Anh bạn cười nói:

– Mê rồi phải không? Rất tiếc là tập hai thất lạc... Nếu anh muốn đọc loại này thì tôi cho anh mượn cuốn khác còn hay hơn nữa. Đó là cuốn *Tướng cướp hào hoa* của Sơn Vương. Hề đọc là mê, tôi dám cam đoan mà!

Đây là loại trung thiên tiểu thuyết, đọc rông rã một ngày là xong. Cốt chuyện li kì, văn chương trau chuốt: Một tay hảo hớn thấy chuyện bất bình ra tay nghĩa hiệp. Để có tiền làm việc “cứu dân độ thế”, y nghĩ ra cách “làm tiền” đánh cướp các chủ đồn điền cao su, đánh cai tổng, huyện hàm⁽¹⁾. Cách đánh cũng mới: xe hơi, súng lục, tạc đạn... truyện hấp dẫn như coi chiếu bóng...

Đọc xong, Thảo hỏi:

– Sơn Vương là ai mà viết hay vậy?

– Muốn làm quen hả? Vậy thì sáng mai đi với tôi. Ông ta ở gần mình thôi.

– Ở đâu mà gọi là gần?

– Chợ Bến Thành chớ đâu. Tám giờ sáng ngày mai, tôi sẽ giới thiệu anh với ông ta.

Sáng hôm sau Thảo theo bạn ra Bến Thành. Trên vỉa hè đường De la Somme (nay là Hàm Nghi) đám thầy bói ngồi một dãy dài, ông nào cũng mang kính râm, trước mặt bày mu rùa hoặc bộ bài cào. Giang sơn mỗi người là chiếc chiếu manh bấy tấc. Đến góc đường Monlau (nay là Huỳnh Thúc Kháng) người bạn đứng lại, chỉ một người dong dỏng cao mặc bộ đồ bà ba lụa Tân Châu ngồi trên tấm vải ka-ki, trước mặt là một chông sách khổ nhỏ, loại tiểu thuyết trung thiên mà

(1) Huyện hàm (huyện homoraire): có chức mà không có quyền.

Thảo vừa đọc xong.

– Nhà văn Sơn Vương của chúng ta đó.

– Thật không?

Thảo không tin một nhà văn ngồi vỉa hè bán sách của chính mình viết. Lâu nay anh nghĩ nhà văn sống trong tháp ngà - cách gọi văn vẻ để tả cái gác trọ - tuy không giàu sang thì cũng phong lưu...

Anh bạn cười nói:

– Lạ lắm phải không? Nhưng dân Sài Gòn không lạ mấy chuyện này đâu. Ông Nguyễn An Ninh, đường đường là chủ báo La Cloche Felée⁽¹⁾ mà còn dám ôm cả xấp báo rao bán ngoài đường. Vậy thì Sơn Vương bày sách của mình trên vỉa hè rao bán có gì lạ! Chuyện này chắc ngoài Hà Nội, Hải Phòng không có?

– Hà Nội thì tôi không biết chứ Hải Phòng thì làm gì có chuyện này. Nhưng anh hãy giúp tôi làm quen với nhà văn bình dân này đi.

Hai người bước tới ngồi trước Sơn Vương, cầm các cuốn sách bày bán lên ngắm nghía. Sơn Vương vui nói:

– Có cuốn này mới nè hai chú: *Luật rừng xanh*. Có chữ kí của tác giả tặng cho một trăm độc giả đầu tiên.

Thảo nhìn chữ kí cười nói:

– Đọc không ra chữ Sơn Vương. Giống như chữ gì bắt đầu bằng chữ Th...

Sơn Vương gật lia:

– Chú em tinh mắt lắm. Bút hiệu là Sơn Vương nhưng qua tên là Thoại, Trương Văn Thoại. Chú em biết chữ nho không? Chữ *Thoại* gồm ba chữ Sơn, *Vương* và *Nhi*. Cho nên qua lấy bút hiệu *Sơn Vương*.

(1) Tiếng chuông rè.

Thảo thích thú:

– Đó là lối chiết tự. Ai biết chữ nho thì thấy trò chơi chữ này hay hay.

Sơn Vương nhìn Thảo cười nói:

– Chú em ở Bắc mới vô phải không? Vô đây ở đâu? Có bà con quen biết không?

Thảo chỉ người bạn:

– Tôi ở trọ cùng anh bạn này. Chính anh này cho tôi mượn sách của ông. Đọc rồi muốn làm quen với nhà văn...

Câu chuyện tới đây bị đứt ngang vì có nhiều người tới mua sách. Chừng họ đi rồi, Sơn Vương cho sách vô bao kiểu “sac marin” của linh thủy, cuốn mảnh ka-ki đứng lên. Thảo ngạc nhiên:

– Ủa sao không bán nữa?

– Bán sách chỉ là một cách giao du tìm bạn tri âm. Sáng nay làm quen với chú em, qua thích lắm, một người từ phương Bắc mà mến mộ một kẻ ở trời Nam thì thật là một điều lí thú đáng được đánh dấu bằng một tiệc sơ giao. Mời hai bạn trẻ qua bên kia đường, ta vô quán đàm đạo.

Hai bạn trẻ theo Sơn Vương băng qua Bồn binh tới đường Colonel Grimaud (nay là Phạm Ngũ Lão), bước vô một tiệm nước của người Tàu:

– Ba tô hủ tiểu đặc biệt. Sơn Vương bảo lão Chệt bụng bự đứng bên thùng nước lèo nghỉ ngút khói, đặt bao sách lên ghế kê sát tường. Ông kéo ghế ngồi ngó ra đường. Thảo và anh bạn nói:

– Gọi một tô cho ông thôi. Chúng tôi ăn sáng rồi.

– Có sao đâu! Ăn rồi thì ăn nữa, ăn với tôi để đánh dấu ngày sơ ngộ. Tôi chưa ra Bắc nên không có dịp may làm quen với chú em, người mới chân ướt chân ráo vô đây.

Thảo cười:

– Ông muốn tìm hiểu gì?

– Nhưng gì còn nguyên chất, chưa pha tạp. Chớ người Bắc vô Nam lâu đời thì đường Đết - pan thiếu gì!

Phổ ky bung ba tô hủ tiểu tới. Sơn Vương kêu thêm:

– Một thau xiu quách, ba chai la-ve.

– Sáng sớm không bán xiu quách... phổ ky lắc đầu nhưng Sơn Vương cười lớn:

– Kí tổ kí tổ⁽¹⁾! Cứ đem ra rồi tính bao nhiêu cũng được. Tao đang đãi khách quý, không thấy sao?

Phổ ki nói nhỏ với lão bụng bự, lão nẩy cau mày nhưng rồi cũng gật. Phổ ki đem xiu quách đẩy một thau vớt từ thùng nước lèo tới:

– Ông chủ nói chỉ bán cho khách đặc biệt thôi...

– Cứ ăn tự nhiên nghe, hai anh bạn trẻ, chớ có khách sáo gì hết!

Sơn Vương ăn xong tô hủ tiểu, bóc cục xương chấm giấm ớt gặm ngon lành. Ông hút tủy nghe ròn rột rồi hóp một ngụm la ve rất điệu nghệ. Mặt ông không đỏ mà tái tái, dấu hiệu một kẻ có tử lực cao.

– Chú em đã đọc truyện nào của qua? *Tướng cướp hào hoa*? Thấy thế nào? Dân Nam Kỳ thích nói thẳng, không úp mở nể nang.

Thảo có chút men bia gật gù:

– Hay lắm thưa ông.

– Hay thiệt không đó! Đừng khen vị bụng nghe! À mà gọi qua bằng anh, đừng gọi ông, nghe khách sáo quá!

(1) Tiếng Tàu: bao nhiêu cũng được.

Thảo nhớ lời bình của chủ bút Nguyễn Kim Đinh về cuốn *Kim thời dị sử* nói:

– Hay thiệt mà, viết về tướng cướp mà đọc không thấy sợ, trái lại người đọc khâm phục kẻ giang hồ kì hiệp. Chính vì vậy mà hai chúng tôi tới đây làm quen với ông... với anh.

Sơn Vương nốc cặn li la ve, rút khăn lau mặt, lấy trong túi xách hai quyển sách, quơ cây Kaolo để tặng:

– Hai chú tên gì?... Ông ghi tên rồi kí: Đem về đọc rồi cho biết hay dở thế nào. Thôi hai chú có việc gì cứ đi. Qua cũng có chút việc. Phổ kí, cai su!

Sơn Vương tặng phổ kí sổ tiền lẻ, bắt tay hai bạn trẻ, quảy bao sách ra đi về phía Chợ Cũ.

Anh bạn hỏi Thảo:

– Sao? Thấy nhà văn Sơn Vương thế nào?

– Độc đáo? Đặc biệt Nam kì! Tứ Hải giai huynh đệ. Nửa giờ trước đây, hai bên còn lạ hoắc, bây giờ đã là bạn. Dân Nam Kỳ hiếu khách, rộng rãi, thẳng thắn...

Anh bạn gật:

– Anh nhận xét đúng lắm. Riêng về phần tôi thì Sơn Vương không chỉ là một nhà văn, mà là một kẻ mang chí lớn. Người sao thì vẫn vậy. Đọc văn có thể biết người. Nhưng muốn tìm hiểu một người thì phải ăn với ông ta một đấu muối... như lời người xưa dạy. Thôi anh về nhà đọc sốt dẻo cuốn sách mới được tặng, còn tôi tới trường.

Thảo về lật ghế bố đọc một hơi. Đây là chuyện một tá điền có vợ đẹp bị chủ điền bày mưu cướp vợ. Anh ta mượn thầy kiện thưa chủ điền nhưng bị nạn “đa kim ngân phá luật lệ”. Thua kiện, tán gia bại sản, phải bỏ xứ ra đi. Quyết chí trả thù, anh ta lên núi học võ, học bùa ngải, học gông. Sau nhiều năm khổ luyện, anh ta “hạ san” trở về làng cũ thanh toán món nợ năm xưa. Danh dự đã phục hồi, nhưng anh ta vĩnh viễn trở thành

kẻ sống ngoài vòng pháp luật. Với anh ta, chỉ còn một thứ luật: luật rừng xanh.

Sáng hôm sau Thảo tới góc đường Monlau nhưng không thấy Sơn Vương đâu. Anh chờ thêm nửa giờ cũng chẳng thấy nhà văn đã cho sách. Thảo đọc lại dòng chữ nơi trang đầu: “Mến tặng chú em kết nghĩa Nguyễn Phương Thảo”. Kí tên Sơn Vương (Trương Văn Thoại). Nét chữ bay bướm như nắn nót mà thật ra thì tác giả viết vội trong tiệm nước.

Vô quán nước hôm qua. Thảo gọi một “hắc quẩy” nhâm nhi chờ. Tới chín giờ vẫn không thấy Sơn Vương. Thảo thả bộ trên đường phố đỉnh ninh Sơn Vương có việc gì đó không ra chợ Bến Thành bán sách như thường lệ. Vui mừng làm sao khi anh bắt gặp nhà văn của mình ngồi bán sách trên vỉa hè đường Charner (nay là Nguyễn Huệ) trước Tổng Ngân khố.

– Anh Sơn Vương! Sáng nay em tới chỗ cũ, không thấy anh, buồn quá! Không ngờ lại gặp anh ở đây!

Sơn Vương cười lớn:

– Qua quên dặn chú là qua luôn luôn đổi chỗ bởi vì việc bán sách chỉ là thứ yếu. Nó lệ thuộc mục đích của mình...

Thảo nhíu mày suy nghĩ về câu nói đó, mong nhà văn giải thích mục đích gì thì Sơn Vương hỏi:

– Sao! Đọc xong *Luật rừng xanh* chưa? Thấy thế nào?

Thảo nêu ngay điều mình thắc mắc:

– Nhân vật chánh trong chuyện có phải là anh không?

Sơn Vương cười hỏi ngược lại:

– Nếu qua nói nhận xét của chú đúng thì chú nghĩ sao?

Thảo vui mừng nói:

– Em nghe nói trong Nam có nhiều hảo hớn kiểu Lương Sơn Bạc. Anh đúng là một trong 108 vị anh hùng Thủy Hử. Em may mắn được làm quen với anh. Mong được đi theo con đường của anh.

Sơn Vương chỉ quyển sách Thảo cầm trên tay:

– Thì hôm qua chúng mình đã làm lễ đào viên kết nghĩa rồi đó!

Thảo nói thêm:

– Hôm qua kết bạn là vì mến văn tài của anh, sáng nay mới biết thêm một điều quan trọng hơn văn tài: anh là một giang hồ kì hiệp. Có bạn nhà văn là điều hay, có bạn giang hồ kì hiệp còn hay gấp mười lần... Em muốn được anh dìu dắt...

Sơn Vương thân ái siết tay Thảo:

– Ngay phút đầu qua đã chấm chú rồi. Tại sao? Một chú bé dám đơn thương độc mã từ Bắc vô Nam, nội đầu óc phiêu lưu mạo hiểm đó đáng mặt giang hồ rồi. Huống chi chú lại ham mộ văn chương nghĩa hiệp...

Đồng hồ Tổng Ngân khố điểm mười giờ, Sơn Vương cho sách vô bị nói:

– Mời chú em về nhà qua cho biết. Cũng gần đây thôi.

Thảo theo Sơn Vương đến phía cầu Móng. Ngay ngã ba Lefèbvre - Guynemer (nay là Nguyễn Công Trứ - Hồ Tùng Mậu) Sơn Vương nói:

– Đây là chủ nhà, ông Tư Chiêu, cũng được gọi theo tên bảng hiệu là Ông Nam Chấn Hưng. Ông Tư ngụ tại đây, số 2 Lefèbvre mấy chục năm rồi... Thảo cúi chào ông chủ tiệm may và được Sơn Vương giới thiệu tiếp: Còn đây là chú em từ Bắc vô Nam, mới kết nghĩa với tôi.

Sơn Vương đi thẳng lên gác, chỉ một vòng tròn cười nói:

– Giang Sơn của mình chỉ có hai mươi thước vuông thôi. Nhưng ông bà mình có câu: “khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”. Mà ăn thì nhiều chớ ở bao nhiêu. Vừa nói ông lấy tấm ka ki trong bị ra giăng võng nằm du đưa hút thuốc:

– Chú có mệt thì nằm trên ghế bố mà nghỉ. Còn qua thì nằm võng quen rồi.

Thảo thích thú trước tính đa dụng của tấm kaki, lúc là chiếc chiếu trải ở vỉa hè chung bán sách, lúc là cái võng đong đưa ru ngủ, lúc là cái mền đắp ấm trong đêm. Với Sơn Vương, không có cái gì thừa. Do vậy mà gác nhỏ bằng bụm tay cũng vừa đủ cho ông.

Hút tàn điếu thuốc, Sơn Vương nhìn đồng hồ:

– Mời chú em ăn trưa. Mình ăn cơm thố óc heo chung thuốc Bắc. Tiệm ăn sát một bên. Chú làm một chung rượu thuốc được chớ?

Thảo gật:

– Cha tôi, bữa ăn nào cũng uống một chung rượu thuốc. Tôi có nếm thử...

Sơn Vương cao hứng:

– Lại thêm một điểm hai anh em mình giống nhau. Ông thân của qua là thầy thuốc Nam mỗi bữa ăn làm một chung rượu thuốc. Quê mình ở Gò Công, sát bờ sông Soai Rạp. Do vậy mà tâm hồn mình cũng cuốn cuộn sôi nổi như con sông cái chảy ra Vàm Láng. Sông Soai Rạp chảy bạo hơn sông Lòng Tàu. Nhưng mà chú biết hai con sông này đâu...

Thảo vội nói:

– Sông Soai Rạp thì tôi chưa biết, nhưng sông Lòng Tàu thì tôi có biết. Vô bến Nhà Rong, tàu phải đi ngược dòng sông Lòng Tàu...

- Té ra chú đi đường biển. Vậy mà tôi tưởng chú đi xe lửa. Chuyện tâm tình hãy để đó. Bây giờ đi ăn cơm. Mình quen ăn quán đúng như lời thơ: “kiếp phong sương ăn quán ngủ đình”. Nếu chú thấy thích dọn về đây ở với qua. Qua mời thiết đó.

Sau bữa ăn. Thảo theo Sơn Vương trở về gác trọ nghỉ trưa. Lúc Sơn Vương ngáy vang trên võng. Thảo quyết định dọn về ở với nhà văn giang hồ này. Anh muốn tìm hiểu thêm về con người miền Nam mà Sơn Vương có lẽ tiêu biểu hơn hết.

3

Theo Sơn Vương ném mùi ăn cướp

Kẻ thư sinh dấn bước giang hồ

- Chú Ba nó đang tìm việc mà chưa có. Theo ý qua, thì ta nên kiếm vốn làm ăn buôn bán hơn là làm thư ký cạo giấy. Để qua làm xong cú nầy sẽ giúp vốn cho chú Ba nó lập tiệm giặt ủi⁽¹⁾ có thể kiếm ăn được - Sơn Vương nói với Thảo.

- Cú nầy là cú gì vậy?

- Nói theo mấy cha ghiền truyện Tàu là “làm lục lâm thảo khấu”.

Thảo kinh ngạc:

- “Chuyện động trời mà Sơn Vương nói nghe như không”. Làm ăn ở đâu vậy anh Hai?

- Gần đây thôi. Chú có muốn theo coi chơi không?

- Muốn. Nhưng có chắc ăn không anh Hai?

- Chắc như bấp rang. Không chắc làm sao dám mời chú theo? Lâu nay qua ngồi bán sách ngoài lề đường là để điều tra con mồi. Nó tới nhà băng vào ngày nào, giờ

(1) Giặt ủi: giặt là.

giác ra sao, đi xe gì, chạy đường nào. Tất cả chi tiết qua nắm chắc trong tay, hễ kỳ khai là đắc thắng, mà đảo là thành công!

Thảo vẫn chưa hiểu:

– Nó là ai vậy?

– Nó là con mỗi mình đi săn. Chuyển này là thằng Tây, phó giám đốc sở cao su. Hằng tuần nó tới Kho bạc lãnh tiền lên sở phát lương cho thầy thợ. Tuần nào cũng vậy, mình nắm chắc rồi.

– Chắc nó có súng...

– Có là cái chắc. Nhưng mình đánh “xuất kì bất ý” nó biết đâu mà lường. Khi mình đã tới sát một bên thì súng sáu chỉ là cục sắt.

Thảo vẫn lo:

– Chắc có vệ sĩ giỏi võ...

– Cái đó cũng là cái chắc. Nhưng mình cũng có võ. Mà lại có gông nữa. Chú muốn xem qua biểu diễn không? Xuống nhà dưới hỏi mượn cây dao yếm lên đây.

Sơn Vương cầm lấy con dao, đưa mấy ngón tay rà lưỡi dao bén ngọt rồi cời áo phình bụng căng cứng, xĩa mấy ngón tay vô thữ mấy cái rồi thẳng tay chém ba nhát vô bụng. Lưỡi dao bật ra, để lại trên da bụng ba vết hằn đỏ.

Trước cặp mắt tròn tròn kinh hãi của Thảo, Sơn Vương nói:

– Nội công này qua học của Đại lão sư trên núi ở Long Hải. Dao mác không chém đứt, chỉ có súng đạn mới đáng sợ. Nhưng súng trong tay kẻ chủ động mới ăn tiền. Để chứng minh điều này, qua để cây súng thiệt ở nhà, chỉ mang theo cây súng giả. Cam đoan vẫn đánh lấy vali bạc của thằng Gaillard cho chú xem.

★

Một chiếc xe du lịch bóng lộn đậu trước nhà, Sơn Vương kéo Thảo bước lên ngồi băng sau. Sơn Vương hỏi:

- Năm Đường, mấy thay băng số chưa?
- Dạ rồi anh Hai!
- Máy ngon lành không?
- Ngon hết chỗ chê!
- Ghé Chợ Cũ kiểm gì bỏ bụng cái đã. Còn sớm mà!

Điểm tâm xong, Năm Đường lái xe trực chỉ lên Tân Sơn Nhất. Trên khúc đường quẹo ra Bà Queo, xe ngừng lại tại cầu sắt nhỏ. Năm Đường xuống dỡ nắp xe lên, làm như xe hỏng máy.

Sơn Vương xem đồng hồ nói:

- Một khắc nữa là xe nó tới. Vừa đủ thời giờ cho mình hút một điếu thuốc.

Thảo ngồi trong xe ngắm nhìn hai thầy trò Sơn Vương và Năm Đường đóng kịch. Không bao lâu đã thấy bụi bốc lên từ phía Tân Sơn Nhất. Tức thì Năm Đường vờ lom khom sửa gì đó trong đầu máy xe còn Sơn Vương thì đi tới đi lui làm như sốt ruột lắm, cứ nhìn đồng hồ tay mãi. Vài phút sau chiếc xe thẳng giám đốc sở cao su chạy tới. Nó bóp kèn inh ỏi đòi qua, nhưng chiếc xe của Năm Đường nằm chình inh ở giữa đường. Thăng Tây mở cửa xe bước xuống nạt lớn:

- Đẩy xe qua một bên cho người ta đi!

Sơn Vương chỉ Năm Đường nói:

- Tài xế đang sửa, sắp xong, xin đừng nóng!

Thăng Tây hống hách:

- Chừng nào xong? Người ta đang gấp! Đẩy xe vô sát lề đi! Mau lên!

Bất ngờ Sơn Vương quay lại, nạt lớn:

– Mấy là thằng nào mà dám ra lệnh cho tao? Nhanh như chớp ông chìa súng vô ngực thằng Tây: “Haut les mains!” (Đưa tay lên!)

Thằng Tây run bắn người, ngoan ngoãn đưa tay lên. Sơn Vương thò tay tước ngay khẩu súng sáu trong túi nạn nhân. Một tay cầm súng, Sơn Vương xách vali bạc trong xe ném vô xe mình, cười khanh khách:

– Cho mình mượn kỳ phát lương này nghe mon cher Monsieur Gaiillard? cho mon cher cây súng của tôi làm kỷ niệm.

Sơn Vương ném khẩu súng của mình vô xe thằng Tây rồi bước lên xe mình. Năm Đường chỉ chờ có thế để rồ ga vọt qua cầu.

Thảo nhìn về phía sau, thấy thằng Tây hối tài xế đuổi theo. Nó chìa súng bóp cò, chùng đó mới biết súng giả, bực mình ném xuống gầm xe. Hai chiếc xe xả hết tốc độ đuổi nhau, quây bụi bay đỏ trời. Xe Năm Đường là loại xe đời mới nên máy móc tối tân, tốc lực cao hơn nên càng phút càng bỏ xa xe sau. Cứ chạy sau hít bụi, thằng Tây thối chí bỏ cuộc.

Về tới Hòa Hưng, Sơn Vương và Thảo xuống xe, bao xe thổ mộ về Chợ Cũ. Năm Đường lái xe về nhà chủ Tây, gỡ bảng số giả giấu kỹ để chờ dịp khác, lau bụi đỏ rồi rửa xe để “phi tang” chuyến “ăn hàng” cực kỳ táo bạo của Sơn Vương. Cú này “canh ta lê” thật kỹ, thừa dịp thằng Tây chủ đi về Pháp, Năm Đường mới mượn xe của chủ trong chuyến “đi hát táo bạo” này.

Ngồi trên xe thổ mộ hai anh em bao nguyên chiếc, Thảo cứ tùm tùm cười:

– Trước đây có đọc “Tướng cướp hào hoa”, nay mới biết, nhân vật trong truyện lại chính là tác giả ngoài đời.

Sơn Vương cười:

– Biết rồi chú nó có còn muốn kết nghĩa nữa không?

Thảo xiết chặt bàn tay Sơn Vương thay lời đáp.

Ngay chiều đó Năm Đường tới nhận tiền “đi hát”. Thảo cũng được Sơn Vương tặng một số tiền để “túng” một căn phố ở Đakao mở tiệm giặt ủi. Căn phố này là căn bìa, có một sân rộng để đặt sào phơi phóng.

Từ ngày “ra riêng” Thảo vẫn theo dõi các hoạt động của Sơn Vương về hai phương diện: Văn chương và giang hồ. Thịnh thoàng Sơn Vương cũng ghé tiệm giặt ủi để xem chú Thảo làm ăn ra sao, nếu cần thì giúp thêm vốn ⁽¹⁾.

(1) Theo Nguyễn Hùng, *Nguyễn Bình, Huyền thoại và sự thật*, NXB Văn học, 1995. Về các sự kiện vừa được Nguyễn Hùng viết ở trên còn quá đơn giản, trong *Máu hoà nước mắt* Sơn Vương kể lại đầy đủ chi tiết từ lúc ông cùng Nguyễn Phương Thảo tổ chức và dàn dựng các động tác của cuộc “đi hát” này. Và số tiền này ông giao cho ông Thảo chuẩn bị hành lí đi Pháp hồi đó (NQT)

VĂN TRÍCH

Các tác phẩm của Sơn Vương in trong phần này, chúng tôi (NQT) cho *in đúng* như thường nhưng gì tác giả viết - kể cả lỗi chính tả và hoi ngã - nhằm giữ đúng nguyên văn của tác giả và chữ Quốc ngữ cách đây hơn 70 năm ở Nam bộ.

Những chú thích nào không ghi tên người biên soạn là nguyên chú (NQT).

ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

LỜI VỀ AI ?

Tác-giã : SƠN-VƯƠNG



— À tôi biết rồi mà... biết thầy có mới nới cũ !
Bản-quyền sở hữu Giá nhứt định : 0\$09

Imprimerie ĐỨC-LƯU-PHƯƠNG
158 -:- Rue d'Espagne -:- 158
-:- SAIGON -:-

LỖI VỀ AI?

I

Án mạng

Chiều hôm ấy, sau khi tạnh một đám mưa to rồi, thiên hạ đồn rùm lên rằng vợ thứ nhà triệu phú Nguyễn Đại Thanh ở đường Cây Mai trong Chợ Lớn bị giết thác, thủ phạm là cô hai Quyên, con gái người vợ trước của ông Thanh. Kẻ bạc mạng ấy bị khứa một đường ngang cổ bằng một con dao cạo, và nằm chết dưới nền gạch trong phòng của mình, chìa khóa phòng vẫn giữ trong túi, cửa phòng vẫn đóng chặt. Vậy người ta nghi cho cô hai Quyên là thủ phạm, xin hỏi cô giết mẹ ghẻ cô, rồi cô ra đường nào mà cửa phòng vẫn còn nguyên? Cô có chìa khóa riêng chẳng? Ai biết được!

Vì không bắt được tại trận nên oan ung chưa rõ, người ta cho cô hai Quyên là thủ phạm trong vụ này, là bởi hằng ngày cô không thuận với mẹ ghẻ cô, vì mẹ ghẻ cô kiêu căng sâu độc lắm, hai bên coi nhau như kẻ thù, sờ mặt thám lại xét thấy trong phòng của cô có một cái khăn dính đầy những máu.

Nếu như ông Thanh là một người cha đúng đắn, nghĩa là biết thương người quá vãng mà xót tới con thơ, thì dầu mà cô hai Quyên có lỡ tay giết chết vợ thứ của ông đi nữa, thì cô hai Quyên cũng không đến nỗi vào ngục. Vì sao vậy? Tục ngữ có câu: *Đa kim ngân phá luật lệ, hoàng kim hắc thế tâm*, lại mấy xứ tiền rừng bạc biển như xứ ta, thì ông thần công lý cũng ít hay bén mảng tới! Ngặt vì

ông Thanh bình vợ thứ mà bỏ con gái ông, một hai ông nói cô hai Quyên giết chết người yêu của ông mà thôi! Chớ trong lúc ban ngày như vậy không lẽ người ngoài vào được mà thi hành vụ sát nhơn này. Ông đã khai với tòa án như vậy, thì cô hai Quyên chạy đường nào cho khỏi chốn lao tù?

Cô hai Quyên là một người con gái có nhan sắc, đức hạnh có, nhân từ có, từ nhỏ đến lớn cô không làm điều gì có thể gọi là ác đức, mà hôm nay cô lại bị nghi là thủ phạm trong vụ này, thì thật nhiều người nghi không ra, vì vậy dư luận xôn xao, phân vân bất nhứt.

Cô bị bắt chiều tối bữa trước, sáng hôm sau lính giải lên phòng thẩm án cho ngài tra vấn. Quan thẩm án hỏi đến đâu cô hai Quyên chối dài đến đó, cô nói rằng: “Vẫn biết tôi không ưa gì mẹ ghê tôi, song tôi là con gái, trẻ lòng non dạ, không có thể cầm dao mà giết người cho được; còn cái khăn dính máu đã bắt được trong phòng tôi đó, chẳng qua là cái khăn tôi lau máu cam mà thôi, vì tôi có tật hay chảy máu cam, chiều hôm qua máu ra nhiều quá tôi phải lấy đồ nhét lỗ mũi lại, máu dính tay tôi tôi bèn lấy khăn mu-soa mà lau, sự chẳng may xảy tới cho tôi, nên tôi chưa kịp giặt, thì kế vụ án mạng xảy ra, sở mật thám cứ lấy khăn máu ấy mà đề quyết cho tôi!”

Thẩm án quan nói:

– Vụ án mạng này, nếu trừ mày ra thì không còn ai là thủ phạm nữa, tuy không bắt được tại trận, nhưng một cái khăn máu đó cũng đủ làm tang vật rồi, mày đừng có kiếm mẹo mà chối quanh!

– Di tôi bị giết trong phòng, cửa phòng còn đóng chặt, lại chia khóa phòng ấy chính tay di tôi giữ, nếu tôi giết di tôi rồi tôi ra đằng nào?

– Biết đâu mày không có chìa khóa riêng!

– Vô lý lắm! Tôi nói quyết với ngài rằng tôi không hề cầm dao cắt họng di tôi, ngài có chém giết hoặc dày lưu gì tôi thì cứ việc làm, đừng tra hỏi lời thôi gì nữa.

Quan thẩm án hăm hăm giận dữ, cả tiếng mắng cô hai Quyên một hồi, rồi kêu một tên lính vào bảo rằng:

– Mi đem con sát nhọn này giao cho sở mật thám tra vấn, chừng nào nó chịu cung khai sẽ đem đến đây hầu ta.

Tên lính dạ dạ vâng lời, cô hai Quyên sa nước mắt khóc và đưa tay cho lính còng rồi dẫn đi...

Cô hai Quyên vốn con nhà phú hậu, đường đường một vị thiên kim tiểu thư, ở trong nhà có tôi tớ sai biểu, ra một tắc đường cũng có xe, ngựa sẵn. Bấy lâu cô sung sướng đã quen, nay vào ngục, ngày thì cơm tanh cá nhót, tối lại rệp dút còng đeo, mùi như uế bay nặc nồng khó chịu, nghĩ thân thế cô lúc ấy, khiến lòng cô áo nảo vô cùng.

Ông chánh mật thám giao vụ cô hai Quyên cho một viên thanh tra mật thám Tây tra vấn, trách nhiệm của họ là phải khảo kệp, nếu không dùng thủ đoạn ấy thì kẻ ác tâm đâu có sợ mà khai tội mình!? Cô hai Quyên là phận liễu bỏ chất yếu, cô chịu sao cho nổi...? Vì thế mà chẳng bao lâu cô phải cung khai!

Cô chịu cung khai rồi thì họ mới thôi khảo nữa, lại dắt đến hầu quan thẩm án, cô khai với ngài cũng y như tờ cung chiêu đẳng sở mật thám. Quan thẩm án hỏi gần:

– Sao hôm nọ ta hỏi lại chối ngược chối xuôi, để cho chúng đánh đập đã thềm rồi mới chịu khai thiệt?

Cô hai Quyên chỉ trả lời bằng một vẻ âu sầu thảm đạm trên gương mặt mà thôi, chớ không nói tiếng gì. Từ đó trở đi cô được giam tại khám lớn Sài Gòn. Tòa định đến ngày thứ ba tuần sau thì đem cô hai Quyên ra công đường(!) phân xử. Cha mẹ bà con bên Tạ Thị Tính, là vợ thứ của ông Thanh, nghe tin cô Quyên đã chịu cung khai thì rất mừng lòng.

II

Anh hùng ra mặt...

Nói về ông Nguyễn Đại Thanh, từ ngày vợ thứ của ông bị giết thì ông lấy làm đau đớn vô cùng, vì Thị Tĩnh là người rất yêu quý của ông. Còn đối với con ruột ông là cô hai Quyên, cô chịu ngục hình khổ sở đến thế nào, ông cũng chán rõ, song ông không hề tỏ dấu thương xót chút nào cả!

Một đêm kia, ông vừa thiêu thiêu ngủ, bỗng thấy vợ chánh ông hiện hồn về mà trách móc ông rằng: “Này ông ôi! Ông tệ làm chi lắm vậy? Ông có nhớ rằng hồi nào chúng ta còn ở trong hoàn cảnh hàn vi, tôi phải bòn tro đãi sạn, ở kiệm ăn cần, nên mới tác thành cơ nghiệp này, phần số tôi vẫn vôi, cực nhọc có mà hưởng hạnh phúc thì không, sao ông chẳng nghĩ tình tôi mà thương xót đến con dại, có lẽ nào ông đành nhẫn tâm đến thế? Việc án mạng này, con tôi không hề biết một điều gì, mà sao ông lại vu cho nó, để cho cò bót đánh đập nó tàn thân hoại thể, nó chịu không nổi phải nhận là thủ phạm. Nay mai tòa án đem ra xử, như vậy còn gì tánh mạng con tôi. Làm cha mà như ông có đáng làm chút nào không? Lương tâm ông ở đâu? Tôi nói thật: Nếu ông không minh oan cho con tôi thì tôi sẽ vì tình mẫu tử mà bỏ tình tào khang, nghĩa là tôi sẽ làm cho ông bị đau đớn não nề trót đời! Tôi báo trước cho ông biết!”

Hồn vợ chánh ông nói đến đó liền biến mất, ông giật mình thức dậy mới biết mình là chiêm bao, ông kinh tâm hồi hộp và ăn năn lắm, ông than rằng: “Cứ như điềm chiêm bao này thì con ta bị oan thiệt, nhưng ta trót khai với tòa án như vậy, bây giờ làm sao mà gỡ

cho ra? Hồn má nó hiển hích như vậy sao không chỉ rõ kẻ thù, để ta lôi nó ra tòa án, lại nói chưa hết lời đã vội đi đâu?

Ồi! Khổ tâm thay! Ta biết liệu làm sao bây giờ?” Ông than đến đó thì giọt châu tầm tã, giây lâu ông nói rằng: “À à ta dùng kế này... có khi cứu con ta được! Nay đã cận ngày xử án rồi, nếu ta không thi hành cho mau mau thì chắc con ta phải bị đày chung thân mà thôi”.

Vài ngày sau người ta thấy các báo quốc âm ở Sài Gòn có đăng một bài treo giải thưởng của ông Nguyễn Đại Thanh, đại ý bài ấy như vậy:

“Vụ án mạng người vợ thứ tôi, hôm nay tôi xét lại thì không phải con tôi là thủ phạm, nhưng tôi cũng chưa tìm ra kẻ thù. Vậy nếu ai mà vén được màn bí mật trong vụ này, làm cho con gái tôi khỏi bị hàm oan thì tôi sẽ gả nó và dâng cho phân nửa gia tài!” Ông Nguyễn Đại Thanh lại mượn trạng sư xin tòa huyên vụ ấy lại một ít lâu. Tòa nghi chắc có sự gì âm mưu ở trong, nên cũng vui lòng đình lại.

Từ ngày các báo đăng giải thưởng của ông Nguyễn Đại Thanh, thì có hơn mấy trăm người đến xin điều tra vụ ấy, nhưng cả hai tháng trường mà bí mật vẫn hoàn bí mật! Ông Nguyễn Đại Thanh rất lo sợ cho số phận con gái của ông. Một buổi chiều kia, ông đang thở vắn than dài trong phòng, bỗng có một người thanh niên đến xin ra mắt, ông vội vàng ra ngoài tiếp khách, ông hỏi:

– Chẳng hay thầy đến tìm tôi có việc chi?

– Thưa ngài, tôi chẳng phải vì giải thưởng quý hóa của ngài mà đến đây. Nguyên trước kia tôi cũng là người trong ty mật thám, khi tiểu thơ bị bắt vào đó, tôi thấy tiểu thơ bị đánh đập một cách tàn nhẫn quá, tôi quyết rằng từ đó trở đi không thêm làm cái nghề trình thám nữa. Không dè một vụ án mạng còn con như vậy mà họ tra xét chẳng ra, để cho con gái ngài phải chịu hàm oan, nên hôm nay tôi mới đến đây ra mắt ngài, xin tra xét vụ này, họa may có cứu con ngài ra khỏi vòng ràng rịt chăng?”

Thấy vậy, ông Thanh cũng cứ nhận lời cho người ấy điều tra, chớ ông không còn hy vọng gì nữa. Ông bèn dắt người ấy vào phòng vợ thứ của ông bị giết cho xem, ông lại đưa cho người ấy một tấm hình mà rằng: *"Tấm hình này chụp sau khi vợ tôi bị giết!"* Người thanh niên ấy cầm tấm hình xem thì thấy một người đàn bà trạc độ 27, 28 tuổi, nhan sắc mặn mà, bị một vết thương ngang cổ ở phía dưới cằm, chết nằm chèo queo dưới đất, dưới chơn ghế rửa mặt gần bên tử thi có một con dao cạo, dính một ít máu, ngoài ra không có gì lạ nữa.

Nhìn tấm hình xong, người thanh niên liền hỏi:

– Nghe nói cửa phòng hôm ấy vẫn còn đóng chặt, mà chìa khóa cửa phòng chính tay vợ thứ ngài giữ phải không?

– Phải!

– Vợ ngài bình sanh có tật gì không?

– Có tật hay giết mình.

– Thí dụ như người đang cầm vật gì, bỗng nghe một tiếng chi lớn xảy tới thình lình, có thể liệng hoặc làm rớt vật ấy không?

– Có thể, tôi còn nhớ rằng một bữa kỵ cơm kia, ở nhà tôi đang bung tách nước uống, bỗng nghe tiếng pháo nổ của sắp nhỏ đốt chơi trước sân, thì nó giựt mình làm rớt tách nước bể tan tành. Còn nhiều lần giựt mình bằng một cách lạ lùng lắm, kể ra không xiết. Bởi vậy nhà tôi từ đó về sau có đám gì cũng không dám đốt pháo, mà lại cấm sắp bạn trong nhà không được nói lớn tiếng, hoặc có làm việc gì cũng đừng cho động dấy.

– Buổi chiều hôm ấy có ai làm gì động dấy không?

– Chiều hôm ấy tôi không có ở nhà nên không biết, chỉ nhớ rằng mưa to gió lớn và sấm sét dữ lắm, sau khi tạnh mưa tôi về tới nhà mới hay vợ tôi bị giết, chớ ở nhà chưa có ai biết cả.

– Nếu vậy thì vợ thứ ngài bị giết trong lúc trời mưa?

– Phải đó.

Gã thanh niên im hơi lặng tiếng ra chiều nghĩ ngợi giây lâu, bỗng nhiên nói lớn lên rằng:

– Thôi rồi màn bí mật tôi đã vén được rồi, nếu như tòa án mà công bình thì con ngài sẽ được tha ngay!

Ông Thanh nghe nói vậy thì lấy làm ngạc nhiên và mừng lắm, liền hỏi:

– Chẳng hay thầy đã tìm được duyên cớ gì?

– Ngài chẳng cần vội biết làm gì, cứ bảo trạng sư xin tòa đem vụ ấy ra xử, ngày xử tôi sẽ ra giữa tòa mà biện bạch cho con ngài được trắng án.

– Nếu được vậy thì tôi nguyện dâng hết cả gia tài này mà đền ơn thầy.

– Không không, tôi ra làm việc này sở dĩ là chỉ cho tòa án thấy chỗ lầm lạc của mình, hầu từ này về sau trong khám tù bớt có người chịu oan nữa, chứ chẳng phải vì tiền đâu?

– Cái lòng trọng nghĩa khinh tài của thầy đáng kính biết bao, xin thầy cho tôi biết quý danh và chỗ ở?

– Tôi tên là Hoàng Đức Long ở đường Pellerin, số nhà..

Hoàng Đức Long xưng tên rồi cáo từ ngay.

III

Vén màn bí mật

Từ ngày cô hai Quyên được giam tại khám lớn, thì cách đối đãi ở đó dễ thở hơn đằng sở mật thám một chút! Nhưng không hề được thấy mặt người ngoài vào thăm, cũng không tiếp được thư từ gì hết.

Một đêm kia, hết thấy tù đàn bà đều an giấc, duy có một mình cô đứng tủi ngồi sầu... phân chạnh nỗi riêng... phân trách cha già tác tệ, cô khóc hết sức, khóc rồi gọi mẹ mà than rằng: “Suối vàng mẹ hơi có hay: việc sát nhơn này ai làm đâu mà để cho con phải gánh chịu, cha con đã chẳng vì tình phụ tử mà minh oan cho con, lại còn vu cáo cho con là khác. Con cũng muốn thác xuống suối vàng để gặp mẹ, ngặt vì con đã nặng lời vàng đá cùng chàng Võ Kim Toàn, chàng là người có tình có nghĩa, con chết ắt chàng cũng vì con mà hủy mình, như vậy thì con không đành lòng. Nếu như hồn mẹ có linh, thì hãy chỉ rõ kẻ phạm nhơn, mở mắt giùm tòa án, khiến cho con khỏi bị hàm oan, mà việc tư tót của con cũng khỏi có điều lờ dờ, được như vậy thì con hả dạ lắm rồi. Mẹ ôi! Chốn suối vàng mẹ an giấc ngàn thu, mẹ nỡ lòng nào để cho con phải chịu tai ương trên trần thế?”

Cô hai Quyên nói đến đây thì nức nở khóc than, cô muốn tự vận cho rồi, song đã nặng vì tình nên phải sống gượng mà chịu đắng cay...!

Cô được tin rằng ngày thứ ba tuần sau đem cô ra tòa xử, cô mừng lắm, thà kêu án bao nhiêu thì kêu cho biết nặng nhẹ thế nào, chớ cứ giam hoài mà không đòi hỏi gì đến, thì khó chịu lắm. Ai dè

đâu đến ngày thứ ba thì không đem ra xử, mà tòa cũng không cho cô biết tại sao mà đình lại. Lúc ấy ông Thanh có làm đơn xin vào thăm cô mà quan thẩm án không cho... Thành ra cô phải ăn chực nằm chờ đến hai tháng mấy nữa mới được đem ra giữa tòa phân xử...

Hôm ấy là ngày thứ ba, tòa nhóm lại xử vụ cô hai Quyên, trong công đường(!) lính bồng súng canh phòng rất nghiêm nhặt, thiên hạ đến coi đông lắm. Cô hai Quyên ngồi tại băng trước hết, cô mặc bộ đồ vải xanh, thân thể cô có hơi ốm, gương mặt thật là tiêu tụy. Trừ phe đảng vợ thứ ông Thanh ra, thì ai trông thấy cô cũng phải động lòng. Mà nhưt là ông Nguyễn Đại Thanh và chàng Võ Kim Toàn thì đau đớn hơn hết. Cô hai Quyên thấy mỗi người đều có vẻ lo sợ cho mình, nên cô cảm cảnh động tình đến nỗi sa nước mắt, cô thấy Võ Kim Toàn ngồi phía sau lưng cô cách có hai bàn, mà sắc mặt buồn xo, thì cái tình cô thương chàng càng tăng lên bội phần.

Tám giờ rưỡi chuông rung, các quan ra ngồi chỗ mình để xử án, quan tòa sắp kêu cô hai Quyên lên hỏi, kể quan trạng sư... đứng ra giới thiệu cho Hoàng Đức Long biện bạch vài lời. Quan tòa hỏi:

– Sao hôm rày không bảo hấn đều hầu quan thẩm án, để hôm nay ra đây làm rộn?

Hoàng Đức Long liền lên đứng gần bàn thông ngôn mà đáp rằng:

– Vụ này tôi tưởng các ngài khám phá được, không dè các ngài cứ cho Thị Quyên là thủ phạm, hôm nay đem ra đây xử, nên tôi phải vì công tâm mà biện bạch cho nàng.

Mỗi người nghe nói đều lấy làm lạ, mà nhưt là Võ Kim Toàn thì ngạc nhiên hết sức, chàng không biết rồi đây duyên nợ của chàng phải trắc trở ra làm sao! Quan tòa hỏi Hoàng Đức Long rằng:

– Cứ như lời chú nói thì Thị Quyên không phải là thủ phạm trong vụ này hay sao?

– Tôi quyết rằng không phải!

– Vậy ai là thủ phạm đầu?

– Trước hết tôi xin giải nổi hoài nghi sai lầm của tòa án, rồi sau sẽ chỉ rõ kẻ thủ phạm cho các ngài biết. Xin các ngài phải biết rằng khi nào mình cố sát một người thù, thì mình sẽ dùng một con dao nặng như dao tu để chém, nếu dùng dao nhỏ thì cái dao nhỏ ấy phải nhọn mũi để mà đâm, khi hạ sát thì lựa chỗ nào dễ xuống tay mà kẻ thù mình không thể ngăn trở kịp, và đâm hay chém thì ít nữa cũng từ hai vết trở lên. Chớ không phải dùng bằng một con dao cạo, mà lại nhẹ phía dưới cầm là một chỗ khó xuống tay và chỉ khứa có một đường mà thôi đâu!...

Hoàng Đức Long nói đến đây thì ngừng, hết thấy mọi người đều cho mấy lời chàng biện luận là có lý, chàng hỏi quan tòa rằng:

– Ngài có biết Thị Tình bình sanh có tật gì không?

– Có tật hay giết mình.

– Ngài đã điều tra đến đó mà không vén được màn bí mật, thật là một điều đáng tiếc! Chắc ngài còn nhớ rằng buổi chiều Thị Tình chết có mưa lớn phải không?

– Phải, mưa to và sấm sét dữ lắm, cây đa trong trường học Chợ Lớn bị sét đánh gãy một nhánh lớn.

– À!... Sở mật thám có bắt được một con dao cạo dính máu trong phòng Thị Tình phải không?

– Phải, có lẽ kẻ sát nhơn dùng con dao ấy mà giết nàng, mà dao ấy chính là dao của ông Thanh sấm, chớ không phải dao nào lạ.

– Nếu vậy thì Thị Tình tự mình giết mình chớ không ai giết nàng cả.

– Quan biện lý hỏi:

– Thầy viện lẽ gì mà dám nói quả quyết như thế?

– Chiều hôm ấy Thị Tình đóng cửa phòng lại, rồi dùng con dao cạo ấy mà đánh chon mày tóc con, khi nàng cạo xuống tới phía dưới

cầm, thỉnh thoảng tiếng sấm đánh gãy nhánh đa bên trường học đó, làm cho nàng giật mình, cái dao cạo phải theo cái tay mà khứa một đường ngang dưới cằm nàng. Vết thương ấy tuy không lấy gì làm nặng, song đau lắm, làm cho nàng té nhào xuống đất rồi bất tỉnh như sượng, mà không có ai hay, máu ra nhiều quá, vì thế nên nàng phải tắt hơi. Chớ có ai giết nàng đâu? Còn cái khăn dính máu mà sờ mặt thám đã bắt đặt trong phòng Thị Quyên đó là ngoại cuộc, không có ăn thua gì trong vụ này, cái khăn ấy tôi cho ngoại cuộc vì là Thị Tình chết trong phòng mình, cửa phòng còn đóng, chìa khóa nàng giữ chớ không ai. Vậy xin tòa án hãy vì lý luận chánh đáng của tôi mà xét lại cho Thị Quyên nhờ.

Hoàng Đức Long nói dứt lời liền về chỗ ngồi. Ai nấy đều trông theo chàng ta không nháy mắt, hình như họ coi chàng như một vị thiên thần vậy. Đến đổi các ông trạng sư Tây cũng phải lắc đầu mà khen rằng: "*Không dè Annam mà có người tài tình đến thế!*" Còn quan tòa và các quan phụ sự, khi lọt tai mấy lời trên kia thì không khác gì người mù quáng mà thấy ngọc trầm dưới đáy biển! Bây giờ các ông mới biết cô hai Quyên là người vô tội, mà kẻ thủ phạm là tiếng sấm chớ không ai. Quan tòa muốn tha ngay, song làm như vậy thì còn gì thể thống của tòa án! Bèn giả cách đình lại một tuần lễ để tra xét, rồi thứ ba tuần sau sẽ tha cũng chẳng muộn chi.

Thứ ba tuần sau thiên hạ đến coi đông hơn kỳ trước, cô hai Quyên dòm thấy đủ mặt mọi người, nhưng cô lấy làm lạ sao không có Võ Kim Toàn đi xem, cô nghĩ rằng chàng có tai nạn gì xảy đến, nên mới vắng mặt như thế.

Đúng tám giờ rưỡi chuông rung, quan tòa ra cầm một tập giấy đọc lớp bốp một hồi, rồi tha cô hai Quyên được trắng án! Cô hai Quyên được tha thì mừng, song nghĩ mình vô tội mà bị giam cầm khảo kẹp bấy lâu thì cô giận lắm, bèn đứng lên vấn nạn quan tòa rằng:

– Ngày nay nhờ ông thánh kia (chỉ Hoàng Đức Long) vén màn bí mật cho, các ngài mới biết tôi là người vô tội. Vậy tôi bị lao tù

đánh đập trong mấy tháng nay, bây giờ tôi có quyền buộc tội tòa án về cái tội bắt oan tôi không?

Quan tòa nghe hỏi thì sượng sùng! Nhưng cũng kiếm cớ đáp cho xuôi:

– Việc tòa án tránh sao cho khỏi một hai điều lầm lạc!

Hoàng Đức Long đứng lên cười gằn mà rằng:

– Tôi ra mình oan vụ này là vì thấy lâu nay các ngài làm cho nhiều người bị oan lầm, thiết nghĩ người ta không ăn mắm mà phải chịu khát nước thật là bất công. Từ nay trở đi tôi lạy các ngài cả nón, xin các ngài chớ có quá ư sai lầm như vậy nữa. Nếu kẻ có làm bị tội, mà kẻ không làm cũng bị tội, thì còn ai tin rằng tòa án là cửa công nữa?

Hoàng Đức Long còn muốn nói nữa, song các quan đã ôm tập hồ sơ vào trong! Ông Nguyễn Đại Thanh liền mời chàng thẳng về Chợ Lớn mở tiệc ăn mừng.

IV

Nghĩa, tình khó xử...

Bây lâu cô hai Quyên ở trong khám, không được tin tức gì ở ngoài, bởi vậy cha cô treo giải thưởng để cứu cô mà cô cũng không hay, khi ra tòa Hoàng Đức Long biện thuyết minh oan giùm cô, cô tưởng rằng trạng sư của cha cô mượn cái hộ cho cô, chớ cô có ngờ đâu ông thầy kiện ấy sẽ được hưởng cái đặc ân của cha cô trong nay mai. Bấy giờ về nhà cha cô thuật lại, thì cô mới rõ sự tình là như thế, vì vậy nên cô lấy làm khó xử vô cùng, cô than rằng: “Bên tình bên nghĩa, bên nào cũng nặng, nếu theo bên nghĩa thì chích bên tình, mà theo bên tình thì lỗi bên nghĩa, lại mang tội bất hiếu với cha.

Than ôi! Nghĩa tình trắc trở, tấn thối lưỡng nan, phải ta dè ngày nay mà ta đứng vào địa vị khó khăn như vậy, thà là đập đầu mà chết trong khám còn hơn!”

Cô hai Quyên suy nghĩ năm ba ngày rồi cô nhứt định rằng hề tình là tình, mà nghĩa là nghĩa, không thể lấy nghĩa làm tình được, tình phải giữ cho trọn, còn nghĩa kia cô vẫn không quên. Cô lập tâm như thế rồi, chưa kịp ngó lời lại cho cha cô biết, kể nghe tin Võ Kim Toàn sắp đi hỏi vợ, mà không phải là hỏi cô, mà là đi hỏi người khác mới là lạ cho chớ! Cô lấy làm tức tối trong lòng, tức vì cô chưa tỏ ý gì phụ bạc với chàng, sao chàng lại vội quên lời vàng đá mà tính việc không tốt như vậy. Cô bèn viết thư nhắn bảo Võ Kim Toàn phải tới một chỗ kia cho cô hỏi chuyện. Khi hai người gặp mặt nhau, cô hỏi Kim Toàn rằng:

– Sao hôm tòa xử kỳ sau em không thấy anh đi coi?

Kim Toàn trả lời bằng một cách lơ là rằng:

– Tôi mắc có chuyện tư, không thể đi được?

Cô hai Quyên tỏ sắc giận mà rằng:

– À tôi biết rồi, biết thầy có mới nới cũ! Nay thầy Vô Kim Toàn ôi! Tuy cha tôi treo giải thưởng đó, nếu tôi mà như ai thì tôi sẽ lấy Hoàng Đức Long làm chồng. Nhưng mà không, tôi chưa có tỏ ý gì bạc bẽo với thầy hết, thầy lại phụ tình cảm sắc, mà tính kết bạn trăm năm với người khác là nghĩa làm sao?

Cô hai Quyên hỏi rồi, cô nhìn thấy Vô Kim Toàn biểu lộ trên gương mặt một cái vẻ lạ lùng, hình như nửa cười nửa khóc mà đáp rằng:

– Tôi vẫn biết tôi làm như vậy là có lỗi với cô nhiều lắm. Song vì cái người khác mà tôi sắp cưới làm vợ đó, chẳng những có cái nhan sắc hoa ghen liễu hờn, mà cam ngôn mỹ từ cũng chẳng khác gì đờn reo suốt chảy. Bởi vậy tâm thần tôi ám muội, quên cả sự phải quấy, bao nhiêu cái tình tôi thương cô đều bay về người ấy hết!

Cô hai Quyên nghe mấy lời vô tình ấy, khiến cho cô tức tưởi nghẹn ngào, cô ngăn cho thể đạo nhân tâm đời nay đã trụy lạc quá đổi, cô nhiếc Kim Toàn rằng:

– Ừ thì người nào lịch sự, lời ăn tiếng nói ngon ngọt và ruộng vườn của họ nhiều hơn tôi, thầy cứ lấy người ấy làm vợ. Còn tôi đây là đồ không ra gì, không có xứng đáng gì với thầy, thì để tôi kiếm cu li xe kéo mà kết bạn(!) Tại thầy xử phải với tôi trước, thầy chớ có trách tôi sao ở bạc nghe!

– Ừ tôi xử với cô như vậy, nhưng đối với lương tâm tôi không hổ thẹn chút nào cả!

Cô hai Quyên nghe mấy lời ấy càng trái tai hơn nữa, cô hỏi:

– Vậy chớ thầy xử làm sao nữa mới là thẹn với lương tâm? Lương tâm của thầy ở trong đời này chỉ có một nên đối với việc quái gở như

vậy mà không biết hổ. Tôi không ngờ một người có học thức rộng như thầy mà lại có cái lương tâm lạ lùng như thế!

Cô hai Quyên nói dứt lời, bèn ngoe nguẩy kêu xe kéo mà về, anh kéo xe đang lom khom chạy, cô khóc thút thít, anh ta nghe không rõ tưởng cô biểu tề qua tay mặt hoặc tay trái gì nên dòm lại, nhưng khi dòm lại thì thấy cô lấy khăn mà chùi nước mắt...!

Cô hai Quyên nghĩ rằng bây giờ người ta không còn thương mình nữa thì tội gì mà mình phải buồn rầu! Cô tính lấy chồng khác, mà chồng khác đó nếu chẳng phải Hoàng Đức Long thì còn ai nữa?

Hoàng Đức Long là một nhà trinh thám trừ danh, chàng có mắt tinh đời lắm, một cái ngó, một lần nghe của chàng cũng thấu nổi cái ẩn tình của người ta, huống chi hôm tòa xử cô hai Quyên kỳ thứ nhứt, cô hai Quyên nhìn Võ Kim Toàn rồi sa nước mắt, ai thì không thấy, chớ chàng Long tỏ mắt lắm, chàng chán biết cô hai Quyên có tình với Võ Kim Toàn lắm. Chàng cũng biết rằng chàng lấy cô hai Quyên làm vợ, thì chàng là một người khốn nạn lắm, vì không khác nào đi cướp duyên của người ta. Chàng đã cặn xét như vậy, song vì cô hai Quyên đã có sắc lại có duyên, lại là con nhà đại phú, bởi vậy chàng muốn dứt tình thương cô hai Quyên, để tránh sự quấy mà không sao dứt được. Cho hay sắc với tài nó có cái mãnh lực mạnh bạo dường bao, mà có thể lôi người ngay vào đường quấy như vậy?

Một lời đã hứa ra, ông Nguyễn Đại Thanh không khi nào sai, bèn y lời hứa mà gả cô hai Quyên và chia sớt gia tài cho Hoàng Đức Long. Lễ thành hôn định vào ngày 21 tháng mười Annam, năm...

V

Oan này ai rõ cho ai?

Đây xin nói qua chàng Vô Kim Toàn, cha mẹ chàng cũng là bậc giàu có sang trọng, lại người quen thân với ông Nguyễn Đại Thanh. Lúc chàng còn nhỏ, thường đến nhà ông Thanh chơi đùa với cô hai Quyên, đã từng cùng cô hai Quyên vịn vai kể về như những đứa con nít khác, ấy là tình bầu bạn. Sau cả hai lần lần lớn lên, Kim Toàn không thể gần cô hai Quyên nữa, thì cái tình bầu bạn lúc còn thơ bây giờ lại hóa ra tình vợ chồng! Hai người bèn nặng lời vàng đá cùng nhau, thề rằng nếu gặp hoàn cảnh khắt khe đến thế nào thì thà chết mà giữ trọn niềm phu phụ, chớ không mang cái sống mà để nhơ bợn thân danh...

Lúc cô hai Quyên bị nạn, chàng rất đau lòng nhưng không biết lấy phương pháp gì mà cứu người yêu cho được, bởi vậy trong thời kỳ cô hai Quyên ở trong khám thì chàng ở ngoài chín chiều ruột thắt, trăm mối tơ vò, muốn cứu người yêu mà không sao cứu được.

Đến khi ông Nguyễn Đại Thanh hỏi tâm mà treo giải thưởng, Hoàng Đức Long cứu được người yêu của chàng ra khỏi khám đường, thì chàng rất đội ơn Hoàng Đức Long, nhưng ngoài cái sự đội ơn đó chắc không khỏi có điều ân hận! Chàng rất xấu hổ với lương tâm, hổ vì Hoàng Đức Long cũng người, chàng cũng người, mà sao chàng không cứu được cô hai Quyên? Đã vậy, thì còn mặt mũi nào mong mỏi đến việc tóc tơ cùng cô nữa? Vì dẫu chàng không tính việc nọ kia, thì cô hai Quyên cũng chẳng phụ tình chàng, vì chàng biết cô là

một người con gái có tình có tiết lắm, chứ chẳng phải như gái tầm thường khác. Còn như cô không lấy chàng làm chồng thì chắc là cô phải tự vận, như vậy thì tội nghiệp cho cô. Thôi thà là chàng chịu mang tiếng bạc tình, nghĩa là giả đồ sắp đi cưới vợ khác, để cho cô được trọn hiếu với cha và trọn đạo tòng phu cùng người nghĩa...!

Khi chàng giáp mặt cô hai Quyên, chàng bốp bụng nói ra mấy lời bạc bẽo đó, cô hai Quyên tưởng lắm mà giận chàng, thì chàng rất mừng, mừng vì chàng đã làm được một việc rất chánh đáng, nhưng mừng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu. Cô hai Quyên lên xe kéo về, chàng lên nhìn theo mà gan bào ruột thắt, giọt lệ đoan trông!

Người nặng vì tình mà phải mang tiếng bạc tình như chàng thật đáng kinh phục thay!

Đến ngày lễ thành hôn của cô hai Quyên, cha mẹ chàng và chàng được hồng thiệp của ông Nguyễn Đại Thanh mời, chàng từ chối không chịu đi, song vì ông Nguyễn Đại Thanh năm ba phen sai người lại nhà ân cần bảo chàng thế nào cũng phải đến chia vui cùng họ hàng ăn uống vui cười, chàng đứng lên giữa tiệc, đọc một bài discours như vậy:

«Hôm nay tôi lấy làm mừng lòng vô hạn, vì tôi được cái hân hạnh đến dự lễ thành hôn rất trọng thể này!

Vậy xin lỗi quý ông quý bà cho phép tôi đứng giữa đây mà tỏ đôi lời chúc mừng hai họ.

Đang con bình địa, bỗng dưng nổi dậy ba đào, khiến cho Nguyễn tiểu thơ là người vô can mà phải bị hàm oan. Nguyễn đại nhân vì tình phụ tử nên chẳng tiếc gì của cải, bèn treo một giải thưởng rất trọng, để giục lòng trinh thám bốn phương. Có hơn mấy trăm người mà không khám phá được một mây may nào, duy có một mình thầy Hoàng Đức Long là người tài ba lỗi lạc mưu trí cao kỳ, đem Nguyễn tiểu thơ ra khỏi vòng tai bay họa gởi. Thầy là một bậc nhân tài của non sông tú khí Việt Nam, đáng cho quốc dân ta hoan nghinh sùng bái...!

Nguyễn đại nhân giữ theo lời hứa, nên hôm nay mới có đám lễ thành hôn này!...

Trai tài như Hoàng đại huynh mà sánh đôi với gái sắc như Nguyễn tiểu thư thật là loan phụng kỳ phùng, trong đời chỉ có một!

Vậy riêng về phần tôi xin chúc cho hai họ Nguyễn Hoàng được:

“Một nhà sum hiệp trúc mai,

Càng sâu nghĩa biển, càng dài tình sông!”

Võ Kim Toàn cầm bài diễn văn đọc mà hai tay thì run như thần lần dứt đuôi, ngoài mặt gương vui cười chớ trong lòng đã chết điếng! Đọc vừa dứt câu chót trên đây thì hai hàng nước mắt liền đổ xuống ngay trong tờ giấy, chàng ta vội vàng lấy khăn lau nước mắt, rồi mượn cớ trong mình có hơi khó ở mà cáo từ về ngay!

Hết thấy mọi người trong tiệc đều chờ cho chàng đọc dứt câu đặng có vỗ tay khen, kẻo thấy chuyện kỳ như vậy đều lấy làm lạ, nghi rằng chàng có tâm sự gì uất ức trong đám tân hôn này.

Hoàng Đức Long nghe Kim Toàn đọc bài discours ấy, tuy toàn là lời khen tặng mình, song cũng chẳng khác nào lấy nước muối mà rót vào tai!

Vì mấy giọt nước mắt của Kim Toàn rơi giữa tiệc, mà khiến cho cô hai Quyên đêm nào cũng gác tay qua trán mà suy nghĩ, song cô nghĩ chẳng ra. Một hai năm về sau cô không thấy Kim Toàn cưới vợ khác, chừng ấy cô mới rõ Kim Toàn giả cách bạc tình, để cho cô trọn hiếu trọn nghĩa, chớ không phải là người lòng một dạ hai, thì cô lấy làm ăn năn hối hận vô cùng. Nhưng mà đoá trà mi ong đã mở lối, liễu chương đài người đã chuyên tay, thì còn mặt mũi nào đoái nhìn người cũ, thôi thì hủy kiếp hồng nhan, để tạ tấm lòng thủy chung cao thượng của chàng...!

Kim Toàn nghe tin cô hai Quyên tự sát thì thương tiếc vô cùng, chàng tự hỏi rằng: “Tại vì đâu mà lương duyên của ta phải trắc trở?” Có phải tại quan thẩm án tra xét không ra lẽ, cứ nghi quyết cho người

yêu của ta, cho nên mới ra nông nổi này chẳng? Nếu như quan thẩm án mà có mắt tinh đời như Hoàng Đức Long thì đâu có sự có đường này! Ngày nay người yêu của ta chết, đời của ta không còn gì là thú vị nữa. Vậy ta phải hạ sát kẻ thù để tiết hận cho ta, và rửa oan cho nàng mới được! Rồi ta sẽ tự xử lấy, chớ chẳng thèm sống làm gì!”.

Quả nhiên vài ngày sau thì chàng giết được kẻ thù - xin chớ tưởng kẻ thù là Hoàng Đức Long - rồi tự sát lấy, chớ không để cho ai hành hạ đến thân mình!

Đã hay chàng lụy vì tình, song lụy mà lụy cách ấy cũng vè vang thay!

LỖI VỀ TÔI

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

LỖI VIỆ TÔI !

MƯỢN BẠN THƯ VỢ

Tác-giã : SƠN - VƯƠNG



— chớ tao có mượn mầy lấy vợ tao ở đâu !

Bản-quyển sở hữu

Giá nhứt định 0\$09

Imprimerie ĐỨC-LƯU-PHƯƠNG
158 Rue d'Espagne Saigon

LỖI VỀ TÔI!

Chàng Nguyễn Kim Lang là người ở Sài Gòn, cha mẹ mất sớm để lại một cái gia tài lớn. Vợ chàng là cô Lê Chung Tình, nhan sắc đẹp, đức hạnh tối, ăn ở với chồng một lòng trung tín.

Bữa nọ Kim Lang bỏ nhà đi chơi đâu hơn năm sáu ngày mới về, khi về tới nhà thì thấy vợ đau nặng, đáng lẽ thì chàng buồn rầu lắm mới phải; song chẳng rõ tại sao chàng cho đó là một dịp may để thử lòng vợ chàng. Chàng có một người bạn thiết là đốc tờ Khuê Nhân, cái ẩn tình của Khuê Nhân đối với chàng ra thế nào không biết được, chứ chàng đối với Khuê Nhân thì mười phần tin hết cả mười. Bởi chàng tin đốc tờ Khuê Nhân là một người bạn tốt của chàng nên chàng mới nhờ Khuê Nhân điều trị giúp bệnh vợ và luôn dịp ấy dùng cam ngôn mỹ từ mà cảm dỗ vợ chàng, coi vợ chàng có đổi lòng không!

Đốc tờ Khuê Nhân vui lòng làm phận sự mà Kim Lang đã phó thác cho.

Sau khi bàn tính xong rồi, Kim Lang đem vợ đến đường riêng của bạn mà giao cho bạn, rồi thỉnh thoảng chàng lại đến thăm chừng vợ một lần.

Bữa nọ lối bảy giờ rưỡi tối, chàng đến nhà đốc tờ Khuê Nhân để thăm vợ cũng như mọi lần khác, nhưng chàng lấy làm lạ sao mới chừng ấy mà cửa nẻo đều đóng hết, chàng bèn nhận chuông kêu bỏi ra hỏi rằng:

– Ông đốc tờ có ở nhà hay không?

- Thừa đi khỏi rồi.
- Vậy em hãy mở cửa cho qua vào thăm vợ qua một chút?
- Dạ tôi không dám!
- Tại sao mỗi khi em dám mà lần này em không dám?
- Là vì một lẽ riêng tôi không thể nói cho thầy biết được!

Kim Lang nghe thằng bồi nói như vậy thì sanh nghi rằng: “Hay là lão này muốn tính công chuyện lời thôi gì với vợ mình đây chẳng!” Chàng lấy làm áy náy trong lòng hết sức, đang lúc chàng bức tức không biết phương thế gì mà vào tận phòng vợ cho đặng, thì kẻo thằng bồi đi lại gần chàng mà nói nhỏ rằng: “Thiệt tôi giận chủ tôi quá thầy!” Kim Lang hỏi:

- Tại sao mà em giận?
- Ông trai gái với vợ tôi!
- Té ra hiện bây giờ ông đương cùng vợ em...?
- Không, không. Vợ tôi ông lấy đã lâu rồi, còn bữa nay thì... thì vợ thầy!

Kim Lang lấy làm ngạc nhiên mà rằng:

- Em đừng nói bậy, ông đốc tờ là người tử tế, có lẽ nào ông đi làm chuyện khốn nạn như vậy!
- Tôi nói thầy không tin, thầy hãy vào phòng thăm rồi thầy sẽ biết!
- Ủ em mở cửa cho qua vào?
- Nếu có bề gì thì thầy hãy bảo bọc cho tôi, tôi mới dám mở. Tôi mà bạo gan mở cửa cho thầy vào đây, là vì bấy lâu nay tôi tức quá mà không dám nói, nay sẵn dịp này là một dịp tôi trả thù!
- Được, không sao đâu em sợ.

Thằng bồi bèn mở cửa giữa cho chàng ta vào nhà, chàng nhẹ gót lại đứng phía ngoài phòng, kê mắt vào lỗ chìa khóa mà trông vô phòng thì thấy Khuê Nhân đang cùng vợ mình nồng nàn tình ái!...

Than ôi! Biển tình nổi sóng, ghen ai chẳng châu mày? Kim Lang thấy vợ và bạn như vậy thì bất nhẫn trong lòng, nói thảm rằng: “Ta chẳng dè tâm địa thẳng Khuê Nhân khốn nạn dường này. Còn con Lê Chung Tình ta thương nó không còn ai thương bằng, thế mà ngày nay nó đem lòng lang chạ, lén ta mà giao tình với Khuê Nhân. Ôi thôi tình phu phụ còn chi mà kể, nghĩa kim bằng hết nói nữa rồi. Vợ như thế, bạn như thế, ta hãy bỏ qua mặc tình chúng nó làm gì thì làm cho thỏa thích, làm ra thì cũng bận lòng chớ chẳng ích gì!”

Nghĩ vậy rồi bỏ ra về, nhưng ra về chưa khỏi cửa thì máu ghen bỗng bột sôi lên, chàng liền trở vào mà gõ cửa gọi đốc tờ Khuê Nhân om sòm, gõ cửa mặc gõ, Khuê Nhân ở trong ăn hàng thì cứ việc ăn hàng! Có lẽ lúc ấy cặp gian phu dâm phụ cũng hải hùng kinh cụ lắm, song đang lúc mây mưa mê trận, dầu đứt đầu cũng không sợ nói gì thừ gõ cửa!

Kim Lang biết thế nào Khuê Nhân cũng không dám mở cửa, bây giờ chàng phải phá cửa mà vào mới được, song biết lấy chi mà phá bây giờ? Chàng bèn chạy đi kiếm được một cây xà ben sắt liền đem lại mà xeo tét cánh cửa ra. Chàng vừa đẩy cửa bước vào phòng, thì đốc tờ Khuê Nhân đã mở cửa sổ mà nhảy ra ngoài vườn, Kim Lang vội vàng nhảy ra ngoài rồi rượt theo, song chàng chạy theo không kịp. May nhờ Khuê Nhân vấp té sắp xuống đất, anh ta lồm cồm trờ dậy dặng cổ chạy nữa, thì kế Kim Lang nhảy tới thộp đầu mà đánh đá tung bưng. Khuê Nhân có sức mạnh vì va lớn người lắm, mà không thể gì vùng vẫy khỏi tay của Kim Lang là vì Kim Lang có học võ nhiều, bởi vậy anh ta phải đành để cho Kim Lang mặc tình đánh đập, chớ không dám đàn áp lại. Kim Lang đánh đã tay rồi ngưng mà nhiếc Khuê Nhân rằng:

– Đồ khốn nạn, tao tưởng mày là một người bạn biết giữ chữ tín, nên tao mới mượn mày thử lòng vợ tao cho biết vàng thau chơn giả thế nào, chớ tao có mượn mày lấy vợ tao ở đâu!

Nói dứt lời, chàng bồi thêm cho Khuê Nhân một đập nữa, rồi

trở vào phòng thấy vợ đang nằm thiêm thiếp, dường như chưa tỉnh giấc nồng! Chàng lấy làm gai mắt mà rằng:

– Đồ khốn, khéo làm bộ dữ!

Nói đoạn xốc lại đánh cô Lê Chung Tình lu bù, mà lạ sao cô Lê Chung Tình không khóc la giã giụa gì cả, hình như người đã mất hồn rồi vậy. Đánh một hồi, chàng thấy vợ chàng không cựa cựa gì cả, thì chàng mới hoảng hồn, bèn mượn thằng bồi chạy đi kêu cho chàng một cái xe lô ca-xông, đoạn chàng chở cô Lê Chung Tình vào nhà thương Chợ Rẫy giao cho lương y cứu cấp, rồi chàng lập tức trở về nhà chớ không thèm ở lại coi cô Lê Chung Tình sống chết thế nào.

Kim Lang về nhà, chong đèn ngồi nơi bộ xa lông nói lảm bảm một mình: “Thiệt người trong đời này không còn có mấy ai mà biết trọng luân thường đạo lý nữa, vợ và bạn mà còn không có chỗ tin được thì nói gì người dưng? Nhơn loạn đời này, trừ một số người còn có tâm tình cao thượng ra, còn bao nhiêu tuy hình thức là người, chớ tâm địa là sói lang cả đấy. Vậy thì ta còn chung chạ với chúng nó làm gì, ta hãy hủy cả sự nghiệp rồi lánh vào rừng xanh núi đỏ, bạn cùng non nước cỏ cây, còn thỏa chí thanh nhàn hơn!”

Tính vậy rồi hôm sau bao nhiêu ruộng vườn của cải chàng đều kêu nhà nghèo mà phân phát hết.

Thằng bồi của Khuê Nhân được chàng cho mấy căn phố với hơn ngàn bạc, nó mừng quá bèn không thèm ở cho đốc tờ Khuê Nhân nữa, thế mà Khuê Nhân không hề dám đá động đến nó, nếu đá động đến nó thì nó nói xấu ra càng nhục!

Kim Lang với cô Lê Chung Tình thương nhau mà lấy nhau, chớ không phải thành hôn chánh thức, nghĩa là không có hôn thú nên chàng mới được trọn quyền mà phá tán hết cả gia tài.

Chỉ có một ngày mà sự nghiệp đã tiêu điều, chiều tối ngày hôm ấy chàng đã ra người tay trắng túi không, lại là kẻ thất tình lãng trí,

chàng ta mặc bộ đồ vải, gương mặt lộ vẻ âu sầu, đi lang thang theo mé sông Sài Gòn, chàng ta trông trời trời thăm, trông đất dường như đất cũng sầu, bao nhiêu cái cảnh tượng quanh mình đều hình như cũng vì việc gia biến của chàng mà tiêu điều ảm đạm. Chàng đi hết con đường này rồi quẹo qua con đường khác, thoạt nói thoạt cười, tâm thần bất định, kẻ đi đường thấy vậy ai cũng cho chàng là điên, song chàng có đếm xỉa gì lời dị nghị của thiên hạ nữa đâu. Chàng đi vất vợ ngoài đường mãi, khi đến góc đường Luro - d'Espagne thì thấy giấy chi rải trắng xóa đầy đường, chàng ta chẳng cần phải biết giấy ấy là giấy gì, cứ cong lưng lượm thồn vào túi, đầy hai túi rồi chàng ta đi nữa, đi lên tới đường Charner thì trời đã khuya mà cảng cũng đã mỏi, chàng bèn quẹo lại đại lộ Bonard, nằm trên cái băng ở trước nhà hát Tây mà nghỉ. Chàng vừa thiu thiu ngủ, thì kè có một người lính tới đuổi chàng đi, chàng không chịu đi, lại nói thì thò với người lính, lính bèn hỏi giấy thuế thân thì chàng ta móc giấy trong túi đã lượm được khi nãy mà đưa, lính đem giấy ấy lại bóng đèn điện mà xem thì là truyền đơn cộng sản! Lính liền trở lại thộp ngực chàng ta mà điệu về bót. Chàng ta cũng đi chớ không thêm cãi cộ gì cả...!

Chẳng cần phải nói lai lịch gốc từ Khuê Nhân ra đây làm gì, tưởng khi trong chur độc giả đã có một số người hiểu rồi, đây chúng tôi chỉ nói anh ta là một người không tốt là đủ, song cái không tốt của anh ta ít người biết được, là vì anh ta khéo chiêu hiền đãi sĩ lắm!

Anh ta đã là người không tốt mà chàng Kim Lang lại tin rồi đem trứng mà gởi cho ác như vậy, thì thật chàng ngu ngốc quá, vợ chồng đã thương nhau thì cứ vậy mà ở đời với nhau, lại đem mà thử làm gì? Lòng người như một mảnh lụa trắng, hễ gấm màu nào nó sẽ thấm màu ấy, có phải là thánh đầu hòng đem mà thử!

Cô Lê Chung Tình là một thiếu nữ mình hạc xương mai, nhan sắc ít ai bì kịp, dầu người có nghị lực thấy cô chưa chắc khỏi si tình, huống gì gốc từ Khuê Nhân là một gã tham dâm đắm sắc chẳng ai bằng, thì bảo sao hắn không làm bậy được! Anh ta vốn thêm thuồng

mơ ước cô Lê Chung Tình đã lâu, mà anh ta chắc không thể gì đạt được ý muốn. Nay Kim Lang mượn anh ta thử vợ, có khác nào đem cái hạnh phúc ái tình của mình mà dâng cho anh ta, thì còn có cái chi làm cho anh ta vui sướng hơn nữa?

Cô Lê Chung Tình lại nằm tại dương đường của anh ta, mấy ngày đầu mỗi khi anh ta bắt mạch hoặc cho uống thuốc thì anh ta chỉ rờ rẫm mà thôi, cô Lê Chung Tình tưởng anh ta làm như thế là theo cái lối thường của mấy ông đốc tờ, chớ cô có dè đâu Khuê Nhân rờ rẫm mình là có ý khoái lạc ngầm! Qua ngày thứ ba lửa tình đã dậy, không thể nào đè nén được nữa. Trong khi anh ta để tay lên ngực cô Lê Chung Tình mà tuần mạch thì anh ta ngó cô Lê Chung Tình mà cười mỉm chỉ một cái rồi nói rằng:

– Thầy Kim Lang thật là đại phước!

– Phải chổng tôi có phước thì tôi không đến nỗi này!

– Không, không, tôi nói thầy có phước là thầy được một người vợ nhan sắc phi phàm như cô chớ!

Cô Lê Chung Tình biết anh ta đã lộ đuôi trều, bèn nói:

– Ông hãy đi nghỉ đi, bây giờ tôi mệt lắm không thể hầu chuyện với ông nữa!

Cô Lê Chung Tình nói dứt lời liền nghiêng mình day mặt vô tường rồi kéo mền đắp lại. Đốc tờ Khuê Nhân ngồi ở phía sau lưng, anh ta trông cô Lê Chung Tình từ trên tới dưới thì cái tình dâm nó càng giục anh ta, anh ta lại nói:

– Chớ chi tôi được một người vợ như thế này thì đời của tôi khoái lạc biết đường nào!

Cô Lê Chung Tình nghe câu ấy càng trái tai hơn những câu trước thì giận quá, cô liền ngồi dậy ngó ngay mặt Khuê Nhân mà hỏi rằng:

– Chẳng hay ông nói câu ấy là có ý gì vậy?

– Vì... vì tôi thương cô quá!

– Trong trời đất này hết người cho ông thương rồi hay sao ông lại nhờ vợ anh em bạn mà thương?

– Bốn phương trời biển thiếu chi người quốc sắc thiên hương, song chẳng rõ tại sao tôi không thương được cô nào, mà tôi chỉ vừa lòng có một mình cô thôi!

Cô Lê Chung Tình tỏ sắc giận mà nhiếc lớn lên rằng:

– Tôi tưởng ông là người có học thức rộng biết phân biệt phải quấy, chẳng dè ông có bằng cấp đốc tờ mà tâm địa của ông không sánh bằng một kẻ hạ lưu kia, cha mẹ ông cho ông đi Tây học để làm sự gì về vang cho nước, chớ có phải cho ông đi học lấy bằng cấp đốc tờ về lập đường đường để mà ve vãn nữ bình nhân đâu! Ông làm như vậy thì từ đây còn ai dám đem vợ con đến đây cho ông chữa bệnh nữa? Ông hãy đi ra khỏi phòng này cho mau mau, rồi kêu chồng tôi đến đây đem tôi về, không thì tôi làm nhục ông bây giờ!

Khuê Nhân bị cô Lê Chung Tình thóa mạ dường ấy, mà hình như anh ta cũng chưa biết thẹn, anh ta nghĩ thầm rằng: “Con này thật nặng lòng chặt dạ quá, ta không thể dùng tiếng nói mà cảm dỗ nó được, mà nếu ta bỏ mất cơ hội này thì uổng lắm, âu là ta phải dùng phương thế gì khác mới được!” Nghĩ đến đó anh ta bèn hạ mình mà năn nỉ Lê Chung Tình rồi ra ngoài kêu thẳng bồi bảo nó đóng cửa tắt đèn hết rồi nằm trước hàng tư mà coi chừng nhà, nếu có ai tới hỏi thăm anh ta thì nói rằng anh ta đi khỏi. Đoạn anh ta đi đốt một nồi thuốc mê lên mở cửa phòng đút tuốt vào phòng rồi khóa cửa lại. Cô Lê Chung Tình biết nồi thuốc ấy là nồi thuốc lợi hại của anh ta, cô bèn bước xuống giường đặt lại ghế rửa mặt bưng thau nước mà tưới cho tắt đi, nhưng khi cô vừa đi tới chỗ thì hơi độc đã nhập vào cữu khiếu, người cô liền mê man, cô té nằm dài dưới gạch mà bất tỉnh nhân sự. Đốc tờ Khuê Nhân ở ngoài rình thấy cô Lê Chung Tình đã như người chết, thì anh ta mừng rỡ vô cùng, vội vàng mở cửa bước vào bưng nồi thuốc đem dục tắt đi. Đoạn trở vào phòng bỗng cô Lê Chung Tình mà để lên giường rồi đó thì mặc tỉnh cho

anh ta hái mạn bẻ đào, nguyệt hoa hoa nguyệt!... Cô Lê Chung Tình còn biết gì nữa đâu mà ngăn cản!...

Ấy sự thật là như thế, chớ không phải cô Lê Chung Tình đã thuận theo đốc tờ Khuê Nhân mà lấy Khuê Nhân, như chỗ thấy lâm của Kim Lang đâu.

Khi Kim Lang đánh cô Lê Chung Tình thì cô còn mê man chưa tỉnh, bởi thế nên cô không khóc la gì được. Sau khi vào nhà thương Chợ Rẫy quan lương y tận tâm cứu cấp cô, cô mới hoàn hồn tỉnh lại được. Khi cô tỉnh lại thì cô chỉ nhớ từ lúc cô bước chơn xuống giường và trở về trước mà thôi, chớ cô có hay đâu chữ tiết của cô đã trôi theo dòng nước chảy rồi! Thật tình cô không hay biết một điều gì cả, cô chỉ lấy làm lạ sao cô nằm trong phòng khác mà mình mấy đều rêm, đốc tờ Khuê Nhân cũng vắng mặt mà chồng cô cũng chẳng thấy vắng lai. Cô hỏi người này người kia, song có ai biết gì mà nói, người ta chỉ nói cho cô biết hiện lúc ấy cô đang nằm tại nhà thương Chợ Rẫy mà thôi...

Sau cô hết bệnh trở về nhà thì cô mới hay sự nghiệp đã tiêu điều, chồng cô đi đâu mất. Cô hỏi ra mới biết chồng cô vì thấy cô trai gái với Khuê Nhân, nên buồn tình thất chí mà phá tán hết cơ nghiệp. Chừng ấy cô mới biết đốc tờ Khuê Nhân xông thuốc mê mà hãm hiếp cô, chồng cô tới thỉnh linh thấy vậy tưởng cô sanh tâm lang chạ nên mới ra nông nổi nát cửa hại nhà. Bởi vậy cô lấy làm tủi thẹn với lương tâm và cảm tức thay cho đứa phong tình dâm ác kia. Cô muốn đâm họng mà chết cho rồi, song chết mà nỗi oan chưa được tỏ cùng chồng thì chết sao cho yên? Lúc ấy chồng cô đã bị bắt rồi mà cô nào có rõ, cô tìm chồng cùng nơi khắp chốn, tiền bạc mòn hầu hết mà tìm cũng chưa ra. Cô lấy làm lo buồn hết sức, kể thấy có một tờ báo kia đăng tin rằng chồng cô bị bắt về tội rải truyền đơn cộng sản đã lâu rồi, thì cô lấy làm ngạc nhiên và lo sợ vô cùng, ngạc nhiên vì chồng cô lâu nay chưa hề tính tới việc ấy mà nay bị bắt như thế thật là một sự bất ngờ. Cô bèn tới nhà thầy ba Th... ở đường

Lagrandière là người quen với chồng cô lúc trước, để mượn thầy làm một lá đơn đăng xin phép vào khám thăm chồng, thầy ba Th... nghe nói đến việc ấy thì sợ hết hồn! Bèn viện cớ rằng bận việc không thể giúp được. Cô thấy nhân tình đen bạc như vậy thì càng thêm ngao ngán cuộc đời, cô bèn cõng một chiếc cà rá đem đi cầm, rồi lấy tiền mượn người khác làm chớ chẳng thêm mượn ai cả.

Được đơn rồi cô đem qua tòa nhờ người planton đệ vào phòng cho quan thẩm án, một lát anh planton đem lá đơn trở ra trả cho cô, cô tưởng ngài đã cho phép, nhưng khi xem kỹ lại thì thấy ngài phê cho cô trên lá đơn một chữ *Refuser*⁽¹⁾, cô nhìn nét bút chì xanh ấy mà gan bào ruột thắt, lụy ngọc chan hòa!...

Cô biết rằng nhà nước đã cho chồng cô là hạng tù quốc sự thì cô không có dễ gì mà được thấy mặt chồng, cô xé nát lá đơn ra từng mảnh rồi vội vã bước ra khỏi tòa liền hồi ấy!

Cô tính kiếm phương thế làm ăn cho qua ngày đoạn tháng, chờ cho chồng cô ra khỏi khám đăng cô tỏ sự oan ức của cô cho chồng cô biết rồi cô sẽ chết. Cô bèn đem ít món đồ đi cầm được chín mười đồng gì đó, rồi qua bên Thủ Thiêm mượn một căn nhà lá giá mỗi tháng một đồng rưỡi, cô mua một cái ghế bố hết hai đồng ba, mua một cái thúng hết năm cắc, rồi cô tính qua Chợ Cũ mua những bắp cải thúi và củ hành hư của Chệt đem về lật lại mà bán cho bồi, cũng có thể kiếm lời được. Hôm ấy cô mua hai ba thứ một thúng đầy giá bảy cắc, cô bung lên góc chợ Bến Thành ở đường d'Espagne mà bán. Cô mới vừa để thúng xuống thì đã có một ông Tàu đứng trước mặt, xé đưa cho cô một miếng giấy, mà nói rằng:

– Ê tiền chỗ một cắc!

Cô Lê Chung Tình nghĩ rằng thúng đồ ấy may mà bán được hết, thì chỉ lời chừng ba bốn cắc là cùng, thế mà chưa bán được xu nào nó đi đòi đóng tiền chỗ một cắc! Thì thật là đứt ruột nát gan, song

(1) Tiếng Pháp nghĩa là từ chối, không cho phép

cũng phải bóp bụng góp cho nó chớ biết sao bây giờ? Cô góp rồi kể có một anh bồi ngồi xuống lựa một mớ củ hành rồi hỏi:

– Mớ này ba tiền bán hôn cô?

– Rẻ quá! Anh trả thêm vài xu nữa, sớm mời anh mua mở hàng giùm tôi.

– Thôi thì tôi mua ba tiền rưỡi đó?

Cô Lê Chung Tình chịu bán, anh bồi bèn hốt mớ củ hành ấy mà bỏ vào giỏ cân xé, hốt chưa rồi thì cô thấy một anh biện Tây đang đánh đá tung búng những người mua gánh bán búng đều rùng rùng mà chạy, anh bồi cũng thừa dịp ấy xách giỏ đông mắt! Cô chưa kịp chạy theo đòi tiền lại thì kể anh biện Tây hăm hăm xốc lại đá thúng đồ của cô, củ hành và bắp cải đều văng tứ tung cả ra ngoài gạch. Cô Lê Chung Tình sợ hết hồn toan chạy thì nó lại xô cô té sấp xuống đất, cô bị tức và đau lắm, song cô cũng gắng gượng ngồi dậy lượm đồ bỏ vào thúng, rồi kêu xe kéo mà về nhà!

Cô ngồi trên xe kéo tay thì ôm bụng rên tức, mà nước mắt hai hàng đổ xuống như mưa, kẻ đi đường thấy vậy ai cũng lấy làm thương tâm cho cô mà căm giận kẻ bạo tàn kia!...

Cô Lê Chung Tình về tới nhà thì huyết ra lai láng, ấy là cô đã thọ bệnh rồi, cô tính vào nhà thương thí mà uống thuốc, chớ trong mình gia tài còn có mấy đồng bạc để hậu thân, nếu chạy thuốc hết rồi, rủi có bề gì biết làm thế nào. Khi cô vào nhà thương, thấy bệnh nhon chen chúc nhau trước cửa phòng khám bệnh đông vậy. Cô đứng ngoài hiên trông vào phòng khám bệnh, thấy một ông lương y người Pháp đang cời trần một thiếu nữ, đoạn lấy tay búng búng trên hai cái vú của bệnh nhân rồi kê tai vào ngực mà nghe!... Còn chung quanh thì có hơn mười mấy bệnh nhân khác đương chống mắt mà trông vào. Ấy đó nhà thương thí Sài Gòn đứng ở ngoài mà còn thấy được như thế đó!...

Cô Lê Chung Tình thấy cách điều trị bệnh nhon của người Âu quá ư dối bại như vậy, thì không thể gì cô đem thân vàng ngọc của

cô cho họ làm trò chơi!... Cô nhứt định rằng thà là cô chết, chứ không thềm bước chân đến nhà thương thí Sài Gòn nữa...!

Cô bèn lên Hóc Môn xin một cái toa thuốc của ông Nguyễn An Cư, rồi đem về nhà mỗi ngày đi bổ một thang sắc mà uống, cô lại viết một bức thư gửi vào khám cho Kim Lang, thư ấy như vậy:

“Trân trọng vài hàng kính thăm mình mạnh giỏi, tôi lâm bệnh hiểm nghèo không biết còn sống được đến ngày mình ra hay không. Vậy tôi xin yêu cầu mình vài lời cuối cùng, ngày nào mình ra khỏi khám hãy ghé lại nhà cho tôi tỏ sự oan ức của tôi cho mình nghe, rồi tôi mới yên lòng mà nhắm mắt.

Minh ôi! Việc đời éo le lắm nỗi, biết sao rằng thật, biết sao rằng hư, xin mình đừng có đề quyết cho tôi oan cho tôi lắm mình ôi! Chuyện của mình vô can mà bị tù đày mình có thấy không, thì cái việc của tôi mình có biết đâu rằng tôi không làm mà phải chịu tiếng xấu. Minh hãy suy rộng nghĩ xa, mở lượng hải hà cho tôi được thấy mặt trong giờ chót, thì tôi lấy làm cảm đội ơn mình vô cùng!”

Được thư này mình lập tức trả lời cho tôi biết”.

Dưới ký tên Lê Chung Tình và đề chỗ ở.

Cô gửi thư đi hơn tuần lễ mà chẳng thấy thư trả lời, cô gửi thêm một bức thứ hai cũng bặt vô âm tín, cô gửi tiếp luôn mấy bức nữa thì kết cuộc cũng không khác gì đốt giấy tiền vàng bạc mà thí cho cô hồn!

Ôi! Còn chi đau đớn cô Lê Chung Tình bằng sự thất vọng này. Từ khi cô mở mắt chào đời đến lúc bấy giờ, cô chưa hề làm một điều ác, trái lại cô là một người con gái hiếu hạnh đủ điều, lúc cha mẹ cô còn sanh tiền thì cô hết lòng phụng dưỡng, khi cô có chồng thì hết dạ thờ chồng, ngoài ra cô còn làm lắm việc từ thiện nữa. Ấy là cái nhân của cô tạo ra, thế mà cái quả của cô có ngày nay lại như thế đấy! Vậy nói thiên địa chí công là chí công chỗ nào đâu?

Đêm hôm ấy bệnh cô càng trầm trọng, mà tiền bạc đã hết rồi, chỉ

còn có một bộ đồ mặc trong mình mà đã rượn cả rồi, cô nằm liệt trên ghế bố đối ngọn đèn xanh, gió bắc thổi hắt hiu khiến cho cô càng nao nùng tắc dạ. Cô vật vã khóc than một hồi rồi kêu đốc tờ Khuê Nhân mà nói một mình rằng:

“Khuê Nhân ôi! Vì mi mà vợ chồng ta phải ăn sầu nuốt thảm, vì mi mà sự nghiệp ta phải tiêu điều, mi là một kẻ đại thù của ta, mà bấy lâu nay ta không đá động gì đến mi là vì ta còn hi vọng được thấy mặt chồng ta, dặng ta tỏ đôi lời oan khúc rồi ta sẽ tính lấy đầu mi. Ngày nay ta muốn giết mi mà không thể gì giết dặng, là vì ta sắp từ biệt cõi trần. Này Khuê Nhân ôi! Ta sống mà thù này không trả dặng, thì ta nguyện sau khi chết, hồn oan ta sẽ về dương thế mà vấn vít theo mi, khiến cho mi mặt kiếp không thể làm ăn được, ta mới là cam lòng cho...!

Cô nín một hồi rồi kêu trời mà nói: “Thiệt là trời cao không có mắt, nên thằng Khuê Nhân nó mới xông thuốc mê được mà hăm lên tôi. Nếu nói rằng ông có mắt sao ông không mở mắt cho chồng tôi thấy rõ sự oan ức của tôi. Bây giờ tôi sắp chết, mà trước khi chết tôi muốn thấy mặt chồng trong giờ chót cũng không được, ôi đầu xanh đã tội tình gì mà ông nở dày dọ thế?

Cô im hơi lặng tiếng một lát rồi kêu chồng mà than rằng: “Mình ôi! Nếu mình biết gan dạ tôi đối với mình ra thế nào thì chắc mình thương tôi không biết muôn vàn nào mà kể. Ấy cũng bởi trời xui vận khiến nên mới có xảy ra chuyện éo le trắc trở như vậy. Đối với mình thật tôi không thẹn với lương tâm chút nào cả, mà tôi cũng không dám trách mình, vì có sự xảy ra dường ấy bảo sao mình chẳng tin lắm mà hắt hủi tôi. Tôi muốn sống cho đến ngày mình ra tù để bày tỏ can tràng, ngặt vì hôm nay tiền bạc đã hết rồi mà căn bệnh lại càng trầm trọng, thì thà là chết cho rồi chớ sống càng thêm khổ!”

Cô Lê Chung Tình nói dứt lời liền đi lấy dao toan bẻ tự tử...

Đây xin nhắc lại chàng Nguyễn Kim Lang, từ ngày chàng bị bắt vào khám thì chàng bị không biết bao nhiêu sự khổ thống... sự khổ

thống ấy chúng tôi không có quyền mà tả ra đây cho hết được, xin chư độc giả hãy tưởng tượng lấy. Vì cái sự khổ thống đó mà Kim Lang thấm nhiễm được ít nhiều tu dưỡng quốc gia, nên trong trí chàng từ đó trở đi chỉ lo giải thoát cái thân cá chậu chim lồng của đồng chủng mà thôi, bởi thế mà thơ của cô Lê Chung Tình gửi vào, chàng ta coi rồi xé bỏ chớ không kể đếm gì cả.

Chàng bị giam tại Khám lớn Sài Gòn hơn ba tháng trường, sau quan trên xét chàng là người vô tội nên hạ lệnh tha chàng. Ngày chàng ra khỏi khám tức là ngày mà cô Lê Chung Tình toan vĩnh biệt cõi trần, chàng ra khỏi khám rồi thì không muốn cho người quen thấy mặt nữa, nên chàng đi tuốt qua bên Thị Nghè, rồi đi bá vợ ngoài đồng, tối lại chàng dật dựa vào xóm Thủ Thiêm, ngồi dựa bên gốc cây gần mé xóm nhà nghỉ. Chàng ngồi nghỉ được giây lát thì nghe văng vẳng tiếng một người đàn bà đang nỉ non than khóc ở trong một căn nhà lá kia, cách chỗ chàng ngồi chừng vài mươi thước, chàng tưởng ai đâu lạ nên lần lại mà nghe, chừng đến nơi nghe rõ lại thì giống tiếng của cô Lê Chung Tình, chàng kê mắt vào lỗ vách mà dòm vô trong, thì thấy rõ ràng là vợ chàng. Chàng mới tỉnh ra mà rằng: “Té ra con Lê Chung Tình ở đây mà, trong thơ nó có nói rõ mà ta quên phứt, thật ta không dốc lòng tìm nó mà ai lại xui ta đến đây, ta hãy ngồi xuống đây lóng tai nghe coi nó buồn duyên tử phận chi chi đây cho biết!

Chàng bèn ngồi im tại cạnh cửa lóng tai mà nghe.

Thành ra những lời than thở của cô Lê Chung Tình đều lọt tai chàng hết, chừng ấy chàng mới biết đốc tờ Khuê Nhân dùng thuốc xông làm cho vợ chàng mê rồi hãm lén, chớ không phải vợ chàng đổi lòng. Thì chàng lấy làm ăn năn hối hận vô cùng, khi cô Lê Chung Tình nói câu chót rồi nín thì chàng ta tưởng cô còn nói nữa nên ngồi im mà nghe, song ngồi chờ lâu quá mà không thấy lên tiếng, chàng bèn kê mắt vào lỗ vách mà dòm vô trong thì thấy cô Lê Chung Tình cầm dao mà đâm họng, chàng sững sốt kinh hoàng, chàng vội vàng

đứng dậy xô cửa một cái ầm. Cô Lê Chung Tình giật mình làm rớt con dao xuống đất, kể thấy một người thanh niên xồng xộc bước vào toan ôm cô, cô sợ hãi hồn nhưng chừng dòm kỹ lại mới biết là chồng mình, cô mừng quá đổi, lật đặt ngồi dậy tươi cười nét mặt và sa nước mắt mà hỏi rằng:

– Thấy được tha hồi nào?

Kim Lang bèn kể chuyện tại sao mình bị bắt tại sao mình được tha cho cô Lê Chung Tình nghe rồi hỏi rằng:

– Tại sao mình kêu tôi bằng thầy?

Cô Lê Chung Tình khóc mà đáp rằng:

– Chữ tiết của tôi đã mất rồi tôi còn mặt mũi nào dám nhìn thấy là chồng mà kêu thầy bằng mình nữa? Vậy thầy hãy ngồi lên cạnh ghế đây tôi sẽ nói cho thầy nghe!

Kim Lang nghe mấy lời càng thêm cảm phục, chàng rỏ nước mắt khóc mà rằng:

– Minh ôi! Cái oan của mình tôi đã rõ thấu rồi, xin mình chẳng nên nhắc lại làm chi nữa, mà làm cho tôi càng thêm đau lòng. Minh ôi! Vì trước kia tôi xuống Gò Công thăm một người anh em bạn, tôi có mục kích một vụ vợ thuốc chồng để theo trai, thì tôi lấy làm ghê gớm cho lòng ác độc của đàn bà, rồi tôi lại nghĩ rằng không chừng một ngày kia mình sẽ dùng thủ đoạn ấy mà hại tôi. Bởi vậy sau khi tôi về nhà săn díp mình bệnh, tôi bèn đem cho Khuê Nhân điều trị, tôi cậy hẳn thử ý mình coi cái tình của mình đối với tôi thiệt giả thế nào. Tôi có dè đầu mà nó thử thiệt...! Báo hại tôi phải tin lầm nên tôi với mình mới xa nhau. Hồi đó tôi giận thẳng Khuê Nhân mà đánh nó như vậy, chớ ngày nay tôi đã tỉnh ngộ rồi, tôi gẫm lại thì nó không có lỗi gì với mình hết. Vì tôi xét rằng ai mượn tôi làm như vậy thì tôi cũng không dám chắc rằng tôi có giữ được tròn chữ tín hay không.

Ôi! Đem thịt mà dâng cho cạp thì cạp cứ việc ăn, lỗi là lỗi về kẻ

dâng thịt chớ cạp có tội tình gì? Tôi xét cho cặn kẽ thì *lỗi về tôi* hết! Xin mình hãy bỏ qua, chẳng nên chấp nê làm chi nữa!

Nghe dứt lời cô Lê Chung Tình mới biết rằng chàng Kim Lang vì thấy chuyện dưới Gò Công mà nghĩ đến cô, rồi mượn Khuê Nhân thử lòng cô, bởi có cái mượn bạn thử vợ đó mới là ra nông nổi này, cô chau mày than rằng:

– Tôi bỏ qua thế nào được, tôi sống là nhờ chữ tiết tôi còn, tôi chết là vì chữ tiết tôi mất, ngày nay tôi không còn đáng làm người nâng khăn sửa túi cho thầy nữa, thì tôi còn sống làm gì? Nhờ ơn trời phật được thấy thầy trong giờ chót và thấy đã biết được sự hàm oan của tôi, ấy đã đủ làm cho tôi hân hạnh lắm rồi, vậy tôi xin từ biệt thầy...!

Cô Lê Chung Tình lượn con dao cầm sẵn trên tay hỏi nào chàng Kim Lang không hay, cô nói dứt lời thì đâm họng liền, tuy vậy mà chàng ta cũng lẹ tay đỡ kịp, không thì hồn cô Lê Chung Tình đã theo dõi quỷ vô thường!

Cô Lê Chung Tình hủy mình không được thì giận lắm bèn hỏi rằng:

– Chẳng hay thầy thương tôi hay là ghét tôi?

– Tôi làm gì mà ghét mình!

– Thầy phải biết rằng côi trần là bể khổ, sống một ngày là đau khổ một ngày, thầy không ghét tôi sao thầy còn muốn cho tôi sống lại đặng mà chịu sự khổ nữa?

Nghe câu nói ấy, Kim Lang dường cũng không muốn sống nữa làm gì, song nếu chết mà chết vô danh vị thì cái chết ấy không đáng chết, bèn hỏi:

– Tè ra bây giờ mình không còn thiết gì đến việc đời nữa phải không?

– Thật tôi không thiết gì nữa hết, chỉ muốn chết mà thôi!

– Vậy mình hãy sống gương lại với tôi ít ngày nữa chừng nào trả được thù... rồi sẽ cùng chết, tưởng không muộn gì?

– Giết đốc tờ Khuê Nhân phải không?

– Việc thẳng Khuê Nhân là việc nhỏ mọn, mà sau khi vụ mình xảy ra thì không còn ai dám đem vợ con đến cho nó chữa bệnh nữa, đường đường của nó bây giờ đã đóng cửa rồi, thời vận nó đã suy vi, ấy cũng đáng kiếp cho nó. Đó là cái thù riêng trong gia đình không đáng kể. *Cái thù của tôi nói đây là thù chung...!*

– Phải! Thế nào mình cũng chết thì hãy giết cho được vài thằng... rồi sẽ chết, tôi vui lòng vâng lời thầy dạy, nhưng tôi xin thầy chớ có nhìn tôi là vợ nữa?

– Tôi với mình sanh ly đã lâu ngày, nay còn cũng không mấy ngày nữa phải cùng nhau tử biệt, mà mình chẳng cho tôi nhìn mình là vợ nữa, thì chẳng là đau lòng tôi lắm ru!

Cô Lê Chung Tình suy nghĩ giây lâu rồi nói:

– Thôi tôi cũng nể vì mình mà thuận theo ý mình, nhưng mình đã nặng lòng vì nước thì hãy chừa cái điều hoa nguyệt đó ra...

Vợ chồng mà chừa cái điều ân ái ra thì còn mặt mà thú vị gì nữa! Thế mà Kim Lang lấy làm khâm phục cái tình cao thượng của cô Lê Chung Tình lắm, khâm phục vì cô là một người đàn bà mà biết trọng danh tiết, biết cái chữ tiết đã mất rồi, không đáng cho chồng động đến mình như nhục nữa. Nên chàng tươi cười nét mặt mà trả lời rằng:

– Được một người vợ như mình còn hơn là được làm một ông vua phú hữu tứ hải, tôi rất vui lòng mà nhận lời mình dạy!

Cô Lê Chung Tình cười, hai người bèn bắt tay nhau rõ tình dan díu và đàm luận suốt đêm không ngủ. Bình cô Lê Chung Tình thấy thuyền giảm ngay...

Vợ chồng thương nhau thì khắng khít về tinh thần chớ sự dâm dục thì không có, có một đêm kia Kim Lang không đề nên được dục

tình mà toan sẵn tay mở khóa động đào... thì cô Lê Chung Tình nghiêm sắc mặt rồi lấy lời ngay lễ chánh mà giảng cho chồng nghe, từ đó trở đi Kim Lang không dám... nữa!

Cách ít lâu thì cả hai vợ chồng Kim Lang đều bị tử hình, song trước khi bị tử hình đó thì vợ chồng chàng đã cắt được mấy cái đầu người ngoại quốc... bởi vậy khi hai vợ chồng chàng lên đoạn đầu đài thì trong lòng được khoan khoái, từ biệt cõi đời bằng một nét cười vinh diệu, không có ân hận chút nào!

Thế là kết cuộc quyển đoản thiên tiểu thuyết *LỐI VỀ TÔI*!

Viết đến đây chúng tôi lấy làm ngậm ngùi cho những ai là người buồn tình thất chí mà tự vận bằng một cách vô lối. Thế nào mình cũng chết, thì hãy lựa một cách chết nào cho xứng đáng vẻ vang như vợ chồng Kim Lang đây. Chớ chết mà vô ích cho nhơn quần xã hội, thì cái chết ấy chỉ để tiếng cười lại cho muôn đời về sau mà thôi.

Lỡ một lần hai

LỠ MỘT LẦN HAI

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG



LỖ MỘT LẦM HAI

Năm kia năm kia gì đây, tại Vĩnh Long có xảy ra một vụ “Thầy ve Trò”, chuyện có quan hệ đến phong hóa nước nhà, cực chẳng đã chúng tôi mới nói.

Số là sắp tới kỳ thi sơ học, cha mẹ học trò mới gởi con tới cho một vị giáo sư nọ dạy rút ít ngày cho khá dạng rồi có thi. Vị giáo sư ấy, chúng tôi không cần phải nói tên ra đây làm chi, chúng tôi chỉ đặt cho thầy một tên riêng là “*Thuốc bãng*” cho độc giả có tên gọi mà thôi.

Những học trò tới thọ giáo tại thầy “*Thuốc bãng*” đó, chỉ có một vài cậu trai mà thôi, còn bao nhiêu thì toàn là con gái, đầu sáu, bảy cô gì đó. Chiều chiều, các cô các cậu học tại nhà trường về nhà ăn cơm, nghỉ một chút rồi mới tới nhà thầy “*Thuốc bãng*” mà học đêm, chín mười giờ mới về nhà.

Một cái ghế bành tượng dài, thầy ngồi nơi đầu bàn, sách vở viết mực để trên bàn, học trò ngồi hai hàng hai bên mà nghe thầy giảng dạy. Ngồi trước một đám nữ học sinh trắng tròn đương độ, mơn mớn đào tơ, má phấn môi son, mười phân xuân sắc như thế kia, khiến cho đức ông giáo sư nọ xúc cảnh động lòng, hết kể chi niềm sư đệ, thừa ưả liếc mắt đưa tình, xiêu lòng đệ cũng liễu mình với sư...

Trong mấy cô nữ học sinh ấy có một cô khác ý mấy cô kia, thấy thầy nọ làm việc loạn luân như thế thì gai mắt lắm, cô định rằng hễ thầy nọ chộc tới cô thì cô sẽ dạy cho thầy một bài học đích đáng.

Vì vậy nên bữa nọ cô ngồi gần bên thầy, ban đầu thầy lấy cẳng khều cô, cô không nói, thầy nọ tưởng cô chịu nên một lát, thừa khi cầm cây thuốc bãng chỉ cho cô học rồi nhè nhẹ gõ vào vú cô! Cô liền

chụp thước bằng đưa lên khỏ vào đầu thầy ta một hơi ba bốn cái⁽¹⁾, vừa khỏ vừa mắng rằng:

– Cha mẹ tôi cho tôi đến đây mà học chữ nghĩa văn chương, chớ có phải là để mà học cái tánh dă man của thầy đó đâu! Nè, thầy dạy trò không nên thân, trò khỏ đầu thầy cho thầy biết khôn! Thầy tưởng tôi cũng như mấy con kia vậy sao, mấy con kia nó là đồ đại nó mới để cho thầy làm nhục tiết trinh của nó, chớ tôi đây không để gì cho thầy muốn sao cũng được đâu!

Đức ông giáo sư lấy làm xấu hổ vô cùng, thầy ta lên ra cửa trước rồi cút thẳng ra ngoài vườn ẩn mặt. Mấy cô nữ học sinh đã có làm quen với thầy “*Thước bằng*”, cô nào cũng giữ kín, mà nay nghe cô nọ mắng thầy kia như vậy thì biết việc mình đã trống rồi, nên cô nào cũng xanh mặt. Vợ thầy “*Thước bằng*” đang dỗ con ngủ trong phòng, nghe lộn xộn chạy ra hỏi rằng:

– Cái gì vậy?

Cô nọ thưa:

– Dạ bẩm cô, thầy ghẹo tôi.

Vợ thầy “*Thước bằng*” là người biết điều, nên không có nghi cho chồng sự gì cả, nay việc xảy ra tùm lum như thế thì cô giận ứa gan, song cô nghĩ lại làm ra xấu chồng thì cũng chẳng ai khen gì mình. Cô toan mở lời an ủi cô nữ học sinh nọ, nhưng cô nọ nói lớn lên rằng:

– Thưa cô, đối với cô tôi vẫn kính trọng, vì cô là một người có đức hạnh, rất đáng cho chị em chúng tôi noi gương. Còn thầy là bậc sư phụ của chị em chúng tôi, cha mẹ chúng tôi tin thầy là người tử tế và biết trọng danh dự một bậc mô phạm, nên mới gởi chúng tôi đến đây tòng học, lẽ thì thầy nêu gương tốt cho chị em chúng tôi noi

(1) Nhơn đó mà chúng tôi tặng cho vị giáo sư ấy một cái huy hiệu là thầy “*Thước bằng*”.

theo, có lý đâu thấy bỏ nghĩa vụ làm thầy lại nhè học trò mà chọc! Người mà tư cách đề hèn đến thế thì sánh không bằng cảm thú!...

Vợ thầy "*Thuốc bỏng*" sợ cô nọ nói lớn lên người ta hay, bèn chạy lại vỗ về cô nọ mà rằng:

– Thôi, chồng qua quấy em nói bao nhiêu đó đủ rồi, em không nghĩ tình qua sao?

Cô nọ thưa:

– Thưa cô, tôi nghĩ tình cô lắm nên tôi mới chửi sơ bao nhiêu đó, chớ nếu tôi không nghĩ thì tôi hô lớn lên càng mang xấu nữa!

Cô nọ nói dứt lời rồi ôm sách ra về, mấy cô kia cũng tức thì giải tán. Nội trong ngày sau, cả thành phố Vĩnh Long ai ai cũng hay chuyện ấy hết. Chẳng bao lâu thầy "*Thuốc bỏng*" bị đổi đi xứ khác, còn về sau cô nọ lấy được một người chồng xứng đáng lắm.

Đã biết rằng tại thầy "*Thuốc bỏng*" hại mấy cô nọ mất trinh, song xét cho chí lý thì lỗi tại cha mẹ các cô nhiều hơn hết, tại cha mẹ các cô thất ý nên thầy nọ mới có lỗi. Nên biết rằng người trai cũng như lửa, mà người gái tức là rơm, lửa gần rơm chẳng trèm thì trạ, không thể nào tránh khỏi sự hỏa hoạn được. Lửa với rơm hay sanh sự với nhau như thế, người có rơm chẳng những không nên đem để gần lửa, mà lại phải coi chừng lửa, đừng cho lửa lại gần mới mong giữ rơm khỏi bị cháy được. Cha mẹ của các cô kia, có con đã chẳng giữ gìn trinh hạnh cho con, lại còn đem tới nhà trai mà gởi thì có khác nào gởi trứng cho ác! Dầu cho thầy nọ có lương tâm tốt, tưởng cũng khó mà ngoảnh mặt làm ngơ cho được!

Gái mới lớn lên, còn trẻ lòng non dạ, vui đâu chúc đó, đã biết gì đâu, nghe một lời êm tai đã đủ xiêu lòng rồi, đã xiêu lòng thì còn nghĩ gì đến sự chữa hoang ế chồng về sau? Làm cha mẹ, là người thạo việc đời hơn con, mà để cho con hư một cách chẳng đáng hư như thế, lỗi chẳng phải tại các ông các bà thì tại ai?

Mấy cô nữ học sinh đã *quen hơi* với thầy "*Thuốc bỏng*" đó, con

nhà tử tế không ai thèm cưới, về sau các cô đều lấy chồng xa, mà người xa cưới các cô là vị họ tưởng các cô còn trong sạch!

Trong mấy cô có chồng xa ấy, có một cô tên là Trần Thị Sảnh lấy chồng về làng Mỹ Long thuộc về tông Phong Nắm hạt Sa Đéc. Chồng cô tên là Võ Văn Đệ, mồ côi cha mẹ, còn có hai anh em, em chồng cô là cô Võ Thị Xuân, cả hai đều ở với ông nội bà nội là vợ chồng ông Hương Cả cựu Ngưu, nhà ở gần chợ Cái Sao.

Ông cả Ngưu dốt chữ quốc ngữ, mà biết chữ nho, ông ăn ở theo xưa, việc gì ông cũng do theo thói cũ hết thấy. Bởi vậy trước khi ông cưới cô Trần Thị Sảnh cho cháu, ông coi tuổi coi ngày đồ đảng hoàng lắm! Cậu Võ Văn Đệ là dân có học, đậu bằng cấp sơ học, còn cô Trần Thị Sảnh tuy thi rớt, song học cũng khá mà lại có nhan sắc, đã vậy mà hai người bằng lòng thương nhau, tuổi tác cũng là tốt, nên ông Cả kể chắc rằng vợ chồng cháu ông sẽ được phu xướng phụ tùy, bách niên giai lão, nói cho rõ ra là cô Sảnh và cậu Đệ thương nhau đời đời, vợ chồng không có sanh sự gì đến đời để bỏ nhau!

Ông Cả thì vậy mà bà Cả lại khác, nghĩa là bà có óc mới, không chịu tin dị đoan.

Chuyện vợ chồng cậu Võ Văn Đệ mới buổi đầu hôm sớm mai, chưa có gì đáng kể, sau sẽ nói; bây giờ hãy nói chuyện cô Võ Thị Xuân đây cái đã!

Một hôm có người tên là Phan Văn Tị là Hương trưởng đương niên làng Mỹ Long đến viếng ông Cả. Ông ngồi tại ghế trường kỷ giữa nhà, để Hương trưởng Tị ngồi bộ ván bìa phía chái trên, cô Xuân đem trầu nước lên, ông Cả theo lễ mời sơ khách dùng trầu nước rồi hỏi rằng:

– Thăng Hương mày tới tao chơi hay là có việc gì?

Hương trưởng Tị mặc áo dài quần trắng, đi giày hàm ếch, đầu bịt khăn đóng, người lùn, tác độ bốn mươi, đang ngồi ghé bên ván, nghe ông Cả hỏi thì liền đứng dậy vòng tay thưa rằng:

– Dạ bẩm Cả, tôi tới trước thăm Cả mạnh giỏi, sau cũng có một chút việc...

Ông Cả Ngưu mặc bộ đồ vải trắng nút thắt, trung người mà ốm, mặt tròn, tóc râu đều bạc trắng, tuổi độ sáu mươi, đầu vấn khăn nhiễu đỏ, dưới tòn ten sợi dây lưng xanh, bàn tay mặt ông để móng ra dài đuôn đuột. Nghe Hương trưởng Tị nói có chuyện thì ông thông thả đưa tay trái lên vuốt râu một cái rồi hỏi rằng:

– Việc gì đó?

Hương trưởng cũng vẫn còn đứng khúm núm một chỗ, trả lời rằng:

– Dạ bẩm Cả vợ chồng thầy giáo Cường cậy tôi tới thưa với Cả...

– Giáo Cường nào, ở đâu?

– Dạ thầy giáo Cường ở làng Mỹ Thọ.

– Ngồi, ngồi xuống ván đó nói chuyện. Thấy cậy mày thưa với tao chuyện chi?

– Thưa với Cả cho vợ chồng thầy dất thằng nhỏ tới coi con Tư đây.

Hương trưởng Tị nói dứt lời rồi mới ngồi xuống ván, khi ấy bà Cả đi khỏi, cậu Đệ ương hột cây ngoài sau vườn, còn cô Sánh với cô Xuân thì mắc làm gì lục đục dưới nhà dưới. Ông Cả hỏi rằng:

– Thằng đó học hành ra sao?

– Dạ nó học giỏi, có bằng cấp đíp-lôm⁽¹⁾.

– Tánh nét hiền hậu hôn?

– Dạ nó có lễ phép lắm.

Ông Cả còn hỏi nhiều chuyện lắm, không hơi đâu mà kể cho hết. Ông hỏi tới đâu, Hương trưởng Tị trả lời câu nào cũng vừa ý ông, nên ông cho đi coi. Hương trưởng Tị hỏi:

(1) đíp-lôm: Diplôme: bằng Trung học cơ sở (NBS)

– Cả cho đi coi bữa nào?

Ông Cả đi lại kéo học ghé bành tượng, lục lấy cuốn lịch Tàu giờ ra coi một hồi rồi nói:

– Mốt được, mốt nhằm ngày kiết nhật.

Hương trưởng Tị kiểm chuyện khác nói đẩy đưa một chút cho có chừng rồi kiếu về.

Đúng ngày hẹn, mới bảy giờ rưỡi sáng, Hương trưởng Tị đã dắt vợ chồng thầy giáo Cường đem cậu Đỗ Văn Thanh tới cho cô Xuân.

Khách vừa bước chơn vô tới nhà, ông Cả Ngưu không vừa ý với cậu Thanh về chỗ gì đó không biết, song không lẽ đuổi người ta về được, bất đắc dĩ ông phải mời khách ngồi rồi làm bộ nói với Hương trưởng Tị rằng:

– À, bữa hôm tao quên hỏi coi thằng cháu này mấy tuổi!

Hương trưởng Tị với thầy giáo ngồi tại bộ ván bìa bữa hôm, nghe hỏi Hương trưởng đứng dậy toan trả lời, nhưng chưa kịp trả lời thì thầy giáo đã lẹ miệng đáp rằng:

– Thừa thằng con tôi mười tám tuổi.

Ông Cả dở lịch ra coi cái chi đó không biết, coi xong, ông lắc đầu nói rằng:

– Bậy quá! Tuổi hai đứa này xung khắc nhau.

Cậu Thanh mặc đồ tây, đứng nơi phía chái trên, nghe nói vậy thì cậu biến sắc. Bà Cả ngồi nói chuyện với vợ thầy giáo tại bộ ván bên này, nghe ông Cả nói vậy, thì bà liền xen vô mà nói rằng:

– Xứng lứa vừa đôi thì gả, coi tuổi coi tác làm gì!

Ai nấy nghe bà Cả nói câu ấy cũng lấy làm mát ruột, mà nhứt là cậu Thanh, mà cô Xuân thì vừa ý hơn ai hết. Ông Cả cãi lại với vợ rằng:

– É, làm liều như bà được ở đâu, không dặng tuổi, cưới về vợ chồng nó cắn đặng nhau, tưởng dễ lắm sao!

Thầy giáo Cường nói:

– Dạ thưa bác, người đời nay tôi tưởng lại chẳng nên dùng lịch Tàu nữa, vì nếu dùng lịch Tàu đã chẳng thấy sự linh nghiệm gì mà lại còn trở ngại cho bước đường tiến hóa của dân tộc Việt Nam ta nữa!

Ông Cả nói:

– Tục lệ ông bà để lại sao thì mình phải làm theo vậy, chớ nói như thầy giáo vậy sao phải.

– Những sự dị đoan như coi ngày, xem tướng, cúng là đốt giấy tiền vàng bạc đồ đồ đều là sách vở nhảm nhí của Tàu truyền qua, chớ nào phải tục lệ của ông bà mình để lại!

– Đã biết rằng không phải tục lệ ông bà mình để lại, nhưng ông bà mình đã dùng thì mình phải dùng theo chớ.

– Tôi không dám biểu bác bỏ hết, song cái nào hay thì mình mới nên giữ lại mà dùng, còn cái nào dở thì tống quách nó đi cho rồi chớ để làm chi!

Ông Cả lộ sắc giận mà rằng:

– Cái nào mà tổ tiên mình đã dùng thì đều là cái hay hết, vì ông bà mình sanh ra trước mình, khôn hơn mình, chớ phải dại hơn mình sao mà dùng cái dở!

Hương trưởng Tị thấy ông Cả đổi thái độ, thì ông ta nháy nháy thầy giáo Cường, có ý biểu thầy giáo đừng có cãi với ông Cả nữa mà ra hồng chuyện. Nhưng thầy giáo không phải là hạng thường nhon, nên điều gì bậy thì thầy cứ việc cãi, không vị ai hết. Thầy nói:

– Xin bác chớ giận, để tôi nói thí dụ một cơ này cho bác nghe, cũng trong một ngày đó có ba bốn đám cưới, mà đám nào cũng coi tuổi hân hôn lắm, có gì về sau mấy đám ấy nên hư thành bại chẳng giống nhau, mà kẻ ở nhau tới già, người thì nửa chừng để bỏ? Như thế thì là việc coi ngày coi tuổi này là một việc dở chớ có hay ho gì đâu!

Ông Cả cũng còn rần gân cổ cãi rằng:

– Cái đó tại họ biên ngày sạch tháng để không đúng hay sao chứ!

Thầy giáo lấy làm nực cười lắm, thầy nói:

– Thôi thì tôi cũng chịu cho lời bác nói đó là phải đi! Tôi xin hỏi bác một chuyện này, bác nói rằng việc gì cũng phải do theo lịch Tàu mới khỏi lo thất bại, nói vậy mà sao những đứa phạm phu tục tử có trai gái với nhau đó! Nào có coi ngày coi tháng chi đâu mà nó cũng ở đời với nhau được vậy?

Hỏi câu đó thì ông Cả bí lối, không thể nào mà trả lời được. Ông giận đỏ mặt, đứng phất dậy nói rằng:

– Tôi hủ lậu để tôi tìm bọn hủ lậu mà kết thân, còn thầy có văn minh thì kiếm tụi văn minh mà xài. Thầy nói nghe trái tai lắm, tôi không dám nói chuyện với thầy nữa!

Thầy giáo Cường cho rằng cãi với ông thì càng uống lời hay sao không biết, nên khi ông Cả nói dứt tiếng thì thầy chỉ cười lại một cái rồi cùng vợ con từ giã ra về. Bà Cả và mấy người cháu thấy vậy thì buồn lắm, nhất là cô Xuân, này giờ cô núp trong buồng để xem mặt cậu Thanh cô đã bằng lòng cậu Thanh, mà nghe ông Cả ở ngoài cứ cãi về lịch, không chịu cho cô ra mắt khách thì cô muốn chạy ra giựt cuốn lịch đem xuống bếp mà đốt ra tro! Hương trưởng Tị ra về với thầy giáo, ông Cả biểu ở lại có chuyện, tưởng chuyện gì, không dè ông biểu ở lại cho ông giần vật một hồi rồi mới cho về, ông nói với Hương trưởng Tị rằng có muốn ăn đầu heo thì nói ông làm cho mà ăn, sao lại dắt đồ không ra gì tới làm rộn ông!

Hương trưởng Tị về rồi, ông căn dặn với vợ rằng:

– Cái thằng gì đâu bộ mặt vức vắc như con trâu, nó tới nhà mình nó ý đi giày Tây rồi đi cồm cộp, bận cái áo bành tô⁽¹⁾ lật mề đay ngực

(1) Ở nhà quê họ không phân biệt gì cả, hề thấy bận đồ Tây thì cứ kêu bành tô (paletot).

ra trơ trơ, còn đội cái nón nỉ ở sau quớt lên phải thế hông chết, còn ở đằng trước nó lại bẻ cúp xuống, rõ ràng là quân du côn mà bà còn đốc tôi gả cho nó!

Bà Cả nói:

– Đi giày Tây trên gạch làm sao mà khỏi khua lộp cộp được, bận áo u-oe mà không bày ngực sao xong, đội nón nỉ bẻ xuống quớt lên là tại cách kiêu của nó. Du côn là tại người tại tánh, chứ có phải ăn mặc cử động như vậy mà du côn đâu!

Cậu Đệ ngồi nói chuyện với vợ dưới nhà dưới, nghe bà nói câu ấy thì liền nói với vợ rằng: “Bà nói đúng đả, tôi muốn mặc đồ tây cho gọn mà bị ông không cho, nên đi đâu cũng mang khăn đen áo dài, bực bội quá chịu không nổi!” Cô Sảnh cười chớ không nói gì, để lóng tai nghe coi ông Cả nói gì cho biết! Ông nói:

– Mà tôi không chịu như vậy kia! Còn thằng cha nó cũng là đồ vô quân vô phụ, nó dắt con nó đi coi cháu mình, thì nó phải kiêng mình là bực trên, tôi nói gì nó phải nghe nấy chớ có đâu tôi nói ra câu nào nó cũng bắt bẻ, bộ nó muốn làm thầy tôi sao?

Bà Cả bỏ đi xuống vồng dưới nhà dưới mà nằm, ông Cả nói sân si một hồi mỗi miệng rồi ông thôi!

Nói về sau Đỗ Văn Thạnh, tuy không được coi mắt cô Xuân, song khi ra về, đi ngoài hàng tư ngang nhà dưới, cậu dòm vô trong thấy cô Xuân đứng gần bên chị dâu là cô Sảnh, cô Xuân thấy cậu đi ngang thì cô ngược mặt lên dòm ra, cậu nhận kỹ thì thấy cô chẳng những có sắc mà vẻ người coi hiền hậu dễ thương lắm! Nghĩa là cậu phải lòng cô, cũng như cô Xuân phải lòng cậu vậy. Thế mà cha với ông của hai đảng đã có sự xích mích nhau rồi thì còn mong mỗi gì! Cậu ra về, ngồi trên xe mui mà sắc mặt dầu dàu, nhớ tới sự ông Cả mê tín dị đoan chừng nào thì cậu càng cảm gan chừng nấy. Cậu trách đạo giáo sao có bày những sự coi ngày xem tuổi làm chi mà báo hại cậu không được gần người cậu vừa ý.

Cậu về nhà, buồn vì nổi nhơn duyên bất trắc, mà rồi sanh ra bịnh tương tư. Vợ chồng thầy giáo Cường cũng con lắm, mà thấy cậu ăn uống thất thường, gương mặt lộ sắc buồn thảm hoài thì lấy làm lo. Một hôm vợ chồng thầy giáo đang ngồi ăn cơm, thím giáo nói với chồng rằng:

– Xem thế thằng này nó thương cháu ông Cả quá, nên nó ăn uống không được, mình phải tính sao chớ để nó thất vọng thì khó lòng lắm đó!

– Nó thương thì thương, chớ biết tính làm sao bây giờ! Cái thằng cha gì mà hủ không còn chỗ nói, dân ngu như vậy mà biểu đừng mất nước sao được!

– Ông tuy hủ, nhưng bà thì khá!

– Nói gì bà thì có óc mới lắm, tôi coi bộ bà muốn gả cháu cho con mình lắm.

– Phải đó! Bây giờ tôi tính như vậy thì có lẽ được?

– Tính sao?

– Minh cậy chị Hương trưởng nói với bà, bà đã muốn gả cháu cho con mình thì tự nhiên bà phải òn ý với ông, bà là người có ngôn ngữ bậc thiệp, bà nói thét rồi ông phải xiêu, lẽ nào không.

– Minh tính sao đó tính, tôi không muốn nói chuyện với thằng cha già hủ đó nữa.

– Minh nói buông trôi, con mình nó đau tương tư nó chết làm sao!

Thầy giáo lấy làm khó liệu, nên sắc mặt buồn so. Giây lâu thầy nói rằng:

– Tôi chắc là không được, nhưng mình cứ cậy chị Hương trưởng nói riêng với bà Cả thử coi.

Ít ngày sau, vợ Hương trưởng Tị nói với bà Cả sao đó không biết, bà Cả hỏi cô Xuân có bằng lòng cậu Thanh hay không, bà biết

cô bằng lòng nên bà mới dở chuyện đó ra nói với ông Cả. Bà mới mở miệng ra thì đã bị chồng gạt ngang rằng:

– Thôi dẹp đi, cái phồn đó tôi không ưa đâu, quân nó quên hết cổ lệ ông bà, tôi không dám làm quen với nó.

Bà Cả nói:

– Tại người ta cư xử theo đời văn minh, chứ người ta có bỏ hết tục lệ ông bà đâu!

– Nó ăn ở theo Tây tôi không chịu!

– Ăn ở theo Tây mà lòng dạ họ dùng Tây thì thôi chứ. Ông chê người ta theo Tây, chính ông theo Tây mà ông không biết!

– Tôi theo Tây cái gì đâu?

– Ông không theo Tây mà ông có chức Hương Cả!

Ông Cả cùng đường! không biết nói sao cho xuôi, ông mới trợn mắt đọc ông lên mà la lối rằng:

– Ta nói không ưa cái quân đó mà cứ đeo theo nói hoài hề!

Bà Cả nín, tuy bà nói chưa được đắc lời, nhưng bà chưa thối chí, bà cũng không nói cho đằng kia hay việc ông Cả kháng cự, bà lại bảo cứ yên lòng, để bà sẽ tính, chừng nào cùng cực mà không được sẽ hay. Vì vậy nên cậu Đỗ Văn Thanh ôm lòng chờ đợi...

Đây xin nói qua vợ chồng cậu Võ Văn Đệ, khi cậu Đệ mới cưới cô Sánh về, chung gối một đêm đầu, cậu mới biết vợ đã mất trinh, nhưng mà việc khuất mặt, nên cậu cũng bỏ qua, không nói gì tới. Ăn ở với nhau chưa đầy hai tháng thì bụng cô Sánh lần lần lớn lên! Khi ấy thì ái tình của cậu Đệ đối với vợ có ý khác. Kể đó ai đem chuyện thấy “*Thước kẻ*” trai gái với vợ cậu khi còn đi học mà học lại với cậu đó không biết, bao nhiêu đó cũng đủ khiến cho cậu khinh bỉ vợ lắm rồi. Mà lúc xảy ra vụ ấy cho đến khi cậu cưới cô Sánh về thì đã cách mười mấy tháng trời, nếu vậy thì đứa con mà cô Sánh đang mang nặng trong lòng kia là cô giao tình với ai nữa, chứ có phải một

minh thấy “*Thuốc băng*” mà thôi đau. Từ ngày cậu Đệ biết rõ cái hư của vợ thì cậu đổi lòng yêu thương ra lòng rẻ rúng. Phàm mọi sự gì của cô Sánh xuong ra đều bị chồng bác bỏ hết thấy, mà những lời cô nói, những việc cô làm có phải là bậy cả đâu, song cậu Đệ đã không ưa cô, ghét cô, thì dầu cô có nói ngay làm phải đến đâu, cậu cũng không vui lòng.

Cô Sánh nghĩ mình là gái hư, nên chồng hắt hủi đến thế nào cũng phải chịu, chớ không dám đương đầu đối phó lại. Cậu Đệ thấy vợ nhịn chùng nào thì càng hiếp vợ chùng nấy, ăn đã chẳng chịu ăn chung, mà tối ngủ cũng ngủ riêng nữa. Cách cậu ăn ở với vợ chẳng khác nào đối với một kẻ thù.

Tới chừng cô Sánh nằm chỗ - từ ngày cô về nhà chồng cho chí ngày đẻ mới có sáu tháng mấy mà thôi - thì thằng con ấy đối với cậu Võ Văn Đệ không có nghĩa lý gì cả. Chừng đó cô Sánh càng bị chồng bĩ bạc nhiều hơn trước bội phần, nên nằm đêm cô hằng than thân trách phận một mình.

Vợ chồng cậu Đệ có sự bất hòa nhau như thế, làm cho ông Cả nhứt xuong, ông chịu không nổi, ông mới tính cho vợ chồng cậu ra riêng.

Tới nước đó mà ông cũng chưa tính ngộ, ông cất nhà mới cho vợ chồng cậu Đệ ở, ông còn do theo sách Tàu mà coi hướng đắp nền, ngày vỡ gỗ, ngày thượng lương cũng do theo sách Tàu, mà ngày cho vợ chồng cậu Đệ về nhà mới cũng là do theo sách Tàu mà thôi!

Nhà ấy cất trong một đám vườn cách nhà ông chừng sáu, bảy chục thước, nhà trên ba căn xong, lợp ngói, vách bồ kho, và một cái nhà dưới nữa.

Khi vợ chồng cậu Đệ còn ở chung với ông bà, mà cậu Đệ còn hầy hật vợ, thiếu điều cô Sánh phải trở về nhà cha mẹ thay! Huống chi nay được ra riêng rồi, một mình một chợ, không ai la dút thì cô Sánh làm sao mà chịu cho thấu những nỗi đắng cay khổ khắt của chồng?

Một hôm, thằng nhỏ con cô Sánh không biết nó mắc chứng gì mà nó cứ khóc hoài, khóc rầm ra rầm rứt từ hồi ba giờ cho tới năm giờ chiều, mà vẫn còn khóc. Cậu Đệ đi chơi về thấy cô Sánh đang bồng con ngồi trên vông giăng ở nhà dưới mà đổ, cậu hỏi vợ rằng:

– Tại sao mà nó khóc vậy?

Cô Sánh dịu dàng trả lời rằng:

– Tại sao mà nó cứ khóc chèo chèo hoài vậy hồng biết.

– Hay là nó nhớ cha nó nó khóc!

Cậu Đệ nói gay vợ cậu ấy, mà có con Liễu là đứa ở đang ghé com đặng củi bếp nghe rõ ràng, phần thì thẹn với nó, phần thì tức vì chồng, cô Sánh hai hàng nước mắt rung rung mà nói rằng:

– Tội nghiệp tôi mà mình, tôi hư mình mắng chửi mấy tháng nay cũng đủ rồi, mình nói chi với tôi bằng những lời cay đắng đó!

– Tao nói gì mà mày gọi rằng cay đắng? Không phải nó nhớ cha nó nó khóc, vậy chớ vì có gì mà nó khóc, hay là nó trù cho cha ghê nó chết đặng nó rước cha ruột nó về ở với mẹ nó!

Cô Sánh nghe câu đó thì càng tức hơn nữa, song cô sợ oai chồng nên không dám nói xằng lảm, cô bệu bạo nói rằng:

– Nó vang mình sốt mảy gì đây nên nó khóc, chớ con nít mới đẻ biết gì mà cha ruột cha ghê...

Cậu Đệ khi ấy đã lại ngồi tại bộ ván gỗ nơi nhà trên, hai chơn cậu thông xuống dưới, hai tay thì chống trên ván, nghe vợ nói dứt lời thì cậu ngó vợ hứ một cái rồi nhieéc rằng:

– Đồ mày thiệt là đồ hư mà! Phải tao dè mày thói vậy tao có thèm cười mày đâu, cười mày về có mấy tháng thì mày đẻ hè, mày lấy quân nào mà sanh ra thằng nhỏ đó hử? Mày lấy nó sao mày không biểu nó cười mày, mày để mày đánh lừa tao, mày tưởng đâu dòng họ tao đây là ngu lảm hả!

Cô Sánh nhin hết nước mà cậu Đệ cứ mắng chửi hoài, cô tức quá, trả lời rằng:

– Tôi là đàn bà hư đàn bà thúi thây kệ tôi, cha mẹ tôi có cầu mình mà gả tôi cho mình đâu!

Cậu Đệ nói lớn rằng:

– Cha mẹ mày không cầu tao, nhưng tao tưởng mày sao kia, chớ tao có dè đâu mày mới có bấy lớn mà ngựa nghé sớm vậy!

Cô Sánh bị chồng cô nói câu đó thì cô không biết lấy gì đáp nữa, mà ngồi đó hoài thì chịu không nổi, cô mới nhóm dậy bỗng thẳng nhỏ đi lại nhà ông nội chồng, để tránh những lời chồng thóa mạ. Cô vừa bỗng con đi vừa khóc tấc tấc tấc tưởi, nước mắt nước mũi ra chầm ngoàm, đã vậy rồi còn một lớp thằng nhỏ kia khóc nữa làm cho cô rầu nát ruột đi! Con Liễu thấy tình cảnh của cô chủ nó khát khe thăm thiết đến điều như vậy thì nó cũng phải mũi lòng!

Cậu Đệ thấy vợ bỗng con đi, sợ cô đi mệt rồi ông nội bà nội, rầy nên cậu chạy theo vỗ cho cô Sánh một bạt tai xinh vình rồi thịnh nộ rằng:

– Đi đâu? Trở vô cho mau hôn, tao thôi bể đầu bây giờ!

Cô Sánh sợ chồng tánh cục nên phải trở lại, nhưng cô đứng ngoài hàng tư mà coi một cặp chim đang bay nhảy riu rít trước sân, chớ không vô nhà. Cậu Đệ vô ngồi chỗ cũ mà miệng thì cứ gia giảm chửi vợ mãi.

Nghe lời chồng chửi cũng như bị kim chích vào lòng, mà có lẽ là còn đau hơn nữa! Cô Sánh thấy cặp chim kia đang thung dung nhảy nhót, hình như con cồ hết lòng yêu con mái, mà con mái cũng thương con cồ, cùng nhau chung hưởng cái lạc thú giữa trời xanh; rồi cô đoái lại phận cô, còn thua con chim mái trong cặp chim ấy, thì cô tủi phận vô cùng. Cô nói thầm rằng: “Tại làm sao mà thân mình bị dẫn vật đến nỗi này? Nếu như mình là người trong sạch thì ai mà hành hạ mình được. Phải dè như vậy thì trước kia mình biết giữ mình, ai nói ngọt mặc ai, đừng cho họ động đến mình, thì ngày nay thân phận mình đâu có đến nỗi sánh không bằng loài chim? Bây giờ mình

biết sự lằng lơ là có hại cho đời mình, nhưng mà chữ trình mình đã mất rồi, làm thế nào mà kiếm lại cho được! Phải chi mà hồi mình còn đồng trình, mà mình biết khôn như bây giờ thì mới là có ích cho mình, chớ để bây giờ việc đã rồi, hối hận có ích gì đâu!”

Cô than vừa đến đó thì kể con chó mực rượt con mèo mướp chạy ngang sân, làm cho cặp chim kinh hồn, chộp cánh bay mất. Khi ấy thằng nhỏ đã hết khóc, cô bèn bồng nó vô nhà và lo kiếm công việc mà làm.

Con Liễu dọn cơm lên bàn hột xoài (table ovale) đằng hoàng rồi, mới lên nhà trên kêu cậu Đệ xuống ăn cơm. Cậu Đệ xuống ngồi ăn một mình, chớ không nói gì tới vợ, mà cô Sảnh hình như cũng không muốn ngồi ăn với chồng một mâm nữa!

Cách chừng nửa tháng sau, con Liễu bệnh nặng, nó về nhà cha mẹ nó mà uống thuốc, thế thì trong nhà chỉ còn có vợ chồng cậu Đệ với đứa nhỏ kia mà thôi, mọi việc trong nhà đều về một tay cô Sảnh làm hết. Thường lệ mỗi đêm, nếu không có việc gì thì chỉ thắp một ngọn đèn bóng để giữa ghế bành tượng, và một ngọn đèn chong dưới nhà dưới, chừng ngủ thì tắt đèn chong, còn đèn bóng vẫn thắp sáng đêm. Bữa đó, cậu Đệ có mua được mấy bộ tiểu thuyết, cậu mới thắp thêm một ngọn đèn tạ đặng để xem tiểu thuyết, nhưng sau khi ở trên tủ nhờ bùng xuống, cậu dòm trong bình dầu thì thấy cạn khô. Cậu bảo vợ rằng:

– Con đó đâu, đi rót dầu đây.

Khi ấy thằng nhỏ ngủ trên võng, còn cô Sảnh thì lo gài cửa dưới nhà dưới, nghe chồng bảo, cô gài hồi gài hả cho mau rồi đặt lên mà rót dầu. Dầu trong chai lít đã hết, cô mới cầm đèn xách chai vô thùng dầu để trong buồng mà thụt.

Cô đương thụt dầu, nghe lon ton, còn cậu Đệ tay cầm mấy quyển tiểu thuyết đứng dựa nơi cửa buồng mà chờ. Cậu nói:

– Mặc tư tưởng việc gì đâu, dầu trong chai hết mà không hay không biết, phải đợi nhắc vậy.

Cô Sảnh nói:

– Con Liễu về, một mình tôi làm tối ngày không hở tay, mà dầu trong đèn chong với đèn bóng cũng còn nên tôi chưa thụt ra, chớ tư tưởng gì đâu!

– Vậy chớ không phải tại mày tư tưởng với mấy người tình cũ của mày mà mày quên hết công ăn việc làm đi!

Cô Sảnh châu mày phàn nàn rằng:

– Cứ bao nhiêu đó nhắc đi nhắc lại hoài, thiệt nhức xương đi thôi!

– Tao cứ chửi luôn luôn, cười mày tốn cau hao trâu, lạy gần là đầu gối mà mày mất trinh vậy tao tức lắm!

Cô Sảnh bị nhiech đau quá nên khóc ngay. Cậu Đệ nhảy tới tro trạo hỏi rằng:

– Thiệt khóc hả? Tao nói oan cho mày lắm sao mà mày khóc!

Cậu Đệ vừa nói vừa vả vào mặt vợ một cái chóa lò, cô Sảnh té ngửa, còn cái đèn chong cũng nhào đi, dầu đổ lửa bắt cháy, cô Sảnh lật đật ngồi dậy đứng cố chạy, nhưng chưa kịp nhồm dậy thì dầu trong thùng đã bắt hơi lửa ở ngoài nổ một cái bùm, dầu trong thùng văng đổ tủa sủa ra, ướt cả mình cô Sảnh, tức thì lửa phát lên cháy rần rần. Cô Sảnh nhào qua lộn lại trong đồng lửa, ôi thôi gớm ghê thảm thiết vô cùng. Võ Văn Đệ tuy bình thường ghét vợ mà giận thúc như vậy, chớ giờ này thấy vợ bị nạn thì cậu đã hết ghét mà còn trở lại thương xót và hối hận lắm. Cậu muốn cứu vợ mà không sao cứu được nên lật đật chạy ra ngoài la làng chòi lên, cậu vừa la vừa nhìn vợ đang nhả răng méo miệng trong đồng lửa kia thì lòng cậu dường như bị ai lấy dao mà xẻo vạy.

Biết thế không cứu vợ được, cậu chạy xuống nhà dưới xóc thang nhỏ đang nằm trên võng mà bồng ra sân. Khi ấy thiên hạ cũng đã rùng rùng chạy tới, lửa cháy rực trời, ngói nổ đùng đùng, miếng văng tán loạn, cậu Đệ xót tình chồng vợ, khóc như mưa bắc. Làng xóm

cũng nóng lòng, nên kẻ thì lo hốt cát mà vãi vô nhà, người thì xách nước mà tưới. Gặp sự hỏa hoạn ai cũng tận tâm cứu chữa, nhưng chữa sao cho được cái thứ dầu hôi?

Trong khi mới phát hỏa, ông Cả đang nằm trên ván nhà trên mà coi truyện Tàu, cô Xuân với bà Cả thì đang ngồi may đồ dưới nhà dưới, thỉnh thoảng tên Bằng là đứa ở, nó tấp đầu ngoài hào, nghe la lửa nó liền chạy vô hô lên cho ai nấy biết. Bà Cả với cô Xuân lật đật chạy ra sân dòm thấy ngọn lửa cháy ngay nhà cậu Đệ, hai bà cháu đều kinh hoàng. Bà Cả biểu cô Xuân ở nhà, còn bà hô lên cho ông Cả hay rồi bà với tên Bằng chạy trước. Ông Cả nghe nói lửa cháy ông cũng buông cuốn truyện xuống. Mọi lần ông đi đâu thì cũng chống gậy, nhưng bận này có việc gấp rút không thể diên trì, nên ông đi tay không. Ông chạy một cách vội vàng lật đật quá nên khi ra cửa ngõ, ông nhấc chum lên không khỏi, phải vấp cây ngạch, ông liền té sấp xuống đất một cái rất nặng, mấy cái móng tay ông để dài cũng gãy xấp lại hết, ông đau điếng quá nên la một tiếng *Trời ơi* rồi thì bất tỉnh nhân sự. Cô Xuân đứng trong hàng tư, mà mắt thì đang nhìn ngọn lửa đang trước kia, bỗng nghe ông nội cô la, cô bèn chạy ra thì thấy ông Cả đang nằm dài dưới đất, cô xóc đờ ông dậy và vịn cho ông lần vô nhà, để ông lên nằm trên ván, khi ấy ông đã tỉnh, nhưng ông kêu la rên xiết coi như chết một cách khó chịu lắm. Cô Xuân thấy ông nội bị nạn thì đau lòng, nhưng cô chỉ biết khóc mà thôi chớ không biết cứu bằng cách nào, mà cứu làm sao được, chỉ còn có một nước là chờ ông đi nhà thương cho quan thầy đoán hết đi mà thôi!

Một hồi rất lâu cô Xuân thấy ngọn lửa đã hạ rồi, kẻ đó tên Bằng với một tên dân khác khiêng một cái cây ma đã bị cháy đem về, theo sau thì bà Cả bỗng thẳng nhỏ con cô Sánh, còn cậu Đệ cũng về đó mà mặt mày tái ngắt, lại khóc hu hu, hàng xóm cũng theo tới đó hơn mười mấy người. Ông Cả và cô Xuân dòm thấy cái cây đã cháy gần thành than, mỡ chảy ướt đất, mà không nhìn được là ai, nên cả hai đều lấy làm kinh dị. Ông Cả hỏi bà Cả rằng:

– Nào ai bị cháy đó vậy?

Bà Cả khóc meo máo mà rằng:

– Con cháu dâu mình chờ ai!

Nghe nói thì ông Cả sảng sốt:

– Vợ thằng Đệ bị lửa cháy chết rồi sao? Trời đất quỷ thần ôi! Ngày nay là ngày gì mà xảy ra tình huống chuyện dữ không vậy nè!

Bà Cả với cậu Đệ thấy ông Cả bị té gãy móng tay thì càng đau đớn hơn nữa. Ông Cả hỏi rằng:

– Nhà cháy có chữa được hôn?

Một ông Hương chức cự tên là Trần Tấn Bộ đáp rằng:

– Cháy không còn một que, chữa gì!

Ông Cả châu mày rồi hỏi cậu Đệ:

– Sao vậy Đệ? Làm sao mà đến nỗi cháy nhà cho vợ mày phải ra thân như vậy?

Cậu Đệ không dám khai thiệt nên thưa dối rằng:

– Dạ nó rót dầu làm đổ đèn.

Ông Cả cứ kêu trời hoài, bà Cả thì khóc non khóc nước, cô Xuân cũng vậy, còn cậu Đệ nhìn thấy vợ thì nước mắt cứ chảy ròng ròng, hình như cậu lấy làm ăn năn những sự cậu hành hạ khổ khắc vợ lắm vậy.

Hương quán thì lấy lời khai và làm phúc bẩm tại đó, dân và làng lần lần giải tán, chỉ còn lại ít người thôi, mà trong số còn ở lại đó thì có ông Trần Tấn Bộ. Ông trước có làm làng, sau tỉnh ngộ nên trả chức về nhà cày ruộng ăn!... Nói tắt một điều, ông ta là một người biết chuyện lắm, đối với những người tin dị đoan thì ông không ưa. Thưa dịp ấy ông mới hỏi ông Cả rằng:

– Bẩm Cả hỏi đó Cả cất nhà có coi ngày hay không mà nhà cháy vậy Cả ha?

Người trong nhà, tuy nghe ông Trần Tấn Bộ hỏi gay ông Cả, song chẳng có một ai giận ông được, mà cho đến ông Cả cũng không giận được, trái lại ông Cả còn ăn năn về sự lăm lặc của ông tự thuở nay. Ông đáp rằng:

– Thăng Hương mày khỏi nói nữa, tao biết rồi.

Nói đoạn ông bảo tên Bằng đi lấy cuốn lịch Tàu để trên ghế giữa, cùng là những sách vở nhảm nhí của Tàu để trên giường xe nơi chái trên, gộp hết đem ra ngoài sân chế dầu mà đốt. Ông Trần Tấn Bộ và hết thầy người trong nhà thấy ông Cả đã mở mắt thì rất mừng, nhưng mừng thì mừng vậy chứ nỗi thảm kia đã xảy ra rồi có thể nào mà kéo lại được đâu!

Lấy lời khai rồi, Hương quân cùng ai nấy ra về, khuya lại cậu Đệ đi Vĩnh Long báo tin cho cha mẹ vợ hay. Cha mẹ cô Sảnh nghe tin chẳng lành ấy, xiết bao đau đớn kinh hoàng, khi qua tới nơi thì chỉ nhìn thấy con mà khóc, khóc đã đời rồi chôn chớ biết làm sao? Cha mẹ cô Sảnh xin thăng nhỏ, cậu Đệ biết không phải con cậu nên cậu bằng lòng cho. Từ đó mỗi khi cậu nhớ tới hồi vợ nhào lặn trong đồng lửa thì cậu bắt giật mình và thương tiếc lắm! Tuy cô là gái thất trinh, song từ khi cậu Đệ cưới cô về thì cô giữ tròn đạo vợ.

Cậu lại định rằng sau này cậu có cưới người vợ nào khác thì cậu ăn ở một cách yêu dấu lắm, chớ không có hà khắc như đối với cô Sảnh nữa.

Còn ông Cả bị gãy móng tay, phải rước thầy thuốc trị hơn hai tháng mới hết đau.

Một hôm bà Cả đem chuyện cô Xuân ra mà hỏi chồng rằng:

– Sao? Bây giờ mình chịu gả con Xuân cho con thầy giáo Cường chưa? Hay là còn chê thầy văn mình và coi tuổi nữa?

Ông Cả bây giờ đã tỉnh ngộ, nên ông mới biết những lời thầy giáo Cường bắt bẻ ông khi trước là đúng, thì ông đã hết giận mà lại có ý khen. Ông bảo rằng:

– Thôi kêu mà gả đi. Còn coi ngày coi tuổi gì nữa! Cưới vợ cho thằng Đệ, coi theo sách Tàu thì nó nói hai tuổi của hai đứa nó hợp lắm, cưới về thì vợ chồng nó được trên thuận dưới hòa, ai dè đâu cưới về mới có mấy tháng thì vợ chồng nó cắn đắng với nhau! Nó rầy nhức xương chịu không nổi, mới cất nhà riêng cho vợ chồng nó ở, nhà mới cất coi hướng đắp nền hấn hời, trong sách nói nhà cất trở về hướng đó thì người ở trong nhà được bình yên vô sự mà hưởng phước đời đời, ai ngờ nhà cất không đầy tháng rươi thì cháy đi, rồi lại còn đốt chết luôn người trong nhà nữa!

Bà Cả nói:

– Lịch Tàu là đồ nói bậy, dùng nó đã chẳng ích gì mà có khi còn phải mang họa vì nó nữa.

Cậu Đệ và cô Xuân nghe ông bà đàm luận nhau về việc ấy thì cả hai đều vừa lòng, mà nhưt là cô Xuân.

Cách ít lâu, vợ chồng ông Cả gả cô Xuân cho cậu Thạnh, vợ chồng thầy giáo Cường cưới cháu ông Cả cho con không cần coi ngày coi tháng gì cả, mà vợ chồng cậu Đỗ Văn Thạnh ăn ở với nhau từ đó tới giờ đã mấy năm trời, có hai mặt con rồi mà vợ chồng đối với nhau vẫn kính yêu nhau lắm, không hề có một tiếng gì là bất hòa.

Viết tại Phú Lâm đêm 26-9-1931.

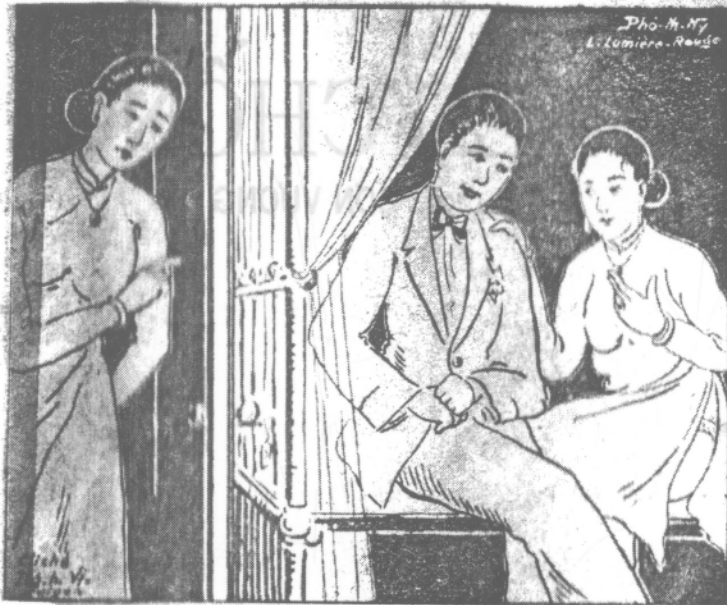
AI KÉN CHỒNG?

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

ĐOÀN-THIỆN TIỂU-THUYẾT

AI KIẾN CHỒNG ?

Tác-giả **SON-VUÔNG**



— Kém vật ở nhà mình, mình thương ai nhiều hơn ?

Bản-quyền sở hữu

Giá nhứt định 0\$09

In tại nhà-in **ĐỨC-LƯU-PHƯƠNG**

158, Rue d'Espagne, Saigòn

1931

AI KÉN CHỒNG

Một cái tử thi chết trôi nằm giữa⁽¹⁾ nổi linh đình theo con nước ròng trên dòng sông Nhà Bè, rồi dạt dựa vào đầu cầu tàu bên Xóm Chiếu, thiên hạ tựu lại xem đen nghịt, mà chẳng biết nguyên do nội vụ vì đâu. Về sau có người điều tra ra thì mới biết đầu đuôi tự sự như vậy:

Cô Lý Hồng Hoa, con của một người thương dân ở tại Bãi Xàu (Sóc Trăng), cô tuy không phải là hạng mỹ nhân chim sa cá lặn: song cái nhan sắc của cô có thể làm mê hồn khách đa tình được!

Khi cô đứng tuổi cập kê, có nhiều ông hương chức trong làng cây mai đến nói cho con mình. Cha mẹ cô thì muốn gả; nhưng cô lại không chịu, cô chê người này ốm mà cao, người nọ lùn lại mập, chê đủ điều chê!...

Trong những người muốn sánh đôi với cô đó có phải là toàn xấu hết cả đâu! Chẳng qua là cô chê người Việt Nam đen đúa xấu xa không đáng cho cô kết duyên cầm sắt! Mà cô lại muốn đính hôn với những kẻ tha phương cầu thực như Khách trú, Chà và hay là quân to đầu bự bụng mới là nghiệt cho chó!

Người ta thấy cái chí hướng của cô ngông cuồng đại dốt như vậy, nên không còn ai dám đem con đến cầu hôn nữa. Còn như cô muốn sánh đôi cùng hàng Phủ Huyện, thì những người đã đứng vào

(1) Đàn bà chết trôi thì nằm giữa, đàn ông nằm sắp.

địa vị đó, họ sẽ kén con nhà quan; chứ ai lại đi thềm cưới con của một người thường dân như cô! Bởi đó mà cô phải ế độ cho đến khi người ta kêu cô là gái lỡ thời!

Ông Tư các cơ, bà Nguyệt cũng khéo xe: ông bà chiều ý cô, đem chỉ đỏ buộc chơn cho cô cùng một lão Chệc già nên gia nên thất!

Chồng cô tên là Thái Lữ khách Triều Châu, tuổi ngoại tứ tuần, đầu to bụng phệ nước da vàng cháy chẳng khác heo quay! Làm chủ một hàng tạp hóa, kể cũng là một người giàu bực nhì tại châu thành Sóc Trăng.

Cô Hồng Hoa đã chẳng biết sự lấy chồng dị chủng là một điều rất nhục nhã cho bọn quần thoa; mà trái lại cô rất lấy làm hân hoan tự đắc, vì cô tự nghĩ rằng lấy chồng Chệc được sung sướng tẩm thân, không làm gì động móng tay; còn lấy chồng người Việt Nam ắt là phải nấu cơm gánh nước!

Không rõ trong khi kể vai chung gối, cái cảm tình của một cô thiếu nữ mơn mớn đào tơ như cô Hồng Hoa đối với anh chồng già kia ra làm sao? Chồng chi mà thế? Vợ chi mà thế? Ôi! Tình gì! Duyên gì! Ấy cũng chẳng qua vì thế lực kim tiền nó làm cho cô đen lòng tối mắt, đành đem cái ái tình trong buổi thiếu niên mà làm trò vui cho khách ngoại bang!

Sau khi cô kết hôn với Thái Lữ rồi, ôi thôi thì quần áo nhốn nha, lên xe xuống ngựa. Cô lại chê những vợ thấy thông, ông xã là không biết cách kén chồng! Bởi cô cho rằng có chồng mà như cô vậy mới là sang!

Được ít lâu, Thái Lữ được đồng bào hấn trạch cử hấn lên làm Ban trưởng. Cô Hồng Hoa được làm bà Ban rồi thì mặc sức mà khoe khoang với chúng bạn, mà thật: lúc này cô coi thiên hạ chẳng ra gì! Cô bắt đưa ở trong nhà từ đó sắp sau phải kêu cô bằng *bà Ban*, chứ không được gọi bằng thím như trước nữa. Bởi cô có ý ấy, nên ai tới nhà cô chơi mà kêu cô bằng *bà Ban* thì cô rất vui cười; còn ai sồn sồn sồn sát, nhè kêu cô bằng thím thì mặt cô bùng thụng!

Một hôm cô Hồng Hoa - ủa quên - bà Ban đang nghỉ ở trong phòng, con Lành - là đứa tớ gái - chạy vô thưa rằng:

– Thưa thím có khách nào ở đằng trước.

Cô lấy làm không bằng lòng, nhieếc con Lành rằng:

– Mày ăn uống gì mà ngu dử vậy?

Con Lành không biết chủ mình rầy mình về tội gì, vả lại nó cũng khiếp oai bà Ban, nên đứng làm thinh. Bà Ban véo nó một cái rồi nói:

– Hôm trước tao dặn mày đừng có kêu tao bằng thím nữa, vì chồng tao đã làm ông Ban rồi thì mày phải kêu tao bằng *bà Ban*, sao hôm nay mày lại nhè kêu tao bằng thím, hử?

Con Lành giật mình tỉnh ngộ, khi ấy mới biết chủ mình rầy mình là tại quên kêu bằng *bà Ban* mà ra. Bèn xin lỗi:

– Thưa bà tôi quên, xin bà thứ lỗi!...

Bà Ban vả con Lành một cái nữa rồi hăm rằng:

– Nè! Từ nay về sau mà còn quên như vậy nữa, thì tao vả tét hàm hạ mày ra, nói cho mày biết!

Nói dứt lời, con Lành phải cúi lạy bà Ban hai ba cuộc, khi ấy bà mới chịu ra ngoài hầu chuyện với khách!...

Con người ở đời có phải là thánh hết cả đâu, mà khỏi lâm vấp một hai khi. Vả con Lành là đứa hay lãng trí, nó quên mà kêu bằng thím chớ có phải nó không chịu kêu bằng bà Ban đâu, hễ khi nó quên thì tự nhiên có cán chối lên đầu ngay, và bị chửi cha mắng mẹ om sòm!

Nó rất tủi phận nghèo hèn côi cút, chỉ vì mẹ nó có vay của ông Ban mười hai đồng bạc, nghèo quá trả không nổi phải đem con đi đợ mà trừ, nó đi ở được vài tháng, kể mẹ nó qua đời. Bây giờ dầu đắng cay thế nào cũng phải chịu ở làm mọi cho người ta đủ mười tháng đặng trừ số bạc ấy. Nó tính rằng nó rán chịu cực khổ cho đến

khi đầy năm mãn tháng, rồi sẽ tìm chủ nào có nhơn đức mà ở; còn Hồng Hoa dầu có mượn nó mỗi ngày mấy trăm đồng bạc nó cũng không màng...

Lúc ấy nó đã được mười bảy tuổi, tuy con nhà nghèo chớ coi cũng ngộ đũa, đã trắng trẻo mà lại có duyên. Làm thân con gái mà đi ở mượn như vậy, nếu nó mà như ai thì chẳng khỏi ô danh mất nết vì những anh chủ nhà súc nghiệt. Song nó nghèo hèn mặc dầu, chớ nó cũng biết trọng danh tiết của nó lắm.

Một hôm nó ngủ ở trên lầu, trong khi mơ màng giấc điệp, thì bỗng nhiên có vật chi động chạm đến mình. Nó giật mình thức dậy thì thấy Thái Lũ đang sấn tay mở khóa động đào, Thái Lũ sợ nó không chịu mà tri hô lên càng xấu hổ, nên đã cầm sẵn trên tay một cái giấy hai chục đồng mà bêu ngay trước mặt nó. Song nó không đành đem chữ trình mà bán rẻ hai chục đồng, bèn la lên. Thái Lũ hoảng hồn bỏ chạy xuống tầng dưới, con Lành thấy anh chủ nhà khốn nạn đã chạy mất, nên nó không la nữa. Tuy vậy mà việc quấy của Thái Lũ cũng bị đổ bể ra. Hồng Hoa biết chồng cô tánh hảo ngọt! Song một mặt thì âm thầm rầy chồng, một mặt thì ngất véo hầy hật con Lành, rằng sao nó dám vu oan cho chồng bà làm điều đồi phong bại tục ấy.

Bà Ban sợ e rồi đây Thái Lũ quá yêu con Lành mà phế bỏ mình đi chẳng! Nên bà kiếm kế mà hại con Lành và đuổi ra khỏi nhà, khi ấy bà mới yên trí được.

Một hôm Thái Lũ đi Sài Gòn bỏ đồ, Hồng Hoa ở nhà, sau khi bà ngủ trưa thức dậy, bà liền hô hoán lên rằng bà mất một đôi cà rá hột xoàn. Bà làm bộ kiếm đôn kiếm đáo một hồi rồi lại mò được một chiếc ở trong túi áo con Lành giắt bên vách. Bà bắt con Lành vừa đánh vừa tra:

– Còn một chiếc nữa mày để đâu?

– Thưa bà tôi không có lấy.

– É! Mày đừng chối ngược chối xuôi, mày không lấy thì ai cơi trêu cơi ngựa vô đây mà lấy!

– Thưa bà đồ của bà đeo trong tay, tôi làm sao mà lấy được...?

– Mày đừng có già mồm mép, mày không lấy mà sao chiếc kia ở trong túi mày?

– Bẩm bà đó là ai thù oán tôi, rồi đem mà vu cho tôi chứ tôi không biết gì hết.

– Ai mà thù oán mày? Tao thù oán mày phải không! Đồ hư đồ thúì, đồ bán trời không mời thiên lôi, ăn cắp của người ta rồi đổ thừa cho người kia người nọ. Nội nhà này chỉ có một mình mày là Annam, là đồ hay ăn cắp vặt, còn hết thầy là người Tàu, người ta có cái tật *chó đẻ* đó ở đâu!

– Nếu tôi dốc lòng lấy của ấy thì tôi đem mà giấu đi chỗ khác chứ để trong túi làm chi cho bà bắt được.

– Ê thôi! Mày đừng có lẻo lự, để tao đánh một hồi nữa coi chiếc cà rá kia có lòi ra không cho biết.

Nói dứt lời ra oai làm dữ, đề con Lành xuống mà đánh thôi bất kể sống chết, roi mây quất nghe trót... trót... tiếng roi pha lẫn với tiếng khóc la rên xiết của con Lành, nghe thôi rất là đau thương thảm thiết. Thịt da ai cũng là người, con Lành chịu đau không nổi, nên nó phải bậm môi khai buống rằng:

– Thưa bà có... có...

Hồng Hoa ngừng tay lại, nói:

– Tưởng đâu mày gan trời... sao không giòi mà chối nữa, đồ đi ngựa ở đâu! Lấy bán cho ai?

– Hu... hu... tôi không có lấy... hu... hu...!

Hồng Hoa giờ roi lên toan đánh, con Lành sợ phải nói:

– Có... có...

Bà Ban nạt:

– Có mà để đâu?

– Hu... hu... tôi gởi cho người ta rồi! Hu...

– Ủ vậy thì phải đi lấy đem về đây cho mau mau, nếu trở về không thì tao nặn lòi con non mày ra rồi kêu lính bắt bỏ khám ở tù rục xương à, nói cho mày giữ hồn. Hứ! Con gái mẹ mày ra nà!

Con Lành nó nghĩ mẹ nó không tội gì và đã chết rồi mà lại bị chửi cho nên nó lấy làm tức tưởi vô cùng. Nó ra đi mà đầu cổ chồm bôm, nước mắt nước mũi đổ ra chầm ngoàm, ai thấy cũng phải thương xót. Nó vẫn biết Hồng Hoa vì ghen mà vu oan cho nó, chớ nó có ăn cắp gởi cho ai đâu hòng lấy đem về mà trả. Song bây giờ trở về không thì phải bị đòn nặng, và bị tù cũng chưa biết chừng. Vả nó là con đòi đưa ở, dầu nó nói phải, pháp luật cũng không dung cho nó, còn bà Ban tuy quấy, mà bà nhiều tiền thì thế nào bà cũng đặng phần hơn.

Nó không muốn trốn cái số nợ kia, song vì cảnh ngộ bắt buộc bất đắc dĩ nên nó mới muốn trốn. Nhưng đời đã không người nhân từ bác ái thì còn ai mà chịu bảo bọc kẻ cơ hàn! Họa chẳng những kẻ bất lương mới chịu chứa nó để mà vui hoa dập liễu thì có. Cùng trí rồi nó không biết liệu làm sao, trốn cũng không dễ gì trốn, thôi thà chết quách cho xong, cho khỏi cái kiếp nào nề đau đớn.

Nó bèn vào tiệm mua một sợi lưng quần bằng lụa, rồi tìm nơi vắng vẻ mà hủy thân...

★

Sau khi con Lành ra khỏi nhà, ý bà muốn nó đi luôn chớ không muốn nó trở về, nên khi nó đi biệt tích thì bà lấy làm vui lòng thích chí lắm. Ai có hỏi thì bà nói nó ăn cắp đồ rồi trốn đi mất, không biết đi đâu mà kiếm.

Cái cách bà ăn ở với con Lành tàn ngược hà khắc như vậy; còn đối đãi với bạn hàng bà kiêu hãnh cũng không vừa gì. Hễ ai tới tiệm bà mà mua từ một hai đồng sắp lên mới được bà hoan nghinh! Nếu mua vài ba cắc hoặc năm bảy xu thì bà trề lên nhún xuống, thấy dễ ghét lắm!

Một trăm người bán, một vạn người mua, cửa hàng nào tử tế thì mua chơi, tiệm nào coi bạn hàng không ra gì thì người ta đi chỗ khác. Một bà chủ tiệm như Hồng Hoa, ai còn sá gì bước chon đến tiệm bà mà mua lấy cái gương mặt khó khăn của bà! Bởi vậy từ ngày Hồng Hoa được lên bà Ban trở về sau thì bạn hàng ngày càng thưa thớt, buôn bán chỉ thấy lỗ chứ không thấy lời.

Thái Lữ nghĩ vì cũng tại Hồng Hoa mà cửa hàng trở nên sa sút. Và lại cái ái tình của anh ta đối với Hồng Hoa thì bây giờ cũng *đã thêm rồi*, nên anh ta không cần nữa!...

Anh ta mắc nợ hơn mười ngàn, liệu thế không xong, bèn tom góp hết tiền bạc và các đồ quý giá rồi thừa cơ trốn tuốt về Tàu!

Thái Lữ đi bữa trước thì hôm sau trưởng tòa K... tới biên đồ đóng cửa.

Hỡi ôi! Hồng Hoa trong lúc bấy giờ lấy làm tủi hổ vô cùng, hưởng vinh hoa - vinh hoa của cô - không mấy lúc mà bây giờ kết cuộc chỉ nắm hai bàn tay không. Ô hô! Phấn lột hương phai, hoa tàn nhụy rữa cũng vì ham chồng Chệt, tiếng đời mai mỉa, muôn kiếp nuốc nhơ, cũng vì chê chồng Việt Nam là chẳng ra gì.

Hồi nào còn làm bà chủ tiệm thì hiu hiu tự đắc, chứ lúc này là lúc người ta sẽ nhổ nước miếng vào mặt cho cô biết đá biết vàng. Cha mẹ cô và cô hối hận lắm, phải dè Thái Lữ mà ở đoàn hậu như vậy thì dầu nó có giàu bạc triệu cũng không thêm, thà rằng lấy chồng Việt Nam dầu nghèo cũng còn có nghĩa hơn. Nhưng mà sự đi lỡ rồi dầu có ăn năn cũng vô ích.

Cuộc cờ tung nước, thế sự vắn xoay, cô Hồng Hoa không còn mặt mũi nào mà ngó mặt người Sóc Trăng nữa, đành phải lìa cha mẹ bỏ xứ mà đi!

★

Năm vừa rồi từ Nam chí Bắc, nhơn dân xứ nào cũng muốn nổi lên dấy động binh đao... song sức yếu tay không làm sao mà cự nổi

với trái phá súng đồng của chánh phủ, kết cuộc đành ôm cái thất bại về mình, mà gây ra không biết bao nhiêu là cảnh tiêu điều ảo não, thật là đáng buồn không sao kể xiết. Nền kinh tế vì đó mà khủng hoảng dây dưa cho đến ngày nay, nhà buôn đóng cửa rất nhiều. Lại còn cái tăng thuế xuất cảng lúa gạo lên bốn mươi lăm phần trăm! Nay tuy đã bãi đi rồi, song hết thầy nông dân cũng vì nó mà nghiêng nghèo điều đứng...

Thầy Võ Văn Lâu, thương gia tại Cao Lãnh, vợ thầy mới mất kể gặp phải cái nạn kinh tế khó khăn, buôn bán không khá, thầy buồn triền sang tiệm lại cho người khác, rồi tính qua Sóc Trăng lập nghiệp. Khi thầy qua đó thấy công việc làm ăn ở đó cũng không khác gì bên Cao Lãnh, thầy ngụ tại đó một đêm, tính sáng ngày mai sẽ sang xứ khác, hề thầy coi chỗ nào có thể làm ăn được thì thầy trụ lại đó.

Đêm ấy tại rạp Ký Bình có bạn hát cải lương... diễn tuồng *Bạc trắng lòng đen*, là một tấn tuồng rất đặc sắc, có ý răn dòi mà ai xem cũng không biết chán như những tuồng khác. Thầy Võ Văn Lâu nghe thiên hạ đồn hay thì cũng đi coi, song khi thầy đến nơi thì không còn chỗ đứng, bắt đắc đi thầy phải chắt lưỡi mà trở về phòng. Khi thầy đi ngang đám Xoài ở gần phía sau hăng xe Ba Qu... thầy thấy có một bóng đen đương làm gì lực đực ở dưới gốc cây. Ban đầu thầy tưởng ma, song bình sanh thầy chẳng biết sợ ma là gì, thầy nhẹ gót lần lại thì thấy rõ ràng là một người thiếu nữ đang thất vòng treo lên cây đặng toan phui sạch nợ trần...

Thầy nói thầm rằng: "Người này thất vọng về duyên xui phận bạc hay là uất ức về cảnh ngộ gì mà đến nỗi phải toan bẽ quyền sinh? Chắc là số phận nàng chưa tới, nên trời xui ta hệt coi hát về đây để cứu nàng. Ấu là ta mau mau cứu người này, rồi hỏi lại nguyên do vì đâu cho biết!..."

Người thiếu nữ mà thầy Võ Văn Lâu thấy đó, chẳng ai đâu lạ hơn là con Lành, nó mua sợi lưng quần lụa để thất vòng tự vận. Khi nó vừa dứt cổ vào vòng rồi buông tay, tưởng đã dứt rồi nợ thế, song

vòng chưa siết lại, kể thầy Võ Văn Lâu bợ hai chân nó mà đưa hông lên, vì thế mà thân vòng không giết nó được. Lúc ấy con Lành lấy làm bất bình lắm, bất bình vì sao nó đã không muốn sống trong cũi đời ô trọc này nữa, mà ai kia còn kéo lại làm chi. Nó quyết chí tự vận nên vùng vẫy dữ lắm, song cũng chẳng ăn thua gì. Còn thầy Võ Văn Lâu đứng dưới đất cứ ôm chặt hai chơn nó mà chẳng dám buông, thành ra hai người chèo kéo nhau, thật rõ tức cười! May sao lúc ấy có một anh xe kéo nắm gọng xe đi lồi thoi ngang đó, thầy bèn kêu anh ta lại phụ sức với thầy, thầy bảo anh ta nắm hai chân giở hông lên, còn thầy thì leo lên cây dứt dây mà đem con Lành xuống.

Con Lành tuy khỏi chết, song nó cũng quyết chết mà thôi, nên nó tỏ lời cảm ơn hai người rồi thoát mà đi, để tìm đường tự vận nữa. Thầy Võ Văn Lâu đã cứu người thì phải cứu cho được sống, nên thầy cứ theo bèn gót lựa lời khôn khéo mà cảm hóa con Lành. Nó thấy thầy an ủi quá, thét rồi nó cũng phải hồi tâm, nó bèn kể hết tình đầu mọi sự cho thầy nghe. Thầy rất cảm hận đứa đã man và lại thương tâm cho người cô thế.

Không rõ bởi căn nguyên tiền định, hay là vì cảnh ngộ xuôi nên, mà kẻ hạ người sang phút chút đã gây nên chồng vợ! Hai người cùng nhau biến hên non thể. Dầu cho đá nát vàng phai, tình phu phụ cũng thủy chung như nhưt.

Thị Lành tuy đã được yên thân, song cái mối thù kia làm sao mà nhả đi cho được, nghĩ mình không ăn cắp mà phải chịu đòn oan, lại còn bị tiếng đời dị nghị nữa, nên nàng cứ ăm ứ trong lòng. Thầy Võ Văn Lâu khuyên vợ hãy dẹp việc ấy qua một bên, sau thầy sẽ lừa dịp mà báo thù lại. Thị Lành cực chẳng đã phải vâng lời chồng, chớ trong lòng không vui!

Khuya lại, vợ chồng thầy Võ Văn Lâu mượn xe lô ca xông mà trực chỉ Sài Gòn, thấy sang được một căn tiệm ở Bd de la Somme, rồi lo buôn bán làm ăn, tuy không khá gì cho lắm, nhưng cũng có thể đứng vững trong thương trường được.

Vợ chồng thầy Võ Văn Lâu thương yêu nhau bằng một cách nồng nàn chan chứa, nên nửa năm đầu trong gia đình vẫn được trên thuận dưới hòa, không hề xảy ra một điều gì xích mích.

Chẳng rõ tại sao mấy bữa gần đây, cái tình của thầy đối với vợ ngày càng lợt lạt, vợ thầy có hỏi vặn thầy điều gì thì thầy chỉ trả lời qua loa cho có chừng rồi thôi.

Thị Lành nghi chắc chồng nàng đã say đắm vì một ả hương trời sắc nước nào đó, nên trong cảnh gia đình của nàng mới có vẻ thâm đăm điu hiu như vậy.

Một hôm thầy Võ Văn Lâu sửa soạn quần áo thiết bảnh bao rồi bỏ nhà ra đi như những ngày trước Thị Lành bèn nom theo thì thấy chồng nàng xuống phòng ngủ N.V. ở đại lộ Charner, bởi nàng không dám theo gần, nên khi chồng nàng vào đó rồi vô phòng nào nàng không biết được. Nàng hỏi thăm thằng bồi Đẹt ở đó thì nó dụ dợ không chịu nói. Muốn cho dễ bề thám thính, nên nàng phải bê cho nó hết một miếng, khi ấy nó mới chịu chỉ cho nàng biết rằng thầy Võ Văn Lâu vào phòng số năm. Nàng đến tận nơi thì thấy cửa phòng khóa chặt, nghe chồng đương cọt giơn với tình nhân, tiếng ả kia hình như là tiếng của một người quen mà nàng quên lửng không nhớ là ai. Nàng bèn đứng ngoài rình nghe, thì ả kia nói những nhéo với chồng nàng rằng:

– Mình thương tôi nhiều hôn mình?

– Không thương thì ai đến đây mà làm gì!

– Mình bỏ nhà đi đêm như vậy, vợ mình có cần nhẫn hôn?

– Cần nhẫn tôi đánh sặc máu chó cần nhẫn! Thị Lành nghe chồng đối đáp với tình nhân như vậy thì tuy giận mà cũng phải tức cười, kể nghe ả kia hỏi nữa:

– Em đây với vợ nhà mình, mình thương ai nhiều hơn?

– Thương mình nhiều hơn!

– Em không tin...

– Ai nói lão ông Thần bẻ cổ...

– Thôi đừng có thể bướng, Thần nào mà bẻ người ta được, mình nói rằng mình thương em nhiều hơn vợ nhà, vậy sao mình không để bỏ vợ nhà đi rồi đem em về ở chung một nhà với mình.

Thị Lành nghe ả kia nói câu ấy thì muốn tông cửa chạy vô xé tét nó làm hai, nhưng nàng dần tâm để coi chồng đối đáp làm sao cho biết...

– Ai trước làm lớn, sau thì làm nhỏ, chớ vợ chồng ăn ở với nhau đã lâu rồi, bây giờ bỏ sao đành!

Thị Lành nghe chồng nói thì mát ruột lắm, kể nghe ả kia làm bộ giận mà nói cái giọng cầu cao như vậy:

– Không, không, tôi không chịu dưới tay ai hết, người như tôi vậy không được một mình một chồng hay sao, khốn gì mà phải làm bé làm mọn ai kia!

– Thôi để thùng thảng rồi tôi sẽ tính cho khéo làm bộ giận!...

– Ừ tính sao thì tính cho gấp gấp đi, không ai ở hoài vậy mà đợi ai đâu!

Thị Lành nghe mấy lời ấy thì nàng căm gan tím tiết, tuy vậy mà nàng cũng rộng suy: nàng tính lui về rồi thừa khi đầu ấp tay gối sẽ lựa lời khôn khéo mà an ủi chồng. Chớ bây giờ làm ra cũng chẳng ích gì mà lại chác tiếng ghen vào mình. Song máu ghen lúc bấy giờ đã sôi lên sùng sục, tưởng cũng khó cho nàng nhẫn nhịn kẻ muốn oán ngôi kia.

Nàng bèn gõ cửa, thấy Võ Văn Lâu đương giỡn hót với tình nhân, bỗng nghe người gõ cửa thì tưởng là anh em bạn, vội vàng ngồi dậy đi lại mở khóa cho khách vào. Khi mở bét ra mới biết là vợ mình chớ không phải khách khứa nào cả. Còn Thị Lành vào đó thì thấy tình nhân của chồng chẳng ai đâu lạ mà chính là kẻ thù của nàng...

★

Đây xin nhắc lại cô Hồng Hoa, cô vì muốn tránh sự nhục nhã với người bốn xứ, nên phải bỏ chỗ chôn nhau cắt rốn mà đi, lúc đó cô không có nhiều chớ trong túi cũng còn được vài trăm bạc, cô lên Chợ Lớn, tạm trú tại một khách sạn ở đường Tổng Đốc Phương, cô tính ở đó đợi coi chốn phồn hoa đô hội có anh nhà giàu nào chết vợ sẵn sàng qui mô thì cô sẽ nhảy phóc vô mà ăn của! Chớ cô không có cái hi vọng lấy chồng Chệc nữa.

Lạ gì đời văn minh này, hễ con gái đi ra khỏi nhà một tấc đường sẽ có bọm tình theo bén gót, còn đàn bà sắc đẹp lại không chồng mà ở phòng ngủ thì tự nhiên ong bướm dập diu. Cô ở đó bữa trước qua bữa sau thì có một gã thiếu niên không rõ lai lịch ra thế nào chớ cách ăn mặc thì ra dáng hạng người phong lưu hào hiệp lắm! Người ấy muốn làm quen với cô, cô mừng thầm vì được một vị công tử ghé mắt đến mình, nên rất vui lòng hầu chuyện. Gã kia hỏi:

– Cô là người ở đâu?

– Thừa em người Rạch Giá!

– Cô đi đâu trên này?

– Số là cha mẹ em gả ép cho một người làm commis ở dưới, vì người ấy tánh tình không tốt nên em chẳng vừa lòng. Thành ra em phải trốn cha mẹ để tránh sự ép bức đó; còn thầy là người xứ nào?

– Tôi ở Cần Thơ.

– Thầy có làm việc hôn?

– Không, tôi là điền chủ!

– Mỗi mùa góp được bao nhiêu lúa ruộng?

– Hồng bao nhiêu! Chừng sáu bảy chục ngàn gia...!

Nghe nói *sáu bảy chục ngàn gia* thì Hồng Hoa riu cả ruột! Cô nói:

– Cha chả! Sáu bảy chục ngàn gia còn ít lắm sao mà thầy nói hồng bao nhiêu?

– Của người ta góp mỗi năm một hai trăm ngàn gia mới là nhiều chớ!

– Tiền gạo như nước, hèn chi người ta nói Cần Thơ là kinh đô của Hậu Giang là phải lắm! Còn thầy bữa nay lên này có chuyện gì?

– Kiếm mua ít sớ đất đặng cất phố lâu cho mướn...!

– Có vợ con gì chưa?

– Phải có thì người ta dắt theo!

Hồng Hoa nghe nói chưa có vợ thì mừng quỳnh mừng quý, cô tính thầm rằng nếu được làm vợ gã công tử này, sau khi thành hôn rồi sẽ ngồi xe hơi về Sóc Trăng cho thiên hạ biết mặt! Biết mặt con Hồng Hoa này tuy suy sụp mà cũng có lúc cất đầu lên được; chớ chẳng phải lơ mơ đâu! Nên cô hết sức dụng tinh lực mà làm cho gã kia đảo vía điên hồn, những lời của cô đối đáp với gã kia ngọt xớt như mật rót vào tai! Theo con mắt tinh đời(!) của cô thì cô thấy gã kia nặng tình yêu dấu cô lắm. Gã kia nói:

– Tôi thấy cô nét na đậm thắm thì tôi thương, muốn làm vợ chồng với cô mà không biết cô có tình tự gì với ai không?

– Em mới lên đây hôm qua, kể bữa nay là gặp thầy, để thúng thẳng rồi thầy sẽ biết em là người thế nào, chớ bây giờ hồng lẽ em đi khoe sự tốt với thầy!

– Nếu vậy thì được, chớ đừng có báo hại tôi mang tiếng mang tâm, rồi sắp tá điền nó coi tôi không ra gì!

– Không, không, thầy đừng lo, nếu thầy có dốc lòng ăn ở với em thì đừng có nghi cho em điều gì hết?

Gã kia cười, đoạn móc ra một tấm giấy *oanh*⁽¹⁾, lại làm rớt lọt đọt xuống đất một mớ giấy *con công*⁽²⁾, rồi trao cho Hồng Hoa mà nói rằng:

– Em có tiền xài đó hôn? Em lấy vài chục đây xài đờ!

(1) *giấy oanh*: phiên âm chữ vịnh tức giấy *hai chục đồng* (NBS)

(2) *giấy con công*: giấy năm đồng

Hồng Hoa khoát tay từ chối mà rằng:

– Em cảm ơn thầy, thầy hãy tạm cất số bạc đó đi, em cũng còn tiền xài!

– Em cứ việc lấy mà xài, chừng nào hết, nói qua đưa thêm, em đừng ngại gì hết, còn tiền phòng để qua tính cho!

Hồng Hoa nhứt định không chịu lấy, nên gã kia phải bỏ vào túi!

Hai người ăn ở với nhau được vài bữa thì cô Hồng Hoa tin chắc mười phần! Muốn cho được lòng tin nhiệm của tình lang, nên bao nhiêu tiền bạc trong mình đều đem trao hết cho chàng giữ. Gã kia dụ dợt hồi lâu mới chịu lãnh.

Cách một tuần lễ sau, hai người dắt nhau đi coi hát bóng. Lúc vắng hát trở về phòng, sau một trận trăng tình gió nghĩa rồi thì Hồng Hoa mê man hôn điệp, chẳng khác chi người đã chết rồi. Chừng cô tỉnh giấc nồng trở dậy thì chẳng những tình lang biến đi đâu mất, mà bao nhiêu áo quần tiền bạc cũng chấp cánh bay đằng nào!

Hồng Hoa thất kinh rụng rời vùng la lên rằng:

– Thôi rồi! Đã làm kẻ gian phi, còn gì mà kể...!

Cô nói dứt lời, toan chạy đi tìm, nhưng khi vừa bước ra khỏi cửa, bồi phòng đón lại hỏi rằng:

– Chạy đâu?

– Đồ đạc tôi bị quân gian lấy hết rồi, đi tìm nó chớ chạy đâu!

– Té ra đồ đạc cô mất hết rồi! Vậy cô hãy tính giùm tiền phòng rồi sẽ đi cũng chẳng muộn?

Cô Hồng Hoa nghe nhắc đến hai tiếng *tiền phòng* thì hồn vía lên mây. Than ôi! Trong túi chẳng còn đồng điệp, không biết rồi đây phải bơ vơ lưu lạc đến thế nào, tiền đâu mà trả tiền phòng. Cô rung rung nước mắt mà nói:

– Trời ôi! Bây giờ trong châu thân tôi chỉ còn có một bộ độ này, biết lấy gì mà trả tiền phòng cho anh?

– Cô này nói nghe trái tai quá, không tiền trả tiền phòng mà dám lấy phòng nhứt của người ta để chứa mèo hơn mười mấy bữa!

– Tội nghiệp tôi lắm anh ơi!

– Không có tội nghiệp gì hết, tôi có biết đâu rằng cô mất thiệt, hay là cô tráo cho người khác đem đi hết rồi bây giờ cô mượn có ấy mà chần tiền phòng!

Cô Hồng Hoa chỉ khóc và than trời trách đất mà chửi quân dã man; chớ không biết nói làm sao với bồi phòng nữa. Bồi phòng nói:

– Cô không được khóc ré om sòm ở đây à hử, cô mượn phòng thì phải trả tiền phòng, không được nói gì lời thôi hết! Bằng như cô cương lý thì tôi kêu lính bắt còng lại đem xuống bót cho cô đánh lính vủ, rồi bỏ ngục cho ăn cơm gạo lúc bận áo xanh, không phải là chuyện chơi đâu!

Nghe đến những tiếng *cò*, *bót*, *lính* thì Hồng Hoa sợ điếng hồn. Cô phải hạ mình năn nỉ, yêu cầu nó hãy đoái thương chút phận hồng nhan!...

Bồi phòng ngần ngừ giây lâu mới chịu nhận lời, song nó buộc cô mọi sự gì... gì... phải phục tùng mạng lệnh của nó, như vậy nó mới chịu trang trải giùm cái số tiền phòng kia cho. Trong cơn túng nước sẩy chơn, phải sao chịu vậy chớ biết sao bây giờ?

Ôi! Cô Hồng Hoa nào phải con người xấu xa hèn hạ chi đâu, tuy chẳng dự phần dãi cát, chớ cũng đáng mặt phong lưu, trước kia thì làm vợ ông Ban, rõ ràng là một người có chồng Chệc! Mà ngày nay phải đem thân vàng ngọc vào chốn lầu xanh, mở khóa vườn xuân mặc sức cho một tên bồi phòng vin hoa bẻ liễu, thì gấm lại còn chi nhục nhã cho bằng...?

Gã làm mặt công tử kia là ai? Chính là một thằng điếm cờ bạc⁽¹⁾ ở đường Verdun Sài Gòn, quanh năm chỉ ta rập với mấy thằng bồi

(1) Hạng nào cũng có kẻ xấu người tốt, vậy chúng tôi nói đây là *mía sâu có dốt, nhà dột có nơi*, chớ không phải nói hết. Xin các ngài biết cho.

phòng gian hùng gạt người cướp của mà được no thân ấm cật, chớ chẳng có làm gì động móng tay. Cô Hồng Hoa sợ đi phải ra nông nổi ấy là cô làm một kẻ trong trăm ngàn kẻ của chúng nó. Những người ở dưới lục tỉnh mới lên, đầu tạm trú ở khách sạn nào cũng vậy, cũng phải dè dặt đề phòng cho lắm mới được.

Cô Hồng Hoa, sau khi cô phải dưới quyền thằng bồi phòng kia, để nó bảo sao cô phải hay vậy, nó bắt cô phải rước khách, cô cũng phải vâng theo. Tiếng nó nói làm vợ làm chồng, lúc nghiêng nghèo phải rước khách nuôi nhau, chớ kỳ thiệt là nó bán máu cô để làm kẻ sinh nhai vậy.

Bây giờ cô đã ra mặt hạng buôn hương bán phấn, lúc đầu coi còn bỡ ngỡ, sau thét rồi cũng không biết xấu hổ gì nữa. Ngủ với khách một đêm mà được năm mười đồng bạc, ai lại chẳng ham. Song có bao nhiêu cũng bị bồi phòng đoạt hết. Cô muốn thoát ly khỏi vòng áp chế của nó đặng hưởng lợi riêng một mình, song không kể gì thì hành được. Vì nếu trở mặt với nó thì nó sẽ báo với *sở bắt con gái* đến bắt, chừng ấy phải thành ra *đĩ nhà nghề* càng khốn nữa.

Đành phải đánh liều nhắm mắt đưa chon, tới đâu hay đó chớ cô không dám trái ý thằng kỳ đà ấy!

Một hôm cô đang nằm trong phòng, bỗng nhiên thằng chồng ác nghiệt ấy chạy vào nói với cô rằng:

– Gặp mới to rồi!

– Công tử dưới lục tỉnh mới lên hả?

– Không, người ở Sài Gòn, mà thằng tướng này còn khờ lắm, có thể đập đổ được, nghe nói nó có xe hơi và tiệm buôn ở ngoài Sài Gòn. Nó nói rằng hôm qua nó đi chơi ngang đây thấy mày ở trên lầu ngó xuống, nó chịu mày lắm, nên bữa nay nó tìm tới hỏi thăm. Tao nói gạt với nó rằng mày là con nhà tử tế ở dưới lục tỉnh, hơn vì buồn duyên tử phận mà phải bỏ nhà ra đi. Rồi nó cậy tao làm mai mày giùm nó, nếu được chuyện thì nó bẻ tao nửa bộ lư. Vậy khi nó vào

đây mày hãy lựa lời ton hót cho hay, chớ đừng có để lời mặt đi thì hỏng chuyện đa nghe! Thôi lo gỡ đầu dôi phần đồ đi!...

Hồng Hoa gật đầu, bồi phòng đi ra. Cô Hồng Hoa nhớ hồi nào còn làm bà Ban thì kẻ thừa người bầm, mà ngày nay rũi sa cơ rồi đến cái thằng nô lệ tứ phương - chỉ nghĩa thằng bồi - ấy nó cũng dùng cái lối *mây tao mi tớ* mà xưng hô với mình, thiệt lấy làm tức, mà không sao nói được.

Cô trang điểm vừa xong, kẻ thầy Võ Văn Lâu bước vào. Hồng Hoa cũng dùng mấy câu sáo cũ đã nói phỉnh với thằng bợm bãi trước kia mà hầu đáp với thầy Lâu, thầy Lâu không tin cô là con gái, cũng tin là một người đàn bà tử tế chớ không dè cô là một ả buôn hương. Vì lúc ấy cô chỉ mới có hai mươi mấy tuổi, nhan sắc hãy còn đẹp đẽ lắm, khiến cho thầy Võ Văn Lâu cũng phải mê mết vì tình!...

Hồng Hoa muốn thoát ly tay độc ác của thằng bồi, nên cô biểu thầy Lâu đem cô ra Sài Gòn mà ở. Thầy Võ Văn Lâu bằng lòng, bèn kêu thằng bồi cho nó năm chục đồng bạc, rồi dắt cô Hồng Hoa đi. Thằng bồi thấy mất mối lợi, song đã nói dối mà ăn tươi nuốt sống của người ta hết năm chục bạc, bây giờ làm sao mà ngăn cản được?

Thầy Võ Văn Lâu đem Hồng Hoa về Sài Gòn rồi mượn một căn phòng nhứt tại N.V.K.L để cho cô ở. Có nhiều lần Hồng Hoa hỏi tiệm thầy ở đường nào và số mấy thì thầy không nói, vì vậy nên Hồng Hoa không biết vợ thầy là ai!

Cô Hồng Hoa chẳng những trắng trẻo mặn mà lại cười duyên nói ngọt, thầy Võ Văn Lâu gần cô chừng nào thì càng say đắm chừng nấy!

Hôm ấy hai người đương giỡn hót trong phòng, Hồng Hoa ý y thốt ra những lời độc ác ấy, mà chẳng ngờ có vợ thầy Lâu tức là con ở của mình đứng ngoài rình nghe hết. Tới chừng Thị Lành được mở cửa bước vào trong thì cả hai đều ngã ngửa! Mà nhứt là cô Hồng Hoa thì xấu hổ thẹn thua hết sức, Thị Lành cũng ngạc nhiên! Nàng cười gằn rồi buông lời gay gắt rằng:

– Tôi chào bà Ban, chẳng hay bà Ban đi đâu trên này?

Khi ấy thấy Võ Văn Lâu mới biết tình nhân là kẻ thù của vợ chồng thấy chớ không phải con nhà lương thiện nào ở lục tỉnh hết! Thấy thờ dài rồi nói:

– À... ạ... té ra bà Ban...!

Cô Hồng Hoa ngồi trơ mặt đi, ngậm miệng làm thinh, không thốt ra lời gì đối đáp! Thị Lành hỏi tiếp:

– Vậy chớ ông Ban ở đâu, sao bà không ở Sóc Trăng mà làm bà Ban, lại lên này làm gì! Nãy giờ bà xui giục chồng tôi những gì trong này đó?

Hồng Hoa chết điếng trong lòng, ngồi trơ trơ chẳng khác gì tượng đồng bia đá! Còn thấy Lâu thì bỏ qua bộ ván gỗ mà ngồi, thấy vừa mắc cỡ với vợ mà cũng tức cười, thấy tức cười vì thấy bị gạt! Thị Lành hỏi gắt:

– Bà Ban có muốn chồng tôi thì tôi xin nhường cho, không để cho bà làm bé đâu mà sợ!

Hồng Hoa bứt rứt tâm can rung rung hai hàng nước mắt mà đáp rằng:

– Thôi em, qua biết qua quấy rồi, nên nãy giờ em mắng nhiếc qua, qua cũng ngậm miệng làm thinh em chẳng nên nhiều lời cay đắng làm chi!

– Dạ thưa bà Ban: ngày nay dầu tôi có giàu sang đến bậc nào đi nữa thì tôi với bà cũng là đạo thầy trò. Nay bà muốn chồng tôi không lẽ tôi đành để cho bà thất vọng, ấy là tôi nghi tình chủ tớ mà xin nhường lại cho bà, chớ tôi có nói gì đâu mà bà gọi rằng nhiều lời...

Mấy lời đắng cay sắc mắc ấy tuy chẳng phải là gươm đao; song nó còn độc hơn miệng hùm nọc rắn. Bởi vậy một tiếng của Thị Lành lọt vào tai cô tức là một nắm muối xát vào lòng, một cây đinh đóng vào mắt vậy. Cô chỉ ngồi bưng mặt khóc ngay chớ không biết nói sao được. Thị Lành nói:

– Tôi mời bà Ban quá bộ lên nhà tôi chơi, luôn dịp tôi trả chiếc cà rá hột xoàn cho bà!

Hồng Hoa không trả lời, chỉ ngồi khóc non khóc nước, lụy tuôn dầm dề trôi cả phần dỗi mặt. Thị Lành mắng ngay:

– Thiệt là đồ không ra gì, vậy chớ ông chồng Chệc của mày ở đâu, mày lại nhè chồng của con ở cửa mày mà muốn. Đồ khốn kiếp, muốn phá gia can của người ta!

Hồng Hoa nghe mấy lời thì đau hết sức, muốn đập đầu mà chết cho rồi, song không tiện. Thị Lành nói dứt lời rồi day lại nói với chồng rằng:

– Thôi, tôi xin mời thầy về, về nhà rồi thầy có muốn tính gì thì tính!

Nói đoạn nàng nguyệt Hồng Hoa một cái rồi ngoe nguẩy ra về, thầy Võ Văn Lâu mủm mỉm cười mà riu riu theo sau. Biết lỗi, nên khi về tới nhà thầy phải năn nỉ vợ, Thị Lành thấy chồng đã ăn năn nên cũng đổi giận làm vui. Từ đó về sau tình phu nghĩa phụ lại đổi dào ầu yếm như xưa!...

Nói về cô Hồng Hoa, vợ chồng thầy Võ Văn Lâu bỏ ra về, cô nhìn theo mà gan bào ruột thắt, cô bứt rứt xốn xan không khác nào bị tội lăng trì. Cô ăn năn hổ thẹn vô cùng, ăn năn vì trước kia được làm bà Ban thì coi thiên hạ chẳng ra gì, rồi khi không lại vu cáo cho người, ý quyền mà hiếp kẻ vô cố; ngày nay lại nhè chồng của nó mà lấy; đã vậy mấy lời ác độc kia cũng lọt vào tai nó nữa; cái lỗi nói dối rằng mình con nhà tử tế cũng bị lộ ra. Đã thẹn cùng đưa ở, lại hổ với tình lang mới là nguy cho chớ!

Vì những cái nhục nhã đó, mà tòa án lương tâm của cô buộc cô phải mau mau tự sát, không được đội trời chung với Thị Lành nữa! Vì thế nên cô Hồng Hoa mới mượn dòng nước sông Nhà Bè mà rửa nhục đời cô. Song phải biết rằng tay cô rửa có dính đồ ô uế, rửa chừng vài gáo nước là hết hôi, chớ cái nhục của cô rửa hết nước biển Đông cũng không sạch được!

Viết tại Sài Gòn, ngày 20 Mars 1931

CHÉN CƠM LẠT CỦA NGƯỜI THẤT NGHIỆP

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

ĐOÀN-THIỆN TIỂU-THUYẾT
CHIẾN CƠM LẠT
 CỦA NGƯỜI THẤT-NGHIỆP
 Tác-giả : SƠN-VƯƠNG



Sống mà không đủ cơm ăn, áo mặc thì sống làm gì!

Bản-quyền sở hữu

Giá nhứt-định chín xu

Imprimerie DUC-LUU-PHUONG

158 Rue d'Espagne, Saigon

1931

CHÉN CƠM LẠT CỦA NGƯỜI THẤT NGHIỆP

Một tiếng súng lục nổ, làm cho người ta sảng sốt kinh hoàng, ai nấy rùng rùng chạy đến nơi thì thấy công tử Đặng Hào Hoa nằm trên vũng máu, tay còn cầm khẩu súng lục, máu trong ngực phun ra có vòi! Trông rất là ghê gớm.

Công tử Đặng Hào Hoa tự mình bắn mình; hay là bị ai giết, rồi gá khẩu súng vào tay chàng mà che mắt pháp luật?

Vậy xin kể tự sự đầu đuôi cho chư độc giả biết tại vì sao mà có xảy ra vụ án mạng ấy:

Lúc ấy là sáu giờ chiều, nhằm bữa một Tây; cô Thông Hạnh nhắc ghế ra sân ngồi chơi với hai đứa con mà chờ chồng làm việc về. Ít phút sau, thầy Phạm Linh Chi là chồng cô Thông Hạnh về tới; cô Thông nhìn mặt chồng bữa nay thấy lộ vẻ buồn thì lấy làm lạ. Cô nói thăm rằng: ngày một Tây nào chồng mình cũng vui, mà sao hôm nay chồng mình lại buồn kia! Hay là chủ hãng phát tiền trễ chăng? Cô hỏi:

– Bữa nay sao coi bộ mình buồn dữ vậy mình?

Linh Chi nghe hỏi thì chỉ châu mày lắc mặt đi thẳng vào nhà lột đồ ra; chớ không buồn trả lời. Cô Hạnh càng ngạc nhiên, cô liền nhắc ghế bồng con theo vào, cô chòng chọc nhìn chồng, trong cái nhìn ấy có ý hỏi như câu trên kia. Linh Chi vừa cời giày vừa nói:

– Thiệt tôi không muốn sống trong đời vô vị này chút nào hết!

– Tại sao vậy mình?

– Mất chỗ làm rồi! Rồi từ nay về sau có dễ gì kiếm được chỗ làm khác! Nếu mà thất nghiệp luôn thì chúng mình phải chết chum nhau chớ chẳng chơi!

Cô Hạnh nghe chồng nói mất chỗ làm thì hơi ôi! Có lãnh lương mỗi tháng năm sáu chục đồng còn không đủ vào đâu thay! Huống chi chồng thất nghiệp rồi cảnh gia đình cô mới khốn nạn thế nào? Cô hỏi:

– Vì cơ nào mà mình mất chỗ làm?

– Hăng buôn bán không chạy, nên thái bót người ra. Tôi làm việc siêng năng đúng đắn hơn ai hết, đáng lẽ thì tôi khỏi bị đuổi; nhưng thằng sếp này xấu: nó đuổi tôi đặng đem người mới vô cho nhẹ tiền lương hơn.

– Thì ít nữa nó cũng phải cho mình hay trước một hai tuần lễ chớ!

– Chùng nó muốn đuổi thì nó đuổi, mình làm gì nó?

– Mình thưa nó chớ!

– Ôi! Cáo có tội lại nê đem kiện với Chồn phỏng có ích gì! Chúng nó vẫn một phần với nhau kia mà!...

Linh Chi nói rồi móc xấp bạc tiền lương ra trao cho vợ. Cô Hạnh lật từ miếng đếm rồi hỏi:

– Sao lại còn có năm mươi bốn đồng hè mình?

– Bị cúp hết sáu đồng!

– Về tội gì?

– Tội nói chuyện lớn!

– Nói chuyện lớn mà cúp tiền lương của người ta? Thiệt khốn nạn hết sức!

Sáng hôm sau, vợ chồng thấy Linh Chi đang than phiền về nỗi

thất nghiệp, bỗng có người của nhà đèn đến giở cái Compteur ra coi rồi biên vào sổ. Biên xong, Linh Chi hỏi:

– Tháng này tiền đèn nhà tôi độ chừng bao nhiêu thấy?

Người nhà đèn đáp:

– Ít nữa cũng bốn đồng mấy!...

– Ủa! Mới tháng trước đây có ba đồng rưỡi, sao tháng này tính lên tới bốn đồng mấy? Nhà tôi tháng này cũng thắp bằng tháng trước, chớ có thêm ngọn nào đâu, mà cũng chẳng có đám cưới đám ma gì cả!

– Tôi vẫn biết nhà đèn họ ăn..., đồng bào trong thành phố ta bị lặn nhiều lắm; mà sao ai nấy không đồng lòng nhau yêu cầu với chính phủ, đặng chính phủ can thiệp vào... Thiệt tôi lấy làm lạ quá!

Cô Thông nói:

– Ai cũng nói rằng chút đỉnh nên không cần! Nhưng họ có biết đâu rằng mỗi người mỗi chút, trăm ngàn muôn người như vậy thì gộp lại một số to? À! Hồi trước vợ chồng tôi mới dọn về ở đây, có thể chum cho nhà đèn hai chục đồng, bây giờ vợ chồng tôi tính dọn đi chỗ khác, vậy chúng tôi có thể lãnh lại số tiền thế chum ấy không?

– Tự nhiên nhà đèn phải trả lại đủ số; song tôi thấy có nhiều người cũng đòi lại tiền ấy, mà kết cuộc chẳng ăn thua gì cả. Hôm trước mấy ông hội đồng thành phố có kêu nài về vụ này, thì nhà đèn đã chịu bái cái lệ ấy đi rồi, nhưng những người có thể chum tiền cho nhà đèn từ trước tới giờ, thì sao lại êm luôn, chẳng nghe ai đòi được cả!

Người nhà đèn nói dứt lời, đi qua căn phố khác mà làm việc bốn phen. Cô Hạnh cần nhằn:

– Té ra pháp luật đặt ra để mà trừng trị những kẻ cắp vặt trộm xằng; chớ không làm gì được đũa đại gian đại ác?

– Đũa đại gian đại ác mà nó có tiền nhiều thì pháp luật cũng phải kiêng nó chớ sao!

– Mấy cái vậy mà sao mấy ông Đại biểu mình không kêu ca giùm cho dân sự nhờ. Vậy nói thay mặt cho dân là thay mặt cái gì đâu?

– Xì! Thay mặt cho dân để lấy tiền bỏ túi chớ làm gì. Mà cũng chẳng nên trách mấy ông ấy; ta nên trách những người ham ăn năm mười đồng bạc rồi cầm lá thăm bỏ liều, nâng những đứa giả danh ái quốc lên địa vị đó; cử tri có tư cách biết chọn người, chẳng vì cái lợi nhỏ thì ít; mà cái hạng cử tri tham rượu thịt thì nhiều! Cử tri đã như thế thì Đại biểu cũng chẳng khác gì... Mình nghĩ coi: Cái ghế nghị viên ở xứ ta bây giờ công chúng coi rẻ hơn cá sinh ngoài chợ! Mà các ông dám mua bạc muôn, mỗi khi tới kỳ tuyển cử, thì mấy ông vãi bạc ra như trấu, để mua lòng cử tri, tranh ghế nghị viên cho được. Nếu không có sự lợi ích gì... gì... thì họ có đại gì mà dám mua mắc đến thế? Cho nên trong số mười ông đại biểu ở xứ ta, phần nhiều là kẻ buôn dân bán nước; chỉ có một vài ông là chơn tâm ái quốc mà thôi.

– Ông nào có thể gọi là chơn tâm ái quốc?

– Ông nào được đắc cử mà khỏi tốn xu với cử tri đó...

– Ngộ khi họ được đứng vào địa vị cao sang, vì đồng bạc trắng rồi lòng họ thay đen thì mình nghĩ thế nào?

– Ôi! Lòng người nay dôi mai đổi, không hơi sức đâu mà bàn. Bây giờ mình lo chuyện mình sắp chết đói đây!

– Mình tính dọn đi phố khác hay là còn ở đây nữa?

– Thất nghiệp thì kiếm phố lá bậy bạ mà ở; chớ đây mỗi tháng hai mươi lăm bạc tiền phố, rồi còn tiền đèn nữa chịu sao cho nổi?

– Mấy ông chủ phố cũng bắt nhon quá! Năm nay làm ăn không khá, mà mấy ông không giảm bớt xuống chút ít cho mình nhờ.

– Đó là tại mình không kêu nài; nếu mình rập nhau mà yêu cầu thì có lẽ mấy ông cũng bớt chút đỉnh chớ. Cũng như con mình ở nhà đây, khi nào nó đòi bánh mình mới cho nó ăn...

Vài bữa sau thấy Linh Chi hỏi mượn được một căn phố lá tại

Xóm Trễ trong Cầu Kho. Vợ chồng thầy bèn dọn đồ về đó mà ở. Rồi thì ngày nào thầy cũng xách đồ măn⁽¹⁾ đi kiếm chỗ làm, nhưng đi tới đâu thì cũng bị người ta nhìn bằng cặp mắt vô tình, mặt dạn mày dày, thói đời khinh bỉ, tiền ăn đã hết mà kết cuộc chỉ ôm cái thất vọng!...

Một hôm hết tiền mua gạo, thầy mới bàn với vợ bán bớt bộ sa lông để lấy tiền xài đỡ, nhưng chưa kịp bán thì kế tối lại bà hỏa chơi các có thiêu rụi cả Xóm Trễ! Nhà thầy ở gần chỗ phát hỏa, nên dọn đồ ra không kịp, chỉ lấy được có một mớ quần áo và khối chết cháy đó là may!

Tàn cuộc hỏa tai này, có hơn mấy trăm gia đình dân nhà nghèo không chỗ nương thân, vợ khóc con than, màn trời chiếu đất, tình cảnh rất là thương tâm thảm mục...

Vợ chồng thầy Linh Chi, phải đi mượn một căn phố lá khác gần nhà thờ Huyện Sĩ mà ở.

Thầy liệu thế lúc này khó mà kiếm cho được một địa vị “thầy thông” nữa: bây giờ phải đi làm nghề hạ tiện: planton⁽²⁾ hoặc bồi bếp sai vặt trong nhà, nghề gì thầy có thể làm được thì làm, miễn có tiền nuôi vợ nuôi con thì thôi. Song hại thay! Thầy đi kiếm chỗ làm ngót một tháng trường, bao nhiêu đồ nữ trang của vợ cầm ăn không còn sót một món, thế mà vẫn thất nghiệp luôn. Vì vậy nên thầy thối chí buồn rầu vô cùng, thầy không thèm đi đâu nữa hết, lòng không muốn sống trong cái cảnh đời khát khe này chút nào. Thầy nói:

– Muốn làm ông làm cha thiên hạ thì không được đã đành; chớ đi làm đầy tớ cho người ta để kiếm hột cơm thừa mà cũng không được, thì thế sự đã cùng đồ đi rồi!

Cô Hạnh cũng nát ruột, bầm gan vì cảnh ngộ. Cô nói:

– Thôi để tôi mua bán kiếm lời xài đỡ nghe mình?

(1) *Đồ măn*: *demande*: giấy đề nghị, yêu cầu (NBS)

(2) *Planton*: tuý phái (NBS)

– Vốn đâu mà mua bán? Lúc này mấy nhà buôn to còn phải ngất ngơ thay! Huống gì mua gánh bán bưng ngoài chợ, bán lời được bao nhiêu không đủ dâng cho ba con doi quạ nó ăn, còn đâu mà nuôi chồng nuôi con? Mà muốn ra làm cái nghề ấy cũng không phải là dễ, cần phải khôn ngoan lanh lợi, tay bằng miệng, miệng bằng tay mới được; lời thôi chúng nó ăn qua trên đầu đi! Bây giờ chỉ còn có một nước...

– Nước gì?

– Nắm gọng!...

– Cũng không được, đi kéo xe mà ốm yếu như mình đó thì chịu sao cho nổi với sự nắng hạn mưa dầm, đường dài sức mòn? Mà xe kéo lúc nào kia! Chớ lúc này ai ai cũng lo đói, đâu có dám phung phí như hồi trước nữa. Bây giờ chỉ còn có một hạng giàu mới có thể đi được mà thôi, mà nhà giàu thì ít lắm.

Thầy Thông châu mày:

– Mình có chữa gân ngày, không biết bữa nào đẻ; còn tôi chưa đóng giấy thuế thân năm nay, con thì tay bồng tay dắt, nhà cửa chẳng còn, nghề nghiệp cũng không, tiền vắng hoe, chẳng còn được một đồng dính túi. Khổ cha chả là khổ!

Linh Chi nói đến đây thì rung rung hai hàng lệ thảm, cô Hạnh cũng ứa nước mắt theo chồng...

Thầy suy nghĩ hồi lâu rồi nói:

– Thôi để tôi về Vĩnh Long vài bữa nghe mình?

– Mượn chác chi của cô bác khó lòng! Tôi là một đứa bơ vơ lưu lạc, không biết cha mẹ là ai; rồi mình cũng mồ côi cha mẹ, thiệt chẳng khác nào một chiếc thuyền con ở giữa dòng sông rộng, hễ gặp sóng to thì thấy nguy ngay. Mình tuy còn bà con cô bác; tục ngữ có câu: *Giàu cha giàu mẹ thời ham, giàu cô với bác ai làm nấy ăn!*

– Nhưng mà ông bác tôi cũng dễ chịu lắm!

– Dễ chịu là vì từ hồi nào tới giờ mình không có mượn chác xin xỏ gì của bác...

– Dầu thế nào mặc lòng tôi cũng về dưới mượn vài trăm xài đỡ, chừng nào không được sẽ hay.

– Ừ đi thì đi thử một chuyến coi!

Tối lại quả nhiên thấy giang xe đò về Vĩnh Long thiệt, thấy về dưới đặng thất lễ nào không biết; bữa sau thấy trở lên thì cửa đóng then gài, vợ con thấy bỏ nhà đi đâu mất.

Thấy lầy làm lạ, bèn chạy qua nhà một người đàn bà góa ở gần đó là bà Tư Thanh mà hỏi thì mới hay rằng vợ thầy chuyển bụng đẻ hồi hôm, đã đem đến một nhà bảo sanh kia rồi.

– Nguy đến nơi! Nguy đến nơi rồi!

Thầy gãi đầu bứt tai nói bấy nhiêu lời rồi tức tốc đi lại nhà bảo sanh... Đến nơi, thấy vợ sanh thêm được một trai, mặt mày ngộ nghĩnh, thấy thương con mà nổi sầu lo càng tăng thêm. Cô Thông hỏi:

– Sao? Mình về dưới bà con cô bác đối đãi mình cách nào?

– Mọi lần mình còn khá thì về dưới ai cũng niềm nở tử tế, hỏi thăm này nọ lắng xãng. Kỳ này tôi về cũng tỏ thiệt cái cảnh nghèo của mình ở trên này, tưởng rằng bác tôi động mỗi thương tâm mà giúp đỡ cho nhiều ít; chẳng dè bác thấy mình sa sút, ăn mặc lôi thôi thì đem lòng rẻ rúng, cười nói khác thường, khinh rẻ tôi quá. Tôi thấy nhơn tình nhà bác như vậy nên bất nhẫn trong lòng, tôi chẳng thềm nói đến việc vay mượn, lại trở về không. Mà khổ! Không tiền về xe, may gặp anh chauffeur xe T.Đ.N cho tôi quá giang về đây. Thiệt tôi cảm ơn anh đó quá...

– Tôi biết lắm! Biết nhơn tình con người ta lúc mình có tiền thì họ nâng mình lên cao, khi mình sa cơ khốn đốn họ coi mình như giẻ rách... Bây giờ tôi muốn mình lui về nhà quê kiếm ruộng cày sâu

cước bẫm kiếm cơm ăn cho qua ngày; chớ tôi nhăm thế khó mà sống đòi được trong chốn phồn hoa đô hội này nữa?

– Ôi thôi! Đừng tính tới việc ruộng nương nữa. Đi khẩn đất thì mình không thể khẩn được; mướn ruộng mà làm thì tiền đâu mà mướn? Vì dầu có mướn được cũng không được lời lóm gì, mình còng lưng dầm mưa dãi nắng, làm mọi cho mấy ông chủ điền, tới mùa đông lúa ruộng rồi thì chỉ còn lời ba cái buổi buổi! May là đủ kiếm cơm ăn làm mùa tới là cùng. Giá lúa như mọi năm còn chẳng thấy gì thay! Năm nay mùa màng thất bát mà giá lúa lại rẻ mạt bán không được, chớ phải được cũng còn dễ thở. Mấy ông đại điền chủ lúc này lúa chứa đầy lẫm để cho một ăn mà không có tiền xây dựng phải đi vay bạc Chà xài dờ. Thậm chí có nhiều ông không tiền đóng thuế điền, bị chủ tỉnh đòi lên bắt xuống năm bảy phen, túng thế phải đem bằng khoán cầm để lấy tiền đóng thuế!...

– Cha! Tình cảnh nông dân năm nay chẳng khác gì tình cảnh của vợ chồng mình bây giờ há! À còn mấy người đấu giá công điền?

– Ôi! Mấy người đấu giá công điền năm nay họ kêu trời như bộp! Thi dụ như một sở công điền chừng mười mẫu, họ dám đấu giá đến bảy tám trăm đồng, họ bỏ ra vài trăm nữa đặt mướn công cấy công mạ. Nếu trúng mùa thì được mười thiên hoặc mười thiên rưỡi không chừng, số lúa ấy mà gặp giá lúa như mọi năm thì có thể bán được từ một ngàn ba trăm đồng sắp lên, hoặc một ngàn tám trăm đồng sắp xuống. Tính tiền mướn ruộng và cơm ghe bè bạn hết thảy chừng một ngàn đồng, thì họ cũng còn lời được mấy trăm. Năm nay thất mùa, mười mẫu ruộng gặt không được sáu thiên lúa, giá lúa chỉ có năm sáu cắc một gia, đã vậy rồi bán chẳng ai mua...

– Vậy rồi họ làm sao?

– Phải bán vợ đợ con, cầm vườn thế đất mà đóng cho đủ chớ sao?

– Rồi những người không có vườn đất?

– Thì người đứng bảo lãnh phải chịu bồi thường, rồi người bảo lãnh xâu xé lại người mượn ruộng mà trừ. Theo lệ đấu giá thì ba năm mới mãn hạn, phá ra cho nông dân đấu lại; năm nay ai vô phúc vương phải ruộng công điền thì phải công lưng mà đóng luôn cho đủ ba năm như vậy!...

– Trời ôi! Họ chịu sao thấu? Nhà nước không châm chế cho họ sao?

– Tôi có thấy châm chế gì đâu! Chỉ thấy nhiều người vì cái nạn công điền năm rồi mà bây giờ phải tán gia bại sản. Tôi về dưới trở lên đây chỉ ngồi trên xe hơi mà nghe bộ hành họ than phiền cũng đã thâm. Nếu có đi đến trong chốn thôn quê, tiếp xúc với bọn nhà nghèo thì chắc là mình còn thấy nhiều sự đau đớn hơn nữa. Cũng vì cái nạn nghèo đói đó cho nên chủ nghĩa cộng sản mới dễ đâm chồi nảy mộng ở xứ ta. Nhon cùng tắc biến, đói rách quá rồi việc gì mà chẳng dám làm, không làm... thì cũng vì cái nạn đói mà chết! Cho nên chỗ này nổi lên biểu tình, chỗ khác làm cách mạng, trộm cướp lung tung. Bọn có quyền thế thừa lúc rối rắm này mà húng hiếp dân lành để bóc lột cho đầy túi mình... Tình cảnh của bọn bình dân năm nay thiệt là đồ khổ, nói ra khôn cùng. Nhưng người họ muốn sanh sự này kia đó, có phải là ngu dại gì mà không biết lượng sức họ! Họ biết sức yếu tay không khó mà cự nổi với súng đồng trái phá, họ biết lắm chứ. Song vì họ gặp tình cảnh cùng khổ quá, sống mà không cơm ăn no, không áo mặc ấm thì sống làm gì! Họ muốn chết, song không lẽ họ cầm dao mà tự sát, nên chẳng thà họ gây nên việc lớn... mà chết, cái chết ấy có ý nghĩa, cái chết ấy đáng chết hơn... Họ mượn võ lực của chánh phủ mà đưa hồn họ về thế giới khác cho khỏe thân...

– Thôi! Mình đừng kể tới chuyện đó nữa, tôi đau lòng lắm. Bây giờ mình dắt hai đứa nhỏ về nhà nấu cơm cho nó ăn, mọi giờ chỉ uống có vài tách sữa của cô Mụ cho, chứ chưa ăn gì hết.

– Mình còn xu nào đó hôn?

– Còn gì đâu! Hồi hôm tôi xuống đây phải mượn của bà Tư Thanh hết hai cắc để trả tiền xe kéo...

Linh Chi úa nước mắt từ giã vợ dất hai đứa nhỏ về nhà. Thấy lấy manh chiếu trải dưới đất cho chúng nó ngồi chơi; đoạn thấy vào trong vét khạp gạo còn được vài nắm, bèn bỏ vào nồi vo sạch rồi bắc lên bếp mà nấu. Một lát cơm chín, thấy nhắc lên xúc ra cho hai con ăn, đứa lớn tự nó ăn lấy, còn đứa nhỏ thấy phải và mà dứt cho nó. Bữa cơm của hai đứa nhỏ hôm nay: thấy Linh Chi chỉ chan nước mắt cho chúng nó ăn, chớ chẳng có dưa muối tương rau gì cả, thế mà chúng nó đói bụng rồi ăn coi cũng ngon lành quá!...

Hai đứa nhỏ ăn xong, thấy vét nồi cạo cơm cháy còn được đâu một chén sét! Chén cơm ấy là phần của thầy, thấy bung lên toan ăn, chẳng rõ thầy nghĩ sao mà rung rung nước mắt rồi nhẹ nhẹ để chén cơm xuống, thấy ngồi khoanh tay mà ngó chén cơm...

Hai đứa nhỏ thấy thầy mếu miệng muốn khóc thì chúng nó lại cười rồ lên! Thấy thấy hai con còn thơ dại, ăn chưa no lo chưa tới, cái cảnh khốn cùng đã hiển hiện ra trước mắt, thế mà chúng nó không biết, lại hơn hờ vui cười, khiến cho thầy càng đau lòng xót dạ hơn nữa.

Hai đứa nhỏ cười giỡn một hồi rồi ngủ quên mất. Thấy thì vẫn còn ngồi khoanh tay mà nhìn chén cơm, cho đến chén cơm khô queo nguội ngắt mà thầy cũng chưa chịu ăn! Tại sao vậy? - Không phải không có cá thịt mà thầy ăn không được. Không! Không! Đứng vào cảnh ngộ của thầy bây giờ cầu có cơm lạt mà ăn, thầy dám đâu dèo bông những món ngon vật quý nữa. Thấy thèm chén cơm lạt ấy lắm, thầy thêm nhều nước miếng đi lặn! Nhưng thầy lo rằng nếu thầy ăn đi, lát nữa hai đứa nhỏ kêu đói thì thầy biết lấy chi mà chạy cho chúng nó? Vì vậy mà thầy nuốt không vô, thầy ăn không đành!

Thầy đói quá nên ngất đi, rồi gục đầu xuống đất mà ngủ. Thấy vừa thiu thiu ngủ, bỗng nghe có tiếng táp xộc xộc, thầy giật mình thức dậy thì hơi ôi! Một con chó con ở đâu lén tới mà ăn chén cơm

quí hóa của thầy, khi ấy nó liếm đã gần sạch. Thầy giận quá, vội vàng đứng dậy, con chó chạy, thầy rượt theo vác đá liệng trúng chết tươi! Thầy trở vô nhà lằm bằm nói:

– Con chó này bất nhơn thiệt! Sao không tới nhà giàu mà kiếm ăn? Minh gia tài còn có một chén cơm lạt, không dám ăn để dành cho con, nó lại dám cả gan liếm sạch của mình!

Ban đầu thầy vì mất chén cơm, tiếc quá, nên thầy giận nóng mà đập con chó chết và nói như vậy; nhưng một hồi lâu thầy nghĩ lại: “Minh đói mình biết kiếm ăn, thì loài vật đói, nó cũng biết kiếm ăn như mình. Tục ngữ có câu: “Chó treo mèo dầy”, mình hơ hòng thì nó ăn, nó có biết phải quấy gì mà hòng chừa cho mình? Chính loài người là loài khôn hơn muôn vật đây, có lẽ nghi phong hóa đây, có khi chỉ vì miếng ăn mà còn sát phạt lẫn nhau thay! Huống hồ gì cái thứ chó! Nếu mình giận nó thì chẳng là mình ngu hèn lắm sao?”

Thầy biết nghĩ vậy nên không còn giận nữa mà trở lại thương hại cho con chó...

Vì cái tình cảnh khó khăn bao bọc quanh mình thầy, nên giờ này thầy đau đớn khó chịu lắm; cái đau đớn của thầy không bút mực nào mà tả ra cho hết nỗi bi ai thống thiết được. Thầy nghĩ sao không rõ, lại đóng cửa lại, để hai đứa nhỏ ngủ trong nhà, rồi thầy đi đến nhà bảo sanh. Vừa bước vô phòng, cô Hạnh liền hỏi:

– Minh với hai đứa nhỏ đã ăn uống gì chưa?

Linh Chi nghe vợ hỏi thì không thể cầm được nước mắt. Đáp rằng:

– Đã có... có ăn cơm rồi!

Cô Hạnh biết chồng bụng trống, song sợ cô đau lòng mà chẳng chịu nói thiệt đó thôi. Còn cô thì cô cũng lo lắng lắm, lo đầy tháng không tiền đền ơn cho Mẹ, lo chồng con đói, lo không nhà cửa nương thân. Lo đủ điều lo. Bao nhiêu cái nỗi buồn lo dồn dập lại, có thể làm cho cô đứt từng đoạn ruột, nát từng mảnh gan đi được! Nhưng chỉ

chan chứa trong lòng mà chẳng dám than phiền, vì e rằng chồng cô đau đớn quá rồi sanh ra cuồng tâm lãng trí đi chẳng?

Linh Chi cầm tay vợ mà nắm riết lại, một hồi lâu thấy hun vào mặt vợ hai ba cái bằng một cách đậm đà, mấy cái hun ấy hình như có ý nghĩa từ biệt, có lẽ mấy cái hun ấy là mấy cái hun lần cuối cùng chẳng?

Một lát thấy chia tay ra về, mà trong lúc chia tay đó thấy tỏ ý dằn dúi lắm, thấy bước chơn ra khỏi cửa phòng còn day lại nhìn mặt vợ mà dằn vói rằng:

– Minh ráng mà dưỡng an quý thể và săn sóc thằng nhỏ mới đẻ đó nghe mình!...

– Dạ! Tối mình xuống hôn?

– Xuống chớ...

Về tới nhà, thấy hai đứa nhỏ còn ngủ, thấy không muốn làm động cho chúng nó thức dậy, nên nhẹ gót đi thẳng ra đằng sau. Thấy kiếm khúc dây rồi trở nên thấy thắt vòng, treo lên sà nhà, thấy nhắc một cái ghế đầu bắc ngay đó đoạn thấy bước lên đứng trên ghế, tay cầm sợi dây oan nghiệt mà than rằng: “Trời ôi! Tôi chết! Chắc là vợ con tôi cũng phải chết theo tôi! Rất đổi tôi là đàn ông đây mà còn chịu vô phương thúc thủ... Huống gì vợ yếu con thơ của tôi? Tôi chết để thảm để sầu lại cho vợ con, tội nghiệp vợ con tôi biết chừng nào? Trời đất ôi! Lòng nào đi nữa... Nhưng mà... nhưng mà tôi không thể gì sống gượng được, một chết, hai cũng phải chết mà thôi. Hiền thê em ôi! Hãy ở lại mà nuôi ba con đại nghe!...”

Thấy nói dứt lời liền đứt đầu vào vòng. Thấy toan phải rồi nợ thế; nhưng đời thấy còn nặng kiếp trần ai, nên khi đứt đầu vào vòng, thấy đập ghế ngã, cái vòng siết cổ thấy lại, thấy thấy trắng xuống nặng quá, sợi dây mỏng mảnh nên phải đứt đi, thấy rơi xuống đất một cái đui. Tuy khỏi gãy tay lợi chơn, nhưng cũng đau điếng!

Hai đứa nhỏ đang ngủ, bỗng giật mình thức dậy, chúng nó khóc

ré om sòm, thấy vội vàng tuốt dây ra khỏi cổ rồi chạy lại ôm con mà dỗ; nhưng dỗ hoài mà chúng nó cứ khóc chèo chèo mãi, thậm quá rồi thấy cũng khóc theo chúng nó!...

Khóc đã thêm rồi thấy lau nước mắt mà nói một cách bậm trợn rằng: "Tội gì mà phải chết? Vật thực trong vũ trụ là của chung của tạo hóa để cung cấp cho vạn vật, nuôi sống muôn loài; chứ có phải là của riêng của giống nào hay hạng nào đâu! Có sao kẻ ăn không hết, kẻ chẳng có mà ăn. Có phải... họ ỷ sức mạnh mà cướp miếng ăn của kẻ yếu hay không? Ôi! Cái kiếp tang thương để cho hạng bình dân chung chịu; mà phần sung sướng lại về ai?... thiên đường là đâu mà địa ngục lại là đâu? Sài Gòn ta đây có thể gọi Thiên đường mà cũng có thể gọi Địa ngục được. Sài Gòn là thiên đường của bọn tham lam tàn bạo; Sài Gòn là địa ngục của kẻ đói rách cơ hàn. Kìa những kẻ quần áo nhồn nha, lên xe xuống ngựa, nếu chẳng phải tiên ở thiên đường là gì? Kìa bao nhiêu thợ thất nghiệp, đói rách lắm than như ta, nếu chẳng phải là ma ở địa ngục là gì? Ôi! Cũng ở chung trong một thành phố, sao ta đói mà họ no? Ta ốm mà họ mập...? Trong hạng tư bốn kia, trừ một số ít người nhờ mồ hôi nước mắt mà làm nên sự nghiệp ra; còn bao nhiêu thì toàn là kẻ khôn ngoan xảo quyệt, dùng cái thủ đoạn ác độc, chặt đầu lột da thiên hạ mà nên cửa nên nhà, chứ có phải tại họ giỏi hơn mình đâu? Họ chỉ hơn mình có cái ác. Chúng nó rõ ràng là kẻ cướp ban ngày, thế mà có pháp luật bảo hộ chúng nó, dư luận thường tình cũng sai lầm mà tán dương chúng nó. Ôi! Tình đời đen trắng, thế sự lú lăng nói ra không cùng. Bọn họ là kẻ cướp, ta bây giờ thử đi cướp lại của họ, đem về nuôi vợ nuôi con, găm lại cũng không tội lỗi gì? Ví mà có tội thì cũng còn nhẹ hơn tội của họ! Bởi họ cướp nhiều mà ta cướp ít, họ cướp của kẻ hiền lương đại độ, mà ta cướp của đứa bạo ngược tham tàn!..."

Bấy giờ hai đứa nhỏ đã thôi khóc, thấy bèn khóa cửa lại, dắt hai đứa nhỏ lại nhà bà Tư Thanh mà gọi. Rồi bỏ nhà đi đâu mất...

Nói về cô Hạnh, tối hôm ấy cô không thấy chồng tới thăm thì cô

đã lấy làm lo, kể sáng hôm sau bà Tư Thanh lại dắt hai đứa nhỏ đến giao cho cô, thì cô càng lấy làm lạ hơn nữa. Cô hỏi:

– Ở nhà tôi đi đâu? Đi hỏi nào? Có nói cho đi biết không?

– Thấy đi hỏi năm giờ chiều hôm qua, thấy mượn tôi coi chừng giùm hai đứa nhỏ, thấy nói thấy đi một lát thấy về, không dè thấy đi biệt, báo hại hai đứa nhỏ khóc hết nước mắt, tôi phải nấu cơm mua bánh cho nó ăn, tôi tưởng thấy ở đâu dưới này chứ! Bây giờ tôi có chuyện gấp cần phải đi xa, nên tôi đem giao lại cho cô.

Cô Hạnh chưa kịp hỏi thăm thêm và tỏ lời cảm ơn thì bà Tư Thanh đã vội đi ngay! Cô nhìn ba con mà than rằng “Minh ôi! Minh đi đâu mà bỏ mẹ con tôi thân sơ thất sở như vậy? Minh đi đất nào mà không nói cho tôi biết! Như thế này chắc là mẹ con tôi phải chết chứ sống sao được?”

Chiều lại, cô lại tiếp được một bức thư của chồng, do một người tù mãn án đem đến. Cô chưa xem đã hồi hộp trong lòng rồi. Chừng mở ra xem thì:

“Hiền thê em ôi! Trong khi em tiếp được bức thư này thì hẳn tôi đã xa chơi cõi lạ...”

Mới xem được có bấy nhiêu thì cô đã thất kinh rụng rời, cô ngất đi một hồi lâu. Khi cô tỉnh lại vừa mếu máo vừa xem tiếp:

“Vì cái cảnh nghiêng nghèo thất nghiệp, cùng tri rồi tôi mới tính đi cướp của nhà giàu để đem về xài đỡ, chẳng ngờ của người ta tôi chưa cướp được mà tôi đã ngồi tù! Về cái tội chưa đóng giấy thuế thân!

«Than ôi! Vợ yếu, con thơ một bầy chiu chút, không nhà cửa, vô nghiệp nghề, tôi thì ngồi tù mà hiền thê lại nằm chỗ. Tình cảnh ấy, ruột nào mà chẳng nát, gan nào mà chẳng kinh? Tôi không thể sống mà nhìn cái thảm trạng gia đình ta nữa; nên sau khi tôi viết thư này thì tôi liền tự tử. Tôi vẫn biết tôi mà chết đi thì hiền thê và ba con phải chịu lấy cái kiếp cùng khốn trót đời, hoặc là chết theo tôi; tôi

muốn sống lại để chia buồn sẽ khổ cùng vợ con mà không sao sống được.

«Hiền thê chớ khá nghĩ gì đến tôi nữa, hãy chọn một người đúng đắn mà trao thân và nuôi dạy ba con cho khôn lớn nên người, ấy là tròn cái bổn phận làm vợ.

«Một tấm lòng son, vài hàng tâm huyết, kính chúc hiền thê và ba con ở lại bình yên...”

Phạm Linh Chi tuyệt bút

Cô đọc hết bức thư rồi kêu chồng mà khóc rằng: “Minh ôi! Chết sao chết đành chết đoạn vậy mà chết? Mình không thể nhìn cái cảnh vợ khóc con than mà hủi thân; tôi há lại tiếc mình không chết theo mình cho trọn tiết hay sao? Tôi không thể nào thân này cho người khác mà riêng hưởng hạnh phúc một mình đâu!”

Cô than đến đây rồi khóc, hai đứa nhỏ cũng khóc theo. Hồi lâu cô lau nước mắt mà nói thảm rằng: “Khổ tâm biết chừng nào! Tôi chết đi rồi bầy con tôi đây lấy ai mà dưỡng nuôi đùm bọc cho chúng nó? Mà cái giá để nuôi con thì phải mang tiếng gái hai chồng... Mặt mũi nào đi làm như vậy?... Mình chẳng nên viện cái lẽ vì ba con mà phải cái giá...”

Tối đêm hôm ấy cô đang buồn rầu than thở... bỗng thấy một bì thư từ ngoài ném vào phòng. Cô vội vàng móc ra xem thì thấy một bức thư chữ đánh máy, lại có kèm theo một tấm *giấy xăn*⁽¹⁾! Cô lấy làm lạ, nói thảm rằng: “Ai làm cái gì quái gở vậy kia! Bạc này để làm gì? Còn thư nói cái gì đây?” Cô xem thư:

Thưa cô:

“Thấy cái kiếp người của bốn mẹ con cô quá ư khốn đốn như vậy, nên tôi không thể làm mất lớp tại nơ mà bỏ qua những dịp nên thi ân như vậy. Vậy xin giúp cô một số bạc nhỏ mọn này để cô tiêu dùng đỡ trong cơn túng ngặt.

(1) *Giấy xăn* (cent): giấy một trăm đồng (NBS)

«Xin cô chớ khá từ nan... như cô bây giờ đây, tôi tưởng lại cũng nên kiếm chồng làm ăn mà nuôi ba đứa con nhỏ chớ chẳng nên vì cái tiết nhỏ mà bỏ nghĩa vụ lớn. Cô cái giá là gặp việc biến phải quyền; cô hủy mình mà bỏ con ấy là một cái tội lớn. Cô hãy cân phân đi!

“Một dạ đinh ninh... mấy lời vàng đá, mong cô xét tấm tình si!...”

Ký tên: Đ.H.H.

Cô Hạnh đọc hết bức thư ấy rồi nói lẩm nhẩm rằng: “Không dè thằng khốn kiếp này đến ngày nay mà nó còn đeo đuổi theo mình! Cái sắc đẹp của ta nó có thể làm cho Đặng Hào Hoa mê mẩn cả linh hồn đến thế ư? Hồi mình còn con gái nó muốn mình mà không được, đến chừng mình có chồng, mình đi đâu nó cũng theo mà chọc mình! Nó biết mình nặng lòng chặt dạ thủ tiết với chồng, nên trót năm nay nó không dám ngó mặt mình nữa. Rồi bây giờ nó thừa cơ mình túng rối, gặp cái cảnh khó xử, toan dùng kim tiền mà mua lòng mình. Ôi! Thanh niên mà như thế! Thanh niên chỉ say mê vì nữ sắc, không biết nghĩa vụ làm trai, thì giang sơn tổ quốc về tay kẻ ngoại bang mấy trăm lần cũng chưa đáng, nói gì mới mất có một lần!...”

Cô nói đến đây rồi để bức thư và bạc lên cái bàn rửa mặt ở cạnh đầu giường. Kế thấy Đặng Hào Hoa đẩy cửa bước vào! Anh ta cúi đầu chào cô bằng một cách rất lễ phép. Cô Hạnh cũng chào lại rồi hỏi:

– Chẳng hay thầy đến đây có việc chi?

Hào Hoa ra dáng thẹn thò ngơ ngẩn đáp rằng:

– Bởi có việc... nên tôi mới chẳng quản sự hổ han mà đường đột vào chỗ không nên vào như vậy. Vậy tôi xin cam chịu lỗi cùng cô, cô mở lượng hải hà mà dung thứ một phen...?

– Không! Tôi đâu dám bắt lỗi bắt phải với thầy! Bây giờ tôi muốn biết thầy đến đây có việc gì?

– Thiết tưởng tôi không cần nói ra, cô cũng chán biết, có hỏi mắc tôi làm chi tội nghiệp?

Đặng Hào Hoa vừa nói câu này mà vừa ứa nước mắt! Cô Hạnh nói:

– Tôi biết! Song tôi không dám chắc cái biết của tôi đó có trúng ý thầy hay không...

– Cô biết thế nào xin cô nói cho tôi nghe thử?

– Nói ra ngại lời quá, tôi không muốn nói. Thầy có việc gì thì cứ nói cho tôi nghe!

Hào Hoa ngẩn ngừ giây lâu mới chịu nói:

– Tôi giúp cô số bạc một trăm đồng đó!...

– Ạ! Vậy sao hồi nãy thầy không đem vô, lại đứng ngoài mà liệng vào? Rồi bây giờ thầy lại phải mất công vô một lần nữa. Trong lúc tôi gặp hoàn cảnh khó khăn mà thầy ra tay tế độ như vậy, thiệt khiến lòng tôi cảm động vô cùng. Ôn thầy tôi không khi nào dám quên, tôi xin cảm ơn thầy và trân trọng mà nhận số bạc quý hóa ấy!

– Nhận rồi sao nữa?

– Thầy hỏi cái đó mới là lạ đa! Thầy thi ân chớ có phải cho tôi vay bạc đâu mà hỏi sự ấy. Còn tôi, tôi nhận của thầy, ngày nào tôi khá tôi sẽ đền ơn cho thầy, vừa rồi tôi đã nói rằng ơn thầy tôi không dám quên mà!

Hào Hoa thẹn lấm, song gượng cười mà hỏi:

– Mà cô đền ơn bằng cách nào chớ?

– Thầy giúp tôi tiền, chừng tôi đền ơn thầy thì đền ơn bằng *bạc* chớ lạ gì mà hỏi!

– Đền ơn bằng *bạc*...! Nói vậy cô không biết tôi giúp cô là có ý gì hay sao?

– Không! Tôi chỉ tưởng thầy là một người có lòng nghĩa hiệp,

thấy mẹ con tôi đói rách thì động mỗi từ tâm mà giúp đỡ cho nhiều ít, chớ tôi không dám ngờ thầy có ý gì tất cả!

– Tại cô không muốn biết chớ! Cũng vì cô mà trong bấy lâu nay tôi phải nuốt đắng trên cay, ăn chẳng biết ngon, nằm không an giấc, ôm ấp một khối tình rất nặng. Sao cô chẳng nghĩ rộng xét xa mà thương xót đến tôi? Hôm nay tôi đến đây không có chi khác hơn là yêu cầu cô cho được một tiếng “ừ”; chẳng ngờ cô lại lấy sự khinh bạc mà đối đãi với tôi, thiệt tôi buồn lòng lắm! Trước chồng cô còn, không lẽ cô phụ lòng chồng cô mà ngoại tình với tôi, ngày nay chồng cô đã tự tử trong khám đường rồi, dầu cô có khóc đến cạn nước mắt cũng vô ích, con cô một bấy ba đứa, mà chẳng chỗ nương thân. Vậy xin cô cho phép tôi được cái hôn hạnh... chấp mỗi tờ thừa, thì ba đứa nhỏ kia tôi hết lòng bảo bọc chúng nó?...

Cô Hạnh cười gay gắt mà rằng:

– Tôi lấy làm thương hại cho cái tuổi thanh niên của thầy! Thanh niên nước người ta lấy cái chết nơi chiến trường làm vinh hạnh. Thanh niên nước mình lại say đắm trong biển tình! Làm trai mà như thế sao chẳng biết hổ với bọn liễu bỏ nhược chất? Hồi trước chỉ có hai chị em Bà Trưng mà khôi phục được giang san tổ quốc; ngày nay hai mươi lăm triệu con người *lưng dài vai rộng* mà lại cam tâm làm kiếp ngựa trâu? Là vì thanh niên ta phần nhiều đều có cái dục vọng như thầy hết? Chồng tôi chết, đáng lẽ thì thầy giữ giùm cho tôi được trọn tiết cùng chồng mới phải. Vì chồng tôi với thầy vốn là anh em học một trường. Mà vì dầu thầy đối với chồng tôi là một người không quen đi nữa, thầy cũng phải biết trọng danh dự thầy, chớ có lẽ nào thầy mong làm chuyện quái gở như vậy? Tôi nói cho thầy biết rằng: chữ *tiết* của tôi tuy không đáng giá là bao, song thầy đối hết *sự nghiệp* của thầy tôi cũng không thêm đối nữa, đừng nói trăm đồng bạc đó!

Nghe mấy lời sâu sắc đó, dường như Hào Hoa đã hồi tâm tỉnh ngộ, có vẻ ăn năn:

– Thôi cô chẳng nên nhiều lời cay đắng với tôi làm chi. Tôi xin cô thứ lỗi cho tôi và nhận trăm đồng bạc này là đã làm cho tôi vui lòng?

– Thấy biết ăn năn cũng khá khen lắm đó, tôi cũng không trách móc gì nữa, song đồng tiền của thầy là đồng tiền phi nghĩa, thà rằng mẹ con tôi chết đói...

Đặng Hào Hoa làm thỉnh lấy thơ và bạc đi ra một nước! Cô Hạnh không thềm nói gì nữa, khóa cửa lại chặt chìa rồi nằm mà suy nghĩ...

Chủ nhà bảo sanh ấy là kẻ dưới tay của Hào Hoa nhà bảo sanh ấy được thành lập là nhờ tiền anh ta giúp. Cho nên anh ta mới được tự tiện ra vào như thế. Sau khi anh ta ra khỏi phòng cô Hạnh, thẹn thì cũng biết thẹn, mà bụng nghĩ lấy làm tiếc. Anh ta nói: “Ta làm thế này không được thì ta làm thế khác kỳ cho được việc... mới nghe!”

Một lát sau người ta đem cháo trắng vô cho cô ăn, mấy đứa nhỏ ngủ hết, một mình cô ăn; ăn vào không đầy hai phút đồng hồ đã thấy buồn ngủ! Ấy là cô đã ăn phải thuốc mê của Đặng Hào Hoa rồi!

Hào Hoa đứng ngoài rình xem, thấy cô Hạnh đã ăn lắm thì anh ta mừng lắm, tới chừng cô Hạnh mê man như người chết, anh ta mới rón rén bước vào, nhẹ nhẹ giở cái vạt áo vệt qua một bên, anh ta vừa với tay nắm mỗi quần lưng rút mà kéo, thì thỉnh lình có người chụp cánh tay của anh ta mà giật ngược ra đằng sau!...

Đây xin nhắc lại sau khi thấy Linh Chi gởi hai đứa nhỏ cho bà Tư Thanh ra đi. Thầy vừa đi vừa nói thầm rằng: “Lúc này đồng bào ta đang sống dở chết dở vì cái nạn kinh tế khó khăn, thế mà ba thằng Huê kiêu nó lại chuyên vận đồng tiền huyết mạch của ta về Tàu để đổi đồng dollarsặng kiếm lời thêm! Bọn này lợi hại thiệt! Thôi bây giờ mình đi tụ tập đồ đảng rồi vào Chợ Lớn coi thằng Chệc nào nhiều tiền lập thế cướp giật, may thì lấy ít chục ngàn đem về chia nhau xài chơi, bằng có rủi mà bị bắt thì cũng cam bụng chịu!”

Thấy tỉnh vậy mà chưa được thành công đi được một đôi, lính thấy thấy ăn mặc lôi thôi, bèn đón lại hỏi giấy thuế thân, thấy chưa đóng giấy năm nay nên bị lính điệu về bót! Thấy vừa đi theo lính lại vừa ước thầm rằng: “Chớ chi mình không có vợ con thì kiếm chuyện đánh lộn bậy bạ rồi vào khám ăn cơm Nhà nước chơi, lúc này ở ngoài không có công nghiệp làm ăn!...”

Khi thấy bị giam trong bót, nghĩ đến nỗi vợ con đói khát ở ngoài thì thảm thiết quá, gặp dịp có người măn án, thấy bèn viết một bức thư cậy người ấy đem ra cho vợ, rồi ngày sau thấy đập đầu vào tường mà tự vận. Máy người tù thấy, bèn giữ lại không cho thấy tự vận, song thấy quyết lòng tự vận nên vùng vẫy dữ lắm, làm huyền não cả khám. Lính gác nghe mở cửa chạy vào, ông cò nghe lộn xộn, vội vàng chạy đến nơi, ông bảo người lính dắt lên bureau cho ông hỏi. Lính Chi tỏ nỗi đuôi đầu. Ông cò thấy vậy thương tình, liền ra lệnh thả Linh Chi.

Được ra khỏi khám thấy cũng không vui gì, mà thấy cũng không chịu về nhà, thấy cứ đi bá vợ ngoài đường gặp nhà ngói nào thấy cũng ngó vô. Thấy đi cho tới bảy giờ tối, khi tới một con đường kia, thuộc về địa phận thành phố Chợ Lớn, thấy trong một tòa nhà nọ, nghe tiếng một người đàn bà đang đọc kinh Cao Đài. Linh Chi dừng bước lại, mắt trông vào nhà ấy mà nói thầm rằng: “Nhà này giàu lớn, lại có lòng ăn chay niệm Phật, chắc hẳn chủ nhà này nhơn đức lắm; nếu mình vô nhà này mà cướp của thì có lẽ không đến nỗi hại!” Thấy nghĩ thế rồi thì đường đột bước vào. Máy đưa ở tuy thấy thấy lạ mặt và quần áo lôi thôi, song vẫn cũng kính trọng như khách quý, chớ không có hèn khinh sang trọng như thường tình người ta; rồi đến bà chủ nhà lại càng có vẻ ôn hòa phúc hậu hơn nữa. Linh Chi thấy cả nhà từ chủ cho đến tớ, người nào cũng có đức hạnh hết thì thấy cũng phải lấy làm lạ và kiêng nể. Khi nãy thấy tỉnh làm ngang mà bây giờ thì không nổi!... Bà chủ nhà mời thấy ngồi ghế, rót trà mời uống tử tế rồi hỏi:

– Thầy đến đây có việc chi?

Linh Chi cứ sự thiệt mà thuật hết cho bà nghe rồi nói đại rằng:

– Thưa bà, bà thì giàu sang muôn hộ, của tiền ăn chẳng hết, còn nhà tôi nghèo nàn khổ sở, chẳng có mà ăn, vậy xin bà mở lượng từ bi giúp đỡ cho nhiều ít?

Bà ấy gật đầu suy nghĩ rồi lại hỏi:

– Cha mẹ thầy còn song toàn không?

– Thưa: cha mẹ tôi đều qua đời hết; còn vợ tôi thì lưu lạc từ nhỏ, cha mẹ bà con gốc gác ở đâu còn mất thế nào chẳng biết.

Bà chủ nhà nghe thầy nói thế thì đôi mắt lộ vẻ ngạc nhiên hình như có ý gì lạ:

– Thầy nói vợ thầy lưu lạc mà lưu lạc cách nào?

– Cha mẹ tôi nhưt sanh có một mình tôi, không có con gái, nên má tôi thương con gái lắm. Một bữa kia má tôi đi dạo chơi và mua đồ, tình cờ gặp một con nhỏ chừng ba bốn tuổi, nó đứng ngơ ngáo lối nhà hát Tây Sài Gòn, vừa mếu miệng khóc vừa kêu má ơi má ơi. Má tôi thấy con nhỏ sạch sẽ xinh xắn dễ thương thì liền bắt đem về làm con nuôi. Lúc ấy tôi được năm sáu tuổi gì đó, chúng tôi đều là bọn trẻ con cả, tuy vậy mà tôi cũng biết rằng con nhỏ ấy không phải con của má tôi đẻ, song chúng tôi thương nhau như anh em ruột. Tới chừng lớn lên cha mẹ tôi đều lần lượt qua đời, khi ấy tôi mới nói cho nó biết rằng nó không cha mẹ, song chẳng biết đâu mà tìm. Tôi mà nói cho nó biết như thế là vì tôi đã phát sanh ái tình! Nó cũng nhủ lòng thương tôi, rồi thì hai đứa cùng nhau kết duyên vợ chồng...

Bà chủ nhà ấy nghe nói thế lại càng lộ vẻ ngạc nhiên hơn nữa. Bà hỏi phăng tới:

– Thầy có nhớ lúc bà già thầy bắt con nhỏ đem về nó mặc bộ đồ gì không?

Linh Chi nghe hỏi thì sanh nghi, thầy trả lời rằng:

– Thừa không! Lâu ngày tôi không nhớ được. Mà bà hỏi như vậy là có ý gì? Hay là...

– Tôi hỏi như thế là vì tôi có mất một đứa con, mà mất tại gare xe điện Sài Gòn. Tôi vốn người Gò Công, khi tôi còn quê mùa có lên thăm một người bà con ở Chợ Quán, nhơn dịp tôi đi ra Sài Gòn chơi, có dắt con nhỏ theo; khi trở về lên xe điện, mà tôi lơ đãng quá, tôi nhè chuyển xe chạy vô Gia Định mà bước lên, tới chừng xe sắp sửa chạy, tôi thấy không phải đi trở về Chợ Lớn thì tôi mới hoảng, bèn lật đật leo xuống, thiếu chút nữa thì bị xe cán chết tươi, tôi chưa kịp bóng con nhỏ xuống thì xe đã chạy mau rồi! Chớ phải tôi biết khôn như người ta thì kêu xe kéo xuống gare Catitnat mà đón, cái này tôi cứ đứng đó mà khóc mãi; hồi lâu có người thạo việc biểu tôi mượn xe lô ca xông chạy theo đón mấy gare mà kiếm, thì con tôi đã bị ai bắt mất rồi. Tôi trở về Gò Công thì chồng tôi bảo tôi phải đi kiếm cho được con nhỏ, nếu kiếm không được thì nó giết chết. Tôi bèn đi khắp nơi mà tìm con, song tìm hết sức tìm mà cũng không được, tôi không dám về. Lúc ra đi chồng tôi có đưa cho tôi hai ngàn đồng làm lộ phí, đồ nữ trang của tôi cũng nhiều, tôi bèn lấy đó giữ vốn mua bán làm ăn mà gây nên sự nghiệp lớn ở đây. Từ đó tới giờ tôi tích đức làm lành, ăn chay niệm Phật, cầu cho được thấy mặt con tôi, cho được đoàn viên chồng vợ. Hôm nay tôi nghe thấy nói như vậy thì nửa mừng nửa nghi. Đâu thấy đưa tôi về đến nhà bảo sanh tôi nhìn coi phải con gái tôi không. À vợ thấy nội trên mặt có cái sẹo nào không?

– Ở trên mí mắt có một vết nhỏ!

– Thôi! Chính phải rồi! Phải rồi!

Bà chủ nhà nôn nao trong lòng hết sức, bà hỏi chauffeur⁽¹⁾ đem xe ra cho bà với Linh Chi đi Sài Gòn...

Đây xin nhắc lại Đặng Hào Hoa, mỗi đã tới miệng mà ăn không

(1) *Chauffeur*: tài xế, người lái xe (NBS)

được nên giận lắm, anh ta vừa thò tay vào túi quần móc súng sáu ra, vừa quay lại nhìn coi ai cho biết. Thì cái kẻ chụp tay anh ta chẳng ai đâu lạ, mà chính là chồng của người nằm trên giường kia! Còn Linh Chi thấy anh ta móc súng ra thì liền vỗ ngực mà rằng:

– Đây mày bắn tao đi! Bắn cho chết rồi lấy luôn vợ tao cho vừa lòng mày!

Hào Hoa xấu hổ then thương hết sức, khẩu súng lục buông rơi xuống đất, còn anh ta cũng tối tăm mày mặt đi.

Khi ấy bà nọ cũng bước vào vừa tới, hỏi:

– Cái gì đó?

– Tôi chưa hiểu đầu đuôi sao cả, mà chắc là nó thuốc vợ tôi cho mê đang hăm lén chứ gì.

Bà ấy vội vàng chạy lại nhìn cô Hạnh thì quả là con gái của bà thiệt. Bà mừng quá đổi, bèn tính tiền cho chủ nhà bảo sanh rồi lập tức đem con, rể, cháu ra xe hơi mà về Chợ Lớn... Tình mẫu tử, nghĩa phu thê, bấy lâu kẻ góc biển, người ven trời, nay đang đoàn viên một bữa, thì gấm lại còn gì vui bằng?

Còn Đặng Hào Hoa vì xấu hổ quá, nên khi tỉnh dậy về nhà thì anh ta liền tự vận...

Viết tại Sài Gòn ngày 8 Mai 1931

PHẢN BẠN VÌ TÌNH

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

PHẢN BẠN VÌ TÌNH

I

Tơ tình vương vấn

Chiều hôm ấy trời quang mây tạnh, không khí trong lành, trên đường xe cộ qua lại, hành khách đi, về rộn rịp. Trên con đường Paul Bert, có hai người thanh niên mặc âu phục, cặp tay nhau vừa đi xuống phía dưới Đất Hộ, vừa nói chuyện... Hai người ấy là Vương Lang và Võ Bá vậy, vốn là bạn học một trường lúc thơ ấu. Võ Bá là con nhà giàu có lớn ở tại Tân Định, cậu ta chơi bời phóng túng lắm, nên người tử tế chẳng ai ưa. Còn Vương Lang tuy nghèo hèn song tâm đức tốt, nên được nhiều người kính chuộng.

Sau khi ra khỏi nhà trường rồi thì Vương Lang về tổ quán, thuộc về hạt Gò Công, nên cách mặt với bạn đã lâu. Gần đây Vương Lang lên ở Sài Gòn có chuyện tư, một hai khi đi ra Tân Định thăm Võ Bá.

Hôm ấy trời chiều gió mát, Vương Lang đến nhà Võ Bá, nhằm lúc Võ Bá sửa soạn đi chơi, hai người bèn dắt nhau đi dạo. Hai người đương vui cười chuyện vãn với nhau, bỗng thấy có một cô thiếu nữ ngồi trên xe kéo, từ phía dưới Đa Kao chạy lên, cách trang điểm rõ ra con nhà sang trọng, còn hương sắc tuy không bì với Tây Thi, Trịnh Đán, song chẳng kém gì ả Chức, chị Hằng!...

Xe kéo chạy qua mặt hai người được một đổi thì ngừng lại, người thiếu nữ xuống xe móc tiền trả rồi bước vô nhà... Hai gã thiếu niên

ngoái cổ lại nhìn theo không nháy mắt, khi cô thiếu nữ vào nhà mất rồi, cả hai mới chịu quay đầu lại mà đi. Vương Lang hỏi Võ Bá rằng:

– Bạn ở gần đây mà có biết nàng ấy con nhà ai và tên gì không?

– Tôi không biết con ai và tên gì! Tôi chỉ biết nàng học tại trường của bà đầm kia... và nhà có đạo Thiên Chúa, mà bạn hỏi thăm làm gì?

– Không nói ra bạn cũng dư hiểu, ấy là trường tình của kẻ thiếu niên thấy gái sanh lòng ao ước chớ lạ gì!

– Bạn muốn sánh duyên cùng nàng ấy chăng?

– Nếu được may mắn như thế thì còn gì hân hạnh bằng! Nay bạn ôi, Nam Kỳ lục tỉnh thiếu chi gái giàu sang đức hạnh, mà lòng tôi không thương mến một cô nào. Hôm nay tình cờ gặp mặt người thiếu nữ này, chẳng rõ tôi với nàng có tiền oan tức trái gì với nhau không, chưa hứa hẹn một lời mà tơ tình đã vương vấn!

– Bạn nuôi cái hy vọng ấy trong lòng thì vô ích!

– Tại sao vậy?

– Bạn hãy tự xét lấy!...

Vương Lang nghĩ thầm rằng: “Chắc bạn Võ Bá nói ta nghèo không đáng xe tơ kết tóc với nàng ấy chớ chi!” Vương Lang mới nghĩ tới đó kể Võ Bá hỏi rằng:

– Sao bạn hiểu... chưa?

– Tôi đã nghĩ kịp rồi, song về sự sang hèn thì tôi chẳng lo...

– Không lo là vì lẽ nào?

– Vì nhà ấy có đạo, đã là có đạo thì tất nhiên biết lợi hại phải quấy, xét xa suy gần mà trọng nhơn nghĩa, khinh kim tiền. Nếu như thế thì dầu tôi có nghèo mạt như kẻ ăn mày đi nữa, mà lòng dạ tôi thẳng ngay, thì có lẽ người cũng đoái tình thương xót chớ?

– Nhưng đời này có mấy ai biết nghĩ như những lời bạn nói đó đâu!

– Cũng có kẻ vậy người khác, chứ không phải toàn là xấu hết. Đối với việc tôi đang muốn đây thì tôi chỉ lo có một điều...

– Điều gì?

– Nàng ấy nhỏ hơn tôi bốn năm tuổi là ít!

– Cái đó không hại, vậy chứ bạn không thấy nhiều ông lão già khản, mà còn đi lấy con nít đó sao. Nhưng tôi dám đoán chắc rằng bạn đeo đuổi thì thất công chứ chẳng ích gì! Giàu như tôi mà còn chẳng dặng thay!

– Té ra bạn cũng có tính việc trăm năm với nàng ấy à?

– Phải! Hôm trước nàng ở nhà thờ Tân Định về, tôi đón đường chộc thì bị nó nhiech!

– Muốn người ta thì phải làm thế nào cho rõ ràng, chứ làm như vậy thì khó coi quá!

– Vợ sờ sờ ở nhà đó còn làm rõ ràng gì nữa được!

– Té ra bạn tính dỗ nàng ấy chơi qua đường rồi thôi phải không?

– Vậy chứ sao!

– Bạn chỉ muốn cho phỉ tình sắc dục một mình bạn còn ai nhớ danh xú tiết mặc ai, nếu em út của bạn ở nhà bị ai làm thất trinh bạn có giận không?

– Giận làm quái gì! Nó không giữ để nó phải hư thì nó chịu!

– Tại mấy cậu trai già mồm mép chứ!

– Ồi mà bạn chẳng nên nói đông dài gì cả, đời này phải cạnh tranh mới được, vợ ai trác nét tôi chẳng tha, con ai hư hỏng tôi cũng lấy, miễn là cái kiếp xuân xanh của mình được khoái lạc thì thôi!

Vương Lang nghe mấy lời vô đạo của Võ Bá thì nói thảm rằng: “Thằng này hồi nhỏ tâm tính rất tốt, nên ta mới làm bạn với nó, chẳng dè ngày nay nó đã thay lòng đổi dạ rồi, mong tính chuyện bất lương. Con người như thế ta chẳng nên gần gũi làm chi, ta phải tránh xa mới được”.

Võ Bá thấy Vương Lang không nói gì, hình như là bất bình với những câu nói của mình, thì cậu ta liền sanh ác cảm với Vương Lang ngay bèn hỏi rằng:

– Bạn nói bạn muốn nàng ấy, rồi đây trước hết bạn làm cách nào?

– Tôi sẽ viết thơ tỏ tâm sự cùng cha mẹ nàng mà cầu hôn.

– Khó lắm!

– Khó dễ đều tại mình đủ chí cùng không đủ chí, mình muốn làm việc gì mà dám hi sinh cả thân thể để làm việc ấy, thì có ngày sẽ được. Hễ muốn thì được, *vouloir c'est pouvoir*⁽¹⁾!

– Nếu bạn muốn mà không được thì bạn sẽ tính với tôi làm sao?

– Tôi mà thất vọng tôi sẽ tự tử cho bạn coi.

– À a tôi cũng chống mắt để coi đời chơi!

Hai người bèn bắt qua chuyện khác mà đàm đạo, khi xuống gần tới cầu Bông, thì Vương Lang từ già Võ Bá, mà lên xe điện về nhà ở đường d’Espagne, gần chợ mới Sài Gòn, Vương Lang sở dĩ không ở chơi lâu với Võ Bá là vì không muốn gần người xấu nữa, chàng định rằng từ đó sẽ tuyệt giao với Võ Bá vậy.

II

Bè bạn thời nay!

Vương Lang đã vương nợ tình rồi chẳng khác gì trăm ngàn vòng tơ đang rối, không thể gì gỡ ra cho được. Đêm ấy chàng ta ngủ không yên giấc, cứ trằn trọc qua lại, và thấy dạng nàng kia hiện ở trước mặt hoài. Chàng ta bèn lấy bút mực viết một bức thơ “Cầu hôn”, tính gửi cho cha mẹ nàng ấy, nhưng không biết tên gì mà đề bao thơ. Sáng

(1) *Vouloir c'est pouvoir*: *muốn thì được* (NBS)

lại chàng dậy sớm đi ra Tân Định hỏi thăm những nhà ở gần bên đó thì mới biết cha của người thiếu nữ mà chàng đã gặp hôm qua tên là Sa, nhưng không biết họ gì. Song cũng để đại tên ấy và số nhà rồi đem về nhà dây thép chánh mà gửi theo cách Recommandée⁽¹⁾.

Vài ngày sau Vương Lang tiếp được một bức thư, chàng không biết tin lành dữ thế nào, nên được thư mà vừa mừng vừa sợ, khi khai phong thư xem thì thấy như vậy:

Tân Định, le 25 Aout 193...

Quân khiếp nhược,

Nếu mi có muốn con ta, thì phải có người xứng đáng tới cầu khẩn biết ta chịu chưa, có đâu mi dám làm điều tồi bại, mà viết thư yêu cầu này nọ. Mi sánh với con ta không khác gì tô sành chén kiêu, ai cho sen, muốn một bông, mà mi hòng đeo bông việc ấy!

Vậy mi hãy bỏ cái thói xấu ấy đi, đừng có ăn quen như thế nữa, mà có ngày phải mang nhục đấy!

Ký tên: SA

Vương Lang đọc hết bức thư rồi thì bán tín bán nghi nói thầm rằng: “Bức thư cầu hôn” của ta lời lẽ rất ôn tồn, ta cũng tỏ thật rằng ta không thể có người mai mối, là vì hoàn cảnh khó khăn của ta, nên ta mới đường đột như thế, gẫm không có điều gì trái với luân lý, cũng không tiếng chi xúc phạm đến người. Và lại nhà người có đạo, nếu không nhận lời ta yêu cầu, thì hủy thư ta là đủ rồi, có lẽ nào viết thư trả lời, mà dùng toàn những tiếng thô bỉ cộc cằn như thế. Chớ chi ta viết thư hoa tình lên gửi cho con gái người, mà người bắt gặp được thì nhục mạ ta đến thế nào ta cũng ưng lòng!... À, à hay là kẻ nào có tình cùng nàng ấy, mưu sự đoạt bức thư của ta mà xé đi rồi viết thư trả lời như vậy, đặt cho ta lui bước chăng?... Nhưng cũng không có

(1) *Recommandée*: thư bảo đảm

lễ thơ ta gửi theo cách *đảm bảo* (Recommandée) ai mà dám đoạt. Thiệt là khó nghĩ vô cùng!...

Nói về Võ Bá biết chắc thế nào Vương Lang cũng làm y theo lời nói chớ chẳng không. Cậu ta nói rằng: “Cái hoa quý ấy nếu mình không hưởng được thì mình cũng không để cho ai hưởng”. Vì cậu ta có cái ý ấy nên định từ đó trở đi theo rình mò coi Vương Lang làm cách gì cho biết. Sáng hôm sau cậu ta đi lên Chợ Mới đăng có thám thính Vương Lang, khi đi ngang nhà thờ nhà nước thì thấy Vương Lang trong nhà dây thép chánh bước ra, cậu ta đoán chắc Vương Lang gửi thơ cầu hôn. Bèn day mặt qua hướng khác rồi lên xe kéo mà trở về Tân Định. Võ Bá vốn có quen với người đi thơ miệt Tân Định, bèn tìm người ấy mà điều đình việc đoạt thơ cầu hôn của Vương Lang, người *facteur*⁽¹⁾ vì ham tiền nên không kể gì pháp luật. Quả nhiên chiều hôm ấy anh ta có đem đến cho Võ Bá một bức thơ Recommandée, chính là bức thơ cầu hôn của Vương Lang gửi cho thầy... Sa vậy, Võ Bá vui mừng khôn xiết, bèn mạo ký vào sổ mà lấy thơ và cho người *facteur* năm đồng bạc. Người *facteur* không đồ mồ hôi xót con mắt mà được năm đồng bạc thì mừng quỳnh, vội vàng xếp bỏ vào túi rồi lên xe máy mà đi. Võ Bá xé thơ của Vương Lang ra xem vừa đọc đi nhạo lại những yêu cầu thiết yếu của Vương Lang mà cười, lại xé nát đi rồi viết một bức thơ giả rằng của thầy... Sa trả lời cho Vương Lang. Cậu ta làm việc trái với lương tâm như thế mà lấy làm vui khoái lắm!

Vương Lang tiếp được thơ oan nghiệt của Võ Bá giả mạo, chàng nửa tin nửa ngờ chớ không có quả quyết là thơ của ai cả. Chàng lấy làm khổ tâm lắm, muốn dứt tình thương Hoàng Hoa mà không sao dứt được, đêm ngày vẫn thở dài than, ra vào những châu sa ruột thắt. Chàng muốn gửi luôn một bức thơ nữa, nhưng lại e người ta không nghĩ mà làm nhục mình, nghĩ vậy nên không dám viết thơ cầu hôn nữa...!

(1) Facteur: người phát thơ (NBS)

Lối mười một giờ rưỡi trưa ngày 28 Aoút.. Thấy Sa đang ở sau nhà, coi một đũa ở vun phân tưới nước cho cây cối trong vườn, bỗng nghe tin có khách đến, thấy vội vã đi ra ngay trước, thấy có một gã thiếu niên lạ mặt bận y phục Lang Sa, đang đứng tại hiên nhà mà chờ thầy. Thầy liền bắt tay chào hỏi rồi mời vào trong, hối sắp bạn đem nước trà lên chế cho khách uống.

– Chẳng hay thầy đến tôi có việc chi? Thấy Sa hỏi.

– Thưa ngài, tôi nghe nói ngài có nhiều đất trống, nên tôi đến đây viếng ngài, đặng hỏi mượn một khoảnh nhỏ nhỏ để cất vài căn nhà?

– Phải! Phía sau đây tôi còn nhiều khoảnh đất trống, nếu thầy muốn mượn, thì tôi sẽ dắt thầy đi coi.

– Bây giờ nắng gắt quá, vậy ngài hãy nghỉ, mai chiều gì tôi lại, rồi ngài sẽ dẫn tôi đi coi, không gấp gì!

– Vậy càng tốt.

Chủ và khách bắt đầu nói qua chuyện khác, trong khi đàm đạo cả hai đều tỏ ra cái thái độ ôn hòa vui vẻ, coi có mùi tương đắc lắm. Đồng hồ gõ 12 tiếng thì khách cáo từ chủ ra về, thấy Sa đưa khách ra tới cửa ngõ, rồi vỗ vai khách mà nói rằng:

– Bữa nào huyên thầy lại đây tôi dắt đi coi đất nghe?

– Dạ.

Khách lên xe máy đi, thấy Sa trở vô nhà. Người thiếu niên ấy tức là Vương Lang vậy. Vương Lang tức vì thơ khả ố nọ nên quyết đến tại nhà coi tình ý cha mẹ của người thiếu nữ kia ra thế nào cho biết, chàng ta mới đến đó giả đồ hỏi mượn đất, đặng để ý dò xét tình hình trong nhà và tâm lý song thân của người yêu. Khi ra về thì Vương Lang mừng thầm vô hạn, nói một mình rằng: “Ta xem tánh ý ông ấy chẳng những có lòng quảng đại mà cũng có cái đức nhơn từ, ngôn ngữ lại ôn hòa nho nhã. Thì có lẽ nào người cầm bút mà viết những lời rất thô鄙 như thế kia. Ta chắc rằng bức thơ của ta bị kẻ nào đoạt

và mạo thơ trả lời chẳng sai. Ấu là ta phải làm như vậy... như vậy... mới bắt được kẻ bất lương.

Vương Lang về nhà cũng viết một bức thơ “cầu hôn” y như trước rồi đem lại nhà dây thép mà gửi theo cách Recommandée.

Sáng ngày hôm sau chàng ta đón tại nhà dây thép nhánh ở Tân Định, chờ cho người facteur lên xe máy đi phát thơ rồi chàng ta cứ nom theo sau thám thính, coi nó có đem thơ mình gửi đến nơi đến chốn hay là nó đem đi đâu. Quả nhiên khi nó đi ngang nhà thầy Sa thì không ghé vào, nó đi các con đường chung quanh Tân Định, bỏ hết thơ rồi bươn bả đến nhà Võ Bá. Võ Bá thấy anh ta đem đến cho mình một bức thơ cầu hôn của Vương Lang nữa thì mừng lắm, vội vàng ký tên Sa vào sổ, rồi móc tiền cho anh ta ba đồng. Võ Bá vừa toan xé ra xem, kế thấy Vương Lang đến. Võ Bá hết hồn lật đật dứt bức thơ vào túi, anh facteur cứ thung dung ra đi. Vương Lang thấy rõ ràng bức thơ “cầu hôn” của mình nên giận lắm, bèn nắm áo anh facteur kéo lại, rồi lấy cái reu⁽¹⁾ thơ Recommandée đưa ra mà nói rằng:

– Tôi có gửi cho M. Sa ở đường Paul Bert một bức thơ Recommandée biên lai còn đây, cơ sao chú không đem cho M. Sa ký nhận, lại mưu sự mà đoạt thơ tôi. Này chú có muốn khỏi ở tù, thì hãy lấy bức thơ trong túi của thầy(!) Võ Bá kia mà trả lại cho tôi, bằng cứng cổ tôi sẽ làm ra lẽ thì mang khốn đả! Nói đến đây chàng day lại chào sơ Võ Bá rằng:

– Tôi lấy làm hân hạnh mà thấy cái lòng tốt(!) của thầy đối với tôi, song tôi chẳng hề vì một sự nhỏ mọn này mà để cho thầy phải lo buồn. Vậy xin kiếu thầy tôi về!...

Vương Lang nói dứt lời liền xách nón ra về. Võ Bá với người đi thơ mặt xanh như tàu lá! Mà nhất là Võ Bá thì lấy làm hổ thẹn lắm, còn người đi thơ chẳng những sợ mất chỗ làm, mà lại sợ phải ở tù!

(1) Reu: *Biên lai, biên nhận* (NBS)

Vô Bá vội vàng lấy bức thơ cầu hôn đưa ra cho người đi thơ. Anh facteur hỏi Vô Bá rằng:

– Sao, thấy tính sao bây giờ?

– Chú hãy đem bức thơ này chạy theo năn nỉ mà trả lại cho nó, nếu được êm chuyện thì tôi sẽ thưởng cho 10 đồng. Người facteur vội vàng lấy bức thơ chạy đông theo mà năn nỉ Vương Lang, xin chàng thứ tội. Vương Lang không nói một lời gì nặng nhẹ người đi thơ, chỉ hỏi cho biết ai cướp bức thơ trước của mình mà thôi. Người facteur thấy Vương Lang có lòng quảng đại nên khai thật hết, rồi nói thiết yếu với Vương Lang rằng:

– Thưa thầy, đầu dây mối nhợ đều tại Vô Bá hết, xin thầy thương tôi đừng hại tôi tội nghiệp, thì tôi đội ơn thầy già đời không quên.

Vương Lang nói:

– Không không, tôi không làm gì đâu mà chú sợ, nhưng tôi xin chú một điều là từ đây hãy bỏ cái thói xấu ấy đi.

Vương Lang nói dứt lời rồi lấy bức thơ cầu hôn mà về nhà.

Người đi thơ trở vô nhà nói lại với Vô Bá rằng việc ấy được êm, Vô Bá móc tiền cho người đi thơ năm đồng bạc, và hứa rằng về sau nếu quả là êm chuyện thiết thì sẽ cho thêm. Người đi thơ bỏ tiền vào túi rồi ra đi, mà trong lòng vẫn phập phồng lo sợ. Còn Vô Bá vừa tức tối vừa hổ thẹn, quyết cùng Hoàng Hoa (tên người thiếu nữ) một phen thỏa chí dục tình rồi ai làm gì thì làm, nhưng trù tính mãi mà không ra kế gì!

III

Ra tay nghĩa nghiệp

Tối đêm ấy, Vô Bá lấy súng lục liền bỏ vào túi quần, rồi đi xuống góc đường Paul Bert Vassoigne mà đứng. Định trong bụng rằng nếu

gặp Hoàng Hoa đi đâu về, thì cậu ta sẽ dùng cường lực mà ép uống. Cậu ta chờ đến tám giờ tối mà không thấy gì thì ngã lòng, bèn rảo bước vào con đường hẻm phía sau nhà thầy Sa, bỗng gặp Hoàng Hoa đi đâu về ngang đó không biết. Võ Bá lấy làm mừng rỡ, ban đầu cậu ta còn buông lời hoa nguyệt mà ghẹo Hoàng Hoa, song Hoàng Hoa cứ làm thinh mà đi. Võ Bá bèn rút súng lục liên ra đón đầu nàng mà dọa rằng:

– Hoàng Hoa mi có chịu phép không?

Hoàng Hoa lấy làm lo sợ, nhưng cũng mạnh bạo trả lời rằng:

– Thà ta làm vợ kẻ bản hàn mà tâm đức tốt, chớ ta chẳng dễ cho đưa giàu sang mà không ra gì được làm chồng ta đâu.

– Vậy chớ mi không sợ khẩu súng này à?

– Nay quân bất lương, mi có giết ta thì giết đi, thà là ta chịu chết mà được vẹn toàn trinh hạnh, chớ chẳng thêm sống mà để cho nơ danh xủ tiết đâu!

Võ Bá cười gay gắt rồi nói rằng:

– Mi có gan thì hãy hứng lấy viên đạn này?

– Ôi! Chết mà được nêu danh trinh liệt, thì cái chết ấy cũng nên chết, ta há đem mình ngọc mà dựa kẻ quân thất phu như mi sao!

Võ Bá nghe mấy lời chót càng giận thêm, bèn chìa súng lục liên ngay mặt Hoàng Hoa rồi bóp cò...

Đây xin nhắc lại sau khi Vương Lang lấy được bức thư cầu hôn trở về nhà thì chàng ta giận lắm, muốn làm cho Võ Bá và người đi thơ ở tù mới rửa hậnặng; nhưng nghĩ lại là việc nhỏ mọn, rồi thôi. Tối hôm ấy chàng ta đi lên đường Paul Bert, khi đi ngang nhà thầy Sa thấy có hai ba đứa nhỏ chơi tại cửa ngõ, chàng bèn hỏi mấy đứa ấy rằng:

– Mấy em có thấy thầy Sa ở nhà không?

Một đứa ra dáng học sinh trả lời:

– Thừa có!

– Vậy em làm ơn đưa bức thơ (thơ cầu hôn) này đưa tại tay thầy, chớ đừng có đưa cho ai khác nghe hôn!

– Dạ.

Đứa nhỏ liền tiếp lấy bức thơ chạy đem vô nhà. Còn Vương Lang thì lên xe kéo mà đi, chẳng rõ vì sao mà chàng đi được một đôi, chừng năm sáu chục thước thì biểu xe kéo ngừng, chàng ta trả cho nó một cắc rồi xuống xe, trở lại đứng ngoài lộ mà dòm vào nhà thầy Sa. Được giây lâu, chàng bước trái qua con đường hẻm bên hông nhà thầy Sa mà đi. Chàng đi được một khúc thấy xa xa trước mặt, có vài cái bóng đen, nghe tiếng một người thanh niên nói văng vẳng, lông tai nghe rõ thì biết chắc là tiếng của Võ Bá, đang hăm dọa một người thiếu nữ nào.

Chàng bèn nhẹ gót lại gần coi hẩn ép bức ai cho biết. Hôm ấy trời có trăng, song Võ Bá day lưng nơi phía trước mặt Vương Lang, nên cậu ta không thấy được Vương Lang, còn Hoàng Hoa thì bị Võ Bá đứng án, nên cũng chẳng thấy Vương Lang được. Vương Lang đi còn chừng vài bước nữa là tới chỗ Võ Bá đứng. Lúc ấy Hoàng Hoa đương nói câu chót trên kia, kể Võ Bá chia súng ngay mặt cô ta mà bắn. Vương Lang vội vàng nhảy tới chụp kịp tay của Võ Bá mà đưa lên, tiếng súng vừa nổ thì viên đạn xẹt lên trên không. Võ Bá vừa bóp cò bắn Hoàng Hoa thành linh có kẻ chụp tay mình, nên kinh tâm sản sốt, day lại thấy Vương Lang thì giận càn hông, bèn vùng cho vượt tay đặng cố bắn Vương Lang một phát mà trả thù, nhưng vầy chưa khỏi thì đã bị Vương Lang đá cho một đá té nhào chết giắc!

Vương Lang nói với Hoàng Hoa rằng:

– Thôi cô hãy lập tức về nhà đi!

Hoàng Hoa nghĩ rằng nếu mình không nhờ có người cứu, thì làm sao mà sống được, bởi vậy cô lấy làm cảm đội Vương Lang vô cùng, cô bèn nói rằng:

– Xin mời thầy về nhà cho cha mẹ em đền ơn thầy?

Hoàng Hoa nói vừa dứt lời thì kẻ thiên hạ nghe tiếng súng rừng rừng chạy tới...

Vương Lang thấy thế liền nói với Hoàng Hoa rằng:

– Tôi thì ân chẳng cầu báo, vậy xin cô an lòng, để cho tôi đi về vì tôi có việc gấp ở nhà.

Vương Lang nói dứt lời thì đi liền. Hoàng Hoa muốn chạy theo nắm áo chàng kéo lại, song nghĩ mình phận gái, không thể làm vậy được, nên đành đứng đó, mắt trông theo mà lụy tuôn lã chã!

Đây xin nhắc lại đưa nhỏ lãnh bức thơ của Vương Lang đem vào nhà đưa cho thầy Sa, thầy không biết là thơ gì, và của ai gởi, lật đặt xé bì ra xem, mới được vài câu thì kẻ nghe phía sau nhà có tiếng súng nổ, thầy bèn nhét bức thơ vào túi rồi vội vàng chạy đi xem. Khi đến nơi thì thấy thiên hạ, cò bót tụt lại đông vầy. Hỏi ra mới biết Hoàng Hoa đi lại nhà chị em bạn chơi, về nửa đường bị Võ Bá đón đường ép bức, nhờ có người lạ mặt cứu, không thì đã chết vì một viên súng lục vô tình của Võ Bá rồi.

Cò bót lấy ấn kết rồi thì đem Võ Bá về tổng giam vào ngục, thiên hạ lần lần giải tán. Hoàng Hoa theo cha mà về nhà.

IV

Vương Lang nhảy xuống sông tự tử

Vương Lang cứu được Hoàng Hoa khỏi tay ác độc của Võ Bá thì vui mừng vô hạn. Nếu chàng theo Hoàng Hoa về nhà thì cái việc hôn nhơn kia, dầu không cần lo cũng được toại lòng sở nguyện. Nhưng chàng giữ tánh cao thượng, không thềm thừa dịp thi ân ấy mà cầu hôn. Chàng nằm nhà đợi tin coi thầy Sa sẽ trả lời bức thơ kia ra làm sao...

Vài ngày sau, chàng tiếp được thơ của thầy Sa gửi trả lời, thơ ấy như vậy:

Tân Định le 29 Août 193...

Cher Monsieur Vương Lang.

Tôi có tiếp được thơ thầy đề ngày 28/8. Sau khi đọc hết bức thơ rồi, thì vợ chồng tôi cũng lấy làm thương tâm cho thầy lắm. Tiếc vì tôi không thể nhận lời cầu hôn ấy được, là tại thầy chậm bước một chút, bởi thế nên con tôi đã có tình cùng người khác rồi. Mà có tình bằng một cách rõ ràng chính đáng, chứ chẳng phải là tình hoa tường liễu ngô như ai.

Vậy nên tôi vội hồi đáp thầy hay, đó là tại con tôi với thầy không có duyên nợ gì với nhau, xin thầy chớ buồn rầu làm chi.

Bao nhiêu lời cho thầy rõ.

Ký tên: SA

Vương Lang đọc hết bức thơ rồi thì gan bào ruột thắt, khác nào như một người sắp vĩnh biệt cõi trần, không còn một mảy may hi vọng (espoir) nào. Chàng bèn lấy bút mực viết một bức thơ để gửi cho thầy Sa. Tối hôm ấy chàng đi Tân Định, khi đi ngang nhà thầy Sa gặp một đứa bồi đi xóm về, chàng liền mượn nó đem giùm vào nhà cho chủ nhà, rồi thẳng tuốt lên cầu Kiệu, chàng đứng dựa lan can cầu, mắt trông xuống dòng nước chảy mà than rằng:

– Than ôi! Mấy đoạn tình si, trăm mối tơ vò lòng kẻ sĩ. Ta đã nói với Võ Bá rằng nếu ta chẳng đặt toại lòng sở nguyện thì ta sẽ chết. Nay cái hi vọng của ta không thể gì đạt được, thôi thì chết cho rồi chớ sống làm chi, mà chẳng đặt gần người yêu, sống như thế có ích gì mà sống! Thôi thì ta hãy mượn ngọn nước thủy triều này làm mồ kẻ thất vọng vì tình cho xong!

Vương Lang than chưa hết lời mà lụy tuôn là chảy, chàng bèn leo lên lan can cầu mà nhảy xuống sông...

Đây xin nhắc lại Hoàng Hoa được có người cứu khỏi tay Võ Bá, thì cha mẹ anh em nàng mừng hết sức song mừng bao nhiêu thì lại tiếc bấy nhiêu, tiếc vì không biết người nghĩa hiệp ấy là ai đang đáp ơn.

Thầy Sa nói:

– Sao con không mời người về nhà chơi để đi mất đi?

– Dạ thưa con có mời, song người ấy nói ở nhà có chuyện gấp nên phải về lập tức, nói dứt lời thì đi liền.

Anh của cô Hoàng Hoa nói:

– Tôi nhầm người ấy không muốn để cho mình báo ơn, chớ chẳng có việc gì gấp.

Mẹ cô Hoàng Hoa nói:

– Phải đó, người như vậy mới đúng bậc trượng phu quân tử chớ, nhưng biết đâu mà tìm cho được bây giờ?

Em trai cô Hoàng Hoa nói:

– Hay là người trao thơ cho tôi hồi nãy đó chẳng! Ừa chắc không phải, vì người ấy đưa thơ cho tôi rồi thì kêu xe đi liền.

Thầy Sa nói:

– Người sao tư cách cao thượng quá, còn kẻ sao tánh tình đê mê không ai bằng. Để rồi đây tao sẽ làm cho thằng con của Huyện Thành (tức là Võ Bá) ở tù rục xương cho nó biết chừng, con nhà quan quyền mà không biết lễ phép gì hết, đồ du côn đảng điểm gì đâu!

– Từ rày sắp tới con có lại nhà con tư Khánh mà chơi thì đi ban ngày, đừng có đi ban đêm nữa mà mang khốn đa!

Cô Hoàng Hoa dạ rồi đi thay đồ.

Thầy Sa bèn bảo vợ vô phòng sách đang xem bức thơ khi nãy, tức là thơ cầu hôn của Vương Lang vậy. Thơ ấy nói như vậy:

Sài Gòn le 28 Aoút 193...

“Kính thăm song bá và quý quyến bằng an, sau xin chúc cho tiểu thơ được toàn trình vẹn đức!...

Thưa song bá; trước khi văn sinh đặt bút xuống viết thơ này thì đã biết là quấy. Song chẳng thà chịu thất lễ mà được bực bạch oan tròng cùng song bá và tiểu thơ, rồi dầu đạt được hi vọng cùng không cũng hả lòng một chút, chớ không thể nào bưng bít tâm sự hoài cho được.

Thưa song bá: một buổi chiều kia, văn sanh rảo bước nhân du, tình cờ được thấy dung nhan của lệnh ái, duyên trúc mai tuy chưa có một lời hứa hẹn, song nghĩa trăm năm đã vương phải nợ tình. Than ôi! Phận văn sanh bản hàn cơ khổ, dám đâu sánh cùng tiểu thơ là bực trâm anh. Văn sinh đối với tiểu thơ, về phương diện vật chất không khác gì ngọc đá vàng thau, kẻ trên trời người dưới vực. Phận gôi rom thôi có dễ gì trông, văn sinh viết bức thơ cầu hôn này là vì nặng tình yêu dấu tiểu thơ, nên không thể gì ngăn ngại bút được, chớ hi vọng thì mười phần không có một!

Quyền cao lộc cả như Trụ Vương, khắp thiên hạ thầy đều điểm nhục khinh khi, khó như Lưu Dương còn ai mà chẳng yêu vì kính phục?

Song bá là người có đạo đức, có lẽ là ưa sự phải hơn kim tiền? Văn sinh đây ở trong cái cảnh nghèo lại thêm phước bạc, gặp nhiều sự khắt khe, có lẽ còn tệ hơn một người hành khất kia nữa. Về của cải vật chất đã đành là tay trắng túi không rồi, nhưng về phương diện tinh thần của văn sinh đối với tiểu thơ thì chưa chắc ai đã kém ai!

Lòng ung dạ muốn, cùng tiểu thơ kết bạn trăm năm, song đoái lại phận hèn này thì:

“Chim không cánh vẫy vùng sao dặng!

Người không tiền nói chẳng ai nghe!”

Tình cảnh rất khó khăn như vậy, nên văn sinh phải đường đột mượn tờ giấy trắng, giọt mực đen, thay vì mai tròng. Gọi là một bức thơ cầu hôn đệ lên cho song bá lãm tường...

Bao nhiêu tình thần tâm huyết của vãn sinh đều đổ cả vào bức thơ này, thì song bá xem xong nhút định lẽ nào, hãy rộng lòng trời biển hồi đáp vài lời, cho vãn sinh rõ nỗi đục trong, xin chớ hận hủi thơ này làm chi tội nghiệp.

Còn vãn sinh đây chẳng ai đâu lạ hơn là kẻ đã đến viếng nhà song bá, mà hỏi thăm việc đất đai đó!

Đôi lời tâm huyết, một tấm lòng son kính dâng song bá tường tri.

Nay kính thơ

Vương Lang

Dưới có gạch thêm chỗ ở để để bao thơ.

Thầy Sa xem hết bức thơ rồi hỏi vợ rằng:

– Sao, mình bằng lòng gả con Hoàng Hoa cho người đến nhà mình đó không?

– Thằng đó coi cũng được, song để hỏi lại ý con coi nó định lẽ nào.

Vợ chồng thầy Sa liền kêu cô Hoàng Hoa vào mà hỏi việc ấy, thì cô lộ vẻ buồn mà không nói gì được, hình như cô có tâm sự gì mà không tiện tỏ ra cho cha mẹ biết vậy. Mẹ cô nói:

– Ý con thế nào thì cứ việc nói ra cho ba mẹ biết, con là người có đạo chẳng nên giấu giếm với cha mẹ mọi sự gì hết?

Hoàng Hoa đáp rằng:

– Thừa ba má, con còn nhỏ chưa muốn lấy chồng.

– Ba má hỏi con chịu người ấy hay không, chừng nào con lớn rồi sẽ gả con, chớ phải là gả bây giờ sao!

Hoàng Hoa ngần ngừ giây lâu rồi mới chịu trả lời rằng:

– Con có lấy chồng thì con sẽ lấy người đã cứu con khỏi chết đó mà thôi, ngoài ra con không ưng ai hết!

Thầy Sa nói:

– Nhưng mà biết người ấy ở đâu mà tìm bây giờ?

– Nếu tìm chẳng được thì con nguyện ở vậy trọn đời mà thủ tiết cùng người!

Vợ chồng thầy Sa và Hoàng Hoa, đều không biết kẻ ân nhân, chẳng ai đâu lạ hơn là người đã viết bức thư cầu hôn đó. Bởi thế nên vợ chồng thầy Sa phải tùy theo ý con mà viết thư trả lời cho Vương Lang.

V

Nên việc tóc tơ

Hoàng Hoa đã có tình cùng người khác, mà người khác chẳng ai đâu lạ hơn Vương Lang song chàng nào có rõ... nên chàng mới tự vận!

Thầy Sa gởi thư cho Vương Lang được vài ngày, một hôm trời chạng vạng tối, thẳng buổi đêm trao cho thầy một bức thư, nó nói rằng người đi lại nhà hỏi mượn đất hôm nọ, gặp nó ngoài đường, mượn nó đem bức thư ấy về cho thầy. Thầy biết thư ấy là của Vương Lang. Thầy bèn xé ra đọc chung cho vợ nghe như vậy:

Sài Gòn le 2 Septembre 193...

Trân trọng vài hàng kính thăm song bá và tiểu thư vạn an.

Thưa song bá vãn sinh lấy làm cảm động vì mấy lời an ủi của song bá trong thư. Song cái sự buồn rầu thất vọng này làm sao mà nguôi được!

Xin lỗi song bá cho vãn sinh nói cùng tiểu thư một đôi lời cuối cùng.

Thưa cô: tôi tưởng lầm rằng tôi có duyên nợ gì với cô, cho nên tôi mới đem lòng thương cô thái quá, lại được cái hân hạnh mà cứu cô tại đường hẻm khỏi tay Võ Bá dầy vò!...

Vợ chồng thầy Sa xem thư tới đó thì giật mình, chừng ấy mới biết Vương Lang là ân nhân của nhà mình, bèn kêu cô Hoàng Hoa nói cho cô biết, cô Hoàng Hoa vui mừng khôn xiết...

Thầy Sa bèn đọc tiếp cho vợ con nghe.

... Dè dàu cô đã trao thân gởi phận cho vị tân lang nào rồi, tôi lấy làm tủi phận vô duyên của tôi lắm. Tôi không thể gì sống được trên cõi đời vô vị này nữa. Trong khi cô đọc bức thơ này có lẽ thân tôi đã theo ngọn nước thủy triều nơi cầu Kiệu mà về cõi khác...

Vương Lang ký thơ.

Đọc hết bức thơ rồi thì cả ba đều sững sốt, vội vàng chạy ra đường kêu xe kéo đông tuốt lên cầu Kiệu. Lên vừa tới nơi thì Vương Lang đã nhào xuống sông một cái đùng. Mẹ cô Hoàng Hoa và cô thương tâm quá nên khóc òa lên, thầy Sa bèn tri hô lên, may đâu có một người đương chèo xuống vừa tới, người ấy cũng thấy Vương Lang nhào xuống sông, nên lật đặt chèo riết lại vớt chàng ta. Vương Lang bị ở giữa dòng chơi với uống nước gần ngất ngư, nếu cứu trễ một chút thì nan toàn tánh mạng vậy, khi vớt đem lên bờ người ta xúm lại xốc nước một chút thì chàng ta tỉnh lại. Thầy Sa bèn kêu xe khiến chở chàng về nhà. Vợ chồng Sa hỏi tôi tớ đốt lửa hơ, còn cô Hoàng Hoa thì lấy quần áo thay cho chàng.

Khi Vương Lang thiết tỉnh lại rồi thì vợ chồng thầy Sa bảo Hoàng Hoa tỏ hết sự lầm lạc cả nhà mình cho chàng rõ. Sau khi Vương Lang thấu nỗi đầu đuôi thì chàng ta lộ sắc vui mà rằng:

– Qua cũng không dè em có tình với người khác đó chẳng ai đâu lạ hơn là qua, vì vậy nên qua mới nhào xuống sông tự tử!...

Vương Lang nói dứt rồi ôm riết Hoàng Hoa vào lòng hun lên má đào cô hai ba cái xem rất là mặn nồng!

Dẫu chẳng nói ra chừ đọc giả cũng dư biết rằng rồi đây cặp trai tài gái sắc này phải thế nào.

Cái ngày mà Vương Lang được thành hôn cùng Hoàng Hoa, thì Võ Bá bị tòa kết án ba năm tù.

ĂN NĂN ĐÃ MUỘN

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

DOAN THIÊN TIỂU-THUYẾT
AN NĂN ĐÃ MUÔN

LỬA GÀN RƠM.

Tác-giả : **SƠN-VƯƠNG**



... lấy máu trái tim mi mà rửa nhục cho đôn đò
Bản-quyền sở hữu Giá nhứt-dịnh chín su

Imprimerie ĐỨC-LUO-PHƯƠNG

158. Rue d'Espagne, Saigon

1931

ĂN NĂN ĐÃ MUỘN

Thầy Hoàng Hữu Đức gốc gác ở đâu không rõ, chỉ biết từ ngày thầy dắt vợ lên Sài Gòn giúp việc cho một hãng buôn kia thì thấy thầy ở trong một căn phố tại đường d'Ariès Đa Kao.

Một hôm thầy vào sở làm việc, bỗng tiếp được một bức thư nặc danh, mở ra xem thì thấy như vậy:

«Thưa thầy:

Không có gì hạnh phúc bằng mình được một người vợ hết lòng trung tín với mình, mà cũng không còn gì đáng buồn bằng gặp phải một con vợ lang tâm trắc nết.

Tôi rất lấy làm thương hại cho cái cảnh gia đình của thầy từ ngày thầy tiếp được bức thư này trở về sau! Thầy muốn biết vợ thầy tốt xấu thế nào, hãy dẫn tánh nóng giận mặt làm ngo, rồi lưu tâm dò xét trong những khi thầy bước chân ra khỏi nhà...”

Ký tên:

Một người biết chuyện

Hoàng Hữu Đức cầm bức thư xem mà tay run bầy bầy, mắt đỏ hào quang, trong não cân phát tiết ra một cái cảm tưởng bị ai đau đớn lạ lòng. Thầy ngẩn ngơ ngơ ngẩn một hồi rồi định tâm suy nghĩ lại: “Hoặc có kẻ muốn vợ mình mà chọc không được, nó sanh lòng thù vợ oán cha rồi kiếm cách mà làm hại vợ mình chăng? Nếu mình nóng nảy mà hủy hoại vợ mình, trắng đen chưa hẳn mà vợ mình phải

mang tiếng xấu thì tội nghiệp cho nó lắm. Vậy mình hãy để mắt dòm hành nếu quả vợ mình thiệt có ngoại tình cùng kẻ khác, chừng ấy sẽ hay!”

Mãn giờ làm việc về nhà, phàm mọi sự cử động gì của vợ thấy đều chú ý hết thấy, thấy vợ thấy ân cần vui vẻ chừng nào thì cái nỗi tình nghi lại càng tăng lên chừng nấy. Song thấy vẫn giữ thái độ tự nhiên chớ không lộ vẻ gì cho vợ biết.

Chiều lại thấy cũng đi làm việc... nhưng thấy đi một đỗi xa xa rồi trở lại đứng núp gần nhà để xem tình hình của vợ. Quả nhiên vợ thấy bỏ nhà ra đi lần theo con đường hẻm phía dưới trường tư H.K.N.⁽¹⁾ mà cặp mắt thì lão liên dòm chừng thấy, phăng phăng đi ngay ra đường Legrand de la Lirage rồi quẹo vô một cái nhà ngói hai căn xông phía bên tay mặt con đường hẻm ấy.

Hữu Đức thấy vợ vừa bước vô tới cửa nhà Cô Ba thì liền có một anh chàng thiếu niên lịch sự trai, ăn mặc sang trọng bước ra chào hỏi một cách niềm nở rồi nắm tay để huê vào trong!...

Sét đánh ngang tai, lửa lòng đốt ruột: thấy vợ sanh tâm làm quấy như vậy thì kẻ làm chồng ai mà chẳng tím tiết bầm gan? Hữu Đức giận vợ mà đỏ mặt tía tai, tâm thần rối loạn. Thấy nói: “Cha chả là to gan lớn mật! Này: Nguyễn Kim Duyên dâm phụ, ta sẽ phân thây mi làm muôn đoạn!”.

Thấy bèn tức tốc về nhà: lấy một con dao phay thiệt bén, đoạn vắt vào lưng rồi hăm hăm đi riết lại chỗ gian phụ dâm phụ đang tình tự...

Chuyện này kết cuộc ra thế nào để sau sẽ thuật tiếp; bây giờ hãy nói cho chư độc giả biết tại sao mà cô thông Nguyễn Kim Duyên nữ phụ lòng chồng mà đi làm cái chuyện tối phong bại tục như vậy.

Cái nhà ngói hai căn xông, số một trăm mười b... ở đường Legrand de la Liraye, người ở Đất Hộ ai ai cũng biết rằng chủ nhà ấy

(1) HKN: tức Huỳnh Khương Ninh (NBS)

là một người đàn bà góa tục kêu là cô Ba... gốc ở Cần Thơ, cô ta người hơi mập mập mà lùn, tóc đỏ hoe hoe, da chì mặt nám; trước có chồng Tây, từ ngày lang quân về Pháp thì cô ta làm nghề rước khách mà sanh nhai. Ngoài nghề ấy ra cô ta lại còn làm nghề mai dong - hoặc nói cho đúng hơn là làm *tàu kê* đi lậu để thủ lợi nữa. Phàm hề vợ thấy thông nào hoặc là con gái nhà ai có sắc đẹp mà khờ khạo, chưa sạch việc thì cô ta thường lân la lai vãng làm quen và rủ về nhà tập đánh bài tứ sắc chơi; rồi những anh công tử bốc rời kia hề thích cô nào thì cậy cô ta làm mối. Cái cách làm mối ấy cô ta sẵn có trăm mưu ngàn kế, nói ra không cùng; hề dụ thế này không đáng thì cô ta thì hành kế khác, dẫu mà người trực tiết đến đâu, hề khi sa vào cạm bẫy của cô ta rồi thì đành phải bó tay chịu vậy.

Thầy Hoàng Hữu Đức vì cung vợ, không muốn cho vợ làm gì động móng tay, nên có mượn một bà già để đi chợ nấu ăn và làm việc vặt trong nhà. Cô thông ngày tối chỉ ăn không ngồi rồi, đọc nhật trình xem tiểu thuyết chơi, chớ không làm gì cả; song đọc nhật trình, xem tiểu thuyết thét rồi cũng sanh chán: cô muốn có một người chị em bạn gái để khi nào buồn bực thì đàm đạo với nhau cho khuây, ngặt vì cô là người lục tỉnh mới lên, đối với xóm Đất Hộ là một xứ lạ, chưa có làm quen được người nào. Ý cô muốn vậy nên khi cô Ba... lân la tới làm quen thì cô rất sẵn lòng tiếp đãi, ban đầu lạ sau quen, rồi cô coi cô Ba... cũng như một người chị ruột.

Khi quen thuộc rồi thì hai người tới lui thăm viếng nhau như cơm bữa; song lúc nào có thầy Hữu Đức ở nhà thì cô Ba... không bao giờ tới, mà khi nào Hữu Đức đi làm việc thì Kim Duyên mới dám bỏ nhà đi chơi. Kim Duyên làm bạn với cô Ba... không đầy hai tháng mà bài tứ sắc cô chơi đã thạo! Phàm nghề gì không biết thì thôi, hề biết thì hay ngửa nghề, không thế gì bỏ qua được, nên chị từ ngày cô biết chơi bài về sau: hề chồng cô đi làm việc thì cô đi đánh *bài giờ*⁽¹⁾, không có mấy lúc mà cô có ở nhà.

(1) Mấy cô bỏ nhà đi đánh *bài giờ*, nghĩa là liệu chừng chồng làm việc gần về thì lại về trước.

Trong những tay chơi bởi quen biết với cô Ba... có một gã công tử bột tên là Triệu Phi Tiên: thấy Kim Duyên có sắc đẹp thì phải lòng lắm, nếu được một đêm cùng mỹ nhân kẻ vai chung gối, sánh mặt giao tình thì dầu tốn mấy muôn đồng cũng không tiếc. Lắm lúc anh ta liếc mắt đưa tình cùng Kim Duyên để tỏ lòng quyến luyến, song rốt cuộc cũng không được mãn nguyện. Anh ta bèn bỏ tiền ra cạy cô Ba... điều đình giùm; cô Ba... biết không thể dùng ngôn luận mà cảm hóa Kim Duyên được, nên phải thi hành một kế là làm sao cho Kim Duyên phải hết áo hết quần thì mới có thể đạt được hi vọng.

Một hôm Kim Duyên đánh bài *cầu tôm* với ba người khác, trong số đó có cô Ba... và Phi Tiên, không biết ba người họ đánh ăn công ty với nhau thế nào mà làm cho Kim Duyên phải thua róc túi, rồi cô đem những đồ nữ trang mà cầm lấy tiền đánh nữa, song cũng thua lần mòn hết! Túng thế không biết làm sao, bèn năn nỉ mượn của cô Ba... một trăm đồng để đánh gỡ lại, nhưng mà rã sòng kết cuộc thì cô chỉ còn có hai bàn tay không mà thôi!

Kim Duyên thua hết tiền về nhà: vào than ra thở ngồi đứng không yên, đang cơn rối trí đau lòng, xảy đâu cô Ba... lại đến, cô an ủi rằng:

– Cờ bạc ăn thua, tốt xấu là một sự thường, can chi mà em phải lo buồn dữ vậy?

– Không lo buồn sao được! Ngày mai này em hết tiền phát tiền chợ, đã vậy rồi không tiền chuộc đồ mà số bạc một trăm đồng em mượn của chị em cũng không biết làm sao mà trang trải cho xong được!...

Cô Ba nhún mặt nhíu mày làm bộ thương xót mà rằng:

– Cha! Khổ nhiều nỗi quá ha! Chiều nay chồng em đi làm việc về hỏi tới đồ nữ trang của em thì em sẽ trả lời ra làm sao?

Kim Duyên thở dài mà rằng:

– Tình cảnh khốn nạn đường này, em chỉ còn có một cách chết là cùng!

Cô Ba... ra dáng hải hùng kinh ngạc mà rằng:

– Ế, em chẳng nên tính việc xằng như vậy, cái nguy của em đây còn có thể xoay trở được mà, tội gì phải liều thân cho uổng kiếp!

– Chị nghĩ coi cái hoàn cảnh em đây còn xoay trở thế nào nữa được mà không chết?

– Qua có một kế giúp em, nếu em bằng lòng làm thì cái cảnh nguy này tự nhiên hóa ra cái cảnh êm đềm vui sướng?

– Có kế chi chị hãy làm ơn bày biểu cho em, em được qua cầu thoát nạn một phen, thì ơn tể độ của chị ngàn năm muôn kiếp em cũng còn ghi nhớ?

– Chị em giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khốn cùng là việc bổn phận, có chi mà em phải bận lòng mang ơn chác ngài!

– Làm việc nghĩa chẳng cần báo ơn đã đành là cái lòng nhân từ bác ái của chị, nhưng em là kẻ thọ ơn thì em phải biết thế nào chứ! Có kế chi chị hãy giúp em?

Cô Ba... làm bộ ngại ngùng không nỡ thốt lời, Kim Duyên phải thúc giục đôi ba lần, cô ta mới chịu kể tai nói nhỏ: “... Làm như vậy... như vậy... thì sẽ có bạc trăm liền?”

– Kim Duyên lấy làm ngạc nhiên vô cùng, ngạc nhiên vì sao cô Ba... lại đem cái chuyện nhục nhơ mà biểu cô làm. Cô nói:

– Chị ôi! Thà là thân em chẳng còn, chứ em không để tiết em mất, em tuy chẳng dám tự xưng là con nhà quyền quý trâm anh, nhưng cũng không đến nỗi là phường vô giáo dục. Em không thể nào đem cái ái tình vô giá của em mà đổi lấy số tiền của kẻ phong tình dâm dăng được, chắc là em phải chết mà thôi!

– Qua biết người như em không thể gì làm chuyện đó được, nên khi này qua không muốn nói, thấy em căn vặn mãi, cực chẳng đã qua phải chiều ý em đó thôi, xin em đừng phiền nghe!

– Không, chị thương em mà bày biểu cho em, khi nào em lại dám phiền chị!

– Ủ nếu em biết xét như vậy qua mới an lòng.

Cô Ba ngừng một chút rồi hỏi:

– Em có ghen thán nào để đó?

Kim Duyên nghe hỏi thì giật mình: nhớ lại mình đã có thai hơn ba tháng thì cái nỗi thương tâm lại càng tăng lên bội phần, khiến cho cô khôn ngăn giọt ngọc mà sụt sùi giọt vẫn giọt dài:

– Thiệt khổ tâm cho em không biết chừng nào. Cô Ba... biết Kim Duyên không thể nào tính tới việc chết nữa được, bèn nói:

– Em gặp cảnh khổ, em liệu thân để tránh cái khổ thì đã đành phần em; nhưng đứa con mới tượng trong lòng kia có tội tình gì mà em giết nó? Con người ta ở đời muốn tránh những điều nguy hiểm thì phải tùy theo cảnh ngộ mà ở; chớ nếu khúc sông quanh co mà chiếc thuyền muốn chạy ngay một mạch thì tài nào mà không đắm được. Ví dầu ngày nay em nghe lời qua mà làm như vậy, ấy là gặp biến thì phải quỵ, chớ nào phải em phụ chồng, hay là cái chủ tâm của em muốn làm chuyện quấy mà em phòng ngại!

Kim Duyên ngồi im hơi lặng tiếng, mà nước mắt hai hàng đổ xuống như mưa, trí thì suy nghĩ, hình như nửa muốn chịu mà nửa muốn không. Cô Ba... thừa lúc Kim Duyên lưỡng lự, bèn lựa lời êm tai khôn khéo nói riết một hồi nữa thì cô chịu.

Cô Ba... bèn trở về nói lại cho Triệu Phi Tiên hay, Phi Tiên xiết bao hân hạnh trong lòng: liền cậy Cô Ba... trao cho Kim Duyên ba trăm đồng bạc để chuộc đồ và xài đỡ. Lại bảo thế nào nội trong ngày ấy cũng phải cho anh ta được gặp mặt...

Hẹn hò xong xuôi, Phi Tiên về nhà. Chiều lại anh ta trang điểm một cách phong lưu rồi một mình lên xe hơi chạy đến nhà cô Ba... vừa bước vô tới cửa. Cô Ba... ra chào rồi nói nhỏ rằng:

– Nó tới này giờ.

– Cổ ở đâu?

– Trong phòng...

– Có ai biết không?

– Không, nếu để cho người ta biết được thì qua phải lên trời mà ở chứ ở đây sao được!

– Vậy thì tốt lắm.

Nói đoạn, anh ta đi thẳng vào trong, mở cửa phòng ra thấy Kim Duyên ngồi kể trên cạnh giường đồng, cẳng trên cẳng dưới, gương mặt thì lộ vẻ ưu tư e lệ; cô đứng dậy chào anh ta rồi ngồi lại như cũ, hai tay vò vạt áo, mắt ngó xuống đất.

Phi Tiên bước tới cạnh giường vịn vai Kim Duyên mà an ủi rằng:

– Xin cô hãy gượng sầu làm vui!

– Vui sao đành mà vui!

– Tại sao cô vui không đành?

– Chẳng nói ra, thầy cũng chán biết, cần chi phải hỏi em!

Phi Tiên liền ngồi kể một bên cầm tay Kim Duyên mà nói rằng:

– Nay tình nương em ôi! Qua có phải cỏ cây cảm thú gì mà không biết sự dâm vợ người là một điều đại ác? Nhưng vì qua nặng tình thương em một cách nồng nàn chan chứa, không thể gì dập tắt đặng lửa tình nên phải cam tâm làm chuyện quấy đó thôi. Xin em hãy xét tấm tình si mà thương kẻ đã vì em mà bấy lâu phải ngày mong đêm mỏi?

Kim Duyên rỏ nước mắt mà rằng:

– Em thiết nghĩ phận em là gái có chồng, bấy lâu chưa hề có điều gì tai tiếng; nay vì cảnh ngộ éo le mà phải đem chữ tiết bán rẻ mấy trăm đồng! Đau lòng cho em mà thương hại cho cái nỗi thiệt thòi của chồng em. Ôi! Nhục nhã đau đớn cho em biết dường nào... Còn thầy là một người ăn chơi, bỏ tiền ra mà mua lấy cái thú vui cho phi tình dâm dục, nghĩa là chơi hoa cho biết mùi hoa; chứ nào phải vì ái tình mà muốn được gần em!

Triệu Phi Tiên nhìn sững Kim Duyên mà hỏi vặn rằng:

– Sao cô dám chắc tôi gán cô là vì sắc dục mà chẳng phải vì ái tình?

Anh ta nói dứt lời rồi lấy ra một xấp *giấy xăng*⁽¹⁾ để ngay vào lòng Kim Duyên mà rằng:

– Đó, tôi giúp cô một số bạc đó, để cô tiêu dùng trong lúc khốn cùng, mà chẳng cần ân ái cùng cô, cho cô biết tôi là người thế nào.

Phi Tiên nói thế rồi toan bước ra ngoài, Kim Duyên nghĩ sao chẳng rõ mà chạy theo nắm áo kéo lại:

– Em xin lỗi thầy, bởi em không có mắt tình đời nên không biết được thầy là người có tâm tình cao thượng dường này. Thầy đã nặng tình yêu em, lẽ nào em đành nhẫn tâm mà để cho thầy phải ngậm ngùi thất vọng, vậy em cũng cần răng bóp bụng bẻ chữ đồng làm hai, đem mối chung tình của chồng mà xẻ nửa cho tình nhân. Còn số bạc quý hóa này em xin giao lại cho thầy, em chỉ cần dùng chừng vài trăm đồng nữa mà thôi.

– Cứ việc lấy mà xài, đồng tiền của qua đã đưa ra rồi không bao giờ qua lấy lại.

Kim Duyên từ chối không được, bất đắc dĩ phải nhận. Phi Tiên ngắm hình dung yếu điệu của Kim Duyên rồi khen rằng:

– Thiệt là vóc ngọc mình vàng, sánh tài tiên nữ, qua được cái hân hạnh gán em đây thì dầu tan xương nát thịt, sự nghiệp điều tàn qua cũng hả lòng!

Kim Duyên ngó Phi Tiên rồi cười mỉm chỉ làm cho anh ta cuộn cuộn sóng tình!

Thân của Kim Duyên bây giờ thật chẳng khác nào như một đoá hoa nằm trong tay của Phi Tiên, mặc sức cho tình nhân thưởng thức cách nào tùy thích...

(1) *giấy xăng*: cent = *giấy một trăm đồng*

Bể tình nổi trận phong lôi!

Trăm năm chữ tiết đành trôi theo dòng...

Nắng lâu lại gặp mưa phùn!

Nguyệt hoa hoa nguyệt nảo nông tình xuân...

Từ đó trở đi hề một buổi Hoàng Hữu Đức đi làm việc là một buổi Kim Duyên đi đánh bài giờ, một buổi cô đi đánh bài giờ tức là một lần ân ái với tình nhân! Vì thế mà cái lỗi của cô đối với chồng ngày càng lớn. Cũng có một hai khi cô nằm đêm suy nghĩ việc xa gần thì cô có ý hối hận; nhưng trót vì tay đã nhúng chàm, vương rồi còn biết dứt làm sao đây?

Trong đời, chuyện gì còn có thể giữ bí mật được; chớ như cái chuyện dâm ô tình tự ít khi mà che mắt thiên hạ được, giấu kín thế nào sau cũng phải lộ ra; nguyên nhơn là tại người ta xem tình ý của hai người đối với nhau thế nào mà đoán biết được.

Lưu Văn Lai là một tay chơi bời thường lui tới nhà cô Ba... hần thấy Kim Duyên có sắc đẹp thì thèm thuồng lắm, nhiều khi mở lời trêu ghẹo; song đều bị Kim Duyên tỏ ý bất bình, hần tưởng cô ta là một người đàn bà nặng lòng chặt dạ biết thủ tiết cùng chồng, khó mong điều dâm dục, nên hần ngã lòng lui bước. Tới chừng hần biết Kim Duyên có giao tình cùng công tử Triệu Phi Tiên thì hần giận lắm, Kim Duyên không phải vợ con gì của hần mà hình như hần cũng nổi máu ghen, và cho thế là nhục là tức, muốn ra tay xung đột một phen cho hả lòng thù vợ oán chạ của mình; song hần kịp nghĩ làm như vậy tuy xấu hổ cho người ta mà cũng không tốt gì cho mình, nên hần tính mách cho Hữu Đức hay, Hữu Đức là người tức giận nhiều hơn hần, thì thế nào thấy ta cũng không bỏ qua được, như vậy chẳng cần phải ra tay mà cũng được hả lòng!

Vậy thì bức thơ nặc danh mà Hữu Đức đã tiếp được kia; nếu chẳng phải thơ của Lưu Văn Lai thì còn thơ của ai?

Nói về Hoàng Hữu Đức khi lặn đao tới trước cửa nhà cô Ba... muốn vào trong tung hoành huyết chiến với gian phu dâm phụ cho

đã giận cam lòng. Nhưng thấy làm việc gì cũng không vội vàng thái quá như người ta; may sao lúc ấy thấy định tâm suy nghĩ lại: “Vợ mình nó hết thương mình nên nó mới cam tâm làm chuyện tồi tệ như vậy, bây giờ dầu mình có giết nó chết thì sự cũng đã rồi. Mình tính giết nó với gian phu mà chắc giết được chúng nó không? Hay là mình sẽ bị gian phu giết? Vì dầu có giết được chúng nó thì mình cũng phải hủy thân mình, chớ mình sống ắt không yên thân được nào! Thân mình là rường cột của xã hội, mình cần phải học đòi theo những đấng anh hùng hào kiệt mà hi sinh thân thế vì nòi giống, vì nước nhà; sá chi một con đàn bà hư mà mình đến phải gây nên việc án mạng? Mà mình mà làm vậy có ai khen cho mình đâu? Chi bằng mình nói ba điều bốn chuyện cho nó biết rồi đuổi nó đi, cái tội nó để cho tòa án lương tâm nó sửa phạt lấy thì hay hơn!”

Nghĩ thế nên cơn nóng lặn lặn hạ xuống, thấy lui bước trở về nhà; vào phòng nằm lẩn qua lộn lại, thở vắn than dài, tỏ ra nào nề đau đớn lắm. Một giờ sau, Kim Duyên về: thấy chồng nằm trong phòng thì lấy làm lạ, hỏi:

– Ủa! Tại sao mình lại trở về?

Hữu Đức nghe vợ hỏi thì gai mắt đau lòng lắm; song thấy vẫn giữ thái độ trả lời bằng một cách ôn hòa rằng:

– Tôi mới vừa vô tới hăng thì bỗng không nhúc đầu chóng mặt quá, nên tôi phải về!

Kim Duyên làm bộ lảng xăng liú lít rằng:

– Chắc mình cảm nhảm gió độc, thôi để tôi đi mua dầu... về cho mình thoa nghe mình?

– Thôi thôi! Bây giờ tôi đã bớt rồi, chẳng cần dầu thuốc gì nữa. À còn này giờ mình đi đâu?

– Đi mua ít thuốc hàng để may vài bộ đồ mát mặc chơi mà chưa kiếm được hàng đẹp mắt!

Kim Duyên vừa nói vừa dòm chừng sắc diện của chồng. Hữu Đức lấy làm nực cười, thầy hỏi:

– Minh kiếm chưa được thứ hàng đẹp mắt mà có gặp người nào vừa lòng chưa?

Kim Duyên giật mình hỏi lại chồng rằng:

– Minh nói cái gì lạ vậy mình?

Hữu Đức cười gằn mà đáp:

– Minh đừng có mong lấy vải thưa mà che mắt thánh chứ! Công chuyện của mình thế nào tôi biết hết rồi!

Nghe chồng nói bấy nhiêu lời, Kim Duyên khiếp vía kinh hồn, gương mặt liền biểu lộ vẻ thẹn thuồng xấu hổ, không dám thốt ra lời gì chối cãi với chồng, Hữu Đức nói:

– Từ ngày tôi cưới mình về đến nay; tôi chưa từng để cho mình phải phiền lòng vì tôi một mảy may nào. Trăm việc ý mình muốn thế nào tôi cũng chiều ý mình hết thảy, mọi việc nặng nhẹ trong gia đình đều có đầy tớ tôi mướn sẵn để làm đỡ tay đỡ chân cho mình, ăn thì ăn cao lương mỹ vị, mặc thì mặc áo mỏng quần tơ, một mình mà sắm trên hai mươi mấy sắc đồ, đi ra một tác đường cũng có xe kéo; làm vợ thầy thông mà sung sướng chẳng khác gì công nương hoàng hậu, ấy là tôi lấy lòng rộng rãi mà ăn ở với mình, làm đàn ông mà thương vợ đến thế là cùng rồi chứ còn thương cách nào nữa! Đáng lẽ thì mình xét cái cách ăn ở của tôi mà hết lòng trung tín với tôi mới phải: có đâu mình thừa khi vắng mặt tôi, lén tôi mà chia tình cùng người ngoài cuộc?... Hay là mình chê tôi quê mùa thô kệch, không đáng mặt làm chồng mình, nên mình chọn người cao sang quyền quý khác mà kết bạn trăm năm để cho đời của mình được yên vui khoái lạc hơn chăng? Ôi! Nếu quả lòng mình như vậy thì thà hồi đó tôi cưới con nhà quê mùa dốt nát, chơn lấm tay bùn còn hơn, thì ngày nay trong gia đình đâu có xảy ra cái cảnh buồn rầu tủi nhục dường này!...

Hữu Đức nói đến đó lại ngừng, thầy đốt điếu thuốc hút rồi nói:

– Cha chả! Ở với chồng đã có thai mấy tháng rồi mà không lo việc tề gia nội trợ trong gia đình, lại lên chồng mà đi lấy trai! Gương mặt mình tôi coi trắng trẻo lịch sự quá mà sao tâm địa mình xấu xa dường ấy! Mình tán tận lương tâm rồi sao? Tôi xử quấy với mình chỗ nào đâu? Mà mình trở lại phụ lòng tôi như vậy, hử?

Kim Duyên biết lỗi mình quá nặng, nên nãy giờ chồng nói cay nói đắng thế nào cũng ngồi làm thinh mà chịu; một lời nói của Hữu Đức nói ra đau bằng trăm lần đem cô ra pháp trường mà hành hình. Cô năn nỉ chồng:

– Xin mình bớt giận, ngày nay mà tôi có cái tội trọng như vậy cũng vì cảnh ngộ éo le mà ra, chớ chẳng phải tự lòng tôi muốn như vậy. Từ đây tôi xin ăn ăn sám hối, nếu tôi còn quen theo vết cũ thì mình phân thân tôi đi?

– É thôi! Mình đừng có đổ thừa cho cảnh ngộ, nói rằng mình lang dâm trác nết thì có lý hơn! Mà mình muốn vậy tôi cũng cho mình vậy, một con vợ bất trung bất tín như mình, tôi còn chứa trong nhà làm chi cho thêm đau thêm nhục, tôi cho phép mình được tự do mà chung tình cùng người mới đó!

Kim Duyên toan mở lời cầu khẩn, Hữu Đức đưa tay ngăn lại mà rằng:

– Không, không, tôi không muốn nghe lời gì của cô nữa hết, vì tôi không tin lòng cô; bây giờ tôi nhất định mời cô ra khỏi nhà, nhất thiết không nhìn biết cô là vợ nữa, cô phải đi ngay, không được chần chờ dục dục!

Hữu Đức nói dứt lời ngoe nguẩy bỏ đi ra ngoài mà ngó mông ra trước cửa, độ được nửa phút đồng hồ lại trở vào phòng thấy vợ còn ngồi bưng mặt khóc thì thấy rất động lòng, nhưng một lời đã nói ra không thể không thi hành được. Thầy bảo:

– Hãy đi cho mau nếu để tôi nhắc một lần nữa thì mang nhục đa!

Kim Duyên vừa khóc vừa nói:

– Minh ôi! Minh nở lòng nào rẻ rúng tôi cho đành? Thà là mình giết tôi, chớ mình đuổi tôi đi tôi biết nương cây vào ai!

– Nương cây vào tình nhân của cô chớ nương cây vào ai? Khéo nói trở trêu dữ! Tại cô phụ lòng tôi trước, chớ có phải khi không mà tôi đem lòng rẻ rúng cô đâu! Mà bây giờ tôi không muốn nói dài vắn gì nữa hết, ý tôi đã nhứt định rồi, tôi không còn thương yêu gì cô nữa. Cô phải đi lập tức!

Kim Duyên hết lời cầu khẩn, mà Hữu Đức vẫn khăng khăng một lòng, cùng thế rồi Kim Duyên không biết làm sao, buộc lòng phải tách mình đời chơn...

Kim Duyên ra đi mà gan bào ruột thắt, tức tri đau lòng. Cô nói: “Triệu Phi Tiên! Vì mi mà ta phải thất tiết với chồng ta, mi là một kẻ đại thù của chồng ta, ta phải giết mi chết để trả thù cho chồng ta, ta lấy máu trái tim mi mà rửa nhục đời ta!” Cô lau nước mắt rồi đi ngay lại nhà cô Ba... thấy Phi Tiên còn chơi ở đó, cô thấy Phi Tiên thì lửa giận phùng phùng, song cô liệu khó mà ra tay bằng một cách đường đột được, cần phải thừa khi Phi Tiên thất thế không phương ngăn trở thì mới có thể ra tay. Cô bèn đổi giận làm vui mà rằng:

- Nó sẽ đi khỏi chừng năm ngày!
- Chừng nào đi?
- Chiều nay...
- Vậy thì tối nay chúng ta sẽ được chung vui tình ái?
- Phải rồi! Vậy anh hãy về nhà nghỉ, tối lại cho sớm, lối chừng bảy giờ có em ở đây.

Phi Tiên gật đầu rồi hai người chia tay từ giã. Kim Duyên đi Chợ Mới Sài Gòn để mua một con dao nhọn và thuốc độc; con dao tính để giết Phi Tiên, còn thuốc độc để hủy mình sau khi giết được Phi Tiên. Mua đồ xong, cô trở về nhà cô Ba... vào phòng nằm chờ...

Chưa bảy giờ Phi Tiên đã đến, anh ta quen thói phong tình như trước, toan bày trò hoa nguyệt lá loi, Kim Duyên ngăn lại mà rằng: “Tôi mệt lắm, anh để cho tôi ngủ một giấc, rồi sẽ làm chi thì làm!” Phi Tiên tưởng thiệt nên bằng lòng, anh ta nằm chơi một hồi rồi ngủ quên mất. Kim Duyên rút dao ra nhắm ngay ngực Phi Tiên, tính sẵn xuống một dao cho rồi đời đưa lòng lang dạ thú: nhưng chẳng rõ tại sao lúc đưa dao lên rồi thì tâm thần cô rối loạn, bủn rủn cả tay chơn, không thể gì hạ độc thủ cho được; con dao buông rơi ngay xuống ngực Phi Tiên, làm cho anh ta giật mình mở mắt ra, thấy vậy nhìn sững Kim Duyên mà hỏi rằng:

– Bộ mi muốn hại ta sao chớ?

Kim Duyên tỏ sắc giận dữ mà đáp rằng:

– Phải! Ta hôm nay đến đây là quyết giết mi, song sợ phần mi chưa đến nên ta không nỡ xuống tay đó!

– Tại sao khi không mà mi lại muốn gây nên chuyện tội ác này?

– Ta giết mi vẫn là tội ác, song cái tội ác của ta còn có chỗ dung chế được; chớ như cái tội dâm vợ người của mi thì thật là lớn lao vô ngần!

– Té ra ngày nay mi biết ăn năn hối hận rồi à?

– Phải! Mà từ ngày ta lên chồng ta mà giao tình cùng mi đến nay, thì lúc nào ta cũng biết vậy là quấy; song vì chưa có duyên cớ gì làm tỉnh ngộ lòng ta được, nên ta mới cam tâm mà ân ái cùng mi. Ngày nay công chuyện đã vỡ lở ra rồi, đáng lẽ thì chồng ta phải phân thân ta và mi; nhưng người chẳng hề dùng thói vũ phu mà đá động đến chúng ta, chỉ lấy lời nói mà răn ta; ta thấy chồng ta có lượng bao dung như vậy thì khiến lòng ta tỉnh ngộ và thương người vô cùng; ta thương chồng ta bao nhiêu thì ta lại thù cùng mi bấy nhiêu. Bởi ta thù mi nên ta tính giết mi vậy!

– Nếu mi giết ta rồi, thân mi mi sẽ liệu cách nào?

– Thân giá ta còn có ra chi mà mong sống trên mặt địa cầu này nữa, ta giết mi rồi ta hủy thân vậy!

Phi Tiên ngồi chống tay lên cằm, mặt ngó xuống đất, nhẩn mặt nhíu mày, lộ ra vẻ buồn rầu hối hận, anh ta lắc đầu chắc lưỡi rồi nói:

– Đã biết việc dâm vợ người là quấy; song vì ma lực tình nó lôi cuốn vào bể ái mà mình không tránh được sự quấy. Trong trời đất không có gì hạnh phúc cho hơn loại bằng ái tình, mà cũng không có gì đáng cho hơn loại ghê gớm hơn ái tình; ái tình có thể đưa tâm hồn con người lên mây xanh, mà cũng có thể xô thân thể con người xuống vực thẳm. Than ôi! Vì ái tình mà kiếp người của ta phải đau đớn nhọc nhằn, vì ái tình mà ta trở nên con người vô dụng!

Phi Tiên nói đến đây, kể cô Ba đẩy cửa bước vào hỏi một cách lả loi ngả ngớn rằng:

– Gì mà vô dụng hữu dụng trong này đây?

Nghe hỏi Phi Tiên lấy làm chướng mắt, bèn nạt rằng:

– É thôi đi! Mi là một con đàn bà khốn kiếp, chỉ mong lợi mình mà hại người; khi ta còn học trong trường tánh tình tư cách ta thế nào, cũng vì mi quyến dụ bày cách ăn chơi mà ngày nay ta mới trở nên con người khốn nạn. Ôi! Biết bao nhiêu người phải nát cửa hại nhà vì mi...!

Cô Ba... ngạc nhiên vô cùng, chưa kịp mở lời gì kể Kim Duyên điểm mặt cô Ba... mà nhieếc rằng:

– Ta găm lại ngày nay ta mà hóa ra một con đàn bà hư danh nhót kiếp, thì đầu dây mối nhợ đều tại mi hết thầy. Ta làm bạn với mi, mi chỉ đem cái hại mà truyền giáo cho ta, chớ ta chưa từng học được một lời hay, hay là một chuyện gì tốt của mi hết thầy. Mi là một kẻ đại gian ác, ta muốn giết mi để trừ hại cho xã hội, song nghĩ vì mi là một con đàn bà vô giáo dục, tâm địa chẳng ra gì, giết mi càng như tay! Ta khuyên mi từ rày trở đi hãy cải ác tùng lương do theo đường chánh mà làm ăn, nếu mi còn quen theo nét cũ nữa thì chắc là có ngày mi sẽ chết bằng một cách ghê gớm lắm vậy...!

Cô Ba... ra dáng thẹn thuồng ngơ ngẩn, muốn nói gì đó không biết, nhưng chưa kịp nói thì Phi Tiên hét lớn rằng:

– Mi đừng có đòi co gì cho mất công, lời nói của mi nghe rườm tai lắm! Mi hãy đi ra khỏi phòng này cho mau, đừng cho người ta bàn tính công chuyện, nếu còn đứng nói lời thôi ta sẽ vằm đầu mi bây giờ!

Phi Tiên vừa nói vừa tỏ sắc giận dữ, làm cho cô Ba... sợ hãi nên phải riu riu đi ra! Phi Tiên hỏi Kim Duyên rằng:

– Tại sao mà chồng cô hay được chuyện này?

– Tôi không biết vì có nào cả!

– Tôi chắc thằng Lưu Văn Lai nó bỏ thơ rơi?

– Tôi cũng nghi như thế; nhưng mà ai bỏ thơ rơi làm gì mặc ai, cái tội của chúng mình cũng đáng lắm mà!

Phi Tiên nín lặng một chút rồi hỏi:

– Khi chồng cô hay dạng rồi xử trí với cô bằng cách nào?

Kim Duyên thuật hết đầu đuôi cho Phi Tiên nghe. Phi Tiên nghe xong rồi nghĩ thầm rằng: “Vì mình mà vợ chồng người ta phải xa nhau, bây giờ mình đã biết ăn năn thì mình phải làm sao cho vợ chồng người ta hòa hiệp lại, mình phải đến trước mặt chồng Kim Duyên mà thú tội và yêu cầu người hãy dung thứ Kim Duyên, còn mình đây người muốn xử sao mặc tình!” Nghĩ vậy bèn ngỏ ý ấy cho Kim Duyên biết, Kim Duyên bằng lòng...

Nhắc lại sau khi thấy Hoàng Hữu Đức đuổi Kim Duyên ra khỏi nhà, thấy nhìn theo bóng vợ mà bào bọt xót xa, tâm trường đòi đoạn, trông trời đất một màu thâm đạm, đoái cỏ cây nhuốm vẻ ầu sầu. Tình cảnh của một người buồn tình thất chí như thấy đau đớn kể sao cho xiết.

Lúc ấy đã mười một giờ khuya, ai nấy thấy đều an giấc duy có một mình thấy trần trọc thở than, thấy nằm trên ghế phơ phôi, tay gác

qua trán, lụy chảy đầm dề, trí thì đương suy nghĩ việc xảy ra vừa rồi, bỗng nghe tiếng gõ cửa đằng trước, thấy vội vàng bước ra mở cửa, một người lạ mặt bước vào gương mặt có vẻ thẹn thuồng sợ sệt. Thấy nhìn kỹ lại thì người ấy chẳng ai đâu lạ hơn là kẻ đã cướp cái hạnh phúc của thầy, thầy lấy làm lạ mà rằng:

– Chú đến tôi có việc chi? Cái hạnh phúc đời tôi chú đã cướp đi rồi, bây giờ chú còn muốn đến đây mà giết tôi nữa sao?

Phi Tiên sụp xuống trước mặt Hữu Đức mà nói một cách rất nhỏ nhẹ rằng:

– Tôi tôi đáng chết, thầy muốn giết tha mặc tình!

– Người như mi ta giết làm chi cho nhơ tay, nếu ta muốn giết thì mi đã tan xương nát thịt từ hồi chiều rồi, còn đâu tới giờ này!

Nói dứt lời Hữu Đức bỏ đi lại ghế pho toi mà nằm; Phi Tiên lần lại hạ mình năn nỉ rằng:

– Thưa thầy: xưa nay biết bao nhiêu anh hùng nghĩa sĩ, có học thức rộng có tài chí cao mà còn phải lụy vì tình thay! Huống chi một kẻ phàm phu tục tử như tôi thấy sắc đẹp mà không đắm? Cái chủ tâm của tôi thật không bao giờ muốn làm chuyện quấy, vì bởi mắt trông sắc đẹp rồi tâm mới động mà dục vọng việc dâm phong, đã quyết cho thỏa chí mình thì dầu sống thác nhục vinh cũng không kể. Vợ thầy ngày nay mà thất tiết với thầy đó đều tại tôi mà ra cả; vợ thầy là một người đàn bà có lòng trung tín với chồng chớ chẳng phải là hạng hoa tường liễu ngô, song vì trí thấp chí hèn mắc phải mưu sâu, trong khi túng nước sẩy chơn chạy trời không khỏi nắng, cực chẳng đã mới đành đem mối chung tình của thầy mà chia sớt cho tôi. Vậy thì quấy là quấy ở tôi, thầy có giận thì giận tôi, có giết thì giết tôi; còn vợ thầy lỡ đại tôi xin thầy hãy lấy lượng hải hà mà dung thứ, người trượng phu há đi cố chấp một kẻ liễu bỏ chất yếu hay sao?

Hữu Đức có hơi xiêu lòng, thầy nghĩ sao không biết lại hỏi:

– Cái mưu sâu kế độc của chú thế nào đâu chú kể cho tôi nghe thử?

Phi Tiên bèn kể rõ cái mưu kế của mình sắp đặt với cô Ba... làm cho Kim Duyên thua rớt túi rồi cầm tới đồ đạc áo quần không còn tiền đi chợ, cùng thế phải đem bán rẻ chữ tiết để lấy tiền chi dụng cho Hữu Đức nghe.

Tuy vậy mà Phi Tiên nói cũng chưa tường tận ngọn nguồn, khi ấy Kim Duyên bước vào nói rõ cho chồng nghe tại sao mà mình phải sa mê cờ bạc, đến khi lỗ thua hết tiền rồi quyết bẻ tự vận; nhưng vì thương đứa con vô tội trong lòng mà không đành chết được, vì đó mới gây nên chuyện đổi phong bại tục ngày nay.

Hữu Đức nghe qua rõ cả đầu đuôi thì mới biết đầu dây mối nhợ đều tại cô Ba... hết thấy. Thấy nói:

– Thiệt là đồ sâu mọt của xã hội, chúng nó làm cho nghiêng đổ cả nền luân lý nước nhà, thế mà vẫn được tự do sanh hoạt; còn những người có lòng trung can nghĩa khí, có chí giúp đời thì lại chẳng có chỗ dung thân, nay tù mai tội, nghi thiệt bất bình thay!

Kim Duyên thấy chồng bớt giận: bao nhiêu sự căm tức đều đổ trút vào một mình cô Ba... thì cô rất mừng thầm; bèn lại nỉ non vuốt giận chồng mà rằng:

– Bây giờ cái tội tôi đã đành là tội chết, nếu mình chẳng nghi mà giết tôi, tôi cũng vui lòng; nhưng mà tôi xin mình suy cho cùng nghĩ cho cạn đã...?

Hữu Đức thấy vợ ăn năn than khóc thì thấy xúc tâm cảm động vô cùng, song thấy chỉ trả lời bằng hai hàng lệ thấm, chớ tuyệt nhiên không nói tiếng gì!

Phi Tiên thấy Hữu Đức đã hết giận vợ, mà anh ta then thưởng mắc cỡ quá, không thể nào ngồi đó được nữa nên phải cáo từ ra về, Hữu Đức khuyên rằng:

– Đối với một người làm quấy mà đã biết ăn năn thì tôi không

bao giờ cố chấp, vậy thì thầy hãy an lòng, tôi mong rằng từ đây thầy sẽ trở nên một người có ích cho nhơn quần trong xã hội!

Phi Tiên tỏ lời cảm ơn và vâng theo lời vàng ngọc rồi ra đi liền.

Khi ấy Hữu Đức cầm tay vợ mà an ủi rằng:

– Tôi cũng rộng lòng mà tha thứ cho mình và tôi mong rằng từ này về sau mình sẽ trở nên một người vợ hiền đáng yêu đáng quý của tôi?

Nghे mấy lời châu ngọc của chồng, Kim Duyên cảm tình vô hạn, hai tay cô ôm lấy mình chồng, kề mặt vào ngực Hữu Đức mà lẳng lẳng làm thỉnh tỏ ra vẻ thương chồng một cách vô cùng vô tận, không bút mực nào mà tả ra cho cùng...

Từ đó trở đi hai người đối với nhau rất là quý trọng, không hề có xích mích nhau một điều gì; nhưng Kim Duyên lấy làm bất mãn có một điều này là chồng cô không có ân ái với cô nữa! Cô nghĩ lấy làm thẹn, nên sau khi nở nhụy khai hoa, đưa con kia lọt khỏi lòng thì cô liền tự vận.

Nhưng cũng may: khi Kim Duyên vừa bung chén thuốc độc toan uống thì Hữu Đức ngó thấy liền chạy lại giắt lấy chén thuốc mà đổ đi, thấy hỏi:

– Sao mình lại tính việc bậy như vậy?

– Một con dâm phụ nhơ nhớp bị chồng hắt hủi như tôi thì còn sống nữa mà chỉ cho thêm nhục!

– Xin mình chờ nệ, bấy lâu tôi thương mình lắm mà hể tôi nhớ tới việc mình thất tiết thì tôi không ân ái được. Từ này về sau tôi sẽ bỏ qua, coi như không có, tôi không để cho mình buồn rầu tủi thẹn nữa đâu!

Muốn cho vợ được vững lòng nên thầy hôn vào má Kim Duyên một cái tỏ ý thương vợ bằng một cách thâm thúy mặn nồng. Kim Duyên ngó chồng mà cười và nói: “Như vậy tôi mới có thể sống đời với mình được!”.

Viết tại Sài Gòn ngày 22 Avril 1931

ANH BẠC TÌNH

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

ĐOÀN-THIỆN TIỂU-THUYẾT

ANH BẠC TÌNH

Soạn-giả: SƠN-VƯƠNG



— mây lại nhẹ đỡ ăn-mây mà thương !
Bản-quyền sở hữu. Giá nhứt định 0\$09

Imprimerie ĐỨC LƯU-PHƯƠNG
158, Rue d'Espagne, Saigon

— 1931 —

ANH BẠC TÌNH

Một căn phố trệt ở trong đường hẻm Aviateur Garros, nửa căn đằng trước một cậu công tử tên Hồ Kim Sơn ở, nửa căn phía sau cho một bà già bán trái cây ngoài Chợ Mới mướn. Tại sao một cậu công tử ở không hết một căn phố, lại cho người khác mướn nửa căn? Nguyên trước kia một mình Kim Sơn ở trọn căn, sau có bà Nguyễn Thị Khanh tới mướn nửa căn phía sau, đặt buôn bán ngoài chợ cho gần. Kim Sơn thấy bà nọ có một cô con gái mặn mà có sắc, thì anh ta chịu cho mướn liền!

Bà Nguyễn Thị Khanh chồng chết đã lâu, con bà kể cũng đông, song toàn là quân thất giáo nên chúng nó hoang đường chi địa hết, duy còn có một mình cô Chín Mi ở lại hủ hỉ với bà mà thôi. Cô Chín Mi năm nay mười tám tuổi, cô chẳng những có duyên có sắc, mà nữ công nữ hạnh của cô ít người sánh kịp! Từ ngày cô trộm tuổi, có nhiều nơi sang trọng đến nói cô mà cô không ưng, chính công tử Kim Sơn đã lăm phen ve vãn cô mà cô cũng không chịu!

Cô thấy đời bây giờ có nhiều cặp vợ chồng nhờ đồng tiền mới được gần nhau, rồi sau cũng vì đồng tiền mà phải xa nhau. Đường đời còn dài, thúng thẳng mà gạo đục lóng trong, việc vợ chồng có gặp gì mà cô phải bôn chôn vùi vãi!

Gần đây có một thầy tên Bạch Phi Tâm về ở đậu tại nhà công tử Kim Sơn, Phi Tâm người ở lục tỉnh, làm thơ ký cho một hãng rượu ở đường d'Espagne gần khóm lớn Sài Gòn, chẳng may hãng ấy buôn bán lỗ là phải bị đóng cửa, Phi Tâm thất nghiệp nên về nương nhờ

nhà bạn ít lâu. Thấy người đã đẹp trai mà tánh tình cũng ngay thẳng lắm, nên chúng bạn thấy đều yêu vì, chớ phải lỗi thời đâu!

Ở Sài Gòn này mà không có chỗ làm trong ít ngày thì thấy nguy rồi. Nên Phi Tâm ngày nào cũng xách *dờ măn*⁽¹⁾ đi kiếm chỗ làm, song trong cái buổi khó khăn này, kiếm được một cái chỗ làm có dễ dàng gì đâu! Những sự khát khe hình như là một mình người Nam ta riêng chịu, chớ người ngoại quốc... kia họ vẫn sướng như tiên, họ cất một cái nhà lầu, hay là trồng một sở cao su còn dễ hơn người mình nấu một nồi cơm hoặc may một cái áo nữa kia. Than ôi! Cùng chung ở trong một thành phố Sài Gòn, mà kẻ thì cười người lại khóc, nghĩ có đáng ngậm ngùi không? Nếu có ai hỏi thiên đường địa ngục ở đâu, chúng tôi dám đại ngôn rằng thiên đường và địa ngục chẳng đâu xa lạ, mà chính là ở Sài Gòn đây!

Cô Chín Mi từ nhỏ tới lớn, cô chưa từng biết thương ai bao giờ, nay cô thấy Phi Tâm cử chỉ đoan trang mà phải con khốn đốn thì cô thương, tơ tình ngày càng vương vấn...!

Bữa nọ cô thấy thầy đi xin chỗ làm về mà gương mặt buồn xo, mồ hôi ra có giọt, hình như bụng đói miệng khát mà chưa xin được chỗ làm, thì cô bất giác động lòng, đến đổi sa nước mắt.

Phi Tâm nhìn thấy rõ ràng, song một là thấy thấy bạn mình có tình cùng cô nọ, nếu dự vào e lỗi đạo anh em, hai nữa là trong lúc nghèo hèn như vậy, một thân mình lo còn chưa xuể, còn tính tới việc vợ con làm chi!

Cô Chín Mi trông cho Phi Tâm khởi sự trước đặng cô “ừ” một tiếng là xong chuyện, nhưng trông ngày này sang ngày khác mà không thấy thầy mở lời gì cả.

Làm thân con gái mà có cái tâm sự như vậy nghĩ cũng đáng then, song người đúng đắn(?) như Phi Tâm cũng đáng cho cô thương!

(1) *dờ măn*: *demande* = giấy đề nghị, yêu cầu (NBS)

Một bữa kia, má cô bán trái cây ngoài Chợ Mới, công tử Kim Sơn đi uống rượu ở nhà hàng, duy có một mình cô và người cô trộm dấu thâm yêu ở nhà mà thôi.

Thừa dịp ấy cô lân la chuyện vãn làm quen với Phi Tâm, ban đầu còn bàn chuyện gần xa, sau cô lại tỏ tình luyến ái. Phi Tâm từ chối mà rằng:

– Đang lúc tôi bơ vơ thất nghiệp như vậy, mà còn có người biết thương xót tôi thì người ấy không phải là người thường. Cô có lòng đoái tưởng đến phận hèn, thiết tôi lấy làm cảm ơn hết sức, song thân tôi ngày nay còn có ra gì mà dám mong sánh đôi với một người con gái quý hóa như cô?

– Con người “ra gì” hay “không ra gì” là do lòng tốt hay xấu, chớ có phải tại nghèo hèn mà kém giá trị đâu!

– đành vậy, song nhơn tâm thế đạo ngày nay đã trụy lạc vì kim tiền, còn có mấy người biết nghĩ phải trái như cô. Hiện nay tôi cũng còn lo buồn nhiều việc riêng, thà là cô phiền tôi, tôi chịu, chớ tôi chưa có thể tính tới việc trăm năm được!

– Hay là thầy ngại điều gì chẳng?

– Tôi phải ngại lắm chớ! Chẳng thà ngày nào tôi có nhà cửa tiền bạc rồi tôi sẽ cưới vợ, chớ bây giờ cưới vợ mà phải sống nhờ bên vợ thì tôi không muốn.

– Xưa nay có nhiều người thi đậu có bằng cấp rồi thì mong cưới vợ giàu đặng ăn gia tài, bị thiên hạ dèm pha thì thấy ngại cũng phải, song lòng thầy đừng như họ thời thôi, có hại gì đâu!

– Lòng tôi sao thì tôi biết chớ có ai biết cho tôi?

– Vì dầu không ai biết, một mình em biết cho thầy cũng đủ rồi!

– Lười không xương nhiều đường lắt léo, tôi sợ miệng thiên hạ hơn là sợ cạp!

– Kề ngu dân tục tử mới bạ đâu nói đó, không cần phân biệt kẻ

dại người ngay, song nó đã ngu dốt thì còn câu nệ với nó làm chi. Một ngàn người nói bậy không bằng một người nói phải cho thấy đó?

Nghe mấy lời vàng đá ấy, Phi Tâm cảm động vô cùng, thấy toan trả lời lại kể bà Nguyễn Thị Khanh về, thành ra câu chuyện tới đây phải dứt ngang.

★

Chẳng rõ Phi Tâm sợ mịch lòng bạn mà ăn năn, hay là tại rầu nổi không sở làm ăn mà từ đó trở đi hình như thấy không quan tâm chú ý gì đến cô Chín Mi nữa.

Về phần cô Chín Mi thì cô nóng lòng lắm, nóng lòng vì câu chuyện chưa có gì được thỏa mãn mà bỗng dưng phải chịu dứt ngang. Cô trông cho có một dịp may như thế nữa đành cô hỏi lại coi Phi Tâm định liệu lẽ nào. Mà hại thay! Hễ má cô đi bán thì công tử Kim Sơn lại ở nhà, còn lúc nào má cô ở nhà Kim Sơn mới chịu đi vắng! Thành ra hai người gần nhau trong gang tấc mà chẳng khác gì gặp mười quan san!

Cô mong mỏi quá mà không biết làm sao. Cô bèn viết một bức thơ, trong đó kể hết tình đầu mọi sự, rồi cô thừa lúc Kim Sơn ngủ và ai nấy đều đi khỏi, đút vào túi áo u-oe của Phi Tâm móc nơi vách tường. Cô đút làm sao mà để cho Kim Sơn thấy được, anh ta không thèm nói cứ làm bộ ngủ rồi một lát cô Chín Mi làm gì lục đục ở đằng sau, anh ta bèn lấy xé ra coi. Kim Sơn xem bức thơ ấy thì giận cô Chín Mi lắm, lại sanh lòng ác cảm với Phi Tâm nữa. Chớ chi anh ta biết cô Chín Mi trọng nhơn nghĩa hơn tiền tài thì chắc anh ta không bao giờ chịu cho Phi Tâm về ở đậu nơi đó.

Anh ta nghĩ rằng nếu anh ta mà không lấy được cô Chín, thì anh ta cũng không để cho ai hơn phần anh ta được. Nghĩa là bây giờ anh ta sẽ làm cho cô Chín Mi và Phi Tâm phải chịu nhục nhã và xa nhau. Anh ta bèn cầm bức thơ đó đi ngay lại chợ mà đọc cho bà Nguyễn Thị Khanh nghe, thơ ấy như vậy:

“Cùng thầy Bạch Phi Tâm đăng rờ:

Thưa thầy: ngày nay mà em phải viết bức thư này để trao cho thầy thật là em hổ thẹn phận em không biết đường nào. Song vì cái tình thương của em đối với thầy ngày nay đã mặn nồng chan chứa, không thể gì cầm lòng được nữa, nên em chẳng quản gì sự phải trái nên hư!...

Như em đây tuy không dám tự phụ là người trinh liệt, song cũng không đến nỗi như phường ngô liễu tường hoa. Mấy năm nay có hơn mười mấy chỗ giàu có cậy mai đến nói mà em không ưng. Chính người bạn của thầy đây cũng thương em lắm, mà em thấy thầy giàu thì ép em ưng thầy, song vì một lẽ riêng nên em không sao ưng được!

Thầy tuy không phải ruộng sâu trâu cái như ai, song lương tâm thầy tốt, còn em lấy chồng cốt chọn người quân tử, chứ không cần kẻ nhiều tiền.

Không biết tại sao mà em thương thầy quá đỗi! Em nói quyết với thầy một lời rằng nếu em chẳng đăng cùng thầy kẻ vai chung gối thì trót đời em cứ ở vậy chứ không lấy chồng. Thà rằng em được một người chồng như thầy vậy mà dầu đắng cay cực khổ thế nào em cũng chịu, chứ em không muốn có chồng giàu sang mà bụng dạ tiểu nhon!...

Vậy xin thầy hãy thương xót giùm phận em, mà đừng phụ lòng mong mỏi của em. Nếu em thất vọng thì em phải đau rầu mà chết. Vì dầu em không chết ắt là đời của em cũng không còn gì hân hạnh nữa!

Thầy cứ việc bằng lòng đi, rồi em sẽ thưa lại với má em mà định việc hôn nhân. Nói cho cùng mà nghe nếu có thể nào thì em cũng quyết đem vàng đá mà liều với thân, cho trọn niềm thủy chung cùng thầy.

Mấy lời tâm huyết mong thầy niệm tình chiếu cố”.

Mademoiselle Nguyễn Thị Mi kính thư.

Bà Nguyễn Thị Khanh nghe Kim Sơn đọc bức thư đó thì bà đa

giận cô Chín Mi lắm rồi, kể Kim Sơn lại thọc thêm cho bà một câu nữa:

– Tôi tưởng cổ chê tôi mà kén một người chồng nào *xứng đáng* hơn tôi, không dè ngày nay cổ gởi thơ tình cho quân *ăn mây*!

Anh ta nói rồi bỏ đi về nhà, bà Nguyễn Thị Khanh nghe câu ấy chẳng khác nào lửa đang cháy mà đổ thêm dầu, bà bèn để đổ cho một đứa ở bán, bà cầm bức thơ ấy đi riết về nhà, tình đánh cô Chín Mi một trận cho như tử mới là đã nư giận!

Thảm thay! Cô Chín Mi nào có hay biết gì đâu, lúc ấy trong trí cô tưởng tượng rằng nếu Phi Tâm đi xin chỗ làm về bắt được thơ đó, thì chắc nội trong buổi chiều cô sẽ có tin mừng! Chớ cô có dè đâu thơ cô đã bị đoạt mất mà sẽ bị roi vọt đến nơi.

Kim Sơn đem thơ ra chợ hỏi nào cô không hay, chừng anh ta về thì cô thấy anh ta ngó cô mà cười bằng một cách khinh bỉ, kể đó má cô bước vào mà sắc mặt hằm hằm giận. Cô lấy làm lạ chưa biết tại sao, kể bà Nguyễn Thị Khanh chẳng nói chẳng rằng gì hết, nắm đầu cô lôi lên ván bắt cô cúi xuống mà đánh, bà vừa đánh vừa chửi nghe thoi rùng tai nhức óc, đại ý bà mắng cô Chín Mi rằng sao bà gả cô cho con nhà giàu, đáng cô được nhờ tám thân về sau mà cô không chịu, lại đi nhè một người bá vợ không phương thế làm ăn như Phi Tâm mà thương!

Lúc bà đánh gần đã tay thì Phi Tâm mới về tới, thấy thấy cô nọ bị đòn thì lấy làm lạ và rất thương tâm, nhưng thấy cũng giữ thái độ tự nhiên mà hỏi Kim Sơn rằng:

– Tại sao cô ấy bị đòn dữ vậy?

Kim Sơn trối giọng nạt rằng:

– Thôi đi! *Vous* ⁽¹⁾ đừng có làm bộ không hay không biết. Trước tôi lắm tưởng *vous* là người tử tế, chẳng dè ngày nay *vous* làm việc

(1) *Vous*: anh

tác tệ như vậy, bây giờ tôi không bằng lòng cho vous ở trong nhà này nữa. Vậy tôi mời vous phải ra khỏi nhà này lập tức!

Phi Tâm nghe nói mấy lời trái tai ấy thì ngạc nhiên vô cùng, bèn hỏi:

– Tôi làm gì mà vous gọi rằng tác tệ?

– Chà! Còn hỏi đó, vous không làm gì tác tệ mà con người ta phải bị đòn, ha!

Phi Tâm chưa kịp trả lời, kể bà Nguyễn Thị Khanh nói trống lên bằng một cách gay gắt rằng:

– Đồ không ra gì như vậy mà thấy hai thầy chứa trong nhà làm gì không biết!

Kim Sơn lại tiếp mà nói:

– Thấy nó thất thơ thất nghiệp thì thương đem về nuôi cơm làm phước, ai ngờ đâu nó đã chẳng biết ơn lại còn trở lại làm xấu mình!

Phi Tâm thấy nhơn tình như vậy thì tức tối vô cùng. Thấy nghĩ rằng trong mấy người đó trừ cô Chín Mi ra thì không còn có một người nào biết phải, thì dầu có cãi lẽ với họ cho lắm cũng uống tiếng, chớ không ích gì, nên thầy bậm môi cắn răng làm thỉnh xếp đồ bỏ vào valise rồi bươn bả đi ngay. Trong lúc người ta then thưởng xấu hổ như vậy, thế mà những người tụ lại xem đó đã chẳng tỏ ý thương tâm, lại còn châu vào mà ngó Phi Tâm từ đầu xuống tới chân, rồi xâm xì nhau mà cười, cho đến lúc thầy nọ đi khuất dạng cũng chưa chịu thôi.

Cô Chín Mi lạy lục mà xin lỗi mẹ, song bà là hạng người hàng tôm hàng cá, nên chẳng những bà không che xấu giùm cho con, bà lại còn đem những câu trong thơ kia ra mà nhạo đi nhạo lại. Bà nhạo một câu thì Kim Sơn và ai nấy lại cười rộ lên một cái, làm cho cô Chín phải nát ruột bầm gan, chẳng thà là đem mà hành hình còn dễ chịu hơn cách khốn nạn ấy.

Cô Chín Mi nhục đến đâu, song đã nặng vì tình nên phải cam tâm mà chịu.

Cô nghĩ rằng tuy cô với Phi Tâm chưa có một lời gì giao kết với nhau, song cô đã định ninh trong dạ sẽ lấy Phi Tâm làm chồng, thì bây giờ dầu rủi may cay đắng thế nào cô cũng theo Phi Tâm cho đến cùng.

Cô biết Phi Tâm ra đi mà không còn có một đồng xu dính túi, cô không biết rồi đây Phi Tâm phải làm than vất vả đến thế nào. Cô nghĩ đến tình cảnh khất khe của Phi Tâm chừng nào cô càng đau lòng xót dạ chừng nấy.

Cô vẫn biết hiếu trọng hơn tình, song vì cô nặng lòng thương Phi Tâm thái quá, nên tối lại thừa cơ bà Nguyễn Thị Khanh ngủ rồi cô lên ra ngã sau mà đi. Song cô chỉ mặc có một bộ đồ trong mình và đem theo hơn năm chục đồng bạc của cô dành dụm bấy lâu, chớ cô không có lấy món chi của mẹ cô tất cả.

Cô chẳng kể gì chữ hiếu, lặn lội theo tìm Phi Tâm hơn năm sáu ngày mới gặp. Trong lúc gặp đó thì Phi Tâm đương đi lang bang trên con đường Jean Eudel bên Khánh Hội, valise và quần áo tây đều tiêu mất, chỉ còn có một bộ đồ vải trắng mặc trong mình mà thôi, song coi đã dơ lắm rồi!

Phi Tâm tưởng cô nọ đã hoát mình rồi, không ngờ ngày nay còn lặn lội theo tìm, nên thấy động lòng hết sức. Còn cô Chín Mi tìm được người yêu cô mừng quá. Hai người nắm tay nhau tỏ tình dan díu, túi túi mừng mừng, cả hai đều sa nước mắt.

Phi Tâm thấy cô Chín Mi vì mình mà phải lao đao si nhục, nên thấy cảm cảnh vô cùng, thấy nhưt tâm rằng trong đời này thấy chỉ biết có một mình cô Chín Mi là người tri kỷ mà thôi, ngoài ra dầu cho con vua cháu chúa, lịch sự như tiên thấy cũng không thềm!

Cô Chín Mi lấy tiền mình làm vốn mua bán làm ăn, lời được bao nhiêu thì nuôi nhau và sắm quần sắm áo cho chồng.

★

Một bữa kia trời nắng chang chang, Phi Tâm đang ngồi trong

nhà ngó mong ra trước cửa, thấy vợ đường xa gánh gánh lúi thúi chạy về, vợ thấy yếu đuối mà gánh nặng không vừa, nên vô vừa tới cửa thì mệt thở hào hển. Phi Tâm nắm tay vợ mà rằng:

– Để mai mốt tôi đi làm cu li xe kéo gìặng cho đồng chồng đồng vợ, chớ tôi không muốn để cho mình khổ thân, mà một mình tôi hưởng phần sung sướng.

Cô Chín Mi không chịu để cho chồng cực nhọc nên cô nói rằng:

– Việc mua gánh bán bưng cũng là một việc thường của đàn bà, có cái gì cực nhọc đâu mà mình phòng ngại, một mình em buôn bán cũng đủ nuôi nhau, mình cần chi phải ra thân lao động cho thiên hạ cười!

– Ta làm ăn chớ trộm cướp ai mà sợ thiên hạ cười?

– Nhưng mà em không muốn như vậy, mình cứ việc ở nhà giữ nhà để cho em đi bán, ngày nào mình kiếm được chỗ làm sang trọng rồi sẽ làm, còn không có thì thôi.

Phi Tâm thấy vợ ăn ở hết tình với mình như vậy, thì cảm xúc vô cùng, thấy nhìn vợ trần trần, còn tay thì vuốt mí tóc cô lên! Cái tình thương của hai người trong lúc này càng tăng lên bội phần.

Được ít lâu có một hãng kia cần dùng nhiều người giúp việc. Phi Tâm dứt đơn vào xin thì được liền. Nhờ thấy làm việc siêng năng mẫn cán nên được lòng chủ tin dùng, mới vô làm mà lương mỗi tháng hơn sáu chục.

Khi đó cô Chín Mi đã có thai, thấy Phi Tâm không cho vợ đi bán nữa. Bất đắc dĩ cô phải vâng lời chồng, chớ cô không muốn ăn không ngồi rồi, tuy vậy mà không làm việc nặng thì cũng làm việc nhẹ ở trong nhà, cô không có đi câu tôm câu cá như ai đâu!

Cô Chín Mi nghĩ chắc lúc ấy má cô đã nguôi ngoai rồi nên dắt chồng về thú tội, và tính ở chung với mẹ đặng lo việc báo hiếu, vì lúc ấy bà Nguyễn Thị Khanh đã hơn năm mươi tuổi rồi.

Chẳng ngờ khi vợ chồng cô dắt về tới nhà thì chẳng những bà

Nguyễn Thị Khanh không thèm nhìn rể, mà cũng chẳng chịu nhìn con!

Vợ chồng cô năn nỉ lạy lục hết sức mà cũng không ăn thua gì. Bất đắc dĩ phải chịu ở riêng.

Từ đó Phi Tâm đi làm việc như thường, không còn bị ai khinh rẻ nữa.

Bữa nọ cô Chín Mi đang ngồi nhà vá áo, bỗng thấy chồng đi làm việc về nhà gương mặt không vui cô lấy làm lạ bèn hỏi:

– Sao mà coi bộ mình buồn dữ vậy?

– Khó quá! Bây giờ thối ra thì mất sổ làm, còn như không thối ắt tôi với mình phải xa nhau trong một lúc!

– Tại vì có nào?

– Hãng mới lập thêm một chi nhánh ở ngoài Hà Nội, nên định đổi tôi ra đó giúp việc, tăng lương thêm bốn chục, mỗi tháng lãnh một trăm!

– Đừng chịu đi, biểu chủ hãng đổi người khác?

– Tôi có xin ở lại mà không được, nó nói nếu không đi thì nó đuổi...!

– Nếu vậy thôi xin nghỉ đi, tôi mua gánh bán bưng cũng đủ nuôi mình, cần gì phải đầu lụy chúng nó?

– Nếu thôi thì có dễ gì kiếm được chỗ làm khác, rồi mình phải dầm sương dãi nắng thì tôi không đành lòng.

– Thà là đói cơm mà có mặt nhau, chớ em không muốn lảnh áo mà vợ Nam chồng Bắc. Vả lại em đã có ghen rồi, anh bỏ em mà đi thì sao cho tiện?

– Mình lo sợ chớ tôi nghĩ lại không hề chi, để tôi ra tới chỗ sửa soạn chỗ ở cho đảng hoàng, rồi tôi liền gửi thư về mình cứ do theo đường đi nước bước tôi đã chỉ trong thư mà ra.

– Cô Chín Mi ngồi lặng thinh một hồi rồi nói xuôi xị rằng:

– Minh tính sao xong thôi!

– Nhưng mà mình buồn quá tôi đi sao được?

– Em cũng muốn gương vui để cho mình yên lòng ra đi, nhưng chẳng rõ tại sao em không vui được!

Cô Chín Mi nói đến đó bèn dọn cơm lên ăn, Phi Tâm ăn cơm uống nước xong rồi lại nằm ngửa trên ghế phôi, coi bộ thấy ta suy nghĩ lung lăm, giây lâu thấy nói quyết định rằng:

– Thế nào tôi cũng đi, không đi thì uống, ra đó cho biết kinh thành xứ Bắc, chớ ở một chỗ hoài coi cũng nhàm!...

Cô Chín Mi ngồi gục mặt làm thính, coi có vẻ buồn bã lắm.

Vài bữa sau Phi Tâm từ giả vợ, cô Chín Mi ngoài mặt gương vui đặng đưa chồng xuống tàu chớ trong lòng thì gan bào ruột thắt.

Tàu kéo neo lìa bến, cô còn dặn với theo chồng rằng:

– Hễ ra tới chỗ rồi thế nào mình cũng lập tức gởi thơ về cho em hay, kéo em mỗi lòng trông đợi nghe hôn mình?

Phi Tâm đứng trên boong tàu gật đầu hai ba cái, mà gương mặt coi không vui!

Tàu càng xa bến, cô Chín Mi càng bối rối tơ vò, cô đứng đó trông theo chồng, mà hai hàng nước mắt tuôn ra lai láng, đến khi tàu chạy khuất rồi cô mới chịu lui chôn...

★

Phi Tâm đi rồi, cô nằm nhà mà trông ngày trông đêm, trông hơn mười mấy bữa mới tiếp đặng thơ của chồng. Trong đó đại ý nói rằng thấy đã ra tới chỗ được bình yên vô sự và khuyên cô hãy an tâm, để cho thấy xếp đặt chỗ ở ít ngày rồi sẽ gởi thơ về cho cô ra.

Cô Chín Mi yên lòng vững bụng mà chờ bức thơ thứ nhì của chồng. Nhưng chẳng rõ tại vì thơ từ thất lạc, hay là tại Phi Tâm bội nghĩa vong ân, mà từ đó về sau lại bất tin nhàn cá!

Cô ngày ngóng đêm trông, vào than ra thở hơn hai tháng trường, song kết cuộc rồi cũng tuyệt vô hi vọng, chẳng khác nào đá vọng phu!

Cô muốn ra Bắc thành để cho biết Phi Tâm vì duyên cớ gì không gởi thư cho cô nữa, song lúc ấy cô có chữa gán ngày rồi, không thể gì đi được.

Cô phải chịu âu sầu nuốt đắng cho đến sau khi nở nhụy khai huê, đưa con cô cứng cáp rồi cô mới lặn lội ra Bắc thành mà tìm chồng.

Trong lúc cô đi đường gian nan hiểm trở biết chừng nào, song vì thương chồng thì cô có quản gì đâu. Cô lại lo cho chồng, sợ e chồng bị tai nạn gì nên mới bật tin như thế, chớ cô không có nghi cho Phi Tâm một điều gì quấy hết. Vì cô kể chắc rằng Phi Tâm là người biết điều, không bao giờ nở tham giàu mà bỏ vợ yếu con thơ.

Khi ra tới nơi, kêu xe kéo đi lại tại hăng nhánh ở phố hàng Bông “Rue du Conton” mà hỏi thăm mấy thầy làm việc trong đó, có một thầy trả lời rằng:

- Thầy Phi Tâm thôi làm việc ở đây rồi!
- Đã bao lâu?
- Hơn hai tháng nay.
- Hiện bây giờ ở đâu thầy có biết không?
- Thấy ở nhà cha mẹ vợ thầy chớ ở đâu! Còn cô là chi của thầy?

Cô Chín Mi nghe nói thì hơi ôi! Tay chơn dường như bủn rủn, thần trí muốn mê man, song cô cũng định tâm lại mà đáp rằng:

- Tôi là em ruột của thầy, nhơn vì gia đình có chuyện không lành nên tôi phải từ Nam ra đây để tìm anh tôi. Vậy thầy làm ơn chỉ cho tôi biết chỗ anh tôi ở, tôi lấy làm cảm ơn lắm?

Tuy cô nói vậy, song thầy kia cũng biết tâm sự của cô ra sao rồi. Thấy bèn kêu một cái xe kéo biếu nó chở cô đi lại một cái nhà lầu ba tầng ở Phố hàng Da. Cô Chín Mi tỏ lời cảm ơn rồi lên xe.

Đây xin nhắc lại thầy Phi Tâm, khi thấy ra đến nơi thì thầy liền viết thơ về cho vợ, rồi cũng lo mượn phố dọn nhà và tính sẽ gởi thơ về Nam bảo vợ ra đàng hoàng lắm, chớ phải lòi thoi đâu!

Bữa nọ nhằm ngày chúa nhật, lúc chiều mát thầy sửa soạn quần áo bánh bao rồi đi dạo chơi. Khi đi ngang phố hàng Da, thầy thấy có một tòa nhà lầu ba tầng, cách kiến trúc thật là nguy nga lộng lẫy, dòm thấy nơi tầng giữa có một tiểu thư sắc đã đẹp hơn người, mà cái cách trang điểm cũng không khác gì công nương hoàng hậu, tiểu thư ấy liếc thấy một cái rồi chúm chím miệng cười. Làm cho thầy Phi Tâm cũng phải ngơ ngẩn tâm thần vì ả này!

Sau lại Phi Tâm dò hỏi thì mới biết tiểu thư ấy là con của một nhà đại tư bản, một mình làm chủ hơn mười mấy hiệu buôn to ở tại Hà Nội.

Chớ chi cô ấy chỉ có sắc mà không có tiền, hoặc có tiền mà không có sắc thì cũng chưa đủ làm cho Phi Tâm thay lòng mà vội quên người cũ. Ngặt vì cô kiêm cả tài sắc nên Phi Tâm đen lòng tối mắt cũng là phải lắm!

Tiểu thư ấy mỹ danh là Hoàng Thị Tuyền, đã hai mươi tuổi rồi mà chưa có chồng, là vì năm xưa cô có chữa hoang, tiếng tăm đồn dậy, nên con nhà quyền quý thì chẳng ai thèm, còn con nhà bực trung thì chẳng ai vói tới. Vì vậy nên cô mới ế chồng! Cô là con nhà giàu, lại là con một nên cô không cần kén chồng giàu, cô chỉ kén một người có sắc đẹp mà thôi. Hôm ấy cô đang đứng trên lầu để xem hoa hóng mát, tình cờ Phi Tâm đi ngang qua đó, mà bộ tướng đoan trang thì cô liền thương ngay!

Cả hai đều có tâm sự... như vậy, nên ít ngày sau hai người gặp nhau trong vườn bách thú Phi Tâm chỉ nói có mấy câu là xong việc!

Phi Tâm bây giờ đã bước vào đàng quấy thì chỉ biết kim ngân mỹ sắc là trọng, chớ có kể gì là nghĩa cũ tình xưa! Anh ta muốn ăn gia tài bên vợ, nên làm hôn thú hẩn hời, còn bên kia được chàng rể

người Nam lại cho là sang, nên bữa nghinh hôn làm coi cũng long trọng lắm!

Đám cưới xong rồi, Phi Tâm khỏi đi làm việc nữa, ngày ăn mỹ vị cao lương tối cùng vợ đẹp mà vầy duyên cá nước, lại được thế quyền cha vợ mà đi trông nom các hiệu buôn, chiều nào cũng cùng vợ ngồi xe hơi đi hóng mát. Cái bã vinh hoa ấy nó làm cho anh ta quên hết những nỗi đắng cay hồi còn ở trong Nam!

Chư độc giả nghĩ đó mà coi! Cô Chín Mi vì thương anh ta mà ra gái hư, mang tiếng con bất hiếu, bà Nguyễn Thị Khanh không nhìn, vì anh ta mà phải dãi nắng dầm mưa, đi mua gánh bán bưng chật mót từ đồng lời mà nuôi anh ta trong lúc hàn vi khốn khổ, vì anh ta mà phải mang nặng đẻ đau. Đáng lẽ anh ta nhớ tới những nỗi khổ đó mà không nỡ ôm cầm qua thuyền khác mới phải, có lẽ đâu anh ta quên đành quên đoạn như vậy. Thật chúng tôi không biết sắp anh ta vào hạng nào!

*

Hôm ấy anh ta đi chơi với vợ bằng một cái xe hơi tự anh ta cầm bánh, chứ không cần *chauffeur*. Khi dạo chơi đã thềm trở về vừa tới cửa, toan ngừng lại đặt xuống xe vào nhà, thì cô Chín Mi cũng bỗng con vừa đến, tuy cô không dám kêu chó cô ngó Phi Tâm không nháy mắt. Anh ta thấy cô thì hoảng hồn, e xảy ra chuyện lời thôi, nên lật đặt đạp xăng cho xe chạy thiệt mau để tránh cô Chín Mi.

Chẳng ngờ xe chạy tới ngã tư, mà anh ta quên bóp kèn, có một cái xe khác ở phía tay mặt chạy lại ủa ngang hông xe anh ta lập úp xuống mương lộ! Còn cái xe nọ thì nằm chình ình nơi giữa đường...

Cô Chín Mi vừa gặp mặt chồng, chưa kịp nói tiếng gì mà Phi Tâm lại ngoảnh mặt làm lơ, cho xe chạy qua mặt một cái vù cát bay lấp mắt, lại có một ả mặt hoa da phấn ngồi kề một bên, thì cô bứt rứt tâm can không sao kể xiết, lúc ấy đứa con cô bỗng trên tay bị bụi bay vào mắt rất xốn, nên nó khóc ré om sòm, bởi đó mà khiến cho

cô càng xốn xang đau đớn hơn nữa. Cô bỗng con nhìn theo đám bụi hồng kia mà hai hàng nước mắt đổ xuống như mưa, người đi đường thấy vậy tuy không biết duyên cớ ra sao, song cũng lấy làm thương tâm thăm mực.

Trong lúc cô như tỉnh như mê, ngẩn ngơ ngơ ngẩn, thì bỗng nghe một cái rộp nơi đầu đường đằng kia, rồi thiên hạ rừng rừng chạy tới xem. Cô nghi chắc xe Phi Tâm bị đụng, cô bèn vội vã bỗng con đi riết tới nơi.

Khi đến đó thiên hạ bu lại xem chặt nức, cô cũng bỗng con chen vào xem, thấy người yêu của Phi Tâm bị xe đè chết ngất, còn Phi Tâm tuy bị sườn xe lóe vô hông, kiếng cắt nát mặt, song chỉ mới ngất ngư chớ chưa chết thiệt!

Phi Tâm bị nạn xe hơi, ấy cũng vì muốn lánh mặt vợ, chớ có phải tại ai làm đâu! Lúc bấy giờ anh ta mới biết ăn năn, anh ta nhớ hết, nhớ từ lúc anh ta thất nghiệp về ở đậu tại nhà Kim Sơn, cho đến khi cô Chín Mi đưa anh ta xuống tàu, bao nhiêu đoạn thăm tình thương trong lúc cơ hàn, anh ta không quên một mảy nào cả. Anh ta thấy vợ chen vô coi, trên tay có bỗng một đứa con, mà đứa con đó là máu thịt của anh ta thì anh ta lại càng bầm gan tím ruột vô cùng. Anh ta bảo cô Chín Mi bỗng con lại cho anh ta hun, rồi anh ta nắm tay cô vừa khóc vừa nói rằng:

– “Hiền thê em ôi! Cái tội của qua dẫu phân thân làm muôn đoạn cũng chưa vừa! Em ôi, trong trời đất này qua chưa biết có một người đàn bà nào có lòng tiết nghĩa như em, mà qua cũng chưa từng thấy người đàn ông nào khốn nạn như qua. Em hãy ở lại nuôi con và chọn người tốt mà trao thân gởi phận. Còn như qua đây là đồ *thấy trắng rồi lại quên đen*, không đáng làm người ăn cơm mặc áo nữa. Qua tưởng tính cho xe chạy mau để lánh mặt em, nào ngờ cho xe chạy mau lại đây dặng mà tìm cái chết, cái chết của qua là cái chết như chết nhục, song cũng chưa đáng, kiếp sau qua làm thân trâu ngựa mà đền tội kiếp này. Vậy qua xin từ biệt em, và con thơ đại!”

Phi Tâm nói dứt lời rồi đập đầu xuống gạch mà chết liền, cô Chín Mi có can mà không kịp.

Trong lúc Phi Tâm đập đầu tự vận, cô có nghe vài tiếng của một ít người đàn bà mắng rằng:

– “Ừ, đàn ông mà bạc bẽo như thế thì chết đâu chết bớt đi, đừng có sống làm chi cho chật đất!”

Cô Chín Mi tuy giận chồng bất nghĩa, song thấy chồng đã ăn năn thì cô cũng hồi tâm, nên cô ôm thây chồng mà khóc than rất thảm thiết, làm cho những người có mặt tại đó thấy thương tâm bi lụy.

Lịch sử cô Chín Mi còn dài, song chỉ có một điều đáng nói là về sau cô cứ ở vậy mà nuôi con, chớ không chịu lấy chồng. Bởi cô gặp một người có học thức mà còn thay lòng đổi dạ, rồi cô nghi cả thấy bao nhiêu đàn ông cũng đều như thế hết, chớ không lạ gì!

★

Con người ở đời có khi vì hoàn cảnh mà phải hư thân, người hư thân vì hoàn cảnh là người không có nghị lực. Phi Tâm cũng là một người biết điều lắm chớ, song vì anh ta không có nghị lực nên phải hư thân vì hoàn cảnh. Nếu như hăng buôn kia mà không đổi anh ta ra đó, thì chúng tôi có chuyện đâu mà viết ra quyển *Anh Bạc Tình* này!

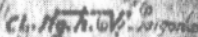
Đời càng văn minh, lòng người càng quỷ quái, chúng tôi khuyên anh em chị em độc giả mà nhưt là những người hãy còn trẻ lòng non dạ - chẳng nên tin ai hết, có tin âu là tin tạm mà thôi. Nếu tin rồi ắt có ngày phải khổ tâm như cô Chín Mi đây không ích gì hết!

AI BẠC TÌNH

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

一、二、三

Soạn-giả: SƠN-VƯƠNG



Giá nhứt định 0\$03

— 1931 —

AI BẠC TÌNH?

Thầy Nguyễn Đức Minh làm Encaisseur⁽¹⁾ cho một hãng buôn Tây ở đường Catinat. Ấy là hãng D.F.

Hãng này có trữ đủ các thứ hàng hóa để bán lại cho các nhà buôn ở Sài Gòn và Lục tỉnh.

Trong các nhà buôn ở Sài Gòn, duy có nhà buôn của M. Nhân Toàn ở gần chợ Bến Thành là mua hàng của hãng D.F. nhiều hơn hết. Vì thế nên Nguyễn Đức Minh thường vâng lệnh chủ hãng xách *facture* ⁽²⁾ lại đó để thu tiền.

Trong gia đình của M. Nhân Toàn, trước kia Đức Minh lại đó thời chẳng thấy có một người con gái nào đúng tuần cặp kê tất cả, thế mà gần đây thấy thấy ở đó có một cô thiếu nữ, không rõ danh tánh là chi, chỉ nghe người nhà kêu là cô Tư... xuân xanh độ chừng mười chín, nhan sắc tuy không đẹp gì cho lắm, song cũng mặn mà đầm thắm dễ coi...

Thấy đó thời thấy chớ không để ý gì tới, nên thầy không cần rõ lai lịch của cô ấy em, hay là cháu chi của ông chủ nhà buôn và tại sao trước kia không có ở đó, mà gần đây lại có ở đó. Đức Minh mà không để ý gì tới cô ấy là vì có nhiều việc đáng để ý hơn...

(1) *Encaisseur*: người thu tiền, thu ngân (NBS)

(2) *Facture*: hoá đơn, đơn hàng (NBS)

Bữa nọ Nguyễn Đức Minh xách facture lại đó để thu tiền, rồi cả hai vợ chồng M. Nhân Toàn đều đi khỏi, thấy thợ toán (comptable) cũng vắng mặt. Thấy Đào Mai Sơn là người giúp việc ở đó vốn quen biết với Đức Minh, bèn mời Đức Minh ngồi lại *bureau* ⁽¹⁾ để chờ thấy thợ toán về sẽ trả tiền.

Trong cơn vui mừng, Mai Sơn mới nói với Đức Minh rằng:

– Sao thấy vô tình quá vậy!

– Tôi có bạc tình với ai đâu mà vô tình cùng không vô tình?

– Thế sao có một nàng kia, hằng ngày nàng tỏ tình luyến ái cùng thầy trên cặp mắt xanh của nàng mà thầy không biết?

– Tôi cũng đầu xanh máu đỏ như ai, có phải cỏ cây đất đá gì đâu mà không có tình! Song bây giờ tôi có một tâm sự riêng, tư tưởng của tôi cứ chuyên chú vào một tâm sự đó, thành ra tôi sơ tâm vô ý không biết được ai là người hữu tình với tôi?

Mai Sơn toan trả lời, kể thấy một cái xe kéo ngừng ngay trước cửa, thầy mới hướng mặt ra đó mà nói với Đức Minh rằng:

– Người có tình với thầy là người đó!...

Đức Minh trông theo ra trước cửa thấy một cô thiếu nữ đang móc tiền trả cho phu xe, mà hai làn thu thủy lại phản chiếu ngay vào mặt thầy, coi có vẻ hữu tình lắm!

Người thiếu nữ đó chẳng ai đâu lạ hơn là cô Tư... ở tại nhà buôn, cô đi thăm một bà cô, chủ tiệm may ở đường d'Espagne về, Đức Minh thấy cô ngó mình thì thấy hơi mắc cỡ, vì thầy có tánh đó, thầy day mặt vào trong mà nói chuyện với Mai Sơn... Còn cô Tư... đi thẳng lên lầu.

Mai Sơn cười mà rằng:

– Thầy dở quá! Đàn bà họ không sợ mắc cỡ, mà mình sợ nổi gì!

(1) *Bureau*: bàn giấy, văn phòng (NBS)

– Đó là tánh tự nhiên của tôi! Có lẽ cô ấy đã có chồng rồi chứ?

– Cổ lên ở đây hơn tháng nay, tôi chỉ thấy trơ trọi có một mình cổ, chứ chẳng thấy chồng con gì cả!

– Cổ là người ở đâu?

– Ở đâu dưới Vĩnh Long, Cần Thơ gì đó không biết! Nghe nói cổ cũng con nhà tử tế, nhơn vì mẹ cổ mới mất, ông già cổ mê bà thứ! Mà bà thứ đó rất khôn ngoan xảo quyết, cổ chịu không nổi với sự a hành ác tởi của bà mẹ ghẻ, nên phải bỏ nhà mà đi.

Nghe nói đến đó, Đức Minh hình như có vẻ cảm động. Bèn hỏi:

– Cô đối với vợ chồng ông chủ đây là người thế nào?

– Bà con chú bác gì đó, mà thấy cổ kêu vợ chồng ông chủ bằng anh chị.

– Tại sao thầy biết cô ấy có tình với tôi?

– Cái đó có khó gì! Mỗi khi thấy lại đây tôi xem tình ý cổ tôi biết, lại như cái ngó của cổ vừa rồi thầy cũng đủ biết, cần gì phải hỏi tôi!

– Về môn đó tôi dốt lắm! Thầy có biết tại vì lẽ gì mà cổ có tình với tôi hay không?

– Một là cổ thấy cử chỉ thầy đúng đắn, hai là cổ lên ở đây tuy vợ chồng ông chủ vẫn hết lòng bảo bọc, song không có thể ăn gởi nằm nhờ mãi như thế được, nên cổ tính kiếm chồng để nương nhờ tấm thân vậy mà... kia thầy tính sao đây?

– Thiệt khó quá!

– Như thầy đó hễ muốn thì được, chứ có cái gì mà khó?

– Cái khó của tôi là như thế này: trong con quốc gia đa nạn, cái nghĩa vụ của chúng ta phải lo làm sao cho nước nhà trở nên cường thịnh; chứ thanh niên mà cứ miệt mài trong cuộc truy hoan, nịch ái vì bề tình sớng sắc, thì nòi giống Lạc Long này biết bao giờ mới mở mặt với năm châu?

– Đánh răng như thế! Song thầy hãy xét rằng bông sen vốn sanh trường dưới bùn, mà hương nó vẫn thơm, hoa nó vẫn tốt, ấy mới là quý. Người đa tình mà chẳng lụy vì tình, vậy mới là hay. Thầy cưới vợ, mà thầy không nặng óc gia đình, đừng lãng xao nghĩa vụ thời thôi có hại gì đâu? Huống chi cô ấy nặng lòng yêu dấu thầy một cách nồng nàn hết sức, nếu thầy nhìn người ta bằng cặp mắt vô tình, thì thầy chẳng hóa ra người bạc bẽo lắm ru! Ra tay tể độ với người trăm luân, ấy là một việc không nên bỏ qua của người có lòng bác ái, nay cô ấy tuy được no cơm ấm áo nơi đây, song lòng cô không yên, vì thân cô còn lận đận, cô trông cậy ở thầy, mong đem dây cát đẳng mà nương bóng từng quân, thầy nỡ lòng nào đang tâm phụ rẫy cho đành!

Nghe qua lý sự đó Đức Minh dường đã xiêu lòng, song tâm thần hay còn bất định. Đức Minh nói với Mai Sơn rằng:

– Sao thầy không tể độ giúp người ta?

– Người ta không thương tôi, bảo tôi tể độ sao được!

– Thầy không phải là người hèn mà cô ấy không thương được là nghĩa làm sao? Hay là cổ chê thầy nghèo chẳng!

– Ai biết được lòng người ta!

– Nếu con người ấy trọng kim tiền hơn nhơn nghĩa, thì dầu có cái sắc đẹp như hai nàng Tây Thi, Phi Yến tôi cũng chẳng dám gần!

– Phải rồi! Nhưng không có lẽ, vậy chớ thầy lại giàu có gì hơn tôi! Cổ thương thầy ấy chẳng qua là duyên nợ của thầy chớ!

Mai Sơn nói vừa đến đó, cô Tư... từ trên lầu bước xuống, tay cầm một đứa bé, con của M. Nhân Toàn, bề ngoài thời làm bộ bông em, chớ trong trí thì định xuống đó ngồi cho được thấy mặt người yêu! Cô ngồi tại cạnh ván gỗ gần *bureau*, phía sau lưng chỗ Mai Sơn ngồi, mà là ngay trước mặt Đức Minh, vì Đức Minh với Mai Sơn ngồi đối diện với nhau.

Đức Minh hề thấy đàn bà con gái thì hay mắc cỡ, nên thấy ta mắt ngó xuống bàn, còn tay thì cầm viết chì vẽ bậy bạ trong tờ giấy chậm. Cô Tư... thỉnh thoảng lại liếc mắt đưa tình. Nhưng hại thay! Cô liếc với Đức Minh mà nào có được thấy Đức Minh liếc lại! Vì thấy ta mắt ngó xuống bàn kia mà! Mai Sơn thấy vậy thì nực cười lắm, nên miệng cứ chum chim hoài!

Đức Minh tuy ngó xuống bàn mặc dầu, song thấy cũng biết lúc ấy cô Tư... ngó thấy dữ lắm, thấy lấy làm khó chịu, bèn cáo từ ra về. Mai Sơn hết sức cảm mà không được!

*

Trong ngày ấy Đức Minh suy nghĩ lung lắm. Sau khi suy nghĩ rồi thì thấy như định sẽ kết duyên với cô Tư... Chiều lại ở sở về, Trần Thị Như là đưa tờ giấy của thầy, dọn cơm lên cho thầy ăn, rồi thầy ngồi lại bureau mà viết một bức thư để gởi cho cô Tư... Thầy giả đo một người con gái gởi thăm một người chị em bạn. Thư ấy như vậy:

Sài Gòn le 25 Janvier 193...

Chère Chị Tư...

«Em trân trọng vài hàng thăm chị...

«Chúc bình an, phú quý, nhiều may.

«Kể từ biết chị... đến nay,

«Đêm đêm luống tưởng, ngày ngày hằng trông.

«... Trông gặp mặt thỏa lòng em chị...

«Đặng tỏ tình chung thủy kim lang.

«Ngại gì gia sự buộc ràng,

«Đành cam chịu tiếng phụ phàng cùng ai...

«Ngậm ngùi bấy mưa mai gió trúc,
«Cái tình xuân đang lúc thiếu niên.
 «Sắc cầm dầu được bén duyên...
«Ba sinh phi oán mười nguyên là hay!
 «Lòng em những cầu may cho chị...
«Gặp được người hiền sĩ lương nhân!
 «Trước là báo đáp mười ân,
«Sau là cho chị... được gần cùng em...!»

Ký tên

Mademoiselle Nhựt Nguyệt⁽¹⁾
Adresse: Boite Postale N. 41... Sài Gòn.

Thơ này để gởi cho một người con gái, mà người con gái vô danh như cô Tư... thời không thể nào gởi theo cách biên nhận Recommandée ⁽²⁾ được, nên thầy phải gởi theo thơ thường.

Trong những nhà dây thép, thường có nhiều người hay khuấy chơi hề thấy thơ của ai để gởi cho Mademoiselle nào thì lại xé ra coi, không kể thơ ấy là thơ tình hay thơ gì. Phải biết rằng thơ từ có khi quan hệ đến cả đời người của người ta, xé ra mà coi như vậy có ích gì cho mình đâu mà làm hại cho người ta, thiệt là bậy hết sức.

Vì có đó nên thơ của Đức Minh gởi đi hơn tuần lễ mà chưa tiếp được thơ trả lời. Thầy biết thơ mình đã bị kẻ bắt lương nào đoạt mất, không trông gì có phục thơ, thầy bèn viết một bức thơ khác. Bận này thầy nhứt định đưa tận tay, chớ không gởi cho dây thép mà cũng không cậy ai đưa, vì cậy người ta phải mất tiền mà có khi thơ không tới chỗ! Thầy viết thơ xong xếp bỏ vào túi, đi đâu thầy cũng đem theo, định hề gặp cô Tư... thì đưa.

(1) Chữ Nhựt 日 và chữ Nguyệt 月 chiết từ ở chữ Minh 明 mà ra.

(2) Recommandée: gửi bảo đảm

Hôm ấy Đức Minh cũng xách facture lại nhà buôn lấy tiền như mấy lần trước, gặp lúc bà chủ nhà đang sai cô Tư... đi mua hàng để may đồ Tết, bà dặn cô Tư... rằng:

– Có mua thì vô tiệm người mình mà mua, đừng có vô tiệm bọn Bombay, vì chúng nó là đồ không biết ơn! Năm xưa cây dù gãy trên đầu cô thông hây còn rành rạnh đó ấy là một điều rất nhục nhã cho người Việt Nam ta nếu bây giờ còn mang mặt vào tiệm chúng nó mà mua, chẳng những chúng nó khinh mình là dại, lại rất thiệt hại cho quyền lợi chung của thương gia đồng bào!

Cô Tư nói:

– Tiệm người Việt Nam mình e không có đủ các thứ hàng chẳng?

– Sao lại không đủ! Như hiệu Nguyễn Đức Nhuận có kém gì ai đâu! Hãy xuống đó mà mua, đừng đi đâu hết.

Cô Tư... dạ dạ vâng lời, rồi ra đường kêu xe kéo mà đi.

Đức Minh định rằng sẽ đón cô Tư... bận về mà trao thơ. Nền sau khi M. Nhân Toàn thối tiền xong, thì thấy liền ra tại các hàng sách ngoài Chợ Mới mà mua một cuốn đoản thiên tiểu thuyết “*Lỗi hẹn quên thề*” là một cuốn tiểu thuyết rất có ích cho đàn bà con gái. Đoạn thấy lên xe kéo thẳng xuống ngã tư Catinat d’Ormay mà đứng. Quả nhiên một lát cô Tư... mua hàng về ngang đó, thấy toan kêu cô ngừng lại để trao thơ, nhưng chẳng biết tại sao mà tinh thần thấy tán loạn hết, muốn kêu mà chẳng dám kêu, để cho cô Tư... ngồi xe kéo chạy tuốt!

Tưởng là hồng việc! Chẳng ngờ cô Tư... cũng lạnh mắt, cô biết sự tình như thế, cô bèn trả tiền xe kéo rồi đi bộ trở lại mà chào Đức Minh! Đức Minh mặt xanh như tàu lá, thấy cầm cuốn “*Lỗi hẹn quên thề*” trao cho cô Tư... mà nói rằng:

– Tôi xin gởi cô cuốn tiểu thuyết này!

Cô Tư... vội vàng tiếp lấy, cô tưởng rằng thầy còn nói gì nữa, để cho cô được thỏa lòng ước vọng bấy lâu, chớ có dè dặt Đức Minh

chỉ trao cho cô cuốn tiểu thuyết ấy rồi liền xây lưng trở mặt qua đường khác mà đi...!

Cô Tư... đứng đó nhìn theo đến khuất dạng mới chịu lên xe kéo mà về! Cô ngồi trên xe, lật tiểu thuyết ra xem thấy trong đó có kèm một bức thơ thì cô mừng quá đổi, cô thấy ngoài bì thơ có đề mấy hàng chữ nhỏ như vậy: *Vì tôi tin cô là một người con gái chưa chồng, nên tôi mới trao thơ này, nếu như cái tin của tôi mà sai lầm, thì xin cô hãy thứ lỗi và làm ơn gởi thơ này trả lại giúp tôi, chẳng nên xé ra coi làm chi.*

Cô cầm bức thơ đó mà sắc mặt hân hoan, lòng mừng khắp khởi, cô trọng bức thơ đó như vàng như ngọc, cô hun bức thơ đó hai ba cái rồi đút vào túi!

*

Cô về tới nhà là bốn giờ chiều. Bà chủ xem hàng xong bèn bảo cô đem đồ ra cất, bà dặn cô rồi bà liền đi Tân Định, vì có lệnh của bà kế mẫu của bà nhắc bà lên có chuyện...

Bức thơ yêu quý của cô, cô chưa xem được, thì lòng cô đâu có yên! Bởi cô không yên nên cô cắt hư hết một cái áo dài, cô phải xuất tiền riêng đi mua một thước hàng khác đem về cất lại.

Khi cô cất đồ xong, đã bảy giờ, bảy giờ cô mới rảnh tay mà xem thơ. Thơ ấy như vậy:

Sài Gòn le 3 Février 193...

Chère Cô Tư...

“Trước khi tôi cầm bút viết bức thơ này, tôi đã biết rằng làm như vậy là một điều rất trái với luân lý Á đông; Song vì sự bất đắc dĩ, nên tôi phải cam tâm thất lễ với song thân cô mà trao cho cô bức thơ... này!

Tại làm sao mà tôi gọi rằng bất đắc dĩ?

... Cô đã có lòng đoái tưởng đến tôi, có lẽ nào tôi đành nhẫn tâm mà để cho cô phải ngậm ngùi thất vọng? Xưa nay trâu tìm cột, chó bao giờ lại có cột tìm trâu! Tôi không đành để cho cô mặt dạn mày dày mà tìm tôi trước, tôi tìm cô trước đây mới phải hơn!

Theo lẽ thì tôi phải cạy mai đến nói.

Nhưng mà cô Tư ơi! Nói ra càng thêm xót dạ, tình cảnh của tôi nào khác gì cô. Tôi thoát ly gia đình đã lâu rồi, thì bây giờ mọi sự gì quan hệ đến đời tôi, đều tự tôi định đoạt, không thể trông mong ở gia đình nữa. Tôi cũng muốn nhờ M. Nhân Toàn điều đình giùm tôi vụ này, song phận tôi bản hàn cơ khổ, nói ra e không được đắc lời chăng? Vì những cố đó, nên tôi mới bạo gan mà trao bức thư này cho cô ở ngoài đường, thật là một điều rất nên xấu hổ, nhưng nếu tôi không làm như vậy thì biết làm sao cho được thỏa lòng sở nguyện của cô?

Vậy xin cô hãy xét sự khó khăn đó mà thứ lỗi cho tôi, tôi lấy làm cảm ơn lắm lắm!

Trước hết tôi xin tỏ thật cho cô biết rằng: hồi nào tôi còn ở trong gia đình, thời phong lưu đúng mực. Chớ như ngày nay thân tôi bơ vơ nơi đất khách quê người, thì tôi cũng phong trần vất vả như ai. Cô chớ có thấy tôi mang bộ đồ Tây mà ngỡ rằng tôi là hạng cao sang quyền quý!

Tánh tình tôi cũng khác thường người ta lắm, nhất là tôi hay phế cựu nghinh tân, nghĩa là cái gì mới tốt tôi chuộng, cái gì cũ xấu tôi vong. Đã vậy tôi còn có tánh ghen và lại hay rầy vặt nữa! Nếu chẳng may mà có phải làm vợ tôi, thì chắc là đời của cô phải truân chuyên khôn nạn lắm! Ấy là lời tôi nói thật, chẳng phải nói chơi, cô hãy liệu lấy.

Tánh tôi hay dờn dỗi, có nhiều khi tôi định ngày mai tôi sẽ làm việc đó, mà tôi định bằng một cách quả quyết lắm, thế nhưng ngày mai tôi lại đổi ý, tôi không làm việc tôi đã định hôm qua, mà lại làm việc khác. Ấy đó, lòng tôi tôi còn chưa chắc được, thì tôi còn tin ai! Sau này tôi với cô có nên vợ nên chồng, ăn ở với nhau ngày nào hay

ngày ấy, chứ tôi không dám chắc tôi có giữ được trọn niềm chung thủy cùng cô hay không!

Vậy trước khi mà cô muốn trao lời vàng đá cùng tôi, thì cô phải biết tôi là người gì đã. Tốt hay xấu, giàu hay nghèo, đã có vợ con gì chưa và có rượu trà cờ bạc gì không! Việc hôn nhân là việc quan hệ cả đời người, nếu chỉ biết mặt biết người, mà chưa biết gan biết ruột, rồi thương vội thương vàng như thế, tôi e có khi phải ăn năn hối hận về sau!...

Tôi để cho cô rộng ngày giờ mà điều tra tánh hạnh của tôi. Năm bảy tháng hoặc một năm nữa, cô sẽ trả lời cho tôi cũng được.

Về phần tôi, tôi không dám hứa với cô những gì tất cả, vì trên kia tôi đã nói rằng tôi không tin lòng tôi. Tôi chỉ nói rằng nếu cô đã có lòng thương tôi, muốn cùng tôi phi nguyên loan phụng, thì tôi cũng hết sức vì cô mà làm cho cái đời của đôi ta được vẻ vang hạnh phúc.

Tôi trao cho cô bức thư này, là vì tôi kể chắc cô là một người con gái chưa chồng, nếu cái kể chắc của tôi mà không được đúng, thì xin cô hãy niệm tình thứ tội. Hoặc giả cô có giao tình kết tóc với một vị tân lang nào rồi, thì tôi xin chúc cho cô được trọn đạo tòng phu cùng người ấy. Cô chớ có vì lẽ gì xiêu lòng thương tôi mà phụ tình người cũ, thì tôi không muốn. Vì tôi không muốn cướp duyên giết vợ của ai hết, thà rằng tôi chịu cảnh phòng không gối lạnh, chứ tôi không dám gần cái thú người rày đó mai đây. Tôi không dám gần thú con người như vậy, là vì tôi sợ e rằng một ngày kia họ sẽ bỏ tôi mà theo một người sang trọng khác.

Nhưng tôi xem cô cũng là con nhà thi lễ, không có lẽ đến đời ấy!

Giấy ngắn tình sâu, nói ra không xiết, ngày nào hội ngộ, sẽ cùng nhau phân đẹp duyên ưa.

Đôi lời tâm huyết, một tấm lòng son, chúc cho bạn ngọc an khang".

Nay kính thơ

Ký tên: Nguyễn Đức Minh

Có gởi thơ xin đề như vậy:

M. Nguyễn Đức Minh. Encaisseur

Chez D.F.

Sài Gòn.

Đọc hết bức thơ đó, cô Tư... lấy làm lạ vô cùng, lạ vì xưa nay cô chưa từng thấy ai viết thơ tình mà khai hết tánh xấu của mình như vậy! Cô lấy làm lạ vì bức thơ ấy bao nhiêu thời cô càng kính phục Đức Minh bấy nhiêu, cô mừng lắm, mừng vì cô sắp được hưởng hạnh phúc ái tình! Và khỏi con lận đận.

Ở nhà buôn thiếu gì giấy mực, song cô cho đồ ở đó là đồ thường, đích thân cô đi mua cho được bao thơ và giấy tốt về để viết thơ trả lời cho Đức Minh. Dầu chẳng nói ra ai cũng biết cô trả lời ra làm sao vậy.

*

Khi cô cầm bút lên toan viết, kế nghe tiếng giày lộp cộp từ dưới thang lầu bước lên. Ấy là bà chủ nhà buôn về.

Cô vội vàng gác bút và dứt vô học tử. Bà chủ hỏi:

– Em cắt đồ xong chưa?

– Thừa cắt rồi.

– Em xuống dưới ôm gói đồ để trên ván đem lên đây cho qua.

Cô Tư lấy làm lạ, là sao cả nhà không thiếu gì người sai mà không sai, lại sai cô! Nhưng cô cũng phải vâng lời. Khi cô xuống tới nơi chẳng thấy gói đồ nào cả, chỉ thấy một người thanh niên hình dung chải chuốt, áo khăn điều dàng, đứng dựa vào một cái xe hơi mới tinh hão ở lề đường ngay trước cửa nhà buôn, mắt thời chăm chỉ nhìn cô, cô vội vàng trở bước lên lầu. Cô nói:

– Không có gói đồ nào hết, chỉ có...

– Ở chỉ có một người khăn đen áo dài đứng dựa xe hơi đằng trước đó phải không?

Cô Tư... cười rồi đáp:

– Thưa phải!

– Thôi được rồi! Em lại ngồi đây cho qua hỏi chuyện.

Cô Tư lại ngồi gần bên bà chủ trên cái ghế dài nơi xa lông, đoạn bà chủ hỏi:

– Qua hỏi thật em, em đã có tình với ai chưa?

– Thưa... thưa chưa!

– Em hãy nói thật đi?

– Dạ thật chứ!

– Nếu em đã có tình với ai rồi thôi thôi, bằng như chưa qua sẽ làm mai cho một người chồng tử tế.

– Chẳng hay người ấy là ai vậy chị?

– Tức là người mà em mới thấy vừa rồi đó!

Cô Tư... mỉm cười rồi hỏi:

– Người ấy con nhà ai vậy?

– Con nuôi của bà huyện X... ở Vũng Liêm em không biết sao!

– Thưa không! Té ra người ấy là con nuôi của bà kế mẫu của chị?

– Phải đó! Việc này cũng tự nơi bà mà ra, mấy lần bà ghé đây chơi, thấy em là gái hiền lương chính nết thì bà thương, bà cậy qua nói em cho con nuôi bà. Nhưng chị nghĩ vì *con có cha, nhà có nóc* nên không muốn dự vào. Và lại làm mai không ăn vàng ăn bạc gì, chỉ ních có cái đầu heo mà sau bị chúng chửi nát... không ích gì hết. Bữa nay thấy bà nói quá nên qua về đây nói cho em biết, và làm cho hai bên được thấy mặt nhau, em có đành được thời đành, qua không dám ép...!

Bà chủ nói đến đây rồi lo đi nghỉ, chứ không hỏi cô Tư... có ưng cùng không ưng.

Nói về Nguyễn Đức Minh sau khi trao bức thư kia cho cô Tư... rồi thì thầy yên trí rằng cuộc trăm năm thế nào cũng nên việc nên thầy lo mua sắm đồ đạc và chung dọn trong căn phố của thầy coi huy hoàng rực rỡ lắm, vì thầy định rằng hễ tiếp được phục thư của cô Tư... thì khởi sự liền!

Vài bữa sau thầy tiếp được thư của cô Tư... chưa mở ra xem, chớ thầy đã đoán chắc rằng trong đó là cái tin mừng của thầy! Bèn khai phong xem:

Sài Gòn le 6 Février 193...

«Cùng thầy Nguyễn Đức Minh đăng rờ:

Thưa thầy: sau khi em đọc hết thư thầy thì lòng em vô cùng cảm động.

Nhưng em rất lấy làm đau đớn vì em không được cái hân hạnh mà nâng khăn sửa túi cho thầy. Bởi vì em đã trao tình cùng người khác, mà trước khi em chưa tiếp được thư thầy.

“Đó là tại vô oan trái bất thành phu phụ, chớ chẳng phải tại em phụ lòng vàng ngọc của thầy. Vậy xin thầy hãy an lòng, chớ nên buồn rầu làm chi!”

Ký tên không rõ

Tại làm sao mà cô Tư... trả lời như vậy, chúng tôi để cho chú đọc giả lấy công tâm mà phán đoán, còn chúng tôi là chỗ quen biết của hai đảng, chuyện xảy ra làm sao chúng tôi cứ chép làm vậy, nếu để lời bình phẩm vào đây e cô Tư... phiền chúng tôi sao có bình vực Đức Minh!

Chúng tôi chỉ nhắc cho chú đọc giả nhớ rằng: Cô Tư... đi mua giấy tốt, bao thư sang để viết những gì là đủ. Cũng miếng giấy đó, cũng bì thư đó, mà lời trong thư bây giờ thì khác xa ý cô định trước khi cô chưa thấy người đứng dựa bên cái xe hơi tốt kia!

Đức Minh châu mày than rằng: “Đã có chồng rồi ư? Thời *liếc mắt đưa tình* với tôi làm chi? Đã có chồng rồi ư? Thời *xé thơ ra xem làm gì!* Vì ta đã dặn rằng *nếu đã có chồng thì trả bức thơ ấy lại cho ta*, đừng có mở ra coi làm chi. Sao lại xé ra coi, rồi bây giờ trả lời như thế này là nghĩa làm sao...!

Đức Minh tuy không sợ gì một người... như cô Tư... song thấy buồn lắm! Mà không buồn sao được? Từ nhỏ tới lớn thấy chưa từng đem cái tình trong sạch ấy mà chia sẻ cho ai, nay bao nhiêu tình thần tâm huyết của thầy đều đổ trút cả vào một sự thương cô Tư... quyết cùng cô Tư... bách niên giai lão, nào ngờ thế sự trắng đen đen trắng thế này!

Cũng vì sự buồn tình thất chí đó mà Đức Minh đêm không an giấc, ngày chẳng ăn ngon, chốn cô phòng trần trọc năm canh, ôm gối chiếc mà than dài thở vắn! Tình cảnh rất là tội nghiệp!

Bữa nọ nhằm ngày chúa nhật, Đức Minh đi chơi mãi đến trưa mà chưa về nhà, bụng đói thầy ghé vào một tiệm nước ở Chợ Cũ, bảo Chệt nấu cho một tô mì. Khi nấu xong, Phổ ky⁽¹⁾ bung lại vừa tới bàn, chưa để xuống thời nó lại khạc ra một mớ đờm, trông có dây có nhợ thật là ghê gớm! Đoạn nó uốn lưỡi nạo lại trong miệng mà nhổ xuống trước mặt thầy một lần nữa, hình như nó coi chỗ đó là cầu tiêu cầu xí gì chứ không phải chỗ khách ra vào ăn uống. Giống Chệt thời nó coi cái đó là thường, chứ người Việt Nam ta ghê lắm! Đức Minh đang lúc râu duyên tử phận mà lại gặp cái chuyện gai mắt như thế thì thầy nổi đóa, bèn đứng dậy tát thẳng Phổ Ky ấy hai ba bạt tai, rồi nói rằng:

– Từ rày sắp tới, tao không thèm bước chơn đến tiệm mọi rợ chúng bay nữa!

(1) *Phổ ky*: tiếng Quảng Đông (Tr.Q) do chữ hoả kí: *người chạy bàn, hầu bàn ăn...* (NBS)

Phổ Ky bị đánh đau thì tiểu na má om sòm, còn thằng chủ tiệm lại nói:

– Nị không thèm thì người khác thèm, ngộ có ế ắm gì đâu!

– Ê, mày phải coi chừng tao à hả! Người Việt Nam ngày nay không phải như An Nam hồi trước nữa đâu!

– Đồ An Nam tao biết mà! Trước kia vua tao cai trị, bây giờ Tây cai trị, An Nam ngày trước không phải Việt Nam ngày nay là như thế, lạ gì mà không biết!

Đức Minh chịu lời của nó là phải, song giận sao chúng nó qua đây nhờ người mình mà được no cơm ấm áo, nó chẳng biết ơn mình lại dám kêu An Nam là đồ kia đồ nọ! Thấy bèn đánh luôn thằng chủ tiệm. Chúng nó hô lên một tiếng, tức thì có hơn trăm thằng Chệt áp lại mà làm thịt thấy, còn người Việt Nam ta bu lại rất đông, song bu lại để mà ngó!

Cớ sự xảy ra như thế, mà khi lính áp lại bắt hai đảng điệu về bót, chúng nó dám phao phản rằng Đức Minh vào tiệm chúng nó ăn không trả tiền rồi lại còn đập đồ đập đạc và giựt tiền của chúng nó! Chúng nó nói bậy như vậy mà cũng có người nghe mới là *lạ* cho chó! Đi tới đâu thì Chệt nó cũng được nước hơn mình, vì nó có nhiều xu kia mà!

Kết cuộc Đức Minh bị kết án bốn tháng tù về tội *đánh người cướp của*!

Đức Minh bất bình lắm, song cũng phải bóp bụng mà chịu, chó trời thì đui, đất thì diếc, biết kêu oan vào đâu bây giờ?

Ngày Đức Minh bị tù, lại nhằm ngày cô Tư... về nhà chồng!

Đám cưới tại nhà ông Nguyễn Ngọc Th... ở trên Tân Định ngày mười chín, tháng mười hai, năm canh ngọ, tức là đám tân hôn của vợ chồng cô Tư... vậy!

Trong mấy ngày đầu ở trong khám, thấy Đức Minh buồn rầu lung lắm, thấy buồn rầu là vì trí thấy chưa được siêu phàm thoát tục,

thầy còn coi những cái *trái ngược* trong đời là lạ. Đến khi thầy suy cùng nghĩ cạn rồi thì chẳng những thầy hết buồn mà thầy lại vui!

Thí dụ một người kia đi lạc vào rừng, thấy trên nhánh có một thứ trái cây, trông rất là tốt tươi xinh đẹp, tin rằng nếu ăn vào thời ngon miệng lắm, nhưng kỳ trung nó đáng tởm bỏ hờn, mà anh ta nào có biết đâu! Anh ta hái một trái toan nuốt vào miệng ăn, may có người đi ngang đó thấy vậy, liền mách cho anh ta biết rằng thứ trái đó tuy bề ngoài rất tốt, mà trong ruột không hay, ăn vào tất sanh hại. Nhờ đó mà anh ta khỏi ăn lắm, khỏi ăn lắm anh ta vui, vui vì anh ta khỏi bị hôi miệng!

Cái nghĩa của Đức Minh không buồn mà vui là như thế.

Nói về con đời Trần Thị Nhữ nghe tin chủ bị bắt nó rất đau lòng, nhưng nó là đứa quê mùa dốt nát, nó biết làm sao được. Ít ngày sau nó có tiếp được thơ và bốn chục đồng bạc của Đức Minh gửi về, nó lấy đó mà trả tiền phở và mua đồ gửi vô khám cho Đức Minh. Nó liệu thế: nếu cứ ở không mà chờ chủ thì chắc là phải chết đói, nó bèn kiếm thế đi mua gánh bán bưng, lời được bao nhiêu thì trả tiền phở, và mua đồ gửi vô cho chủ, còn bao nhiêu thì nuôi mình và sắm đồ.

Tình cảnh của nó khốn đốn đến đâu, thế mà nó vẫn vui, không phàn nàn một tiếng chi tất cả!

Khi thấy Đức Minh mãn án về nhà, thấy đồ đạc còn nguyên, không thiếu món gì, lại nghe người ta thuật lại Thị Nhữ bấy lâu vì thầy mà phải chịu dầm sương dãi nắng. Thấy một *đứa tởm* mà có lòng *trung nghĩa* như vậy, rồi thầy nghĩ tới cô Tư... kia thì thầy ngán ngấm như cơm nếp nát...

Thầy rất thâm khen Thị Nhữ, vì nó đã hết lòng trung tín với thầy, trong sự khen đó hình như có lẫn sự thương...!

Nhưng: người như Đức Minh có thể nào sánh đôi với con tì nữ ấy chăng?...

Bây giờ Đức Minh lo đi làm việc, thầy chưa nhứt định sự gì hết.

Bữa nọ Đức Minh đi làm về, vừa bước vô tới cửa đã thấy cô Tư... ngồi nơi xa lộng mà chờ thầy, nét mặt cô không vui, vừa thấy Đức Minh thì cô vùng sa nước mắt!

Đức Minh chào từ tế rồi hỏi:

– Chẳng hay cô đến nhà tôi có việc chi?

Cô Tư... vừa khóc meo máo vừa nói:

– Thầy Tư ơi! Nếu thầy rộng lòng hà hải thứ lỗi cho em, thì dẫu nát thân bỏ liễu mà đền nghĩa trúc mai em cũng chẳng dám từ?

– Cô có lỗi gì với tôi đâu mà bảo tôi thứ lỗi!

Cô Tư... lấy khăn lau nước mắt rồi nói:

– Em xin thú thật rằng bởi em trọng *tiền tài hơn nhơn nghĩa*, cho nên mới có cuộc keo sơn rời rã ngày nay. Em những tưởng em kết duyên cùng người sang cả đó mà được no thân ấm cật, phận đẹp duyên may! Nào ngờ đâu ngày nay phải én Bắc nhận Nam, mà em phải chịu âu sầu nuốt thắm. Nguyên nhơn là chồng em chỉ tham dâm dấp sắc chớ không kể gì là đạo phu thê! Cưới em được vài tháng, nghĩa là *chơi cho liễu chán hoa chê* rồi thì nó lại cặp tình với một con đầm lai trên Tân Định... Tục ngữ có câu: có thương nên mới có ghen, không thương ai ở bạc đen mặt tình. Bởi em thương chồng, nên em mới đem lời can gián, nó đã chẳng nghe lời em lại còn đánh đập em! Em giận quá bèn đòi xé hôn thú, nó cũng bằng lòng, đôi đảng tự thuận nên việc vợ chồng của em *đã rồi* hơn nửa tháng nay! Em nhớ tới những lời trong bức thơ của thầy chừng nào thì em càng đau lòng xót dạ chừng nấy. Ví dẫu em không kết duyên cùng thầy mà em biết dè trước đặt sau như lời thầy dạy trong thơ, thì ngày nay em đâu có ra nông nổi!... Đức Minh cười gằn rồi nói:

– Tội nghiệp dữ hôn! Rồi từ khi cô thôi chồng tới nay cô ở đâu?

– Trước, ông già em mê người thứ thiếp, chẳng kể gì đến em,

nhưng gần đây ông đã hồi tâm hối hận, đem em về ở nhà hơn mười ngày rày. Ba em đã giàu mà em lại là con một, tuy ngày nay em khỏi làm than cực khổ nữa, song vẫn nhớ thương thầy và em hối hận vô cùng!

Đức Minh cười mà rằng:

– Tôi có phải là người tham giàu đâu, cô hòng đem cái giàu mà khoe với tôi! Ông thân cô giàu thì ba tôi cũng giàu, song cô coi tôi có cần đâu!... Rồi hôm nay cô đến đây mục đích để làm gì?

– Xin thầy bớt giận! Em đến đây không có chi khác hơn là... là muốn đem cái *tình cũ* mà nối cùng *duyên xưa*?

Đức Minh lắc đầu mà rằng:

– Tôi bây giờ tính ở vậy một mình, không muốn vợ con gì nữa hết.

Cô Tư... ngồi kể lại một bên, tay cầm tay, tay vuốt ngực Đức Minh mà rằng:

– Người yêu dấu ôi, ngày nay em đã biết hối rồi! Anh nữ nào đành tâm chẳng nghĩ, anh không thương em sao?

– Cô nói vậy là lắm, tôi thương cô lắm chứ! Tôi tưởng lại trong trời đất này không còn ai thương cô cho bằng tôi. Nhưng tôi thương cô là lúc cô chưa có chồng, chứ ngày nay cô đã... thì tôi đâu dám thương nữa!

Cô Tư... cứ ôm lấy Đức Minh mà nước nở khóc than, tay cô vuốt giận Đức Minh, đại để cô nói rằng nếu Đức Minh không thương cô nữa thì chắc là cô phải tự vận hoặc đi tu chứ không thêm kết duyên cùng ai nữa! Nghe những lời của cô Tư... nỉ non than khóc khiến cho Đức Minh cũng phải náo lòng đứt ruột.

Nhưng mà Đức Minh có thể nào chịu chấp mối tơ thừa đó chẳng?

Xin hỏi chư độc giả: nên cho Đức Minh kết duyên với cô Tư... hay là nên cho kết duyên với con đòi Trần Thị Nhữ?

Một con đòi *da đen mặt nám* mà có lòng trung nghĩa như Thị Nữu, đem sánh với một người *má phấn môi son* như cô Tư... người nào có giá trị hơn?

Nếu chư độc giả cho người nào có giá trị hơn, thì Đức Minh sẽ vầy duyên can lệ cùng người ấy.

Xin lặp lại một lần nữa rằng Đức Minh chỉ trọng người có lòng tốt, dẫu người ấy ở hạng nào cũng vậy, chớ không trọng người có sắc đẹp mà... tâm đức chẳng ra gì!

Thiết tưởng một người *có lỗi* mà biết *ăn năn* thì không còn lỗi gì nữa hết. Cô Tư... ngày nay đối với Đức Minh vẫn là người vô tội, đáng thương.

Nếu Đức Minh làm vợ chồng với con đầy tớ mà chẳng kể gì tới cô Tư... hoặc là kết duyên với cô Tư... mà chê Trần Thị Nữu là con nhà hạ tiện thì hai chữ *Bạc tình* về ai?

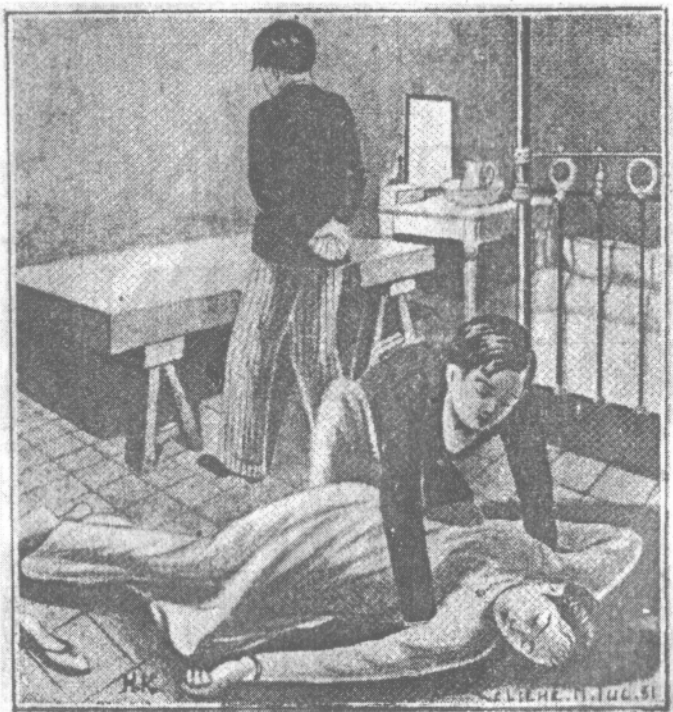
Viết tại Sài Gòn ngày 21 Février 1931.

BẠC TRẮNG LÒNG ĐEN

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

— SO'N-VU'ONG —

BẠC TRẮNG LÒNG ĐEN



Ngỡ-ngàng nghĩa cũ, tình xưa !
 Hồ thân sớm rước chiều đưa, ngàn nẻo !...

In lần thứ nhì

Giá nhứt-dịnh CHÍN XU

Imprimerie DUC-LUU-PHUONG

158. Rue d'Espagne, Saigon

1931

BẠC TRẮNG LÒNG ĐEN

I

Tham vàng bỏ nghĩa

Chàng Lê Văn Dao năm nay đã hai mươi tuổi, thế mà đối với nhân tình thế thái chàng đã dốt lắm! Cha mẹ chàng mất sớm, để lại một cái gia tài kể có hơn mười ngàn đồng. Vợ chàng là Lý Thị Huệ, biệt hiệu Đào Hoa, nàng cũng mồ côi cha mẹ, nhan sắc ít người sánh kịp, song tâm địa chẳng ra gì.

Dao là một tay thanh niên háo sắc, nên cưng vợ lắm! Vợ đòi món gì dầu mắc tiền thế nào cũng chạy sấp chạy ngựa để lo sắm cho vợ, không khi nào để cho vợ phiền lòng. Kể làm nô lệ khổ thân với chủ không bằng chàng nhọc lo vì vợ. Nhưng cũng nhờ cái gương mặt tươi như hoa, trắng như tuyết của người yêu mà rồi bao nhiêu sự khổ nhọc điều dường như không có cả!

Đào Hoa xài phí quá, chưa đầy năm mà gia tài của cha mẹ để lại gần khánh kiệt, chỉ còn có một cái nhà ngói ba căn xông mà thôi.

Chàng Dao phải xuống Cần Thơ vay của công tử Phạm Kỳ Sanh hai ngàn đồng đem về cho vợ xài, nhưng chẳng bao lâu rồi cũng hết!

Bởi thế cho nên cái tình của Đào Hoa đối với chồng càng ngày càng lợt lạt.

Bữa nọ Lê Văn Dao xách *đờ măn* (đơn) đi kiếm chỗ làm. Đào Hoa ở nhà. Đang lúc nàng soi gương điểm phấn một mình, bỗng có khách đến. Khách ấy là công tử Phạm Kỳ Sanh ở Cần Thơ, tức là chủ nợ của vợ chồng nàng vậy.

Sau khi phân ngôi chủ khách rồi, Kỳ Sanh dòm trong nhà thấy vắng người bèn hỏi rằng:

– Thầy Hai đi đâu vắng?

– Thưa nhà tôi đi... đi kiếm chỗ làm!

– Lúc này đi kiếm được một chỗ làm cũng chai mặtбет giò! À còn số bạc hai ngàn đồng ấy sao vợ chồng cô không lo trả giùm tôi, đặng tôi xây dựng, mà cứ nói lẩn hồi hoài vậy?

– Ở nhà tôi cũng lo dữ quá mà lo không xuể!

– Ai biểu xài chi cho thái quá chẳng vậy!

– Con người sanh ra ở đời không khác gì con phù du trên mặt nước, sớm còn tối mất, nếu mình cứ làm mọi giữ của, mà không ăn xài cho hả hê, chẳng hay chết yếu thì chẳng là uống kiếp người của mình lắm!

– Đã biết vậy, song cũng phải tùy duyên tùy phận mình chớ! Chồng cô thì nghèo mà cô xài theo bực con vua cháu chúa, của tiền đâu mà chịu cho nổi!

– Đã quen tật xài lớn vậy rồi!...

– Ta có cái tật xài lớn vậy thì ta kén chồng thiệt giàu mà xài...

– Việc vợ chồng cũng do nơi căn duyên thiên định, số mình có chồng nghèo mà muốn lấy chồng giàu sao được thầy!

– Đó là tại cô không muốn chớ, hễ muốn thì được!...

– Tôi cũng muốn lắm, nhưng tôi thấy được gì đâu!

– Tại cô không biết cách muốn, nếu cô biết cách muốn thì thế nào cũng được thỏa nguyện...?

– ... Tôi thấp trí không biết gì hết, xin thầy làm ơn chỉ cái cách muốn thế nào mà được cho tôi nghe thử coi?

– Tôi nói ra đây nếu được thì cô làm theo, bằng không thì đừng có chửi tôi đa nghe!

Đào Hoa nhoen miệng cười rồi nói một cách ngả ngớn rằng:

– Úy! Thầy nói bậy tôi rầy à!

Kỳ Sanh cười rồi đáp:

– Nói bậy cô rầy đã đành; còn tôi thương cô, cô có rầy không?

Đào Hoa làm bộ e lệ bước tới véo trên má Kỳ Sanh một cái rồi nói:

– Quí nà! Người ta có chồng mà thương nỗi gì!

– Có chồng mặc kệ có chồng, cô có duyên thì tôi thương, ai cấm tôi được!

– Thôi đừng nói giỡn nữa! Thầy hãy chỉ cho tôi biết cách muốn...?

– Có khó gì! Cô thương tôi, tôi mới chỉ...

– Phải thương thầy thì thầy mới chỉ...?

– Ủ!...

– ... Thương thì thương, thầy hãy chỉ đi!

– Nếu cô sẵn lòng thương tôi thì tức là cô biết cách muốn rồi, cái hi vọng ăn sung mặc sướng sắp đạt được rồi, tôi còn chỉ gì nữa!

– !!! Tôi thương thầy ấy là biết cách muốn...?

– Phải rồi!

– Trời ơi! Tôi thương thầy rồi tôi bỏ chồng tôi cho ai thương?

– Hãy đưa nó về địa ngục cho ma quỷ nó thương...

– Làm như vậy thì ác quá ai mà làm được!

– Thôi thì tôi với cô thương lên với nhau cũng được?

– Không xong đâu! Thầy nghĩ coi xưa nay có chuyện gì mà kín

cho hơn chuyện trai gái? Thế mà kết cuộc rồi nó lại thành ra chuyện
trống hơn mọi chuyện!

Kỳ Sanh ngồi suy nghĩ hồi lâu rồi hỏi:

– Làm như vậy... được hôn?

– Làm thế nào?

– Bây giờ sẵn nó mắc nợ tôi, để tôi đem giấy nợ đi mượn trưởng
tòa bắt nó bỏ tù theo cách giam thâu. Khi nó vào khám rồi, thì hai ta
ở ngoài mặc sức mà giao tình cá nước. Rồi tới đâu ta hãy tính tới đó?

Đào Hoa lộ sắc buồn bã, hồi lâu mới nói:

– Cũng được, thấy tính sao xong thôi.

Kỳ Sanh mừng lòng vô hạn. Hai người đình ninh ước hẹn vừa
xong thì Kỳ Sanh cáo từ về liền, chẳng dám ở lâu.

Còn chàng Lê Văn Dao, xách lá đơn thả xuống đường Catinat
vào một hăng buôn lớn kia, thấy một thầy thơ toán (comptable) ngồi
chính giữa, thầy liền men lại đó hỏi rằng:

– Xin lỗi thầy: chẳng hay trong hăng này có thiếu người giúp
việc không?

Thầy thơ toán ấy là Dương Vĩnh Tấn, nhà ở đường Taberd, tánh
tinh xác xược, lại hay khinh ngạo người nghèo khổ. Anh ta vốn con
nhà hàn vi xuất thân, nhờ có cái bằng cấp mà lấy được vợ giàu, cũng
nhờ có vợ giàu nên mới được đứng vào địa vị thơ toán ấy. Anh ta
nghe chàng Dao hỏi vậy đã chẳng động mối từ tâm mà thương hại
cho người thất nghiệp, lại thò tay vào học tủ lấy mắt kiếng mang vào
cho đàng hoàng rồi nhìn chàng Dao từ trên đầu xuống tới gót bằng
một cách khinh bỉ, rồi hất mỏ chỉ một cái bureau ở gần đó mà nói
rằng:

– Ông chủ hăng về Tây nghỉ mấy tháng nay chưa qua, hiện bây
giờ hăng này có thiếu một ông chủ! Vậy thầy có muốn làm ông chủ
thì vô mà làm, đó bureau của ông chủ đó!

Lê Văn Dao thấy nó có sở ăn sở làm rồi nó miệt thị mình thái quá thì lấy làm tức giận vô cùng. Chàng hỏi:

– Bộ thầy ý thầy có chỗ làm đó là thầy bánh lăm hả?

Dương Vĩnh Tấn cười lạt rồi nói xóc óc rằng:

– Đi thất thơ thất nghiệp ngoài đường tối ngày, mang lốt Tây mà trong túi không có một đồng xu uống nước đá còn bánh với ai được!

– Cái nghèo không phải là cái đáng khinh, mà thầy khinh tôi nghèo thì thầy là một người không đáng khen. Thầy cũng là một người phải đi làm nô lệ mới đủ sống, vinh diệu gì đó mà thầy khinh bỉ người ta! Đường đời khúc chiết, thế sự vắn xoay, có lúc thầy cũng bơ vơ thất nghiệp như tôi, chừng đó rồi thầy sẽ biết mà!...

Mấy thầy làm việc trong hăng đều không ưa lấy làm khoái. Vĩnh Tấn có hơi khó chịu, bèn trợn mắt nạt rằng:

– Ê! Mày muốn cái gì?

Lê Văn Dao cười gằn mà đáp:

– Thầy hỏi nghe trái tai quá! Tôi tới đây là muốn xin chỗ làm chứ muốn cái gì! Mà tự ý thầy, thầy muốn cho tôi muốn cái gì cũng được!

– Ở đây không có chỗ trống, hãy đi ra cho mau!

– Phải! Tôi cũng nên bịt mũi bụng tai mau mau chạy ra cho khỏi chỗ thầy ngồi, không thì về tám ba ngày cũng chưa sạch!...

Lê Văn Dao nói dứt lời, liền nguyền một cái mà đi, Vĩnh Tấn nhăn mặt ngó theo khi chàng Dao đi ra khỏi cửa rồi nói lảm bảm rằng:

– Đồ chết đói mà cũng dữ!

Có thầy Mười B... ngồi kế bên đó thấy vậy thì không nhin được. Nhiếc rằng:

– Thầy nói bậy quá ai mà nhin được? Thằng cha đó còn hiền à!

Nếu thầy gặp tôi thì tôi cho lỗ mũi thầy ăn trầu, cho thầy bỏ cái tật kiêu ngạo đó đi!

– Bộ thằng đó là anh Hai của thầy hay sao mà thầy bình nó?

– Ê! Nói lớn lối với tôi không được à!

Hai người cãi cộ nhau rất kịch liệt, thiếu chút nữa thì xáp trận ẩu đả. Nhờ có mấy thầy kia can gián và ông xếp ở trên lầu nghe lộn xộn chạy xuống rầy, họ mới chịu êm.

Chàng Lê Văn Dao xách *dờ măn* đi xin chỗ làm hơn năm sáu ngày mà không có kết quả gì hết, đi tới hăng nào cũng chỉ thấy thái bốt người ra chớ không thấy thêm người vào. Chàng bực trí giận cùng quá, bèn xé nát *dờ măn* mà liệng đi!

Đáng lẽ thì chàng buồn bã lắm mới phải, song mỗi khi về tới nhà thấy vợ ân cần niềm nở hơn hồi trước thì trong lòng lại càng khoan khoái bội phần!

Vợ chàng đang cùng tình nhân tính kế hại chàng mà chàng nào có rõ! Ít ngày sau chàng bị tổng giam vào ngục, về cái tội thiếu nợ của Kỳ Sanh quá kỳ hẹn mà chưa trả. Thế mà chàng cũng không hay không biết gì cả, lại tưởng Đào Hoa một lòng trung tín với mình, cho nên trong lúc chia tay chàng đau lòng xót ruột lắm!...

Bây giờ Kỳ Sanh và Đào Hoa mặc tình sớm muộn tối đảo. Kỳ Sanh mượn một cái villa ở đường Mayer tại Sài Gòn để làm chỗ chơi hoa...

Đang lúc cặp uyên ương này vui thú ái tình thì từ Nam chí Bắc xảy ra không biết bao nhiêu là chuyện thương tâm thảm mục... Thật là đáng cười, song cười ra nước mắt! Muốn khóc, mà khóc chẳng nên lời!...

Ban đầu cặp gian phu dâm phụ này còn che mắt thiên hạ, được ít lâu thì rất chán chường, hình như chúng nó không cần gì giấu giếm ai nữa vậy. Đào Hoa ở luôn tại villa của Kỳ Sanh mượn, bỏ nhà chơ một tên đầy tớ điếc giữ, nó muốn vẽ rồng vẽ rắn làm gì thì làm, nàng

không cần biết gì tới nữa! Nàng có tiếp được mấy bức thơ của chồng gởi ra, nàng xem rồi xé bỏ vào giỏ rác!...

Theo thể thường: nếu một người vợ nào thật lòng thương chồng thì không khi nào muốn vắng mặt chồng bao giờ, chồng có đi đâu xa thì ở nhà trông mong chờ đợi. Chẳng rõ tại sao mỗi lần Kỳ Sanh bỏ nhà đi Sài Gòn cả một hai tháng mới về nhà một lần, mà vợ của anh ta là Thị Giác tuy ngoài mặt lộ vẻ buồn mà không thấy tỏ điều chi ngăn cản hết! Kỳ Sanh thấy vợ dễ quá nên gán đây đi Sài Gòn đem theo tới mười ngàn đồng, đăng ăn ở với Đào Hoa cho được lâu ngày, như thế mới phi tình sắc dục của anh ta!

Một người thiếu phụ có cái nhan sắc nghiêng thành đổ nước như Đào Hoa, tưởng lại mấy ông hòa thượng trường trai khổ hạnh trông thấy cũng khó mà đè nén được tình dục! Huống chi một gã thanh niên tham đắm đắm sắc như Kỳ Sanh? Đào Hoa xài phí tiền ra như nước, Kỳ Sanh không hề tiếc chút nào! *Thiệt là: ghê thay lượn sóng khuynh thành, làm cho đổ quán xiêu đình như chơi!*

Kỳ Sanh vì si mê sắc đẹp của Đào Hoa mà ở lâu hơn ba tháng trường mới chịu về thăm nhà. Trong khi sắp chia tay từ giã, anh ta cầm tay Đào Hoa mà nói một cách rất thiết yếu như vậy:

– Tình nương em ôi! Vì qua ở trên này lâu quá, bắt đắc dĩ qua phải về thăm nhà, chớ thiệt tình qua không muốn rời em trong giây phút nào hết!

Đào Hoa ngó Kỳ Sanh vừa cười mỉm chi, vừa lộ vẻ buồn:

– Nếu như anh thật tình yêu em đến thế thì hạnh phúc cho em biết dường nào, chính e ngoài miệng anh nói vậy mà trong lòng anh không được vậy mà hại em duyên phận lỡ làng. Thiệt em không muốn cho anh về dưới chút nào hết, vắng mặt anh em buồn rầu quá em chịu không nổi. Vậy anh về tới dưới rồi mau mau trở lên liền kéo em mỗi lòng trông đợi?

– Em hãy tin bụng qua, qua nói thiệt với em rằng trừ cha mẹ qua ra thì không còn ai đáng cho qua thương hơn em!

Đào Hoa thấy Kỳ Sanh si tình thái quá thì nàng lại càng dưng tâm mà làm cho Kỳ Sanh càng âu yếm hơn nữa. Nàng cầm tay anh ta kể vào mũi mà hun luôn một hơi hơn năm sáu cái, Kỳ Sanh cảm xúc vô cùng! Anh ta nói:

– Như vậy mà qua về sao được em?

Đào Hoa đưa mắt liếc tình nhân và chúm chím cười! Cái cười với cái liếc của Đào Hoa có thể làm cho Kỳ Sanh điên đảo cả tâm hồn. Cũng vì thế mà anh ta không lia Đào Hoa được, anh ta ở lại với người yêu nay lần mai lửa đến hai mươi mấy ngày nữa mới chịu về! Trong lúc ra về đến đôi phải rơi châu! Lại hẹn rằng hễ về tới nhà một chút thì trở lên cho được mau thấy mặt người yêu.

Kỳ Sanh về rồi. Bữa sau Đào Hoa trông đến trưa mà chưa thấy lên, rồi trông đến chiều đến tối cũng bất tích, nàng kể chắc thế nào bữa sau nữa anh ta cũng lên, dè đâu ngày hôm sau cũng không thấy! Rồi nàng trông đến hai ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười bữa cũng không thấy tăm dạng tình nhân đâu cả. Nàng nghi Kỳ Sanh gặp chuyện gì rắc rối nên mới trễ kỳ hẹn như vậy, chớ Kỳ Sanh không khi nào nói sai lời với nàng bao giờ. Nhưng nàng lấy làm lạ có một điều này: dầu Kỳ Sanh có bận chuyện gì không lên được, thì cũng gởi thơ lên thăm nàng, chớ có lẽ nào bất tin nhân cá như vậy? Nàng nén lòng ăn chực nằm chờ trót nửa tháng nữa cũng chẳng thấy Kỳ Sanh lên! Nóng lòng quá nàng bèn mượn xe lô ca xông tuốt xuống Cần Thơ để dò la tin tức của Kỳ Sanh.

Xuống tới nơi đã bốn giờ chiều, nàng mượn một căn phòng thượng hạng tại trung tâm lữ quán là một khách sạn thanh tịnh đẹp đẽ nhứt tại châu thành Cần Thơ. Nàng mượn thẳng bồi đi mời Kỳ Sanh đến cho nàng nói chuyện; một lát nó trở về nói rằng Kỳ Sanh không có ở nhà!

Nhà Kỳ Sanh ở gần mé sông đường đi vô Cái Răng, nàng bèn đội khăn che dù thả bộ theo con đường ấy, định đi phớt qua nhà Kỳ Sanh coi có thấy anh ta ở nhà hay không, kéo thẳng bồi về nói vậy,

nàng nghi lắm. Nàng đi còn một đôi xa nữa mới tới nhà Kỳ Sanh thì đã thấy Kỳ Sanh mình mặc bộ đồ sọc, đầu đội nón nỉ xám, tay cầm cần, đương giắc mặt trông theo một chiếc ghe bầu chạy bằng mô tô dưới sông. Đào Hoa mừng rỡ vô cùng, liền thoát thoát đi riết lại gần, lên tiếng gọi rằng: “Thầy Hai! Em mới xuống đương tìm thầy đây, vì có gì mà cả tháng nay thầy không lên?”

Có lẽ Kỳ Sanh nghe tiếng Đào Hoa gọi mình chớ, nhưng chẳng rõ tại sao mà anh ta không thềm ngó lại trả lời, lại tẽ vào con đường hẻm mà đi...?

II

Rủi mà may!

Đây xin nhắc lại chàng Lê Văn Dao: khi chàng vào khám, tuy ở tù nợ không có làm công chuyện gì, song bởi nhớ thương Đào Hoa thái quá nên sáu muôn ốm o dữ lắm, một ngày chàng ở trong khám cũng bằng mấy năm ở ngoài!

Tháng đầu chàng được thấy mặt Đào Hoa mua đồ đem vào thăm một lần, về sau không thấy thăm viếng gì nữa. Chàng lấy làm nghi ngại vô cùng, bèn viết thư gọi về cũng không tiếp được tin tức gì cả. Chàng gởi luôn ba bốn bức nữa thì mới tiếp được một câu trả lời văn tắt rằng: “*Đừng có thư từ gì cho tôi nữa, Đào Hoa lúc này không phải như Đào Hoa hồi trước nữa đâu!...*”

Dao đọc dứt câu thì không khác gì bị sét đánh ngang tai, tứ chi bủn rủn, làm cho chàng ta tức tưởi ghen ngào, không biết mở lời gì mà nói cho vừa lòng căm tức được. Một lúc sau chàng than rằng: “Hồi đó cha mẹ mình cưới vợ con nhà hiền lương cho mình, mình không chịu, chê rằng đen đúa quê mùa! Một hai phải cưới Đào Hoa cho mình mà thôi! Ấy cũng vì cái tật háo sắc của mình cho nên ngày nay mới có cái kết cuộc như vậy! Tốt mã rã đám! Bạc bèo chi lắm vậy Đào Hoa? Hồi nào giàu sang cùng nhau cộng hưởng, thì đến lúc

nghèo nghèo cũng phải xẻ khổ chia buồn với nhau, thế mới trọn niềm chung thủy. Có lẽ nào còn *xu còn điếu còn vợ còn chồng, hết xu hết điếu thì lại đổi lòng theo ai?* Đào Hoa ôi! Ta cũng chống mắt mà xem đời, ta coi mi phụ ta mà đi lấy chồng tiền chồng chúa gì cho biết...”

Lê Văn Dao tuy giận vợ bạc tình, song cái dáng điệu mảnh mai đẹp đẽ của Đào Hoa thì không bao giờ quên được! Cho nên giận có giận mà thương vẫn còn thương...

Phạm hễ chủ nợ muốn bỏ tù người thiếu nợ thì phải chịu tiền com, mỗi tháng phải đóng cho nhà nước sáu, bảy đồng gì đó... Nếu tới cuối tháng mà chủ nợ quên đóng tiền com hay là vì lẽ gì mà thôi đóng nửa thì nhà nước sẽ thả người thiếu nợ liền. Tù nợ chỉ ăn thua với nhà tư bản chứ chẳng có quan hệ gì đến chính trị cho nên nhà nước không cần! Lê Dao còn hơn bốn tháng nữa mới mãn, chẳng rõ tại Kỳ Sanh làm thế nào mà Lê Dao lại được tha...

Ra khỏi khám đường chàng mới rõ kẻ cướp vợ mình là Kỳ Sanh, mà chàng bị tù cũng chẳng ngoài cái cơ giết nợ ấy. Chàng muốn lấy máu gian phu dâm phụ để rửa hận mình; nhưng sau khi chàng suy cùng nghĩ cạn rồi thì chỉ cười mà thôi...

Chàng bèn bán cái nhà và đồ đạc đâu được hơn ngàn bạc, cho đưa ở vài chục đồng rồi từ giã đất Sài Gòn, xuống Vĩnh Long kiếm thế làm ăn...

Chàng được làm thơ toán trong một nhà buôn lớn nhất tại châu thành Vĩnh Long. Chàng làm việc siêng năng sốt sắng, nên được lòng chủ tin dùng. Chủ nhà buôn ấy vợ mất sớm, không có con trai, chỉ có một gái là cô Minh, đã mười chín tuổi mà chưa có chồng. Ông chủ nhà buôn thấy chàng Dao rất xứng đôi vừa lứa với con mình nên ông bèn gả cô Minh cho chàng. Cô Minh tuy chẳng đẹp bằng Đào Hoa, song vẻ người phúc hậu, mặn mà dễ thương.

Chàng Dao thành hôn với cô Minh được ngoài một tháng thì kế

cha cô Minh lâm bệnh mà từ trần. Thế thì chàng Dao bây giờ nghiêm nhiên là một bậc chủ nhân ông, chàng đã bước lên địa vị chủ nhân thì cái ghế thơ toán phải khuyết. Chàng bèn bảo người thơ ký viết một tấm bảng treo nơi trước cửa rằng ở đó có cần dùng một người thơ toán thiệt giỏi.

Bảng ấy treo được vài giờ đồng hồ thì có người vào xin làm. Khi ấy nhằm một giờ chiều, Lê Văn Dao còn ngủ chưa dậy, cô Minh bèn bảo người muốn xin chỗ làm ấy rằng:

– Thấy chịu phiên ngồi trên ghế kia chờ một chút, lát nữa ở nhà tôi dậy sẽ nói chuyện.

Người ấy đáp rằng:

– Dạ thôi để tôi đi lại này thăm bà con, chừng hai giờ tôi trở lại?

– Vậy càng tốt.

– Dạ!

Người ấy nói dứt lời liền đi. Hai giờ chiều chàng Dao thức dậy chải đầu rửa mặt rồi ra ngồi nơi bàn giữa mà coi sổ sách. Vài phút sau thì người xin chỗ làm hồi nãy trở lại, cô Minh giới thiệu cho chồng biết rằng người ấy muốn xin chỗ làm. Dao ngược mặt lên nhìn thì thấy rõ ràng thấy thơ toán làm việc hăng buôn trên Sài Gòn đã nhạo báng mình trong lúc nọ! Chàng thấy anh ta bận bộ đồ gai cũ mèm, đầu đội nón Tây trắng lem luốc hết mà không đánh phấn, chơn mang giày bố, gót cao su mòn gấn lủng nên cứ ngựa và cát lộ dính lên hai bên coi thật là dở!...

Tại sao mà Dương Vĩnh Tấn phải ra nông nổi ấy?...

III

Kỳ Sanh hối hận

Nhắc lại Đào Hoa khi tình cờ được gặp Kỳ Sanh, nàng lên tiếng gọi, anh ta lại ngoảnh mặt làm lơ, tề qua con đường khác mà đi. Thì

Đào Hoa nghi chắc rằng Kỳ Sanh chơi hoa cho rửa nhụy dần lại thôi, chứ không có gì lạ; nhưng mà sự thiệt thì không phải như thế, không phải Kỳ Sanh lấy Đào Hoa đã thèm rồi trở mặt đầu. Nếu anh ta không có gặp cái duyên cơ gì có thể làm cho anh ta tỉnh ngộ được, thì có lẽ anh ta sẽ bỏ vợ nhà mà ăn ở với Đào Hoa trọn đời!

Số là khi anh ta ở Sài Gòn về Cần Thơ, có người mách cho anh ta biết rằng Thị Giác đã lên anh ta mà ngoại tình với một người kia trót mấy tháng rồi. Kỳ Sanh giận vợ sanh tâm làm quấy, quyết ở lại bắt cho được quả tang mới nghe, thành ra không lên Sài Gòn được. Anh ta tính viết thư gởi lên cho Đào Hoa hay việc nhà mình vậy vậy, và hứa rằng nếu bắt được tại trận thì sẽ để vợ đi, đem nàng về ở. Anh ta tính vậy mà chưa kịp viết thư, kể chiều lại Thị Giác lại trộn miếng chai vào cơm mà cho anh ta ăn! Cũng may cho anh ta đề phòng trước, nên khi bụng chén cơm lên ăn thì anh bới lên coi kỹ lắm, thấy cơm có trộn với miếng chai thì biết vợ mình quyết thuốc mình cho chết đặng có theo tình nhân. Kỳ Sanh không nói gì cả, bèn đưa chén cơm ấy cho Thị Giác ăn, Thị Giác thấy mưu độc mình đã bại lộ thì ngồi sượng trân, không nói được tiếng gì. Kỳ Sanh liền nắm đầu Thị Giác đánh một hồi đã tay rồi đuổi ra khỏi nhà tức thì...

Có như vậy rồi anh ta mới biết chỗ quấy của anh ta mà ăn năn hối hận. Anh ta nói rằng: “Luật trời rất công bình, hễ mình dâm vợ người ta thì vợ mình chia tình cùng người khác mà trừ. Vợ mình giết mình đặng theo trai, cái quấy của nó mình đã xử rồi! Còn cái tội của mình hại cho Lê Văn Dao ở tù đặng có giao tình với con ác phụ Đào Hoa đây ai trị mình? Ôi! Chớ chi trước kia mà mình biết suy cùng nghĩ cạn như bây giờ thì đâu có đến đổi lỗi niềm bằng hữu mà hư nát gia cang? Nhưng cũng là một bài học hay cho ta đó! Ta quyết từ nay về sau không thèm thấy mặt Đào Hoa nữa, vì Đào Hoa sắc tuy tốt mà lòng không tốt, gần nó ắt có ngày phải mang hại!...”

Kỳ Sanh biết ăn năn, nên tới tháng thôi đóng tiền cơm để cho

chàng Dao được tha. Từ ấy anh ta ít khi đi đâu mà cũng không gán đàn bà nữa. Cho nên Đào Hoa sai thằng bồi lại kêu anh ta thì anh ta cho tiền thằng bồi biểu về nói rằng anh ta không có ở nhà. Đào Hoa nóng lòng đi tìm, gặp anh ta mà kêu, chẳng những anh ta không còn thương yêu gì nữa, trái lại anh ta coi Đào Hoa như kẻ thù vậy.

Đào Hoa thấy tình nhân tỏ ra cái thái độ lạ lùng như vậy, nàng biết Kỳ Sanh đối với nàng không còn cảm tình gì nữa, nhưng nàng cũng đi riết theo để cật vấn đôi lời cho biết vì cơ nào... kéo ức lòng nàng quá!

– Thầy hai! Thầy quên em rồi sao?

Kỳ Sanh phải dừng bước lại trả lời rằng:

– Có lẽ nào mà tôi quên cô đi được!

– Thầy không quên sao thầy nghe em kêu mà thầy không thềm ngó lại?

– Tôi không đứng lại là vì tôi không muốn gán cô nữa!

Đào Hoa giận quá nhiếc rằng:

– Sông tuy sâu, biển tuy rộng, song còn có chỗ dò được; chớ như lòng người nham hiểm thiệt không biết đâu mà lường. Hồi nào hẹn biển thề non, trăm năm tạc một chữ đồng; bây giờ chơi hoa cho biết mùi hoa rồi thì không muốn gán nữa? Ồi! Con người bạc bẽo đến thế là cùng!

Kỳ Sanh trả lời bằng một cách gay gắt rằng:

– Cô phải biết rằng không phải tôi có cái tánh khốn nạn đó đâu! Tôi không muốn gán cô nữa là vì tôi xét rằng chồng cô ăn ở với cô hết lòng mà cô còn phụ đành thay! Huống gì tôi là một người tình của cô? Tôi mà được gán cô là vì tôi nhờ có nhiều tiền, vì *đồng bạc trắng* nên *lòng cô mới thay đen*, hại chồng mà theo tôi để hưởng sự ăn sung mặc sướng, chớ nào phải vì ái tình mà tôi được hân hạnh kẻ vai chung gối với cô? Ngày nay tôi còn giàu sang, nên cô mới chịu

khó lặn lội xuống đây mà tìm tôi; nếu một ngày kia chẳng may tôi ra người nghèo khổ thì có lẽ cô cũng bỏ tôi hoặc ám hại tôi mà theo người khác! Nhứt dạ sanh bá kế, tối độc phụ nhon tâm, lòng dạ đàn bà(!) hay riêng tây bạc ác lắm, bây giờ tôi không dám gần đàn bà nữa, mà nhứt là cô thì tôi cần phải lánh xa!...

Mấy lời sâu sắc ấy tuy chẳng phải là gươm đao, song nó còn độc hơn miệng hùm nọc rắn! Đào Hoa nghe Kỳ Sanh nói vậy thì chẳng khác nào bị muối xát vào lòng, nàng thất thanh biến sắc, hai hàng nước mắt tuôn rơi, xem ra vẻ âu sầu hối hận. Nàng vừa bệu bệu vừa nói rằng:

- Túc chết đi thôi! Cũng vì thấy cho nên tôi mới lỗi niềm phụ với chồng tôi. Chớ chi trước kia mà thấy đủ nghị lực để chống chọi với lượn sóng tình thì đâu có ra nông nổi...! Để sau khi liễu chán hoa chê rồi thấy mới thổ lộ ra những lời đích đáng ấy. Mà vì dầu không thương thì cũng nghĩ chút tình, có lẽ nào thấy lại dùng những lời chua cay ấy mà giết tôi? Thấy nói rằng tôi tham tiền nên bỏ chồng tôi mà theo thấy; vậy chớ thấy không tham dâm dâm sắc mà cướp vợ của người ta hay sao?... Đàn ông hay bạc tình mà...!

Nghe mấy lời thiết yếu của Đào Hoa, Kỳ Sanh dường xúc động tâm tình, gương mặt biểu lộ vẻ thương tâm. Anh ta nói:

- Cô thất tiết với chồng cô thì lỗi cũng tại tôi nhiều ít; song cũng tại cô sanh lòng phụ khó tham giàu. Tôi khuyên cô hãy trở về thú tội đi, và một lòng trung tín cùng chồng; chớ như con bướm thấy bóng đèn chói sáng mà nhảy vào càng nguy!...

Đào Hoa nghe lời khuyên thì hồi tâm tỉnh ngộ, lúc bấy giờ nàng mới biết thương chồng. Nàng nói:

- Tôi đã biết ăn năn rồi, tôi sẽ về mà thú tội cùng chồng tôi, dầu chồng tôi chẳng nghĩ mà giết tôi thì cũng là đáng cái đời tôi. Bây giờ tôi muốn biết tại sao mà ngày nay thấy đối đãi với đàn bà bằng một cách nghịch thù lạnh đậm quá vậy?

Kỳ Sanh bèn kể chuyện vợ nhà cho nàng nghe, Đào Hoa nghe xong rồi nói:

– Ủ! Có vậy rồi mới biết đá biết vàng...

– Làm người ở đời có dại trước rồi mới có khôn sau chớ sao!

Nói đến đây hai người liền từ giã.

IV

Xúng chả vừa nem

Đào Hoa ở lại *Trung Châu lữ quán* một đêm, rồi sáng hôm sau nàng mới giang xe đò mà về Sài Gòn. Khi về tới Sài Gòn thì nghe chàng Lê Văn Dao đã ra khỏi khám cách mấy giờ đồng hồ, nàng muốn về thú tội, dầu chồng có hành phạt thế nào cũng cam bụng chịu, nhưng nàng nhớ tới bức thư bạc béo đã gởi cho chồng độ nọ thì xấu hổ quá, không thể nào mà nhìn mặt chồng nữa.

Cái villa của Kỳ Sanh mượn, nàng giao lại cho chủ rồi cuốn gói bỏ xứ mà đi. Nàng tính lên non vào chùa ăn chay sám hối để cầu chuộc tội lỗi mình; nhưng tình còn xuân, tuổi còn trẻ như nàng, tưởng giọt nước cành dương cũng khó mà tưới tắt lửa lòng choặng!...

Nàng mang gói trở về Sài Gòn, phen này nàng cũng tính thú tội cùng chồng nữa, nhưng nàng về đến nơi thì chàng Lê Văn Dao đã bán nhà mà đi đâu mất rồi. Nàng kiếm thét không được, hết tiền ăn rồi phải dầm ra buôn hương bán phấn mà nuôi mình!...

Bữa nọ nhằm ngày chủ nhật, Đào Hoa thả vào vườn bách thú chơi, chủ ý rằng vào đó coi có vương tôn công tử nào ghé mắt đến mình chẳng? Thân thể nàng tuy là đã năm cơm bảy cháo, song người còn trẻ, sắc còn thanh, nên cũng có thể làm lụy anh hùng được!

Nàng vào vườn bách thú, đi xót qua chỗ hầm gấu là chỗ nhiều người tụ lại, cho mấy cậu thanh niên thấy rồi liền đi thẳng ra mé sông, tìm một cái băng nhằm chỗ thanh vắng mà ngồi.

Nàng có ý dòm chừng thì thấy có một cậu thanh niên nổi gót theo sau, trong túi trắng đen thế nào không rõ chớ diện bộ vớ ở ngoài coi ngon lắm! Gã ấy men lại ngồi chung một băng với nàng, nàng làm bộ e lệ rồi ngồi xê ra ngoài đầu băng, chớ không bỏ đi chỗ khác! Gã thanh niên làm bộ xem trời ngắm đất một hồi rồi trở mòi dề rằng:

– Xin lỗi cô Hai! Tôi thấy mặt cô hình như là có gặp một hai lần ở chỗ nào đó mà rồi bây giờ quên lửng, không nhớ được. Vậy chẳng hay cô là người ở đâu?

– Tôi ở đường *A-mia-ranh cuộc-bê*⁽¹⁾, mà thấy hỏi như vậy là có ý gì?

– Tôi nhớ mại mà không biết có phải người quen hay không nên tôi mới hỏi. Nếu phải người quen thì nhìn người quen, bằng như tôi lắm thì hôm nay lại bắt đầu làm quen chơi chớ không có ý gì lạ!

Đào Hoa chum chim miệng cười. Gã kia hỏi tiếp:

– Chồng cô làm việc hăng nào?

– Chưa có chồng con gì hết!

Nghe nói thế thì bọm tỉnh liền chíp, bèn hỏi tới nữa:

– Tại cô không muốn lấy chồng hay là chưa chọn được người xứng đáng?

– Tại tôi chưa gặp được người vừa ý...

– Ở chốn phồn hoa đô hội như Sài Gòn này điểm đáng thiếu gì! Làm thân con gái cần phải kén lựa cho lắm mới được; tôi trông sắc mặt cô có vẻ không vui, chắc là cô đang có một tâm sự gì uất ức thì phải?

– Người đời ai mà không có tâm sự, song cái tâm sự của tôi khó mà nói cho ai biết được. Thấy làm việc ở đâu?

(1) *Amiral Courbert*: tên một tướng Pháp từng đánh chiếm Nam kỳ hồi thế kỉ 19 được chính quyền thuộc địa đặt tên đường ở Sài Gòn (NBS)

– Tôi làm com-táp cho hãng... ở đường Catinat.

– Lương mỗi tháng được bao nhiêu?

– Hồng bao nhiêu? Tôi mới vô làm, mỗi tháng nó cho ăn có hai trăm rưỡi đồng mà thôi!

– !!! Thầy có được mấy đứa con?

– Vợ còn chưa có làm gì có con (dóc)!

– Bộ thầy tu sao chứ!

– Không phải tu! Con người ở đời có thân ai chẳng có tình! Tôi học giỏi mà làm việc ăn lương lại cao, thiếu chi nhà sang trọng muốn gả con cho tôi, song tôi dòm kỹ thì phần nhiều là gái lăng lơ, nên tôi không thèm! Cho nên năm nay tôi đã hai mươi mấy tuổi rồi mà hãy còn chịu cái cảnh phòng không gối chiếc! Hôm nay tình cờ lại được gặp cô, thiệt là một dịp rất may mắn cho tôi vậy!

Đào Hoa buộc rằng:

– Thầy phải cắt nghĩa cho rành hai tiếng *may mắn* ấy không thì tôi không nghe đa?

– Tôi là trai chưa vợ mà lại gặp cô là gái chưa chồng, ấy là may mắn chứ gì!

Đào Hoa ngó gã thanh niên ấy háy một cái và nói rằng:

– Mắc dịch thầy nà!

Gã kia biết Đào Hoa là gái lăng loàn nên anh ta uốn lưỡi sở Khanh riết một hồi nữa thì xong chuyện!...

Gã thanh niên ấy là ai? Tức là Dương Vĩnh Tấn, anh ta làm thơ toán tính gian hùng sao đó mà hãng không tin dùng nữa, đuổi anh ta đi. Anh ta xách đồ măn đi kiếm chỗ làm cùng hết mà không được!

Bữa nọ thấy Mười B... gặp anh ta đi vắn vợ ở đường Charner, thì thấy liền nhắc chuyện cũ cho anh ta nghe, anh ta sượng sùng hết

sức, rồi không dám mang mặt đi xin đầu nữa! Mà ở nhà thì vợ rầy, ngày chỉ tối anh ta cứ đánh quần đánh áo cho bảnh rồi thả đi o mèò! Anh ta hỏi còn làm việc ăn lương một tháng có một trăm năm chục đồng, và đã có vợ con rồi. Thế mà hôm nay gặp Đào Hoa thì anh ta nói trên trời dưới đất hết!...

Anh ta tình tự với Đào Hoa hơn năm, sáu ngày, mà Đào Hoa không biết được nhà cửa của anh ta ở chỗ nào. Đào Hoa sanh nghi nên một bữa nọ hai người gặp nhau... Khi Vĩnh Tấn chia tay từ già thì nàng nom theo. Chừng biết rõ lai lịch của anh ta rồi, thì nàng ngả ngửa! Nhưng chẳng rõ vì có lẽ nào mà nàng không bỏ đành Vĩnh Tấn được? Mà Vĩnh Tấn cũng say mê nàng dữ lắm! Chẳng bao lâu vợ Vĩnh Tấn hay chồng có một người tình thì nổi ghen, rồi ngày tối cứ kiếm chuyện nói hành nói tội Vĩnh Tấn hoài, chị ta lại kể rằng nhờ chị ta mới được no cơm ấm áo, sao không nghĩ, lại còn cặp xách mèò chó làm gì!

Vĩnh Tấn bị vợ lấy lẽ *thực lộc chi thê* ra mà nhieếc anh ta, anh ta lấy làm khó chịu lắm, bèn bỏ vợ bỏ con, dắt Đào Hoa xuống Sóc Trăng tỉnh lập một cái gia đình mới. Xứ Sóc Trăng tuy ruộng nhiều đất tốt, song anh ta chưa từng dầm mưa dãi gió thì làm sao mà làm ruộng được? Còn buôn bán thì cũng không tiền buôn bán! Đi làm việc, có chỗ trống nào không đủ cho người ở đó họ làm, có đâu dư tới anh ta!

Thành ra ở không cảm đồ đạc ăn hết mà chưa có công sở gì làm ăn. Anh ta bèn dắt Đào Hoa thụt lùi lại Vĩnh Long, khi đến nơi nghe nói có một nhà buôn kia cần dùng một người giúp việc, thì anh ta mừng quýnh, vội vàng đến xin làm.

Tới chừng thấy mặt ông chủ nhà buôn: chẳng ai đâu lạ, lại chính là anh chàng thất nghiệp mà mình đã buông lời nhạo báng lúc trước, thì anh ta đội!... Anh ta lấy làm thẹn thuồng hết sức, muốn lui ra mà lui sao cho tiện?...

Chàng Dao còn ôm ấp cừu xưa, muốn thừa dịp này đem chuyện

cũ ra nhắc lại cho hả giận; song chàng nghĩ rằng làm vậy đã chẳng ích gì mà mình cũng hóa ra đứa tiểu nhon. Huống chi mình chê cái lối dèm xiểm nhạo báng là cái lối không tốt, thì mình còn đem nó mà đối với ai? Nghĩ thế nên chàng ta thôi, lại hỏi theo cách buồn bán rằng:

– Thầy muốn mua món chi?

Đương lúc Vĩnh Tấn sượng sùng ngơ ngẩn, mà nghe chàng Dao hỏi vậy thì anh ta mừng hết lớn! Bèn đáp rằng:

– Tôi muốn mua một cái đồng hồ vàng...

Đích thân chàng Dao đi lấy đồng hồ cho anh ta lựa. Vĩnh Tấn cầm một cái ngẩn ngía một hồi rồi hỏi rằng:

– Giá bao nhiêu?

– Ba mươi đồng.

– Lối chừng mười đồng bán hôn?

Dao biết Vĩnh Tấn trả rẻ như thế, mình không thể bán được đành cho anh ta đi; chớ trong lúc thất nghiệp lo đói rách kia còn chưa xong, mua đồng hồ vàng làm gì! Vì mà chàng chịu bán giá ấy, Vĩnh Tấn cũng không có tiền đâu mà mua cho đủ. Nhưng chàng không muốn trả thù bằng một cách tiểu nhon, nên chàng trả lời rằng giá ấy thấp quá không thể bán được cho anh ta đi mà thôi. Đáng khen thay!

Cô Minh thấy vậy thì lấy làm lạ, chàng Dao phải thuật rõ đầu đuôi cho vợ nghe.

Vĩnh Tấn không thể gì ở Vĩnh Long nữa được; bèn dắt Đào Hoa qua Mỹ Tho mà lánh mặt. Qua đó nhờ gặp được người quen giới thiệu cho anh ta được vào làm thư ký hậu bổ trong tòa bố, lương mỗi tháng không đầy ba chục đồng! Đối với cái đời kinh tế khó khăn, gạo châu củi quế này thì cái số lương nhỏ nhít ấy có đủ vào đâu! Vậy thì vợ chồng Vĩnh Tấn phải làm thế nào mới đủ sống?...

V

Một chuyện thương tâm...

Kỳ Sanh biết ăn năn nên sau có tìm qua Vĩnh Long mà xin lỗi, chàng Dao thấy bạn đã biết lỗi thì chẳng những không còn giận hờn gì nữa, mà tình bầu bạn lại càng thân thiết hơn xưa.

Bữa nọ Kỳ Sanh đi Mỹ Tho có chuyện, ghé lại Vĩnh Long rủ chàng Dao đi chơi cho có bạn. Đến nơi hai chàng ngụ tại một khách sạn kia.

Kỳ Sanh vắng gần đàn bà đã lâu, vì khi bắt được Thị Giác thuốc anh ta thì anh ta có nói rằng sẽ cự tuyệt ái tình. Trong lúc giận thì nói vậy chứ người còn đầu xanh tuổi trẻ như anh ta làm thế nào mà giữ theo lời ấy cho được! Hôm nay đến nhà ngủ là chỗ ong bướm dập dìu, bọn hoa tường liễu ngó nhờn nhờn trước mắt, làm cho anh ta xúc cảnh động tình! Bèn gọi một thằng bồi đến bảo rằng:

– Mày đi kêu cho chúng tao một cô cho thiệt bảnh nghe, đồ lỏi thôi đừng có rước về đây làm gì!

Thằng bồi biết anh ta là công tử nên chạy lại một nhà tào kè ở gần lối đó kêu mấy con xấu lại trình Kỳ Sanh, Kỳ Sanh kén lắm nên không bằng lòng! Hễ mỗi bận mà anh ta không bằng lòng thì thằng bồi ấy nó kiếm cũng được vài ba cắc tiền xe kéo! Vì nó nói rằng nó đi kêu mấy cô ấy ở đẳng xa, bận đi ngồi xe kéo, bận về cũng đi xe kéo!

Nó đã nuốt sống ba bốn lượt tiền xe kéo như vậy mà không có cô nào vừa ý, thì Kỳ Sanh và chàng Dao đã lấy làm chán rồi! Kỳ Sanh nói:

– Thôi, không cần...

Bây giờ thằng bồi mới chịu đem người bảnh ra.

– Nếu vậy thì để tôi kêu cho hai thầy một cô thông...?

Chàng Dao hỏi:

– Ủa! Cô thông gì mà đi làm chuyện tôi bại quá vậy mà?

– Dạ chồng cổ làm việc nhà nước cho ăn lương ít quá, nên phải cho vợ đi ngủ với người ta mới có tiền xài đủ.

Chàng Dao châu mày bảo thằng bồi ấy đi kêu, rồi day lại nói với Kỳ Sanh rằng:

– Này bạn ôi! Tôi nghe nói cô thông nào đó phải đi làm... như vậy mới đủ sống thì tôi cảm xúc vô cùng. Nhưng kẻ ở xa lại đây ăn gỏi nằm nhờ thì chúng nó ở nhà lầu, đi xe hơi; còn đồng bào ta sanh trưởng trong tổ quốc mà lại làm than vát vả đủ điều. Ôi! Cái hạng thầy thông mà còn có người thiếu ăn thiếu mặc đến nỗi phải chia sớt mới chung tình mới đủ sống; rồi tình cảnh của bọn lao động mới khát khe khốn nạn đến cực nào? Trong lúc nước nhà chìm đắm, trăm họ làm than, bạn có đồng tâm nhứt trí với tôi mà hi sinh tài sản để làm việc... chẳng?

– Tôi sẽ vui lòng lắm!...

– Còn cô thông kia, khi cô đến đây mình giúp cho cô một số bạc, rồi cho cô về, chớ chẳng nên ỷ có đồng tiền mà ân ái với một người có chồng...?

– Phải! Tôi cũng tính như vậy.

Một lát sau thằng bồi đã dắt cô thông về tới. Hai người chợt nhìn mặt cô thông lấy làm ngạc nhiên cảm động vô cùng. Mà cô thông ấy vừa thấy hai người thì cũng bờ ngờ thẹn thuồng hết sức, đến nỗi muốn đập đầu tự vận chết liền tại đó vậy...

Cô thông đây là ai? Chính là một vai đào chánh trong vở tuồng *Bạc trắng lòng đen* này vậy!

Đào Hoa là vợ chấp nối của Vĩnh Tấn, vì cái cảnh nghèo nên phải đi lo lậu, nàng không dè khách hôm nay là chồng và người tình của nàng. Đối với Kỳ Sanh thì nàng thẹn thuồng, mà đối với chồng thì muôn phần xấu hổ. Nàng nhớ tới bức thơ vắn tắt mà nàng đã gửi

cho chồng nàng: «Đào Hoa lúc này không phải như Đào Hoa lúc trước nữa», thì cái nỗi tủi hổ xốn xang càng tăng lên bội phần. Nàng xây xẩm tối tăm mảy mặt rồi té xỉu xuống gạch. Kỳ Sanh thấy vậy thì cũng ngẩn ngơ bứt rứt, ngoảnh mặt đi mà trong bụng lấy làm khó chịu. Anh ta nghĩ rằng cũng bởi anh ta cho nên ngày nay Đào Hoa mới ra nông nỗi ấy!...

Chàng Dao thấy vợ ra thân như vậy thì chàng động mối thương tâm, hai hàng lệ tuôn ra ướt mặt. Chàng cúi xuống ôm Đào Hoa để trên giường. Đào Hoa mở mắt ra mà nói rằng:

- Đào Hoa! Cái nhơ nhuốc tội lỗi của mi đã đẩy đẩy, mi không đáng làm người ăn cơm mặc áo trên trần thế này nữa. Mi phải chết mới được!

Nàng lại nói với chồng rằng:

- Mình ôi! Mình khéo dư nước mắt mà khóc con ác phụ này! Con ác phụ này nó sẽ đến tội cho chồng nó!...

Nói dứt lời nàng vội vã đi liền. Chàng Dao và Kỳ Sanh biết Đào Hoa đi tự vận nên vội vàng tuốt theo đằng có cứu; nhưng Đào Hoa đi mau quá, nàng xuống khỏi thang lầu rồi chạy riết ra bụi thạch đàm đầu xuống sông mà trầm mình. Hai người tri hô lên, người ta xúm lại lội xuống mò, song trong lúc ban đêm khó mà tìm cho được, thành ra nàng phải chết luôn!

Viết tại Sài Gòn ngày 2 Novembre 1930

ÉP DẦU ÉP MỠ...

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

ĐOÀN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

ÉP DẦU ÉP MỎ

Tác-giả : SƠN-VUÔNG



.... mà là một cái tin chẳng đáng đưa đến cho chàng...

Bản-quyền sở hữu

Giá nhứt-định 0\$09

Imp. ĐỨC-LƯU-PHƯƠNG

158, Rue d'Espagne, Saigon

1931

ÉP DẦU ÉP MỠ...

Lúc hai giờ chiều, trong một căn phố ở đường Lagrandière, số nhà 13... một người đàn bà góa đang lóng ngóng chờ khách, khách ấy là một người Pháp tên là Armand... đến coi mắt cô Mai cháu ruột của bà Phạm Thị Tân, Phạm Thị tức là người đàn bà góa đã nói trên kia vậy.

Đồng hồ chỉ hai giờ rưỡi, một cái xe hơi ở phía dinh Phó Soái từ từ chạy lên rồi ngừng ngay trước cửa nhà bà Phạm Thị Tân, cửa xe mở toác ra, một người Tây mình mặc đồ u-oe trắng, bộ tướng dềnh dàng, mặt to bụng lớn, râu ria xồm xoàm, tay cầm gậy lớn gằn bằng cườm tay, miệng ngậm điếu xì gà trầu trầu, bước xuống xe rồi đi thẳng vào... Phạm Thị vội vàng bước ra chào khách rồi để huê vô trong, phân ngồi chủ khách tại xa lông rồi, Phạm Thị mới lên tiếng gọi:

- Mai a.
- Dạ!
- Ra dì biểu đây.

Cô Mai vội vàng bước ra cúi đầu chào khách, chàng Armand... đứng dậy đưa tay bonjour⁽¹⁾, nhưng cô vẫn giữ theo phong tục nước nhà, nên gã kia đưa tay ra rồi lấy tay vô, coi có vẻ ngượng ngùng kinh ngạc! Phạm Thị thấy thế thì lấy làm không bằng lòng. Bèn bảo:

(1) Tiếng Pháp: *xin chào, bắt tay, chào* (NBS)

– Thôi, đi vô đi đồ chùa ngục!

Cô Mai vào trong, chủ nhơn hỏi khách:

– Mê xù coi được hôn?

– Ấy là một người con gái có nhan sắc, rất hấp nhơn tôi, chẳng hay tại sao nàng không chịu bắt tay?

– Con gái nhà Nam hay mắc cỡ!

– Nàng đối với bà là người thế nào?

– Nó là cháu ruột của tôi, nghĩa là chị của tôi là mẹ ruột của nó. Song cha mẹ nó qua đời hết rồi, để chị em nó lại cho tôi nuôi, nó còn một đứa em nữa học tại trường...

– Người mồ côi cha mẹ mà coi dễ thương quá! Thôi bà hãy gả nàng cho tôi đi?

– Được, tôi rất sẵn lòng gả cho ông, cháu tôi mà được lấy chồng người Pháp ấy là một điều vinh hạnh cho tôi. Mà ông muốn chừng nào làm đám cưới đây?

– Thứ hai tuần tới, bữa nay còn bốn ngày nữa?

– Chỉ mà gấp dữ vậy? Nhưng mà thôi, ông muốn ngày nào tùy ý.

Armand... cười, đoạn hai người bắt qua chuyện khác đàm luận giây lâu khách mới chịu cáo từ về.

Trong lúc Phạm Thị ngồi ngoài tiếp chuyện với khách, thì cách một tấm vách tường, nơi phía trong cô Mai mặt ủ mảy châu vì bởi duyên xui phận bạc, nhứt là khi di hứa gả cô cho chàng Armand... thì cô lấy làm bất bình hết sức, bất bình vì sao việc hôn nhân là việc quan hệ cả đời người mà di cô chẳng thềm hỏi lại cô một tiếng nào, coi cô có ưng cùng không ưng rồi sẽ liệu định, lại di hứa càn hứa bướng như vậy. Đã thế rồi bây giờ Phạm Thị còn gọi cô ra ngoài mà nhiếc nữa:

– Bộ mặt mày coi tốt quá mà sao mày không biết cách lịch sự,

người ta đưa tay bonjour mà cứ đứng trơ trơ như trời trồng đó, thấy mà ứa gan!

– Thưa di tại con chưa quen cái phong tục mới mẻ ấy!...

– !!! Xí, khéo làm bộ con gái nhà lành dữ! Sao bây giờ tao nhưt định gả mày cho thằng Tây đó mà mày có bằng lòng hôn?

– Con còn nhỏ chưa muốn lấy chồng.

– Sao được! Tao đã định ngày cưới cho người ta rồi.

Tức quá cô Mai phải nói:

– Sao di không hỏi lại con đã?

– Quyền hành nơi tao, tao muốn làm gì tao làm chứ lại phải hỏi mày nữa à!

– Thà rằng con lấy một người chồng người Việt Nam mà làm nghề xe kéo, chứ con không lấy chồng Tây đâu mà người ấy có làm quan tột phẩm đi nữa.

Phạm Thị trợn mắt nhìn cô Mai hình như lấy làm lạ lắm vậy.

– Chà! Bộ thế mày quên hết phong tục ông cha mà muốn thi hành cái vấn đề tự do kết hôn sao chứ?

– Thưa di, con là người Việt Nam mà con muốn lấy chồng người Việt Nam hơn là chồng dị chủng, ấy là con giữ phong tục tốt đẹp của ông cha đó chứ!

– Mày nhieć tao đó hả! Nè tao để mày được chứ mày không có được để tao đâu!

– Thưa di, đó là lời thành thật của con.

– Ê, mày đừng có tưởng tao ngu hơn mày mà không hiểu cái ý mày muốn nói xa nói gần tao đâu.

– Thưa di nếu di nghĩ như vậy thì tội nghiệp cho con lắm.

– Mày thiệt là ngu lắm mà! Lấy chồng Annam phải bồng em xách nước, lo thiếu trước hụt sau: còn lấy chồng Tây thì được lên xe xuống

ngựa, ăn mâm cao cỗ đầy, muốn gì có nấy, muốn xe hơi có xe hơi, muốn hột xoàn có hột xoàn, muốn làm gì đã có bồi bếp sai, tối ngày chẳng có làm gì động móng tay, chỉ ăn no rồi ngủ... mà không chịu, thiệt là đồ không có trí khôn...

Giận lắm cô Mai không dần lòng được:

– Thà là con chịu ngu, chứ con không muốn khôn theo cách ấy!

Phạm Thị hét lên:

– Mẹ mày chết, để chị em mày lại cho tao nuôi không sanh cũng có dưỡng, sanh dưỡng ấy đạo đồng, thì bây giờ tao cũng như mẹ mày, tao biểu trời hay trời, biểu đất hay đất, có lý nào mày dám cãi lời tao? Nè: tao đặt đầu thì ngồi đó, chứ nếu trái ý tao thì đừng có mong sống, nói trước cho mày giữ hồn!

Cô Mai tuy sợ di thật, song làm di mà ý quyền quá thì cô cũng hết sợ.

– Thừa di sống mà không được vui thì cái sống ấy dầu mất hay còn con cũng không tiếc!...

Phạm Thị nổi trận lôi đình, sẵn cái tách uống nước để trên bàn, bà liền chụp lấy mà liệng ngay vào mặt cô Mai. Lại mắng:

– Đồ ngốc ngếch, giết chết cũng không tiếc!

Cô Mai né khỏi, không trúng mặt song cũng bị trúng đầu, tách bể tan tành, miếng văng đầy đất, chỗ bị thương máu chảy đầm đề rồi u lên một cục.

Thế mà Phạm Thị vẫn còn mắng chửi tung bùng chứ chưa chịu thôi. Cô Mai thì thản nhiên như không, lo kiếm thuốc vắt chỗ bị thương rồi lấy chổi quét gom miếng tách hốt đem đi đổ, chẳng hề than một tiếng!...

★

Trước mặt bà di, bất đắc dĩ cô phải gượng vui mà cười cười nói nói cho vừa lòng Phạm Thị, chứ trong những khi một mình một bóng thì sắc mặt dầu dầu lòng đau như cắt. Cậu Huỳnh là em trai cô, thấy

cô buồn cứ đeo theo khuyên giải, nhưng cái nỗi bất bình kia làm sao mà nguôi cho được.

Tối hôm ấy cô trần trọc suốt canh, đến mười một giờ khuya ai nấy đều an giấc, duy có một mình cô thì đứng tủi ngồi sầu, cô cầm trên tay một tấm hình, mắt cô chòng chọc nhìn vào tấm hình đó, mà hai hàng lụy đổ như mưa. Hình đó là hình của chàng Nguyễn Tấn Dương người bên Vĩnh Hội, tức là người non nước của cô vậy. Cô nhìn tấm hình người yêu đã thềm rồi, ngồi lại bàn mà thảo một bức thơ:

"Nguyễn Tấn Dương chàng ôi:

Bức thơ này chẳng phải là một bức thơ tỏ lòng khăng khít, nói chuyện đá vàng như những bức thơ trước nữa, mà chính là một cái tin chẳng lành đưa đến cho chàng đó, chắc khi chàng cầm bức thơ này mà đọc thì lòng chàng phải bồi hồi đau đớn lắm vậy.

Chàng ôi! Cũng vì cái lối hôn nhơn chuyên chế mà rồi đây keo rã hồ tan, đối với cuộc trăm năm của đôi ta thiệt em không còn một mảy may hi vọng nào nữa hết. Di em đã đem em mà gả cho một người ngoại quốc kia rồi, ngày thứ hai tới đây tức là ngày em phải tuân theo mạng lệnh di em bề chữ đồng làm hai mà trao thân này cho người khác!

Đau lòng cho em mà cũng thiệt thòi công xe nhợ uốn cần của ai... Đừng vào địa vị em bây giờ: hiếu tình nặng gánh, em biết làm sao cho tình hiếu lương toàn?

Em thiết nghĩ: em đã chê cái lối hôn nhơn chuyên chế là cái lối hủ, còn em đây là gái mà tự do trao lời vàng đá cùng chàng, chẳng hề có một lời thua lại cho di em hay, thì găm lại cũng không tốt gì! Thế thì đối với cha mẹ: em là một đứa con bất hiếu, mà đối với chàng lại là một người vợ bất trinh. Một người con gái bất trinh bất hiếu như em thật không đáng làm bạn trăm năm cùng chàng vậy.

Bốn phương trời biển, thiếu chi là khách chung tình, chàng hãy

chọn một người liệt nữ khác... còn em đây chàng đừng trông gặp mặt nữa. Em khuyên chàng như thế cũng phải em đành để cho cái lối hủ kia nó làm mất cái giá trị ái tình của em đối với chàng đâu. Tuy chưa chẵn gối cũng là nghĩa vợ chồng thì rồi đây em phải làm sao cho trọn tiết, chứ em quyết không làm gái hai chồng.

Tình lang ôi!

Đá nát vàng phai, tình chẵn gối còn chi mà kể nữa, sắt cầm lỡ nhịp tóc tơ đành hẹn kiếp tái sinh. Như em ngày nay đây:

Đau lòng tử biệt sanh ly,

Thân còn chẳng tiếc tiếc gì đến duyên?

...

Thề xưa nay đã lỗi nguyên,

Họa chẳng xuống chốn huỳnh tuyền gặp nhau!

Người vô phúc: M.elle Mai bái thơ"

Viết xong, cô xem đi xem lại năm ba bận rồi mới chịu tắt đèn đi ngủ. Đêm khuya canh vắng, trướng gấm điều hiu, giọng ế nỉ non, tiếng trùng eo óc, người buồn duyên tử phận đối với cảnh này làm sao mà nhắm mắt đi cho được, vì thế mà cô Mai thao thức sáng đêm!...

Sáng hôm sau, mới bảy giờ thì Phạm Thị đã đi Đất Hộ để đánh bài tứ sắc, cậu Huỳnh thì đi học, duy có một mình cô với bà già nấu ăn ở nhà mà thôi. Bà già nấu ăn đi chợ về thì cô giao nhà cho bà giữ, còn cô thì xuống nhà dây thép đăng gởi bức thơ kia cho chàng Nguyễn Tấn Dương, đoạn cô trở về Chợ Mới mua một hộp á phiện và ít xu giấm thanh! Khi cô mua hai món kia rồi, toan kêu xe kéo mà về nhà thì kể nghe sau lưng có tiếng kêu:

– Cô Hai!

Cô Mai day lại nhìn thì là chàng Nguyễn Tấn Dương, cô vừa mừng vừa tủi nên sa nước mắt nhưng cô cũng lẹ tay mà lau, nên Tấn Dương thấy không kịp. Tấn Dương hỏi:

– Em đi đâu đây?

– Đi mua đồ!...

– Qua cần phải giáp mặt em để nói một chuyện quan hệ, mà qua mới tới đây lại gặp thiết cũng là may!

– Chuyện gì mà quan hệ?

– Để tìm một chỗ vắng rồi qua sẽ phân trần cho mà nghe, ở đây nói ra bất tiện.

Hai người bèn lên xe kéo vào vườn ông Thượng, Tấn Dương và cô Mai ngồi chung một cái băng gần chỗ ba hình, Tấn Dương thấy cô Mai không được vui thì hỏi:

– Sao coi bộ lúc này em tiêu tụy quá vậy?

– Em ể mình!

– Rán mà uống thuốc, đừng để cho căn bệnh phát lên thì càng khốn.

– Chuyện gì quan hệ đâu anh thuật lại cho em nghe thử coi?

Tấn Dương lộ vẻ thất tình buồn bã mà nói rằng:

– Nói ra thì mang tội với cha mẹ, mà không nói thì nó tức tối trong lòng không biết chừng nào. Làm cha mẹ việc gì thì buộc con phải vâng theo; chứ còn cái việc vợ chồng thì để cho con mặc tình chọn lựa, có lẽ nào cha mẹ ý quyền mà ép uống phải ưng người này phải thương người nọ? Cái người mình không thương được mà cha mẹ ép mình phải cưới, rồi khi về ở chung với mình, cái tình của mình đối với họ không có gì là mặn mà, thì tất nhiên trong gia đình phải sanh sự không hay. Xưa nay biết bao nhiêu thanh niên thiếu nữ vì sự ép uống đó mà phải hủy thân cho hả lòng uất ức của mình, sao những kẻ làm cha mẹ không lấy đó làm gương, mà lại cứ bo bo giữ cái thói *đặt đâu ngồi đó* mãi!

Nghe nói thế thì cô Mai biết chuyện của chàng ra sao rồi, nhưng cô chưa tỏ việc cô ra cho chàng biết. Cô hỏi:

– Bộ cha mẹ anh bắt anh phải cưới cô nào đó chẳng?

– Cưới con Long, con của Hội đồng Dạ, em nghĩ coi con đó tánh nết có ra gì, mà ba má qua biểu qua thương thì thương sao cho vô!

– Dầu thương không vô cũng phải thương cho vô, miễn vừa lòng cha mẹ thì thôi?

– Cha mẹ khiến phải thì con vâng theo chứ cha mẹ khiến bậy rồi cũng biểu người ta nghe theo hay sao?

– Cha mẹ ép uống thì đáng trách thật, nhưng mà anh chẳng nên quá lời như vậy.

Tấn Dương có vẻ ăn năn. Chàng nói:

– Thiệt qua muốn chết cho mát thân chứ sống mà qua với em chẳng đặng gần nhau thì sống làm gì! Không vâng lời cha mẹ thì thành ra con bất hiếu, mà được lòng cha mẹ thì lại phụ phàng cùng ai!...

– Anh chẳng nên tính tới việc chết, kia là cha già mẹ yếu, nọ là xã hội điên nguy, bốn phận làm trai cần phải lo đền bồi ơn nhà nọ nước, chết làm sao cho rạng vẻ với non sông, sá chi một mảnh hồng nhan mà chàng đến phải liễu thân nam tử!

– Chớ buồn tình thất chí quá mà sống sao cho được!

– Mình gặp cảnh ngộ này đau đớn thì đau đớn thiệt, nhưng mà khổ não thì còn có nhiều người khổ não hơn... Anh cưới cô Long, em cũng biết cho anh vì cảnh ngộ mà buộc lòng phải chịu, chứ nào phải anh có dạ đổi đời!

Nói đến đây cô Mai bèn đem việc mình ra mà thuật hết cho chàng nghe, chàng lấy làm ngạc nhiên lo sợ. Bèn lấy chai giấm và á phiện của cô Mai mà đập bỏ đi, rồi nói rằng:

-- Tưởng một mình cha mẹ qua tham giàu mà ép uống, té ra di của em cũng chẳng khác nào! Chớ chi gả em cho một người Việt Nam thì còn dễ thở một chút, lại nhè đem gả cho cái thứ người mà chúng ta quyết chẳng đội trời chung!

– Bởi vậy nên em buồn rầu đau đớn không biết chừng nào. Ôi! Thân này em đã trao cho anh rồi, ngày nay em còn mặt mũi nào mà trao cho kẻ ngoại bang nó dày vò nung nấu...

Cô Mai khóc, Tấn Dương cũng khóc theo, chàng cầm tay cô Mai mà tình xuân lai láng, dạ ngọc bồi hồi, chàng nhìn mặt vuốt ve cô Mai tỏ tình dan díu giây lâu rồi thở dài một cái mà nói:

– Thôi, kiếp này chẳngặng cùng nhau chung gối, thì đá vàng hện lại kiếp lai sanh. Từ nay chúng ta chỉ biết cái nghĩa vụ mà không kể gì thân, tình cảm sắt đá ra tình cảm kỳ, tuy không vui về xác thịt, nhưng tinh thần của chúng ta vẫn mật thiết luôn luôn?

– Nếu vậy thì anh với em phải đành cam với số phận hay sao!

– Vậy chớ biết sao bây giờ? Chết đi không nỡ, mà sống thì phải chịu lòng cha mẹ chớ sao!

Hai người khóc than một độ lâu nữa mới chịu phân tay từ giã. Thế thì Tấn Dương đã bằng lòng cưới con gái Hội đồng Dạ, mà cô Mai chịu lấy chồng Tây vậy.

★

Đêm nay là đêm thứ nhứt chỉ còn một khoảng thì giờ ngắn ngủi nữa thì cô Mai phải về nhà chồng! Ai sắp được về nhà chồng thì vui mừng hơn hở, chớ cô Mai sắp về nhà chồng thì ruột thắt gan bào. Cô khóc vụng than thầm mà rằng: “Dì ôi, dì ác độc làm chi làm vậy! Hết người cho dì gả rồi sao dì nhè đêm mà gả cho loài dị chủng? Chẳng những nó không xứng lứa vừa đôi gì mà nó là một cây đinh trong trăm ngàn cây đinh đóng trước mặt đồng bào mình. Ôi! Có thể nào mình kể vai chung gối với nó được?... Thôi thì chết cho mát thân, chớ sống làm chi cho dạn sương dày gió... mà ta phải chết lập tức bây giờ, chẳng nên dự dự!”

Cô Mai than dứt lời, liền lấy dao đâm họng. Nhưng khi cô vừa cầm dao lên thì kế nghe cậu Huỳnh cựa mình mớ rằng: “Chị hai ôi!

Má chết thì em trông vào chị, nay chị liễu mình thì em biết nương cậy vào ai?” Cô Mai ngừng tay lại, để cái dao xuống bàn rồi đi lại bộ ván gỗ nhìn cậu Huỳnh đang ngủ mà than rằng: “Trời ơi! Em tôi còn ngây dại thế này tôi chết sao cho đành mà chết!” Rồi cô cúi xuống kê mũi vào mặt em mà hun hai ba cái, nước mắt cô tuôn ra ướt mặt cậu Huỳnh, làm cho cậu giựt mình thức dậy. Cậu hỏi:

– Sao chừng này chị chưa ngủ chị, chị khóc gì đó?

Cô Mai chưa kịp trả lời thì cậu Huỳnh nhắm mắt ngủ khò! Cô thấy tình cảnh như vậy thì cái lòng thương em càng tăng lên bội phần, rồi cô bắt hồi tưởng lại khi mẹ cô sắp vĩnh biệt cõi trần có trối lại mấy lời rằng: *Mẹ chết để con và em con lại cho dì con nuôi, thì dì con tức là mẹ của chị em con vậy, phạm mọi sự gì cũng tùy theo ý dì con mà ở, nếu con trái ý với dì con tức là bất hiếu với mẹ đó. Em con còn thơ bé thì con hãy ráng mà dìu dắt nó cho nên người đứng đắn về sau, đừng để nó thành ra quân thất giáo. Nếu sau khi mẹ thác rồi mà con làm y theo lời mẹ dặn thì chốn suốt vàng mẹ mới được yên tâm...* Nhớ đến đó khiến cho cô càng bắt nhãn trong lòng hơn nữa, tưởng cũng khó cho cô tính việc quỳên sinh. Cô Mai ngẫm nghĩ hồi tâm rồi nói một cách quả quyết rằng: “Thôi mình quyết chết mà không chết được, thì cũng liễu thân này như một đoá hoa tàn kia, mặc sức cho phong trần vui đập, miễn sao cho trọn đạo làm con, tròn nghĩa vụ làm chị thôi!”

Thế là cô Mai đã đánh liễu nhắm mắt đưa chơn rồi vậy.

Lúc bấy giờ là sáng bữa thứ hai, trong nhà bà Phạm Thị Tân chưng dọn coi rục rờ, khách khứa ra vào nói chuyện nhộn nhàng. Mọi người đều khen cô Mai được chồng Tây là có phước: chẳng có một ai biết nghĩ rộng suy xa mà buồn tủi giùm phận cô, cô thấy lòng người như thế thì cô cũng phải bắt chán ngán mà rằng: “Ôi! Thiên hạ ngày nay sao mà lắm kẻ ngu dân đến thế? Chỉ biết bạc tiền là quý, chớ chẳng kể gì là nhục là vinh. Chính mình sắp bước chơn vào vòng khổ nhục, thế mà ai nấy lại cho mình được phước! Phước của chị em

bạn gái là thế nào mà phước của ta là được lấy chồng Tây? Ôi! Phước ôi là phước!”

Khi ai nấy ngồi ngoài nói cười chuyện vãn thì cô Mai và cậu Huỳnh ở trong buồng ngậm thở ngùi than, tình cảnh của hai cháu đau đớn dường ấy mà kẻ làm bà dì kia có biết cho đâu!

Đến giờ đưa dẫu, cô Mai cùng đức ông chồng to tướng kia để huê bước lên xe hoa, hai họ cười cười nói nói, mà gương mặt cô Mai và cậu Huỳnh chẳng chút gì vui!...

★

Đây xin nhắc qua chàng Nguyễn Tấn Dương, sau khi nói chuyện với cô Mai tại vườn ông Thượng về nhà, bữa sau chàng có tiếp được thư cô Mai, thư ấy là thư cô Mai viết trước khi cô chưa biết việc nhà chàng, tuy chẳng ăn thua gì, nhưng chàng cũng lo sợ cho cô Mai lắm, đến bữa cô Mai về nhà chồng thì chàng mới bớt lo. Rồi chẳng bao lâu chàng cưới cô Long về. Trong buổi đầu Thị Long coi còn phải đạo làm vợ làm dâu một chút, đến khi lờn mặt quen hơi rồi thì cô coi bên nhà chồng chẳng khác gì cô rác.

Thế mà mỗi khi cô Long làm quấy, Tấn Dương có rầy vợ thời cha mẹ chàng lại bình dẫu, sợ để chàng làm thẳng tay e hỏng mất một con dâu giàu đi chẳng! Thị Long biết chồng không làm gì mình được nên ngày càng lấn nước, tự do hoành hành, muốn ăn giờ nào ăn, muốn ngủ giờ nào ngủ, muốn đi giờ nào đi, muốn làm gì tùy ý, không đếm xỉa gì cha mẹ chồng và chồng chút nào cả.

Tức quá Tấn Dương phải răn vợ, Thị Long cũng chẳng nhin chồng, thành ra trong gia đình cứ xào xáo luôn luôn, không có lúc nào mà trong nhà chàng êm tịnh được vài ngày, mà rầy rà cãi cọ đó là may, nếu chàng không nể vì cha mẹ thì ắt là sanh sự đổ máu cũng chưa biết chừng!

Cái tình chàng đối với vợ không có gì mặn mà, chẳng những chàng coi vợ như người qua đường, mà Thị Long là một kẻ thù của

chàng vậy. Từ ngày cưới Thị Long về đến nay thẩm thoát đã mấy trăng mà Thị Long vẫn chịu cảnh thê lương chớ chưa từng được một lần ân ái! Tuổi xuân đang độ, tình dục nồng nàn, có chồng mà vẫn không chồng! Thèm khát quá thì phải kiếm ăn... đó là tất nhiên!

Còn cô Mai từ lúc bước chân về nhà chồng, cách ăn thói ở của chồng rất là trái ngược với phong tục nhà Nam, nào khi chung chạ cùng khi đứng ngồi, mỗi mỗi đều trái tai gai mắt cô hết thấy, nhưng đã đến nước này phải sao chịu vậy, chớ ăn làm sao nói làm sao bây giờ?

Ôi! Những khi ôm đào ấp mạn, mưa gió nặng nề, cái phần khoái lạc về ai riêng hưởng, chớ thân cô nào biết có xuân là gì...

Không có giờ phút nào mà cô không buồn rầu than thở, phần nhớ mẹ thương em, phần thì tủi về duyên phận, bao nhiêu cái nỗi đoạn trường dồn dập lại, làm cho cô phải buồn cả ruột, lại điên cả người. Cô ước chớ chi mà cậu Huỳnh đã khôn lớn thì cô sẽ hủy mình bằng một cách thâm thiết cho những kẻ làm cha mẹ biết sự ép duyên con là có hại đến bậc nào.

Cô ít đi đâu lắm, khi nào cô nhớ cậu Huỳnh quá bất đắc dĩ phải về thăm em, chớ cô không muốn thấy mặt bà dì nữa, mà cô đi đâu cũng không muốn cho chị em bạn thấy mặt, như là Tấn Dương thì cô càng lánh mặt hơn.

Một hôm cô cùng chàng Armand... ngồi xe hơi đi dạo mát, khi tới Place Maréchal Joffre, thỉnh linh thì gặp Tấn Dương, chàng ta ngồi xe kéo đi đâu ngang qua đó không biết, thấy người thương mà cô chẳng dám nhìn: còn Tấn Dương từ ngày cô Mai có chồng thì nhớ thương lắm, có ý muốn gặp mặt một lần cho khuây khỏa tấm lòng mong mỏi, mà vì cô Mai lánh mặt nên chàng không gặp được, bây giờ tình cờ gặp mặt thì chàng ta chòng chọc nhìn cô. Nhè lúc ấy chàng Armand... lại một tay cầm tay bánh, còn một tay thì ôm cô Mai mà hun. Ôi! Bộ râu xồm xàm cứng như bàn chải rẽ tre kia lại đặt lên cái gò má trắng đỏ mềm mại nọ thì có khác nào đem ngọn chổi cùn mà quét trên bàn cẩm thạch?!

Tấn Dương nhìn thấy rõ ràng, làm cho cô Mai muôn phần hổ thẹn, cô bèn lấy tay mà gạt hàm râu dề kia ra. Trong lúc ấy Armand... hơi hồng làm sao chẳng biết mà để cho xe trật lên lề đường ủi vào gốc cây dầu xe hư nát. Armand... bị thương chút đỉnh, cô Mai văng ra ngoài cách xe hai thước, mặt cày dưới lộ, sụt mấy đường, máu chảy đầm dề. Đang con, cô Mai rên xiết về nạn xe hơi thì Armand... đã chẳng thương tình lại còn nhảy lại nắm đầu cô Mai kéo dậy mà đánh thêm hai ba bạt tai, bởi hấn trách sao hấn hun mà không để cho hấn hun lại đỡ gạt làm chi cho xảy ra cơ đổi!

Tấn Dương thấy thế thì bất bình quá không thể gì ngoảnh mặt làm ngơ, bèn xuống xe can thiệp, nhưng chàng chỉ lấy lời tử tế mà cản ngăn chớ không có nói tiếng gì vô lễ, thế mà Armand... lại chẳng nghe theo, lại còn trộ trạo hỏi rằng:

– Việc của tao mà mày can thiệp làm chi? Bộ mày muốn lấy vợ tao hả?

Nghe những lời lỗ mãng ấy, Tấn Dương lửa giận phùng phùng, bèn điểm mặt Armand... mà rằng:

– Chú phải coi chừng tôi à hả, tôi nói với chú tử tế quá mà!

Armand... xốc lại hỏi:

– Tao nói vậy mà mày làm chi tao?

Nói chưa dứt lời, Armand... đã đánh Tấn Dương trước, nhưng chàng lẹ mình né khỏi rồi nhắm ngay bụng bự của anh ta mà động cho một đập, Armand... té lăn cù, tuy vậy mà nó thấm tháp gì đâu, cái sức của anh ta đó cầu vác xà beng mà đập! Armand... rút súng lục ra: bùm... bùm... bùm... bắn luôn ba phát, phát trước trật, hai phát sau trúng, một phát trúng bả vai, một phát trúng bắp đùi, Tấn Dương la: Thôi chết tôi rồi! Chàng nhào xuống đường bất tỉnh nhân sự, Armand... cũng chưa đã nư giận, còn nhảy tới đánh đá tung bùm, mà lúc ấy cô Mai vẫn còn mê man nào có biết gì đâu!

Nghe tiếng súng, thiên hạ rùng rùng chạy tới, có lính ở trong

bót giếng nước cũng chạy túa ra. Họ thấy Armand... đang con hung hăng làm dữ thì chỉ đứng mà nhìn, đến chừng Armand... đánh đã tay, khi ấy họ mới bắt hẩn điệu về bót, và lập tức chở hai người bị bệnh đến nhà thương...

Được tin chẳng lành này thì cha mẹ Tấn Dương và bà Phạm Thị Tân đều sáng sốt kinh hoàng, liền đến tại đường đường mà thăm, cậu Huỳnh cũng theo đi vào nhà thương thăm chị.

Cô Mai thì chỉ trên mình thấy mặt sơ sơ, còn Tấn Dương bệnh tình rất nặng, cần phải dưỡng bệnh lâu ngày mới hồi phục được.

Cô Mai nằm nhà thương độ đâu hơn tuần lễ thì hết. Khi ấy trên mặt cô có một sẹo lớn, cái vẻ tươi như hoa trắng như tuyết trước kia thời bây giờ nó đã theo cái hun của đức ông chồng hôm nọ mà tiêu đi đâu mất! Nhưng cô không buồn mà lại vui, vui vì có lẽ nhờ đó mà cô sẽ được thoát khỏi tay anh chồng dị chủng kia chăng? Phận cô đành vậy còn người thương kia thì sao? Ôi! Cô lấy làm đau lòng sốt ruột lắm, song thế nào thì để bụng chờ người ta đã có vợ rồi, dẫu cô có muốn thăm cũng không được.

Khi ở nhà thương về, cô không biết tại sao có sự xảy ra đường ấy mà chồng cô lại được thung dung tự tại ở nhà, không bị tù bị rạc gì hết. Cô bây giờ đã hóa ra người xấu xí, không còn được mỹ miều xinh đẹp như hồi trước, nên cái tình của Armand... đối với cô ngày càng lợt lạt, không có chút gì mặn mà, chẳng bao lâu anh ta cũng kiếm cách mà đuổi cô về nhà, không nhìn là vợ nữa.

Ấy là cô Mai đã gỡ được một cây đinh đóng trước mắt rồi, còn lo một nỗi bà di! Nhưng cũng khá: lúc này bà Phạm Thị Tân đã biết ăn năn, bà biết gả cháu cho Tây đã chẳng ích lợi gì mà lại còn sanh sự không hay, nên từ ngày cô Mai bị chồng phế về ở với bà thì bà thương, bà ân cần đối đãi, không còn hầy hật như trước nữa.

Thế là cô Mai đã xong một đời chồng!

Tấn Dương nằm nhà thương ngót ba tháng trường mới lành bệnh,

khi chàng về nhà thấy Armand... được tại ngoại hầu tra, chàng lấy làm lạ cho ông Thần công lý ở xứ này!... Kể ít ngày tòa đem vụ chàng ra trước tụng đình phân xử, kết cuộc kẻ tội nhon được hưởng một năm tù án treo, còn Tấn Dương tuy được tha(!) nhưng bị tòa trách móc sao chuyện của vợ chồng người ta ai biểu làm phách can thiệp làm chi cho mang họa, thì chịu lấy!...

Hỏi chưa ra tòa chàng cũng biết kết cuộc tự nhiên là như thế rồi, nên khi tòa phân xử như vậy chàng cũng không lấy gì làm lạ, chàng biết kêu nài cũng chẳng ích gì nên đành ngậm miệng làm thinh. Bởi thế mà cái mối thù của chàng đối với Armand... vẫn còn chất chứa trong lòng, nếu có dịp trả thù được thì chàng sẽ quyết liệt một phen, dầu có thác cũng hả lòng căm tức.

Chàng hay tin cô Mai bị Armand... phế bỏ đã lâu rồi thì chàng cũng mừng cho cô một đổi, nhưng mừng cho ai rồi đoái lại việc mình thì mối sầu càng thêm!...

Một điều chàng lấy làm lạ hơn hết là lúc gần đây sao Thị Long lại biết cung kính yêu thương chàng lắm, không có ngang đầu cứng cổ như hồi trước. Chàng lấy làm lạ bao nhiêu thì lại càng sanh nghi bấy nhiêu, nên bất kỳ nhứt cử nhứt động gì của Thị Long thì chàng đều chú ý hết thảy, chàng có ăn uống thức gì chàng cũng để phòng, e Thị Long có ngoại tình cùng ai mà thuốc mình đi chẳng?

Chàng không thương Thị Long chút nào hết nếu có dịp nào mà chàng có thể để bỏ được thì chắc là chàng không bỏ qua vậy. Chàng bèn lưu tâm dò xét thì quả có như ý chàng đã nghi chẳng sai, mà kẻ gian phu chẳng ai đâu lạ hơn là kẻ thù của chàng, tức là chàng Armand... chồng của cô Mai vậy.

Thấy vợ sanh tâm làm quấy như vậy thì chàng nửa vui nửa buồn, vui vì rồi đây chàng sẽ có cơ mà dứt Thị Long, buồn vì luân lý nước nhà đã đến hồi truy lục. Chàng bèn giả đui giả điếc, cũng không tỏ việc ấy cho cha mẹ hay, quyết rình bắt cho được quả tang chánh án mới nghe.

Một hôm chàng giả đồ xuống Mỹ Tho có chuyện... Thị Long tưởng thiệt nên thừa cơ ấy làm bộ xin phép cha mẹ chồng về thăm nhà, kỳ thiệt là cô đi lại với tình nhân!

Tấn Dương sai người tâm phúc nom theo thì biết chắc gian phu dâm phụ đang tình tự tại một căn phòng thượng hạng ở *annexe R*.⁽¹⁾ chàng muốn thừa dịp này mà trả thù xưa, song chàng kịp nghĩ lại thân chàng cần phải lo nhiều việc lớn lao, chứ không phải đi chết vì một chuyện nhỏ mọn như vậy, nghĩ thế rồi thôi. Chàng bèn báo tin cho cha mẹ vợ hay rồi cùng cha mẹ mình đến nơi cho tận mắt: muốn cho khỏi xảy ra chuyện lôi thôi nên chàng có mời một ông Cò và hai thầy Đới tới đó chứng kiến gian phu dâm phụ ơ hờ chẳng chút để phòng, nước đến trôn không sao nhảy kịp nên đành chịu bó tay!...

Việc ấy chừng đem ra tòa phân xử thì Armand... bị đuổi về Tây, Tấn Dương được tòa cho phép hủy hôn thú, Thị Long thì cha mẹ không nhìn, cô bỏ xứ mà đi đâu mất.

Bấy lâu Tấn Dương có ý hờn cha mẹ mà không dám nói, bây giờ sẵn dịp này trong cơn hứng chí chàng không dằn được nên nói lấy với cha mẹ như vậy:

– Đó, dâu hiền dâu thảo của ba má đó!

Cha chàng nói:

– Tại hồi đó má mày đốc tao, chớ tao biết con đó không chính nét!

Mẹ chàng cãi:

– Tại tao mà cũng tại ba mày nữa, đã biết nó không chính nét sao không ngăn cản?

Tấn Dương nói:

– Thôi ba má đừng có đổ thừa cho nhau, tại ba má thấy cha mẹ

(1) Annex R: *chi điểm*, phòng thuộc vào loại sang trọng (NBS)

nó giàu có hơn mình nên ba má ép con cưới nó đằng sau này có ăn gia tài! Bây giờ chuyện xảy ra như vậy cho ba má biết đá biết vàng!

Cha mẹ chàng đều làm thính mà thở ra, mặt mày xui xị! Chàng nói tiếp:

– Cái chỗ con thương được ba má lại không cưới! Còn chỗ con không thương được ba má lại ép con, thiệt tức tối cho con không biết chừng nào!

Mẹ chàng nói:

– Thôi, mày đừng có cần nhằn gì nữa hết, bây giờ mày thương con nào đó thì mày cứ nói thiệt đi rồi tao biểu ba mày cưới cho?

Tấn Dương làm thính...

Nếu trừ cô Mai ra thì chẳng còn ai đáng cho Tấn Dương chú ý hơn vậy, tuy bây giờ cô đã có một đời chồng, và không còn xinh đẹp như hồi trước, nhưng mà cái tình thương của chàng đối với cô trước sao sau vậy, không hề dờn đổi một li nào. Chàng muốn thưa với cha mẹ để cưới cô Mai, nhưng trước khi thưa hãy giáp mặt cô để bàn lại đã...

Lúc ấy năm giờ chiều, Tấn Dương chấp tay sau đít đi lang bang trên đường Lagrandière, cặp mắt thì lảo liên ra ý tìm tòi ngơ ngẩn, ấy là chàng muốn giáp mặt cô Mai vậy, nhưng đi qua đi lại trước nhà hai ba lần mà chưa thấy. Buồn trí chàng thả bộ ra đường Bonard chơi, định sáng mai sẽ qua đón cô Mai trong khi đi chợ. Chàng vừa đi vừa trông trời ngấm đất mà miệng lại hút gió chơi, thỉnh linh nghe sau lưng có tiếng kêu:

– Tấn Dương, cháu đi đâu đó?

Chàng day lại nhìn thì là ông Đặng Đình Phương, tức là ông thầy dạy học của chàng. Ông Đặng Đình Phương lúc trước làm giáo sư tại trường bốn quốc, Tấn Dương học lớp ông dạy, ông thương như con ruột, cần mẫn dịu dặt chàng ta lắm, nên chàng yêu ông cũng như cha. Có một lần ông Đặng Đình Phương túng rồi làm sao chẳng

biết mà đến đổi trong nhà không còn tiền chi độ, chàng biết tình cảnh của thầy khó khăn đường ấy nên lên ăn cấp của cha mẹ mà giúp cho thầy hơn mấy trăm đồng, nhờ đó ông Đặng Đình Phương mới được khỏi cơn túng ngặt. Kể ít ngày sau ông nghịch ý với đốc trường sao đó nên ông bị đổi đi chỗ khác, song ông không cần chức gõ đầu trẻ nữa, bèn xin thôi rồi dắt gia quyến đi đâu biệt tích hơn bảy tám năm nay, Tấn Dương nhớ thầy quá mà không biết thầy ở đâu, nay gặp mặt thì chàng mừng quá đổi, chàng niềm nở cúi đầu thi lễ rồi hỏi rằng:

– Mấy năm nay thầy đi đâu? Cháu nhớ thầy quá!

– Thầy đi Lèo, ba má cháu mạnh giỏi hả?

– Dạ còn mạnh giỏi, sao mấy năm nay thầy làm ăn có khá không?

– Khá lắm, bây giờ thầy đã nghiệm nhiên một nhà cự phú, tư bốn có hơn hai trăm ngàn đồng!

– Cha chả! Tại sao mà thầy mau giàu dữ vậy?

– Ở trên Lèo dân tình còn ngu muội, nên hễ ai khôn khéo lên đó mua bán làm ăn thì tự nhiên mau phát tài lắm. Thầy nhờ số bạc quý hóa của cháu giúp giữ vốn làm ăn nên ngày nay mới được như vậy, thiệt thầy cảm ơn cháu hết sức.

– Thấy thầy túng ngặt thì trò phải vừa giúp ấy cũng là một sự thường, có chi mà thầy phải bận lòng mang ơn chác ngãi. Mấy năm nay cháu có ý trông thầy quá mà vẫn bất tin, sao thầy ở trên mà không gởi thư về cho cháu hay?

– Thầy không muốn làm bận lòng cháu nữa, để chừng nào làm ăn khá rồi về đền ơn cháu thì hay hơn!

– Cháu không bao giờ dám mong sự ấy, xin thầy đừng ngại!

– Không không, thầy đáp ơn cho cháu bằng cách khác chớ chẳng phải bằng kim tiền đâu! À cháu có vợ chưa?

Nghe hỏi thế thì Tấn Dương lộ sắc buồn bã mà đáp rằng:

– Có vợ rồi mà cũng như không!

Nghe trả lời vậy thì ông Đặng Đình Phương có ý không vui, bèn hỏi:

– Sao vậy?

Tấn Dương vừa đi vừa thuật hết tình đầu mọi sự cho thầy nghe, nghe xong ông Đặng Đình Phương nói:

– Vậy cũng là may!

Nguyên ông Đặng Đình Phương có một người con gái, ông tính gả cho chàng để đền ơn, nên khi nghe chàng nói có vợ thì ông hết sức buồn, tới chừng biết chàng đã để vợ rồi thì ông có ý mừng nên ông gọi là may.

– Thầy về tới đây hồi nào?

– Mới tới tức thì đây.

– Ngụ tại đâu?

– Tại nhà ngủ...

– Có đem gia quyến về không?

– Có đem vợ con về đủ, thầy tính về đây cất nhà lớn rồi nghỉ mà dưỡng già chứ không thèm buôn bán nữa.

– Rồi cửa hàng ở trên thầy để cho ai giữ?

– Sang lại cho người khác rồi. Thôi cháu hãy theo thầy lại phòng đàm đạo chơi.

Thấy thầy ân cần niềm nở, nên Tấn Dương rất vui lòng nối gót theo thầy.

Đến nơi - trừ bà vợ ông Đặng Đình Phương ra - thì chàng thấy một cô thiếu nữ mình hạc xương mai, mặt hoa da tuyết, nhan sắc đẹp đẽ vô cùng, nếu đem mà sánh với cô Mai thì chẳng khác nào tiên nương cùng tục nữ!

Chàng sức nhớ lại hồi chàng còn cặp sách đi học thì thấy chàng

có một đứa con gái tên là Đặng Thị Kim Liên, lúc ấy cô mới có bảy tám tuổi gì đó. Chàng nói thắm rằng: “Chả! Kim Liên bây giờ đã lớn đại ha! Mà nhan sắc thiệt là ít người sánh kịp, chớ chi ta chưa đính ước cùng cô Mai mà sánh duyên nàng Kim Liên này thì đời của ta hạnh phúc biết chừng nào!”

Đứng trước một mỹ nhân chim sa cá lặn như Kim Liên nếu người mà không có nghị lực thì ắt phải say đắm vì tình vậy. Tấn Dương thấy người đẹp tuy yêu vì sắc mà không say vì tình. Chàng lại sợ gần Kim Liên lâu quá e cái tình giữa chàng đối với cô Mai phải lợt-lạt đi chẳng! Nên chàng hàn huyên chuyện vãn một hồi rồi cáo từ ra về!

Chàng có mời vợ chồng thầy hôm sau qua nhà chơi. Hai ông bà nhận lời.

Hôm sau, ông Đặng Đình Phương dắt cả vợ lẫn con qua nhà Tấn Dương mà thăm cha mẹ chàng và chàng, luôn dịp vợ chồng ông Đặng Đình Phương lại ngỏ ý muốn gả Kim Liên cho chàng nữa.

Thấy vợ chồng ông Đặng Đình Phương giàu lớn có hơn hai trăm ngàn đồng và chỉ có một mình Kim Liên là con, nên cha mẹ Tấn Dương thêm như chết! Tấn Dương sợ cha mẹ hứa lời bất tử nên vội vàng thưa thiệt rằng:

– Thưa thầy, thầy có lòng thương cháu, cháu rất đội ơn, nhưng vì cháu đã nặng lời non nước cùng một người kia rồi, nếu bây giờ cháu thấy trắng rồi lại phụ đền thì người ta coi cháu ra gì.

Nghe qua mấy lời Tấn Dương nói thì cha mẹ chàng gương mặt buồn xo, uống! Kế ông Đặng Đình Phương nói rằng:

– Nếu vậy người nào trước thì làm lớn, con của thầy sau thì làm nhỏ cũng được.

Tấn Dương nói:

– Làm như thế thì uống một đời của cô Kim Liên lắm!

Cha mẹ chàng nói:

– Thấy con đã có lòng yêu con đến điều như vậy thì con chẳng nên từ chối mà lỗi đạo thầy trò giờ!

Tấn Dương làm thính, chàng nghĩ một người con gái sắc nước hương trời như Kim Liên mà không được một mình một chồng, lại phải đi làm vợ mọn chàng thì chàng rất thương tâm, mà nếu từ chối đi thì cũng không nỡ. Muốn cho vừa lòng cha mẹ và đẹp ý thầy nên chàng phải vâng lời.

Ít ngày sau chàng làm lễ cưới cô Mai trước, rồi mới thành hôn với Kim Liên sau.

Nếu Tấn Dương mà như ai... thì chắc là đã phế cô Mai rồi vậy, vì cô Mai có theọ mặt, còn Kim Liên lịch sự như tiên kia mà!

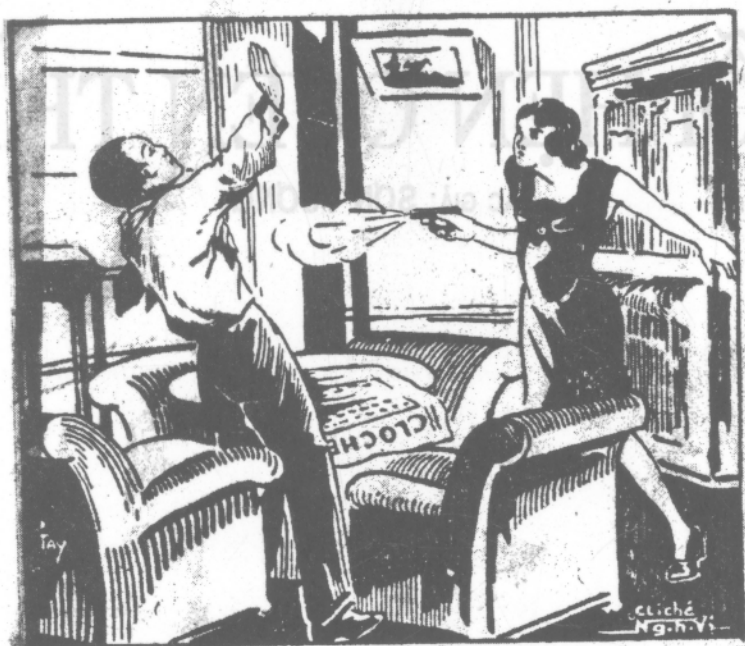
Viết tại Sài Gòn ngày 4 Avril 1931

LỖI HẸN QUÊN THỀ

TÁC GIẢ: SƠN VƯƠNG

— SON-VU'ONG —

LỜI HIỆN QUÊN THIẾ



— Ta sẽ xử tội mi để báo thù cho Minh-Nguyệt !

In lần thứ nhì

Giá nhứt-dịnh chín xu

In tại nhà in DUC-LUU-PHUONG

158, Rue d'Espagne — Saigon

1931

LỖI HẸN QUÊN THỀ

I

Người đâu gặp gỡ...

Ông Nguyễn Trung Lương điền chủ ở Vĩnh Long, có hai người con, một trai một gái: nàng Mỹ Ngọc là gái lớn gả lấy chồng làm việc trên Sài Gòn; còn cậu nhỏ là Nguyễn Thái Sanh đã mười chín tuổi mà chưa cưới vợ. Cậu này chơi bời phóng đảng và môi miếng lắm. Vợ chồng ông Nguyễn Trung Lương chỉ có một mình cậu là trai nên tung tiu như trứng mỏng!

Cậu đã thi đậu cấp bằng thành chung *trường Bốn quốc*, ông Nguyễn Trung Lương tính cho cậu sang Pháp học thêm, ngày nào bái tổ vịnh qui sẽ chọn người sửa túi nung khăn cho cậu.

Còn không mấy ngày nữa cậu phải lìa tổ quốc, nên cậu phải đi thăm viếng bà con cô bác các nơi đặng rồi có xuất dương. Cậu lên Sài Gòn thăm chị là nàng Mỹ Ngọc, hôm ấy nhằm ngày chúa nhật, người anh rể cậu đi săn bắn, không có ở nhà. Khi cậu đang dùng bữa và nói chuyện mình sắp đi Tây, thì bỗng có một cô thiếu nữ đến viếng nàng Mỹ Ngọc, Mỹ Ngọc chào khách rồi bảo:

– Em ngồi trên xa lông đó, một chút chị ăn cơm rồi hai chị em mình xem tiểu thuyết chơi.

– Dạ thưa chị để em về rồi trưa em sẽ lại.

Cô thiếu nữ ấy độ chừng 17, 18 tuổi hình dung yếu điệu, nhan sắc tuyệt vời. Thái Sanh chợt nhìn cô ấy thì dường như mê mẩn cả tâm thần, cậu lấy muống chan canh, mà chừng và cơm ăn thì thấy mặn chát, tinh là nước cá không! Cô thiếu nữ ấy ra về, cậu ta nhìn theo không nháy mắt! Cậu hỏi:

– Cô nào đó chị Hai?

– Con Đào Minh Nguyệt, học sinh nữ học đường; ngày chúa nhật nào nó cũng có đến thăm chị.

– Con của ai vậy?

– Con ông Đào Minh Tinh.

– Có chồng chưa?

– Chưa! Mà em hỏi làm gì? Bộ em chắm con đó rồi hả?

– Sao tôi thấy cô đó tôi thương quá chị!

– Con đó chẳng những có sắc đẹp hơn người, mà nữ công nữ hạnh của nó chị đây cũng phải kém, lại học giỏi nữa, ít có con nhà ai được vậy. Nếu em cưới được con đó thì sau này trong gia đình em hạnh phúc vô chừng vậy.

Thái Sanh buông đũa, sắc mặt lộ vẻ lo, cặp mắt vừa ngó chị vừa hỏi:

– Chị Hai... làm sao chị...?

– Nếu em bằng lòng thì để rồi chị sẽ thưa lại với ba má, ba má cậy mai đến nói thì thế nào cũng được.

– Không tôi muốn làm sao cho được gần cổ họng tôi dò tình ý cổ ra sao rồi sẽ thưa lại ba má...

-- Không được đâu em! Nếu em có lòng ưng dạ muốn thì em cứ đi học đi, ở nhà qua đốc ba má nói sẵn, chừng nào em học thành tài trở về sẽ làm lễ thành hôn. Minh là con nhà danh giá sang trọng, chẳng nên làm theo thói *mèo mả gà đồng* không tốt gì đó em!

Thái Sanh không chịu ăn cơm nữa, làm mặt quỷ thần nói quả quyết rằng:

– Tôi nói thiệt à chị! Nếu tôi không đặt gần cô ấy một lần trước khi bước chân xuống tàu thì tôi sẽ tự vận cho chị coi!

Mỹ Ngọc có tánh cứng em, nghe Thái Sanh nói vậy thì cô hơi lo, nàng phải chiều theo ý em:

– Thôi để rồi chị điều đình thử, mà biết nói với nó làm sao bây giờ?

– Chị cứ làm như vậy... thì được.

– Làm sao?

– Trưa này chị sai mấy đứa ở đi đâu cho thiệt xa, khi cổ lại chơi chị đi ngủ hay là đi đâu mặc ý, để cổ ngồi đây tôi làm sao xong thôi!

– Mà em phải biết tự trọng, đừng có nói nhây mà nó khinh dễ đa nghe!

– Chị khéo lo thời thôi...

II

Đổi cửa làm tin

Gần trưa, nàng Mỹ Ngọc cho phép mấy đứa ở đi chơi hết! Được giây lâu thì Minh Nguyệt lại đến, Mỹ Ngọc chỉ bộ tiểu thuyết *Nhơn tình ấm lạnh* trên bàn gần đó mà nói với Minh Nguyệt rằng:

– Tiểu thuyết của ông Hồ Biểu Chánh đó, em lấy coi chơi, qua đi tiểu một chút rồi qua trở lên...

Minh Nguyệt dạ rồi đi lấy một cuốn thứ nhứt lật ra mà coi... Còn nàng Mỹ Ngọc nói dứt lời liền vào buồng nằm, kể đó Thái Sanh lại bước ra:

– Chào cô...

Minh Nguyệt cúi đầu đáp lễ, song coi bộ e lệ lắm. Cô hỏi:

– Thưa thầy: thầy là em của chị Hai đây phải hôn?

– Dạ phải! Cô ngồi, ngồi chơi một chút rồi chị Hai tôi lên.

Minh Nguyệt ngồi ghé lên cạnh bộ ván gỗ, còn Thái Sanh ngồi tại xa lông đốt điếu thuốc dút vào miệng hút rồi hỏi:

– Tiểu thuyết *Nhơn tình ấm lạnh* đó ra lâu rồi mà cô chưa coi hay sao?

– Thưa em có coi rồi, nhưng vác chừng coi lại mấy chục lần nữa em cũng không biết chán! Tiểu thuyết của ông Hồ Biểu Chánh ra thứ nào em cũng có mua hết, ông tả tình tả cảnh thiệt là hay, hồi em mới coi tiểu thuyết, em xem cuốn *Tình mộng* của ông, em tưởng đâu là chuyện có thiệt, sau em biết coi tiểu thuyết rồi thì em mới biết là chuyện bịa đặt!

– Phải! Ông Hồ Biểu Chánh, ai đọc tiểu thuyết của ông cũng phải khen ông có cái biệt tài về lối tả chơn... À cô xem bộ *Nhơn tình ấm lạnh* rồi cô có cái cảm tưởng gì đối với các vai đào kép trong ấy không?

– Em thấy cô Phi Phụng gặp nhiều cái cảnh ngộ khát khe thì em thương tâm quá, em đọc đến đâu hể cô Phi Phụng gặp chuyện may thì em mừng, cô gặp hoàn cảnh nghịch thì em buồn, có khi em mơ màng tưởng mình là người trong cuộc mà không cảm được nước mắt.

– ... Cô Phi Phụng mà gặp nhiều cái cảnh ngộ éo le ấy cũng tại ông Hồ Biểu Chánh...!

– Tại vì cơ nào?

– Tại ông dặt thằng Tú Cẩm giả về mạo nhận trưởng nam mà chiếm đoạt gia tài của người ta!

Minh Nguyệt ít hay bình luận về tiểu thuyết, nên cô không thể đối đáp cho mau được, cô im hơi lặng tiếng suy nghĩ một hồi lâu rồi nói:

– Nếu không có thằng Tú Cẩm về đoạt gia tài, thì cô Phi Phụng còn khổ nhiều hơn nữa...

– Sao vậy?

– Gia tài cô còn thì thế nào Thủ Thiệp cũng đi cưới cô. Ôi! Làm thân con gái chẳng may gặp phải một ông chồng bán bằng cấp như Thủ Thiệp thì còn gì khổ bằng? Khổ thân với phong trần cảnh ngộ còn dễ chịu hơn là cái khổ cắn đắng ở giữa vợ với chồng. Phi Phụng nhờ có mất gia tài mới biết cái dã tâm của cha con Hội đồng Lâm Yêm, như vậy rồi mới có ngày chung gối với Duy Linh. Phi Phụng cực trước mà vui sau. Cô mất gia tài mà được một người chồng đúng đắn thì cũng như không mất!...

Thái Sanh đã đứng trong địa vị Bá Kinh thì có thích gì Duy Linh! Song cậu ta cũng chiều ý Minh Nguyệt mà vỗ tay khen dõ:

– Hay! Hay! Luận như cô thật là đúng lắm! Từ hồi đó tới giờ tôi có giao thiệp với nhiều cô học thức rộng mà chưa từng thấy một người nào biết cách bình luận như cô. Cha!... Chớ chi mà tôi được kết bạn trăm năm với một người có ngôn luận thanh cao như... như cô thì hạnh phúc cho tôi biết chừng nào!

Cô Minh Nguyệt nghe khen thì mừng thầm, mà nghe câu ước của Thái Sanh thì có ý thẹn. Cô để cuốn tiểu thuyết xuống rồi sắp lại cửa buồng mà dòm ra đằng sau. Thái Sanh biết cô trông chị mình lên, bèn nói:

– Chỉ mắc dọn dẹp gì dưới nhà bếp. Cô ngồi chơi một lát rồi chỉ lên; không biết thôi, biết thì cũng bà con nhau chớ xa lạ gì! Cô đừng ngại gì hết, tôi thiệt tình lắm!

Minh Nguyệt trở lại chỗ cũ ngồi, cô cầm cuốn tiểu thuyết lật từ tờ này tới tờ khác mà không xem được câu nào cả! Thái Sanh nhạo lại câu trên kia lần nữa. Minh Nguyệt nói:

– Sẵn thầy hỏi, em phải trả lời nói đuôi theo thầy, chớ em có biết bình phẩm gì đâu mà thầy quá khen như vậy! Thầy là một người đã

học giỏi lại có tiền nhiều, thì lo gì không kiếm được người vợ vừa ý muốn!...

– Chẳng những tôi muốn có một người vợ biết cách bình luận như cô mà tôi lại muốn mặt mày cũng giống như cô nữa. Thế mới khổ chứ!

– Ai biểu thầy muốn kỳ quá vậy chẳng khổ!

– Không kỳ gì cho lắm! Gương mặt cô tròn hàm răng cô trắng, miệng cười có duyên, cặp mắt có tinh thần, cặp mày như lá liễu, môi đỏ như son, toàn thể hình dung của cô đều đẹp hết, thà không thấy thì thôi, đã thấy thì ai mà không muốn được!

Có lẽ Minh Nguyệt thấy Thái Sanh đẹp trai, ngôn ngữ bất thiệp, lại là con nhà cự phú trâm anh, nên cô kiêng nể rồi sanh ra phải lòng chẳng? Chớ sao Thái Sanh thổ lộ ra những lời như vậy mà cô chẳng hề phản đối? Cô chỉ lộ vẻ mắc cỡ... mà thôi!

Thái Sanh biết cô có cảm tình với mình nên lên đây bỏ giọng Phụng Cầu Hoàng đòn rút một hồi, thì Minh Nguyệt êm tai quá nên xiêu lòng! Cô nói:

– Nếu như thầy chẳng chê em là gái hèn thì phải có người đến nói với ba má em, ba má em chịu gả thì em cũng vui lòng...

– Chúng ta đều là con nhà danh giá thì cái việc vợ chồng đã đành phải làm lễ thành hôn theo chánh thức; nhưng bây giờ qua muốn hai ta phải có cái gì trao đổi cho nhau để làm tin đã...?

Minh Nguyệt cúi đầu làm thinh. Thái Sanh thò tay vào túi lấy ra một vuông khăn hồng bằng tờ có thêu một con ong đang nức nhụy đóa hoa hương rất khéo, trao cho Minh Nguyệt mà nói rằng:

– Em ôi! Qua lấy làm mừng lòng vô hạn, vì đã được tình em đoái tưởng đến qua, qua xin trao cho em một vật mọn này gọi là của tin đó.

Cô Minh Nguyệt thò tay lấy cái khăn mà hơi run run, hình như là có cái điểm gì bất thường vậy. Tuy chuyện đời cô chưa thạo, song cô xem tiểu thuyết, đọc nhựt trình nhiều, cô chưa từng thấy có anh

trai nào mà trao khăn cho người yêu để làm tin; trái lại cô thường thấy khăn là một vật kỷ niệm của người con gái trao cho tình lang mà thôi, nên cô cầm cái khăn mà trong trí dường như lộn xộn. Một người quỉ quyết như Thái Sanh, có lẽ nào cậu ta không biết cách đổi của làm tin? Nhưng cậu ta đưa cái khăn ấy là có ý nghĩa riêng của cậu ta. Thái Sanh thấy Minh Nguyệt có vẻ ngạc nhiên thì liền nói đón rằng:

– Em đừng lấy làm lạ, chừng quí thì vật gì cũng quí, chẳng lựa là phải có trao hình mới chắc!

Minh Nguyệt yên lòng, cười một chiếc nhăn ra trao cho Thái Sanh rồi hỏi:

– Anh định chừng nào mới khởi sự?

– Em rán ôm lòng chờ đợi qua ít năm, thứ hai tuần tới qua sẽ đáp tàu sang Pháp học, ngày nào qua ôm được cái bằng cấp tấn sĩ mà trở về quê hương tức là cái ngày qua với em đoàn tụ một nhà!

Nghe nói vậy thì Minh Nguyệt lộ vẻ buồn. Cô nói:

– Đợi chờ mấy năm em cũng không quản, miễn sao anh đừng quên lời hứa hẹn thì thôi!

– Em phải biết rằng qua đây chẳng phải như ai, nói ra rồi lại ăn lời đâu!

– Nếu như *ai lỗi hẹn quên thẻ* thì sao?

– Xe lửa cán!

– Xe lửa chạy trong đường rầy, anh không bước vào mà làm sao nó cán được?

– Việc may rủi biết đâu chừng! Thôi thì ai sai lời cộp ăn nó?

– Cộp ở trong rừng, anh đi đâu cũng đi bằng xe hơi, nó ăn sao được?

– Thẻ độc không mà em cũng chưa chịu! Bây giờ qua thẻ một lần nữa thôi: nếu qua quên thẻ thì qua *chết bấn*...?

– Em bắt anh thẻ chơi cho vui chứ, đâu anh thẻ độc đến cách nào em cũng không tin!...

Thái Sanh cũng cười rồi nói:

– Em tin lòng qua là đủ rồi, phải hôn?

– ... Phải!

Bây giờ Thái Sanh coi Minh Nguyệt cũng như người vợ đã cưới rồi, cậu ta ngồi kể lại một bên, tay cầm tay, mặt nhìn mặt, chan chứa ái tình. Hai người đình ninh căn dặn tắc lòng rồi Minh Nguyệt chia tay từ giã. Khách về, Mỹ Ngọc trong buồng chạy ra cười rằng:

– Em thiệt là miệng lưỡi quá!

Thái Sanh cười rồi lại nằm trên ghế phô toi, cậu ta cầm chiếc nhẫn của Minh Nguyệt mà nhìn, bộ mặt coi hí hớn lắm! Sáng ngày sau cậu về Vĩnh Long, để lo xếp đặt hành trang, vì còn có mấy ngày nữa cậu sẽ xuất dương du học...

III

Ép liều nài hoa

Cô Minh Nguyệt đã nguyện trao thân gởi phận cho Thái Sanh, cô trao cho Thái Sanh một chiếc nhẫn, cô nhận của Thái Sanh một cái khăn, ấy là của tin. Cái vật nhỏ mọn mà yêu quý ấy cô cất nó vào trong một cái hộp rất đẹp, lúc nào bận việc thì thôi, rảnh tay cô lấy ra mà ngắm soi hun hít. Cái khăn: giá trị của nó không đầy nửa đồng, song cô trân trọng nó cũng bằng hòn ngọc! Vì cô tin chắc rằng bởi cái khăn ấy mà sau này cô sẽ được gán một đức ông chồng có học thức lại giàu sang!...

Hôm nay là ngày chúa nhật, ba má cô đi vô Bà Chiểu có chuyện, chỉ có một mình cô và hai đứa em ở nhà mà thôi, thỉnh linh cô nàng Mỹ Ngọc tới. Cô hỏi:

– Chị lại em chơi hay là có chuyện chi chị Hai?

– Có chuyện...

– Chuyện chi?

– Thằng Ba nó mượn qua lại nói với em tối nay thế nào em cũng phải cho nó hội diện một lần chót, đặng chiều mai nó xuống tàu?

Minh Nguyệt dư biết Mỹ Ngọc hôm nọ đưa tiểu thuyết cho cô xem rồi gạt bỏ đi mất là có ý gì, nên bây giờ cô không còn ngại ngùng gì nữa. Cô hỏi:

– Thầy mới lên hả chị? Có ai lên hôn? Hay là một mình thầy?

– Một mình nó mới lên vừa tới. Rồi mai ba má qua mới lên để tiễn biệt nó.

– Em có gặp thì gặp bây giờ, chớ để tối bất tiện lắm! À có anh Hai ở nhà hôn chị?

– Nếu được bây giờ càng tốt. Anh Hai em mới đi chơi trong Chợ Lớn.

– Chị về trước một chút em lại liền.

Mỹ Ngọc trở về cho Thái Sanh hay rồi dắt mấy đứa ở đi đâu mất. Vài phút sau cô Minh Nguyệt đến, hai người gặp nhau tay bắt mặt mừng, Minh Nguyệt chúc Thái Sanh rằng:

– Em chúc cho anh sang Pháp học được đặc kỳ sở nguyện, khi trở về nước cùng em hưởng phước vinh hoa và đem cái tài học của anh mà làm về vang cho giang san nòi giống!

– Cám ơn em, chuyện đó còn lâu, chẳng cần bàn vội. Bây giờ qua chỉ xin em có một điều...

– Úy! Không được đâu! Muốn tránh khỏi sự lợt phai rồi rã về sau thì bây giờ ta phải thận trọng nhau về chỗ đó.

– Nếu vậy thì qua đâu có vui lòng mà du học...?

– ... Thật tình em không tiếc gì với anh một chút đó! Nhưng anh

hãy xét lại đó coi: anh xuất dương du học ít nữa cũng ba bốn năm mới về tới, nếu mà hôm nay đôi ta ân ái với nhau, rồi thì anh sang Pháp, em ở lại nhà, em không có ghen thì chẳng nói chi, bằng như thọ thai thì cái nhục ấy ai vào mà gánh vác cho em?

– Chỉ... có một lần mà thọ thai nổi gì!

Minh Nguyệt cười xòa rồi nghiêm sắc mặt lại nói rằng:

– Biết chừng đâu! Như anh mà có dốc lòng ăn ở đời với em thì em xin anh chớ vội đèo bòng sự ấy. Việc vợ chồng là việc lâu dài, không phải là một ngày một bữa gì mà...!

– Thật em nắn nắn quyết một không bằng lòng cho anh... được thỏa tình hay sao?

– Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu, ngày nào thành hôn chánh thức rồi cái thân của em, em sẽ giao cho anh, chừng đó anh muốn sao mặc ý...

Thái Sanh liền rút súng lục liên ra (dân Tây!) đưa ngay vào ngực mình rồi dọa rằng:

– Nếu vậy thì qua sẽ chết tại đây cho vừa ý em!

Minh Nguyệt giựt lấy khẩu súng đi rồi châu mày lắc mặt than rằng:

– Khổ tâm quá! Anh không thương giùm danh giá nhà em cho nên anh mới bày cái chuyện nghiệt như vậy!

– Qua thương em qua mới buộc em điều ấy! Thời tiết bên Pháp khác, bên này khác, qua đi đây đâu có chắc gì có ngày trở về, thoảng như chẳng may gặp cơn phong vô bất kỳ mà qua phải bỏ mình bên ấy thì có phải là thiệt thòi cho cái đời xuân xanh của hai ta lắm không? Chi bằng hãy trao xương gỏi thịt cho nhau trước, rồi có mắc dịch mà chết cũng cam lòng!

Minh Nguyệt lặng thinh, gương mặt buồn xo...

Thế thì từ đây tuy là kẻ ở người đi, nhưng Minh Nguyệt cũng lưu lại được một vật quý báu! Cái dấu kỷ niệm ấy cô cất kín trong lòng, dầu chạy giặc cũng không lo rớt mất!

IV

Còn gì hơn nữa!

Thái Sanh vắng mặt Minh Nguyệt được một tháng, thì có một vị tân khoa ở bên Pháp mới về, có đậu bằng cấp tấn sĩ văn chương, cây người đến nói cô mà cô không ưng. Ấy là cô giữ trọn niềm phụ phụ với người non nước.

Từ đó trở đi trong mình cô thấy khác, nghĩa là cô đã thọ thai! Bụng cô một ngày một lớn, cô nịt bụng lại; nhưng cái đó chẳng qua là dùng tạm mà thôi, chứ có thể nào che mắt mẹ cha và thiên hạ mãi được? Có lẽ chắc rằng thế nào cô cũng phải chịu một sự khổ tâm trong một thời kỳ khá lâu. Lại có một điều khiến cho cô lấy làm lạ hết sức là từ ngày Thái Sanh đi Tây, cô không hề tiếp được bức thư nào của Thái Sanh gửi về thăm cô tất cả! Cho nên cô lấy làm lo lắng vô cùng. Nàng Mỹ Ngọc biết thế nên thường đến an ủi cô, song làm sao mà cô yên tâm cho được?

Bữa nọ nàng Mỹ Ngọc đến cho Minh Nguyệt hay rằng cha nàng đã từ lộc, nàng sẽ về Vĩnh Long thọ tang. Minh Nguyệt tỏ lời chia buồn rồi hỏi:

– Chị có gởi thư cho anh Thái Sanh hay chưa?

– Có, qua có đánh dây thép gió biểu nó về hôm ba qua mới xáng bệnh đau lặn kìa. Nó đã đáp tàu về nước, có lẽ chừng mười mấy ngày nữa nó sẽ về tới. Thật cũng may cho em lắm đó!

Minh Nguyệt khấp khởi mừng thầm. Cô nói:

– May cho em mà bác qua đời thì em cũng không vui gì!

Cô Minh Nguyệt từ hôm ấy trở đi thì không còn lo sợ gì nữa, vì cô sắp được bước chân vào vòng hạnh phúc!...

Nàng Mỹ Ngọc về Vĩnh Long lo việc tang tóc hơn tuần lễ mới

trở lên. Kể ít ngày sau thì tàu Asthos II tức là chuyến tàu có Thái Sanh quá giang dưới ấy về tới Sài Gòn. Mỹ Ngọc đến nhà ông Đào Minh Tinh rủ Minh Nguyệt đi chơi cho có cớ, rồi hai chị em cùng dắt nhau qua Nhà Rong để đón Thái Sanh.

Minh Nguyệt đi với Mỹ Ngọc qua Nhà Rong mà trong lòng chan chứa sự vui mừng! Mà không mừng sao được! Đã cùng nhau nặng nghĩa đá vàng, mà bấy lâu kẻ ven trời người góc biển, tấm lòng mong mỏi nhớ thương kể sao cho xiết, nay được trùng phùng hội ngộ còn chi hân hạnh cho bằng?

Quang cảnh bến Nhà Rong chiều hôm ấy thật là náo nhiệt: đủ mặt kẻ quí người thanh. Tây, Nam, Chà, Khách cười nói nhộn nhàng, xe hơi xe kéo đầy đường chật ngõ. Khi tàu cập bến, kẻ liền boong tàu ngó xuống, người đứng dưới trông lên, ai nhìn được bà con thì đưa khăn mu soa lên vừa cười vừa ngoắc, làm huyền não cả lên. Những người Pháp mới tới đây lần thứ nhứt, coi bộ họ vui vẻ vô cùng. Phái! Xứ Việt Nam là một cái kho tàng quí hóa, Sài Gòn là một hòn ngọc Viễn Đông, hễ ai đến đây thì được tiêu diêu khoái lạc, an hưởng đủ mùi sung sướng, chẳng khác gì tiên ngoài cõi bồng lai, thì bảo sao họ chẳng vui mừng cho được!!!

Mỹ Ngọc và Minh Nguyệt chăm chỉ nhìn trên boong tàu và chỗ cầu thang, giây lâu bỗng nhiên Mỹ Ngọc lộ sắc vui mừng mà la lớn rằng:

– Kia! Thái Sanh kia!... Ủa lạ này!...

Minh Nguyệt chưa thấy Thái Sanh mà nghe ba tiếng “ủa lạ này” của Mỹ Ngọc thì cô sanh nghi. Cô hỏi:

– Cái gì mà lạ chị? Đâu thấy Ba đứng đâu chị?

Mỹ Ngọc châu mày đáp rằng:

– Thôi! Em cũng chẳng nên thấy mặt thẳng khốn kiếp đó nữa!

Minh Nguyệt biến sắc:

– Sao vậy chị?

Minh Nguyệt vừa hỏi vừa ngó lên chỗ thang tàu, thì thấy Thái Sanh mặc bộ đồ nỉ mới kim thời, đội nón M... rất tốt, tay trái cầm can, tay mặt thì cặp... Cặp cái gì? Hoa li chăng? Không phải! Món đồ quý hóa gì đem về cho Minh Nguyệt để làm vật kỷ niệm chăng? Cũng không phải! Cậu ta cặp một cô đầm mỏng mỏng đào tơ! Vừa để huê bỏ vó xuống thang, vừa lộ vẻ hân hoan mà nói chuyện! Đã chưa?

Cô Minh Nguyệt thấy thế thì bất nhẫn trong lòng, rồi thì dường như trời nghiêng đất lật mà làm cho cô té xỉu xuống cầu tàu, người ta tựu lại xem rất đông. Mỹ Ngọc vội vàng đỡ cô đem lên xe kéo rồi lập tức chở về nhà.

Về tới nhà, Mỹ Ngọc để cho Minh Nguyệt nằm trên giường, lúc ấy cô đã tỉnh, song vì cảm tức thẹn thuồng quá, nên cô đau đớn khó chịu dường như ai đem cô mà hành hình. Cô chỉ gãi đầu bứt tai, bụng mặt khóc rầm rức chớ không nói được lời gì.

Vài phút sau, có hai cái xe kéo ngừng ngay trước cửa nhà Mỹ Ngọc, ấy là vợ chồng ông Tây Thái Sanh ghé nhà chị vậy. Mỹ Ngọc giận Thái Sanh lắm, song nàng cũng bước ra ngoài chào mừng tử tế rồi hỏi rằng:

- Cô đầm này là gì của em?
- Chị khéo hỏi lạ dữ! Người yêu của tôi chớ gì chị!
- !!! Còn con Minh Nguyệt?
- Ối! Con đó lấy qua đường mà chơi, chớ tình nghĩa gì!
- !!! Nó có thai rồi...?
- Có thai có ghen gì mặc kệ nó, thứ đồ hư mà ai thèm!

Nghe mấy lời vô đạo ấy dầu Phật ở trên bàn cũng phải nhảy xuống mà vắn hòng Thái Sanh, huống gì Mỹ Ngọc mà không tức giận, Nàng hỏi:

- Nó hư chỗ nào ở đâu?

Thái Sanh trả lời rồn rảng rằng:

– Chị nói nó nên lắm hả? Ừ! Nó nên lắm cho nên cha mẹ nó chưa ăn miếng trâu héo, uống ly rượu lạt nào mà bụng nó đã sinh lên chành ành đó!

Cô Minh Nguyệt ở trong buồng, nãy giờ cô nghe không sót một tiếng nào, một lời cay đắng của Thái Sanh bắn ra tức là một mũi kim châm vào da, một nắm muối xát vào lòng cô vậy. Đến khi cô nghe câu chót trên này thì cô chết điếng trong lòng, muốn đập đầu vô tường tự vận liền hồi đó! Nhưng cô kịp nghĩ rằng làm như vậy rất bất tiện cho nàng Mỹ Ngọc. Cô muốn chạy ra ngoài nhiếc Thái Sanh một đôi điều cho hả lòng căm tức, song cô đã bủn rủn cả tứ chi, cất chơn đi không muốn nổi! Thành ra cô phải ngồi tại đó mà vật vờ khóc than, tình cảnh ấy dầu sắt đá, cỏ cây cũng phải động mối thương tâm mà rơi cho vài hàng lệ thảm!...

Cô đâm kia, cô không nghe được tiếng Việt Nam nên cô không biết được gì cả, tưởng rằng chị em bất bình nhau vì một chuyện gì đó mà thôi. Nếu cô biết thì có lẽ còn rắc rối cho Thái Sanh lắm vậy. Còn Mỹ Ngọc thì giận tràn hông, chỉ tay vào mặt Thái Sanh mà nhiếc rằng:

– Mày thật là đồ không có lương tâm! Hồi nào mày nói rằng nếu mày không cưới được nó thì mày phải chết? Té ra mày gạt người ta làm cho mất trinh rồi ngày nay mày trở mặt. Dầu mày không còn thương nó nữa thì mày cũng nói làm sao cho mát lòng người ta, có lẽ nào mày buông lời lỗ mắng mà thóa mạ người ta đến điều như vậy?

Thái Sanh không nhin, trả lời rằng:

– Thôi chị đừng có nhiều lời lớn tiếng! Đàn bà Annam hèn lắm, tôi không thèm cưới vợ Annam đâu!

– Đàn bà Annam những người biết khôn ai thèm thằng chồng khốn nạn như mày sao mà mày nói cái giọng cầu cao ấy! Mà ai đẻ mày?

– Má chớ ai!

– Vậy mày nói đàn bà Annam hèn lắm là nói ai?

Thái Sanh trả lời ấp úng rằng:

– Tôi có dám nói má đâu!

– Tao tưởng ba má cho mày sang Pháp học, hấp thu được cái ánh sáng văn minh gì về tài bồi cho giang san, hướng đạo cho quần chúng. Không dè mày qua bên ấy không đầy nửa năm mà đã quên hết phong tục của ông cha, đem tiền mồ hôi nước mắt của ba má mà đổ sông đổ biển rồi rước đồ đi về! Mày lại còn nhiech đàn bà Annam là hèn vầy khác! Con vợ đằm quý hóa của mày đây bắt quá là một ả buôn hương giang hồ ở xóm Montmartre chớ tử tế gì đó!

Thái Sanh khoát nạt rằng:

– Ê! Chị không được mắng vợ tôi là đồ đi à há?

– Mà tao mắng! Mày làm chi tao? Hãy đi ra khỏi nhà tao cho mau mau, không còn chị em gì nữa, nếu còn đứng đó nói lời thôi tao cho chối chà lên đầu tức thì bây giờ?

Mỹ Ngọc vừa nói vừa toan vào trong kiểm chối. Thái Sanh lật đật ôm ngang lưng cô đâm đi ra một nước! Rồi mượn xe lô-ca-xông về Vĩnh Long...

Thái Sanh đi rồi, Mỹ Ngọc vào buồng thấy Minh Nguyệt tóc tai rối nùi, đang lăn qua lộn lại trên giường mà khóc than rất thảm thiết, khiến cho nàng cũng phải nát ruột bầm gan giùm cho ai!... Minh Nguyệt lấy khăn lau nước mắt rồi đưa cái khăn ấy ra mà nói với Mỹ Ngọc rằng:

– Đây chị: cái khăn này là khăn của người em trai chị trao cho em để làm của tin, bấy lâu em coi nó *như vàng như ngọc*, bởi em tin chắc rằng vì nó mà sau này em sẽ được *đẹp niềm cầm sắt, vui chữ vu qui*, chớ em có ngờ đâu anh Thái Sanh trao cho em *cái khăn này* để mà *lau nước mắt* ngày hôm nay!

Minh Nguyệt nói dứt lời kể mặt xuống gối mà khóc tẩm tức tẩm tủi, Mỹ Ngọc cảm động xót xa quá rồi cũng khóc theo. Nàng lấy cái khăn ấy xé nát mà liệng đi! Minh Nguyệt vừa khóc vừa nói:

– Chắc là em phải chết chứ sống sao được chị!

Mỹ Ngọc khuyên rằng:

– Ngày nay mà em phải mang một khối sầu vô hạn đây, lỗi tại chị nhiều lắm, vì chị không biết dạy nó, qua xin em hãy vì qua mà bớt sự buồn rầu. Việc chữa hoang xưa nay cũng nhiều người, chẳng riêng gì một mình em, em phải gắng gượng cho qua ngày... đặng em coi trời trả báo cho thằng *mặt người dạ thú* ấy, em chứ có tính việc quỳên sinh làm gì, không nên đâu em?

– Chị đối với em, trước sau vẫn trọn tình bầu bạn, em không hề phiền chị một điều gì. Chị cũng muốn cho hai em đoàn viên phu phụ mà hưởng hạnh phúc gia đình, chứ chị đâu có muốn thấy cái thảm trạng ngày nay!... Phải! Ảnh nhieéc em *đồ hư* là phải! Bởi em hư cho nên cha mẹ em chưa nhận được *trầu cheo heo khoán* gì mà chữ *trinh* của em đã *trôi theo dòng*!... Em không dám trách cái người bạc tình đó! Em chỉ trách lấy em sao hay *nhe dạ tin lời*, để cho đũa bất lương làm ô danh mất tiết! Phận em vô duyên bạc mạng thì em phải chịu, chứ biết ăn làm sao nói làm sao bây giờ!

Cô Minh Nguyệt nói đến đây đoạn lấy vạt áo chùi nước mắt và bới tóc lại rồi cáo từ ra về. Mỹ Ngọc nhìn theo cô mà giọt châu tẩm tá!...

V

Xem người rồi ngẫm đến ta...

Việc cô Minh Nguyệt tác tộ đường ấy mà vợ chồng ông Đào Minh Tinh không hay biết một điều! Thương hại thay! Phải biết rằng cô con gái lớn mà cho đi ra khỏi nhà một tấc đường thì đã có bọm tình theo bén gót rồi, nếu mà hờ hông thì còn phải hư, kẻ làm cha mẹ mà không biết trông nom dè dặt cho con thì lỗi về cha mẹ...! Đêm hôm ấy Minh Nguyệt trần trọc suốt đêm mà khóc vụng than thầm không sao nhắm mắt được. Sáng sau, cô thấy bên nhà ông Phan Văn Kim đang lo chung dọn trong nhà, đang có làm lễ vu qui cho ái nữ của ông là cô Phan Thị Phước. Cái người mà sắp thành hôn với Phan Thị Phước đây chẳng ai đâu lạ hơn là ông tấn sĩ Dương Hòa Ân đã đi nói cô Minh Nguyệt cách mấy tháng trước mà cô không ưng đó!

Minh Nguyệt nghĩ vì Phan Thị Phước nhan sắc kém mình, công dung ngôn hạnh không bằng một góc của cô, thế mà cha mẹ người ta được vinh hạnh vì có một chàng rể tài cao học rộng đậu tới bậc tấn sĩ! Xem người lại ngẫm đến mình: nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn, tứ đức vẹn toàn mà không chọn được một người chồng tử tế! Đã chưa hoang lại còn bị tình lang hân hủi nữa. Ôi! Nhục nhã tông môn biết chừng nào! Thiệt là uổng công sanh thành dưỡng dục của cha mẹ lắm! Hễ cô nghe bên nhà ông Phan Văn Kim rộn rục chừng nào, thời lòng cô càng nôn nao bứt rứt chừng nấy, hôm ấy cô cứ ở trong buồng tối luôn luôn, cô trông vật gì cũng không dám nhìn cho chán chương, hình như cô thấy rõ thì lòng cô càng đau đớn hổ người vậy, như là cô không cho ánh sáng chói vào mặt cô! Cô tự quyết rằng thế nào cô cũng phải chết, chết mới tránh khỏi cái đau đớn nhục nhã trong cõi hữu hình này.

VI

Gởi thân nơ cho dòng nước biếc...

Trong ngày ấy, nếu ai có ý xem cử chỉ của cô thì sẽ thấy có vẻ khác thường hơn mọi bữa, cô niệm hương lạy hết các bàn thờ ông bà, cô nựng nịu hai đứa em cô, khuyên lơn mấy đứa ở, cô nhìn vật này cô xem vật nọ, cô dọn dẹp trước sau, đâu ra đó coi đàng hoàng lắm! Đối với ân tình, cốt nhục gia tộc quê hương, còn trong một khoảnh khắc vẫn vói nữa thì cùng nhau vĩnh biệt, cho nên cô nặng tình dan díu với các hoàn cảnh bên mình lắm!

Tối lại cô viết hai bức thư, một bức để lại nhà, một bức đem theo mình, đồ nữ trang cô lột để lại hết, trong mình chỉ còn có một bộ đồ hàng đen với một cái áo túi mà thôi. Cô chờ cho ai nấy ngon giấc hết rồi mới mở cửa trốn đi. Cô đi xuống cầu tàu, chỗ *Một Hình* gần bến đò Thủ Thiêm, cô đứng nhìn dòng nước cuộn cuộn chảy dưới sông mà nói rằng: “Hôm nay mà tôi phải cướp công cha mẹ để lại một mối sầu to cho gia đình đây thì duyên do vì đâu trời đất quỷ thần cũng đã biết! Tôi cũng muốn sống gượng chớ cho đến ngày đưa con vô tội của tôi lọt ra khỏi lòng rồi tôi sẽ chết. Nếu có thể chờ được như vậy thì còn chết làm gì, thà sống mà nuôi con luôn còn hơn! Nhưng tôi đã vì cái nhục cái tức mà không thể sống được, thì còn mong mỗi gì nữa? Con người ở đời ai cũng có cha, mà đứa nhỏ này ra đời không có ai chịu nhận nó là con thì khối hồn oan của mẹ nó ở dưới suối vàng làm sao mà nguôi được lửa phiền? Thôi thà là con chết theo mẹ, ra đời mà không cha thì ra đời làm chi!...”

Nói đến đây lại khóc ngắt đi, giây lâu lại ngửa mặt lên trời khẩn rằng: “Nếu mà thần thánh có tai, Phật trời có mắt thì hãy bắt nó phải chết theo lời thề của nó, cho hồn oan của tôi được hân hạnh chốn suối vàng, thì tôi lấy làm đội ơn trên trước lắm!”

Khẩn xong lại gọi Thái Sanh mà nói rằng: “Thái Sanh! Mi tệ làm chi lắm vậy? Ta có tội tình chi với mi mà mi làm cho ta phải dứt tình cốt nhục, đoạn nghĩa cù lao, ôm cái khối hận thiên thu này mà về nơi U minh địa ngục! Ôi! Mi thật là một đứa tối độc dã man, xem chữ trình của người ta dường cỏ rác. Trên trần thế hòn kia chưa rửa đặng, thì xuống suối vàng hồn oan ta sẽ trở về mà vấn vít mi, ta làm cho mi phải cùn cấn mặt kiếp đi ta mới nghe cho!...”

Dứt lời cô liền cắn răng nhắm mắt gieo mình xuống sông!...

Trong lúc cô Minh Nguyệt liễu mình thì cả nhà cô đều an giấc! Sáng ngày ông Đào Minh Tinh thức dậy trước, ông đi súc miệng, lại rửa mặt thì thấy có một bức thơ không niêm, ông vội vàng bóc ra xem:

Ba má ôi!

“Trong khi ba má đọc bức thơ này thì hồn con đã nương theo mây bạc!...”

Ông Đào Minh Tinh xem vừa đến đây thì sảng sốt, bèn cầm bức thơ ấy chạy vào buồng đánh thức phu nhon dậy, bà cũng rụng rời!

Ông đọc tiếp: *“Công sanh thành con chưa báo đáp được một mây nào, mà nay con lại trả ơn cho ba má một sự buồn rầu nhức nhối như vậy, thiệt tội của con lớn lao vô cùng.*

Ba má ôi! Con má phải hủy thân như vậy đây là vì con bị chứa hoang, người tình trở mặt, con đã thất vọng và mang sự tức trong lòng: vạn bất đắc dĩ buộc lòng con phải lìa cha mẹ, bỏ hai em, mượn dòng nước sông Sài Gòn đưa con về cõi khác!

Vậy xin ba má hãy cầm đứa con gái hư này như đứa con ranh hồi mới lọt lòng, mà chẳng nên thương tiếc làm gì!

Kính lạy ba má hãy xá tội bất hiếu, oan hồn con xin cầu chúc cho ba má và hai em được bình an sức khỏe...”

Gái hư: Đào Minh Nguyệt

Bức thơ

Ông Đào Minh Tinh lập tức báo tin cho cò bót hay, lại muốn người lặn xuống các cầu tàu nơi sông Sài Gòn mà kiếm. Nhưng than ôi! Sông sâu nước xiết, vơi vơi đáy biển ngọc trầm, biết đâu mà tìm cho ra!

Vợ chồng ông Đào Minh Tinh với hai đứa nhỏ kêu khóc râm rĩ suốt ngày. Tồi trai tớ gái cùng bà con quen biết xa gần thấy thấy đều thương tâm bi lụy...

Cho đến qua ngày hôm sau người ta mới vớt được thầy cô Minh Nguyệt tại “cầu quay”, đường từ Chợ Cũ Sài Gòn qua Khánh Hội. Từ thi cô để tại mé sông, bụng chứa cô Minh Nguyệt sinh lên rất lớn, tuy dầm nước đã qua hai mươi bốn giờ mà gương mặt trắng rằm của cô con còn tươi đẹp lắm.

Vợ chồng ông Đào Minh Tinh động lòng quá nên khóc rống lên như mưa bắc! Mà nhứt là bà mẹ cô Minh Nguyệt thì đau đớn hết sức, bà ủ đầu vào tử thi Minh Nguyệt mà than trời trách đất nghe thôi ảo não vô cùng. Thiên hạ bu lại xem chặt cả mé sông, ai trông thấy cũng phải ngậm ngùi thương xót.

Người ta tìm được trong mình cô một bức thơ như vậy:

“Kính dâng bức thơ này cho chị em bạn gái.

Thưa chị em: vì nhẹ dạ lạt lòng cho nên chữ trinh của em đã trôi theo dòng huyết trắng mà trước khi cha mẹ em chưa định chữ vu qui cho em. Em tưởng rằng em thất trinh mà còn có ngày được cùng tình lang vui vầy một cửa; có dè đâu sau khi được cùng em một lần ân ái rồi thì họ trở mặt ngay! Máu mủ của họ em còn mang nặng trong lòng đây, nhưng họ chẳng sá đoái hoài tới, họ liệt em vào hạng tình nhân, nghĩa là cái hạng để cho họ mua vui trong cơn qua đường!

Ôi! Chị em ôi! Gái mà mất trinh rồi thì không còn giá trị nữa, cho nên họ mới đặt em vào cái hạng bỏ đi như vậy! Đau lòng em lắm chị em ôi!...

Hỡi hỡi chị em yêu quý ơi! Kẻ nào còn cha mẹ mà không cần lịnh

trên định đoạt, tự họ dùng cam ngôn mỹ từ để cám dỗ chị em tức là đồ “mặt người lòng thú” đó! Trái lại có nhiều gã trong lòng chứa đầy những dao găm mà ngoài mặt họ làm bộ nhu, họ cũng thường tỏ ra nhiều cái thái độ quân tử, khiến cho chị em thấy mà phải tưởng lầm họ là bậc trượng phu đại chí! Hạng này chị em hãy khá đề phòng cho lắm mới được!

Trong chị em, có ai phải lòng một cậu trai nào, dẫu cho người ấy có chon tằm chánh khí(?) đi nữa, cũng phải để sau khi thành hôn chánh thức rồi sẽ trao xuống gói thịt cùng họ. Nếu chưa gì... mà chị em đã nhẹ dạ xiêu lòng như em đây mặc tình để cho họ vò vọc chữ trình mình, ngộ khi họ không nghĩ mà khinh mình là gái thất trinh rồi sanh lòng lạt lẽo, thì chị em ăn năn sao kịp?

Đường đời khúc chiết éo le, phải ngăn ngừa trước mà dè dặt sau. Thiên hạ sự có lắm chuyện xảy ra rất lạ lùng mà không sao ngờ trước được. Em đây cũng bởi tin lòng tình lang thủy chung như nhút nhu lòng em và vì nhẹ dạ xiêu lòng cho nên ngày nay em mới chết một cách thảm thiết như vậy, mà để cho cha mẹ một sự buồn rầu như nhuốc!

Than ôi! Cái nhục tày trời này em còn mặt mũi nào mà đi đứng trong vòng trời đất nữa? Thôi thì: cũng liều một giọt máu đào, mà cho bạn gái trông vào cũng hay! Em chết đây đã đành rằng vì cái nhục thất trinh mà chết, song cái chủ tâm của em là muốn cho hết thầy chị em bạn gái nên trông gương em mà tỉnh ngộ, mà giữ mình, đừng để cho lũ con cháu Sở Khanh làm ô danh má hồng nữa. Được như vậy thì em rất hả lòng nơi suối vàng.

Vài lời tâm huyết, một tấm lòng thành, chúc cho phụ nữ Lạc Hồng được từ đây tỉnh giấc...”

Đào Minh Nguyệt, bài thơ

Vợ chồng ông Đào Minh Tinh bây giờ chỉ còn có một nước là đem thân con về chôn và khóc mà chịu!... Các báo Tây Nam đều có bình luận chuyện này và đăng bức thơ kia lên để cho nữ giới trông

đó làm gương. Có nhiều cô thiếu nữ đọc thuộc lòng bức thơ ấy, để khi nào có gặp trêu dè nhớ mà liệu lời đối phó!...

VII

Kết cuộc đưa vô tình

Nói về cô đảm vợ của Thái Sanh, tuy cô là người trong cái đám người buôn lồn bán mệt mặc dầu, song cô ta cũng biết sự phải lắm!

Cô về ở tại nhà bà Nguyễn Trung Lương thì tự lớn chí nhỏ trong nhà cùng chòm xóm đều có ý không bằng lòng. Cô biết rằng bởi cô khác giống khác nòi với thân tộc nhà chồng cho nên người ta mới lấy cái tình hờ lạnh đạm mà đối với cô chứ không có gì lạ. Dầu vậy mặc lòng, cô cũng quyết làm cho trọn đạo vợ đối với chồng, tròn bốn phận làm dâu đối với nhà chồng.

Còn Thái Sanh nghe tin Minh Nguyệt trảm mình thì trong lòng luống những ngậm ngùi chua xót, dường như bị lương tâm cắn rứt vậy! Một đêm kia cậu ta đang mơ màng giấc điệp, bỗng thấy Minh Nguyệt hiện hồn về, quần áo ướt rượt, bụng chứa thè lè, tóc mây xả xuống hai vai, gương mặt lộ vẻ hằm hằm tức giận, bước tới điểm mặt Thái Sanh mà mắng rằng: “Ở cái người một mặt hai lòng kia ôi! Lời thề ai hứa đó? Dấu tích vẫn còn đây - chỉ cái bụng chứa, sao mi nỡ vội ăn lời mà để cho ta phải thác oan nhục nhã! Mi chớ có tưởng rằng mi làm chuyện ác mà không ai trừng trị mi được, mi sẽ coi ta, ta làm cho mi chết theo lời thề, kéo mi khinh thánh thần không có mắt!...”

Hồn Minh Nguyệt nói đến đây liền biến mất, Thái Sanh giật mình thức dậy mà hồi hộp lo sợ vô cùng. Có lẽ lúc ấy cậu ta mới biết ăn năn, song ăn năn mà có ích gì! Minh Nguyệt có cần cậu ta ăn năn sau khi cô ta chết ở đâu!

Nhà Thái Sanh có mua đủ tờ báo, Tây có Nam có, cô đắm sau khi coi thấy trong một tờ báo Tây nói chuyện Minh Nguyệt hủy mình, mà cái người làm cho Minh Nguyệt hủy mình chẳng ai đâu lạ hơn là chồng của cô tức là Thái Sanh. Đắm giận lắm, bèn kêu Thái Sanh lại hỏi rằng:

– Anh nói rằng anh chưa từng có động đến chéo áo của một người thiếu nữ nào, vậy chớ tên Thái Sanh nào lấy cô Minh Nguyệt cho có thai rồi bỏ, làm cho cô ta phải hủy mình mà trong báo đã nói đây?

Thái Sanh nghe hỏi chối dài:

– Thái Sanh ấy là Thái Sanh nào chớ không phải tôi!

– Ê! Anh đừng có chối! Tôi biết rồi, hôm mình ở dưới tàu mới lên ghé nhà chị Hai, anh với chị gây lộn nhau về vụ này mà tôi không biết; bây giờ mới rõ trắng đen. Tôi đây, tôi nói thiệt: thà rằng tôi làm vợ khắp người ta, bằng có lấy chồng thì người chồng phải cho đứng đắn, chớ cái thứ lòng lang dạ thú như anh thì tôi đắm thềm! Tôi tưởng anh là một người trong sạch nên tôi mới theo anh; chớ có dè đâu anh là hạng dã man đốn mạt? Cũng vì tôi lầm anh mà người thiếu nữ kia phải thiệt mình. Tội này tại anh!...

Thái Sanh nạt rằng:

– Mi hãy nín, không được can dự vào chuyện riêng của ta!

– Không can dự sao được, một việc có quan hệ đến phẩm giá tôi? Anh là một đứa hèn mạt, tôi nhổ nước miếng vào mặt anh...

Thái Sanh nhảy lại bạt tay cô đắm mấy cái. Cô đắm tức giận quá, chụp được cây súng sáu:

– Ta sẽ xử tội mi để báo thù cho Minh Nguyệt!

Cô đắm vừa nói vừa bóp cò bắn luôn hai phát. Thái Sanh bị đạn té nhào, ngã xuống đất giãy tẽ tẽ, đã tắt hơi mà cặp mắt còn trực thị!...

Thái Sanh chết, trừ bà mẹ của y ra thì không còn có ai mà tổn với cậu ta một giọt nước mắt nào! Mỹ Ngọc hôm rày rất đau lòng vì nỗi Minh Nguyệt chết, nay nghe tin cô đầm xử tội Thái Sanh thì nàng hết giận Thái Sanh, chớ không thương xót gì cả! Nhứt là cha mẹ bà con của cô Minh Nguyệt, sau khi được tin này thì ai ai cũng hả lòng, mọi người đều hết sức tán dương cái lòng chánh trực của cô đầm!

Vợ đầm của Thái Sanh đã chẳng có tội tình chi, mà bà già của Thái Sanh còn phải chịu tiền hành phí cho cô ta về nước là khác... Người Việt Nam ta chớ có bắt chước cô đầm này mà khốn, người ngoại quốc dầu có cái tội lớn bằng trăm ngàn cái tội của Thái Sanh đi nữa, ta cũng không có quyền bắn họ...

Viết tại Sài Gòn ngày 24 Novembre 1930.

SƠN VƯƠNG

BÁN BUỒN
MUA VUI ...

Tác-phẩm cuối-cùng :

Đàn buồn...
...mùa Vui

Của Sơn Vương

THAY LỜI TỰA

Khi đề cập đến cái biệt hiệu Sơn Vương các hàng thức giả kì cựu thường xem báo chí, phần nhiều biết đó là:

– Một môn đệ hàng đầu của nhà chí sĩ tiền phong Nguyễn An Ninh

– Một người bạn chí thân của Trung tướng Nguyễn Bình từ buổi thiếu thời

*– Một tác giả nổi tiếng về loại sách bô túi **Truyện vui Nhi đồng** theo kiểu sách **Hồng** (Livres-roses bên Pháp) đã được Sơn Vương cho ra đời tại Việt Nam từ 1931 trở về trước. Trong số ấy có quyển **Chén cơm lạt của người thất nghiệp** là nổi bật hơn hết, vì nội dung đầy tách chất xã hội: diễn tả cảnh đói rách lâm than của đồng bào Việt Nam về nạn sưu cao thuế nặng giữa lúc kinh tế khủng hoảng (crise dréconomique) bắt đầu làm khổ nhà nông: lúa sụt giá chỉ còn có hai cắc một giạ mà dân nghèo lại thiếu cơm ăn. Ngòi bút của Sơn Vương đã không ngần ngại dả phá chánh sách thực dân, nên tác phẩm này đã bị tịch thu và cấm tàng trữ khi ông cho tái bản lần thứ hai tại nhà in Đức Lưu Phương số 158 đường d'Espagne Sài Gòn. Sau vụ này, không một nhà in nào dám nhận in bất cứ tác phẩm nào có nhãn hiệu Sơn Vương.*

– Một tướng cướp lừng danh dưới thời Pháp thuộc (làm kinh tế mạo hiểm, đánh cướp bọn cường hào ác bá, tham quan ô lại, luôn cả Ba Tàu bụng phệ và Pháp thực dân), lấy tiền về nuôi một tổ chức chống ngoại xâm và rải rác cho bọn dân nghèo. Nhất là nơi có bị hỏa hoạn

hoặc bị lũ lụt là có bàn tay bí mật của ông Sơn Vương nhúng vào về mặt cứu trợ... Đó là bọn ông noi theo gương các vị anh hùng Lương Sơn Bạc của Tống Giang trong *Thủy Hử* từ thuở xa xưa.

– Một quái kiệt trong thế giới lao tù đã được mệnh danh là vị **Vua tù nửa thế kỉ**.

*

Ông Sơn Vương bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo vào khoảng cuối năm 1933 với bản án đầu tiên 5 năm tù ở về vụ tổng tiền tại nhà ông Kiệt ở Phú Nhuận. Nhưng ông vừa ở được có hơn ba năm, kể có **Mặt trận bình dân** (Front-Populaire) bên Pháp lên nắm chánh quyền do Léon Blum làm Thủ tướng. Trong nội các của ông gồm những nhân vật thuộc về tả phái, nên các thuộc địa cũng được ảnh hưởng phần nào. Riêng về Việt Nam nhờ có phong trào «*Đông Dương đại hội*» nổi lên cùng khắp, đấu tranh quyết liệt, đòi hỏi cải thiện chánh sách cai trị và chế độ nhà lao v.v... Vì không thể đứng đưng một chỗ, cũng không thể đi ngược phong trào quần chúng, tình thế lúc bấy giờ là động cơ thúc đẩy nhà cầm quyền Pháp phải có ít nhiều thay đổi cho có sự thể. Vì vậy mà:

– Tù chánh trị ngoài đảo được đưa về Sài Gòn rồi sẽ thả hết trong ngày lễ **Chánh chung** mà hồi ấy người ta đã quen gọi là ngày cách-to-rui-de⁽¹⁾ (14 juillet) năm đó là năm 1936.

– Tù thường phạm án nhẹ hoặc án nặng mà sắp hết hạn cũng được đưa về nội địa, nhưng không phải được phóng thích như chánh trị phạm, mà là sẽ phân tán đi các tỉnh miền Nam. Trong số ấy có Sơn Vương là một, vì án ông 5 năm, mà ông ở ngoài đảo hơn 2/3, lúc ấy ông chỉ còn có 16 tháng là ông sẽ hết hạn 5 năm của khóa tù đầu tiên: 16-8-1933 – 16-8-1938.

Ban đầu ông được đưa xuống Hà Tiên, nhưng khi vừa đến nơi là ông gặp việc phải làm, vì tên Charlequin chủ Bungalow Hà Tiên vợ là

(1) Cách to rui de: ngày 14 tháng 7 (NBS)

người Việt về thăm quê ngoại dẫu bên Rạch Giá, có lấy của hẳn 200 đồng bạc mà không lên tiếng cho hẳn biết để hẳn tình nghi cho một anh bồi phòng ăn cắp, anh này bị hẳn tra tấn bằng cách nhều đèn cầy vào hai lỗ mũi, bị nghẹt thở không được, nên phải chết luôn.

Đồng bào Hà Tiên kéo cuộc biểu tình phản đối quyết liệt, đòi hỏi nhà cầm quyền phải trị tội tên đồ tể giết người. Trước một sự việc quá đối phũ phàng không thể làm ngo, ông Sơn Vương bèn sách động bạn tù trong khám nổi lên làm dữ để hưởng ứng cuộc biểu tình của đồng bào Hà Tiên đang diễn ra ngoài phố.

Việc này được kí giả Nam Hà (người Hà Tiên) thông tin trên các báo ở Sài Gòn và các cơ quan dân cử như: Hội đồng thành phố, Hội đồng quân hạt v.v... làm rùm beng lên, gây chấn động dư luận cả trong và ngoài nước. Phủ thống đốc Nam Kỳ hồi ấy đã phải một phen điên đầu nhức óc vì vụ này. Không thể che dấy hay viện được có gì để bào chữa cho tên đồ tể giết người, nên phủ Thống đốc Nam Kỳ phải cấp tốc tống cổ tên Charlequin về Pháp để được trấn an dư luận. Đồng thời, viên Chủ tỉnh Hà Tiên cũng không thể để yên cho Sơn Vương ở lại Hà Tiên, bèn đày ra Phú Quốc xa xuôi cho ông ta khỏi phải bận tâm về mặt trị an.

Dưới đây, bài thơ bất cứ thất ngôn của Sơn Vương diễn tả việc hưởng ứng của ông và các bạn đồng tù của ông đối với cuộc biểu tình của đồng bào Hà Tiên đã được kí giả Nam Hà đưa lên các báo để gây áp lực buộc Phủ Thống đốc phải xử lí thế nào cho có sự thể về vụ giết người một cách dã man trắng trợn như thế đó. Vì vậy, tên Charlequin phải cuốn gói tốc hành về Pháp gấp để vào nhà ngục Santé lãnh phần thưởng năm năm tù ở vì hẳn đã có công bôi lọ nước Pháp bằng cách giết người vô tội rất khoa học: **nhều đèn cầy vào hai lỗ mũi!**

Sanh mạng của một người Việt

Chỉ đáng giá có 200 đồng bạc của bọn thực dân

Sét đánh ngang trời vụ chết oan

Dấu thân tù tội cũng da vàng

Bất bình không lẽ ngo tai điếc?
Tức trí rồi ta tỏ mặt gan
Sắt đá chi sòn con nước lửa
Thân lươn nào ngại chốn bùn than
Biểu tình sốt thảm cùng tang quyền
Để hận ngàn thu đũa dĩa man!

Vì có bị đày ra Phú Quốc, chúng tôi mới có dịp làm quen với ông Sơn Vương. Chúng tôi còn nhớ: hồi ấy vào khoảng tháng 8 năm 1936, tại Săng-chê (Chan-tier) Suối Lớn gần hăng Cây Dừa, chúng tôi thấy ông Sơn Vương đã bắt đầu sưu tầm tài liệu để viết truyện *«Bán buồn mua vui»*. Nhưng ông rất ít thì giờ, vì mỗi ngày ông phải làm việc khổ sai để trả nợ tù, ông còn phải dạy đến những năm, sáu mươi học trò chia làm hai lớp: lớp nhỏ từ bảy, tám đến 14, 15 tuổi ông dạy chữ; lớp lớn từ 16 tuổi trở lên, ông dạy cả văn lẫn võ.

Hồi ấy, hai mắt ông còn sáng quắc như gương, ai cũng khen ông có tuồng chữ đẹp như rồng bay phụng múa.

Đáng lí ra, tác phẩm *«Bán buồn mua vui»* phải được hoàn thành từ lâu lắm rồi. Nhưng sau khi mãn án khóa tù đầu tiên (ngày 16-8-1938) về Sài Gòn ít lâu, ông lại gặp tên Vinh (vốn là bạn học cũ) nó vốn vơ tay bắt mất mừng, mời ông về nhà đối đãi rất là trọng hậu, chừng như nó tốt với ông lắm vậy. Nhưng ông có biết được đâu đó chẳng qua một cách đánh lừa, để rồi nó sẽ bán đứt ông cho cò Bazin (lúc đó Bazin chưa bị công tác thành ám sát, hãy còn làm trời làm đất ở bót mật thám Catinat), nó cần phải lập công với cò Bazin để được tiện bề xoay trở trong công cuộc làm ăn bất hợp pháp của nó: bề ngoài nó có mấy chiếc xe lô để chạy cầm chừng, nhưng ở mặt khác, nó lại chuyên nghề buôn bán á phiện lậu.

Nó có một chiếc Cam-nhông (Camion) rất to, dùng để chở hàng từ Sài Gòn lên bán trên Miên và Lào, bận về thì lại chở heo. Nhưng chở heo là một cái cớ để che mắt các trạm kiểm soát, để mỗi chuyến heo từ trên Lào về là mang theo cả hàng trăm kí á phiện và một vài thứ ma túy khác.

Tên Vinh phát giác cho cô Bazin biết trước khi chưa bị vào tù, Sơn Vương đã có lần đến đánh cướp tại nhà bà Lành ở đường Avenue de la Marne, tức con đường từ chợ Bình Tây chạy dài ra mũi tàu Phú Lâm. Bà Lành là chủ vừa, tích trữ đủ thứ hàng vải nhưng găm tơ lụa, toàn đồ ngoại nhập để phân phối cho các sạp hàng và các tiệm vải chung quanh chợ mới Bình Tây. Bà có người con trai làm thơ kí ở Bể Cãi Chợ Lớn và một chàng rể làm đội lính kìn ở bót Polo có cái danh hiệu "Cọp Lửa Từ Bi" đã khét tiếng về việc tra tấn chết người và hại người lấy của.

Khi Sơn Vương đến đánh nhà này, ông ta lựa đúng ngày chúa nhật, cốt là để gặp Cọp lửa Từ Bi có mặt ở nhà để có giết luôn. Nhưng hú hồn cho hắn, vì khi Sơn Vương đến đó (lúc 8 giờ sáng) thì hắn và thằng em vợ đi dự tiệc cưới ở đâu, chỉ có bà mẹ vợ và vợ ở nhà, nên hắn mới khỏi chết.

Lúc ăn hàng xong, bọn ông Sơn Vương ra về một cách an toàn. Nhưng có một việc mà ông Sơn Vương và hai người đồng bọn không sao ngờ được là việc tên Vinh nhìn thấy từ nhà bên cạnh nhìn qua. Vì nhà bên cạnh là nhà anh vợ của Vinh, hôm ấy cũng có tiệc tùng gì đó, mời nó đến dự, đó chẳng qua là một sự tình cờ mà nó được thấy ông Sơn Vương với hai người khác từ trong nhà ấy bước ra. Thấy vậy thì hay vậy thôi, chớ tên Vinh cũng chưa biết Sơn Vương đến đó làm gì? Vì biết đâu nhà ấy cũng có bà con hay quen lớn gì với Sơn Vương như trường hợp của mình đây vậy. Cho mãi đến xế chiều, sau khi xong tiệc cưới trở về, hai anh em thấy mẹ và vợ bị khóa trong phòng, mới hay ở nhà bị cướp, bèn tri hô lên. Khi đó tên Vinh vẫn còn có mặt tại nhà bên cạnh của bà Lành chủ vừa. Lúc đó tên Vinh mới nghĩ rằng: hồi sớm Sơn Vương từ trong nhà ấy bước ra, thì vụ cướp hồi sớm hẳn là Sơn Vương chớ còn ai nữa.

Nhưng biết thì để bụng vậy thôi, chớ lúc đó tên Vinh cũng chưa có ý kiến chi hết. Mãi đến ngày Sơn Vương mãn tù về, gặp lại Sơn Vương tên Vinh mới nghĩ đến cách đem vụ cướp ấy làm quà lập công với cô

Bazin. Nhờ có tên Vinh làm chỉ điểm, cô Bazin mới bắt được Son Vương đem về nhốt sẵn tại bót Catinat, rồi dùng điện thoại báo Cọp Lửa Từ Bi đem mẹ vợ và vợ đến tại bót Catinat để má nhận mặt kẻ cướp. Bazin cho Son Vương đứng xen vào giữa một nhóm năm người để cho tài chủ nhận mặt, thì sau khi nhìn kĩ từng người, bà Lành và vợ của Cọp Lửa Từ Bi đã chỉ đúng ngay vào ông Son Vương.

Vụ này, Son Vương bị kết án 10 năm khổ sai đầy ra đảo lần thứ hai vào năm 1940 hay 1941 gì đó.

Có lẽ vì phần số không may, nên tại đảo ông Son Vương mới gặp phải Nguyễn Thành Út là một phần tử tệ nhất gian hùng dưới thời Pháp thuộc. Cũng nên biết Côn Đảo dưới thời thực dân là một lò thối người. Chả thế mà nơi ấy đã được mệnh danh là Địa ngục trần gian. Phàm kẻ nào muốn được dễ sống là phải dùng hăn về phía Tây bằng cách xiên xỏ bạn tù để được tăng công với bọn cai ngục. Lúc ấy tên Nguyễn Thành Út đang làm thơ kí cho bót cô hiến binh, vì khéo cách tăng bốc nên hăn rất được tin dùng. Không những đối với bạn tù, hăn còn ngang nhiên bắt nạt tới hàng nhân viên công chức nữa kìa. Vì khi có việc chi bị ai thua kiện, bị đòi tới văn phòng hiến binh phải gặp ông thơ kí trước rồi mới được gặp ông cô sau.

Đối với Son Vương thì trong thâm tâm hoàn toàn đổ kị, vì từ nếp sống cho đến những đường lối chánh trị, mỗi bên có một chủ trương khác biệt: một đảng vị tha, một đảng vị kỉ, không thể chung sống hòa bình. Tuy nhiên, hăn không có vẻ gì ra mặt chống đối, mà là lúc nào hăn cũng giả dạng vui cười, coi như là thân tình lắm. Hăn phải đóng kịch như vậy để được tiện bề rình rập chơi cái kiểu đá giò lái mà Son Vương sẽ không ngờ được hăn. Đó là hăn nghĩ như vậy, chứ con người cũng như tâm địa của hăn, Son Vương đã chán biết hăn từ lúc hăn còn làm «thầy bói» ở ngoài đời kìa.

Hăn mách với Tây rằng là Son Vương một phần tử có đầu óc bài Pháp vô cùng nguy hiểm, cần phải áp dụng một biện pháp mạnh để có diệt trừ. Phía thực dân cũng đồng quan điểm với hăn về mục tiêu này,

nên khi hẳn có đêm pha nói thêm nói bớt gì về Sơn Vương là họ tin bằng lời. Vì vậy mà khi từ trong *Chuồng Cọp* vừa mới được tháo còng thả ra chưa được mấy hôm, Sơn Vương lại bị cấm cố vào *hầm xay lúa* không có ngày ra, để chờ lệnh mới, rõ là không mấy lúc Sơn Vương được ở yên với chúng.

Mọi chuyện đều do một tên Nguyễn Thành Út giết dây, làm cho đời tù của Sơn Vương phải thất điên bát đảo, đau đớn ê chề, hết nạn nọ đến nạn kia, không nói sao cho xiết. Dù vậy, ông Sơn Vương cũng cố gắng dần lòng nhin nhục để mà chịu đựng tới đâu hay đó. Cho đến khi sức nhẫn nại không còn có nữa, lúc đó vạn bất đắc dĩ ông mới phải đập đầu tên Út nát ngườ như tương để rồi ông phải ra tòa để lãnh thêm một bản án khổ sai chung thân (*travaux forcées à perpétuité*), nghĩ mà đau xót thay cho cuộc đời bất hạnh của một con người chỉ muốn sống yên mà lại gặp toàn sóng gió bão bùng.

Nhưng nào phải chỉ có bấy nhiêu tai nạn là hết. Cuộc đời phiêu lưu của Sơn Vương từ đó hãy còn trải qua rất nhiều thảm cảnh khắc nghiệt dài dài. Ở đây giấy mực có hạn, không sao kể xiết. Bạn nào muốn biết gì thêm về cuộc đời ba chìm bảy nổi của nhân vật Sơn Vương, hãy tìm xem phần Hồi kí "*Máu hòa nước mắt*" bên trong tác phẩm "*Quần đảo Côn Sơn*" của ông.

Vì ảnh hưởng xấu do Nguyễn Thành Út gây nên, mà tai ương sâu khổ mãi cứ dồn dập chồng chất không lúc nào ngừng, thử hỏi Sơn Vương còn có thì giờ đâu để dành riêng cho việc sáng tác. Vì vậy, cho mãi đến lúc sau này, từ trong cũi chết trở về, ông mới có phương tiện viết tiếp truyện *Bán buồn mua vui* là một công trình đã khởi thảo từ mấy mươi năm về trước (từ ngày ông còn ở Săng-chê Suối Lớn, hồi cuối năm 1936), bây giờ năm 1987, lại hóa ra tác phẩm cuối cùng của ông.

Thiết tưởng con người sanh trên cõi thế, từ hàng vua chúa cho đến thường dân, đời nào cũng vậy, không mấy ai chỉ muốn sống bằng toàn vật chất, vì phần đông ai cũng cần có món ăn tinh thần để bồi dưỡng cho phần nội tâm. Vì nếu chúng ta mỗi ngày chỉ biết ăn ngon mặc đẹp và hú

hí với vợ đẹp con khôn cho đến già đời mãn kiếp rồi cho như thế là mãn nguyên, phải chí bình sanh thì gấm có khác chi cái túi đựng com, cái giá móc áo. Ôi! Đời người mà chỉ có sống say chết ngủ như loài chim muông cây cỏ như thế còn có nghĩa gì.

Tác phẩm Bán buôn mua vui của Sơn Vương là một kho tàng tập trung đủ loại món ăn tinh thần cho bất cứ ai có một ý niệm về công bằng xã hội. Trong đó gồm nhiều mẩu chuyện cổ kim chọn lọc rất là tế nhị: sự thật trong đời sống con người có và mĩa mai trào lộng chọc cười cũng có. Do đó mà nó có thừa khả năng gây hứng thú cho người đọc, để thỉnh thoảng được điểm lên một vài nụ cười thoải mái trong đời sống bình thường; hoặc phải tìm tiết bầm gan với những trò đời xuôi ngược của nó ⁽¹⁾ người ngoài lề pháp luật thường ẩn núp trong một số của quyền tham ô thoái hóa đã quen với nếp sống quan liêu, đi sai chánh sách nhà nước gây thất nhân tâm, làm tổn thương chế độ. Chúng đã từng bị cộng đồng lên án cho liệt vào hàng sâu dân một nước mà chẳng biết thân. Chúng được vinh thân phì gia, nhờ nhờ trên xương máu kẻ đồng loại mà không biết thẹn, còn tự kiêu tự đắc, coi mình như người trời sai xuống để trị vì thiên hạ nên mới có quyền sử dụng, tiêu pha tài sản xã hội như của riêng mình.

Để được phân biệt vàng thau, kẻ tà người chánh, nếu chúng ta là kẻ có công tâm thì chúng ta không nên vơ đũa cả nắm mà oan cho những người hoàn toàn thanh bạch. Chúng ta nên đứng về mặt khoa học mà hiểu cho rằng: cây trong rừng đã có cây cao cây thấp, thì con người cũng chẳng khác chi, nghĩa là phải có kẻ tốt người xấu, chứ không bao giờ đồng loạt như nhau. Trong lịch sử Đông Tây từ thuở xa xưa, một khi đã có những kẻ gian thần phản vua hại nước, ắt cũng phải có những bậc anh hùng hào kiệt thật lòng vì nước vì dân. Khi có chuyện buồn họ buồn trước dân, lúc có chuyện vui họ vui sau dân, họ chăm sóc dân hơn chính bản thân họ và gia đình họ.

(1) Nó: ngữ, đồ, bọn: tiếng gọi chung nhiều người có ý khinh dể (HTC)

Chúng ta chỉ tiếc có một điều này, mẫu người tận tâm vì dân vì nước như quan thái thú Tây Môn Báo trong thời Đông Châu đã được ông Sơn Vương nhắc nhở trong truyện này thật rất hiếm hoi. Trái lại, cái nỗi người tham quyền cố vị, đặt quyền lợi cá nhân lên trên Tổ quốc, trên nhân nghĩa như anh chàng Ngô Khởi nước Vệ thì chẳng thiếu gì.

Với một dụng ý khá sâu sắc của ông Sơn Vương về mặt bài trừ đánh đổ những hủ tục mê tín dị đoan từ Tàu tràn sang từ ngàn xưa gây ảnh hưởng không tốt cho nền văn hóa xứ ta không ít.

Ông Sơn Vương còn có những sáng kiến mới lạ đưa người đọc đến một chân trời khoa học giả tưởng, để rồi đây con cháu chúng ta có thể tiên kiến được một số hiện tượng kì diệu sẽ được phát minh từ những bộ óc giàu sáng tạo có thừa khả năng chế ngự cả thiên nhiên: đưa loài người ngày càng đi sâu vào vũ trụ bao la vô tận trong những thế hệ ngày mai, sau năm 2000.

Phần cuối của tác phẩm này, tác giả còn kèm thêm một loạt câu «Thai đồ» và một bài «Về nói ngược» để giúp vui người đọc, có thể giải tỏa phần nào về những nỗi buồn phiền trong đời sống chật vật: người khôn của khó, củi quế gạo châu.

Việc làm có ý thức này của Sơn Vương đáng được cho chúng ta cổ vũ, khích lệ.

Tôi được cái vinh hạnh xem bản thảo này trước khi xuất bản, vậy xin có những lời mộc mạc thô sơ được mạn phép thay cho bài tựa ⁽¹⁾.

(1) Trong bản thảo không thấy ghi tên người viết «Thay lời tựa»

1. DÂN TỘC NÀO ĐÁNG ĐƯỢC MANG DANH: “ANH HÙNG NHÚT THẾ GIỚI”?

Để được có một đáp số nghiêm chỉnh cho bài toán lịch sử này, chúng ta phải nêu ra những dẫn chứng cụ thể giữa Việt Nam và ở cường quốc thượng thặng đã từng xua quân xâm lược nước ta.

Thứ nhất: trận Bạch Đằng với các tướng sĩ nhà Nguyên từ thế kỉ thứ XIII:

Như hầu hết các giới trí thức quốc tế đều biết, Thành Cát Tư Hãn (Gengis-Khan), vị Thái tổ khai sáng nhà Nguyên, sau cuộc viễn chinh đập bằng binh địa từ Á sang Âu, ông ta đưa dân tộc Mông Cổ (Mongole) lên hàng đầu thế giới về cái tài cỡi ngựa bắn cung, đánh đâu thắng đó, không nước nào bằng.

Thế mà đến cái đời thẳng cháu nội của ông ta (là thái tử Thoát Hoan, con của Hốt Tất Liệt), khi đụng độ với cụ Trần Quốc Tuấn (tức Hưng Đạo đại vương) vị đệ nhất công thần của nhà Trần, thì cả vạn binh sĩ thiện chiến của y đã phải chôn vùi dưới ngọn thủy triều của sông Bạch Đằng, đó là chưa kể hơn 10 ngàn sĩ tốt của nhà Nguyên bị bắt sống làm tù binh. Chỉ có thái tử Thoát Hoan và một số tàn quân may mắn chạy thoát về Tàu.

Thế là cái danh dự *Anh hùng nhất thế giới* của vị Thái tổ nhà Nguyên đã đoạt được trong cuộc viễn chinh từ Á sang Âu vừa mới độ nào cách đó không lâu, thì lúc bấy giờ (1287-1288) đã đương nhiên thuộc quyền sở hữu của đám con Hồng cháu Lạc.

Điều này đã được lịch sử thế giới chứng minh, không ai viện được lẽ gì để phủ nhận.

Thứ hai: trên Điện Biên Phủ với đoàn quân xâm lược của thực dân Pháp

Binh lực của thực dân Pháp hồi ấy gồm nhiều sắc phức tạp, như: trước hết là người Pháp chánh tông kể đó là Việt, Miên, Lào bị Pháp cưỡng bách tòng quân, rồi thì Chà chóp, bọn gạch mặt

Sénégalais, Malgaches⁽¹⁾ và các thuộc địa của Pháp ở Phi châu. Nếu tính chung gồm cả Đông Dương, ngót cả triệu quân chó không phải ít. Tướng tá của họ kể cả hàng chục, nhưng lớp bị đổi lớp bị giết ngoài các mặt trận. Trong số bỏ mạng sa tràng có hai cha con tên tướng có bản mặt du côn là: De Lattre de Tassigny là tên tướng háo thắng sùng sỏ và phách lối nhất.

Lúc bấy giờ (1954), vì tình thế rất khẩn trương, nên hầu hết các đoàn quân tinh nhuệ của Pháp đều tập trung về thung lũng Điện Biên Phủ để tiện bề đối phó cả ba mặt: Việt, Miên, Lào. Binh lực của Pháp đã hùng hậu đến thế, còn được sự hỗ trợ của Anh và Mỹ về mặt vũ khí là đằng khác.

Trong khi đó, ở phía ta chỉ có một số quân khiêm nhượng với những mớ vũ khí nghèo nàn, lạc hậu so với Pháp, ta còn chênh lệch quá xa hầu hết mọi mặt. Tuy nhiên, với cái tài điều binh khiển tướng tuyệt vời của ông Võ Nguyên Giáp, vị tướng lãnh lừng danh khắp thế giới, còn được sự cộng⁽²⁾ tác đặc lực của vị kĩ sư cơ khí tài ba Trần Đại Nghĩa. Nhờ khối óc có nhiều sáng kiến của ông này mà những mớ sắt vụn được trở thành vũ khí hữu dụng trong công cuộc chống trả quân thù cướp nước. Và những giàn cao xạ lỗi thời lại được ông cải tiến trở thành hiện đại, không những với các loại phi cơ tầm thường của Pháp, về sau còn bắn rơi nhiều pháo đài bay B.29 của Mỹ nữa kìa.

Vũ khí tuy chẳng được dồi dào như bên địch, song lại được dưới quyền điều khiển của vị tướng lãnh tài ba Võ Nguyên Giáp, nên tinh thần chiến đấu của binh sĩ Việt Nam hăng say tột độ. Bởi đó mà không ai ngạc nhiên khi nghe quân ta đánh gục quân thù cướp nước tại chiến trường Điện Biên Phủ, toàn bộ tham mưu của tướng De Castries bị tóm gọn tại Tổng hành dinh của ông ta, và ngót 30 ngàn tù binh còn sống sót bị đưa về *thủ đô Hoàng Diệu* để làm tang chứng cho cuộc chiến thắng khải hoàn.

(1) *Sénégalais Malgaches*: dân Xê nê gal ở Châu phi (NBS)

(2) Tác giả viết *cộng* (BT)

Quốc hiệu Việt Nam được nêu cao trên lập trường quốc tế bắt đầu từ đó, thay vì trước kia, thế giới chỉ biết chúng ta là *Annamite* trong khối Đông Dương của thực dân Pháp: *Indochine-Française* mà thôi. Với chiến công oanh liệt này, đúng lí ra tướng Giáp phải được tấn phong *Thống chế* ngay sau khi đánh gục kẻ thù tại Điện Biên Phủ, nhưng ông Giáp có cần chi điều ấy, miễn sao nước nhà khỏi bị đô hộ và lịch sử chứng minh cho ông là đủ rồi. Có đâu như tên bại tướng De Tassigny. Khi sang Việt Nam, hắn chỉ có làm tiêu hao ngân sách quốc gia và thí quân rất nhiều, vì mỗi khi quân hắn bị vây là hắn dội bom cho chết cả hai bên. Hành động gàn bướng nông nổi của hắn đã không nên cơm cháo gì, cả hai cha con hắn còn bị quân ta giết chết một cách nhục nhã. Thế mà chánh phủ thực dân lại suy tôn cho hắn được truy phong vinh thăng hàm *Thống chế*, nghĩ cũng lạ thật.

Thứ ba: bọn cố vấn của đế quốc Mỹ trong những ngày cuối 30 tháng tư năm 1975.

Nếu có ai đặt ra vấn đề trên thế giới từ trước đến nay nước nào giàu đôla và có nhiều vũ khí tối tân. Thì muôn miệng một lời đều khẳng định rằng đó là đế quốc Mỹ. Bằng cơ cụ thể Mỹ là ông chủ nợ khắp hoàn cầu và chuyên sản xuất nhiều loại vũ khí chết người, rồi *xui nguyên giục bị* cho hai bên trở thành kẻ thù đối lập choảng nhau chí chết, để họ lấy đó làm thị trường tiêu thụ vũ khí.

Chính vì họ đã ngang nhiên sống trên sự đau khổ, trên xương máu kẻ đồng loại, nên họ đã bị cộng đồng thế giới lên án: *đế quốc Mỹ là cảnh sát quốc tế, là tên đồ tể ác ôn đứng hàng đầu thế giới.*

Còn Việt Nam thì sao? Ôi! Suốt mấy mươi năm khói lửa lan tràn, tài nguyên cũng như sinh lực hầu như kiệt quệ, còn có gì đâu. Nhưng với một tinh thần bất khuất vốn là truyền thống cố hữu tự ngàn xưa, toàn dân Việt Nam chung sức một lòng, đồng loạt đứng lên đánh gục kẻ thù xâm lược, gây chấn động khắp cả hoàn cầu, làm cho thế giới phải sửng sờ kinh ngạc vì ai đâu có ngờ một Việt Nam nhỏ bé nghèo nàn lại có thừa khả năng vật ngã *chú Sam* khổng lồ có tiếng giàu

manh nhất thế giới, bằng cớ là họ đã lật nhào phe trục tam cường: Đức, Ý, Nhật. Từ ngày lập quốc, đế quốc Mĩ chưa bị thua ai bao giờ.

Trong cuộc xâm lược nước ta, nào phải chỉ có một đế quốc Mĩ họ còn kéo thêm một số đồng minh như Úc, Thái Lan và Đại Hàn đến sát phạt xứ ta cho mau tàn mạt. Nhưng rốt cuộc đế quốc Mĩ vẫn lãnh phần chiến bại như thường.

Một vài sự kiện lịch sử đã có xảy ra, nhưng ít ai biết đến, đó là trong khi phía cộng coi Dương Văn Minh là một tướng Ngụy cuối cùng, thì bên Quốc gia lại lên án ông ta đầu hàng Cộng sản thật là kệt cho ông ta. Theo lời nhiều người nói lại: vì không muốn có sự đẫm máu giữa tình đồng bào ruột thịt, nên tướng Minh mới ra lệnh cho quân đội Cộng hòa không nên chống trả khi quân kháng chiến tiến vào thủ đô Sài Gòn. Không những thế, ông ta còn nói thẳng với tòa đại sứ: những người Mĩ cuối cùng phải rút khỏi Việt Nam trong ngày 30-4-1975. Bằng không ông sẽ không chịu trách nhiệm nếu có việc gì đáng tiếc xảy ra.

Vì vậy mà, trong những ngày cuối tháng tư 1975, những ai có mặt tại Sài Gòn, đã có dịp chứng kiến sự lo âu thất thần của người Mĩ, nhất là bọn C.I.A. (gián điệp kiêm cố vấn quân sự). Vì số phi cơ trực thăng quá ít so với số người còn kẹt, chưa được di tản kịp thời. Họ phải chen chúc và giành nhau từ chỗ ngồi khi họ leo lên mấy chiếc trực thăng cuối cùng trên nóc tòa đại sứ Mĩ. Đó là chưa kể đến số tướng tá người Việt thân Mĩ, họ cũng cần chạy sang Mĩ, hoặc thoát thân ra các nước tư bản nào khác để lánh nạn chánh trị.

Thật là khốn khổ và hết sức tủi thân cho họ trong những giờ phút hải hùng ấy. Vì lúc đó, nhất là bọn cố vấn Mĩ, họ chỉ cần lo cho bản thân thôi, có nhiều tên muốn xách theo một chiếc va li hoặc một cái cặp da mà cũng không được, đừng nói chi là đồ tế nhuyễn, của riêng tây mà họ đã vơ vét của đồng bào ta từ ngày họ mới đặt chân lên xứ sở này. Họ đi với mình không để được tiện bề thoát chết, nên họ phải bỏ lại tất cả, tha hồ cho dân chúng Sài Gòn hôi của trong các Building sau khi bọn cố vấn Mĩ bỏ chạy tháo thân.

Nhiều trẻ em Việt Nam vỗ tay cười họ: *Ê, ê! Tụi Mĩ bây giờ cũng biết chạy có cờ rồi đó ta...!*

Đó là cán cân quân sự chênh lệch quá xa: đế quốc Mĩ có cả trăm ngàn phần hơn trong khi Việt Nam chỉ có được một vài. Trường hợp hai bên vũ khí và quân số bằng nhau thì nói thế nào? Ta có thua họ chẳng là về mặt vũ khí và tiền bạc thôi, chớ về mặt chiến đấu chống xâm lăng thì cái tài đánh giặc của dân tộc Việt Nam là một nghệ thuật tuyệt vời, vô địch không ai sánh kịp. Trong những sự kiện xảy ra giữa ta và ba cường quốc: nhà Nguyên trên sông Bạch Đằng, thực dân Pháp tại Điện Biên Phủ và đế quốc Mĩ tại thành phố Hồ Chí Minh đã được chứng minh điều ấy.

Sự thất bại của đế quốc Mĩ đã gây ảnh hưởng tai hại nặng nề cho nền kinh tế xứ họ từ 1975 cho đến nay là 1987 mà vẫn chưa được phục hồi, đó là bài học Việt Nam rất sáng giá cho *Lầu Năm góc* và *Tòa Bạch cung* thuộc phe Cộng hòa làm tay sai cho bọn tài phiệt làm giàu tha hồ hốt của, và cũng từ đó nhà nước Hoa Kỳ ngày càng lún sâu vào vực sâu hố thẳm.

Đế quốc Mĩ, tay sai của bọn *lái súng*, đã mù quáng ném vào Việt Nam gần 400 tỉ đô la, ngót 50 ngàn nhân mạng lính Mĩ và hơn ba ngàn phi cơ đủ loại đã rơi rớt trên khắp chiến trường Việt Nam để được cái gì? Họ đã hoang phí vì chiến tranh ở Việt Nam quá nhiều như thế, nếu họ liệu chừng áp đảo được quân ta, họ đã chiếm đóng luôn cả muôn năm để làm oai với thế giới năm châu và cho xứng với cái công chọn đá thử vàng của họ, tội gì họ phải rút lui cho mất thể diện.

Ấy thế mà họ vẫn rút lui là nghĩa làm sao? Là vì họ liệu chừng không thắng nổi Việt Nam. Muốn thắng Việt Nam họ chỉ còn có nước dùng bom nguyên tử, nhưng họ không có cơ gì được áp dụng tới nước cờ liêu lĩnh ấy, vì Việt Nam không phải là kẻ đi xâm lược, mà là nạn nhân bị chính họ xâm lược.

Nếu đánh bằng vũ khí tầm thường theo chiến tranh cổ điển, họ sẽ bị khủng hoảng về cả ba mặt: *kinh tế, quân sự và chính trị* như họ đã từng ném mùi thảm bại trên chiến trường Việt Nam.

Đang đánh mà phải rút quân về, đương nhiên là họ đã chịu thua rồi, đâu còn cái lễ gì nữa.

Đã vậy, nếu bây giờ còn đặt ra vấn đề: *dân tộc nào đáng được mang danh anh hùng nhất thế giới?* Là một chuyện thừa. Chúng ta không cần phải tranh luận gì về điều ấy, vì việc làm của dân tộc Việt Nam đã thay cho lời nói kia rồi.

2. ĐƯỜNG ĐI LÊN TRỜI BAO XA?

Hỏi tôi còn bé, vào khoảng 15, 16 tuổi gì đó, thấy tôi có chút thiên tư, có nhiều ý kiến mới lạ, ông kia bà nọ các cơ hay hỏi mắc tôi:

– *Cháu có biết đường từ đây lên trời bao xa không?*

Tôi trả lời chắc chắn là ba ngày rưỡi. Người ta hỏi tôi căn cứ vào đâu mà dám quả quyết như vậy? Tôi không trả lời theo câu hỏi ấy, còn hỏi vặn lại:

– Theo lệ hằng năm ngày 23 tháng chạp, các ông các bà có mua sắm cò bay ngựa chạy và chè xôi bánh chuối thật nhiều để tiễn đưa ông Táo về trời, rồi đến đêm 30 Tết lại phải chuẩn bị làm lễ đón rước ông Táo từ trên thượng giới trở về, thưa có phải vậy không?

Ai nấy đều nhìn nhận rằng có. Nhân đó, tôi mới có cơ để kết luận câu chuyện bằng một lối giải đáp hẩn hoi, không ai có thể bác bẻ gì được:

– Từ hăm ba đến ba mươi chạp chạy theo lộ trình của các vị Táo quân mà các ông các bà đã sắp xếp cuộc đưa rước ông Táo: bận đi ba ngày rưỡi, bận về cũng ba ngày rưỡi, vừa *khứ* vừa *hồi* vị chi là bảy ngày cả thảy, có phải thế không thưa các ông các bà?

Không một ai chối cãi gì được. Điều đó được chứng tỏ rằng các ông các bà người lớn đã mặc nhiên công nhận lập luận của tôi đúng

với tinh thần cố hữu theo lí tưởng của người phương Đông, chứ còn gì nữa.

Nhưng đây chẳng qua là chuyện bên Tàu từ thuở xa xưa, tự họ bày về những chuyện thần thánh hoang đường, rồi người mình bắt chước làm theo lâu ngày thành tục; chứ vũ trụ thì mình mong vô tận, có nhiều vì sao cách xa quả đất chúng ta đến những hàng tỉ năm ánh sáng (année de lumière), mà theo tốc độ ánh sáng, mỗi giây đồng hồ là 300.000 km, thử hỏi làm gì có chuyện đường đây lên trời vừa đi vừa về chỉ có bảy ngày.

3. MỘT CUỘC ĐẤU TRÍ SO TÀI GIỮA MỘT QUAN HUYỆN VỚI MỘT CẬU HỌC TRÒ 15, 16 TUỔI

Dưới thời Pháp thuộc tại tỉnh Đồng Nai có một quan huyện tên Tạ Đình Hách. Tánh tình và cử chỉ của ông ta cũng rất phù hợp với tên tuổi của ông ta. Vốn người khoa bảng xuất thân, đậu cử nhân dưới trào Tự Đức (1829-1883), ý mình là kẻ chức trọng quyền cao, nên coi thiên hạ chẳng ra gì.

Một ngày nọ có một cậu bé khoảng 15, 16 tuổi, nghe tiếng huyện Hách, cậu bèn tìm tới nô đùa trước dinh để dò xem thái độ, coi ông ta là người thế nào mà thiên hạ có lời đồn đại không mấy tốt đẹp về ông ta. Thấy một thằng bé lạ mặt dám ngang nhiên đến chơi trước cổng dinh của mình, ông ta coi đó như một điều phạm thượng, bèn hất hàm hỏi:

– Ê thằng nhóc con kia! Mi là con nhà ai, mi làm gì mà dám đến biểu diễn pha trò trước dinh ta?

Cậu bé mạnh dạn trả lời:

– Tôi là con của cha mẹ tôi, và là học trò của thầy tôi.

– À ă! Mi đã tự xưng là học trò, vậy để ta cho ra một về “xuất” nếu mi đố được, ta tha cho, bằng không ta sẽ đánh đòn.

– Thì ông cứ ra, tôi sẽ cố gắng xem sao.

Huyện Hách liền đọc lên về xuất:

– *Học trò là học trò con, quần áo lon xon là con học trò... !*

Cậu bé ứng khẩu đối ngay:

– *Ông huyện là ông huyện thẳng, ăn nói lằng xằng là thẳng ông huyện...!*

Huyện Hách sững sờ, vì không ngờ một thằng bé miệng còn hôi sữa mà tài tình đến thế. Về đối ấy tuy có vẻ hỗn hào đối với người có tuổi, song đối rất chỉnh từng chữ một, nên không bác bỏ vào đâu được. Bị bẻ mặt, huyện Hách bèn kiếm cách trả đũa, may ra có vớt vát phần nào. Ông ta nói:

– Khá lắm, khá lắm! Người đã có tài ứng khẩu như vậy hẳn là người cũng có thừa khả năng cộng hai con số 9 thành ra đáp số 15.

Không cần phải suy nghĩ lâu la, cậu bé trả lời ngay:

– Tưởng chuyện chỉ rằng khó, chứ chuyện đó quá dễ dàng đối với tôi. Hai con số 9 của ông, tôi lật ngược một con cho nó thành số 6, rồi sáu đem cộng với chín ra đáp số 15, chứ có gì đâu.

Huyện Hách trợn trừng kinh hãi, không dè một thằng bé ăn mặc như đứa chăn trâu, mà nó lại là một vị thần đồng, có tài vượt trội hơn mình, ông ta bèn thay đổi thái độ:

– Cháu có tài đáng được trọng thưởng. Vậy bây giờ cháu có cần gì, ta sẵn sàng cho.

Lúc đó cậu bé cũng khiêm nhường đáp lại:

– Thưa ngài, cháu không mong muốn gì hơn, vừa rồi ngài đã đem ra con số 15 để thử thách cháu, thì giờ đây, cháu cũng xin mạn phép được nêu ra con số ấy để nhờ ngài góp ý cho vui.

Nghe cậu bé nói tới chuyện ấy, huyện Hách ngán ngẩm như com nếp nát, nhưng không lẽ từ nan, bèn miễn cưỡng trả lời:

– Chưa chắc ta có làm nổi hay không? Nếu không, ta sẽ học lại ở khối óc phi thường của cháu cũng chẳng có sao. Xưa kia, đức Khổng Tử là bậc thông minh tài giỏi hơn đời, được thiên hạ suy tôn vào bậc

vạn thế sư biểu, thế mà khi gặp Hạng Thác, một trẻ em mới có bảy tuổi, ngài còn phải... nhượng bộ kia mà.

– Thưa ngài, con đâu dám nghĩ đến điều ấy, cuộc gặp gỡ giữa con và ngài hôm nay, bất quá là một cuộc trao đổi ý kiến để tháo gỡ một vài con toán kì diệu mà thôi.

– Vậy cháu cứ nêu ra thử xem, nếu có chỗ nào khó hiểu thì chúng ta cùng chung góp ý với nhau.

Cậu bèn nêu ra một bài toán cộng lạ lùng, xưa nay chưa từng nghe ai nói đến:

– Thưa ngài, tất cả có 10 con số, ngài chỉ chưa có con số 0, còn từ số 1 đến số 9, ngài sắp thành một hình vuông: bề ngang ba hàng, bề đứng cũng ba hàng. Rồi thì tùy ý, ngài muốn đặt con số nào vào đâu cũng được, miễn sao cộng ngang cộng dọc, cộng đứng, cộng xiên, cộng bề nào cũng ra con số 15 là được.

Huyện Hách bèn bắt tay vào việc với một thần sắc lo âu. Ông ta sắp đi sắp lại và cộng hoài cộng mãi cho đến xế chiều, mà vẫn tìm chưa ra đáp số 15. Để rồi cuối, ông ta đành phải chào thua.

Bây giờ tới lượt cậu bé theo thứ tự hàng ngũ cho ông ta xem như sau đây:

$$\begin{array}{ccc} 4 & 9 & 2 = 15 \\ 3 & 5 & 7 = 15 \\ 8 & 1 & 6 = 15 \\ 15 \swarrow \uparrow & \uparrow & \uparrow \searrow 15 \\ & 15 & 15 & 15 \end{array}$$

Rồi cậu bé còn đọc thiệu theo môn nhà võ cho ông nghe:

- *Thượng tứ, trung tam, hạ bát tiên*
- *Cửu long ngũ hổ trấn nhứt biên*
- *Nhị nhon thất tướng hồi lục bộ*
- *Tứ hải, tam sơn tùng bát mẫu*

- *Cửu long ngũ hổ địch nhơn*
- *Nhị nhơn thất tướng phò lục quốc*

Huyện Hách bây giờ mới thật tỉnh phục lẫn thẳng bé đáng tuổi con cháu của mình, vì một khi nó đã sắp theo công thức ấy, cộng bề nào mà chẳng ra con số 15. Bèn hỏi lần ra mới biết cậu ấy là *Phan Văn Trị*, người làng Hanh Thông Tây quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định. Sau này trở thành bạn chí thân của các nhân vật chống Pháp như các cụ: Thủ Khoa Huân, Đỗ Chiêu, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực v.v...

Ông đồ cử nhân vào năm Tự Đức thứ hai, nhưng không chịu ra làm quan, ở nhà dạy học và lấy nghề bốc thuốc làm kế sanh nhai. Người đồng thời quen gọi ông là ông *Cử Trị*, rất nổi tiếng về mặt văn thơ, nhất là 10 bài họa liên hoàn và hai bài *Tôn phu nhơn qui Thục*, *Từ thứ qui Tào* đối lập với ông Tôn Thọ Tường rất được sĩ phu trong nước hoan nghênh nhiệt liệt.

Nói về huyện Hách sau khi chạm trán với cậu bé Trị, ông ta giật mình tự giác, nhận thấy kiến thức của mình còn thua một đứa học trò 15, 16 tuổi, thế mà chưa chi đã vội khinh đời, quả là lỗ bịch. Ông ta rất lấy làm xấu hổ, bèn treo ấn từ quan, lui về một nông trang trong miền sơn cước để được tu tâm dưỡng tánh và an phận với cuộc đời dân dã trong khoảng vẻ chiều.

Kẻ có lỗi mà không có gan nhìn lỗi, cái ấy mới là đáng trách. Người thấy mình sai mà dám sửa sai, có chí phục thiện như ông huyện Hách thật là đáng kính. Nhưng trong đám quan trường hỏi có mấy ai được như ông này?

Đốt đuốc mà tìm cũng khó tìm ra.

4. ĐÀN BÀ ĐỂ... ĐÀN ÔNG ĐAU.

Từ thuở xa xưa cho đến bây giờ, dù người không tin hay tin rằng có ông trời, mỗi khi có chuyện chi thắc mắc, hoặc việc gì xảy đến một cách bất ngờ, thì ai cũng buột miệng kêu lên hai tiếng: *Trời ơi!*

Hai tiếng ấy không ai bảo ai, mà là từ cửa miệng loài người đã đột nhiên kêu lên như thế. Căn cứ vào sự kiện ấy, những người có óc thần quyền mới có cơ vững tin là có *ông trời*. Nhưng khi hỏi ông trời ở đâu, thì không thấy ai trả lời thế nào cho chính xác.

Hỏi tôi còn nhỏ tôi thường nghe các ông già bà lão nói chuyện đời xưa. Trong số có một chuyện khá vui tai, vậy xin mạn phép được kể lại cho bà con nghe chơi, để bà con có dịp suy gẫm và có ông trời thật sự một trăm phần trăm, hay chỉ có trong những bộ óc giàu tưởng tượng.

Câu chuyện đại khái thế này: hồi mới tạo thiên lập địa, giữa ông trời và người thế gian gần gũi và thân thiện nhau lắm. Có lẽ đường lên trời hồi xưa không xa xôi mấy và đường giao thông cũng thuận tiện lắm sao, mà hằng ngày người phàm kéo lên chật ních cửa cổng nhà trời, kẻ khiếu nại việc này, người đòi hỏi việc khác với đủ thứ chuyện rắc rối linh tinh, làm cho ông trời lắm lúc phải điên đầu nhức óc, không còn có thì giờ nghỉ ngơi, nên ngài phải đóng cửa văn phòng, rồi ẩn mặt một nơi nào khác, không ai tìm thấy ngài đâu. Từ đó, đường đi lên trời kể như không còn có nữa.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng đức *Ngọc hoàng* (tức ông trời) cũng xuống thế gian một lần, năm mười bữa hay nửa tháng gì đó, ngài ngự tại một cù lao kia, để giải quyết ổn thỏa cho người thế gian một số chuyện linh tinh gì đó. Qua một đợt thấy êm êm, ngài thăng về thiên đình nghỉ xả hơi, một thời gian để lấy lại sức khỏe, rồi mới trở xuống cõi phàm để tiếp tục công việc theo như thường lệ.

Thuở ấy, tại một làng kia, có một người đàn bà, bởi là con thứ ba trong một gia đình trí thức và có nhiều ý kiến mới lạ nên người đồng thời mới xưng tụng bà cái danh hiệu: *Bà Ba tiến bộ*. Khi nghe tin có đức Ngọc hoàng giáng hạ tại một cù lao kia (gần vùng bà ở), bà bèn triệu tập một cuộc hội họp gồm đủ các giới phụ nữ trong vùng bà ở để bà nêu ra ý kiến.

– Mỗi lần sanh con, chúng ta phải mang bụng chứa suốt trong

9 tháng 10 ngày, rất là khổ nhọc, vì chẳng khác những người vượt biển ra khơi, rất là nguy hiểm. Trong khi người sản phụ đang quần quai rên xiết đau thương trên giường đẻ, thì bọn mày râu lại nhón nhơ sung sướng như người vô sự, gần như không biết gì tới những nỗi hiểm nguy của người vợ hiền mang nặng đẻ đau. Điều đó thật là bất công. Nay sẵn dịp có đức Ngọc hoàng vừa mới hạ giáng bên cù lao, tôi muốn chị em nên cử người đại diện đến đó để khiếu nại về vụ này, may ra đức Thượng đế nghĩ có thương tình mà sang cái *đau* cho người đàn ông phải gánh chịu, thì đỡ khổ cho chúng ta biết chừng nào. Vậy trong các chị em chúng ta, ai có ý kiến chi hay hãy cứ nêu ra, để được cùng chung bàn bạc xem thử thế nào?

Sau một cuộc thảo luận ngắn ngủi, toàn thể hội nghị đều đồng ý tán thành ý kiến của Bà Ba tiến bộ và đề cử bà làm đại diện đi yết kiến Ngọc hoàng để trình bày về vụ này. Cuộc tranh đấu của Bà Ba tiến bộ được kết quả theo như mong ước với những lời phán của đức Ngọc hoàng như sau đây:

– Được! Ta sẵn sàng chấp thuận theo sự đòi hỏi của các bà: Kể từ nay trở đi, người sản phụ khi cho đứa bé ra đời, khỏi có đau đớn rên la chi hết, vì đã có người cha góp phần máu huyết để tạo ra nó, dĩ nhiên người ấy phải có bốn phần đau thay cho mẹ nó.

Bà Ba tiến bộ vui mừng không xiết kể, bèn lay tá Ngọc hoàng rồi vội vã trở về để có báo tin. Bà Ba được các giới phụ nữ ca tụng hết mình, vì nhờ sự tranh đấu khôn khéo của bà, mà các người sản phụ từ đây không còn sợ hãi lo âu khi sắp lâm bồn. Họ bèn mở tiệc liên hoan để ăn mừng cho sự thắng lợi của hàng phụ nữ. Lại được có mấy bà mệnh phụ phu nhân đến dự, tiệc liên hoan nhờ đó được thêm phần long trọng.

Giữa lúc các bà, các cô đang vui cười hỉ hả với nhau, bỗng có một bà trong tiệc tới ngày sanh nở, đứa hài nhi được ra đời một cách êm ái ngon lành. Rất tiếc người “*đau*” không phải ông chồng chánh thức của bà, mà trái lại là cái ông hàng xóm nhà ở bên cạnh lại ôm bụng kêu trời như bộng.

Sự việc xảy ra một cách đột ngột bẽ bàng: người sản phụ bị chồng ruồng rẫy đủ điều tiếng bác tiếng chi, còn cái ông hàng xóm lại bị vợ ghen bằng những lời móc hông xuyên tạc, vì trong khi bà kia sắp sửa cho đứa bé chào đời, thì ông ta cũng bắt đầu lăn lộn kêu la thảm thiết.

Do đó mà một cuộc hội họp bí mật khẩn cấp được diễn ra ở ngay trong buồng gôi của *Bà Ba tiến bộ*, vì đây là một cuộc họp riêng của mấy bà, mấy cô đang có chuyện tâm tư thầm kín... cần phải bàn đi tính lại coi phải đối phó cách nào trước tình thế ấy? Cuối cùng buổi họp là một quyết định: đề cử *Bà Ba tiến bộ* phải cấp tốc đi tìm Ngọc hoàng để xin rút lui ý kiến, nghĩa là yêu cầu Ngọc hoàng hãy hủy bỏ quyết nghị trước: từ đây ai đẻ nấy đau, không cần phải nhờ ai đau thế. Nhưng khi *Bà Ba tiến bộ* tới nơi thì đức ông Ngọc hoàng đã thăng về trời từ lúc nào rồi.

Các bạn hãy xem lại cái câu phê phán của Ngọc hoàng trong đó có ẩn ý gì về mấy lời này: *vì đã có người cha góp phần máu huyết tạo ra đứa bé*. Theo đó thì có nghĩa rằng: người đàn ông nào có liên hệ mật thiết với mẹ đứa bé thì phải chịu “đau” thay cho mẹ nó. Nếu *Bà Ba tiến bộ* và các bà các cô trong hội biết được thâm ý của đức ông Ngọc hoàng như vậy thì tội gì phải tổ chức một tiệc “*liên hoan*” linh đình rầm rộ ăn mừng để rồi các bà, các cô ngán người và ngơ ngác nhìn nhau khi cuộc “*ái ân thâm vụng*” giữa hai người kia bị đổ bể ra.

5. TÂY MÔN BẢO VÀ VỤ HÀ BÁ CƯỚI VỢ

(Đây là một chuyện cổ tích bên Tàu trong thời Chiến quốc)

Nghiệp đô là một phần lãnh thổ của nước Ngụy và cũng là một biên ải quan trọng, vì nó tiếp giáp với hai nước: Hàn, Triệu. Để được vững an bờ cõi, Ngụy hầu cần một hiền tài. Tây Môn Bảo là một nhân vật có tiếng *thanh, cần, mẫn, cán*, nên được nhà vua phong làm Thái thú cho ra trấn thủ nơi hiểm địa ấy.

Khi đến nơi, Tây Môn Báo để ý quan sát thì thấy chất đất khá phì nhiêu, khí hậu cũng điều hòa tươi tốt, nhưng lạ sao dân cư lại nghèo nàn thưa thớt, có nhiều nền nhà bỏ trống, và trông vào nét mặt của bọn thường dân, không mấy ai được có sắc thái vui tươi. Nhìn quang cảnh chung thì rất tiêu điều xơ xác.

Quan Thái thú Tây Môn Báo bèn dò la thăm hỏi, thì có mấy vị kì lão lên rí tai cho ngài được biết:

– Dân chúng ở đây rất khổ sở vì cái nạn «*cưới vợ cho Hà Bá*». Mấy ngôi nhà bỏ trống đó là những gia đình có con gái đẹp, vì sợ bị bắt làm vợ Hà Bá, nên phải bỏ nhà trốn đi xứ khác.

Quan Thái thú ngạc nhiên hỏi: Hà Bá là cái gì. Tại sao bà con ở đây lại phải cưới vợ cho hắn?

Vì sợ e tai vách mạch rừng, nên các vị kì lão phải nói thật khẽ vừa đủ ngài nghe thôi:

– Số là sông Chương Thủy bắt nguồn từ Cô Linh, qua La Thành rót xuống Nghiệp đô, ở đây quen gọi là sông Chương Hà, mà Hà Bá là vị thần của con sông ấy. Hà Bá lại thích vợ đẹp, nên mỗi năm dân chúng Nghiệp đô phải nộp cho thần một cô gái đẹp; nếu không thần sẽ dâng nước lên, cửa nhà ngập lụt, thì của cải, súc vật, mùa màng sẽ bị nước lũ cuốn trôi đi hết.

– Làm sao biết được Hà Bá đòi cưới vợ?

– Thưa, đó là bọn đồng cốt ứng lên nói thế. Vì quá sợ cái nạn lũ lụt, nên bà con dân chúng phải tin. Bọn hào trưởng toa rập với lũ đồng cốt, bắt dân chúng ở đây mỗi năm phải đóng góp đến hàng trăm vạn quan để chi phí về vụ cưới vợ cho Hà Bá.

– Bọn chúng dựa vào thần quyền, bày chuyện lơ lửng, móc túi dân một cách trắng trợn như thế, sao bà con ở đây không nổi lên phản kháng?

– Bọn đồng cốt phù thủy kết hợp với bọn hào trưởng chánh quyền địa phương rất có thể thần đối với cấp trên, chúng tôi còn biết kêu

cứ vào đâu, nên đành phải chịu ẹp một bề. Vì vậy, mỗi kì tới hạn đầu năm, hề thấy nhà ai có con gái đẹp, thì bọn chúng rêu rao đánh tiếng, đại khái rằng là: *cô ấy đáng được tuyển chọn làm Hà Bá phu nhân v.v...* Nếu có lo lót đúng mức, chúng sẽ có cách tha cho. Gia đình nào không khéo tính chuyện “*phải quấy*” với chúng, thì cô gái nhà ấy ắt không khỏi bị thả bè trôi sông để đi làm vợ cho thần Hà Bá.

– Lễ tân hôn của thần Hà Bá, bọn họ tổ chức như thế nào?

– Chúng dựng lên một nhà trai cúng bên bờ sông Chương Hà, mua sắm lễ vật các thứ, rồi chọn ngày lành tháng tốt cho cô gái tắm gội sạch sẽ, đoạn đưa nạn nhân xuống một chiếc bè kết bằng chuỗi cây rồi thả trôi sông.

– Đồ cúng tế gồm có những gì?

– Ô, nhiều lắm! Nhiều vô số kể, nào heo bò gà vịt, nào chè xôi bánh mứt và đủ thứ trái cây trong mùa, món ngon vật lạ chẳng thiếu thức gì. Nhưng tất cả đồ ấy đều do dân chúng Nghiệp đô cung cấp. Bọn họ chỉ có mua hương đăng, trà quả và một ít đồ lặt vặt gọi là cho có mà thôi.

– Cúng tế xong, đồ ấy ai ăn?

– Thưa ngài, theo lời chúng nói: đồ ấy đã cúng cho thần Hà Bá thì chỉ có Hà Bá mới có quyền ăn.

– Bụng Hà Bá bộ to lắm sao mà ăn khỏe dữ vậy. Các ông các bà có dịp nào được nhìn thấy tận mắt vị thần Hà Bá đang ăn đồ ấy hay không?

– Thưa, chúng tôi chỉ nghe họ nói với nhau đại khái thế thôi. Chớ chỗ họ cúng tế rất là nghiêm mật, nào ai dám léo hánh lại gần mà được nhìn thấy vị thần Hà Bá mặt mũi ra làm sao mà biết thần có ăn, hay bọn họ xúm nhau ăn hết rồi đổ thừa cho thần Hà Bá?

Quan Thái thú nghe nói thế thì ngài thở dài, ngừng một chập ngài lại hỏi:

– Khi đưa cô gái xuống bè để đem nạp cho thần Hà Bá, có ai tiễn đưa không?

Các vị kì lão dòm chừng coi có ai không rồi mới dám nói:

– Thưa ngài, có chứ, thường là một tên hào trưởng có thể thần nhất trong năm được bè đảng để cử làm đại diện với danh nghĩa thay mặt toàn thể dân chúng Nghiệp đô đem cô gái đi nộp cho thần Hà Bá.

– Tên đại diện ấy có được trở về hay đi biệt luôn?

– Thưa, có người đi hồi sáng sớm đến xế chiều đã thấy trở về, có người vắng mặt đến hai ba hôm.

Tây Môn Báo gục gặc đầu với một nụ cười khó hiểu, rồi bảo:

– Khi nào sắp đáo lệ cưới vợ cho Hà Bá, các ông các bà nhớ báo tin cho hay trước ít nhất cũng năm, mười bữa nghe.

Chẳng bao lâu lệ ấy đáo kì, quan Thái thú Tây Môn Báo khăn áo chỉnh tề đến nơi hành lễ, bọn hào trưởng giới thiệu một bà đồng cốt đã già, có vẻ mặt hiu hiu tự đắc. Theo sau bà này có hơn hai mươi nữ đệ tử, chúng may y phục đủ màu ngũ sắc: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen, mỗi đứa bưng một bình hương, đi đứng rập ràng, trông có vẻ linh thiêng huyền bí lắm. Quan Thái thú nói với bà đồng:

– Ta muốn xem mặt cô gái kì này, coi có xứng làm vợ thần Hà Bá hay không?

Bà đồng cho dẫn ra một cô gái không đẹp lắm, hai hàng nước mắt lã chã tuôn rơi trông rất thảm thương. Quan Thái thú nhìn sơ qua rồi lại lắc đầu, nói với bà đồng:

– Không được! Nàng này nhan sắc quá tầm thường, không xứng ngôi vị với thần Hà Bá. Vậy ta phiền bà xuống tận thủy cung trình với thần Hà Bá, cho ta khát lại vài hôm, để ta có thì giờ chọn cô gái khác đẹp hơn...

Trong khi cô gái nạn nhân mừng không kể xiết, vì kể như mình

sẽ chết, may nhờ có vị cứu tinh giải thoát cho nàng, thì mù phù thủy lại xanh máu mặt, nhưng bà ta chưa kịp thừa thốt một lời nào đã bị bọn tả hữu của quan Thái thú lôi đầu ném xuống sông.

Bè lũ ác ôn thấy nguy cơ sắp đến, đứa nào cũng toan tìm cách thoát thân, song không một tên nào thoát khỏi vòng vây, vì quan Thái thú đã tiên liệu tất cả những gì của chúng, nên ngài đã cho bố trí trước rồi.

Trông vào nét mặt của quan Thái thú coi như có vẻ vô tình, vì ngài vừa đi đi lại lại, vừa nhìn xuống sông như có vẻ nóng lòng chờ đợi... tin tức của *bà đồng*. Nhưng sự thực thì ngài đang theo dõi một người đàn em của *bà đồng* có bản mặt rất là kèn kiệu, và theo tin mà ngài được biết thì nàng ấy có thể là kẻ kế vị bà đồng, vì nàng rất thông minh lanh lợi, được *bà đồng* tin cậy nên bất cứ khi có chuyện chi cần truyền xuống cho đám đệ tử, *bà đồng* đều ủy thác cho nàng.

Sau một chập nhìn xuống sông Chương Hà khá lâu, quan Thái thú day lại nói thẳng với nàng ấy:

– *Bà đồng* già lắm lắm, ăn nói không khéo liệu lời, nên này giờ ta chờ đã lâu mà chưa thấy trở về, có lẽ là không nên việc hay sao ấy. Ta thấy cô em là người có khiếu thông minh bất thiệp, có thể liệu lời xoay trở trong khi tiếp xúc với thần Hà Bá. Vậy, cô em hãy vì lợi ích chung chịu phiền xuống đó tiếp tay tiếp sức với bà đồng, nhờ em may ra mà được xong việc thì tốt biết bao. Sau khi trực tiếp điều đình với thần Hà Bá, kết quả thế nào, cô em tức tốc trở về, báo tin mừng cho ta được biết, vì ta đã sốt ruột lắm rồi.

Nàng ấy hoảng sợ, kêu thóc thảm thương, nhưng cũng không khỏi cùng chung số phận với mù phù thủy đầu sỏ của nàng. Tiếp theo đó, còn ba nàng nữa đi châu Hà Bá. Làm cho tất cả đám người mê dân hoặc chúng (tức là *bọn hào trưởng* và *bọn đồng cốt*) đều phải sáng sốt kinh hoàng vì những tội lỗi của mình.

Trong khi đó, quan Thái thú lại đặc biệt chú ý đến một tên hào trưởng oai quyền nhất xứ, vì đã có nhiều người mách tin cho ngài

được biết: lão ấy là kẻ có đầy đủ thẩm quyền định đoạt trong việc chọn người nộp cho Hà Bá. Nhà nào muốn khỏi, không những lo lót của tiền thật đậm, cô gái nhà ấy còn phải hiến thân cho lão được thỏa mãn dục vọng mới là êm chuyện. Vì là kẻ có thế thần, lão tha hồ làm mưa làm gió, sống trên đau khổ của dân chúng Nghiệp đồ, thì ba cô gái cung tuyết đẹp của lão vẫn sống yên trên nhung lụa vàng son trong một cửa quyền thanh thế, *nào ai dám thốt ra tiếng phân bì: sao không đem nộp cho thần Hà Bá?*

Tây Môn Báo giả vờ như không hay biết gì về các chuyện ấy trong gia đình lão, bèn mở lời ướm thử:

– Nếu sự hiểu của ta không lầm thì ở Nghiệp đồ này còn có nhiều cô gái rất đẹp, nhưng chưa có cơ hội may mắn được tuyển làm Hà Bá phu nhân. Vậy, để ta cho người đi lục lọi kiếm tìm thử xem. May ra được có cô nào thật đẹp, ta phải cho đem nạp thần Hà Bá trong ngày hôm nay. Nếu không ta e sẽ có chuyện chẳng lành, vì như chính ông đã thấy: từ sớm tới giờ ta đã cho người đi điều đình bao nhiêu lượt, mà vẫn chưa thấy âm hao chi hết, khiến cho ta ngồi đứng không yên.

Vị hào trưởng đầu đàn cảm thấy sẽ có chuyện không may có thể xảy tới cho ba cô gái của mình, bèn xung phong làm hướng dẫn viên, nhưng quan Thái thú đã có cách chặn lại.

– Ông ngồi đây nói chuyện với ta cho vui, cứ để mấy tên sai nha của ta đi làm lấy cũng được.

Dù lão ta có mưu mô tránh trút thế nào, việc phải đến là nó sẽ đến, vì một chặp sau đó lão đã thấy linh dẫn ba đứa con cung của mình về trình quan Thái thú. Tây Môn Báo lại vờ như không biết:

– Cha chả! Con nhà ai mà đẹp thế này. Vậy mà bấy lâu nay người ta lại yểm đi, không để cho mấy cô này được dự vào các cuộc tuyển chọn làm *Hà Bá phu nhân*, thật là tội nghiệp.

Dứt lời, ngài trở vào cô gái sắc sảo nhất mà nói:

– Cô này rất xứng đáng được làm vợ thần Hà Bá, ta tiến cử cô này, chắc thần sẽ bằng lòng lắm.

Cô gái bị chỉ định khóc suốt suốt, bèn cầu cứu nơi cha. Nhưng tên hào trưởng ác ôn đang chết điếng kia rồi, chính bản thân lão, lão còn chưa biết rồi sẽ ra sao, mong gì giải cứu cho con. Tuy nhiên, lão cũng còn tìm cách cầu may.

– Bẩm quan Thái thú, cô gái này là con đầu lòng của tôi, xin ngài mở lượng biển trời, miễn cho nó được khỏi làm vợ thần Hà Bá. Nếu gia đình tôi được ngài ban cho cái ân huệ ấy, tôi sẽ cho cả ba chị em chúng nó về làm tì thiếp hầu hạ ngài cho đến suốt đời để đáp tạ ơn ngài.

Nếu quan Thái thú là một loài sâu bọ nổi lên làm người, khi được nghe tên hào trưởng ác ôn đề ra như vậy, thì còn chi thỏa thích cho bằng. Nhưng không may cho hần gặp Tây Môn Báo là một ông quan rất mực thanh liêm, hết lòng vì dân vì nước, không hề có những tham vọng riêng tư, nên khi hần toan dùng mẹo nhân kế để lung lạc ngài, đã chẳng được ngài lấy đó làm vui, còn bị ngài khinh bỉ và chán ghét thêm là khác. Tuy nhiên, ngài vẫn giữ được thái độ bình thân để nói chuyện nghiêm chỉnh với hần:

– Sự việc đâu có đơn giản như ông dự tính, vì bao nhiêu lời lẽ mà ông đã nói với ta từ này đến giờ thì vị thần Hà Bá dưới sông Chương Hà đều hay biết cả. Nếu chúng ta tự tiện làm theo ý muốn, chúng ta sẽ mang tội bất kính đối với thần thánh. Để tránh sự gì đáng tiếc có thể xảy ra, tốt hơn hết là ông phải đích thân xuống đó, để trực tiếp điều đình với thần Hà Bá, nếu được ngài đồng ý nhường vợ cho ta, thì ta mới có thể chấp nhận đề nghị của ông vừa nói.

Ba cô gái thấy cha mình sắp bị liệng xuống sông thì rập đầu cúi lạy xin tha, nhưng không thể được, vì quan Thái thú vẫn thi hành theo ý định. Sau khi cho tên hào trưởng đầu đàn đi châu Hà Bá, quan Thái thú mới quay lại nói với ba cô:

– Nếu cần, ba cô hãy theo cha xuống đó, biết đâu vị thần Hà Bá

dưới sông Chương Hà chẳng nề tình ba cô mà có một cách xử đẹp với một nghi lễ vô cùng trọng hậu trong việc đón tiếp ba cô.

Nghe quan Thái thú ra điều bằng một câu “quí khóc thần sầu” như vậy thì ba cô hồn vía lên mây, bèn phải vội vã với ba chân bốn cẳng mà rút lui cho có trật tự.

Xong vụ tên hào trưởng đầu đàn, lúc bấy giờ quan Thái thú mới có thời giờ nói chuyện với bọn hào trưởng đàn em:

– Nếu người đàn anh của các ông biết cách thuyết phục được thần Hà Bá thì tốt lắm. Bằng không, ta còn có một biện pháp khác thần diệu hơn, chắc chắn sẽ được thành công, đó là tới lượt các ông. Nhưng lần này, ta không sai đi lễ tế như từ sớm đến giờ, mà là ta sẽ cho đi cả tập thể gồm tất cả các ông và bên đông cốt. Nói cách khác cho rõ ràng hơn là cuộc đi lần này có tánh cách phản công quyết liệt, chứ không phải quí lụy cầu xin như trước.

Thế cho nên, chúng ta cần phải có một lực lượng hùng hậu, khả dĩ áp đảo được tinh thần Hà Bá, bắt buộc ông ta phải chấp nhận cuộc điều đình hợp tình hợp lý của chúng ta, không được làm khó làm dễ, đòi hỏi lời thôi gì nữa.

Nghe quan Thái thú nêu ra cái chuyện “động trời” như thế, thì bọn chúng đều hồn phi phách tán, muốn chạy đi trốn, nhưng trốn đâu cho khỏi với bốn phía vòng vây bố trí của quan Thái thú rất là chặt chẽ. Hỡi ôi, Hà Bá là cái quái gì? Bấy lâu chỉ nghe bà đồng nói sao hay vậy, chứ nào ai có biết vị thần Hà Bá, có thật hay là không có. Nhưng giờ này, mọi việc tác tệ đã được phơi bày ra trước ánh sáng, bọn họ còn biết ăn làm sao, nói làm sao với quan Thái thú?

Cuối cùng, không còn có cách nào hơn, cả bọn chúng chỉ còn có nước rạp đầu cúi lạy huyền thiên bất tận, kêu khóc thiết tha để mà chạy tội:

– Trăm lạy quan Thái thú, ngàn lạy quan Thái thú, mở lượng hải hà minh xét cho chúng tôi nhờ.

Thưa ngài, mọi việc đều do bà *đồng* bày chuyện, vẽ chuyện, chúng tôi vì quá sợ bị thần Hà Bá trách phạt, nên mỗi khi bà *đồng ứng lên* nói gì, bảo gì, chúng tôi đều phải nhất trí tuân theo, không ai dám bàn đi tán lại chi hết. Vì quá tin nơi bà *đồng* mà giờ đây, chúng tôi phải chịu vạ lây, chớ thật ra chúng tôi nào ai có biết Ất, Giáp gì đâu. Vậy cúi xin ngài Thái thú rộng lượng thứ tha, đừng bắt chúng tôi liệng xuống sông mà phải chết oan và phải bỏ vợ bỏ con thân sơ thất sở, tội nghiệp cho chúng tôi lắm ngài ôi!

Tây Môn Báo điểm vào mặt chúng quát lên:

– Các ngươi là người trong guồng máy chánh quyền ở địa phương này, có nhiệm vụ bảo vệ tài sản và sanh mạng cho nhân dân. Thế mà khi bọn *đồng cốt* bày chuyện dị đoan, các ngươi đã không lo việc bài trừ và giáo dục quần chúng cho khỏi bị lầm tin những chuyện hoang đường ma giáo, các ngươi còn đồng lõa với bọn phù thủy bịp bợm để được chia phần bóc lột. So với bọn phù thủy, các ngươi cũng cùng một loại sâu dân một nước như nhau, có tốt gì hơn đâu mà các ngươi lại giả hàm ngụy biện đổ thừa cho chúng?

Dứt lời, quan Thái thú cho bọn này tạm thời tập trung vào một nơi riêng biệt, để rồi ngài sẽ có một quyết định tối hậu.

Đồng thời ngài cho triệu tập quần chúng đến tại trước dinh để nghe ngài giải thích, vạch rõ những mưu mô, thủ đoạn của bọn cửa quyền ma giáo đã bịp dân bằng những hình thức thế nào. Khi đó, dân chúng Nghiệp đô mới được sáng mắt... thì ra các cô gái bị gán cho cái danh nghĩa làm vợ Hà Bá từ bấy lâu nay đều bị các tên hào trưởng ác ôn thay phiên nhau hưởng lạc trên thể xác của các nàng xuân nữ.

Vậy thử hỏi những việc gì đã xảy ra khi chiếc bè trôi trên giữa dòng sông vắng lặng, mà trên đó chỉ có hai người: một bên là một tên hào trưởng mang danh đại diện thay mặt dân chúng Nghiệp đô đem cô gái đi nộp cho thần Hà Bá, một bên là cô gái hiền lành chất

phác, vậy ai là nạn nhân bị cưỡng bách, ai là kẻ có quyền hành động... ngoài vòng pháp luật?

Đây có phải chăng tên Hà Bá bằng xương bằng thịt một trăm phần trăm, sau khi vùi hoa dập liễu trải qua bao trận mây mưa toi bởi hoa lá, rồi xô nạn nhân xuống sông phải bị chết chìm... cho mất tích luôn? Đến như vị thần Hà Bá dưới sông Chương Hà họa chăng chỉ có trong những khối óc tưởng tượng của bọn phù thủy ma giáo và những tên hào trưởng cửa quyền ác ôn bịp bợm ở tỉnh Nghiệp đô mà thôi.

Những gia đình có con gái đẹp bỏ nhà bỏ xứ ra đi đã từ lâu, khi nghe tin có quan Thái thú mới đến trấn nhậm chưa bao lâu mà đã bài trừ được cái nạn "*cưới vợ cho Hà Bá*", thì nổi vui mừng kể sao cho xiết, bèn rủ nhau lục tục kéo về yên ổn làm ăn, không còn sợ bọn cường hào ác bá khuấy phá, nhiều như trước. Hơn thế nữa, quan Thái thú Tây Môn Báo còn khuyến khích dân chúng Nghiệp đô đào thêm kinh rạch để khai thông dòng sông Chương Hà, cho nước lũ không còn ứ đọng như trước nữa. Nhờ đó quang cảnh được hoàn toàn đổi mới: lúa chín đầy đồng, vườn tược cây trái sum sê, hoa màu trù phú, lợi tức dồi dào, dân chúng Nghiệp đô dưới thời Tây Môn Báo được vui sống với cuộc đời ấm no lành mạnh trong cảnh thanh bình.

Nhắc lại, bọn hào trưởng đàn em và bọn nữ đệ tử của bà phù thủy bị quan Thái thú cho tạm đồn vào một nơi từ hôm nọ cốt là để tìm hiểu lai lịch từng người với sự hội ý của nhân dân cho rõ lẽ oan ung rồi mới đem ra xét xử một cách quang minh chánh đại, chứ ngài không làm việc một cách hồ đồ. Sau một thời gian điều tra tỉ mỉ, quan Thái thú Tây Môn Báo đưa ra trước công chúng một tập hồ sơ dày cộm gồm 65 tên can phạm vừa nam vừa nữ, chia làm ba hạng như sau:

a. *Tội nặng nhất*: có bảy tên hào trưởng phải đền nợ máu, vì bảy tên này đã mượn danh nghĩa thay mặt dân chúng Nghiệp đô đem các

cô gái đi nạp cho thần Hà Bá, nhưng chính chúng lại đóng vai Hà Bá. Sau khi thỏa mãn cuộc cưỡng bức, các nạn nhân đều bị thủ tiêu cho mất tích luôn. Chúng phải đền tội theo như chúng đã nhận chìm các cô gái xuống giữa dòng sông Chương Hà.

b. *Tội trung bình*: có 16 tên hào trưởng bị kết án từ 10 năm đến 20 năm tù về tội vu oan giá họa cho những gia đình khá giả để “làm tiền” và sang đoạt đất đai tài sản của những người dân vô tội làm của riêng mình. Những can phạm này, ngoài việc bị tù, còn bị tịch thu một phần tài sản để đền bù thiệt hại cho các nạn nhân.

c. *Tội nhẹ nhất*: có 25 tên hào trưởng chỉ bị cảnh cáo rồi thả cho về, vì đám người này chỉ dựa hào mé để được dự phần xôi thịt, chứ chẳng cố tình hại ai. Nhưng trước khi được thả cho về, mỗi tên phải lãnh từ 5 đến 10 roi để lưu dấu kỉ niệm, về sau xin chữa: làm tờ cam kết sẽ không tái phạm.

Riêng về các nữ đệ tử của *bà đồng* có năm á bị đưa đi an trí một nơi có thời hạn tùy sự vi phạm nặng hay nhẹ, để các cô có dịp ôn lại cuộc đời quá khứ của mình trong thời gian làm tay sai đắc lực cho *bà đồng*. Còn lại, 12 cô được miễn thứ, vì nhẹ dạ lỗ lã, bị mụ phù thủy dùng ảo thuật phỉnh phờ mê hoặc.

Công chúng Nghiệp đồ hết sức hài lòng về cách xử lí tội phạm, bài trừ tệ đoan xã hội của quan Thái thú.

Tây Môn Báo được dân chúng Nghiệp đồ ghi ơn mến đức, nên khi ngài từ trần ai cũng khóc như cha mẹ chết và lập đền thờ coi ngài như vị phúc thần. Đến thời cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông, hầu hết đình, chùa, miếu vũ và nhà thờ đều bị trưng dụng hoặc bị phá hủy, riêng có đền thờ quan Thái thú Tây Môn Báo, không những dân chúng Nghiệp đồ và du khách từ đâu vẫn còn tiếp tục đến đó hình hương sùng bái như tự thuở nào, ngôi đền cổ ấy còn được trùng tu cho thêm phần tôn nghiêm rực rỡ hơn nhiều. Vì việc làm của Tây Môn Báo chỉ nhắm vào có ba mục đích này:

1. Bài trừ hủ tục mê tín dị đoan
2. Đánh đổ nạn cường hào ác bá, thanh lọc guồng máy chánh quyền địa phương
3. Dem lại nguồn sống vui tươi lành mạnh, com no áo ấm cho nhân dân toàn tỉnh Nghiệp đồ.

6. CHUYỆN LƯU BÌNH, DƯƠNG LỄ

Trong các truyện cổ tích Việt Nam, có một mẫu chuyện đáng được làm gương cho đời soi chung, nhất là chuyện *Lưu Bình, Dương Lễ*. Hai người này là bạn chí thân và cùng học một thầy.

Nhờ bản tánh cần cù lao lực, thức khuya dậy sớm và rất gắng công trong việc học hành, nên Dương Lễ thi đỗ làm quan, được triều đình bổ nhiệm cho đến cai quản một địa phương kia. Nhờ sự công bình chánh trực của quan huyện Dương Lễ mà dân chúng trong vùng được no cơm ấm áo, an cư lạc nghiệp trong cảnh thanh bình.

Trái lại, anh chàng Lưu Bình thì hoàn toàn khác hẳn, vì bản chất lười biếng, thường là ngủ trưa dậy trễ, ham chơi hơn ham học, nên tới kì thi bị trượt vô chuối, phải sống với cảnh nhà tranh vách đất, quần áo tả tơi, bữa đói bữa no.

Nhớ lại người bạn cố tri đang sống trên nhung lụa vàng son, Lưu Bình bèn lân la tìm tới với hi vọng sẽ được Dương Lễ nghĩ tình bạn cũ mà giúp đỡ mình một phần nào trong cơn túng ngặt này chăng?

Nhưng bẽ bàng thay, tên lính gác cổng lại không cho vào, bảo rằng quan ngài đang bận xử lí thường vụ, chưa có thì giờ tiếp khách. Nếu ai có việc cần, thì phải chịu khó ngồi chờ. Nhưng chờ mãi từ sớm đến trưa mà vẫn chưa thấy quan huyện ra tiếp khách. Lưu Bình bèn viết một tấm danh thiếp ghi rõ tên họ của mình, bên dưới còn gạnh thêm một câu thâm tình tha thiết, để gọi cho chủ nhân không thể quên mình là kẻ bằng hữu chí giao.

Nhưng lạ thay! Lưu Bình lại phải kiên nhẫn chờ một lượt thứ hai,

cho đến xế chiều mới thấy một người nhà bếp bung ra một vệm cơm gạo lức với mấy con mắm sặt và năm quan tiền kèm trao cho Lưu Bình, và nói:

– Quan huyện bảo tôi ra nói với ông rằng là ngài không có người bạn nào tên Lưu Bình, vậy tôi tưởng ông không nên giở cái trò ma quái: thấy người sang bắt quàng làm họ, không tốt gì đâu. Sở dĩ ngài cho cơm ăn và mấy quan tiền đây là theo thường lệ như ngài đã từng bố thí cho bọn hành khất kia thôi.

Trước cảnh thế vô cùng tủi nhục, Lưu Bình tức giận càn hông, muốn đá đổ vệm cơm và nói ít câu ba điều bốn chuyện cho hả cơn phần nộ rồi đi, nhưng vì bụng đói miệng khát, buộc lòng phải cam tâm nhịn nhục, ráng nuốt mớ cơm thiêu, để được nhận mấy quan tiền sống đỡ qua ngày tới đâu hay đó, rồi sau này việc gì tới sẽ hay.

Cơm xong, Bình xin nước uống thì được người lính trực tặng thêm một câu búa bổ:

– Ở đây không có cái lệ cho những người ăn mày uống nước!

Bình lại phải nuốt hận ra về. Dọc đường, ghé vào nhà một bà lão xin nước uống, rồi cứ theo con đường cũ mà đi về xứ. Đi cho đến lúc mặt trời sắp lặn mà đường về hãy còn xa, thấy bên đường có một quán nghèo, bèn tạt vào đó để kiếm cơm ăn.

Chủ quán là một thiếu phụ vào khoảng 29, 30 cái xuân, tuy ăn mặc đơn sơ giản dị, song từ cử chỉ dáng dấp cho đến lời ăn tiếng nói đều có vẻ rất là quý phái bậc thiệp.

Bình được người đẹp chào mời vui vẻ rất là lịch sự. Cơm nước dọn ra sốt dẻo ngon lành. Trong lúc ngồi ăn, Bình lại được cô chủ quán hỏi thăm gia đình xứ sở và đi đâu mà về tối vậy? Bình bèn đem câu chuyện giữa mình và Dương Lễ thở than kể lể sự tình cho cô chủ quán nghe, Bình lại được người đẹp phụ họa rất là tương đắc:

– Ngài đã gặp cảnh không may kết bạn với một con người bất nghĩa: trong khi người ta đang chễm trệ trên tư thế quyền quý cao

sang, ngài lại tìm đến đó bằng bộ đồ vải thô xơ xác bạc màu, bảo sao ngài chẳng bị người ta bạc đãi khinh khi cho được. Nhưng thế sự thường tình xưa nay vẫn vậy, có chi đâu lạ.

Khi thấy mâm cơm đã cạn mà dường như bụng khách chưa no. Chủ quán bèn dọn thêm ra, nhưng Lưu Bình lại không dám ăn thêm và cho biết trong túi chỉ có năm quan, nếu ăn nhiều lấy đâu mà trả cho đủ. Chủ quán nói:

– Không hề chi! Ngài cứ tự tiện dùng cho thẳng bữa luôn đi. Bữa cơm hôm nay tôi đãi không ngài đó, ngài khỏi phải trả, năm quan tiền kia, tôi xin nhường lại cho ngài về đường.

Lưu Bình xúc động đến không cầm được nước mắt. Chủ quán lại nói tiếp:

– Tôi xem ngài có khiếu thiên tư, lại có tướng làm quan, chớ không phải là kẻ bán hàn ti tiện như Dương Lễ đã đánh giá ngài quá thấp. Theo nhận xét của tôi, ngài có thừa khả năng chiếm được bằng vàng, hơn không hơn thi bằng, chớ không kém gì Dương Lễ. Đây chẳng qua là ngài chưa gặp thời, lại đụng phải một ban giám khảo bất công, thiếu sáng suốt, nên họ mới đánh đổ cho ngài thi rớt. Tôi nghĩ thật rất đáng tiếc cho một nhân vật có thừa tài ba như ngài mà trên đường đời, lại gặp toàn những bước không may, đã vậy còn gặp một thằng bạn bất lương vô sỉ, nghĩ mà thêm tức. Nếu ngài nhận thấy cái việc Dương Lễ xử tệ với ngài là một cái nhục cần phải rửa, tôi tưởng ngài nên cố chí học hành để làm lại cuộc đời.

Lưu Bình nghe cô chủ quán nói đến việc “*làm lại cuộc đời*” thì chàng ta ngao ngán thở dài:

– Hiện nay tôi là kẻ tay trắng túi không, manh quần tấm áo không lành, cơm ngày hai bữa còn chưa đủ no, thử hỏi lấy gì chi phí cho việc sách đèn? Đã đến nước này, nếu tôi không tìm được một cách chết để kết thúc cuộc đời tủi nhục cho sớm, tôi đành là kẻ thất phu, vô danh vô vị mà thôi.

Chủ quán nói:

– Nếu ngài cố chí lập thân để rửa mối thù Dương Lễ, tôi sẽ tình nguyện... giúp ngài cho được đắc thành sở vọng theo như ý muốn.

Lưu Bình nhìn sững vào người thiếu phụ như đánh dấu hỏi: *nàng không nói đùa đấy chứ?* Cô chủ quán thấy khách có vẻ hoài nghi, bèn nghiêm giọng với một câu khẳng định:

– Tôi xin lấy danh dự của một người đàn bà biết trọng danh tiết mà hứa chắc với ngài như vậy. Đây không là một giấc mơ huyền ảo, mà là sự thật một trăm phần trăm, vì tôi đã đem danh dự một người đàn bà biết trọng danh tiết mà hứa với ngài kia mà. Tôi không nói đùa với ngài đâu.

Ý nghĩa trong câu nói bóng gió của người thiếu phụ chủ quán có thể đem lại cho mỗi người nghe một ý nghĩ khác nhau. Chẳng hiểu Lưu Bình có ý thức được nỗi lòng thâm kín... của nàng không? Nhưng một khi đã được người đẹp nuôi cho ăn học cho đến lúc công thành danh toại đã là may mắn lắm rồi. Còn gì sung sướng hơn nữa?

Thế là việc ôn nhuần kinh sử liền được bắt đầu từ đó. Nhưng ngôi nhà nàng lại ngăn vách làm đôi. Ban ngày, Bình được nàng mời ăn chung một mâm, nhưng đến đêm thì người đẹp lại then gài cửa khóa, nàng ngủ trong một phòng riêng biệt.

Mặc dù Lưu Bình hết sức chăm chỉ về việc học hành, nhưng đến đêm, những lúc canh khuya trần trọc ai ở vào cảnh ấy của chàng mà không mơ hình tượng bóng của một nàng thiếu phụ kiều diễm độc thân nằm phía bên kia chỉ cách nhau có một tấm vách.

Vì vậy, đã có một lần Lưu Bình tỏ tình luyến ái, mong được cùng người đẹp thỏa thích cuộc giao hoan, thì liền bị nàng cự tuyệt, nàng cho biết ngày nào việc học được thành tài, ngày ấy mới được thành hôn chánh thức. Trong khi đường công danh hãy còn dờ dang, nếu còn nhắc tới việc ấy lần thứ hai, nàng sẽ cho ra rìa, không còn được nàng tiếp tục cấp dưỡng nuôi cho ăn học nữa.

Trước thái độ nghiêm chỉnh của người thiếu phụ kiên trinh, từ đó Lưu Bình không dám nhắc tới việc ái ân tình tự nữa. Chàng chỉ biết vui đầu vào học một cách rất chuyên cần, để khỏi bị người đẹp đánh giá mình là một con người non gan hèn chí.

Nhờ sự khuyến khích của người đẹp mà Lưu Bình rất phấn khởi trong việc học hành, suốt cả ngày lẫn đêm, ít có khi nào chàng chịu rời quyển sách trên tay, sự học nhờ đó được phát triển rất là mau lẹ. Do đó, qua một thời gian không mấy lâu, chàng đã trở thành một nho sĩ thông kim bác cổ và võ lễ thể nào là *thiên thời, địa lợi, nhân hòa*. Không những thế, bao nhiêu kinh điển của nền văn học Trung Hoa, nhất là *Tứ thư, Ngũ kinh* của đức Khổng Tử là những điều kiện tốt cần cho việc thi cử, chàng đều thuộc nằm lòng, không sót một mảy may nào.

Vì vậy mà khi lai kinh đăng tên ứng thí, chàng được đậu tiến sĩ một cách dễ dàng, được vua ban áo mào triều phục, cho về làng bái tổ vinh qui.

Nhưng khi về tới nơi thì lạ lùng thay. Lều xưa quán cũ hãy còn tro đó, mà hình bóng người đẹp năm xưa đã biến đi đâu? Bèn hỏi thăm những nhà lân cận thì người ta chỉ biết: khi có tin ông nghè sắp sửa về làng thì cô chủ quán bỗng nhiên mất tích, không một ai biết duyên cớ vì sao.

Lưu Bình hết sức lo ngại băn khoăn về sự mất tích của người đẹp ân nhân, vì một khi đã được tin mừng, nếu không đi đón thì cũng nằm nhà chực sẵn để chờ ngày tái ngộ, chớ sao lại bỏ đi đâu? Hay là có bọn cường san cướp đảng nào đã phỗng tay trên, bắt mất người đẹp của ta đi rồi.

Bèn sai mấy toán lính tủa ra nhiều hướng, lục lọi khắp cùng mà vẫn không thấy tâm dạng nàng đâu. Nghĩ tới đâu rầu tới đó, nhất là mối thù đối với Dương Lễ vì đó mà ngày càng sâu sắc hơn nhiều. Ông nghè bèn động viên hết cả quân binh xa mã, rần rần rộ rộ kéo tới vây chặt huyện đường với tư thế âm thầm sát khí.

Lưu Bình mắng Dương Lễ đủ điều thậm tệ:

– Dương Lễ ngươi có nhớ không? Buổi thiếu thời, ngươi với ta là bạn đồng song, chung một mái trường và đã cùng ta nặng lời nguyện ước: *giàu nghèo, sống chết sẽ chẳng rời nhau*. Thế mà khi ngươi thi đỗ được làm quan, ta là kẻ thất cơ lỡ vận, mới tìm được tới ngươi, mong được nhờ ngươi nghĩ tình bạn cũ mà chia cơm xẻ áo cho ta đỡ khổ phần nào, thì lại được nhà ngươi đối xử như kẻ hành khất không bằng đó là chưa kể đến cách ngươi cố tình làm nhục ta nữa. Giờ đây, ta là một ông nghè tiến sĩ, vinh quang huê hạ, còn ngươi, quan huyện vẫn còn là cấp huyện, không hơn không kém. Vậy ai là kẻ bất tài, ai là phường ti tiện, ngươi sáng mắt chưa. Và, về cái tội ngươi làm nhục ta độ nọ, bây giờ ngươi nghĩ sao đây?

Dương Lễ im lặng ngồi nghe, mặc cho Lưu Bình to tiếng nặng lời. Ông ta đã không cần biện bạch một lời nào, còn tỏ ra thái độ khinh khỉnh đi đôi với những nụ cười khó hiểu. Vốn đã sẵn cảm hờn về chuyện năm xưa, giờ đây còn bị trêu tức, khiến Lưu Bình càng đổ lửa thêm. Ông ta bèn ra lệnh cho bọn tùy tùng bắt quan huyện họ Dương trói lại dẫn đi, chưa biết sẽ làm gì, hay hành tội bằng cách nào.

Cùng trong khi đó, người đẹp năm xưa (tức là cô chủ quán) thỉnh linh xuất hiện, từ trong dinh huyện bước ra, nàng mỉm miệng cười với một câu hỏi có nhiều ngụ ý:

– Kính chào ông nghè tiến sĩ, chẳng hay chồng tôi có tội chi thất kính với ngài đến phải bị trói dẫn đi đâu vậy?

Khi đó Lưu Bình mới chợt nhớ ra cái câu nàng nói: *Ta lấy danh dự của một người đàn bà biết trọng danh tiết mà hứa chắc với ngài một câu như vậy*” có những ẩn ý sâu xa mà lúc ấy ông ta chưa hiểu là gì? Nên ông ta mới đòi hỏi cái việc... ái ân tình tự. Đến bây giờ ông ta mới hiểu tại sao hồi ấy ban ngày được ngồi ăn chung một mâm, mà đến đêm lại phải ngủ riêng?

Biết ra thì chuyện đã rồi. Lưu Bình vừa ăn năn vừa hổ thẹn, bèn tự tay mở trói cho Dương Lễ, rồi tức thì lột cả áo mao triều phục ném

lại bên đường, rồi thì mình trần vai áo quì xuống trước dinh quan huyện để mà tạ tội:

– Bạn đã sai vợ nuôi tôi ăn học thành tài, nên danh nên giá, cử chỉ cao quí ấy, lẽ ra tôi phải suốt đời đầu đội vai mang, thế mà tôi lại là kẻ có mắt không trông, lấy ân làm oán, tội tôi đáng chết. Giờ đây, ông bạn xử lí cách nào tôi cũng xin vâng.

Dương Lễ kéo tay Lưu Bình đứng dậy và tiếp theo mấy lời an ủi:

– Đây chẳng qua là sự ngộ nhận mà thôi. Bởi tôi dàn cảnh, cốt làm cho ông bạn hiểu lầm, chớ ông bạn có tội gì đâu. Mà nếu tôi không có kế hoạch làm cho ông bạn hiểu lầm, giận tôi làm kẻ nhẫn tâm, thử hỏi ông bạn làm gì được có cao sang vinh hiển như ngày nay?

Nói đoạn, hai người cùng cười và siết chặt tay nhau một cách đậm đà thắm thiết. Tiếp theo đó, Dương Lễ dạy lại giới thiệu người vợ trẻ của mình:

– Đây là ái thiếp Châu Long, vợ thứ của tôi, đã thay tôi đi giúp ông bạn trên bước đường thất cơ lỡ vận, mà nàng đã làm đúng theo kế hoạch của tôi và nàng đã thành công trọn vẹn. Ông bạn có biết không? Trong cái ngày mà tôi bắt ông bạn phải chầu chực trước dinh từ sớm đến chiều, nào tôi có bận việc xử lí gì đâu. Thật sự là tôi dành thì giờ để xếp đặt công việc cho vợ tôi kịp thời dựng lên cái quán bên đường để đón tiếp ông bạn nội trong ngày thế nào ông bạn cũng trở về xứ trên con đường ấy.

Nghe Dương Lễ kể lại tình đầu mọi sự, khiến Lưu Bình hết sức ngỡ ngàng và rất cảm phục sự kiên tâm bền chí của nàng Châu Long, đã toàn tâm toàn ý, rất mực chiều chồng, để đi làm một việc hết sức gay go mà từ đời thuở nào, ông ta chưa nghe ai nói có người làm được.

7. MỘT CUỘC “CHƠI CHỮ” KHÁ HÀO HỨNG

Trong làng văn nước ta, dù tân hay cựu, không mấy ai không biết cụ cử Phan Văn Trị, là một nhân vật giàu lòng yêu nước, chống

Pháp triệt để, và cũng là một nhà thơ nổi tiếng, đối lập với ông Tôn Thọ Tường.

Theo lời của Như Sơn tiên sinh (thân phụ của nhà bác học Hậu Như, ở làng Tân Niên Tây, Gò Công) đã kể chuyện cho tôi nghe từ mấy mươi năm về trước, thì cụ là người có chân trong Đông Kinh Nghĩa Thục, hưởng ứng phong trào đại Đông du, nên cụ mới có dự tính lần mò ra Bắc và trốn sang Tàu rồi tìm cách qua Nhật, tìm cụ Phan Bội Châu để mưu đồ đại sự cho quê hương. Nhưng khi ra tới Huế, cụ không vượt nổi hàng rào mật thám của thực dân giăng mắc khắp chốn kinh kì trong tỉnh Thừa Thiên, cụ đành phải chùn bước, ẩn náu tại nhà người bạn chí thân là *Trần Kì Hương* - một ông đồ nho ở đề đô, gốc người Bình Định.

Nhờ đó, cụ Như Sơn mới có dịp được nghe ông Trần Kì Hương kể lại một giai thoại về văn chương rất là kì thú đã xảy ra giữa một nhân vật miền Nam: Phan Văn Trị và ông chánh chủ khảo ở kinh thành Huế. Câu chuyện ấy, ông Như Sơn thuật lại tôi nghe đã lâu, đến nay tôi còn nhớ, đại khái như sau:

Được nổi danh trong làng cựu học miền Nam, sĩ tử Phan Văn Trị đã không ngần ngại: từ Gia Định vác lều chõng ra chốn đề đô để có đăng tên ứng thí. Tháp tùng theo Trị, có hai người bạn khoa bảng đàn anh là Bùi Hữu Nghĩa và Huỳnh Mẫn Đạt.

Khi tới Huế, ông Trị muốn biết thái độ và nhân cách của vị chánh chủ khảo như thế nào, bèn rủ hai người bạn tới chơi lảng vảng trước dinh đề đô để có thăm dò. Thấy có chiếc áo bào căng phơi trong sân trước dinh, ông Trị biết chiếc áo ấy là của ai kia rồi, nhưng ông giả tuông không biết, ông trầm trồ khen chiếc áo nói thật rõ từng tiếng, cốt để cho lọt tới tai ông lớn, vì có một tên lính đứng gần đầu đó để canh chừng chiếc áo. Đây là câu khêu gọi của ông Trị:

– Ôi chao! Áo triều phục của ai đẹp quá? Phải chi mình được một cái như thế mà mặc để vào chầu vua thì còn chi thích thú cho bằng.

Tên lính trực khi nghe qua những lời chối tai, bèn chạy vào báo quan lập tức. Viên chánh chủ khảo liền cho đòi vào, ông ta nhìn Trị từ đầu đến chân rồi nói:

– Mi bất quá một tên học trò gàn, chưa chi đã có cao vọng làm quan to. Rủi ra thì hòng làm gì có đỗ triều phục mà mặc.

Ông Trị trả lời ngay:

– Thưa ngài, việc thi cử được đậu hay rớt đã đành là do sức học của người dự thí. Nhưng còn tùy ở ban giám khảo có đủ đức tánh công bình và sáng suốt để mà nhận xét về khả năng của mỗi cử tử hay không. Nếu ban giám khảo có chút thiên vị thì kẻ bất tài sẽ có cơ hội may mắn, người có tài sẽ bị nhận chìm. Đến như việc ước mơ, ai mà chẳng có. Lúc còn cấp sách đến trường, như ngài đã hiểu: có anh học trò nào không nuôi cái mộng thi đỗ, làm quan? Vì có làm quan mới được hiển vinh tôn tộc, hài lòng cha mẹ và không uổng công đèn sách, cho dầu là ngài, hoặc tôi hay bất cứ ai, cũng cùng một ý ấy thôi.

Viên chánh chủ khảo thấy kẻ đối diện là một tên học trò láu lỉnh kì khôi, cần phải có một cuộc thử thách sơ bộ để xem tài sức đường bao. Ông lập nghiêm và nói:

– Đã vậy, ta sẽ cho ra một vế “xuất”, nếu mi đối được ta sẽ tha cho, bằng không cái tội phạm thượng khó mà tha thứ đa nghe.

Ông Trị đáp:

– Thưa ngài, vì thấy chiếc áo đẹp của hàng công khanh quý phái, kẻ tiện sĩ này chỉ ước mơ một cách hào huyền thế thôi, chớ kiến thức của một tên học trò mới ra trường làm sao có đủ khả năng để ứng đáp với một nhân vật cao niên khoa bảng và đang cầm đầu một ban giám khảo đương triều. Nhưng một khi ngài đã có lệnh truyền, tôi cũng xin vâng, cố gắng xem sao.

Ông chánh chủ khảo bèn ra vế xuất:

– *Đại hồ điệp châu thân cảm tú*

Câu này có thể tạm dịch: *Bướm bướm lớn toàn thân gấm vóc*

Ông Trị ứng khẩu đối ngay:

– *Tiểu tri thù mãn phúc văn chương*

Câu này có nghĩa:

Nhèn nhện con đầy bụng tơ vương

Vị chủ khảo thấy kẻ đối diện tuy còn ít tuổi, nhưng thiên tư chẳng kém chi mình, nên ông phải bắt đầu dè dặt, không còn có thái độ khinh khỉnh như những phút đầu.

Sau khi ông tỏ lời khen để lấy lòng cậu học trò bướng bỉnh, ông nảy ra được một vế xuất khác vô cùng hóc hiểm, ông nghĩ rằng với vế xuất này, ông có thừa khả năng áp đảo được tinh thần đối phương, giúp ông lật ngược thế cờ, khỏi bị bẽ mặt. Nhưng lần này, ông không dùng chữ Hán, ông dùng chữ Nôm cho mạnh mẽ hơn. Đây là vế xuất mới của ông:

Ngôi đỏ lợp nghè, tám trên đề tám dưới

Câu này có dụng ý chơi gác kèo trên: kẻ bề trên có quyền khống chế kẻ dưới.

Đối cho chính câu này không phải chuyện dễ, vì vế xuất của ông chủ khảo lần này rất là sâu sắc, rất đối ông Bùi Hữu Nghĩa và ông Huỳnh Mẫn Đạt là hai vị khoa bảng đàn anh cũng không khỏi lo ngại cho ông Trị về vế xuất rắc rối này. Nhưng một khi ông Trị đã dám chơi trò nguy hiểm, tự nhiên ông đã liệu sức ông rồi. Chả thế mà, khi ông chủ khảo vừa dứt câu thì y như là ông đã sắp sửa tự bao giờ, nên ông mới có mà ứng đối ngay:

– *Đá xanh xây cống, hòn dưới chống hòn trên*

Thật là tài tình rất mực, trào lộng tuyệt vời, không ai tài nào bác bẻ hay sửa chữa vào đâu được. Này nhé! Đá xanh đối với ngôi đỏ, *ông cống* chọi với *ông nghè*, ở trên *đề xuống*, thì ở dưới lại chống lên. Vế đối của ông Trị đã tỏ ra tinh thần bất khuất, không nhượng bộ.

Biết rằng ông chánh chủ khảo có đủ thẩm quyền quyết định trên bước đường công danh của mình, song ông Trị không vì lẽ đó mà hạ mình phục lụy một kẻ tài cán không hơn chi mình.

Khi đó ông chánh chủ khảo nhìn vào kẻ đối diện mà toát mồ hôi, uể oải nghẹn ngào, nói không ra tiếng. Cho đến hồi lâu, ông ta mới thở ra một cái phào rồi nói với ông Trị:

– Thật ta không ngờ trong đám sĩ tử Nam Kỳ lục tỉnh lại được có một nhân vật tài ba lỗi lạc dường này. Chẳng hay cháu học với ông thầy nào mà giỏi quá vậy?

Ông Trị đáp:

– Thưa, cháu học đủ cả, học thầy ở nhà trường, học đời học bạn và một tủ sách gồm nhiều môn loại. Không riêng các bậc lão thành thông thái, cho đến các trẻ em mới 5, 10 tuổi, có khi cháu còn phải học ở chúng nữa đấy.

– Với các bậc lão thành và một tủ sách là đúng lắm rồi, chớ với đám trẻ con, chúng chỉ biết đòi kẹo đòi bánh, đòi quần áo tốt và ham chơi hơn là ham học, chúng đã được có cái gì hay ho tài giỏi đâu mà cháu phải học ở chúng?

– Ấy vậy mà chúng có rất nhiều sáng kiến mới lạ mà người lớn không hề nghĩ tới. Nhất là trong các trò chơi của chúng luôn luôn thay đổi không ngừng. Khi chán trò chơi này, chúng lại có óc sáng tạo bày ra những trò chơi khác để thay cho những cái lỗi thời. Do đó mà cháu tìm thấy có lắm cái hay cái lạ trong các trò chơi của chúng mà cháu cần phải lưu ý để bổ túc vào phần trí tuệ của mình.

Khi đó ông chủ khảo mới gạt đầu khen, nhìn nhận lập luận của ông Trị là có lí:

– Thảo nào mà đức Khổng Tử xưa kia đã phải thốt lên mấy tiếng: Hậu sanh khả úy, những kẻ sanh sau đáng sợ. Khi gặp Hạng Thác là một đứa trẻ mới có bảy tuổi. Vì khi thấy xe ông Khổng Tử, xa đang tiến về phía mình, Hạng Thác bèn gom một mớ đá sỏi, cỏ cây và nhất

là gạch vụn để chồng chất lên nhau, coi như một dãy trường thành ngăn ngang trước lộ. Khi xe ông Khổng tới đó, các môn đệ của ngài bảo hãy dẹp qua một bên cho xe đức Khổng đi qua, thì cậu bé Hạng Thác lại ngang nhiên phản ứng:

– Xưa nay chỉ có *xe tránh* thành, làm gì có chuyện thành phải *tránh xe*, thưa các ngài?

Khi đó, đức Khổng Tử giật mình kinh ngạc, buột miệng lên mấy tiếng như trên đã nói, rồi cho môn đệ phải quay xe lại để tề qua nẻo khác mà đi.

Nhân câu chuyện ấy, ông Trị bèn nói tiếp:

– Thưa ngài, không những với các trẻ em, mà với những kẻ ngu đần, tôi cũng còn có chỗ học được nữa kia.

Ông chánh chủ khảo sững sờ với đôi mắt ngạc nhiên:

– Ủa sao lạ vậy? Những đứa ngu si, quanh năm làm toàn những chuyện hàm hồ quấy quá, đâu có cái gì hay ho mà cháu học được?

– Thưa có chứ! Những cái “dở” của họ giúp mình rút làm kinh nghiệm, để tránh những sự thất bại có thể xảy ra cho mình về sau. Như vậy kể như là học chứ gì.

Khi đó, ông chánh chủ khảo lại tấm tắc khen người đối diện:

– Thảo nào mà cháu chẳng có một tầm kiến thức rất là sâu rộng, nếu người nào cũng biết gom góp kinh nghiệm trường đời bỏ vào túi khôn của mình như cháu thì nước Nam ta sẽ không thiếu kém nhân tài.

Kể từ hôm ấy trở đi, thái độ quan liêu của ông chánh chủ khảo đã được thay vào bằng những đức độ khiêm tốn nhún nhường, không riêng ông Trị, mà là bất cứ là đối với ai.

Kì thi Hội ấy nhằm năm Kỉ Dậu (Tự Đức thứ hai: 1949), lẽ ra ông Trị được lãnh bằng tiến sĩ mới cân xứng với cái tài cao học rộng của ông. Rất tiếc, khi mới tới kinh, thay vì lo việc căng lều chõng để chuẩn

bị đăng tên ứng thí, thì ông lại đến trước cổng dinh của ông chánh chủ khảo mà gây lên sóng gió, khiến toàn ban giám khảo không ai là chẳng bất bình, nên việc ông được chấm đậu vào hàng cử nhân cũng là may lắm đó.

Vụ này xảy ra có hơn một trăm mấy chục năm rồi, nên khi được đến tai tôi đã thành tam sao thất bổn, nên tôi không biết được vị chánh chủ khảo ấy là ai.

8. TÔI CŨNG LÀ MỘT ĐỨA TRẺ HẾT SỨC KÌ KHÔI

Bẩm sinh tôi là một đứa trẻ hết sức cứng đầu với nhiều hành động táo bạo, làm cho cha mẹ phiền lòng không ít, đến các thầy giáo cũng đã bảo nhau: *c'est un type incorrigible: đó là thằng nhóc bất trị*.

Dĩ nhiên hồi ấy bất cứ việc gì do tôi làm ra, tôi cũng cho là hay là giỏi, là phải, là tốt, là có lí do chánh đáng cả. Đó là phần tôi, tôi nghĩ như vậy. Nhưng người ngoài cuộc với một thái độ khách quan, khi nhìn vào tôi, người ta thấy thế nào: *một hiện tượng* (un phénomène) hay một quái vật gì đây. Về vấn đề này, tôi xin nhường lời cho các hàng thức giả công đồng nhận xét sau khi đã được biết qua các việc tôi làm.

Dưới đây, một bài thơ bát cú thất ngôn do tôi làm ra để diễn tả tánh tình và những hành động phiêu lưu của tôi từ buổi thiếu thời:

*Nhất quỷ, nhà ma, thứ ba học trò
Đã hay trốn học, lại tò mò
Cua lùì cá nưòng ăn bờ ruộng,
Đá dễ theo trâu, ngủ mè gò!
Sách vở cu cò thay chữ nghĩa
Cung đàn cóc nhái cũng hay ho
Đòi phen cứng cổ cha tròng trị,
Mở trời tha ra, vẫn đá bò.*

Xuyên qua bài thơ này, người đọc đủ thấy: con người của tôi trong

thời thơ ấu, tôi đã nghịch ngợm bướng bỉnh đến mức độ nào! Theo luật nhà trường còn ai chẳng biết đã là học trò thì phải có mặt trong lớp từ sáng thứ hai đến chiều thứ bảy, trừ chúa nhật và những ngày lễ. Thế mà tôi lại không giống ai hết, tôi làm theo ý tôi: sáng thứ hai vào lớp để nhận bài, và chiều thứ bảy để trả bài thôi. Các ông giáo có cần gì tôi, phải chờ tôi trong hai buổi ấy, thật là ngang trái, ngược đời không ai bằng.

Vì vậy, các ông giáo mới nghĩ đến cách bắt chẹt tôi để đánh tôi cho đã nư giận, các ông sách hạch tôi đủ điều khó dễ, nhưng khi các ông hỏi tôi tới đâu, tôi trả lời xuôi tới đó, không chữ nào sai, không tiếng nào vấp hay ngập ngừng. Đã vậy, tuồng chữ của tôi còn ăn trum tuồng chữ của các ông nữa, khiến các ông khi nghĩ về tôi, các ông càng kinh dị, thành ra không kiếm được có gì để trừng áp được tôi. Một hôm thầy cần hỏi tôi nhờ đâu mà được như vậy, không vào lớp đủ ngày như những trò khác mà bài vở lại thuộc lâu lâu là nghĩa làm sao?

Sự thật nhờ có hai phương tiện, nhưng tôi chỉ có thể nói cho ông biết: *nhà tôi có một tủ sách gồm đủ các môn các loại*, tha hồ cho tôi khai thác tìm hiểu để gom tinh túy vào trong khối óc. *Đến như cái việc mấy thằng bạn một lòng một dạ với tôi*, ngày nào chúng cũng đem bài vở về nhờ tôi duyệt lại: ám tả trật thì tôi chỉnh lại cho đúng văn phạm, còn nhân, chia, trừ, cộng có bài nào sai tôi cũng sửa lại cho đúng đáp số. Về lí, hóa tôi giải thích rành mạch hơn, vì các ông giáo chỉ cắt nghĩa đơn sơ vắn tắt, đưa nào sáng trí hiểu được thì hiểu, đưa nào chậm hiểu thì thôi, các ông giáo đâu có thì giờ nhiều mà mổ xẻ một cách tinh tường như tôi. Về việc này, tôi cần phải kín đáo cho chúng, nếu không chúng sẽ bị đòn.

Tôi làm bài, sửa bài cho chúng một cách tận tình như thế, mà không hề nhận quà biếu của chúng, tôi cũng không bắt buộc phải theo một điều kiện nào, nhưng tôi được “tình cảm”, món ấy mới là đáng quý. Về phần tôi, tuy mỗi tuần vắng mặt mấy ngày, nhưng bao

nhiều bài vở của thầy giáo cho ra trong tuần, tôi đều có đủ trọn vẹn.

Ông thân tôi, vốn dòng Nho giáo, nên kỉ luật rất nghiêm, dĩ nhiên là ông không chấp nhận những điều ngang bướng của tôi, ông bắt buộc tôi mỗi ngày phải có mặt trong trường như các trò khác. Nhưng tôi lại rất bất tùng cuộc xuống, buộc ông phải thắt tay trừng trị: ông trói tôi ôm vào cột nhà với nhiều nước dây như đòn bánh tét, để tôi không thể cựa quậy gì được. Ông đánh bằng roi tre có nhiều mắt mới ác. Như thế ông chưa cho là đủ đối với sự cứng đầu cứng cổ của tôi, nên ông đã không ngần ngại dùng tới chất muối ớt xát vào những lần roi tray da xể thịt, làm cho tôi nhức nhối khó chịu, may ra tôi có ngán mà vào lớp mỗi ngày chăng!

Nhưng trước sau như một, tôi vẫn giữ vững lập trường của tôi, là cứ mỗi tuần hai buổi mà thôi. Do đó mà sự dằn co giữa tôi và ông thân tôi, ngày càng căng thẳng trầm trọng, tôi bị hành hạ đến mức gần như chỉ còn xương với da. Bà già tôi sợ ông già tôi làm quá, có thể đưa tôi đến chỗ chết, bà đòi tự vận và kêu khóc ầm ĩ với ông già tôi:

– Nó đã quyết tâm như vậy, thì giờ đây dù ông có đập nó chết, nó cũng vậy thôi. Nó đâu có sợ chết mà ông đem cái chết để buộc nó phải làm theo ý ông. Và lại, tuy nó không có mặt trong lớp mỗi ngày như những đứa khác, nhưng ông coi đó, nào nó có thua ai đâu, nó còn sửa bài giùm cho những đứa kia đứa nọ kia mà. Thiết tưởng ông nên lấy đó làm hãnh diện hơn là đánh đập.

Có lẽ những lời than tiếng khóc của bà già tôi, ông nghe ra có lí hay sao, nên ông có vẻ tư lự phần nào, nên kể từ đó ông bớt dần sự khắc nghiệt đối với tôi. Tuy nhiên, ông vẫn muốn tôi phải có mặt trong trường mỗi ngày. Bà già tôi hỏi vận lại ông:

– Bài vở của thầy giáo cho ra trong tuần, không đủ cho nó học một ngày, ông bảo nó phải có mặt thường trực để làm gì. Để mài đũng quần à?

– Nếu nó không thích ngồi trong lớp học từng ngày thì cứ ở nhà giúp đỡ cha mẹ công kia việc nọ, chớ trốn học mà đi chơi ngông là một việc không thể chấp nhận trong một gia đình có giáo dục.

– Nó đâu có phải là kẻ ăn bơ làm biếng như ông đã tưởng. Đêm nào ông cũng ngủ rất sớm, nên ông đâu có biết những việc nó làm. Nó thức rất khuya và dậy thật sớm. Ông có biết nó dậy thật sớm để làm gì không? Đêm nào cũng vậy, mới ba, bốn giờ khuya, tôi đã nghe nó lục đục rồi, bao nhiêu công việc linh tinh trong nhà, nó bao làm hết, đến món củi tre, nó cũng quơ chất sẵn trong bếp cho tôi, có khi tôi chụm đến bốn, năm ngày cũng chưa hết củi. Chỉ còn có việc đi chợ và nấu ăn là nó nhường tôi thôi. Đây là tự ý nó làm, chớ tôi không hề sai bảo hay bắt buộc nó. Đó là việc “dậy sớm”, còn cái “thức khuya” nghĩ càng đáng khen hơn nữa, bao nhiêu sách nói về cách vật trí trí được nó nghiên cứu rất là tỉ mỉ. Đến như những quyển tiểu sử các vị anh hùng cứu quốc khắp trên thế giới có tính cách gọi lòng yêu nước của ông mua về, dường như nó đã đọc hết, không sót quyển nào. Nếu ông không tin, ông thử chất vấn nó một cách bất thành linh về một vài nhân vật nào đó đã được nhân dân trong nước họ hoan nghênh sùng bái về việc làm của họ, ông sẽ thấy sức thông minh và sự nồng nhiệt về lòng yêu nước của nó đến mức độ nào.

Thế theo lời đề nghị của bà thân tôi, ông liền chất vấn tốc hành ngay tại chỗ về hai nhân vật lịch sử nổi tiếng là:

1. *Tướng Trần Hưng Đạo đại phá quân Nguyên trên Bạch Đằng giang.*
2. *Vua Minh Trị thiên hoàng trong cuộc canh tân nước Nhật.*

Tôi cũng liền giải đáp tốc hành tại chỗ cho ông nghe một cách tinh tường mạch lạc, đại khái như sau:

1. Theo như hầu hết các giới trí thức khắp trên thế giới đều biết: Thành Cát Tư Hãn (Gengis-Khan) vị Thái tổ khai sáng nhà Nguyên, sau cuộc viễn chinh đập bằng binh địa từ Á sang Âu (trong thế kỉ thứ XIII) đã đưa dân tộc Mông Cổ (Mongole) lên bậc hàng

đầu thế giới về cái tài cỡi ngựa bắn cung của đoàn quân thiện xạ, bách chiến bách thắng của ông ta.

Nhưng đến đời thẳng cháu nội của ông ta là Thái tử Thoát Hoan con của Hốt Tất Liệt, khi đụng đầu với vị đệ nhất công thần của nhà Trần nước ta là Trần Quốc Tuấn (tức *Hung Đạo đại vương* thì cả vạn binh sĩ của nhà Nguyên đã phải chôn vùi dưới ngọn thủy triều trên sông Bạch Đằng, đó là chưa kể hơn mười ngàn sĩ tốt còn sống sót bị bắt làm tù binh.

Cũng nên biết nước Mông Cổ (tức nhà Nguyên) ở bên trên nước Tàu, nếu họ muốn điều quân sang xâm chiếm nước ta, họ phải vượt qua đất nước của người Trung Hoa. Như vậy, đương nhiên nước Tàu đã bị nhà Nguyên đô hộ từ lúc nào rồi, chứ còn gì nữa.

Thế là cái vinh dự «*anh hùng nhất thế giới*» của vị Thái tổ nhà Nguyên đã đoạt được trong cuộc viễn chinh mới độ nào, thì lúc bấy giờ (1287-88) phải thuộc quyền sở hữu của đám thủy quân nước ta trên dòng sông Bạch Đằng do cụ Trần Hưng Đạo chỉ huy trận đánh. Điều này đã được lịch sử chứng minh, không ai viện được lẽ gì để mà phủ nhận.

2. Giữa thế kỉ XIX (dưới thời vua Tự Đức), nước Nhật không hơn gì nước ta mấy tí. Thế nhưng từ ngày có Minh Trị thiên hoàng (Meiji) xuất hiện chưa được bao lâu thì cuộc diện có bộ mặt mới hoàn toàn đổi khác. Bởi đó là một ông vua rất sáng suốt, có tài trên nhiều phương diện và hết lòng vì nước vì dân. Nhất là ông ta rất ý thức về mặt đón rước phong trào văn minh thế giới, và khéo chọn những thanh niên tài tuấn và nhiệt tình với quê hương, cho sang Âu, Mỹ để tìm hiểu thu thập những cái “hay” cái “lạ” của xứ người đem về xây dựng canh tân cho Tổ quốc thân yêu.

Nhờ cái tài lèo lái khôn ngoan ấy, Minh Trị thiên hoàng đã đưa nước Nhật từ một quốc gia nhỏ bé lên bậc đại hùng cường nhất nhì thế giới, chính vì thế mà hầu hết thần dân trong nước đều coi ngài như vị “cứu tinh dân tộc” cao quý nhất nước, vì những việc làm “kinh

thiên vĩ địa” của ngài, sự tiến bộ nhanh chóng của nước Nhật trong vòng có vài mươi năm, so với nền văn minh Âu Mỹ họ phải xây đắp bằng bao nhiêu thế kỉ. Do đó, bọn người da trắng rất lấy làm kinh dị trước bậc vĩ nhân có một khối óc vượt bậc phi thường, không ai sánh kịp. Từ đó, bọn người da trắng không còn dám khinh thường bọn da vàng mũi xẹp ở vùng Á đông này nữa, nhất là đối với đám con cháu của Thái Dương thần nữ.

Trong khi Minh Trị thiên hoàng đã và đang tìm hết cách để đưa dân tộc Nhật cho mau tiến, thì ở xứ ta vua tôi nhà Nguyễn lại đi ngược phong trào, chủ trương bế môn tỏa cảng. Có chết được không?

Các vị đại thần có óc cải lương tiến bộ như quý ông Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Trường Tộ, sau khi qua Pháp công cán trở về, đem những gì mắt thấy tai nghe kể lại cho vua Tự Đức và triều đình nghe, rồi kết luận một câu:

Bá ban cơ xao tể thiên địa

Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền.

Có nghĩa rằng *trăm việc văn minh bằng trời đất, chỉ có việc sống chết là còn quyền của tạo hóa mà thôi.*

Nhưng khi nghe nói đến một vài sự lạ như vòi nước phong ten (fontaine), chiếc xe hơi, đèn điện, máy nói v.v... thì nhà vua và các quan đều ngơ ngác nhìn nhau, bảo rằng:

– Quái! Xưa nay việc trời đất làm gì có chuyện ngược đời như thế. Phàm hệ thủy lưu thì phải đặt tại hạ, đã là nước thì phải từ trên chảy xuống, chớ đâu có từ dưới vọt lên. Còn nói về xe cộ, nếu không có người đẩy phải có ngựa kéo thì xe mới chạy, nếu không nó sẽ nằm lì một chỗ. Đến như đèn, nếu không dầu cũng phải có sáp mà đốt, nếu không làm sao được có ánh sáng. Về việc đờn ca hát xướng cũng thế, cũng phải tự tay người và miệng người phát ra mới có, chớ với một cái máy bằng sắt và bằng cây, làm sao nó phát ra tiếng cười tiếng khóc và tiếng âm nhạc cho được.

Rồi các ngài cho đó là lời yêu ngôn hoặc chúng đã bị bọn Tây di mê hoặc, không thể tin được. Chỉ có nề nếp văn tự của Bắc quốc thiên triều mới đáng được cho ta lấy đó làm căn bản để mà học hỏi tôn thờ thôi.

Trong khi tôi giải đáp, tôi kín đáo theo dõi từng cử chỉ, sắc thái của ông thì thấy: tôi nói tới đâu là được ông gật gù tỏ vẻ hài lòng tới đó. Sau cùng ông chỉ còn hỏi tôi có một câu chốt:

– *Bộ truyện giải trí nào được nhiều người đọc nhất thế giới?*

Nói riêng về loại sách “giải trí” chiếm số kỉ lục độc giả trên thế giới, tôi biết đó là bộ truyện *Một ngàn lẻ một đêm* (Les Mille et une nuits) xuất phát từ nguồn văn hóa của khối Ả rập và Ba Tư, tức là những dân tộc theo đạo Hồi. Nhưng tôi không nói tên bộ truyện, mà tôi lại nói cách này cho rộng nghĩa hơn:

– *Bộ sách nào được dịch ra nhiều thứ tiếng là bộ sách ấy hay.*

Sau khi nghe tôi trả lời câu này, ông đành chịu cho tôi là một đứa trẻ có thiên tư vượt bậc, nên ông không cần phải chất vấn gì thêm.

Nhân cơ hội ấy, bà thân tôi bèn xen vào:

– Ấy đó, lúc nào nó cũng đầy đủ bốn phận và rất sáng trí trong việc học hành, sự tiến bộ của nó như ông đã thấy, đâu có đứa nào theo kịp. Vậy lúc nào có thì giờ rảnh rang, ông cũng nên cho nó đi chơi một chút, cho nó khỏi bị cuồng chân, con nít mà ông.

Ông lắc đầu với vẻ không đồng ý:

– Chớ chi nó chơi với trẻ em con nhà tử tế, tôi có cấm cản nó đâu. Rất tiếc, nó cặp bồ cặp bạn với lũ chăn trâu chăn bò là một cái nhục, làm sao tôi chịu được. Bà nghĩ mà coi, dù sao gia đình mình cũng thuộc hàng trên trước trong làng, có thằng con mà không dạy được để cho nó muốn ngán nào được ngán nấy, thì thiên hạ còn coi nhà mình ra gì. Rồi thể diện của tôi với bà để đâu?

– Từ xưa tới nay, đâu có riêng gì đám trẻ con, kể cả lớp người

trên đầu hai thứ tóc cũng vậy, hễ được cái này thì mất cái kia, có mấy ai mà được vẹn toàn đâu.

– Nhưng riêng về thằng Thoại nhà mình, chỉ có mất và mất, chớ có cái gì đáng gọi là được đâu.

– Sao không? Nó ghét Tàu đảo đố, và rất thù Tây, với hai điểm ấy há không phải nó đi đúng đường lối chánh trị và chủ trương chống xâm lăng của ông đó sao?

– Ủ, cái đó thì rất đáng khen. Nhưng nói gì thì nói, làm gì thì làm, chớ cái việc nó trốn học để đi với lũ chăn trâu chăn bò là không đời nào tôi chịu chấp nhận. Tôi mà trị nó việc này không được buộc lòng tôi phải nhờ thầy Cẩn can thiệp.

– Đến thầy Cẩn cũng không hơn gì đâu. Bài vở của ông cho ra một tuần, không đủ cho nó học hai buổi. Lại nữa, chữ viết của thầy Cẩn không đẹp bằng chữ của nó, làm sao thầy khống chế nó nổi.

– Biết đâu đấy, bà hãy bình tĩnh chờ tin chót mà xem.

– Ủ, thì tôi cũng nghe ông mà chờ tin giờ chót, để rồi coi ai đúng ai sai.

Vài hôm sau, ông viết thư cho thầy Cẩn là một ông giáo có tiếng khắc nghiệt đối với học trò. Ông yêu cầu thầy Cẩn thay ông dùng biện pháp mạnh sửa trị tôi về vụ trốn học để chơi với lũ chăn trâu. Chờ ngày tôi ra, có mặt thầy Cẩn bảo tôi:

– Kể từ ngày hôm nay, mày không được vắng mặt ngày nào, và tao cấm mày không được đi chơi với lũ mất dạy, chuyên môn ở độ chăn trâu chăn bò cho người ta, không biết làm gì cho nên thân.

Tôi trả lời:

– Thưa thầy, bài vở của thầy cho ra trong tuần, nếu con không thuộc mới là đáng tội. Đến như cái việc con chơi với mấy anh chăn trâu chăn bò, đâu có gì là can danh phạm nghĩa. Bởi là con nhà nghèo, nên phải ra thân làm mướn lấy tiền đỡ đần cho cha mẹ được phần nào hay phần ấy, chớ đâu phải bất cứ kẻ nào đi ở độ chăn trâu cho

người ta đều trở thành kẻ mất dạy như thầy đã tưởng. Trên đời có biết bao chuyện đáng nói mà thầy không nói.

– Việc gì đáng nói?

– Đó là những phần tử hư thân mất nết, ăn hại xã hội, rượu chè be bét, cờ bạc điểm đảng, cậy quyền ý thể cướp duyên giạt vợ của người ta, hoặc sang đoạt đất điền tài sản của bọn dân lành bằng đủ trò phản dân hại nước với những hình thức hợp pháp, nên không ai dám đá động tới chúng. Những con sâu ấy xuất thân từ ngõ ngách nào, có lẽ thầy còn thừa hiểu hơn con.

Nghe tôi nói đến đó, hình như thầy Cần thấy mình bị đưa vào thế kẹt “bất khả xâm phạm” hay sao, nên thầy không dám đi sâu vào câu chuyện ấy, bèn đánh trống lảng bằng cách chia bức thơ của ông già tôi ra cho tôi xem rồi bảo:

– Đó! Chính ông già mày nhờ tao cứ thẳng tay trừng trị mày, nếu từ nay mày còn cứng đầu bỏ học, theo chơi với bọn chần trầu mất dạy, tao sẽ đập mày nát xương cho coi.

– Thừa thầy, đánh con theo lời ông thân con yêu cầu, đó là quyền của thầy. Đến như cái việc con chơi với ai là tùy con chọn lựa, miễn là con không ăn cắp ăn kiêu, làm gì sai quấy nhục nhã thì thôi.

– Nghĩa là mày vẫn cứ...?

– Thừa thầy, con thấy không có quyền gì cần phải thay đổi bất cứ đũa nào có lòng hiếu thảo, làm mướn lấy tiền, giúp đỡ cho cha mẹ, đắp đổi cho gia đình đỡ cơn túng ngặt thì con còn chơi với chúng như thường.

Tức thì lên con phần nộ, thầy Cần liền ra lệnh cho anh Lâm Vĩnh Hường trưởng lớp bắt tôi lên nằm dài dưới nền gạch, bên cạnh bàn giấy về phía tay phải của thầy để cho thầy đánh. Thầy đánh bằng roi mây và roi nào đáng roi nấy. Không phải là tôi không biết đau, song tôi vẫn bấm môi cố gắng chịu đau, nằm yên cho thầy đánh.

Đánh hồi lâu, thấy hơi mỏi tay, thầy ngưng lại, hỏi tôi:

– Sao mày, chịu phép... chưa?

Tôi trả lời:

– Thưa thầy, thầy muốn đánh bao nhiêu cứ đánh cho đã tay; còn con vẫn y theo lệ cũ, thầy cứ đánh nữa đi, con không có gì phiền thầy đâu.

Thầy Cử trao chiếc roi mây cho anh Hường, đó là công việc thường xuyên của anh trưởng lớp. Nhưng anh Hường thấy tôi tròng mắt, biết tôi là kẻ dám ăn thua đủ, nên anh không dám nhận roi của thầy giáo như anh đã từng vâng lệnh thầy Cử đánh những anh em khác. Thấy Cử thấy vậy lắc đầu đi đôi với một tiếng thở dài rồi bảo:

– Thôi đi về chỗ đi mày!

Tôi đã không chịu về, lại còn có một câu thách thức:

– Thưa thầy, sao thầy không đánh nữa đi, đánh cho sưng tay, dịp may ít có, ngàn năm một thuở mà thầy.

Câu nói của tôi vì có tánh cách giễu cợt, làm cho cả lớp cười lên sảng sặc, đến đôi ông giáo cũng khó nín cười, ông phải cười theo rồi nói:

– Thôi đi mày, mày gan lì lắm. Ông già tía mày đã trị mày không nổi, bây giờ đến lượt tao, tao cũng không thể làm gì hơn. Nếu bây giờ tao cứ theo cái nước “lì” của mày mà đánh cho đã nư giận, để rồi tao phải mắc nhân mạng hay sao?

Nói đoạn, thầy Cử bèn ra hiệu cho anh Hường liệu cách mà đưa tôi về chỗ. Mặc dù anh trưởng lớp lớn hơn tôi ba tuổi và sức mạnh cũng hơn, nhưng anh phải động viên thêm ba người nữa, và phải năn nỉ dỗ dành tôi, tôi mới chịu để yên cho họ xúm khiêng tôi về. Bởi không áp đảo được tôi, nên kể từ đó, thầy Cử bớt sự nghiêm khắc đối với học trò trong lớp. Do đó, tôi được anh em cảm tình sâu đậm. Và cũng từ đó, thầy Cử cũng như ông thân tôi, cả hai ông, không ông nào nhắc tới chuyện cứng đầu cứng cổ của tôi nữa. Thế là từ đó, tôi được tự do sinh hoạt theo sở thích của tôi.

Nhưng không vì thế mà tôi được “mọi”, lên chân. Không đâu! Đường như tôi có ít nhiều phục thiện và tự giác một phần nào hay sao ấy, nên khi vào lớp cũng như lúc về nhà, tôi cảm thấy có cái gì khang khác: nhìn vào sự đối xử của mọi người chung quanh, không còn có ai có vẻ kì thị hay chê bai gắt gỏng với tôi như trước. Đại khái như:

– *Đối với nhà trường:* tuy tôi vẫn còn giữ y lệ cũ, nhưng đối với thầy Cẩn cũng như thầy Tùng và thầy Thắng (là hai thầy có dạy lớp tôi về: toán, lí, hóa) luôn luôn tôi vâng vâng dạ dạ với những cử chỉ lễ độ khiêm nhường, không còn có cái chứng gàn bướng khó thương như trước nữa. Có lẽ vì vậy mà khi anh Hường theo cha mẹ di cư lên Sài Gòn, cả ba ông giáo đều hội ý đề cử tôi làm trưởng lớp, tôi đồng ý nhận, nhưng nhận với hai điều kiện:

Một là: phải do anh em toàn lớp bầu cử bằng một cuộc “bỏ thăm” nhưng là thăm “kín”, chớ không phải biểu quyết bằng cách giơ tay, vì giơ tay là bịp bợm là ăn gian, ăn lận, bởi có những người nhát gan, sợ bị trừ mặt, nên dù không đồng ý cũng phải giơ tay. Với ý nghĩa dân chủ hoàn toàn thật sự, chỉ có cuộc “bỏ thăm kín” mới là quang minh chính đại. Với tôi, tôi còn đòi hỏi một số thăm đa số tuyệt đối: 90/100, nghĩa là nếu không được hầu hết anh em tín nhiệm là tôi không nhận chức vụ trưởng lớp.

Biết rằng đòi hỏi như thế là quá mức, là kì cục, song tôi đâu có ham làm trưởng lớp, vì một khi tôi làm trưởng lớp là tôi phải cày như trâu, nai lưng làm việc tối ngày, đâu còn có chút thì giờ nào nghỉ ngơi và đi chơi với anh em?

Hai là: các thầy đừng có bao giờ đưa roi cho tôi bắt tôi phải đánh anh em trong lớp như anh LâmVinh Hường trước đây từng làm cái công việc ấy hằng ngày.

Hai điều kiện của tôi nêu ra, chỉ có cái sau là được, chớ cái trước thì thật là mất mủ quá chừng. Vậy mà cả ba ông giáo đều sẵn sàng chấp nhận, không ai từ chối một lời nào. Kết quả cuộc bỏ thăm kín,

không phải chỉ có 90 phần trăm theo sự đòi hỏi của tôi, mà là đến cả 100/100 tín nhiệm lận kia. Nghĩa là không thăm đối lập, cũng không một thăm trắng nào cả. Ôi! Với một cuộc bỏ thăm kín mà được toàn vẹn như thế thì thật xưa nay chưa từng có một, khiến tôi xúc động đến nỗi không ngăn được hai dòng lệ tuôn trào khi khui thùng thăm.

Nhờ đâu tôi được anh em bạn học cảm tình nồng hậu đến thế? Việc này không mới mẻ gì, mà đã từ lâu. Từ ngày tôi có mặt trong lớp, bất cứ anh em nào có gì thắc mắc, hay không hiểu, khi đến hỏi tôi là tôi sẵn sàng giải đáp tận tường, tôi chưa hề từ chối một ai. Tôi không phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ quen người lạ, với ai tôi cũng đối xử một niềm một lẽ tốt đẹp như nhau, không hề có sự kẻ khinh người trọng. Do sự tận tâm giúp đỡ và không cầu lợi của tôi mà sự học của anh em phát triển khá đồng đều và tiến bộ rất mau lẹ. Từ ngày tôi nhận làm trưởng lớp, mấy ông giáo khỏi cần nhắc nhở rầy la chỉ hết, mà kỉ luật trong lớp được anh em tuân thủ nghiêm minh, không một trò nào dám làm gì sai để các ông giáo phải bận tâm trừng phạt. Mấy ông giáo lúc bấy giờ trở lại thương tôi dào dạt, vì tự tôi đã bớt đi hết mấy ngày đi chơi, chỉ vắng mặt có ngày thứ năm và ngày chủ nhật không phải là ngày học. Công việc chăm nom cho học trò được tôi bao biện gần hết, mấy ông giáo nhờ đó được có thì giờ nghỉ ngơi để tán gẫu với nhau rất là vui vẻ. Còn bài vở của tôi, thôi thì khỏi nói, nói cho cùng mà nghe, vì dù có ghét tôi, cũng phải chấm tôi vào “ưu hạng”, chớ đâu có thể làm gì khác hơn.

– *Đối với gia đình*: tôi luôn luôn thức khuya dậy sớm, thức khuya để nghiên cứu học hành và đọc sách báo để theo dõi tin tức thời sự cả trong và ngoài nước. Đến như việc dậy sớm để giúp đỡ mẹ tôi, tôi đâu có cần chờ mẹ sai biểu hay thúc giục mới chịu đi làm. Mà là tự tôi biết lấy việc gì phải làm hằng ngày là tự tôi làm lấy, và làm thật kĩ, làm rất ra hồn, làm để được sự hài lòng của bà mẹ thân yêu, chớ không chịu làm bả mửa, làm quấy quá cho mau rồi, làm lấy lệ gọi là cho có. Sau khi tôi thấy không còn việc gì để phải làm nữa, khi đó tôi mới đi chơi. Trước khi ra đi, tôi xin phép bà già tôi hoặc ông thân tôi

để được ra đi một cách công khai, đường hoàng cho hợp thời trang!, chứ không bỏ đi ngang theo cách bất hợp pháp như trước nữa.

Nhờ có chí phục thiện ấy mà sau đó tôi được ông già tôi cưng tôi hết mức. Nhất là từ ngày ông được biết tôi chơi với bọn chần trâu bởi mục đích gì, có ý thức hay vô ý thức.

Trước khi kể những chuyện gì đã xảy ra giữa tôi và bọn chần trâu, tôi tưởng cũng nên nhắc ra đây một vài vụ có liên hệ, vì có gì tôi sớm được phát triển tài năng và có ý thức về mặt chống xâm lăng sớm hơn các bạn đồng tuổi, nhất là cái việc ghét Tàu và thù Tây đến mức triệt để là bởi duyên cớ nào?

Trước hết, nhờ ông già tôi thường nhấn mạnh cho các con em trong nhà phải đặc biệt lưu ý về hai điểm này:

1. Đất nước này là đất nước của tổ tiên con Hồng cháu Lạc, thế mà thằng Tây lại nắm quyền cai trị, chúng bắt đồng bào mình phải làm nô lệ cung phụng cho chúng nó, và vơ vét hết tài nguyên xứ mình đem về làm giàu cho chánh phủ thực dân.

2. Nền kinh tế là huyết mạch của xứ sở mình thì bọn Ba Tàu ở Chợ Lớn nó lại nắm quyền chi phối: mỗi món hàng dù lớn hay nhỏ, muốn bán giá nào đều tự chúng quyết định với một giá chung, không một tiệm buôn nào được xé rào, nếu có một kẻ nào đi sai nguyên tắc chung sẽ bị đoàn thể tẩy chay và đuổi đi về Tàu lập tức. Ai có dịp đến Chợ Lớn thì thấy đó là một thành phố Trung Hoa, chẳng chút có vẻ gì là của nước Việt ta.

Vì vậy, mỗi khi nhớ tới vụ này là tôi cay cú sôi sục hơn nhiều, nên việc ghét Tàu và thù Tây ngày càng ghi khắc sâu đậm vào con tim khối óc của tôi.

Kể đó là vào khoảng năm 1919 hay 1920 gì đó, có gánh hát cải lương *Văn Hí Ban* của ông Huỳnh Kim Vui ở Phú Lâm (ngoại ô Chợ Lớn) xuống căng rạp tại chợ Gò Công diễn tuồng *Hai Bà Trưng*. Tuồng tích lịch sử đã hay do ông Đào Châu làm thầy tuồng diễn ra câu ca lời hát rất là tuyệt diệu, còn thêm anh hề Lập là vua chọc cười

hồi ấy, nên gánh hát này đi diễn ở đâu bất luận là thứ tuồng gì cũng được khán giả hoan nghinh nhiệt liệt.

Đêm hát đầu tiên, ông già tôi có dẫn tôi đi. Ông mua vé thượng hạng ngay hàng ghế thứ ba gần sân khấu cho tôi cùng xem. Khi tới lúc ông Thi Sách bị Thái thú Tô Định bức tử rồi liệng tử thi xuống ao Ngân trì một cách tàn nhẫn thô bạo, khiến tôi có cảm tưởng như sự thật xảy ra trước mắt, nên tôi ngậm ngùi đau xót, tiếc thương ông Thi Sách, tôi đã khóc sụt sùi như cha mẹ chết. Lúc đó có nhiều người thấy tôi như vậy hình như họ có vẻ tức cười lại cũng không ít người bị xúc động lây, họ cũng khóc rầm rức như tôi, nhất là mấy ông già bà lão và nhiều cô gái.

Nhưng khi tới màn chót, gán kết cục, Tô Định bị Hai Bà Trưng đánh đuổi, hần phải vất cả áo mão triều phục, cởi lột quan Thái thú, cạo mất chòm râu hách dịch để giả dạng thường dân mới chạy thoát về Tàu. Thì tôi lại cũng tưởng đó là cảnh thật vừa mới xảy ra trước mắt, nên tôi lấy làm thích chí vui mừng, tôi vừa vỗ tay vừa la ó lên. Việc náo động ấy của tôi, được hầu hết khán giả đồng bào hưởng ứng vỗ tay la theo làm rùm cả rạp.

Chính vì vậy mà ở hàng ghế trước tôi, có một người Tàu bụng bự, hần nói xí xồ xí xào, tuy tôi không hiểu tiếng Tàu, song cũng hiểu lôm bôm một vài tiếng thông thường của họ, nên tôi mới biết hần đang chửi tôi, làm cho tôi nộ khí xung thiên, khiến tôi không còn nhớ nơi đây là một rạp hát, và cũng không còn nghĩ gì đến vấn đề pháp luật, nên tôi đã không ngần ngại, nện cho hần một chiếc guốc phun máu đầu.

Đĩ nhiên là hần phải chạy đi kêu *mã tà* để nhờ can thiệp.

Những người ngồi gần nói nhỏ với tôi, bảo tôi nên tìm đường thoát thân chạy trốn cho lẹ, kẻo bị lính bắt đưa về bót thì khó lòng lắm. Nhưng tôi đâu có chịu chối việc gì mà tôi đã vi phạm pháp luật, trốn như thế là hèn, một khi tôi đã có gan làm, thì tôi cũng có gan chịu nên tôi cứ ngồi yên tại chỗ, mặc cho việc gì sẽ tới.

Mấy phút sau, có một chú cai theo vào với tên Tàu phù, ông già tôi đứng lên chào chú cai rồi nói:

– Tôi sẽ chịu hết trách nhiệm nếu con tôi có lỗi.

Chú cai hỏi tôi:

– Tại sao em đập guốc trên đầu chú này?

Tôi trả lời:

– Dạ thưa chú cai, đào kép hát hay thì khán giả ai cũng có quyền vỗ tay tán thưởng, việc đó là thường, can có gì ông ta lại chửi tôi bằng những tiếng tục tĩu. Ông ta chửi tôi rất nhiều, mà tôi mới đáp lễ lại mới có một “cái” thôi.

– Hắn nói bằng tiếng gì, mà em biết hắn chửi em?

– Thưa bằng tiếng Tàu, tuy tôi không biết hết, song cũng biết được một số tiếng thông thường, chẳng hạn như *tiểu-na-má*... *ố-nàm-dành* v.v...

Chú cai buột miệng kêu lên:

– *À ă! Tiểu-na-má là đ... mẹ mày, ố-nàm-dành là người An-nam.* Đó là những tiếng thô tục, rất kị đối với người Việt chúng tôi, thế mà nị lại dùng những tiếng ấy để chửi một thằng bé trong khi nó chỉ vỗ tay khen đào kép hát hay, chớ nó không chọc ghẹo gì tới nị. Như vậy, tại nị gây sự trước, nên bị nó đập guốc lên đầu là phải, còn thưa kiện nổi gì?

Tên Tàu phù chối, bảo rằng ông ta nói chuyện với vợ con và người bạn ngồi kế bên, chớ không đá động gì đến tôi. Chú cai bèn hỏi những người chung quanh thì ai cũng làm chứng cho tôi rằng ông ta có chửi. Khi đó chú cai mới nói:

– Tôi hỏi là hỏi cho có chứng cứ, chớ tôi cũng biết là nị có chửi rõ ràng. Theo lời nói thì nị không có đá động gì tới thằng bé này, nị chỉ nói chuyện với vợ con và bạn bè thôi, nhưng sao lại có mấy tiếng *Ố-nàm-dành* sau mấy tiếng *tiểu-na-má* là nghĩa gì vậy?

Tên Tàu phù cứng họng, chú cai bèn hỏi tiếp:

– Nị tính qua mặt tui, nhưng đâu có được. Nị là chủ tiệm vải Đại Phước Hưng ở đường Kinh Lấp, tui biết dư mà. Cách nay lối chừng hai tháng, vợ tui đến tiệm nị mua bốn thước vải để may bộ đồ bà ba, khi đem xấp vải về nhà đo lại kĩ thì chỉ có ba thước chín, vì không đủ may bộ đồ, nên phải đem trả lại, thì nị cũng dùng mấy tiếng thô tục ấy nói với vợ tui. Tánh chất của người Tàu tốt đẹp của phần đông phải chăng là như vậy đó? Nị là kẻ tha phương cầu thực, hồi bên Tàu mới qua chỉ xách đít không, nhờ đồng tiền huyết mạch của đất nước này mà được làm giàu có kinh dinh sự nghiệp, xài là lẽ không hết, còn gởi về Tàu nuôi dòng họ bà con. Như thế, đã chẳng biết ơn thì chớ, các người còn trở lại khinh khi người Việt chúng tôi là ông chủ nhà, chủ đất, nơi mà cả bọn nhà người đang ăn gỏi nằm nhờ!

Tên Tàu phù gục mặt nghe, không có lời lẽ gì để biện minh sự xâm lược về nền kinh tế của một quốc gia lân cận. Chú cai lúc bấy giờ mới lặp lại vụ mới xảy ra mà hần vừa đi thưa hỏi nầy:

– Bây giờ tôi nhắc lại về vụ mà nị đi thưa: một đàn đũa “tục” trước, một đàn đập “guốc” lại sau. Lỗi là tại nị gây sự trước, đáng lẽ tui phải phạt nị mấy ngày làm cỏ trước sân nhà ông cò, nhưng mà thôi, tôi xử “huê” cho nị khỏi bị phạt. Chịu hay không tùy ý, tôi chẳng ép ai hết. Nếu hai bên đồng ý như vậy thì ai về nhà nấy. Người nào không chịu, thì cứ theo tui về bót, để cho ông cò ổng xử sao đó ổng xử, tôi chỉ làm chứng ai phải ai quấy thôi.

Nghe chú cai nói sẽ làm chứng ai phải ai quấy thì tên Tàu phù chủ tiệm vải Đại Phước Hưng phải chịu “huê” cho êm chuyện, chớ đâu còn dám đòi hỏi lỗi thôi gì nữa.

Tranh thủ được vụ này, không riêng gì ông già tôi và tôi, mà hầu hết khán giả đồng bào có mặt trong đêm hát ấy đều lấy làm vui lòng hả dạ vô cùng. Khi văng hát về, ra tới cửa, có nhiều người khen tôi can đảm, dám làm dám chịu và móc tiền thưởng tôi, nhưng tôi không

nhận của ai, tôi lấy tay bịt hai miệng túi lại, không cho ai nhét tiền vào túi tôi. Có những người hỏi tôi tên gì, ở đâu. Tôi chỉ gật đầu cảm ơn cô bác anh chị, chứ không nói gì hết. Tôi chừng thấy người ta bu lại đông quá, tôi phải vụt bỏ chạy cho khỏi bị người lớn vò đầu hun hít như đối với con em trong gia đình, vì lúc ấy tôi hãy còn nhỏ lắm. vì tôi ra đời năm 1909, mà đêm xem hát ấy mới có vào năm 1919 hay 1920 gì đó thôi.

Sau vụ này ít lâu, có một chú Chệt ở đâu ngoài chợ Gò Công vào làng Tân Đông (sau này là Bình Nghi) đội một thùng kẹo đục vô đó mà bán. Tôi sắp đặt cho hơn chục đứa xúm lại ăn một lượt. Sau khi ăn chán rồi, tôi giả đồ bị trúng thực, nhào lặn xuống bờ lộ, ôm bụng kêu la rất dữ dội. Chú Chệt sợ tôi chết thiệt, sợ bị làng bắt ở tù, bèn ôm thùng kẹo chạy trốn chết. Dĩ nhiên tôi được trẻ con hàng xóm hoan nghênh triệt để, vì được ăn hàng mà khỏi trả tiền. Đứa nào cũng ước mong được tôi tổ chức nhiều cuộc “*ăn chạy*” như thế để được cười chơi. Nhưng kể từ đó, bọn chúng canh hoài mà không thấy có chú Chệt nào đội kẹo đục hay gánh tàu hủ vào làng tôi bán nữa. Tôi coi đó như một cách trả thù cho đồng bào dân tộc được phần nào.

Đó là về mặt phá Tàu, còn cách thù Tây tôi phải làm sao?

Nguyên hồi xưa, cách sáu, bảy mươi năm về trước, lúc tôi còn bé, dưới thời ngoại thuộc, thỉnh thoảng có một viên cò hiến binh, hoặc một tên Tào cáo (tức là nhà Đoan: douanier) vào tận thôn quê (chúng đi bằng xe đạp) do một thầy Đội hương dẫn để ruồng bắt những người *trốn giấy thuế thân và nấu rượu lậu*. Giấy thuế thân là gì? Là giấy tùy thân, cũng như căn cước hay chứng minh nhân dân sau này đó vậy. Giấy “*thuế thân*” chia làm hai dạng: hữu sản đóng năm đồng, vô sản bốn đồng. Chỉ có mấy đồng bạc, mà có nhiều người phải trốn thuế là nghĩa làm sao? Vì đồng tiền hồi ấy rất là có giá, thí dụ với năm đồng bạc mua được 25 gia lúa, xay ra hơn 13 thùng gạo, một người ăn suốt cả năm không hết. Cũng nên biết chỉ

có dân đàn ông từ 21 tới 65 tuổi mới phải đóng giấy thuế thân, chớ đàn bà khỏi có giấy tùy thân chi hết.

Còn “*ruợu lậu*” là sao? Thế nào là *ruợu lậu*?

Vì hồi ấy chỉ có *hãng Fontaine* ở Bình Tây (Chợ Lớn) mới có quyền nấu *ruợu trắng* bán cho dân. Nhưng *ruợu* của Tây nấu bằng gạo lứt nấu với chất hóa học, uống vô thêm bệnh mà cũng không ngon bằng *ruợu nếp* của đồng bào mình vì thôn quê nấu với men. Nhưng một khi nhà cầm quyền thực dân đã cho *hãng Fontaine* được độc quyền, mà đồng bào ta còn lên lút nấu riêng để dùng hoặc bán kiếm lời, là sẽ bị họ coi như phạm pháp, chớ còn gì nữa. Vì vậy mới có thứ Tây Tào cáo đi bắt *ruợu lậu*.

Những người không tiền đóng giấy thuế thân, hoặc bị tố giác về tội nấu *ruợu lậu*, nếu không may bị bắt thì chúng trối tay và giòong dây cột vào sau yên chiếc xe đạp của thầy Đội chạy trước, rồi một thằng cò hiến binh, hay một thằng Tây Tào cáo cũng cỡi xe đạp, chạy sau ủa tới, các nạn nhân phải chạy lúp xúp cho kịp theo sau chiếc xe thầy Đội, nếu không sẽ bị thằng Tây nó nện ba trắc (là củ chi thun) lên đầu.

Đã đau lòng vì cảnh nước mất, lại còn phải chứng kiến thêm cái cảnh đồng bào bị nhục, khiến tôi càng xốn xang bức tức vô cùng. Vì không thể nhìn cảnh ấy bằng cặp mắt vô tình, nên tôi phải liệu cách trả thù.

Hồi tôi còn nhỏ, tôi thường dùng ná “thun” ruột xe hơi, tôi bắn bằng đạn đá sỏi, ít có khi trật. Nhưng tôi chỉ bắn chim cò hoặc trái cây, chớ chưa có dịp bắn người, vì bà con trong làng từ lớn đến nhỏ ai cũng tốt bụng với tôi. Nay tôi được gặp kẻ thù lại là kẻ thù Việt gian đi đôi với kẻ thù cướp nước, còn chi thích thú cho bằng.

Một hôm, thấy có mấy người bị bắt sắp đưa về tỉnh bằng cách giòong dây theo kiểu nói trên, tôi bèn kiếm chỗ liệu một cách núp thế nào gần bên mé lộ, chờ cho chúng vừa chạy ngang qua, tôi liền giương cung nhắm ngay sau ót thầy Đội Việt gian ném cho một phát như

trời giáng hạt, hần bị té nhào xuống lộ, kế đó một thằng Tây lãnh thêm phát nữa. Thế là chúng nó đụng nhau đùn cục, chồng chất lên nhau, máu mũi tùm lum, nằm *ngay đờ cán cuốc* như hai xác chết. Không những thế, tôi còn đạp lên mặt chúng mỗi đứa mấy cái cho hả mỗi cầm thù phần nào.

Mấy nạn nhơn liền được mở trời trả cho chạy mất. Còn hai chiếc xe đạp của chúng thì tôi cạy bỏ mất vôi cho xì hơi xẹp bánh, và vít cút trâu bôi đầy trên yên, khắp sườn xe không sót chỗ nào.

Người trong làng, nhất là bạn học và anh em chẵn trâu, thấy tôi làm vậy thì ai cũng thích, nhưng lại sợ tôi bị bắt thì nguy.

Đáng lẽ thì tôi trốn mất, nhưng không, tôi vẫn lẩn quẩn tại đó để chờ...

Một chập rất lâu, tôi thấy thầy Đội cựa mình rồi ngóc đầu dậy nhìn quanh nhìn quất, thấy tôi đang giương cung ná nhắm ngay thầy ta, thì thầy ta sợ quá, vội vàng khoát tay che mặt và nói:

-- Thôi em! Tui bị một phát sau ót đau lắm em ơi! Nếu em còn bắn nữa chắc tui phải chết bỏ vợ bỏ con quá.

Tôi hỏi:

-- Vậy mà thầy dẫn Tây đi bắt đồng bào về bót cho Tây đánh, có khi thầy cũng đánh, sao thầy không kêu đau?

Thầy Đội trả lời:

-- Thôi, từ nay sắp tới, qua không đi với tui nó nữa đâu.

-- Chắc hôn?

-- Chắc chứ!

-- Một khi Tây nó biểu thầy dẫn đường cho nó, mà thầy không đi thì thầy sẽ bị nó đuổi, không cho thầy làm việc nữa, nồi gạo của thầy bị đổ, thầy lấy gì nuôi vợ con?

-- Có bị đuổi cũng được, không sao, tôi muốn thôi lâu rồi, chỉ vì chưa có dịp đó thôi.

Tôi nghe có hơi lạ tai, bèn hỏi tới:

– Tại sao lạ vậy? Thầy bỏ đồng bào ruột thịt để chạy theo Tây làm chi, rồi bây giờ lại muốn thôi là có làm sao?

– Em có biết không? Dòng dõi của qua có phải hư hèn gì đâu, ông già tôi hồi trước là người ở trong quân đội của *Bình Tây đại nguyên soái Trương Công Định* đó. Sau khi ông già tôi tử trận, cụ Trương bị tên Huỳnh Công Tấn làm phản, bán đứt cho Tây để được Tây phong chức lãnh binh, quân đội chống Pháp bị tan rã, một số đầu hàng, *qua* là một trong số đầu hàng ấy. Từ ngày theo Pháp tới giờ, *qua* đã chứng kiến nhiều việc đau lòng, nên có lắm lúc *qua* hồi tâm nghĩ lại.

– Được lắm, thầy biết hồi tâm nghĩ lại như vậy là tốt lắm, đáng khen cho thầy lắm đó. Bây giờ sẵn dịp này, lấy cớ bị thương nhức nhối trong đầu, xin thôi, kiếm nghề khác làm ăn để chuộc lại cái tội lắm đường lạc lối của mình.

– Em mới có mười mấy tuổi mà em nói nhiều câu tôi nghe được quá. Còn tui trên đầu hai thứ tóc mà còn dại chạy theo Tây phản bội quê hương. Nghe những lời thuyết lí của em, khiến cho tôi hết sức hổ thẹn. Thôi được, về chuyện này qua sẽ làm đúng theo đề nghị của em.

– Thầy biết giác ngộ, tách khỏi kẻ thù cướp nước, để quày đầu về với quê hương tổ quốc thế này, thật không còn chi quý hóa cho bằng. À! Còn thầy còn này, bây giờ tôi muốn bắn nó thêm một vài phát nữa cho nó chết luôn, thầy có ý kiến gì không?

Thầy Đội suy nghĩ một chút rồi đáp:

– Thầy còn này ác lắm, tôi cũng không muốn để cho nó sống. Nhưng không thể được, vì tôi đi chung với nó, nếu nó chết mà tôi lại còn sống, ắt tôi không khỏi tội liên can. Bây giờ tôi phải nằm xuống, giả như hãy còn bất tỉnh, để một chút nữa, nó dậy trước tôi, coi nó làm sao, khi đó rồi sẽ liệu. Còn em, bây giờ em đi đâu cho khuất, đừng đứng gần đây.

Tôi bèn bắt tay từ giã đi đôi với mấy lời cảm cảnh đậm đà rồi đi. Nhưng tôi đi ra phía đồng ruộng, chứ không vào xóm tôi ở.

Kể từ hôm ấy, không còn một thằng Tây hay một chú lính nào dám vào làng tôi và mấy làng kế cận để ruồng bắt “thuế thân” và “*ruou lậu*” nữa.

*

Ông thân tôi và mấy ông giáo muốn biết tôi chơi với anh em chăn trâu với những trò gì, bộ hấp dẫn thích thú lắm sao mà đến phải bỏ học mỗi tuần đến mấy ngày. Họ hỏi, tôi không tự ý khai ra sự thật, mà chỉ trả lời úp mở thế này:

– Các ông muốn biết sự thật mà chỉ nghe những lời chúng tôi thuật lại thì sao bằng được đến tận chỗ để được nghe tận tai và được thấy tận mắt.

Các ông bèn hội ý tìm một chỗ núp kín đáo, chờ khi nào thấy tôi sắp sửa đi họp bạn thì các ông lên ra đó trước núp trong bụi rậm mà rình. Nơi chúng tôi chơi ở tận ngoài xa, cách xóm làng có hơn cây số. Đó là tại ao làng cũ bên cạnh bờ đìa cây Vông của sở công điền làng Tân Duân Đông.

Bọn chúng tôi vừa bạn học vừa chăn trâu, tổng số có trên 40 đứa. Tôi chia làm hai phe: một bên là quân thù cướp nước, một bên chống xâm lăng. Dĩ nhiên, luôn luôn tôi là kẻ cầm đầu phía chống xâm lăng.

Chúng tôi thừa biết các ông giáo và ông thân tôi đang núp ở đâu. Nhưng chúng tôi giả vờ không biết, để cho các trận đánh được xảy ra một cách tự nhiên. Các ông được mục kích trận đầu tiên là trận “*Hai Bà Trưng đánh đuổi Tô Định*”.

Theo như trong sử đã nói thì đại khái rằng, ông Thi Sách bị Tô Định giết, bà Trưng Trắc vì thù chồng nợ nước mới cùng người em gái là Trưng Nhị dấy binh khởi nghĩa tại đất Mê Linh, đánh đuổi kẻ thù, Tô Định phải vất cả áo mão triều phục, giả dạng thường dân, thay lột quan Thái thú mới chạy thoát về Tàu.

Nhưng sau đó không lâu, có tên Mã Viện, tướng tài số một của nhà Đông Hán, kéo đại binh sang đánh úp quân ta, vì thế cô sức yếu, quân ta không chống nổi với một lực lượng mạnh gấp mấy chục lần hơn, nên hai bà đành phải gieo mình xuống sông Hát Giang trăm mình tử tiết.

Nhưng cuộc chiến tranh giữa ta và Tàu khi được đặt dưới quyền điều khiển của tôi, làm gì có chuyện ông Thi Sách phải chết về tay Tô Định như trong sử nói. Không đâu! Ông Thi Sách vẫn sống nhăn để hợp tác với hai chị em bà Trưng, hiệu triệu quần chúng nổi lên phản ứng mãnh liệt, và chính ông Thi Sách đã chém rơi đầu tên Phục Ba tướng quân Mã Viện, rồi xua đại binh kéo rốc sang Tàu bắt vua Đông Hán về làm tù binh giữ ngựa cho Hai Bà Trưng. Nước Trung Hoa từ đó trở thành một chư hầu của nước *Đại Nam*, phải xưng thần cống sứ hàng năm dưới quyền bá chủ của Nữ hoàng Trưng Trắc.

Đó là chuyện ghét Tàu và tiếp theo đây là chuyện thù Tây:

Pháp đầu hàng vô điều kiện: - Như hầu hết mọi người đều biết, theo như trong sử đã nói: ông Hoàng Hoa Thám (tức ông Đền Thám), một tay bản lĩnh cao cường và nhiệt tình yêu nước, ông chiếm vùng Yên Thế (thuộc tỉnh Bắc Giang) từ năm 1885 đến năm 1913, ông đương đầu với giặc Pháp trải qua nhiều trận kinh hồn, làm cho Pháp hao binh tổn tướng không ít. Rất tiếc, trong số bạn bè của ông, có một phần tử gian manh xảo trá, tên Lương Tam Kỳ (gốc người Vân Nam bên Tàu) hắn đã từng bí mật giao thương với địch mà ông không hay, khiến nên ông phải bị giặc Pháp sát hại một cách bất ngờ trong đêm 19-03-1913 thật là tức tưởi. Nếu không có tên phản bội này, chưa chắc giữa ông Đền Thám và thực dân Pháp rồi sẽ ra sao?

Đó là sự thật theo trong chánh sử đã nói. Nhưng đến lượt tôi làm chủ tình hình trong các trận chiến bên cạnh bờ địa cây Vông, thì ông Đền Thám không chết như vậy, mà kẻ phải đền nợ máu trước hết là tên Lương Tam Kỳ. Kế đó đoàn quân viễn chinh của thực dân Pháp bị quân ông Đền Thám đánh phủ đầu, tiêu diệt hơn bảy phần mười, còn

bao nhiêu bắt sống hết. Không những thế, tất cả các hàng quan lại của thực dân Pháp như: *toàn quyền, khâm sai, khâm sứ, công sứ, chánh mật thám, tham biện, quan tòa, cô bót, giám đốc* các tù các sở đều bị túm hết đẩy ra Côn Đảo làm việc khổ sai thay cho các nạn nhân người Việt đã bị chúng cầm tù ngoài đó từ lâu.

Ông Đề Thám (tức là tôi đóng vai ấy) gửi tối hậu thư cho Tổng thống Pháp phải bồi thường cuộc chiến tranh xâm lược hơn 500 triệu quan, nhân cho 10 lần, thành ra năm tỉ quan cả thảy.

Nếu không theo đúng điều kiện của tôi (tức ông Đề Thám) thì số tù binh quan trọng kia sẽ bị bắn bỏ hết. Khi được tin dữ dội này, tổng thống Pháp phải đích thân sang tận Việt Nam để điều đình với ông Đề Thám xin bớt một phần ba số tiền bồi thường quá nặng kia, vì ông đã vét hết ngân hàng quốc gia (Banque de France) mà cũng chưa có đủ.

Các bạn xem đến các việc tôi làm, có ai chẳng biết đây là chuyện chỉ có thể xảy ra trong đầu óc tôi, chứ chuyện thật ngoài đời làm gì có vậy. Nhưng một khi tôi đã đóng vai ông Đề Thám có nhiệm vụ chống xâm lăng, thì tội gì tôi không đánh gục kẻ thù cho thỏa cái chí hào hùng thù Tây giết giặc của tôi. Và lại, tôi đánh giặc bằng sức tưởng tượng, đâu có tốn đồng lớn đồng nhỏ nào mà tôi hồng tiếc.

Ông già tôi và ba ông giáo được chứng kiến trọn vẹn các trò chơi kì thú của tôi, khi đó các ông mới biết bởi lí do nào mà tôi trốn học bỏ nhà theo chơi với lũ chăn trâu có ý nghĩa gì. Từ trong bụi rậm bước ra với hai hàng nước mắt bởi sự xúc động giữa lúc Tổng thống Pháp đang điều đình với ông Đề Thám cho *nước Pháp đầu hàng vô điều kiện* để được lãnh số tù binh quan trọng kia về, ông nghẹn ngào nói không ra tiếng. Còn ba ông giáo, trước kia đã coi tôi như *một thằng nhóc bất trị*, bây giờ các ông lại khen tôi là *một đứa trẻ phi thường* (c'est un enfant extraordinaire).

★

Nhờ có hoa tay với một tuồng chữ khá đẹp, lúc mắt tôi còn tinh, nếu tôi viết theo kiểu chữ in bằng mực đen (lúc đó dùng mực Tàu, chớ chưa có nguyên tử đen như sau này), nên có nhiều người lầm tưởng đó là chữ in. Trong khi ở tỉnh nhà tôi (Gò Công) chưa có nhà in, ai muốn có *danh thiếp* (carte de visite) hay *nhãn hiệu* (étiquette) một món hàng hóa gì, phải lên Chợ Lớn mượn các nhà in của người Tàu in cho thì phải hao tốn bốn bàng, nào tiền ăn uống, tiền xe cộ, có khi chờ hai, ba ngày mới lấy được, thì còn phải tốn tiền khách sạn (nhà ngủ) nữa. Còn mượn tôi làm tại Gò Công thì ít tốn hơn.

Để đáp lại hậu tình của ba ông giáo (thầy Cẩn, thầy Tùng, thầy Thắng) tôi bèn vẽ một số kiểu danh thiếp, rồi tùy ý các ông chọn lựa theo ý thích của mình để tôi làm tặng riêng mỗi ông 100 tấm, tuy giấy không được tốt lắm, song mỗi kiểu có một cảnh hoa khá đẹp, và có hộp đựng bằng hoàng, trông rất mỹ thuật.

Riêng tôi, tôi cũng có một kiểu danh thiếp đặc biệt, xưa nay chưa từng thấy:

Roi Montagnard
Certificat Polytechnique
de l'Ecole maternelle

Tạm dịch là:

Vua Núi
Tốt nghiệp Bách Khoa
Trường Mẫu giáo

Trường Mẫu giáo mà lại có bằng “Bách Khoa Đại học” nghĩ có lạ chưa? Ai trong vào tấm danh thiếp kì dị này mà chẳng bật cười. Thế cho nên cả ba ông giáo, ông nào cũng lấy làm tự hào về chỗ: trong đám học trò của mình được có một đứa có nhiều sáng kiến lạ lùng, còn thêm một tuồng chữ tuyệt vời, không những đẹp hơn các trẻ em đồng tuổi, còn “ăn trum” luôn cả người lớn nữa. Nhưng cái thời “hoa niên” nay còn đâu, nó trôi về dĩ vãng mất rồi. Năm nay (1987)

tôi đã hơn 79 lần xuân qua thu lại, và hơn 35 năm sống trong lao lý khốn cùng dưới thời Pháp thuộc, tôi đã phải chịu đựng biết bao cảnh trạng bi đát hãi hùng, nên hai mắt tôi bây giờ lơ lếch lắm rồi, tôi phải mang kính lúp (loupe) đến 18, 19 độ mới thấy đường mà đọc báo hay viết sách.

Nhắc lại hồi còn đi học, tôi tặng ba ông giáo mỗi ông 100 danh thiếp tuyệt đẹp, mấy ông lấy làm thích quá, đem khoe cùng hết để làm quảng cáo cho tôi. Do đó, thân chủ của tôi càng ngày càng đông, và cũng vì đó mà tôi thêm mệt, ít có thì giờ để nghỉ ngơi và chơi với bạn bè.

Về giá cả với các giáo chức, hoặc với các bạn bình dân, tôi chỉ lấy công làm lời. Trái lại, với hạng giàu có sang trọng và các đại thương gia, tôi tính giá năm, sáu lần hơn để bù lại cho các bạn nghèo. Tuy tôi tính giá chênh lệch quá xa như vậy, nhưng không một ai có tiếng phàn nàn, thỉnh thoảng còn có người tự ý thưởng thêm là khác. Tôi hưởng ân huệ ấy vì ba lý do sau đây:

Một là mấy ông mấy bà thuộc hàng khá giả thấy tôi hãy còn bé quá mà lại làm được lắm việc ngoài sức tưởng tượng, nên họ thương tôi như thương con cái trong nhà. Không thiếu gì những ông bà tiền dư của sẵn cứ theo dụ tôi: nếu chịu về làm con nuôi cho họ sẽ được họ cung chiu hết mức, muốn gì được nấy. Nhưng tôi chỉ biết cúi đầu và trả lời bằng hai tiếng "*cám ơn*", chứ không vì lẽ gì mà bỏ cha mẹ nhà để theo về với những gia đình giàu có sang trọng hơn, ăn uống phủ phê hơn.

Hai là tuy tôi tính giá cao hơn, song vẫn chưa bằng sự hao tổn mà họ phải đi Chợ Lớn.

Ba là chỉ có nhãn hiệu hàng hóa (étiquette), vì in số nhiều với nhiều màu sắc sỡ, tôi đâu có thì giờ mà làm món này, nên họ phải lên Chợ Lớn mượn in. Riêng về món danh thiếp (carte de visite) thì phần đông đều thích đến tôi, vì bất cứ họ ra kiểu nào, dù khó khăn rắc rối đến đâu tôi cũng cố gắng làm sao cho vừa ý họ. Bằng cơ là, có nhiều

người thường xuyên lên xuống Sài Gòn Chợ Lớn, thế mà họ không cần tới nhà in làm công việc ấy, họ lại mua giấy thật tốt và thật đắt tiền đem về cho tôi, để tôi vẽ những kiểu danh thiếp đặc biệt theo ý muốn. Trường hợp dĩ nhiên tôi được tặng thêm một số tiền phụ cấp để họ được độc quyền cái kiểu nào mà họ hài lòng nhất, ngoài gia đình họ, tôi không làm cho ai khác.

Tiền vẽ danh thiếp thâu vô cũng khá bộn bề, nhưng tôi không cờ bạc, rượu chè chi hết, cho đến cà phê, thuốc điếu tôi cũng không dùng. Hồi ấy, tôi chỉ thích dùng có mấy món này: *khô mực nướng*, *bánh in*, bông cỏ có xịt dầu chuối thơm thơm là tôi ưa nhất, sau cùng là *đường cát quậy nước chanh*. Còn mấy món như rượu, trà, cà phê, thuốc điếu (cho đến bây giờ) đã 79 tuổi rồi, mà tôi vẫn không hề động tới.

Số tiền tự tôi tạo ra khá dồi dào ấy, tôi đưa hết cho mẹ tôi để phụ vào tiền chợ mua ăn hằng ngày và sắm thêm quần áo. Sau đó, tôi còn mua được chiếc xe đạp hiệu Aleyen của Pháp.

Ngoài việc nhà, đối với những thằng bạn nghèo, hoặc thiếu gạo ăn, là tôi sẵn sàng chia cơm xẻ áo cho nó. Mỗi khi tôi được giúp đỡ cho một người nào, tôi cảm thấy lòng tôi khoan khoái lắm. Có thể nói đời của tôi, tôi chẳng thích xòe tay để nhận cái gì của ai, mà chỉ thích chia sẻ cho bất cứ ai thiếu thốn hơn mình.

Ông thân tôi thấy tôi có lòng bác ái, vị tha đối với bạn nghèo đi đôi với một tâm hồn yêu nước dồi dào như vậy, thì ông rất ăn năn hối tiếc. Nhất là từ sau khi ông được dịp chứng kiến những việc gì xảy ra ngoài bờ đìa cây Vông trở về, ông khóc với bà già tôi. Đây, đại khái những lời ông nói:

– Nếu trước đây mà tôi được sớm biết thằng Thoại có một tâm hồn cao quý như vậy, thì tôi thương nó không hết, có đâu hành hạ nó đến đời như vậy.

Bà già tôi nói:

– Hồi đó tôi đã chẳng từng khuyên can ông đó sao. Tuy nó bỏ học, đi chơi với bọn chần trâu, nhưng các cuộc chơi của nó rất có ý nghĩa về mặt tập rèn ý chí chống ngoại xâm, chớ nó đâu có làm chuyện chỉ tội tệ đáng phải trừng phạt bằng cách trói nó vào cột mà đánh đến đổi tét da xẻ thịt, lại còn lấy muối ớt mà xát vào những chỗ bị thương của nó. Nhưng những lời tôi nói hồi ấy có được ông đếm xỉa gì đâu, bây giờ ông biết ăn năn thì sự đã rồi.

Lúc đó, ông già tôi chỉ có nước khóc và... khóc thôi. Dù vậy mặc lòng, tôi cũng không có cơ gì phiền giận ông già tôi được, vì tại tôi “*cứng đầu*” quá, không đánh không được. Nên lúc nào quên đi thì thôi, mỗi khi nhớ tới chuyện cũ, tôi càng thương ông nhiều hơn.

Đời của tôi, rủi may, vinh nhục, lên voi xuống chó đủ điều, thôi thì cũng gọi là “*tạm được*” đi cho. Duy còn có chuyện này làm tôi tủi hổ suốt đời, dù tôi hết sức muốn quên, nhưng không làm sao quên được.

Số là bình sanh tôi rất cảm phục đức ông Hoàng Diệu, vì khi Pháp cưỡng chiếm thành Hà Nội là ông liền tự tử để chết theo thành, ông không màng cái “*sống nhục*” sau khi Hà thành đã mất. Ông chết một cách vẻ vang. Tôi hằng ước được có một cái chết “*oanh liệt*” như ông.

Thế mà hồi 1946, tôi là kẻ có trách nhiệm, lẽ ra tôi phải chết khi Côn Đảo bị Pháp tái chiếm. Nhưng tôi đã không làm đúng theo ước nguyện của tôi theo gương đức ông Hoàng Diệu.

Điều đó phải chăng tôi là kẻ non gan hèn chí (úy tử tham sanh), tôi tự xét tôi không xứng đáng đứng trong hàng ngũ công dân nước Việt.

9. KINH KHA CÓ PHẢI MỘT DŨNG SĨ TOÀN TÀI, HAY CHỈ LÀ...

Thái tử Đan con vua nước Yên, bị bắt làm “con tin” bên nước Tần. Lâu ngày, nhớ nhà, nhớ nước, bèn nhắn tin về nói với vua cha: giả có bệnh nặng để xin về thăm. Nhưng Tần Thi Hoàng lại bảo:

– Vua Yên chưa chết, Thái tử chưa được về. Trừ khi *chim qua bạc đầu, ngựa mọc sừng* khi đó Thái tử mới được hồi hương.

Thái tử Đan phải tìm hết cách, lén lút cải trang với muôn vàn khó nhọc mới về tới nước Yên. Lúc đó, vua Tần đang bận tâm về việc mưu toan xâm chiếm hai nước Hàn, Triệu, chưa có thì giờ rảnh để hỏi tội nước Yên.

Thái tử Đan không bao giờ có thể quên được mấy tiếng khắc nghiệt: *Qua bạc đầu và ngựa mọc sừng* của tên bạo chúa Tần Thủy Hoàng, nên tuy được về tới nước nhà, mà lòng dạ chẳng yên, lúc nào cũng thấy mình như đang ngồi trên bàn chông. Vĩ dù có liên minh được với bao nhiêu nước khác cũng không chống nổi binh lực nước Tần, vì nước Tần trong lúc bấy giờ đang ở trên cái tư thế đệ nhất oai hùng, khi nghe đến cái tên Tần Thủy Hoàng là người ta đã sợ khiếp vía rồi. Nên phân đông, ai cũng muốn hàng để mong được chút nới tay, không ai dám nghĩ tới việc chống đối vua Tần, vì sợ mang lấy cái họa tày trời không sao lường được.

Chỉ còn có một Thái tử Đan của nước Yên, vì oán hận vua Tần đến thâm căn cố đế, nên ông ta mới nghĩ đến một “*nước liều*” là làm sao tìm cho được một dũng sĩ gan mật hết mình, có đủ tài đủ trí và dám hi sinh vì đại nghĩa, mạo hiểm sang kinh đô Hàm Dương, *liệu cách nào hạ sát cho được vua Tần*, may ra mới cứu được nước Yên, đồng thời cuộc diện của thời Chiến quốc sẽ nhờ đó mà có cơ hội chấm dứt nạn can qua do Tần hoàng luôn luôn đe dọa nền hòa bình chung của các nước nhược tiểu.

Có người giới thiệu vị kì lão Điền Quang là một tay kiếm hiệp toàn tài đã nổi tiếng từ buổi thiếu thời, nhưng lúc bấy giờ ông ta đã về chiều, liệu mình không còn đủ sức đảm đương việc lớn, nên lão mới tiến dẫn tráng sĩ Kinh Kha đến Thái tử Đan.

Tin theo lời ca ngợi của ông lão Điền Quang, Thái tử Đan yên trí Kinh Kha là một tay kiếm hiệp tài trí song toàn, bèn long trọng rước về đối xử theo hàng thượng khách, cho ở riêng một tòa biệt thự lộng

lấy kêu là *Kinh quán*, đối diện với *Phàn quán* của Phàn Ô Kỳ, vốn một đại tướng bên Tàu, vì không khuất phục vua Tần mới chạy sang Yên lánh nạn.

Ngày nào Thái tử Đan cũng đích thân đến tại Kinh quán để kính viếng Kinh Kha, so với cha sanh mẹ đẻ chưa chắc đã bằng. Thái tử Đan cấp cho kẻ hầu người hạ huyền thiên với đủ thứ món ngon vật lạ, nhất là “rượu ngon” và “gái đẹp” là hai món rất thích hợp với bản chất tình người của anh chàng tráng sĩ họ Kinh.

Một hôm Thái tử Đan đưa Kinh Kha cỡi thuyền đi du hồ nơi phía đông kinh thành nước Yên, thấy có con rùa lớn nổi trên mặt hồ, Kinh Kha toan kiếm vật gì để chơi con rùa, thì Thái tử Đan nhanh tay móc ra một nén vàng trao cho Kinh Kha để liệng con rùa ấy.

Một hôm khác, hai người cùng cỡi ngựa rong chơi, Kinh Kha lại nhìn vào con ngựa của Thái tử đang cỡi mà nói: *thịt ngựa và nhất là gan ngựa* ăn bổ lắm. Phải biết, ngựa của hàng vua chúa cỡi đâu phải là ngựa tầm thường, nhưng một khi Kinh Kha đã thốt ra những lời quái gở như vậy, gẫm có khác nào anh ta lên án tử hình con ngựa trong khi nó chẳng tội gì. Thế mà ngay sau cuộc đi chơi ấy về, Thái tử liền sai nội thị quật con ngựa quý của mình, mổ lấy gan, xào nấu làm năm, bảy món để đãi Kinh Kha một tiệc ngon lành theo sự thèm muốn của chàng ta.

Trong khi chờ đợi việc sang Tần, Thái tử Đan thiết một buổi dạ yến hết sức linh đình để đãi Kinh Kha. Thái tử cho nàng hầu đẹp nhất của mình ra hầu rượu và khảy đàn để có góp vui. Nhìn vào hai bàn tay nõn nà trắng muốt lên bóng xuống trầm trên những đường tơ, không biết trong giờ phút ấy, đầu óc của Kinh Kha có những cảm nghĩ như thế nào, lại buột miệng kêu lên:

– *Thật là tay tiên, đẹp đẽ làm sao.*

Đến rồi sau khi tan tiệc, có viên nội thị đem dâng cho Kinh Kha một chiếc hộp có cần ngọc rất quý. Kha liền mở hộp ra xem, thì ra đó

là hai bàn tay của người mỹ nữ mà mình vừa đánh tiếng khen giữa tiệc lúc nãy. Nhìn vào hai bàn tay ấy, Kinh Kha than:

– Thật là tội nghiệp cho nàng. Và, Thái tử đãi ta thế này, dù ta chết cũng chưa đền được ơn sâu.

Nhưng sau đó một chập, Kinh Kha lại gởi nắp hộp ra xem lần nữa, thì chàng ta bỗng sa sầm nét mặt, vì hai bàn tay tiên của nàng mỹ nữ lúc bấy giờ đâu còn đẹp nữa, nó đã bầm tím và có hằn tá ruồi, nặng nghe có mùi hôi tanh từ đâu xúm lại kiểm moi. Vì sợ mất vệ sinh, khi đó Kinh Kha phải kiểm chỗ mà chôn cho lẹ.

Mỗi khi bàn đến việc sang Tần, Kinh Kha thường nhắc đến một người bạn chí thân ở vùng Dư Thứ tên là Cáp Nhiếp, theo y thì nếu được người ấy cùng đi với mình chắc chắn sẽ được việc hơn là bất cứ phải dùng một người nào, vì đó là một tay võ hiệp toàn tài, chưa thấy có ai xứng tay đối thủ.

Thái tử Đan bèn cho mấy người sang vùng Dư thứ để tìm, nhưng Cáp Nhiếp vốn quen nếp sống lãng mạn giang hồ, vẫn thường đi đi đi đây để giao du với anh hùng hào kiệt bốn phương, nên không dùng được một nơi nào, nên không biết đâu mà tìm cho ra, đành phải về không.

Lúc ấy, Thái tử Đan đang cay lòng sốt ruột như lửa cháy mảy, vì chiếu theo thời cuộc đang biến chuyển lúc bấy giờ, việc thôn tính hai nước Hàn, Triệu đã sắp đến hồi kết thúc, làm gì binh Tần chẳng ồ ạt kéo sang làm cỏ nước Yên? Vạn bất đắc dĩ, khi đó Kinh Kha phải lưu ý đến một cậu bé trong đám môn hạ của Thái tử tên Tần Vũ Dương, mới 13 tuổi mà dám giết người giữa chợ cho làm Phó sứ theo mình về việc mạo hiểm sang Tần.

Để được có điều kiện vào tận cung điện nhà Tần cho dễ bề hành động, Kinh Kha đòi hỏi nơi Thái tử Đan phải làm sao cho có một là thủ cấp của tướng Phàn Ô Kì và hai là bản đồ Đốc Cương. Có vậy vua Tần mới vui mừng mà cho vào trực tiếp trước ngai vàng, tạy tay vua

Tần tiếp lấy hai món cống phẩm đặc biệt ấy thì chắc chắn sẽ được thành công trọn vẹn.

Thái tử Đan lấy làm khó liệu chẳng cùng, ông ta than với Kinh Kha:

– Với bản đồ Đốc Cương thì được, chớ việc lấy đầu Phàn tướng quân đem nộp cho kẻ thù, thì ta đâu nỡ lòng nào. Ông ta đã đối lập với vua Tần để theo về phe mình, chúng ta có bốn phạm đùm bọc chở che không hết, lí đâu ta giờ trò tráo trở với một hành động tàn tạt lương tâm như vậy để khi thiên hạ trông vào, muôn năm để tiếng về sau, sau khi chết mất đất từ lúc nào rồi, mà hai tiếng “phản trắc” vẫn không xóa được trong sử sách.

Biết rằng dù có thuyết phục gì thêm, Thái tử Đan cũng không chấp nhận điều ấy. Kinh Kha bèn lên chạy sang *Phàn quán* để nói chuyện trực tiếp với tướng Phàn Ô Kì, đại khái rằng:

– Việc hành thích vua Tần, tôi không nài nguy hiểm, cũng chẳng tiếc thân. Nhưng làm sao để được gần mới ra tay được. Tôi nghĩ mãi thiếu điều nát óc, mà vẫn tìm chưa ra kế. Hôm nay tôi sang đây để cùng ngài bàn qua vụ ấy xem sao? Có người đưa ra ý kiến: nếu được chiếc đầu của ngài đem nộp vua Tần thì không còn gì hiệu lực cho bằng. Vì khi nghe có người đem nộp thủ cấp của ngài, hẳn là vua Tần lấy làm vui lòng hả dạ, sẽ cho mời vào trực tiếp trước ngai vàng, chỉ có cơ hội thuận tiện ấy, may ra tôi mới hành động được, chớ không có cách nào khác mà được đến gần. Tôi thiết nghĩ: nếu làm theo kế hoạch ấy, không những ngài rửa được mối thù bất cọng, còn cứu được nước Yên khỏi bị diệt vong là khác. Việc này tôi đã có bàn qua với Thái tử, nhưng Thái tử hãy còn dự dự chưa quyết, nên tôi mới sang đây để chờ sự quyết định của ngài.

Có lẽ Phàn Ô Kì nghĩ rằng: một khi người ta đã muốn dùng cái đầu của mình để nộp cho vua Tần, dù mình có viện cớ kia lẽ nọ để mà từ chối cũng chẳng được nào, nên ông ta đã không ngần ngại, so

hơn tính thiệt làm chi, bèn rút gươm tự cắt lấy đầu. Nhưng cổ tuy đã đứt mà đầu vẫn chưa rơi, vì một phần da còn dính. Kinh Kha bèn lấy kiếm cắt cho đứt lia rồi đem về trình với Thái tử Đan. Vừa thấy chiếc đầu của Phàn Ô Kỳ với đôi mắt hầy còn trừng trừng, thì Thái tử Đan liền ngất người té xỉu cho đến một chập khá lâu mới được dần dần tỉnh lại. Sau một hồi vật vã khóc than thảm thiết, Thái tử không còn cách nào khác hơn là gói ghém nó vào một chiếc hộp kín đáo rồi trao cho Kinh Kha.

Kinh Kha lại ước được một thanh gươm thật bén và vừa tay. Thái tử Đan vào trong lấy ra một con dao rất đẹp vừa trao cho Kinh Kha vừa khoe về cái công dụng phi thường của nó:

– Con dao này chém đá như chém bùn, lại còn có tấm thuốc độc. Tôi đã đem ra dùng thử với mấy tên tử tội mới chứng kiến được về sự công hiệu của nó. Phàm kẻ nào bị nó chạm vào người, chỉ cần ray da rướm ra chút máu cũng đủ chết liền tại chỗ. Tôi đã bỏ ra một trăm nén vàng để đổi lấy nó của *Tử phu nhân* bên nước Triệu. Bấy lâu, tôi chưa có việc gì phải dùng tới nó, nay tôi trao cho ngài để dùng vào việc hạ sát tên bạo chúa Tần hoàng thật là đúng chỗ.

Thái tử Đan còn xuất của kho hơn ngàn lượng vàng trao cho Kinh Kha để chi phí vào cuộc hành trình và dùng về mặt xã giao khi sang đất địch.

Ngày ra đi của Kinh Kha, dù có giết được Tần hoàng hay không giết được, y cũng phải bỏ thân luôn nơi xứ người, chứ không bao giờ sống sót trở về. Vì vậy phải coi ngày ra đi là ngày *trường từ vĩnh biệt*, nên từ Thái tử Đan cho đến các tân khách đều mặc toàn đồ trắng. Người bạn chí thân là Cao Tiêm Ly nghe tin Kinh Kha sang Tần làm nhiệm vụ cũng mang theo một bầu rượu ra tận bờ sông Dịch thủy để tiễn đưa. Kinh Kha giới thiệu Cao Tiêm Ly với Thái tử Đan và các tân khách rồi cùng nâng chén.

Rượu được vài tuần, Kinh Kha cất lên tiếng hát hòa nhịp với tiếng sáo của Cao Tiêm Ly:

*Tráng sĩ một đi không trở lại,
Dòng sông Dịch Thủy rẽ đôi nơi
Rượu nồng, máu hận đầy vơi ấy
Tiếng sáo còn vang mãi với đời*

Lúc đầu, khi trông về tổ quốc thân yêu, thì tiếng hát đau buồn nào ruột của Kinh Kha hòa lẫn với giọng sáo véo von lên bổng xuống trầm của Cao Tiêm Ly, nghe ra như oán như than, như đau sầu, như tủi hận, khiến bao người tiền đưa đều xúc động mà không sao cảm được nước mắt.

Đến đoạn sau, khi hướng qua phía địch, tiếng sáo cũng như tiếng hát hào hùng của hai chàng trẻ tuổi nghe ra như trời long đất lở, như trăm ngàn vó ngựa đang rầm rập tiến sâu vào đất nước quân thù, khiến cho người nghe có cảm tưởng bao nhiêu uất hận căm hờn của dân tộc nước Yên và các nước bị Tần xâm chiếm đang tràn ngập đổ trút lên đầu tên cuồng quân bạo chúa Tần Thi Hoàng.

Thái tử Đan rót chén rượu sau cùng quì xuống mời chàng tráng sĩ, Kinh Kha tiếp lấy uống cạn rồi cùng Tần Vũ Dương cho ngựa xuống thuyền để có sang bên kia bờ sông Dịch Thủy, từ đó mới khởi cuộc hành trình tiến về hướng Hàm Dương, kinh đô nước địch.

Thái tử Đan và các tân khách leo lên đồi cao nhìn theo cho đến lúc Kinh Kha khuất dạng rồi mới ngậm ngùi trở lại để hằng ngày ngóng trông... tin tức.

★

Khi đến Hàm Dương, Kinh Kha dò biết quan Trung thứ sử Mông Giả, một cận thần rất được vua yêu, bèn đem một số vàng lớn bí mật đút lót để nhờ ông ta bảo tấu với vua Tần:

– Muôn tâu thánh thượng, vì sợ oai thiên tử nên vua nước Yên xin đem cả nước xưng thần với một bản đồ Đốc Cương ghi rõ lãnh thổ toàn quốc, mà chỉ mong cầu được tôn thờ tôn miếu các tiên vương thôi. Lại cũng không dám dung túng kẻ phản tặc, nên đã chém đầu

Phàn Ô Kì đem dâng bệ hạ. Hiện giờ, chánh sử và phó sử đang ở tại công quán để chờ thánh chỉ.

Tần Thi Hoàng nghe có kẻ giết được Phàn Ô Kì cắt đầu đem nạp cho mình, lấy làm đắc ý vô cùng, bèn thiết đại triều ở cung Hàm Dương rồi truyền lệnh cho hai sứ giả nước Yên được vào chầu tại trước ngai vàng.

Kinh Kha giấu con dao có tẩm thuốc độc bên trong tay áo, bụng cái hộp có đựng thủ cấp của Phàn Ô Kì đi trước, còn Tần Vũ Dương ôm bức địa đồ Đốc Cương theo sau. Vừa bước lên thềm, Tần Vũ Dương đã xanh máu mặt. Bọn quần thần thấy thế liền hỏi:

– Tại sao biến sắc thế?

Kinh Kha day lại nhìn Tần Vũ Dương mỉm cười, vừa bước lên vừa nói với Tần hoàng:

– Muôn tâu đại vương, phó sử là kẻ quê mùa, lại còn trẻ lòng non dạ, vì mới có 13 tuổi đầu, chưa từng đến chốn cung vàng điện ngọc, nên vừa thấy thiên nhan đã sợ khiếp vía. Mong ơn bệ hạ rộng lòng tha thứ cho phép hắn được làm tròn bổn phận trước thiên nhan.

Vua Tần bảo:

– Nếu phó sử khiếp sợ thì để một mình chánh sử lên đây cũng được.

Kinh Kha bèn nộp đầu Phàn Ô Kì trước rồi mới trở xuống chỗ Tần Vũ Dương đang mọp trước thềm, rước lấy bản đồ Đốc Cương đem lên dâng sau. Nhưng khi vừa đặt chân lên trước bệ, chưa kịp làm gì, không biết Kinh Kha làm lụng chụp thế nào lại để cho con dao từ trong tay áo chúi mũi ra ngoài. Tuy lộ chuyện, nhưng Kinh Kha cũng còn níu được tay áo của Tần hoàng, còn tay kia nhắm ngay vào ngực kẻ thù mà đâm.

Nhưng không hiểu tại sao Kinh Kha không thọc ngay vào người tên bạo chúa, lại nhè chặt đứt tay áo làm gì để cho kẻ thù chạy vượt.

Vua Tần chạy loanh quanh tấm bình phong sau chiếc ngai vàng. Kinh Kha cầm gươm chạy theo rượt đuổi, nhưng vua Tần tránh né một cách hết sức lẹ làng, nên Kinh Kha vừa đâm vừa chém ít nhất cũng hàng chục nhát, mà chỉ trúng đầu ngoài gió và mấy cây cột đồng, có lẽ tấm bình phong là bị thương nhiều hơn hết. Còn thân thể vua Tần thì khỏi có lưỡi gươm nào dám đá động tới.

Chớ chi không trúng chánh mà được trúng vót, thì tên Tần hoàng bạo chúa không chạy đâu cho khỏi tử thần với lưỡi gươm có tấm thuốc độc của Kinh Kha, miễn là có ray ra chút máu, nếu chưa kịp chết tại chỗ thì một vài giây sau đó, mạch máu đưa chất độc vào tới trong “tim” là tên bạo chúa đi đời nhà ma.

Chúng tôi hay bất cứ ai có xem truyện *Đông Châu liệt quốc* đều không khỏi lấy làm thắc mắc về một điểm này:

Theo luật nhà Tần thì đám quần thần chầu trên điện (đây có lẽ là các vị quan văn), không ai được phép mang theo binh khí. Còn các võ tướng và đạo ngự lâm túc trực bên dưới, dĩ nhiên là có vũ trang đầy đủ, nhưng khi nào có thánh chỉ tuyên triệu mới được phép bước lên thềm điện.

Điều này, nếu không phải do người viết truyện nói sai, nếu như có thật thì thật là quái gở. Trên đời có nhiều trường hợp đặc biệt, khi biến khi thường có khác. Lúc bình thường ai ai cũng phải thủ tuân kỉ luật cho đúng phép nước. Trái lại, khi có biến cố xảy ra một cách bất ngờ, thì bất cứ ai có mặt tại chỗ đều phải hành động kịp thời để cứu vãn tình hình, không ai khờ khạo đến mức khoanh tay ngồi ngó để mà chờ lệnh. Vả lại, xưa nay, đâu có ông vua nào ngu ngốc đem ra trị tội những kẻ đã có công xông pha nguy hiểm cứu mình khỏi chết về tay quân thù.

Nhắc lại, khi vua Tần bị Kinh Kha rượt đuổi quanh chiếc bình phong, vua Tần lúc nào cũng mang theo thanh kiếm “Lộc lư”, nhưng luống cuống mãi mà chưa rút ra được. Nhờ có viên nội thị tên là Triệu Cao đứng gần đầu đó, thấy vậy mới kêu to lên:

– Bệ hạ xoay võ gươm ra phía sau sẽ rút ra được một cách dễ dàng.

Vua Tần liền làm theo cách ấy, thanh kiếm liền được rút ra một cách lẹ làng. Lúc đó, ông ta không cần phải chạy đâu nữa, quay lại trực tiếp đương đầu với Kinh Kha. Khi đó ông ta chỉ cần phất ngang có một phát đầu là anh chàng tráng sĩ Kinh Kha đã bị sụm hết một giò. Sấn con dao còn cầm trên tay, Kinh Kha nhắm ngay vào người vua Tần mà phóng, nhưng không trúng đích, nó lại nhè cây cột đồng bên cạnh ngai vàng mà chúi mũi vào cho tóe lửa ra.

Bị vua Tần chém luôn tam phát, Kinh Kha ngã quỵ dựa lưng vào cột, vừa thở phều phào vừa nói với vua Tần:

– May cho mày, ta muốn theo gương Tào Mạt, bắt sống mày để buộc mày phải trả lại tất cả đất đai mà mày đã cướp của các chư hầu. Nhưng chẳng may việc cả của ta không thành, mày mới được thoát chết. Đây cũng là tại ý trời.

Kinh Kha bị vua Tần chém nát thân chết luôn tại chỗ là dĩ nhiên rồi. Rất tiếc, vì việc làm sơ hở của y mà cậu bé Tần Vũ Dương phải cùng chung số phận với y.



Đáng lí ra, cái việc Kinh Kha sang Hàm Dương hành thích vua Tần phải được thành công một cách vẻ vang. Tội quá quyết như thế là vì: *cái khó nhất là phải làm sao đến được trực tiếp vua Tần tại trước ngai vàng* thì cái “khó” ấy, người ta đã lo liệu mà cung cấp đầy đủ phương tiện theo sự đòi hỏi của y cả rồi, đó là *chiếc thủ cấp của tướng Phàn Ô Kỳ, bức địa đồ Đốc Cương* và hơn một ngàn lượng vàng. Và cụ thể là Kinh Kha cũng nhờ *hai món cống phẩm đặc biệt* ấy mà được đến sát tại trước ngai vàng theo như ý muốn. Đó là cơ hội ngàn năm một thuở, rất thuận tiện cho mà hành động, chớ còn gì nữa. Thế mà Kinh Kha lại không hạ được vua Tần, thử hỏi còn chi đáng tiếc cho bằng.

Bây giờ chúng ta hãy đặt vấn đề *nguyên do thất bại vì đâu?*

Trước khi kể chuyện Kinh Kha, chúng ta cũng nên duyệt lại về những nét *vung vẻ, khờ khạo* của một Thái tử nước Yên:

1. *Khờ khạo về mặt chọn người*: Từ ngày Kinh Kha được Thái tử Đan mời về cho đến ngày cất bước ra đi, Thái tử Đan không hề quan tâm tới đường gươm mũi kiếm của Kinh Kha ở mức độ nào? Cứ tin vào lời tiến dẫn của lão Điền Quang, ông ta yên trí rằng đó là một tay võ hiệp toàn tài có thừa khả năng đảm đương trọng trách, mà ông ta giao phó. Phải chi Thái tử Đan thận trọng kĩ càng, tìm cách duyệt lại, khi được biết đường gươm của Kinh Kha chưa được tinh luyện, và lúc bấy giờ không còn có đủ thì giờ tìm chọn người khác, buộc lòng phải dùng, thì công việc phải xếp đặt thế này:

a. Hằng ngày Kinh Kha và Tần Vũ Dương phải chuyên cần luyện tập về đường kiếm của mình (như thể tập kịch) cho được quen tay thuần thực, hầu có tìm những cái *ưu, khuyết* mà điểm xuyết vào những chỗ hầy còn thiếu sót để dung hòa đường kiếm của mình cho được chặt chẽ và chính xác hơn, để khi bắt tay vào việc (đụng độ với vua Tần hay bất cứ ai), nếu có gì bất trắc xảy ra thì không hoảng hốt, giữ được khí thế trầm tĩnh mà tiến hành công việc, không hề bối rối chút nào.

b. Phải ăn uống cho có điều độ, bớt sự say sưa chè chén, nhất là sự hoan lạc về thể xác, càng được hạn chế càng tốt, để dành “sức khô” cho công cuộc quốc gia đại sự.

Nếu giữa Thái tử và Kinh Kha được có sự hội ý thường xuyên như vậy, thì dù đường gươm mũi kiếm của Kinh Kha còn có sự khiếm khuyết đi nữa, cũng không đến nỗi nào, vì mọi cách đối phó với những gì bất trắc có thể xảy ra đi đôi với một tinh thần quyết tử, đâu đó đều được chuẩn bị cả rồi, không còn thiếu sót một điều gì.

2. *Vung vẻ về cách xử sự*: Trong giữa tiệc, Kinh Kha đã không ngần ngại thốt ra mấy tiếng khen nài kiêu nữ:

– *Thật là tay tiên, đẹp để làm sao.*

Lí nào Thái tử Đan không ý thức được trong câu khen ấy có ngụ ý gì? Tại sao Thái tử Đan không làm theo sự mong ước của Kinh Kha, lại chặt hai bàn tay mà cho là nghĩa lí gì. Trong trường hợp ấy, không còn có cách xử sự nào tốt đẹp hơn là nên đem bản thân nàng hầu xinh đẹp ấy hiến trọn cho chàng tráng sĩ Kinh Kha, để y được thưởng thức hương vị của một cô gái có một vóc người cân đối tuyệt vời qua một thời gian hưởng lạc thỏa thích rồi lăn mình vào chỗ chết cho cam.

Tại sao Thái tử Đan không làm cái việc tốt đẹp ấy. Lại sai lực sĩ dè dặt một người con gái vô tội để chặt cho được hai bàn tay trong khi nạn nhân phải lăn lộn vùng vẫy, kêu la thảm thiết trên vũng máu đào, để rồi nàng ấy nếu không tự sát để sớm được chấm dứt cuộc đời đau khổ, thì suốt đời nàng cũng không còn được Thái tử Đan đoái hoài tới, vì đã cùi cả hai tay trở nên một kẻ tàn phế, cái đẹp đâu còn trong người nàng nữa, nàng phải sống với cảnh đời tủi nhục, đau đớn ê chề.

Về phần Kinh Kha, khi nhận được hai bàn tay ấy, thử hỏi chàng hưởng được cái gì kia chứ. Không lẽ cắt làm của báu, để mỗi ngày giờ nắp chiếc hộp cẩn ngọc ra nhìn hai bàn tay rã rục để hửi lấy cái mùi thúi như chó chết của nó à. Thế thì, khi Kinh Kha được tặng hai bàn tay ấy, chàng ta chỉ còn có nước thở dài... châu mày lắc mặt, tiếc rẻ của đời... rồi kiếm chỗ chôn cho khuất.

Nếu Thái tử Đan và Kinh Kha được có một tâm kiến thức sâu rộng thì hai ông đã hội ý nhau để thảo ra một chương trình hành động, phân ra làm mấy giai đoạn đại khái như sau:

– *Giai đoạn đầu:* là lúc còn ở nhà, phải thu xếp mọi việc cho đâu ra đó, nhất là hằng ngày phải tập luyện đường gươm như trên đã nói cho được quen tay thuần thục, day trở lạ làng đi đôi với một tinh thần quyết tử, để khi có gì bất trắc xảy ra là sẵn sàng đối phó, không còn phải so hơn tính thiệt gì nữa, vì mọi mặt đều được chuẩn bị chu đáo trước rồi.

– *Giai đoạn hai*: là chuyện dọc đường, không quan trọng, không có gì đáng kể.

– *Giai đoạn ba*: là giai đoạn “xã giao”, khi qua tới Hàm Dương, trước hết phải tìm cho được một nhân vật nào đó có thân có thế, được nhà vua tin cậy thì đem số vàng ra lo lót một cách kín đáo để nhờ người ấy tiến dẫn thì mới mong được đến trực tiếp nhà vua ở trước ngai vàng. Cùng trong giai đoạn này, về việc mang đồ cống phẩm, phải đổi vai trò, phải được đúng người và đúng chỗ như thế này: chiếc hộp có đựng thủ cấp của Phàn Ô Kỳ, nên giao cho phó sứ Tần Vũ Dương, còn bức địa đồ Đốc Cương, chính viên chánh sứ Kinh Kha phải giữ lấy cho mình mới có lợi hơn. Vì có bức địa đồ ấy, mới có chỗ gói ghém con dao bằng cách cuốn tròn nó lại. Như vậy sẽ tiện thể hơn là nhét con dao vào trong tay áo rất là lợm lợm, vì cánh tay, nhất là cùi chỏ là nơi co quắp thường xuyên, cử động liên hồi, nếu vô ý nghiêng xuống một tí thì thanh gươm sẽ tuột ra liền.

– *Giai đoạn cuối cùng*: là giai đoạn quyết liệt vô cùng quan trọng, vì đó là ngày tận số của tên bạo chúa, hoặc ngược lại: cuộc diện của thời chiến quốc sẽ lâm vào tình trạng bi đát tối tăm, cảnh máu đổ thịt rơi sẽ diễn ra dưới áp lực của quân Tần không bút mực nào tả ra cho xiết.

Nếu Kinh Kha có ý thức và hành động theo kế hoạch đã sắp sẵn, thì Tần Thi Hoàng không chạy đâu cho thoát tử thần (vì đã tập dượt trong giai đoạn đầu từ lúc còn ở nhà, nên không có sự lụp chụp như y đã làm, theo trong Đ.C.L.Q. đã nói). Theo kế hoạch của chúng tôi thì như thế này:

– Tần Vũ Dương đi bên sau với chiếc thủ cấp của tướng Phàn Ô Kỳ. Kinh Kha đi trước với bức địa đồ Đốc Cương mà bên trong đã sẵn thanh gươm có tẩm thuốc độc.

– Khi được lệnh, Kinh Kha hãy cứ điềm tĩnh bước lên tại trước ngai vàng: chân trái bước trước trong khi chân mặt hãy còn đứng yên tại chỗ, nhưng hơi chồm về phía trước một chút cho có cái tư thế

vững vàng. Tay trái nâng bức địa đồ về phía trước mũi trong khi tay mặt bợ ở sau chuôi. Chờ khi vua Tần vừa đứng lên cũng vừa với tay tiếp lấy bức địa đồ, thì đó là cơ hội ngàn năm một thuở, vì lúc ấy Kinh Kha đã nắm chặt chuôi gươm sẵn đà đâm tới một cách gọn gàng, vua Tần ắt phải mạng vong, vì bị Kinh Kha tấn công bất ngờ trong chớp nhoáng, ông ta không tài nào trở tay cho kịp.

Rất tiếc, Kinh Kha không được có cái trình độ nghĩ tới nước cờ thượng phong ấy. Suốt mấy tháng ăn chực nằm chờ tại nước Yên, chỉ có rượu chè be bét cùng với Cao Tiêm Ly đờn ca xướng hát tối ngày, không ai thấy y nghĩ tới việc khi chạm trán với vua Tần phải đối phó cách nào để giữ phần thắng lợi cho mình.

Kinh Kha đã vậy, và Thái tử Đan cũng không kém phần u ám, ông ta chỉ biết cung phụng đến mức tối đa cho Kinh Kha được thỏa mãn về mặt *vật chất* và *nữ sắc*, không hề có chút ý kiến hay ho nào để góp phần vào việc Kinh Kha sang Tần cho được ích lợi và sáng sủa hơn.

Bởi cả hai đều vụng tính, nên khi vào cung nhà Tần, mới màn đầu chưa chi đã có triệu chứng bất thường: Tần Vũ Dương thì sợ khiếp vía đến độ tái xanh máu mặt, tiếp theo đó, Kinh Kha lại làm lộ mũi dao. Nếu được tập dượt trước ở nhà, làm gì có xảy ra chuyện này.

Nhưng bên cạnh *cái rủi*, Kinh Kha cũng còn có một *cái may* khác, đó là y chụp được tay áo vua Tần trong khi tay kia còn nắm con dao. Trong cơ hội ấy, Kinh Kha chỉ cần giật một cái thật mạnh cho Tần hoàng phải ngã về phía mình hứng lấy mũi gươm trọn vẹn, thử hỏi vua Tần còn tránh đường nào cho khỏi chết.

Trước một hoàn cảnh trăm phần thuận tiện ấy, không đợi gì tới một tay dũng sĩ tên tuổi lẫy lừng như anh chàng tráng sĩ Kinh Kha, với một kẻ tay ngang, chẳng biết chút chi về võ nghệ, cũng hạ được vua Tần một cách dễ dàng, vì vua Tần đang bị kẻ địch níu chặt tay áo kia mà. Tại sao Kinh Kha không làm được cái việc rất dễ dàng ấy, lại đi chặt lấy tay áo làm gì, để cho vua Tần được rảnh tay chạy vọt.

Dù vậy cũng chưa tuyệt vọng, vì còn con dao cắm sẵn trong tay, Kinh Kha nhắm ngay vua Tần mà phóng, nhưng kẻ bị thương không phải vua Tần mà là con rồng trong cây cột đồng bên cạnh ngai vàng.

Kiểm điểm lại, từ phút bước lên thềm điện, chúng ta thấy Kinh Kha được làm chủ tình hình đến những mấy lần, trong khi các tướng võ bên dưới không có quyền mang vũ khí lên trên, chỉ có các quan văn đứng châu bên trên đánh tay không với Kinh Kha đều bị quật ngã hết. Và vua Tần tuy có mang gươm, nhưng cũng còn nằm yên trong vỏ. Kinh Kha thì đâm chém lung tung mà không trúng được phát nào cho dẫu là trúng vót thôi.

Trong khi Kinh Kha chỉ làm được cái việc “trật búa” thì vua Tần là kẻ “bị động” lại trở thành “chủ động” về tay rút gươm ra sao, nhưng chỉ cần có một phát đầu, Kinh Kha đã sụm hết một giò, ngã quỵ.

Bây giờ trong bọn chúng ta, bất luận là ai, vì không cần biết một đường gươm hay một thế võ nào cả (cứ thế là một tay ngang đi) khi được đứng vào cái tư thế của Kinh Kha theo như trong truyện đã nói (nghĩa là một tay níu chặt tay áo vua Tần trong khi vua Tần bị chia gươm vào ngực), trong trường hợp ấy vua Tần có thể nào thoát chết về tay các bạn hay không. Tôi tin là “không” và cả trăm ngàn lần không và... không. Vì không lí nào phải động viên một đám lực sĩ bắt Tần Thi Hoàng trời cả hai tay chân để cho Kinh Kha khỏi đâm chém “trật” hay sao.

Bởi Kinh Kha là kẻ *bất tài* và *bất trí*, nên y phải chết một cách nhục nhã là đáng kiếp lắm rồi, không có gì đáng phải ân hận. Nhưng chớ chi hẳn chết mà không hậu quả đi hại gì đến ai thì mặc kệ hẳn. Rất tiếc, bên cạnh cái chết của y, còn kéo theo biết bao thảm họa đau thương cho cả một thời Chiến quốc. Cứ theo thứ tự thì đây:

- Một cô gái vô tội bị chặt đứt hai bàn tay phải mang tật suốt đời
- Tướng Phàn Ô Kỳ phải bị mất đầu theo sự đòi hỏi của y.
- Cậu bé Tần Vũ Dương phải bị bầm nát thây như y mà không được việc gì hết.

– *Cha con vua Yên và nước Yên bị diệt cùng chung số phận với Hàn, Triệu, Ngụy, Tề và Sở.*

Việc làm bết bát của Kinh Kha gây cho Tần Thi Hoàng được nước lên chân, thanh thế càng lẫy lừng hơn, khiến thiên hạ đều phải kinh tâm tán đởm, mất hết tinh thần chiến đấu. Và cũng nhờ đó mà chương trình gồm sáu lục quốc của Tần hoàng được kết thúc sớm hơn dự định.

Căn cứ vào các sự việc đã có xảy ra, chúng ta được thấy rõ ràng: *Kinh Kha bất quá là một tay kiếm hạng xoàng, chỉ có tiếng mà không có miếng.* Cỡ như y, sai đi ám sát bọn cường hào ác bá, hoặc tham quan ô lại thì được, chớ dùng vào việc hành thích một ông thủ tướng, một vị quốc trưởng, hay một nhà vua, nhất là vua Tần thì rất oan mạng cho y, vì với những vụ *lớn lao* quan trọng và rất *nguy hiểm* ấy, thì đương sự phải là kẻ *có chân tài và biết vận dụng cả trí khôn* mới mong nên việc, mà trong con người của Kinh Kha, người ta không thấy có hai món cần thiết ấy.

Tóm lại, Kinh Kha chỉ được có mỗi một việc *dám làm và dám chết* thôi. Thì trong thiên hạ xưa nay đâu có thiếu những bậc anh hùng hào kiệt, coi cái chết nhẹ như lông hồng (thị tử như hồng mao) đem bản thân hi sinh vì đại nghĩa. Nói về cái gan dạ *dám làm và dám chết*, nào phải riêng một Kinh Kha, mà ngay trong các giang hồ, hoặc côn đồ đảng tử, chỉ cần hơn hay thua một tiếng nói đã đủ cho chúng đem mạng đổi mạng tại chỗ tức thì.

Để được xác nhận cho được đúng đắn, để đánh giá cho được công bằng, người ngoại cuộc chỉ cần nhìn vào có một việc này là: lúc Kinh Kha đã níu chặt áo vua Tần trong khi tay kia đang cầm gươm chia ngay vào ngực vua Tần, thử hỏi còn chi thuận tiện cho bằng, thế mà Kinh Kha cũng không giết được vua Tần, thì quả là dở tệ làm sao, khiến người ngoại cuộc không ai là không tức giận và không còn biết phải dùng lời lẽ gì để mà phê phán cho được cân xứng với cái tài “trật búa” của anh chàng mang danh tráng sĩ Kinh Kha.

Đã bắt tài, thôi thì cứ mạnh dạn nhận lấy cái bắt tài của mình cho khách bàng quan đỡ buồn, đỡ tức và cho khỏi bị thiên hạ khinh khi nguyên rủa. Như vậy, có phải tốt đẹp hơn không? Nhưng Kinh Kha lại kiếm có đồ thừa cho đó là tại ý trời để có chạy án... thật là vô lí làm sao.

Nếu có ông trời thì ông trời ấy phải lo việc cứu nhân độ thế, chớ làm gì có thứ ông trời thực dân tàn nhẫn đứng về phía ác ôn, bình vực tán thành việc làm sai trái của một cuồng quân bạo chúa chuyên việc sát hại dân lành.

Tài bộ của Kinh Kha rất là sơ đẳng như vậy, thế mà lúc chưa gặp Thái tử Đan, y đã từng thở than khóc lóc với Cao Tiêm Ly, cho rằng người đời không có con mắt, thiên hạ không ai biết mình là kẻ có tài.

10. NẾU CON CHÓ TRONG NHÀ ẤY BIẾT NGHE VÀ BIẾT NÓI TIẾNG NGƯỜI NÓ SẼ CÓ MỘT CÂU TRẢ LỜI RẤT LÀ Ý VỊ

Lúc tôi chưa bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo (trước năm 1930), có một thời gian tôi ở đường Cây Dừa (gần chợ Bà Chiểu, Gia Định).

Bên cạnh nhà tôi có chị Đào Thủy Tiên, vẻ người quý phái, ăn nói có duyên, chị đối xử với mọi người rất là lễ độ, nên bà con hàng xóm coi chị như một người đàn bà gương mẫu, ai cũng mến thương.

Rất tiếc cho một phần số không may, lúc chị Thủy Tiên mới 17 tuổi, bị cha mẹ gả ép cho tên Trần Văn Ty, người con thứ 9 trong một gia đình khá giả có tiệm mua bán đồ cũ ở đường Cây Quê, Gia Định. Ty là một phần tử mất dạy, quen theo nếp sống bê tha, thường ăn chơi nhậu nhẹt với bọn côn đồ đảng tử, vì tánh tình phách lối, ăn nói hỗn hào, chẳng một ai ưa, nên mới bị một tay anh chị tên là Tám Mạo chém cho một nhát vát ngang sống mũi, tên Ty phải mang danh Chín Theo bắt đầu từ đó.

Đã thích ăn chơi, lại còn thêm một chứng ghiền á phiện, nên

bao nhiêu tài sản của cha mẹ chia phần đều do một tay Ty phá sạch. Thịnh thoảng y về đục đẻo mấy người anh, chị trong đường Cây Quéo và trong chợ Gò Vấp. Nhưng sự giúp đỡ cho y chỉ trong giới hạn nào đó, chớ đâu có thể cho hoài, vì ai cũng có gia đình vợ con kia mà. Vả lại, đưa tiền cho y để cho y đốt ra khói với các loại ma túy, hoặc đem cúng không nhang không đèn vào các sông đổ bác, thử hỏi có ai mà chịu phí tiền một cách vô lí như vậy.

Rốt cuộc, Chín Thẹo chỉ còn có nước sống bám vào chị Thủy Tiên, một thiếu phụ tay yếu chân mềm, hằng ngày phải mua tảo bán tảo, chắt mót từ đồng, chạy ăn từng bữa để nuôi một ông chồng và bốn đứa con hầy còn thơ dại. Đứa lớn nhất là thằng Qui 11 tuổi, đứa nhỏ nhất chưa đầy 5 tuổi. Nếu không bị lục túi hằng ngày, chị Thủy Tiên sẽ lo cho gia đình đầy đủ, chỉ vì Chín Thẹo luôn luôn đi mây về khói với ả phù dung, nên cảnh nhà mới phải thương xuyên bữa đói bữa no.

Vậy mà Chín Thẹo có thông cảm cho đâu, còn hành hạ chị Thủy Tiên đủ điều thậm tệ.

Một hôm Chín Thẹo dắt về nhà một tên Tàu phù, đó là chủ tiệm hút bên hông chợ Bà Chiểu. Thẹo đưa hắn vào nằm sẵn trong buồng để chờ... y còn trở ra ngoài nói cho vợ biết về cuộc trao đổi xác thịt để y được lấy ba hộp ả phiện thứ hai lượng hiệu *con rồng* mà lúc ấy hắn đang cầm trên tay với vẻ mặt rất là thích thú.

Chị Thủy Tiên nghĩ rằng (theo lời chị kể với vợ tôi trong ngày hôm sau), nếu chị từ chối ngay trong lúc đó, ắt không tránh khỏi một cơn sóng dậy đất bằng, nên chị phải giả đồ vui vẻ ưng thuận, bảo Chín Thẹo nằm trước hành lang coi chừng, để chị vào trong với tên Tàu phù một cách kín đáo không ai biết được. Chín Thẹo tin lời, nhưng khi vào trong, tên Tàu phù bị chị đánh lừa bằng cách ra sau nhà xí để đi tiêu rồi lòn qua nhà tôi, yêu cầu vợ tôi cho chị được ỉn núp trong phòng để chị được tránh một cuộc bán dâm nhơ nhuốc mà một con người biết trọng nhân phẩm như chị không sao chấp nhận được.

Chờ lâu không thấy người đẹp trở vô, tên Tàu phù đâm ra hoang mang với nhiều dấu hỏi, hần bèn trở ra phía trước, chất vấn Chín Thẹo bởi lí do nào. Chín Thẹo tức giận chạy kiếm lung tung, nhưng kiếm sao cho được khi mà chị ấy đã được vợ tôi che giấu trong phòng cửa sau khóa chặt.

Tên Tàu phù đòi lấy lại mấy hộp á phiện, nhưng một khi món ấy đã lọt về tay Chín Thẹo thì mong gì có việc hợp phở châu huồn. Cuối cùng Chín Thẹo hứa sẽ sắp xếp cho y một cuộc gặp gỡ trong một ngày khác. Tên Tàu phù đành nuốt nước dãi xách đít về không. Sau khi về nhà, y cũng có nghĩ tới chuyện sẽ đi thưa Chín Thẹo về tội lường gạt, song không kiếm được cớ gì để nói chuyện với nhà chức trách cho có lí do chánh đáng.

Tuy giận vợ về vụ không chịu hiến thân cho tên Tàu phù, song vì quít được ba hộp á phiện, Chín Thẹo hút liên miên cả ngày lẫn đêm, đã quá, sướng quá và vui về quá nên chị Thủy Tiên mới được yên thân hơn hai tuần lễ (có thể nói đó là thời gian sung sướng nhất của chị Thủy Tiên từ ngày về làm vợ Chín Thẹo). Nhưng sau khi ba hộp á phiện tan theo mây khói hết rồi thì bốn cữ lại được soạn lại, chúng nào vẫn hoàn tất ấy như thường, nghĩa là không ngày nào là không nổi cơn sóng gió, nếu chị Thủy Tiên không bị chửi mắng thì đám con cũng có đứa bị đòn, nhất là thằng Quý thì bị nhiều hơn hết vì Chín Thẹo buộc nó mỗi ngày phải đi ra chợ Bà Chiểu ăn cắp cho được một vài món gì của ai đem về cho hần bán lấy tiền ăn hút.

Nhưng thằng Quý giống tánh mẹ, thà rán chịu đòn, chớ không chịu mang tiếng gian tham. Mỗi lần thằng Quý bị đòn, không những chị Thủy Tiên mà luôn cả người hàng xóm ai cũng không cảm được nước mắt.

Có nhiều lần trời nắng chang chang, trong nhà nóng nực như thiêu như đốt, đàn ông ai cũng cởi trần, chỉ có các bà các cô là phải mặc áo. Thế mà, Chín Thẹo lại bảo thằng Quý lấy mền trùm lại kín mít cho y. Ban đầu, chị Thủy Tiên tưởng đâu chồng bị sốt rét, mới lật

đặt chạy đi mua thuốc về cho anh uống, nhưng Thẹo không uống, bảo rằng không có bệnh hoạn chi hết, chị hỏi tại sao trùm mền, thì y làm thình, hoặc đánh trống lảng sang việc gì khác, chớ không dám khai sự thật.

Chị Thủy Tiên hết sức hoang mang, không hiểu tại sao trời mực, ai cũng đổ mồ hôi mà chồng chị lại trùm mền. Vì vậy, một hôm Chín Thẹo đi đâu vắng, chị nhắc ghế ra ngồi phía trước, đem việc ấy ra hỏi vợ chồng tôi tại sao có chuyện ngược đời như vậy. Vợ tôi ngo ngác nhìn tôi trong khi tôi bật cười thiếu điều bể bụng. Các bạn có biết tại sao không? Thưa tôi biết đó là một bí quyết (!) của một số bọm ghiền họ phải làm như vậy để có vót vát. Sở dĩ tôi biết là trong một dịp tình cờ tôi được nghe lóm hai ông bọm ghiền tán gẫu với nhau, đại khái rằng là chất á phiện có một mùi thơm đặc biệt vô cùng hấp dẫn đối với họ, lúc nào tới củ mà không chạy ra tiền mua nhựa thì chỉ có cách trùm mền nhốt kín nó lại để hít trở vô được phần nào hay phần ấy. Nếu “đánh rắm” ⁽¹⁾ mà không trùm mền, lại để cho cái mùi “thơm” ấy nó tan trong không khí thì phí của trời thì uống quá đi.

Khi chị Thủy Tiên biết được chuyện này thì chị biến sắc với một sắc mặt sượng sùng, chị bụm mặt mà khóc một cách tức tưởi, dường như chị hối tiếc về sự vô tình tiết lộ chuyện xấu của chồng, đồng thời chị rất lấy làm tủi hổ cho chính mình và cho chồng chị đã mang bệnh ghiền đã là khốn khổ lắm rồi, chưa đủ cho người đời miệt thị hay sao mà còn kèm thêm một mục trùm mền... hết sức *tồi tàn ấy nữa*.

★

Một hôm Chín Thẹo từ đâu về, chân đi cà khều, ngà tới ngà lui với mùi men rượu nặc nồng lại mưa đầy trên chiếu chỗ y mới đặt lưng xuống nằm. Đã vậy, miệng còn nói láp giáp toàn những lời lẽ hăm dọa để có khẩu tiền. Chị Thủy Tiên cho biết, mới đi chợ về mua

(1) Tiếng địa phương Đàng Ngoài, Đàng Trong gọi là *Địt*, từ Hán Việt gọi là *xuất khí* (BT)

được có hai lít gạo, không còn đủ tiền mua cá, chỉ mua được một bó rau muống về luộc chấm nước tương ăn đỡ. Chín Thẹo không tin, bèn đề lục túi cũng không có gì. Vậy mà Chín Thẹo vẫn không đau xót cho hoàn cảnh, còn mắng chửi vợ:

– Tới cỡ ghìen mà nó cũng không nhìn cho tui một “ten” nào để tui đi hút cho khỏi vọp bẻ, thật cái quân mày ăn ở như chó... không biết “điều” chút nào hết.

Tức mình quá, buộc lòng chị Thủy Tiên phải có câu trả lời:

– *Sợ không được như chó, chó được như chó cũng còn là may.*

Chín Thẹo nổi trận lôi đình quát lên:

– Đ... mẹ... mày dám nói trả treo với tao vậy hả?

Nói đoạn, anh liền nhảy xốc tới, nắm đầu vợ ghì xuống đám đá tung búng bất kể sống chết, mấy đứa con thương mẹ kêu khóc lu bù, hàng xóm chạy ra đứng coi đen nghệt, ai cũng nhìn tới với dấu hiệu nhờ tôi can thiệp, nhưng vì Chín Thẹo hay nói bậy, nên tôi không muốn dự vào chuyện gia đình của anh. Tôi bèn bảo vợ tôi qua gõ dùm chị Thủy Tiên. Vợ tôi bị anh Chín Thẹo tát tay thiếu điều té lửa đành phải rút lui. Chín Thẹo quay lại tiếp tục hành hung với vợ, bạn này còn có phần nguy hiểm hơn nhiều. Khi đó, chị Thủy Tiên lại phải cầu cứu tới tôi:

– Chú Năm ơi! Chết tôi chú Năm ơi!

Trong giờ phút khẩn trương ấy, tôi thấy việc “cứu người” là cần thiết hơn cả, không còn sợ mang tiếng mang tăm gì nữa. Và lương tâm tôi cũng không cho phép tôi được điềm nhiên để cho một tên hung đồ dùng sức mạnh giày bừa một người đàn bà yếu đuối hiền lành đã được mọi người kính mến.

Tôi bèn bước sang tại chỗ vừa gỡ tay anh cũng vừa dùng lời nhỏ nhẹ, tha thiết yêu cầu anh nên bớt cơn phần nộ, buông tha cho chị, kéo anh lơ tay rủ ra chị có thể nào thì anh thêm khổ, vì một khi chị bị bệnh nặng, còn ai lo việc gia đình và nuôi mấy đứa nhỏ cho anh.

Đáng tiếc thay! Những lời ôn hòa nhã nhặn của tôi đã chẳng được anh nể nang thì chớ, anh còn giở trò thô bỉ sùng sộ với tôi:

– Bộ mày có lấy vợ tao hay sao mà mày bình nó?

Vợ tôi (nàng Ngọc Dung) nghe Chín Thẹo nói thế thì hết sức bất bình, nàng liền lên tiếng:

– Nè! Anh không có quyền nói xấu chồng tôi đa nghe. Chồng tôi là một con người đứng đắn堂堂 hoàng, chớ không phải cái thứ hèn mạt như anh đã tưởng đâu. Còn chị Thủy Tiên, vợ anh một người đàn bà gương mẫu, ở đây ai ai cũng biết, thế mà tự nhiên anh đem chị ấy ra bôi lọ, nhưng chị ấy có bị ai khinh khi như anh đâu, vì tự anh ngậm máu phun người, thì miệng anh phải dơ trước hết.

Vợ tôi nói gì thì nói, Chín Thẹo cứ nhắm vào tôi mà tấn công và đi đôi với những lời nhục mạ để bêu xấu tôi và đồng thời cũng bôi lọ vợ anh. Tôi bị anh đâm đá lung tung, nhưng tôi chỉ biết tránh né và rút lui về nhà mình thôi. Thấy vậy, anh Chín Thẹo lại càng được nước, anh tưởng tôi ngán anh lắm hay sao, nên anh theo tận qua nhà làm hùm làm hổ với tôi, khiến tôi không khỏi nực cười thầm.

Còn bà con cô bác hai bên bốn phố, ai cũng tức cho tôi đã bị uy hiếp đến thế mà sao chưa chịu phản công, mà cứ nhịn nhục rút lui là nghĩa làm sao?

Nhưng tôi vội gì chuyện ấy. Và tôi đâu phải là kẻ cùi tay mà để cho Chín Thẹo được tự do tự ý hoành hành: mùa gặt vườn hoang. Hãy cứ để cho sức nhịn nhục đến mức cuối cùng, khi đó mình hãy hành động mới sướng tay hơn.

Tuy nhiên, khi tôi phản công, tôi cũng không đánh lại cái nào, tôi chỉ có đỡ mà thôi, song cái “ đỡ ” của tôi khó ai thấy được. Người ngoài cuộc chỉ thấy tôi bị Chín Thẹo đâm đá rất nhiều, mà lạ sao Chín Thẹo ngã tới ngã lui, té lên té xuống và thở hào hển, còn tôi thì vẫn tỉnh bơ, khi tiến cũng như khi thoái, hai chân tôi bước với cái tư thế hết sức vững vàng là có làm sao, mọi người đều đánh dấu hỏi, mà không ai hiểu nổi.

Sự thật từ hồi nào cho đến lúc bấy giờ, không riêng một Chín Thẹo, mà bất cứ là đối với ai tôi cũng chỉ được phản ứng theo bản năng tự vệ khi nào tôi bị tấn công trước. Đó là lời của sư phụ tôi đã từng căn dặn tôi cũng như các môn đệ khác, đã năm lần bảy lượt nhấn mạnh với chúng tôi: học võ để mà cứu nhân độ thế, giúp đời cứu nước, và chống kẻ mạnh để bình vực kẻ yếu. Triệt để không được vô cớ gây thù kết oán với ai và chỉ được phản ứng khi nào bị ai tấn công mình trước.

Hôm ấy, tự nơi Chín Thẹo dẫn xác đến nhà tôi, đã đánh đập còn chườm bó, cố tình làm nhục tôi nữa, buộc lòng tôi phải quay lại đương đầu đối phó. Nhưng đối phó bằng cách nào? Thưa, tôi không đánh trả một cú nào, mà chỉ đỡ gạt bằng *gót chân* và *cùi chỏ* thôi.

Trong cuộc tranh tài giữa hai đối thủ, bên nào biết cách sử dụng được gót chân cùi chỏ thì sự thắng lợi sẽ nghiêng hẳn về bên ấy. Vì gót chân mà khắc vào ngang ống quyển và cùi chỏ mà cụng vào hai bắp tay, thì tay chân đau, chớ gót chân với cùi chỏ có hề hấn gì. Trong khi hai bên đụng độ, tôi chỉ cần giữ sao cho thật chặt chẽ về ba chỗ nhiệt này: một là trên bản mặt, dưới bụng đài là hai và ba là hai bên bệ sườn thôi. Còn các chỗ khác, dù có bị đánh trúng chỉ có đau, chớ không đến nỗi thiệt mạng.

Tôi tuy bị Chín Thẹo đâm đá khá nhiều, song tôi chẳng có sao, chỉ bị thương xoàng thôi. Còn y thì bị thua xiểng niểng, vì tôi biết lura thế dùng được gót chân, cùi chỏ để khắc vào ống quyển và giữa bắp tay. Đó là tôi còn lưu chút nhân tình, tôi chỉ cần khắc hơi nhẹ nhẹ cho y bớt sự làm tàng thôi. Tôi mà chơi “mạnh” thì y sẽ đập ống quyển và gãy lợi bắp tay, chớ chẳng vừa đâu.

Đây là một trong các “bí quyết” của các tay cao thủ võ lâm ở Thiếu Lâm Tự bên Tàu từ ngàn xưa mà tôi may mắn được gặp vị Đại lão sư sống trên 150 tuổi đầu bạc như thúng bông ở ẩn trên núi Vân Sơn, Bà Rịa (từ trước năm 1930) đã truyền dạy cho một số môn đệ có tiết tháo biết dung hòa bốn phận làm người, trong số ấy có tôi là một.

Đối với Chín Theo, tuy tôi là kẻ thắng thế, song tôi không vì đó lên mặt kính chống với anh, tôi còn tìm hết cách để gây niềm thiện cảm với anh. Thỉnh thoảng tôi nhắc vợ tôi qua chơi thân với chị Thủy Tiên và mấy đứa nhỏ để chia cơm xẻ áo cho gia đình chị trong những cơn ngặt nghèo thiếu hụt được phần nào hay phần ấy.

Lúc ấy tôi lại cho ra loại sách “*Truyện vui nhi đồng*” theo kiểu sách Hồng (Livres roses) bên Pháp. Loại sách bỏ túi này được mang tên tác giả Sơn Vương và giá bán vừa với túi tiền của đại đa số bình dân. Các tác phẩm của tôi, bất cứ quyển nào cũng có dụng ý bài trừ tệ đoan xã hội, nhất là quyển *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*, không những đẩy tánh chất xã hội, đã phá bọn cường hào ác bá, tham quan ô lại, nội dung còn gói ghém ý nghĩa chống chánh sách thực dân để gọi lên phong trào yêu nước cho quần chúng. Vì vậy, sách của tôi ra được các tầng lớp bình dân hoan nghinh nhiệt liệt, nên số sách của tôi xuất bản không đủ cung cấp cho người tiêu thụ.

Mỗi ngày, riêng về thằng Quí (con của Chín Theo), tôi cho nó lãnh năm, sáu trăm cuốn để vô trường nó bán cho các bạn học, ngoài buổi học, nó bán ở các ga xe điện, hoặc các bến xe đò. Riêng ngày chúa nhật nó lãnh 700 cuốn cũng bán hết sạch.

Nhờ bán sách của tôi mà mỗi ngày thằng Quí kiếm lời được khá bọn bàng, đáp đổi cho gia đình đầy đủ, không còn sống trong cảnh đau buồn, bữa đói bữa no như trước nữa.

Thấy tôi có thiện chí, thật tình giúp đỡ gia đình anh được cơm no áo ấm, dường như Chín Theo có vẻ ăn năn, nên anh đổi tánh lẫn lẩn, không gây chuyện với hàng xóm và chưởi vợ đánh con như trước.

Bà con hàng xóm hết sức hài lòng về cái chủ trương “dung hòa” của tôi đã cải hóa được một con người hư hỏng, đem lại niềm vui cho một gia đình bất hạnh của chị Thủy Tiên cho đến khi chị dời nhà đi đâu về miệt Hậu Giang, còn tôi thì bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo vào khoảng cuối năm 1935.

*

Sau 35 năm sống trong lao lý khốn cùng, nhờ có bác sĩ Phạm Văn Minh và thiếu tá Nguyễn Văn Sáu tỉnh trưởng Côn Sơn tìm cách đưa tôi về trung tâm cải huấn Chí Hòa, Sài Gòn để người nhà tôi tiện bề thăm viếng và hoạt động cho tôi sớm được trở về với ánh sáng tự do. Nhưng suốt bốn năm ăn chực nằm chờ tại Chí Hòa từ năm 1964, mãi cho đến gần cuối năm 1968, may nhờ có phái đoàn báo chí thuộc phe Dân chủ vào Chí Hòa gặp tôi, tôi đã không ngán ngại trình bày:

– Tôi là nạn nhân của Pháp, nay chế độ thực dân đã bị cáo chung, miền Nam nước Việt đã được mang danh độc lập và đối với chế độ mới của người mình tôi vốn chưa có lỗi lầm gì, tại sao tôi còn bị cầm tù ở đây là nghĩa làm sao?

Dựa vào lời khai của tôi, sau khi phái đoàn báo chí Dân chủ trở về, họ viết bài báo rùm beng còn nêu ra một câu hỏi gắt gỏng:

– *Hay là Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu muốn thay chân thực dân Pháp?*

Bị báo chí đả kích kịch liệt, không có cách gì che đậy được ý đồ đen tối của ông ta, buộc lòng phải ra lệnh cho bộ tư pháp gấp làm thủ tục để thả tôi ra trong ngày 18-11-1968 năm Mậu Thân. Đồng thời, mặt khác, ông ta lại bảo Hoàng Đức Nhã (vừa là cháu ruột, cũng vừa là trưởng phòng báo chí tại phủ tổng thống) phải cho người theo sát tôi, vì ông ta nghi cho tôi có cảm tình với phe kháng chiến.

★

Khi tôi vừa bước ra khỏi cổng khám Chí Hòa, thì có một ông bác sĩ vào khoảng trên bốn mươi và ba cô cậu khác nhỏ tuổi hơn. Họ đi bằng một chiếc xe du lịch hiệu Renault mới tinh hảo. Trong khi tôi chưa biết họ là ai, ông bác sĩ lại tự giới thiệu.

– Dạ thưa ông Năm, con là thằng Quý bán sách của ông đây, kể đây là cô Cúc em thứ ba của con hiện giờ là giáo sư văn chương dạy

trường Pétrus Ký, kể đây là chú Hải, kiến trúc sư và đây là chú Út Tùng được sĩ, và má con ở nhà vẫn còn mạnh khỏe vẫn thường nhắc nhở ông Năm luôn. Còn ba con mới mất chừng hơn tháng nay.

Bác sĩ Quý vừa dứt lời, còn trao ra một bức thơ và nói:

– Kính thưa ông Năm, đây là bút tích của ba con và cũng là lời trời trần cuối cùng của ba con trước khi nhắm mắt lia đời. Vậy ông Năm hãy xem sẽ thấy sự hồi tâm của một con người lầm đường lạc lối sau khi đã được soi sáng tâm hồn.

Tôi liền trình trọng tiếp lấy bức thơ của người đã khuất và xem ngay tại chỗ thì thấy như vậy:

Kính thưa ông Năm,⁽¹⁾

Kẻ giết cho ông Năm mấy hàn chữ này, không ai khát hơn là thằng Chín Theo ở đườn Cây Dừa bên cạnh nhà ông từ mấy mươi năm về trước. Ông Năm ơi! ông là vị cú tinh của đa đình tuổi. Nếu không có ông, tui hổng biết đa đình tui sẽ chết chóc hoặc khốn khổ đến mức độ nào?

Nhờ tấm gương thanh bạch đườn hoàn của ông soi sáng vào lòng tuổi mà tui hết sức ăng năn và bỏ lần lẳng những tật xấu và cai luôn được cả bệnh ghien, dợ tui nó mừn hết sức, thiệt phước rư muôn đời để lay, gia đình tui mới được gặp ông. Nhờ sự giúp đỡ của ông, các con tôi mới có tiền cho đi ăng học, học dỏi đầu cao, đứa nào cũng được nên gianh nên phận. Còn vợ tuổi được người ta bầu cử làm chức Hội trưởng hội Phụ nữ cú quốc. Còn tui thì nay đao may mạnh, hổng biết sống chết ngày nào.

(1) Trong bức thư này có rất nhiều lỗi chính tả. Các lỗi chính tả này là những lỗi dễ gặp do cách phát âm không phân biệt một số phụ âm đầu của người miền Nam. Ở đây chúng tôi để nguyên như trong bản thảo với ý đồ tôn trọng cách dùng của tác giả.

*Tui hông biết dùn lời lẽ gì để nói về sự biết ơn của tôi.
Thôi thì chỉ có biếc sống để gia, chết man theo.*

Tui xin muông vàn cảm tạ ơn ông.

*Cần thơ le Ócto bờờ 1968, nhằm này 18 tháng 8 âm lịch
năm Mậu thân*

Kính chào vĩnh biệt

Ký tên: Trần văn Ty tự Chín Thẹo

Cần Kỳ Nay thơ...

Tôi vừa xem thơ của anh Chín Thẹo vừa nhìn bốn đứa con của anh mà nước mắt tôi tuôn ra ràn rụa như một đứa trẻ, vì tôi đâu có ngờ việc làm của tôi được có ảnh hưởng sâu xa với một kết quả tốt lành ngoài sức tưởng tượng như thế. Tôi coi đây là một phần thưởng tinh thần quý giá vô ngần, vì nó chỉ đối với tác phong đạo đức, chứ không thể mua bằng tiền tài hay của cải được.

Xem thơ, về mặt văn phạm trật búa theo như trình độ của anh là phải lắm rồi. Cái mà bắt tôi phải xúc động đến không cảm được nước mắt, đó là tuồng chữ nghèo nàn yếu ớt, đâm xiêng băng nai, không còn có hàng ngũ thứ tự gì hết, có nghĩa rằng anh không còn được mấy lắm hơi, phải chăng đó là triệu chứng của một con người sắp về bên kia thế giới.

Anh ráng sức viết bức thơ này để lại cho tôi, tôi thông cảm đó là một công trình hết sức khó khăn, nếu anh không cố gắng thì anh sẽ không viết nổi. *Để tỏ lòng biết ơn và sự hối hận, nên anh rất cần có bức thơ này để lại cho tôi.* Bác sĩ Quý đã nói cho tôi biết như tôi đã đoán chừng trong khi xem thơ. Tôi hỏi:

– Tại sao mấy cháu biết tôi về bữa nay mà đón tôi ở đây?

Cậu Quý đáp:

– Thưa nhờ có các báo loan tin, đồng thời má con thúc đẩy chúng con phải lấy xe nhà đi đón ông Năm ở đây từ mấy ngày rồi. Chúng con phải lì xì cho họ cả chục tờ thứ 500 có hình đức thánh “Trần”

theo luật xã giao, họ mới chịu làm thủ tục cho ông Năm ra đó. Bây giờ, sẵn có xe đây, xin mời ông Năm đi luôn, kéo má con đang đợi ở nhà, vì có tổ chức một tiệc khá linh đình có mời nhiều quan khách đến dự để đãi và chào mừng ông Năm.

– Nhà các cháu ở đâu?

– Thưa ở Bình Thủy, Cần Thơ.

– Nếu vậy thì chưa được.

– Tại sao vậy, thưa ông Năm?

– Vì người nhà đang trông, tôi chưa về thăm gia quyến, mà lại đi xuống tỉnh xa dự tiệc thì sao cho phải.

– Gia quyến ông Năm ở đâu?

– Ở Gò Công và Vũng Tàu.

– Nếu vậy sẵn xe đây chúng con đưa ông Năm về thăm gia quyến trước, đâu đó xong rồi, chúng con mời ông Năm đi Cần Thơ luôn.

– Tôi đồng ý. Nhưng bây giờ, cháu phải đánh điện về Bình Thủy cho bà thân cháu hay, kéo chị ấy chờ lâu mà không thấy về, đâm ra lo ngại, vì không biết các cháu đi đâu.

– Dạ thì phải vậy chứ sao.

Cuộc hành trình cứ theo dự tính liền được bắt đầu.

Sau khi thăm gia quyến và bà con làng xóm xong. Cậu Quý liền đưa tôi về nhà luôn. Không những thế, chỉ trừ cô Cúc, còn ba người kia đều biết làm thợ máy. Dọc đường, nếu xe có bị ắc nh (en panne), họ tự chữa lấy. Khởi cần mượn tài xế hay thợ máy gì cả.

Nghe mấy cô cậu nói chuyện với tôi mà cứ xưng con, khiến tôi không khỏi lầy lăm ái ngại, nên dọc đường, trên xe ngồi bên cạnh nhau, tôi hỏi:

– Xin lỗi các cháu, có một việc này, tôi thấy cần phải điều chỉnh cho được danh chánh ngôn thuận.

Cậu Quý hỏi tôi:

– Thưa ông Năm, có điều chi thắc mắc, xin ông Năm cứ nói cho chúng con hiểu.

– Đây là tôi muốn nói về cách xưng hô: các cháu khi nói chuyện với tôi nên xưng là “*cháu*”, chớ đừng xưng là “*con*” và kêu tôi bằng chú Năm, vì tôi nhỏ hơn ba má cháu một vài tuổi gì đó.

Bác sĩ Quý đưa mắt nhìn mấy người em bằng những nụ cười có dấu hiệu thâm kín gì đó mà chẳng thốt ra lời, lại để cho mấy người em thay nhau trả lời tôi:

-- Thưa ông Năm, chúng con xưng “*con*” đó là theo lệnh bề trên, mà còn biểu chúng con phải đi rước ông Năm về ở chung với má cho vui, chúng con đâu dám cãi.

Nghe nói thế, nhìn thấy rõ tâm trạng của bốn anh em nhà này, chúng thương tôi nhiều hơn cha ruột của chúng, vì lúc chúng còn nhỏ, cả mấy mẹ con đều là nạn nhân bị anh Chín Thọ hành hạ đủ điều trong khi chúng thấy tôi tuy là người dưng, nhưng lại có lòng bác ái vị tha, lúc nào cũng hết lòng đùm bọc chở che và sẵn sàng chia cơm xẻ áo cho chúng, nên sự cảm tình nghiêng về phía tôi nhiều hơn là lẽ dĩ nhiên.

Còn đối với chị Thủy Tiên thì sao? Tôi có cảm nghĩ gì và xử sự làm sao cho được hợp tình hợp lý, cho xứng đáng là một con người biết trọng danh dự đây.

Phải biết rằng *giặc ngoài chiến trường* dù bên địch có hơn mình đến muôn binh ngàn tướng cũng không khó đánh bằng đối với *giặc tình*, nhất là với người đàn bà có một vóc người cân đối tuyệt vời có đôi mắt lơ lửng sóng tình, dễ thương dễ cảm như chị Đào Thủy Tiên lại càng dễ bị sa ngã hơn nhiều.

Nhưng tôi rất thông cảm hoàn cảnh éo le của chị Thủy Tiên, vì theo tâm lý thông thường của phái nữ, khi đang ăn ở với một người chồng bạc ác tình ma, suốt ngày phải bị đánh đập và mắng chửi như

trường hợp của chị Thủy Tiên, thử hỏi nào ai cấm được họ đừng có những tâm tư thâm kín... đối với một người đàn ông nào khác có tác phong đạo đức, khác hẳn chồng mình. Bởi tôi biết suy xa nghĩ gần như vậy, nên tôi không dám khinh thường chị Thủy Tiên đã từng ấy tuổi mà không an phận thủ tiết với chồng, lại còn toan tới việc bước thêm bước nữa.

Tôi chỉ lo cho phần tôi có giữ vững được lập trường, tiết tháo của một mẫu người biết trọng danh dự hay không thôi.

Điều này bắt tôi phải gọi trong trí nhớ những sự việc gì đã xảy ra từ mấy mươi năm về trước, nhất là câu nói của chị Thủy Tiên trả lời anh Chín Thẹo:

-- Sợ không được như chó, chó được như chó cũng còn là may.

Mà thật vậy, một khi anh Chín Thẹo đã mắng chị Thủy Tiên: *Quân bây ăn ở như chó*. Nếu con chó trong nhà lúc ấy mà nó nghe được và nói được tiếng người, nó sẽ trả lời không những một câu, mà là nhiều câu rất có ý vị.

Này nhé! Bà con hãy nghe tôi nói để mà suy gẫm việc phải chăng: *Chó là một loài vật có bản chất tốt và cũng là một loài vật vô phúc nhất trên đời.*

Chỉ vì nó là một con vật bốn chân, nên nó không có sự đòi hỏi ăn ngon mặc đẹp như loài người, nó không được cấp sách đến trường để nghe lời giảng dạy của các cô các thầy nhà giáo. Chúng không được biết gì về lễ nghi phong hóa, cũng không hề đọc sách ngâm thi, và nhất là chúng không nhờ ai dạy cho hai chữ *trung thành*.

Đã không được hấp thụ tí ti nào về phần giáo dục, còn bị thiệt thòi về mặt đối xử.

Lắm khi chúng không làm gì nên tội cho đáng kể, chúng cũng bị đánh đập rất là tàn tệ, song cũng không vì thế mà chúng quên bổn phận "giữ nhà" cho chủ. Chúng chỉ được liếm láp cơm thừa cá cặn. Nhiều khi đói quá, không có gì ăn, phải chạy ra ngoài đồng kiếm thứ

cận bã của loài người đã vất bỏ đi để giải quyết vấn đề bao tử. Tuy bị bạc đãi đủ điều thậm tệ, chúng cũng không bao giờ oán hận chủ nhà. Bằng có cụ thể là những nhà hàng xóm dù có dư ăn dư để đến đâu, chúng cũng không nở lòng nào bỏ người chủ nghèo tìm đến các nhà giàu để được no đủ hơn.

Trường hợp vì sanh kế quần bách, ta phải bỏ nhà bỏ xứ ra đi, đến nơi xứ lạ quê người để tìm kế sanh nhai. Đến năm năm, mười năm hay lâu hơn nữa mới có cơ hội trở về với cái tư thế nhà lầu xe hơi và nặng túi tiền, sẽ không thiếu kẻ đón người đưa, chào mừng tâng bốc. Trái lại, nếu ta về với chiếc áo rách, thì sẽ khỏi có ma nào nhìn tới. Lúc đó, may ra chỉ có con chó già gầy ốm tong teo (nếu nó còn sống) từ đâu trong xó bếp chạy ra vẫy đuôi vui mừng tíu tít đón chào người chủ cũ.

Sự trung thành ấy là nguồn an ủi quý nhất của người chủ cũ nghèo nàn. Chỉ vì nó là một loài vật bốn chân, nên không mấy ai nhận thấy cái “tốt” của nó. Nhưng sự trung thành của loài chó, hỏi trên đời được có mấy ai? Trong khi loài người có nhiều kẻ mang tiếng lừa thầy phản bạn, phản động, phản dân hại nước, vong ân bội nghĩa đủ thứ v.v... Riêng về loài chó luôn luôn giữ dạ trung thành, vì từ xưa đến nay, chúng ta chưa hề thấy có con chó nào bị mắng là đồ phản chủ như ông kia bà nọ hay thằng Ổi thằng Xoài đã từng bị mắng.

Vậy ta có nên khinh khi loài vật hay không? Tôi tin rằng các bậc hiền nhân quân tử sẽ không bao giờ có những hành động nhẫn tâm đối với loài vật, nhất là với *chó*.

Nếu có ai vô tình (hay cố ý) thốt ra mấy lời: quân mày ăn ở như chó theo cái kiểu anh Chín Thọ đã mắng chị Thủy Tiên độ nọ, nếu loài chó nghe được và nói được tiếng người, chúng sẽ có một câu hoặc nhiều câu trả lời rất là ý vị như chị Thủy Tiên đã trả lời anh Chín Thọ, khi đó ai kia sẽ ăn làm sao, nói làm sao với một loài vật có đầy đủ thành tích tốt đẹp về mặt trung thành, mà những kẻ chửi chó

lại không được như chó, lại là kẻ phản dân hại nước, hoặc là loài sâu bọ nổi lên làm người thì sao.

★

Vừa nghe tiếng xe ngừng ngoài ngõ, chị Thủy Tiên vừa xách xâu chìa khóa chạy ra mở cổng vừa chào mừng tôi.

– Ô, anh Năm! Lâu quá, hơn ba mươi mấy năm cách biệt, em nhớ anh ghê đi, mãi đến hôm nay mới được gặp lại anh. Trông anh về ở đây cho vui, em ở một mình buồn quá anh ơi.

Nghe chị Thủy Tiên thốt ra câu nói vừa rồi, làm tôi hết sức ngỡ ngàng, vì mặc dù anh Chín Thẹo đã ra người thiên cổ, nhưng chị cũng còn có bốn người con và có lẽ chúng đã được chị dựng vợ gả chồng cả rồi. Như vậy, trong nhà trong cửa của chị cũng là đông đúc vui vẻ quá chừng, thế mà chị lại than: *ở nhà một mình buồn lắm* được có tôi về thì chị mới vui là nghĩa làm sao?

Nhìn vào tâm trạng yếu đuối của người góa phụ, tôi rất thương hại (avoir de pitié) cho chị Thủy Tiên. Nếu tôi cũng có một tình thân yếu đuối (nhi nữ thường tình) như chị thì chị sẽ thất tiết với anh Chín Thẹo, còn tôi thì lại mang tiếng tham giàu và háo sắc. Vì chị Thủy Tiên bây giờ không còn là Thủy Tiên chạy ăn từ bữa như hồi còn ở đường Cây Dừa từ mấy mươi năm về trước, mà là một nữ triệu phú có hàng trăm mẫu ruộng hạng nhất ở vùng Thới Lai Cờ Đỏ (Cần Thơ) và 50 mẫu vườn trồng đủ thứ: sầu cau, dừa chuối, cam quýt, bưởi bòng ở Bình Thủy, mỗi năm thu huê lợi vô không biết bao nhiêu mà kể. Còn nói về sắc đẹp thì chị quả là một nàng tiên, năm ấy (1968: Mậu Thân), tuy chị đã hơn 50 lần xuân qua thu lại, mà nét diễm kiều hây còn in bóng trong thời hoa niên.

Tôi nhường chỗ cho chị đi trước để tôi theo sau, nhưng chị không chịu đi trước, lại đi song song với tôi, người ngoài cuộc nếu là xa lạ trông vào cảnh ấy có thể lầm tưởng đó là một cặp vợ chồng.

Trong khi chị được vui vẻ thích thú, thì tôi rất ngượng ngùng, buộc lòng tôi phải lên tiếng:

– Coi kia chị Chín! Em nhỏ hơn chị ít nhất cũng hai ba tuổi gì đó, nếu chị xưng hô như thế thì em sẽ có lỗi với chị và anh Chín rồi đó. Chị gọi em bằng “Chú Năm” cho hợp lí hơn.

Chị Thủy Tiên có vẻ ngập ngừng một chút rồi nói:

– Thôi được! Kêu bằng gì cũng được...

Bác sĩ Quý lái xe vô nhà, còn ba người em tức cậu Hà, cô Cúc và cậu Út Tùng đi theo bên cạnh tôi. Ba người này cũng xưng “con” và kêu tôi bằng “Bác Năm” như bác sĩ Quý, tức là cả bốn người con đều đồng một ý với mẹ: muốn được sự có mặt của tôi để đem lại niềm vui chung cho gia đình này. Thế là tôi bị bao vây rồi đó. Nhưng không sao. Một khi tôi đã quyết tâm, thì không một mãnh lực nào có thể lung lạc nổi sự “*lập chí*” của tôi. Tôi nghĩ: rất đổi con chó là một loài vật không biết lễ nghi phong hóa là gì, mà nó còn giữ vững được lập trường cố hữu với bản chất “trung thành” của loài giống chó, hướng hồ mình là loài người đã tự hào tính khôn hơn vạn vật, có thừa khả năng làm chúa muôn loài, nếu mình không giữ sao cho xứng với danh vị ấy, để thua cái loài “ăn cứt” và không biết mặc quần mặc áo như mình, thử hỏi còn mặt mũi nào đứng trong trời đất.

Một khi tôi đã biết suy nghĩ đắn đo về cách xử sự ở đời như vậy, dĩ nhiên tôi phải cố gắng làm sao cho được như vậy, để khỏi hổ danh mang lối loài người.

*

Nhà chị Thủy Tiên là một biệt thự lộng lẫy nằm giữa khu vườn cây trái sum sê. Trong nhà trang trí phần nhiều là đồ cổ: những thứ đất tiền. Trong số ấy có một cặp ngà voi dài ngót một thước rưỡi, và một cặp lục bình to tướng có hình nổi Long Phụng giao đầu từ đời Khang Hi, thì đủ biết cảnh nhà này sang trọng đến dường nào.

Bác sĩ Quý tắm rửa và thay đồ xong, cũng ra ngồi bên cạnh tôi, để cùng góp chuyện với mẹ và ba người em. Cậu hỏi tôi:

– Bác Năm có biết sự nghiệp to tát này do đâu mà có không?

Tôi đáp:

– Thì cả nhà từ lớn chỉ nhỏ cùng chung lưng góp sức mới nên sự nghiệp chớ sao.

Cậu Quý lắc đầu, cải chánh:

– Không phải! Phải nói rằng, *nhờ ơn đức của Bác Năm* mới đúng.

Tôi hết sức ngạc nhiên về câu nói của bác sĩ Quý, nên tôi kêu to lên:

– Ủa sao lạ vậy, cậu nói gì mà tôi không hiểu. Tôi bị vào tù từ cuối năm 1933, mãi đến ngày 18 tháng 11 năm 1968 mới được về đời. Hơn 35 năm sống trong nhà ngục, đâu có dính dáng gì tới công cuộc làm ăn của gia đình này, mà vừa rồi cháu nói như vậy, làm tôi điếc con rái, không hiểu đầu đuôi sự việc ra làm sao. À, à! Tôi nhớ lại có một việc này hơi lạ, cứ mỗi tháng tôi nhận được một thùng bưu kiện từ trong nội địa gửi ra, nào sữa hộp Nestlé, thịt chà bông, tôm khô, lạp xưởng, đường cát, bánh ngọt, quần cụt áo thun, khăn mặt, choàn tằm, xà bông Coty v.v... Tỉnh trưởng còn gửi mandat cho tiền là khác. Nhưng tôi không hiểu người gửi là ai, chỉ thấy đề tên là Trần Văn Quý, mà trong vòng bà con của tôi đâu có ai tên *Quý*.

Cậu Quý mỉm cười:

– Dấu huyền (`) đổi ra dấu sắc (´), Quý đổi ra Quí cũng được chớ gì.

– Sao cậu không để tên thiệt, lại giấu tên chi vậy?

– Thừa, má con và bốn anh em con đều muốn làm như vậy, để ngày về bác ngạc nhiên chơi. Nhưng đâu phải chỉ có bấy nhiêu, còn có một sự lạ khác nữa, đâu bác nhớ lại coi.

Giữa lúc tôi đang moi trong kí ức để có nhớ lại được gì không, thì cậu Quý lại hỏi tiếp:

– Dưới thời Pháp, những nạn nhân ngoài đảo, có được xem sách báo gì không?

Tôi đáp:

– Đâu có được! Nếu người nào bị chúng xét gặp một cái bao thuốc hoặc một khúc bút chì sẽ bị chúng đánh tàn thân, còn bỏ vô hầm cấm cố xay lúa không có ngày ra, đừng nói chi tới chuyện sách báo.

– Bị nghiêm cấm đến thế mà cũng còn có người xem được, bác nghĩ coi có lạ hay không?

Nghe câu này của cậu Quý, gọi cho tôi nhớ lại... tôi vụt kêu lên:

– À! À! Thôi tôi nhớ lại rồi.

– Bác nhớ chuyện gì?

– Có hai gia đình công chức, tự nhiên họ tìm đến làm quen với tôi, không những họ lên đưa sách báo cho xem, thỉnh thoảng còn xếp đặt những bữa cơm thân mật để mời tôi nữa. Ngoài ra, họ còn giúp tôi về đủ mọi mặt, coi tôi như thể người nhà, ruột thịt. Tôi chỉ nặng mỗi cảm tình ghi lòng tạc dạ để biết ơn, mà không hiểu tại sao tôi lại được người ta đối xử hậu tình đến thế.

– Thì đó là người của má con, bảo con phải điều đình, xếp đặt dù phải đối với giá nào cho hai gia đình công chức ấy được đối ra làm việc ngoài đảo để giúp đỡ bác.

– Thảo nào mà chẳng có chuyện lạ lùng. Thật là chị Chín và mấy cháu lo cho tôi châu đáo quá. Ôn sâu nghĩa nặng, biết bao giờ tôi có thể quên được.

Khi tôi nói đến đây, chị Thủy Tiên lại rước lời tôi để xen vào câu chuyện:

– Nếu nói về “ơn nghĩa” thì phải nói chính gia đình này đã “thọ ơn” anh mới đúng, vì nếu không có anh, thì sự nghiệp to tát này sẽ không bao giờ có.

– Ủ! Má con nói đúng đó bác Năm. Bây giờ con xin nhường lời cho má con, bác sĩ Quý nói: Má nói chuyện thay con đi má, được má nói mới rõ ràng hơn. Má kể hết từng chi tiết một, suốt mấy mươi

nằm ở nhà, má và chúng con ở nhà làm gì, và hằng ngày nhắc nhở trông chờ bác Năm như thế nào? Nói đi má.

Chị Thủy Tiên lại tiếp:

– Ở nhà mẹ con chúng tôi trông anh về ví chẳng khác nắng hạn đợi mưa rào, nhưng càng trông lại càng bất, sau đó lại nghe các báo đăng tin anh đập nát thầy một thằng cò ác ôn nào đó, bị chồng thêm một án chung thân, đưa anh vào cuộc đời qua nhiều tai ương sâu khổ dài dài, làm chúng tôi buồn hết sức buồn. Nhưng chúng tôi không vì lẽ đó mà đâm ra chán nản, miễn là anh còn sống là chúng tôi còn nuôi hi vọng sẽ được gặp lại anh. Vì vậy, một mặt chúng tôi hoạt động cho hai gia đình công chức tốt, có bản chất hào hiệp đổi ra làm việc ngoài đảo để giúp đỡ anh. Mặt khác, ở nhà, chúng tôi đem “số vốn” của anh giúp đỡ từ trước ra mà khuếch trương sự nghiệp.

Tôi hỏi số vốn gì mà chị nói do tôi giúp đỡ.

Cậu Quý thay lời mẹ:

– Thì món tiền lời mà con được bác Năm gởi giao sách cho con đi bán mỗi ngày hồi ba má con còn ở đường Cây Dừa, bác Năm quên rồi sao?

– Điều đó tôi vẫn không quên. Nhưng số lời đâu có bao nhiêu, mỗi cuốn cháu chỉ lời có một đồng xu, mỗi ngày kiếm được bao nhiêu không đủ chi dụng cho gia đình, có dư giả gì mà nói chuyện làm vốn. Vả lại, khi đếm sách cho cháu mang đi bán thì phần lời của tôi, tôi đã tính trong đó rồi. Còn cháu đã khổ công mang sách đi bán, lời được bao nhiêu thì thuộc quyền sở hữu của cháu, sao được gọi đó là số vốn do tôi giúp đỡ.

Chị Thủy Tiên nói:

– Anh lầm rồi. Mỗi ngày nó lấy của anh đến năm, sáu trăm quyển sách. Riêng ngày chúa nhật bảy trăm, mỗi quyển nó lời một xu, thì năm, sáu trăm nó lời được năm, sáu trăm xu tức là năm, sáu đồng bạc, vì mỗi đồng bạc hồi ấy là một trăm xu hay mười cắc cũng thế.

Đồng tiền hồi ấy rất có giá, với một cắc bạc, người ta đã có thể vô ngôi tiệm nước ăn hủ tiếu, ăn xiu mại, uống cà phê hoặc ăn bánh bao, chớ đâu phải mất giá như bây giờ phải có bạc trăm mới dám vào tiệm nước. Với đồng tiền hồi đó, nội gia đình tôi, mỗi ngày tiêu chi dụng chừng năm, sáu cắc tức năm, sáu chục xu là đầy đủ lắm rồi, số còn lại (từ năm đồng đến năm đồng rưỡi) là tôi cất giấu để dành, suốt mấy năm ròng như vậy, ít nhất cũng năm, sáu ngàn đồng gì đó. Với năm, sáu ngàn hồi ấy là của trên thiên hạ rồi, chớ còn gì nữa. Vì đồng tiền rất có giá, nên lúa có hai cắc một gạ, một chục trứng vịt có năm, sáu xu, một con gà chỉ có hai cắc, một kí đường cát trắng có một cắc rưỡi, một thước vải trắng có một cắc tám, một lượng vàng y có mười mấy đồng, vì vậy nhiều người nghèo mạt cũng có vàng đeo. Đến như ruộng hay vườn thôi thì khỏi nói, chỉ có hơn hai mươi đồng một mẫu ruộng hạng nhất, chỗ đất gò hay đất phèn thì rẻ tiền hơn.

Ngừng một vài giây, chị Thủy Tiên lại nói tiếp:

– Số tiền dành dụm, nếu tôi không giấu cất thật kín, để cho ba nó vợ vét hết thì ăn mày luôn, có còn gì đâu làm vốn để mà gầy nên sự nghiệp và cho bốn đứa con ăn học đến nơi đến chốn, đứa nào cũng được đậu cao nên danh nên phận. Lúc đó, nhờ có người anh cả của tôi đang khẩn đất hoang ở miền Hậu Giang, trước hết là Bình Thủy sau mới lần xuống tới Thới Lai, Cờ Đỏ. Tôi gởi tiền cho anh tôi, mua vườn mua đất dùm tôi. Ban đầu thì để tôi đứng tên làm chủ, lần lần mấy đứa nhỏ lớn lên, hễ đứa nào đúng tuổi trưởng thành là tôi mua thêm cho nó đứng tên, trước là thằng Quý, kế đó là con Cúc rồi mới tới thằng Hải và Út Tùng. Bởi tôi biết lo xa như vậy, nên bây giờ bốn đứa con tôi, đứa nào cũng có một số vườn hoặc ruộng ở quanh Bình Thủy hay Thới Lai, Cờ Đỏ. Tổng số ruộng vườn của các mẹ con tôi hiện nay là 670 mẫu tây cả thảy, đó là chưa kể những món tiền gởi các ngân hàng tiết kiệm và số vàng hiện có tại nhà như vậy, không phải nhờ số vốn của anh giúp cho là gì.

Tôi nói:

– Nhưng đó là công khó của cháu Quí, phải đi bán dạo từ các nhà ga xe điện và các bến xe đò, mới được có chút tiền lời để đắp đổi cho gia đình được phần nào hay phần ấy. Và lại, khi đếm sách giao cho cháu Quí, thì tôi đã tính phần lời của tôi trong đó trước rồi.

Chị Thủy Tiên nói:

– Ấy! Nếu không nhờ bán loại sách “bỏ túi” của anh thì làm gì mỗi ngày kiếm được tới năm, sáu đồng bạc tiền lời. Sách của anh để hiệu tác giả Sơn Vương là bán chạy như tôm tươi, vì nội dung đầy tánh chất xã hội, đả phá cường hào ác bá, chống xâm lăng và bán giá chỉ có chín, mười xu một cuốn, vừa với túi tiền của các tầng lớp bình dân đại chúng, nhất là quyển *Chén cơm lạt của người thất nghiệp* thì được độc giả đồng bào hoan nghênh hơn hết. Trong khi đó, các bậc tác giả đàn anh vốn đã quen lệ từ trước cho ra loại sách cổ điển theo format lớn: mỗi bộ tiểu thuyết thường là từ năm, bảy quyển sắp lên, nên họ phải bán với một giá khác tùy theo số vốn. Nhưng giữa lúc nạn kinh tế khủng hoảng đang bao trùm khắp thế giới, trừ một số ít tiền dư của sẵn, nhân cơ hội ấy họ làm giàu thêm, còn phần đông đều đói nhăn răng, chạy lo từ bữa còn không có đủ gạo ăn, thử hỏi tiền đâu đi mua một bộ sách tới mấy đồng bạc.

Lúc đó cậu Quí lại xen vô tiếp lời mẹ:

– Ban đầu con cũng có lãnh thử vài bộ sách lớn, nhưng bán không được, phải đem trả lại. Loại sách “bỏ túi” của bác chiếm phần “ưu thế” là nhờ ở chỗ ra đời đúng lúc và vừa với túi tiền của hạng bình dân giữa thời sanh hoạt khó khăn.

Chị Thủy Tiên tiếp lời cậu Quí:

– Cũng thời ra sách, mà loại sách nhỏ hợp thời giá nhẹ, ai cũng có thể mua xem nên không đủ bán, còn loại sách lớn đã lỗi thời, giá cao, ít người mua nổi, nên bán không chạy là lẽ dĩ nhiên. Giả sử hồi ở đường Cây Dừa, Bà Chiểu, chúng tôi không được gặp anh, thằng Quí phải lãnh loại sách lớn tiền mà bán, cả ngày nó mới bán được một hai bộ, mỗi bộ nó kiếm lời được chừng một hai cắc là cùng. Với số tiền

quá ít ỏi ấy không đủ mua gạo mua cá ăn trong ngày làm gì có dư làm vốn để mà tạo nên sự nghiệp. Cho nên, chúng tôi phải coi sự nghiệp lớn lao này sở dĩ mà có là nhờ “số vốn” do anh giúp đỡ là đúng lắm rồi. Nếu chúng tôi không biết xét cho chí lý như vậy, hóa ra chúng tôi là kẻ vong ơn bội nghĩa hay sao anh?

Đã bao nhiêu lần tôi không nhận tôi là kẻ có công trọng sự lập nghiệp của chị Thủy Tiên, nếu tôi nhận như thế, hóa ra tôi là kẻ cho vay để lấy lời hay sao. Nhưng cả gia đình này đều “xác nhận” coi tôi là kẻ “ân nhân”, nghĩa là nếu không có tôi cho ra đời loại sách “bỏ túi” hợp với thời cơ, để họ từ một gia đình khốn khổ nhất trần đời, được có phương tiện vượt lên tới hàng triệu phú, thì họ phải sống với cuộc đời khố rách áo ôm bữa no bữa đói mà thôi. Chính họ đã tự nhận tôi là kẻ “thi ân” và họ là kẻ “thọ ân”, nếu tôi mãi cứ phủ nhận, từ chối sự “biết ơn” của họ thì coi nó cũng kì, nên kể từ phút ấy tôi không cãi lè với họ về vấn đề này nữa. Tôi cứ để mặc họ muốn nghĩ về tôi, coi tôi là người thế nào là mặc ý họ. Đó là về phần chị Đào Thủy Tiên và bốn người con của chị.

Về phần tôi, thì hoàn toàn khác hẳn, tôi thấy tôi không có công ơn gì với gia đình ấy hết, vì hồi ấy mỗi ngày vợ tôi (tức nàng Ngọc Dung) đếm sách giao cho cháu Quý mang đem đi bán thì chúng tôi đã tính phần lời của chúng tôi trong đó trước rồi. Vậy cháu Quý bán lời được bao nhiêu thì thuộc quyền sở hữu do nơi công khó của cháu, chứ tôi đâu có dính dáng gì tới những món tiền mà cháu đi bán sách mỗi ngày.

★

Sau 35 năm từ trong cõi chết trở về với hai bàn tay trắng, trong khi vợ con tôi đều chết hết thì gia quyến tôi hãy còn rân rác đầy đủ. Người anh cả của tôi thì con cháu rất là đông đúc, kể đó là gia đình người em trai thứ tám và cô em gái thứ mười đều thuộc hàng khá giả, nhà cửa tòa ngang dãy dọc, chẳng thiếu gì, thấy đời tôi lao đao lận đận quá nhiều thì rất thương tình, mới bảo tôi:

– Thực dân Pháp đày anh ra đảo từ cuối năm 1933, đáng lí ra anh phải được về ngay sau khi thực dân Pháp rời khỏi đất nước này, thế mà hồi giữa năm 1954, anh em Nhu Diệm chẳng chịu thả anh cho đến nay dưới thời Tổng Thiệu (năm 1968: Mậu Thân) may nhờ có phái đoàn báo chí phe Dân chủ can thiệp vào ráo riết anh mới được về. Nếu không, chưa biết bao giờ anh mới được thấy lại bà con thân quyến và ánh sáng mặt trời. Chỉ vì anh hay lo việc bao đồng, gánh vác việc đời cho thiên hạ, lại còn công khai ra mặt chống Pháp bằng đủ mọi hình thức, nên anh mới bị chôn chặt tuổi xanh trong cảnh ngục tù suốt mấy mươi năm, thật là kinh khủng. Thôi thì bây giờ, anh nên dừng bước lại đi, đừng hoạt động gì nữa, vì thân xác anh hiện nay đã tiêu tụy mòn mỏi lắm rồi, việc đời việc nước anh nên nhường lại cho các bạn trẻ để anh được dưỡng già một lúc rồi sẽ đến nơi an nghỉ cuối cùng. Vậy bây giờ anh hãy về đây chung sống với chúng em, chúng em sống làm sao, anh cũng sống làm vậy, chúng em sẽ lo cho anh tất cả, anh khỏi phải làm gì cho nhọc, cứ nằm không coi sách giải khuây, hoặc thỉnh thoảng đi dạo đi đây cho đỡ buồn thôi.

Đó! Gia quyến tôi rất tốt với tôi và hết lòng cho tôi như vậy, nhưng tôi đâu có lấy đó làm mừng vì tôi không thích làm kĩ sanh trùng ăn bám sống nhờ người khác là một cái nhục không được tha thứ, trừ khi tôi đã tới hồi kiệt sức quá rồi, không còn hoạt động gì được, khi đó tôi mới đành chịu sống nhờ với bất cứ ai thật tình tốt bụng với tôi.

Vì vậy mà lúc tôi mới về hồi năm Mậu Thân (1968), tôi chỉ nhận sự giúp đỡ của gia quyến có một tháng đầu, đến tháng thứ hai là tôi tự túc lấy.

Nhắc lại, nàng Ngọc Dung (mối tình đầu tiên) ăn ở với tôi được hai đứa con: một trai và một gái, bởi chúng giống mẹ nên đứa nào cũng đẹp như thiên thần, vì mẹ chúng là hoa hậu trong cuộc thi sắc đẹp trong cuộc Hội chợ Sài Gòn (Foire de Saigon) tại vườn bờ-rơ hồi năm 1928. Còn tôi cũng giật giải quán quân về cuộc *thi chữ đẹp* mà tôi đã trình bày 24 tuồng chữ khác nhau được đồng bào cũng như báo chí trong và ngoài nước hoan hô nhiệt liệt. Cách năm năm sau

đó, tôi với nàng Ngọc Dung *kí hiệp ước để được chung sống hòa bình bắt đầu từ cuộc Hội chợ lớn lao ấy*. Còn vườn Bờ-rô hồi xưa tức là vườn Tao Đàn sau này đó vậy.

Vì làm kinh tế mạo hiểm (tổng tiền bọn cường hào ác bá, bọn Việt gian làm tay sai cho Pháp, bọn Tàu bụng phệ, cho đến bọn Pháp thực dân là những nơi rất nguy hiểm, rất khó làm và tôi cũng không từ, tôi lấy tiền của chúng để nuôi một tổ chức hoạt động chống xâm lăng do anh Nguyễn Phương Thảo cầm đầu. Nguyễn Phương Thảo không ai lạ, mà chính là Trung tướng Nguyễn Bình về sau.

Vì bị tên Vinh (bạn học cùng lớp từ thuở bé thơ) hấn bán đứt tôi cho cô Bazin, nên tổ chức của chúng tôi mới bị bại lộ, tôi bị tòa kết án mười năm khổ sai và đày ra Côn Đảo lần thứ hai vào khoảng năm 1940 hay 1941 gì đó.

Đau xót thay cho nàng Ngọc Dung chồng ra đi không hẹn được ngày về thì còn có hai mụn con thơ lấy đó làm nguồn an ủi, nhưng ác nghiệt thay. Số phận đã an bài cho nàng phải vướng chân vào cảnh phũ phàng, vì hai đứa con cùng lần lượt rủ nhau qua đời hết, nàng chỉ còn trơ trọi một mình, còn biết dựa vào đâu lấy sống làm vui, nên nàng đã phải chết dần chết mòn trong cảnh cô đơn buồn tủi, thật là tội nghiệp cho nàng.

Thành ra, ngày về của tôi (18-11-1968), bà con thân quyến hãy còn đông đủ trên tư thế của hàng khá giả. Chỉ có riêng tôi thì trơ trọi một mình với hai bàn tay trắng.

Trong vào cái cảnh cô đơn và chưa có cơ sở gì để làm lại cuộc đời, nên chị Đào Thủy Tiên và bốn người con mới hội ý nhau phải "trả ơn" tôi bằng cách mời tôi về chung sống để tôi được cùng cộng hưởng sự sang giàu sau mấy mươi năm khốn khổ trong cảnh tù đày. Đó là quyết định chung của cả mấy mẹ con của chị Đào Thủy Tiên.

Còn tôi thì sao? Như tôi đã nói, tôi cũng có sự quyết định của tôi, đời của tôi, tôi chỉ thích có cái gì chia sẻ cho bất cứ ai thiếu thốn hơn mình, chứ không thích xòe tay để nhận bất cứ cái gì của ai. *Thà*

tôi mang tiếng ăn cướp, chứ không chịu mang tiếng ăn mày. Nhưng tôi ăn cướp của ai? Của bọn cường hào ác bá, của bọn tham quan ô lại, của bọn ba Tàu bụng phệ của bọn cướp nước thực dân v.v... Đó là tôi làm kinh tế mạo hiểm để nuôi tổ chức và rải rác cho bọn dân nghèo, nhất là nạn nhân hỏa hoạn và bão lụt. Với xã hội là tôi làm việc bốn phần, nhưng với thực dân là tôi phải bị tội bị tù, tôi cam lòng, chứ không ân hận.

Đối với gia đình chị Thủy Tiên, thật tình tốt bụng, muốn chia xẻ một phần ân huệ cho tôi, nhưng vì lẽ tự trọng tôi không thừa cơ lợi dụng cái lòng tốt ấy, nên tôi chỉ ở lại nhà ấy chơi đầu hơn tuần lễ, gọi là cho có, cho khỏi mất phép lịch sự rồi tôi liệu cách rút lui. Ai nấy hỏi tôi chừng nào trở xuống Bình Thủy? Tôi trả lời để về thu xếp việc nhà xem sao rồi mới có sự quyết định.

Chị Thủy Tiên muốn biết địa chỉ mới của tôi ở đâu, không để tôi về một mình, chị bảo cậu Quý xách xe nhà đưa tôi về Sài Gòn. Lúc ấy tôi mượn phố ở bên trong ngõ hẻm đường Nguyễn Bình Khiêm, phía sau bộ Canh nông, gần cầu Phan Thanh Giản thuộc vùng Đa Kao, Đất Hộ.

Bác sĩ Quý dùng cơm và ngủ trưa tại nhà tôi cho đến ba giờ chiều mới từ giã ra về. Tôi tiễn đưa cậu Quý lên xe, xe chạy đi rồi mới trở vào nhà thì thấy cái cartable (cặp da) của cậu còn để lại tại chỗ cậu nằm từ trưa. Tôi tưởng là cậu bỏ quên, nhưng không phải, vì sau khi mở ra xem thì đó là một số bạc kết xù, toàn một thứ giấy 500 mới tinh hảo chưa có lần xấp. Tôi đếm kĩ là 5000 tấm cả thảy. Số 5 ngàn đem nhân cho năm trăm ($5000 \times 500 = 2.500.000$), vị chi là 2 triệu 500 ngàn đồng. Bên trong số bạc ấy, còn gói ghém một bức thơ vắn tắt đại để như sau:

Ông Năm kính mến,

Đây chỉ là một món tiền khiêm nhượng trong «số vốn» mà ông đã giúp đỡ gia đình chúng tôi từ ngày còn ở đường Cây Dừa gần chợ Bà Chiểu, Gia Định. Nếu không nhờ loại sách

“bỏ túi” của ông, thì chúng tôi nếu không chết trong nghèo đói thì cũng sống vất vả bữa no bữa đói như những khách không nhà ngoài đầu đường xó chợ kia thôi.

Nhờ sự tận tâm giúp đỡ của ông, chúng tôi mới có cơ hội thuận tiện tạo nên sự nghiệp. Biết rằng: người quân tử «thi ân» bất cầu báo; nhưng chúng tôi là kẻ “thọ ân” há lại mặc vong hay sao?

Vậy chúng tôi tha thiết yêu cầu ông hãy vui nhận nơi đây tấm lòng quý mến và sự “biết ơn” thành thật của toàn thể gia đình của chúng tôi.

Bình Thủy, ngày 19-12-1968

Chúng tôi đồng ký: Đào Thủy Tiên và các con:

Quý, Hải, Cúc, Tùng đồng kính biểu

Tôi thấy đây là một cách đáp ơn của gia đình chị Thủy Tiên, đồng thời tôi cũng bị đưa vào một thế “kẹt” khiến tôi lấy làm “khó xử” vô cùng. Tôi chưa biết phải giải quyết thế nào cho được hợp tình hợp lý đối với một gia đình tốt bụng đang hướng về tôi.

Vấn đề coi vậy mà rất phức tạp, tôi không thể giải quyết trong một sớm một chiều, đành phải tạm gác để duyệt xét lại cho thật kĩ càng chu đáo rồi mới có sự quyết định tối hậu.

★

Như hầu hết mọi người đều biết: dưới thời chánh phủ Quốc gia, tại Sài Gòn có tờ tuần báo *Tiền phong* trong đó có mục *Tìm bạn bốn phương*, phạm những ai muốn chọn người tri kỉ, kiếm vợ hay kén chồng thì cứ đăng tên vào mục ấy phải nói đại khái về tâm sự gia thế của mình v.v...

Lời rao của tôi được một số khá đông hưởng ứng, trong số ấy có bà Phạm Thị Huệ 41 tuổi, nhỏ hơn tôi 19 tuổi. Tôi sở dĩ chọn bà này làm người bạn đường chấp nối là vì khi tôi nêu ra số tiền hai triệu 500

ngàn đồng của một gia đình nữ triệu phú (chờ chưa cho biết của chị Thủy Tiên) để thăm dò ý kiến của bà thì bà cho biết:

– Nếu ông cần có tôi ở lại đây với ông để hủ hỉ với nhau trong khoảng về chiều, thì tôi xin đề nghị số bạc hai triệu 500 ngàn đồng này ông nên hoàn lại cho chủ nhân. Hoặc ngược lại, nếu ông xét thấy bà nữ triệu phú nào đó thật tình tốt bụng với ông, thì ông không nên phụ kẻ có lòng. Trong trường hợp ấy, tôi xin mạn phép được rút lui về vị trí cũ của tôi.

Cũng nên biết vào khoảng cuối năm 1968 (Mậu Thân) tiền bạc hãy còn có giá rất cao, mấy bà nội trợ chỉ cần một tờ giấy bạc 500 (có hình cụ Trần Hưng Đạo) đi chợ mua đồ đủ thứ món ngon vật lạ, xách không muốn nổi. Thế mà bà Huê lại coi số tiền lớn lao kia như không có gì lớn nào, thì rõ ràng bà là người trọng nghĩa khinh tài, vì vậy tôi mới chọn bà làm người bạn đường chấp nối để nương nhau trong khoảng cuối đời.

Để được dứt khoát về số tiền lớn lao kia, tôi nhờ bà Huê mang cái cặp da có đựng số bạc 2.500.000 mà cậu Quý đã để lại tại nhà tôi ở ngõ hẻm Nguyễn Bình Khiêm sau Bộ Canh nông thuộc vùng Đa Kao từ ngày 19-12-1968, xuống tận nhà chị Thủy Tiên ở Bình Thủy có kèm bức thư đại khái như sau:

Kính gửi chị Đào Thủy Tiên thân mến,

Trước hết, em xin kính lời thăm chị được bình an sức khỏe trong khoảng về chiều. Kế đây, chú Năm cũng có lời thăm cháu Quý, cháu Cúc, cháu Hải và cháu Út Tùng luôn luôn được vui tươi hạnh phúc và mạnh tiến trên con đường kinh doanh sự nghiệp.

Thưa chị, về số tiền 2.500.000 mà chị và các cháu đã gửi biếu em, nếu được chị và các cháu đồng ý thì em xin có ý kiến như thế này: số tiền ấy em sẽ không dùng vào việc gì cho cá nhân em, mà là sẽ dùng vào các việc phước thiện như nạn bão

lụt, nhà cháy, hoặc các gia đình đông con mà không có nhà ở, phải nằm ngoài vỉa hè v.v...

Trái lại, nếu ý kiến của em không được chị và các cháu chấp thuận thì em xin mạn phép được hoàn lại, em chỉ nhận lấy một tờ 500 gọi là cho có tượng trưng thôi.

Mọi việc sẽ diễn biến như thế nào là do quyền quyết định của chị và các cháu.

Trân trọng kính chào

Sài Gòn, ngày 25 tháng 12 năm 1968

Ký tên: Sơn Vương

Xem thơ xong chị Thủy Tiên có hỏi bà Phạm Thị Huê là gì của tôi, bà Huê đưa ra tờ báo *Tiền phong* trở vào mục "Tìm bạn bốn phương" trong đó có lời rao của tôi bà cho biết, bà là người được chọn trong số hơn 50 ứng cử viên (les prétendantes) đủ các hạng tuổi.

Nói về sắc đẹp thì bà Huê không đẹp bằng chị Thủy Tiên, nhưng cách ăn nói rất khiêm nhường lễ độ, nên bà Huê chiếm được cảm tình của cả gia đình này. Bằng có là bà Huê được mời ở lại chơi một đêm để dùng bữa cơm thân mật và hai bà cùng nằm chung một giường, tha hồ cho họ nói chuyện tâm tình với nhau.

Sáng hôm sau, sau khi dùng điểm tâm xong, chị Thủy Tiên cho bác sĩ Quý xách xe nhà đưa bà Huê về Sài Gòn, đồng thời cậu Quý cũng mang cạt-táp bạc theo để trao tận tay tôi có kèm bức thơ sau đây:

Kính gửi ông Năm,

Trước hết, toàn thể gia đình chúng tôi xin thành thật chúc lành ông Năm, bà Năm được vui câu hạnh phúc cho đến suốt đời.

Còn về số bạc 2.500.000, một khi gia đình chúng tôi đã thành tâm nhất trí kính biếu cho ông, thì không bao giờ có sự

vì một lẽ gì mà thu hồi trở lại. Và lại, nó bất quá là một số rất nhỏ, nhỏ như hột cát nằm giữa sa mạc so với “số vốn” mà ông Năm đã giúp chúng tôi tạo nên sự nghiệp to tát như ông đã thấy hiện nay.

Vậy số bạc còn con này, nay đã thuộc quyền sở hữu của ông, ông muốn làm vào việc công hay việc tư, là ông cứ tùy nghi sử dụng. Chúng tôi luôn luôn tán đồng những việc ông làm, vì chúng tôi nghĩ rằng một mẫu người biết trọng danh dự như ông sẽ không bao giờ có những hành động sai trái với bản năng lương thiện của con người.

*Trân trọng kính thư,
Bình Thủy, ngày 26 tháng 12 năm 1968
Đào Thủy Tiên và các con đồng ký*

Thế là mọi việc đã được an bài một cách vô cùng tốt đẹp. Không những thế, từ đó trở đi, giữa chị Thủy Tiên và bà Huê thường có sự thăm viếng lẫn nhau rất là thân mật. Mỗi khi đi du lịch nơi nào, hai bà cũng mời nhau cùng đi cho vui.

Đó là hai người lớn. Còn bốn người con của chị Thủy Tiên đối với tôi lúc nào cũng tỏ ra quý mến, mỗi lần từ dưới Bình Thủy lên đều có mang theo tôm càng, cá đối và đủ thứ trái cây vườn nhà, nhất là bác sĩ Quý mỗi lần lên là quán quít nơi tôi để đưa tôi đi đổi gió nơi này nơi khác để tỏ rằng không bao giờ quên sự đùm bọc của tôi từ hồi cậu ta mới 11 tuổi ở đường Cây Dừa gần chợ Bà Chiểu.

Cách ít lâu về sau, thỉnh thoảng có những trận hỏa hoạn xảy ra chung quanh Sài Gòn và những trận bão lụt ở ngoài miền Trung, nhưng những người được báo ghi vào danh sách “ân nhân” không phải là tôi, mà lại là chị Đào Thủy Tiên và bốn người con của chị. Khi đó, chị Thủy Tiên và bốn người con mới nhớ lại lời nói của tôi: *tôi sẽ dùng số tiền này vào các cuộc phước thiện...* bây giờ có dịp thực hành, nhưng tôi không dành phần danh dự cho cá nhân tôi, mà lại để cho chị Thủy Tiên đứng tên với bốn người con của chị.

11. BÁ DI, THỨC TÊ LÀ HẠNG NGƯỜI GÌ?

Trụ là tên vua cuối cùng của dòng họ nhà Thương bên Tàu (1793-1454 trước Tây lịch kỷ nguyên). Hấn là một tên hôn quân hoang dâm vô độ, khét tiếng bạc tàn. Bên cạnh hấn còn có hai tên nịnh thần Vưu Hồn, Bí Trọng cũng cùng một loại ác ôn không kém. Thêm vào đó, một nàng Tô Đắc Kỳ (gốc hồ li tinh) lại càng nguy hiểm hơn nhiều.

Bốn con quỷ sống ấy hằng ngày bày cuộc vui chơi đại khái như sau:

1. Trước *cung A phòng* có xây một ao hồ lúc nào cũng chứa đầy rượu ngon thịt béo để cho bốn tên chóp bu ấy với bọn quần thần bê bồi tha hồ chè chén với nhau.

2. Trong *vườn Ngự uyển* thường xuyên có hằng trăm cặp thanh niên thiếu nữ trần truồng như nhộng rượt đuổi nhau rồi bắt bỏ nhau... để gợi hứng cho kẻ bề trên.

3. Vua Trụ và hoàng hậu Tô Đắc Kỳ ngồi trên đài cao trông xuống, đưa mắt theo dõi từng cặp bắt bỏ... trong đám loạn dâm tập thể cho đến khi nào xác thịt kêu gào thì hai con quỷ sống này sẽ không ngần ngại bày trò tục tĩu công khai trước mặt mọi người giữa lúc thanh thiên bạch nhật.

4. Một hôm vua Trụ hỏi Đắc Kỳ: tại sao có những lão già đã bảy, tám mươi tuổi mà đi đứng rất vững vàng trong khi có nhiều thanh niên đang thời tráng kiện ra gió muốn ngã là tại làm sao? Thì nàng cho biết: *chất tủy của người già đặc, của người trẻ lỏng*. Vua Trụ muốn biết sự thật, bèn ra lệnh cho Vưu Hồn, Bí Trọng sai quân lính bắt một số người trong hai hạng tuổi ấy đem về chặt ống quyển ra xem thì quả đúng như vậy.

5. Chưa hết. Vua Trụ lại tò mò muốn biết: *những con non trong các bào thai, chúng nằm co quắp như thế nào và lấy gì mà thở?* Đắc Kỳ bèn bảo Vưu Hồn, Bí Trọng cho người đi bắt một số đàn bà chứa gần ngày sanh nở đem về mổ bụng ra xem, xem chán rồi bảo liệng

những tử thi và các bào thai vô tội vào chuồng cọp cho cọp xé ăn, vua Trụ và nàng Đắc Kỷ đứng xem lấy làm thích thú như xem một vở kịch hài hước.

Đó là những cuộc vui thường xuyên đã được bề lũ vua Trụ coi như là *trò giải trí lành mạnh*.

Ông Tỷ Cang (chú ruột của vua Trụ) thấy cháu mình ngày nào cũng bày trò toàn chuyện ác ôn phản dân hại nước, bèn thảo ra một tờ cáo trạng kể tội bảy điều, trong đó có hai khoản quan trọng hơn hết là ông đòi lên án tử người đẹp của Trụ vương và chém đầu hai tên nịnh thần Vưu Hồn, Bí Trọng.

Để trả thù về vụ này, con hồ li tinh Đắc Kỷ mới rỉ tai với vua Trụ, rằng là trái tim của ông Tỷ Cang có đến những bảy lỗ, nên ông ta mới có những ý nghĩ ngông cuồng trịch thượng, dám ngang nhiên kết tội nhà vua, hoàng hậu và hai vị cận thần đã có công phò vua giúp nước.

Vua Trụ tin lời nàng Tô Đắc Kỷ, bèn giao việc này cho hai tên Vưu Hồn, Bí Trọng được toàn quyền hành động để tìm hiểu sự thật về trái tim bảy lỗ. Hai tên này liền sai mấy tay lực sĩ bắt ông Tỷ Cang mổ bụng ra xem, thì hỡi ôi, quả tim của ông như mọi người thường, chớ chẳng có nét gì khác lạ. Thế mà vua Trụ vẫn dửng dưng với những nụ cười khoái trá, chớ không làm tội Đắc Kỷ đã đặt điều nói dối để giết hại ông chú lòng ngay dạ thẳng của mình.

*

Trước tình trạng đau thương của đất nước, ông Võ vương Cơ Phát (người kế vị Văn vương), không tài nào khoanh tay ngồi ngó, để cho tên bạo chúa tự ý hoành hành, giết hại dân lành, coi mạng người không hơn cỏ rác một cách quá ư tàn tệ như thế, ông bèn triệu tập các chư hầu để hưng binh phạt Trụ.

Việc làm hợp tình hợp lý của Võ vương Cơ Phát được khắp trong thiên hạ nhiệt tình hưởng ứng. Riêng có hai anh em Bá Di, Thúc Tề

con vua nước Cô Trúc (một chư hầu nhỏ của đời nhà Thương) lại không đồng ý, đón đường nắm cương ngựa chất vấn Võ vương:

– Cha chết chưa chôn, lại đi gây việc binh đao, có gọi là “hiếu” được chăng? Bấy tôi giết vua để cướp nước, có thể gọi là “trung” được chăng?

Võ vương ung dung giải đáp:

– Vua Trụ hoang dâm vô độ, sát hại lê dân, làm trái ý trời, ức lòng người, làm hư việc nước. Nếu ta tọa thị điểm nhiên, thủ phận một kẻ ngu trung như hai ông, mặc cho tên bạo chúa được tha hồ hăng say trên các cuộc đẫm máu điên rồ của hắn, thử hỏi muôn dân trăm họ còn biết trông cậy vào đâu. Vì vậy, ta thấy có bốn phận trừ hung diệt bạo để có cứu dân cứu nước. Vả lại, giang san là của chung thiên hạ, nào phải của riêng vua Trụ. Ngày xưa, vua Thành Thang há chẳng đánh đổ vua Kiệt để lập nên nhà Thương đó sao.

Các chư hầu thấy việc trái tai gai mắt, hăm hăm lửa giận đòi giết Bá Di, Thúc Tề là hai kẻ đồng lõa với tên hôn quân bạo chúa, nhưng Võ vương không nỡ xuống tay, chỉ cho người đẩy hai ông ấy ra để tránh đường cho việc tiến binh.

Võ vương Cơ Phát đã giải đáp tận tường như thế, thế mà Bá Di, Thúc Tề vẫn chưa tỉnh ngộ, vẫn khư khư giữ theo ý kiến của mình và coi Võ vương Cơ Phát như kẻ phản chúa, bèn thề một câu: *suốt đời sẽ không ăn thóc nhà Châu*.... Đoạn rồi, hai anh em hội ý đưa nhau lên ở ẩn trên núi Thú Dương, hái rau vi lược ăn để sống qua ngày.

Kể ra thì hai ông này cũng can trường lắm đấy, nhưng cái can trường ấy đã dùng không nhằm chỗ, vì giữ phận «ngu trung» với một tên bạo chúa, tức là đồng ý tán thành việc phản dân hại nước của Trụ vương rồi. Thử hỏi trong thiên hạ còn có ai ngu ngốc như hai anh chàng Bá Di, Thúc Tề con vua nước Cô Trúc ở cuối đời nhà Thương không? Chắc chắn là không. Vì nếu muốn cho vua Trụ còn sống là mặc nhiên chấp nhận cho vua Trụ có quyền phản dân hại nước và không ai có quyền phản đối chánh sách khắc nghiệt của hắn ta, nghĩa

là tất cả thần dân đều phải cam lòng an phận với kiếp ngựa trâu như hai anh chàng Bá Di, Thúc Tề.

Nhắc lại, trên núi Thú Dương, sau đó ít lâu, một hôm có người thợ săn từ đâu đi tới, thấy Bá Di, Thúc Tề thân xác gầy gò gần như chỉ còn da bọc xương đang ăn một cách uể oải với mớ rau vi vừa mới luộc xong. Nhìn qua một lúc, người thợ săn nói:

– Khá lắm! Dám đón đầu ngựa của Võ vương để chất vấn về “hiếu” và “trung”, can trường lắm đấy. Nhưng chó chỉ hai ông đem cái can trường ấy ra nói chuyện với vua Trụ: hỏi ông ta: làm vua mà sát hại dân, lấy mạng sống của dân làm trò giải trí như vậy có xứng đáng ngự trị ngai vàng, ngồi trên thiên hạ cho thần dân tôn kính hay không, thì còn chi quý hóa cho bằng. Rất tiếc, cái việc nên làm để cho thiên hạ được nhờ phần phước, hai ông không làm, hai ông lại lên mặt “thầy đời” dạy cho Võ vương biết: phải ăn ở như thế nào cho tròn đạo “hiếu trung” thì thật là quái gở. Hai ông há chẳng biết rằng một ngày nào thằng Trụ còn nhón nhơ trong cung vàng điện ngọc là ngày ấy muôn dân trăm họ phải điêu linh khốn khổ hay sao?

Bá Di, Thúc Tề không trả lời được. Người thợ săn hỏi:

– Giả sử vua Trụ bắt vua Cô Trúc và hai ông chặt chân để xem chất tủy trong ống quyển đặc hay lỏng, và bắt vợ hai ông mổ bụng để xem con non, khi đó hai ông sẽ có thái độ nào?

Bá Di, Thúc Tề cũng im mồm luôn. Khi đó người thợ săn nói thêm câu chốt:

– Hai ông đã quyết một câu thề: *suốt đời sẽ không ăn thóc nhà Châu*. Nhưng mớ rau vi mà hai ông đang ăn đây, có phải là *ngọn rau mọc trên tấc đất* của nhà Châu?

Bá Di, Thúc Tề khi nghe đến đó mới chợt tỉnh ra, thấy mình đã đi sai đường, nhưng khi được sáng mắt ra thì sự đã rồi, rất lấy làm xấu hổ, kể từ giờ phút ấy, hai anh em Bá Di, Thúc Tề không ăn không uống gì nữa để được chết luôn. Dưới đây là một bài thơ của tôi truy tặng hai ông:

Này hỡi Di, Tề có phải điên!
Sao không thông được lễ kinh, quyền
Đã không chống trả thằng vua dữ
Lại cản ngăn chi việc chúa hiền
Núi Thú, rau Vi đâu đó chẳng
Thành xưa miếu cổ có còn nguyên?
Lẽ ra phân biệt vàng thau đã
Đồng lõa hay chi với bạo quyền.

12. MUỖI PHẢN CHẾT BẢY CÒN BA, CHẾT HAI CÒN MỘT, MỜI RA THÁI BÌNH

Đây có phải một trong các câu “sấm” của cụ Trạng Trình, hay một cơ quan đầu não nào đó tự họ bịa ra rồi mượn danh nghĩa của cụ để được có hiệu lực về mặt tuyên truyền chánh trị.

Ta hãy tạm tin như là có thật để xem thời cuộc từ sau trận thế chiến thứ hai (1939-1945), nếu phía Đồng minh (les Alliances) không hạ nổi trục Tam cường (l'Axe des trois puissances) Đức, Ý, Nhật thì cuộc diện thế giới sẽ biến chuyển có đúng theo ý nghĩa trong câu “sấm” kia không?

Có lẽ hầu hết các nhà tam cường chánh trị đều thừa biết: trong trường hợp trục thắng Đồng minh họ sẽ chia ba thiên hạ theo công thức này:

– *Tất cả đất đai của các dân tộc da trắng đều dưới quyền thống trị của Đức quốc xã.*

– *Tất cả đất đai và các dân tộc da đen đều thuộc quyền sở hữu của nước Ý.*

– *Tất cả đất đai và các dân tộc da vàng đều thuộc quyền cai quản của nước Nhật.*

Nhưng đây chẳng qua là một hình thức thỏa thuận tạm thời thôi, vì bên trong thâm kín, mỗi tên đầu sỏ còn có những mưu toan khùng

khiếp: họ sẽ thanh toán nhau để được một mình làm bá chủ hoàn cầu. Trên đây chỉ là giai đoạn: *chết bảy còn ba* thôi mà.

Chết bảy đó là các dân tộc hèn yếu mà họ đã tính chia nhau như trên đã nói.

Đến như chết hai còn một là sao? Trong Tam cường, ai phải chết hai, ai được còn một?

Vấn đề này, hình như Bendo Musschai không hề nghĩ tới, chỉ có hai tên hung thần: *Adolf Hitler* và Thủ tướng Đông Điều (*Hideki Tojo*) của nước Nhật mới có ác ý tính tới vụ này.

Nhưng giữa hai nhân vật chớp bu này, ai khôn khéo hơn, ai nhanh tay hơn. Căn cứ theo các sự việc đã xảy ra trong thế chiến thứ hai như mọi người đã thấy: Hitler của Đức quốc xã, ác thì ác chẳng ai bằng, nhưng nói về mặt sâu sắc xảo quyết thì người Đức kém xa người Nhật.

Ít ra người Nhật cũng thấy rõ trong thâm tâm của Hitler, chủ trương của ông ta: chỉ có *người Đức chánh tông* (les pur germains) mới đáng được làm chủ quả địa cầu này. Coi như hơn sáu triệu người Do Thái bị thiêu sống ở các trại tập trung trong thế chiến thứ hai: 1939-1945 thì biết.

Điều đó người Nhật thấy rõ trước hơn ai hết, nên người Nhật phải phồng tay trên để khỏi bị Hitler tiêu diệt, đó là chết hai: *Đức* và *Ý*, còn một. Khi đó, trên quả địa cầu này chỉ còn có đám con cháu Thái Dương thần nữ, còn có ai đâu để mà đánh nữa. Nên phải đi đến "*thái bình*" là lẽ dĩ nhiên.

Nhưng sự việc đã không xảy ra theo như ước tính: Nhật bị ném hai quả bom nguyên tử đầu tiên ở Nagasaki và Hiroshima phải đầu hàng vô điều kiện trước lực lượng của phe Đồng minh, phe Trục lãnh phần chiến bại một cách chua cay: *Hitler phải tự sát dưới hầm núp của mình, Mussolini thì bị dân chúng Ý treo cổ, còn Thủ tướng Đông Điều (Hideki Tojo) bị Tòa án Nuremberg kết án tử hình theo tội phạm chiến tranh.*

13. MỘT CÁCH CHIA GIA TÀI... !

Nguyên thuở xưa, có một ông lão thuộc hàng khá giả, trước ngày nhắm mắt lia đời, ông gọi hai người con đến để nhắc lại lần chót những lời mà trước kia ông đã từng khuyên bảo hai con về cách xử sự giữa tình cốt nhục.

– Hai anh em bây cùng chung một bọc mà ra, đã là tình cốt nhục thì phải nương nhau mà sống, đối xử nhau thế nào cho ra sự thể con nhà có giáo dục. Đừng bao giờ có sự tranh chấp nhau về vấn đề gia tài của cải. Được như vậy, ta mới yên lòng sau khi nhắm mắt.

Hai người con vâng vâng dạ dạ, nhất là thằng anh hứa chắc sẽ giữ đúng theo lời ông dạy. Nhưng ngay sau khi ông lão qua đời, hẳn ta lại có ý khác, hẳn nói với người em:

– Tuy cha bảo vậy, nhưng rồi đây ai cũng phải có gia đình, vợ con thì làm sao sống chung mãi được. Vậy số tài sản của cha để lại giờ đây ta hãy chia nhau, sau khi tác y kì phận, ai làm nấy ăn, may nhờ rủi chịu, không ai phiền lụy đến ai.

Người em không muốn chia lia tình cốt nhục, song một khi thằng anh đã quyết như vậy, buộc lòng người em phải chiều ý tuân theo. Thằng anh nói tiếp:

– Ta tính thế này cho gọn nhé. Phàm bất cứ món gì thuộc về loại “*đục*” đều thuộc về em tất cả. Chỉ có món gì thuộc về “*cái*” mới về phần ta mà thôi. Nếu em đồng ý ta nhường cho em lấy trước, rồi em muốn đi đâu ở đâu là tự ý tự tình, và món gì thuộc về loại “*cái*” thì em để lại cho ta.

Người em hãy còn nhỏ dại, bản chất lại quá thật thà, nào có biết đâu, nên đồng ý theo lời giao ước của thằng anh cho mau xong việc, đâu có cần so hơn tính thiệt làm gì. Có ngờ đâu, đó là mưu mô của thằng anh xảo quyệt, nên khi bắt đầu thi hành theo lời giao ước, mới thấy món nào sao cũng thuộc về loại “*cái*” cả. Chẳng hạn như cái nhà, cái cửa, cái tủ, cái giường, cái mền, cái gối, cái tô bằng sứ, cái

chén bằng kiêu, cái mâm bằng bạc, cái ô bằng vàng v.v... những món gì quý đều thuộc về loại “cái” của thằng anh hết.

Sau khi đảo soát khắp nhà, thấy có một *chiếc rựa* cùn nằm trong xó kẹt lâu ngày đã bị sét ăn, chỉ có món ấy mà người xưa đã quen kêu là *đục rựa*.

Trong khi thằng anh chiếm hết gia tài loại *cái*, người em chỉ có một chiếc rựa cùn loại *đục* ra đi với hai bàn tay trắng mà không hề một tiếng than phiền. Chàng xách chiếc *đục rựa* lên phía cuối thôn gần sát mé rừng, chặt cây đốn lá dựng lên một cái chòi nho nhỏ để làm chỗ che nắng che mưa, rồi hằng ngày xách rựa vào rừng đốn củi đem ra chợ bán để mua gạo ăn, sống với cuộc đời lạng lẽ đạm bạc, tuy rằng bữa đói bữa no, nhưng rất vui với lương tâm, không bận bịu gì.

Người hàng xóm ai cũng oán ghét thằng anh đều giả, và xót thương chàng là người chân chất thật thà. Trong số ấy, có một cô thôn nữ thỉnh thoảng đến thăm để an ủi và chia cơm xẻ áo cho chàng.

Theo thường lệ vào rừng đốn củi như mọi ngày, khi đi ngang qua trước một hang đá lớn, bỗng nhiên hang đá há miệng ra cười và bảo:

– *Này chú em, vàng ở đây nhiều lắm, chú em cứ hốt đi, muốn lấy bao nhiêu thì lấy về xài, khỏi phải đốn củi làm chi cho nhọc.*

Vàng trong hang đá quá nhiều, không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng bản tánh con người không tham, nên chàng chỉ lựa một cục nhỏ nhất mà lấy, đến khi xài hết mới lấy cục vàng khác cũng lựa cục nhỏ nhất như lần đầu.

Thằng anh thấy người em không đi đốn củi như trước, mà lạ sao lại được lành quần lành áo và có tiền xài lưu loát chẳng kém chi mình. Bèn dò la thăm hỏi, thì người em đã không giấu giếm, lại còn thật bụng khai ngay về việc mình may mắn được gặp kho vàng trên núi.

Thằng anh chíp bụng theo dõi... để rồi hấn sẽ mưu toan thâm tính việc gì mà người em vô tình không biết.

Ngay sau khi được biết đích xác kho vàng nằm tại nơi nào, thằng anh ác nghiệt đã không ngần ngại lừa thế đập chết thằng em, lột bộ đồ vải thô và đoạt luôn chiếc *rựa cùn* để rồi sẽ có việc dùng tới.

Giết chết người em bỏ thây giữa rừng, đoạn hấn trở về nhà kiếm mua mười con lừa khỏe mạnh và 20 cái bao bố cỡ lớn nhất để đựng vàng cho được thật nhiều. Hấn cải trang giả làm người em, xách chiếc *rựa cùn* vào rừng đốn củi. Khi tới trước miệng hang, hấn cũng được hang đá mở miệng chào mời vui vẻ:

– Này chú em, vàng ở đây nhiều lắm, em cứ hốt đi, muốn lấy bao nhiêu thì lấy về xài, khỏi đi đốn củi làm chi cho nhọc.

Được có lời mời của thần tài hang đá, thằng anh ác ôn vui mừng không sao kể xiết, bèn đem chổng bao tới sát miệng hang để có hốt vàng.

Hấn nỗ lực dốc sức bình sanh, hốt bao nào đẩy bao nấy, tuy mệt mà không thấy mệt chút nào, vì sung sướng quá. Vừa hốt vàng cho vào bao vừa cất lên những câu ca lời hát làm vang động cả núi rừng, dường như muốn nói với năm châu thiên hạ rằng:

– Rồi đây, ta sẽ là một ông vua, không phải thứ vua tầm thường, mà là một ông vua vô địch, giàu nhất thế gian. Với kho vàng vô tận này, ta sẽ dựng lên cung điện huy hoàng để tuyển chọn lối năm, bảy ngàn cung phi mỹ nữ, rồi coi nàng nào hấp dẫn hơn hết thì tấn phong cho làm hoàng hậu để thay cho con vợ nhà, vì nó đã xấu xí và hiện nay đã lúống tuổi rồi. Mình làm vua mà vợ xấu quá coi sao được. Không những thế, ta còn chiếm luôn đất nước này, bắt nhà vua đầy ra hải đảo, nếu ông ta có về gì kháng cự, ta sẽ giết chết để đoạt luôn hoàng hậu. Còn triều thần và dân chúng, ai theo ta, ta sẽ phong chức để được hưởng bổng lộc cao sang, kẻ nào dám cả gan chống đối lại ta, ta sẽ ra lệnh cho quan hành pháp thi hành bản án «tru di tam tộc» nghĩa là giết cả ba họ: họ cha, họ mẹ, và họ vợ. Nếu kẻ phạm tội là đàn bà thì

họ bên chồng. Một khi ta đã là vua, ta phải tỏ ra thế nào là ta có đủ oai quyền cho thiên hạ kiêng oai nể mặt chó.

Khi hần nghĩ đến đó, hần đã hốt vàng tới bao thứ 20, nghĩa là còn chừng năm, mười cục gì nữa là đầy bao chót, thì hang đá thỉnh linh bỗng nhiên sụp xuống, làm kẹt cứng cả hai tay, vùng vẫy cách nào cũng không rút tay ra được. Cuối cùng chỉ còn có nước... khóc và khóc để mà... chờ chết.

Nhắc lại người em bị thằng anh đập chết bỏ thây giữa rừng, thì trên cõi Niết Bàn, Phật Thích Ca đánh tay thấy thế, ngài động lòng thương xót, bèn sai Phật bà Quan Âm xuống thế gian dùng phép màu cứu chàng sống lại, rồi đưa chàng đến trước miệng hang để xem hai anh em nhà này đối xử với nhau như thế nào.

Tuy bị thằng anh ác ôn xử tệ, nhưng khi nhìn thấy anh mình ngộ nạn, ngồi khóc tỉ tê sụt sướt và cầu cứu nơi mình, thì người em động lòng trắc ẩn, bèn khẩn cầu Phật bà mở lượng từ bi giải cứu cho người anh khốn khổ, nhưng Phật bà Quan âm lắc đầu từ chối và nói cho chàng biết:

– Không được đâu con ơi! Nó không phải là một con người lương thiện như con đâu, bởi cốt nó là loài chó sói, nên nó mới đành nhẫn tâm giết con để đoạt kho vàng. Giờ đây ta cho nó hiện nguyên hình rồi trả nó về non cao rừng rậm, sống bữa đói bữa no theo tiền kiếp của nó cho nó biết thân.

Nói đoạn Phật bà Quan Âm liền làm phép cho thằng anh ác độc ấy biến thành một con chó sói dữ dằn đáng ghét, rồi cúp đuôi cắm cổ chạy ngang vào rừng, vì sợ người em trả thù, nhưng người em đâu có bụng dạ hèn hạ nhỏ nhen như nó đã tưởng.

Khi đó Phật bà Quan âm lại trở vào hang đá mà nói với chàng:

– Kho vàng này là của trời cho, để ban thưởng về tấm lòng lành của con, giờ đây nó thuộc quyền sở hữu của con, con cứ giữ lấy mà sống cuộc đời vương giả. Không những thế, con sẽ được đức vua gả

cho công chúa, và còn được nối ngôi trị vì thiên hạ sau khi hoàng đế băng hà.

Chú chàng tốt bụng trả lời Phật bà:

– Con xin có lời thành kính cảm ơn đức bà, con không có cao vọng làm chồng công chúa và con cũng không thích làm vua.

Phật bà hỏi:

– Tại sao vậy con?

Chàng đáp:

– Làm vua thì sống trong cung vàng điện ngọc với vô khối tiền rừng bạc bể phải chăng đó là máu mủ của dân. Trong khi đó các cấp thừa hành bên dưới, người tốt rất ít, kẻ xấu lại phần nhiều, tha hồ bóc lột của dân bằng đủ hình thức sưu cao thuế nặng, chúng gộp vào công quỹ chỉ một phần nào, còn tám, chín phần mười thì lọt túi riêng mà dường như các đấng bề trên không hề hay biết. Mặc dù nhà nước cũng có điều luật bài trừ tham nhũng, song kẻ gian có nhiều thủ đoạn mảnh khóc rất tinh vi, mà vua chúa thì ở trên cao, có nhiều bức tường ngăn cách, không tài nào nghe được lời than tiếng khóc của dân, nên kẻ gian vượt qua mặt luật một cách dễ dàng. Đó là những việc không thích hợp với nguyện vọng của con. Con cũng không ham làm chủ một kho vàng mà con chẳng có chút công lao khó nhọc nào trong đó. Con chỉ muốn sống bằng mồ hôi nước mắt của chính bản thân con như bao người bình dân hiền lành chất phác để được yên vui với một tâm hồn thanh bạch. Con không muốn làm giàu một cách ngang xương, vô căn cứ, vô trách nhiệm.

Phật bà lại hỏi:

– Còn việc lập gia đình để hưởng hạnh phúc thì sao? Nàng công chúa con vua đẹp lắm con ơi.

Chàng đáp:

– Kính thưa đức bà, con cũng biết con vua chúa bao giờ cũng đẹp hơn con nhà thường dân, song không vì thế mà con đành bỏ rơi

một người con gái quê mùa, tuy nàng không đẹp như công chúa, song nàng đã từng chia cơm xẻ áo cho con từ hồi ban đầu, lúc con mới xách rựa vào rừng đốn củi.

Khi đó Phật bà tỏ vẻ hài lòng và gật đầu khen bằng một câu nhận xét:

– *Biết trọng nhân cách và giữ được tiết tháo trong sạch và ngay thẳng như con mới đúng là “một con người thật sự hoàn toàn”.*

14. YẾU LY CÓ PHẢI LÀ MỘT DŨNG SĨ ĐÁNG ĐƯỢC ĐỀ CAO?

Ai có xem truyện “*Đông Châu liệt quốc*” đều thấy người Tàu cũng như tác giả dường như đồng ý ca tụng anh chàng Yếu Ly là một dũng sĩ kiên cường, coi cái chết nhẹ như lông hồng, tận tâm vì nghĩa vụ. Vậy ở đây, chúng tôi xin nêu ra các việc y làm (theo như trong truyện đã nói) để người đọc có dịp suy cổ nghiệm kim mà phân tách mọi điều nên hư phải trái. Đầu đuôi sự việc đại khái như sau:

Vương Liêu là vua nước Ngô, công tử Quang cũng là người trong hoàng tộc nhà Ngô. Công tử Quang muốn chiếm ngôi, nhưng Vương Liêu có một người con tên Khánh Kỵ, tài kiêm văn võ, sức địch muôn người, trong thời bấy giờ không có ai cùng tay đối thủ.

Để được tiện bề hành động đúng theo kế hoạch của mình, công tử Quang dùng kế *điều hổ li sơn*, không biết y nói như thế nào mà Vương Liêu lại nghe lời, nhè sai Khánh Kỵ đi công cán nước ngoài cách xa ngàn dặm, làm cho Vương Liêu phải lâm vào tình thế cô lập, nên ông ta mới bị giết.

Theo kế hoạch của Ngũ Viên, công tử Quang dùng tên Chuyên Chư đâm chết Vương Liêu trong một bữa tiệc rồi tự động lên làm vua nước Ngô xưng hiệu là Hạp Lư. Tuy đã chiếm được ngôi vua, song công tử Quang vẫn ngồi đứng không yên, vì Khánh Kỵ hãy còn lưu vong bên nước Vệ và đang hoạt động việc báo thù, thì kể như Vương Liêu chưa chết.

Khi đó Ngũ Viên lại phải tiến dẫn thêm người thứ hai là Yếu Ly, một dũng sĩ có thừa can đảm dám làm việc lớn. Nhưng khi Ngũ Viên đưa đến trình diện, thấy Yếu Ly mặt mày xấu xí, vóc người nhỏ con, coi như một tên học trò trời gà không chặt, vua Hạp Lư nghĩ rằng tên này đánh với một người thường chưa chắc đã hơn, làm sao hạ nổi Khánh Kỵ là một tướng tài không ai sánh kịp.

Thấy nhà vua dụ dụ với vẻ khinh thường, Yếu Ly bèn tự ý khoe:

– Tuy tôi nhỏ bé, không có sức mạnh, ra gió muốn ngã, song đại vương sai bảo việc gì tôi cũng dám làm. Với một tướng tài vô địch như Khánh Kỵ phải dùng mưu chước bằng một “khổ nhục kế” thì mới thành công, chớ dùng sức mạnh thì đâu có được.

Vua Hạp Lư (tức công tử Quang) cũng tạm tin lời, bèn đem Yếu Ly về đối đãi rất là trọng hậu, nào lên xe xuống ngựa, nào rượu ngon thịt béo, nào hầu xinh gái đẹp, Yếu Ly muốn gì có nấy, không thiếu thứ gì. Nuôi một con chó săn để chờ có lúc nhờ nó săn mồi, thì người nuôi nó sẵn sàng cung ứng, đâu có tiếc gì.

★

Sau một thời gian hưởng lạc đủ điều, bỗng một hôm giữa vua Hạp Lư và Yếu Ly có chuyện bất hòa... sao đó, làm cho nhà vua nổi trận lôi đình, truyền lệnh cho hai lực sĩ bắt Yếu Ly chặt lia một cánh tay rồi giam vào ngục. Nhưng cách mấy hôm sau đó, Yếu Ly tìm cách vượt ngục trốn đi, mang theo một mối thù thiên niên bất tận.

Đã vậy, sau khi Yếu Ly trốn đi rồi, nhà vua còn ra lệnh bắt hết vợ con nhà Yếu Ly bị giết hết, không còn một mống.

Lúc ấy Khánh Kỵ ở bên nước Vệ đang dồn hết tâm lực vào việc báo thù, bỗng có Yếu Ly tìm đến kể lẽ sự tình, đại ý rằng:

– Vì tôi lỡ lời xúc phạm có một vài tiếng nói mà thằng Quang đã chặt tay tôi, giam tôi vào ngục, rồi lại còn tàn sát cả gia đình tôi nữa. May nhờ có Ngũ Viên giúp phương tiện cho tôi vượt ngục trốn sang

đây được, nếu không thì sớm muộn gì tôi cũng bị thằng Hạp Lư lôi ra chặt đầu không biết ngày nào.

Vừa nghe đến đó, Khánh Ky bèn chặn hỏi:

– Nghe nói giữa Hạp Lư và Ngũ Viên đối xử nhau có mối tương đắc lắm, có sao lại có chuyện đồng lõa với anh giúp anh vượt ngục.

Yếu Ly đáp:

– Ngài xa nhà xa nước đã lâu, nên nội tình nước Ngô có một vài biến chuyển mà ngài không biết được. Sở dĩ Ngũ Viên từ Sở trốn qua Ngô, đem hết tài ba trí lực của mình giúp cho Ngô được cường thịnh, là cốt để một ngày nào đó, ông ta sẽ nhờ binh lực nước Ngô kéo về tiêu diệt nước Sở để rửa mối thù nhà, nhưng vua Ngô chỉ có hứa suông, đã mười mấy năm ngày qua tháng lại, đến nay Sở Bình vương chết đã lâu rồi, mà vua Ngô vẫn chưa chịu xuất quân. Vì vậy, Ngũ Viên mới lấy đó làm hận, ngoài mặt tuy gương gạo vui cười, nhưng trong thâm tâm thì ức lòng lắm đó. Trước khi sang đây, ông ta có bảo tôi hãy thăm dò ý kiến của ngài, nếu ngài quyết chí phục thù, ông ta sẽ làm nội ứng giúp ngài chém đầu Hạp Lư để rửa mối thù cha và phục lại ngôi vua, đồng thời ông ta cũng rửa được mối hận vua Ngô lừa đảo. Còn phần tôi, tôi cũng rửa được mối thù nhà cho vợ con tôi.

Ban đầu Khánh Ky không lấy gì làm tin cho lắm, bèn mặt sai mấy tay thân tín lên về nước Ngô để nghe ngóng tình hình, về việc Ngũ Viên oán hận vua Ngô, đó là chuyện bịa của Yếu Ly nên không ai hiểu được sự thật như thế nào, vì đó là chuyện tâm tư thâm kín. Đến như việc vợ con của Yếu Ly bị sát hại cả nhà thì ai ai cũng oán ghét vua Ngô, tưởng rằng vua Ngô tàn nhẫn, chớ có dè dặt đó là “khổ nhục kế” của Yếu Ly đã đồng ý cho vua Ngô phải làm như vậy mới đánh lừa được Khánh Ky.

Sau khi mấy tay do thám trở về báo cáo tình hình, nhất là vụ vợ con Yếu Ly bị giết hết rõ ràng là có thật. Khánh Ky đâu còn bụng dạ nào mà nghi ngờ nữa. Từ đó, Yếu Ly được Khánh Ky dùng coi như

một tên cận vệ tâm phúc nhất, đi đâu cũng cho theo hầu bên cạnh nửa bước cũng chẳng rời nhau.

Yếu Ly còn bày kế cho Khánh Kỵ phải áp dụng chiến thuật như thế nào để được chiếm phần thắng lợi về mình. Yếu Ly lại nhấn mạnh về chỗ, bên Ngô còn có Ngũ Viên làm nội ứng để cho Khánh Kỵ càng vững tin nơi mình hơn nữa, nên Khánh Kỵ mới y kế làm theo sắp xếp mọi việc trong vòng ba tháng, theo giòng nước xuôi, kéo binh về Ngô chặt đầu Hạp Lư để trả thù cho cha và phục lại ngôi vua.

Khánh Kỵ có ngờ đâu cái ngày kéo binh về nước lại là ngày trường tử vĩnh biệt cõi đời, vì trong khi chàng đứng trước một chiến thuyền để điều khiển cho các đạo thủy binh tiến tới thì Yếu Ly cầm giáo đứng hầu bên sau, hấn thừa cơ Khánh Kỵ vô tình, hấn đâm một mũi từ sau lưng thủng ra trước bụng, Khánh Kỵ từ từ rút ngọn giáo ra, đoạn day lại nắm đầu Yếu Ly nhận xuống sông ba lần rồi buông ra và nói:

- Ta tha chết cho mày về bên Ngô mà lãnh thưởng, ta không muốn trong một ngày mà thiệt mạng cả hai dũng sĩ.

Nói rồi chàng từ từ ngã xuống vĩnh biệt cõi đời.

Còn Yếu Ly tuy được Khánh Kỵ tha cho khỏi chết, nhưng ba quân tướng sĩ làm sao có thể để yên cho hấn được yên thân, để rồi biết đâu hấn còn tác oai tác quái giờ trò sát sanh hại vật với nhiều chuyện phản phúc động trời hơn nữa. Nên chỉ trong phút chốc thì thể của hấn bị băm nát như tương.

*

Bây giờ chúng ta thử đặt vấn đề: Yếu Ly hành động như vậy, có đáng được cho người đời ca tụng hay không?

Như hầu hết mọi người đã thấy, Yếu Ly là một con người tàn tạn lương tâm, so với loài vật, chẳng hạn như con chó con mèo, y cũng không bằng, làm gì đáng được ca tụng.

Đây, những tội lỗi của hần:

– *Một là*: hần bị công tử Quang (tức vua Hạp Lư) mua chuộc bằng cách cho hưởng lạc một thời gian, vì chẳng khác người ta nuôi một con chó săn để chờ ngày có dịp sau nó săn mồi.

– *Hai là*: nếu hần muốn dùng “khổ nhục kế” hầu có đánh lừa Khánh Kỵ để có lập công với chủ, thì nội bản thân hần, hần muốn làm gì hần làm, chứ vợ con hần có tội tình chi mà hần bảo nhà vua cứ giết hết cả nhà để cho hần được thành công được việc.

– *Ba là*: trong khi Khánh Kỵ đặt hết lòng tin vào y, y lại lợi dụng lòng tin ấy để đâm lén Khánh Kỵ.

– *Bốn là*: giết một vị anh hùng để trả ơn (!) cho một nhà vua không đúng đắn, nếu Yếu Ly còn có chút nhất điểm lương tâm, y có thể nở lòng nào xuống tay đâm Khánh Kỵ?

– *Năm là*: giết một kẻ không thù không oán chi mình để đạt mục đích gì. Phải chăng đó là một hành động điên rồ, thiếu suy xét của một kẻ bất lương ngu xuẩn để rồi phải bị muôn đời phỉ nhổ, coi như một loài sâu bọ nổi lên làm người mà thôi.

15. NGƯỜI PHẠM ĐÒI LẤY VỢ TIÊN

Thuở xưa có ông Trùm Lẻ là một nhân vật nổi tiếng có số đào hoa. Ông ta là người có vợ con sẵn, thế mà ông ta còn muốn đào thêm vợ hai, vợ ba thật là phiền phức. Dĩ nhiên bà xã của ông rất không đồng ý với ông về vấn đề này. Dưới đây là những câu ca dao, bài hát đưa em để ru con ngủ không ngoài dụng ý để cảnh tỉnh ông:

*Ót nào là ót chẳng cay,
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng?
Vôi nào là vôi không nồng,
Gái nào là gái có chồng chẳng ghen?
Có thương nên mới có ghen,
Không thương ai ở bạc đen mặc tình.*

Ngoài ra, thỉnh thoảng bà còn tham vấn với ông, chia xẻ thứ gì cũng có thể được, chứ tình yêu xưa nay có ai mà chịu nhường cho ai bao giờ. Nhưng ông Trùm Lé đã chẳng thương tình thì chớ, ông còn coi bà như một chương ngại vật, ràng buộc khắt khe, làm ông mất hết tự do.

Nên ông mới có ý định, khi nào lấy được vợ tiên, ông sẽ bỏ vợ nhà lập tức. Bằng có là ông lo lót rất nhiều chè xôi bánh mứt với vị Táo quân trong nhà để nhờ chuyển một lá đơn bí mật về tận thiên đình mà khỏi phải thông qua một trạm kiểm soát nào hết.

Đơn của ông Trùm Lé được Ngọc hoàng cứu xét qua những lời phê chuẩn đại ý như sau:

– Ta sẵn sàng chấp nhận cho tên Trùm Lé được lấy vợ tiên. Trên này chẳng thiếu gì tiên, nhiều cô chưa chồng, cô nào cũng đẹp như mơ, tha hồ cho đương sự chọn lựa theo như ý muốn. Vì tiên mà được lấy chồng người phàm là một vinh dự cho đảng gái, nên đảng gái không đòi tiền cheo heo khoán chi cả. Chàng rể chỉ chiếu theo thủ tục thông thường của cõi tiên mà chấp hành hôn lễ một cách rất đơn giản thôi.

Xem lời phê trong đơn vừa đến đó, ông Trùm Lé lấy làm đặc ý vô cùng, vì ông không ngờ người phàm được lấy vợ tiên một cách quá ư dễ dàng như vậy. Ông nghĩ rằng phen này con mẹ đừng hòng ghen tương, làm khó làm dễ gây chuyện xào xáo trong gia đình nữa. Họ biết điều với ta, ta còn lưu lại ít nhiều liên hệ tình cảm, họ mà rắc rối, thì ta rủ nhau lên trời lấy vợ tiên hết, bỏ họ phải ở góa với cảnh phòng không gối lạnh suốt đời, chẳng còn có anh đực rựa nào nhìn tới cho họ biết thân.

Phà một hơi khói thuốc với vẻ hiu hiu tự đắc, đoạn ông Trùm Lé mới xem tiếp đoạn kế, thì thấy ngọc hoàng nhấn mạnh về một điểm này:

– Bất cứ người phàm nào cũng có quyền lên trời để lấy vợ tiên, và mọi chi phí về lễ “hôn phối” đều do đảng gái bao biện tất cả.

Xem đến đây bác Trùm Lé lại càng hứng chí, bác vỗ tay khen:

– Ủ, có vậy chứ! Đức Ngọc hoàng quả là một đấng chí công đối với người phạm thật là rộng rãi.

Sau một chập đi đi lại lại trong nhà hoa tay múa chân với những ý nghĩ khoan khoái tuyệt vời lâng lâng trên chín tầng mây, lúc bấy giờ bác mới thông thả xem đến đoạn cuối:

– Người phạm được lấy vợ tiên, khỏi tốn của nhà chi hết, chỉ phải tuân theo hai điều kiện thông thường rất dễ dãi như sau đây:

Một là: để tỏ ra mình là kẻ biết phép giữ vệ sinh đối với cõi tiên đương sự chỉ cần mang theo một thùng ti-nét (tinette là thùng xí) để dùng vào việc tiểu tiện khi cần, lúc nào đầy thì chịu khó mang về dưới mà đổ, vì trên cõi tiên này không có kho tàng nào chứa đựng được món quà thơm tho quý hóa ấy.

Hai là: để tỏ ra mình là một đức ông chồng có thừa phẩm chất siêu phạm thoát tục, các đương sự nên cắt bỏ bị sanh dục gởi lại dưới ấy, vì các bà các cô trên cõi này không ai giải quyết vấn đề sinh lí bằng cách giao hoan về thể xác như người phạm tục. Khi cần, người ta chỉ hứng gió nồm mà được sanh thai thôi.

Khi xem hết đoạn chót này, bác Trùm Lê mới thấy bực mình thấm thía làm sao. Bác hầm hầm tức giận, câu nhàu với vị Táo quân trong nhà:

– Bấy lâu, tôi tưởng ông trời là đấng chí công chí chánh, việc làm đi đôi với lời nói một cách đường hoàng cho ra thể thống một kẻ bề trên, cho thiên hạ nể vì kính phục mới là phải lẽ, ai đâu có dè ông ta đều cáng đến mức dường này. không cho thì cứ thẳng thùng bác đơn, nào ai dám cãi lệnh trời. Hà tất phải quanh co xuyên tạc thể này để chúng tôi đánh giá như một phường dè tiện không bằng.

Ông Táo lắc đầu với vẻ lo ngại.

Bác Trùm Lê châm thuốc hút rồi lại nói tiếp:

– Ông thử nghĩ mà coi, về điều kiện thứ nhất, ai hơi sức đâu mang thùng xí từ đây lên thượng giới, rồi khi đầy phải mang trở về

thế gian mà đổ. Được lấy vợ tiên kể cũng sướng thật, song không được thì thôi, tội gì chúng tôi phải hạ mình cầu thân, để cho lão Ngọc hoàng dày dọạ như tù khổ sai không bằng. Đến như điều kiện thứ hai, lão Ngọc hoàng lại tỏ ra đều giả hơn nhiều. Ông hãy suy gẫm mà xem, từ ngày có loài người xuất hiện trên quả đất này, bọn mày râu chúng tôi, chỉ nhờ có món “của quý” ấy mà được nên cửa nên nhà, nhờ có nó làm nét gạch nối liền giữa nam và nữ để đem lại hạnh phúc gia đình giữa tình chồng vợ. Không có nó, đời người còn có nghĩa gì. Thế mà lão Ngọc hoàng lại bảo chúng tôi phải cắt mà vứt nó đi, có tức ới máu được không kia chứ?

Nói đoạn, bác Trùm Lê bèn lấy lọ cháo bôi lấp cả hai điều kiện phi lí mà lão ngọc hoàng đã phê trong đơn. Vậy mà bác cũng chưa nguôi cơn giận, còn xé nát lá đơn ném vào giỏ rác. Nhân đó, ông Táo thấy vậy, bèn phụ họa thêm:

– Thà rằng đừng cho chi hết, chớ cho mà cho cái kiểu “đâm họng” thế này thì cho dầu là Phật trên bàn cũng phải lên tiếng, đừng nói chi là người phạm vốn sẵn thất tình lục dục. Nhưng bác Trùm Lê ơi, việc bác bôi lọ, rồi xé nát lá đơn và nặng lời to tiếng từ nãy đến giờ, nếu chẳng may thấu tai đến lão ngọc hoàng, tôi e không khỏi lao sai Thiên Lôi xuống đánh trả thù thì nguy lắm đó.

Nghe Táo quân nói thế, bác Trùm Lê có vẻ đâm lo, nhưng rồi bác lại chợt nghĩ ra:

– Những sự việc xảy ra từ nãy đến giờ, chỉ có tôi và ông nếu ông không tiết lộ, lão ngọc hoàng sẽ không tài nào biết được. Nếu Ngọc hoàng có đủ khả năng sáng suốt, ngồi một chỗ mà biết được hết các việc thế gian của thiên hạ, thì lão đâu có cần giăng màn lưới gián điệp Táo quân để rình rập theo dõi từng nhà. Có phải thế không, ông nói thẳng đi?

Sự thật đã quá chán chường, khiến Táo quân không thể nói gì khác hơn:

– Quả đúng như thế, nếu không nhờ đám Táo quân làm tai làm

mất thay cho lão Ngọc hoàng kể như mù tịt, không biết gì hết.

– Vậy thì tùy ở như ông: một là ông cứ làm sơ tâu về Ngọc hoàng để được lập công với lão, hai là ông cứ một niềm thân thiện với chúng tôi như từ buổi ban đầu. Với hai con đường vạch sẵn, đường nào hợp tình hợp lý, có lợi cho ông hơn, thì tùy ông chọn lựa.

Không cần phải đắn đo nghĩ ngợi gì cả, ông Táo trả lời ngay:

– Bấy lâu nay tôi ở đây với bác, nhờ sự hậu đãi của gia đình bác mà tôi được ấm no đầy đủ, không thiếu thứ gì. Theo đó, tôi thấy giữ niềm thành tín với bác còn có nghĩa hơn là theo phe Ngọc hoàng phải sống với một cuộc đời phũ phàng đen tối. Như hầu hết mọi người đều biết, chỉ có lão Ngọc hoàng và bè lũ của ông ta là được phè phỡn trên cuộc đời vương giả, nhưng lụa vàng son, còn kì dư đều chơi với trong tình trạng thiếu ăn thiếu mặc vì đồng lương mà lão chỉ cho các cấp thừa hành, nhất là đám Táo quân chúng tôi là thứ lương chết đói, không đủ xài vật hằng ngày, làm gì có dư để sắm thêm quần áo cho đủ che thân. Thế cho nên, mỗi năm tới kì về trời dự hội Táo quân phần lớn trong bọn đồng nghiệp chúng tôi đều quần áo tả tơi, gàn như trần truồng, trông rất tủ nhục. Thế mà lão Ngọc hoàng vẫn dưng dưng không được lão ban cho vài lời ủy lạo để được an ủi phần nào. Tóm lại, ngoài bản thân và bè lũ thân cận của ông ta, ông ta không cần biết tới ai nữa hết.

Như vậy là ông Táo đã đứng hẳn về phía bình dân chớ gì. Và dĩ nhiên từ đó ông Táo càng được bác Trùm Lé đối xử đậm đà hơn nữa. Về phần bác Trùm Lé nhớ tới việc Ngọc hoàng chơi xỏ mình về vụ cho lấy vợ tiên, bác lấy làm căm hận vô cùng, và cũng nhờ đó bác mới thấy mình xử tệ đối với vợ nhà, vấn đề gia đạo liền được xét lại mà cảm thương cho người hiền phụ, vì có thương nên mới có ghen. Bèn quay về với vợ con nhà, hát lên một câu an ủi:

*Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.*

16. CHUYỆN NGÔ KHỞI SÁT THÊ CẦU TƯỚNG

Ngô Khởi là người nước Vệ, Vệ là một nước nhỏ bên Tàu trong thời Chiến quốc, trước Tây lịch kỉ nguyên từ năm 403 đến năm 221.

Buổi thiếu thời, Khởi thích chơi với bọn con đồ đảng tử, bà mẹ thường trách mắng khuyên can, Khởi đã chẳng chịu nghe, còn trở giận mẹ già sao khó tánh. Vì không muốn ép xác trong khuôn khổ của một bà mẹ nghiêm chỉnh, một ngày nọ Khởi cắn tay thề:

– Kể từ hôm nay, con từ giã mẹ để đi du học phương xa, nếu không làm được công hầu khanh tướng, con sẽ không bao giờ trở về nước Vệ để nhìn thấy mẹ.

Dứt lời y khởi hành ngay, mặc cho bà mẹ già kêu khóc thảm thương, Ngô Khởi vẫn thản nhiên cất bước ra đi.

Trước hết, Khởi sang nước Lỗ, thọ giáo nơi thầy Tăng Sâm là môn đệ hàng đầu của đức Khổng Tử. Khi ấy có quan đại phu nước Tề là Điền Cư, nhân dịp sang chơi nước Lỗ, nghe tiếng Ngô Khởi là người thông minh hiếu học, bèn tìm đến thăm dò để xem tài sức bực nào.

Sau mấy lần tiếp xúc luận đàm thời cơ thế cuộc, thấy Ngô Khởi là người thông suốt, nói năng bất thiệp, ứng đối lẹ làng, quan đại phu nước Tề rất lấy làm ưng bụng, bèn gả con gái mình cho Khởi, lại bao cho ăn học đến thành tài.

Qua một thời gian chăm chỉ học hành, thầy Tăng Sâm biết Ngô Khởi còn một mẹ già không ai nuôi dưỡng, bèn bảo:

– Trò bỏ nhà bỏ xứ ra đi đã lâu, không về thăm mẹ sao cho đành lòng.

Ngô Khởi bèn kể chuyện vì có lời thề với mẹ... Thầy Tăng Sâm khuyên:

– Với ai kia khác mới nên câu chấp lời thề, riêng với mẹ già không nên như thế.

Nhưng Ngô Khởi vẫn dửng dưng, chỉ một mực lo việc học hành, vấn đề hiếu thảo không hề bận tâm nghĩ tới.

Chẳng bao lâu có tin bà mẹ chết, Ngô Khởi ngửa mặt lên trời kêu to ba tiếng đoạn lau nước mắt rồi cầm sách đọc như thường, dường như chẳng có việc gì xảy ra.

Vốn đã không bằng lòng từ việc trước, nay bởi thêm vụ này, thầy Tăng Sâm lại càng ghét cay ghét đắng hơn nhiều. Vì không thể chấp nhận một tên học trò bất lương mất gốc, thầy Tăng Sâm bèn sai môn đệ tống cổ Ngô Khởi ra khỏi cổng trường lập tức.

Ngô Khởi bèn bỏ đạo Nho, đi tìm thầy khác chuyên về binh pháp. Sau bao năm cố gắng tập tành võ thuật, Khởi được thành tài. Y bèn tìm cách cầu thân với quan tướng quốc Công Nghi Hưu, nhờ sự tiến dẫn của ông này, Khởi được vua Lỗ phong chức đại phu.

Nhận chức chưa được bao lâu, bỗng Tề với Lỗ có chuyện xung khắc bất hòa, quan tướng quốc Công Nghi Hưu rỉ tai với vua Lỗ: nếu muốn đánh lui quân Tề, không gì hay hơn nên phong cho Ngô Khởi làm tướng. Vua Lỗ cũng biết Ngô Khởi là kẻ có tài dụng binh, song hiềm vì Khởi đang ăn ở với người vợ nước Tề, thử hỏi làm sao tin được.

Để được vua Lỗ tin dùng, Ngô Khởi đã không ngần ngại cắt đầu người vợ nước Tề đem dâng vua Lỗ. Nhưng vua Lỗ thấy Ngô Khởi đành tâm giết vợ thì hết sức bất nhẫn trong lòng, vua Lỗ tối tăm mày mặt gần muốn xỉu đi.

Quan tướng quốc Công Nghi Hưu thấy nhà vua khó đặt lòng tin nơi Ngô Khởi, bèn nói rõ thêm cho nhà vua biết:

– Sở dĩ Ngô Khởi đành tâm giết vợ, chỉ vì y đang khát khao mong được làm tướng, nếu bây giờ bệ hạ không dùng để cho y bất mãn, bỏ nước Lỗ chạy sang nước khác, đem tài dụng binh giúp cho nước khác, khi đó nước ta còn nhờ ai được để đánh lui quân Tề? Như vậy, nước Lỗ ta sẽ lâm vào cảnh nguy, không phương cứu chữa, bệ hạ nên xét lại đi.

Vua Lỗ lấy làm khó liệu, song trước một tình thế khẩn trương cấp bách, vì binh Tề đã sắp sửa tràn sang biên giới, nếu mãi cứ trù trừ dự dự thì e vận nước sẽ khuynh nguy, vua Lỗ buộc lòng phải tạm tin, nghe theo lời bảo đảm của quan tướng quốc Công Nghi Hưu mà phong cho Ngô Khởi làm tướng để chống lại quân Tề, nhưng hi vọng rất mơ hồ, vì vua Lỗ chưa thể đặt lòng tin vào một con người tinh ma bạc ác như chàng Ngô Khởi. Trên đời, trừ tình mẫu tử ra, không còn có thứ tình nào mặn nồng thân thiết cho bằng tình chồng vợ, thế mà Ngô Khởi nhẫn tâm đến độ cầm gươm giết vợ để cầu công danh. Như vậy, thử hỏi còn có thể giữ tròn “tín nghĩa” với ai được nữa.

Quá thật đúng như lời giới thiệu của quan tướng quốc không sai: Ngô Khởi mới ra quân có một trận đầu đã đẩy lui quân Tề một cách dễ dàng, y được nổi tiếng là một tướng tài bắt đầu từ đó.

Bị thua nặng, vua Tề căm hận Ngô Khởi vô cùng, nghĩ rằng nếu không có cách gì li gián mà cứ để cho Ngô Khởi được vua Lỗ tin dùng mãi, thì nước Tề ta không mong gì cất đầu lên nổi. Bèn mật sai Trương Bửu là một tay mưu sĩ đã có lần tiếp xúc với Ngô Khởi trước đó không lâu, đem tặng Ngô Khởi hai nàng mỹ nữ nhan sắc tuyệt vời và một số ngọc ngà châu báu khá lớn.

Ngô Khởi là một tay hào sặc, thấy gái đẹp là nhận lời ngay, bèn dồn binh hạ trại mấy ngày rồi thông thả rút quân về, viện cớ rằng bên địch thua to và khẩn thiết cầu hòa, nhân dịp này ta nên cho binh sĩ nghỉ ngơi, nếu bên Tề còn có mưu định gì, khi đó chúng ta sẽ hưng binh hỏi tội.

Ngay sau khi Ngô Khởi rút quân về, vua Tề cho gián điệp phao tin đồn đại khắp nơi về vụ Ngô Khởi ăn của hối nên phải rút quân về, chớ bên Tề không có cầu hòa chi hết.

Vụ này khi thấu đến tai vua Lỗ, vua Lỗ giận lắm, toan bắt Ngô Khởi trị tội. Nhưng Ngô Khởi kịp thời trốn thoát, chạy sang nước Ngụy. Giữa lúc Ngụy hầu đang cần người, lại nghe Ngô Khởi là kẻ có

tài điều binh khiển tướng, bèn phong cho y làm quan trấn thủ đất Tây Hà. Nơi đây, thanh thế của y được thêm cơ hội cao rao lừng lẫy. Tha hồ cho y hưởng lạc với hằng tá hầu non gái đẹp và bao nhiêu bổng lộc dồi dào, lớp của nhà nước cấp phát, lớp lễ vật của nhân dân đem nạp. Thật của kho vô tận, vàng bạc của cải lúc đó không biết làm gì cho hết. Vậy mà, không một ai nghe y nhắc tới chuyện về nước Vệ để thăm mồ cha mả mẹ.

Nếu Ngô Khởi biết an phận với những chức vụ trung bình, đừng chất chứa quá nhiều tham vọng, thì đời của y sáng chói biết bao. Tiếc thay, y có cái tật hay leo thang, khi được có chút công gì, y lại muốn trèo cao hơn nữa.

Ra trấn thủ Tây Hà chưa được bao lâu, y lại có cái cao vọng một ngày nào đó sẽ không xa mấy, chức vị tướng quốc thế nào cũng thuộc về tay mình. Chẳng dè chức vụ ấy vua Ngụy không dành phần cho y, lại phong cho Điền Văn là một võ tướng đã từng xông pha trận mạc từ thuở tiền triều. Do đó, Ngô Khởi mới có sự tị hiềm đối với Điền Văn.

Khi Ngụy hầu biết được vụ này, thấy Ngô Khởi có nhiều cao vọng tiến lên... rất là nguy hiểm, nếu không phòng bị, e sẽ có ngày trở tay không kịp. Bèn giả cách triệu cả hai người vào triều để có giảng hòa, rồi giữ y ở lại luôn tại triều để có tiện bề kiểm soát. Trong khi y về dự hội, vua Ngụy đã cho người ra Tây Hà thay thế cho y, nên khi y biết ra thì sự đã rồi.

Vì sợ Ngụy hầu làm hại, Ngô Khởi lại bỏ Ngụy trốn sang nước Sở.

Tại Sở, Ngô Khởi bí mật đưa ra một chương trình cải cách đại qui mô, Sở Niệu vương thấy sự cải cách ấy rất có lợi cho mình, Khởi được vua Sở tin dùng, bèn trao trọn quyền tướng quốc cho y để y được toàn quyền hành động.

Khi quyền hành nắm trọn vào tay, Ngô Khởi đã không ngần ngại tước bỏ hết những quan chức không cần thiết sau năm đời xa rời

hoàng tộc. Khởi tóm thầu cấp phí lâu đời ấy đem về lập một quỹ riêng để nuôi binh sĩ dưới quyền kiểm soát của mình. Người ngoài cuộc trông vào tường chừng như Khởi thương binh sĩ như chính bản thân mình. Nhưng sự thật trong thâm tâm của Ngô Khởi thì sao. Ôi! Nào ai biết được những mưu toan thâm kín của một con người nham hiểm chứa đầy tham vọng.

Đây chẳng qua là một thủ đoạn bịp đời trong “tâm lý chiến” mà Ngô Khởi đem ra áp dụng vào đám binh sĩ thuộc hạ của mình, để chúng phải tận tâm phục vụ vì mình. Nhờ đó, y sẽ được củng cố về mặt binh quyền để rồi y sẽ còn toan tính chuyện gì động trời... hơn nữa, mà người dân chất phác hiền lành không sao hiểu nổi.

Có chăng chỉ có những người thấy xa hiểu rộng mới đánh dấu hoài nghi, việc sa thải đám hoàng tộc năm đời, phải chăng đó là một cách gián tiếp chặt bớt một số tay chân của nhà vua, để y được tiện bề hành động về sau?

Nhưng Sở Niệu vương mù quáng đã đặt hết lòng tin vào tên tướng họ Ngô, ông ta còn đầu mình mẩn để tiên liệu được những gì bất trắc có thể xảy ra ở ngày mai hậu.

Nhờ sống bằng bổng lộc tước đoạt của đám hoàng tộc năm đời mà đám binh sĩ của Ngô Khởi được nuôi đầy đủ, nhất là bọn tùy tướng cận vệ của y tha hồ mà vui say phê phơ. Cách đối xử nong hậu ấy được bọn chúng ghi sâu vào tâm khảm, vì bọn chúng tin rằng Ngô Khởi thương chúng hết mình, chớ có biết được đâu đó là một bí quyết thu phục nhân tâm để chờ thời cơ thuận tiện.

Khi hữu sự, Ngô Khởi chỉ cần hô lên một tiếng, thì tất cả đồng loạt, sẵn sàng đứng lên làm hậu thuẫn cho công cuộc mưu đồ đại sự của y.

Trường hợp Sở Niệu vương sức khỏe cũng như khối óc của ông ta ngày càng lu mờ bết bát, trong khi thanh thế của Ngô Khởi ngày vững mạnh lấn át cả triều đình. Trước một đòn cân quá ư chênh lệch giữa một ông vua mù quáng và một võ tướng có nhiều mưu mô thủ

đoạn và binh quyền lại nắm sẵn trong tay, khi đó người ta không lường được cuộc diện nước Sở rồi sẽ ra sao.

Nhưng chưa chi, Sở Niệu vương đã sớm băng hà, nên cuộc đời lừng lẫy của một võ tướng có nhiều thành tích bất hảo cũng bị dứt điểm ở đây với một cái chết không toàn thây, rất là ô nhục.

Thế là cái mộng công hầu của Ngô Khởi đến đây đã tan theo mây khói, chỉ còn lưu lại trên đời những tiếng mỉa mai: *bất hiếu* đối với mẹ, *bất nghĩa* đối với vợ, *bất trung* đối với các nhà vua mà tự y tìm tới khuông phò và *bất tín* đối với mọi người chẳng lựa là quen hay lạ v.v.. và v.v...

Giờ đây tôi xin mời các bạn hãy cùng tôi hội ý, đưa anh chàng họ Ngô lên bàn mổ, để phân tách cuộc đời của y từ ngày còn ở với mẹ cho đến ngày leo lên tột đỉnh vinh quang coi y đã làm nên những gì đáng được cho đời nhắc nhở.

Trước hết, riêng tôi, tôi cũng nhìn nhận cho y là kẻ có tài làm tướng. Nhưng cái tài ấy, y có đem dùng cho đúng chỗ hay không? Thì đây, tôi xin trưng bằng cứ:

1. Vốn là công dân của một nước Vệ hèn yếu, mà Ngô Khởi là người có tài tế thế an bang, thay vì y đem cái tài ấy ra xây dựng cho Tổ quốc thân yêu, đưa nước Vệ lên bậc hùng cường cho các lân bang phải kiêng oai nể mặt mới là đúng điệu. Nhưng không đâu. Y đem cái tài ấy tiếp tay cho ba nước khác: trước hết là Lỗ, kế đó là Ngụy, sau cùng là Sở. Ba nước ấy, nhờ cái tài của y mà được cường thịnh, có thừa sức mạnh, có thể áp đảo nước Vệ là quê hương tổ quốc của y. Sự việc này phải hay trái, tôi xin nhường lời cho các hàng thức giả công đồng luận án.

2. Lời thề với mẹ, Ngô Khởi có giữ đúng không? Như hầu hết mọi người đã biết, lúc được làm quan đại phu ở nước Lỗ, y có thừa phương tiện về thăm nước Vệ để thăm mồ cha mã mẹ, nhưng tại sao

y lại không về, nào ai có cấm y đâu. Không những thế, sau đó y còn được mấy phen làm tướng mộng công hầu đạt đến tột mức cao sang, hầu non gái đẹp đầy nhà, đi xe tứ mã, kẻ hầu người hạ huyền thiên. Thử hỏi mắc bận việc gì mà không nhín được năm, mười ngày quay đầu về nước Vệ để thăm mồ cha mã mẹ. Thậm chí một lời nhắc nhở cũng tuyệt nhiên không có, nói chi là chuyện về thăm.

3. Lúc Ngô Khởi đang tòng học tại thầy Tăng Sâm ở nước Lỗ, y không có một đồng dính túi, nếu không nhờ có Điền Cư quan đại phu nước Tề thương tình gả con gái cho và bao cho ăn học, chưa chắc y được có cơ hội và phương tiện bước lên địa vị cao sang. Như vậy, đáng lí ra, sau cái ngày vinh quang huê hạ, công toại danh thành, y phải ăn ở thế nào cho trọn niềm chung thủy với người vợ nước Tề mới phải. Thế mà khi giữa Tề và Lỗ có chuyện bất hòa, thì Ngô Khởi đã không ngần ngại cầm gươm cắt đầu người vợ nước Tề để được vua Lỗ tin dùng sắc phong làm tướng, vì trong tư dinh của Ngô Khởi trong lúc bấy giờ không thiếu chi những đóa hoa biết nói mơn mớn đào tơ, thì đối với người vợ đã chán chương kia kể như là món đồ thừa, còn bị Ngô Khởi coi như là một chương ngại vật, nếu y cần phải thanh toán gấp, càng sớm càng hay, chớ có gì đâu.

4. Với bản tính tự kiêu tự đắc, lúc nào Ngô Khởi cũng coi thiên hạ chẳng ai bằng mình, nên thường hay tranh chấp quyền hành với những người đã có công phò vua giúp nước trước mình. Điều này được chứng tỏ rằng sự tham vọng của y chỉ cần tranh danh đoạt lợi, chớ không cần liêm sỉ phải chăng chi hết.

5. Khi đến một nước nào, Ngô Khởi cũng có một vài hành động bất chánh, mờ ám khả nghi để rồi tự y đâm ra lo ngại pháp phòng, ngồi đứng không yên. Thế cho nên, cái việc bỏ nước này chạy sang nước khác đã được Ngô Khởi tái tục nhiều lần, gần như thành lệ như một thói quen. Bằng chứng là khi y đến ở bất cứ nơi nào cũng chỉ có tính cách tạm thời, chớ không đâu bền vững lâu dài với y được.

Với một con người chỉ có tài mà không có hạnh như anh chàng

họ Ngô này, bởi thiếu lòng trung thực, nên ngoài một Sở Niệm vương mù quáng, không còn có người thứ hai nào dám đặt lòng tin cần nơi y, nên suốt đời y không một người nào là bạn chí thân để nhờ cho y một vài giọt lệ tiếc thương khi y nhắm mắt lìa đời. Lúc ấy, người ta chỉ thấy có guơm giáo và cung tên chĩa mũi vào người của y để đòi các món nợ mà chính y đã vay từ trước.

Bất hiếu với mẹ là cái tội đáng khinh, nhưng chưa đáng ghét bằng cái tội giết vợ để cầu làm tướng. Bởi thiên hạ ai cũng nghĩ rằng đến như cô gái họ Điền, là người vợ đầu ấp tay gối đã từng chia cay xẻ đắng với y từ buổi ban đầu, mà y còn đành tâm hạ sát để thực hiện cái mộng công hầu, thử hỏi còn ai dám kết tình bằng hữu với y.

Bản chất đã diễn ra hành động đã quá rõ ràng như vậy, giờ đây chúng ta thử đặt vấn đề:

– Ngô Khởi là một con người đáng khen hay đáng chê hay đáng thương hay đáng ghét?

Nếu trong chúng ta có ông bạn nào đó, bảo rằng Ngô Khởi là người đáng khen, chớ không đáng chê và đáng thương, chớ không đáng ghét, thì đó là quyền nhận xét của mỗi cá nhân, không ai bắt buộc được ai phải như thế này hay thế khác. Nhưng ông bạn ấy liệu chừng mình có đủ can đảm cầm guơm giết vợ với hi vọng được phong làm tướng, và bỏ nhà bỏ xứ ra đi đến nơi xứ lạ quê người để cầu công danh, bỏ mặc cho bà mẹ già nơi quê nhà không ai nuôi dưỡng, phải sống hiu quạnh bữa no bữa đói như trường hợp anh chàng họ Ngô này không?

Tôi nghĩ rằng trừ một ông tướng Ngô Khởi này ra. Khắp trên thế giới năm châu, chắc chắn không còn có người thứ hai nào đành lòng như vậy.

Cuộc đời của Ngô Khởi có thể tóm gọn vào mấy điểm này:

1. Cản công danh phú quý hơn là hiếu thảo với mẹ
2. Giết vợ để được phong tướng và tiện bề vui say hưởng lạc với những nàng hầu trẻ đẹp

3. Là dân nước Vệ mà không góp phần xây dựng nước Vệ lại đem tài năng trí lực đi phụng sự cho các nước ngoại bang được giàu mạnh hơn quê hương tổ quốc của mình.

Ấy đấy, bao nhiêu thành tích bất hủ (!) ấy đã đủ cho chúng ta đánh giá con người Ngô Khởi như thế nào rồi.

17. CHẶT ĐẦU TÂY

Trong triều đại nhà Nguyễn có ba ông vua chống Pháp, đó là: *Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân*, nhất là *Duy Tân* nổi tiếng thông minh hơn hết. Bằng chứng là trong khi phần đông người Việt chúng ta hãy còn xa lạ đối với nền văn minh cơ khí Âu Tây thì ngài lại có sáng kiến chế tạo được một chiếc đồng hồ ghép toàn bằng gỗ mà chạy được đúng giờ, đúng khắc như các loại đồng hồ kim khí trong khi khắp cả hoàn cầu chưa có hãng đồng hồ nào có sáng kiến làm được việc này.

Khi tin này vừa được ban ra, người Việt chúng ta ở chốn đế đô hồi ấy lấy làm vinh hạnh và vui mừng không xiết. Trái lại, các giới quan trường người Pháp coi đó như một điểm bất tường cho chánh sách thực dân.

Nhất là lão Léon Sogny, nguyên là Chánh mật thám ở kinh thành Huế, hết sức băn khoăn lo ngại về vụ này. Từ lâu, lão cũng có nghe ít nhiều huyền thoại về vị vua trẻ tuổi này, song lão không mấy tin, bởi lão có tánh tự hào, coi thiên hạ không ai bằng mình. Nhưng cái tự hào của lão cũng có lí do, vì lão tinh thông Hán học chẳng kém người Tàu khoa bảng và nói tiếng Việt rất trôi chảy như tiếng mẹ đẻ của y. Vì vậy, đồng bào ta ở Huế hồi ấy đã tặng cho lão cái biệt danh là "*con cáo già*" về mặt rình mò... đánh hơi chánh trị.

Để tìm hiểu sự thật về nhà vua tài sức bậc nào. Đồng thời luôn tiện thăm dò đường hướng của vị vua trẻ tuổi này đối với chánh sách bảo hộ ra sao. Lão bèn đề nghị với viên khâm sứ cho thiết một buổi dạ yến tại tòa khâm để mời nhà vua đến dự.

Giữa tiệc có đông đủ quan khách Pháp và Việt, lão Léon Sogny đề nghị vua Duy Tân một cuộc “chơi chữ” để góp vui cho buổi dạ yến. Vua Duy Tân thừa biết con cáo già này hẳn có thâm ý gì đây. Nhưng lão đã mượn cớ góp vui thì cứ để cho lão ra để tài trước. Đây là vế “xuất” của lão Léon Sogny:

– *Rút ruột vua tam phân thiên hạ*

Vế xuất này quả là hỗn hào trịch thượng đối với nhà vua, vì không những có ngụ ý thí vua hoặc truất phế, trong đó nó còn có nghĩa cắt đất nước này chia làm ba mảnh: *Nam Kỳ*, *Bắc Kỳ* và *Trung Kỳ* để chúng được dễ bề cai trị. Nhưng tài không đợi tuổi, khi phách lại anh hùng, nhà vua nghĩ rằng, dù sao mình cũng đại diện cho cả một dân tộc anh hùng đã từng đánh bại bọn xâm lăng ở Bắc phương để giữ vững cơ đồ nước Đại Cồ Việt qua bốn ngàn năm văn hiến. Vậy phải trả đũa cách nào cho kẻ thù phải bị bẽ mặt, nên ngài đã không chịu lép, bèn ứng khẩu tung lên một câu vế “đối” bội phần áp đảo đối phương:

– *Chặt đầu Tây tứ định sơn hà*

Theo Hán tự như chúng ta đã biết, chữ *Vương* là vua, nếu rút đi số giữa ra chữ *Tam*. Về chữ *Tây* là phương *Tây*, nếu ngắt bớt cái chóp trên, nó thành ra chữ *Tứ*. Vế đối của vua Duy Tân quả là *tuyệt diệu hảo từ*, vì mấy tiếng *chặt đầu Tây* đem chơi với *rút ruột vua* không những rất chỉnh từng lời từng chữ, còn gác kèo trên là đàng khác. Vì vế xuất của Léon Sogny tuy rất hỗn hào, song nó chỉ riêng với cá nhân của một ông vua thôi. Đàng này vế đối của vua Duy Tân thì thật nặng nề thái quá, vì nó đánh phủ đầu lên cả một dân tộc Pháp, vừa là mẫu quốc đô hộ, lại vừa là một cường quốc văn minh nhất nhì thế giới, cái ấy mới thật là đau.

Hầu hết quan khách trong buổi dạ yến đều cho rằng tại lão Léon Sogny vì muốn khoe tài chữ nghĩa mà hóa ra mất mặt cả đám. Đồng thời họ cũng tức giận nhà vua sao dám cả gan thốt ra một câu quá bạo bôi lọ một nước có tiếng hoa mỹ nhất toàn cầu.

Hi vọng sẽ được vớt vát phần nào thể diện, lão Léon Sogny trao

cho vua Duy Tân một tờ giấy trắng buộc phải làm một tờ phản tỉnh ăn năn hối lỗi về vế đối quá ư xúc phạm đối với nước Pháp. Vua Duy Tân không nhận tờ giấy, mà chỉ khẳng khái trả lời:

– Thưa ông Khâm sứ và toàn thể quý vị quan khách có mặt tại đây, cuộc “chơi chữ” tự ông Chánh mật thám Léon Sogny bày ra, chớ không phải ý muốn của tôi. Và cũng chính ông Léon Sogny đề ra vế xuất: *Rút ruột vua...* thì tôi phải tìm chữ đối lại thế nào cho cân về ý cũng như cho chỉnh về lời thôi. Nếu bây giờ ông Léon Sogny không bằng lòng ba chữ đầu trong vế đối của tôi, vì ông cho rằng ba tiếng ấy xúc phạm đến danh dự của nước Pháp, ý nghĩ của ông tôi cũng nhìn nhận có lí do chánh đáng. Nhưng trình độ về Hán học của tôi so với ông còn kém xa lắm, vậy tôi yêu cầu ông thay tôi kiếm chữ nào khác, miễn sao được cân xứng với ba chữ “*rút ruột vua*” là được. Tôi không hạn chế thì giờ như khi tôi đối để trả lời vế xuất của ông. Tôi sẵn sàng để ông có thì giờ rộng rãi là một tiếng đồng hồ. Nếu chưa xong thì tăng một ngày hoặc kéo dài đến mấy tháng hay mấy năm cũng được, miễn sao ông Léon Sogny tìm được ba chữ khác, để tôi khỏi mang tiếng bất kính đối với nước Pháp thì tôi cảm ơn ông Léon Sogny nhiều lắm.

Lão Sogny thấy vua Duy Tân chịu kém và đưa mình lên bậc tinh thông Hán học, ông ta lấy làm nở nang mày mặt vô cùng. Ông ta có biết đâu sự nhún nhường của nhà vua đã đưa mình vào thế “kẹt” mà ông ta không ngờ. Vì vua Duy Tân biết rằng chỉ có ba chữ *chặt đầu Tây* mới đủ ý nghĩa cân đối chơi với ba chữ *rút ruột vua*. Và lại một khi chữ *vuong* đã rút sổ giữa để thành chữ *tam* thì trong rừng văn tự nước Tàu, ngoài chữ *Tây* ra, không còn có chữ nào khác có thể biến đổi trở thành chữ *tứ* để được cân xứng với chữ *tam*. Thế cho nên, vua Duy Tân mới dám buông lỏng thì giờ, để mặc tình lão Léon Sogny lục lặc tìm tòi cho đầu đến mấy năm mấy tháng cũng chẳng được gì, vì lão đã bị vua Duy Tân đưa vào mê hồn trận, một nước “bì” không có lối thoát.

Nhắc lại, ngay sau khi vua Duy Tân nhường lời cho lão Sogny

thì tất cả mọi người đều chăm chú nhìn vào mặt lão, nhưng càng chờ lâu càng thấy sắc mặt lão càng sa sầm lại và toát cả mồ hôi, rõ ràng lão mất hết tinh thần, vì không tìm được động tử nào khác để thay cho ba chữ *chặt đầu Tây*, sự kiện này kể như ông đã chào thua chớ còn gì nữa.

Khi đó quan khách mới xầm xì nhau, họ cho rằng tại lão Chánh mật thám Léon Sogny vì muốn khoe tài “chữ nghĩa” mới sanh ra cái chuyện rắc rối này, để rồi bây giờ chính lão tháo gỡ cũng không ra, họ bèn lần lượt bỏ tiệc ra về, để cho lão ngồi trơ mặt mốc với sự bẽ bàng, gây ông đập lưng ông, chê người ta mà mình không làm được.

Thế là vua Duy Tân đã ngang nhiên lật ngược thế cờ do lão Sogny gài ra, tuy người Pháp thực dân không ưa gì nhà vua, song họ không có lí do gì khiển trách ngài được. Bây giờ họ chỉ còn qui tội về một lão Sogny mà thôi.

18. SỰ TÍCH CON RỆP

Biết nó là một con vật thuộc loại côn trùng bản thiêu, có mùi hôi tanh rất là khó chịu, thế mà sau khi giết chết nó rồi, ai cũng kê ngón tay vào mũi mà hửi cho được cái mùi thơm tho (!) đặc biệt của nó, nghĩ cũng lạ thật.

Tại sao có chuyện lạ lùng như thế. Tôi không thấy có sách vở nào nói về chuyện này. Hỏi tôi còn bé, tôi tò mò hỏi thì có mấy ông già bà lão kể chuyện cho nghe, đại khái như sau:

Nguyên từ thuở xa xưa, có một ông vua giàu mạnh nhất thế giới, sanh được 11 nàng công chúa. Mười cô em, cô nào cũng đẹp đẽ tuyệt vời, được con vua các nước tranh nhau đến cầu hôn, hay ít nhất cũng con quan đệ nhất cận thần may ra mới được xét tới. Duy có người chị đầu lòng, nàng trưởng công chúa thì xấu quá tệ, xấu cho đến mức không còn chỗ chê. Nếu có một cuộc thi đua về các tật “xấu”, chắc chắn khắp cả hoàn cầu, không ai có đủ điều kiện tranh giải quán quân với nàng.

Dưới đây là những nét tuyệt vời độc đáo của nàng:

- | | |
|--------------------|-------------------------------|
| - Bụng ổng | - Đít lồi |
| - Lưng gù | - Tai diếc |
| - Mắt lé | - Cổ lùn |
| - Môi trề | - Miệng méo |
| - Sún răng | - Lưỡi dờ |
| - Nói ngọng | - Cà lăm |
| - Tay cán vá | - Chân đi cà thọt |
| - Da sần mặt mụn | - Người đen như gốc trầm cháy |
| - Nếp sống bừa bãi | - Ganh tị oán hờn |
| - Xa người hiền | - Gân kẻ dữ |
| - Quần áo dơ dáy | - Chí rận đầy người |

Cả tháng chưa tắm một lần

Có lẽ vì nàng quá đẹp đến nước không còn chỗ chê, nên khi nàng đã hơn 30 tuổi đời mà nàng hãy còn là gái đồng trinh, chưa có một hoàng tử nào đến hỏi làm vợ. Sau cùng, nàng chỉ ước mơ một tên phó thường dân hạng bét cũng không được nữa. Đã vậy, nàng còn bị vua cha hắt hủi, thậm chí là hoàng hậu mẹ đẻ ra nàng cũng coi nàng như một loài dòi tưa không bằng.

Vì vậy, nàng mới đâm ra thù ghét cả loài người. Nhất là đối với mười cô gái đang sống trên hạnh phúc triền miên, chồng nào vợ nấy, tốt đôi vừa lứa biết chừng nào, thì nàng coi đó như những lưỡi dao đâm chọc vào quả tim nàng. Đối lại, mười cô em xinh đẹp cũng coi nàng như con quái vật gì gớm ghiếc lắm, chẳng một cô nào có chút từ tâm đoái hoài thương xót đối với người chị bất hạnh của mình.

Nhìn chung quanh cả là một bầu trời âm u thăm thẳm, chất chứa toàn oán ghét căm thù, chẳng một ai ban bố cho nàng một chút tình thương, khiến nàng tủi thân cô độc, không còn biết dựa vào đâu mà sống, nàng đành phải kết thúc đời mình bằng một chung độc dược.

Khi chết xuống âm phủ, Diêm vương giờ sổ bộ ra, thấy nàng chưa tới tuổi ngọc hoàng giữ sổ, bèn hỏi:

– Vì có gì con lại tìm cách chết trước cái ngày do trên thiên đình ấn định?

Nàng bèn khóc than kể hết sự tình về hoàn cảnh không may của mình. Diêm vương nghe qua câu chuyện lấy làm đau xót bèn hứa một câu an ủi:

– Vậy lần này sau khi được trở về thế gian, con không cần vào cung vàng điện ngọc làm gì, ta cho nàng đầu thai làm một cô gái con nhà nghèo, nhưng lại là một tuyệt thế giai nhân, cả thiên hạ không ai bì kịp, thử coi còn có ai dám chê nàng “xấu” nữa không?

Nàng lắc đầu từ chối, Diêm vương hỏi tại có làm sao. Nàng đáp:

– Loài người là một giống ác, không một loài sinh vật nào có thể sánh bằng, họ đối xử với con rất là tàn nhẫn, con không muốn mang tiếng xấu lây bởi những hành động bỉ ổi thối tha của họ. Vì vậy kể từ giờ này trở đi, con không muốn làm người thế gian, mà chỉ muốn biến thành một loài vật gì xấu xa nhất và hôi tanh nhất, cho con có thể ăn xương hoặc uống máu họ để con có trả thù.

Diêm vương bèn hội ý quần thần để xem coi có cách gì giải quyết ổn thỏa cho nàng. Một vị Phán quan đưa ra ý kiến:

– Việc này mới thoáng qua, coi như giản dị, nhưng sau khi xét kỹ mới thấy đây là một vấn đề rắc rối, không thể thực hành. Vì theo thủ tục xưa nay, ở cõi Âm ti này, thập điện của chúng ta chỉ có cái quyền làm tội những kẻ có tội từ trên thế gian chết xuống; chứ chúng ta đâu có cái quyền cho loài này đầu thai ra loài khác. Nhất là “người” mà cho trở thành loài “vật”, trái luật thiên đình, tôi thấy sao không ổn chút nào. Nếu chúng ta tự động làm càn, tôi e sẽ không khỏi bị Ngọc hoàng khiển trách. Đây là vấn đề “ngoại lệ” thì chỉ có đức Ngọc hoàng mới có thần quyền quyết định.

Diêm vương nghe ra có lí, bèn đánh điện lên trời thỉnh ý Ngọc

hoàng thì Ngọc hoàng cũng nhận thấy đây là một vấn đề nan giải. Ngài bèn cho triệu tập một cuộc hội nghị bất thường, gồm có ban cố vấn tối cao và các cấp chư tiên thượng đẳng.

Nhưng suốt mấy ngày đêm bàn đi tán lại mà vẫn chưa tìm ra lối thoát, vì kẻ thì bảo rằng nên cho nàng công chúa nạn nhân hóa ra con cọp, người bảo cho biến thành cá sấu, có mấy vị khác lại đề nghị cho làm chó sói, vì loài thú này rất háu ăn, lại cũng rất không ưa loài người.

Vì hội nghị không được nhất trí, nên đức ngọc hoàng ngồi đứng không yên. Bà trời thấy ông trời biếng ăn mất ngủ, không hiểu bởi lí do nào. Khi hỏi ra mới hiểu sự tình như thế, thì bà mới bật cười lên và nói:

– Tưởng chuyện đi quan trọng lớn lao, té ra chỉ có thế mà không giải quyết nổi, các ông thật là lẩn thẩn.

Ông trời nhìn sủng bà trời rồi nói khích:

– Ủ, bà có giỏi thì thử làm đi, có làm mới biết, chớ ngồi không mà nói miệng tài, ai không nói được.

– Ủ, làm thì làm, tôi có chạy đâu. Cuộc hội nghị thượng đỉnh của các ông kéo dài cả tuần lễ mà chả nên cơm cháo gì. Vậy các ông cứ giữ vững lập trường với ba con thú dữ ấy đi. Riêng tôi, tôi chỉ cần có mỗi con “rệp” đã đủ đánh bại cuộc hội nghị tối cao của các ông rồi.

Ngọc hoàng bèn đánh điện xuống cõi Âm ti với bản danh sách ba con thú dữ: *cọp*, *sấu* và *sói*, con “rệp” của bà trời thì đứng một danh sách riêng. Lệnh nhà trời cho Diêm vương phải chủ trì cho nàng công chúa nạn nhân được tự do lựa chọn theo ý muốn của nàng.

Sau khi xem xét kĩ càng từ mỗi con vật thì: *sói*, *hùm* và *sấu* đều bị bác bỏ quyết liệt. Vì nàng công chúa nạn nhân chỉ chấp nhận có một con “rệp” với một niềm vui thỏa mãn không sao tả xiết. Đây là những lời nàng nói để tỏ vẻ hân hoan:

– *Chỉ có làm kiếp con vật tanh hôi xấu xí này, ta mới rửa được mối thù thiên niên bất tận.*

Diêm chúa bèn cho nàng đầu thai trở về dương thế làm kiếm con rệp, tha hồ cho nàng được trả thù trả oán bằng cách hút máu loài người, làm cho loài người ngủ nghê không được, để lấy mối hận mà loài người đã xử tệ với nàng từ kiếp trước. Không những thế, giòng máu của nàng còn biến chất thành một mùi tanh hôi quái gở để bắt buộc loài người, bất cứ ai khi đã dùng ngón tay trở (bên bàn tay mặt) để giết con rệp thì lập tức phải kê ngón tay ấy vào mũi để mà hít lấy cho được cái mùi tanh hôi nặc nồng của nó.

Chính tôi là kẻ ghi chép chuyện này, còn ai hiểu rệp hơn tôi. Đã biết rõ chất máu của loài rệp là hôi tanh dơ dáy, thế mà sau khi giết chết nó rồi, tôi vẫn kê tay vào mũi mà hửi một cách ngon lành là nghĩa làm sao?

Tại sao có chuyện lạ lùng như vậy? Tôi đã vắt cạn chất óc, mà vẫn chưa giải đáp cách nào cho ổn. Vậy tôi xin nhường lời cho các nhà khoa học chuyên khoa.

19. LẠN TƯƠNG NHƯ KHÔNG TỰ KHOE MÌNH NHƯ KINH KHA nếu Kinh Kha còn sống, hẳn sẽ lấy làm xấu hổ với việc làm của Lạn Tương Như

(Để so sánh về tài ba và đức độ giữa hai nhân vật này, xin mời bạn hãy xem truyện Kinh Kha ở trang trước).

Vua Triệu có hòn ngọc bích họ Hòa rất quý, theo như truyện Đông Châu liệt quốc đã nói thì nó quý ở những điểm này:

- Ban đêm tự nó phát ra ánh sáng nên được gọi là ngọc dạ quang.
- Có phép thiêng trừ được tà ma yêu quái.
- Mùa Đông thay cho lò sưởi, mùa Hạ thay cho quạt mát.
- Trong vòng năm bước, ruồi nhặng chẳng dám đến gần.
- Ai tốt phước được hòn ngọc quý ấy mang theo trong người, suốt đời sẽ không bệnh tật chi hết.

Khi biết được chuyện ấy, lòng tham nổi dậy trong người vua

Tần, nên ông ta mới có sự hạ quyết tâm, dù phải đổi với giá nào cũng phải đoạt cho được “viên ngọc thần” ấy về tay mình mới chịu nghe cho. Có viên cận thần bày kế gạ đổi 15 thành để đoạt viên ngọc. Vua Tần bèn viết thư sai sứ sang nước Triệu để thăm dò vua Triệu về vấn đề này.

Vua Triệu bèn hội họp quần thần để tham khảo ý kiến, thì tất cả bá quan văn võ còn ai chẳng hiểu đây là một âm mưu bịp bợm của vua tôi nhà Tần; chớ làm gì có chuyện thật tâm giao dân nộp đất cả 15 thành để đổi lấy có một viên ngọc bích họ Hòa. Nhưng nếu từ chối ắt sẽ có chuyện chẳng lành, bằng như trao ngọc cho Tần, ngọc sẽ mất luôn, mà Triệu sẽ không bao giờ được nhận 15 thành theo như Tần hoàng đã hứa.

Vua Triệu nhìn vào Liêm Pha là quan tể tướng đệ nhất công thần của nước Triệu, thì ông này cũng không liệu được cách nào cho ổn. Bỗng trong đám hoạn quan có lão Mục Hiến tâu lên cho biết trong đám “xá nhân” của ông ta có một tráng sĩ tên Lạn Tương Như, có thừa can đảm và nhiều mưu, nếu cần sai sứ sang Tần để công cán vụ này, sẽ không ai hơn người ấy.

Vua Triệu bèn cho vời tráng sĩ vào chầu, nói rõ về mưu toan lừa dối của vua Tần để đoạt viên ngọc quý của mình cho Lạn Tương Như nghe, để xem coi chàng có cách gì để bảo vệ món quốc bảo khỏi bị mất về tay kẻ cừu địch hay không? Lạn Tương Như xin nói:

– Muôn tâu chúa thượng, đây là việc quốc gia hệ trọng không thể hứa càn hứa bướng để rồi phụ lòng tin tưởng của đáng quân vương. Vậy xin bệ hạ cho phép thần được suy nghĩ kĩ trong ba ngày rồi sẽ vào chầu bệ hạ.

Nhà vua chấp nhận lời xin. Đúng ba ngày, Lạn Tương Như vào triều bệ kiến. Trước sự hiện diện của vua Triệu và cả triều đình, chàng cho biết rằng chàng bằng lòng lãnh sứ mạng vô cùng nguy hiểm ấy đi đối với lời tuyên thệ nếu liệu có nhận được 15 thành, chàng mới trao cho viên ngọc. Bằng không, chàng sẽ có cách đem viên ngọc

quốc bảo trở về cho đức vua, cho nước Triệu. Trường hợp gặp cảnh không may, vì lẽ gì mà không được nữa, chàng sẽ đập viên ngọc nát tan tành, và chàng sẽ chết luôn tại chỗ với viên ngọc, quyết không để vua Tần đoạt được hòn ngọc nguyên vẹn.

Vua Triệu rất mừng, nhưng mừng với sự tạm yên lòng, chớ đã lấy đâu làm chắc, vì nào ai có thể biết trước sự việc rồi sẽ ra sao? Bèn phó thác cho Lạn Tương Như làm sứ mang ngọc sang Tần, một mình một ngựa ra đi, đã không xin thêm một người thứ hai để trợ lực, cũng không cần một món vũ khí còn con để có hộ thân.

★

Như hầu hết mọi người đều biết, Tần Thi Hoàng là một tên bạo chúa đã khét tiếng hung tàn trong thời Chiến quốc, mọi hành động của y đều dựa trên sức mạnh hoặc mưu mô xảo trá, chớ không cần danh dự của lời hứa hay lời lẽ phải chăng chi cả. Trong khi chư hầu liệt quốc đều ngán vua Tần, riêng có Lạn Tương Như thì không ngại điều ấy. Lại nữa, cung điện Hàm Dương là nơi lộng lẫy huy hoàng, cộng với đạo ngự lâm quân và hàng ngàn giáp sĩ châu chực trong cung, ai đến đó cũng phải khiếp vía kinh hồn. Thế mà Lạn Tương Như đến đó trao ra viên ngọc mà không sợ mất.

Trên Chương Đài, vua tôi nhà Tần trao tay nhau xem chán rồi còn đưa vào hậu cung cho hoàng hậu và các phi tần cùng xem, mà không đá động gì tới việc giao đất và 15 thành cho Triệu, bỏ Tương Như ngồi trơ trên một mình, thật là khiếm nhã. Tức giận lắm, nhưng chàng không ngạc nhiên điều ấy, và chàng vẫn thần nhiên giữ được thái độ trầm tĩnh để nói chuyện với vua Tần:

– Tàu đại vương, trước ngày sang đây, vua Triệu chúng tôi đã phải ăn chay năm đất năm ngày rất là cung kính đối với viên ngọc thần, và dặn đi dặn lại năm lần bảy lượt, bảo hạ thần tâu với Đại vương cũng trai chay năm ngày như chúa công tôi rồi hãy nhận ngọc, không nên khinh thường, e mất sự linh nghiệm và sẽ có chuyện chẳng lành.

Vua Tần tưởng thật, bèn trao lại viên ngọc cho sứ Triệu rồi cho ra ở tại nhà công quán để chờ.

Sau năm ngày trai chay đúng theo nghi lễ đối với viên ngọc thần do Lạn Tương Như đã để ra, vua Tần bèn thiết đại triều, có cả sứ thần các nước đến dự. Nhưng vua Tần hết sức ngạc nhiên, vì Lạn Tương Như chỉ đến mình không chẳng thấy có viên ngọc cầm tay. Vua Tần nhìn sững, chưa kịp hỏi gì, Lạn Tương Như đã lên tiếng trước để nói những lời lẽ gì mà chàng cần phải nói:

– Tâu Đại vương, ngọc bích họ Hòa là viên ngọc duy nhất, không có hòn ngọc thứ hai nào có thể sánh bằng, vì tin theo lời hứa danh dự của Đại vương đổi 15 thành để lấy viên ngọc, nên vua Triệu chúng tôi mới sai tôi sang đây để nhận 15 thành cùng lúc với nghi lễ Đại vương nhận ngọc. Thưa ngài, dù sao tôi cũng mang danh đại diện cho một quốc vương, thế mà Đại vương tiếp tôi bằng một thái độ khinh thường quá tẻ. Trông vào những cử chỉ ngạo mạn của ngài, khiến tôi phải hồi tưởng những gì đã xảy ra từ thuở xa xưa, từ sau đời Tần mục công cho đến hiện nay, ngót 20 đời vua, nước Tần đời nào cũng dùng sức mạnh hoặc mưu mô hiểm độc để uy hiếp hoặc lừa dối các nước nhỏ yếu hơn mình, xa thì có Kỷ Tư lừa Trịnh, Mạnh Minh lừa Trần, gần thì có Thương Ưởng lừa Ngụy, Trương Nghi lừa Sở v.v... Việc cũ đã đành rành ra đó, đủ chứng tỏ các vua Tần không cần thủ tín với ai cả. Nay đến lượt nước Triệu chúng tôi, Đại vương cũng áp dụng một lối lừa phỉnh ấy. Vì vậy, trong mấy ngày lưu trú tại công quán, tôi đã tìm cách cho người mang ngọc trả về nước Triệu cho chúa công tôi. Hôm nay sứ mạng đã hoàn thành, tôi còn tiếc chi thân mà không lấy cái chết để bảo toàn danh dự. Đó là phần tôi đối với nước Triệu và chúa công tôi. Còn đối với Đại vương, tôi hiện là con cá nằm trên thớt, muốn khứa dày hay mỏng là quyền ở tay ngài....!

Vua Tần phùng phùng lừa giận, truyền lệnh bắt Lạn Tương Như trói lại để rồi sẽ phân thân làm muôn đoạn cho hả lòng căm tức của mình. Nhưng Tương Như vẫn một thần sắc tự nhiên, nói thẳng vào mặt vua Tần:

– Việc đánh lừa nhà vua để bảo vệ một vật quốc bảo, Tương Như này đã đáng tội chết đối với bị lừa, tôi sẵn sàng nhận lấy cái chết trung kiên vinh dự. Về phần Đại vương ngài cứ hành động đúng theo sở thích của ngài, để cho hậu thế có dịp phẩm bình việc làm của một quốc vương đệ nhất hùng cường đúng hay sai, phải hay trái. Đồng thời, phần tôi, tôi cũng cần biểu dương tinh thần bất khuất của viên sứ thần của một nước Triệu hèn yếu.

Vua Tần và cả quần thần đưa mắt nhìn nhau với vẻ kinh ngạc trước một mẫu người khí khái can trường mà chưa từng thấy bất cứ ở nước nào, tuy là kẻ thù đối lập, song sự việc phi thường xảy ra dường ấy buộc họ phải nể nang. Sau một chập lú lơng từ từ lắng dịu, vua Tần nói với các quan:

– Giết sứ Triệu đã không lấy lại được ngọc, còn mang tiếng bất nhân bất nghĩa với đời. Sao bằng tha chết cho y, vì y là một tôi trung làm tròn nghĩa vụ vì vua vì nước, đáng được đề cao hơn là căm thù oán ghét.

Nói đoạn, bèn cho lệnh mở trời Lạn Tương Như và đổi đài khá trọng hậu rồi cho về nước.

Vua Triệu thấy Lạn Tương Như đã không để cho mất ngọc, còn được trở về một cách an toàn, cho là bậc hiền tài dũng cảm hiếm có trong đời, bèn phong cho làm chức Thượng đại phu.

★

Về phía vua Tần như chúng ta đã thấy, vì những câu đối đáp cứng rắn của Lạn Tương Như, nên ông ta phải giả dạng vui cười để tỏ lượng khoan hồng đối với đối thủ cho đỡ mất mặt với sứ thần các nước, thật ra trong thâm tâm, ông ta rất căm thù vua tôi nước Triệu. Với trường hợp ấy, ông ta đã khéo dẫn lòng nhẫn nhịn, để rồi sẽ còn có nhiều cơ hội để bẹp kẻ thù về sau.

Thật vậy, cách đó không lâu, vua Tần sai sứ sang mời vua Triệu đến hội tại Mãnh Trì (thuộc lãnh thổ Tần) để bàn việc tương thân giao hiếu.

Vua Triệu biết đây là mưu mô rửa hận về vụ đổi thành lấy ngọc độ nọ, đã không đạt được ý muốn, còn bị Tương Như nói chạm đến tổ tiên mình. Bây giờ vua Tần mời hội nghị với danh nghĩa bàn việc bang giao, nếu không đi thì mất phép lịch sự về mặt xã giao, bằng như phải đi thì tánh mạng khó an toàn. Cả hai đều tấn thối lưỡng nan, vấn đề trở nên khó xử. Trước cảnh bối rối ấy, Lạn Tương Như mạnh dạn đưa ra ý kiến:

– Thể diện của một quốc vương đại diện cho cả nước Triệu, không cho phép chúng ta được từ chối, vì người ta mời mà mình không đi, mình sẽ bị coi là hèn nhát.

Sau một cuộc bàn cãi khá gay go mới đi đến sự quyết định chung là vua Triệu sẽ đi dự hội, chớ không từ chối, nhưng với điều kiện tối cần là phải có Lạn Tương Như cải dạng ẩn mình lẫn lút trong đám tùy tùng hộ giá.

Để phòng việc bất trắc có thể xảy, ra vua Triệu cho tướng Lý Mục đem năm ngàn quân cầm tử và thiện chiến đến chực sẵn gần nơi hội nghị. Như vậy cũng chưa cho là đủ, Bình Nguyên Quân (tức công tử Thắng em ruột vua Triệu) còn đem cả đại binh ra tận biên giới để tiếp tay với Lý Mục nếu có biến cố xảy ra.

Khi đến Mạnh Trì, hai vua hội kiến, mở tiệc đãi đằng để cùng hội đàm quốc sự. Khi tiệc được giữa chừng, vua Tần nói với vua Triệu:

– Ta trộm nghe vua Triệu rất giỏi về âm nhạc, nay nhân cuộc hội đàm thân mật, xin nhà vua vui lòng cho ta được có dịp thưởng thức tiếng đàn tuyệt diệu của ngài.

Nói đoạn liền sai người đem cây đàn “bảo sắc” ra để trước mặt vua Triệu. Vua Triệu then đỏ mặt mà không dám từ chối, phải ôm đàn lên khảy khúc *Tường Linh*. Vua Tần không ngớt lời khen, lại truyền cho quan thái sử chép liền việc ấy:

– Ngày... tháng... năm... vua Tần và vua Triệu họp ở Mạnh Trì, vua Tần sai vua Triệu gảy đàn sắc...

Lạn Tương Như thấy vua Tần làm nhục vua mình, bèn cầm cái phễu vội vã bước lên nói với vua Tần:

– Vua Triệu biết Đại vương cũng thạo về âm nhạc nước Tần, yêu cầu ngài gõ vào cái phễu này làm nhịp để góp vui cho cuộc hội nghị.

Vua Tần giật nảy mình khi nhìn kĩ lại thì ra đây là viên sứ thần nước Triệu đã lật ngược thế cờ về vụ đem thành đổi ngọc của mình mới xảy ra cách đó không lâu. Sự xuất hiện bất ngờ của chàng dũng sĩ đối phương làm cho vua Tần tái mặt, mất cả tinh thần nhuệ khí. Sẵn đà ấy, Lạn Tương Như thấy cần phải nhấn mạnh vài câu:

– Đại vương cậy có nước Tần giàu mạnh, chỉ thích áp đảo sai khiến thiên hạ, mà không nể nang gì thể diện của các lân bang. Như thế này là ngài đã làm nhục chúa công tôi rồi đó. Tôi xin đem cái chết của tôi đổi lấy cái chết của Đại vương để rửa mối quốc nhục cho vương triều nhà Triệu.

Bọn tả hữu của vua Tần toan nhảy lên thêm hành cung để lôi đầu kẻ địch xuống để bầm nát thay hầu có giải cứu vua Tần. Nhưng Lạn Tương Như giơ cao cái phễu, đồng thời trợn trừng đôi mắt tròn xoe và quát to lên:

– Nếu các người bước lên một bước, thì vua các người sẽ cùng ta mất mạng với cái phễu này.

Vua Tần kinh hãi, tức thì hất hàm ra hiệu cho bọn cận vệ phải lui xuống ngay, rồi lấy chiếc đĩa gỗ vào cái phễu theo lời Tương Như đã khiến, đồng thời chàng còn bảo vua Tần:

– Yêu cầu Đại vương khiến quan Thái sử chép việc này vào sử như việc xảy ra vừa rồi.

Vua Tần phải nghe theo và ra lệnh cho quan Thái sử phải chép:

– Ngày... tháng... năm... vua Triệu và vua Tần họp ở Mãnh Trì, vua Triệu sai vua Tần gõ vào cái phễu làm nhịp để góp vui.

Cuối hội nghị ở Mãnh Trì lúc bảy giờ trở nên bầu không khí nặng nề đối với vua Tần, nhưng trái lại, đối với phía Triệu lại là niềm vui

đắc thắng. Bị bẽ mặt, vua Tần phải giả say để có cơ bãi hội luôn. Khi về dọc đường, có quan khách khanh hỏi vua Tần tại sao không cho bắt vua Triệu và Lạn Tương Như đem về Hàm Dương trị tội? Nhà vua đáp:

– Ta được mật tin cho biết, vua Triệu phòng bị rất cẩn thận, nếu ta làm không nên chuyện, e gây trò cười cho thiên hạ về sau. Vì vậy buộc lòng ta phải thông qua vụ này, để rồi sẽ còn có nhiều dịp khác, ta đâu có dễ chịu thua, kiến trên miệng chén còn bỏ đi đâu cho khỏi.

*

Nhắc lại về vua Triệu, sau khi từ Mãnh Trì (bên đất Tần) bãi hội trở về một cách an toàn, nghĩ vì công lao khó nhọc và rất nguy hiểm của Tương Như, ông ta lấy làm đẹp ý, nói với các quan:

– Ta được có Lạn Tương Như, ví chẳng khác ngời trên bàn thạch. Nay ta phong cho Tương Như chức Thượng tướng, ta e còn chưa lấy gì làm xứng đáng.

Liêm Pha nghe thế rất lấy làm bất bình, khi về tới tư dinh, ông ta nói với đám thuộc hạ:

– Ta từng có công đánh Nam dẹp Bắc, vào sanh ra tử, cướp lũy đoạt thành, xông pha trận mạc, công lao hân mã kể biết là bao. Còn Lạn Tương Như, một kẻ xuất thân hèn hạ, xá nhân của một hoạn quan, nay chỉ nhờ một vài câu nói khoác ở đầu môi chót lưỡi mà được lên chân, thế mà thứ vị lại ở trên ta. Ta đời nào chịu đứng dưới, gặp hấn ta sẽ giết ngay.

Khi được nghe tin này, Lạn Tương Như chỉ mỉm cười, không tỏ ra hờn giận chi cả. Nhưng khi gặp buổi chiều, chàng lại cáo bệnh để khỏi chạm mặt Liêm Pha. Lại một hôm khác, thấy Liêm Pha ngồi xe tứ mã với một đoàn tùy tùng đông đảo trông ắt oai vệ, từ mãi đằng xa đang tiến về phía mình, Lạn Tương Như bèn tẽ vào một ngõ hẻm, tìm con đường khác mà đi. Bọn xá nhân của Lạn Tương Như thấy thế không khỏi lấy làm tủi hổ, bèn xúm lại phàn nàn trách móc:

– Chúng tôi bỏ làng mạc, xa lìa thân quyến, đem nhau đến đây để hầu hạ ngài, vì yên trí rằng ngài là bậc trượng phu trí dũng hơn đời và tước vị cũng đứng trên Liêm Pha. Thế mà vừa rồi, mới nghe mấy lời hăm dọa của ông ta, ngài đã hạ mình khuất phục, vào triều ngài không dám cho ông ta chạm mặt, trong những buổi châu, ra đường cũng không dám cho ông ta thấy mặt. Trong khi chúng tôi hết sức lấy làm ái ngại, coi đó là sự tổn thương danh dự cho vị minh chủ của mình, thì ngài lại đứng đưng như người vô sự là bởi có làm sao?

Lạn Tương Như không vội trả lời, còn hỏi vặn lại:

– Các người xem uy lực của Liêm tướng quân có bằng vua Tần không?

Bọn xá nhân đáp:

– Liêm Pha làm gì sánh nổi vua Tần.

Lạn Tương Như bèn nhân đó nói lên những lời chưa nói:

– À thì đó! Như các người và hầu hết mọi người đều biết, vua Tần oai danh lừng lẫy ai bằng, thế mà còn bị ta hai lần làm nhục trước sự hiện diện của các sứ thần liệt quốc, và ta với chúa công được an toàn trở về nước Triệu. Vậy, việc ta nhường bước Liêm tướng quân ắt phải có một duyên cớ gì chánh đáng mới được chớ. Này nhé! Nước Tần sở dĩ chưa dám động binh uy hiếp nước ta, vì họ yên trí rằng ta với Liêm tướng quân vẫn sát cánh nhau trong việc phò vua giúp nước. Nếu giữa ta với Liêm tướng quân có sự hiềm khích, tìm cách hăm hại lẫn nhau, ắt không khỏi bị vua Tần thừa cơ xen vào nội bộ. Khi đó, nước Triệu khó mà tránh khỏi cái nạn diệt vong. Bởi ta coi quyền lợi của tổ quốc phải để lên trên tất cả, nên sự hiềm khích riêng tư không có gì làm cho ta đáng phải bận tâm. Các người không thông cảm được điều đó cho ta, sự nhận xét của các người quả là thiếu cận, chỉ trông vào hình thức bên ngoài, nên không ý thức được tâm trạng của người đương nhiệm đang mang trọng trách phải lo âu để bảo toàn vận mạng của quốc gia dân tộc.

Khi đó bọn xá nhân mới vỡ lẽ ra, coi Lạn Tương Như là một thần tượng khả kính, trên đời không ai sánh kịp. Và Liêm Pha, khi nghe biết chuyện này, ông ta rất lấy làm hối tiếc, bèn mình trần vai áo đến quì trước dinh để tạ tội với Lạn Tương Như.

– Bĩ nhân là kẻ có mắt không trông, nên không nhìn thấy cái đức khoan dung của ngài như trời cao bể rộng. Bĩ nhân này có chết cũng chưa hết tội.

Lạn Tương Như vừa thấy liền tắt tả chạy ra, vừa khom mình đưa tay đỡ viên tướng già đứng dậy, vừa nói lên một câu an ủi chí thiết tận tình:

– Hai ta sát cánh chung phò xã tắc, thì không lo gì nước Triệu chẳng hùng cường. Hôm nay được tướng quân thông cảm cho tôi là một ân huệ lớn lao, không còn chi quý hóa cho bằng. Không những được chúa công ta lấy làm vui lòng hả dạ, còn được vua Tần và liệt quốc phải kiêng oai nể mặt trước sự chung lòng sát cánh của chúng ta.

Hai tướng bèn mở tiệc ăn mừng kết tình sanh tử chi giao trước sự chứng kiến của nhà vua và cả triều đình nước Triệu. Vua Triệu hết sức hài lòng khi thấy hai tướng rường cột của mình kết thân nhau như tình ruột thịt, vì nếu hai tướng này mà không thuận nhau, thì nước Tần sẽ không bỏ qua cơ hội.

Trên đời chưa chắc mấy ai khỏi có đôi lần lầm lỡ. Làm sai hay làm quấy chưa phải là cái đáng sợ. Chỉ đáng phiền đối với những kẻ khi đã biết mình làm quấy mà vẫn còn ngụy biện và làm bướng làm càng để che đậy cái sai quấy của mình, nhưng che đậy làm sao được khi mà thúng úp miệng voi.

Xử đẹp như Lạn Tương Như quả là đức độ khiêm nhường đáng được cho người đời khâm phục. Lại như ông tướng Liêm Pha có chí phục thiện và có can đảm dám nhìn cái quấy của mình để sửa sai, đó là một tác phong cao quý đáng được làm gương cho hậu thế.

20. ĐẾN NĂM 2000 CÓ TẬN THỂ KHÔNG?

Hiện nay hầu hết loài người khắp trên thế giới đang băn khoăn về một vấn đề tối quan trọng là *sẽ có đại chiến thứ ba hay không?* Sở dĩ có hiện tượng bi quan này, vì sự phát triển vũ khí hạt nhân rất có vẻ ăn khớp với lời tiên tri của bên Thiên Chúa giáo về năm 2000 sắp tới như mọi người đang đánh dấu hoài nghi.

Đã vậy, Tổng thống Mĩ Rêgân còn tỏ ra thái độ hăm hù khiêu khích đối với Nga Sô, khiến mọi người có cảm tưởng lo âu cho nền hòa bình chung của thế giới đang bị đe dọa.

Trường hợp đại chiến thứ ba nếu có thật sự xảy ra, thì tất cả các dân tộc trên năm lục địa sẽ bị tận diệt. Có sống sót chăng là một vài bộ lạc man rợ ngoài những hoang đảo xa xôi chưa từng tiếp xúc với thế giới văn minh, họ sẽ là thủy tổ loài người cho các thế hệ mai sau.

Nhưng theo ngu ý chúng tôi, đến năm 2000 sẽ không có ngày tận thế, vì đại chiến thứ ba không thể xảy ra, bởi kẻ gây chiến lại sợ chiến tranh trước hơn ai hết.

Căn cứ vào đâu mà chúng tôi dám quả quyết như vậy.

Xin thưa, báo chí thế giới khi đề cập đến Tổng thống Rêgân thì thường kết tội ông ta bằng mấy chữ này: *Mĩ chạy đua vũ trang...* mà chạy đua có nghĩa là gì kia chứ? Thưa có phải Mĩ đánh hơi biết Nga có nhiều bửu bối hơn mình, nên Mĩ phải cố gắng làm sao cho bằng hoặc hơn để khỏi bị thua. Và lại, Tổng thống Mĩ há chẳng biết rằng nếu mình ra tay trước thì Nga sẽ không để yên cho mà làm chủ hoàn cầu, tất nhiên Nga cũng có phương pháp phản ứng kịp thời để trả đũa lại. Khi đó, nếu phía Nga liệt bại thì phía Mĩ cũng chẳng còn gì khác hơn một đồng tro tàn gạch vụn.

Gây ra chiến tranh mà không bên nào thắng, cả hai bên đều liệt bại như cua gãy càng, thử hỏi còn ai muốn gây ra chiến tranh làm gì, để rồi gây ông trở đập lưng ông hay sao?

Vì vậy, loài người chúng ta rất có hi vọng đến năm 2000 sẽ không

có chuyện tận thế, vì cả hai bên đối thủ chỉ có khoa trương thanh thế để thị uy nhau, chứ trong thâm tâm, không bên nào muốn có chiến tranh xảy ra.

21. KHOA HỌC SẼ ĐƯA LOÀI NGƯỜI ĐẾN ĐÂU?

Nếu khoa học không phụng sự cho chiến tranh, mà chỉ lo phụng sự cho hạnh phúc loài người, thì loài người sẽ được sống cuộc đời thần tiên với những tiện nghi tuyệt hảo đại khái như sau:

– Người phụ nữ khỏi phải mang nặng đẻ đau, vì có bác sĩ chuyên khoa rút lấy tinh trùng theo một công thức âm dương tương hợp, rồi bỏ vào một chiếc hộp niêm kín, có ghi tên họ, địa chỉ và ngày tháng hẳn hoi. Đoạn đem gởi vào nhà ấp công cộng cho đến khi đưa hài nhi đủ ngày tháng cứng cáp, cha hay mẹ đến lãnh con về đem gởi vào nhà trẻ, hoặc tự mình nuôi lấy tùy ý.

– Muốn sanh trai hay gái, cứ đưa ý kiến cho bác sĩ chuyên khoa khi lấy tinh trùng.

– Do đó, nạn nhân mãn (*désastre de surpopulation*) được giải quyết một cách dễ dàng, vì mỗi cặp vợ chồng chỉ cần cho ra đời một trai và một gái thôi. Trường hợp có thừa chết non sẽ được bổ khuyết bằng cách sanh thêm.

– Để tranh thủ thời gian cho việc sản xuất chất ăn: *bằng những công thức hỗn hợp*, người ta có thể trực tiếp chế biến các loại thực phẩm thông thường như: cơm gạo, cá thịt, dầu mỡ, đường đậu, rau cải, bầu bí và các thứ trái cây v.v... chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ là có, khỏi phải mất thì giờ để trồng trọt vun quén hay chăn nuôi gì cả. Nói cách này cho dễ hiểu hơn, thí dụ trong thân cây mía gồm có những gì, người ta sấm đủ các chất ấy bằng “bột”, và mỗi chất với số lượng là bao nhiêu, rồi cứ theo công thức ấy mà cho hòa hợp với nước mưa tinh sạch cùng với dưỡng khí (*oxygène*) thì chỉ trong giây lát là có chất ăn nhân tạo ngon lành, chẳng kém gì các thứ thiệt của thiên nhiên.

– Khoa học lại còn có thể chế biến một loại thực phẩm đặc biệt, người ta chỉ cần nuốt một vài viên bằng hột tiêu, đồng thời với sự hô hấp dưỡng khí, đương sự có thể sống hàng tháng, khỏi cần ăn uống gì thêm mà vẫn mập mạnh, đầy đủ sức khỏe như thường.

– Để giải quyết vấn đề đất chật người đông, người ta sẽ xây cất những thành phố nổi (*les villes flottantes*) trên các đại dương, nhà cửa đường hầm dưới đáy biển, và trên không trung trong bầu khí quyển cũng có thể có người ở, nhưng phương tiện sanh sống không được đầy đủ dồi dào như các thành phố nổi trên các mặt biển và các thành phố chìm dưới đáy đại dương.

– Khoa học còn dự trù việc di cư bớt loài người lên hai hành tinh lớn nhất của Thái Dương hệ là Jupiter và Saturne nếu người ta tìm thấy ở hai vì sao ấy cũng có những bầu sinh khí thích nghi cho các loài sinh vật như ở địa cầu chúng ta.

– Để hỗ trợ vấn đề “di cư” cho có kết quả tốt đẹp, tất nhiên các giới khoa học cũng phải tính tới việc thiết lập những *đường giao thông liên hành tinh* (*lignes des communications inlerplanétaires*) để chuyển người đi.

– Mưa gió hay nắng theo như ý muốn tùy mỗi địa phương khi cần.

– Khoa học có thể chặn đứng, đúng hơn là dập tắt những luồng giông bão để tránh thiên tai khủng khiếp cho loài người. Và, sau này, những trận hỏa hoạn không còn xảy ra được nữa, vì vật liệu xây cất sẽ được chế biến không cho bắt mỗi được lửa. Rừng cháy sẽ được dập tắt ngay bằng những đám mưa nhân tạo.

– Những người mù lòa câm điếc hay mặt mày đen đúa xấu xí sẽ được khoa học giải quyết cho tất cả. Tuy không được hoàn toàn 100/100, nhưng sẽ khả quan hơn nhiều so với các lối chữa không mấy hiệu quả như nền y học lỗi thời hiện tại.

– Để tránh nạn thịt đồ máu rơi giữa dân tộc này với dân tộc khác,

khoa học sẽ dàn xếp ổn thỏa bằng hai phương pháp: một là phải cung ứng chất ăn sao cho đầy đủ cho loài người, hai là phải uốn nắn sửa chữa cách nào cho những kẻ dữ được trở thành người hiền. Khi đó, tất cả mọi người ai ai cũng có thiện chí chung sống hòa bình bằng một niềm vui thân thiện, thì chiến tranh sẽ không còn có cơ gì xảy ra được nữa.

– Khi đó tuổi thọ loài người có thể tăng lên gấp bội so với bây giờ nếu vấn đề di cư lên hai hành tinh Jupiter và Saturne được giải quyết xong, vì hai hành tinh ấy lớn hơn quả đất chúng ta đến hàng triệu lần. Nếu loài người được lên tới đó, đất rộng người thưa, chất ăn thừa thãi, việc sanh đẻ không bị hạn chế, tha hồ sanh con đẻ cháu cho nhiều để có điều kiện khuếch trương sự nghiệp.

– Con người sẽ gắn cánh bay tự động, tự mình bay lượn để đi dự tiệc hoặc thăm bà con những chỗ gần gần. Cũng có thể đi du lịch những nơi xa hơn khi mà loại cánh tự động này được cải tiến dần dần.

– Giữa tình chồng vợ hoặc bà con thân quyến hay bạn bè thân mật ở cách nhau đến hàng ngàn dặm, khoa học có thể giúp cho được trực tiếp liên lạc trong giấc chiêm bao bằng phương pháp “*thần giao cách cảm*” (auto-suggestion) để hàn huyền thăm viếng lẫn nhau.

– Năng lượng mặt trời sẽ được tận dụng trên nhiều phương diện: xe cộ, máy bay và tàu thủy có thể chạy bằng pin điện tử (pile électronique) chế biến từ sức nóng của mặt trời để thay cho dầu xăng, hơi điện và hơi nước.

– Một loại đèn nhân tạo thay cho dầu hỏa và hơi điện bằng cách nhốt ánh sáng của tia nắng mặt trời vào giữa những hòn thủy tinh đủ các màu sắc với nhiều hình thức khác nhau và đủ cỡ lớn nhỏ tùy ý chọn lựa của người mua khi người mua muốn đặt nó vào đâu: trên trần, trên tường, nơi phòng khách hoặc phòng ngủ v.v... Theo đó, khi khoa học phát minh được loại đèn này, người mua sẽ được xài hoài cho đến đời đời kiếp kiếp, vì một khi ánh sáng của mặt trời đã

kết tụ và bị nhốt vào các hòn thủy tinh thì không bao giờ có sự lu mờ theo kiểu dầu hao tim lụn như đèn dầu hỏa trừ khi bị rạn nứt hay bể.

– Một loại phi cơ cánh xếp: trường hợp đang lượn trên không trung, bỗng có phi cơ địch từ đâu phóng tới tấn công, thì nó liền nhả ra sương mù, trong khi đó bên địch sẽ không còn thấy gì nữa. Cùng trong khi ấy, bên ta hai cánh liền xếp vào hai bên hông và cho chúi mũi lặn sâu xuống biển tìm chỗ nằm yên để rồi sẽ tùy cơ ứng biến. Trước tình thế ấy, nếu bên địch khôn hèn, nên tìm chỗ khác chơi cho lạ, bằng như theo đuổi quanh quần đảo đây, ắt không khỏi bị toi mạng với một đầu đạn nguyên tử gắn bên sau một mũi dùi nam châm có khả năng chạy theo chất sắt rất mạnh, phi cơ địch bị hút không tài nào chạy đâu cho khỏi.

– Từ đời cổ sơ, ai cũng tin là có ông trời, và mỗi con người đều có số mạng, có linh hồn đi đôi với sự thưởng phạt sau mỗi lần chuyển kiếp luân hồi do đấng chí công (tức ông trời) định đoạt. Đó là niềm tin của phái Duy tâm (Spiritualisme). Từ ngày có *phái Duy vật* (Matérialisme) ra đời, thì phái này chủ trương hoàn toàn ngược lại: mọi sự biến chuyển trong vũ trụ đều do sự dung hòa hỗn hợp của *ngũ hành* (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) trong thiên nhiên (Naturalisme) mà hóa sanh vạn vật, chứ không có trời, Phật, Thánh, Thần chi hết. Nghĩa là, một kiếp chết là một kiếp hết, không có linh hồn, không có số mạng thì làm gì có sự chuyển kiếp luân hồi quả báo. Cả hai bên, bên nào cũng cho thuyết của mình là đúng, không bên nào chịu nhượng bên nào, thành ra bên nào cũng còn có ít nhiều phân vân bất định, nhất là bên Duy tâm chưa được có sự vững tin căn bản. Với khoa học thì không thể nói chuyện trừu tượng mơ hồ được. Nếu không có chuyện tận thế xảy ra thì sau năm 2000 ít lâu, khoa học tiến đến một mức độ tinh tường hơn, thì vấn đề *ông Trời, linh hồn, số mạng và sự chuyển kiếp luân hồi có hay không có* sẽ được giải đáp và phân tách một cách rõ ràng như một cộng một là hai ($1 + 1 = 2$), lúc đó giữa người và người sẽ không còn có sự tranh chấp hơn thua, chiến tranh

sẽ vĩnh viễn đội nón ra đi, nhường chỗ cho loài người được chung sống trong cảnh thái bình an lạc.

– Loài người khi đó sẽ được sống cuộc đời rất ư là nhàn nhả nếu chưa muốn nói là “thần tiên”, vì mọi việc đã có người máy làm thay. Nhất là *người máy điện tử của Nhật sau này khi được cải tiến đến mức tinh vi, nó sẽ đứng đầu thế giới về công ăn việc làm*: không những trong nhà ở phòng khách, phòng ngủ, nhà bếp, ngoài sân, sau vườn trồng cây ăn trái, ngoài ruộng cấy cấy làm mùa, dưới ao hồ đánh bắt cá tôm, nơi tiệm buôn nó còn có thể thay mặt cho chủ về việc lỗ lời tính toán, trộm cướp cũng không dám tới nhà rình rập với nó v.v... Tóm lại, các công việc linh tinh sẽ được người máy điện tử của Nhật đảm đương bao biện hết tám, chín phần mười, lúc đó người (lớp con cháu chúng ta), chỉ còn có ngồi không sai khiến mà thôi.

– Esperanto sau này sẽ được cải tiến thành một *thế giới ngữ* (langue internationale) để được thông dụng một cách giản tiện, dễ dàng hơn trước, không riêng cho người lớn, mà các trẻ em ở các lớp mẫu giáo cũng đã bắt đầu xài được ít nhiều rồi.

★

Đây chỉ là một số ý tưởng dẫn đường cho khoa học và khoa học sẽ tiến mãi không ngừng, đưa loài người ngày càng tiến sâu vào vũ trụ bao la vô tận, chế ngự cả thiên nhiên, khám phá dần dần huyền bí của vũ trụ. Nhờ đó, con cháu chúng ta sau này sẽ được chứng kiến những sự phát minh kì diệu lạ lùng và hưởng thụ mọi điều sung sướng như cảnh thần tiên vui thú không sao kể xiết.

22. TRẢ THÙ THEO KIỂU NGŨ TỬ TU CÓ ĐÚNG KHÔNG?

Sở Bình vương sở dĩ bị người đời nguyên rủa, lên án một hôn quân vô đạo là bởi những thành tích bất hảo đại khái như sau:

1. Giết anh để đoạt ngôi vua
2. Cướp vợ của con là nàng Bá Doanh con gái vua Tần rồi tráo hôn nàng Tề nữ (người hầu của nàng Bá Doanh) cho Thái tử Kiến.

3. Nghe lời sàm tấu của tên gian thần Phí Vô Cực giết hại các trung thần nghĩa sĩ, trong số ấy có ông Ngũ Xa (cha của Ngũ Thượng, anh ruột của Ngũ Viên tức Ngũ Tử Tư).

Ngoài ba tội ác lớn kể trên, Sở Bình vương còn lắm chuyện lăng xằng khác nữa, kể ra không xiết. Vì mối thù bất tận ấy, Ngũ Viên (tức Ngũ Tử Tư) phải trốn ra nước ngoài để tìm kế phục thù.

Để tránh hậu hoạn về sau, Phí Vô Cực bày kế cho Sở Bình vương sai người tạc đầu hình của Ngũ Tử Tư yết bảng khắp nơi, ai bắt được Ngũ Viên sẽ được sắc phong làm Thượng tướng, còn thưởng thêm 50 ngàn quan tiền. Nước nào chứa chấp sẽ bị Sở hưng binh vãn tội.

*

Ngũ Viên định sang Tống để tìm Thái tử Kiến, khi đi đến bờ sông Thơ Dương, bỗng thấy một toán người ngựa từ xa tiến về phía mình. Ngờ là quân Sở đuổi theo, Ngũ Viên bèn ẩn mình vào bụi rậm. Nhưng khi toán người, ngựa kia đi tới, nhìn kĩ lại thì ra đó là Thân Bao Tư vốn bạn đồng liêu đi sứ từ nước ngoài về. Ngũ Viên bèn ra mặt, Thân Bao Tư lấy làm lạ hỏi:

– Hiền huynh đi đâu mà thơ thẩn một mình nơi hoang vắng này?

Ngũ Viên bèn kể lể sự tình về những niềm oan nỗi ức của mình cho bạn nghe. Nghe xong, Thân Bao Tư hỏi:

– Rồi bây giờ hiền huynh tính đi đâu đây?

Ngũ Viên đáp:

– Tôi định ra các nước ngoài mượn binh về đánh vua Sở để trả thù và phân thây tên gian thần Phí Vô Cực làm muôn mảnh cho hả mối căm thù.

Thân Bao Tư nói:

– Vua Sở dẫu vô đạo, nhưng dân nước Sở chẳng có tội gì. Nếu việc làm của hiền huynh không được phân minh, tôi e hiền huynh không khỏi mang tiếng phản vua hại nước.

– Ngày xưa vua Kiệt và Trụ bị kẻ bề tôi giết cũng chỉ vì vô đạo. Nay vua Sở dâm loạn tranh lấy vợ con, lại giết cha và anh tôi. Thù ấy dầu tôi có quét sạch đất Đinh Đô cũng chưa rửa hết vết nhơ của nước Sở.

– Gây ra tội ác chỉ có một ông vua, mà hiền huynh lại toan quét sạch cả kinh thành nước Sở, điều đó tôi thấy không hợp tình hợp lý chút nào. Nhưng mà thôi. Bây giờ nếu tôi bảo hiền huynh trả thù nước Sở thì bất trung, bảo đừng thì bất hiếu. Thôi thì tùy ý hiền huynh định liệu, làm thế nào chúng ta được danh chánh ngôn thuận đó thì làm. Phần tôi, tôi có bốn phận bảo tồn cho nước Sở trường hợp nước Sở lâm nguy.

Nói đoạn, hai bên bèn chia tay giã biệt, Thân Bao Tư không sai quân bắt Ngũ Tử Tư giữ lại cũng không trình báo chi hết, để cho Ngũ Tử Tư được tự do thoát thân và hành động theo ý muốn. Còn ông ta, chỉ biết lo sao cho tròn bốn phận của người công dân đối với nước Sở mà thôi.

Nhắc lại, Ngũ Tử Tư khi đến bờ sông Đại Giang, bụng đã đói, miệng lại khát, đồng thời quân truy nã của Sở lại đuổi theo rất gấp, may nhờ có ông lão chèo đò sót phần cơm của mình cho ăn và đưa qua bờ sông bên kia tới địa phận nước Ngô, nhờ đó Ngũ Tử Tư mới được thoát chết.

*

Ngũ Tử Tư đem hết tài năng trí lực của mình ra giúp cho công tử Quang (người trong hoàng tộc nhà Ngô), bày kế cho công tử Quang giết chết Vương Liêu cho công tử Quang được tự động lên làm vua nước Ngô xưng hiệu là Hạp Lư. Tuy đã cướp được ngôi vua, song công tử Quang (tức vua Hạp Lư) vẫn ngồi đứng không yên, vì Vương Liêu còn có người con tên Khánh Kỵ, tài kiêm văn võ, sức địch muôn người, trong thời ấy không có ai xứng tay đối thủ, lúc bấy giờ đang lưu vong bên nước Trịnh và nước Vệ để hoạt động việc phục thù. Như vậy, có thể coi như Vương Liêu chưa chết.

Ngũ Viên bèn bày kế cho vua Hạp Lư dùng tên Yếu Ly đâm Khánh Hy chết bằng một “khổ nhục kế”, khi đó công tử Quang (tức vua Hạp Lư) mới được vững an trên chín bệ, vì một khi Khánh Kỵ đã chết rồi, vua Hạp Lư không còn gì phải lo ngại nữa.

Vì có cái ơn ấy, sau đó ít lâu Ngũ Tử Tư mới mượn được binh lực của nước Ngô kéo về trả thù nước Sở. Có Tôn Vũ (tổ sư binh pháp) theo trợ lực với tư cách một vị quân sư.

Khi về tới Dĩnh Đô (kinh đô nước Sở) thì Sở Bình vương đã chết từ lúc nào rồi, còn Sở Chiêu vương (con của Sở Bình vương) trốn đi nước nào chưa biết. Vì vậy, việc tìm Sở Chiêu vương, Ngũ Tử Tư đành phải tạm gác, để làm những việc gì mà y thấy cần làm trước đã. Đó là chuyện quật mồ.

Theo như trong truyện *Đông Châu Liệt Quốc* đã nói, khi quật mồ lên, thì thi thể của Sở Bình vương hãy còn nguyên vẹn. Có lẽ hồi ấy, người ta đã chế biến được thuốc ướp tử thi, nên thi hài của Sở Bình vương còn tươi, chưa rã, nên Ngũ Tử Tư mới đánh lên đó được hơn 300 roi, lấy chân dậm đạp lên bụng và khoét hai mắt, rồi chặt đầu lấy sọ làm chậu đựng nước tiểu.

Cũng theo trong *Đông Châu Liệt Quốc* đã diễn tả thì Ngũ Tử Tư đáng người quý phái, mắt sáng như sao, giọng nói hùng hồn thanh tao như tiếng chuông vàng, đáng mặt hào kiệt trong thời Chiến quốc. Đã được có một tướng mạo tuyệt vời như thế, lẽ ra những hành động của Ngũ Tử Tư phải ăn khớp với tác phong đạo đức của các bậc hiền nhân quân tử, thì còn chi quý hóa cho bằng? Và một khi hành động của ông ta được có danh chánh ngôn thuận, thì người đời còn ai phê phán phẩm bình gì được.

Nhưng lạ sao, tướng người của ông ta đẹp quá chừng chừng, mà việc làm của ông ta chỉ thấy có trong đám tiểu nhân dốt nát mới thường làm; chứ những bậc có tâm hồn cao thượng không ai đi nở lòng nào làm như vậy. Đây, xin mời các bạn thử theo dõi các việc làm của Ngũ Viên có cái biệt danh là Ngũ Tử Tư.

– Trong khi Tôn Vũ chủ trương lấy đạo đức làm đầu, tính tìm công tử Thắng (một công tôn trong hoàng tộc nước Sở) đem về đưa lên ngôi vua cho dân nước Sở nhớ ơn, thì các việc làm của Ngũ Tử Tư lại hoàn toàn trái lại:

1. Đập phá nhà Thái miếu (đền thờ các tiên vương)
2. Xui vua Hạp Lư bắt hiếp bà hoàng hậu nước Sở trong khi Sở Chiêu vương chạy trốn nước ngoài.
3. Các võ tướng Ngô được tự do hoan lạc với vợ con các quan để làm nhục triều đình nước Sở.
4. Quân binh nước Ngô đang chiếm đóng nước Sở và tàn phá đất đai nước Sở, thì Ngũ Tử Tư lại rần rộ kéo binh qua tấn công nước Trịnh vì có tin Sở Chiêu vương đang ẩn mình lánh nạn bên đó.

Trước Trịnh muốn chống, nhưng liệu bề chống không lại nên không đánh, còn hàng thì cũng chẳng chịu hàng, nên chỉ lo việc cố thủ thành trì và yết bảng cầu hiền:

– Ai có kẻ gì lui được quân Ngô sẽ ban cho thực ấp với tước vị vạn hộ hầu.

Ba ngày sau đó, có một chàng trai đến yết kiến vua Trịnh xin lãnh sứ mạng quan trọng ấy. Nhà vua tuy không lấy gì làm chắc, song vì vận nước đang con nguy biến, nên phải chấp nhận cho chàng ra đương đầu đối diện với quân Ngô thử xem thời sự sẽ diễn biến ra sao.

Khi ra đến trước quân Ngô, chàng trai cất giọng quát lên:

– Lư trung nhân! Lư trung nhân! Chàng trai tráng sĩ năm xưa ấy, com hăm canh rau có nhớ chăng?

Ngũ Tử Tư khi nghe qua câu hát ấy, chợt nhớ ra điều gì đã xảy ra bên bờ sông Đại Giang từ mười mấy năm về trước, bèn cho mời chàng trai đến hỏi:

– Anh là ai?

Chàng trai đáp:

– Thưa tôi là con của lão chèo đò ở bến sông Đại Giang. Còn ngài là ai? Nếu có phải là chàng tráng sĩ núp trong bụi lau độ nọ và nếu ngài còn nghĩ chút tình cố cựu với cha tôi, thì xin ngài hãy rút quân về, vì nước Trịnh chúng tôi không có tội gì đến mức làm cho ngài phải hưng binh vãn tội.

Ngũ Tử Tư nhớ lại chuyện xưa, nếu không nhờ có ông lão chèo đò tốt bụng chia phần cơm cho mình ăn và đưa mình qua bên kia bờ sông Đại Giang để mình được thoát nạn thì mình làm gì được có ngày nay? Nghĩ đến đâu, Ngũ Tử Tư càng ngậm ngùi đau xót mà nhớ tới ông lão chèo đò đã chìm trong quá khứ, giờ đây hình bóng của ông chỉ còn thể hiện trên một chàng trai, khiến Ngũ Tử Tư xúc động mà không nói nên lời. Cuối cùng ông ta ngỏ lời cảm ơn chàng trai rồi rút quân về.

*

Nhắc lại, Thân Bao Tư đau lòng vì cảnh nước mất nhà tan không nơi nương tựa, ông ta phải tìm chỗ ẩn thân trong một động đá cách xa kinh thành Dĩnh Đô mấy trăm dặm để lánh nạn và khỏi phải chứng kiến sự tàn phá hoành hành của quân Ngô trên đất nước Sở.

Qua một thời gian trốn tránh vất vả, ông ta mới vượt khỏi biên giới, qua được nước Tần để cầu cứu với vua Tần, vì Tần Ai Công là cha vợ của Sở Bình vương tức là ông ngoại của Sở Chiêu vương.

Nhưng giữa lúc Tần Ai Công đang say mê tử sắc, đâu còn có tâm tư trí não nào nghĩ đến việc giải cứu nước Sở mặc dù dòng vua bên Sở vốn có liên hệ bà con thân thuộc với mình. Nhưng không vì thế mà Thân Bao Tư nản chí, ngày nào ông ta cũng đến trước cửa cung vua Tần kêu khóc rất là thảm thiết luôn trong bảy ngày như vậy, đến độ hai mắt đỏ hoe, máu hòa nước mắt, ai thấy cũng thương.

Trước sự tận tụy trung thành của Thân Bao Tư, vì tình cảm, đúng hơn là vì dòng máu liên hệ, Tần Ai Công động lòng trắc ẩn, không thể làm ngơ, bèn sai hai tướng Tử Bồ và Tử Hồ theo chân Thân Bao

Tư kéo binh sang dẹp quân Ngô và tìm Chiêu vương về để dựng lại cơ đồ nước Sở.

Thế là Thân Bao Tư đã làm tròn nhiệm vụ của người công dân đối với tổ quốc thân yêu.

Còn Ngũ Tử Tư thì sao? Vốn gốc người nước Sở một trăm phần trăm rõ ràng, thế mà ông ta vẫn bám sát theo bọn vua chúa nhà Ngô, để rồi về sau ông ta phải tức mà chết khi ông ta bị nhà vua chán ghét.

23. Ở SÀI GÒN, DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC CÓ ĐƯỜNG NÀO LÀ ĐƯỜNG CHUNG VÔ DIỆM?

Thành phố Sài Gòn dưới thời thực dân, như hầu hết mọi người đều biết, làm gì có *đường Chung Vô Diễm*. Thế mà có tên Ba Cà Chón, khi có ai hỏi nó ở đâu, nó cho địa chỉ ở *đường Chung Vô Diễm*.

Nhưng thằng *Ba Cà Chón* là ai? Xuất thân từ hạng người nào? Xin mời các bạn theo dõi từng chi tiết một, các bạn sẽ có dịp được biết qua về lí lịch oai hùng của anh chàng trệt búa này.

Trong đám nạn nhân ngoài Côn Đảo dưới thời vong quốc gồm có hai loại: *Chánh trị phạm* và *Thuồng phạm*. Chánh trị phạm là những người có nhiệt tình yêu nước, hoạt động chống ngoại xâm, theo chủ nghĩa xã hội có, và thiên về phía Quốc gia cũng có tùy theo lí tưởng và trình độ hiểu biết của mỗi đương sự.

Ở đây, chúng tôi chỉ nói riêng về đám *Thuồng phạm* cho phù hợp với đề tài kể trên. Căn cứ theo tánh chất ngoài lề xã hội của thằng *Ba Cà Chón*, đám *Thuồng án* (détenu droit commun), ngoài sự phân tách làm hai loại: *tù khổ sai* (travaux forcés), *tù án lưu* (rélegation), còn có điều khinh trọng khác nhau như sau đây:

– *Tù khổ sai* là tù trọng tội, ăn cướp, giết người, chém lộn mướn, giành bến xe, đóng cửa rút cầu để bảo vệ máy mụ Tào kê nuôi diêm lậu v.v... Dám làm những chuyện tày trời nguy hiểm. Thà không làm

gì thì thôi, một khi đã làm thì làm cho xộn chuyện, làm cho ra hỗn, chớ không chịu làm bã mửa. Thế cho nên, khi bị bắt ra tòa, nếu không bị *án tử hình* (condamné à mort), cũng bị *khổ sai chung thân* (travaux-forcés à perpétuité), hay mặt nào cũng 20 năm, 15 năm hoặc 10 năm khổ sai là giá chót.

Tù án “*lưu*” (rélégué) thì hoàn toàn khác hẳn, vì chúng là những phần tử hèn nhát, không bao giờ dám có những hành động quan trọng lớn lao, những việc của chúng thường làm là: *móc túi giật đường, xách va li của dân nhà quê từ trong đồng ruộng ra tỉnh, rình xe đạp, bám dây chuyền, tuột đồng hồ, ăn mì chạy, lừa gạt các trẻ em, giật nón nỉ của những người đi đường, giật tiền và vé số kiến thiết của những người mù, đá cá lặn dùa, đi lộn nhà v.v...*

Bởi chúng phần nhiều là bợm ghiền, nên cái việc “ăn cắp vặt” là nghề chuyên môn của chúng. Và cũng bởi chúng không đủ can đảm làm những vụ lớn lao, nên những món đồ không đáng giá như: dây nịt, guốc dép, áo thun, quần xà lỏn, tô chén, muống dừa v.v... chúng cũng không chừa. Vì vậy, mỗi lần bị lính bắt giải tòa, thì các quan tòa chỉ được kêu án chừng vài ba tháng. Một vài trường hợp đặc biệt (như cạy cửa nhà Tây, lấy trộm đồ chung trong Bảo tàng viện, cắt dây đèn đường...) thì bị tòa kêu án vào khoảng từ hai năm trở lại là cùng, chớ không hơn nữa, vì ăn trộm chỉ hơn ăn cắp một bậc, cũng là làm lén mà thôi.

Trông vào việc làm của hai hạng người: *tù khổ sai vì dám làm, nên được thiên hạ nể nang; tù án lưu vì không dám làm... nên bị người đời khinh rẻ là như vậy đó.*

*

Thằng *Ba Cà Chón* là một nhân vật điển hình trong đám tù “*lưu*” mà tôi đã gặp ngoài đảo. Theo lời nó tâm sự với người kia người nọ mà tôi đã được một số anh em kể lại cho nghe, khi ra trước vành móng ngựa lần chót, quan tòa hỏi nó:

– Mày đã vào tù ra khám rất nhiều lần, lần này là lần thứ mấy

mười rồi, đáng lí ra mày phải tự giác ăn năn hối cải, trở về với bản năng lương thiện của con người để làm lại cuộc đời mới phải. Nhưng bởi lí do nào, mày vẫn ngựa quen đường cũ, cứ tái đi tái lại hoài là nghĩa làm sao?

Thì nó trả lời:

– Bẩm quan tòa, con nói có hai bên *giai giác* làm chứng cho con, lòng con thẳng băng như ruột ngựa, không hề muốn tham lam của ai. Tiếc vì lúc mẹ con mang thai, không biết mẹ bà vô tình, hay cố ý, nhè gấn đá nam châm vào mười đầu ngón tay của con, nên mỗi khi đi lộn vào nhà ai, nếu con sờ mó vào vật gì thì vật ấy dính khăng theo luôn, con vung vẩy cách nào nó cũng chẳng chịu rời ra. Lắm lúc con muốn đánh thức chủ nhà phụ sức gỡ ra dùm con, để con trả lại cho người ta. Nhưng con rất ngại...

Quan tòa hỏi:

– Mi ngại điều gì?

Ba Cà Chón thành thật trả lời:

– Bẩm quan tòa, khi kêu chủ nhà để trả lại đồ, may mà được gặp người ngay thẳng, con nhà quý phái có giáo dục đàng hoàng như con thì chẳng nói chi, rùi ra mà gặp một tên chủ nhà ác ôn, độ lượng hẹp hòi, nhè nghi cho con là kẻ gian phi, kêu lính bắt con giải tòa, con phải vào tù thì oan (!) cho con biết chừng nào. Vì vậy, buộc lòng con phải mang theo về nhà luôn, chớ đâu phải con cố tình làm chuyện quấy. Mỗi lần con gặp chuyện rắc rối như vậy, con bị tòa án lương tâm cắn rứt...

Thằng *Ba Cà Chón* vừa nói đến đó, quan tòa liền chặn hỏi:

– Trong người của anh cũng có tòa án lương tâm nữa sao?

Nó trả lời:

– Thưa có chớ! Tòa án lương tâm cắn rứt rất là khó chịu. Nhưng con cũng đành cắn răng ép lòng chịu vậy, chớ biết làm sao khi mà chất đá nam châm vẫn còn bám chặt trong mười đầu ngón tay của

con. Vậy kính xin quý tòa, nếu có cách gì cứu gỡ giúp con, cho con được tránh khỏi cái nạn xấu hổ ấy, thì con cảm ơn quý ngài bằng cách đầu đội vai mang cho đến suốt đời.

Và cũng theo lời của thằng *Ba Cà Chón* đã khoe với anh em ngoài đảo:

– Sau cuộc trình bày thành thật của tôi, không những các viên thẩm phán thay mặt cho thần công li, cho đến tất cả cử tọa có mặt tại tòa án trong ngày xử tôi đều cảm động đến độ không cầm được nước mắt, và những giọng lệ thảm thương ấy tràn ngập cả bốn bên đường lộ chung quanh khu vực tòa án. Sau hơn nửa tiếng đồng hồ vào trong nghị án, các quan tòa trở ra vừa khóc rấm rức, vừa an ủi tôi:

– *Tình cảnh của chú em thật đáng xót thương. Để cứu vãn tình thế cho cuộc đời đầy gian khổ của chú em, luật pháp của chánh phủ thuộc địa sẽ dành riêng cho chú em một ân huệ đặc biệt bằng một bản án hết sức nhẹ nhàng, là sáu tháng tù ở và phát lưu cho 19 lần phạm tội ăn cắp vặt (six mois de prison et à la rélegation pour dix neuf fois de vol).*

Nhà nước chọn cho chú em một chỗ nghỉ mát hết sức an toàn. Chú em được mời ra chơi ngoài đảo Côn Nôn và chú em được ở luôn ngoài đó cho đến trọn đời, mọi sự tổn phí đều do nhà nước đài thọ, để chú em khỏi phải vào tù ra khám làm chi nữa cho khổ sở tẩm thân tội nghiệp.

Mới nghe qua chừng như nhẹ lắm, pháp luật của thực dân tốt lắm. Nhưng trên thực tế, nó còn nặng hơn bản án chung thân, vì chung thân còn có khi được giảm án hoặc ân xá nếu trong thời gian thọ hình ngoài đảo không phạm ki luật nhà lao. Ngược lại, với loại án *lưu*, sau khi hết hạn sáu tháng tù ở, thằng *Ba Cà Chón* (hay bất cứ ai bị kết án “lưu” như nó) khỏi có ngày về đoàn tụ với gia đình, vì một khi đã vướng cái “lưu” là phải bỏ thầy luôn ngoài đảo, bởi chữ “lưu” có nghĩa *còn bị giữ lại*.

Chớ chi nước Việt Nam ta không có chòm đảo Côn Nôn, thì những ai bị án “lưu” theo trường hợp như thằng *Ba Cà Chón*, thì thực

dân Pháp sẽ đưa lên Tà Lài, Bà Rá hay một nơi rừng thiêng nước độc nào trên các xứ Mọi trong vòng nội địa (đất liền) thì sau khi mãn phần tù ở, dù còn bị kẹt cái “lưu” cũng không đến nỗi nào, vì cha mẹ, vợ con có thể đến thăm và giúp đỡ được. Trường hợp gia quyến chẳng còn ai, các nạn nhân có thể liên lạc với người bản xứ để tìm kế sanh nhai.

Người nào khéo cách xã giao, cũng có hi vọng lập gia đình với một nàng Mọi nào đó, thì cuộc đời cũng có dịp lên hương, không đến nỗi tuyệt vọng như ngoài Côn Đảo.

Thảm hại thay! Từ ngày thực dân Pháp chiếm cứ miền Nam (1862), chúng lấy Côn Nôn làm một đề lao lớn nhất Đông Dương với danh hiệu mới là: *Pénitencier de Poulo-Condore*, để đày tù án nặng của cả ba xứ Việt, Miên, Lèo, bởi đó là nơi giữa vời trời nước mình mông, có vượt đảo được cũng phải trải qua muôn vàn khó khăn nguy hiểm. Vì đã là đề lao thì chỉ có một bên là tù phạm nạn nhân, và một bên là bọn cai ngục giữ tù, chớ không có dân sự xóm làng chi hết.

Vì vậy, việc vượt đảo chỉ có *tù khổ sai* mới dám mạo hiểm, chớ bọn *tù “lưu”* thì khỏi có một ai tính tới chuyện này, vì thành công thì chẳng nói chi, rủi ra thất bại bị bắt về sở Rờ-set (Service de la Recherche) chưa đánh đã run cầm cập, làm sao chịu nổi những lối tra tấn cực hình của lò thịt ấy.

Những người bị án “lưu” như thằng *Ba Cà Chón*, sau khi mãn phần tù ở được thả ra ngoài, nhưng còn bị kẹt cái “lưu” phải ở lại ngoài đảo cho đến suốt đời, việc tìm kế sanh nhai khó mà giải quyết cho ổn khi đó còn biết dựa vào đâu mà sống. Vì vậy, họ phải làm gì bậy bạ để phải bị bắt vào tù cho có cơm ăn.

★

Cũng theo lời thằng *Ba Cà Chón* kể lại, anh em ngoài đảo nghe những chuyện oai hùng của nó:

– Nhắc lại, sau khi tôi được Nhà nước Pháp thực dân mời cho ra

ngủ mát ngoài Côn Nôn bằng một công văn chánh thức: *six mis de prison et à la rélégnation pour dix neuf fois de vol*, tôi còn ở lại Khám lớn Sài Gòn để chờ chuyển tàu đặc biệt có cò hiến binh và lính Tây hộ tống. Vì có báo chí loan tin rầm rộ, nên có nhiều bà mệnh phụ phu nhân và hằng trăm tiểu thư đài các con nhà quyền quý vì phục cái tài “tứ chiếng giang hồ” của tôi mà họ dút đơn xin vào thăm tôi để tranh nhau tỏ tình luyến ái. Nhưng tôi không chấp nhận một ai, vì tôi là kẻ vợ còn con sẵn. Vả lại, tôi cũng không là con cháu Sở Khanh mà có thể nhẫn tâm làm chuyện bạc tình. Mặc dù vợ tôi chỉ là một cô gái bụi đời, song đó là mối tình đầu, đã cùng tôi chia cay xẻ đắng dưới một mái nhà ẩm cúng trong buổi hàn vi. Vì vậy, tôi phải giữ sao cho trọn niềm chung thủy, lương tâm tôi không cho phép tôi vừa thấy “trăng” đã vội phụ “đèn”. Các bà các cô bị tôi từ chối, họ hết sức khổ tâm, có mấy người phải đi đến nước tự vận vì không được cái vinh hạnh làm vợ của một người “hùng” ngoài lề xã hội.

Khi nghe người hùng *Ba Cà Chón* kể chuyện không ai là không nực cười. Biết là nó nói láo, nhưng chẳng ai chê, người nào cũng khen cho nó được đà thao thao bất tuyệt cho nó nói dóc nghe chơi. Có lần tôi hỏi nó:

– Nhờ đâu mà chú em được có cái danh hiệu *Ba Cà Chón*, nghe oai quá vậy?

Thì nó vung vai trả lời với một thái độ hiên ngang:

– Được có cái danh hiệu oai hùng tiếng tăm lừng lẫy như tui, đâu phải chuyện dễ, và đâu phải ai muốn cũng được. Phải có những điều kiện thuộc dòng quý phái cao sang như tui mới được, chớ bộ.

Tôi hỏi điều kiện của chú em như thế nào?

Nó trả lời;

– Một là *ăn com nhà hàng*, hai là *ngủ dinh quan lớn*.

Mới nghe qua, tôi tưởng là nó nói chơi, ai có dè đâu đó là sự thật. Mà sự thật như thế nào kia chớ, trong khi nó chẳng có đồng xu dính

túi, nhà cửa của nó là đầu đường xó chợ, làm một tên *phó thường dân hạng bét* còn chưa chắc được, làm gì có chức nọ quyền kia để được ở *dinh quan lớn và ăn cơm nhà hàng*.

Tôi đành chịu bế tắc về vấn đề này, cho đến khi gặp một người quen trong đám tù khổ sai được biết rõ lai lịch của thằng *Ba Cà Chón* từ lúc hắn còn ở ngoài đời, anh ấy kể chuyện và giải thích cho tôi nghe và hai điều kiện của một tên láu cá đã bị khách giang hồ gán cho cái danh hiệu thằng *Ba Cà Chón*. Tên thật của hắn là *Kiều Văn Thắng* xuất thân từ đám bụi đời quanh chợ Bến Thành, Sài Gòn. Cuộc đời của hắn rất dài dòng mà ở đây thì giấy mực có hạn, nên chúng tôi chỉ ghi tóm tắt đại lược về hai điều kiện kể trên thôi.

1. Ở Sài Gòn cũng như Chợ Lớn, những đại lộ nào cũng có vài ba nhà hàng lớn có tiếng nấu ngon với đầu bếp khéo. Khi đến bữa ăn trưa hoặc tối, khách sang kéo tới đông đặc, thì người hùng *Ba Cà Chón* thường xuyên có mặt ở những nơi ấy, trên vai nó mang một túi “dét” khá to, trong đó có năm, bảy cái hộp có nắp hể hời và một số túi ni lông thứ tốt, để khi thấy bàn nào ăn sắp xong là nó chuẩn bị bộ giò, hể khách vừa đứng lên là nó nhào vô rất lẹ, bao nhiêu đồ ăn còn lại là nó trút hết vô mấy cái lon nếu là đồ có nước, đồ khô thì nó tùm vào các túi ni lông. Tuy là cơm thừa cá cặn, song đã là thực đơn của các gia đình sang trọng quý phái thì phần nhiều là những món ngon vật lạ toàn thứ đắt tiền, vì họ là triệu phú, đã tới nhà hàng thì ai cũng muốn khoe của, họ đâu có chịu ăn những món tầm thường.

2. Ở trung tâm thành phố Sài Gòn dưới thời Pháp thuộc, những con đường lớn thiếu gì dinh thự của các quan Tây hoặc các viên Đốc phủ sứ, quan huyện người Việt thân Pháp. Thằng *Ba Cà Chón* nhắm nhĩa trước rồi, coi nơi nào có thể đột nhập dễ dàng, thì tới đến, nó chờ cho bên trong ngủ hết, nó mới len lỏi vào trong mái hiên, trước hành lang hoặc chỗ để xe, nó chỉ cần một manh chiếu rách, một tấm ra cũ, hoặc vài ba tờ nhật trình, trải ra, đánh một giấc đến bốn năm giờ khuya, nó thức dậy cuộn chiếu ra đi trong khi chủ nhà còn ngủ. Nhà nào có nuôi chó Berger có treo bảng *Coi*

chùng chó dữ (attention chien méchant) thì người “hùng” Cà Chón nhà ta khỏi có thêm vào.

Cuộc đời phiêu lưu *ăn gọi nằm nhờ* của thằng Ba Cà Chón cứ thế tiếp tục trôi qua từ ngày này qua ngày khác một cách hết sức bình thường, vì quanh năm suốt tháng nó chỉ ăn đồ thừa và ngủ ngoài mái hiên ở các nhà quan, không có điều luật nào cấm đoán nó được về hai điều ấy. Nó có quyền tự hào với một niềm vui thích thú. Cuộc đời của nó như vậy là rất “thần tiên” nào ai có thể được sánh ngang hàng với nó. Đường ấy sự thật chẳng phải thằng Ba Cà Chón đã được *ăn com nhà hàng và ngủ dinh quan lớn* đó sao?

Một lần khác, tôi trực tiếp hỏi thằng Ba Cà Chón:

– Ngoài cái việc sờ mó dính tay, chú em còn có nghề nào khác nữa không?

– Có chứ! Nghề ấp gà, *một trứng nở hai con*.

– Em nói sao, tôi nghe không kịp. Cái gì mà một trứng nở hai con, có phải em nói thế không?

– Đúng vậy! Một trứng nở hai con chưa có gì đáng gọi là hay, là giỏi đâu. Tôi còn có bí quyết với một vài trường hợp đặc biệt, *thiên thời, địa lợi, nhân hòa*, một trứng tôi ấp có thể nở đến chín, mười con, có khi còn nhiều hơn nữa kìa.

Tôi thừa hiểu thằng Ba Cà Chón nó muốn giở trò ma giáo gì đây, chứ sự thật làm gì có thể. Tôi bèn hỏi nó:

– Chú em được có cái nghề đặc biệt, vốn một lời mười như vậy, sao chú em không sống luôn với cái nghề ấy để được trở thành tỉ phú có sướng hơn không. Để đi sờ mó dính tay làm chi cho phải bị án “oan” đến những 19 lần vào tù ra khám về tội ăn cắp vặt.

– Tôi bị mấy người hàng xóm ác ôn, thấy tôi làm ăn khá, họ sanh lòng ghen tị, đặt điều vu khống cho tôi phải bị tù oan mấy lần, buộc lòng tôi phải giải nghệ tìm cơ sanh sống qua nghề khác cho yên.

– Cha chả! Ai mà ăn ở sát nhân ác đức quá vậy. Thấy người ta

làm ăn khá, đã không chúc lành cho người lân cận thì thôi, còn kiếm chuyện vu oan cho người ta là nghĩa làm sao. Đúng là người ngay mắc nạn thật là tội nghiệp cho chú em quá chừng. Nhưng họ phao phản chú em bằng cách nào vậy?

– Họ bảo rằng tôi ăn trộm gà họ.

– Căn cứ vào đâu mà họ dám nói bừa như vậy?

– Thì có gì lạ đâu. Gà của tôi ấp một lượt với gà họ, khi gà tôi nở thì gà họ cũng khê mỏ hoặc nở một lượt không chừng. Và khi tôi rắc tấm cho gà tôi ăn, thì gà con của mấy nhà lân cận lại lên chui lỗ rào qua *ăn khính*⁽¹⁾ đồ ăn của gà tôi. Tôi đuổi chúng về, một chặp chúng lại chạy trở qua xúm nhau ăn hết đồ ăn của gà tôi. Bực mình quá, cực chẳng đã tôi phải bắt chúng nhốt lại để rồi tôi có cơ trình làng. Nhưng tôi chưa kịp đi đâu thì bọn họ đã lanh chân lẹ miệng lên tiếng trước. Họ đưa làng xã và công an vào tận chuồng gà tôi, chất vấn vì sao nhốt gà của họ? Tôi cứ tình thật khai ngay: gà của ai tôi không được biết, nuôi gà mà chẳng cho ăn đầy đủ, để chúng đói, nên chúng mới tình nguyện qua ở chung với gà của tôi để được ăn nhờ bữa nào hay bữa ấy. Đó là tôi tỏ ra hết sức biết điều đối với bà con, mỗi ngày tôi bị thiệt hại bao nhiêu mớ tấm, tôi nghĩ tình hàng xóm, tôi sẵn sàng thí cho chúng được no nê như gà của tôi. Bà con đã chẳng biết ơn thì thôi, còn trở vu oan giá họa cho tôi là kẻ trộm gà. Tôi đã biện bạch hết lời, mà nào ai có chịu nghe cho, họ bắt tôi về bót nhốt khảm với mớ tang chứng hơn 200 gà con rồi áp giải tôi ra tòa. Hóa ra, tôi làm ơn mắc oán, tôi tức thiếu điều ỏi máu, nhưng biết làm sao được. Chỉ còn có hi vọng cuối cùng là khi ra trước vành móng ngựa, may ra nhờ thần công lí soi rọi chứng minh thì mới thấy được niềm oan nỗi ức của tôi. Nhưng tôi có dè đâu mấy ông tòa Tây lại còn khắc nghiệt hơn nhiều, họ đã chẳng thương tình thì chớ, mấy thằng mũi cao mắt lõ còn mắng tôi là quân *filou*, *ăn cắp vặt*, *ngụy biện già hàm lão khẩu*,

(1) *ăn khính*: ăn nhờ, ăn thếp

rồi kêu án lưu đầy tôi đi Côn Đảo không có ngày về. Tôi đâu phải là kẻ gian như họ đã tưởng chẳng qua vì 10 đầu ngón tay của tôi có dính đá nam châm mà cuộc đời phải bị lợ lem như vậy, chớ đâu phải tôi cố tình ăn trộm, ăn cắp của ai. Bởi tôi là thẳng dân, mà tòa thì cao, cổ tôi lại vắn, kêu có thấu đâu, nên bị họ xử ép thế nào cũng phải cắn răng mà chịu!

Tôi cố nhin cười để rồi còn hỏi qua vài chuyện khác:

– Nghe người ta nói có lần chú em vô chùa, tất cả các ông Phật đều phải đứng dậy, chuyện ấy có không?

– Có chớ sao không.

– Tại sao vậy?

– Tại vì tướng mạng tôi lớn, ngang hàng với các bậc “*chánh vi vương*” nên thần Phật cũng phải kiêng nể chớ sao.

– Đúng, có lẽ chú em nói đúng, đúng hơn một phần 100 của những kẻ đặt điều nói xấu chú em.

– Họ nói xấu tôi như thế nào?

– Họ nói mấy ông Phật phải đứng dậy coi chừng kéo mấy bộ lư trong chùa nó dính theo tay của *người hùng Ba Cà Chón*.

– Họ nói cũng có lý đấy, vì mười đầu ngón tay của tôi đã bị mù bà gấn đá nam châm thì khi tôi vô ý đụng chạm vào vật gì mà nó chẳng dính theo.

– Chưa hết...

– Còn vụ gì nữa?

– Qua mùa mưa, đi đâu người ta cũng cần áo mưa hay áo toi là phải. Trái lại, mùa nắng vào khoảng tháng hai tháng ba, trời nắng chang chang mà chú em lại mang áo mưa hai lớp để làm gì?

– Đó là một cách để phòng để bảo toàn danh dự của người hùng quý phái.

– Chú em nói gì mà tôi không hiểu?

– Thì như ông đã biết, mười ngón tay của tui có đá nam châm, đụng vào đâu nó cũng dính, không vật này cũng vật kia, vì vậy mà tôi phải lo xa, khi có việc cần phải đi đâu, dù mùa mưa hay mùa nắng, tôi cũng phồng ngự chiếc áo mưa hai lớp, hai bên có hai túi lớn, để khi đi dọc đường, hoặc đi lộn nhà, rủi dính vật gì của ai thì tôi nhét hai tay vào hai bên túi áo là an toàn nhất. Nếu không dùng áo mưa hai lớp, khi hữu sự cất giấu vào đâu để lộ chuyện ắt không khỏi bị tổn thương danh dự, mà danh dự của *Ba Cà Chón* đâu phải tầm thường, cả nước từ Nam chí Bắc, ông thấy có ai mà được như tôi?

Ngưng một vài giây, thằng *Ba Cà Chón* lại nói tiếp:

– Nói cho cùng mà nghe, ví dù tôi có lòng tham thật sự đi nữa, cái tham khiêm nhường có giới hạn của tôi đem so với các cái tham khổng lồ vĩ đại của các ngài tai to mắt lớn nghĩ có nhằm nhò gì. Họ ăn cướp có môn bài (patente), có phù phép thể thần che chở cho họ, họ cứ hành động công khai trước pháp luật, họ có cần gì phải lén lút rình mò như tôi. Một câu ca dao mà trong dân gian đã từng ca ngợi về tác phong đạo đức của họ, có lẽ ông cũng có nghe.

– Ca dao tục ngữ có hàng ngàn hàng vạn câu thí dụ, tôi đâu có biết chú em muốn áp dụng câu nào?

– Thì chỉ có câu: *cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan*... mới xứng đáng đặt vào địa vị quyền thế của những người rất gương mẫu ấy.

– Nếu em được đứng vào tư thế của những người ấy, em có làm ăn cướp ban ngày như họ không?

– Chắc chắn là tôi không thèm làm như họ để rồi phải bị thiên hạ chê bai dèm siểm. Vả lại, tôi đã sẵn có cái nghề sờ mó dính tay kia mà.

– Những lúc chú em làm ăn trúng mồi được khá tiền, chú em ăn uống như thế nào?

Ba Cà Chón lắc đầu với vẻ khó hiểu, hần nói:

– Dù cho có bạc tỉ, tui cũng không ăn nhiều được.

– Tại sao vậy?

– Vì tôi bị đau dạ dày, bác sĩ cấm không cho ăn nhiều, nên mỗi bữa ăn tôi chỉ được ăn có sáu, bảy tô cơm gạo nàng hương, ba, bốn ổ bánh mì thứ lớn, hai con gà rô ti, hai con vịt hầm, một kilô Lạp Xưởng, hai kilô bò non nhét tỏi chiên bít tết, một ổ chả cua, 12 con cá rô kho tộ, hai kí tôm càng nướng, hai con cá lóc to nấu canh chua. Hai kí lô bánh hời ăn với ba kí thịt quay từ trên Hóc Môn đem xuống, vì khi nói đến heo quay không đâu ngon bằng heo quay Hóc Môn. Đó là chưa kể mười kí sò huyết tôi nhậu với một kết la ve trước khi ăn cơm. Những ngày khác nếu có đổi món, thì số lượng chất ăn cũng có chừng ấy thôi, chớ không được nhiều hơn.

– Còn đồ tráng miệng?

– Thường là hai ổ bánh gan, vài tô bánh sữa, một nải chuối già hương, một nải chuối bom, vài kí nho tươi hoặc hồng tươi. Mùa nào có xoài, măng cụt hay nhãn, cam Tàu hoặc trái vải thì khỏi phải nói, thứ nào tôi cũng xoi ít nhất cũng từ năm, sáu kí trở lên.

– Còn uống?

– Thì *ruợu chát* hay *sâm-banh* càng lâu năm chừng nào càng tốt chừng ấy.

– Bác sĩ cho ăn ít quá vậy, chú em làm sao sống nổi?

– Vì vậy mà hồi trước năm 1930 trọng lượng bình thường của tôi 65 kí, tới chừng bị bác sĩ hạn chế, nên tôi bị xuống cân dần dần, khi bị bắt vô nhà hình, họ bắt tôi đứng lên bàn cân, tôi thấy chỉ còn có 80 kí.

– Rồi từ ngày ra đảo?

– Tôi chưa có dịp cân lại, nên không biết còn được bao nhiêu.

– Chú em quê quán ở đâu?

– Ở Sài Gòn.

– Đường gì, số mấy?

– Đường *Chung Vô Diệm*, số 69. Mặt tiền nhà tôi là khu vực tòa

án, có lính gác cổng hẳn hoi. Cạnh bên phải là dinh quan Thống đốc Nam Kỳ, trung tâm thành phố Sài Gòn, ai ai cũng biết.

Mới nghe qua, tôi đã hiểu ngay nơi đó là cái gì rồi. Nhưng với những anh em ở dưới các tỉnh miền quê, nào ai biết đây là đâu. Trước ngày các anh em ấy sắp mãn hạn tù, nó viết cho mỗi người một bức thơ tay để giới thiệu với người nhà, trong đó nó dặn dò rất tỉ mỉ. Ngoài bức thơ tay, người nào cũng được nó vẽ cho một bản đồ cho bất cứ ai cũng có thể theo bản đồ ấy mà tìm kiếm nhà cha mẹ nó một cách dễ dàng. Theo lời chỉ dẫn thành thật (?) của nó, khi về tới Sài Gòn cứ theo bản đồ ấy mà tìm tới tận nhà và trình thơ ấy ra, sẽ được cả nhà nó tiếp rước đối đãi đàng hoàng, không những được cơm ăn nhà ở, kiếm cho công ăn việc làm, còn được cha mẹ nó gầy dựng gia đình cho nữa, vì ở nhà nó còn có bốn cô em gái mới thi ra trường và chín, mười đứa cháu gái đang theo cấp đại học, đứa nào đứa nấy cũng đẹp như Hằng Nga giáng thế mà hãy còn giữ gìn giá ngọc, kén chọn vàng thau, để đợi người quân tử, chưa ai có chồng.

Những người nhẹ dạ đặt hết lòng tin vào thằng Ba Cà Chớn, khi nghe nó như mỗi như vậy, thì các anh ấy hi vọng tràn trề, tâm hồn lâng lâng sung sướng, chừng như bay bổng trên mấy tầng mây. Chả thế mà các anh ấy có gì cũng tuôn ra cho nó “ngốn” hết, đâu có tiếc gì, vì khi về tới Sài Gòn, chỉ cần trình bức thơ ra là cuộc đời của mình sẽ được lên hương với một cô gái giàu có và tuyệt đẹp kia mà.

Nhưng khi về tới Sài Gòn mới sáng mắt ra, vì theo bản đồ nó vẽ thì đó là con *đường Lagrandière*, còn số 69 là cổng chánh của khám lớn Sài Gòn (Maison centrale de Saigon)⁽¹⁾, ai muốn ở tù thì mới vào đó, chớ thành phố Sài Gòn làm gì có *đường Chung Vô Diễm* của thằng Ba Cà Chớn.

(1) Nay là khu vực Thư viện Tổng hợp TP.HCM đường Lý Tự Trọng Q.I (NBS)

24. TRÁI LÒNG DÂN, VỆ UỞNG BỊ PHANH THÂY

Uởng là người nước Vệ, vốn dòng tôn thất, nên người đồng thời quen kêu là Công Tôn Uởng. Người rất thông minh và có tầm kiến thức sâu rộng về mặt chánh trị. Vì thấy nước Vệ nhỏ yếu, không đúng chỗ cho mình thi thố tài năng, nên mới bỏ nước Vệ tìm sang nước Ngụy.

Nhưng vua Ngụy (tức Ngụy Huệ vương) xem tướng Vệ Uởng, biết y không phải là bậc hiền nhân quân tử, mà là kẻ đang nuôi nhiều tham vọng cao xa, nghĩ rằng thu dụng những người như thế, chỉ tổ thêm nhọc lòng lo, chớ chẳng ích gì, nên chẳng dám dùng.

Uởng bèn bỏ Ngụy sang Tần. Đương kim tại vị hồi ấy là vua Tần Hiếu Công.

Trước hết, Uởng tìm cách cầu thân với viên cận vệ của Tần Hiếu Công là Cảnh Giám. Sau vài lần tiếp xúc, thấy Vệ Uởng là người có tài, Cảnh Giám bèn tiến dẫn đến vua Tần.

Tần Hiếu Công bèn cho đòi vào để tìm hiểu việc bình thiên hạ, coi y tài sức bực nào.

Lần tiếp xúc đầu tiên, Uởng đem “*đế đạo*” từ đời Phục Hi, Thần Nông, vua Nghiêu, vua Thuấn ra nói cho Tần Hiếu Công nghe. Có lẽ không thích hợp hay sao, nên nhà vua ngủ gục.

Lần tiếp xúc thứ hai, Uởng đem “*vuong đạo*” từ đời Hạ Vũ, Thành Thang ra thuyết trình, nhà vua lại cũng ngủ gục.

Cho đến lần thứ ba, khi Vệ Uởng nói đến “*bá đạo*”, thì Tần Hiếu Công mới chịu chăm chỉ ngồi nghe, càng nghe lại càng say mê, thích thú. Biết rằng đó là một chánh sách thất nhân tâm vô cùng khắc nghiệt đối với nhân dân, song lại hợp ý nhà vua, vì nếu thi hành đúng theo kế hoạch của Vệ Uởng thì bao nhiêu nguồn lợi trong nước sẽ được gồm thâu, chẳng bao lâu các kho tàng của nhà vua sẽ không còn chỗ chứa vàng bạc của cải, hoa màu, lợi tức của nhân dân đóng góp. Cuộc

hội đàm giữa Tần Hiếu Công và Vệ Ưởng kéo dài luôn ba ngày đêm mà nhà vua vẫn chưa thấy chán.

Nhà vua cho Ưởng là một nhân vật kì tài, thế gian hi hữu, nên ngay sau khi cuộc hội đàm vừa tan, Vệ Ưởng được phong làm tướng quốc và được toàn quyền hành động cải cách đại qui mô theo “*Tân lệnh*” gồm bảy điều khoản như sau:

1. *Định đô*; 2. *Kiến huyện*; 3. *Tịch thổ*; 4. *Đinh phú*; 5. *Bản phú*; 6. *Khuyến chiến* và 7. *Cấm gian*.

Cả bao nhiêu điều khoản ấy không thấy có điểm nào lo cho dân được no cơm ấm áo, mà toàn là sách lược *làm giàu cho nhà vua* bằng cách móc túi dân với đủ mọi hình thức sưu cao thuế nặng. Đời sống của dân hết sức cam go khắc khổ, nhưng phải sao chịu vậy, chớ không có quyền kêu ca khiêu nại chi hết.

Trong bảy điều khoản có điểm chót (*Cấm gian*) là một điều khoản chết người, bắt buộc thẳng dân phải rình rập tố cáo lẫn nhau, cho dầu cha con chồng vợ chung sống một nhà cũng không dám giấu; nếu người trong nhà có kẻ phạm tội. Đây, xin mời các bạn hãy xem điều khoản thứ bảy trong *tân lệnh* do quan tướng quốc Vệ Ưởng đặt ra:

7. *Cấm gian*: “Nơi nào dân cư thưa thớt thì cứ năm nhà hợp lại thành một tổ gọi là *ngũ gia liên bảo* nơi nào dân cư đông đúc, thì mười nhà hợp lại một tổ gọi là *thập gia liên bảo*. Người trong *bảo* có trách nhiệm liên đới kiểm soát lẫn nhau. Trong một gia đình nếu có người phạm tội thì người gia trưởng phải làm tờ khai. Một nhà trong *bảo* phạm tội, mấy nhà kia phải tố cáo, nếu không sẽ bị chết chém. Ai tố cáo được một kẻ gian được coi như chiến sĩ có công đánh giặc. Các quán cơm hay nhà trọ, nếu có người đến xin ngủ trọ, chủ nhân phải đòi hỏi cho được giấy “*chiếu thân*” để trình nhà chức trách. Ai chứa chấp dân lậu sẽ bị coi như đồng lõa. Những người bị kết án tử hình, không những bị chém ngang lưng, còn bị tịch thu hết cả tài sản gom về công khố của nhà vua v.v...

Nhà vua còn ra lệnh cho triều thần các cấp, phải bãi bỏ tất cả những gì trong quá khứ, kể từ đây mọi việc trong nước, cứ theo bảy điều trong “*Tân lệnh*” của quan tướng quốc mà thi hành, kẻ nào làm sai là phạm tội cố ý không tuân phép nước.

Khi tân lệnh vừa ban hành, thì đồng thời Vệ Uông cũng cho người đi nghe ngóng, xem có ai phản ứng gì không?

Những người chê, Uông cho là ngang ngạnh, bị y kết tội đã đánh, trái lại, những người khen, Uông lại cho là ô mị, cũng bị y kết tội, bắt cả hai bên đày đến những nơi rừng thiêng nước độc, không có ngày về. Bằng có là, có hai quan đại phu, Cam Long và Đồ Trí, một ông khen, một ông chê đều bị kết tội như nhau, nghĩa là cả hai ông đều bị tước chức, đuổi về dân dã.

Về việc thiên đô ra Hàm Dương, thế tử Tư có ý không thuận, vì đó là một công trình đại qui mô làm hao tổn của công không ít, còn làm cho dân chúng phiền hà vì phải kiệt sức về việc đắp thành. Vệ Uông khi nghe tin ấy lấy làm tức giận, cho rằng pháp luật thi hành không được nghiêm chỉnh là tại người trên, nếu bỏ qua thì trái phép nước. Bởi thế tử là kẻ nối ngôi, không thể đem ra làm tội, Uông bèn tâu với Tần Hiếu Công xin làm tội quan Thái sư Công Tôn Giả và Thái phó là công tử Kiến là hai vị dạy ngôi thế tử phải chịu tội thay cho thế tử bằng xẻo đứt sống mũi.

Khi tin này vừa được bắn ra, thần dân trong nước hết sức hãi hùng, vì nghĩ rằng rất đổi con vua khi chạm đến quyền hành của quan tướng quốc còn không khỏi bị tội hình, huống hồ là ai.

Vì vậy, kể từ đây trở đi, tất cả mọi người đều phải cúi đầu phục lệnh, tuân theo răm rắp, không còn một ai dám bàn tán nghị luận gì đến “*Tân lệnh*” của ông tướng quốc độc tài ấy nữa.

Nhờ đó mà các kho tàng của nhà vua ngày càng sức tích dồi dào, gần như không còn chỗ chứa trong khi quyền sống của con người không còn nữa. Có chăng chỉ còn hai bàn tay trắng vì bị bóc lột tận xương, gần như kiệt quệ, không còn có gì để sống.

Vệ Ương nhớ lại chuyện xưa, hồi từ nước Vệ bỏ sang nước Ngụy để tìm đường tiến thân, nhưng vua Ngụy lại chẳng thèm dùng. Ương bèn bỏ Ngụy sang Tần, nhờ đưa ra cái thuyết “bá đạo” đúng theo đường lối tham bạo của Tần Hiếu Công, nên được tấn phong làm Tướng quốc, đó là bước thang danh vọng cho y thuận chiều trèo lên tột đỉnh vinh quang.

Lúc bấy giờ thù xưa oán cũ hãy còn chất chứa trong lòng. Ương bèn tâu xin với Tần Hiếu Công cho năm vạn quân kéo sang làm cỏ nước Ngụy. Vua Ngụy sợ hãi, mới sai quan Đại phu Long Giả ra thương thuyết cầu hòa với Vệ Ương, Ương thừa cơ nặng lời to tiếng:

– Vua Ngụy chê ta là kẻ bất tài, không biết dùng ta, nên ta phải sang làm quan tướng quốc nước Tần, ăn lộc muôn chung đi xe tứ mã, các người nước Ngụy có sáng mắt chưa? Nay vua Tần trao cho ta cái sứ mạng đem binh tru diệt nước Ngụy, nếu ta làm không được việc thì phụ lòng tin của vua Tần.

Long Giả nói:

– Có lẽ ngài cũng từng nghe, chim khôn không quên rừng cũ, người hiền không quên đất tổ quê cha. Vua Ngụy dẫu không dùng ngài, song ngài đi nhờ lòng nào vì sự bất tình ấy mà phản lại quê cha đất tổ của mình ư? Nếu ngài suy kĩ nghĩ cùng, ngài sẽ không chác hận cừu hờn, còn mến thương chúa công tôi nhiều hơn là khác.

– Tại sao vậy? Với một kẻ không mắt xem đời, coi ta như một kẻ thất phu bất tài vô dụng, người bảo ta phải thương mến họ là nghĩa làm sao?

– Thưa ngài, nếu chúa công tôi trọng dụng ngài thì ngài chỉ đạt đến chức đại phu của một nước Ngụy nhỏ yếu. Nhờ chúa công tôi thiếu sự nhận xét, đánh giá ngài quá thấp mà ngày nay ngài mới được ngồi trên địa vị nhất phẩm triều đình của một nước Tần đệ nhất hùng cường.

Nghe ra có lí, nên Vệ Ương ngẫm nghĩ giây lâu rồi nói:

– Đi không chẳng lẽ về không. Vậy, người nói lại với Ngụy Huệ vương, muốn ta rút quân về, phải cắt đất Tây Hà của nước Ngụy sát nhập về lãnh thổ nhà Tần mới được.

Long Giả bèn vào triều tâu lại với Ngụy Huệ vương về sự đòi hỏi của Vệ Ưởng. Vua Ngụy nghĩ rằng, nếu mình từ chối thì Vệ Ưởng sẽ xua binh xâm chiếm, đất đai thành trì và tôn miếu của cả nước Ngụy sẽ chẳng còn gì; còn chấp nhận điều kiện ấy, chỉ mất có một phần nhỏ trong lãnh thổ nước Ngụy mà thôi. Ngụy Huệ vương bèn sai Long Giả đem bản đồ cắt đất Tây Hà cho Tần. Vệ Ưởng xem bản đồ nhận đất và đặt quan cai trị đầu vào đó xong rồi mới rút quân về.

Tần Hiếu Công phong cho Ưởng thêm tước liệt hầu, lấy 15 ấp Thương Ô trong số đất cướp của Ngụy ở Tây Hà cấp cho Ưởng làm thực ấp. Vì vậy, người đồng thời mới gọi là *Thương quân*, đời sau gọi là *Thương Ưởng*.

Vệ Ưởng khi thấy mình có công lớn với vua Tần, bèn thiết đại tiệc tại phủ riêng của mình. Giữa tiệc, Ưởng đã không ngần ngại nói lên những tiếng tự hào với bọn gia thần và quan khách:

– Ta là kẻ chi thứ nước Vệ, sang Tần được vua Tần trọng dụng phong làm tướng quốc, đem tài năng thay đổi cơ cấu chánh trị, khiến cho nước Tần trở nên cường thịnh, làm cho chư bang liệt quốc đều phải kiêng oai nể mặt. Nay còn được mở rộng thêm bờ cõi cho vua Tần hơn 700 dặm lấn sang đất Nam. Riêng phần ta được hưởng chất phong hơn 15 thành làm thực ấp. Kẻ đại trượng phu khi đạt đến mức này có thể gọi là đắc chí lắm vậy...!

Các tân khách khi được ăn uống no say, có ai mà chẳng hoan hỉ đồng thanh ca ngợi. Giữa tiệc đang lúc vui vậy, bỗng có người cất tiếng oang oang:

– Nghìn lời a dua, không bằng một lời nói thẳng. Không lẽ trong đám người từ lâu nhờ Thương quân chiếu cố đổi đai trọng hậu, lại không ai dám có một lời nói thẳng hay sao?

Mọi người đưa mắt nhìn về phía có câu nói chương tai, coi người

ấy là ai? Thì ra đó là một vị thượng khách tên là Triệu Lương. Vệ Uông có hơi chột, bèn hỏi lại một câu tự đắc:

– Tiên sinh thử xét cái tài trị nước của ta hiện nay, so với *Ngũ Cổ đại phu* (tức Bá Lý Hề) trước kia, ai hơn ai kém?

Triệu Lương khẳng khái trả lời ngay:

– *Ngũ Cổ đại phu* giúp Tần Mục công lập nên nghiệp bá, ba lần bắt được vua Tấn về tội lừa dối, và kiêm tính cả hai nước chư hầu phải xưng thần cống sứ, đưa vua Tấn lên địa vị “bá chủ” cả một vùng trời ở đất Tây Thung. Thế mà ngài chẳng dựa vào công cán ấy coi thân mình làm trọng, nể không cần lọng che, mệ cũng không cần đến xe tứ mã, suốt cả đời vinh quang của ngài không ai nghe ngài thốt ra một lời nào có tính cách quan liêu tự đắc, ngài chỉ biết lo sao cho tròn bốn phận, trên đối với vua thì hết lòng tận trung báo quốc, dưới thì lo cho dân được no cơm ấm áo trong cảnh thái bình an lạc, nên khi ngài qua đời dân chúng tiếc thương như cha mẹ chết.

– Còn ta thì sao?

– Ngài làm tướng nước Tần mới có ba năm mà lúa thóc vàng bạc đầy kho Nhà nước, nhưng dân chúng lại đói rách lắm than. Dưới quyền điều khiển cho “*Tân lệnh*” của ngài, thằng dân chỉ biết cúi đầu tuân theo như cái máy, chớ không có quyền ăn nói. *Chánh sách của ngài là một chánh sách thất nhân tâm, chỉ có sắt máu và căm thù, chớ không có ân huệ và tình thương, chỉ có chém giết và lưu đày, chớ không có bao dung và tha thứ.* Thằng dân đã bị bóc lột tận xương và phải làm sưu thật nặng nề mà không được ăn cho no bụng. Với chánh sách của ngài, nước tuy có mạnh mà không bền, dân tuy có tuân mà lòng đầy bất mãn, vì bị ép buộc phải theo, chớ không phải sẵn lòng tự nguyện. Còn thái tử chỉ có một vài câu phản nản về việc ngài thiên đô ra Hàm Dương, mà ngài cũng kết tội hai vị thái sư và thái phó phải bị cắt mũi cắt tai chịu tội suốt đời, mỗi hận ấy biết bao giờ mới nguôi được? Bấy điều trong *Tân lệnh* của ngài, toàn là chuyện gây thù kết oán, hậu quả sẽ không lường được. Nhất đán đức vua băng

hà, khi đó ngài liệu chừng có thể giữ mãi cái cảnh giàu sang phú quý ở đất Thương Ô này chăng? Tôi thiết nghĩ, một cách cao xa hơn hết, ngài nên tìm một vị hiền tài giao quyền quốc chánh cho họ rồi lui về cày cuốc nơi thôn dã, sống với cuộc đời thường dân bình dị, may ra cuộc đời của ngài trong buổi về chiều mới được an toàn.

Hầu hết các quan khách trong tiệc đều nghĩ rằng anh chàng bạo phổi Triệu Lương ắt không khỏi bị quan tướng quốc sai lực sĩ hành hình bằng cách chém ngang lưng về tội nghị luận chê bai “*Tân lĩnh*” của ông ta. Nhưng không, có lẽ những lời nói thẳng của Triệu Lương nghe ra có lí hay sao, nên ông ta ngồi lặng thinh có vẻ lo âu với một thần sắc bồn khoăn nghĩ ngợi?

Năm tháng sau Tần Hiếu Công lâm bệnh rồi từ trần.

Quân thần tôn thái tử Tư lên ngôi, kế vị lấy hiệu là Huệ Văn Công. Vệ Ưởng tự cho mình là đệ nhất cận thần của tiên vương, nên ra vào triều nội với thái độ ngạo mạn, coi các quan chẳng ra gì.

Công tử Kiến và Công Tôn Giả là hai nạn nhân bị Vệ Ưởng mà phải mang tật mất mũi, mỗi khi soi kiếng thì thấy gương mặt của mình rất là kì cục, bèn nhắc lại các việc lộng hành của Vệ Ưởng trước kia. Huệ Văn Công được khơi lại chuyện xưa, chỉ vì mình nghị luận về việc thiên đô mà hai quan thái sư, thái phó vì mình mà phải chịu vạ lây, nên lửa lòng vì đó càng thêm sôi sục, ông ta nói:

– Ta căm giận thẳng giặc ấy, song nghĩ vì nó là bề tôi của phụ vương ta, nên chưa nỡ giết đó thôi.

Nói đoạn, Tần Huệ Văn Công sai người thu tướng ấn rồi đuổi về thực ấp Thương Ô.

Thương Ưởng (tức Vệ Ưởng) từ giả triều đình, khi ra khỏi thành đã chẳng biết thân, còn dùng nghi trượng xa giá rần rần rộ rộ như lúc còn là quan tướng quốc đương thời. Việc ấy khi lọt tới tai Huệ Văn Công, ông lấy làm tức giận, bèn sai Công Tôn Giả và Công tử Kiến dẫn ba ngàn giáp sĩ đuổi theo bắt lại để có chém đầu. Dân chúng

khi được tin ấy lấy làm vui thích, bèn tháp tùng theo với binh lực của hai quan để được chứng kiến việc săn bắt tên Thương Ưởng là kẻ thù dân giặc nước.

Thương Ưởng phải vất bỏ cả áo mao triều phục, giả dạng thường dân mới chạy thoát được. Khi chạy tới cửa ải Hàm Quan thì trời đã tối, bụng đã đói, miệng lại khát, bèn vào quán kiếm cơm ăn cho no bụng rồi mới tìm đến một khách quán để mượn phòng ngủ trọ. Chủ khách quán hỏi giấy *chiếu thân*, Vệ Ưởng không có, y hết lời năn nỉ mà chủ nhân cũng không dám chứa mặc dù y dám trả với cái giá đặc biệt mấy chục lần hơn, khi đó chủ nhân mới nói:

– Nếu tôi ham tiền nhiều để rồi tôi phải bị chém ngang lưng về tội chứa “dân lậu” hay sao? Đây là lệnh của quan tướng quốc mà, ai dám cãi.

Khi đó Vệ Ưởng mới giật mình nhớ lại, than thầm:

– *Chính ta đặt ra phép này, không ngờ bây giờ phép này trở lại hại ta.*

Liên suốt đêm hôm ấy, Vệ Ưởng phải vất vả lắm mới trốn qua khỏi thành Hàm Quan để có chạy sang nước Ngụy. Chúng ta không hiểu Vệ Ưởng vượt biên chạy sang nước Ngụy để làm gì? Có lí nào mà y không nhớ cách đó không lâu, chính Vệ Ưởng nhân danh tướng quốc nước Tần kéo binh sang Ngụy để diệt nước Ngụy. Ngụy Huệ vương phải điều đình bằng cách cắt đất Tây Hà hơn 700 dặm cho sáp nhập về lãnh thổ nước Tần mới được êm chuyện. Bây giờ Vệ Ưởng còn mặt mũi nào mà mang đến đó, đến đó để nạp mình à?

Ngụy Huệ vương toan bắt Vệ Ưởng đem nạp vua Tần, may sao y lại chạy thoát trở về Thương Ô. Tại nơi ấy, Ưởng còn mưu toan một vụ động trời nữa là: lấy Thương Ô làm căn cứ quân sự khởi loạn đánh lại nước Tần. Nhưng việc y tính là một chuyện, còn đạt được ý muốn hay không lại là một chuyện khác. Ưởng có ngờ đâu, cái ngày y hưng binh khởi loạn cũng là cái ngày Công Tôn Giả và Công tử Kiến (là hai nạn nhân bị Ưởng xử tội lắt mũi) được lệnh đem quân vây bọc

Thương Ô bắt gọn quan tướng quốc nước Tần trói lại giải về cho Tần Huệ văn công đủ cả tang chứng mưu đồ phản loạn.

Vệ Ương bị kết án tử hình theo lối đời xưa bằng cách năm con trâu xé xác đại khái như sau:

Trong mỗi con người, ai cũng có năm chỗ được gọi là “*cổ*” đó là: một cổ chánh nằm giữa hai vai để chịu đựng cái đầu ở trên mà người ta thường gọi là “*cần cổ*” và bốn cổ phụ, đó là hai cổ *cuồng tay* và hai cổ *cuồng chân*, cộng chung là năm cổ cả thân. Mỗi cổ của Vệ Ương đều có cột một sợi dây dãi thật chắc, đầu đằng kia thì cột vào sau đít của năm con trâu. Mỗi con trâu có hai người phụ trách, người đứng sau con trâu thì cầm roi, người đứng trước con trâu thì nắm dây giùi, mỗi người đứng về một hướng đứng theo hình ngôi sao ngũ chi.

Đội khi có ba hồi trống lệnh và lại ô dùi, thì những người cầm roi phải đồng loạt nện vào đít trâu thật mạnh. Trâu bị đánh đau phải chạy theo người nắm dây phía trước, và mỗi người ấy phải chạy cho đúng hướng theo hình ngôi sao năm cánh. Như vậy là kẻ tử tội bị năm con trâu xé xác rút ra làm năm mảnh.

Vệ Ương bị hành hình giữa chợ tại Kinh đô Hàm Dương, đó là nơi y làm kiệt sức dân và hoang phí của công không ít về việc định đô (theo điều khoản số một trong *Tân lệnh* của y). Dân chúng nước Tần vốn nuôi mối căm thù đã từ lâu, nên khi nghe tin Vệ Ương bị hành hình giữa chợ bằng cách năm trâu xé xác, họ ùn ùn kéo tới đến độ không còn có chỗ chen chân. Người nào trên tay cũng cầm sẵn con dao để xẻo thịt, chỉ trong giây lát chỉ còn lại những mớ xương vụn rơi rắc đó đây, mặc cho ruồi bu kiến đậu và kèn kên quạ quạ từ đâu kéo tới kiếm chác thịt thừa còn sót trong những mớ xương tàn.

Thế là cuộc đời lừng lẫy của Vệ Ương (tục kêu là Thương Ương) đến đây đã phải kết thúc bằng một cái chết ô nhục để y được đền nợ máu mà y đã vay từ ngày y còn chễm chệ trên ngôi vị tướng quốc bên cạnh Tần Hiếu Công.

25. CÓ HAY KHÔNG THỂ CÓ TRÊN VÌ SAO “COCHER” NHỮNG SỰ LẠ NÀY

A. Một sợi tóc chẻ ra làm năm làm bảy để làm đôi cột tàu?

B. Con kiến lớn bằng con ngựa và chạy mau hơn ngựa

C. Một bàn chân của người trên ấy có thể đạp nhẹp cả làng của chúng ta và có thể lội qua Thái Bình Dương như chúng ta vèn ống quần để bước qua một vũng nước cạn mà thôi.

Chúng tôi chỉ cần nêu ra một vài quan điểm đặc biệt để đủ làm biểu hiệu tượng trưng cho các sự việc lạ lùng trên vì sao “Cocher” mà thôi, còn muốn vắn hiện tượng chi khác thì người đọc hãy suy nghiệm lấy để rồi tự mình xác định sự việc... khi đó các bạn sẽ nhận ra cái đáp số có thể có hay không thể có.

Theo đường lối “khoa học giả tưởng”, chúng tôi chỉ có cái sự thích thú nêu ra sự việc để góp phần giải trí cho người đọc, đến như cái *có thể có hay không thể có*, đó là thẩm quyền quyết định của các bạn (của người đọc), chúng tôi không trách nhiệm gì về mặt *có hay không có*?

Để được tháo gỡ phần nào về các sự việc lạ lùng ngoài sức tưởng tượng vừa kể ở trên, chúng tôi xin nêu ra một số dữ kiện có liên quan đến sự trình bày của chúng tôi cho các bạn dễ bề nhận xét. Chẳng hạn như:

– Đường kính (diamètre) của trái đất chúng ta đang ở là 12.740 km, bề châu vi (circonférence) là 40.000 km, và bề mặt của nó là 510.000.000 km². Đường ấy, chúng ta thấy địa cầu này lớn biết là bao.

– Nhưng khi ta đem quả đất so với mặt trời, thì ví chẳng khác một hạt đậu xanh đem để bên trái bí rợ to tướng. Vì mặt trời lớn hơn trái đất đến những 1 triệu 300 ngàn lần, vì đường kính của nó tới những 1 triệu 390 ngàn km.

Những ai chưa có dịp đi sâu vào khoa thiên văn (Astronomie) của người Tây phương tân tiến, có thể nghĩ rằng lớn cỡ như mặt trời

là tốt bụng rồi, là hết hạng, là vua khổng lồ, không còn có cái gì có thể lớn hơn nữa được. Nhưng nếu có ai nghĩ vậy thì lầm to rồi.

Đây nhé! Xin mời các bạn hãy đem mặt trời đến với vì sao vĩ đại “*Cocher*”, các bạn sẽ không khỏi giật mình kinh ngạc, kinh ngạc vì sao? Vì sau khi các bạn so sánh, các bạn thấy vì sao *Cocher* to hơn quả cam sành, mà mặt trời chỉ là một chấm li ti bằng chót mũi kim, thứ kim ta may vá áo thôi.

Bởi tôi hết sức kinh ngạc, nên trong đầu óc tôi mới có những điều nghĩ ngợi bâng quơ với nhiều dấu hỏi: những gì có trên vì sao ấy? Nếu có sự sống, thì sự sống trên đó như thế nào? Người trên đó cỡ bao lớn? Một bữa ăn họ chắc nhiều, nhiều lắm, có thể nuôi cả làng mình đến bằng chục năm cũng chưa biết chừng. Từ Nam cực đến Bắc cực trên quả đất chúng ta, họ bước chừng mấy bước là tới. Một con cá hạng xoàng trên đó cũng có thể nuốt chừng chiếc hàng không mẫu hạm khổng lồ *Interprise* của Mĩ như mèo xoi chuột chó gì.

So sánh bằng cách tỉ dụ như thế, chúng ta thấy vì sao *Cocher* to lớn vĩ đại đến dường nào.

Bây giờ chúng ta thử đặt vấn đề: nếu trên vì sao *Cocher* có khi hậu điều hòa và vật chất mà gồm đủ các loại ngũ hành như *kim, mộc, thủy, hỏa, thổ* phù hợp với sự sống như ở hành tinh chúng ta, thì người và các loài sinh vật cùng thực vật trên đó sẽ ra làm sao.

Nếu căn cứ theo định luật của tầm hoạt động (*rayon d'activité*) *rộng* hay *hẹp* mà suy ra vật thể lớn hay nhỏ chẳng hạn như con chó nó chỉ có thể sống trên đầu tóc của con người, chó không bao giờ tìm thấy trên mình của con trâu, vì trâu là loại gia súc to con và lông thưa (không mọc dày và khít như tóc con người) nên ở đấy nó chỉ thích hợp với loài rận thôi. Lại như cọp hay voi có bao giờ sống được với những hòn đảo nhỏ ở giữa biển khơi mà người ta chỉ bắt gặp chúng ở những nơi non cao rừng rậm, vì những nơi ấy có tầm hoạt động rộng lớn minh mông mới được phù hợp với sự sinh hoạt của loài thú to con.

Sự thật đã quá rõ ràng rồi đó, nhưng chúng tôi cũng cần nói thêm vài thí dụ thế này cho các bạn dễ bề so sánh: cái chuồng để nhốt một con ngựa phải mấy ngàn lần rộng hơn chiếc lồng để nhốt một con chim đẹp có nhiều màu sắc treo ở trước hành lang để làm kiếng. Những chiếc tàu to phải chạy ngoài biển khơi, nên không ai gặp chúng trong những kinh rạch nhỏ. Chúng ta nhìn vào trái bưởi thì thấy cuống ở trên,蒂 ở dưới. Trái lại, khi con kiến bò quanh trái bưởi nó thấy bề nào cũng là bề trên, chớ không có bề dưới. Tại sao vậy? Vì lẽ sự lớn nhỏ của hai bên chênh lệch quá xa, chớ không có gì lạ. Với một cách so sánh khác, con kiến sẽ phân biệt được bề nào là bề dưới và bề nào là bề trên nếu con kiến bò quanh trái táo. Tại sao? Vì lẽ trái táo so với con kiến không chênh lệch nhiều, nên khi con kiến nhìn vào trái táo, nó thấy trái táo không lớn hơn nó được bao nhiêu.

Trở lại sự khác biệt giữa mặt trời và vì sao *Cocher*, một bên chỉ bằng một chấm ở chót mũi kim, còn một bên to hơn trái cam sành, sự chênh lệch quá xa ấy, khiến chúng ta có thể căn cứ vào định luật của tầm hoạt động (rayon d'activite) mà suy diễn ra những vật thể to lớn phi thường trên vì sao *Cocher* có thể có:

- Sợi tóc của con người trên đó có thể chẻ ra làm năm làm bảy để làm đôi cột tàu.

- Con kiến trên đó lớn bằng con ngựa của chúng ta và chạy mau hơn ngựa, vì ngựa chỉ có bốn chân, mà kiến thì có đến những sáu chân.

- Một bàn chân của người trên đó có thể đạp chết cả làng chúng ta, và họ có thể vượt qua Thái Bình Dương ở hành tinh chúng ta một cách dễ dàng như chúng ta vén ống quần để bước qua một vũng nước cạn mà thôi.

- Một con cạp trên đó (nếu có) thì nó phải xoi cả một đạo quân (mấy chục sư đoàn) mới đủ no bụng.

- Một trứng chim hay một trứng gà trên đó có thể to bằng hòn núi nhỏ nhỏ của chúng ta.

– Một cái mai con cua trên đó có thể thay cho chiếc tàu đổ “Normandie” đẹp nhất thế giới của Pháp trước kia đủ sức chở khoảng 2000 hành khách và đồ hành lí của họ. Đó là chưa kể đoàn thủy thủ gần 900 người.

– Một con chí trên đầu người của họ (nếu có) thì nó có thể to bằng con voi hay con bò mộng ở hành tinh chúng ta.

– Một chiếc râu con tôm trên đó ta có thể cưa ra nhiều khúc để dựng làm cột đình.

– Một đứa trẻ mới lọt lòng mẹ trên đó có thể có trọng lượng đến mấy trăm ngàn tấn.

– Một cây đại thọ cao ngất trời trên đó, nếu ta có sức leo lên ít ra năm, sáu tháng trời mới tới trên ngọn, một chiếc lá của nó có thể che mát cả một vùng quận, huyện của ta. Còn cái gốc của nó thôi thì khỏi nói, chắc là to lắm, cỡ người như chúng ta phải đi hai, ba tuần lễ mới được giáp vòng.

Một cách so sánh khác cho chúng ta dễ nhận ra cái to lớn phi thường trên vì sao *Cocher*.

Thí dụ: vì sao *Cocher* lớn hơn quả đất của chúng ta 500 triệu lần, thì một con bò sữa của vì sao *Cocher* lớn hơn con bò sữa của chúng ta cũng vào khoảng 500 triệu chó gì. Con bò sữa của chúng ta mỗi ngày nặn ra mật nào cũng được 20 lít, cứ đó mà nhân ra cho năm trăm triệu lần hơn.

$$500.000.000 \times 20 = 1000.000.000 \text{ lít}$$

Thì ra một chị bò sữa trên vì sao *Cocher* mỗi ngày sản xuất đến những 10 tỉ lít sữa, thật là một con số kinh khủng, ngoài sức tưởng tượng.

Vậy thì mấy sự việc mà chúng tôi đã nêu ra đầu đề như: sợi tóc và con kiến lớn bằng con ngựa, chắc không đến nỗi bị các bạn cho là vô lí khi mà các bạn nhìn vào vì sao *Cocher* to hơn trái cam mà mặt trời chỉ có một chấm rất nhỏ bằng chót mũi kim thôi.

Nhưng lớn cỡ như Cocher có phải là hết hạng rồi, hay còn nữa?

Chưa chắc! Cocher là vì sao người ta tìm thấy lâu rồi, mà vũ trụ thì mình mông vô tận, biết đâu trong những dãy ngân hà xa xôi đến những hàng trăm ngàn tỉ năm ánh sáng (année de lumière), còn có nhiều vì sao to hơn gấp hằng triệu lần mà các đài thiên văn cỡ như hiện nay chưa tìm tới được.

Vũ trụ còn nhiều huyền bí, nhưng khoa học vẫn tiến mãi, không ngừng.

26. LƯU BỊ QUAN CÔNG VÀ TRƯƠNG PHI CÓ PHẢI LÀ... NHỮNG THẦN TƯỢNG ĐÁNG ĐƯỢC TÔN THỜ HAY KHÔNG?

Một quan niệm hết sức sai lầm, người Việt chúng ta cần phải xét lại...

Tại sao người Tàu không có tượng thờ vua Nghiêu vua Thuấn hoặc ông Tôn Văn là những bậc hiền nhân quân tử, thật lòng vì nước vì dân, lại đi thờ chỉ mấy ông Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi là những người chẳng có chút công nào với nước với dân, nghĩ thật đáng tiếc. Nhưng mà thôi. Với người Tàu, họ thờ các danh nhân nước họ, dù phải hay trái, dù đúng hay sai, cũng còn có lý do khả thứ. Chớ người Việt chúng ta bắt chước họ mà làm theo họ, tôi thấy nó trái mùa làm sao ấy.

Như chúng ta đã thấy, hầu hết các đình, chùa, miếu vũ xứ ta và không ít tư gia đều có treo tượng Quan Công hằng ngày đốt nhang vái lạy với vẻ rất là tôn kính và sợ sệt. Thế mà đối với các danh nhân có liên quan đến lịch sử nước nhà như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Hưng Đạo đại vương, Trần Bình Trọng, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân v.v... là những bậc anh hùng liệt nữ có công cứu nước, triệt để chống xâm lăng, thì người ta lại hững hờ như khách qua đường.

Thái độ lạnh lùng thờ ơ ấy rất đúng với tâm địa của hạng người mất gốc: *Phật trong nhà không thờ, đi thờ Thích Ca ngoài đường.*

Người ta hỏi họ tại làm sao mà phải tôn thờ Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi một cách tận tụy chỉ thành như vậy? Thì họ rất lấy làm hãnh diện mà trả lời rằng:

– Bởi đó là ba vị anh hùng trung can nghĩa khí kết nghĩa vườn đào. Suốt đời tận tụy, sanh tử có nhau, không hề có sự tổn thương trong tình bè bạn. Vì vậy mà chúng tôi phải kính thờ ba ông ấy. Nhất là ngài Quan thánh để quân được coi như vị thần hộ mạng của chúng tôi.

Chúng ta cũng nhìn nhận cho ba ông này là những người rất tốt, nhưng chỉ tốt trong một phạm vi hạn hẹp, tốt trong tình cảm cá nhân: ngoài bộ ba kết nghĩa vườn đào, không thấy họ nói gì tới việc dân việc nước. Đối với dân với nước đã chẳng giúp ích được gì, ba ông này còn có những hành động vô tình gây nhiều tai hại cho tiền đồ tổ quốc nhà Tây Thục là khác.

Không phải là bịa chuyện nói suông, mà ở đây chúng tôi xin nêu ra bằng cứ:

– Theo trong “*Tam quốc chí*” thì tác giả La Quán Trung đã nói: nếu muốn diệt Bắc ngụy thì Tây Thục phải liên minh chặt chẽ với Đông Ngô, để sau khi hạ được Tào Tháo rồi, sau đó sẽ tính tới việc đánh úp Đông Ngô của Tôn Quyền là Lưu Bị sẽ gồm thâu về một mối. Đó là chủ trương của Khổng Minh và cả bộ ba kết nghĩa vườn đào cũng đồng ý như vậy. Nếu cứ theo kế hoạch ấy mà tiến hành thì thuận tiện biết bao. *Rất tiếc cái thói tự kiêu tự đắc của Quan Công đã làm hư chuyện.*

Chẳng hạn như khi Đông Ngô sai Gia Cát Cẩn (anh ruột Khổng Minh) qua Kinh Châu trực tiếp nói chuyện với Quan Công về việc đàm hỏi con gái của ông ta cho con trai của Tôn Quyền. Đó là cơ hội ngàn năm một thuở để thắt chặt nền bang giao có lợi cho cả hai bên. Đúng lý ra, Quan Công nên chấp nhận một cách sốt sắng nhiệt tình mới phải. Nhưng Quan Công đã không đồng ý thì thôi, ông ta còn

giờ trò bất lịch sự mắng tước trên đầu người đại diện Đông Ngô bằng câu thô bỉ của hạng côn đồ mất dạy:

– *Con gái của tao ví như loài hổ, lại thêm gả cho loài khuyển cầu à? Nếu không nể sự có mặt của em mày, thì đầu mày sẽ ra củ chuối, chó có nói nhiều lời lời thôi, hãy rút đi cho khuất mắt tao.*

Trừ một Quan Công của nhà Hán, xưa nay trong giới ngoại giao, tôi chưa từng thấy có ai ăn nói hồ đồ, hỗn độn như thế bao giờ. Sơ một vài tiếng nói đã gây thất sách rồi, nói chi một câu chuối quá sức nặng nề như thế. Vả lại, Quan Công bất quá là một viên đại tướng bên nhà Tây Thục, chó có gì đâu. Ở cấp tướng mà được làm sui với một quốc vương đã là vinh vương vượt bậc lắm rồi, không biết ông ta còn đòi hỏi đến bậc nào nữa mới được ông ta cho là cân xứng môn đương hộ đối với ông ta?

Nói về vụ ông ta *hiển thánh* ở núi Ngọc Toàn lại càng mâu thuẫn lạ lùng và khó tin hơn nữa. Vì một khi đã được hiển thánh, tất phải thông suốt tất cả những gì quá khứ, vị lai. Thế sao ông ta không biết được những tai hại gì có thể xảy ra để mà tránh trước? Chẳng hạn như đi đại lộ mà về đại lộ, nếu ông ta biết sẽ bị sụp hầm, thì ông ta có đại gì không về tiểu lộ cho khỏi bị Lữ Mông chém đầu.

Đến như cái việc “*đòi đầu*” lại càng phi lí hơn nữa. Phàm một khi chiến cuộc xảy ra, hoặc tự mình xông pha lên đất địch, mình có đầu thì mình giữ lấy, rủi có bị bên địch chém mất đầu thì rán mà *chịu làm ma không đầu*. Quan Công đã tự cho mình là hiển thánh sao lại đi về bằng đại lộ làm chi cho bị mất đầu. Mất đầu như thế là tại ông ta ý tài, ý tận tự ý khoe mình anh hùng thiên hạ, nên đi đại lộ thì về đại lộ, chó không hèn nhát mà phải về tiểu lộ. Bị bên địch chém mất đầu đã không biết nhục thì thôi, còn hiện hồn về (hiển thánh mà) để xui Lưu Bị phải đòi đầu cho ông ta là nghĩa làm sao?

Phỏng như bên Bắc Ngụy hay bên Đông Ngô cũng đòi đầu theo cái mừng ấy, ông ta mới lấy đầu mà trả cho đủ số đầu của hai nước ấy mà ông ta đã chém của người ta từ trước?

Giờ đây, chúng tôi xin nói về Trương Phi, anh chàng này vốn sẵn nóng tánh, độc tài, không những dốt nát, ngu si, lại còn thêm cái tật chè chén, say sưa rất là tai hại. Chẳng hạn như: có một lần kia, Lưu Bị và Quan Công có việc phải đi công cán nơi xa, phó thác thành Tỳ Châu cho anh ta trấn giữ. Trước giờ ra đi, Lưu Bị đã năm lần bảy lượt khuyến cáo y về vấn đề rượu. Phi vâng vâng dạ dạ, hứa sẽ tuân lời. Nhưng sau khi Lưu Bị đi rồi, chứng nào vãn hoàn tật ấy, y vẫn rượu chè be bét như thường, không những làm phật ý các quan bằng cách ép buộc mọi người phải uống cho thật say mềm như y thì y mới chịu. Đã vậy, lại còn gây sự hiềm khích với Tào Bảo (là cha vợ của Lữ Bố), để rồi thành Tỳ Châu vì đó mà phải mất về tay Lữ Bố.

Chưa hết, sau vụ đi đại lộ về đại lộ, Quan Công sụp hầm bị tướng Lữ Mong bên Đông Ngô chém mất đầu, Phi nóng lòng về việc trả thù cho *người anh kết nghĩa vườn đào*, y bèn ra lệnh cho Phạm Cương và Trương Đạt là hai người thợ may giỏi nhất phải điều động cách nào trong vòng ba ngày may cho xong số cờ trắng và giáp binh trắng cho mấy vạn quân đều mặc tang phục cho ông ta kịp ngày xuất quân tận diệt Đông Ngô để trả thù cho Quan Công.

Với số cờ trắng và giáp binh trắng cho mấy vạn quân, dù phải động viên hết cả thợ may trong xứ và phải may cả ngày lẫn đêm suốt tháng chưa chắc đã xong, huống hồ chỉ có ba ngày làm sao cho kịp. Phạm Cương và Trương Đạt bèn kéo vào cầu xin gia hạn, Phi đã chẳng thêm ngày thì chớ, còn sai lục sĩ đề đầu hai người này xuống, nện mỗi người 50 côn cho máu rơi thịt đổ, rồi ba ngày bớt đi hai ngày, còn có một ngày nếu không xong sẽ bị chém đầu.

Bị dồn vào nước bí không có lối thoát, Phạm Cương và Trương Đạt vì sự ức lòng, và cũng không còn có cách nào khác hơn là chờ cho Trương Phi uống rượu say, rồi ngủ quên luôn thì mới cắt đầu hấn được và trốn qua Ngô. Đây có phải tại Trương Phi độc tài, ý mình làm tướng, rồi muốn sao là tự ý mình, nên không cần đắn đo nên hư phải trái chi cả. Đó là tự anh chàng họ Trương rước vạ vào thân, chớ nào phải tại hai người kia cố tình làm phản.

Bây giờ bộ ba kết nghĩa vườn đào chết hết hai người, chỉ còn có một mình Lưu Bị, nên Lưu Bị ngày đêm than khóc nhớ thương. Đa vậy, hằng đêm Quan Công cứ hiện hồn về với cái mình không để thúc giục Lưu Bị về chuyện đòi đầu, nên Lưu Bị rất chú tâm về việc trả thù cho hai người em nặng lời nguyên ước.

Bên Đông Ngô thấy việc động binh của Lưu Bị sẽ không có lợi cho cả hai bên, vì Ngô với Thục mà choảng nhau chỉ chết thì Bắc Ngụy sẽ là ông chài bắt cá cả hai tay. Bên sai sứ qua tạ tội về việc Quan Công bị mất đầu, lại bắt Phạm Cương, Trương Đạt đem nạp về tội cắt đầu Trương Phi cùng lúc đưa Tôn phu nhân về Thục để tái hợp với Lưu Bị nữa. Ngoài ra, Đông Ngô còn nhượng bộ nhiều khoản gần như đầu hàng vô điều kiện.

Nhân đó, Khổng Minh khuyên Lưu Bị nên tạm thời hòa hiếu với Đông Ngô để hạ cho được Bắc Ngụy, rồi sau đó, nếu cần sẽ đánh úp Đông Ngô để trả thù cho hai người em kết nghĩa cũng chẳng muộn gì. Nhưng Lưu Bị đã chẳng chịu nghe, còn thẳng thừng bác bỏ ý kiến của vị quân sư bằng những lời nặng nề quá đáng, khiến Khổng Minh hết sức thua buồn, vì cảm thấy cơ đồ nhà Hán sẽ đến hồi sụp đổ suy tàn, không tài nào cứu vãn cho được.

Thấy vậy, Triệu Tử Long cũng tiếp lời khuyên can Lưu Bị:

- Quốc tặc nguy hiểm không phải Ngô Tôn Quyền, mà là Tào Tháo. Và lại *thù anh em là thù riêng, thù giặc nước là thù công*, xin bệ hạ nên coi việc nước trọng hơn việc nhà mới được. Nếu bệ hạ quyết tâm lo việc đánh Đông Ngô trước, chưa chắc ta nắm được phần thắng, mà cái hại đã thấy ngay trước mắt, vì binh lực của ta không khỏi tiêu hao một phần khá lớn, đó là cái chắc. Trước tình trạng ấy, bệ hạ liệu xem Tào Tháo có thể ngồi yên khi mà thời cơ thuận tiện sắp đến với y. Đó là hậu quả thông thường, xin bệ hạ hãy nghĩ xa một chút, kéo mà Tào Tháo sẽ không bỏ qua cơ hội.

Triệu Tử Long đã vạch rõ sự nên hư, phải trái một cách tận tường như thế, mà Lưu Bị chẳng chịu cho lọt vào tai, còn bị ông ta quát tháo đùng đùng là khác.

Với thái độ hung hăng con bọ xít, ông ta động viên toàn lực âm thầm sát khí rần rần rộ rộ kéo đi, chùng như khi đến nơi là nuốt sống Đông Ngô cái một dễ dàng như mèo vật chuột, như cộp đóp mồi hay sao ấy. Nhưng cuộc trả thù cho hai người em kết nghĩa vườn đào đâu có thể kết thúc gọn gàng giản dị như ông ta đã tưởng.

Vì thù của hai người em đã không trả được, còn bị Đông Ngô làm cỏ hơn 70 vạn quân tại mặt trận Hào Đình và khi ông ta chạy tháo thân về tới Bạch Đế thành, kiểm điểm lại thì mười viên tướng tá đều bỏ mạng sa tràng, sĩ tốt chỉ còn sống sót vào khoảng 100 người thôi, thật là cay đắng nào nề làm sao.

Vậy mà ông ta cũng chưa sáng mắt ra, vì ông ta chỉ than: không trả thù được cho hai người em kết nghĩa, chứ không ai nghe ông ta có một lời nào tỏ ý tiếc hơn 70 vạn quân vì sự làm lếu láo của ông ta mà phải bị diệt một cách rất oan uổng. Điều đó được chứng tỏ rằng:

Đến đây là phần kết luận

Từ ngày trên quả đất này khi có loài người xuất hiện là bắt đầu có chiến tranh. Ban đầu vì còn thiếu phương tiện trong phạm vi hạn hẹp nên chỉ có bộ lạc này xô xát với bộ lạc kia. Kế đó, qua nhiều bước tiến mới có nước kia xâm chiếm nước nọ. Sau cùng sự giao thông trên trường quốc tế lan rộng khắp bầu trời, có phe phái, có đồng minh mới có đại chiến thế giới như đại thế chiến thứ nhất (1914-1918) và đại thế chiến thứ hai (1939-1945) gồm nhiều loại vũ khí tối tân, nên số người chết của cả hai bên có đến bảy, tám mươi triệu.

Rồi đây, tới lượt đại thế chiến thứ ba (nếu có) thì vũ khí hạt nhân sẽ tiêu diệt hết các dân tộc văn minh trên các lục địa. Có sống sót được chẳng chỉ có một vài bộ lạc man rợ giữa Thái Bình Dương, hay Nam cực, Bắc cực (là những người chưa từng tiếp xúc với thế giới văn minh) may ra mới được tồn tại, để rồi họ sẽ là thủy tổ của loài người cho những thế hệ ngày mai.

Theo như chúng ta đã thấy, hề có chiến tranh là có chém giết, mạnh được yếu thua. Bên thắng cũng như bên bại, bên nào cũng có hao binh tổn tướng chẳng ít thì nhiều, như thế là huê. Chớ làm gì có chuyện trả thù để có đòi đầu theo cái kiểu quái lạ của ông Quan Công nhà Hán?

Trong *Tam Quốc chí* đã nói, Quan Công đã được hiển thánh tại núi Ngọc Toàn. Và một khi đã được liệt vào bậc chí thánh như ông, tất nhiên ông đã biết trước những gì có thể xảy ra để biết cái may mà tìm, cái rủi mà tránh. Nhưng có sao ông Quan Công mỗi đêm mỗi hiện hồn về (hiển thánh mà) thúc giục ông Lưu Bị phải gấp rút về việc trả thù để đòi Đông Ngô phải trả đầu cho ông.

Nếu ông Lưu Bị được ông Quan Công hiển thánh thật sự báo tin cho biết Hào Đình là nơi tử địa, ông Lưu Bị có đem 70 vạn quân đến đó để làm mồi cho lửa đạn bên Đông Ngô không? Chắc chắn là không. Tại vì mỗi đêm ông Quan Công mỗi hiện hồn về xúi dục ông Lưu Bị, khiến ông Lưu Bị phải sốt ruột về vụ trả thù để đòi đầu, vì quá tin ở sự hiển thánh của Quan Công, ông Lưu Bị thất cơ mới ra nông nổi!

Sự kiện đã đủ nói lên ông Quan Công không có hiển thánh chi hết. Ông Quan Công mà được hiển thánh thật sự thì cuộc diện ở mặt trận Hào Đình đã đổi ra một tình thế khác. Kẻ bại trận là bên Đông Ngô, chớ không phải bên Tây Thục.

Căn cứ vào các sự việc xảy ra, chúng ta thấy:

– Dựng nên cơ nghiệp nhà Tây Hán là nhờ ở sự tận tâm phò tá của vị quân sư mưu trí tuyệt vời Khổng Minh Gia Cát Lượng, của Triệu Tử Long và ba quân tướng sĩ.

– Phá tan cơ nghiệp nhà Hán không phải Đông Ngô, cũng không là Bắc Ngụy, mà lại *chính là bộ ba kết nghĩa vườn đào*.

Ba ông này đặt tình cảm cá nhân lên trên quyền lợi quốc gia dân tộc. Bằng chứng cụ thể là sau khi thất trận Hào Đình chỉ nghe ông Lưu Bị than thở về sự không trả thù được cho hai người em kết nghĩa;

không ai nghe ông thốt ra một lời hối tiếc nào tỏ ý tiếc thương hơn 70 vạn quân đã vì sự bất trí của ông mà phải chết một cách rất oan uổng.

Nói về tánh chất thủy chung giữa tình bè bạn của ba ông thì thật đáng khen, nhưng trong thiên hạ xưa nay đâu có thiếu bậc hiền nhân quân tử. Trong đám phò thường dân hạng bét cũng có cả khối người đâu có cần ăn máu uống thịt, vậy mà họ cũng dám chơi hết mình cho đến *suốt đời sanh tử có nhau*, đâu có phải chỉ có bộ ba kết nghĩa vườn đào mới làm được cái việc trọn niềm chung thủy. Phải không thưa các bạn?

Đến đây, chúng tôi xin nhường lời phê phán cho các bậc cao minh công đồng luận án.

LỜI NGƯỜI SƯU TẦM

Cây có cội, nước có nguồn. Con người cũng vậy, nếu trước kia chúng ta không có tổ tiên: 18 đời vua Hùng có công dựng nước, lưu truyền huyết thống cho đám hậu lai để có nối dõi tông đường, thì dân tộc Việt Nam làm gì có được một dãy non sông gấm vóc hình cong chữ "S" trên bản đồ thế giới?

Dưới đây là chứng tích lịch sử quý báu của 18 đời Hùng Vương và cũng là sự kiện nên biết cho bất cứ ai có một tâm hồn yêu nước dạt dào đối với non sông đất tổ.

HÙNG TRIỀU NGỌC PHẢ (18 đời Vương)

Hùng Vương đệ nhất	húy là : Lộc Tục, hiệu Kinh Dương vương
Hùng Vương đệ nhị	Hùng Biện, hiệu Sùng Lãm
Hùng Vương đệ tam	Hùng Quốc
Hùng Vương đệ tứ	Hùng Hiệp
Hùng Vương đệ ngũ	Hùng Hi
Hùng Vương đệ lục	Hùng Huy
Hùng Vương đệ thất	Hùng Chiêm
Hùng Vương đệ bát	Hùng Vỹ
Hùng Vương đệ cửu	Hùng Định
Hùng Vương đệ thập	Hùng Vy
Hùng Vương đệ thập nhất	Hùng Trinh
Hùng Vương đệ thập nhị	Hùng Quý
Hùng Vương đệ thập tam	Hùng Việt
Hùng Vương đệ thập tứ	Hùng Anh
Hùng Vương đệ thập ngũ	Hùng Triệu
Hùng Vương đệ thập lục	Hùng Tao
Hùng Vương đệ thập thất	Hùng Nhi
Hùng Vương đệ thập bát	Hùng Duệ

Tính từ năm Nhâm Tuất (2879 TCN)

Cho đến năm Quý Mão (258 trước Công nguyên)

Cả thảy là 2621 năm, mỗi vị vua lối 148 tuổi

PHẦN CÂU ĐỐ

Để được có sự hào hứng trong phần giải trí, xin mời các bạn lưu ý về một điểm này: khi xem nội dung qua mỗi đề tài của một câu đố, các bạn hãy thử đoán xem con nó là cái gì trước đã, rồi mới theo số thứ tự mà tìm lai lịch của nó ở phần giải đáp.

Trường hợp nếu có năm, bảy anh em ngồi chung một bàn hay một tiệc thì một người đọc lên cho mọi người, để cho ai nấy được suy gẫm trước một vài phút rồi mới lật qua phần giải đáp coi ai nói trúng hay trật. Như vậy các bạn sẽ thấy có phần lí thú hơn nhiều.

- | | | |
|----|---|---------------------------|
| 1. | Treo đầu lủng lẳng bên sông,
Tấm lòng chua xót vì không có tiền | Xuất quả |
| 2. | Tiếng đồn cha mẹ anh hiền,
Cần com không bẻ, cần tiền bẻ hai! | Xuất vật dụng |
| 3. | Vốn dòng quân tử xưa nay,
Mà lòng yêu nước khi đầy khi vơi | Xuất vật dụng |
| 4. | Tuốt guom thê chẳng đội Trời
Nghinh ngang nào biết trên đời có ai! | Xuất vật |
| 5. | Thứ gì không cánh mà bay
Không thom mà cứ vào hai lỗ tròn | Xuất uế khí |
| 6. | Nói xuôi là một món ngon,
Nói ngược thì nặng cả ngàn lần hơn. | Xuất Ngư và xuất vật dụng |

7. Khi đi thì thăng một đường,
Khi nằm thì lại khoanh tròn lạ thay Xuất trùng
8. Bề ngoài thon thót nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người không dao. Xuất Điều
9. Xuất thân từ ở bên Tàu,
Nhà quan mới có, nhà giàu được đâu. Xuất vật dụng
10. Có ai lợi xuống vực sâu
Mà đo miệng cá uốn câu cho vừa? Xuất số (một con số)
11. Có chồng năm ngoài năm xưa,
Năm nay chồng để cũng như chưa chồng.
Mẹ ơi con muốn có chồng,
Con ơi! Mẹ cũng một lòng như con... Xuất tự hai tiếng nói lái
12. Không chồng mà lại có con,
Xã thân bồi dưỡng ngọt ngon cho đời. Xuất thảo mộc
13. Đưa lưng cho thế gian ngồi
Chẳng thương thì chớ, còn cười bất trung. Xuất vật dụng
14. Ăn trên miệng, ỉa đằng lưng
Hai tay có lỗ, bốn chân vững vàng. Xuất
15. Ngoài xanh trong đỏ như vàng
Về già lại có mấy hàng hột tiêu. Xuất quả
16. Nói nhiều thì chẳng phải nhiều
Nói ít sao đếm tới chiều chưa xong. Xuất vật dụng và thực phẩm
17. Nói gần thì thật là gần
Cả năm chưa đến một lần là sao? Xuất gia cư
18. Trúc xinh, trúc mọc bờ ao

- Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh
Trúc xinh trúc mọc bên đình
Em xinh, em đứng một mình cũng xinh.* Xuất trùng
19. *Có cây mà chẳng có cành
Ai muốn đỗ dành thì phải ôm tôi.* Xuất mộc
20. *Ra quân chỉ có hai người,
Khi về hợp mặt đủ mười sáu đôi.* Xuất vật giải trí
21. *Gốc tôi đâu phải là người
Sao ai cũng bảo rằng tôi có chồng?* Xuất quả
22. *Hai cô chiếm giữ hai phòng
Ban ngày bỏ ngõ, tối lỏng trong cung.* Xuất vật thể
23. *Tới đây hỏi khách tương phùng:
Chim chi một cánh bay cùng nước non?* Xuất vật dụng
24. *Nói xuôi thì thấy hai con,
Nói lái lại cũng hai con rõ ràng:
Một con thì thích ở hang,
Một con bay tít trên ngàn không trung
Một con đẹp nhất trong rừng
Một con chui rúc trong vùng ruộng hoang.* Xuất cảm thú
25. *Ba mươi ở chung một lồng
Một chục có mỏng, hai chục thì không* Xuất thiên văn
26. *Thà rằng chẳng biết cho xong
Biết chi thêm nặng tám lòng tương tư!* Xuất quả
27. *Không giàu sao lại có dư?
Không nẫu sao lại nhão như tương.* Xuất tự và xuất địa
28. *Ăn dưới bụng, ỉa trên lưng
Muốn đi thì đẩy, muốn ngừng thì buông.* Xuất vật dụng
29. *Ba ông mà ngồi một mâm
Một ông có tóc, hai ông trọc đầu.* Xuất vật thể

30. Cây khô mọc rễ trên đầu
Gió giông không sợ, sợ cầu bắc ngang. Xuất vật dụng
31. Hình thù giống cộp như in
Chuột nghe khiếp vía, rúc mình vào hang. Xuất thú
32. Cây xiên xiên, lá xanh xanh
Bông trên nhành, trái dưới đất. Xuất hoa quả
33. Ông già ông chết đã lâu,
Con mắt trắng xác hàm râu hầy còn. Xuất mộc
34. Cánh hồng bay bổng tuyệt vời
Hãy còn con mắt phương trời đắm đắm. Xuất vật giải trí trẻ em
35. Thương nhau cởi áo cho nhau
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay. Xuất vật dụng
36. Có khi bên sụt bên trôi
Nhà buôn nếu chẳng có tôi thì buồn! Xuất vật dụng
37. Người đời khéo lạ thì thôi,
Chê tôi mà vẫn yêu tôi mới kì. Xuất kim ngân
38. Đầu đỏ mỏ đen,
Xuống tắm ao sen, lên cây ruộng cạn. Xuất vật dụng
39. Một mình mà ở hai nhà
Bà con chẳng có, ruột rà cũng không! Xuất vật dụng
40. Đứng trước đánh mỏ, đứng sau phết cờ
Ở đâu thì đó cũng nhờ,
Người ngay chẳng sợ, sợ hờ đũa gian. Xuất gia súc
41. Chặt không đứt, bứt không rời
Phơi không khô mà chụm cháy. Xuất thường dụng
42. Chặt không đứt, bứt không rời
Phơi không khô, chụm không cháy. Xuất trực dụng

43. Tay bưng quả nếp lên chùa
Đốt nhang lạy Phật xin bùa em đeo. Xuất quả
44. Khắp trời đâu cũng có tôi,
Nhưng không ai thấy hình tôi thế nào?
Đói cơm rách áo chẳng sao,
Thiếu tôi một phút là nhào vô hom...! (hòm) Xuất thiên văn
45. Sông bao nhiêu nước cũng vừa
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa bằng lòng. Xuất binh
46. Bông gì mọc ở biển Đông
Trái gì mọc ở trong lòng người ta? Xuất thiên văn và vật
47. Hai tay nín lấy cột nhà,
Xương thịt không có, có da bấy nhầy. Xuất vật dụng
48. Cong lưng làm mọi cho đời
Uống công còn chịu tiếng đời thị phi. Xuất vật dụng
49. Bánh gì mà bảo biết đi,
Nhưng đi không được, chỉ nằm chờ ăn. Xuất binh
50. Bánh gì ngập nước quanh năm
Nhưng ăn không được chỉ cầm mà thôi. Xuất vật dụng
51. Xưa kia tôi ở trên trời,
Đứt dây rớt xuống làm người trần gian
Tội gì tôi chịu hàm oan?
Tôi không có miệng mà bàn việc chi? Xuất thảo
52. Có lưỡi mà không có miệng
Người ta sanh chuyện cũng chỉ vì tôi. Xuất vật dụng
53. Có miệng mà không có lưỡi
Ai chửi mặc tình, tôi chẳng thèm nghe. Xuất vật dụng
54. Có cánh mà không biết bay,
Có chân không chạy, có ngày không đêm. Xuất vật dụng và xuất thiên văn

55. Văn kì thịnh, bất kiến kì hình
Mặt không thấy mặt, mặc tình ước ao. Xuất âm nhạc
56. Non cao ai đắp mà cao,
Sông sâu ai bó, ai đào mà sâu? Xuất bình
57. Ban ngày trụ xác, tối hiện hồn ma,
Láo lieng nhìn khắp trong nhà,
Sạch dơ cũng liếm, trẻ già cũng măm
Tuồng rằng ruồng bắt thịt sẵn,
Ai ngờ kết cuộc mình ăn ruột mình. Xuất vật dụng
58. Vật gì có lông mà không có cánh?
Vật gì có cánh mà không có lông? Xuất vật dụng
59. Bông gì có nghĩa sống lâu?
Trái gì mà lại có râu như người? Xuất hoa quả
60. Vật chi giống hệt củ gừng
Trái gì mà lại có sừng như trâu? Xuất thảo quả
61. Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường. Xuất thảo
62. Bốn chân bám lấy trần nhà
Trước kêu con gái, sau là con trai. Xuất bộ
63. Chân đi lẫn lẫn là đà,
Mình bận áo già, đầu bịt khăn đen. Xuất điều
64. Cây khô tưới nước cũng khô,
Người nghèo đi đến xứ mô cũng nghèo. Xuất bình
65. Đêm nằm tơ tưởng, tơ tưởng tơ
Chiêm bao thấy bậu, dậy rờ chiếu không. Xuất quả
66. Ngoài xanh trong trắng như ngà
Đố người quân tử mở mà sao ra? Xuất quả

67. Con gì có mẹ không cha,
Anh em thì có, cửa nhà thì không. Xuất gia cảm
68. Con gì trọn kiếp thủy chung
Suốt đời một chủ, một lòng trung... Xuất thú
Chẳng may gặp chủ không hiền
Cũng không vì đó mà quên phận mình
Giữ nhà kẻ trộm nó rình... Xuất gia súc

Từ đây trở xuống là một số nhân vật trong truyện Kiều
Bạn nào có xem truyện Kiều, không cần xem phần giải đáp
cũng biết

69. Đẻ huê lưng túi gió trăng
Theo sau có một vài thằng con con
70. Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da
71. Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
72. Quá niên trạc ngoại tứ tuần
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
73. Thoát trông lờn lợt màu da,
Ăn chi cao lớn, đẩy đà làm sao.
74. Phụ tình nổi tiếng lâu xanh
Một tay chôn biết mấy cành phù dung.
75. Ở ăn thì nét cũng hay,
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lẩm, tin nhà thì không!

76. Nghĩ rằng bưng kín miệng bình
Nào ai có khẩu mà mình lại xưng
77. Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài
78. Sư đà hái thuốc phương xa
Mây trôi, hạc lánh biết là về đâu?
79. Suong in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng lừng thừng như gần như xa...

PHẦN GIẢI ĐÁP CHO NHỮNG CÂU ĐỐ

1. Đó là trái bầu, bầu có nghĩa là nghèo. Ruột nó chua, cuống nó khá dài, khi gió đưa ta thấy nó như bị ai treo lủng lẳng. Cây bầu thường mọc theo mé sông ở các vùng nước mặn.
2. Cái nhạo đựng rượu của các bọm nhậu ở vùng thôn quê. Đề tài có ý mỉa mai, nên mượn cái nhạo để xuyên tạc những người: cần cơm không bẻ...
3. Cái bình trà của mấy ông lão, khi mới chế nước sôi thì nó đầy, khi có quan khách đến, nếu gặp trà ngon, họ thích quá (yêu nước mà) thì nó phải vơi.
4. Đây là con cua biển. Khi nó gặp người, hoặc bất cứ đối thủ nào khác, thì nó giương hai cái càng nó lên như thể tuốt gươm để tự bảo vệ đồng thời cũng để thị uy. Khi đi thì nó đi ngang qua bên trái hoặc bên phải; không bao giờ đi tới hay đi lui. Cua là một loài không có đầu, đã không có đầu, thế hỏi lấy đầu đâu mà nói chuyện đời trời.
5. Đánh rắm, nói theo tiếng bắc;

6. Con cá đổi khi nói lái lại thành ra cối đá;
7. Con cuốn chiếu;
8. Con chim ác là;
9. Cây long, phải làm quan to mới được vua ban mà dùng, người giàu có dù mua giá nào cũng không thể được;
10. Đó là con số 0 (không) vì xưa nay không ai làm được chuyện ấy.
11. Theo đề tài này thì cả hai mẹ con đều muốn.. lấy chồng. Vậy phải mượn hai tiếng gì để nói lái lại cho phù hợp với nội dung có nghĩa. Muốn chồng tức là mống chuẩn là sẽ được cả hai mẹ con đồng ý chứ gì.
12. Đây là cây chuối, chuối mẹ chuối con thì có, chuối đực thì không.
13. Bộ ván để ngồi, có chỗ lại gọi là phản.
14. Cái cối xay lúa ở thôn quê hồi xưa lúc chưa có nhà máy.
15. Trái đu đủ.
16. Cái nồi nấu cơm, chỉ có một cái nói nhiều sao được. Còn cơm mặc dù chỉ nấu một nồi, nhưng nếu đếm từ hột cơm (hay một chảo cơm, tuy một chảo) nhưng đếm từ sáng tới chiều cũng chưa xong.
17. Đâu gần cho bằng nóc nhà. Tuy gần thật, nhưng đâu có việc gì mà phải leo lên. Cho nên tục ngữ mới có câu: Nóc nhà xa hơn chợ... là vậy.
18. Con ve gáy. Mấy câu này có tánh cách nịnh đầm, nên mượn con ve lên tiếng gáy để dụ dỗ đàn bà con gái.
19. Cây dừa chỉ có bẹ và lá, chứ không có nhánh, ai muốn hái trái thì phải ôm nó mà leo.
20. Bàn cờ tướng.
21. Cây vú sữa.

22. Hai con mắt.
23. Cánh bướm.
24. Nói xuôi là con cua và con rồng, nói lái lại là con còng và con rùa.
25. Tháng âm lịch.
26. Trái sầu riêng.
27. Chữ Thừa.
28. Cái bào.
29. Đầu người và hai đầu gối.
30. Cột bướm.
31. Con mèo.
32. Cây đậu phộng.
33. Góc tre khô.
34. Con điều giấy.
35. Con dấu.
36. Cái cân
37. Sống trên đời, không ai là không cần tiền để mua chất ăn hằng ngày và mua sắm đủ thứ linh tinh, thế mà người đời đã gọi nó bằng tiền, sao lại còn kêu nó là «bạc» để cho nó than phiền? Như thế, hóa ra người đời vong ân bội nghĩa hay sao?
38. Cây viết.
39. Cái máng xối đặt giữa hai mái nhà: nhà trên và nhà dưới theo kiểu nhà ở thôn quê.
40. Con chó.
41. Dầu lửa.
42. Nước.
43. Trái măng cầu (lạy Phật có nghĩa là cầu).

44. Trong đời sống hằng ngày của chúng ta, ai cũng cần cái «ăn», vì nếu không ăn, thử hỏi làm sao mà sống. Nhưng trong hợp không may, ta có nhịn đói đến năm, mười ngày cũng chưa có sao, chớ thiếu «hơi thở» chỉ trong một phút cũng không thể được. Mà chúng ta phải thở bằng gì? Thưa đó là «đường khí». Nếu thứ này mà phải mua bằng tiền như com gạo, quần áo thì chúng ta lấy tiền đâu mà mua cho đủ. Cũng may là chung quanh trái đất có bầu khí quyển (Atmosphère) bề dày độ 50 km, bởi nó là của chung trong vũ trụ và trong bầu khí quyển có gồm đường khí (oxygène), nên chúng ta khỏi mất tiền mua. Tức Không khí
45. Bánh đa có nghĩa là nhiều.
46. Mặt trời và trái tim.
47. Cái vồng.
48. Cái phăng phát cồ.
49. Bánh bò.
50. Bánh lái ghe.
51. Đó là cây cái trời. Thứ này không ai trồng, tự nhiên nó mọc ở các bờ rào, nên có thể tạm gọi nó từ đâu trên trời xuống. Thiếu gì tên đặt, sao người ta không đặt, lại gán cho nó cái tên cái trời, nhưng nó có mồm có miệng chi đâu mà bảo rằng nó cái ông trời⁽¹⁾.
52. Cái dao.
53. Cái chén.
54. Đó là cái quạt máy, bàn ghế và mặt trời. Vì quạt có cánh mà không bay, bàn ghế cái nào cũng có chân mà không chạy được. Còn mặt trời có ngày mà không có đêm là lẽ dĩ nhiên.
55. Cái máy hát, người ta chỉ nghe có tiếng mà không thấy người.

(1) Vì đây là câu đố dân gian ở Nam bộ cho nên chữ cái không phân biệt với cái.

56. Câu này có nghĩa trớ trêu, nên tạm gọi nó là bánh hời.
57. Đó là cái đèn dầu. Ở thôn quê, những nơi điện vô chưa tới, nhà nào cũng thấp đèn dầu. Ngọn đèn leo lét, tuy rằng khi mờ khi tỏ, trừ những nơi hóc kín, bị cái gì che khuất thì thôi, còn thì chỗ nào dù dơ hay sạch, dù trẻ hay già đều được ngọn đèn soi đến. Theo cách diễn tả trong nội dung, chừng như đó là một cuộc săn bắt rừng rợn, nhưng thật sự chỉ có dầu hao tim lụn... như thế chẳng phải mình ăn ruột mình đó sao?
58. Có lông không cánh là cây chổi lông, có cánh không lông là cái quạt máy.
59. Bông vạn thọ và trái bắp.
60. Củ riềng và trái ấu.
61. Lá cách (câu này có nghĩa vợ chồng xa cách) nên tạm dùng lá «cách» để tượng trưng cho cảnh cách biệt của hai vợ chồng.
62. Con thần lùn.
63. Con bìm bịp, lông nó màu già như màu áo của các ông sư bà vải, riêng có trên đầu thì đen.
64. Bánh ít trần, vì nghèo, ít hay mặc áo, nên phải ở trần.
65. Trái mơ.
66. Trái dừa tươi.
67. Bầy gà con. Chỗ gà ở, người ta thường gọi «chuồng gà», chó không ai gọi nhà gà.
68. Con chó.
69. Một trang tài tử phong lưu.
70. Theo lời diễn tả thì cô gái này đã là tuyệt thế giai nhân, không còn có ai sánh kịp;
71. Thế mà cụ Nguyễn Du còn có thừa lời văn bay bướm để tô điểm một nàng tiên khác đẹp hơn gấp bội. Quả là tuyệt diệu hảo từ, thế gian hi hữu.

72. Ăn mặc và chưng diện theo kiểu này không thể là người lương thiện được.
73. Cũng cùng một phường đảng điểm ác ôn không kém.
74. Đúng là một tên xỏ lá chuyên nghề đóng cửa rút cầu ở các lầu xanh.
75. Tuy rằng ghen độc, nhưng rất khôn ngoan, biết giữ thể diện cho chồng.
76. Chừng nào đổ bể hẫng hay, tội gì mà phải tự mình cung khai.
77. Một võ tướng có chí chọc trời khuấy nước.
78. Đã xa lánh cõi hồng trần, còn biết tìm đâu cho thấy?
70. Đúng là bóng quế hồn ma.

Về nói ngược

– Nghe về nghe về
Xe chạy dưới nước
Trên núi đặt lò
Chiếc ghe thì úi
Nước chảy lên đèo
Kẻ yếu thì được
Thằng ngốc làm vua
Con nai không gạc
Chợ nhóm trong rừng
Bà già cưới vợ
Con ếch có lông
Con cua biết nhảy
Nhà ngói than nghèo
Lên non tát cá
Củi gánh vào rừng
Lên non đào giếng
Mây chớp sấm giăng
Con trâu đi cấy
Con cóc đi giày
Trong ao nổi sóng
Làm phúc ở tù

Nghe về nói ngược:
Tàu chạy trên bờ
Dưới sông bữa củi
Cái cộ thì chèo
Mây chìm đáy nước
Người mạnh thì thua
Thầy chùa đánh giặc
Con vạc có sừng
Cọp nằm giữa chợ
Ông lão kén chồng
Con công biết gáy
Con cá lại trèo
Lều tranh dư giả
Xuống biển đào trùn
Nước chan xuống biển
Xuống giếng mò trắng
Đất bằng sóng dậy
Con ngựa đi cày
Ăn mày che lọng
Ngoài biển êm ru
Ấm mưu được thưởng

Lính tron làm tướng
Năm ngủ ngoài sân
Ngon cây nước đọng
Xuống biển thì trèo
Nấu cơm bằng cối
Dưới biển mây trôi
Con chim biết lạy
Ăn mía thì cay
Sông sâu thì ngắn
Thiếu hụt là may
Nấu chè bằng muối
Chì nhẹ hơn gòn
Thanh cao là bọm
Gái điểm thuyền duyên
Trồng bầu ra bí
Bán đất chợ trưa
Bông lan hóa huệ
Nấu muối thành đường
Người ngay nói láo
Xên mứt bỏ hành
Chồng kêu bằng chị
Chim cú có nanh
Đất bùn làm bánh
Lấy kéo làm cân
Tết không đốt pháo
Cha chết con mừng
Thầy chùa để tóc
Con ngựa đi lâu

Vua chúa làm dân
Múa lân trên võng
Dưới vũng khô queo
Lên non thì lội
Giã gạo bằng nôi
Trên trời đá chạy
Con rùa biết bay
Ăn đường lại đắng
Vũng cạn lại dài
Dư xài là rui
Xô chuối bằng rom
Nếp dòn hơn cơm
Lạm dụng là hiền
Chính chuyên là đi
Trồng bí ra dưa
Bán vừa hàng ế
Bông huệ hóa hương
Nấu đường ra gạo
Đưa xạo chân thành
Nấu canh nêm vị
Vợ gọi bằng anh
Chim vành không cánh
Đường đậu làm phân
Dùng cân cắt áo
Sách báo không coi
Người dưng lại khóc
Giám mục cạo đầu
Con rùa chạy giỏi

Nhà xiêu lợp ngói
Cá nhây qua thành
Đi chậm về trước
Cây ớt thì cao
Nồi không đầy nắp
Sứa vượt qua đặng
Mèo đẻ ra trứng
Râu mọc trên đầu
Con cò đi kiện
Ông bảo mua gà
Con mèo đóng kịch
Thợ mộc rèn dao
Nhà nông kéo kẻo
Nằm vông không đưa
Com chiên chê khét
Cá nhốt trên lồng
Gái kêu bằng cẩu
Nước lã nên hồ
Lên trời thì dễ
Cụ như rau muống
Củi được làm dưa
Của ngon thì cấm
Nhà trệt thì cao
Con heo có cặp
Thằng nịnh lên ngôi
Cô dâu làm rể
Có đít không đầu (trái bầu)
Xóm kêu là huyện

Cột lỏi che tranh
Chim bay dưới nước
Lẹ bước về sau
Cây dầu thì thấp
Chảo úp bằng vung
Cột đình tóc dựng
Con rắn ăn trâu
Tóc râu dưới miệng
Con vạc hầu tòa
Bà ra mua vịt
Con rít rêu rao
Thợ rèn đục đẽo
Tiệm nước cày bừa
Nằm giường kéo kẹt
Com hầm khen ngon
Chim nuôi dưới chậu
Trai gọi bằng cô
Cây khô mọc rễ
Bắt đế khó khăn
Dài tợ răng cưa
Bẹ dừa làm mắt
Đồ thừa lại rao
Nhà lầu lại thấp
Con gà lẻ đôi
Vua châu dưới lệ
Chú rể làm dâu
Có râu không miệng (trái bắp)
Huyện chuyển lên thành

Cột cái bằng hành
Trong làng có kệ
Con chuột tuổi Dần
Mới sanh xưng chị
Lấy chuối làm nem
Trời nghiêng ai đỡ
Chó đá
Nước nóng còn có khi sôi

Đòn tay bằng hẹ
Ngoài tỉnh có chăng
Con hùm tuổi Tý
Già bị làm em
Lấy hèm rán mỡ
Đất lở ai bồi
Ngựa ngồi
Bèo trôi nước ngược

Tước vị đời Hùng:

Quan Văn	Lạc Hầu
Quan Võ	Lạc Tướng
Thái Tử	Quan Lang
Công Chúa	Mị Nương
Các quan	Bố Chính

Cha truyền con nối gọi là Phụ đạo

Là người Việt Nam yêu nước, chúng ta cũng nên tìm hiểu Địa dư trong 18 đời vua Hùng, biên giới giữa ta và Tàu, và ranh giới từ tỉnh này qua tỉnh khác từ đâu tới đâu?

ĐỊA DƯ ĐỜI HÙNG

Văn Lang	nay là	Bạch Hạc, Vĩnh Yên
Châu Diên		Sơn Tây
Phúc Lộc		Một phần tỉnh Sơn Tây
Tân Hưng		Hung Hóa, và một phần tỉnh Sơn Tây
Vũ Định		Thái Nguyên, Cao Bằng
Vũ Ninh		Bắc Ninh
Lục Hải		Lạc Sơn hay Lạng Sơn
Ninh Hải		Quảng yên
Dương Tuyền		Hà Dương Hà Đông
Giao Chỉ		Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình
Cửu Chân		Thanh Hóa
Hoài Cam		Nghệ An
Cửu Đức		Hà Tĩnh
Việt Thường		Quảng Bình, Quảng Trị
Bình Văn		?

NGUỒN GỐC NGƯỜI VIỆT PHÁT SINH TỪ ĐÂU?

Tôi còn nhớ mang máng, lúc tôi chưa bị thực dân đẩy ra Côn Đảo, tôi có đọc một quyển sách, tác giả là một người Pháp có ở Đông Dương (lâu ngày tôi không còn nhớ tên là gì). Theo trong sách ấy thì tổ tiên người Việt chúng ta phát sinh từ Nam Dương quần đảo (Indonésie). Tôi không biết tác giả căn cứ vào đâu mà dám nói lên một cách hồ đồ như vậy trong khi người Việt chúng ta đem đối chiếu với người Nam Dương, mọi mặt đều hoàn toàn khác biệt, chẳng dính dáng một mảy may nào.

Theo luật nước tràn, thì trên cao chảy xuống thấp, nơi nào đất chật người đông mới có cơ di tản bớt đến vùng nào người thưa đất rộng. Chẳng hạn như một số ghe thuyền của những người sống bằng nghề chài lưới ở trong lục địa bị bão tố đẩy ra các hoang đảo ở giữa biển khơi, vì không tìm ra phương hướng, hoặc không có phương tiện trở về, thì đành phải trường từ vĩnh biệt bỏ luôn quê đất tổ. Trường hợp bất khả kháng này có thể xảy ra. Chớ làm gì có những người ở tận ngoài những hoang đảo xa nên lại đi tìm về các lục địa là những nơi đất chật người đông, khó tìm sự sống.

Và lại, về văn tự của người Nam Dương, bắt nguồn từ tượng chữ của người Ấn Độ, về tôn giáo phần đông họ theo đạo Hồi hồi. Về ngôn ngữ và phong tục tập quán, họ có nền nếp riêng của họ. Nhất là về màu da, họ da ngăm, ta da vàng. Tóm lại giữa ta và Nam Dương, tuyệt nhiên chẳng có chút chi liên hệ.

Theo thuyết của người Tây phương ấy, nói theo lịch sử thì trật hẳn rồi, nói về khoa học lại càng không trúng. Chúng ta nên quay về thực tế, có chứng tích cụ thể, may ra còn có lí gắn với sự thật hơn.

Theo các nhà khảo cổ Đông phương đã từng đề cập đến vấn đề này, họ cho rằng: tổ tiên người Việt chúng ta là một chi trong đám “khách Việt” ở tại tỉnh (?) bên Trung Hoa từ thuở xa xưa. Vì từ văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tôn giáo và nhất là màu da giữa

ta và đám hậu duệ ở Bách Việt, mặt nào cũng thấy trùng hợp na ná như nhau. Cho đến cung điện, triều nghi vua chúa, chùa chiền miếu võ đều có sự ăn khớp liên hệ như nhau.

Rất tiếc, tổ tiên của ta thì ít, bên họ thì đông. Số ít làm sao chống nổi với số đông cả trăm lần hơn.

Vì vậy tổ tiên chúng ta xưa kia bị người phương Bắc thường xuyên uy hiếp xâm lấn đất đai. Vì không thể ở yên với họ, nên tổ tiên chúng ta phải hướng về phương Nam để tìm đất sống.

Tổ tiên chúng ta đã tránh xa họ và đã dựng lên cơ đồ riêng biệt, tuy không bằng họ, song cũng có triều nghi vua chúa hắc hùi. Vậy mà cũng không khỏi bị họ thôn tính cả ngàn năm. Cũng may là tổ tiên chúng ta cũng khéo giữ bản sắc của một dân tộc anh hùng, luôn luôn giữ được cái tư thế tự cường tự lập, nên mới khỏi bị “Tàu hóa” trong thời gian Bắc thuộc.

Và nguồn gốc của loài người có phải phát sinh từ loài khỉ tiến bộ? Hay nói cách khác cho gọn hơn: Tổ tiên của loài người là loài khỉ tiến bộ.

Ông Darwin, nhà sinh vật học trứ danh của nước Anh đã chủ trương như thế.

Ông Darwin căn cứ vào đâu mà nêu ra cái thuyết “động trời” như vậy? Thưa, ông ta dựa vào mấy bộ xương khỉ (vượn) đã đào được ở Úc châu và Phi châu, ông đem đo với những xương của người cổ sơ thấy có nhiều điểm trùng hợp như nhau. Do đó, ông mới khẳng định rằng loài người sở dĩ mà có là do loài khỉ tiến bộ.

Điều này có vẻ mơ hồ hơn là thực tế.

Vì nếu căn cứ theo cái kiểu xương khỉ giống xương người của ông Darwin mà bảo rằng loài khỉ tiến bộ thành người thì:

1. Con cóc có thể biến thành con ếch được, vì xương cóc giống xương ếch gần như toàn diện.

2. Cây thốt nốt cũng có thể biến thành cây dừa, vì cây thốt nốt giống hệt cây dừa và nó cũng có trái nước ngọt như cây dừa.

3. Cây tầm vông, cây lồ ô, cây trúc cũng có thể biến thành cây tre, vì mấy thứ ấy cũng có mắt, có lông và lá nhọn như lá tre.

Nhưng như chúng ta đã thấy:

- Cóc không bao giờ tiến bộ thành ếch hoặc ngược lại
- Thốt nốt không bao giờ tiến bộ thành dừa hoặc ngược lại
- Tầm vông và lồ ô, trúc cũng không bao giờ biến thành tre, hoặc ngược lại.

Nếu cái thuyết của ông Darwin là đúng, thì khi ngày càng văn minh hơn, thì trong đời mỗi người của chúng ta, ít nhất cũng phải có nhiều dịp được chứng kiến một số khi tiến bộ thành người, nhưng ta nào có thấy? Nếu ông Darwin còn sống tới bây giờ, chắc không khỏi có người cắc có hỏi ông:

- Từ ngày cái thuyết khi tiến bộ thành người của ông ra đời, sao không thấy có một người nào do khi tiến bộ mà thành?

Khi đó ông Darwin mới trả lời làm sao cho trôi với câu chất vấn này⁽¹⁾?

NHÚT THẾ GIỚI

Tàn ác nhút thế giới là ai?

- Không một ai có thể trả lời khác hơn: đó là đế quốc Mĩ. Tang chứng ở đâu? Xin thưa: Mĩ chuyên môn chế tạo nhiều loại vũ khí tối tân, rồi xui nguyên giục bị cho hai bên thù nghịch lẫn nhau, để lấy đó làm thị trường tiêu thụ vũ khí (?)

(1) Ở đây tác giả chưa hiểu thấu đáo về thuyết tiến hóa của Darwin nên lí luận không được chặt chẽ và chính xác. Vì chúng tôi in lại cuốn sách Bán buôn mua vui theo như bản thảo nên mặc tình giữ nguyên, không cắt bỏ phần nào.

Nước nào đánh giặc giỏi nhất hoàn cầu?

– Cũng không một ai trả lời cách nào khác hơn: đó là Việt Nam. Căn cứ vào đâu? Xin thưa: bằng chứng cụ thể là nhà Nguyên đã đập bằng binh địa trong cuộc viễn chinh từ Á sang Âu, thế mà khi chúng kéo đại binh tràn sang đất Việt lại phải thảm bại trên sông Bạch Đằng. Kế đó là thực dân Pháp bị thua to ở Điện Biên Phủ. Toàn bộ tham mưu của tướng De Castries bị bắt sống tại Tổng hành dinh của y và ngót 30 ngàn tù binh bị giải về thủ đô Hoàng Diệu⁽¹⁾ để triển lãm cho cuộc chiến thắng khải hoàn. Sau cùng là đế quốc Mĩ, ngót chín, mười năm đen toàn lực xâm lược Việt Nam, đã không thắng nổi, kinh tế lại ngày càng kiệt quệ, đành phải rút lui một cách nhục nhã, thế giới có dịp chứng kiến Mĩ chạy có cờ trong những ngày cuối tháng Tư năm 1975.

Nơi nào có nhiều vàng nhất thế giới?

– Đó là xứ *Johannesburg* ở Nam Phi, vì nơi này đã cung cấp $\frac{3}{4}$ số vàng thế giới mỗi năm lối 20 tỉ Mĩ kim (20.000.000.000 đô la). Kim cương nhiều nhất cũng ở vùng này.

Nước nào có nhiều dầu hỏa nhất thế giới?

– Đó là xứ *Koweit* trong khối Ả rập, mỗi năm khai thác được khoảng 850 triệu tấn. Làm chủ nguồn lợi khổng lồ này không phải là nhân dân xứ Koweit mà là Tiểu vương có cái tên khá dài là Sir Abdullah Al Silimal Subah. Mỗi tuần ông ta thầu vô hai triệu sáu trăm ngàn Anh kim, mỗi năm 52 tuần: 135.200.000 Anh kim.

Chiếc hàng không mẫu hạm to nhất của Mĩ đã từng tham dự các cuộc đánh phá Việt Nam, đó là chiếc “*Enterprise*”

Bề dài 375m

Bề ngang 44m

(1) Tức thủ đô Hà Nội, năm 1945 cách mạng tháng Tám thành công, Hà Nội được mang tên là thủ đô Hoàng Diệu (1828-1882) nên tác giả gọi là thủ đô Hoàng Diệu là vậy (BT)

Bề cao	75m
Tốc lực mỗi giờ	30 hải lí (mỗi hải lí: 1852m)
Trọng tải	85.000 tấn (mỗi tấn 1000 kí)

Chiếc tàu dầu (Pétrolier) lớn nhất thế giới của Nhật, đó là chiếc *Universe Ireland*, có sức chở đến 327.000 tấn, không nước nào có thể sánh bằng.

Một điều nên biết, khắp trên lãnh thổ Nhật không có một mỏ sắt nào lớn, chỉ có vài nơi với một số lượng không đáng kể. Vậy Nhật lấy sắt ở đâu để cung cấp cho các ngành kĩ nghệ nặng, nhất là tàu chở dầu không nước nào có thể sánh bằng? Thưa đó là “sắt vụn” mà Nhật mua góp cả năm châu thế giới. Xứ ta, trước đây cũng từng bán sắt vụn cho Nhật, mỗi kí lô gam chỉ có hai đồng.

Kinh đô nào đông dân nhất thế giới hiện nay?

– Thưa đó là thành Tokyo của nước Nhật, tiếng ta thường gọi là *Đông Kinh*: 14 triệu dân cư, nếu tính luôn cả ngoại ô thì hơn 22 triệu. Nên biết, trước đại chiến thứ nhất không đâu đông dân bằng thành Luân Đôn (London) của Anh, sau đại chiến, kể từ 1920 thì giải quán quân thuộc về thành Nữ Ước New York của Mĩ. Nhưng sau đại chiến thứ hai, kể từ năm 1947 trở đi, dân cư ở Tokyo dần dần tăng lên như đã kể trên, vì vậy giải quán quân của thành New York của Mĩ đã phải nhường cho thành Tokyo của Nhật.

Tòa nhà nào to và rộng nhất thế giới?

– Đó là *Ngũ giác đài* (The Pantagon) trụ sở của bộ Quốc phòng Mĩ, hay nói cho đúng hơn đó là Tổng hành dinh của quân đội Mĩ do Tổng thống ở Nhà Trắng hay *Bạch cung* (Maison Blanche) vốn là tay chân của bọn tài phiệt Mĩ đưa lên để mưu đồ thôn tính hoàn cầu.

– Ngũ giác đài có nghĩa là *tòa nhà năm góc*:

Mỗi cạnh	280,70m
Chu vi	1.483,50m

Tổng diện tích 5 tầng	7.415,50m ²
Nhân viên cộng sự	29.000 người
Hệ thống điện thoại	44.000m nối liền
Tổng số dây điện dài đến	257.500 km
Điện thoại viên	220 người
Liên lạc điện thoại mỗi ngày có đến	280.000 vụ
Hiệu ăn	25
Tiệm nước	15
Bar	30
Tiếp đãi viên	675 người
Hoàn thành	15-01-1943
Tổn phí	83.000.000 Mĩ kim

Tòa nhà chọc trời (grate-ciel) cao nhất thế giới đó là: *Empire State Building*

Chủ nhân tòa nhà này là John Davison Rockefeller. Tòa nhà này đồ sộ hơn hết ở thành New York, hoàn thành ngày 1-5-1931. Tổn phí 15 triệu Anh kim

102 tầng

448m bề cao (448,67m)

63 thang máy

1.868 bậc của mỗi cầu thang

6.500 cửa sổ

1000 nhân công lau chùi cửa sổ và quét dọn hằng ngày

940 hăng đặt văn phòng, cơ sở tại đây

20.000 nhân viên làm việc cho 940 cơ sở này

Nhà thờ nào cao và đẹp nhất của Thiên Chúa giáo?

– Đó là nhà thờ Saint Pierre de Rome (hay là *Vương cung thánh*

đường Basilique Vaticane cũng thế). Khởi công từ năm 326 dưới triều đại Constantin, cho đến năm 1506 người ta tiếp tục làm lại cho huy hoàng lộng lẫy hơn theo bản đồ của các kiến trúc sư đại danh như Michel Ange, Rossoline v.v...

Chót lầu chuông cao đến 138m

Bề kính vòm tròn (coupole) 42m

Người ta nói nhà thờ to nhất của Pháp ở Paris là "*Motre Dame* có thể nằm gọn bên trong nhà thờ Saint Pierre ở La Mã.

Ngôi chùa nào lớn nhất của nền Phật giáo ở vùng Đông Á?

– Thừa đó là ngôi chùa *Thiếu Lâm Tự ở bên Tàu*. Ngôi chùa này rộng lớn minh mông đến độ có thể dung nạp đến hằng nghìn cao tăng Phật tử. Nhưng không phải đi tu để mong thành Phật, mà là mục đích chỉ để làm cách mạng chống ngoại xâm.

Theo truyền thuyết thì do một vị cao sĩ thiên sư đạo cao đức trọng và văn võ toàn tài đi đôi với một tâm hồn yêu nước nồng nàn. Ông vốn là người Hán tộc, nhân thấy rợ Hung Nô ngày càng áp đảo Trung Hoa, ông mới giả tiếng tu hành, dựng lên ngôi chùa Thiếu Lâm Tự giữa chốn thâm sơn cùng cốc, để qui tụ hào kiệt bốn phương về đây hằng ngày ông dạy văn luyện võ, sau khi được thành tài, ông cho tỏa ra lẫn lộn trong quần chúng để ám sát bọn cường hào ác bá và kẻ thù xâm lược. Những vị anh hùng có công cứu quốc đều xuất thân nơi đây từ thế kỉ thứ XIII trước kia chống nhà Nguyên, sau này là Mãn Thanh.

Nhà cầm quyền ngoại xâm thường sai quân đi đánh dẹp, nhưng không bao giờ vào tới sào huyệt, thầy trò Thiếu Lâm Tự luôn luôn giữ vững cơ đồ để chống đối áp lực bất công.

Tháp sắt đầu tiên cao nhất và đẹp nhất.

– Đó là Tour Eiffel đặt tại khu Champ de Mars ở thành Paris (Pháp) do công trình kiến tạo của kĩ sư Eiffel dựng lên từ năm 1889.

Cao 320m

Nền đúc chiếm trọn 1km²

Tầng giữa làm nơi du lãm cho khách bốn phương, có thể nhìn tổng quát cả thành Paris. Và đó cũng là nơi khiêu vũ, ăn chơi của khách nhàn du.

Tầng trên chót hết làm nơi vô tuyến viễn thông.

Sau Pháp, có nhiều nơi khác dựng lên những tháp cao hơn, nhưng về mặt mỹ thuật thì không đâu sánh bằng.

Tượng đồng cao và lớn nhất thế giới ở đâu?

– Đó là *tượng La Liberté éclairant le monde*: cao 16m do nhà tạc tượng Bartholdi làm cho chánh phủ Pháp đem tặng cho Hoa Kỳ đặt tại trước hải cảng New York nhìn ra Đại Tây Dương, để tượng trưng nền văn minh của xứ này soi sáng khắp hoàn cầu.

Rạp hát lớn nhất hoàn cầu ở New Yersey (Huê Kỳ)

Bề rộng	2,83 mẫu tây
Bề dài	148,75m
Bề ngang	87,75m
Bề cao	41,75m
Chứa được	41.000 ngàn khán giả

Rạp hát đẹp nhất thế giới ở đâu?

– Đó là *Théâtre de l'Opéra* ở giữa thủ đô Paris, Pháp quốc, do kiến trúc sư đại tài Charles Garnier khởi công từ năm 1862 đến năm 1874 mới xong.

Dài thiên văn to nhất là Mont Polomar ở Californie (Hoa Kỳ)
bề ngang mặt kính tới 5m, nặng 15 tấn. Có khả năng chụp được những vì sao ở cách xa quả đất chúng ta đến những 10 tỉ năm ánh sáng (nên biết tốc lực ánh sáng cứ mỗi giây đồng hồ là 300.000km).

Sân vận động to và rộng nhất hoàn cầu là: Srahov Stadium ở thành Prague (Kinh đô Tiệp Khắc)

Hoàn thành từ năm 1934

Chứa được 40.600 vận động viên

240.000 khán giả

Sân túc cầu lớn nhất thế giới là Maracana Stadim ở Rio de Janeiro của xứ Brésil

Có sức chứa 150 ngàn khán giả

Thư viện có nhiều sách nhất là thư viện ở thành Luân Đôn nước Anh. Tôi chỉ biết ở đó có nhiều sách, nhưng không nhớ rõ số lượng là bao nhiêu. Sau thư viện Anh còn có thư viện của đức Giáo hoàng trong điện Vatican ở La Mã.

Bộ truyện thần thoại chiếm số độc giả kỉ lục (đồng nhất hoàn cầu) đó là “Les mille et une nuits” (*Một nghìn lẻ một đêm*), bộ truyện này xuất phát từ khối Ả Rập, Ba Tư, người ta đọc nó một cách thích thú say mê, nên hầu hết các nước trên thế giới đều có phỏng dịch ra tiếng nước mình. Người dịch ra tiếng Pháp đầu tiên là Galland từ năm 1704. Riêng xứ Việt Nam đã có ba, bốn dịch giả (từ tiếng Pháp dịch ra tiếng Việt). Như thế đủ biết bộ truyện này có sức hấp dẫn đến mức độ nào.

Tờ nhật báo có số độc giả kỉ lục là tờ Asahi ở Đông Kinh, Nhật Bản từ năm 1968 đã xuất bản tới 9.520.000 tờ trong mỗi buổi sáng. Bây giờ dân số ở đó tăng lên quá đông, không biết tờ báo ấy đã vượt lên bao nhiêu triệu nữa.

Tờ Pravda (nhật báo *Sự thật*) của Nga, trước kia có 6.300.000 số bây giờ có lẽ đã tăng hơn gấp đôi.

Tuần báo “*This weer*” của Mĩ ra ngày chủ nhật: 14 triệu số.

SƠN VƯƠNG

MÁU HÒA NƯỚC MẮT

(Hơn ba mươi năm dưới thời kì Pháp thuộc)

HỒI KÍ RÚT NGẮN

« Tập Hồi-Ký "MÁU HÒA NƯỚC MẮT"
« của tôi, ít ra phải viết đến hơn 20 cuốn 100 trang
« mới được đầy đủ chi-tiết. Từ hơn ba mươi mấy năm
« ròng-rã, dưới thời Pháp-thuộc, nơi cái mà người ta
« quen gọi địa-ngục trần-gian Côn-đảo ấy, tôi qua
« là một con vật hi-sinh, đã chịu đựng không biết bao
« là điều cam-go tủi-hân.....! »

« Có thể nói đó là một cuộc "trường-kỳ gian
« "khô" mà người trong cuộc đã bị khép mình vào định
« mệnh khắt-khe, để rồi khi bóng xế tuổi già, muốn
« nhắc lại chuyện xưa, phải ghi nhớ bằng máu hòa
« nước mắt.....! »

" Nhưng tôi mới viết tôi tập thứ tư () thì
" bỗng phải tạm ngưng (bởi có sự như-câu cần thiếp
" để viết thật gấp và thu ngắn lại vào một khuôn.
" khổ chật hẹp với một tập chỉ có 200 trang thay
" vì hơn 2 ngàn trang.

" Để viết gấp và thu ngắn lại, nên trong tập
" này, rất còn nhiều thiếu sót. Mong sẽ được tóm tắt những
" cái đại-cương mà thôi.

" Dĩ-nhiên, khi cho vào V.T.T.H. là phải tránh hết
" cái cái gì thuộc về đời tư. Chỉ cần rút ra những mẫu
" chuyện nào thuộc về "vực công", khá-diễn-sơ-sánh giữa
" hai chế-độ : của thực dân Pháp và Việt-Nam Cộng Hòa
" kể từ sau ngày cách mạng nổ bùng : 1-11-1963.

" Tôi yêu-cầu : sau khi rút ra đoạn nào để cho
" vào V.T.T.H. xin cho phép tôi được xem lại.

" Quyển này kể như cho mượn mà thôi.

" Tôi nói như thế không có nghĩa là sợ mất bản-
" quyền, mà là tự tôi xét thấy : vì tôi viết quá vội vàng,
" viết cho mau rồi, nên lời hành-văn thiếu cả mạch-lạc,
" sau này nếu có xuất-bản, phải còn điều chỉnh lại nhiều.

" Đây trong tập này, nếu có điều gì sơ-sốt, đó là
" dự việc bên ngoài ý muốn của tôi. Rất mong quý vị
" thông-cảm và lượng-thứ' dùm cho

Loạn-già kính bút

VÀI LỜI THƯA TRƯỚC

«Tập Hồi ký MÁU HÒA NƯỚC MẮT của tôi, ít ra phải viết đến hơn 20 cuốn 100 trang mới được đầy đủ chi tiết. Vì hơn ba mươi mấy năm ròng rã, dưới thời Pháp thuộc, nơi cái mà người ta quen gọi địa ngục trần gian Côn Đảo ấy, tôi quả là một con vật hi sinh, đã chịu đựng không biết bao là điều cam go tủi hận...»

Có thể nói đó là một «trường kỳ gian khổ» mà người trong cuộc đã bị khệp mình vào định mệnh khắt khe, để rồi khi bóng xế tuổi già, muốn nhắc lại chuyện xưa phải ghi nhớ bằng máu hòa nước mắt...!

Nhưng tôi mới viết tới tập thứ tư⁽¹⁾ thì bỗng phải tạm ngưng (bởi có sự nhu cầu cần thiết để viết thật gấp và thu ngắn lại vào một khuôn khổ chật hẹp với một tập chỉ có 200 trang thay vì hơn hai ngàn trang.

Vì viết gấp và thu ngắn lại, nên trong tập này, rất còn nhiều thiếu sót. Nó chỉ được tóm tắt những cái đại cương mà thôi.

Dĩ nhiên, khi cho vào V.T.T.H.⁽²⁾ là phải tránh tất cả cái gì thuộc về đời tư. Chỉ cần rút tỉa những mẫu chuyện nào thuộc về «việc công», khá dĩ so sánh giữa hai chế độ: của thực dân Pháp và Việt Nam Cộng hòa kể từ sau ngày cách mạng nổ bùng: 1-11-1963.

Tôi yêu cầu: sau khi rút tỉa đoạn nào để cho vào V.T.T.H.⁽²⁾ xin cho phép tôi được xem lại.

(1) Phải viết tiếp lối 16 tập thứ 100 trang mới hết chương hơn 20 năm dưới thời Pháp thuộc.

(2) tên viết tắt này chúng tôi đoán không ra (NBS)

Sơn Vương

Quyển này kể như cho mượn mà thôi.

Tôi nói như thế không có nghĩa là sợ mất bản quyền, mà là tôi xét thấy: vì tôi viết quá vội vàng, viết cho mau rồi, nên lối hành văn thiếu cả mạch lạc, sau này nếu có xuất bản phải còn điều chỉnh lại nhiều.

Vậy trong tập này, nếu có điều gì sơ sót, đó là sự việc bên ngoài ý muốn của tôi. Rất mong quý vị thông cảm và lượng thứ luôn cho.

Soạn giả kính bút
Sơn Vương

TẠI SAO TÔI ĐI ĂN CƯỚP? VÀ TẠI SAO TÔI PHẠM TỘI GIẾT NGƯỜI?

Như ai nấy đều biết tôi vốn không là một con người truy lạc, tứ đổ tường đã không vương một cửa nào, tôi dám thách bất cứ ai ép uống thể nào cho tôi uống một chung rượu, hay lôi cuốn được tôi vào ngồi trong sòng đồ bạc nào (từ ngày còn ở ngoài đời hay từ lúc vào tù cũng thế). Vậy với nghề nạo óc viết văn, tưởng cũng tạm đủ làm phương tiện sinh sống hà tất phải đi ăn cướp làm gì để phải vào tù và rục xương trong tù, án kia chưa hết thì án nọ lại đề thêm ra, chồng chất ở mãi suốt đời cũng chưa hết nợ?

Ăn cướp để làm gì? Điều này tôi không cần nói rõ chi tiết, vì đã có vong linh ông N.A.N.⁽¹⁾ và một số nhà cách mạng đàn anh quá cố, và một số gia đình lao động ở Bàn Cờ và Xóm Trẽ bị cháy nhà từ ba mươi mấy năm về trước (hiện nay còn sống) chứng kiến cho tôi.

Ở đây tôi chỉ có thể nói: đã đi ăn cướp là phải ở tù. Riêng tôi hiểu lấy cho tôi: với nhiệm vụ thiêng liêng dù tôi là kẻ chỉ thích thi ăn, nhưng trước pháp luật tôi là kẻ có tội, là đủ rồi.

Một điều tôi có thể hãnh diện và tự an ủi lấy tôi là hai lần bị bắt về tội cướp, người ta tra tấn tôi đủ thứ cực hình để sát hạch tôi: ăn cướp lấy tiền để làm gì và trao cho ai? Thì trước sau tôi vẫn một mực khai rằng: *chơi dĩ và thua cờ bạc mà hết*; chứ không hề khai một lời nào có thể can danh phạm nghĩa đến các bậc đàn anh, vì các hành động mạo hiểm đó đều do tôi tự động, chứ không ai xúi bẩy, nghĩa là các nhà cách mạng đàn anh không hề hay biết những món tiền tôi đưa ra là tiền ăn cướp.

(1) NAN: tức nhà cách mạng, yêu nước Nguyễn An Ninh (1900-1943) viết tắt, bị Pháp giam đến chết ở Côn Đảo năm 1943. (NBS)

Nhà chức trách Pháp hồi ấy không tin, họ khẳng tôi là tôi cứ ráng chịu đòn. Vì tôi tự xét: các anh ấy mà được tự do hay còn sống là xã hội được nhờ. Trái lại tôi, bất quá là một kẻ vô danh tiểu tốt, có chết đi cũng không liên quan gì đến việc đời hay việc nước.

Vậy tôi đi ăn cướp lấy tiền, là để chơi đi và thua cờ bạc, mặc dù tôi không bao giờ bước đến ngưỡng cửa lầu xanh, cũng như không cầm được bộ bài cào hay bộ bài tứ sắc mà chia cho các tay con để rồi chung tiền hay hốt bạc?

Đó là về vụ cướp và bị tù về tội cướp.

Đến như:

- *Tại sao tôi phạm tội giết người?*
- *Tôi có cố ý giết người hay không?*
- *Và tôi phạm tội giết người trong trường hợp nào?*

Để trả lời minh bạch về vấn đề này, tôi còn phải thông qua khá nhiều giai đoạn, vì tuy đã có một số xác nhận sự thật cho tôi; nhưng cũng còn có lắm người chỉ nghe đồn đại một cách hồ đồ, chưa có dịp đi sâu vào các chi tiết của đầu đuôi câu chuyện.

*

CÁI TÊN LÀM HẠI CÁI ĐỜI!

Khi nói đến công việc ngoài đảo hồi 1945, phần đông đồng bào trong nội địa chỉ nhắm vào tôi, ít ai đề cập tới một vài nhân vật khác cũng không kém phần quan trọng.

Được nhiều người biết đến tên tuổi không phải là điềm may mắn cho tôi, mà rõ thật là một điều tai hại – sở dĩ nhiều người biết đến, chỉ vì cái danh từ có tánh chất phong kiến độc tôn là “*Son Vương*” mà ra.

Danh từ ấy làm cho lắm người ngộ nhận rằng tôi có chí tranh bá đồ vương, hay ít nữa cũng một vai sứ quân mạo hiểm! Có ngờ đâu trong cái tên cha sanh mẹ đẻ của tôi là THOẠI vốn sẵn 3 chữ: VUONG, SON, NHI ráp lại (王山而) lúc tôi viết tiểu thuyết (vào khoảng 1928-1933), tôi chiết tự, lấy hai chữ SON, và VUONG ra làm biệt hiệu; đó là trường hợp ngẫu nhiên trong một đời người, chớ nào phải tự ý tôi muốn xưng hô cho lớn, phỏng có ích chi.

Nghe đến cái tên ấy, những người xa lạ có thể hình dung nơi tôi: có lẽ đó là một tướng người mình cao chín trượng, lưng lớn ba vừng hoặc một tướng lực lâm ăn thịt người, xương chất đầy non, hay chỉ biết cướp của giết người mà không kể đếm gì đến công lý nhân đạo.

Bởi đó mà nhiều người khác, tử hình có, chung thân cũng đã được lẫn lượt chánh quyền ân xá cho về, còn riêng tôi thì đã bao năm một dạ trông chờ, mà trường hợp của tôi chưa được đèn trời soi đến.

Nếu biết trước mang cái tên SON VUONG là cả đời gánh chịu đau thương, thì trước kia tôi chẳng dại gì, tôi cứ lấy một cái tên hết sức nhân từ khiêm tốn, thì dù tôi có hành động quái gở tồi tàn đến đâu, cũng chẳng ai thèm để ý đến tôi.

Như thế, có phải cái tên làm hại cái đời không nhỉ?

TÔI NẪM CHÁNH QUYỀN CÔN ĐẢO TRONG TRƯỜNG HỢP NÀO? (TỪ 12-12-1945 ĐẾN 18-4-1946)

Việc gì xảy ra trong buồng gói⁽¹⁾, nếu có những người làm hiểu thì cũng phải đi cho. Rất tiếc với một sự kiện công khai, mà cũng có lắm người ngộ nhận thì thật là rắc rối!

Chẳng như trường hợp tôi đảm nhiệm chánh quyền Côn Đảo hồi 45, tôi thấy có lắm người làm hiểu rằng tôi cướp chánh quyền ở trong tay Pháp! Sở dĩ có sự lầm lẫn đó, một là do tin đồn đại thất thiệt, là do danh từ Sơn Vương nó ám ảnh trí tưởng tượng của đồng bào ở xa.

Nên biết rằng: sau khi Nhứt đảo chánh Pháp một thời gian, khi Nhứt phải đầu hàng vô điều kiện, trước khi rút lui khỏi đảo, quân đội Phù Tang giao chánh quyền lại cho ông Lê Văn Trà với chức giám đốc đề lao. Ông Trà là một vị công chức của thời Pháp, tông sự tại tòa Hành chánh Côn Nôn. Trong thời kỳ Nhứt đóng binh ở đảo, ông đã có bí mật thông đồng với Nhứt trước rồi, nên ông được người Nhứt tin cậy là lẽ dĩ nhiên.

Khi ông Trà lên nắm chánh quyền (từ độ tháng tám 45) thì tôi vẫn còn nằm trong hầm cấm cố xay lúa (salle de décortiquage) trong banh một (baigne I), mãi đến gần 2 tháng sau vì nhu cầu công vụ, ông Trà muốn xuất bản một tờ tuần báo (Revue hebdomadaire), tôi mới được ra để phụ trách về công việc này. Tuần báo này lấy măng-sét là "*Tiếng nói tự do*".

(1) *Buồng gói*: một loại buồng nằm trong buồng rộng bằng một căn nhà (3,4m²) làm bằng gỗ có khóa cẩn thận để cất đồ quý của các gia đình khá giả ở nông thôn ngày xưa (NBS)

Sau khi giúp ông Trà cho ra được mấy số báo, tôi bèn nài nỉ ông Trà cho tôi được về. Từ chối thì ông không đành từ chối với một kẻ có công và xa gia đình đã lâu; còn chấp thuận thì ông cũng không quyền chấp nhận.

Tôi nói ông không có quyền chấp thuận là vì trong thời kỳ ông làm giám đốc đề lao, vào khoảng thượng tuần tháng 9 có hơn 30 chiếc ghe của từ Vàm Láng, Gò Công do chiếc tàu Phú Quốc hộ tống và chỉ huy bởi một phái đoàn hơn 20 người do anh Văn Cừ cầm đầu ra tận Côn Đảo để đón hết anh em chánh trị phạm về đất.

Anh em thường phạm nghĩ mình cũng con dân của đất nước, cũng nòi giống Việt và cũng là nạn nhân cùng một chế độ như ai. Vậy tại sao các chức sắc chánh trị đều được rước về, còn thường án lại bị bỏ rơi?

Ước lòng nên phải hỏi môi, anh em thường án bèn cử ra một đoàn đại biểu đứng lên kêu nài. Đoàn đại biểu gồm có năm người, trong đó có tôi, Nguyễn Thành Út, anh Sáu Đầu, anh Năm Xe Lửa, và một người nữa, tôi quên tên mất rồi.

Sau khi nghe đoàn đại biểu trình bày nguyện vọng một người trong phái đoàn đứng ra an ủi:

– Anh em ở đây thắc mắc là phải, vì anh em chưa hiểu lý do. Anh em có biết đâu rằng ở trong Khám lớn Sài Gòn người ta đã có dịp thí nghiệm qua mấy loạt người phóng thích. Sau khi được trả tự do, chỉ có một ít người lương thiện làm ăn, hoặc theo kháng chiến chống xâm lăng; còn đa số thì thừa lúc nước nhà lộn xộn đi phá lương dân. Đáng trách hơn nữa, có một số làm Việt gian dẫn đường cho giặc Pháp trở lại tàn sát đồng bào. Do đó, anh em ngoài này chưa có lỗi lầm gì với chánh thể mới, chỉ vì sự làm bậy của anh em trong ấy, mà các anh ngoài này phải chịu ảnh hưởng lây. Vậy cái tạm gác anh em thường án ở lại ngoài này là chỉ để chờ lệnh mới, chứ nhà cầm quyền Nam Bộ không có bỏ rơi anh em đâu...!

Nghe qua những câu trả lời ấy, đoàn đại biểu không còn biết nói

làm sao, vì lý do đã có chữ “*tại*” kia rồi, dù có kêu ca thế nào cũng vô hiệu. Vả lại, phái đoàn này, họ ra vào chỉ có nhiệm vụ đón rước chánh trị phạm là những người đã có ít nhiều thành tích tranh đấu; chứ họ không có bốn phận gì đối với chúng tôi là hạng người đầu trộm đuôi cướp, quanh năm chỉ biết tư lợi cá nhân, không hề biết đến non sông đất nước là gì. Vậy dù có bị bỏ rơi cũng là đáng số, huống chi người ta có ý định tạm gác để chờ lệnh mới mà thôi.

Thế là đoàn đại biểu chúng tôi đành phải ôm mối thất vọng ra về. Và căn cứ theo đó, ta đã thấy rằng đối với số người còn lại (cố nhiên là thường án), ông Trà chỉ có quyền giữ, giữ để chờ lệnh mới, chứ ông không có quyền thả ai hết!

Bởi đó, khi tôi xin ông Trà về đất, ông chẳng nói *được* mà cũng chẳng nói *không*. Như thế có nghĩa là ông gián tiếp chịu ngầm rồi đó chứ gì? Mặc dù ông không trả lời dứt khoát, nhưng tôi đã hiểu như thế nào rồi.

Tôi bèn rủ 11 người khác cho nhập với tôi là 12. Mười một người đó tập trung tại sở Lò Gạch để lo việc cura cây và đóng ghe; còn tôi thì lo việc cung cấp thực phẩm và vật liệu.

Chỗ tôi ở là ngôi nhà bên cạnh cầu tàu bây giờ, mà hồi đó là trụ sở của nhà báo “*Tiếng nói tự do*”.

Ghe đóng xong, anh em khiêng để lên gông đẩy ra tận cầu tàu rồi khiêng xuống bãi cho nằm bên cạnh sở lưới. Ghe đẩy ra tới đó là vào khoảng 8 giờ sáng ngày 11 tháng 12 năm 1945, định đến tối sẽ ăn bữa tiệc từ giả, để sáng hôm sau là ngày 12, chúng tôi sẽ cùng nhau cơi thuyền vượt bể hồi hương.

Số người cùng đi là con số 12, ngày về cũng con số 12! Tôi chọn con số 12 với mục đích tránh con số 13 và 14, vì theo quan niệm của người phương Tây thì kỵ con số 13 cũng như người phương Đông kỵ ngày 14 vậy.

Tưởng rằng bắt bó với con số 12 là sẽ được chuyện xuôi chiều

thuận gió một cách tốt lành. Có lẽ đầu cái ngày 12 cũng là một ngày hết sức xui xẻo, xui cho đến ngày nay vẫn còn xui.

Số là chiếc ghe của chúng tôi từ Lò Gạch đẩy ra vừa hạ thủy vào lúc 8 giờ rưỡi sáng ngày 11 thì kể đến 10 giờ trưa là có phái đoàn trong Nam Bộ ra để triệu ông Trà về đất. Nghe đâu là đòi ông về để trả lời về mấy chục lá đơn của anh em chánh trị phạm thừa kiện ông thâm lạm gì gì đó trong mấy tháng ông nắm quyền Quản đốc Côn Nôn.

Mất ông Trà tức là bộ máy chánh quyền Côn Đảo mất người điều khiển. Do đó, phái đoàn (cũng do anh Văn Cừ làm trưởng) mới triệu tập một cuộc đại hội quần chúng để bầu cử người khác thay thế ông Trà.

Có hơn ba mươi mấy người xung phong để tên ứng cử. Riêng tôi, tôi đang bận tâm về việc ngày mai (12-12-1945) là ngày mà tôi cùng 11 người bạn khác xuống thuyền về đất, còn đầu óc đâu nghĩ đến việc gì của hòn đảo Côn Nôn là địa ngục trần gian của thời Pháp thuộc.

Nhưng tôi nghe có rất nhiều người giới thiệu tôi với phái đoàn, tôi bèn lách mặt, mà trốn đi đâu cho khỏi bây giờ? Tôi vờ nằm ẩn mặt trong phòng, rồi nhờ một người anh em khóa cửa và lấy phấn viết lên hai chữ *đi vắng* với mục đích chờ cuộc bầu cử xong xuôi rồi sẽ ra mặt.

Phái đoàn sai người đi mời, thấy trên cửa có ghi hai chữ *đi vắng*, ngỡ là tôi đi vắng thật, bèn cất năm, bảy tốp người đi lùng khắp nơi phải kiếm cho được tôi. Trong khi đó, dĩ nhiên cuộc bầu cử phải đình lại.

Trong phòng, tôi nằm chờ cho đến chín giờ tối, phần thì bụng đói phần thì bất tiện và độ chừng cuộc bầu cử đã xong. Tôi bèn lên tiếng gọi cho người anh em nào có mặt tại đó mở cửa tôi ra. Không dè tôi vừa gõ cửa, thì đã nghe bên ngoài có tiếng của mấy người lính Bảo an họ nói với nhau:

– Ông ấy nằm trong này mà mình cứ tưởng đi đâu!

Rồi họ lại gọi to lên:

– *Tôi xin mời ngài ra, phái đoàn đợi ngài từ sớm đến giờ. Mau lên!*

Thế là tôi phải theo chon mấy người Bảo an lên dinh Giám đốc để có ra mặt phái đoàn. Anh Văn Cừ vừa thấy tôi, liền nói:

– Tại sao chúng tôi tìm anh, mà anh lại lánh mặt chúng tôi?

Tôi đáp:

– Thôi các anh ơi! Tôi xa gia đình đã lâu lắm rồi, tôi nhớ nhà nhớ cửa quá đi. Bây giờ ghe đã có sẵn, các anh để yên cho tôi về, tôi cảm ơn hơn?

Một người trong phái đoàn nói:

– Đâu có thể như thế được! Trong lúc nước nhà hữu sự, ai cũng có một phần nhiệm vụ, thì dù có về được trong đất, anh cũng chưa có thể nghỉ ngơi mà vui thú gia đình được đâu. Ở đây làm việc, về đất cũng phải làm việc, mà ở đây thì đang cần người...

Tôi nói:

– Thì trong danh sách ứng cử đã có trên 30 người rồi!

Anh Văn Cừ lắc đầu:

– Những người tự ý xung phong, không được một ai tiến cử, không chắc gì họ làm việc được.

– Chớ tôi lại chắc gì sao!

– Theo lời nhiều người cho biết thì trong số người còn lại chỉ có một anh là người đáng được giao phó trách nhiệm hơn cả. Vì về trình độ văn hóa anh có một số vốn đáng kể, tâm lý quần chúng anh cũng hiểu nhiều, các vấn đề chánh trị dường như anh cũng khá hần.

Tôi lắc đầu không nhận:

– Đó là vì cảm tình cá nhân mà người ta giới thiệu ầu đó thôi chớ tôi có biết chánh trị là cái cóc khô gì đâu, vì án của tôi là án ăn cướp kia mà! Còn nói về mặt văn hóa thì tôi có lãnh được của mấy ông

giám khảo một miếng giấy lộn nào đâu! Tóm lại, tôi là một kẻ bất tài và lại mang án bất lương, nếu các anh đưa tôi lên địa vị cầm đầu cả một địa phương, đã không mang lại kết quả tốt đẹp gì, còn e thêm sự đảo lộn trong quần chúng là khác.

Một nữ cán bộ xen vào:

– Đó là một lối khiêm nhường để có cơ trốn tránh nhiệm vụ. Người tài đức đâu có phải chỉ có trong hàng quý phái hay những mảnh bằng đại học. Từ xưa đã có biết bao bậc vĩ nhân, anh hùng cái thế đã xuất thân trong hạng bình dân lao động.

– Nhưng đằng này tôi lại là một kẻ cướp đây mà!

Anh Văn Cù vừa cười vừa chống chế lại:

– Trước pháp luật anh người có tội, nhưng với luân lý xã hội anh là một kẻ có công. Trên mặt giấy tờ anh là một kẻ cướp, nhưng trong khối óc của anh, anh là một tay mạo hiểm có chí giúp đời.

– Thật là anh dạy quá lời. Tôi chỉ là một con số không, có tiếng mà không có miếng, các anh đừng nên tin tưởng đã thổi phồng lên.

– Thôi đi! Những người có mắt tinh đời đã xác nhận mẫu người của anh như vậy, anh không nên viện lý do gì nữa. Giờ đây, thời thế nơi đây đang đòi hỏi một người có đủ khả năng như anh, anh không có quyền từ chối.

Nói cho đúng ra, dầu hèn gì cũng thế, tôi không đến đổi tệ như những lời tôi đã nói. Song bình sanh tôi không muốn gánh vác bất cứ một việc gì thuộc về việc công. Thà tôi làm một kẻ thường dân vô trách nhiệm, có khi tôi làm được việc hơn, hơn là lãnh trách nhiệm mà lo không tròn. Nhưng tôi đã biện bạch đủ cách mà người ta vẫn cứ... tôi còn biết chạy chối làm sao?

Nếu tôi quyết tâm từ chối, tôi sẽ bị phái đoàn Việt Minh coi tôi như một kẻ đối lập, tất nhiên người ta sẽ không để cho tôi được ở yên hay thông thả xuống ghe mà về đất được đâu!

Vậy dầu muốn dầu không gì tôi cũng phải nể lời phái đoàn mà

để tên ứng cử nó êm chuyện, rồi sau này sẽ hay. Tuy nhiên, tôi cũng còn có ít nhiều hi vọng, vì với hơn 30 người để tên ứng cử trước tôi, ít nhất cũng có một hay hai người được đa số thăm, theo nguyên tắc dân chủ hề hai phần ba thăm là đắc cử, lý nào bị hỏng hết sao?

Nhưng định mệnh khát khe một khi đã gán vào tôi mối nợ Côn Nôn, còn chạy trời đâu cho khỏi nắng? Vì vậy mà cuộc bầu cử hôm sau, bao nhiêu người để tên ứng cử trước tôi đều bị dân chúng Côn Nôn cho rớt lọt đợt hết. Tất cả đều dồn vào tôi bằng một số thăm đa số tuyệt đối, để rồi bao nhiêu gánh nặng ở Côn Nôn giữa thời ly loạn đều đổ trút lên đầu lên cổ tôi một cách trắng trợn, mà người ta cứ nghĩ đó là điều vinh hạnh cho tôi!

Tôi phải gánh mối nợ Côn Nôn bằng cách ấy thử hỏi tôi là người được *đắc cử*, hay *bị đắc cử*?

Và người ta *cột* chánh quyền vào tôi, hay tôi cướp chánh quyền ở trong tay Pháp?

Phải chăng trường hợp của tôi bị ngộ nhận là trường hợp *suy bụng ta ra bụng người*? *Nên trong khi tôi chạy trốn trách nhiệm để được ngồi không thông thả không bị cái gì ràng buộc, thì lại có những người cứ nghĩ lầm rằng tội cướp chánh quyền là tai hại!*

Có lẽ vì sự hiểu lầm đó mà tôi *hụt ân xá* mấy lần cũng nên!

Tóm lại, vì không thể từ chối được với phái đoàn Việt Minh, và cũng vì không có quyền trốn tránh nhiệm vụ công dân trong lúc nước nhà hữu sự, buộc lòng tôi phải đảm nhiệm mối nợ Côn Đảo tạm một thời gian, để rồi tìm cách thối thoát, chớ không phải tự tôi cướp lấy chánh quyền hay tham quyền cố vị như người ta đã tưởng.

MỘT CUỘC ĐỔI LÝ... GIỮA TÔI VÀ MỘT NỮ CÁN BỘ CỦA PHÁI ĐOÀN VIỆT MINH

Sau khi bị đặc cử chức vụ giám đốc Côn Nôn, việc làm của tôi trước hết là xin đổi ngay cái tên Côn Nôn gớm ghiếc ra An Ninh quân đảo để kỷ niệm cuộc đời cách mạng của nhà chí sĩ Nguyễn An Ninh, và xin cho tất cả anh em thường án được về.

Việc đổi tên Côn Nôn ra *An Ninh Quân đảo* được phái đoàn đồng ý chấp thuận ngay.

Còn cái xin cho anh em thường án được về thì phái đoàn bảo:

– Hãy khoan! Anh cứ giữ họ ở lại đây cho đến khi nào mà chánh phủ Nam Bộ liệu có thể được...

– Nhưng họ kêu ca quá thì sao?

– Cũng mặc kệ họ, thả họ về sớm nguy lắm, không đi ăn cướp, ăn tiệm thì cũng móc túi, giựt đường. Cái hại hơn hết là họ sẽ làm Việt gian cho Pháp.

– Nhưng cây trong rừng đã có cây cao cây thấp, thì con người cũng vậy, cũng có kẻ xấu người tốt, chớ đâu phải một loại như nhau.

– Nhưng dù sao anh cũng phải chờ linh mới mới được. Nhứt là những tên hồi trước ở Rô-sét chuyên việc ruồng bắt tội trốn, anh phải cho người theo dõi luôn luôn, và nếu cần anh cũng có thể thí vài mạng để làm gương cho những tên tù mà nỡ hại bạn bè. Còn sáu tên có tên trong *sổ bia đen* mà anh em chánh trị đã lên án trước đây, anh được toàn quyền hành động trong việc xử tội họ; nghĩa là anh muốn bắn hay chém hoặc xử bá đao, cho nó mò tôm, mổ bụng dòn trấu hay

làm cách nào tùy ý, anh làm sao cho công chúng ở đây được hài lòng thì thôi, vì bọn họ trước kia đã làm tay sai cho Pháp, đánh đập tù tội một cách tàn nhẫn, theo trong hồ sơ đã kể thì mỗi người trong bọn họ dù chặt đến mười cái đầu cũng chưa hết tội.

Phái đoàn vừa nói vừa giao tôi một cặp hồ sơ dày cộm, tôi thò tay nhận mà lòng cảm thấy nao nao, vì mới bắt đầu lãnh việc mà sao thấy toàn những chuyện sát phạt, chớ chưa được nghe hai tiếng thi ân theo như ý nguyện của mình.

Nhưng phái đoàn đã giao thì mình phải lãnh, nếu mình từ khước không khỏi mình cũng hóa Việt gian mất...!

Xong vụ này, phái đoàn cho tập trung súng ống đạn dược lại hết, đồ ấy phần nhiều là của Pháp và của Nhật cũng có bỏ sót lại một ít, gồm có súng trường, lựu đạn, tiểu liên, súng sáu v.v... Anh Văn Cừ chỉ vào các đồng vũ khí mà nói với tôi:

– Chúng tôi cho anh cái quyền ưu tiên, anh muốn lấy bao nhiêu và lấy thứ nào tùy ý cho đủ dùng vào việc cai trị ở đây, còn lại bao nhiêu chúng tôi chớ hết về đất để đánh thực dân.

Tôi bèn hỏi lại phái đoàn:

– Trách nhiệm của tôi ở đây là trách nhiệm gì?

– Thì là trách nhiệm an dân trị dân, chớ còn gì nữa.

– Vậy mà tôi cứ tưởng là các anh bảo tôi đi đánh giặc! Đa là an dân, vậy các anh trao súng ống cho tôi để làm gì, để tôi bắn dân hay sao?

Viên nữ cán bộ ứng tiếng lên với vẻ cự nự:

– Anh này nói chuyện nghe có vẻ kỳ quặc. Xưa nay có nhà cai trị nào trị dân bằng tay không bao giờ? Huống chi cái thứ dân ở đây là thứ dân lì lợm hung hãn hễ mở miệng ra là nói toàn những chuyện đâm chém không, nếu anh không có một số vũ khí để võ trang cho một lực lượng làm hậu thuẫn cho anh, anh làm sao cai trị được họ?

Tôi lắc đầu:

– Khỏi! Với tôi thì khỏi cần súng ống. Đường lối của tôi có khác, giẫm chơn lên con đường mòn là sự trở ngại cho chí tiến thủ, tôi không thể làm như vậy. Tôi sẽ tự vạch một con đường mới mà đi.

– Đánh rồi! Cái đó đáng khen. Nhưng dù gì đi nữa, với việc cai trị cái đám dân hung dữ, mình xăm đen nghệt ở đây, anh cần giữ lại một số vũ khí mới được. Nhớ khi nó nổi loạn lên cướp chánh quyền, thì hỏi anh khi đó anh mới lấy gì để đàn áp chúng?

– Đòi của tôi, tôi chỉ thích làm một kẻ thường dân vô trách nhiệm, để được thông thả khỏi bị ràng buộc cái gì cả. Nếu có ai muốn cướp chánh quyền thì tôi sẵn sàng trao cho họ và kèm thêm hai tiếng “cám ơn”, như thế có cần gì đến vũ khí để mà đàn áp.

– Nhưng trong khi lộn xộn, họ nhè giết anh một cách bất ngờ thì sao?

– Đã giết tôi trong trường hợp bất ngờ, thì dù tôi có sẵn trong tay đến bá vạn hùng binh cũng là vô ích. Và lại, kể từ phút bắt tay vào việc, tôi chỉ biết lo cho dân như cho chính bản thân tôi. Dân sẽ thấy tôi là một tên đầy tớ chung của họ, thì tôi làm gì phải sợ họ giết tôi. Vì dù có thằng điên nào nó muốn giết tôi thì mặc kệ nó, nó sẽ đền tội trước công chúng ngay sau khi nó đã hành động điên rồ, tôi không cần canh chừng ai cả. Súng ống này, phái đoàn cứ đem về trông hết đi, đem về mà đánh Pháp, ở đây tôi không có việc gì phải dùng tới nó.

Chị cán bộ quay qua hỏi tôi chuyện khác:

– Nếu vậy, anh thử nói chuyện “*bình thiên hạ*” cho chúng tôi nghe.

Nghe chị cán bộ nêu lên câu chuyện bình thiên hạ để chất vấn tôi, làm cho tất cả người trong phái đoàn đều chăm chú vào tôi chừng như xem tôi coi có phản ứng gì không. Tôi không có gì đến phải bối rối trước câu hỏi mắc. Tôi nói:

– Thưa chị và các anh, như hồi hôm em đã có nói trước rồi, về các vấn đề chánh trị em chỉ là một phần tử dốt đặc cán mai, vì khi

còn ở ngoài đời em *sống bằng nghề viết tiểu thuyết, kể đó là ăn cướp ở tù*. Rồi từ ngày vào đây, sống chung với anh em thường án, một ngày chỉ tối chỉ được nghe có những tiếng chửi thề và chứng kiến các vụ đấm đá với nhau. Còn anh em chánh trị thì bị Tây biệt lập hoặc nhốt trong những hầm cấm cố, em có khi nào được gần gũi các anh ấy đâu để mà học hỏi cho rộng kiến văn. Bây giờ chị bắt em phải nói chuyện “*bình thiên hạ*” là công việc lớn lao của các nhà lãnh tụ cho chị nghe, thì em có biết chi đâu mà nói. Từ chối thì e thất lễ với chị và các anh, mà nói ra thì thấy mình còn kém cỏi quá. Bởi có nói thì nói theo ngụ ý của em, còn những điều học hỏi của các bậc đàn anh thì em chưa thu nhận được một tí gì cả.

Chị cán bộ bảo:

– Ừ thì anh cứ nói theo sáng kiến của anh. Dù sao chúng tôi cũng sẵn sàng nghe và rất muốn nghe.

Tôi bèn bắt đầu nói, và chỉ muốn nói vắn tắt, chớ không muốn nói dông dài. Tôi nói:

– *Thưa chị và các anh: nếu trị dân bằng súng đạn thì chỉ gây thêm lòng căm tức.*

Chị cán bộ nói:

– *Phải! Đúng vậy! Đó là chánh sách của bè lũ thực dân.*

– *Thực dân tàn bạo là phải rồi. Nhưng sao em nghe như những người Quốc gia Tự vệ của mình ở trong đất bây giờ cũng chém giết dữ lắm chị?*

Câu hỏi của tôi là một câu hỏi thẳng thắn, nhưng người ta nghĩ là xuyên tạc, nên tôi thấy có vài người lộ vẻ bất bình, có lẽ những người đó đang làm trong ngành Quốc gia Tự vệ cuộc thì phải. Nhưng họ không có cơ gì áp đảo được tôi, và đây là câu trả lời khôn khéo của chị cán bộ:

– *Đó chỉ là một vài phần tử lạc hậu đôi khi làm ẩu. Chớ những*

người đứng đắn họ chỉ cần thẳng tay với bọn Việt gian hạng nặng, chứ có khi nào họ chịu làm bầy với người dân lương thiện...!

– Dạ thưa chị, chẳng hay cái số người làm việc đứng đắn như chị đã nói, độ được bao nhiêu phần ngàn hờ chị?

Sau câu hỏi rắc rối của tôi, liền có những tiếng xầm xì giữa họ với nhau. Còn chị cán bộ thì phát câu lên:

– Ó coi kìa! Anh này khéo hỏi ngớ ngẩn dữ chưa?

Tôi cười, anh Văn Cừ cũng cười và nói:

– Anh Sơn Vương, anh đã lạc đề rồi đó. Anh nên trở lại mục tiêu của anh khi nãy đi đã. Trị dân bằng súng đạn là chẳng được rồi giờ anh hãy tiếp tục nói đi.

Tôi nói:

– Trị dân bằng thủ đoạn thì...

Chị cán bộ ngắt lời tôi:

– Thì sao?

– Thì đó chỉ là kế hoạch tạm thời...

– Anh nói rõ hơn một tí

– Nghĩa là dân chúng chỉ chịu cái gì thiết thực cho đời sống của họ với họ mà chỉ có những lời hứa suông, mình là nhà cầm quyền mà mãi cứ cho họ ăn bánh vẽ, làm sao họ no được? Vậy họ có tin là họ chỉ làm tin có một lúc đầu mà thôi...

Chị cán bộ nói:

– Phải! Bọn thực dân, phong kiến có lúc nào mà chúng chẳng cho dân ăn toàn bánh vẽ. Vì vậy mà chánh sách của chúng có khéo tồ khéo vẽ, hay cố gắng tuyên truyền láo khoét cho đến thế nào, cũng không thể gây uy tín ăn sâu vào quần chúng được.

– Ừ thì thực dân và phong kiến luôn luôn là như vậy đó.

– Còn chánh phủ Nam Bộ của mình chắc là khác hẳn phải không chị?

– Chánh phủ mình không bao giờ giữ ngón lừa bịp dối dân, hễ nói làm sao là làm vậy, chứ không khi nào nuốt luôn lời hứa...

– Như vậy là những điều mà anh Trần Văn Giàu Chủ tịch ủy ban hành chánh trung ương Sài Gòn đã hứa với dân chúng Nam Bộ trong ngày tuyên bố độc lập, nay đã thực hiện rồi hết, phải vậy không chị?

Chị cán bộ có vẻ không bằng lòng và chùng như có vẻ bối rối trước câu hỏi ấy, anh Văn Cừ bèn trả lời thay:

– Hứa là một lẽ, còn thi hành được đúng hay không lại là một lẽ khác. Chiếu theo tình thế hiện tại. Ngoài các vấn đề rắc rối về nội bộ và ngoại giao, nhà cầm quyền Nam Bộ còn phải đương đầu với giặc Pháp, trong khi địch có đầy đủ tàu trận súng đồng với bao nhiêu lực lượng hùng hậu mà trong gồm nhiều sắc dân ở Phi châu, lại có Miên, Lào và Việt gian tiếp tay cho địch; mà bên ta thì chỉ có tầm vông vạc nhọn và một mớ vũ khí thô sơ. Vậy điều nào mà nhà cầm quyền chưa thực hiện đúng theo lời hứa, tôi tưởng anh em cũng sáng suốt mà nhận định giùm cho, không nên thắc mắc.

Chị cán bộ bấy giờ mới tươi nét mặt trở lại chị nói:

– Ông Trưởng phái đoàn giải đáp như thế, hẳn là anh đã được thỏa mãn lắm rồi chứ gì! Vậy bây giờ anh có thể tiếp tục câu chuyện bình thiên hạ của anh cho chúng tôi nghe đi.

– Việc “bình thiên hạ” là việc của những nhà lãnh tụ tài cao đức lớn, còn thằng em này bất quá là một con ếch nằm trong đáy giếng, cả ngày chỉ được vài tia ánh sáng rọi xuống vào lúc ban trưa, còn thì quanh năm phải sống với nước đục bóng mờ, thì làm sao có đủ khả năng bàn đến việc bình thiên hạ.

Chị cán bộ lại càu nhàu:

– Anh này cứ muốn gây chuyện tranh chấp với tôi mãi. Thôi thì anh cứ nói theo ý nghĩ của anh đi. Súng đạn và thủ đoạn không thể áp dụng vào việc trị dân, bây giờ anh có phương pháp nào khác hay hơn thì cứ nói đi.

Tôi nói:

– Cứ theo ngu ý của em thì...

– Thì sao?

– Thì chỉ có cơm, áo và hòa bình là thằng dân nó chịu hơn cả. Nghĩa là phải trị dân bằng cơm áo và hòa bình, thì đó là mới thật là kế vạn toàn vĩnh viễn. Khi mà thằng dân nó được ấm no, nhà cầm quyền bảo họ thế nào họ cũng dám liều sống chết mà tuân theo cả. Trái lại, nếu ta chỉ đưa bánh vẽ, hoặc đem đến họ bằng những danh từ trống rỗng, thì dù cho súng gươm kẻ cổ, họ cũng không sợ nào, vì đảng nào họ cũng chết, thì thà họ chết vì súng đạn mà họ được nói cho đã hơi, hơn là cầm mồm để mà chết đói. Phải thế không chị?

Chị cán bộ day lại phía khác, chừng như để dò ý kiến phái đoàn trước khi trả lời. Anh Văn Cừ biết thế, liền trả lời thay cho chị:

– Những khẩu hiệu của anh vừa nêu ra, nó cũng đồng quan điểm với các khẩu hiệu của chánh phủ kháng chiến, chúng tôi rất hoan nghênh ý kiến của anh.

Tôi hỏi:

– Đồng quan điểm? Ừ thì đồng quan điểm, tốt lắm! Nhưng còn cái thực hành thì sao?

– Giữa lúc chiến tranh còn đang tiếp diễn, có lắm cái chưa thể thực hành theo như ý muốn được.

– Điều đó tôi đã thông cảm, làm thằng dân không nên đòi hỏi ở nhà đương cuộc cái gì mà khó thể thi hành. Nhưng ở địa vị nhà cầm quyền đưa ra cho dân tin thì luôn luôn phải trọng lời hứa. Nhất là đừng đổi thừa cho chữ tại vì một hoàn cảnh hay một tình thế nào hết – Một khi đã nói được, thì phải làm sao cho kỳ được, hễ việc làm được đúng theo lời nói thì không một sức phản ứng nào có thể làm lung lay địa vị của một nhà cầm quyền biết trọng danh dự của lời hứa được. Tóm lại, tôi không muốn dùng chữ “tại” bất cứ là trường hợp, mà nhất là

ở địa vị của nhà cầm quyền, nếu muốn được dân tin thì đừng thêm làm quen với chữ “tại”, hay chữ “nhưng” cũng thế.

Khi nghe tôi nói đến đó, chị cán bộ không còn có cách gì hơn, đành phải nở một nụ cười xã giao rồi nhìn nhận:

– Anh này tuy rắc rối, nhưng cái rắc rối của anh thật là chí lý. Căn cứ theo câu chuyện từ nãy đến giờ, chúng tôi còn phải theo học mấy khóa huấn chính nữa mới theo kịp anh, thế mà hồi hôm anh lại nhún mình, anh bảo rằng anh không biết gì cả.

– Đây là em chỉ nói phóng mạng, may ra mà nó trúng vào thực tế mới được chị nhìn nhận, chứ em có học hỏi hay được ai huấn luyện gì đâu.

– Ý là không học mà anh đã làm thầy chúng tôi được rồi. Thôi đi, đừng có cựa nựa gì nữa, hãy ráng làm việc một thời gian, khi nào về tới trong ấy chúng tôi sẽ giới thiệu cho một bà. Nhưng tôi có lời bảo trước, hễ có vợ thì phải nhu mì một chút, chứ đừng có rắc rối như hôm nay mà người ta xé thầy anh ra kia đấy!

Chị ấy vừa nói vừa nhìn tôi bằng một cái nhìn lưu luyến..., nhưng tôi chưa kịp trả lời làm sao, thì anh Văn Cừ nêu ra một câu kết thúc:

– Thông qua buổi tiếp xúc hôm nay, phái đoàn chúng tôi nhận thấy nơi anh rất sáng suốt trên mọi vấn đề, nhất là nghệ thuật quân trị quân chúng, anh quả là một cán bộ cao cấp trên bậc chúng tôi. Vậy, trừ cái việc phóng thích anh em thường án là anh phải đợi lệnh, còn bất cứ công việc gì khác ở đây, anh được toàn quyền linh động, chúng tôi khỏi phải ra chỉ thị gì cho anh cả. À! Quên! Còn 6 tên Việt gian hạng nặng mà chúng tôi đã giao cho anh với tập hồ sơ, anh thi hành sớm chừng nào càng tốt chừng ấy.

NGƯỜI TA ĐÃ ĐỂ LẠI CHO TÔI NHỮNG GÌ TRONG NGÀY TÔI NHẬN VIỆC?

Trước khi phái đoàn ra về, thì nào súng ống, nào rương traps quần áo, nào đồ trang sức như đồng hồ, cà rá, dây chuyền, nào xe đạp, nào mô tô, nào đôi mồi, nào đồ ngà đồ cán, đồ đồng đồ thép v.v... đều được thu góp lần cuối cùng đem xuống đầy cả hai chiếc ghe cửa.

– Về mặt vũ khí, tuy tôi không nhận, nhưng phái đoàn cũng để lại 6 khẩu súng lục kiểu rouleau sản xuất tại Manufacture des Armes et Cycles de saint – Etienne bên Pháp. Phái đoàn để lại là tôi buộc lòng phải nhận, nhận để trao cho mấy người cảnh sát mang cho lấy lệ; chớ suốt thời kì tôi cai quản *An Ninh quần đảo* không làm gì phải dùng tới món ấy.

– Một số bạc vụn lỏi 500 đồng do ông Trà giám đốc và ông thủ quỹ mở tủ sắt kho bạc ra trước sự chứng kiến của phái đoàn gồm có những thứ: bạc các kên, đồng xu 5, và thứ giấy 1 đồng giấy 2 các, giấy 1 các, giấy 5 các v.v... Tất cả bạc giấy rách nát không thể xài được, tôi liền đem đốt hết trước mặt phái đoàn, còn số bạc các kên và xu chì, tôi cũng cho phái đoàn đem về đất luôn! Tóm lại, về vụ tiền bạc ở ngân khố chỉ còn có như thế khi tôi nhận việc.

– Mấy chục rương quần áo của đám gạc-đen Tây (bị Nhật đưa đi) bỏ lại, có nhiều bộ đồ dài rất tốt. Thế mà phái đoàn chỉ để lại cho chúng tôi có 6 bộ đồ sọt. Sáu bộ đồ ấy chia cho năm người khác (cũng bạn tù) cộng sự viên tại tòa hành chánh. Riêng tôi một bộ, nhưng bởi tôi nhường cho các bạn kia lựa trước, cái thừa còn để lại sau, nên cái áo của ông Tây nào đó nó rộng thùng thình, tôi mặc không được, tôi liệu khó sửa lại được, tôi bèn cho một người bạn khác là Ba Dịp mặc đỡ, vì lúc đó ở đảo cũng như trong đất, rất khan quần áo.

– Có hơn chục máy đánh chữ sắp hàng ở trước hành lang, trước dinh giám đốc, để rồi khuôn xuống cầu tàu, có nhiều cái còn mới tinh, nhưng người ta chỉ để lại có một chiếc Remington cũ rích. Thừa lúc phái đoàn bận việc lúc sắp sửa về, tôi bèn cho một người lên rình một chiếc máy mới hiệu faby để nép vào kẹt cửa. Nhờ đó, về sau mới có máy mà đánh công văn; chớ chiếc máy kia thì lò xo đã giãn hết rồi, đập chữ không nhảy.

Ngoài các món kể trên, tôi còn được nhận thêm mấy hòn núi đá với một đám dân chúng nghèo nàn mà trong gồm có nhiều thành phần phức tạp, rất khó cho tôi trong công việc điều khiển chánh quyền.

Ấy đấy! Gia tài sự sản người ta để lại cho tôi lúc tôi nhận việc chỉ có bấy nhiêu. Thế mà đã biết bao lời đồn đãi khắt khe, nghĩ rằng tôi làm giám đốc Côn Nôn hồi ấy là no đủ lắm!

Những người ở xa có biết đâu rằng bao nhiêu đồ tuế nguyện của riêng lấy của Pháp và Nhật để lại, thì trong khoảng mấy tháng ông Trà lên nắm chánh quyền (từ tháng 8 đến tháng 12) đã đủ cho người ta chia tay, hoặc chớ đem về đất hết rồi.

Dưới bóng mặt trời và trong cái xã hội kim tiền này, nếu có những người nào đại dốt cho đến đổi đi trước gặp của ngon vật quý mà ngoảnh mặt đi luôn, không thèm nhặt để nhường lại cho kẻ đi sau, thì tôi mới là một kẻ được nhiều may mắn trong thời kì ấy.

Nhưng trên đời này có biết bao trường hợp xảy ra: thầy pháp ăn, thầy chùa chịu là như thế đấy!

TÔI ĐÃ TRẢ THÙ BẰNG CÁCH NÀO VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐÃ XỬ TỆ TÔI TỪ TRƯỚC?

Sau khi tôi bị đày cử, người ta trông đợi thái độ của tôi.

Người ta mà tôi nói đây là quần chúng Côn Đảo. Đám quần chúng này gồm có hai phái:

a) Các gia đình cựu công chức, các gia đình cựu giám thị, 13 người Malgaches kệt tàu và một số gác-dan (gardiens) người Ấn Độ vô dân Tây, người Việt theo Pháp tịch và những Tây lai⁽¹⁾ tính chung cả nam phụ lão ấu vào khoảng 500 đầu người.

b) Anh em thường án gồm có một người Bengali gác-dan nhà máy Bình Đông phạm tội ăn thịt người, một người Chà, 85 người Miên, 7 người Lào, 18 người Mọi, còn bao nhiêu là Ố-nàm-danh!⁽²⁾ Tất cả vào khoảng 1500 người.

Có thể nói tắt cho gọn: một bên là công chức, một bên là tù nhân, mà giữa hai giai cấp này vốn có một cái hố sâu đã đào sẵn từ bao giờ, vì một bên thì quen thói hành hạ đánh đập, còn một bên thì đã từng chịu khắc bạc dày vò, nếu có cơ hội trả đũa thì phía phạm nhân không bao giờ chịu bỏ lỡ dịp.

Điều đó ai ai cũng thấy rõ ràng như vậy.

Cứ lấy công tâm mà nói, trong số gác-dan hay thầy chú cũ hồi đó cũng có một số người rất mực hiền lành không bao giờ dùng roi vọt hay những lời sỉ vả nặng nề đối với anh em, nên đã được các giới phạm nhân cảm tình và kính nể. Nhưng bên cạnh những vị hiền nhân

(1) Những người gác-dan Tây thiệt đã bị Nhựt đưa đi đâu mất từ lâu rồi!

(2) Tức là người Anam

ấy lại có một số người khác ý, một là vì bẩm tánh hung ác của huyết thống di truyền, hai là vì chén cơm nổi gạo phải làm sao cho vừa lòng Tây, ba là đâu có được theo học những khóa huấn luyện như bây giờ, cho nên mới có những người trên tay không ngót cầm roi gân bò, hoặc cây gậy bằng khúc mây chà rong đầu có bịt đồng!

Mặc dù mẹ cha khuyên giải, vợ con van nài, nhưng các vị hung thần ấy luôn luôn tuyên bố *ngày nào không thấy máu là không ăn tiền... hoặc không ăn cơm được!*

Cũng may là những người này chỉ có ít thôi.

Vì sự kiện như đã kể trên, mà sau ngày tôi bị đày cử thì phía phạm nhơn vô tay reo mừng... trái lại những ông kẹ kia ăn hết biết ngon nằm không yên giấc, đến đôi có người lo trời trước với vợ con!

Về phía phạm nhơn reo mừng là lẽ dĩ nhiên, vì họ thấy cơ hội đã đến với họ. Đây là những lời họ nói với nhau: *"Bây giờ cơ đã về tay, thằng anh cả của chúng mình đã nắm trọn quyền sanh sát, tha hồ cho chúng mình gỡ lại mối thù xưa..."*

Trong khi một bên thì đang lo sợ ngay ngáy, thấy cái chết đã đến sát bên mình, còn một bên thì đang toan tính đủ thứ hành động dử dằn, nào sẽ bắt đàn bà con gái để giải quyết vấn đề sinh lý, nào chặt đầu mổ bụng trả mối thù xưa, nào chẻ rương bửa tử để chia nhau quần áo và tiền bạc v.v... Trong bài diễn văn chánh kiến của tôi đọc giữa đại hội quần chúng ngay tại một tỉnh ngày 13-12-1945 gồm có nhiều khoản, nhưng mấy khoản sau đây là quan trọng hơn cả, nên tôi còn nhớ kỹ:

Một là: Phàm những chức vụ quyền tước do thực dân Pháp cho sẽ không còn có giá trị, cũng như những bản án do tòa Pháp đều được hủy bỏ. Tất cả đều trở thành công dân của nước Việt độc lập và mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

Hai là: Các tội án cũ dù hệ trọng đến đâu cũng được nhất luật đại xá. Pháp luật tại đảo chỉ truy tố những ai vi phạm từ ngày này: 13-12-1945.

Ba là: Không một ai được nhắc lại chuyện xưa tích cũ mà trả thù trả oán cho nhau. Một biện pháp hết sức nặng nề riêng cho bất cứ kẻ nào gây sự đổ máu.

Bốn là: Quyền tự do tín ngưỡng cũng như đền thờ chùa chiền vẫn được tôn trọng. Ai muốn thờ cúng quỷ thần hoặc theo đạo gì thì theo, nhưng trong các cuộc hành lễ chỉ được dùng hương, hoa, trà, quả; chó không được dùng giấy tiền vàng mã. Bùa chú hay là các thứ mê hoặc lòng người cũng bị cấm ngặt.

Năm là: Cấm ngặt không một ai được nêu ra một lý thuyết, một chủ nghĩa nào để lôi cuốn quần chúng rồi chia thành bè đảng có thể gây xáo trộn, cốt nhục tương tàn giữa người một giống với nhau. Đã là người Việt Nam thì chỉ nên đoàn kết sống chung một khối và chỉ được thờ tổ quốc Việt Nam là trên hết mà thôi.

Qua năm khoản kể trên không có gì trở ngại với bốn khoản kia chỉ có khoản thứ ba là rắc rối nhứt, vì cái số hài lòng chỉ có ít, mà cái số chống lại thì nhiều. Bởi hầu hết anh em thường án đang trông đợi một cuộc đẫm máu để cố rửa sạch mối thù từ mấy mươi năm, và nhân tiện chia mỗi người một mớ đàn bà và của cải. Thế mà cái khoản thứ ba lại chặn đứng không cho họ được làm việc đó, bảo sao họ không bất bình cho được?

Chiếu theo tinh thần trong khoản thứ hai, dù tội nặng thế nào cũng được ân xá, tức là sáu người có tên trong sổ bia đen bị án tử hình mà phái đoàn đã phó cho tôi trọn quyền hành quyết đều được thả hết đó là một điểm khó, vì lệnh trên bảo giết, giết họ để được hài lòng dân chúng, thế mà tôi lại tự động tha cho; nhưng điều này không khó bằng cái khoản thứ ba, bởi khoản thứ ba đã làm trái ý cả một đám người hung hăng khát máu.

Vì thử bây giờ họ không tuân lệnh, họ cứ nổi lên làm bừa, chém giết lung tung, tôi có can thiệp thì họ làm luôn tôi tới tôi nữa, khi đó mới tính sao với họ, với sáu khẩu súng lục quèn của phái đoàn để lại kia tôi có thể đem ra đàn áp cả một ngàn người mà từ lúc ở ngoài đời họ

đã từng sống bằng nghề dao búa được không? Nhứt định là không thể được.

Vậy tôi phải dùng biện pháp nào, hay bí quyết gì để thực hiện cái điểm quá khó khăn mà không ai tin rằng có thể làm được.

Vấn đề nêu ra thật là rắc rối, rắc rối ở chỗ trái ý cả một số đông. Từ xưa tới nay, nhà cầm quyền nào mà làm phật ý cái đại đa số, nếu không bị giết vì một cuộc nổi loạn, thì ít nhứt cũng bị lật nhào qua một vài cuộc biểu tình phản ứng.

Nhưng với tôi thì khác, khác ở chỗ tôi đã tiên liệu trước, đã nêu ra một vấn đề gì cần phải thực hiện cho kỳ được, thì tôi đã liệu sẵn một biện pháp thích ứng đi kèm.

Biện pháp để trấn an vụ này là biện pháp gì? Chắc là quan trọng, hay huyền bí chăng?

Không! không! *Nó thật là giản dị*, chẳng một tí nào cầu kì hay mạo hiểm cả.

Thí dụ trong một gia đình, người cha kia nói với đám con: *tao cấm bây không được uống rượu*. Người cha nói thế mà người cha không uống, tất nhiên đàn con phải răm rắp tuân theo. Trái lại, người cha chỉ biết ra lệnh bắt buộc đám con phải chừa rượu, mà chính ông lại chủ các cuộc nhậu nhẹt suốt ngày, thì cái lệnh cấm kia kể cũng bằng thừa. Cha không chừa rượu được, thì con cũng vịn vào cớ đó bắt chước theo cha.

Nghĩa là ở *trên đã chẳng kỷ cương*, tất nhiên ở *dưới lập đảng mây mưa*. Người bề trên không thể rầy rà gì được khi những kẻ dưới rập theo hành động của mình!

Trường hợp của tôi cũng thế. Nếu muốn thực hiện điều này cho có hiệu quả thì:

Không bao giờ dùng quyền lực để bắt buộc người khác phải bỏ ý định của họ để theo ý muốn của mình. Bất cứ việc gì có tánh cách bắt buộc, chẳng sớm thì muộn nó cũng đi đến chỗ đổ vỡ.

Để được kẻ dưới tuân theo mạng lệnh của mình một cách ổn thỏa, thì không phương pháp nào hay hơn là chính người bề trên phải làm gương trước. Chỉ có thể thôi.

Có khó hay không chỉ tại nơi mình không chịu hi sinh cá tính để có làm gương cho người bắt chước mà thôi.

Trở lại công việc của tôi: tôi đã cấm ngặt quân chúng không được trả thù, thì chính tôi trước hơn ai hết không được trả thù bất cứ là đối với ai, chẳng luận việc lớn hay là việc nhỏ.

Bởi đó, sau khi nghe tôi tuyên bố: *cấm trả thù*, anh em bất mãn vì thất vọng, nhưng họ rất e dè trước thái độ thẳng thắn của tôi, họ không dám hấp tấp, mà hãy còn nghe ngóng chờ đợi.

Họ biết tôi hiện có một số kẻ thù như: *Belconde, Délice Paul Hiền, Trần Sinh* tức là *59 Sinh, Vệ Hôn, Ba Đào*⁽¹⁾, *Sáu Một, Ba Huệ* v.v... Những người này dưới thời Pháp thuộc đã từng xử tệ với tôi. Đây, tôi xin kể sơ một vài việc:

1) *Belconde* và *Délice* chỉ bắt được tôi chép cho người khác một bài vọng cổ nói về Hai bà Trưng đánh đuổi Tô Định, mà hai người này đánh tôi đập hết một chiếc roi mây, nện thêm mười mấy báng súng, rồi lại còn *si-nha-lê*⁽²⁾ ra xếp chánh (*gardien en Chef*)⁽³⁾, rằng tôi “làm chánh trị” khiến tôi bị còng hai giờ, ăn cơm lặt ở trong *cachot*⁽⁴⁾ hết 90 ngày, sau đó còn bỏ tôi vào hầm cấm cố xay lúa không có ngày ra. Trong thời gian tôi bị nhốt cách-sô, mỗi lần tới phiên hai ông này gác thì không những họ cho ăn đói với một vắt cơm bẻ bớt hai phần, lại còn khuấy nước muối cho tôi uống, vào giờ điểm danh họ không quên quát roi cật bỏ lên đầu tôi.

2) Với ông *Paul Hiền* tôi vốn không có lỗi làm gì, chỉ vì ông ta nghe lời ông *Quản Thạch* đâm đốt sao đó mà một hôm tôi đi làm về,

(1) *Ba Đào* khác, *Tư Ba Đào* khác, xin đừng lầm.

(2) *Si-nha-lê*: *Sigraler* = báo cho biết, báo hiệu.

(3) *Gardien en Chef*: giám thị trưởng.

(4) *Cachot*: ngục tối, hầm tối (NBS)

ông ta đón tôi tại cửa sau Banh một, dùng một khúc củi đòn nện vào đầu vào lưng tôi như là đập trâu, tôi lay lục xin tha, đầu cổ tôi dính đầy máu me không đã, ông ta chẳng chút xót thương, cứ tiếp tục đánh cho đến lúc tôi phải ngã gục. Vậy mà còn chưa hả dạ, sau đó còn gặp đầu đánh đó, khi thì đập bằng cây trống, khi thì nện bằng cù ngoéo. Ông ta ác thế, mà bà vợ của ông ta, xin nói rõ là bà vợ trước kia, là một người đàn bà hết sức nhân từ, bà nghe tin tôi bị hành hạ thì bà la rầy ông ta quá sá, nhờ vậy mà từ đó tôi ít bị ông ta đánh đập nữa; còn bà ta thỉnh thoảng sai bồi bếp đi kiếm tôi đến nhà, giúp đỡ tôi đủ mọi phương tiện. Ôn ấy tôi luôn luôn đầu đội vai mang, rất tiếc là khi tôi viết mấy dòng này để tỏ lòng biết ơn bà, thì bà đã ra người thiên cổ từ lúc nào rồi.

3) Còn ông Vệ Hôn với tôi là người đồng hương, em của ông là bạn học với tôi đối với tôi thật là tử tế, nhưng ông ta cư xử với tù thì thật tác tệ vô cùng. Đường như trời sanh ông ta ra để sống bằng cái nghề tay đánh miệng chửi hay sao ấy. Trên tay ông ta ít khi rời cái roi cật bò, còn miệng thì chửi bốp chét tối ngày, thật là rất đúng với câu châm ngôn của ông ta: *ngày nào không máu không ăn tiền!* – Một hôm tôi vào kho dụng cụ (magasin à outils), là tổng hành dinh (!) của ông ta để trả một mớ cuốc vá, khi trở ra ông đứng tại cửa, tôi đi ngang ông mà quên khò lưng, ông chụp đầu tôi giật tôi lại, vừa hỏi tôi:

– Mày không thấy ai đứng đây, mày đui hả?

Vừa nện lên đầu tôi túi bụi đến mấy chục roi gân bò, tôi khóc và xin lỗi ông ta (mặc dù tôi không lỗi gì hết). Nhưng ông còn kéo tôi đến méc với viên xếp chánh rằng: “Celui-ce c’est un type trop têt et très dangereux, il faut mettz-le au cachot par cause de sécurité⁽¹⁾!...”

Tôi chưa kịp nói lời nào để có cái chánh thì ông ta tát tôi thêm mấy cái tát và chêm thêm một câu thứ nhì: “Partisan de Nguyen An

(1) Tên này là một tên rất cứng đầu và rất nguy hiểm, nên nhốt nó vào cách-sô vì lý do an ninh.

Ninh, c'est lui⁽¹⁾..." Thế rồi xếp Tây cóc cần hỏi lại đầu đuôi, nện tôi thêm một mớ roi gân bò, rồi tống cổ tôi vào hầm xay lúa, cấm cố tôi không có thời hạn.

Hôm sau tôi thấy trên tấm bảng phạt, (tableau depunition) có treo ở trước cửa hầm xay lúa, có hai hàng chữ đỏ như sau: *Sujet très dangereux, surveiller de près*⁽²⁾. Cũng vì tấm bảng ác ôn này mà mọi người gác-dan Tây nào khi tới phiên gác hầm xay lúa cũng gọi tôi ra mà đánh một mớ, hay ít nhất cũng chửi chửi mắng mềo hoặc làm khó làm dễ đủ điều.

Thật ra, lúc còn ở ngoài đời, vì nhiệm vụ của một công dân giữa thời quốc phá gia vong mà tôi cũng có theo chân nhà chí sĩ Nguyễn An Ninh và các nhà cách mạng đàn anh như ông Tạ Thu Thâu, ông Phan Văn Hùm, ông Trần Văn Thạch, ông Nguyễn Huỳnh Diệu, ông Võ Công Tồn, Hòa Thượng Đồng, Trần Hữu Độ, sư Thiện Chiếu v.v... Nhưng đó là công việc ngoài đời, chớ từ ngày bước chân vào tù, khi nào có cuộc làm reo (greve) do toàn thể anh em đứng lên chống áp bức, hoặc chống gạo sâu khô mục, tự nhiên tôi phải có mặt trong hàng ngũ, vì đó là quyền lợi chung, ai ai cũng có bốn phận siết chặt đoàn thể thì sự đòi hỏi mới có kết quả.

Ngoài ra, tôi không hề hoạt động hay chủ trương một việc gì hết, tôi chỉ thích sống cầu an mà thôi. Ấy vậy mà người ta mãi cứ gán vào tôi những hàng chữ đỏ như thế kia, một phần lớn là cũng tại người Việt nói ra nói vào với Tây thế này thế nọ khiến tôi đã khổ về nỗi ở tù, xa lìa cha mẹ vợ con, lại còn phải chịu đựng nhiều thứ khắc bạc trong tù nữa.

4) Bị đày đọa trong hầm xay lúa suốt ba năm ròng mới được cho ra trong dịp ông Cathelin từ trong Khám lớn Sài Gòn mới ra thay cho viên xếp chánh cũ. Nhưng tôi chỉ ra được có một ngày và một đêm,

(1) Tên này là người thuộc đảng Nguyễn An Ninh.

(2) Nguy hiểm lắm! Phải coi chừng!

nghĩa là mới được cho ra hôm chiều bữa trước thì chiều hôm sau tôi phải trở vô ngay. Mà phải mình có làm lỗi cho cam. Nguyên buổi sáng hôm sau, tôi được gia nhập vào đám *Chi tồn*⁽¹⁾ đi kéo cây trước sở Bản chế, có người anh em quen ở sở dưới, thấy tôi ở cấm cố lâu ngày được ra mà quần áo rách rưới thì động lòng thương hại, mới kêu cho tôi một bộ đồ xanh dài và năm đồng bạc. Chỉ có thế thôi.

Từ Bản chế⁽²⁾ bước lại sở dưới có vài thước, vậy mà tên cặp răn lại bắt lỗi tôi viên cơ bỏ công việc làm kêu méc với viên giám thị mang số 59 là ông Trần Sinh (rể ông đội Hợ), ông này ghệt đầu tôi xuống lên gối mấy cái máu từ trong họng trào ra, tưởng vậy là thôi, một chập tôi tỉnh lại ông ta còn cho thêm mấy cái cùi chó lên lưng, tôi bị tức động đến trong buồng phổi nên phải té quỵ xuống nữa.

Chưa hết, người bạn hảo tâm kia bị gọi lại hỏi tên lấy số và nện cho mười mấy củ mây. Ông gác dan bụng bự (hỏi đó tôi biết tên, nhưng bây giờ tôi không còn nhớ) hôm ấy đi coi sở toán kéo cây thấy đánh túi bụi không hiểu chuyện gì, bèn bước tới hỏi việc gì, thì ông 59 trả lời:

– *Sở-lũy-xi se ton tít li-e-zông, lữ địa pô-li-tit a-véc so-lũy-là tra-quay ô Tét-so-ri. Lũy pát-lê tú lê fô-răn-se sông đi pia-rát-tô*⁽³⁾!

Tôi toan cải chánh, thì bị Ông 59 net cho một roi gân bò bắt phải im mồm. Tôi tức quá, nếu giết được họ trong lúc đó để rồi cho họ bắn luôn, tôi sẽ không ngần ngại. Nhưng việc đó không thể thi hành trong hoàn cảnh ấy, nên tôi chỉ nói:

– *Ông là người đồng bào cũng mũi xẹp da vàng như tôi, ông nói gian cho tôi, mà ông không hổ thẹn hay sao?*

(1) *Chi tồn*: người bị giam tạm chưa có chỗ làm khổ sai chánh thức, (NBS)

(2) Tiếng *bản chế* do chữ Charpentier mà nói trại ra, vì sở công xưởng dưới thời Pháp gọi là Service de Charpentier.

(3) – Celui-ci c'est un type liaison, lui dire politique avec celui-là travail au pêcherie. Lui parler tout les Français sont des pirates. Tuy nói bằng tiếng bổi, trật văn phạm, song Tây cũng hiểu được là: “Tên này là một liên lạc viên, nó nói chuyện chánh trị với tên kia ở sở lưới – nó nói tất cả người Pháp đều là ăn cướp.”

Ông 59 Sinh liền nạt tôi:

– Mày là tù, ai đồng bào với mày hử. Sao mày dám nhieếc tao, đầu mày có miếng sắt à?

Ông Tây bụng bự hỏi gì, ông 59 liền cắt nghĩa:

– *Lũy phạt-lê móng-xử, vu-zết-tờ cô-son bồ-cu đỡ gờ-rét-sô*⁽¹⁾.

Ông 59 nói thế mà ông Tây cũng tin được rằng: nó nói ông, anh là một con heo rất nhiều mỡ! Ông Tây tin là phải, vì câu nói ấy rất đúng vào cái bụng phệ và tấm thân bồ tượng của ông ta. Nghe nói thế, ai mà chả tức. Thế là tôi còn phải bị thêm một trận đòn như tử và trưa hôm ấy tôi bị đưa về nhốt tạm vào cho cachot, vì ông Cathelot đi bên Bãi Cạnh đến 12 giờ trưa mới về.

Hai giờ chiều tôi bị gọi ra, tôi khỏi được nói một câu nào hết. Xếp chánh đánh tôi 20 roi và anh Thái (người cho tôi quần áo và năm đồng) 15 roi rồi biểu thầy Ba Hội làm giấy đưa chúng tôi vào hầm xay lúa.

Phản tôi dù bị tai nạn cũng cam lòng với số phận không may, tội nghiệp cho Thái vì tôi mà phải mang họa. Làm ác như họ thì được ăn trên ngồi trước, làm nhơn như anh Thái thì bị tội tình! Xã hội loài người có lắm cái thái quá, trở trêu!

Nếu anh Thái chỉ cho tôi có một bộ đồ thì chắc không sao. Tại có năm đồng bạc, người ta muốn cướp thì người ta phải viện lý do chớ sao!

5) Hai ông *Ba Đào* và *Sáu Một* đều là tù án lưu⁽²⁾ mang số đình bài thuộc *Série D*, cả hai đều là tay khét tiếng ở sở *Rô-set*⁽³⁾. Ba Đào thì mặt rỗ chần mà mỗi lần cầm cây đập vào da thịt bạn tù thì anh ấy

(1) Lui parler monsieur, vous-êtes cochon beaucoup de graisse.

(2) Thẻ bài hồi ấy có 4 loại A là án tron, B là cấm cố, C là khổ sai, D là lưu xứ, Tây gọi là Rélégué.

(3) Service de la Recherche là sở chuyên việc truy tìm tội trạng.

nói: *Tao đánh mày chừng nào mặt tao hết rỗ thì thôi!* Còn Sáu Một thì mặt bên trái của anh không thèm nhìn thẳng chuyện đời từ lúc còn ở ngoài đời, vậy mà mỗi lần anh đánh bạn tù thì anh lại nói: *"Tao đánh mày chừng nào con mắt tao được sáng thì thôi"*.

Một hôm tôi đau, ăn cơm không được, thấy Đội Tánh chủ phó Sở lưới gởi cho tôi hộp sữa con Chim, chưa kịp khai ra kể gặp Ba Đào, anh ta hỏi xin, tôi không cho, anh ta liền bắt công tôi lại dẫn về sở Rờ-set trình với chủ sở là Gourgand, nói rằng tôi dự trữ sữa để có vượt ngục! Gourgand ra lệnh bắt tôi công hai chân và còn treo hai tay, rồi bắt đầu hỏi tôi sữa ấy do đâu mà có?

Tôi nghĩ rằng: thấy đội Tánh là một người ăn ở hiền lành tuy rằng làm việc cho Tây, nhưng không bao giờ có một tiếng nói nặng anh em tù tội. Đối với tôi chỉ có mối quen sơ sài, thấy gởi cho tôi hộp sữa vì lòng nhân đạo như thầy đã từng giúp đỡ cho bao nhiêu người khác, chớ nào phải có ý lợi dụng gì tôi. Bây giờ, nếu tôi khai hộp sữa ấy do thầy đưa cho, thì nỗi gao gia đình của thầy phải đổ. Vậy có bị tra tấn cách nào thì thà chịu chết, chớ ai nỡ khai cho thầy.

Nhưng than ôi! Nếu không khai tên người cho hộp sữa, tức là tôi phải chịu đòn cho đến khi nào cái mặt của tên Ba Đào được nhẵn tì, và con mắt của tên Sáu Một được tróc hết mây cho nó sáng ra, theo như lời chúng nó đã từng tuyên bố, thì thân này hỏi có còn gì?

Tôi phải chịu trận ở sở giết người với hai ông thần khét tiếng đánh bạn tù này hơn một tuần lễ mới được đưa vào hầm cấm cố. Bị đưa vào hầm cấm thì phải ăn đói mặc rách, công chum và thiếu không khí thở, thế mà tôi phải dùng hai tiếng *"được đi"* để diễn tả sự vui mừng, thì những ai đọc đến đoạn này có thể tưởng tượng được tất cả cái gì rùng rợn ghê tởm của sở Rờ-set Côn Nôn với sự có mặt của hai vị hung thần hồi ấy.

6) Nhắc lại lúc tôi còn phụ trách cho tuần báo *Tiếng nói Tự do* dưới thời ông Trà, thì lại trong *Banh hai* (Bagne II) có xảy ra một

vụ bắt cờ bạc, do một số anh em Bảo an dưới quyền thiếu úy Nguyễn Văn Bạo đi làm công việc ấy ⁽¹⁾. Tôi là người được Ủy ban chấp hành Trung ương ⁽²⁾ phó thác đi điều tra vụ ấy. Khi đến nơi, có nhiều người khai rằng:

– Những ai có mặt trong sòng thì bị tịch thu tiền bạc làm gì thì làm. Còn chúng tôi là những người nằm ngủ trên sập, không dự gì đến sòng bạc, vậy mà cũng bị họ lục lũng lấy hết tiền bạc của chúng tôi là nghĩa làm sao. Vậy nhờ ông can thiệp cho chúng tôi nhờ.

Tuy họ nói thế, tôi không tin hẳn, nên tôi bảo họ:

– Có việc gì ức uất thì khi đến trước mặt giám đốc ⁽³⁾ các anh tự tiện trình bày. Nhưng tôi khuyên các anh điều này: *có sao khai vậy, đừng khai gian cho người ta.*

Nói đoạn, tôi chỉ ghi tên những người đó cho họ được lên yết kiến ông Trà, chớ không ghi những lời khai mờ ớ của họ vào biên bản. Vì tôi e rằng không chừng có kẻ không bị mất một đồng nào hết, họ cũng thừa cơ hội mà làm tiền người ta bằng cách nói thêm thì sao?

Nên họ muốn khai thế nào thì cứ khai với ông Trà, để tôi không có trách nhiệm gì hết.

Ấy vậy mà tối đêm hôm sau vào khoảng 11 giờ, tôi đang viết bài trong phòng, bỗng nghe có tiếng gõ cửa, tôi lật đật mở ra xem ai, thì hai người phòng thủ ⁽⁴⁾ chìa súng vào mặt ra lệnh cho tôi phải đi. Họ không cho tôi mặc áo tử tế, họ đòi còng tôi lại. Tôi nói tôi chưa biết

(1) Dưới thời thân Nhật tức là lúc cụ Trần Trọng Kim làm Thủ tướng, có cho ra đảo 20 người lính bảo an, do ông Bạo cầm đầu, ông Nguyễn Tấn Vê làm phó.

(2) Ủy ban chấp hành Trung ương gồm có 5 người đại biểu do tù thường án cử ra để thay mặt cho anh em thường án.

(3) Vụ này xảy ra lúc ông Lê Văn Trà còn tại vị giám đốc.

(4) Những người *Phòng thủ* này chọn trong tù ra thành một đội phòng thủ, họ làm việc dưới sự kiểm soát của đội bảo an của Văn Bạo.

tôi tội gì thì đừng có công tôi. Họ bèn dùng áp lực đẩy tôi vào thành bảo an. Một số đồng phòng thủ và mấy người bảo an xúm lại nhìn tôi như nhìn một kẻ thù, tôi không hiểu vì chuyện gì mà xảy ra có sự đường này.

Trong khi chờ đợi, tôi nghe có tiếng xầm xì trong đám họ: “*Thằng này nó nói xấu chúng mình, thì phải bắn chết rồi cho nó mò tôm mới được!*”

Kế đó ông Bạo từ trong bước ra với vẻ hăm hăm, ông hỏi tôi:

– Tại sao anh xúi bọn cờ bạc nói xấu những người phòng thủ và bảo an chúng tôi?

– Thưa thiếu úy, tôi không hiểu tại sao lại có chuyện này.

Ông Bạo vỗ bàn hét lớn:

– Đã có nhân chứng đảng hoàng ở đây, anh đừng mong giả vờ không biết mà chối cãi với tôi không được đâu.

Rồi ông gọi tên Ba Huệ ra, bảo hắn:

– Nào! Huệ đâu! Anh đã nghe thấy hắn xúi bọn bị bắt cờ bạc như thế nào tại trong *Khám Bảy ban Hai*, hãy cứ nói ngay.

Tên Huệ nói:

– Thưa ông, khi ông Sơn Vương vào khám Bảy làm *ăng kết* (án kết), ông ta xúi những người cờ bạc rằng: các anh cứ việc khai đi, có mất tiền cũng khai, mà không bị mất cũng khai, khai nhiều chừng nào càng tốt chừng nấy, để tôi có cơ làm nhục bọn họ một keo chơi.

Nghe qua mấy lời của tên Huệ, khác nào sét đánh ngang tai. Tôi với y vốn không có oán thù gì, sao y nở lòng nào đặt điều để gieo tiếng oán cho tôi, là bởi có gì, tôi chưa hiểu được.

Tôi tức thiếu điều muốn ói máu ra, tôi vừa ứa nước mắt vừa nói:

– Thưa thiếu úy, nếu thiếu úy tin rằng việc này là có thật thì cứ đem tôi mà bắn cho nát xương ra. Trái lại, nếu thiếu úy nghĩ rằng còn có chỗ đáng ngờ, chưa chắc lắm, thì xin thiếu úy hãy suy xét lại.

Câu trả lời này làm cho ông Bạo có vẻ ngần ngại, ông bèn hỏi lại tên Huệ:

– Anh Huệ, anh có quả quyết việc này có thật hay không?

Ba Huệ trả lời với giọng yếu ớt:

– Thưa thiếu úy... thật ạ!

– Thật mà chính tai anh nghe, hay anh nghe ai kể lại?

Tên Huệ trả lời có vẻ lúng túng:

– Thưa tôi nghe anh em.... Người ta xầm xì với nhau... như thế.

– Anh em nào?

– Anh em trong lao Hai...

Tôi bèn nhân đó yêu cầu ông Bạo:

– Thưa thiếu úy, muốn biết thực hư chọn giả thế nào, tôi đề nghị thiếu úy xin cho một người Bảo an và một người trong Ủy ban chấp hành Trung ương chúng tôi, hai người cùng đi vào đó điều tra kỹ lại xem sao. Nếu quả tôi có xúi tăm bậy thì cứ đem tôi ra mà bắn; trái lại, nếu tôi không có mà tên Huệ vu oan cho tôi, thì thiếu úy nghĩ sao?

– Là tôi sẽ trừng trị nó như anh có xúi.

Ông Nguyễn Tân Về phó đội trưởng vốn người cương trực, bèn chọn một người cũng có tấm lòng ngay thật như ông, hợp cùng anh Chủ tịch B.C.H.T.U. tức tốc vào lao Hai để điều tra cho ra sự thật.

Chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ sau đó, kết quả phúc trình cho biết: “... Trong khi thừa hành nhiệm vụ điều tra về vụ anh em Phòng thủ và Bảo an bắt cờ bạc ở lao Hai, anh Sơn Vương có lẽ có nói với anh em câu này: Anh em có sao khai vậy, đừng có nói thêm nói bớt cho người ta. Đến như việc lên hầu quan giám thị tức là tự ý họ khai sao thì khai, chứ anh Sơn Vương không có xúi biếu ai hết...!”

Khi đó ông thiếu úy Bạo mới day hỏi Huệ:

– Sao Huệ? Tội mày đã đáng phân thây. Tại sao khi không mà mày nói gian cho người ta hủ Huệ?

Tên Huệ gục mặt làm thình, ông Nguyễn Tấn Về mắng tên Huệ:

– Nếu anh có muốn lập công để được gia nhập đoàn Phòng thủ là anh phải tỏ ra tư cách thế nào, chớ sao lại đặt điều vu khống cho người ta. Mày mà thiếu uy còn cho người hỏi đi hỏi lại, chớ nếu tin theo lời anh một cách mù quáng mà làm tội người ta, có phải là bậy lắm không? Bây giờ anh nghĩ sao về cái tội phao vu của anh đây?

Tên Huệ cũng gục mặt làm thình, không trả lời làm sao cho trôi chảy được. Ông Bao đòi đem Huệ ra đi bắn, nhưng cái đám người Phòng thủ gì gi ã đẩy xúm lại xin tha..., thế là vụ ấy kể như được chìm xuống luôn!

Phần tôi, được minh oan là xin về ngay, tôi không kỳ kèo gì hết. Vì một khi tôi thù ai oán ai, thà tự tôi trừng trị ngay họ, chớ người kia người khác trừng trị thay tôi, thì tôi không hài lòng chút nào cả.

Ngoài các vụ kể trên còn có tên Lê Trọng Nghĩa (cũng án lưu), nó ăn cắp cái sà rồng của một người Miền đem đổi lấy một khúc thuốc Gò. Khi nó ăn cắp thì không ai thấy, lẽ ra nó cứ làm thình đi, lại nhe nói với chủ nhân rằng nó thấy tôi lấy. Người mất của lại tin lời nói, để quyết cho tôi là có lấy thật, nó bắt buộc tôi phải đem mà trả, nếu không thì sẽ có chuyện lôi thôi.

Lúc ấy tôi từ trong hầm xay lúa mới ra, còn ở trong banh chưa được ra ngoài, mặc dù tôi không có lấy, nhưng muốn mua một cái chăn tẩm nào đó đem đưa cho nó để cho êm chuyện, nhưng tiền đâu mà mua.

Nhưng trời bất dung gian, giữa lúc tôi đang bối rối thì người mất chăn lại bắt được chăn đang vận trong mình một người sở tải cũng trong lao, hỏi ra thì người ấy khai ngay tên Nghĩa đã đổi cho nó bằng một phần ba cây thuốc Gò.

Chùng đó anh em mới thấy tôi là oan, không còn ai coi tôi như thằng ăn cắp sà rồng như mấy hôm trước nữa.

Khi các vụ kể trên xảy đến với tôi, cho tôi đầy lòng căm hận. Trong trí ước chớ chi mình có quyền gì bắt những kẻ ác ấy đem ra bầm thây mới là hả dạ.

Bây giờ cò đã đến tay, quyền hành nắm trọn, trừ có ông Vệ Hón, Paul Hiền, Délice thì đã về đất trước rồi, còn các người kia hãy còn kẹt lại Côn Nôn với gia đình. Mạng sống của họ hoàn toàn ở trong tay tôi, tôi mở ra thì sống, bóp lại thì chết, vì lúc ấy tại đảo tôi là chúa tể, chánh quyền Việt Minh trong đất bận việc đánh Tây, không còn liên lạc gì ngoài ấy nữa. Nghĩa là, trừ có mỗi một việc thả tù là còn phải chờ lệnh, còn mọi việc gì khác là tôi được trọn quyền.

Do đó ai cũng in trí rằng: những tên ác ôn kia chắc chắn là phải bị đền tội, nếu không chặt đầu phanh thây thì cũng bị bắn bỏ; chớ không có trường hợp giảm khinh.

Trong khoản thứ ba, tôi cấm anh em không được trả thù, anh em ức uất, nhưng họ chột nhớ lại vụ mấy người thù của tôi, họ đánh dấu hỏi: anh này nói chơi hay thật, nếu mà nói thật, thì anh sẽ tính sao với những người này? Không lý nào anh có thể tha cho đám người ác ôn ấy được, vì dù sao anh ấy cũng còn biết thù biết giận, biết oán biết thán; chớ có phải là Phật sống đâu, mà có thể bỏ qua cho những người này được.

Do đó mà họ chờ đợi một sự quyết định của tôi.

Và đây là cách trả thù của tôi đối với những kẻ hại tôi

– Dưới thời kỳ ông Trà, tất cả gác dân Tây đều bị quản thúc vào lao Ba, suốt ngày đóng cửa, bên ngoài có lính gác mà bên trong thì có hai gia đình này bị ản cướp là Belconde và Soudica.

Đến thời kì tôi, tôi hủy bỏ lệnh quản thúc cho họ được ra ngoài, nhà Tây còn bỏ trống không thiếu gì, muốn ở nhà nào cứ xin, tôi sẽ cho ở. Thì tất cả đều xin ra ngoài, duy có gia đình Belconde và Soudica xin ở lại trong. Tôi bèn giao chìa khóa cửa banh cho mà giữ lấy, họ được tự do ra vào hoặc lên rừng xuống biển để quơ củi chum, hoặc

kiếm cái ăn. Ngoài ra, tôi còn cung cấp thực phẩm cho họ đủ dùng như đã cung cấp cho những người có phần công tác vậy.

Bữa tôi vào viếng lao Ba, Belconde sợ điếng hồn. Cả nhà đều sụp lạy cầu xin tha thứ. Tôi khoát tay không cho họ lạy, và cũng không nhắc lại một lời nào về việc cũ của y.

Còn Trần Sinh dưới thời kì ông Trà, thì ông ta là đại diện cho các gia đình giám thị, vì lẽ ông ta tình nguyện sẽ cầm súng lên rừng để ruồng bắt những người tội trốn, anh em thường án lấy đó làm thú. Một hôm ông ta bị anh em ví tại khoảng đường nhà mát gần cầu tàu, nhìn đầu trên cuối dưới đều có người chặn, không biết chạy đâu cho thoát, bèn chạy vô nhà báo của tôi (vì lúc xảy ra chuyện này là lúc tôi còn làm báo cho ông Trà). Việc xảy ra cách vài năm trước tôi vẫn chưa quên, nhưng hoàn cảnh của Trần Sinh bây giờ là hoàn cảnh của người té sông, ông ta đang chơi với giữa dòng cần sự cứu vớt, nếu tôi cầm sào dìm cho chìm xuống là ông ta phải chết ngộp ngay. Nhưng trong giờ phút lâm nguy, trông vào cái màu bì lụy của nạn nhân, hai tay chấp lại xá xá với những lời van lơn cầu cứu, tôi là kẻ rất lạc lòng và rất dễ dãi, nên bao nhiêu mối hận bỗng chốc tiêu tan. Tôi bèn mở tủ cho y đứng vào, rồi cũng ra ngoài làm bộ chạy kiếm tảo tác như anh em. Nhờ đó y được thoát chết.

Khi tôi lên nắm chánh quyền, y dứt đơn xin đem cả gia đình về đất, tôi ký tên cho. Về Bạc Liêu, y được công tác trong đồn điền quốc gia, ít lâu sau không biết y làm gì mà nghe như bị quân đội Việt Minh bắn chết.

Hai ông Tướng: *Sáu Một* và *Ba Đào*, ngay từ lúc ông Trà mới nắm chánh quyền, anh em xin bắt nó gởi vô trong hầm xay lúa cho anh em trong đó thủ tiêu. Lúc nào còn Tây thì hai ông làm mưa làm gió, bấy giờ Tây đã đi rồi, thì hai ông trong hình như hai con chuột lột.

Đáng lý hai ông nên tự xử lấy, để khỏi phải sống với đời sống bị mọi người phỉ nhổ, hoặc bị hành hình. Nhưng hai ông còn tiêc rẻ sự đời, vẫn còn muốn sống.

Mà muốn sống thì phải làm sao? Hai ông biết tôi là người hay tha thứ, có thể điều đình với anh em trong hầm xay lúa mà tha chết cho được. Hai ông bèn đến với tôi cầu xin can thiệp. *Tôi nói: hết thấy anh em ở đây đều muốn ăn tươi nuốt sống hai người, tôi làm sao mà ngăn cản được?*

Ba Đào bèn nói nhỏ với tôi:

– Dù sao cậu cũng là người rất có uy tín với anh em, những lời cậu nói rất được anh em kính nể. Vậy bây giờ cậu cho người xúc một vừa cắt và trộn với tóc cắt cụt, rồi cậu làm bộ đứng ra thay mặt tất cả anh em để có xử tội hai đứa tôi. Nhưng cậu phải giả đồ như ghét chúng tôi, cậu hỏi hai đứa tôi: một là phải bị thủ tiêu, hai là mỗi người uống nửa vừa cắt trộn tóc. Hai cách hình phạt, muốn chọn cách nào tùy ý. Khi đó hai đứa tôi liền chọn cách sau, thì đó là cậu đã cứu chúng tôi khỏi chết. Được như vậy thì cái ơn cải tử hoàn sinh, chúng tôi sẽ ghi ơn khắc cốt đời đời.

Tôi lắc đầu và kêu lên:

– Cắt đã là chất dơ trên các chất dơ, lại trộn với tóc cắt cụt, các anh nuốt thứ ấy không những sẽ chết vì bệnh ho lao, lại mất cả nhân vị con người, tôi không thể làm như thế được.

Sáu Một nói:

– Ấy cậu cứ làm đại như vậy đi, biết rằng dơ và sau này sẽ chết vì bệnh lao phổi, nhưng chúng tôi phải rán nuốt cặn cho nó qua trường. Như vậy cũng còn đỡ hơn là phải bị đập đầu hay mổ bụng thì ghê quá.

Tôi ngồi suy nghĩ một hồi khá lâu mà chưa quyết định phải làm thế nào để cứu họ. Sau mấy lần thúc giục, tôi mới trả lời:

– Đây là ý kiến của hai anh và tôi làm theo ý muốn của hai anh, chớ tôi không bao giờ muốn bắt con người phải đi ăn cắt nghe!

Ba Đào và Sáu Một thấy tôi nhận lời thì họ mừng rơn, họ không ngớt lời biết ơn và ca tụng tôi như người cha đẻ thứ hai.

Tôi bèn làm theo kế ấy, quả nhiên được việc, vì tất cả anh em vừa nhìn vào hai người phải bụng vừa cút mà uống một cách khó khăn, họ cho đó là một thứ cực hình nhục nhã, nên bao nhiêu uất hận căm hờn đối với hai con rắn độc liền được người ngoại, khi đó không còn ai đòi hỏi đến việc chém giết hai anh ấy nữa.

Đó là chuyện xảy ra lúc tôi còn ở trong hầm xay lúa dưới thời ông Trà. Lúc tôi lên nắm chánh quyền, anh em lại nhắc tới tội trạng của hai người này, tôi cũng lo bảo bọc giùm cho.

Thế mà sau ngày Tây trở lại, hai ông bạn con nhà tử tế này đã trả ơn tôi bằng cách rất xứng đáng là họ bắt tôi còng lại, lấy roi gân bò quất tơi lên đầu tôi để được Tây khoái và khen. Hai anh này lại còn thừa với xếp chánh Touslou rằng: *chính tôi đã bắt hai anh ăn cứt trộn tóc!*

Bà con nghĩ xem có động trời chưa?

Ít lâu về sau, Sáu Một thì được ân xá về đất, xin làm lính kín ở bót Catinat, nghe đâu y cũng còn đánh đập đồng bào dữ lắm. Nhưng dù cho cách nào, con mắt bên trái của y vẫn còn đui mãi, chớ không sáng được.

Còn Ba Đào thì vẫn còn ở lại Côn Nôn, cũng còn múa gậy vườn hoang ở Rờ-set. Vào khoảng 1949 hay 1950 gì đó, nghe đâu anh ta có rủ mấy người đi trốn. Họ đưa tiền bạc và vật liệu làm ghe, anh thua bài hết rồi còn đi tố cáo, mấy người kia phải bị hầm xiềng đánh đập chết lên chết xuống. Sau anh bị chết đâm tại sở Lò Gạch để đền cái tội lừa gạt và ở ác với bạn tù.

Còn xứ Ba Huệ lúc y phao gian cho tôi, thiếu chút nữa tôi bị thủ tiêu. Lúc đó tôi căm thù lắm, tôi thề trong bụng, nếu sau này về ngoài đời tôi sẽ cho người bắt cóc y đem lên núi Châu Thới, cột y vào gốc cây soi kể tội y nghe, rồi lèo y từng miếng thịt cho đến chết thì mới đã sự căm thù.

Ấy vậy mà khi tôi có quyền sanh sát trong tay, tôi cũng không

nỡ nhắc lại một lời nào, ngày anh xin về đất, tôi còn giúp anh tiền bạc áo quần là khác!

Chót hết tên Lê Trọng Nghĩa, đối với hắn tôi chỉ có sự giúp đỡ, chứ không có chi làm buồn lòng hắn. Thế mà hắn lại đành lòng gieo cái tiếng xấu cho tôi là kẻ ăn cắp chần, cái tội bôi lem danh dự ấy, đáng lý ra hắn phải trả bằng máu.

Vậy mà dưới thời ông Trà, nó bị tình nghi về vụ cướp và hãm dân tại nhà ông 93 Ngoạn ở sở Tiêu. Nó bị giam cầm đã lâu mà cuộc điều tra vẫn chưa kết quả. Qua thời kì tôi, tôi ra lệnh cho ty công an phải điều tra gấp và kết thúc hồ sơ để đưa ra tòa cho tòa định là oan hay ung cho nó và những người liên can.

Ngồi ghế chánh án phiên tòa xử nó là tôi, tôi muốn vẽ chuyện cách nào lại không thể được. Vậy mà khi xét hồ sơ, thấy không đủ yếu tố buộc tội, tôi liền tuyên bố trắng án cho nó.

Sau đó ít lâu nó xin vào sở cảnh sát, làm việc dưới quyền điều khiển của Nguyễn Thành Út.

Với cách xử sự của tôi, tuy có lắm người khen tôi đại độ khoan hồng, nhưng vẫn không thiếu người chê tôi là quá dễ dãi, cho rằng tôi: *duỡng hổ để mà di họa thật là chí phải.*

Nhưng ai chê cũng ráng cắn răng mà chịu, chứ tôi không thể làm gì hơn, vì đó là bản tánh tự nhiên, có đuổi nó đi, nó cũng trở về sống sộc!

Nhắc lại, anh em trông cho tôi trả thù những người ác ấy, để anh em sẽ dựa vào đó rồi có bắt chước làm theo. Nhưng không những tôi không làm tội, lại còn cấp phát cho các tội nhân đủ sống, thì anh em hết sức buồn lòng.

Tuy nhiên, anh em vẫn chưa thất vọng, vì anh em còn có cách khác để thúc đẩy tôi. Họ bí mật sắp đặt mấy người khéo ăn khéo nói, đến nói với tôi: *«Anh bây giờ ở địa vị người lớn, anh sợ mang tiếng thù vật nên anh không trả thù ai được hết. Vậy để chúng em kiếm có gây*

chuyện với mấy tên ác ôn rồi giết chúng nó chết để rửa mối thù cho anh...!” Họ tưởng nói thế là tôi thích lắm, không dè cũng bị tôi từ chối nốt! Đây là câu trả lời với những anh em ấy:

– Đừng bao giờ nên làm như vậy, các em làm như vậy là các em vô tình bôi nhọ tôi đó. Hồi nào họ đánh đập tôi, tôi không đủ can trường đánh đập lại họ, đó là một cái hèn thứ nhứt rồi, giờ đây tự tôi không làm, lại mượn tay các em giết họ là tôi rước thêm cái hèn thứ hai nữa sao! Thôi đi, các em đừng làm chi cả, tôi đã tha cho họ rồi, thì để tôi chịu cái hèn thứ nhứt mà thôi.

Khi đó anh em chỉ còn có nước bảo nhau:

– Anh Năm cấm việc trả thù, tưởng anh làm là mình bắt chước làm theo. Nhưng anh đã lấy lượng khoan hồng mà tha hết những kẻ thù của anh, thì chúng mình không lý do gì có những hành động trái với chủ trương của anh được.

Thế là khoản thứ ba là khoản rất khó thi hành, vậy mà tôi đã thành công một cách dễ dàng, vì chính tôi đã làm gương trước.

Đành rằng trong một vài trường hợp tôi cũng cần tỏ ra thái độ dữ dằn, song đó là thủ đoạn trấn an để dập tắt sự đòi hỏi bùng bột của quần chúng, rồi cuộc các tên tử tội đều được có người đứng ra xin tha do tôi sắp đặt, thành ra không một ai bị giết do lệnh chánh quyền trong thời kì tôi.

SÁU NGƯỜI CÓ TÊN TRONG SỔ BÌA ĐEN LÀ AI?

Sáu người có tên trong sổ bìa đen do anh em chánh trị phạm đã lên án từ ngày họ được về đất mà lần này họ giao phái đoàn, phái đoàn giao lại cho tôi có cả một cặp hồ sơ dày cộm cả hơn 180 trang kể rõ tội trạng từng người.

Sáu tội phạm đó là ai? Tôi xin kể rõ dưới đây.

Phía thầy chú thì có:

Một là ông Trần Văn Hớn tức ông Vệ Hớn

Hai là ông Nguyễn Văn Sô tức 28 Sô

Ba là ông Võ Văn Liễn tức ông Vệ Liễn và cũng là ông già vợ của tôi sau này (tôi sẽ nói rõ trong một chương khác).

Phía phạm nhân thì có:

Một là Đoàn Công Thành

Hai là Sáu Một

Ba là Ba Đào (xin đừng lầm lẫn với Tư Ba Đào)

Nếu căn cứ theo các sự việc mà anh em chánh trị phạm đã ghi rõ trong hồ sơ, thì tội trạng của những người này không biết để đâu cho hết. Nếu gặp ông tòa nào dù cho rộng lượng đến đâu cũng không tài nào châm chế được.

Như Sáu Một, Ba Đào và ông Vệ Hớn đối xử với tù tội Côn Nôn hồi trước như thế nào, thì các bạn đã hiểu sơ qua rồi. Còn ông 28 Sô (chủ sở Đất Giốc) ông Vệ Liễn và Đoàn Công Thành, thì tôi xin lần lượt kể ra, nhưng tôi chỉ có thể nói sơ lược tổng quát mà thôi, không thể kể cho hết từng chi tiết được, vì nó lắm chuyện rất phiền hà mà giấy mực thì có hạn.

Với ông 28 Sô, chúng tôi chỉ cần kể sơ một vài việc lúc ông làm chủ sở Đất Giốc mà thôi, cũng đủ cho người nghe rừng mình rón óc rồi.

Ông là người Trung, gia nhập sở để lao lúc nào tôi không được biết, tôi gặp ông lần thứ nhất tại Khám lớn Sài Gòn trong khóa tù thứ hai vào khoảng 1940 hay 1941 gì đó.

Tại Khám lớn, tôi thấy ông rất hiền và rất tử tế với tôi, nhưng không hiểu khi ra làm việc ngoài Côn Nôn, lại ăn cơm Côn Nôn, uống nước Côn Nôn, sống với đất địa Côn Nôn rồi tánh tình ông đổi khác hay sao mà ông trở nên hung ác quá.

Sở Củi ở sở Chuồng Bò mỗi người chỉ đốn có năm tấc và cây củi bẻ dài cũng chỉ có năm tấc, mà thiên hạ còn chết lên chết xuống, muốn chạy sở này còn phải chặt tay chặt chân cho trở nên con người tàn phế mới đổi đi sở khác được.

*Chuồng bò cưa cẳng chặt tay
Suốt đời chịu tội vì ai hối trời?*

Với năm tấc củi mà anh em ở sở chuồng bò đã phải kêu trời và than thân như thế.

Vậy mà ở sở Đất Giốc, ông 28 Sô lại bắt anh em trong sở mỗi người phải nộp một thước củi mỗi ngày và cây củi phải dài đúng 10 tấc, tức là gấp bốn lần nặng hơn sở Củi Chuồng Bò, thì ai nấy hãy cứ tưởng mà xem, cái cảnh địa ngục ấy nó đáng ghê tởm đến như thế nào?

Đốn củi không phải lên rừng rồi gập gì đốn nấy được đâu, phải lựa cho được những thứ cây nào ông đã dặn trước, còn những thứ nào ông không chấp nhận đừng mong mà nhét được vô!

Cây củi phải róc thế nào cho suông để khi chất cho được khít khao vừa vận, nếu còn để u nản gút mắc, khi chất còn có lỗ hổng mà ông cầm cây củi ngoéo thọt vô lọt được, thì người ấy kể như bác mẹ không sanh!

Cái cù ngoéo của ông lớn hơn cả cái, ngoài đầu còn bịt thêm đồng, một khi nó hoạt động tới ai là nạn nhân ấy không bị tróc da đầu, cũng bị lợi tay lòi con mắt, bể ống quyển, hoặc tức lói trong gan trong phổi, phải khiêng đi nhà thương rồi bỏ mạng luôn.

Chẳng thế mà thôi, trong sở còn có cái nạn cặp rằn mà anh em Côn Nôn thường gọi đó là bọn *Thái sư đội mào nhà vua*! Với hạng này, một khi nó đã thành kiến với ai, nó chỉ cần chọt với ông 28 Sô, thì người ấy sẽ bị dân cho cái nhãn hiệu "*búa liềm*" hoặc "*chánh trị*" thì người ấy có nước mà chạy đằng trời!

Chưa hết, khẩu phần của mỗi phạm nhân hồi đó là 750 gờ ram mỗi ngày (kể cả gạo cháo). Theo số gạo ấy, đầu người mạnh ăn đến bực nào, ăn cũng không hết. Thế mà ở sở Đất Giốc hồi ấy (từ 1942 đến giữa 1945), trừ một ít người tay chân thân tín của ông được no đầy béo bở, còn bao nhiêu là chỉ được ăn lmg lmg mà thôi.

Tại sao thế? Tại vì ông có nuôi một bảy heo, ba bảy vịt, gà cô, gà mái gà giò, gà con huyền thiên, phải dùng đến 5 thăng chần mới coi cho xiết những bảy súc vật của ông.

Ngoài phần ông, còn có mấy ông cặp rằn, bồi bếp và thư kí của ông, mỗi người đều có nuôi một số gà vịt, chẳng ít thì nhiều chớ chẳng ai không.

Như vậy, bảo sao tù sở Đất Giốc ấy không đói lên đói xuống cho được. Nhưng có đói thì móc củ chuối, củ gừng hay chặt đợt gừng đĩnh, hoặc kiếm hái rau sam, rau hóc mà ăn cho đỡ đói; chớ đừng nhè móc khoai lang, khoai mì hay lén bẻ một trái chuối chát mà ăn, rủi bị bắt được thì phải lãnh đủ 30 củ mây. Và ban ngày phải đi đón củ như mọi người, rồi ban đêm phải đeo kiềng cằng mà ngủ.

Số người bị giết chóc, hay tàn tật hoặc phải thất họng mà tự tử tại sở Đất Giốc kể ra thì nhiều lắm, nhưng tôi không nhớ hết, chỉ còn nhớ có mấy người đây:

Nguyễn Văn Sở và Lê Văn Ngân tự thất cổ chết, vì không đủ sức

đốn cho đầy thước củi trong mỗi ngày và không đủ sức chịu đựng nổi sự hành hạ của chủ sở và các ông cặp rằn.

Trần Văn Quỳnh, Mai Hữu Bá, Lâm Văn Ngạn bị đá dập lá mía hay bể gan, bể phổi gì đó mà sau khi chở đi nhà thương ít lâu thì chết.

Quách Tuấn, Hồ Văn Ban, Trần Văn Hoài, Vũ Kim Côi, Đỗ Văn Thịnh phải cưa cụt giò hoặc cưa cụt cánh tay vì làm bị đánh kẹp đập ống quyển hoặc bị đánh lợi tay.

Có hai người bị đánh bằng cái đầu cù ngoéo có bít đồng lọt vào con mắt, trông con mắt lọt ra ngoài, khiêng đi nhà thương chạy chữa, tuy khỏi chết, nhưng sau cũng đui luôn. Hai người này tôi không nhớ tên.

Mỗi người chết tại đảo, giám đốc đề lao Côn Nôn đều có phúc trình, làm báo cáo gởi về phủ thống đốc Nam kỳ cho hay, nhưng trong giấy tờ luôn luôn là chết già, chết bệnh hoặc chết vì tai nạn rủi ro, chớ không có ai bị đánh đập mà chết!

Ông Vệ Hón đối với tù thường án đã là hết sức khắt khe, nhưng đối với chánh trị phạm (hồi trước chỉ có quốc gia chống Pháp, chớ cộng sản thì chưa có mấy người) thì còn gắt gao gấp bội. Đối với chánh trị phạm không cần có lỗi hay không, khi chạm mặt ông là ông sẽ không thiếu gì lý do để nhíp roi gân bò lên đầu, hay quất sợi lòi tói khóa cửa kho dụng cụ của ông vào hông vào mặt.

Những câu mà ông ta thường dùng để chửi anh em chánh trị là:

– Quân bây là quân ăn cám sù mới đi nghe lời thằng Nguyễn An Ninh. Dân An Nam mà làm nên thân nên hình gì, đừng có mong lấy ngao lương biển, bể nạng chống trời cho mất công... Cứ để cho nhà nước đại Pháp cai trị là sướng hơn hết... Người ta mạnh như trời, còn mình thì đã ngu như con bò, lại chỉ có tầm vông vạt nhọn mà cứ đòi đánh người ta là nghĩa lý gì...!

Và bất cứ là kẻ lớn, người tuổi tác đáng bậc ông cha gì cũng mặc

kệ, ông Vệ Hớn cũng cứ xưng tao với mày, không khi nào ông ta chịu kêu những ông già sáu, bảy mươi tuổi bằng chú bác hay bằng anh; mặc dù lúc đó ông ta có ba mươi mấy tuổi.

Còn ông Vệ Liễn, vì là người có học, nói tiếng Pháp khá rành, nên ông ít có khi nói vật nói mắc, hay đưng đầu đánh đó như ông Vệ Hớn. Nhưng có điều là ông rất khe khắt đối với anh em chánh trị phạm.

Thật sự thì chính mắt tôi không một lần nào thấy ông đánh đập anh em chánh trị. Còn về phía anh em chánh trị thì dư luận rằng: bất cứ một sự siết chặt nào đối với đời sống phạm nhơn đều do ông đề nghị với Tây.

Điều này có thật hay không, tôi xin nhường cho công luận phê phán và người trong cuộc biết lấy. Dù sao, ông cũng là cha vợ của tôi, và lại ông đã bị Việt Minh bắt cóc từ năm 1947, gần hai mươi năm rồi, dường như người nhà không được tin tức chi hết, nên tôi không muốn nói đến chỗ đau của người trong cuộc, buộc lòng lắm tôi phải nói sơ qua, chỉ có thể thôi.

Đây tôi xin nói về anh Đoàn Công Thành, tức là người đã liên can vụ án Fauquenot, bị Pháp kết tội làm gián điệp cho Nhật... xử mười năm khổ sai đày ra Côn Đảo vào khoảng 1940 hay 1941 gì đó, tôi không nhớ kỹ.

Theo lời anh kể lại cho riêng tôi nghe, thì anh có bốn ba hải ngoại những nước này: *Tân-gia-ba*⁽¹⁾, Thái Lan, *Cam-bốt*⁽²⁾, Lào và Trung Quốc. Anh có công với chánh phủ Nam Kinh trong một vài trận tiểu cộng gì đó. Anh có vợ Tàu, con một thương gia ở Hán Khẩu có hàng chuyên làm dầu chai.

Và cũng theo lời kể chuyện của anh, thì từ bên Trung Hoa về Chợ Lớn, là anh có sứ mạng của chánh phủ Nam Kinh giao phó. Và

(1) *Tân-gia-ba*: tức Singapore.

(2) *Cam bốt*: Phiên âm từ tiếng Pháp: *Cambodge* tức Cao Miên, Campuchia ngày nay.

cùng lúc đồng bào Việt Nam chán ghét thực dân Pháp, thì anh cũng hướng dẫn người Nhựt, mong nhờ quân đội Nhựt cởi ách nô lệ giùm cho. Chẳng những sự hoạt động của anh bẽ bạc, anh bị Pháp bắt bỏ tù v.v...

Lúc anh mới ra đảo, nghe nói anh làm gián điệp cho Nhựt, ai cũng kêu tung anh là *quan Năm Nhựt*, và ít ra cũng có ở bên Nhựt lâu lắm. Tới chừng một sự kiện bất ngờ xảy ra, thì anh em mới rõ lại anh không hề có đi Nhựt, không làm quan Nhựt, cũng như anh không biết một tiếng Nhựt nào.

Nguyên trước khi Nhựt chưa đảo chánh Pháp, anh lên chạy vào khu của Nhựt chiếm đóng tại đảo, thì tất cả anh em Côn Đảo đều đặt hết hi vọng vào anh, không dè Nhựt không nhìn nhận anh, bởi anh không nói được tiếng Nhựt, anh cũng không có bằng cớ gì chứng ra mình là quan Năm của Nhựt, nên Nhựt bắt anh trả lại cho Pháp. Pháp bèn bắt anh nhốt vào cachot.

Đến thời kì độc lập hồi 1945, tất cả tù chánh trị bất cứ là quốc gia hay Cộng sản, Hòa Hảo hay Cao Đài đều được đón về hết, mà riêng có một mình anh (cũng mang danh là tù chánh trị) là không được về!

Tại sao thế?

Tôi xin mời các bạn đi ngược thời gian vào khoảng mấy năm từ 1942, 1943, 1944 và tới giữa 1945, giữa lúc bao nhiêu nhà cách mạng mang án chánh trị khác đều bị Tây hà khắc giày vò, kẻ thì bị cấm cố ở *lao Ba*, người thì bị nhốt ở *lao Hai* và chịu đựng đủ thứ siết chặt đời sống, thì riêng có anh Đoàn Công Thành không biết vì duyên cớ nào lại được Tây biệt đãi, được Tây cho làm cặp răn kiểm soát cả *lao Hai* (Bagne II) mà trong đó có chừng 500 người quốc gia và 300 người cộng sản.

Nói cho đúng ra, mặc dù Tây không ưa tù chánh trị, song cái nếp sống của tù chánh trị rất mực đàng hoàng gương mẫu, họ không để cho Tây có cớ gì bắt chẹt họ được, vì đối với nhà lao luôn luôn họ không làm gì để phạm kỷ luật.

Giữa họ với nhau, họ sống một đời sống công bằng vui vẻ, không ai bóc lột ai, không ai hiếp đáp ai, họ chia buồn xẻ khổ với nhau, họ sống chung một khối trong tình đoàn kết. Có điều cộng sản đã không thích quốc gia, thì lẽ dĩ nhiên quốc gia cũng không ưa cộng sản. Nhưng cộng sản hồi ấy là thời kì phôi thai, nên họ chỉ có phần ít, mà quốc gia là phần đa số.

Tây ghét họ là cấm cố họ trong *banh*, không cho họ được thông thả ra khỏi vòng *lao Hai* mà thôi, chớ trong vòng thành *banh*, họ cũng được hưởng khá nhiều quyền lợi mà tự họ tạo lấy. Chẳng hạn như:

- 1) Họ được nuôi gà vịt đến hàng nghìn con với số cơm dư của họ.
- 2) Họ được trồng thêm khoai lang, bầu bí và nhiều thứ *légumes* ở phía sau hai dãy khám.
- 3) Họ được đánh vũ cầu và tennis ngay trước sân của họ.
- 4) Họ được tổ chức những ban kịch để diễn những màn kịch rất ý nhị, đến lễ Tết họ còn được diễn tuồng nữa.
- 5) Họ được tắm rửa lu bù với những cái giếng mà tự họ đào móc sâu thêm.
- 6) Họ được nhận sách vở và thực phẩm của người nhà tiếp tế v.v...

Riêng về các nhà văn, họ có cái thú vui nhất là viết sách và dịch sách. Cái thú ấy để giết thì giờ và rất có lợi cho quốc gia hay cộng sản sau này, nếu sách của họ không bị mất.

Nhưng công việc này họ tiến hành đều đều trong vòng bí mật, vì hồi đó Tây cấm ngặt không cho tù đem vô khám một cây bút hay một mảnh giấy nào cả, trừ mỗi tháng một lần được lãnh giấy viết thư không kể.

Việc được dùng giấy mực là kể từ ngày chủ quyền độc lập trở về với các chánh phủ của người Việt Nam.

Cho nên sách được dịch hoặc viết hồi đó của chánh trị phạm phải giấu trên mái ngói, hoặc khoét hầm bí mật trong tường, trong sập xi măng mà giấu cho thật kín, vì mỗi lần ra hay vô đều phải cỏi

hết quần áo xét tại cửa khám, còn ngay trong khám thì luôn luôn lục xét hàng ngày, chứ không phải được ở yên như bây giờ.

Đã bị cấm, vậy giấy mực đâu mà có?

– Xin thưa, đó cũng nhờ quý ông thầy chú có dạ hảo tâm giúp cho hoặc mua giùm cho. Có khi họ còn lên đem nhựt trình vô cho xem nữa. Nhưng ông thầy chú làm công việc này, là họ đã dám coi nổi gao gia đình của họ như không rồi đó.

Nói cho ngay, lúc anh Đoàn Công Thành được Tây cho làm cặp rằn *lao Hai*, anh không tỏ ra về gì hống hách với anh em, và luôn luôn tỏ ra biết thương nước yêu nòi nên anh có bốn phen giúp đỡ anh em, vì dù sao anh cũng có tiếng là một nhà cách mạng (?) bôn ba hải ngoại, lẽ bước xử người!

Nên phạm tất cả việc gì bí mật bên trong của khối tù quốc gia cũng như khối tù cộng sản, không ai giấu giếm điều gì, vì anh em rất tin cậy vào lòng yêu nước của anh...

Nhưng vào khoảng giữa năm 1944, dưới thời giám đốc Tisseyre. Dùng một cái anh em mới bật ngửa ra, vì một hôm tất cả gác dan, thầy chú đều tập trung vào, lại thêm bốn, năm chục người rờ set tiếp tay.

Trước hết, họ mở cửa từng khám, bắt anh em phải lột bỏ hết quần áo lại, chỉ ra mình không, ngồi sắp hàng hai ở hàng ba rồi phải khoanh tay trước ngực cúi đầu xuống.

Tất cả hầm hố bí mật, bao nhiêu sách viết hoặc dịch giấu trên mái ngói hay giấu trong tường đều bị khám phá ra hết!

Sách vở bị tịch thu hết là đã đành rồi.

Tiền bạc hồi ấy mỗi người được giữ hai đồng cũng bị lấy luôn.

Gà vịt cũng bị bắt hết.

Khoai củ, bầu bí đang trồng đều bị nhổ lên.

Những phẩm vật như đường đậu, bánh kẹo thuốc nam mua ngoài

tiệm khách và tiệm bà Hào An chưa kịp dùng hết, còn cất trong hai tủ chứa để ngoài hai dãy hành lang cũng bị vét sạch.

Các cuộc giải trí và thể thao ngoài sân và diễn kịch cũng không còn nữa.

Tất cả anh em quốc gia cũng như cộng sản đều bị đàn áp một trận toi bời rồi kể từ đó:

Mỗi người chỉ còn có: một bộ đồ xanh, một chiếc chiếu và một thẻ bài bằng miếng ván thông phải đeo tồn teng trước ngực mà thôi.

Đóng cửa tối ngày không được ra chơi, chỉ trừ hai bữa ăn mỗi bữa cơm, mỗi bữa ăn chỉ có 15 phút thôi.

Mỗi tuần tắm có một lần, mỗi lần chỉ có mười phút.

Người nhà bếp cũng bị rút bớt, nên việc nấu nướng không được kỹ lưỡng như trước.

Cuộc bố ráp ấy, không những đám người rờ sẹt được no, mà luôn cả anh em nhà bếp thường ăn bên lao Một cũng được một phen vơ vét, vì vụ nổ phá vườn cây và lừa bắt gà vịt của anh em chánh trị *lao Hai* cũng có anh em nhà bếp *lao Một* được Tây cho qua phụ tiếp! Dịp may ít có mà.

Việc này xảy ra không biết có phải tự tay anh Thành làm ra, hay do một bàn tay bí mật nào của người trong cuộc giở trò ném đá giấu tay, vì tôi không ở chung, tôi không được rõ. Chỉ nghe dư luận bàn tán cho đó là một “*cú chơi*” của Đoàn Công Thành, còn về phần anh Thành thì kêu trời kêu đất, một hai cái chánh yêu cầu anh em đừng nghi cho anh.

Rồi thì mọi việc đều được thời gian xóa mờ dần đi, không ai nhắc tới việc đó vì anh Đoàn Công Thành đã có lời khiếu nại trước dư luận như vậy.

Nhưng sau ngày nước nhà tuyên bố độc lập, người ta lục thấy trong Archives⁽¹⁾ có tờ mật bầm của anh Thành về vụ ấy, khi đó anh

(1) Archives: kho lưu trữ tư liệu (BS).

Thành mới có lệnh bị tổng giam. Việc này xảy ra dưới thời kì ông Trà còn tại vị, nhưng tôi không nhớ kỹ là ngày tháng mấy.

Anh em chánh trị rất phản uất đối với anh Đoàn Công Thành, vì dù sao anh cũng mang danh là một nhà cách mạng(?) có tiếng xuất dương kia mà!

Nếu anh đứng về lập trường Mác xít, thì anh có tìm cách tiêu diệt những người theo chánh nghĩa quốc gia, thì anh em quốc gia cũng chẳng phiền anh.

Hoặc anh là người quốc gia, anh có tìm cách bóp chẹt bên phe đối lập, thì phía bên cộng sản cũng không lí do phiền trách anh được. Vì hễ đã là đối lập thì có quyền sát địch để bảo vệ lập trường mình.

Đảng này cộng sản anh đã không tha, mà quốc gia anh cũng làm nốt, thế thì lập trường của anh là lập trường gì?

Bởi đó, cộng sản rất thù oán anh, mà quốc gia cũng kết tội anh là người phản động. Anh có tên trong bản phong thần từ đó.

Tội trạng của sáu người này đại để là thế, cho nên quần chúng Côn Nôn hồi ấy họ rất phản uất đối với sáu người này. Họ trông mong được thấy sáu người đền món nợ máu.

Lúc phái đoàn giao cho tôi thì tôi lãnh, vì tôi không thể từ chối. Nhưng phái đoàn vừa về bữa trước, là ngay ngày hôm sau là 13-12-45, tôi đã tuyên bố tha ngay cho họ.

Tôi biết rằng trái lệnh thượng cấp còn ít nguy hiểm hơn làm trái lòng dân. Nhưng tôi vẫn làm, vì tôi dám làm. Dám làm việc này là tôi dám chết thay cho 6 người ấy, nếu mai kia một nọ phái đoàn có trở ra bắt tội tôi sao có dám thả sáu người Việt gian!

Kể ra tôi cũng độc tài thật. Nhưng cũng may cái độc tài của tôi chỉ có tánh cách thi ân, chứ không có tánh cách sát phạt.

Tại sao tôi có thể tha chết cho sáu người ấy trong khi hầu hết mọi người đều đòi hỏi mạng sống của họ?

Xin thưa, *tôi vốn tánh lạc lòng và rất dễ dãi*, dù giận ai cho đến

9 xe 10 giàn mà khi nghe họ nói vài câu thiết yếu cũng tiêu tán ngay.

Tôi có thể giết người được hay không, chỉ ăn thua trong những giờ phút nổi trận lôi đình mà thôi. Thời gian qua, nó nguôi ngoai dần, tôi không thể giết ai được lâu cả.

Hơn thế nữa, thành tích dĩ vãng của tôi bất quá là *một tên tướng cướp*, nay may nhờ thời cuộc mà được nhảy lên địa vị mùa men, nào phải là kẻ có tài đức xứng đáng được ngồi trên thiên hạ.

Và theo ý riêng tôi, ai cũng có quyền sống dưới bóng mặt trời thì chỉ có đáng thiêng liêng tối thượng mới có quyền định đoạt mạng người mà thôi, còn giữa người và người thì ai cũng như ai, không ai có quyền gì chém giết ai được.

Có chăng chỉ được xảy ra trong trường hợp có việc gay cán thù ghét nhau thôi. Vì người này bức tức người kia, nhịn nhục không được là phải đi đến chỗ đổ máu.

Đằng này việc đã xảy ra từ hồi nào, bây giờ đem ra bắn giết, tôi không đủ nhẫn tâm làm được việc ấy.

Mặc dù tôi đã được lệnh và có đủ giấy tờ để hành quyết. Và lại còn có sự mong đợi của đa số quần chúng nữa, đành rằng tôi có đủ điều kiện thi hành.

Nhưng tôi không muốn xảy ra một cuộc chém giết ở trong quyền hạn của một thằng quèn với chức phận nhỏ nhen như tôi.

Tôi sẵn sàng tha chết cho họ. Nếu về sau có gì bất tiện xảy ra, tôi cũng vui lòng chết thay cho họ. Và nếu thượng cấp không tha cho họ thì cứ chém giết làm sao thì làm; chứ tôi thì tôi không thể giết người mà tội trạng họ đã xảy ra từ lâu.

Do đó, có nhiều người phê bình rằng: *tánh tôi là tánh đàn bà*; chỉ có thể làm một ông thầy tu, chứ không thể làm một nhà chánh trị được.

Tôi nhìn nhận lời phê bình là có lý.

KẸ CHO ĐI, NGƯỜI GÀN LẠI ĐỂ...

Mặc dù tôi đã tuyên bố rõ rệt như thế, tha luôn cho sáu người có tên trong *sổ bìa đen*, và nhất là không trả thù những người đã xử tệ với tôi từ trước.

Nhưng khi trông vào cái thành phần đa số ở đảo hồi ấy là trộm cướp, sát nhơn, và chính tôi là kẻ cầm đầu cho thành phần bất hảo ấy lại là kẻ có tiền án về tội cướp, thử hỏi những gia đình khá giả có vợ đẹp, con khôn, có một túi tiền hơi nặng, làm sao họ có thể yên trí mà không lo sợ phập phồng cho được.

Họ nghĩ rằng: lúc mới đầu thì tôi tuyên bố vậy và làm một vài việc đúng theo như vậy. Nhưng biết đâu sau ngày củng cố được địa vị rồi tôi lại không đổi ý?

Hoặc giả tôi không đổi ý, nhưng còn cái đám đông, dân thường án kia, là những kẻ đã từng cướp của, giết người và hãm dâm, một khi có cơ hội nào thuận tiện, chúng sẽ nổi lên làm loạn, khi đó họ còn đất đâu mà đứng ở giữa cái hòn đảo chơi vơi này?

Do đó, một số người vào hạng khá giả trong hàng công chức và giám thị đâm lo ngại ngại, họ cần phải tìm nơi lánh nạn bằng cách đưa đơn xin chữ ký của tôi, để họ được tự do về đất.

Hơn 30 lá đơn của hơn 30 gia đình đưa đến tại tòa hành chánh với mỗi hi vọng hết sức mong manh vì không ai tin rằng những lá đơn này sẽ được tôi bằng lòng chấp thuận. Nhiều người đoán trước rằng không những bị bác bỏ, e còn bị tôi trừ mặt là khác.

Nhưng họ đã lầm to, các đơn ấy đều được tôi sẵn sàng đặt chữ kí, lại còn giúp phương tiện cho họ được về đất liền trong chuyến ghe thương hồ của Mười Ngọ chở hàng ra đảo bán.

Nguyễn Thành Út⁽¹⁾ khi nghe tin này thì y tức thiếu điều muốn ỏi máu ra, y liền hào hển chạy đến văn phòng tôi mà nói:

– Tại sao anh điên quá vậy?

Tôi biết y muốn nói cái gì rồi, tôi đáp:

– Phải! Tôi điên thật anh à! Tôi điên vì cò đã đến tay mà không chịu phát! Nhưng nếu trong xã hội loài người mà có được nhiều người điên như tôi thì sẽ không có ai phải bỏ thầy ngoài chiến trường và đồng thời các cơ xưởng sản xuất vũ khí sẽ đóng cửa hết!

– Thôi đừng nói chuyện xa vời, bây giờ hãy nói chuyện thực tế đây cái đã. Tôi cho anh hay chuyện này, chắc anh sẽ đồng ý với tôi?

Tôi hỏi nhanh:

– Chuyện gì?

– Tất cả những đơn anh kí cho về đất, tôi đã thu lại hết rồi.

– Ủa! Thu chi vậy?

Nguyễn Thành Út cười hể hà:

– Thì anh cũng độ mà hiểu rồi, còn hỏi lời thôi gì nữa! Có lẽ nào anh chẳng hiểu rằng: tại đảo hiện nay chỉ có những gia đình ấy là vú sữa, nếu anh cho họ đi hết, rồi ở đây chúng ta còn biết cạy gỡ vào đâu, rồi phải chết đói với nhau hay sao?

Tôi cười mon với anh ta:

– Anh sẽ làm gì với những người ấy khi gần họ phải ở đây?

Ồ! Với quyền hành của một Công an trưởng kiêm Cảnh sát trưởng thì đâu có thiếu cách nặn ra tiền, anh khéo vợ vẫn thì thôi. Giờ đây, miễn anh chịu “ừ” với tôi một tiếng, thì bao nhiêu vàng bạc thu được

(1) Anh Nguyễn Thành Út là một phạm nhân bị tòa án Pháp kêu 10 năm *khổ sai phát lưu* (10 ans de travaux forcés et à la relégation) về tội cố sát và lường gạt, Tây đày ra đảo vào khoảng 1940. Lúc tôi bị đặc cử chức Giám chế thay ông Trà, thì anh xung phong xin làm Công an trưởng kiêm Cảnh sát trưởng.

tôi sẽ chia cho anh phân nửa. Nghĩa là anh cứ ngồi không chia của, khỏi phải làm gì cả... Sao? Anh có đồng ý hay không, trả lời cho tôi mừng chút đi?

– Tôi đồng ý lắm chứ...!

– Ô! Vậy thì anh thông minh lắm đó. Có vậy thì mới có tiền tiêu, chờ ở đây làm việc không lương mà!

Tôi trở giọng:

– Tôi đồng ý, nhưng đồng ý cho những người đó được về đất theo như ý muốn của họ...!

Anh Út nghe tôi nói thế liền biến sắc ngay, anh nói:

– Với hạng người đó, anh không nên quân tử với họ. Họ đã không tin chúng mình, họ cho rằng bọn mình là đầu trộm đuôi cướp, họ không chịu chung sống với chúng mình, họ đã bỏ đi, anh còn thương xót họ là nghĩa lý gì?

Tôi nhấn mạnh:

– Họ không tin mình là phải. Vì tôi là một kẻ cướp chánh hiệu con nai, còn anh thì nào là lường gạt các chủ điền bằng cách cho vay dài hạn, nào là làm thầy bói dụ dỗ đàn bà, nào là bắn chết người để giật sòng me v.v... và v.v... Như thế, thành tích quá khứ của mình như thế, anh bảo người ta phải tin mình thế nào cho được.

– Vậy trong những lời tuyên bố của anh, tha thứ cho sáu người có tên trong sổ bia đen và cấm ngặt không ai được trả thù đó là gì? Chánh sách khoan hồng của anh đã tỏ tường như thế, mà họ còn ngờ vực cái việc không tốt cho mình, thử hỏi họ có phải là những người đáng nên thương xót hay không?

Tôi nói:

– Lời tuyên bố và một vài việc làm trong buổi đầu hôm sớm mai chưa phải là điều kiện đáng được bảo đảm. Đối với họ, việc làm của chúng ta hãy còn mới lắm, họ nhắm về tương lai của mình nhiều hơn. Nên họ phải tìm đường lánh nạn chứ.

– Sống trong thời buổi này mà giữ mực thanh liêm thì nghèo chết đi anh ơi! Sợ mang tiếng thì đừng làm gì cho quá thể thì thôi, phải làm gì chút chút để mà sống với thiên hạ chứ.

Tôi vừa cười vừa nói:

– Tôi cũng là một phần tử đầu trộm đuôi cướp như anh, chứ tôi có tốt gì hơn anh đâu. Nhưng có làm gì thì làm ở ngoài đời kia; còn ở đây, nếu chúng ta ở địa vị của kẻ thường dân vô trách nhiệm, dù chúng ta có làm gì sai quấy cũng còn có chỗ khả thứ; nhưng hiện giờ chúng ta ở địa vị nhà cầm quyền, chúng ta không thể làm như thế được. Vì dân chúng đưa chúng ta lên với sự mong ước được bảo vệ tài sản và sanh mạng cho họ, chứ nào phải đưa chúng ta lên để mà đè đầu cỡi cổ họ đâu!

– Nhưng bây giờ tôi đã lỡ thâu hết giấy phép của họ rồi. Thôi thì anh hãy cho đình lại một vài tuần rồi hãy cho họ đi cũng không muộn gì.

Tôi biết rằng nội cái thu giấy lại đó đã đủ làm khổ cho người ta rồi, nếu cho đình lại vài tuần thì chắc các gia đình ấy sẽ phải tiêu khá khá nhiều vàng bạc để được trả giấy phép lại. Tôi hiểu cái dụng ý ấy của anh Nguyễn Thành Út, nên tôi không nên được cái về phát câu. Tôi nói:

– Không được! Sẵn ghe đây nên cho người ta đi, anh đừng kiếm chuyện gàn dở. Vì lòng nhân ái và vị tha, tôi yêu cầu anh trả gấp lại hết giấy tờ cho họ.

Biết không thể nào cưỡng lời tôi được, anh Út đành phải rút lui với vẻ hăm hăm vì mất mỏ ăn!

Không những tôi kí tên cho về một chuyến ấy thôi. Tiếp theo đó, những ai chưa tin tôi lắm và sợ tù Côn Nôn giết chết không biết ngày nào, muốn tìm về đất liền để lánh nạn Côn Nôn, tôi còn kí giấy phép cho đi thêm nữa. Vì tôi chỉ có được lệnh giữ anh em thường án lại thôi, còn các gia đình công chức và giám thị không thấy phái đoàn nói gì đến, bây giờ ai muốn về tôi phải cho người ta về chứ sao.

Chuyến về thứ hai đó, tôi cho đi bằng *chiếc tàu Nguyễn An Ninh* tức là chiếc chaloupe Luciani của Pháp. Nhưng chiếc tàu này vừa ra khỏi hòn *Bãi Cạnh* thì bị hỏng máy, không đi được, phải trở lại.

Sau đó ít lâu, thỉnh thoảng có vài chiếc ghe thương hồ từ trong đất liền chở đồ ra bán, bà con Côn Nôn hỏi thăm tin tức về những gia đình về trong chuyến trước với chiếc ghe Mười Ngọ, người ta kể chuyện cho nghe, thì khi về đến nơi gặp nạn Thổ dậy và giặc Pháp tràn lan xuống tới Bạc Liêu, đám người ấy bị tàn sát gần hết, nào ông *54 Ngừ*, nào vợ chồng thầy Mai, nào ông bà Huỳnh Tấn Chấn và cô gái cùng là cô giáo Bốn bị giết một cách tàn nhẫn, ai nghe cũng phải lạnh mình.

Vì giấy mực có hạn và vì không đủ trí nhớ dai mà nói cho hết. Ở đây tôi chỉ cần nêu lên cái chết thảm thiết của cô giáo Bốn là đủ cho bạn đọc liên tưởng đến số phận không may của bao nhiêu gia đình mất tích khác.

Nguyên lúc tôi mới về dinh giám đốc được vài ngày thì không biết vì ý gì cô giáo Bốn đến xin yết kiến riêng tại tư dinh. Nhưng tôi đã dặn trước tất cả kẻ ăn người ở trong nhà không ai được nhận lời về sự tiếp xúc riêng, ai có cần gì thì bảo họ cứ đến tại tòa Hành chánh.

Do đó, cô giáo Bốn phải đến văn phòng tòa Hành chánh để được gặp tôi. Nơi đây là giữa chỗ có nhiều tai nhiều mắt, cô giáo Bốn không thể nói hơn là xin làm thư kí riêng... cho tôi!

Thư kí riêng của tôi chưa có người nào, còn đang tuyển chọn, vì thuở ấy số người hay chữ rất hiếm hoi. Đáng lí ra tôi tiếp nhận ngay vì một người đẹp xin làm thư kí riêng cho mình, nó đã lợi cho việc kia lại còn được thêm việc nọ, nhứt cử mà lưỡng tiện, thì đại gì mà từ chối!

Nhưng không hiểu tại sao tôi khờ khạo quá, bộ óc của tôi nó không được khôn ngoan sáng suốt như người ta! Dịp may đưa đến mà không nắm lấy, lại nhè viện cớ để có từ khước! Tôi trả lời cô:

– Tôi xin thành thật cảm ơn cô. Nhưng rất tiếc là cô đến chậm,

nên văn phòng riêng của tôi đã có sẵn thư kí rồi. Vậy cô hãy chịu khó chờ khi khác.

Cách vài hôm sau đó, cô lại đến tôi lần nữa. Tuy rằng cô không nói trắng ra những điều thâm kín... nhưng với những giọt nước mắt của cô khóc lóc với tôi, đã đủ cho bao người cộng sự quanh tôi thấy rõ cô có dụng ý gì! Lần này cô tiến xa hơn một bước:

– Ba má em biểu em làm đơn đệ lên ông xin cho cả gia đình về đất. Em không chịu làm, ba má em mượn người khác làm. Vậy khi đơn ấy đưa lên đây, xin ông đừng kí.

– Hôm rày ai dứt đơn xin về, tôi cũng kí hết. Nay tôi lấy lí do gì mà từ khước được riêng một lá đơn của ba má cô?

– Nếu ông không từ khước được thì ông chỉ chấp thuận về phần ba má và mấy em tôi mà thôi, còn tên tôi thì xin ông cứ bỏ đi.

– Tại sao cô không cùng về với cha mẹ?

Cô giáo Bốn trả lời một cách lúng túng:

– Em không muốn về là vì hồi hôm này em có... nằm chiêm bao...!

– Nằm chiêm bao! Chiêm bao cô thấy gì vậy?

– Em thấy về trong đó là em bị giết..., em ghê quá!

Tôi biết đấy chỉ là một lí do bịa đặt khi cần, tôi hỏi:

– Ôi! Chiêm bao là điều mộng mị, hơi đầu mà tin! Ba má cô về mà cô ở lại thì gia đình mất cảnh vui tươi, vậy cô nên cùng về cho ông thân bà thân cô được yên dạ.

– Nhưng em không muốn về, em muốn ở lại đây với ông... em thấy vui hơn!

Khi cô nói đến hai tiếng với ông thì cô hạ giọng để khỏi lọt vào tai những người khác. Tôi bèn chấm dứt câu chuyện, vì cần phải dành thì giờ cho bao nhiêu công vụ. Tôi nói:

– Thôi được rồi! Để chừng đơn nhà cô lên đây rồi tôi sẽ xét lại.

Thế là cô ta ra về với vẻ phập phồng không chắc. Thật ra thì tôi cũng muốn chiều lòng cô, nhưng thà không cho là không cho hết, chớ cho cha mẹ cô về, mà bôi tên cô là nghĩa lý gì? Người ta sẽ đánh giá tôi ra làm sao? – Vì vậy, khi lá đơn của ông bà Huỳnh Tấn Chấn (cha mẹ cô Bốn) đưa vào là tôi phải kí trọn vẹn cho cả gia đình cùng về một lượt với nhau trong chuyến ghe hàng của Mười Ngọ ra đảo lần đầu tiên.

Tôi không biết rõ hết các chi tiết chiếc ghe Mười Ngọ khi về tới đất ra làm sao, chỉ biết đại khái về cái chết của người thiếu nữ bạc mạng ấy qua những lời của các người kể lại như sau:

“... Trước hết, chúng lột truồng cô ra, rồi bắt đầu hăm dâm lần lượt qua sáu người Miên mà trên tay chúng đưa nào cũng có cầm chà gao, dao găm hoặc phảng. Nếu chúng chỉ chơi cho thỏa thích thì còn có chút nhân đạo. Nhưng không đâu, chúng vừa chơi lại vừa dằn vặt, khiến tấm thân trong trắng của người thiếu nữ phải trải qua những trận mây mưa bão tố, bầm dập tơi bời... thật không còn cảnh nào thương tâm hơn nữa. Ông bà Huỳnh Tấn Chấn thấy đứa con gái cưng của mình bị bọn người tàn tâm hành hạ một cách ô nhục như vậy thì hết sức đau lòng, bèn đứng ra lay lục cầu xin, mong được chúng nới tay một chút, thì chúng dùng gậy gộc đánh tơi vào đầu và bắt trói lại mỗi người một góc để chúng kiến cho chúng tiếp tục làm cái việc... bỉ ổi trên cái thể xác của người con gái vô phúc.

– Cuộc dằn vặt đến lượt qua người thứ sáu thì cô giáo Bốn gần như hết thở, không còn cựa quậy gì được. Chúng bèn dựng ngược lên, hai thằng nắm lấy hai giò để xé tét ra, một đứa đứng giữa cầm chiếc phảng mà chẻ... Trong khi ông cha bà mẹ sợ điên hồn trước cái cảnh thịt rơi máu chảy của người con gái thân yêu, thì bọn ác ôn lại vui cười sằng sặc với nhau. Xong vụ cô gái, chúng lại làm tới ông cha bà mẹ: mỗi người đều bị chúng chặt làm ba khúc...!”

Ấy đấy! Vụ chết của cô giáo Bốn tôi nghe đại khái là thế, còn

bao nhiêu vụ khác tôi cũng có nghe qua loa, nhưng càng kể càng thêm đau lòng. Ở đây tôi chỉ nói việc gì xảy ra tại đảo mà thôi.

Khi nghe tin này các giới công chức và giám thị còn ở lại đảo hồi ấy ai cũng giật mình. Nhứt là những gia đình được tôi cho về trong chuyến thứ hai⁽¹⁾, bị tàu hồng máy mà họ được trở lại. Được chết hụt, họ mừng không kể xiết.

Thế mới biết ở đời, trong cái rủi thường có cái may là vậy đó!

Khi tôi viết đến đoạn này, tôi không khỏi có chút ngậm ngùi đau xót. Ví thử lúc đó tôi dùng sợ mang tai mang tiếng mà gạt bỏ tên cô đi, cô ở lại thì thế nào cha mẹ cô cũng không nỡ lia con, thì gia đình ấy sẽ được còn sống như bao nhiêu người khác cho đến bây giờ, làm chi đến phải gặp cái tai nạn vô cùng thảm khốc ấy!

(1) Từ đó ai nấy đều yên lòng ở lại Côn Nôn cho đến ngày Tây trở lại, không một gia đình nào dám dứt đơn để xin về đất nữa.

AI CẤM TÙ VỀ? VÀ AI CHO TÙ VỀ?

Như ai nấy đã biết: hơn 30 chiếc ghe cửa hộ tổng bởi chiếc tàu Phú Quốc ra đảo lúc ông Lê Văn Trà còn tại vị, là chỉ có lệnh *chở tù chánh trị* mà thôi.

Còn tù thường án thì còn bị gác lại để chờ lệnh mới, điều đó hồi ấy tại đảo ai ai cũng biết, nào phải chuyện trong buồng gói mà ai có thể bung bít cho được. Nhưng người đời sao vội mau quên! Hay là người ta không muốn nhớ sự thật, để trăm đầu cứ đổ đầu tằm?

Nói tóm lại tôi cũng như ông Trà, chỉ có quyền giữ tù, chứ không có quyền thả tù.

Nếu ai nói rằng tôi có quyền thả tù thì cứ kiểm phái bộ do anh Văn Cừ làm trưởng phái đoàn mà hỏi. Nếu anh Văn Cừ có bị Tây giết chết, thì phái đoàn ấy đến mấy mươi người, chứ không lẽ chết hết.

Nếu ngẫu nhiên mà cả phái đoàn chết hết, là cũng còn một vài người trong đoàn đại biểu của tù là *anh Sáu Đầu*, *anh Năm xe lửa*, *anh Nguyễn Văn Phát* v.v... là những người đã cùng tôi đứng ra thay mặt, để kêu ca với phái đoàn về vụ tù thường án bị gác lại. Đó là những nhân chứng cụ thể.

Từ lâu rồi, có những tiếng đồn rằng hồi 1945 nước nhà độc lập mà tôi lại giữ tù Côn Nôn lại đảo không chịu thả tù, lại còn cấm không ai được về.

Nếu quả thật mà tôi có cấm không ai được về, cũng chẳng ai lấy lẽ gì phiên trách tôi được, bởi ở trên đã bảo tôi: *Phải giữ lại đó, để chờ lệnh mới*, thì tôi là cấp dưới ắt phải tùng quyền cấp trên là lẽ dĩ nhiên.

Ấy thế mà ngày tôi nhận việc do ông Trà giao lại trước sự chứng

kiến của phái bộ Văn Cù, tù Côn Nôn còn ngót 1.500 người; đến chùng Tây trở lại, chỉ còn có non 400. Nếu ai nói tôi không cho tù về, hỏi vậy con số hơn 1000 người thiếu đó, tôi đã ăn tươi nuốt sống đi đâu, hay có thể đem họ đi bán mọi họ cho xứ nào được chăng?

Mặc dù đã có lệnh trên bắt tôi cũng như ông Trà phải giữ tù lại, song dưới thời ông Trà cũng có một số ít nhờ khéo hoạt động mà được về, đến thời tôi, tôi cũng tự động tìm cách mà cho anh em được về.

Tôi có đặt ra một ban kiểm soát ngầm để theo dõi từng người một, rồi ghi vào những bản danh sách mà tôi đã lập sẵn như:

1) *Thành phần phục thiện*: gồm toàn những người có hạnh kiểm tốt, biết hối cải ăn năn, họ không tái phạm lần nào kể từ sau ngày tôi nắm chánh quyền.

2) *Thành phần bất hảo*: gồm những người có tái phạm kể từ sau ngày tôi nắm chánh quyền. Trong đó chia làm 2 loại; một vô tình sẽ được hưởng trường hợp giảm khinh, một loại cố ý hay ngoan cố thì phải trừng trị xét xử và trong một thời hạn tùy theo tội trạng họ sẽ không được hưởng gì hết.

3) *Thành phần nguy hiểm*: gồm những phần tử phản động như *Sáu Một, Ba Đào* là những tên trước kia có chân trong sở Rờ sệt ⁽¹⁾ chuyên việc ruồng bắt tội trốn, hoặc đánh giết bạn tù chết lên chết xuống mà chẳng chút gớm tay. Trong sê-ri này, dĩ nhiên là phải có sáu người có tên trong sổ bìa đen đã bị anh em chánh trị lên án.

Những người có tên trong bản danh sách phục thiện và những người vô tình lầm lỡ, ai muốn ở lại cộng sự với tôi tại các văn phòng thì ở, ai muốn về thì cứ dứt đơn xin về tôi sẽ cho về.

Vậy những đơn nào khi tôi xem lại nếu có tên trong thành phần *phục thiện* và *vô tình lầm lỡ* đều được tôi kí tên chấp thuận cho họ được về bằng hai phương tiện:

(1) Xem chú giải về sở Rờ sệt ở trên.

Một là: tôi cấp cho lương thực và dụng cụ, rồi tự họ kéo nhau đốn cây kết bè hoặc đóng ghe mà về.

Hai là: nếu ai không chịu đựng được sự khổ nhục bị muỗi mòng cắn, hoặc vất vả về vụ đốn cây cưa cây; không chịu lên rừng mà muốn quá giang bằng những chiếc ghe thương hồ, thì tự họ phải điều đình lấy với chủ ghe bằng một giá phải chăng nào đó. Nghĩa là trên đảo dưới thời kì tôi không có cái lệ sung công, tôi không có quyền bắt buộc một chủ ghe nào phải chở không ai cả.

Nhờ tôi tự động, dám cãi lệnh trên⁽¹⁾ lần lượt cho những người có hạnh kiểm tốt được về trong khoảng mấy tháng (kể từ 12-12-1945) nên đến ngày Pháp trở lại Côn Nôn, con số từ 1.500 sụt xuống không đầy 400, và 400 ấy gồm có bốn loại khác nhau:

a) *Hơn 100 người tự họ tình nguyện ở lại*, hoặc có cảm tình với tôi mà tôi giữ lại để giúp việc ở các văn phòng và các trụ sở.

b) *Hơn 100 người hoặc vì không còn bà con thân thích*, hoặc vì thời cuộc chiến tranh, họ không muốn về đất liền vội, tự họ đưa đơn xin ở lại, kẻ thì xin một ngôi nhà hay một khu vườn, hay năm, mười mẫu ruộng với một vài cặp trâu, hoặc xin mở cửa hàng mua bán hay tự do sinh hoạt với một nghề nghiệp gì đó.

c) *Lối 90 người thuộc thành phần nguy hiểm.*

d) *Lối 60 người tàn phế bởi bị cưa cẳng cắt tay, hoặc bị phong, cùi, hủi.*

Vậy với bốn thành phần kể trên, chỉ có thành phần nguy hiểm lối 90 người là bị tôi chánh thức giữ lại thôi, còn ba thành phần kia là tự họ tình nguyện ở lại để cùng cộng sự với tôi, hoặc tự họ dứt đơn xin ở lại để được tự do sinh hoạt và nhứt là số người tàn phế, họ không đủ sức vượt qua sóng gió, về đất lúc đó cũng chẳng ai nuôi,

(1) Dám cãi lệnh trên trong việc thi ân cho người, chứ không phải cãi lệnh trên với tánh cách xiêu mù làm loạn.

mà ở lại đảo là chỉ tổ thêm nhọc cho tôi phải cung cấp thực phẩm thuốc men, chớ có làm được việc gì khi mà họ đã chết một phần hoặc hết nửa thân người?

Với *những phần tử có tên trong bản phong thần (!) nguy hiểm*, ai ai cũng thù oán họ, ai ai cũng muốn trông thấy cái ngày đền tội của họ. Thế mà tôi không giết họ, cũng không để cho công chúng chặt đầu hoặc phanh thây họ, chỉ giữ họ lại trong sự bảo vệ an ninh cho họ, như thế họ đã là may phước quá chừng, họ còn phàn nàn gì nữa?

Nhưng với đám người này bị tôi chánh thức giữ lại, thì do họ có kiếm cơ để gieo tiếng oán cho tôi. Rất tiếc những người trong đám tự do sanh hoạt, tự họ dứt đơn xin ở lại, tự họ muốn chiếm cứ ngôi nhà tốt của Tây, tự họ muốn làm chủ một số đất cát ruộng vườn... Thế mà khi họ gặp những người kháng chiến bị Tây bắt đày ra đảo hồi tháng 7 năm 1946, hỏi họ: *"Tại sao nước nhà độc lập các anh không đi, còn ở lại đây làm chi cho phải bị kẹt?"*.

Thì họ trả lời cùng một luận điệu kia của đám người bị tôi giữ lại là:

"... Chúng tôi muốn về lắm chớ! Về để giết giặc trả thù cho nước, nhưng Sơn Vương không cho về làm sao mà về?"

Té ra những người này họ giàu lòng yêu nước quá, mà tôi nào có hay, tôi nhè hạn chế tấm lòng *"ái quốc"* của họ chớ!

Thật tệ cho tôi quá lắm thôi thôi!

CÙNG ĐI GẶT LÚA ĐEM VỀ DÙNG CHUNG PHẢI CHĂNG LÀ MỘT ĐIỀU BỊ TÔI LÀM NHỤC?

Hồi còn dưới thời kì ông Trà, Côn Đảo thỉnh thoảng còn được có sự tiếp tế của đồng bào Hậu Giang gửi ra cho, nào gạo trắng, nào tôm khô, nào hột vịt muối, nào đường bột, mắm, mỡ v.v...

Đến thời kì tôi (từ 12-12-1945 đến 18-4-46) thì khỏi, vì lúc ấy giặc Pháp đã lan tràn, thêm cái nạn *Thổ dậy*, cái cảnh vườn trồng ruộng hoang đã lần lượt hiện ra khắp trên lãnh thổ, một chén gạo lúc ấy là một chén vàng, đàn bà con gái ở thôn quê không mua được vải để mặc, có lắm nơi phải dùng đến bao hàng bao bố để có che thân cho khỏi lỏa lồ.

Ngoài cái nạn ăn đói mặc rách ấy ra, còn thêm cái nạn giặc Pháp tàn phá và cái nạn *Thổ dậy* giết cả trẻ con và đàn bà chửa.

Trước tình trạng điêu linh thảm khốc ấy, thử hỏi đồng bào trong đất liền còn có phương tiện nào để giúp đỡ cho đám người ăn không ngồi rồi ngoài đảo hay không? Nhất định là không.

Vậy đời sống của số người còn kẹt ngoài đảo giữa thời ly loạn ấy, là tự tôi phải lo lấy cho họ được phần nào hay phần nấy, chớ không thể trông từ đâu đem đến được nữa.

Mặc dù trong các kho thực phẩm của Pháp cũng còn để lại khá nhiều như lúa, gạo, nước mắm, mỡ, muối và khô mực v.v... Nhưng nếu cứ ngồi không mà ăn thì phải có ngày kiệt quệ, cho nên tôi phải nhìn xa mà lo trước cho bà con Côn Đảo mà việc gì phải đến với họ trong thời mai hậu.

Lúc ấy ruộng lúa của thời Tây để lại đang chín đỏ đồng, nếu để

mặc cho nó quá ngày quá tháng, thì dù chuột bỏ không ăn cho hết, nó cũng rơi rụng xuống đất thì rất uống của trời! Do đó, tôi phải nghỉ đến sự gặt để gom lúa về kho.

Và tôi sẽ bắt những ai phải đi gặt lúa bây giờ?

Không lẽ tôi bắt anh em thường án đi gặt, và để cho bà con công chức cùng giám thị được ngồi không an hưởng

Hay là tôi chỉ bắt các gia đình công chức và giám thị ra đồng gặt lúa để cho tất cả anh em thường án được hả mối thù xưa?

Tôi không thể làm một chuyện bất công đầy tách cách thiên vị như thế được.

Chủ trương của tôi là chủ trương dung hòa để san bằng những cái hố sâu. Tôi đã tự coi mình như vị huynh trưởng trong một gia đình, và coi tất cả là bà con thân mến, không có sự phân biệt kẻ thân người sơ về tình cảm, thì tất phải đồng đều trong công việc làm. Tôi muốn sao cho tất cả anh em quên dần thù xưa oán cũ, thì vụ gặt lúa là một cơ hội đưa đến chỗ hai bên có dịp hòa mình thân thiện với nhau.

Và lại anh em thường án có tội hay chẳng là đối với thực dân Pháp kia, còn bây giờ bao nhiêu bản án của tòa Pháp xử đều đã hủy bỏ cũng như bao nhiêu chức vụ của Pháp ban ra. Không ai có quyền bắt nạt ai và cũng không ai có bốn phận gì phục dịch ai nữa. Tất cả đều là công dân có quyền bình đẳng ngang nhau, thì tôi phải thi hành cách nào cho đúng với chủ trương “*dung hòa*” của tôi.

Tôi bèn mời nhóm tất cả hai bên tựu đến trước dinh, và yêu cầu tất cả, mỗi người một tay một chân xúm nhau ra đồng cùng lo cho xong mùa gặt, rồi hãy nghỉ ngơi, thì đề nghị của tôi được toàn thể tán đồng.

Trước giờ điểm danh để lãnh phần ăn như là gạo trắng tôm khô, hột vịt muối ⁽¹⁾ và bò hộp ⁽²⁾ mắm muối v.v.. thì ai nấy đều tề tựu đủ

(1) Gạo trắng, tôm khô và hột vịt muối của đồng bào trong đất gởi ra từ lúc ông Trờ còn tại vị, vì ông không có phát ra cho anh em dùng nên các món ấy mới tồn lại đến thời kì tôi. Và ông bị dời về đất liền nghe đâu vì vấn đề này.

(2) Bò hộp của Nhựt để lại.

mặt, nhưng khi ra đồng lại có một số ăn bơ làm biếng, lãnh đồ ngon rồi trốn luôn đi thẳng lên núi quơ củi nấu ăn rồi kiếm chỗ nằm ngủ cho sướng thân, rồi đến chiều về cũng xen vô hàng ngũ cho có mặt.

Việc này có tin báo cáo đến ti cảnh sát, anh Út bèn đề nghị với tôi *nhờ để cho anh bắn bỏ vài người để cho họ bỏ cái tật lánh nặng tìm nhẹ đó đi!* Tôi can anh Út:

– Anh đừng có nóng, anh cứ để đó mặc tôi, tôi không cần phải bắn họ mà chỉ trong vài ngày đây sẽ không còn có một ai trốn việc nữa.

Anh Út không hiểu tôi sẽ dùng biện pháp gì, và anh cũng không tin kết quả của tôi. Còn phần tôi trót đã thốt ra như thế nào, tôi phải cố gắng cho kì được.

Thì có gì đâu, ngay từ buổi sáng hôm sau, tôi cũng nón lá áo tơi ra đồng gặt lúa như tất cả mọi người. Những ông già bà cả không ai chịu cho tôi làm như vậy, các bạn trẻ tuổi cũng bảo tôi đừng. Nhưng tôi vẫn cứ đi làm, đi làm cho đến ngày thứ ba thì nhóm người trốn việc kia họ nghĩ sao không biết, đứng ra thú tội trước quần chúng và xin lỗi tôi, khi đó tôi mới chịu trở về với công việc hành chánh.

Công việc tôi kêu gào bà con công chức và giám thị nên chung sức với anh em thường án, thì hồi đó ai cũng cho tôi làm vậy là phải. Nhưng rất tiếc ngày Tây trở lại, có những người lại méc với Tây rằng tôi làm nhục họ bằng cách bắt họ gặt lúa để cho Tây có cơ đánh tôi.

Cũng may là số trở mặt này chỉ có ít thôi, còn đa số đều nhìn nhận chủ trương dung hòa của tôi là bôi xóa cho hết oán thù.

Vì thử lúc đó tôi để cho bà con công chức và giám thị được ngồi nhà nằm không, bắt toàn anh em thường án phải ra đồng gặt lúa, thì hậu quả sẽ như thế nào, tôi không cần giải thích thêm mà người có óc thông minh cũng thấy rõ rồi!

★

AI ÉP DUYÊN AI?

(Giải đáp về vụ cưỡng bách hôn nhân)

Những câu chuyện gì thầm kín xảy ra trong gia đình ông bà Vệ Liễn luôn luôn được giữ kín, sờ dĩ mà tiết lộ lọt đến tai tôi là chính ngay trong gia đình ấy có một tay gián điệp mà ông bà Vệ Liễn lại quá tin như tình ruột thịt, nên mỗi việc gì bí mật người ấy có khi cũng được dự bàn...!

Tay gián điệp ấy là ai?

Thưa đó là *ông già Quít*, tức là người đẩy tờ ruột của ông bà Vệ Liễn. Ông già Quít là một người tù “lưu” ở đảo lâu năm, hễ khi ông Vệ Liễn đổi về đất liền thì thôi, hễ trở ra làm việc tại đảo là ông bắt già Quít đem về giúp việc trong nhà. Mặc dù một bên là chủ, một bên là tớ, song nhờ sự chung sống nhiều ngày, nên giữa ông bà Vệ Liễn và ông già Quít thương nhau như anh em ruột. Do đó mới có tiếng già Quít là đẩy tờ ruột của gia đình ông bà Vệ Liễn!

Trong trường hợp nào ông già Quít trở thành gián điệp cho tôi?

Thật ra, tôi không hề có ý định dùng ông già Quít về công việc này, vì tôi có biết ắt giáp gì trong gia đình ấy. Tự nhiên ông ta tự mang xác đến mật báo cho tôi hay một số việc rồi xin làm gián điệp cho tôi. Tại sao có chuyện lạ lùng như thế?

Nguyên dưới thời ông Trà, thì ông Vệ Liễn được chỉ định làm Giám thị trưởng, tức thay chức vụ *garden-en-Chef* của thời Pháp vậy. Ông Vệ Liễn được ông Trà cho khai khẩn sở Lò gạch. Ông Vệ Liễn vì bận việc khai thác nên giao hết công việc ở sở Lò gạch cho ông Quít được trọn quyền khai thác.

Nhờ đó, tại sở này ông già Quít có tạo được một số quyền lợi riêng cho ông, là trồng được một đám thuốc và khá nhiều gà vịt.

Đến thời kì tôi, phạm nơi nào có dân cư đông đúc, đất địa phì nhiêu, tôi đều có đặt ra làng xã thôn ấp, vì lúc đó chỉ có năm, mười người làm nên tội mới thì mới chánh thức gọi là tù; còn bao nhiêu đều trở thành dân cả, nên có nhiệm vụ biến Côn Nôn trở thành một địa phương phồn thịnh, không còn là cái đê lao như thời Pháp nữa.

Mỗi ấp tôi đều có chọn một người hay chữ và hạnh kiểm tốt để làm ấp trưởng. Sở Lò gạch hồi ấy được đổi tên là *ấp Lạc Nghiệp*, cũng cần có một vị ấp trưởng như các ấp khác. Ông già Quít đâm đơn xin làm ấp trưởng hai lần và ông cũng có nhờ người kia người nọ vận động giúp, nhưng khó lòng cho tôi chấp nhận được, vì lẽ ông dốt quá, không đọc được cũng như không biết viết. Vậy mỗi lần có công văn chuyển xuống, đều phải qua tay người khác rồi mới đến ông, như thế rất có thể bị sai lạc mà ông không hay biết gì hết. Phần tôi ở trên cũng có thể bị nhầm lẫn như ông.

Ông lo lắng nếu ấp Lạc nghiệp mà về tay người khác điều khiển thì bao nhiêu quyền lợi của ông tạo ra sẽ bị thiệt thòi trước nhất, đó là ý nghĩ lo xa của ông như vậy, chớ hồi đó tại đảo dưới thời kì tôi không hề có bày ra tuần lễ vàng, hay trưng dụng tài sản của ai hết.

Cho nên, dù phải đối với giá nào, ông cũng cố hoạt động cho được. Làm đơn xin hai lần không được, nhờ vài nhà có thế lực khác vận động cũng không được. Bởi đó ông mới nghĩ đến cách làm gián điệp để được lập công với tôi. Do đó, người tở ruột của gia đình ông bà Vệ Liên đã khăng khít nhau từ mấy mươi năm, bỗng trong một sớm một chiều đã trở thành một tên đầy tớ phản chủ. Nghĩa là già Quít đành tâm bán rẻ chủ nhà, chỉ vì ông muốn mua cho được chức ấp trưởng ấp Lạc nghiệp, tức là sở Lò gạch vậy.

Tôi bằng lòng chấp thuận với điều kiện là ông chỉ được làm ấp trưởng theo lối tượng trưng mà thôi, còn mọi việc về hành chánh đều thuộc quyền phó ấp trưởng đảm nhận cả do tôi chỉ định. Được làm ấp trưởng là ông đã khoái rồi, còn quyền hành dù có hay không, điều đó không cần thiết lắm.

Ông lại còn xin tôi cho phép ông được nói xấu tôi một vài câu nghịch ngợm, tôi cũng đồng ý cho phép. Vì ông làm gián điệp cho tôi chỉ có tôi và ông biết lấy mà thôi. Ngoài ra, đối với gia đình ông bà Vệ Liên và người ngoài, ông cần phải tỏ ra rất thù ghét tôi, có vậy ông mới có thể tìm hiểu cái gì bí ẩn để ông được vuông tròn sứ mạng gián điệp.

Ông đã tố cáo chủ nhà như thế nào, xin mời quý vị xem đây:

– Thưa ông, tất cả những gì mà tôi báo cáo cho ông hay, xin ông rán giữ gìn cẩn mật. Nếu để tiết lộ thì tôi không còn mặt mũi nào nhìn thấy ông bà Vệ Liên, và người ta sẽ dùng câu “*nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà*” thì nguy cho tôi lắm. Đồng thời, bất cứ lúc nào ông cũng tỏ ra khe khắt đối với tôi, chớ đừng lộ vẻ gì thân mật, mà rồi người ta đâm nghi...

Tôi nói:

– Điều đó ông khỏi dặn. Có điều này tôi cần dặn ông là: trước khi ông muốn nói gì với tôi, ông nên thận trọng từ lời nói, đừng nên dựa vào sự có thật mà thêm mắm dặm muối thì oan cho người ta tội nghiệp. Nào! Chuyện gì quan trọng ông cứ nói đi.

– Mặc dù ông giám đốc ở đây đã tuyên bố như vậy, song ông chỉ cấm không được trả thù mà thôi, chớ còn cái tỏ vẻ khinh bỉ làm sao mà ông cấm được. Tù ở đây nó coi rẻ tôi lắm, bà có kế gì làm cho tù ở đây nó phải sợ mình hay không?

Đó là lời của ông Vệ Liên nói với bà vợ. Sau một vài giây suy nghĩ, bà Vệ Liên trả lời:

– Tôi có kế này, nếu được ông đồng ý thì hành thì sẽ không còn có thằng tù nào dám phỉ nhổ hay nói xa nói gần trước mặt mình nữa.

– Kế của bà là kế gì, hãy nói huych tặc cho tôi nghe thử?

Bà Vệ Liên bắt đầu nói ra kế hoạch:

– Từ ngày ông ấy nhậm chức đến nay, mấy nhà có con gái chưa

chồng họ nhờ mai mối hiến dâng. Vì sợ người ta ngỡ ngàng tủi hổ, nên không từ chối ai hết, song nghe đâu ông cũng chưa chấp nhận người nào. Hình như ông chê mấy người đó, song vì phép lịch sự nên ông không bộc lộ sự chê ấy ra lời nói. Bây giờ mình sẵn có đứa con gái còn trinh, về nữ công nữ hạnh nó đã ăn đứt con người ta, mà nói về sắc đẹp nó cũng ăn trum tất cả. Vậy bây giờ mình tìm cách mà gả cho ông giám đốc, nói ông chịu thì con gái của mình là bà giám đốc, tôi với mình sẽ là cha mẹ vợ của giám đốc, chừng đó thử hỏi còn có thằng tù nào dám ra mặt khinh mình nữa.

Kế hoạch của bà đưa ra được ông đồng ý, nhưng khi ông bà Vệ Liên kêu cô Hoa đến cho biết về ý định của mình thì cô nhất quyết từ chối. Bà Vệ Liên mới làm giận làm hờn mà nói với con.

– Nuôi con những ước về sau. Bây giờ cha mày tuy được khôi chết là nhờ lượng khoan hồng của ông giám đốc, nhưng còn cái bọn tù ở đây tỏ vẻ khinh bỉ cha mày, làm sao mà ông cảm được. Nếu con là đứa con có hiếu, nên đem thân mà trả nợ sanh thành. Và lại, người ta làm tới chức giám đốc, con được làm bà giám đốc như thế đủ là có phúc lắm rồi, con còn kén cá chọn canh mà đợi chồng vua chồng chúa gì nữa.

Cô giáo Hoa trả lời:

– Thừa cha má, con đâu phải chê người ta. Nếu con không ưng ông ấy thì sau này ba má gả con cho một người *thầy chú*⁽¹⁾ nào đó, hoặc có may mắn hơn nữa thì con lấy chồng đến bậc thầy thông thầy kí là cùng chứ không hơn nữa. Nhưng giữa con với ông giám đốc, tuổi tác quá chênh lệch, hơn nữa nghe đâu ông có một đời vợ rồi...!

Bà Vệ Liên nói:

– Con năm nay 19 tuổi, mà ông ấy mới có ba mươi sáu tuổi, chứ có phải là già đến sáu, bảy mươi đâu. Đến như ông ấy đã có một đời

(1) Hồi ấy chưa có danh từ giám thị, người ta chỉ quen gọi hai tiếng “*thầy chú*” để chỉ vào nhân viên của sở đề lao.

vợ, mà vợ ông đã có chồng khác thì kể như chưa vợ, có ăn thua gì đâu.

Bà Vệ Liên đã nói hết lời như vậy, mà cô giáo Hoa vẫn in một mực khước từ. Bà phải bứt đầu bứt cổ, bỏ ăn bỏ ngủ mấy ngày và đòi thất họng thất hầu tự vận, cô Hoa sợ mẹ chết thiệt, nên vì chữ hiếu mà buộc lòng cô phải tuân theo. Sau khi được con gái “chịu” rồi, ông bà Vệ Liên bèn nhờ tôi⁽¹⁾ đi kiếm chú hai Đầy⁽²⁾ để nhờ chú hai Đầy đến thuyết phục ông... Công chuyện này mới bàn với chú Hai Đầy hồi hôm, có lẽ mai hay chiều gì đấy, sẽ có chú Hai Đầy lên yết kiến ông đó.

Câu chuyện ông già Quít kể lại tôi nghe dài dòng lắm, song đại khái là thế. Tôi tin một phần nào chứ không tin trọn, vì tôi thừa biết thế sự thường tình, một khi người ta muốn thành công một việc gì đó, thế nào người ta cũng bịa chuyện thêm, cho người nghe được thích ý hơn. Tôi bèn hỏi lại ông già Quít lần chót:

– Tất cả đều đúng với sự thật đấy chứ?

Già Quít đáp:

– Thưa, tất cả đều đúng như sự thật. Nếu tôi có chút gì thêm bớt cho người ta thì cho bà Cạn giết tôi chết tại Côn Nôn này đi!

– Nhưng làm sao ông biết được chuyện kín của chủ nhà mà cho tôi hay?

– Tôi là đây tứ ruột, ông bà thương tôi lắm, không có việc gì mà ông bà giấu tôi. Lúc ông bà ngồi nói chuyện ngoài hành lang, có tôi đương và lưới ở gần bên đó, nên tôi nghe hết.

– Người ta tin ông như tình ruột thịt mới không giấu ông chuyện

(1) Tôi ở đây tức là ông già Quít, chữ “tôi” ở trong câu này tức là già Quít.

(2) Anh hai Đầy là người có tài nói giỏi. Anh thành công nhiều việc và được từ Thanh Tư Biện trong giới tù nhơn hồi ấy, cũng nhờ lỗ miệng khéo ăn khéo nói. Có lẽ vì thế mà ông bà Vệ Liên mới cậy anh đi thương thuyết vụ này.

kin, mà ông đem chuyện ấy học lại với tôi như vậy, ông không hổ thẹn với lương tâm hay sao?

– Việc này tôi nhắm không có hại. Ông bả tử tế với tôi, thì tôi cũng biết thương ông bả, nhưng đối với ông thì tôi cũng cảm mến nhiều.

Tôi muốn nói với già Quit câu rằng: *«Chớ không phải ông muốn đổi chức ấp trưởng mà đành tâm bán đứt chủ nhà hay sao?»*. Nhưng tôi nghĩ đi nghĩ lại rồi thôi, vì dù sao các việc ông cho tôi biết đều có dính dáng đến cuộc đời tôi, thì tôi phải coi ông như là một kẻ có công. Tôi bèn cho ông về.

Quả thật, chiều hôm ấy, anh Hai Đầy đến tìm tôi. Tôi tiếp anh tại tòa hành chánh. Nhưng tại đây anh không nêu ra vấn đề tư, anh yêu cầu tôi cho anh được yết kiến riêng tại tư dinh. Tôi trả lời cho anh biết rằng: tôi không có lệ tiếp riêng ai tại tư dinh cả. Thì anh hỏi tôi:

– Nếu vậy tôi gặp ông đi chơi ở đâu, tôi có xin hầu chuyện được không?

– Được! Dù sao tôi với anh cũng là bạn tù với nhau, ngoài giờ làm việc không những riêng anh, mà bất cứ ai cũng có thể tiếp xúc với tôi như là chúng mình hãy còn là tù dưới thời Pháp vậy.

– Được rồi! Tôi sẽ chịu khó chờ... và đón ông trong một buổi đi chơi nào đó. Chớ ở đây tôi không thể nói được một việc không phải là việc công.

Bốn năm ngày sau, vào khoảng năm giờ rưỡi chiều, tôi đang ngồi câu cá ngoài cầu tàu, thì thấy anh Hai Đầy từ trong phía nhà mát ⁽¹⁾ lù lù đi ra. Tại đây không có ai anh được thông thả trình bày câu

(1) Tuy gọi nó là nhà mát là tại người mình gọi trật từ lâu. Thật sự dưới thời Pháp nó là một ngôi nhà dành riêng cho khách qua đường (maison des passagers). Thời ông Trà được đổi làm thơ viện, thời tôi đổi làm trụ sở cho hội đồng dân biểu. Qua các thời khác kế tiếp, khi thì người ta dùng làm sở hiến binh, khi người ta đổi làm trạm kiểm sát, quán cơm v.v...

chuyện mà anh có bốn phận phải nói với tôi. Đây là đại khái những lời anh nói:

– Nghe đâu hôm rày có năm, sáu người của các ông kia bà nọ nhờ người giới thiệu để thăm dò ý kiến của ông. Nhưng không hiểu bởi lí do nào mà ông không từ chối, mà cũng không chấp thuận?

Tôi đáp:

– Tôi không từ chối là vì phép lịch sự, khi người ta có lòng đối với mình mà mình lại phủ nhận lòng tốt của người ta. Còn không chấp thuận là bởi những lí do này: một là chỉ trong nhất thời mà tôi có chút địa vị, thật ra thì *tôi cũng là một tên tù như các bạn* vậy thôi, mà tù của tôi là tù thuộc phái bất lương chứ không được mang danh nghĩa là tù cách mạng. Tình đời còn có lạ gì, lúc mình được đắc thời đắc vị thì mình được mọi người nâng niu chiều chuộng, nhưng biết đâu một ngày nào đó, địa vị này nó không còn ở với tôi, tôi trở lại đời tù như trước thì dở dang cho cô nào được tôi chấp thuận; chứ tôi thì không dám chê ai; bởi tôi dù có thay hình đổi lột thế nào đi nữa, những hành động ăn cướp ở tù vẫn còn ghi rõ trong đầu óc mọi người, nào phải tôi là con nhà quan quyền quý phái mà dám chê ai.

– Cũng may là ông chưa chấp nhận ai hết, chứ phải anh chấp nhận thì chỉ thêm hận, chứ không ích lợi gì hết, vì với những cô nàng mà họ đã rêu rao nói dèm để như ông đó, tôi đã quan sát kĩ rồi, không có cô nào được hết. Với họ, ông chỉ có thể dùng làm món đồ chơi để giải quyết sinh lí hoặc khá hơn tí nữa họ làm cái máy đẻ con là cùng, chứ không thể làm vợ để cùng chia sẻ nỗi đau buồn khi lâm nạn và chung lo xây đắp hạnh phúc gia đình được. Tôi muốn gặp ông không phải ngoài mục đích giới thiệu cho ông một người xứng đáng, không những đó là một cô gái còn trinh cát chỉ, mà công dung ngôn hạnh cũng hoàn toàn, còn nói về phần học thức cô ấy cũng có một trình độ khá cao, có thể giúp anh một tay về công việc hành chánh được.

Tôi giả vờ như chưa hiểu người anh sắp giới thiệu là ai. Tôi hỏi:

– Chẳng hay người ấy là ai vậy?

– Đó là cô giáo Hoa, con gái thứ tư và cũng là con gái cưng của ông bà Vệ Liễn.

– Cô ấy kể ra thì cũng được lắm, hồi nào tới giờ đối với cô ấy chỉ có khen chứ không nghe thấy tai tiếng gì. Nhưng anh cứ nói thật cho tôi được biết cô ấy bằng lòng yêu tôi hay là bị cha mẹ bắt buộc?

– Làm gì có chuyện bắt buộc. Không những cô ấy rất hi vọng được làm vợ ông, mà ông bà Vệ Liễn cũng sẵn sàng lắm...!

– Được rồi! Tôi xin thành thật cảm ơn anh đã có lòng tốt muốn giúp tôi được có một gia đình ấm áp. Nhưng hôn nhân là vấn đề quan hệ suốt cả đời người, cần phải suy nghĩ kĩ. Hôm nào tôi có sự quyết định, sẽ cho người mời anh và trả lời dứt khoát cho anh được biết.

Kể từ hôm ấy trở đi, ngày nào tôi cũng thấy anh Hai Đầy đi qua đi lại trên con đường Phan Bội Châu là con đường trước tòa Hành chánh, hoặc con đường Nguyễn An Ninh là con đường cái chạy dài theo bờ biển, nhưng anh chỉ đứng lóng nhóng ngoài gần trước cổng dinh, mặc dù tại cổng dinh tôi không đặt lính gác, nhưng anh không dám vào, vì chưa có lệnh gọi.

Mãi đến nửa tháng sau, anh mới đón gặp tôi tại làng Thạnh Trị ⁽¹⁾ anh thúc giục tôi về chuyện ấy. Tôi trả lời anh:

– Tôi là một kẻ bất lương và đã có một đời vợ, mà nay được một thiếu nữ vừa xinh đẹp vừa nét na niệm tình tưởng đến, đó là điều vinh hạnh cho tôi. Nhưng từ ngày lên làm giám đốc gần hai tháng rồi mà cái quần cái áo không lành, vì ở đây tôi cũng như các người cộng sự thì lãnh phần thực phẩm ở kho lương thực mà ăn, chứ tôi có lãnh được đồng lương, vì kho bạc đã trống rỗng từ lúc ông Trà giao lại. Nay nếu tôi cưới vợ, lấy tiền đâu mà sắm đồ sinh lễ, vì dù sao cô ấy là

(1) Hồi ấy các sở tôi đều đổi tên như sau đây: Tại Châu Thành là làng Thanh Bình, An-Hải là làng Thanh Trị, Cơ Ống là làng Đắc Thắng, sở Cầu là ấp Thành Công, bến Đầm là ấp An Cư, Lò gạch là ấp Lạc Nghiệp, cho nó phù hợp với cái tên của hòn đảo đã được đổi ngay từ lúc phái đoàn có mặt tại đảo, là “*An Ninh quần đảo*”.

một cô gái mới lớn lên, ít nhứt mình cũng đối xử thế nào cho có sự thể, có phải là gái ế chồng hay lỡ thời đâu mà tôi dám khinh thường.

Anh Hai Đây nói:

– Việc ấy ông khỏi phải lo, ở đẳng ấy người ta cũng biết hoàn cảnh của ông. Vậy miễn ông “ừ” lên một tiếng là mọi sự hao tổn người ta lo cả cho ông.

– Nhưng lấy gì để tổ chức đám cưới, không lẽ bắt con gái người ta về không, mà không đãi đằng quan khách để cuộc thành hôn được rõ ràng chánh thức.

– Thì ở đây trâu bò gà vịt cũng còn huyền thiên, anh muốn dùng bao nhiêu lại không được. Ông là giám đốc, ông toàn quyền mà...?

– Không thể như thế được. Tôi toàn quyền là toàn quyền ở chỗ bảo vệ tài sản và sanh mạng cho dân; chứ đâu phải toàn quyền để mà lạm dụng của công. Nếu tôi lấy của công để làm việc tư, tôi còn cai trị ai được.

– Nhưng ai dám nói ông.

– Không những không một ai phàn nàn, mà tất cả đều sẵn sàng với tôi nữa kia. Nhưng tôi không nhắm vào lòng tốt của bà con công chúng ở đây mà giờ trò lợi dụng.

– Vậy thôi thì tôi bắt đẳng ấy phải xuất tiền mua.

– Như vậy thì thấy nhọc lòng ông bà ấy lắm, đã mất con gái còn phải bù của!

– Ấy! Một khi người ta đã muốn cho con người ta được về dinh giám đốc thì người ta phải chịu tổn chớ sao.

– Nhưng ở đây bán một vài con vật để lấy số tiền năm, bảy trăm hay một ngàn đồng ⁽¹⁾, tôi cũng không dùng nó được việc gì cả. Vì nếu

(1) Hồi ấy tiền bạc hay còn đắt giá: một con heo chỉ đáng giá chừng vài ba trăm, một con bò chừng bốn, năm trăm là cùng. Đó là của công, còn của tư thì có thể bán với giá khá hơn.

không phát lương thì không phát hết, nếu có phát hành thì phải phát cho tất cả, không li nào tôi phát lương cho một vài người, mà bao nhiêu người cộng sự khác chỉ được lãnh có phần thực phẩm không sao?

– Không ấy thì ông lấy số tiền ấy chia cho những người quét đường và đổ thùng, có ế ẩm gì mà sợ.

Sau một vài giây suy nghĩ, tôi bèn trả lời dứt khoát:

– Tôi biết phận tôi là hèn, nên tôi không dám đèo bồng ai cả. Nhưng ông bà ấy đã có lòng tưởng đến thì tôi cũng xin vâng. Một điều mà anh nhớ kĩ giùm tôi, là tôi không có quyền sử dụng của công.

Câu chuyện giữa tôi và Hai Đầy trong hôm ấy đến đây là tạm chấm dứt. Hai Đầy ra về một cách hài lòng. Rồi không biết đảng ấy hoạt động làm sao, mà chỉ cách có ba ngày sau đã có bà *Mười lăm Linh*⁽¹⁾ đến xin gặp tôi để đưa ra một số đồ sinh lễ gồm có các món như sau:

1. đôi bông tai nhận hột xoàn

1. sợi dây chuyền mẻ đay nhận hột xoàn

2. chiếc vòng bằng vàng y

1. cây trâm nhận hột xoàn

Và một chiếc nhẫn cưới cũng nhận hột xoàn

Bà *Mười lăm Linh* là người có tuổi đáng bậc mẹ tôi. Hồi thời Pháp mỗi khi bà nghe Tây hay thầy chú nào đánh đập tù tội tàn nhẫn thì bà khóc lóc thở than, bà là người ăn chay niệm Phật với một tâm hồn thành thiết hiền lương. Bởi bà là người tu tâm tích đức như vậy, nên tôi kính mến bà như bậc mẹ hiền. Từ ngày tôi nhậm chức đã gần hai tháng, bà *Mười lăm Linh* là người duy nhất được tôi tiếp tại dinh. Khi nêu mớ đồ sinh lễ ấy ra, bà nói:

– Số đồ sinh lễ này là của bên đảng gái nhờ tôi trao lại cho ông, để ông có đồ sinh lễ đi cưới con người ta cho được rõ ràng, vì người ta cũng biết từ ngày ông lên làm việc, không có lãnh lương thì lấy

(1) Bà *Mười lăm Linh* là vợ của một ông giám thị hồi ấy mang số 15.

dâu mà mua sắm món kia món nọ. Hình như đảng ấy còn định chọn một vài bộ đồ Tây thật tốt để tặng cho ông, vì không lẽ trong ngày đám cưới, cô Tư Hoa thì trang điểm huy hoàng rực rỡ, còn ông mang chài mang lưới thì coi sao được.

Tôi nhận số đồ này mà trong lòng cảm thấy ngờ ngợ làm sao. Tôi chưa biết phải nói gì, thì bà *Mười lăm* nói tiếp:

– Còn chuyện này nữa, là người ta thấy gia đình tôi là một gia đình đảng hoàng, con cái đông đúc mà đưa nào cũng lấy vợ lấy chồng đảng hoàng, nên người ta cậy vợ chồng tôi đứng làm chủ hôn cho đảng trai, để cặp vợ chồng mới của ông sau này nhờ đó sẽ được yên lành tốt đẹp. Tôi thấy ông là người biết thương bà con công chức cũng như đảng anh em tù tội, tôi cũng muốn giúp cho ông nên cửa nên nhà, nên tôi đã nhận lời với đảng ấy mà chịu đóng vai chủ hôn cho ông, vì không lẽ đảng kia có ông bà sui gái, mà đảng này không có ông bà sui trai thì nó sẽ không thành một đám cưới đúng theo cổ tục Việt Nam.

Đáng lẽ ra tôi phải nói gì thật nhiều với bà *Mười lăm* cho có đủ lễ nghĩa. Và đáng lẽ ra tôi lấy đó làm hành diện sung sướng, mà tiếp nhận một cách vui tươi mới phải. Nhưng không hiểu tại sao tôi ghen ngào không nói được gì, lại còn rưng rưng hai hàng nước mắt là khác. Tôi khóc đây có nghĩa tủi thẹn nhiều hơn là xúc động. Cuối cùng tôi chỉ nói được có một câu:

– Ở đây cháu không có mẹ, ông bà thương tình mà giúp đỡ giùm cho thì cháu không biết nói gì hơn là thành thật biết ơn. Và, tiện đây cháu xin nhờ bà thay mặt cháu chuyển lời với ông bà ấy rằng... Nhưng tôi biết nói gì đây?... Thôi thì đã làm ơn thì làm ơn cho trót, bà liệu lời mà nói thế nào để cháu được tỏ lòng kính mến người trên cho phải đạo rể con...!

Bà *Mười lăm Linh* nói:

– Việc đó tôi xin dám nhận, tôi đã từng làm sui nhiều lắm tôi biết. À này, ông định ngày nào làm đám cưới để rước dâu đây?

– Thưa bà chưa đi lễ hỏi thì sao cưới được?

– À à tôi quên...!

– Phải để cho cháu đi lễ hỏi trước đã, sau đó mới làm đám cưới.

– Nhưng ông phải tính gấp gấp một chút chứ, ông xa gia đình đã lâu lắm rồi...?

– Việc đó không thành vấn đề đối với cháu. Còn như ngày hỏi cũng như ngày cưới thì tự như đằng ấy xếp đặt. Nghĩa là hai ông bà sui trai phối hợp với hai ông bà sui gái, rồi bề trên muốn tính toán thế nào đó thì tính, vì cháu rất dốt vụ này, cháu không biết gì hết.

Sau khi bà *Mười lăm Linh* ra về, thì vừa lễ hỏi và lễ cưới chỉ hoàn thành một cách đơn giản trong vòng nửa tháng.

Lúc nào cô Hoa không ưng lấy tôi, điều đó tôi không biết rõ, tôi chỉ biết từ ngày cô về làm vợ, thì cô tỏ ra xứng đáng một *hiền nội*. Không những thế thôi, đối với dân chúng cô cũng tỏ ra xứng đáng là một *bà giám đốc*, biết chia xẻ cùng chồng trong các việc công, cứ một ngày hai ngày là nàng đi thăm các ty các sở, như là nàng thường xuống nhà thương để thăm viếng và giúp đỡ bệnh nhơn. Nàng rất sáng ý mà thấy nơi tôi: thích làm hơn thích nói, nên trong bài diễn văn chánh kiến để tỏ thái độ của bà giám đốc mà nàng đọc trước công chúng sau ngày thành hôn chừng một tuần. Trước khi đọc, tôi có xem qua thật kĩ, để nếu có khoản nào lố bịch (nói được mà không làm được) thì tôi sẽ bôi đi, vì đối với quần chúng họ chỉ cần cái gì thiết thực cho đời sống, chứ họ không thích ăn bánh vẽ. Nhưng tôi không thấy có khoản nào bôi được.

Thấy nàng có một khả năng đáng kể, nên bắt đầu từ đó, thỉnh thoảng tôi cho nàng được đến tòa Hành chánh thay tôi công tác xử lý thường vụ các việc không quan trọng, nàng tỏ ra quán xuyến trong các việc công cũng như việc tư. Khi đó tôi bắt đầu quý nàng và thật sự yêu nàng hơn cái buổi đầu.

Nếu mọi việc trên đời đều được đi xuôi một chiều, thì tình vợ chồng giữa tôi với nàng êm đềm tốt đẹp biết bao, vì còn gì hạnh phúc

hơn là vợ chồng được hợp tình hợp ý? – Rất tiếc đường đời ít khi thẳng bước, lịch sử bỗng biến cố thành một khúc quanh, khiến nên khắng khít nhau chưa được bao ngày, kể xảy chuyện bể bàng đáng tiếc.

Nhưng tôi cũng cần lên tiếng trước, kéo mà quý vị vừa xem đến đây có thể ngộ nhận là nàng phản bội. Thưa, không phải thế đâu, nàng rất thủy chung. Việc đáng tiếc xảy ra, không tại nàng cũng không phải tại cha mẹ vợ mà là do thời cuộc xui nên.

Số là chúng tôi ăn ở với nhau vừa được chừng hơn tháng, thì bỗng một hôm ông già Quít đến tôi. Ông hỏi:

– Ông giám đốc, ông có hay gì không?

Tôi hỏi lại ông:

– Việc gì mà ông có vẻ bối rối lắm vậy?

– Duyên nợ của ông đã sắp đến hồi tan rã rồi đó?

– Vô lý! Làm gì có thể xảy ra việc ấy?

– Sao không? Tôi biết hết mà! Nhưng việc này không phải tại cô Tư mà đầu dây mối nhợ đều tại ông bà hết trời...!

– Nhưng cha mẹ vợ tôi đối xử với tôi rất đàng hoàng, tôi chưa thấy có cử chỉ gì khác lạ kia mà?

– Như vậy là ông lầm to rồi! Ông có biết không? Chiều hôm qua cô Tư về dưới thăm nhà, bà Vệ bảo cô Tư...

– Bảo thế nào?

– Bà bảo Tây sắp ra rồi đó. Vậy con hãy liệu cách gây gổ thế nào để dứt tình đi. Nếu con còn dằn dúi thì khi Tây ra nó bắn hết cả nhà, vì mình là công chức ăn lương của chánh phủ Pháp mà lại gả con cho một kẻ cướp quyền của nó thì nó sẽ coi như một kẻ thù phản bội...

– Rồi vợ tôi trả lời làm sao?

– Cô Tư nói: duyên nợ này đâu phải tự con, mà là tự nơi cha má định đoạt. Vậy bây giờ ván đã đóng thuyền, thì một ngày là nghĩa vợ chồng, hai ngày cũng nghĩa vợ chồng, dù có biến cố thế nào con cũng

đành cam với số phận không may, con nỡ lòng nào trở mặt trước sự sụp đổ của người ta, vì dù sao con cũng mang tiếng là con người có học. Và cuộc thành hôn chánh thức đã được cử hành một cách long trọng trước sự chứng kiến của toàn dân hải đảo kia mà!

– Sau khi nghe vợ tôi trả lời như thế, má vợ tôi đối xử làm sao?

– Bà Vệ hét: mày ngu lắm! Mày ngu lắm! Mày mê một người mà để lụy cả nhà, mày biết hôn?

– Rồi cô Tư trả lời làm sao?

– Thưa, cô Tư nói: anh ấy là người lớn hơn con mười mấy tuổi, lại là kẻ tay trắng túi không, có gì mà con phải mê. Chẳng qua con thương tình anh ấy có bụng thương người, biết lo tròn nhiệm vụ từ ngày nhậm chức, nếu không, thì Côn Nôn này đã trở nên một sa trường đầm máu ngay từ buổi đầu rồi. Ba má có nhớ kỹ không? Nay con xin nhắc má nghe: dưới thời ông Trà xảy ra những vụ: bà 93 Ngoạn bị cướp và bị hãm gán chết tại sở Tiện nè, *ông bà Trường tiền Ternandez* bị cướp đoạt hết của cải nè, mấy gia đình gat-dan Tây bị quân thúc trong banh Ba, trước cổng có lính gác mà bên trong bị cướp nè, vụ hai người Lào giết một người Việt bên sở Củ để đoạt một bộ đồ vải đen và mười đồng bạc nè, vụ tiệc tùng gì đâu trong sở Bản Chế ông già Hiến đâm chết một người và một người lòi ruột nè. Đối với bà con công chức không biết ai cử thằng cha Trần Sinh làm đại biểu mà nó hội bàn thế này, mai bắt bạc thế khác gây lăm chuyện phiền phức cho các gia đình giám thị. Con nói đây không phải là con ghét bỏ ông Trà, ông cũng cố gắng trong sự bảo vệ tài sản sanh mạng cho bà con chúng ta, nhưng ông không thông tâm lý từ nhơn, thiếu kinh nghiệm, nên ông là người công chức mà không bảo vệ nổi đời sống của người công chức. Có lẽ ba má chưa quên cái đêm rừng rợn: thí dụ ông Trà muốn tóm thâu khí giới của ngành giám thị để giao lại cho các bạn bè thân thuộc của ông, thì ông cứ ra chỉ thị là người ta sẽ mang đến trả ông. Hà tất phải nửa đêm ông xui thằng cha Vệ Hớn và một đám bảo an đến vây từng nhà, gõ cửa, chia súng vào mặt làm cho ai nấy hết hồn,

tướng gì nguy biến lắm, té ra chỉ là thâu súng lại! Nhiều lắm! Nhiều lắm! Con không nhớ hết. Từ ngày chồng con lên nắm chánh quyền, những gia đình nào không tin có sự an ninh ở đây đòi đi về đất thì bị giết chóc gì đâu trong ấy, chớ bao nhiêu gia đình ở lại ngoài này, ai là người bị bức bách hay bị giết hại đâu má chỉ thử coi? Nhất định là không có rồi. Về mặt quản trị quần chúng anh ấy cũng tỏ ra sáng suốt và công bình, nếu ảnh thiên về phía phạm nhơn thì đời sống của các gia đình công chức hay giám thị chúng ta sẽ bị chết ngột, không còn cái chén để ăn cơm, không còn một manh áo lành để mặc khi phải ra đường. Không! anh ấy coi tất cả mọi người là bạn thân, anh *cầm cân nảy mực thăng bằng* trong việc quản trị. Nhờ đó mà mặc dù vì thời cuộc loạn li, đời sống vật chất giữa một hòn đảo xa xăm không được đầy đủ, chớ đời sống tinh thần thật là yên ổn. Trong khi ở nơi đất liền, bất cứ là địa phương nào cũng có xảy ra đến hằng trăm vụ giết chóc, trả thù, hoặc vì bất đồng chánh kiến, hoặc vì thù vật cá nhơn mà tàn sát lẫn nhau, thì ở đây lại được yên như bàn thạch, như thế là thần tiên lắm rồi, còn đòi hỏi gì nữa?

Ông già Quít kể chuyện đến đây dường như có vẻ bết bát, tôi lặng thinh để cho ông nghỉ mệt. Sau đó vài phút, ông lại kể tiếp:

– Cô Tư lại nói: lúc con chưa về với anh ấy, con có hỏi thăm một vài phạm nhơn quen, họ nói anh ấy không phải là con người truy lạc, con cũng tin nhưng chưa tin mấy, tới chừng con về với anh ấy, qua sự thử thách nhiều lần con mới thấy đúng là sự thật. Một hôm con làm đồ nhắm thật ngon, để ép anh uống rượu, nhưng anh nhứt định không uống. Hôm khác mời mấy người bạn gái tới chơi, con đưa tiền cho họ và một bộ bài tứ sắc để dụ ảnh vào trông thì ảnh bảo phải giải tán cho gấp, không được bày vụ ấy trong dinh. Một lần khác nữa, con muốn thử lòng ảnh cho biết ảnh thật yêu con như con thật tình yêu ảnh, hay chỉ chơi hoa cho biết mùi hoa? Con bèn nhờ một bà bạn lớn tuổi hơn con giả đồ đến thăm con, con nói với ảnh là con sẽ đi vắng, sự thật là con núp trong phòng bên cạnh tủ áo để xem thời sự làm sao? Thì vừa mới tới anh ấy đã chặn đầu bằng câu: Vợ tôi không có ở

nhà! Bà bạn ấy nói: không có ở nhà thì tôi vào phòng cô Tư tôi đợi...! Vừa nói vừa chạy đại vô phòng con nằm ngửa trên giường với vẻ lẳng lơ kêu gọi, thì anh ta liền truyền lệnh cho đám gia nhân phải lập tức tổng cổ người này ra! Lúc đó con phải đứng ra can thiệp, con vừa cười vừa nói: Chúng em đóng kịch để thử anh đó, chớ không phải chị này tính quấy chi đâu!

– Anh ấy nói: “Vậy mà tôi tưởng...!” rồi cười xòa lên!

Đó, má nghĩ mà coi, với một người chồng tuy không tài sản, nhưng có một tâm hồn rộng rãi bao la, và rất thủy chung với vợ nhà như thế, thì dù con có mang tiếng là “mê” anh ấy đi nữa, con cũng không có gì hổ thẹn. Nhưng sự thật thì con không mê, vì con có phải là gái ế chồng đâu mà phải đi mê một người trọng tuổi hơn con? Sự thật con chỉ biết yêu một người có nhiều lẽ phải, yêu từ sau mấy cuộc thử thách, và người đó đã được mẹ cha chỉ định, chớ con không xé rào vượt quyền cha mẹ!...

– Những lời lẽ đó của vợ tôi có thuyết phục nổi má vợ tôi không?

– Bà ấy vẫn giữ lập trường!

Bà nói: thật ra thì cha má đâu có muốn con phản bội chồng con, nhưng đây là tình thế bắt buộc, bắt buộc con phải hi sinh một mối tình, một người dung để cứu vãn cho cả gia đình; nếu không thì ba má sẽ chết trước, rồi đàn em thơ đại của con để lại ai nuôi? Đó, từ hôm ghe Mười Ngọ chở hàng ra đây lần cuối, cái tin Tây thắng Việt bại làm ba con sợ sốt vó, nằm vùi hoài, có ăn uống gì được đâu. Nếu con là đứa con có hiếu thì đừng để cho cha má phải khổ vì con...?

– Khi đó vợ tôi có thái độ thế nào?

– Thì cô Tư chỉ còn nước khóc và khóc...!

Tôi ngậm ngùi thở ra, nhưng rồi tôi chợt nhớ lại. Tôi hỏi:

– Ủa! Mà ông đang ở tù trong lao⁽¹⁾, tại sao ông được nghe câu chuyện này tỉ mỉ quá vậy?

(1) Quí vị muốn biết tại sao ông già Quít bị ở tù thì hãy xem mục *Ai ám sát già Quít?* sẽ nói rõ trong một đoạn sau.

Ông Quít trả lời:

– Sống dưới chế độ của ông thì thấy việc gì cũng dễ dãi cả. Mặc dù tôi ở tù, nhưng tôi chỉ ở tù ban đêm, chứ ban ngày thì tôi làm bồi cho nhà ông bà Vệ Liên.

– Ai cho ông ra?

– Thì ông Bích giám thị trưởng chứ ai⁽¹⁾.

– Tại sao anh ấy dám thả tù một cách bất hợp pháp như vậy?

– Thì người ta nhìn lên trên thấy ông dễ dãi, thì ở dưới người ta cũng bắt chước dễ dãi để khỏi phật lòng ông chứ sao.

Giữa lúc tràn đầy buồn bực, mà nghe ông già Quít thốt ra câu đó khiến tôi không khỏi bật cười và trả lời ông:

– Ông thật là người khéo ăn khéo nói lắm đa...!

Ông hiểu ý tôi muốn nói gì, nhưng chỉ cúi đầu làm thinh, chứ không dám cãi chánh. Tôi bèn mời ông dùng cơm rồi cho ông về. Khi ra tới hàng ba, ông lại trở lại, nói khề với tôi:

– Ông làm cách nào ân xá để cứu tôi ra, chứ từ hôm tôi đập thàng Trụ chết tôi bị ở tù, tôi tiếc sở *Lò Gạch* của tôi quá.

Tôi nói:

– Ông có ơn với tôi thì ơn riêng ấy tôi vẫn không quên, nhưng ông có tội với pháp luật là pháp luật phải trừng trị chứ lí nào vì ba cây thuốc mà ông giết chết một mạng người, mà mới ở tù đâu có vài tuần, ông lại bảo tôi tìm cách ân xá cho ông, thì tôi còn cai trị ai được, rồi mai mốt ai muốn giết ai, hay ai muốn cướp của ai cũng được hết sao? Vậy ông hãy rán chờ, nếu có cơ hội thuận tiện, tôi sẽ không quên ông đâu!

(1) Chức giám thị trưởng trong thời ông Trà do ông Vệ Liên đảm nhận. Đến ngày ông trở thành cha vợ tôi, tôi liền lấy lại trao cho anh Nguyễn Văn Bích là một cựu phạm nhân, để cho công chúng được thấy rõ rằng sự *vị thân vị kỉ* không thể có trong con người tôi được.

Ông già Quít vừa dạ dạ vừa xá xá mấy cái thật sâu rồi về.

Cái câu chót xin “ân xá” của ông bắt tôi suy nghĩ: lần trước ông đến để hoạt động cho được làm chủ *ấp Lạc Nghiệp*, lần này đến đây nói vòng vo Tam quốc một hồi để tấn ơn rồi rút cuộc là xin thả tù. Vậy biết đâu việc này chẳng có sự thêm mắm dặm muối, vì bà Vệ Liên (má vợ tôi) ít nhứt cũng phải là một người đàn bà gương mẫu, có mẹ ấy mới sanh con ấy được, chớ mẹ là người tâm xà khẩu phật thì làm gì xây dựng được một đứa con đoan trang chính nét như thế kia?

Thế nên già Quít nói gì mặc nói, tôi không thể nghi chuyện quấy cho bà mẹ vợ đã tỏ ra sự tận tình trong việc gả cô gái cung cho tôi. Để tránh sự lầm lẫn đáng tiếc, tôi cần phải bình tĩnh, để chờ xem thái độ vợ tôi.

Hôm ấy vợ tôi lại chơi đờng nhà bà ba Đề chủ nhà đèn gần tôi mà chưa rõ, vì bà ba Đề thương vợ tôi như là thương con, vợ tôi quý bà cũng như bà mẹ, nên họ thường đi đi lại lại với nhau, có khi vợ tôi mời bà ấy đến tại tư dinh chơi cả buổi, nay vợ tôi đáp lại là thường. Nhờ đó già Quít nói chuyện với tôi cả giờ và ra mấy tiếng đồng hồ mà nàng không hay biết, hôm ấy lại nhằm ngày chúa nhật, nên nàng mới có thì giờ rồi.

Tôi ở nhà một mình, vào phòng nằm gác tay qua trán suy nghĩ: “Duyên nợ này từ đâu đưa đến, chớ nào phải tự mình cao vọng đeo bông”. Nay ai lại bày trò rẽ thúy chia uyên...? – Vừa trầm nghĩ, tôi vừa trầm giận.

Nhưng mỗi khi giận một người nào, tôi có cái lệ: hãy kiểm điểm sự việc xảy ra bởi nguyên nhân nào, lỗi tại mình hay tại người, hay tại hoàn cảnh? Đó là việc tôi phải làm trước khi giận thiệt.

Sau khi suy nghĩ kĩ càng, tôi thấy phần tôi nhẹ nhõm, nhưng cũng không phải tại đàng kia, mà tại nơi thời cuộc đối chiều, khiến cha mẹ vợ tôi đâm ra hoảng sợ, rồi từ chỗ hoảng sợ đó mới đi đến sự đối ý. Chớ con người ở đời nhứt là những người có chút lương

tri, có ai lại muốn mang tiếng phản bội làm gì, chẳng qua vì tình thế bất buộc mà thôi.

Ai đứng vào hoàn cảnh của ông bà Vệ Liễn cũng phải sợ Tây làm khổ khi Tây trở lại, vì ông Vệ là một công chức hưởng lộc của chánh phủ Pháp, mà gả con cho một người làm việc dính vào Việt Minh, nếu Tây bại luôn thì chẳng nói chi, Tây mà thắng trở lại thì thật là một điều nguy hiểm vô cùng. Vì sao? Vì Tây chỉ biết thù ghét bất cứ kẻ nào cướp quyền nó trong khi nó vắng mặt, nó có cần phân biệt người đó là quốc gia hay cộng sản gì đâu!

Vậy một khi Tây trở lại, Tây đã coi tôi là kẻ thù số một, thì vợ tôi, cha mẹ vợ tôi, các em vợ tôi sẽ như thế nào? Tất phải chịu ảnh hưởng nặng nề chứ sao?

Vậy bảo ông bà Vệ Liễn không lo, không sợ sao được.

Theo đó, sự đối ý của ông bà Vệ Liễn rất có lý do. Nếu tôi lấy đó làm buồn mà giận người ta, thì ra tôi chỉ biết trách trời giận người mà không tự kiểm điểm lấy mình! Tôi buồn thì được, chứ không quyền giận ai hết.

Nhờ biết đắn đo như vậy, mà lòng tôi được đỡ bức tức.

Một chặp sau đó là vợ tôi về, về trước giờ ăn cơm. Buổi cơm tối hôm ấy, chúng tôi ăn rất ít, vì ai cũng có tâm sự buồn. Đáng lý ra, tôi phải sát hạch nàng về câu chuyện bí mật mà tôi đã được biết.

Tôi nêu ra câu hỏi để chất vấn nàng thì dễ, nhưng nàng khó trả lời, vì *nói dối* thì nàng không nói được, mà *nói thật* thì té ra nàng đem chuyện kín của cha mẹ mà méc với chồng, coi chồng lớn hơn cha mẹ hay sao? Nàng đã là người con có hiếu, gặp cảnh trở trêu thì rán cắn răng mà chịu thôi, chứ không thể vì thương chồng mà bỏ cha bỏ mẹ được. Vì đó, tôi không hỏi nàng, e động đến chỗ đau của nàng.

Tôi thấy nàng buồn tôi không hỏi. Trái lại, thấy tôi buồn, nàng lại hỏi tôi, hỏi ba, bốn lần trong lúc vai kẻ má cận, tức là giờ nghỉ để

rồi vào giấc ngủ của cả hai chúng tôi. Nhưng câu tôi trả lời nàng để nàng được thỏa tính tò mò; nhưng cũng là nhân tiện vạch sẵn cho nàng một giải pháp, để sau này cha mẹ nàng lấy đó làm phương giải cứu, nếu Tây có kiếm có bắt chẹt. Đây là những câu tôi nói:

– Tôi buồn vì nước nhà gặp cảnh khuynh nguy, đồng bào dân tộc vì đó phải sống trong điều linh khôi lửa. Rồi đây, ngày mà Tây trở lại đảo này, anh thì trở lại cuộc đời tù tội, còn em và ba má cũng không khỏi khổ lây.

– Hay là anh với em cùng đi vậy?

– Nếu có người thay thế thì điều đó anh không ngần ngại. Việc ra đi anh đã toan tính từ lâu rồi. Ngày 12-12-45, lúc anh còn là thường dân, chiếc ghe của anh đã đóng rồi, kế phải bộ ra đòi ông Trà về đất, anh lại bị kẹt lần đầu. Qua đến tháng 2 năm 1946 ngày 24, nhân dịp cải tổ nội bộ loại Nguyễn Thành Út ra khỏi hàng ngũ chánh quyền, anh từ chức lần thứ hai, thì bà con công chúng lại cầm chân anh lần nữa. Từ hôm anh được tin chẳng lành do ghe Mười Ngọ ra lần chót, anh cũng đã có ý nghĩ phải ra đi một lần thứ ba, nhưng ra đi không phải là một việc dễ em à...!

– Anh muốn đi thì anh cứ đi, đem em cùng đi với, nào ai dám cản anh được?

– Đành vậy rồi! Nhưng anh không phải là kẻ thường dân vô trách nhiệm như tự thuở nào, mà hiện giờ anh là người đang có trách vụ, khi trách vụ này chưa có người thay thì anh làm sao mà đi được. Nên biết rằng: dù cho thời bình hay chiến, bất cứ địa phương nào cũng phải có người cầm đầu để lo việc an dân, người này muốn đi phải có người khác thay mình, chớ nào phải là kẻ vô trách nhiệm mà muốn đi lúc nào cũng được. Em có biết tại sao bà con công chúng ở đây chẳng chịu bầu ai khác, mà mãi cứ giữ chặt lấy anh không?

– Điều đó có gì khó hiểu, vì anh là người rất công tâm trong việc quản lý, họ thấy rằng họ có thể gởi đời sống của họ vào sự cầm cân nẩy mực thẳng bằng của anh. Họ rất sợ một khi anh ra đi, người khác

thay anh thì đời sống của họ không còn có chỗ đứng yên, nhất là Nguyễn Thành Út hay Đoàn Công Thành một khi được thay anh thì hòn đảo này rất có thể trở thành tha ma mộ địa...!

– Anh xin trở lại vấn đề khi này: một ngày nào Tây trở lại đây như định là anh phải bị hạ ngục, tất nhiên khi đó em phải chịu ảnh hưởng lây, anh nghĩ tới sự đó anh buồn quá...!

– Anh cứ yên lòng, đừng thêm bận tâm về em. Em chết vì anh cũng còn được nữa, bị khổ lây chút chút có đáng kể gì. Lúc bình thời, em được cùng anh chia vui trong hạnh phúc, thì ngày anh hoạn nạn em cũng có bốn phận chia sẻ buồn khổ với anh chứ sao.

– Phần em đối xử thủy chung như vậy, dù em có bị Tây Tà bách hại thế nào em cũng có đủ can trường mà chịu đựng được. Tội nghiệp cho ba má già cả yếu đuối, làm sao có đủ gan mà chịu đựng cái nghịch cảnh ấy như em.

– Thì phải sao chịu vậy, chớ biết sao bây giờ? Thôi thì cứ mặc cho ngày tháng trôi qua, ngày nào yên lành thì nhờ, ngày nào đau khổ thì rán chịu cho quen...

– Điều đó riêng em thì được, chớ ba má thì không thể được, vì ba má cần phải sống để bảo vệ cho cả đàn em. Bây giờ anh có kế này...?

– Kế gì?

– Em với anh giả dờ gây gổ với nhau, rồi anh đánh em cho dập đầu chảy máu, em la lớn lên rồi bỏ chạy về dưới cha má mà ở. Và khi Tây trở ra đây, nếu có ai kẻ vạch sao ba má em là người công chức Pháp mà lại gả con cho một kẻ cướp quyền của nó, thì thế nào Tây cũng nhắm vào chỗ yếu đó mà bắt chẹt ba má, thì khi đó em biểu ba má cứ khai đổ trút cho anh, rằng anh bắt buộc phải gả, nếu không thì anh sẽ bắn, để cho cuộc hôn nhân này trở thành cưỡng bách, may ra nó mới dung cho...

Tôi mới nói đến đó thì nàng chặn lại:

– Không! Một trăm lần không! Phàm đã là con người biết bụng chén cơm mà ăn thì không ai có thể làm như vậy được. Huống chi em thật tình yêu anh và tự nhiên ba má cho người đến nói để gả cho anh, nếu nay phao cho anh cái tội cưỡng bách là nghĩa lí gì? Ai làm như vậy cho đánh hờ anh?

– Không đành nhưng cũng phải đành chớ sao. Hãy hi sinh một người dung, để cứu vãn cho cả gia đình, đó là một lối thoát duy nhất, không có cách nào hơn nữa. Phần anh, anh cũng bằng lòng như vậy...

Nghe tôi nói câu này, nàng hết sức ngạc nhiên, vì không hiểu tại sao câu chuyện thầm kín bên cha mẹ nàng lại lọt đến tai tôi? Nhưng nàng vẫn thủ khẩu như bình, tôi biết được thì biết, chớ nàng không hề hở môi điều gì của cha mẹ. Rồi từ phút ấy nàng chỉ còn có nước ôm mặt mà khóc.

Tôi vuốt mái tóc nàng với sự an ủi và mặc cho nàng thổn thức... cho được voi bớt cái cơn phiền muộn...

Khi Pháp trở lại Côn Nôn, quả thật tôi bị chúng hạ ngục đúng theo sự tiên đoán trước, ông bà Vệ Liễn bị Tây làm khó làm dễ đủ điều, buộc lòng ông bà phải đổ trút tội cưỡng bách cho tôi để được đỡ thân; còn bên giám đốc Gimbert muốn o bế nàng thì bị nàng mắng cho một câu:

– “*Bắt chồng hạ ngục để có đoạt vợ, đó là tư cách của một người đại diện cho nước Pháp phải không?*”

Gimbert xụ mặt, giận lắm mà không nói gì được! Vài hôm sau nó bắt con ông 61 *Hiển* là cô Ánh mới có 14 tuổi đem về dinh giám đốc để giải quyết sinh lí trong những ngày mới tái chiếm đảo.

Dầu đuôi câu chuyện “hôn nhân” giữa tôi với cô giáo Hoa đại khái là thế, những tiếng “*bắt buộc phải gả con, không gả là bắn*” đó là do tôi nêu ra sẵn để ông bà lấy đó mà trả lời với Tây, chớ thật sự tôi nào có cưỡng bách ai đâu.

Hoặc giả nếu tôi có cưỡng bách thì cứ để tôi dùng áp lực bắt

đem về đập liều vùi hoa, chơi thí rồi đuổi về để kiếm món khác, hà tất ông bà ấy phải sắm đủ đồ sánh lễ rồi nhờ bà *Mười lăm Linh* tráo lòn lại cho tôi để tôi có đủ đồ sánh lễ đi cưới con gái bà cho được rõ ràng?

Nếu cô giáo Hoa có bị tôi cưỡng bách thì cứ để cho cô lên tiếng, tại sao cô không nói gì, mà một số người ngoại cuộc không biết lỗi nào về tình hình nội bộ trong gia đình chúng tôi mà lại rêu rao dư luận nọ kia?

Miệng đòi ăn mắm ăn muối, muốn nói sao thì nói, nói trong khi tôi không có quyền ăn nói, vì tôi còn đang ở tù làm sao có thể viết một bài báo để có trả lời?

Hiện nay bà *Mười lăm Linh* hãy còn sống nhẵn đó, người có công tâm muốn biết sự thật như thế nào, thì hỏi ngay bà *Mười lăm* thì biết mớ đồ sánh lễ do tay bà trao lại cho tôi đó là của ai?

TẠI SAO TÔI PHẢI KÉO CỜ HÀNG?

(Ngày 18-4-1946)

Khi nghe tin Pháp sắp đổ bộ tái chiếm Côn Nôn, tôi đã có một cuộc nhóm kín gồm những người có mặt trong bộ máy chánh quyền, để thảo luận kế hoạch đối phó tình hình. Nhưng hội nghị này không kết quả.

Sau đó vài hôm, tôi lại triệu tập một cuộc “khoảng đại hội nghị” gồm thêm các nhà tài măt có thể đại biểu cho đủ các giới đều được tham dự. Tôi nêu ba vấn đề để lấy biểu quyết:

- Một là: tất cả hãy bỏ hòn đảo này mà đi?
- Hai là: khi quân Pháp đổ bộ thì đánh chống trả!
- Ba là: đầu hàng vô điều kiện!

Vấn đề thứ nhứt chỉ được có hai thăm thuận, còn 48 thăm kia thì chống với lí do là: từ lâu rồi ở đảo chỉ nghe tin: *quân ta toàn thắng!* Quân ta toàn thắng! Bây giờ rõ lại thì giặc Pháp đã chiếm hết rồi, chỉ còn sót những nơi hẻo lánh xa xôi mà thôi! Vậy bây giờ có bỏ mà đi thì cũng đi tìm cho cái chết, không chết với giặc Pháp thì cũng chết với nạn Thổ dậy cướp duong, hoặc có trốn vào rừng sâu cũng không khỏi bị hùm tha sấu nuốt mà thôi. Thôi thì một liều, năm bảy cũng liều, cứ ở li đây rồi sao thì sao. Giặc Pháp có đánh là đánh với những người đánh nó, chứ không lẽ nó đánh với chúng ta là những người không khí giới. Bất quá nó đày đoạ khổ sở như cuộc đời nô lệ trước kia là cùng.

Vấn đề thứ hai chỉ có một thăm thuận của ông *Sáu mươi Phố* đòi đánh Pháp tới cùng. Nhưng tới chừng bao nhiêu người khác hỏi ông lấy gì làm phương tiện cho cuộc “chống trả” thì ông không giải đáp được vì tại đảo hồi ấy chỉ có một số cảnh sát lối 25 người với 6 khẩu

súng lục của phái đoàn để lại, còn dân chúng thì vì thiếu ăn thiếu mặc chẳng khác tình cảnh đồng bào trong đất, nên số người tráng kiện rất ít, mà phần đông là loại sút tay gãy cán già yếu bệnh tật thì hỏi đem đám người này ra chống giặc, phải chăng là làm mồi cho súng đạn, hay được việc gì? Thế là vụ chống tôi cùng kể như án trét!

Do đó khi nêu ra vấn đề thứ ba là “*dầu hàng vô điều kiện*” thì toàn thể hội nghị đồng thanh chấp thuận. Kể cả ông Sáu mươi Phò cũng rút lui ý kiến “chống” của ông khi này để cùng bao nhiêu người khác tán thành ý kiến thứ ba.

Tôi là người do dân bầu cử, thì bây giờ dân muốn sao tôi phải chiều theo làm vậy. Không lẽ tất cả mọi người không ai muốn đánh, tôi có thể đánh giặc một mình được sao? Nhược bằng tôi có tổ chức một cuộc kháng chiến tuyệt vọng đi nữa, thì cũng chỉ có một mình tôi được tiếng anh hùng, còn bao nhiêu người khác phải bỏ thân trước làn tên mũi đạn của quân thù, thì anh hùng lối ấy nó không vinh dự tí nào!

Sau cuộc hội nghị này, tôi liền triệu tập đại hội quần chúng, tất cả đều họp đến trước dinh, cho đến những người làm nên tội mới, xử rồi hay đang bị giam cũng được thả ra hết (lối mười người) để cùng nghe tôi tuyên bố trong gồm có khoản đại khái như sau:

– Một là những người gây nên tội mới (kể từ sau ngày nước nhà tuyên bố độc lập và sau ngày tôi nắm chánh quyền) dù đã thành án hay chưa ra tòa đều được trả lại tự do.

Số 90 người bị tôi giữ lại từ đây sẽ được tự do như bao nhiêu tầng lớp khác, muốn đi hay ở là tùy.

– Hai là một cuộc bầu cử chỉ dành riêng cho các gia đình gác-dan, công chức và giám thị (không có anh em cựu phạm nhân tham dự), để tự họ bầu lấy một người khác thay thế cho tôi, để tôi được rảnh tay tính việc hồi hương.

Điều thứ nhứt chỉ là chuyện riêng cho một số người, nên thiên hạ không mấy quan tâm, chỉ có điều thứ hai là làm cho mọi người

xúc động, vì trong cuộc bầu cử đầu tiên ngày 12-12-1945 cũng như ngày tôi từ chức để có cải tổ nội bộ (ngày 24-2-46) thì tất cả người dân có mặt trên đảo đều được tham dự, cố nhiên đa số là anh em thường án đồn thăm cho tôi, phía công chức giám thị cũng bỏ thăm cho tôi, nhưng họ là phần ít. Lần này, tôi không cho anh em thường án tham dự, mà chỉ dành riêng cho đám gác-dan Tây, các gia đình công chức và giám thị, toàn là những người có cộng sự với Pháp trước kia, là người ta thấy rõ tôi đã tìm hết cách để loại mình ra khỏi chánh trường, thì về phía anh em thường án họ tỏ vẻ buồn rõ rệt. Nhưng về phía công chức cũng chẳng vui gì!

Họ buồn cũng có lý do, vì chánh quyền mà lọt về tay bất cứ một người nào khác tại đảo thì đời sống yên vui của họ sẽ bị xáo trộn.

Sợ anh em thường án phá đám cuộc bầu cử ấy, tôi phải đứng ra thị chứng, để cho phía cựu công chức Pháp được tự ý chọn lựa một người trong đám họ tin cậy thay cho tôi. Nhưng sau khi khai thăm thì thấy:

- Không có thăm nào bầu ai khác
- 14 thăm trắng
- Còn lại bao nhiêu thăm khác đều dồn vào cho một mình tôi.

Thế là chính những người công chức cũng không chịu bầu người công chức, lại cũng cứ giữ chặt lấy tôi. Trước kia hai lần có lẽ anh em thường án phản đông tham dự, tôi bị đắc cử là đã đành rồi, lần này (25-3-46) cuộc bầu cử chỉ dành riêng cho các gia đình công chức của thời Pháp mà tôi cũng chưa được buông tha, để tôi có thể thông thả rời khỏi đảo này, thật là tai hại.

Trong khi tôi coi đó là một tai vạ hay là một gánh nặng, thì người ngoại cuộc lại cho đó là điều vinh hạnh cho tôi, thật là trớ trêu!

Biết rằng chạy trời không khỏi nắng, đành phải lãnh mỗi nợ Côn Nôn lần thứ ba, để rồi tôi phải chịu đựng biết bao nhiêu điều khổ nhục và lời cay tiếng đắng khi Tây trở lại.

Để tránh sự đổ máu cho quần chúng hải đảo khi bị giặc tái chiếm, người ta yêu cầu tôi nên lo điều đình trước. Tôi bèn chọn ít người (hai dân Tây hai dân Việt) mang văn kiện về đất để thu xếp về chuyện ấy với nhà cầm quyền Pháp. Mặc dù suốt mấy tháng lên cầm quyền, tôi không hề bạc đãi các gia đình dân Pháp cũng như các gia đình cựu công chức và cựu giám thị, lo cung cấp thực phẩm cho họ đủ sống, mặt khác tôi còn khuyên lon anh em bạn tù đừng nên thừa dịp trả thù.

Ấy thế mà cái ngày Tây trở lại tôi vẫn bị tên tân giám đốc Gimbert hạ ngục như thường! Tên thực dân hạng nặng này xử tệ với tôi, bội ân tôi không phải là không duyên cớ.

Một là: hấn cho rằng vụ kéo cờ Pháp lên tại cầu tàu Côn Đảo khi đoàn chiến hạm của họ kéo đến và vụ đưa phái đoàn bốn người về thương thuyết trước bất quá là một cuộc “trá hàng” tạm để chờ viện binh, hoặc có cơ hội thì sẽ quật lại; chớ trong thâm tâm, thì không thật tình bắt tay với họ.

Hai là: chính hấn muốn kiếm cớ để cướp vợ tôi.

Ba là: có sự đâm chọt của hạng người phản phúc lấy ân làm oán. Hai tên nguy hiểm nhất là *Nguyễn Thành Út* và *Đoàn Công Thành*.

Trong lúc tôi bị chân còng tay trói trong cách sô, thì bọn người phản phúc này ở ngoài lại hô hào hoạt động nói xấu tôi để được vừa lòng bọn Tây, làm cho tôi tức quá, tôi chửi òm lên:

– Bọn của bây còn thua con chó xa lắm! Con chó hằng ngày chỉ được sống với com thừa cá cặn và không hề biết phong hóa lễ nghi là gì, nhưng nếu mình có rui lâm cảnh nghèo, bỏ xứ ra đi 5, 10 năm để tìm sanh kế, khi trở về dù có mặc chiếc áo rách, nó cũng nhớ mình là chủ mà vẫy đuôi mừng. Trái lại, bọn bây là loài người, biết ăn com mặc áo, biết đọc sách ngâm thi, biết phân biệt điều phải lẽ trái, mà bọn bây lại lấy ân làm oán. Lúc nào cũng một thằng này bày đội lên cao, bây giờ bày lại chà đạp. Trước tao tốt cũng bây, bây giờ tao xấu

cũng bây, bây là một bọn tráo trở phản phúc. Con chó còn có nghĩa hơn bây...!

Tôi chửi đây là chửi riêng *cái bọn người ăn ở còn thua con chó đó*, bọn đó cũng biết như vậy; nhưng muốn cho tất cả đều theo bè với chúng, bọn chúng bèn xúm nhau tuyên truyền rằng *tôi chửi hết Côn Nôn!*.

Lúc đó tôi bị nhốt trong hầm, đang bị Tây tà hành hạ, dù có biết cũng khó lòng mà cãi chánh được, huống chi tôi chẳng hay biết gì về việc ấy!

Tới chừng tôi thấy sao gặp ai cũng nhìn tôi bằng cặp mắt khác đi, thái độ lạ lùng ấy làm cho tôi càng bức hơn nữa. Sẵn đó tôi bèn chửi luôn; chỉ trừ những người nào sau trước vẫn giữ một lòng thì thôi.

Do đó, mà sau này trong đất liền, gặp người ở đảo về, ai có hỏi họ về chuyện Côn Nôn, cái số nói đúng sự thật để giữ tiếng tốt cho tôi quả là phần ít; còn cái số về vôi thêu dệt để bôi xấu tôi lại là phần nhiều.

Cuộc bầu cử đầu tiên đáng lẽ được cử hành ngay trong ngày 11-12-45 nhưng sở dĩ phải đình lại ngày 12, chỉ vì bị tôi lánh mặt mà người ta phải chờ tôi.

Cuộc cải tổ nội bộ ngày 24-2-1946, sau khi loại Nguyễn Thành Út ra khỏi bộ máy chánh quyền, tôi liền từ chức để dân chúng hải đảo chọn người khác thay tôi. Nhưng người ta chỉ chịu người trong đất liền ra thay, chớ tại đảo họ không chịu ai hết. Tôi bèn sai anh Quế mang thư về Sóc Trăng để nhờ anh Kỳ Hiệp⁽¹⁾ tỉnh trưởng vận động giùm cho một người có tư cách và khả năng ra thay tôi, nhưng

(1) Tên đầy đủ là Dương Kỳ Hiệp, quê tỉnh Sóc Trăng. Năm 1945-1946 ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chánh tỉnh Sóc Trăng. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, năm 1975 về nghỉ hưu tại thị xã Sóc Trăng. Ông là tác giả các sách: *Từ mùa thu ấy* (1988) và *Máu trở về tìm* (1990) đều do NXB Hậu Giang xuất bản (NBS).

khi về tới Sóc Trăng thì tỉnh này đang chìm trong khói lửa, anh Quế mất tích luôn, tôi đành phải tiếp tục nhiệm vụ.

Đến ngày 25-3-46, tôi quyết tâm rời khỏi chánh quyền nên mới không cho anh em thường án tham dự cuộc bầu cử, thế mà phía công chức cũng chẳng chịu chọn ai, một hai cũng cứ là tôi.

Căn cứ vào bao nhiêu sự kiện xảy ra, đủ thấy tôi chán ghét Côn Nôn như thế nào. Và vì đâu mà tôi bị kẹt lại Côn Đảo. Ba lần từ chối không được là do đâu?

Thế mà về sau, dư luận nọ kia, đủ điều xuyên tạc. Kẻ thì nói tôi tham quyền cố vị, người lại bảo rằng tôi mê cô giáo Hoa nên không chịu đi. Họ có biết đâu rằng vợ tôi thúc đẩy tôi đi để đem nàng cùng đi kia mà.

Chỉ có những người chung thủy như tâm mới giữ được tấm lòng sắt đá, và mắng bọn người tráo trở kia rằng:

– “Hồi nào cũng như trăng, hừng như hoa để gọi mạng sống, bây giờ hết nhờ cậy được lại giờ trò phân bội. Mỗi lần người ta từ chức thì bọn bây kêu gào khóc lóc om sòm, nhưt định không chịu một ai thay thế, bây giờ thì bọn bây chê đắng chê hôi. Con người mà rày đây mai đó như vậy, gấm còn thua thú vật!”

Chưa hết, còn nữa! Khi bảo cho họ biết về ba điều nên chọn một. Đi họ chẳng chịu đi, đánh họ cũng không chịu đánh, nhưt định phải đầu hàng vì điều kiện để được cầu an. Đầu hàng là tôi làm theo ý muốn của họ, thế mà sau đó ít lâu, gặp đám chiến sĩ Việt Minh mới bị Tây đày ra, một số (vâng! Một số thôi) lại nêu ra vấn đề kéo cờ hàng ra để đồ trút cho tôi, đại ý rằng: chúng tôi muốn chống mà Sơn Vương lại cản!

Hạng này anh hùng quá, mà tôi có hay đâu, nhưng *anh hùng miêng!*

Có lẽ mọi người còn nhớ. Saigon mới trở về tay người Việt ngày 25-8-45, kể đến ngày 23-9 đã bị giặc Pháp tái chiếm.

Ở trong đất liền quân ta đã có đủ phương tiện hành binh, mà không giữ được đất đai lãnh thổ trước sự tấn công ồ ạt của giặc Pháp thay! Ở đảo: quân đội không, khí giới cũng không, tiến không có đường tới cũng như muốn thối chẳng có đường lui, thử hỏi tôi mới lấy gì dàn ra một trận kháng chiến để chống với tàu trận súng đồng, và phi cơ oanh tạc?

Sài gòn đã mất từ 23 tháng 9-45, Côn Đảo mãi đến 18 tháng tư 46 mới mất, thì còn ức hiếp nổi gì mà có kẻ mong gán cái tiếng không tốt cho tôi.

Vậy khi nào thân cây đã bị đoạn gốc, mà cành lá ở trên còn được xanh tươi, và Sài Gòn chưa mất mà tôi lại kêu giặc Pháp tới giao cho họ hòn đảo thì mới nói chuyện phê bình tôi được về vụ này.

Giả sử hồi ấy, tôi thử nêu ra một cuộc chống giặc đến cùng, chẳng biết có vị anh hùng rơm nào dám cầm chĩa nhọn ra chống với những loạt tiểu liên của giặc Pháp không?

AI ÁM SÁT GIÀ QUIT?

(ngày 14-4-46)

Tại đảo, hồi cuối 1945 và đầu 1946 cái nạn khan thuốc làm khổ những người ghiền thuốc không ít, và nhờ đó những người trồng thuốc trở nên giàu to, trong số ấy có hai người được phát tài là nhờ trồng thuốc, đáng kể hơn hết là *ông già Quit* và *anh Hai Đầy*.

Ông già Quit sở dĩ tranh đấu để giành lấy cho được chức ấp trưởng là chỉ vì đám thuốc của ông mới trồng ở *sở Lò Gạch*.

Tiền bạc hồi đó hầy còn đắt giá, mỗi đồng bạc hồi ấy mua được 10 cái bánh cam (vì hồi ấy ngoài đó còn dùng bạc cắc), thế mà khi đến mua thuốc, ông già Quit chỉ bán cho có một điều, nếu xỏ rời ra chỉ bằng hai phần điều Bastos mà thôi.

Nguyễn Thành Út tức *cò Út* là tay ăn hút, chỉ thích mua mà không thích trả, đã nhiều lần như vậy, già Quit không thêm bán nữa.

Cò Út cũng chẳng nói gì, vì anh ta đã có kế hoạch: tổ chức cho tên Nguyễn Văn Trụ đi bẻ trộm thuốc của già Quit. Mỗi lần Trụ đi làm ăn thì có hai cảnh sát của Út đi kèm. Khi tới nơi, một vào trong nói chuyện pha trò với chủ nhân, một ở ngoài coi chừng đường cho Trụ bẻ thuốc! Vừa được bốn, năm lần gì đó thì bọn đồ tể và tên Trụ bị già Quit đập một trận thập tử nhất sinh, khi khiêng nhà thương vài giờ thì chết.

Nguyên mỗi lần có cảnh sát của *cò Út* đến chơi đêm là có xảy ra vụ mất trộm thuốc, do đó già Quit sanh nghi và bắt đầu cho người rình mỗi khi có cảnh sát đến. Quả thật, bọn người nhà ông Quit đã vây bắt được kẻ trộm tại chỗ, hai người cảnh sát của *cò Út* hoảng hồn dòng mất, bỏ một mình Trụ ở lại chịu một trận mưa đòn đến gãy cả một cánh tay và bể óc.

Lúc hăng đánh thì cứ đánh cho hả giận, tới chùng thấy Trụ nằm ngay đơ cán cuốc thì già Quít mới hoảng hồn lên, bèn bảo mấy người ở chung khiêng Trụ bỏ xuống giếng cạn rồi lấp đất đi đặng có phi tang, nhưng không một ai dám a tòng với ông việc ấy. Già Quít bèn chạy đến dinh cầu cứu với tôi. Tôi rầy ông sơ sơ ba tiếng rồi lập tức thông báo cho ty y tế hay, để lo việc cấp cứu.

Nhưng khi Trụ được đưa về nhà thương, mặc dù các nhân viên y tế đã tận tâm, nhưng không sao cứu nổi tên Trụ vì xương óc bị đập bể, máu từ trong óc mãi cứ rỉ rỉ chảy ra, nên vài giờ sau Trụ tắt thở.

Mặc dù trước đó không lâu, ông già Quít đã có công với tôi. Cái công ông đem chuyện kín của chủ nhà mật báo với tôi, nhưng đó là ơn riêng. Trái lại, việc ông giết người là phạm đến phép công, tất nhiên ông phải bị truy tố trước pháp luật, tôi không thể vì chút ơn riêng mà che chở cho ông được.

Có thể được chăng là tôi châm chế cho ông một phần nào, vì trường hợp ông bị mất thuốc nhiều lần, sự tức giận tràn trề, nên khi bắt được là ông cứ đập trước, mà quên việc đánh người là phạm luật. Nhờ đó, ông được kết án có hai năm cấm cố về tội ngộ sát.

Hễ bị tù là phải vào ở trong lao tức banh Một (Bagne I) của thời Pháp. Do đó, khi ông đến tôi lần thứ hai (để mật báo về vụ bà Vệ Liên bảo cô giáo Hoa dứt tình tôi) nhằm lúc ông ở tù là vậy.

Khi nghe tin Pháp sắp trở lại, tôi truyền lệnh mở toét cửa banh thả hết tù thành án hay còn giam cứu. Trong dịp đó ông Quít được trả tự do cùng một ngày (25-3-46) với bao nhiêu người khác.

Ông trở về Lò gạch vừa được vài ngày, thì tôi nhận được thư nặc danh đại khái có tánh cách hăm he mạng sống *già Quít* và bảo rằng: trường hợp già Quít không nên tha thứ v.v... Tôi bèn gọi già Quít đến, nói cách gián tiếp cho ông ta biết mà tránh:

– Về vụ của ông tôi đã cố gắng dung hòa giữa pháp luật và người có công, để tỏ rằng tôi đã rộng lượng với ông, và đồng thời pháp luật

cũng không vì đó mà dung dưỡng cho kẻ có tội. Nay vì tình thế khẩn trương, tôi thả ra tất cả những người có tội, để ông và các người khác có đủ thì giờ mà tự ý liệu đường cao chạy xa bay như tất cả mọi người trước khi Pháp đến, nghĩa là ai muốn ở thì ở, ai muốn đi thì đi. Nhưng với những người khác thì chẳng ai nói gì, duy có ông thì hình như có phe dính dáng về vụ bê trộm thuốc không hài lòng. Vậy ông hãy coi chừng. Theo ý tôi, ông nên về trong châu thành này mà ở với cha mẹ vợ tôi thì mạng sống được bảo đảm hơn, đừng có tiếc của mà ở trong sở Lò gạch là nơi xa vắng, tôi e có điều bất lợi cho ông...?

Hồi ấy già Quít có mang theo một cái ná và một túi tên, tôi nói vừa dứt lời, thì già Quít chỉ tên và ná với về tự phụ mà nói với tôi:

– Đây ông hãy xem tôi có đủ đồ chơi với phe của cò Út. Tôi ở tù hai mươi tư năm rồi, gan ruột thẳng tù nào mấy gang mấy tấc mà tôi không biết. Chúng nó đã có gan ăn trộm thuốc tôi, thì tôi cũng có gan đập chúng nó nát óc, ông đừng lo chi cả.

Nghe già Quít nói thế, tôi không khỏi bật cười, vì kẻ cố tình rình người vô ý, một khi có kẻ quyết tình muốn giết ông để trả thù cho tên Trụ thì mớ tên và chiếc ná lây của ông kẻ cũng bằng thừa! Nhưng tôi liệu chừng: thà chết thì chết, già Quít không khi nào chịu rời Lò gạch. Biết thế, tôi bèn nói:

– Những lời nói của tôi có thể là điểm báo trước, mà ông có ý xem thường không kể đến thì thôi. Thôi thì tự như ông, ông liệu lấy thế nào tùy ý.

Già Quít nói già là ít câu để đánh trống lảng rồi từ mà về, hôm ấy vào khoảng mồng năm hay mồng sáu gì đó. Đến ngày 14 tây (tháng tư năm 1946), vào khoảng 5 giờ chiều, ông đem biểu tôi một cặp cá lóc to và một mớ tôm thẻ. Tôi bảo ông: có bán thì mua với giá tiền sòng phẳng, chớ cho thì không lấy. Vì ở địa vị tôi, chỉ có bốn phận giúp ông như bao nhiêu người khác, chớ không thể nhận của lễ, để rồi khi ông có làm gì sai là tôi phải cảm mồm lại.

Ông bèn đem ra phía sau giao cho những người nhà bếp, nói

khoác rằng tôi đã nhận rồi, bọn người nhà bếp không tin, chạy hỏi vợ tôi. Vợ tôi biết rằng không khi nào tôi chịu nhận như vậy, bèn một mặt bảo người chạy theo kêu lại, một mặt mở tủ lấy tiền ⁽¹⁾ để trả sòng phẳng, không để ông ta thiệt thòi.

Tối lại, vào khoảng 8 giờ hơn thì tôi được tin các báo cho hay rằng: ông đã bị ai đánh chết trên đồng cát, cách cổng Lò Gạch chừng năm, sáu mươi thước. Nơi ấy ban đêm thật là vắng vẻ, vì đã cách xa châu thành hơn một cây số ngàn mà hai bên đường lại toàn là lùm cây bụi rậm. Rất có thể từ dinh giám đốc ra về, ông còn ghé đầu kia nọ chơi, đến 8 giờ tối mới lìa châu thành mà trở về Lò gạch. Vậy kẻ thù ông đã theo dõi ông từ lúc ông mới ra, và đón ông lúc về để ám sát ông tại đồng cát, họ giết ông một cách dễ dàng. Tên và nã của ông mang theo đã trở thành vô dụng.

Ông bị ám sát trong vòng bí mật, nhưng bí mật với ai, chớ không thể bí mật với tôi được. Vụ án mạng này đã có tánh cách trả thù cho tên Trụ, thì kẻ chủ mưu là ai tôi đã thấy rõ rồi! Nhưng trước khi bắt người cần phải đủ yếu tố để buộc tội, chớ không thể bắt người trong sự tình nghi, rồi cứ dùng áp lực tra tấn mà bắt buộc người ta phải nhận tội.

Vì vậy tôi chỉ tuyên bố câu này: "... Giết người mà không lấy của, bóp bạc trong túi hầy còn nguyên, thì kẻ sát nhơn nào đây cũng có một cử chỉ đáng khen lắm đó...!"

Tôi nói như có vẻ không quan tâm gì mấy, một là để chờ một vài câu nói hớ hênh của kẻ sát nhơn và bọn đồng lõa, hai là giữ thái độ im lặng cho nhà chức trách tiện bề cho người theo dõi những kẻ đang bị tình nghi có dính dáng vào vụ án mạng này.

Lúc ấy anh Nguyễn Thành Út đã bị tôi cho ra rìa, chức vụ Công an trưởng kiêm Cảnh sát trưởng của anh đã có anh Tổng Ngọc Lân thay thế. Anh Út tuy đã trở thành thường dân, nhưng mấy người cảnh sát trước kia thường cùng anh ăn nhậu say sưa, thì lúc bấy giờ vẫn còn đi đi lại lại với anh.

(1) Tiền ấy là tiền của riêng nàng, riêng tôi thì không có đồng nào hết.

Ban do thám của ty cảnh sát đang theo dõi Nguyễn Thành Ut và bọn người đồng lõa với y, các chi tiết đã nắm gần được đầy đủ, anh Tống Ngọc Lâm ngỏ ý muốn bắt sớm sớm một chút. Tôi can anh hãy khoan: nên chờ nắm đủ bằng cứ cụ thể, khi bắt là kẻ phạm phải nhận tội liền, không còn viện được cứ gì để chối cãi kia! Vì vậy anh Lâm buộc lòng phải chờ lệnh tôi.

Nhưng lệnh ấy chưa kịp thi hành, vì bằng cứ chưa được đầy đủ, thì kế Tây trở lại Côn Nôn! Tính ra từ ngày xảy ra án mạng (14-4-46) đến ngày Tây tái chiếm (18-4-46) chỉ cách nhau mới có bốn ngày. Như vậy, ban do thám làm việc ráo riết thế nào cũng không thể nắm cho đầy đủ yếu tố theo như lời dặn của tôi được. Trái lại, nếu bắt cái lối tình nghi rồi khai thác ra thì có thể làm ngay sau khi án mạng xảy ra. Nhưng làm theo cái lối ý quyền ấy tôi lại không muốn, vì người ta có thể vịn vào sự thiếu bằng cứ mà kêu ca rằng bị chúng tôi bắt oan.

Hình như bọn Nguyễn Thành Ut cũng độ hiểu một phần nào về âm mưu ám sát già Quít không lọt qua cặp mắt của tôi, và anh cũng biết tôi đã cho người theo dõi bạn anh, nên khi Tây đổ bộ, tôi bị Gimbert hạ ngục và đày đoạ đủ cách, anh liền nhân cơ hội đó, khai lật lại tôi, một là anh tránh được cho anh khỏi ra trước tòa lãnh án về vụ chủ mưu ám sát già Quít, hai là trả được mối thù tôi đã tước chức⁽¹⁾ anh trong ngày cải tổ nội bộ 24-2-1946.

Anh Ut biết rằng: Tây vốn sẵn ghét tôi vì chất óc bài Pháp đã biểu lộ bằng lời nói hay việc làm từ lâu rồi, nhưng sợ thất sách trên lập trường quốc tế nên Tây muốn kiếm cớ kết án tôi về tội bất lương như đã áp dụng với một số đồng bào đã có thành tích chống Pháp khác mà chúng đã gán cho cái nhãn hiệu “phiến loạn”.

(1) Ngày tôi bị đày cử chức giám đốc, thì anh Ut lại xưng phong với phái đoàn Việt Minh xin làm công an trưởng kiêm cảnh sát trưởng. Nhưng tôi thì chủ trương nói rộng quyền sống cho mọi người, còn anh thì chủ trương bóp chặt đời sống dân chúng, ngón sở trường của anh là kiếm chuyện vu khống để làm tiền. Bởi nhiều lần tôi khuyến cáo anh nhưng không kết quả, buộc lòng tôi phải hạ bệ anh trong ngày cải tổ nội bộ 24-2-1946.

Nghĩa là ghét về mặt chánh trị mà không buộc tội chánh trị, đó là một thủ đoạn rất tối của thực dân Pháp.

Thế nên, khi Nguyễn Thành Út đem vụ già Quít bị ám sát, vịn vào có ông này đã có những lời phạm thượng đối với tôi ⁽¹⁾, tôi lấy đó làm thù, nên đã ra lệnh cho bọn bộ hạ ám sát già Quít. – Gimbert cũng thừa biết tôi không dính dáng gì đến vụ này, vì đã có những người dân Tây kể chuyện lại, trong thời gian tôi cai trị, rất tốt đối với người ngoại quốc như Belconde, trước kia đánh tôi chết lên chết xuống, mà tôi còn không trả thù thay, lí nào tôi đi giết một tên tù già đã từng đồng chung cảnh khổ với tôi.

Nhưng Gimbert đã không phải là một con người có thiện chí, hắn tối kị đối với bất cứ ai có óc bài Pháp, lại nhằm lúc hắn muốn tấn công tôi để hiếp vợ tôi, nên khi Nguyễn Thành Út vừa đem vụ án mạng ấy đến cho hắn, thì hắn liền chụp lấy cơ hội. Nguyễn Thành Út cũng không quên làm luôn anh Tống Văn Lân là người đã được tôi chỉ định thay hắn sau khi hắn hạ bệ.

Theo cách bày biểu của anh Út đã sắp cho Gimbert thì: trước hết tôi ra lệnh cho cò Lân chỉ huy vụ ám sát này, rồi cò Lân mới sắp đặt cho những tên sau đây: Toàn, Châu, Hội, Sửu, hai đứa coi chừng đường, còn hai đứa thì đón đập chết già Quít tại động cát gần cổng Lò Gạch.

Những nạn nhân này bị bắt buộc phải khai cho tôi theo lời dẫn đầu của tên Sếp Mai ⁽²⁾ làm thông ngôn. Hễ hắn bảo phải khai làm sao là các nạn nhân phải y làm vậy, nếu sai một tí là không thể được

(1) Nếu không có sự đồng ý của tôi, thì ông già Quít không dại gì thốt ra những lời nghịch ngợm để rước tai vạ vào thân. Sự thật là ông có xin phép tôi cho ông đóng kịch để đánh lừa chủ nhà. Ông bán rẻ chủ nhà để đổi cho được chức áp trưởng ấp Lạc nghiệp (tức là Lò gạch).

(2) *Sếp Mai* là người Bắc vô dân Tây, chửi thề và đánh đập tối ngày là ngón sở trường của hắn. Tù Côn Nôn sẽ không bao giờ quên hắn, chính hắn đã bắt buộc những nạn nhân kia phải khai cho tôi. Hắn đóng vai thông ngôn mà trên tay thường cầm gậy gộc hoặc ba trăm hơn là cây bút để ghi chép lời khai. – Tôi mang cái án rất oan này một phần lớn là do hắn. Trong thời Gimbert hắn cường bách đã đành, qua thời ông Hornecker, cho lấy lời khai lại, bảo để chúng nó khai sao thì khai, thế mà Mai còn trộm lệnh cường ép những nạn nhân kia phải khai cho tôi...

với y. Trên tay y lúc nào cũng sẵn có ba trắc hay là gậy gộc, viên cò Pháp tên Pellier là tay sai của Gimbert cũng không kém phần hung hãn. Đã thế còn thêm viên lục sự Maigri hẳn là một tên Chà lai vô dân Tây từ lâu và xin làm gardien gác khám vào khoảng 1939 hay 1940 gì đó. Đã là vào hàng gác-dan là thứ mặc lư trong xã hội Pháp, hẳn có biết cái cóc khô gì về luật lệ đâu, nhưng tại Côn Nôn thuở ấy làm gì kiếm cho ra một người có học lực khá. Đã không chó thì hãy tạm bắt mèo ăn cứ đỡ vậy.

Vì vậy mà tôi và 5 nạn nhơn đồng lõa (?) bị bọn ác ôn này tra tấn đủ thứ cực hình man dã. Đánh tôi cách nào tôi cũng không nhận, vì nhận làm sao được với một vụ án mạng nhơ nhuốc mà mình không hề có những tay vào? Khi khảo đến mấy người kia, mấy người kia trả lời rằng:

– Con người ta không có mà các ông bắt buộc chúng tôi phải khai gian cho người ta thì khai thế nào cho đành được.

Trong số ấy có hai người là Toàn và Châu nhứt định chống lại đến cùng, thì bị tên sếp Mai đánh cho đến chết; mấy người kia thấy vậy đâm sợ, vì họ còn có gia đình vợ con, nên đành phải nhận có đồng lõa trong vụ ám sát già Quít. Thật là cả một bầu trời oan khổ, nhưng giữa thời li loạn, ở giữa đảo còn biết kêu cứu vào đâu?

Cả bọn chúng tôi bị hành hạ tại đảo gần cả năm mới được đưa về Saigon. Về tới Khám lớn, tôi liền gởi đơn lên viện chương lí xin làm ăng kết (contre-enquête) lại, thì không thấy ông Lafrique trả lời, người ta cứ đem “hồ sơ ma” của ba tên gác-dan thiếu học do Gimbert điều khiển, mà đưa ra một phiên tòa đại hình vào khoảng đệ nhị tam cá nguyệt năm 1947 mà xử chúng tôi.

Theo hồ sơ thì hồ sơ vụ già Quít, nhưng khi đem ra giữa tòa bàn cãi để xử thì phiên tòa Pháp này nói chuyện bài hát “Tám mươi năm...”⁽¹⁾

(1) Bài hát “*Tám mươi năm*” do tôi soạn theo lối song thất lục bát để cho các trẻ em Việt Nam đồng hát tại trường mỗi khi chào cờ. Khi Tây trở lại, Đoàn Công Thành dịch ra tiếng Pháp đưa cho Gimbert. Từ đầu chí cuối câu nào cũng đầy tánh chất bài Pháp, nên tôi không những bị tra tấn về vụ này quá nhiều, mà dám nhĩ đồng bị đòn về bài hát này cũng chẳng ít.

của tôi nhiều hơn. Chúng tôi chỉ được trả lời câu nào họ hỏi, ngoài ra không được biện bạch gì hết.

Kết quả phiên xử, tôi lãnh án chung thân, Lân, Hội, Sửu mỗi người 8 năm rắc rắc hết. Thấy pháp ăn mà thấy chùa chịu, nghĩa là cả bốn chúng tôi đều chịu hàm oan, chưa kể Toàn và Châu đã bị giết chết, vì không chịu khai oan cho tôi.

Theo đó, ta thấy rằng trước khi già Quít bị ám sát, thì chính ông đã đập chết tên Trụ là người đã nhiều lần trộm thuốc của ông. Vậy về việc ông bị giết chết trong đêm tối (14-4-46) dù là đứa con nít cũng biết được đó là cuộc trả thù về vụ tên Trụ bị ông giết chết.

Còn cái việc ông già Quít có lời nói nặng tôi, do sự đồng ý của tôi, có tôi cho phép thì ông mới dám. Vì ông cần phải đóng kịch như thế, người ta mới làm ông được, ông mới có thể thu nhật được gì bí ẩn để mà mật báo lại tôi. Chuyện làm của ông không ngoài mục đích củng cố cái địa vị áp trưởng ấp Lò gạch.

Mặc dù chuyện già Quít đóng kịch để làm gián điệp cho tôi, chỉ có tôi và ông biết thôi. Nhưng ít ra người ngoại cuộc cũng phải có một chút khôn ngoan mà đánh dấu hỏi: tại sao giữa lúc mọi người đang coi tôi như vị cứu tinh duy nhất tại đảo, mà ông già Quít lại đi ngược dòng là phải có duyên cớ bí ẩn gì đây?

Nhưng không đâu! Người ta không cần hiểu cho tôi như vậy. Nghe bọn Nguyễn Thành Út tuyên truyền làm sao thì người ta cứ tin như vậy.

Thành ra, già Quít là người có công với tôi, và tôi cũng có phần nào che chở cho già Quít, mà lại mang tiếng giết già Quít. Trái lại những người âm mưu giết thác già Quít để trả thù cho tên Trụ thì lại không ai nghĩ tới.

Đời có lắm trò trở trêu xuôi ngược, nghĩ thật buồn cười, nhưng cười ra nước mắt...!

TẠI SAO NGUYỄN VĂN SÔ TỨC 28 SÔ

bị tôi đưa đi tế mồ chiến sĩ trước mộ ông Ninh?

Như ai nấy đã biết 28 Sô là một tay đệ nhứt ác ôn trong số sáu người có tên trong bản phong thần mà Việt Minh đã lên án chém đầu. Khi giao thì tôi lãnh nhưng khi phái đoàn về thì tôi lại tha!

Tha cho sáu người tội tử hình, tôi đã bị biết bao lời chỉ trích ngấm trong quần chúng hải đảo thời ấy. Một mạng tôi đâu có bù được tội ác tày trời cho sáu người mà dân hải đảo coi như kẻ thù bất cọng.

Thế mà tôi lại tự động tha cho là tại cái *bản tánh quá dễ dãi và không nỡ nào giết người trong khi hành động của họ đã qua rồi*.

Tôi biết rằng tha cho sáu người này, tôi khó mà trả lời cho nhà cầm quyền Việt Minh. Tôi có thể bị bắn nát thây về cái tội tha cho sáu tên tử tội, nhưng tôi vẫn cứ tha, tha để được thỏa thích cái tính ưa làm ơn làm phúc của tôi. Tôi có thể giết người được hay không ăn thua ở phút tôi nổi trận lôi đình mà thôi.

Nhờ vậy mà ít lâu sau đó, 28 Sô đệ đơn xin gia nhập vào gia đình cảnh sát tôi liền kí tên cho ngay. 28 Sô làm việc bên cạnh cô Út, được cô Út coi như kẻ thân tín nhứt, 28 Sô mới dựa vào đó lên chum trở lại, nhưng dân chúng không dám nói gì tuy họ đã bất bình quá lắm, vì lúc đó Nguyễn Thành Út hãy còn tại vị.

Cho đến một đêm kia, tại nhà đèn có xảy ra một vụ cờ bạc, 28 Sô dắt năm, sáu người cảnh sát đến vây. Bắt cờ bạc thì cứ lấy bộ bài và tiền đang tại chỗ là đủ rồi, 28 Sô lại còn đánh đập, một số người chỉ đứng coi và nằm gần đó, và chẻ rương lật tủ của những người này ra để lấy tiền, lấy nhẫn, lấy cả đồng hồ của người ta về làm của riêng nữa.

Hành động này gây sự phẫn uất cho toàn dân hải đảo, họ nổi lên đòi mạng sống 28 Sô. Chính tôi, khi nghe vụ này, tôi lại trụ sở cảnh

sát lật sổ coi thì thấy những món đồ kia không có ghi vào sổ tang vật của sông bạc ấy, thì quả thật là ăn cướp có ba-tăng rồi.

Tôi nghĩ vì 28 *Sô* là một kẻ đáng bị hành hình, tôi đã lấy lượng khoan hồng tự động tha cho, lẽ ra y phải ăn năn thật sự để cho mọi người quên dần đi thù xưa oán cũ mới phải. Lí đâu y dựa hơi Nguyễn Thành Út làm chuyện lố lăng như vậy, để cho công chúng có việc ôn lại cả bao nhiêu chuyện trước của y, cộng với cái tội mới này, khiến họ có đòi hỏi nơi tôi một cuộc nghiêm trừng mà tôi không viện được lẽ gì từ chối và bào chữa cho y nữa được.

Nhưng xét ra mấy món đồ và số tiền mà y đã giở trò cướp bóc tại nhà đèn chưa phải là một tội đáng giết⁽¹⁾! Song trước sự công phẫn của mọi người, tôi phải làm thế nào để được hài lòng công chúng mới được. Tôi bèn ra lệnh đem 28 *Sô* ra tế mổ chiến sĩ trước mộ ông Ninh. Hôm ấy thiên hạ kéo nhau đi coi đông lắm, và trông vào thái độ hân học của tôi, ai cũng tin rằng 28 *Sô* phen này chỉ còn có nước bà cứu...!

Nhưng người ta có ngờ đâu, ngoài mặt tôi làm dữ đến thế, mà bên trong tôi lại có cách cứu y. Tôi làm dữ để được trấn áp lửa lòng bùng bột của mọi người dịu xuống, mặt khác tôi sắp đặt sẵn một số ông già bà cả đứng ra xin ngay sau khi 28 *Sô* quì trước mộ ông Ninh vừa thú nhận tội với sự hối tiếc ăn năn, vừa lay lục cầu xin tha thứ cho mình lần chót.

Phải có những người đứng ra xin, tôi mới dựa vào đó mà tha. Nhưng sự tha ấy do tôi sắp đặt.

Cách đó ít lâu, nhân dịp ba chiếc ghe câu miền Trung bị bão giạt vào Côn Nôn từ hôm trước Tết, trở về ngoài đó, tôi cho 28 *Sô* đem gia quyến theo về, vì 28 *Sô* là người miền Trung, để cho y tránh được cái nạn thù oán ở Côn Nôn.

Nếu không, quan đầu có tha, thì ma cũng bắt!

(1) Đây là chỉ nói riêng về cái tội mới gây ra tại nhà đèn nhân việc bắt cờ bạc mà đoạt của người ta thôi! Còn tội cũ tôi đã tuyên bố bỏ rồi, nếu không bỏ tội cũ thì y phải mất mấy cái đầu cũng chưa hết tội!

TẠI SAO CÓ BA HỒI TRỐNG LÚC XỬ ĐOÀN CÔNG THÀNH?

(Về vụ Đoàn Công Thành làm phản lấy ân làm oán)

Đoàn công Thành thì không giỏi trò đánh đập tàn tệ như những người kia, vì anh thuộc thành phần trí thức (tiếng Anh cỡ Tú tài, tiếng Pháp cỡ Diplôme), nhưng anh em chánh trị (quốc gia cũng như cộng sản) đều oán ghét anh và khinh bỉ anh vì dù sao anh cũng mang tiếng là bọn tù hải ngoại (!) thì ít ra anh phải có một lập trường tùy anh chọn lựa. Nhưng gặp quốc gia anh khen quốc gia, gặp Việt Minh, anh khen Việt Minh, gặp Pháp anh theo Pháp, rồi gặp Nhật anh cũng chạy theo Nhật được.

Chớ chi anh đứng vào lập trường cộng sản mà tố cáo Quốc gia, hay đứng vào lập trường quốc gia mà tố cáo cộng sản thì anh em không có than phiền. Tiếc vì ban Hai (bagnes Pháp), dưới thời giám đốc Tisseyra (1942-45) là nơi nhốt đủ các chức sắc chánh trị phạm, mà tới chừng anh làm tờ mật báo đưa lên cho thực dân Pháp thì anh làm “sùm” cả, cộng sản đã bị bỏ mà quốc gia cũng bị áp đảo tới bời.

Tệ hơn nữa là lúc Tây trở lại, anh nở lòng nào bung thùng nước đổ vào họng *anh xã Tư* là người bạn đã từng giúp đỡ anh về vật chất trong lúc anh thiếu thốn. Đã đành cò Pháp bảo anh khai thác, nhưng anh có thể nói một câu để từ chối mà họ không có cơ gì bắt buộc anh được. Anh cảm roi đánh xã Tư và đổ nước một cách ngon lành mà thấy anh không ngưng chút nào.

Chưa hết, lúc giám đốc Gimbert và cò Pellier hành hạ tôi, thì anh lại tiếp tay bắt treo tôi hồng giò, anh còn đeo cho nặng thêm và còn nghe lời Gimbert cảm roi mà đánh tôi nữa. Đó phải chăng là một lối trả thù của một con người trí thức?

Nhắc lại, sau khi lên nắm chánh quyền, tôi tuyên bố tha hết bất cứ là tội án nào, chính anh Thành đã đến quỳ dưới chân tôi để tỏ lòng biết ơn, tôi liền đỡ anh dậy không để cho anh phải hạ mình như thế.

Anh xin tôi để cho anh được lập ra một đội ngự để bảo vệ tôi cũng như đám garde-corps⁽¹⁾ cho các quan to vậy. Tôi từ chối, vì cái đó tôi thấy không cần thiết cho tôi.

Nhìn vào khả năng trí thức của anh, tôi chỉ định anh làm Giám đốc bình dân học vụ kiêm luôn Trưởng ban nhi đồng. Thỉnh thoảng tôi có mời đến tư dinh để cùng luận đàm quốc sự, tôi thấy sao anh rất lơ mờ, không thấy có gì xuất sắc, để tỏ ra rằng anh học rộng hiểu nhiều hơn tôi. Nhưng dù sao, anh cũng thuộc thành phần trí thức, nên được tôi biệt đãi.

Nếu thời cuộc đi xuôi một chiều, có lẽ anh là người dám chơi hết mình với tôi, có thể là một cận thần trung thành hơn hết để có đền ơn cứu tử mà tôi đã mở rộng cõi lòng tha chết cho anh. Rất tiếc, khi nghe tin Tây trở lại, sự trung thành của anh lại biến ra một thế khác.

Theo tin mật báo cho biết thì khi Tây trở lại thì thế nào Tây cũng bắt chẹt anh về tội đồng lõa với tôi trong cuộc cầm quyền tại đảo lúc Tây đi vắng. Để tránh cái tội ấy và sẽ được Tây trọng dụng, không gì hay hơn là lập cuộc đảo chánh bắt sống tôi chờ Tây ra nạp để lập đầu công.

Theo kế hoạch của anh sắp đặt thì nửa đêm cho người đi báo với tôi có sòng bạc lớn đang chơi trong lao Hai. Hễ tôi vừa bước vào khỏi cửa thì đóng lại và có phục binh sẵn để bắt tôi liền. Chuyện đảo chánh giản dị có thể, vì tôi đi đâu chỉ đi một mình, không khi nào có *gác-đờ-co*, nên muốn bắt tôi thì không khó mấy, bởi tôi không đề phòng gì hết.

Rất rủi cho anh là cả một cuộc đảo chánh mà anh chỉ rủ được có:

(1) *Garde - corps*: người bảo vệ riêng một quan chức.

Hai người dân Tây, bốn thầy chú, ba người tù! Mà trong số này đã hết phân nửa là ừ hử cầm chừng để rồi đi báo cáo cho tôi hay, còn phân nửa là theo anh một cách miễn cưỡng với tánh cách nằng bở nào che theo bề ấy mà thôi!

Anh bị bắt trước 24 tiếng đồng hồ tính theo thì giờ mà anh định “đảo chánh” tôi. Muốn được nhẹ tội, anh đổ trút tất cả tội lỗi cho ông Vệ Liễn, rằng ông Vệ Liễn xúi anh làm việc đó. Anh khai như thế để tôi khó bề xử trí, vì ông này lúc đó đã là cha vợ tôi rồi. Vậy nếu hể làm tội anh là phải làm tội ông Vệ Liễn trước. Kể ra thì anh cũng có thủ đoạn trong cách khai.

Về phần ông Vệ Liễn, thì ông nói rằng tự nhiên Đoàn Công Thành đến rủ ren ông và nói chuyện với ông tại trước hành lang nhà ông⁽¹⁾, và ông chỉ ừ hử cầm chừng, cho khỏi bị Đoàn Công Thành tố cáo với Tây sau này, chớ thật sự ông không có đi tìm Đoàn Công Thành mà xúi biểu gì hết.

Tại sao ông Vệ Liễn phải sợ Đoàn Công Thành?

Ông sợ là phải! Lúc ông Trà nói được Nhựt trao cho cái quyền Quản đốc để lao Côn Nôn, thì ông Vệ Liễn được ông Trà ủy nhiệm cho làm Giám thị trưởng, và chính ông Vệ Liễn đã chỉ huy một toán người đi lùng bắt hết các gia đình gạc-dan Tây đưa vào quản thúc ở lao Ba! Đoàn Công Thành nhắm vào chỗ yếu ấy của ông Vệ Liễn mà dọa ông để cưỡng bách ông này phải theo cuộc đảo chánh của mình để có đoái công chuộc tội với Pháp.

Ông Vệ Liễn phải nghe theo là vì quá sợ, quá sợ anh Thành sẽ nói gì với Pháp sau này, vì tiếng Pháp dù sao anh Thành cũng nói rành hơn ông nhiều. Điểm này tôi đồng ý, đồng ý cho ông vì quá lo xa mà phải tạm nghe theo để có may ra... khỏi bị giặc Pháp làm khó làm dễ sau ngày tái chiếm.

(1) Ngôi nhà ông Vệ Liễn ở là ngôi nhà của viên Gardien-en-Chef của thời Pháp, nó ở ngay trước cổng lao I (Bagne I).

Nhưng tôi không khỏi có chút phiền ông, tại sao ông đã là cha vợ của tôi, khi ông biết được người ngoài mưu toan ám hại tôi, mà ông không bỏ nhỏ cho tôi hay? May ra có người mách, tôi được biết trước mà đề phòng thì chẳng nói chi, rủi ra tôi không được biết, người ta ám hại tôi, có lẽ ông cũng làm thình lộn hay sao?

Tôi tức giận ông về điểm đó, nên khi vụ “đảo chánh” của Đoàn Công Thành bị đổ bể, ông cũng có bị nên tôi cho lính tổng giam ba, bốn ngày với mấy người khác, chờ lấy ăng-kết xong tôi mới thả ra. Tôi chỉ cần bắt tội có một anh Thành là người đã “phản” tôi một cách tàn nhẫn mà thôi. Còn những người kia, bắt quá vì sợ Tây làm khó làm dễ khi đảo bị tái chiếm, nên buộc lòng phải nghe theo cho có chừng vậy thôi, chứ trong thâm tâm không có ý gì muốn làm hại tôi.

Tôi sở dĩ trách giận anh Thành hơn hết là vì anh ta là người đã đáng tội chết, Việt Minh đã lên án chặt đầu anh, mà chính anh em chánh trị quốc gia cũng coi anh là kẻ thù không đội trời chung, dân hải đảo hồi ấy cũng mong được thấy ngày anh đền tội, chỉ có một mình tôi là dám tha chết cho anh thôi. Thế mà vừa rục rịch nghe Tây sắp ra, anh đã đổi ý, đem tôi là một người mà chính anh đã gọi là cha đẻ lần thứ hai, để làm cuộc thí nghiệm làm ơn cho Pháp, thật không còn có ai đành nhẫn tâm như anh.

Ở đảo hồi ấy khi nghe tin anh làm phản tôi một cách đành đoạn như vậy, ai cũng tức tối và mong được thấy cái giờ đền tội của anh. Chính vợ tôi vì mối thù cha (bởi lời khai của Thành mà cha nàng phải bị giam chung với ông *Mười bảy Nhơn* cùng mấy người khác hết mấy đêm ngày), nàng sợ tôi lại tha cho Thành lần nữa, nên nàng đã chặn đầu hồi bằng cách này:

– Khoan hồng không đúng chỗ sẽ trở nên tai hại. Đoàn Công Thành là một con người tráo trở khôn lường, tha cho hắn tức là *đương hồ di họa* vậy.

Tuy vậy mặc lòng tôi vốn tánh là người hay tha thứ, lúc có quyền

chỉ thích thi ân hơn là sát hại, vả lại lúc mới hay tin anh làm phản, trong cơn phẫn nộ lôi đình, tôi có đánh vào người anh mấy gậy thật đau, máu phun ra có giọt, nhờ đó mà ngọn lửa buồn phiền nó nguôi dần đi.

Nhưng với một cuộc “đảo chánh” dù thành hay bại, nó cũng có tánh cách lật đổ cả một chế độ, có thể đem đến cho dân chúng một đời sống nói nang hoặc thảm hại hơn. Nếu kẻ cầm đầu cuộc đảo chánh ấy vì dân do dân mà làm cách mạng thì kẻ ấy sẽ được quần chúng tôn sùng; trái lại nếu kẻ ấy chỉ vì quyền lợi tư riêng, quần chúng đòi hỏi họ phải trả giá, tất nhiên họ phải lên đoạn đầu đài để đền cái tội làm xáo trộn đời sống yên vui của mọi người dân.

Chiều theo sự đòi hỏi của dân, tôi đã tuyên bố sẽ đem Đoàn Công Thành ra hành quyết tại sân banh, dân chúng đang đợi tôi thực hành cho đúng theo lời nói đó. Nếu tôi có muốn tha, ít ra tôi phải làm thế nào cho có sự thể, chỉ mới hôm qua tôi nói giết, hôm nay tôi lại nói tha là không thể được.

Vì, với dân chúng mà nói sai với họ một lần, là về sau nhà cầm quyền có tuyên bố hứa hẹn như thế nào, là họ cũng coi là cho họ ăn bánh vẽ mà thôi.

Vậy nếu tha cho Thành thì trước công chúng tôi cần phải làm hùm làm hổ, làm còn hơn đối với 28 Sô. Trước hết, tôi cho trói ké y vào cây cọc đóng giữa sân banh, và cho Lục sự đọc bản án đảng hoàng, rồi sau cùng tôi mới đánh ba hồi trống để làm hiệu...

Nhắc lại, ở đảo hồi ấy có bà *Mười lăm Linh* (tức là người đã được đảng gái chọn làm chủ hôn cho đảng trai trong việc cưới vợ cho tôi), ai ai cũng biết bà là người ăn chay niệm Phật, bà không bao giờ muốn thấy cái cảnh đánh đập giết chóc, nên khi nghe tôi tuyên bố sẽ bắn Đoàn Công Thành tại sân banh thì bà liền đến tôi xin tha cho Đoàn Công Thành. Tôi bèn nói riêng cho một mình bà biết về ý định của tôi và cùng bà sắp đặt kế hoạch...

Rồi trước giờ đem Đoàn Công Thành ra xử bắn, tôi gọi hai người cảnh sát có bốn phạm hành quyết Đoàn Công Thành là Sửu và Nghĩa đến dặn đi dặn lại mấy lần rằng:

– Khi tôi cho Lục sự đọc bản cáo trạng kể tội Đoàn Công Thành xong là tôi bắt đầu đánh ba hồi trống và sẽ có lại ba dùi, thì hai anh kẻ hòng súng vào hai bên mang tai của Đoàn Công Thành. Nhưng phải chờ cho tôi có lại ba dùi chót rồi sẽ bóp cò. Nếu ba dùi chót mà tôi chưa kịp đánh mà các anh lại bóp cò trước, thì ngay sau khi đó các anh sẽ bị hành tội liền. Nghe chưa?

Hai viên cảnh sát trả lời có nghe và tôi bắt mỗi người phải lặp lại câu tôi dặn có đúng y như vậy không? Rồi tôi mới gật đầu bằng lòng.

Khi đánh ba hồi trống tôi cố ý đánh thật chậm, kéo thật dài để cho Đoàn Công Thành rơi nước mắt thật nhiều, đã gây sự xúc động cho lửa hờn của công chúng bớt dần dần xuống, để khi tôi tha cho Đoàn Công Thành thì sẽ không có sự phản ứng.

Mặt khác ở phía sau tôi, tôi đã thấy có bà *Mười lăm Linh*, vợ tôi và một số đông các bà phụ nữ đứng chực đó rồi. Tôi nghe mấy bà thúc hối vợ tôi đứng ra xin, nhưng vợ tôi nói: “*Các bà ai có muốn thả cọp về rừng thì cứ đứng ra xin, còn tôi thì khác: gặp chùa tôi tu, nhưng gặp giặc là tôi phải đánh. Với loài rắn độc, nếu không giết nó, nó không cắn mình, nó cũng sẽ cắn người khác...!*” Thì ra cho đến giờ phút ấy mà vợ tôi cũng chưa biết được ý định của tôi. Rốt lại chỉ có một mình bà *Mười lăm Linh* biết, vì tôi đã dặn trước bà đừng tiết lộ cho một ai biết hết.

Các bà thấy không thể trông cậy vào vợ tôi được rồi, họ liền quay về đốc thúc bà *Mười lăm Linh*. Bà này nói:

– Để xem! Theo lệnh cho hai người cảnh sát thì khi nào dứt ba hồi tiếng có lại ba dùi rồi mới được bắn. Thì bây giờ tôi với các bà phải tổ chức cách nào giục cho được cái dùi trống trước khi có lại ba dùi, thì cuộc hành hình này sẽ kể như không có. Các bà muốn cứu Đoàn Công Thành thì phải tiếp tay với tôi mới được.

Các bà đều đồng ý.

Về phần tôi, khi đánh dứt hồi trống thứ ba, tôi đưa dùi trống lên thật mạnh chừng như để kết thúc cuộc hành hình Đoàn Công Thành bằng ba dùi chót! Nhưng thật sự là đưa cái dùi trống cho nó gie về phía đằng sau để cho bà *Mười lăm Linh* dễ lấy!

Quả thật! Việc gì đã có sắp đặt trước, một cách kĩ càng chu đáo, thì nó sẽ đi đến kết quả hoàn toàn. Sau khi bà *Mười lăm Linh* chụp được cái dùi trống của tôi rồi, tôi liền day lại để cựa nự, thì cái dùi trống đã được chuyển đi đâu mất!

Nhìn lại hai viên cảnh sát thì vì *không có lại ba dùi*, họ cũng đã hạ súng xuống rồi! Đồng thời, có mấy ông già xúm lại mở trời cho Đoàn Công Thành.

Về phía dân chúng, họ thấy tôi có vẻ hết giận thì họ cũng chiều theo, làm thỉnh luôn cho Đoàn Công Thành được khỏi chết, mà không ai đòi hỏi gì nữa.

Thế là cuộc “*xử tử*” Đoàn Công Thành đến đây *kể như chấm dứt!*

Đó là tôi quyết định tha, tha mà không cho ai biết trước, chỉ trừ bà *Mười lăm Linh*. Trái lại, nếu tôi quyết tình muốn giết, thì 80 bà *Mười lăm Linh* cũng không xin được, vì mạng sống của con người trong thời li loạn có khi còn rẻ hơn con kiến nữa kìa! Muốn giết người vô tội còn có lí do để giết huống chi Đoàn Công Thành là một trọng phạm đã bị kết án “*tử hình đến những hai lần*”.

Nhưng mà thôi! Anh Đoàn Công Thành có nhẵn tâm đành lòng bội phản thì tôi để phản anh. Còn tôi, tôi không thể giết anh cho đành được, vì xét ra cái “*tội*” của anh riêng đối với tôi cũng chưa có gì quá lắm!

Ấy đó là đầu đuôi câu chuyện “*xử tử*” Đoàn Công Thành với ba hồi trống đại khái là thế.

Vậy mà về sau có người lại bịa chuyện để vẽ vời thêm ra, nào là tôi bắt ông Vệ Liên đem ra xử bắn chung với Đoàn Công Thành, nào

Sơn Vương

là lúc tôi đánh ba hồi trống thì vợ tôi quì xuống trước mặt tôi ôm lấy đùi trống mà than:

– Phu quân ôi! Xin chàng đừng vội giận... để cho thiếp phân cặn tỏ đôi lời...! v.v.. và v.v....!

Ôi! Miệng đời có lắm cái thật trở trêu. Hèn chi tục ngữ chẳng có câu: *Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo* là như vậy đó!

TẠI SAO TÔI GIẾT NGUYỄN THÀNH ÚT?

Lúc có quyền giết, giết khỏi bị tù, tôi không giết.
Để đến lúc không có quyền giết lại giết cho phải bị tù!

Trên đường đời, tôi không muốn gặp kẻ thù, vì có kẻ thù chỉ tổ thêm mệt cho mình: thót trên mòn thót dưới cũng mòn, khi nai vạt móng thì chó cũng le lưỡi; chó không ích lợi gì đâu!

Nếu không may phải có kẻ thù, tôi thích người thù “quân tử hơn là kẻ thù tiểu nhân”. Vì, với người thù “quân tử” rủi ra mình có thua họ chẳng nữa, mình cũng học được nơi họ một vài điểm hay, trái lại với kẻ thù “tiểu nhân” ví dù mình có thắng họ, thì sự thắng ấy kể như đem chiếc chén kiểu đổi lấy chén sành mà thôi.

Câu chuyện giữa tôi với Nguyễn Thành Út thật là dài dòng, nhưng ở đây giấy mực có hạn, tôi xin tóm lược đại khái mà thôi.

Nguyễn Thành Út quê ở Định Tường, chuyên sống bằng nghề thầy bói và lừa gạt đồng bào bất cứ bằng phương tiện nào, sau cùng anh tổ chức một vụ cướp sông me, giết ngành thầu bắn chết một tay anh chị tại nhà Bảy Phương ở đường Trolard (hay Taberd gì đó tôi quên) bị tòa án Pháp kêu 10 năm khổ sai phát lưu (10 ans de travaux forcés et à la rélegation) bị đày ra đảo vào khoảng 1939 hay 40, tôi không nhớ kĩ.

Lúc còn ở ngoài đời, tôi với anh có gặp nhau tại nhà in Đức Lưu Phương qua có một lần, rồi khi vào tù ra đảo mới có dịp biết nhau nhiều hơn.

Khi tôi bị đặc cử phải lãnh chức *giám đốc An Ninh quần đảo*, thì anh ta lại tự ý xưng phong xin với phái đoàn cho anh lãnh chức Công

an trưởng, rồi sau đó tự anh vẽ bùa anh đeo thêm một chức Cảnh sát trưởng nữa.

Trong khi tôi nói rộng “quyền sống” cho mọi người được hưởng nhờ; thì ngược lại, anh lại bóp chặt đời sống của dân chúng bằng đủ mọi hình thức!

Với các gia đình có máu mặt, anh làm tiền bằng cách phao tội Việt gian! Với hạng bình dân khổ rách thì anh bức sách đủ điều, kẻ nào vô phúc gặp anh cỡi ngựa⁽¹⁾ mà không kịp ngả nón thì anh sẽ cho lính bắt về bót đánh cho một trận đòn như tử, nhưt là những người nào chẳng may có chút thành kiến với anh từ thuở anh còn làm một thằng tù dưới thời Pháp, thôi thì hết sức khổ sở với anh, khổ sở từ bị tra tấn đủ thứ cực hình cho đến mất mạng chớ chẳng vừa đâu!

Trong một phòng bí mật của anh đã được mệnh danh là “lò thịt” có chứa đủ thứ dụng cụ giết người, trong số ấy có một cái máy treo bằng điện do anh sáng chế. Anh ghét ai là người ấy bị anh bắt cóc đem về đánh đập cho đã rồi treo lên hàng giờ hàng buổi để xem chơi. Trong lúc nạn nhân đang nhăn nhó mặt mày, kêu van thảm thiết, thì anh lại phì phà khói thuốc, cười lên sảng sặc và cho đó là cuộc *giải trí lành mạnh!*

Anh lấy sự đau khổ của kẻ khác để làm trò vui cho anh!

Có hai người trước có thành kiến với anh, sau ngày anh có chức càng tỏ vẻ không phục, anh cho người bắt cóc đem về nhốt trong hầm kín rồi hành hạ cho đến chết, và mổ lấy mật sống để mong được trường sanh bất tử. Vậy mà khi anh làm phúc trình gọi lên tòa hành chánh nói dối với tôi rằng: hai người vắng mặt ấy đã thả bè về đất!

(1) Vụ cỡi ngựa này về sau có kẻ đồn tôi, thật ra thì tôi không cỡi ngựa như anh Út bao giờ, vì tôi có biết cỡi ngựa đâu mà cỡi! Tôi chỉ có đi chiếc xe Hốc-kit cũ mèm của Pháp bỏ lại. Và chiếc xe này không phải chỉ dành riêng cho cá nhân tôi, mà bất cứ ai khi có việc cũng có thể đi được, vì tôi đã dùng nó vào việc chở lúa từ ruộng về sân để được đỡ nhọc cho sự khiêng vác kia mà, thì còn có việc gì mà không dùng được?

Nhưng việc anh làm không ai dám nói cho tôi hay vì anh gần gũi tôi hơn, sợ đổ bể ra mà y hay được thì mang khốn. Về sau, nhờ có đặt ra thùng thơ “dân ý”, chính tay tôi mở và chính mắt tôi xem những bức thơ tố cáo, thì tôi mới khám phá được dần dần những hành động dã man tác quái của y.

Đáng lí ra tôi phải truất phế y ngay và truy tố y trước pháp luật về tội giết người. Nhưng trước hết, tôi cũng vì tình bạn mà khuyên cáo y trong chỗ thâm tối: nên sửa chữa những hành động tác quái ấy đi. Ở đời khi mình có chút quyền, nên để cho người kia người nọ cùng sống với, đừng nên dùng quyền hành mà bóp chẹt đời sống của người ta, thì trước mặt tôi anh cũng ừ ịet nghe ra biết điều lắm; nhưng trong thâm tối anh vẫn không chừa thói cũ của anh.

Buộc lòng tôi phải đưa nội vụ ra trước ánh sáng trong một cuộc hội họp tại tòa Hành chánh gồm có những người có trách vụ trong bộ máy chánh quyền để định đoạt về vụ cái “máy treo” giết người của anh.

Thì anh đã không tỏ vẻ ăn năn với việc anh làm, lại còn cả gan lên tiếng rằng sẽ bảo vệ cái máy treo đến cùng; đồng thời anh đe dọa luôn bất cứ ai can thiệp đến máy treo!

Lời tuyên bố ấy làm cho mọi người có mặt đều chán ngán, hết muốn làm việc. Và chính tôi cũng ngán anh luôn!

Sở dĩ anh dám làm lộng như thế, là vì bao nhiêu súng ống của phái đoàn để lại, tôi đã lỡ trao cho anh hết rồi, và chánh quyền trong đất liền lúc ấy đang bị giặc Pháp đánh đuổi tơi bời, các bộ đội kháng chiến đều phải rút vào rừng sâu, có ai rảnh tay đâu mà can thiệp công việc ngoài đảo?

Vợ tôi (lúc đó chưa cưới), nàng cũng khuyên tôi nên đi hơn là nên ở, vì ở thì thế nào tôi cũng phải chết về tay của Nguyễn Thành Út. Tôi đồng ý với nàng và nàng lo sắp đặt hành trang để rồi cùng đi với tôi.

Nhưng tôi chưa kịp tuyên bố gì hết, chỉ mới cho mấy người thợ

máy lo sửa chữa chiếc ba-la-nhe (Baleinière) thì đã có bao nhiêu người (đại diện các giới) đến kêu ca khóc lóc với tôi rằng: "... Anh còn ở đây mà thằng Nguyễn Thành Út nó còn hoành hành với chúng tôi như thế; nếu anh bỏ chúng tôi mà đi, nó sẽ tự động lên nắm chánh quyền, không cần có ai bầu cử, mọi việc nó sẽ thi hành theo lối độc tài độc đoán, khi đó chúng tôi còn biết sống làm sao...?"

Có những người khác lại đi mạnh hơn, họ nói:

– Hồi nào bình thời, anh ở đây với chúng tôi, bây giờ dù gặp cảnh khó cho đến thế nào, anh cũng ở lại đây cùng chia vui xẻ buồn với chúng tôi. Nếu nó mới tuyên bố sơ sơ có vài câu, mà anh đã vội vã rút lui rồi bỏ chúng tôi, để dắt người đẹp ra đi, thì không những anh không tròn nhiệm vụ của anh mà thằng Nguyễn Thành Út nó còn coi anh là khiếp nhược nữa...!

Tôi biết đó là lời nói khích để buộc chân tôi, nhưng tôi cũng không cần giấu sự thật với họ:

– Phải! Nếu Nguyễn Thành Út hay bất cứ ai chê tôi là khiếp nhược, tôi cũng nhìn nhận đó là sự thật. Nhưng tôi không thể "can đảm" với một con người chỉ biết có tư lợi cá nhân mà không cần *lẽ phải* và không cần *danh dự* là gì hết. Với hạng người đó, tôi đành chịu khiếp nhược vậy!

Sự thật ngán Nguyễn Thành Út thì tôi cũng có ngán, vì sự có mặt của tôi là một chương ngại cho sự tham nhũng của hắn, nếu tôi không bỏ đào mà đi cho sớm, thì hắn sẽ giết tôi một cách chẳng nhon tay, hắn sẽ bất chấp dư luận mĩa mai chống báng là gì hết.

Nhưng vì những câu nói khích ở trên, khiến lòng tự ái của tôi bị chạm, nó bắt tôi phải trở lại con đường nhiệm vụ và danh dự của một con người không được để ai bôi nhọ. Tôi bèn trả lời họ:

– Thôi được rồi! Để rồi tôi sẽ tính...

Vợ tôi nghe tôi thay đổi ý kiến, làm trật cái chương trình hồi hương của nó đã hoạch định, nằng giận tôi lắm, liền đến phàn nàn tôi:

– Nếu anh không làm được như Hàn Tín thì anh sẽ chết một cách vô nghĩa. Hàn Tín sở dĩ làm nên việc lớn là biết dành cái thân cho việc đại nghĩa; còn anh, nếu anh đem can trường mà chọi với Nguyễn Thành Út tại hòn đảo xấu xa này, anh sẽ chết mất mạng mà không ai biết tới.

Vợ tôi còn nói nhiều lắm, nhưng nói gì thì nói, chớ bỏ mà đi trong trường hợp này thì đi không đành. Nếu tôi đi mà mọi người được sống yên ổn thì mới vui vẻ mà đi, trái lại, tôi đi mà đời sống của dân chúng hải đảo phải bị chà đạp dưới một chế độ tàn khốc, thì tôi cảm thấy nó nao nao làm sao ấy. Hơn thế nữa, lòng tự ái của tôi cũng quá cao, hễ cái gì chạm đến danh dự là tôi không chịu được.

Do đó mà tôi phải ở lại, ở lại để thanh toán cho xong vụ này rồi sao thì sao! Nhưng muốn ở lại thì phải một mất một còn với nó chớ không phải là một việc dễ, vì Út là tay bản lĩnh, dám làm, nào phải là kẻ tầm thường.

Vợ tôi hỏi tôi làm sao thắng nó, tôi chỉ trả lời vắn tắt:

– Mạnh dùng sức, yếu dùng mưu. Đó là bí quyết của tôi, em có thể yên lòng chờ tin giờ chót.

Tuy tôi nói vậy thì hay làm vậy, nàng cũng phập phồng lắm. Vì tôi thì tay không, mà Nguyễn Thành Út thì sẵn có lực lượng cảnh binh và võ trang đầy đủ.

Ngày 24 tháng 2 năm 1946 là ngày tôi nhóm đại hội quần chúng để quyết định chế độ, mà cũng là ngày Nguyễn Thành Út sẽ đem lực lượng cảnh binh đến đó đàn áp quần chúng và giết tôi để cướp chánh quyền luôn.

Nhưng Nguyễn Thành Út đã thất bại một cách chua cay trước một kế hoạch ngụy trang giả tạo⁽¹⁾, tôi chừng y biết ra thì y đã bị tôi

(1) Muốn biết tôi đã dùng kế hoạch nào để được thắng Nguyễn Thành Út trong khi y có cả một lực lượng cảnh binh võ trang đầy đủ, và tôi chỉ có hai bàn tay không? Xin xem tập hồi kí “Máu hòa nước mắt” mà tôi sẽ cho đăng báo sau này. Hiện tôi còn đang viết dở dang, chưa xong đâu hết.

tước chức và tước luôn khí giới hết rồi. Y tức thiếu điều ỏi máu, nhưng ưu thế đã về phần tôi, y có muốn lật lại cũng không thể được!

Nguyễn Thành Út bị hạ bệ dân chúng hải đảo trút được hơi thở nặng nề. Ngay sau phút y bị tước chức và tước khí giới, thiên hạ xui nhau đòi làm “thịt” y, kẻ thì yêu cầu tôi cho bắt y treo lên cột cờ thử chừng năm, mười phút thay vì y đã treo người kia người nọ hằng giờ hoặc cả buổi, xem y có chịu nổi không? Có những người khác nóng nảy hơn, họ đòi đem Nguyễn Thành Út băm thây tại chỗ để trả thù cho bao nhiêu người đã bị y tra tấn tàn nhẫn trong thời gian y có quyền.

Theo lẽ tôi phải chiều theo cho mọi người được thỏa mãn. Nhưng ai nấy đã biết tôi vốn tánh lạnh lùng, tôi tức giận y là lúc nào y còn oai quyền hách dịch kia; chứ giờ phút ấy tôi trông thấy làm màu bi lụy như con chuột lột rồi, thì lửa hận đã tiêu tan đâu mất, y cầu cứu tôi, tôi còn giết y sao được? Tôi đã không nỡ giết y, thì tức là tôi cũng không chịu để cho ai giết.

Bởi đó, tôi phải yêu cầu công chúng nên rộng lượng như tôi mà tha thứ cho y. Có một số đông rất không bằng lòng về sự tha chết cho Nguyễn Thành Út, nhưng sợ nói ra làm phật ý tôi, nên tôi bảo như thế nào người ta cũng chiều theo thế ấy cho vừa lòng tôi.

Thế là Nguyễn Thành Út được thoát chết và được sống yên là nhờ bàn tay che chở của tôi. Mặc dù y đã đi ngược chiều chống lại chủ trương “dung hòa” của tôi, và y đã quyết tâm hạ cho được tôi, để y tiện bề múa gậy vườn hoang, nhưng tôi vẫn cứu y khi y ném mìn thất bại.

Lẽ ra y phải biết ơn tôi. Nhưng không đâu! Cái ơn che chở cho y, y không cần biết cũng như bao nhiêu tội ác của y đã gây ra trong mấy tháng nắm quyền công an kiêm cảnh sát y không nhớ tới, y chỉ nhắm vào có mỗi một việc là *tôi đã lột chức y* và cứ ghim lấy đó mà đâm ra thù oán.

Nhưng tôi “lột chức y” thì có lí do xác đáng; chứ y mà thù oán tôi thì không một ai công nhận cho y là có lẽ phải tí nào. Trái lại, người

ta còn cho y là một con người lấy ân làm oán là khác. Vì rằng sau khi y bị hạ bệ, không còn quyền hành gì để bắt nạt được ai nữa, nếu không có sự can thiệp của tôi, thì y sẽ bị dân chúng xé xác y ra còn tệ hơn là dân chúng nước (?) Tàu đã xé xác Thương Ưởng trong thời Chiến quốc xưa kia!

Bởi y cố thù tôi, nên khi Tây trở lại, trong khi tôi bị Tây hạ ngục, hai chân bị còng hai tay bị trói thì y lại chạy theo Tây, tha hồ mà đâm chọt thêm bớt, và đã vu khống cho tôi *vụ án già Quít*, mà tôi đã phải mang cái án chung thân hết sức nhục nhã hàm oan.

Tuy nhiên, tôi cũng cho đó là năm vận tháng hạn, đến ngày đó tháng đó mình phải chịu cái tai vạ như vậy, nên tôi không thêm thù oán y, mà tôi cứ cam lòng với số phận không may.

Nhưng y chưa chịu cho tôi được ở yên để trả nợ tù, từ giữa năm 1947 đến gần cuối năm 1953 y còn đeo theo báo hại tôi một số việc động trời, làm cho tôi phải thất điên bát đảo⁽¹⁾ với nhiều “cú” hết sức tủi nhục đau đớn.

Y dồn tôi vào nước bí, mà chẳng chừa cho tôi được một lối ra!

Hại tôi phải ở một án tù chung thân chưa đã, còn báo tôi thêm nhiều chuyện nữa. Tôi càng nhịn, y càng làm lùng hơn. Đến khi quá sức nhịn, tức nước là phải vỡ bờ, buộc lòng tôi phải giết y để rửa mối hận tám năm dồn dập.

Nhưng trước khi giết y, tôi còn cảnh cáo y một lần chót. Tôi nói cho y biết trước từ hôm mồng hai, qua đến ngày mồng tám, nghĩa là cách nhau một tuần lễ tôi mới giết y.

Tôi giết y chết vào lúc 6 giờ rưỡi sáng ngày 8-8-1953.

Trước hết, tôi quất vào chum y hai cây cho y ngã quỵ, đoạn tôi còn đứng đọc bản án kể tội cho y và mọi người cùng nghe rồi tôi mới

(1) Những chuyện anh Út mưu hại tôi sau khi đã gieo oan cho tôi bị mang cái án chung thân và vụ già Quít, không thể kể ra đây cho hết được. Trong tập hồi kí “Máu hòa nước mắt” mà tôi đang viết sẽ có đầy đủ chi tiết.

đập chết thiệt. Sau khi đập chết rồi, tôi còn đập thêm gần hai trăm cây nữa cho thi thể y nát như như cái áo rách, vì mệt quá nên tôi thôi, chớ cũng chưa có đủ nư giận. Cho đến thì giờ này tôi cảm viết mấy hàng này, y đã chết rục xương từ hồi nào rồi, mà lửa hòn vẫn còn phảng phất đâu đây.

Vì trên đời này, tôi chưa gặp ai làm ác nhẫn tâm như Nguyễn Thành Út.

Trong khi tôi đứng đọc bản án để kể tội y cho y nghe, thì giờ kéo dài có trên 30 phút, có hơn ba, bốn trăm người nào anh em sở rẫy, chuồng bò và các sở lân cận rừng rừng chạy tới đứng vây chung quanh xa xa, như là đi xem một trận đá banh. Nếu cách cư xử ở đời mà có chút nhân tình, thì đã có bao người chạy tới can ra, thì y đã được cứu sống, vì một mình tôi làm sao có thể chống lại cả mấy trăm người.

Nhưng mọi người đều đứng yên, để cho tôi được thông thả xử tội tên ác ôn số một Côn Nôn ấy, vì hầu hết đều muốn bầm nát thây, thì có can tôi mà làm gì?

Tôi giết y bằng cây dầu vuông (bề dài 1m20, vuông vức mỗi bề 4 phân), món này do y sắm ra để đi đâu thì cầm theo tay. Trước khi giết y, tôi đã có ý định *dùng khí giới kẻ thù giết lại kẻ thù*, nên hôm ấy tôi vẫn có chiếc búa tay bén ngọt vắt sẵn trong lưng, nhưng vật sở hữu ấy chỉ dùng để tự vệ, chớ không thêm dùng vào việc giết y.

Cố nhiên tôi phải bị đưa về Sài Gòn để ra tòa lãnh án. Phiên tòa đại hình xử tôi nhằm ngày 22-6-1954, do *ông tòa Liễu cà lăm* ngồi chánh án, Lâm Quang Đức buộc tội tôi xin tòa kết án tử hình. Nhưng trạng sư Lâm Quang Trọng cực lực chống lại ý kiến của công tố viên Lâm Quang Đức.

Kết cuộc buổi xử, tôi bị *ông tòa Liễu* kết án chung thân khổ sai. Nghĩa là người ta chỉ biết có cái tội tôi đập chết tên Út, mà không cần nghĩ đến cái tội Nguyễn Thành Út là kẻ gây sự đã gieo *oan* cho tôi cái án chung thân thứ nhứt và còn làm khổ tôi trong bao nhiêu năm nữa.

Thế là cái án chung thân trước chưa ở tới đâu, đã thêm cái án chung thân thứ hai. Nhưng nếu không có cái án oan trước thì làm gì có cái án ung sau này.

Án chung thân trước đã được Tây ân giảm lần hồi, hiện còn đâu chừng hơn một năm nữa. Án chung thân sau mới ân giảm xuống còn 20 năm theo sắc lệnh 19-Q.T kí ngày 28-1-1965. Theo số đó tôi phải ở đến năm 1987 mới được miễn án!?

Dù sao, đối với vụ án Nguyễn Thành Út tôi cũng có hai điểm được tự hào là:

– Một là có cảnh cáo trước một tuần lễ, nói ngày hai, đến ngày tám tôi mới giết.

– Hai là dùng khí giới kẻ thù giết lại kẻ thù. Hôm ấy tôi có giắt theo cái búa mà không dùng đến. Cây “dầu vuông” là vật cầm tay của y.

TÙ CÔN NÔN DƯỚI CHẾ ĐỘ PHÁP THỰC DÂN

Thiên đường hay Địa ngục?

Ai bảo Côn Nôn là một “thiên đường”, thì người đó nếu không phải là kẻ thiếu lòng nhân đạo, tức là họ chưa hiểu bề trái của Côn Nôn, hoặc không muốn nhìn nhận sự thật của Côn Nôn.

Phải gọi Côn Nôn là *địa ngục trần gian* mới đúng!

Từ Hàng Keo đến Hàng Dương...!

Từ năm 1941 trở về năm 1862, khoảng 80 năm ấy, bao nhiêu tù chết Côn Nôn, Pháp đều cho chôn tại thổ mộ Hàng Keo. Nơi đây lớp cũ lớp mới chồng chất lên nhau, nên nhiều khi những lóng xương người trôi lên mộ đất, trông thấy mà rợn người và thảm thương cho kiếp tù đầy dưới thời Pháp thuộc. Thử nghe câu ca dao này:

Côn Nôn đi dễ khó về,

Sống nương núi Chúa, thác về Hàng Keo!

Thì đủ biết từ năm 1862 đến năm 1941, thổ mộ Hàng Keo đã nuốt hết bao nhiêu nhân mạng?

Đến cuối năm 1941, số tù Côn Nôn chết nhiều quá (chết vì bệnh thủng, ỉa chảy, ghẻ loét và nhứt là làm việc quá sức) mỗi ngày, chết từ năm, sáu người đến mười lăm, mười bảy người. Ban đầu còn chôn mỗi người một lỗ riêng, sau những người có phận sự đi chôn ma vì mệt mỏi quá, nên hễ xe một xe có mấy cái xác thì khi tới nơi họ chôn chung một lỗ cho mau rồi, để còn có thì giờ và chút sức khỏe lo chôn lớp khác.

Vì vậy mà hồi ấy (từ cuối 1941 đến giữa 1945) nhiều khi những

lỗ chôn này bị trâu đạp sinh lên sụp xuống và mùi hôi thúi bay khắp cả vùng này, ai đi qua đó đều phải bịt mũi và ôm đầu mà chạy...!

Tới những *Hàng Keo* đã chật ních rồi, không còn chỗ chôn nữa, khi đó người ta mới bắt đầu mở thêm một thổ mộ thứ hai là "*Hàng Dương*" để tiếp đón những thân ma mới!

Tù Côn Nôn dưới thời Pháp sở dĩ chết nhiều như thế, một là vì làm việc quá sức, hai là bị đòn vọt nặng nề, một phần chết trực tiếp, phần khác bị ảnh hưởng hai tai nạn ấy mà sanh ra bệnh hoạn, rồi chết mòn chết mỏi tại nhà thương.

Cách chôn ma dưới thời Pháp thật là thảm hại: từ cuối năm 1941 trở về trước chôn bằng bó chiếu. Từ cuối năm 1941 trở về sau thì chôn bằng hai chiếc bao bàng: một chiếc đầu tròn xuống, một chiếc từ dưới kéo lên rồi cột ba nuộc dây xanh, một giữa cột thắt ngang lưng, nuộc trên cột ngay cần cổ, nuộc dưới bó hai cườm chân!

Qua trào Việt Nam mới được chôn bằng hòm và lần lần có lễ nhạc, có thầy chùa tụng kinh và mỗi sở được cử một ban đại diện đi đưa với tràng hoa tang, kèm thêm những dòng chữ phúng điệu như: "*sanh kí tử qui*", "*An giấc ngàn thu*", hoặc "*Anh hùng tử, khí hùng nào tử*" v.v...

Bữa ăn của tù dưới thời Pháp

1 thùng cơm gạo đỏ Nam Vang (thùng hàn thiếc Cao Bằng)

1 việem canh rau dền nấu với trứng con rầy và sấu xanh

1 việem khô kí ninh có chất sinh tố Đ.A.

1 ca nước mắm nguyên chất

10 đôi dưa to gần bằng cặp đùi trống nhạc và mười cái ca ăn cơm

Đó là thực đơn hằng ngày của tù Côn Nôn dưới thời Pháp thuộc cứ mỗi mâm là mười người ăn. Sau bữa cơm, thì cơm và đồ ăn hãy còn huyền thiên, mà bụng vẫn không no! Tại sao thế? Vì nuốt không

vô, thử hỏi làm sao mà no bụng được? Thì đây, tôi xin kể ra từng món:

– Gạo đỏ này xay tại hầm cấm cố Côn Nôn, trong đó toàn là thóc lẫn với cát sạn xay ra gạo rồi đem ra chắt đồng, có khi bốn, năm tháng mới dùng tới, thành ra khi đem nấu ra cơm thì gạo đã mục rồi và sâu đóng thành ô. Muốn ăn thì phải đổ nước canh, hoặc nước trà Huế vô, lấy đũa quậy vài vòng cho cát sạn lóng xuống, sâu gạo nổi lên trên rồi gọt lớp trên bỏ đi, ăn lớp giữa, chừa lớp cặn lại. Thóc thì cứ nuốt bừa cho quen, chớ nếu ở đó mà lựa, khi Tây nó hô vô là phải buông đũa ngay, nếu chần chờ ở lại sau thì củ mây, củ ngoáo nó sẽ lộp lên đầu, vì mỗi bữa ăn chỉ có 15 phút thôi!

Chưa hết, thùng cơm không cần phải có nắp đậy, vì khi nhà bếp đem thùng cơm đặt lên hàng ba ngay trước mỗi phòng, thì đã có những đạo binh “ruồi” chực sẵn đáp xuống che kín cả rồi...!

– Thứ rau dền người ta trồng cho Tây ăn, khi nó vừa đúng lứa, thì cái cọng của nó đem lột da đi, luộc chín tán nhỏ trộn với “bơ” thêm chút muối, nó trở thành một món ăn ngon. Nhưng đằng này thì khác, vì nạp cho Tây ăn không kịp, để cho quá lứa, người ta nhổ chặt khúc nấu cho heo ăn, và nhằm buổi nào thiếu *lê-ghim* phát cho tù ăn, thì người ta sẽ không ngần ngại đem thứ rau dền quá lứa này nấu cho tù ăn. Dĩ nhiên trong đó toàn là trứng con rầy và loại sâu xanh. Người ta chỉ cần nêm ít muối và mỡ là chảo canh cũng ngọt như thường, ngọt là nhờ có trứng con rầy kia đấy!

Khô mua cho tù ăn hồi thời Pháp phần nhiều là khô ngon, đặc tiền, như khô tra, cá bông, cá còm; cá sữa, cá vượt, cá đuông, cá sặc, cá sơn v.v... Nhưng bởi hàng ra stock, mỗi lần ra từ năm, bảy trăm đến cả ngàn giỏ đem về kho chắt đồng đó, phải ăn cho hết lớp cũ đã đem ra từ năm, bảy tháng trước đi, rồi mới được ăn tới lớp mới. Khi ăn hết mấy lớp cũ, thì lớp mới nó cũng cũ đi, vì vậy mà tù Côn Nôn suốt đời ăn khô mục đắng như kí ninh.

Nói về sinh tố (Vitamine) thì các loại sinh tố A, B, C, D, E hay

sinh tố B2, B6, B12, hoặc sinh tố K thì đã có nhiều người dùng đến và biết rõ được tánh của nó. Đến như *sinh tố Đ.A.* là thứ sinh tố sản xuất tại *Côn Nôn y khoa đại học đường*. Trong các sách thuốc Âu Tây chưa hề nói đến, thì cho dầu mấy ông bác sĩ chánh tông cũng đành phải điếc con rái nữa là người thường làm sao biết nói sinh tố Đ.A. là cái quái gì? Đó là một danh từ hài hước do ông Ninh đặt ra để gán cho thứ khô mục Côn Nôn đáng ghét như kí ninh, vì chữ Đ đứng đầu chất *ĐẮNG*, và A là Amer tiếng Pháp cũng có nghĩa là *ĐẮNG*.

– Thì có món nước mắm hồi ấy là không pha trộn gì hết. Thì nước mắm vào loại hạng bét đến đâu, từ trong tủ khai ra, để y nguyên chất, không trộn nước muối, nó còn có mùi nước mắm, thì còn có thể ăn được.

– Nói đến những chiếc đĩa của tù ăn cơm hồi ấy, không khỏi buồn cười! Đĩa ấy do đâu mà có? Thì cũng do tù làm ra, chứ Tây có chuốt đĩa cho mình ăn bao giờ đâu. Nhưng thầy thợ Côn Nôn ác lắm, giá thử họ chịu khó chuốt nhỏ nhỏ một tí nữa thì coi được quá. Nhưng ai siêng cho họ mà bảo họ làm kĩ được. Vì vậy mà những đôi đĩa của Tây phát cho tù ăn hồi ấy nó to chù vù như cặp đùi trống nhạc! Nếu không may có chiến cuộc xảy ra giữa giờ xơi cơm, hai đối thủ không cần phải chạy kiếm củi đôn đâu, cứ vác đĩa và những cái “ca” bằng thiếc Cao Bằng mà choảng nhau cũng đủ phun máu đầu rồi!

Ấy đấy! Bữa ăn của tù Côn Nôn dưới thời Pháp thuộc đại để là thế. Không ăn thì đói, mà rán nuốt vào thì ăn toàn chất độc, bảo sao tù hồi ấy không chết nhiều cho được?

Qua trào Việt Nam đã được cải tiến lần hồi. Hiện nay tù Côn Đảo đã được ăn phân nửa gạo trắng. Về thực phẩm, vì cố chiến tranh liên tiếp mà chưa được đầy đủ ngon lành theo như ý muốn, nhưng so với thời Pháp thấy đỡ hơn nhiều.

Trong số tỉnh trưởng Côn Nôn, người đáng được suy tôn hơn

hết là ông Hồ Chí Thiên, kế đó là ông thiếu tá Sáu, ông trung tá Tăng Tư và hiện giờ (1966) là ông thiếu tá Vệ.

Rất tiếc bên cạnh những ông có lòng nhân đạo này, lại có một ông (xin miễn nói tên) đối xử với tù thật là tàn tệ. Khẩu phần của nhà nước phát ra luôn luôn đầy đủ, thế mà ông nở lòng nào cho tù ăn đói. Có ai đứng ra xin cơm cho đủ ăn, thì bị ông gán cho cái nhãn “búa liềm” thì chỉ còn có nước vô hằm chờ chết! Tên Đạt sở dĩ bị tù Côn Nôn đâm chết mất mạng cũng vì đánh đập những người xin cơm mà ra nông nổi.

Lịch sử đã ghi ơn những vị giàu lòng bác ái có bụng thương người, tất nhiên người ta cũng không quên ghi những tội ác của những con người cố tâm tạo ác. Tôi không cần nêu tên người ấy, vì tôi đã thấy có nhiều người khác đã ghi chép đủ các chi tiết suốt thời kì của ông ấy, mà những người làm công việc này lại thuộc thành phần công chức và giám thị, có gần gũi với ông ta, nên được biết rõ những thủ đoạn tàn ác của ông ta hơn.

Con người ở đời đã không phải là thánh thì ai lại chẳng có ít nhiều lòng tham, song có tham thì tham vừa vừa chớ. Tham gì mà trắng trợn quá, tù Côn Nôn lên non đồn cúi hăng ngày, mà cứ cho nó ăn đói từ ngày này qua ngày khác, từ năm này qua năm khác, để dành gạo đăng bán cho hợp tác xã, làm cho dư luận xôn xao, thì thôi hết nói nữa rồi!

Không những xử tệ với tù, mà đối với các giới công chức và giám thị là những người cộng sự cũng thế. Tại tư dinh ông ta, của ngon vật quý không làm gì cho hết. Thế mà các vị công chức, giám thị hay bảo an đi vô chơi các sở có hái trái ổi trái xoài, hay đặt lò đặt đống gì để kiếm cá ăn, thì ông ta gọi tới văn phòng vỗ bàn vỗ ghế, quát tháo om sòm, xài xể còn hơn tôi tớ trong nhà.

Tóm lại, ông ta biết tóm thâu cho ông ta được no mà thôi, còn ai đói thì mặc kệ ai!

Vì vậy mà đã có bao nhiêu đơn từ của công chức và giám thị và

công an gọi về đất liền thừa kiện tố cáo tội ác ông ta (bí mật có mà công khai cũng có), ông ta phải tốn gần hai triệu bạc để trám chỗ này chỗ nọ, nếu không thì cũng đã vô tù mất rồi. Vì các việc làm của ông ta trắng trợn quá đi, không coi pháp luật ra gì hết!

Riêng tôi, tôi nói chút chút cho được hả hơi rồi thôi! Nhưng các nhà làm sử họ sẽ không dễ dãi như tôi đâu nhé!

Sở đục đá làm đường

Cái cầu tàu ngay trước dinh giám đốc và khúc bờ biển phải cần bằng đá để bảo vệ cho châu thành Côn Nôn từ cống bò lên khỏi Nhà thờ, có nhiều khối đá to nặng từ hai đến ba, bốn tấn. Đá này phải lấy từ trong núi Chúa đem ra.

Khi tôi mới bị Tây đày ra đảo (cuối năm 1933), người ta nói với tôi cứ mỗi cục đá to ấy là một mạng người. Vì việc cạy đá xưa kia thật là vất vả, làm toàn bằng sức người, nên người bị đá đè đá giết quá nhiều là lẽ dĩ nhiên.

Thi dụ muốn đục một lỗ sâu chừng năm, sáu tấc để nhét cốt mìn vào thì cứ hai người một cặp: một người cầm khúc thép đầu bằng đầu dẹp vừa cầm cho trúng lỗ vừa xây, còn người kia thì vác búa thầu mà đập, cứ ít phút thì ngưng lại để móc mìn đá lên. Hai người phải làm cả ngày mới xong một lỗ. Người cầm búa thầu thì phồng cả hai tay, còn người cầm đục nhiều khi bị bạt búa phải chết mất mạng, hay ít nữa cũng bị thương tích tàn tật là thường.

Cốt mìn hồi đó phải đốt bằng ngòi, đốt rồi phải chạy cho xa cho lẹ, nếu chậm chân hay vấp té, bị đá nổ tung rơi vào đầu vào cổ thì chết nát xương.

Đá chia ra làm ba loại: loại vụn vặt thì đập nhỏ ra để trải đường, loại bậc trung thì để xây tường thành và làm nhà, loại to nhất để làm cầu tàu và cần theo bờ biển.

Khó nhất là thứ đá to ấy, di chuyển cho được một miếng ba, bốn

tấn từ trong chum núi Chúa ra tới bờ biển để xô xuống biển cho nó thành cái cầu tàu không phải là việc dễ. Phải xúm nhau hè hụi xeo nó thế nào, cho nó lên nằm được trên va-gông rồi mới thấy khỏe.

Cầu tàu và bờ biển trước châu thành Côn Nôn làm xong từ trước năm 1895 là chết người nhiều nhưt. Hai con đường: một từ sở Tiêu qua bãi ông Đụng, một từ sở Đá trắng qua cuối bờ Đầm bắt đầu làm từ năm 1942 đến cuối năm 1944, cũng chết người nhiều lắm, nhưng so với cầu tàu và bờ biển thì số người chết chưa bằng năm phần trăm.

Dưới thời thực dân Pháp, tù Côn Nôn đã chết vì việc làm quá sức nặng nề, lại còn bị chết về nạn đánh đập nữa, vì hồi ấy bất cứ người gác-dan Tây hay thầy chú nào cũng có cảm roi: không cù ngoéo bít đồng thì cũng cật bò, hớ một tí là cứ đập tươi lên đầu. Có nhiều ông thầy chú rất mực hiền lành như ông *Đội Cao*, ông *25 Nền*, ông *Hữu*, ông *Chín Sung* v.v... không chịu đánh tù, thì không khi nào được lên lon, và cả đời chỉ ở ngoại ngạch và lãnh lương công nhật.

Con đường từ *Lò Than* qua *Đất Dốc*, ra mũi tàu bể dọc theo sườn núi chạy vô *Trảng Tranh* và cuối cùng là phi trường Cỏ Ống khởi làm từ năm 1960, dài hơn 12 cây số, hoàn thành hồi đầu năm 1964, nhờ làm bằng máy móc, và dưới thời kì Việt Nam không có nạn đánh đập quá lắm như thời Pháp, nên chỉ có một người tên *Bảy Búa* chết vì nạn đá đè mà thôi.

Sở Kéo cây dưới thời Pháp

«... *Hòn Cau, Bãi Cạnh giựt mạnh đi luôn, nè... kéo hô... keeéo...!*»

– «... *Ai đi Đất Thấm, Bãi Bàng, cho tôi xin hỏi vú nàng ở đâu? Nè... kéo... keeéo...!*»

Đó là những câu hò reo của người chỉ huy hô to lên cho có ca có kệ để lấy trớn mạnh trong khi mọi người cùng ra sức một lượt.

Vì cây đồn đã lâu đời, nên những nơi gần và dễ đồn không còn

sốt một cây nào, nên sờ kéo cây thường phải đóng ở các nơi xa như: bên *Đất Dốc, Cỏ Ống, Đất Thấm, Bãi Bàng, bãi Dài, bến Đầm, hòn Bà, hòn Bãi cạnh v.v...*

Những cây súc to như: dầu, sao, găng ít khi có dưới đất bằng, phần nhiều là trên lưng chừng núi, khi hạ được một cây rồi thì dứt bỏ khúc ngọn, chỉ lấy khúc gốc từ mười đến mười một, mười hai thước thôi, ở phía đầu ngọn phải khắc ngàm để có chỗ buộc dây kéo.

Tùy theo khúc gỗ lớn nhỏ nặng nhẹ mà cho số người vừa đủ sức kéo. Với một cây nặng nhứt thì chừng năm mười người kéo, mười hai người xeo, một người chỉ huy. Trước hết, đám người nắm dây kéo phải chuẩn bị đầu đó cho sẵn sàng, để nghe người chỉ huy hô khẩu hiệu, hễ vừa dứt câu thì phải ra sức một lượt.

Những người cầm đòn xeo thì chực sẵn hai bên, hễ kẹt đầu là xeo đó cho cây súc được xuôi chiều để kéo.

Sợi dây kéo là một sợi mây chà vong lớn hơn cẳng cái dài năm, sáu mươi thước. Khi kéo lúc nào khúc cây nằm ngang thì kéo rất nặng lúc nào khúc cây chúc đầu xuống dốc thì kéo rất nhẹ, nhưng phải coi chừng, hễ thấy nó bắt đầu chạy chúi đầu xuống dốc thì phải nhảy cho lẹ, có lắm người dẫm phải gai mây, nhảy không kịp bị cây súc cài lên mình, cán nát xương, thân mình tả tơi như chiếc áo rách.

Chưa hết, sau khi đem được cây súc từ trên lưng chừng núi xuống tới bãi cát nào đó rồi, còn phải kết nó thành bè để có kéo về tới sở *Bản chế* tại châu thành *Côn Nôn*, thì còn phải qua nhiều giai đoạn khó khăn nữa. Nhằm bãi nào thuận tiện cho chaloupe đến dòng dây kéo được thì còn đỡ khổ, rồi nhằm chỗ sà lúp không đến được, phải dùng sức người kéo lấy, thì bọn người xấu số này lại phải cái nạn cộp nước (tức là cá mập) còn ghê gớm trăm ngàn lần hơn nữa.

Chung quanh Côn Nôn dưới thời Pháp lúc nào cũng có hằng nghìn cá mập chực sẵn, hễ hớ hênh một tí là nó tấp dứt đầu, hay ít nhứt cũng bị đứt giò hoặc cụt tay.

Qua trào Việt Nam thì sở kéo cây lẩn lẩn cải cách. Cho đến bây giờ, đồn đâu thì cửa xẻ ra tại đó. Tuy việc khiêng vác đem về có hơi nhọc, nhưng ít nguy hiểm hơn.

Sở củi Chuông Bò

Dưới thời Pháp, anh em nào từ trong đất liền mới đầy ra mà bị cắt đưa đi lên sở *Chuông Bò* thì kể như đến ngày tận số. Vì tuy mang danh là sở *Chuông bò* (bởi ở đó cũng có nuôi bò để kéo xe và vắt sữa) nhưng thật sự nó là sở *Củi*, một sở “giết người” đứng hàng đầu, trên cả *hầm xay lúa*, *sở đục đá* và *sở kéo cây*. Chúng ta hãy nghe:

*“Chuông bò cửa cổng chặt tay,
Suốt đời chịu tội vì ai hơi trời...?”*

Đó là lời than tiếng khóc của những nạn nhân ở sở *Chuông bò*. Ai muốn chạy sở này để tránh cái nạn mỗi ngày nạp năm tấc củi, thì phải tự hủy một cánh tay hay một bàn chân, cho trở nên một kẻ phế nhân tàn tật, không còn cầm búa đồn cây được, thì khi đó người ta mới chịu cho đổi sở...

Trước khi được đổi sở, còn phải vào nằm trong cách sở đến 90 ngày; chớ không phải thí thân đi nằm nhà thương rồi được đổi sở luôn đâu.

Với năm tấc củi đâu có phải nhiều nhỏi nặng nề gì, tại sao người ta lại sợ? Tại sao người ta phải thí thân chịu tội cả đời để mà chạy sở?

Phải! Nếu cây nó đứng đám ở dưới đất bằng để cho mình chặt, thì mỗi ngày một thước cũng chẳng có sao, đừng nói chi là năm tấc!

Đằng này không! không phải dễ dàng như ta đã tưởng.

Củi ở Côn Nôn thật chẳng thiếu gì. Nhưng chớ chi chỗ nào cũng đến đồn được, thì củi không làm gì cho hết. Ngặt vì chỉ có mấy vùng ở phía mặt tiền như *núi Lò vôi*, bên trong sở *Bông hương*, dọc theo sườn *núi Chúa*, *sở Tiêu*, phía sau *An Hải*, phía sau vùng *An Hội*, vùng *sở Muối*, sau *sở Đá trắng*, xa hơn tí nữa là *Bên Đầm* và *Bãi Cạnh*

v.v... là những chỗ đồn được mà thôi. Còn các vùng ở mặt hậu Côn Nôn, bên *Hòn Bà* và bên sở *Cổ Ống*, cây dùng làm củi được không biết bao nhiêu mà kể, nhưng rất không tiện về việc chở chuyên, nên không đồn được.

Với những chỗ đồn được như đã kể trên, thì từ năm 1862 cho đến bây giờ cứ mấy chỗ đó đồn đi đồn lại hoài, dưới đất bằng đồn cùn mần hết rồi, leo dần lên sườn núi, rồi lên tận chót núi mà đồn. Ở xa ngó lên, thấy chỗ nào cũng có cây cối xanh um, nhưng đâu có phải đó là các thứ cây để cho mình đồn làm củi được. Phần nhiều đó là các thứ cây tạp nhạp như đủng đỉnh, dừa gai, chuối rừng, mây, các loại dây gai chẳng chịt v.v...

Phải đi kiếm mót mấy đầu này vài khúc, đầu kia vài khúc, chạy cho đủ năm tấc củi mỗi ngày cả là một công trình bán sống bán chết. Đồn xong còn phải liệng chuyên hoặc vác từ trên đỉnh xuống chân núi, rồi từ chân núi vác ra cho tới sân củi có chỗ xa từ bảy, tám trăm thước đến một, hai ngàn thước.

Ấy là chưa nói đến từ sở *Chuồng Bò* đi đến *sân Củi* phải qua một khoảng đường xa từ hai đến bốn, năm cây số ngàn, tính cả bận đi bận về là nó gấp đôi. Ai có dép (thứ dép bằng vỏ bánh xe hơi) đi còn đỡ khổ; ai không kiếm được dép, mỗi ngày phải lội trên đường đá và còn leo núi, cộng chung có hơn chín, mười cây số ngàn, thử hỏi chum căng nào mà chịu cho thấu?

Dưới thời Pháp, sở Củi là sở cực nhứt khổ nhứt mà không hưởng được một chút châm chế nào hết. Những ngày mưa dầm rét mướt, lạnh thấu xương, tay chum tê cóng không cầm búa được, cũng phải rần sức mà đồn cho đủ năm tấc củi. Bằng như không đủ thì bị cặp rần đánh đập, thấy chú hành hạ làm cho sức người kiệt quệ khổ sở cùng cực quá đi. Họ thấy kéo dài kiếp sống càng thêm nhọc xác khổ tâm, đành phải mượn sợi dây oan nghiệt để kết liễu cuộc đời, hay còn nuối tiếc gia đình vợ con, thì phải hủy hoại một phần thân thể và chịu công chum trong cách sô 90 ngày để được đổi sở...

Tóm lại sở củi *Chuồng bò* dưới thời Pháp thuộc, quả là một sở giết người, ai rơi vào sở ấy thì phải “mua ngày” mà sống, sống ngày nào hay ngày ấy, không có hi vọng ở ngày mai.

Qua trào Việt Nam, mãi đến thời kì ông thiếu tá Sáu thì sở Củi mới được giảm xuống còn có hai tác rưởi. Không những riêng dân sở Củi mừng như cha mẹ chết được sống lại, cho đến toàn thể nạn nhân Côn Đảo ai cũng được hài lòng về vụ sở Củi được bớt đi năm tác rưởi.

Trước khi bớt cho mỗi người hai tác rưởi, thì nhà cầm quyền Côn Nôn đã có kế hoạch sẵn rồi. Sở củi bớt xuống phân nửa, số người sở Củi phải được tăng lên gấp đôi, thì mới đủ sở củi dùng hằng ngày. Việc đó có gì khó khăn đâu.

Nhưng ở đời một khi đã có ông thiện thì lại có ông ác đi kèm một bên để có “thọc gậy bánh xe”, người ta phá tan cái kế hoạch thi ân kia đi bằng cách không tăng số người cho sở Củi, tất nhiên củi sẽ thiếu dùng, lò bánh mì không có củi đốt phải ngưng, các gia đình công chức và giám thị không đủ củi chụm, khiến mấy bà mấy cô phải lặn lội lên rừng kiếm thêm củi để cho đủ chụm. Như vậy, người muốn thi ân cho tù bị đưa vào cái thế “kẹt”, để rồi kẻ cố tâm làm ác có cớ, tự động kí một chỉ thị khác để cho sở Củi trở về năm tác y như dưới thời Pháp thuộc.

Khi được bớt phân nửa, anh em mừng bao nhiêu, khi bị tăng trở lại, anh em cũng buồn thảm bấy nhiêu. Ai làm ơn làm phước cho anh em, anh em sẽ không quên, thì ai làm khổ đầy đọa anh em thì anh em vẫn còn ghi nhớ. Vả lại, mỗi một thứ chỉ thị công văn nào mà chẳng có lưu trữ hồ sơ, thì các nhà làm sử sau này sẽ căn cứ vào tài liệu ấy mà ghi ơn hay kết tội. Vậy những kẻ làm ác dầu có chết sớm thì tiếng xấu của họ vẫn còn lưu dấu truyền tụng muôn đời, tránh đâu cho khỏi.

Đó là nói về sở Củi là có bốn phận cung cấp cho toàn thể Côn Nôn. Còn đây là *sở Lò vôi*, anh em sở này đốn củi riêng cho sở Lò vôi, để có hầm vôi.

Đốn củi Lò vôi có ba hạng: cây củi đốn dài 1m50, hế củi một là nộp một khúc, củi bốn là nộp bốn khúc, củi tám là nộp tám khúc. Dĩ nhiên củi một phải to hơn (giáp vòng cổ bốn gang tay), củi bốn lớn bằng bắp vế, củi tám nhỏ bằng ống quyển.

Núi Lò vôi là một hòn núi chỉ có đá và sạn sỏi, chất đất và cát lẫn lộn chỉ có ít thôi, nên núi này không sanh cây lớn được, phần nhiều là cây chà chôm, bụi rậm với các loại dây gai nho nhỏ, kiếm được một khúc củi là chày máu mắt, nên anh em sở này phải qua tận bên sở Đất Giốc, hoặc phải leo lên khỏi *dốc trâu té*, lên tận nhà bàng mới kiếm có cây mà đốn.

Dưới thời Pháp, anh em sở Lò vôi phải nộp ngân ấy là khổ sở lắm rồi. Thế mà dưới thời “cụ Ngô”, vào khoảng 1961-63, tại đảo lại có một ông (vào bậc thứ nhì ở đảo) chỉ vì thành kiến với ông giám thị chủ sở Lò vôi, mà bắt anh em sở này phải nộp số củi gấp đôi so với thời Pháp, làm cho anh em sở này lớp nào ăn đói, lớp nào nộp củi đến hai lần hơn mà phải thất hầu thất họng, hoặc phải bỏ sở trốn đi để phải chết khô trên núi, thử hỏi còn có gì là tình đồng bào đồng loại?

Chủ trương của chánh phủ bao giờ cũng đẹp đẽ khoan hồng, nhưng những người có nhiệm vụ thừa hành có làm đúng theo đó thì thăng dân mới được nương nhờ. Bằng như làm sai có khác nào họ xúi dân chạy theo đối phương để chống lại chánh nghĩa quốc gia mà họ đang hưởng nhờ bổng lộc?

Hầm xay lúa

Hầm xay lúa là dãy nhà sau cùng gồm có bốn căn nằm phía tay trái ở trong lao Một hay banh Một (Bagne I) dưới thời Pháp có hai danh từ để gọi:

Một là *Salle de décortiquage* có nghĩa là *nhà xay lúa* hay *hầm xay lúa* cũng được.

Hai là *Quartier des incorrigibles* có nghĩa là *nơi dành riêng cho những phần tử bất trị*.

Nghe nói *hầm xay lúa* người ta có thể lầm tưởng nó chìm dưới mặt đất, sự thật nó vẫn nằm trên như bao nhiêu khám khác. Sở dĩ người ta kêu nó là “hầm” vì nó bí bưng, khi đã lọt vào đó thì không thấy mặt trời mặt trăng chi hết.

Gian nhà này bề dài không quá 12m, bề ngang độ 10m, ba bên tường kín (không một lỗ hở nào), một mặt thì song sắt và lưới kẽm mặt vuông. Nhưng trước mặt chắn song đó, cách một cu-loa chừng 2m20 thì có một bức tường của gian nhà khác chắn ngang, thành ra khi nhìn qua song sắt, người trong đó chỉ thấy có bức tường che kín, không cho mình được thấy gì khác.

Trong gian nhà ngắn ấy kích thước thường chứa từ 150 đến 180 người gồm có:

a) Những người thả bè vượt ngục bị bắt lại, sau khi mãn phần phạt nằm ở cách sô (cachot) ở Quartier des cellulaires từ một đến hai, ba tháng rồi bỏ vào đó.

b) Những người tỏ vẻ cứng đầu đối với Tây và thầy chú.

c) Những phần tử hay ăn cắp vật hoặc hay gây sự đánh lộn đánh lạo với anh em nhiều lần.

d) Những người làm “bôi” làm “bếp” cho Tây, khi có sự bất hòa giữa chủ và tớ, chủ không muốn dùng nữa, muốn xin người khác để thay thì thường viện lí do này hay lí do khác như là ăn cắp tiền bạc, áo quần, gà vịt, bò sữa, thuốc men, làm ăn dơ dáy bậy hầy, lười biếng, bỏ việc làm để đi cờ bạc, hoặc dòm l... của đầm chủ hay vén bún-rẻn... của đầm con v.v... dĩ nhiên cũng có kẻ oan người ung, chớ không phải là oan hết.

Những người bị bỏ vào đây phải ở lâu hay mau, có thời hạn hay vô thời hạn đều do nhận xét theo cảm tình thương ghét của viên xếp chánh (Gardien-en-Chef) hề nhẹ tay thì chừng một, hai tháng được ra, người nào bị trừ mặt, trên bản phạt (tableau de punition) có ghi mấy chữ: chờ lệnh mới (En attendant jusqu'à nouvel l'ordre), thì có

khi bị bỏ quên luôn đến chín, mười tháng hoặc từ một, hai đến bốn, năm năm, khi có cơ hội gì được xét đến thì mới được ra.

Công việc làm hằng ngày của đám người vô phúc này là “xay lúa” từ 150 đến 200 bao mỗi ngày.

Trong có bốn cối xay và ba quạt gió, cộng với 200 bao lúa và số người kể trên thì đủ thấy nó chật chội và ngộp thở đến dường nào.

Cũng nên biết qua về cái “cối xay lúa” của Côn Nôn hồi ấy, hình dáng và trọng lượng của nó như thế nào? Nó là một chiếc thùng barit (barrique) cửa làm đôi, rồi để nguyên vậy mà tra tay cối, đóng hộc xăm đất cho đầy mà đóng răng vào. Thành ra nó nặng gần như một khối đá.

Cái cối đã to kénh kịch cộm thế ấy thì cái giàn xay cũng phải tương xứng mới đủ sức lôi nổi cái cối xay của thợ Côn Nôn.

Bởi đó, đã nặng lại càng nặng thêm, mỗi cối năm người phải còng xương sống, cong xương sườn mà kéo cho chạy vo vo, nếu tỏ ra uể oải bết bác mà để cái cối hơi chạy chậm một tí, là cán chổi (thứ chổi dũa) của phe đảng cặp rần nó nện vào lưng như là đập trâu, bất kể chết.

Những kẻ có quyền đánh đập anh em đồng cảnh đó, chẳng ai khác hơn là “tù”, nhưng phe đảng cặp rần! Phe cặp rần ít nhứt cũng từ mười hai, mười ba đũa đến mười chín, hai mươi đũa. Thêm vào đó còn có những người có máu mặt, phần nhiều là bồi bếp mới có khá tiền, hoặc gà vịt còn gởi ở ngoài, khi lọt vào đó thì nhần đem vô để lo lót cho bọn cặp rần để còn tiền thì còn được ngồi không, khi hết tiền cũng bị đưa vô đứng cối hoặc đội quạt như thường.

Theo đó, ta thấy rằng một nhóm số ít được ngồi không, nhưng bởi chúng đứng về mặt điều khiển nên chúng đã được ăn không ngồi rồi, lại còn có quyền đánh đập tàn nhẫn một số đông hằng ngày họ phải dốc hết bao nhiêu sức lực để làm cho xong 200 bao lúa để trở thành gạo. Chúng đánh trước mặt Tây cho được Tây khen, không cần đánh lén.

Thảm một nỗi thứ cối lì lợm do thợ tù Côn Nôn đóng, khi xay qua lần thứ nhứt đem đi quạt, thì thấy thóc còn hơn phân nửa⁽¹⁾, phải sàng đi sàng lại và phải xay đi xay lại rất nhiều lần mới gọi là tạm được, cỡ 95 phần trăm gạo 5 phần thóc.

Bốn cái cối xay và ba quạt gió với tốp sàng gạo luôn luôn hoạt động không ngừng từ 6 giờ rưỡi sáng đến một, hai giờ chiều, trong thời gian đó bụi bay lấp đầu lấp óc, bởi không có nẻo ra nên bay tốc lên rồi lại tấp xuống, nên tay chơn đầu cổ người nào cũng toàn là bụi và bụi. Ở trong đó, ai cũng thở rờn là bụi, nên chốc chốc khịt mũi thì một cục văng ra đen ngòm, ban đầu thấy gớm, rồi sau lần lần nó cũng quen đi.

Xay cho ra gạo xong, thì cho vô bao. Vô bao xong, còn phải vác gạo đem ra kho, và vác lúa đem vào để sẵn cho ngày mai, rồi mới được ra cái giếng ở bên sau đó tắm rửa cho bớt bụi bặm, đoạn trở vào ăn cơm tại cái cu-loa giữa hàng song sắt của hầm xay lúa và bức tường của gian nhà kế bên.

Sau khi cơm nước xong, tất cả đều lên gian nhà kế bên mà nghỉ. Nhưng người ta không để cho mình nghỉ ngơi một cách thông thả đâu. Muốn được ngủ yên thì ai nấy đều phải đút chơn vào còng, đêm nào cũng y như đêm nấy và cứ thế kéo dài suốt trong thời kì Pháp thuộc, không có gì thay đổi.

Những người bị nhốt trong hầm cấm cố xay lúa phần nhiều đều chết vì bệnh lao phổi và bị phe đảng cặp rằn hành hạ.

Bởi bọn cặp rằn xử tệ với bạn tù như thế, nên cứ ít lâu là trong hầm xay lúa có xảy ra án mạng một lần. Kẻ bị đập chết luôn luôn là tên cặp rằn ác ôn nào đó, hoặc người trong phe đảng cặp rằn. Trái

(1) Chớ chi họ cho đóng theo kiểu cối Tàu thì đỡ khổ cho anh em bị cấm cố trong hầm xay lúa biết bao. Cối Tàu đã nhẹ mà lại chín, một người kéo cũng chạy vo vo, xay chừng hai bận là bao nhiêu thóc đều lột vỏ hết, chỉ còn sót một hai hột thì chừng đem đi giã nó nát thành cám hết!

lại, kẻ giết người không phải hạng người hung dữ, tại chính là những người cô thế thật thà đã bị phe đảng cặp rần hiếp bức.

Thường thường là bị đập bằng tay cối, giờ trưa là giờ cặp rần đang ngủ, bọn tay em ý đông không cần lưu ý để phòng, nên hễ nghe một cái “cạch” là rồi đời một mạng!

Hầm cấm cố xay lúa, vẫn còn tồn tại dưới thời giám đốc Lê Văn Trà từ tháng 8 đến tháng 12-1945. Qua thời kì tôi (từ 12-12-1945 đến 18-4-46) được bãi bỏ và xay bằng máy ở công xưởng.

Nhưng đến ngày Tây trở lại (18-4-46) thì hầm xay lúa tái diễn như cũ. Cho đến qua trào Việt Nam thì mới được bãi bỏ hoàn toàn.

Vì các chánh phủ Việt Nam không cho chở lúa ra như thời Pháp, mà là chở toàn là gạo (phân nửa gạo trắng, phân nửa gạo lúc đỏ) để phát cho tù ăn, số lúa sản xuất tại Côn Nôn mỗi năm chừng 4.000 gia thì để nuôi vịt, bò sữa hoặc bán cho tư nhân để nuôi gà vịt.

Tù Côn Sơn khỏi phải xay lúa vất vả như tù Côn Nôn như trước nữa.

Sở lấy đá san hô

Cạy đá san hô (lấy đá non ngoài biển đem về hầm vôi) cũng là một sở giết người ghê gớm; nhưng ít nguy hiểm hơn *sở củi*, *hầm xay lúa* hay *sở cạy đá làm đường*.

Vì sở này luôn luôn được thay đổi người làm, vì những người đi lấy đá san hô chỉ lấy trong ê-kíp chỉ tồn ⁽¹⁾, mà ê-kíp chỉ tồn thì thường được cắt cho đi sở này sở khác, nên người có bị cắt đi lấy đá san hô, rủi lắm là chừng vài ba kì, là sẽ có tốp khác từ trong đất mới ra thay thế, chứ không bị bắt làm khuyết mãi như các sở khác.

(1) Hai tiếng chỉ tồn có nghĩa là chỉ vào số còn lại. Nhưng tù Côn Nôn hồi ấy lại dùng danh từ này để gọi thay cho Equipe des Corvées générales của Pháp.

Muốn lấy đá san hô phải chờ đến con nước đêm, mực nước rút xuống dưới độ 0°, bãi san hô bày khai trên mực nước thì mới lấy được.

Trước hết người ta tính đủ số người (từ 60 đến 80) và các dụng cụ như xà ben, cúp, ki, đèn chai v.v... Tất cả đều lên trên một, hoặc hai chiếc xà lan, phải chống ra tận chỗ khi nước triều lên, rồi ở đó mà chờ cho đến khi nào nước xuống, khi đó cuộc cạy đá san hô mới được bắt đầu. Lớp nào cạy thì cạy, lớp nào bung đổ vô xà lan thì bung. Cứ thế mà làm cho đến khi nào đầy xà lan mới thôi, và chờ cho nước triều lên, chiếc xà lan nổi trên mặt nước, khi đó mới xúm nhau合力 chống vô tại bãi Lò vôi, đoạn cùng nhau xúc đem đổ lên trên cho hết, rồi mới được đi tắm về nghỉ. Trọn ngày ấy không làm gì khác hơn là ăn rồi ngủ, vì cần phải lấy lại chút ít sức khỏe, để tối lại tiếp tục công việc cũng như đêm trước.

Cứ thế mà làm suốt bốn, năm đêm cho hết con nước rằm hay nước ba mươi mới thôi. Thôi là thôi lấy đá san hô, để chờ con nước khác, chớ chẳng phải thôi mà được ở không, vì ê-kíp chỉ tồn vốn không thiếu công việc linh tinh (corvées diverses) chục đón hằng ngày.

Cũng nên biết qua những nỗi nhọc nhằn vất vả trong mấy tiếng đồng hồ lấy đá san hô. Nhằm đêm nào trời quang mây tạnh thì còn đỡ khổ, rủi gặp đêm mưa gió nồm nê, đèn tắt gió lạnh, không thấy đường làm việc, có khi cầm cúp mà bổ trên đầu nhau, hoặc bị sập chum xuống những cái hố, bị hàu cắt đứt tét chum, hoặc đập nhằm gai con lôm chôm nó nhúc thẩu trời, nếu không biết cách lể cho nó ra hết gai, thì bàn chum ấy kể như bị “cùi” luôn.

Chẳng thế mà thôi, còn cái nạn cặp rần và phe đảng cặp rần đánh đập tàn nhẫn trong khi cạy đá chậm chạp hoặc bị gió thổi tắt đèn không thấy đường làm cho được đầy đủ.

Khi tôi mới ra (cuối năm 1933) có ông quản điền nào đó, ông là người được Tây giao phó cho chỉ huy lấy đá san hô. Nhưng ông là người có bệnh ghiền, đi lấy đá san hô mà ông còn đem á phiện theo để hút. Khi chống xà lan tới nơi là neo lại đó trong khi chờ đợi nước

ròng, muốn chiếc xà lan được nằm yên để ông hút cho ngon lành, ông ra lệnh cho cặp rằn bắt tất cả tù nhon phải đứng sắp hàng hai, rồi kê lưng vô hông xà lan mà chịu, mỗi lần có đợt sóng chụp đến thì tất cả phải cố sức kềm thế nào cho chiếc xà lan được giữ mức thẳng bằng; nếu để cho nghiêng, mâm đèn của ông bị chao qua chao lại thì sau khi xong cử hút là bão tố sẽ nổi lên bằng những trận mưa đòn tới tấp. Lớp ông đánh, lớp bọn cặp rằn hùa theo ông đua nhau mà đánh, vì vậy tại ngoài bãi san hô đôi khi xảy ra án mạng là vì thế.

SỞ RỜ-SỆT BẮT TÙ TRỐN! (Equipe de la Recherche)

Sở này chuyên việc bắt tội trốn, gồm có: một người gác-dan Tây làm chủ chánh, một người thầy chú Annam ⁽¹⁾ làm chủ phó. Kế đó một người cặp rằn chánh, hai, ba người cặp rằn phó và một số phạm nhon thường án từ 70 đến 100 người, tùy theo lúc.

Sở này hơn hai phần ba là người Miên và Mọi Bà Rá hay mọi Cà răng cẳng tai, người Annam (!) chỉ có ít thôi. Vì thuở ấy, người Miên người Mọi được Tây tin hơn là người Việt. Nên bất cứ trong đoàn tù mới(nouveau convoi) nào từ trong đất liền mới ra, hễ có người Thổ người Miên nào đều được cho về sở Rờ-sết.

Ê-kip Rờ-sết chia làm hai phái: một phái chia đi nằm ở các bãi như *bãi sở Muối, bãi Đá trắng, bãi Nhứt, bãi Suối Thị, bãi Cầu tàu, bãi Đầu dốc, bãi Bè, bãi Dài, bãi ông Câu, bãi mới, bãi ông Đụng, bãi Bàng, bãi Đất thắm, bãi san hô, bãi Nhỏ, bãi Đầm trâu, bãi ông Cường, bãi Đầm tre, bãi Vông, bãi Cỏ ống, bãi Chưn chim, bãi Đất giốc, bãi Lò vôi* v.v... Tùy theo tầm quan trọng mà đặt số người cho mỗi bãi, nhưng ít hay nhiều cũng chỉ từ hai tới ba người mà thôi. Những người nằm bãi (les guetteurs) có bốn phận canh chừng tội trốn, nếu lơ đễnh để cho lớp tù nào làm ghe hay kết bè trong địa phận bãi mình thì sẽ bị coi như đồng lõa.

Còn tốp kia gọi là *tốp chỉ tồn*, luôn luôn túc trực tại trụ sở, hễ khi nào đăng văn phòng xếp chánh cho hay có tên xoài, tên ổi, tên mít, tên lê, tên lựu nào đó ở sở kia sở nọ vắng mặt từ lúc mấy giờ hoặc

(1) Từ tháng 8 năm 1945 trở về trước, hai tiếng Annam luôn luôn được thông dụng ở cửa miệng người mình.

nhân tiện đi bứt mây hay đốn củi trên rừng rồi trốn luôn, thì chủ chánh và chủ phó truyền lệnh cho mấy tên cặp rằn lập tức tập binh lại hết, chia làm năm, bảy tốp để đi về những phía nào có vẻ khả nghi mà rình rập chặn đón thế nào để bắt cho được những kẻ mưu toan để thiếu nợ tù ấy.

Đồng thời mặt khác người ta cũng cấp tốc thông báo cho những người nằm bãi được hay, để đi tuần rào trong địa phận bãi mình cho châu đảo.

Từ Côn Nôn từ năm 1930 trở về trước thường đốn *cây gạch* hay *cây búng*⁽¹⁾ để kết bè vượt bể, từ năm 1930 trở đi thì mới bắt đầu cưa ván đóng ghe. Ít lâu sau, người ta dùng ghe vải, chớ không đóng ghe cây nữa. Vì ghe vải chỉ làm xuống bằng mây, bọc vải ở ngoài đoạn tô lên vải lớp sơn là có thể đi được.

Trái lại, nếu dùng ghe cây thì phải kiểm cưa, kiểm đục, kiểm đinh. Khi hạ cho được một cây búng hay một cây dầu hoặc bởi lời đề sả ra bè thì bao nhiêu tiếng động đã đủ cho người ta rình nghe rồi. Sau khi đóng xong chiếc ghe, còn phải dọn đường từ trên lưng chừng núi để khiêng ghe xuống. Bọn Rờ-set không cần bắt tại chỗ, cứ phục kích ở dưới chân núi, chờ khi khiêng xuống chặn bắt sướng hơn.

Mười chiếc ghe cây chưa chắc đi được hai ba. Còn đi ghe vải, nhờ nó gọn gàng êm ái hơn, nên 10 chiếc có thể thành công được từ bốn đến năm, sáu chiếc.

Chiếc ghe vải phát minh đầu tiên là của anh Sáu Mai cặp rằn Ê-kíp lê-ghim (Equipe de légume) bọc bằng vải bố, nhờ chú số 5 (giám thị số 5) gởi mua từ Singapore đem về. Vụ này tuy anh sáu Hai thất bại, vì việc mua vải bố bị tiết lộ, nhưng anh đã mở một kỉ nguyên mới cho thể hệ ghe vải bắt đầu từ năm 1935.

Trước khi lên rừng đóng ghe cây hay làm ghe vải, người ta phải

(1) Cây gạch và cây búng là hai loại cây nhẹ nhất và nổi nhất ở ngoài đảo.

chuẩn bị đủ đồ lương thực, hể lớp nào khá tiền thì nào sửa hộp, nào bánh mì ra, nào đồ công set, nào dầu gió, nào gạo trắng tôm khô, lạp xưởng và nhiều bi-đông để chứa nước uống v.v... Tốp nào nghèo thì họ dự bị cơm khô, cơm cháy, hoặc đào khoai lang khoai mì, chuối sống, khoai từ rừng và thùng thiếc hay chai đựng nước v.v...

Làm thế nào cho chiếc ghe được lọt qua những giàn lưới rò-set và những người nằm bãi, để đem chiếc ghe được xuống tới bãi cát ⁽¹⁾ nào đó mà đẩy cho nó được ra khỏi những làn sóng đất, giương buồm chạy thẳng ra khơi, thì dù có chết trôi chết nổi giữa bể, hoặc làm mối cho cá mập họ cũng cam lòng. Thà chết ngoài biển khơi vậy mà họ thích hơn là chết vì bị Tây hay bạn tù hành hạ ở Côn Nôn.

Nhưng ít khi có sự chết giữa biển. Chiếc ghe tuy làm đơn sơ giản dị thế ấy, nhưng miễn là vượt khỏi Côn Nôn là họ có thể về tới đất liền một trong hai, ba ngày sau đó nếu được thuận buồm xuôi gió.

Thành công thì chẳng nói chi, rủi ra thất bại bị bắt tại chỗ đóng ghe hay khi khiêng xuống bãi, cả bọn bị đưa về trụ sở Rò-set, thì kể như bác mẹ không sanh!

Những nạn nhơn này sẽ bị coi như kẻ thù gớm ghiếc. Mặc dù họ chỉ nhớ nhà và không chịu đựng nổi cảnh tù đầy quá khốn khổ ở Côn Nôn, buộc lòng phải liều mình đi trốn; nhưng người ta đâu có cần xót thương cho hoàn cảnh của người vô phúc. Trái lại, người ta coi những người vượt ngục này như đã phạm một tội ác gì to tát lắm vậy, nên người ta đánh đập chẳng chút nhoi tay.

Tại sở Rò-set có đủ thứ dụng cụ sát sanh như: dây treo, đồ kẹp hai ống quyển, hèo, gậy, củ chì thun, bàn tay sắt, dây điện máng vào hai mang tai, roi mây đủ cỡ lớn nhỏ, còng tay, còng chum v.v... lại được Tây tin, nên mỗi khi chúng nó đánh đập ai là cứ thẳng tay hành hạ, không hề nghĩ đến sự kêu van, khóc lóc của các nạn nhơn.

(1) Hể xuống ghe thì phải xuống chỗ nào có bãi cát. Nếu cho xuống chỗ nào có đá san hô thì ghe rách hết.

Rủi ra có lỡ tay đập chết người nào, thì làm báo cáo nói người đó chống lại trong lúc thừa hành phận sự nên họ có quyền tự vệ, hoặc đổ cho nạn nhơn tự ý thất hòng hủy mình v.v...

Mỗi một món đồ tang khi bị bắt đem về như:

Vải xanh hai lớp bọc ghe ⁽¹⁾

Dầu sơn hay dầu hắc

Đinh và kềm để làm sườn ghe

Hộp quạt máy, dầu gió, dầu cù là

Cơm khô, gạo, sữa hộp, bí đao, khoai củ, chuối sống v.v...

Thất bại đã là một niềm tuyệt vọng bị đát lắm rồi, nhưng các nạn nhơn còn phải trả lời về các món trên do đâu mà có, ai cho, ai bán, ăn cấp ở đâu? Hỡi ôi! Hễ khai ra thì còn gì ơn nghĩa đối với những người đã có lòng tốt giúp mình, bằng như không khai thì sẽ bị tra tấn cho đến chết. Vì vậy mà cao tăng dẫn đến cố tử, những người không có gan chịu đòn sẽ khai ra hết không sót mảy may nào, có khi đã khai hết sự thật rồi, mà chúng vẫn chưa chịu, còn bắt phải khai thêm cho người kia người nọ để có làm tiền, hoặc trả thù kẻ nào đã làm mất lòng mình.

Vì vậy mà hồi ấy rất có nhiều người bị oan và bị táng mạng tại sở này. Bất cứ sở nào hay khám nào, hễ thấy có bóng dáng ông chủ sở Rò-set trên tay có cầm miếng giấy nhỏ nhỏ, và có vài tên đàn Thổ xách còng đi theo sau, thì tất cả đều sợ sớn đái, không biết trong miếng giấy nhỏ nhỏ kia có ghi tên ghi số người nào? Anh Xoài, anh Mít nào khác, hay chính mình là nạn nhơn? Kẻ có tội thì đã đành rồi, biết trước thế nào cũng gọi tên mình, mà những người không có gì hết, cũng đánh dấu hỏi qua những phút phập phồng sợ hãi.

(1) Vải bọc ghe này do anh em mua góp nhiều bộ đồ xanh đem về tháo ra rồi may chắp lại cho thành một khổ vải lớn để bọc vào sườn mây để thành chiếc. Mỗi bộ đồ xanh dài hồi đó chỉ có 2 cắc mà thôi. Nhưng việc mua bán này cần phải giữ kín, nếu để tiết lộ, thì cả hai kẻ bán người mua đều bị phạt nặng.

Chùng kêu tên, người nào trúng tên trúng số thì hãy dọn mình vào cõi chết, bao nhiêu người khác tuy được nhẹ nhõm, nhưng khi đưa mắt nhìn theo những người bạn vô phúc bị còng dẫn đi, thì ai cũng lo sợ thay cho người vô phúc đồng chung cảnh ngộ.

Trong một bài thơ “song thất lục bát” nói về cảnh tù đầy dưới thời Pháp, riêng về sở Rờ-sét tôi còn nhớ những câu này:

*Bọn Rờ-sét lấy lòng oai gió,
Tội lập công làm chó săn tù...!
Mài sừng cho lăm cũng trâu!
Cũng ăn cá cặn cơm thừa mà thôi...!*

Qua trào Việt Nam, sở này đã được đổi tên những là *sở Truy tâm*, *sở Tâm nã*, *sở Tập nã*, *sở Trật tự* và sau cùng là *sở An ninh*.

Tuy danh từ có khác, nhưng việc làm chỉ được đổi thay khi gặp những ông tỉnh trưởng có lòng nhân đạo và lựa người nào cũng có lòng nhân như mình mà trao trách nhiệm. Trái lại, nếu nhằm ác ôn, hễ ông to ở trên mà “hung thần” thì những người cộng sự ở dưới cũng phải hành động thế nào cho được thích hợp nếu không thì nổi gào sẽ bị đổ không biết giờ nào...!

Quần áo phát cho tù dưới thời Pháp

Cứ đúng sáu tháng mỗi người được lãnh một bộ đồ mới:

– Bồi bếp và lon ton thợ kĩ làm việc ở các văn phòng thì lãnh đồ trắng vải ta; còn dân các sở và các khám chỉ tồn hoặc những người bị cấm cố trong banh đều phải lãnh đồ xanh, thứ vải thô nhuộm chàm rất thuận tiện cho sự sinh hoạt của loài rận.

Với dân áo trắng thì còn được đặc ân một chút. Khi lãnh đồ mới khỏi trả đồ cũ. Thảm hại cho dân áo xanh, khi được lãnh bộ đồ mới thì phải trả bộ đồ cũ cho họ. Thành ra đi đón củi hay đi làm rũi bị trời mưa ướt, thì rần chịu lạnh, chứ không có đồ thay.

Còn như *đồ xi vịnh* (tức đồ nhà của mình từ trong đất mang ra)

thì khi vừa đến nơi đều bị thu hết để gói vào kho. Tiếng nói gói nghe cho nó đẹp, sự thật là họ cướp luôn, vì từ Côn Nôn người nào nhẹ cũng năm năm, còn bao nhiêu thì từ bảy, tám năm, mười năm, mười lăm năm, hai mươi năm cho đến chung thân và tử hình và án lưu, thì biết chừng nào được ra để lãnh lại đồ ấy mà mang về. Những người nhẹ như là năm năm kia, đồ của họ còn bị mục nát, thì những người nhiều năm hơn nữa, thử hỏi đồ đạc của họ chống chất trong kho, tốt hơn cứ để cho loài chuột loài dân nọ tự do sanh hoạt, chớ còn trả lại cho ai được nữa?

Về việc thơ từ và đồ bưu kiện

– Mỗi tháng chỉ được viết có một lần thư. Bức thư nào đã đi, mau lắm thì hai tháng, chậm thì từ ba đến bốn tháng mới về tới nhà. Tại sao lâu thế? Nguyên nhân không ngoài cái tật “lười” của người có nhiệm vụ kiểm duyệt thơ từ. Mỗi ngày coi sơ sơ chừng vài mươi cái là đủ rồi, hoặc đang làm công tác, bỗng có ai rủ ren đi câu lạc bộ uống la-ve hoặc có ông bạn nào đến nói chuyện khào, thế là công tác ấy phải bị đình lại, rồi nội trong buổi ấy không cần duyệt thêm cái nào cũng chẳng ai nói gì.

Do đó mà thơ lớp cũ lớp mới cứ chống chất mãi, càng ngày càng dồn dập, nhiều hơn lên. Khi mà ối động nhiều quá, không sao làm kịp, thì đem đốt bớt đi với lý do là thơ “bất hợp lệ” hoặc có động đến chánh trị.

Đó là thơ đi, còn thơ về thì cũng không kém. Kỳ tàu nào trong đất ra lại không có thơ? Nhưng thơ ra thì cứ chất đống đó, vui làm, buồn thôi, nào ai dám thừa kiện đốc thúc gì mà sợ?

– Nói đến đồ “bưu kiện” của gia đình thân nhân từ trong đất gửi ra cho tù ngoài ấy, lại càng tình tẻ hơn nữa. Ít có gói đồ được còn nguyên vẹn, những món đồ thường bị ăn cắp mất là:

Chăn tơ, áo thun, thuốc thơm, bánh mứt, tôm khô, lạp xưởng và bất cứ món gì quý giá và ăn được. Trừ những thùng hay gói nào niêm

phong thật kĩ, liệu tháo ra mà mất dấu, hoặc gói đồ thấy nhỏ quá nhấm chùng trong đó chẳng có gì xứng đáng thì thôi; còn bao nhiêu thùng gói khác, cột dây và dán sơ sài thì đều bị tháo ra lấy bớt hết.

Những người đi lãnh đồ, thấy gói đồ mất dấu, biết có mất đồ, nhưng khi khai ra còn bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu chứ không dám nói mất còn thiếu đủ gì hết. Vì thỉnh thoảng có một đôi người thấy đồ của mình bị ăn cắp một cách trắng trợn, tức quá phải đứng ra khiêu nại, thì đã chẳng kết quả được gì, lại còn bị trừ mặt là khác.

Ai chịu trách nhiệm về vụ mất đồ này? – Không có ai hết! Tại sao? – Vì người bị mất không dám thừa, mà thừa với ai đây một khi có miệng mà không có quyền ăn nói?

Nhưng người ta có thể hiểu được đồ mất tại đâu? Tại nhà dây thép Côn Nôn một mớ, rồi về để tại buya-rô xếp chánh, trong khi chờ đợi chưa kịp phát, thì một vài con chuột trong sổ thơ kí trong được Tây tin cậy ở văn phòng này, làm thêm một mớ nữa. Vì tại đây những người được xếp chánh tin cậy, họ có quyền làm việc ban đêm và ngủ đêm, họ tha hồ mà đục khoét của anh em.

Qua thời kì Việt Nam thì việc thơ từ và bưu kiện đã được cải tiến lần hồi, nhưng thỉnh thoảng gặp những tay ác ôn, thì tình trạng kia cũng dám tái diễn như thường.

Tóm lại, Côn Sơn chỉ được tốt đẹp khi nào gặp ông tỉnh trưởng, ông phó giám đốc và ông giám thị trưởng đều là người thanh liêm chánh trực, thì những kẻ dưới mới không dám giở trò bỉ ổi kia thôi.

Tại Chí Hòa thì khác hẳn

Tại Chí Hòa hiện nay, mỗi tuần phạm nhơn được gửi thư về ngoài đời hai lần, thứ hai và thứ năm, mỗi lần gửi muốn viết hai, ba bức gửi về cho hai, ba chỗ cũng được, không có hạn chế số lượng, miễn là đừng đông dài quá, và đừng đá động đến các vấn đề chánh trị là được.

Trừ những người còn bị giam cứu, thuộc quyền tòa án, thư của họ còn phải đi vòng lên tòa thì hơi lâu một chút.

Trái lại thơ của những người đã thành án chỉ có một hai hôm là đã về tới nhà, nếu thân nhân họ ở Saigon. Thơ về lục tỉnh thì từ ba đến bốn, năm hôm là cùng. Trừ vùng nào bị kháng chiến chiếm đóng, hoặc hội đồng xã nơi nào làm việc bẽ bối, thì thơ ấy mất luôn cũng được, đừng nói chi trễ!

Tại Chí Hòa, những nhân viên phòng “Bưu tín” làm việc rất chu đáo. Thí dụ, thơ góp sáng thứ hai, thì nội buổi chiều thứ hai đã kiểm duyệt xong hết, để qua sáng thứ ba là đưa lên nhà bưu chính liền. Thơ góp ngày thứ năm cũng kiểm duyệt xong trong ngày thứ năm, để qua sáng thứ sáu là thơ được đến nhà dây thép chánh. Đó là thơ đi.

Còn thơ đến thì lại càng mau hơn nữa. Thí dụ mỗi lần đem nạp thơ đi, thì nhân viên phòng bưu tín Chí Hòa lại nhận thơ đến tại nhà Bưu chính đem về. Khi đem về vừa tới nơi thì những bức thơ bảo đảm được gọi đến phát liền tại chỗ, còn thơ thường tất nhiên nó phải là số nhiều, cũng kiểm duyệt xong nội trong ngày ấy, rồi sáng hôm sau là có phân tán đi các khu để phát tận tay cho người nhận. Công việc của phòng bưu tín Chí Hòa luôn luôn cứ tiến diễn đều đều như thế, nên không có sự ứ đọng bao giờ.

Việc thơ từ đã được mau lẹ như thế, thì đồ bưu kiện lại càng chu đáo hơn nữa. Những gói đồ lãnh từ nhà bưu chánh đem về ngày nào, thì những người có tên được gọi đến tại phòng bưu tín cho lãnh nội trong ngày ấy, chớ không khi nào gác lại ngày sau. Chớ hể có xảy ra sự mất mát như ngoài đảo.

Trừ một vài người nào có bệnh ghỉên, thường giấu á phiện vào các món đồ hay thuốc điều, buộc lòng phải lục xét thật kĩ. Còn bao nhiêu người khác, người ta biết chắc không có dính dáng gì tới món á phiện hay đồ quốc cấm, thì chỉ xét sơ sài qua loa rồi cho lãnh liền.

Nếu nơi nào cũng được đàng hoàng như ở Chí Hòa, thì tốt đẹp biết bao! Nhưng kiểm điểm thử xem, khắp trên lãnh thổ Việt Nam có được bao nhiêu phòng “Bưu tín” làm việc có lương tâm trách vụ như thế?

KHÁM LỚN SÀI GÒN THUỞ TRƯỚC...

Trung tâm cải huấn Chí Hòa ngày nay

Chế độ cặp rằn

Dưới thời Pháp, tại Khám lớn Sài Gòn ⁽¹⁾, mỗi khám đều có một tên cặp rằn làm chúa tể. Những tên này thường xuất thân trong đám anh chị sống nghề dao búa (chém lợn mươn), hoặc các tên trùm móc túi mà ra.

Vì nhờ có vào tù ra khám nhiều lần, quen mặt hầu hết Tây và thầy chú. Một là nhờ có phe đảng với một số em út đông đảo, hai là được sự nâng đỡ của thầy chú Tây Tà, rồi tự động đứng lên làm cặp rằn, chớ nào phải được sự tín nhiệm của anh em mà do anh em bầu cử?

Thế nên, những tên cặp rằn Khám lớn dưới thời Pháp, thường là những tên “hung thần” khét tiếng về sự bóc lột và hiếp đáp anh em bạn tù. Đôi khi rủi đánh lỡ tay mà chết, thì phe đảng cặp rằn cứ đem thi thể nạn nhân vào cầu tiêu treo cổ lên, rồi cứ hô hoán lên là kẻ ấy tự thắt cổ chết là xong.

Tôi nói *xong* một cách quá giản tiện như thế là vì từ viên giám đốc khám đường, viên xếp chánh, các viên y tá cho đến gác đàn thầy chú đều một bụng làm việc ăn rập như nhau, họ luôn luôn che chở cho bọn cặp rằn là những kẻ làm tay sai cho họ, nên trong tù rủi ro có xảy ra vụ án mạng, thì họ có đủ cách làm cho êm nhẹ, nên kẻ chết là cứ chôn, khỏi có sự điều tra gạn hỏi lời thôi gì cả.

(1) Khám lớn Saigon hồi đó Tây gọi là Maison Centrale ở số nhà 69 đường Lagrandière, tức là đường Gia Long ngày nay, bây giờ là đường Lý Tự Trọng. (NBS)

Vì quyền lực của bọn cặp rằn quá ư hống hách như vậy, nên những người chưa bị tù lần nào, hoặc đã có một hai lần mà không phe không đảng, thì khi lọt vào đó, dù mới vô chưa hề có lỗi làm gì, ít chút cũng phải lãnh năm, ba gót chân hay cùi chỏ, gọi là làm lễ ra mắt cặp rằn cái đã, rồi sau đó còn cái gì vân vân thêm nữa sẽ được biết sau.

Khổ nhất là hạng thầy thông ⁽¹⁾, khi mới lọt vào chúng xem chừng có chút máu mặt, thì thế nào cũng không chạy khỏi bị một trận đòn dằn mặt, để rồi phải khai hết gia tài sự sản cho chúng biết và viết thơ đưa cho chúng sai người đem về nhà để chúng khảo tiền. Nhưng bức thơ “làm tiền” hồi ấy đại khái như sau:

“Mình ơi!

Khi mình nhận được thơ này, mình phải lập tức chạy cho tôi 50 đồng bạc để có việc cần. Phải có số tiền ấy thì tôi mới có thể sống được đến ngày về để thấy mặt cha mẹ vợ con. Nếu không có thì tôi phải chết nội trong đêm nay, có chậm lắm thì đến đêm mai là cùng.

Còn đối với ông này đã có công chịu khó đem bức thơ này về tận tay mình không phải là một việc dễ, vì nếu rui ro mà quan trên hay được thì nòi gạo gia đình của người ta sẽ bị đổ ngay mà có thể còn bị ở tù ở rạc là khác nữa. Không thế mà thôi, từ hôm tôi bị bắt vô trong khám đến nay, mọi việc đều nhờ ông này giúp đỡ, vì cơm nước trong này nó nấu ăn không được, tanh lắm mình ơi. Ngoài ra, ông còn gởi gắm tôi cho mấy anh cặp rằn nếu không thì tôi đã bị mấy thằng tù hung dữ nó giết chết rồi.

Vậy muốn cho được yên thân, thì mình phải chạy cho đủ số

(1) Hồi ấy những nhà khá giả, hay thương gia công chức ít khi bị bắt vào tù. Trong tù chỉ có dân chơi, móc túi và cu-li xe kéo hay dân lao động mà thôi, thỉnh thoảng mới có một viên thầy thông hay thầy ki lọt vào. Thì hạng này hồi đó được mệnh danh là hạng dân thầy. Phe đảng cặp rằn khi gặp được một người trong hạng dân thầy lọt vô thì khoái lắm, vì với hạng này, mới có thể cạy gỡ được chút đỉnh, chớ với hạng cu li xe khó có kiếm.....

tiền ấy lập tức, rồi đưa cho ông này cầm vô luôn cho tôi, để tôi nhờ nó mà chuộc mạng sống, không nên để trễ.

Nay thơ
Nguyễn Văn Ỗi
Ký tên

Tái bút: Luôn dịp mình gửi cho tôi hai gói Lạc đà, năm gói Mèlia vàng và vài cái bánh bao nhân mặn..!”

Quý vị thử nghĩ mà xem, khi người nhà tiếp được bức thơ do chính tay chồng (hay con) viết gửi về nói chuyện thiết yếu và nguy cấp như thế. Có thể nào làm lơ hay trì hoãn được không? Tất nhiên là không rồi! Vậy nếu không sẵn có số tiền, thì phải đem cầm đồ cầm đặc, hoặc bán nhà bán cửa cho có số tiền để đưa cho gấp, kéo mà chồng con bị hại thì ai đâu có nở lòng nào.

Rồi thì số tiền 50 đồng kia⁽¹⁾ khi lọt về tay người đi thơ là người ấy thu luôn, chớ có bao giờ về được tới tay người chủ bức thơ. Còn phe đảng cặp rần thì chỉ cầm có mấy gói thuốc và ít cái bánh bao nhân mặn đó là thỏa mãn lắm rồi. Vì đó là cách gây uy tín với mấy ông thầy chú, để khi hữu sự thì mấy ông che đỡ giùm cho. Chớ đồ vật chất trong đó, chúng bóc lột đồ thăm của bạn tù (những người khá giả) là thừa sức sống rồi, nào có thiếu thốn chi đâu.

Cũng nên biết mỗi người đi thăm khi trở về phòng phải xách gói đồ đi ngay lại chỗ chiếu cặp rần mà để: sau khi *bọn sáu nhỏ* (tức là bọn xách gói) em út cặp rần tự ý lấy xong rồi mới được mang về chỗ.

Cổ nhiên, những món chúng lấy toàn là đồ ngon đồ quý, chúng chỉ chừa lại những món hết sức tầm thường như bánh mì, đường tán, chuối sống, thuốc rê, mắm ruốc, muối mè, muối sả v.v...

(1) Tiền bạc hồi ấy còn đắt giá lắm. Với số bạc 50 đồng hồi ấy trị giá vào khoảng 10 đồng bây giờ, nên người nào đi thơ mà được 50 đồng là quý hóa lắm rồi, vì lương công nhựt của mấy ông thầy chú công nhựt hồi ấy chỉ có 18 hay 19 đồng gì đó mà thôi.

Những người bị lấy hết của quý, khi xách gói đồ về, nét mặt phải cố giữ thế nào cho được vui vẻ thắm tươi, chớ nếu đại đột mà lộ vẻ buồn phiền tức tưởi thì thế nào cũng bị bọn sáu nhỏ ghệt đầu trở lại đánh cho một trận nên thân.

Đó là cách đối xử giữa tù dưới thời Pháp. Tại Khám lớn Saigon còn có bao nhiêu chuyện tồi tệ khác nữa, mà chúng tôi chỉ mới kể có một phần nào.

Chế độ đại diện dân cử tại Trung tâm cải huấn Chí Hòa

Chí Hòa lúc còn gọi là Trung ương khám đường thì sự sống của tù nhân ở đây cũng không khác ở Khám lớn Saigon trước kia mấy tí. Vẫn còn chế độ cặp rằn và tù bóc lột như thường.

Từ ngày đổi lại là *Trung tâm cải huấn Saigon* thì sự sống của các giới phạm nhân ở đây dần dần được cởi mở. Và cũng tùy theo trào mà đời sống của phạm nhon được nới rộng hay bị bóp chẹt.

Dĩ nhiên cái gì nó cũng phải từ từ mà cải tiến dần dần, chớ không thể chỉ trong một sớm một chiều mà gột rửa cả một thể hệ thành kiến đã có từ buổi xa xưa cho được.

Cho đến hiện nay thì chế độ cặp rằn không còn tồn tại được nữa, vì đã có chế độ đại diện dân cử thay vào.

Có được như thế, không phải tự nhiên mà có. Ít ra về phía phạm nhân phải tỏ ra “giác ngộ” bỏ dần thói hư tật xấu, thì ban quản đốc mới có thể thi hành những cái gì có tánh cách dân chủ cho họ.

Chẳng hạn như trước kia, trình độ anh em còn kém quá! Tất nhiên ban quản đốc phải lựa người mà chỉ định cho làm đại diện để trông coi thu xếp sự ăn ở cho anh em trong mỗi phòng.

Bây giờ thì lệ đó không còn có nữa. Ban quản đốc không dự vào việc lựa chọn trưởng phòng. Ban quản đốc và các vị trưởng khu để tự ý anh em được trọn quyền trong việc bầu cử người đại diện để thay mặt mình khi có chuyện gì phải tiếp xúc với nhà cầm quyền.

Vậy anh em trong mỗi phòng có sáng suốt trong việc chọn người đại diện, trong phòng được dân xếp êm ấm lành mạnh thì anh em nhờ. Trái lại, nếu anh em phòng nào mù quáng trong việc bầu cử, hoặc không đủ sáng suốt can đảm để ngăn chặn làn sóng độc tài còn ám ảnh đâu đây, mà để cho những tên “ác ôn” lên làm đại diện, nó trở lại đề đầu cội cổ và bóc lột anh em thì anh em hãy rán mà chịu cho quen. Vì Ban quản đốc không có trách nhiệm gì trong việc bầu cử chọn người đại diện của anh em, anh em không thể đổ thừa cho Ban quản đốc được.

Trừ khi nào anh em có đủ gan đứng lên mạnh dạn tố cáo tội ác tên đại diện phòng hay bất cứ một phe đảng nào đã giở trò bóc lột hà hiếp anh em, nếu có đủ bằng cứ hẳn hoi, thì Ban quản đốc sẽ lấy công tâm mà trừng trị thẳng tay kẻ cố tâm làm quấy rồi đuổi nó đi nơi khác, để cho anh em trong phòng được sống yên với người đại diện mới mà anh em lựa chọn lần sau đó có lẽ sẽ thận trọng hơn.

Việc lục xét tại Khám lớn Sài Gòn

Mỗi người “tù” hồi ấy (suốt thời Pháp) chỉ có bộ đồ xanh cụt mang trong mình, một chiếu nằm, và một chiếc thẻ bài bằng miếng ván thông đeo tồn teng trước ngực.

Trong mỗi khám chỉ có một mẽ cát (crachoir) để khắc đàm và một cái lon sữa bò có cáng để mức nước uống thôi. Ngoài ra, không một ai được đem thêm quần áo mùng mền gì nữa.

Đã thế mà mỗi ngày còn bị xét khám hai lần!

Và mỗi lần xuống sân cơm ăn xong rồi trở về khám thì trước khi ra cửa, mỗi người đều phải trần truồng, quần áo cầm sẵn trên tay, đi sắp hàng hai, đưa quần áo cho thấy chủ nắn bóp thật kĩ coi có gì không, sau khi nắn bóp xong thì quần áo ấy họ cứ ném đại vào trong bát kê lăm lem dơ sạch. Tiếp theo đó, người tù phải dang tay hả họng và chống khu dạng háng ra ⁽¹⁾ cho mấy ông xem coi có

(1) Cái kiểu chống khu, hả họng, dang tay dạng háng này; hồi đó ở Khám lớn quen kêu là mùa “phụng hoàng”!

đút nhét gì không, đoạn lãnh thêm một đập chúi nhủi vào chỗ bộ đồ xanh đã liệng dưới nền xi măng gần đó. Rồi phải nhặt cho lẹ mà chạy vào trong, đứng vào hàng ngũ để đếm một lần nữa. Sau khi đóng cửa lại rồi, mới được lấy chiếu đi nằm.

Tại Chí Hòa hiện nay...

Khi chưa thành án, anh em muốn mặc đồ gì thì mặc. Trừ những người nào án nhẹ từ năm năm trở lại, được xuống khu Hòa thực hay đi làm lao dịch linh tinh, thì phải mặc đồ xanh để tránh sự trà trộn với người *xi vịnh* có thể tìm phương vượt ngục.

Trong mỗi phòng, anh em được đem vô đủ thứ đồ dùng bằng nhôm như lò nấu, son, chảo, ca cao su, hũ nhựa, giỏ xách bằng mây và ny-lông.

Một thời gian trước đây, anh em được đem đồng hồ, được xài tiền, được đem cả những chai rượu chát hay la-ve vào phòng, còn mừng mền quần áo thì cứ tha hồ, ai muốn mang vào thứ gì cũng được.

Nhưng sau này, anh em lại lợi dụng lòng tốt của Ban quản đốc như sau đây:

– Ve chai và những lon hộp bằng thiếc, anh em dùng đó làm vũ khí để đánh giết nhau.

Đồng hồ, tiền bạc và quần áo tốt, anh em lại dùng vào việc cò bạc để sát phạt nhau đủ mọi hình thức.

Những tấm *drap* hay bông bột thì anh em lại dùng vào việc thông dây vượt ngục.

Tim đèn cây thì lại dùng vào việc đốt làm khẩu hiệu trong cuộc đấu tranh để đòi hỏi việc gì.

Vì các việc xảy ra làm hại đến sự an ninh của Trung tâm, buộc lòng Ban quản đốc phải thu hồi các quyền lợi đó lại. La-ve nước ngọt phải uống tại phòng thăm hoặc trút qua túi ny-lông, chứ không được đem nguyên chai vào, các lon hộp bằng thiếc cũng phải khai ra để

bỏ lon hộp lại; đồng hồ, tiền bạc và quần áo tốt không được mang vào; những tấm drap, hay vải bố gì có thể nối làm dây thòng để vượt ngục đều trả về ngoài hết tại phòng thăm; đèn cây đập nát ra, để lấy tim lại v.v...

Khi Ban quản đốc thi hành như vậy, thì có một số người cho đó là khát khe. Nhưng đa số khác thì cãi lại rằng: *Tại tù làm khó cho tù, chứ không phải tại Ban quản đốc!*

Như thế, thử hỏi tại mình *xe dây buộc mình* hay là tại nhà cầm quyền không muốn nói rộng?

Anh em đã làm những chuyện tác tệ như thế, nhưng việc lục khám xét phòng, Ban quản đốc cũng không hề giở lại tuồng cũ của hồi Pháp, nghĩa là không bắt anh em phải cởi truồng, múa phụng hoàng, hay mỗi ngày khám xét hai lần, những món gì xét ra không có hại, anh em cũng được mang vào huyên thiên, có khi để chạt cả phòng.

Trừ khi nào, có tin mật báo cho hay phòng Y hay phòng X có chất chứa đồ độc như dao mác, đồ nhọn, á phiện hay giấy tờ gì bí mật có tánh cách hoạt động chánh trị, thì khi đó sở An ninh phải *làm việc* theo nhiệm vụ của họ là lẽ dĩ nhiên.

Việc ăn uống tại Khám lớn dưới thời Pháp thuộc

Khác hẳn ngoài Côn Nôn, suốt đời phải ăn gạo sâu, khô mực, năm khi mười họa sở lưới trúng cá bẫy, gác dan công chức ăn không hết, thì anh em ngoài đó mới được ăn cá tươi một lần. Trái lại, tại Khám lớn thì ngày nào cũng được ăn đồ tươi đồ tốt, đồ mắc tiền, không bao giờ có cá ươn hay là khô mực.

Tại Khám lớn Saigon, bất cứ buổi sớm nào cũng được ăn đồ tươi, như cá bông, cá lóc, cá trê, cá rô, lươn, cá biển v.v... Còn các buổi chiều thì thịt heo, hay thịt bò hoặc khô cá vuồn, cá vồ, cá cơm, cá út hoặc cá thứ khô dầu từ trên biển Hồ chở xuống.

Các thứ lê-ghim (rau cải) thì cũng được các món đồ tươi như bí rợ, củ cải, củ sắn, cải nõi, cà tô-mách v.v..

Tóm lại đồ ăn của nhà thầu hồi ấy đem vô toàn là đồ tươi đồ tốt như thế. Nhưng chớ chi tù biết làm cho sạch, nấu cho ngon mà ăn thì tốt đẹp biết bao, và làm gì có những tiếng phỉ nhổ mỉa mai như *ăn ở dơ như tù*... Rất tiếc, đồ thì ngon, mà thợ nấu lại là thợ dơ, gặp tụi “*mặt cắt*”⁽¹⁾ hồi ấy, chúng làm ăn hết sức bậy hầy dơ dáy, đồ của chúng nấu còn tệ hơn là đồ của mình ở nhà vất cho chó hay là cho heo ăn nữa kia.

Quý vị thử nghĩ mà xem cá trê thì chúng chặt kỳ chặt ngon, cá lóc thì chúng đánh vảy sơ sài, còn lươn thì chúng bỏ trong giỏ cần xé, tưới nước sôi vô cho chết, rồi chặt khúc bỏ vô chảo nấu với nước muối, không cần có gia vị tiêu, hành, mắm mỡ hay nước màu gì cả, thì làm sao mà ngon cho được.

Vì vậy khi cầm đĩa mà gặp một khúc cá hay một khúc lươn đem ra khỏi thùng để chấm vào ca nước mắm thì ới thôi, nhột nhao nó nhều xuống lòng thông có dây có nhợ, trông thật là gớm.

Không thể mà thôi, tù hồi ấy có lắm đĩa thật là háu ăn, khi cho xuống sân com, mỗi mâm mười trụ, thì những đĩa con nhà tử tế (!) ấy nó lật đặt chạy trước, khi tới nơi chộp ngay thùng đồ ăn, thò tay vào lựa cục thịt nào ngon, hay khúc cá nào bự nhất ra để ngay dưới háng mình, dùng bàn chân đạp lên trên kèm giữ lại đó, để lại tiếp tục làm thêm một mớ nữa! Như thế, những tay gà mờ hay những người tù “con so” chậm chạp tới sau, có vớ được miếng nào thì ăn, không có thì đành húp nước muối vậy!

(1) Mặt cắt do danh từ “Macaque” của Pháp mà nói trại ra. Macaque là một giống khỉ ở Phi châu, khi vớ được đồ chưa kịp nhai nuốt thì nó độn ở hai bên dưới gò má phồng lên. Anh em nhà bếp Khâm lớn hồi ấy, khi đội các thùng thịt lên sân com, một tay kèm cho chống thùng thịt đừng ngã, còn một tay thò lên bốc thịt nạc bỏ vào miệng, chưa kịp nhai nuốt, kể gặp Tây thấy ngậm chàm ngoàm, biết là ăn vụng thịt, nó tát cho một tát là văng cục thịt ra. Tây gọi đó là “mác-các” từ Khâm lớn bắt chước nhái theo lâu ngày thành “Mặt cắt”. Hồi đó hề nói *mặt cắt* là người ta biết đó là tụi nhà bếp Khâm lớn.

Tại Chí Hòa ngày nay...

Vì thời cuộc chiến tranh kéo dài, vật chất đắt đỏ, mà thiếu đầu với một giá rẻ mạt, mỗi khẩu phần có... đồng, thì lẽ tất nhiên họ không thể cung cấp toàn là đồ ngon của quý được. Cho nên những hôm nào nhằm bữa thịt tươi cá tươi thì đồ ấy ăn ngon; mấy bữa gặp *khô* và *mắm* thì hơi khó nuốt một chút.

Nhưng chớ chỉ sự nấu nướng được kỹ càng một chút thì đỡ cách mấy cũng trở thành ngon. Nói đến chuyện này tôi còn nhớ chuyện ngoài đảo cách ba mươi năm về trước, lúc tôi mới ra còn ở tạm tại lao mấy ngày, đồ ăn tại đây thật là tồi tệ hết sức, cố mà nuốt nhưng không sao nuốt được. Tôi chừng qua ở tại *khám Kêu oan* ⁽¹⁾ bên *lao hai*, ăn đồ của nhà bếp anh em chánh trị thì thấy khác xa như trời với vực.

Cũng thời một thứ gạo sâu khô mục, cũng bao nhiêu nước mắm, mỡ muối mà nhà lao đã phát đúng theo cân lượng như nhau, nhưng nhà bếp của anh em chánh trị thì nấu ăn ngon lành ⁽²⁾, không miếng khô hay miếng canh nào bỏ đi; trái lại, nhà bếp của anh em thường án *lao một*, thì không biết họ làm ăn bữa bãi như thế nào mà sau bữa ăn cơm canh còn huyền thuyên, nhưng bụng vẫn còn trống.

Tại Chí Hòa, Ban quản đốc đã bao nhiêu lần khuyến cáo, nhưng sự cố gắng của *khu Hòa thực* chỉ tiến đến một mức độ nào đó mà thôi, vì lẽ nấu cho bốn, năm ngàn người ăn, không sao làm kỹ lưỡng như ở nhà được. Thôi thì đành phải sao chịu vậy. Tù nấu cho tù ăn, nấu thế nào là ăn thế ấy. Chớ không phải Ban quản đốc nấu hay chủ đầu nấu, mà đồ thừa cho ai được.

(1) Lao hai (Bagne II) ở nơi nhốt tù chánh trị, chỉ lọt vào đó có 2 khám 6, 7 dành riêng cho dân thường án kêu oan được quen ở đó lối 6, 7 tháng để chờ giấy tờ của tòa pháp án (Cour de Cassation) bên Pháp lại.

(2) Nhà bếp lao hai gồm có hai phái: quốc gia và cộng sản. Cộng sản hồi ấy ít hơn quốc gia, nhưng cứ 3 tháng là đổi phiên 1 lần, nghĩa là cứ quốc gia nấu 3 tháng rồi tới cộng sản. Họ thì đua nhau trong việc nấu ăn, nên mặc dù là đồ xấu, nhưng nhờ làm ăn kỹ lưỡng, nên đồ họ nấu rất dễ ăn.

Trước tình thế đó, Ban quản đốc không còn có cách nào để giải quyết hơn là cho anh em được sắm những cái lò bằng nhôm và đốt bằng đèn cây để nấu lại chất ăn với đủ đồ gia vị do người nhà đem vào, để các món ăn được ngon lành sạch sẽ theo như ý muốn của mình.

Trước kia, đồ của nhà thầu chở vào, thì Ban quản đốc tự thân nhận lấy. Nhiều phần thiếu hay đủ, xấu hay tốt, thì người tù không được biết gì hết.

Bây giờ thì khác hẳn, Ban quản đốc không muốn gánh lấy những tai tiếng không đẹp, nên về phần “phẩm”, đồ ngon xấu tốt thì đã có nhân viên của ty y tế trông coi, về phần “lượng” ít nhiều thiếu đủ thì lại về phần đại diện can nhân các khu được kiểm soát trong khi nhà thầu cầm đồ giao cho nhà bếp.

Các cuộc giải trí...

Tại Khám lớn Saigon trong thời xa xưa, anh em trong tù có buồn bực thì cứ trao đổi bằng cách đem ông bà cha mẹ ra mà chửi lẫn nhau, hoặc đánh đập nhau làm cuộc giải trí lành mạnh.

Chí Hòa trong những năm đầu cũng không khác chi Khám lớn dưới thời Pháp thuộc, nghĩa là người tù hồi ấy mỗi ngày trừ hai bữa ăn và đến đêm là phải im mồm nằm xếp ve trong các dãy khám lạnh lùng, người tù không được có cách giải khuây gì khác.

Tại Chí Hòa ngày nay Ban Quản đốc của Trung tâm đã giúp phương tiện cho các giới phạm nhân một số giải trí lành mạnh như:

Một tiểu ban văn nghệ để diễn tuồng dã sử hoặc kịch bản hài hước để giúp vui cho toàn thể Trung tâm. Nhưng vì nơi diễn tuồng chật hẹp, không thể chứa được hết cho cả số đông, và cũng vì có an ninh, mà các cuộc biểu diễn văn nghệ chỉ dành riêng cho các anh em công vụ, các trưởng phòng, trật tự, lao dịch, hỏa thực và những người nào có hạnh kiểm tốt mà thôi.

Chiếu bóng hàng tuần, thứ ba thứ sáu thay phiên lần lượt quanh vòng các khu để cho bất cứ người nào cũng có thể xem được. Trừ những người có lệnh biệt giam hoặc “làm bậy” bị nhốt ở phòng điện ảnh.

Bóng chuyền được tổ chức để tranh giải cho tất cả các khu và biểu diễn tại sân mỗi khu để anh em khu nào cũng có thể dự khán.

Bóng rổ không phải là môn sở trường của người mình nên chỉ có các con nhân Huê kiều thích chơi. Nhưng một số khá đông anh em cũng được dự khán, nếu thỉnh thoảng có mời được đội bóng rổ nào từ bên ngoài đồng ý chịu vào.

Về việc học hành để chống nạn mù chữ

Tại Khám lớn dưới thời Pháp, người tù không có quyền đem vào khám một mảnh giấy, một bút chì hay một quyển sách nào. Cho dầu là một miếng giấy con con bằng cái bao thuốc lá cũng không được dùng đến, thì còn nói gì đến chuyện học hành?

Hiện nay tại Chí Hòa đã có *ban Học vụ* để lo việc chống nạn mù chữ cho anh em những người chưa biết đọc biết viết, bằng cách mở các lớp tiểu học cho bất cứ anh em nào muốn học.

Nhưng con người khi bị vào tù tinh thần phục thiện có khác, họ ham chơi hơn là ham học, khi bắt họ phải ngồi vào lớp học để nghe các giáo viên giảng bài, thì họ coi đó như đem họ đi hành tội, trí họ lơ ra, trông cho mau tới giờ đặng có về nghỉ và nô đùa...

Nên ban học vụ và các giáo viên dù có cố gắng với đám học sinh trong tù này cho đến thế nào đi nữa thì chỉ đem lại kết quả cho một số ít với những người nào có chí phục thiện, biết đem thì giờ trong lúc bị giam cầm vào việc học để được lợi ích cho bản thân mà thôi.

Trái lại, với những người ngồi trong lớp học mà tâm hồn họ lại không tưởng ảo vọng đầu đầu, thì trong đời của họ không thâu góp

được gì hơn là các bản nhạc khiêu dâm và những vụ tranh chấp ác liệt trong các bộ tiểu thuyết hoang dâm, thần chướng.

Ban quản đốc đã khổ công tổ chức ra Ban học vụ là cốt để khai đường mở lối cho số người hầy còn mù chữ hoặc còn kém văn phạm, thì đáng lý ra trong thời gian mình bị giam cầm, anh em đừng để mất thì giờ mới phải. Nhưng anh em lại coi sự học như là một thứ “tai nạn” thì Ban quản đốc còn biết làm thế nào? Không lẽ đem chẻ óc những người này ra mà nhét chữ vào hay sao?

Lịch sử phòng điện ảnh...

Ngược dòng thời gian, dưới thời Pháp thuộc, thì đó là một cái khám có hai dãy còng dành riêng cho những người bị án “tử hình” phạm tội yêu nước.

Sở dĩ có cái danh từ điện ảnh cho mãi tới bây giờ là vì trong thời kì ông Thiếu tá Tất đã đổi khám tử hình của Pháp ra làm nơi chiếu bóng cho phạm nhon xem, trong đó có trang trí khá đẹp với nhiều hình ảnh của các minh tinh màn bạc quốc tế.

Mỗi lần chiếu tuồng gì đều có nêu bảng “bích chương” để làm quảng cáo trước.

Qua thời kì ông giám đốc Trần Ngọc Gia thì phòng điện ảnh này lại được tiến thêm một giai đoạn nữa là trở thành sân khấu cho cái gánh cải lương khá đồ sộ của khu thường án, quân phạm và công chức.

Trong thời kì này (1954-55) tù Chí Hòa thật là sung sướng, được vui hưởng rất nhiều quyền lợi, như:

Mỗi phòng đều được lập bàn thờ tổ quốc khi Tết đến và ba ngày Tết anh em các khu được đi chơi luôn tuồng từ khu này qua khu khác tha hồ mà ăn nhậu no say, cờ bạc.

Khu nào cũng có một đội bóng tròn và một đoàn Lân riêng. Không

kể ba gánh cải lương lớn ⁽¹⁾, mỗi phòng đều có ban kịch riêng, được tha hồ biểu diễn hài kịch tại phòng biệt hoặc hai lần trong mỗi tuần.

Phòng nào cũng có từ hai đến ba lớp học từ tiểu học đến trung học. Những phòng nào có ba lớp học tức là phòng đó có lớp ngoại ngữ.

Bóng chuyền, bóng rổ, vũ cầu và tơ-nít được tổ chức tự do theo ý thích.

Sách vở báo chí được xem tự do.

Việc thăm nuôi hết sức dễ dãi, anh em được đem hàng tá rượu chát, và cả năm, ba két la-ve hay nước ngọt vào phòng. Cố nhiên là rượu đế và rượu mạnh tuy không công khai cho phép, nhưng Ban quản đốc hồi ấy cũng ngó lơ cho anh em tha hồ dùng trong ba ngày Tết.

Các đoàn Lân được đem qua tận khu phụ nữ mà biểu diễn và tha hồ trao đổi những mẩu chuyện tâm tình.

Còn nữa, còn nhiều quyền lợi linh tinh kể ra không xiết.

Được sự nói rộng của ông Trần Ngọc Gia, anh em gọi ông Gia là *ông Phật sống*. Nhưng rất tiếc, anh em lại không để cho ông Phật sống này được ở yên.

Sung sướng quá rồi lại sanh sửa nọ kia!

Anh em quân phạm tranh đấu.

Nhưng lúc anh Thái Tâm Canh còn làm Chủ tịch liên đoàn quân phạm, thì cuộc tranh đấu của anh rất có kết quả: hơn 900 người được thả, vì sự đòi hỏi của anh có chừng có mực, nhà cầm quyền có thể nhân nhượng được.

Sau khi anh Thái Tâm Canh được trả tự do, anh chàng Ngô Thế Kỷ kế vị anh Canh, thì có một số đông quân phạm bị giam cầm quá lâu mà không được xét xử gì hết. Ngô Thế Kỷ bèn đứng ra lãnh đạo

(1) Gánh lớn như là gánh "*Thanh Bình*" của khu thường án BC do tôi sáng lập, gánh thứ hai của khu quân phạm E.F., gánh thứ ba của nhóm tư Ba Đào ở lầu 3 G.

một cuộc tranh đấu để đòi hỏi. Nhưng chớ chi anh đòi hỏi vừa chừng như Thái Tâm Canh đã làm thì tốt đẹp biết bao.

Rất tiếc là anh chàng họ Ngô này lại đưa ra một yêu sách hết sức quái gở là bắt buộc chánh phủ phải thả hết tù. Ôi! Một kẻ yếu bắt buộc một người mạnh phải đầu hàng vô điều kiện là một việc hết sức phi lí, không ai có thể chấp nhận.

Nên cuộc tranh đấu kéo dài cả tháng, làm khổ anh em Chí Hòa quá nhiều mà kết cuộc đã không được thả người nào, mà chính những người chủ trương vụ tranh đấu ấy lại phải đầu hàng chánh phủ mới là ngất!

Không thể mà thôi, bao nhiêu quyền lợi đã có đều bị tước đoạt hết. Báo hại ông Phật sống đã cởi mở đời sống cho anh em, phải bị tước chức (khỏi bị tù là may), nhưng phải bị đòi lên đòi xuống vì sao ông ấy quá dễ dãi với tù, nên tù mới có phương tiện tổ chức một cuộc bạo hành đại qui mô phá nát hết phân nửa tòa nhà bát giác Chí Hòa như thế.

Vậy thì lỗi ấy tại ai?

Do đó, qua thời kì ông thiếu tá Vệ (kế vị ông Gia), cái sân khấu cải lương kia đã mất hết những ngày vui vẻ tung bùng vì các bạn hát đã bị giải tán hết rồi, còn ma nào mà biểu diễn nữa.

Hết thời kì ông Vệ, lại đến ông Thiếu tá Nh... và ông Trung úy D... nào đó lại lấy cái phòng Điện ảnh làm một nơi tra tấn kinh hồn. Hai ông này đã dùng tên Bé Bòn (nó cũng là tù nhưng tù lưu manh) tên này lợi dụng vào sự tin cậy của hai ông ấy mà đánh đập bạn tù quá ư tàn nhẫn, còn ghê gớm hơn bót mật thám Catinat dưới thời Pháp nữa. Ngoài sự đánh đập tàn nhẫn ra, tên Bé Bòn lại còn làm tiền anh em đủ mọi khía cạnh.

Vậy ông ấy vô tình không biết, hay biết mà ngó lơ, để cho tên Bé Bòn múa gậy vườn hoang cho đến một ngày nào đó, vì có một số anh em tức quá, họ liều chết đánh lại tên Bé Bòn một trận nên thân, khi

đó bao nhiêu tội ác của tên Bé Bòn mới được phơi bày ra trước dư luận công chúng, thì anh em nạn nhân Chí Hòa đã phải sống qua một thời gian ba, bốn năm kinh khủng lắm rồi!

Cho đến ngày nay, tên Bé Bòn đã biệt tích vắng tăm, mà những gì đã xảy ra tại phòng Điện ảnh vẫn còn dư âm ám ảnh ở trong đầu óc mọi người nên mỗi khi nghe đến hai tiếng “Điện ảnh” là đã rợn người.

Phòng điện ảnh ngày nay đã đổi lại là phòng chuyên môn, chuyên việc sưu tra lí lịch và một bộ phận nhỏ trong đó chuyên việc theo dõi để tìm hiểu hành động hạnh kiểm từng người, hầu có tiện việc xây dựng cho những phần tử lạc hậu. Tiện việc đề nghị ân xá giảm cho những người có hạnh kiểm tốt biết tôn trọng kỉ luật.

Không có sự hành hung đối với những người có chí phục thiện.

... ⁽¹⁾ đặc biệt lưu ý vào những người hoạt động cách mạng bí mật và nhất là những phần tử bóc lột tù, đã ăn cướp của anh em, lại còn hà hiếp anh em một cách trắng trợn, tàn nhẫn thì những tên này đem bằm thây nó ra từng mảnh cũng chưa hết tội, đừng nói chi là chỉ bị đánh đòn.

Người ta đã có dịp chứng kiến những trận đòn kinh khủng trừng phạt những tên ngoan cố, ác ôn chuyên sống bằng nghề tù bót này, nhưng rốt cuộc *chứng nào vẫn hoàn tật ấy*, khi trả về phòng còn làm mưa làm gió như thường, nghĩa là những nạn nhân có mặt khi xách giỏ đồ thăm về tới phòng, nếu không đem nạp cho chúng thì đến tối lại chúng cũng lấy ăn hết, các chủ nhân bị mất của biết mà vẫn không dám nói.

Đối với hạng này, dùng lời nói xây dựng không được, đánh chúng cũng không chữa bỏ tật xấu, vậy Ban Quản đốc phải làm thế nào đây? Thôi thì đành chịu vậy! Chúng đã hư đời nhất kiếp chỉ biết cố ăn cố uống, không biết gì là nhục nhã thì thôi, không lẽ đem giết chúng sao?

(1) Bản thảo mất 3 chữ (NBS).

Kết luận

Từ Tổng Nha cải huấn toàn quốc ở trên, cho đến Ban Quản đốc Chí Hòa ở dưới hiện nay, luôn luôn cố gắng trong sự nới rộng đời sống phạm nhơn. Nhưng một phần trong đám đông lại cố tình gây sự thử hỏi nhà đương cuộc phải làm sao đây?

Tổng Nha Cải huấn muốn phá những bức tường cũng muốn giải tán những hàng rào canh gác, chỉ cần có một hàng kẽm gai và ít viên cán bộ như các trại giáo hóa bên Thụy Sĩ hay như một vài tiểu bang bên Mỹ quốc, để tất cả mọi người vi phạm được sống rộng rãi tương đối như ở ngoài đời nhưng trình độ của các phạm nhơn ở trên đất của miền Nam nước Việt vẫn còn lạc hậu, bừa bãi như thế, thử hỏi Ban Quản đốc nào thực hiện cho đúng ý nghĩa của danh từ cải huấn cho được.

Trên đời này, nếu có người nào đem chiếc áo gấm trùm vào trong khi thân mình họ dính đầy ghẻ chốc lây lưa, thì khi đó khám Chí Hòa này không cần có bốn bức tường và qui ông giám thị cũng giải nghệ luôn.

Xin tạm chấm dứt nơi đây

Chí Hòa 27-2-19...⁽¹⁾

(1) Đoán là năm 1968



Sơn Vương Trương Văn Thoại

Hàn tạng anh Hai chỉ Hai về các cháu - Gõ công.

- Năm 26-8-80, vào lúc 3 giờ khuya tại Trung Ngột về báo
tranh ở Suông Long Tân Cháu "Long" có 5 tên cướp trúa việc nhốt tìn.
- Một cô gái gần con Rừng về phải sống kiếp khổ, nên tên bắt bị một
cửa, lột đi, dùng 100 về phải ở trong con Rừng trong quốc.
- Con dục hèn 80 đến 24 phần 5 ti, hệ hèn 6 ti, phần 6 ti. Nó
đủ từ thành một vật vô giá, vì nó là món chi trả tất phần mà lại
đủ phải trả hàng anh, mạng của tìn.
- Sở dĩ khi gửi tiêu phần vào. Thì là cây gậy em Rừng và
tên dài hơn 3 lần em dục về tìn làm chứng để những
(tên hạ thủ vì cũng mà) trong lúc bắt nộp tìn chúng ta ở tay không
bớt.
- Tôi sẽ không bao giờ dùng con dao này vào việc lột tìn,
vì nó là món quà kỷ niệm tặng không của một anh tìn.

Thánh phố 4. C. Minh, ngày 22-09-1980

Trương Văn Thới từ Sơn - Trung
1974/80, Trưng Nguyễn Văn - Minh
Thánh phố 4. C. Minh



MỤC LỤC

(Tập I)

Lời thưa trước	7
Sơn Vương - Nhà văn, người tù thế kỉ... ..	11
I. Con người	11
1- Cuộc đời	11
2- Tiểu sử	17
3- Thư mục	27
II. Tác phẩm	29
A- TÓM LƯỢC CÁC TÁC PHẨM LỚN NHỎ	29
- Lỗi về ai	31
- Lỗi về tôi	32
- Phán bạn vì tình	33
- Lỡ một lầm hai	34
- Ai kén chồng	36
- Chén cơm lạt của người thất nghiệp	37
- Ép dầu ép mỡ	39
- Lỗi hẹn quên thề	40
- Ăn năn đã muộn	41
- Ai bạc tình	43
- Anh bạc tình	45
- Bạc trắng lòng đen	47
- Máu hoà nước mắt I (Hơn 30 năm dưới thời Pháp thuộc)	49
B- CÁC CHÚA NGỤC VÀ CÁC SỞ TÙ CÔN ĐẢO	60
C- DANH SÁCH 53 ĐỜI CHÚA NGỤC CÔN ĐẢO	64
D- NỘI DUNG CHỦ ĐỀ TÁC PHẨM	71

- Bài hát « <i>Tám mươi năm</i> »	85
- Bài đọc thêm	88
PHÂN VĂN TRÍCH	103
- Lỗi về ai	105
- Lỗi về tôi	127
- Lỡ một lần hai	147
- Ai kén chồng	169
- Chén cơm lạt của người thất nghiệp	191
- Phản bạn vì tình	217
- Ăn năn đã muộn	237
- Anh bạc tình	259
- Ai bạc tình	277
- Bạc trắng lòng đen	299
- Ép dầu ép mỡ	323
- Lỗi hẹn quên thề	347
- Bán buồn mua vui	373
<i>Thay lời tựa cuốn Bán buồn mua vui</i>	375
1- Dân tộc nào đáng được mang danh anh hùng	384
2- Đường lên trời bao xa	389
3- Một cuộc đấu trí so tài giữa một quan huyện với... ..	390
4- Đàn bà đề... đàn ông đau	393
5- Tây Môn Báo và vụ Hà Bà cưới vợ	396
6- Chuyện Lưu Bình Dương Lễ	407
7- Một cuộc chơi chữ khá hào hứng	413
8- Tôi cũng là một đứa trẻ hết sức kì khôi	419
9- Kinh Kha có phải là một dũng sĩ	445
10- Nếu con chó trong nhà ấy biết nghe	461
11- Bá Di, Thúc Tề là hạng người gì?	491
12- Mười phần chết bảy còn ba, Chết hai còn một, mới ra thái bình	495
13- Một cách chia gia tài	497
14- Yếu Ly có phải là một dũng sĩ	502
15- Người phạm lấy vợ tiên	506

16- Chuyện Ngô Khởi sát thê cầu tướng	510
17- Chặt đầu Tây	519
18- Sự tích con rệp	522
19- Lạn Tương Như không tự khoe mình... ..	526
20- Đến năm 2000 có tận thế không?	536
21- Khoa học sẽ đưa loài người đến đâu?	537
22- Trả thù theo kiểu Ngô Tử Tư có đúng không?	541
23- Ở Sài Gòn ... có đường nào là đường Chung Vô Diệm ...	547
24- Trái lòng dân, Vệ Ương bị phanh thây	560
25- Có hay không thể... ..	569

MÁU HOÀ NƯỚC MẮT I

(Hơn 30 năm dưới thời Pháp thuộc)

I. An Ninh quần đảo từ 12-12-1945 đến 18-4-46

1) Vài lời thừa trước	611
2) Tại sao tôi đi ăn cướp, giết người?	613
3) Cái tên làm hại cái đời	615
4) Tôi nắm chánh quyền Côn Đảo trong trường hợp nào?	616
5) Một cuộc đối lý giữa tôi và nữ cán bộ Việt Minh	623
6) Người ta để lại cho tôi những gì?	631
7) Tôi trả thù bằng cách nào?	633
8) Sáu người có tên trong sổ bìa đen là ai?	653
9) Kẻ cho đi người gần lại để... ..	644
10) Ai cấm tù về? Ai cho tù về?	672
11) Cùng đi gặt lúa để dùng chung phải chăng là một điều sỉ nhục?	676
12) Ai ép duyên ai?	679
13) Tại sao tôi phải kéo cờ hàng?	702
14) Ai ám sát già Quít?	709
15) Tại sao 28 Sô bị tế mổ chiến sĩ trước mộ ông N.A.N.?	717
16) Tại sao có 3 hồi trống lúc xử Đoàn Công Thành?	719
17) Tại sao tôi giết Nguyễn Thành Út?	727

II. Tù Côn Nôn dưới chế độ Pháp thực dân

17) Tiên đường hay địa ngục	736
18) Bữa ăn của tù Côn Nôn dưới thời Pháp	737
19) Sở đục đá làm đường	741
20) Sở kéo cây	742
21) Sở củi chuồng bò	744
22) Hầm cấm cố xay lúa	747
23) Sở cạy đá san hô	751
24) Sở Rò-set bắt tù trốn	754
25) Quần áo phát cho tù	758
26) Thư từ và bưu kiện (thời Pháp và hiện nay)	759
27) Tại Chí Hòa thì khác hẳn	760

III. Khám lớn Sài Gòn thuở trước... và T.T.C.H.

Chí Hòa ngày nay	762
28) Chế độ Cặp rằn Khám lớn	762
29) Chế độ dân cử (bầu đại diện) tại Chí Hòa	765
30) Cách lục xét lại Khám lớn Sài Gòn thuở trước	766
31) Cách lục xét lại Chí Hòa ngày nay	767
32) Việc ăn uống tại Khám lớn	768
33) Việc ăn uống tại Chí Hòa	770
34) Các cuộc giải trí (trước và nay)	771
35) Về việc học hành (trước và nay)	772
36) Lịch sử phòng điện ảnh	773
Kết luận	777

SÁCH THAM KHẢO

- Phan Bội Châu : *Ngục trung thư* - Đào Trinh Nhất dịch, Tân Việt, Sài Gòn, 1950
- Bằng Giang : *Sài Côn cổ sự*, Văn học, Hà Nội, 1999.
- Thiên Giang : *Lao tù*, Chân trời mới, Sài Gòn, 1949.
- Phan Văn Hùm : *Ngồi tù khám lớn*, Dân tộc, Sài Gòn, 1957
- Lê Văn Hiến : *Ngục Kontum*, Sơn Trà, Đà Nẵng, 1939
- Nguyễn Hùng : *Sư thức Hoà Hảo*, Hậu Giang, Cần Thơ 1987.
- Vũ Hạnh : *Một chặng đường bút mực*, Bản thảo.
- Huỳnh Thúc Kháng : *Thi tù từng thoại*, Tiếng Dân, Huế, 1939.
- Trần Huy Liệu : *Ngục trung kí sự*, Cường học thư xã, Gia Định, 1928
- Phương Lan : *Nguyễn An Ninh*, Sài Gòn, 1970
- Hồ Chí Minh : *Nhật kí trong tù*, Văn học, Hà Nội, 1983.
- Nhiều tác giả : *Từ điển văn học* - Bộ mới, Thế Giới, Hà Nội, 2004.
- Nhiều tác giả : *Nguyễn An Ninh*, Trẻ, TP.HCM, 1996.
- Nguyễn Q. Thắng : *Từ điển tác gia văn hoá Việt Nam*, Văn hoá - TT, 1997
- Nguyễn Q. Thắng : *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Văn hoá - TT, 1997
- Nguyễn Bá Thế : *Tiến trình văn nghệ miền Nam*, An Giang, 1988, Văn học 1998.
- Nguyễn Q. Thắng : *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới*, Văn học, TP.HCM 2007
- Sơn Vương : *Một số đoản thiên tiểu thuyết*, Đức Lưu Phương, 1930, 1931
- Máu hoà nước mắt I, II* (Bản thảo)
- Bán buôn mua vui* (Bản thảo)
- Các nhật báo : *Đại dân tộc, Đuốc nhà Nam, Dân chủ mới* năm 1970

SƠN VƯƠNG - NHÀ VĂN, NGƯỜI TÙ THẾ KỶ

– Nguyễn Q. Thắng –

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN CỬ

Biên tập : **TRIỆU XUÂN**

Sửa bản in: **NGUYỄN THẮNG**

Trình bày : **NGUYỄN THẮNG**

Bìa : **MAI QUẾ VŨ**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Hà Nội

ĐT (84.8) 8294685; 8469858 * Fax (84.8) 8294781

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8) 8483481; 8469858 *, Fax: (84.8) 8483491

E-mail: xuantrieu@yahoo.com

*** Liên kết xuất bản:**

Công ti TNHH THU LÂM

61/420A Phan Huy Ích Gò Vấp TP.HCM

ĐT: 9968045

*** Địa chỉ phát hành:**

Tổng Công ty phát hành sách Fahasa TP.HCM

In 800 bộ (2 cuốn), khổ 16x24cm tại Xí nghiệp in Fahasa đường Trường Chinh. Q. Tân Bình, TP.HCM. Số đăng kí KHXB: 90-2007/CXB/18-14/VH. Quyết định số 102/QĐ-VH, do NXB Văn học cấp ngày 09-03-2007.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 năm 2007.

SƠN VƯƠNG

NHÀ VĂN,
NGƯỜI TÙ THẾ KỈ

"Ở Pháp, Henri Charrière, bị tù oan trong mười một năm (1933 – 1944) kể chuyện tù và những lần vượt ngục trong quyển *Papillon* (1970) ăn khách một thời ở Pháp cũng như ở Sài Gòn trước đây có lẽ vì chuyện kể hấp dẫn. Về mặt này, cuốn hồi kí **Máu hòa nước mắt** 1933 – 1968 của Sơn Vương cũng có thừa. Hơn nữa, nó còn ghi lại một số hình ảnh rõ nét vài vụ việc cụ thể có giá trị lịch sử..."

Bằng Giang

Sài Gòn cổ sự – NXB Văn học, 1996.



61/ 420A Phan Huy Ích
P.12 - Q. Gò Vấp

Phát hành tại hệ thống các nhà sách FAHASA

Giá: 133.000 đ